

THỦ-LĂNG-NGHIÊM KINH

首 楞 嚴 經

無上甚深微妙法
百千萬劫難遭遇
我今見聞得受持
願解如來真實義

Vô-thượng thậm-thâm vi-diệu pháp,
Bá thiên vạn kiếp nan tao-ngộ,
Ngã kim kiến văn đắc thọ-trì,
Nguyễn giải Như-Lai chơn-thật nghĩa.

Chánh-pháp Như-Lai nhiệm mầu sâu xa không gì hơn được. Dù trải qua
trăm ngàn muôn kiếp tìm cầu cũng không dễ gấp. Nay con đã nhận được kinh
diển đại-thừa THỦ-LĂNG-NGHIÊM này để tu-tập hành-trì. Nguyễn khai mở
trí-tuệ để thấu hiểu nghĩa-lý sâu xa chân-thật trong từng lời thuyết giảng của
Đức Như-Lai.



3 – Thủ Lăng Nghiêm Kinh

HÒA-THƯỢNG THIỀN-SƯ
THÍCH TÙ-QUANG

ŚŪRAMGAMA-SŪTRA
THỦ LĂNG NGHIÊM
KINH
DỊCH ÂM, DIỄN NGHĨA, YẾU GIẢI

CHƠN-ĐỨC THIỀN-VIỆN
1948

NAM-MÔ BỒN-SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT

NAM-MÔ ĐẠI-BI QUÁN-THẾ-ÂM BỒ-TÁT

NAM-MÔ KIM-CANG-TẠNG VƯƠNG BỒ-TÁT

NAM-MÔ KHẢI-GIÁO A-NAN-ĐÀ TÔN-GIÁ

**TRUNG-THIÊN-TRƯỚC QUỐC
SA-MÔN BÁT-LẠT-MẬT-ĐẾ (PARAMITI)
DỊCH VĂN**

**Ô-TRÀNH QUỐC (UDYANA)
SA-MÔN DI-GIÀ THÍCH-CA (MEGHASIKHARA)
DỊCH NGỮ**

**TRUNG QUỐC
BỒ-TÁT-GIỚI, ĐÔNG-TRUNG THƠ-MÔN-HA
BÌNH-CHƯƠNG-SỰ PHÒNG-DUNG
BÚT THỢ**

KÍNH DÂNG GIÁC-LINH

**TRƯỞNG-LÃO HÒA-THƯỢNG
THIỀN-SƯ THÍCH HOÀNG-NGHĨA**

**TRƯỞNG-LÃO HÒA-THƯỢNG
THIỀN-SƯ THÍCH TÙ-PHONG**

**TRƯỞNG-LÃO HÒA-THƯỢNG
THIỀN-SƯ THÍCH CHẨN-GIÁM**

**TRƯỞNG-LÃO HÒA-THƯỢNG
THIỀN-SƯ THÍCH TÙ-NHÂN**

NHÚT-TÂM TRI-ÂN

TƯ A

NAM-MÔ BỐN-SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT

Đức Phật từ-bi vô-lượng, không phân-biệt thân-sơ, gai-cấp, chủng-tộc, suốt đời truyền-bá một giáo-lý đại-đồng và lúc nào cũng muốn giáo-lý đó được hiển-minh phổ-biến khắp võ-trụ sơn-hà, từ thành-thị chí thôn quê, bất-luận xuất-gia hay tại-gia, quan hay dân, giàu hay nghèo, ai ai cũng hấp-thọ được, chỉ có mỗi người tùy căn-cơ riêng mà lãnh-hội.

Vì nhân-quả bất-đồng, căn-cơ khác nhau, mỗi người mỗi cảnh, bá nhân bá tánh, thành-thử chúng-sanh không thể tu-hành bằng một cách-thức như nhau.

Thế-nên xưa Đức Phật tùy cơ-duyên giảng dạy vô-lượng pháp-môn, cốt-yếu là hóa-độ chúng-sanh tuân-tự nhi-tiến đến quả-vị trọn lành. Thật ra, tôn-ý của Phật chỉ thuyết Phật-thừa duy-nhứt, vì đại-nguyễn của Phật muốn tất cả chúng-sanh đều thành Phật. Sở-dĩ chúng-sanh không thành Phật được là tại chúng-sanh tạo-tác vọng-nghiệp tất phải thọ báo, vay rồi trả, trả đủ lại vay, sống lẩn quẩn trong vòng nghiệp-páo mê-khổ.

Ở thế-gian, từ phụ-tử, mẫu-tử, phu-thê, huynh-de, bằng-hữu, chủ-tớ, nam-nữ lão-ấu, dĩ-chí sanh lão-bệnh tử, ái-biệt-ly, oán-tăng-hội, cầu-bất-đắc, ngũ-uẩn-thạnh, tám-vạn-tư-trần-lao đều do nghiệp sanh ra. Nghiệp không phải tự-có, nhưng có là tại Tâm. Hễ Tâm sanh thì Pháp sanh, Tâm diệt thì Pháp diệt. Tất cả Pháp đều do Tâm sanh, Tâm không sanh thì Pháp không có chỗ-trụ.

Làm Phật làm ma, làm Thánh làm phàm, thiện-ác phước-tội, khôn-dại trí-ngu... nhứt-thiết duy Tâm-tạo.

Đành rằng sống ở thế-gian, ai cũng có định-mạng, đó là nghiệp tiền-kiếp làm nhân cảm-thọ quả-báo. Nhưng nếu hiểu thấu luật nhân-quả cảm-ứng thiên-nhiên chí-công, thì nhận-thức định-mạng không phải bất-di bất-dịch. Định-mạng do Tâm mà có, dĩ-nhiên cải-thiện là quyền ở Tâm, chớ không phải ở định-mạng. Vì thế, làm Phật-tử chẳng bao giờ chịu thúc-thủ trước định-mạng và luôn luôn cải-thiện định-mạng, hoặc xấu thành tốt, hoặc tốt càng tốt hơn, đó là tu-hành.

Đức Phật có sẫn Tâm từ-bi cứu-độ chúng-sanh, nhưng đối với hạng người không tu-hành thì Tâm Phật dầu từ-bi cách nào cũng vô phương cứu-độ.

Đức Phật có sẫn thuyền Bát-Nhã (1) huyền-diệu đủ năng-lực đưa người vượt biển khổ, lên bờ giác, nhưng đối với hạng người không chịu xa lìa bến mê thì thuyền Bát-Nhã dầu huyền-diệu cách nào cũng vô hiệu-quả.

Đức Phật là Thầy Mô-Phạm, chuyên dạy Chơn-Lý giải-thoát, nhưng hạng người chỉ biết sống theo trần-tục, không có nhân-duyên Phật-pháp thì có thể khinh thường Chơn-Lý đó, ví như Đức Phật cho cơm, nhưng hạng người không chịu ăn tất không làm sao no dạ.

Vì vậy ai có túc-duyên phát nguyện tu Phật thì phải tự-lực học đạo, tự-lực hành đạo, mới được toại nguyện. Phàm tu tất phải công-phu, vì có công-phu mới hiểu thấu Phật-pháp nhiệm-mầu, tu tất phải thật-hành vì có thật-hành mới biết rõ Phật-pháp chí-linh.

Phật-pháp dạy người bằng thể-thức đưa ra Chơn-Lý cho người *nghiên-cứu châu-đáo* để tự xét, tự tỉnh, tự tu, tự chứng, tuyệt-nhiên Phật-pháp không bắt buộc ai, không cám dỗ ai, cũng không thừa-nhận các sự nghe nhảm tin càn, xu-hướng viễn vông, mê-tín dị-đoan, hoang-đường huyễn-hoặc và tất cả loại tà-giáo ngoại-iđao.

Người tu Phật có bốn-phận nghe hiểu sáng suốt, suy xét sáng suốt và hành đạo sáng suốt thì mới vào được cảnh-trí chánh-định. Đó là văn-tuệ, tư-tuệ, tu-tuệ, ba yếu-tố tối-cần cho những ai muốn tỏ ngộ Tâm Chơn-Như.

Thế nào là Tâm Chơn-Như?

_ Tâm Chơn-Như là một thể bản-nhiên thuần-nhứt chơn-thiệt, thanh-tịnh trang-nghiêm, trạm-tịch châu-viên (2), như-như bất-động, thiêng sáng thông suốt, thường-trụ đời đời, tuy tùy duyên mà có sanh-tử nhưng vẫn luôn luôn bất-biến, Tâm đó là Tâm Phật.

Đức Phật hiểu rõ chúng-sanh có Tâm Chơn-Như tất có thể tu-hành thành Phật, nên xuất-hiện ư (3) thế nhằm mục-đích làm cho chúng-sanh được khai thị ngộ nhập tri-kiến Phật.

Tuy-nhiên vì chúng-sanh phàm-phu sống theo ngũ-trược ác-thế, vô-minh ám che Tâm Chơn-Như, sanh ra vô-số bệnh-chương mà phải trầm-luân ở biển khổ luân hồi.

Nếu muốn trị bệnh-chương, tất-nhiên phải ứng-dụng một pháp-môn linh-nghiêm.

_ Tôi xin giới-thiệu kinh Thủ-Lăng-Nghiêm.

Nếu ai có nhân-duyên với Thủ-Lăng-Nghiêm, thì nhận thấy Thủ-Lăng-Nghiêm là diệu-dược trị lành các bệnh-chương trầm-kha.

Thủ-Lăng-Nghiêm là bộ kinh Thượng-thừa, tùng tiệm nhập đốn, hoàn-toàn khế-hiệp với chơn-lý nhân-quả, thích-hợp với căn-cơ chúng-sanh.

Thủ-Lăng-Nghiêm có hiệu-lực tẩy sạch vô-minh, phá tan nghiệp-thức, khêu đèn trí-tuệ, mở lối Niết-Bàn, chỉ rõ Tự-Tâm, khai bày Tự-Tánh, đạt chánh-quả Tự-Tại vĩnh-cửu.

Thủ-Lăng-Nghiêm như kim chỉ nam hướng-dẫn người tiến-hóa đủ ba phương-diện chơn thiện mĩ, từ niềm tới tịnh, từ mê tới giác, từ phàm-cảnh thống-khổ tới Thánh-cảnh an vui.

Luận về Hiển-giáo, các chơn-thiệt-ngữ trong kinh Thủ-Lăng-Nghiêm, biết chứng lập phương, tùy bệnh dùng thuốc, phá tướng mê-chấp, viên-dung sự-lý, gồm đủ công-đức kiến đạo, hành đạo và chứng đạo.

Biết sử-dụng Thủ-Lăng-Nghiêm thì lửa lục-thức phải tắt, gió lục-trần phải ngưng, ngũ-Ấm phải tan, tứ-đại phải mất, ái-dục phải dứt, vô-minh phải tiêu, bội-trần hiệp-giác, phản-bổn hoàn-nguyên, minh-tâm kiến-tánh thành Phật.

Luận về Mật-giáo, chú Thủ-Lăng-Nghiêm tinh-tế cực-điểm, cảm-ứng phi-thường, đó là chú-tâm gồm đủ oai-đức lực, lý-pháp lực, công-dụng chí-linh, phàm-trí vô phương phê-phán.

Chú-tâm Thủ-Lăng-Nghiêm chẳng những cứu ngài A-Nan thoát nạn, lại còn khiến được nàng Ma-Đăng-Già cải-tà qui-chánh.

Thể theo Mật-Tông, ai đã phát Bồ-Đề Tâm, hằng ngày chí-thành chuyên-trì chú-tâm Thủ-Lăng-Nghiêm, thì khi rủi gặp cùu-hận tương-báo hoặc tai-nạn bất ngờ, có thể chuyển nặng ra nhẹ và được cứu thoát; các loại yêu-tinh quỉ-quái, dòng dõi Ma-vương, dầu có thủ-đoạn hiểm-độc cũng khó nhiễu-hại được; các thứ oan-gia trái-chủ, nghịch-cảnh ác-duyên cho tới tất cả chướng-ngại trên đường tu-hành đều lẩn lượt dứt tuyệt, lại còn được thân vô trọng-bệnh, ý bất tham luyến, tâm-hồn thanh thoát, trí-tuệ thông-minh

Vì cớ ấy, người tu Phật cần *nghiên-cứu tinh-tường* kinh Thủ-Lăng-Nghiêm.

Phàm nghiên-cứu phải rõ nguồn rõ gốc, vì có nguồn mới đạt dòng, có gốc mới biết ngọn. Nghiên-cứu có trúng thì thật-hành mới trúng, nhược-bằng (4) nghiên-cứu sai lạc tất-nhiên việc làm phải lầm lẫn, hoặc lấy hư làm thiệt, nhận vọng làm chơn, hoặc mê-chấp rất sâu, ngã-mạn quá nặng, khó thấy Bổn-Lai Diện-Mục, ví như bệnh có thuốc mà không biết dùng đúng căn thì thuốc dầu hay cũng thành dở.

Nguyên-lý của Đức-Phật dạy thâm-thâm diệu-diệu, lòng phàm rất khó suy-lượng, nên kinh Thủ-Lăng-Nghiêm dầu có công-phu tích-cực diễn-giải cách nào cũng không làm sao dám gọi là rốt ráo được, vả chăng sự nghiên-cứu Phật-lý tùy túc-duyên và căn-trí của mỗi người, học hiểu đến bậc nào, lãnh-hội đến bậc nấy.

Những ai thuần-túy tu-hành theo kinh Thủ-Lăng-Nghiêm thì dầu lãnh-hội có cao có thấp thảy đều được bổ-ích và về một nguồn Chơn-Lý, ví như cùng nhau uống nước cam-lộ, người uống một tô, kẻ uống một chén, thậm-chí ai uống được một giọt, tuy uống nước có nhiều có ít, nhưng tất cả đều đồng thưởng-thức cam-lộ vị.

_ Đức Phật thuyết kinh nào cũng có duyên-khởi, như thuyết kinh Thủ-Lăng-Nghiêm: Duyên-khởi là ngài A-Nan trong khi đi khất-thực bị nàng Ma-Đăng-Già dùng tà-thuật bắt và khiến ngài toan phá giới. Đức Phật biết ngài A-Nan lâm-nạn, nên tuyên-thuyết chú Thủ-Lăng-Nghiêm, dạy Bồ-Tát Văn-Thù-Sư-Lợi đến trừ tà-thuật, giải-thoát cho ngài A-Nan. Khi diện-kiến Đức Phật, ngài A-Nan khóc ròng, vô-cùng tủi-hổ vì tự cảm thấy đa-văn nhưng bất-lực trước tà-thuật; ngài A-Nan ngưỡng

nhờ Đức Phật dạy bảo cho diệu-pháp tu-chứng quả-vị Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác.

Đây chỉ là bốn-nguyệt của ngài A-Nan, vì vốn là một vị Bồ-Tát từng tu với Đức Thích-Ca từ đời Đức Không-Vương Như-Lai và đã trải qua vô-lượng kiếp, ngài A-Nan có bốn-nguyệt bảo-toàn Phật-pháp, khi có vị Phật nào ra đời thì ngài thị-hiện hộ-trì. Điều ấy chứng tỏ ngài A-Nan bị tà-thuật, túi-hổ, hỏi đạo, được Đức Phật giảng dạy rốt ráo đều là dĩ phuơng-tiện vi môn (5).

Nhờ Đức Thích-Ca và ngài A-Nan khai bày phuơng-tiện, nói đi nói lại, hỏi tới hỏi lui, nghĩa-lý cao-siêu vượt trên sự thấy-biết phàm-phu, nên chúng-sanh mới hiểu rõ con đường tu-hành giải-thoát.

Vì cớ ấy, khi lanh-hội kinh Thủ-Lăng-Nghiêm, nên tri-ân Đức Thích-Ca và đối với ngài A-Nan, cũng phải tri-ân, tuyệt-nhiên đừng thấy chõ lâm-nạn dễ dàng mà vội tạo tội bình-phẩm sai lạc.

Nguyên kinh Thủ-Lăng-Nghiêm do Đức Thích-Ca thuyết bằng lời nói chở không có văn-tự. Đến thời-kỳ kiết-tập Pháp-tạng lần thứ ba, cách 200 năm sau khi Phật nhập-diệt, do ngài Mục-Kiền-Liên-Tử Đế-Tu làm chủ-tịch và thời-kỳ kiết-tập Pháp-tạng lần thứ tư, cách 500 năm sau khi Phật nhập-diệt, do ngài Hiếp-Tôn-Giả và ngài Thế-Hữu làm chủ-tịch, nhờ hai lần kiết-tập này, kinh-giáo của Phật được biên chép thành hai thứ văn: Phạm và Pāli.

Thời bấy giờ, kinh Thủ-Lăng-Nghiêm là quốc-bửu của xứ Ấn-Độ, nên vua cấm đem ra ngoại-quốc.

Tổ Trí-Khai ở núi Thiên-Thai, đời Tùy, hằng ngày thành-tâm cầu-nguyệt chư Phật độ cho Trung-Quốc có được kinh Thủ-Lăng-Nghiêm càng sớm càng tốt.

Việc phải đến đã đến, khi gặp được nhân-duyên thời-tiết, vào đời Đường, Vua Trung-Tôn đệ-nhứt có Sa-Môn Bát-Lạt-Mật-Đế (Paramiti), người xứ Trung-Thiên-Trước, trốn phép Vua, xuất-ngoại theo đường biển, với bộ kinh Thủ-Lăng-Nghiêm viết bằng văn Phạm. Sa-Môn Bát-Lạt-Mật-Đế đến thành-phố Quảng-Châu (Trung-Quốc). Có Sa-Môn Di-Già Thích-Ca (Meghasikhara) người xứ Ô-Trành và ông Phòng-Dung, người xứ Trung-Hoa, là một vị tướng-quốc giữ chức-vụ Đồng-Trung Thơ-Môn-Hạ Bình-Chương-Sự, cũng là một vị Ưu-bà-tắc có thọ Bồ-Tát giới. Hai vị này thành-tâm cung-thỉnh Sa-Môn Bát-Lạt-Mật-Đế về trụ tại Chế-Chỉ Thiền-Viện, nơi đây Sa-Môn Bát-Lạt-Mật-Đế dịch văn, Sa-Môn Di-Già Thích-Ca dịch ngữ, hai vị Sa-Môn này đồng-tâm hiệp-lực dịch kinh Thủ-Lăng-Nghiêm từ Phạm-tự ra Hán-tự và ông Phòng-Dung làm thơ-ký biên chép thành giáo-diển.

Nguyên Thầy Bổn-Sư Thế-Độ của tôi là Hòa-Thượng Thiền-Sư Thích Hoằng-Nghĩa (Giác-Viên Tự) có dạy tôi học được kinh Pháp-Hoa, Phạm-Võng và Thủ-Lăng-Nghiêm tức là 3 bộ kinh sở-đắc của Thầy. Rất tiếc Thầy sớm thị-tịch nên tôi không được học thêm chi nữa. Tuy-nhiên trước khi tịch, nhờ Thầy gởi gắm tôi cho

Hòa-Thượng Thích Từ-Phong (Giác-Hải Tự) về việc giáo-huấn, nên tôi được nghe Thầy Thích Từ-Phong giảng dạy kinh Thủ-Lăng-Nghiêm, lần thứ hai.

Năm Nhâm-Thân (1932), Thầy Thích Từ-Phong tuy già yếu nhưng vì tiền-đồ Phật-giáo, cố gắng làm Hội-Trưởng Hội Nam-Kỳ Nghiên-Cứu Phật-Học, Thầy tiến-dẫn tôi học với Hòa-Thượng Thích Chơn-Giám (Bích-Liên Tự) nguyên Chủ-biên Phật-học tạp-chí Từ-Bi-Âm.

Vì hết lòng ngưỡng-mộ, tôi có nhờ Thầy Thích Chơn-Giám giảng dạy kinh Thủ-Lăng-Nghiêm, lần thứ ba.

Năm Ất-Dậu (1945), trong lúc có biến-cố ở Việt-Nam, tôi trụ tại Giác-Viên Tự, lại được phước-duyên hội-ngộ Hòa-Thượng Thích Từ-Nhã (Linh-Nguyên Tự). Biết Thầy là bậc Cao-Tăng, nên tôi bày tỏ chỗ sở-mộ Thủ-Lăng-Nghiêm thì Thầy từ-mãn dạy cho lãnh-hội thêm vài yếu-chỉ trong kinh và bảo trùng-tuyên (6). Sau khi nghe tôi trùng-tuyên, Thầy dạy tôi tinh-tấn niệm chú-tâm linh-cảm phi-phàm nhiều hơn thường-lệ, càng nhiều càng tốt, dầu bận việc cách nào cũng đừng gián-đoạn và kiên-chí gắng công phiên-dịch Việt-ngữ để phổ-biến một phương lương-dược, đó là công-đức vô-lâu.

Nay tuy Chư Tôn-Sư đã ly trần, nhưng lời dạy dỗ tồn-tại.

Nhờ có nhân-duyên thọ-giáo như vậy, nên tôi hoàn-toàn tin tưởng và phát nguyện trì-niệm chú-tâm mỗi ngày tối-thiểu ba biến, cầu tiêu-vong vọng-nghiệp phiền-não sở-tri từ vô-lượng tiền-kiếp nhãm nay mà phàm-lực khó diệt, đồng-thời cúc-cung tận-tụy diễn-giải Kinh Thủ-Lăng-Nghiêm.

An-đức cao cả của Chư Tôn-Sư, tôi xin nhứt-tâm ghi tạc.

Tôi chỉ là một Phật-tử thấp kém, tự xét mình phàm-phu, nghiệp dày phước mỏng, học-thức tầm-thường, nhưng vì nhiệt-thành với giáo-lý từ-bi, tôi thiết nghĩ: Nếu một bộ kinh cứu-thế của Đức Phật chơn-truyền như Thủ-Lăng-Nghiêm mà cứ để y nguyên-văn Hán thì chỉ lợi-lạc cho số người học Phật có căn-bổn Nho-giáo, nên tôi không ngại kiến-văn thô-thiển, ngôn-ngữ vụng về, nương theo Giáo-chỉ (7), dịch-âm, diễn-nghĩa và yếu-giải kinh Thủ-Lăng-Nghiêm nhằm mục-đích giúp ích, trong muôn một, những ai đồng quan-diểm tu Phật.

Kính xin chư Tôn độc-giả lưu-ý:

Kinh Thủ-Lăng-Nghiêm diễn-giải toàn bộ 10 quyển.

Tôi không chấp-trước văn-tự, nên trong phần diễn-nghĩa có chỗ dịch từng chữ, cũng có chỗ diễn lý chở không dịch từng chữ, vì cách-thức hành-văn của Tàu không giống với cách-thức hành-văn của Việt, giữa hai ngôn-ngữ khác nhau, khó được nghĩa xác-thật khi diễn-giải.

Các câu văn diễn-nghĩa có khi đổi trước ra sau, có khi đổi sau ra trước, có khi phải viết dài thêm, cũng có khi thâu ngắn lại, nhưng vẫn giữ nguyên tánh-lý của kinh.

Khi gặp lời nói nào khó hiểu hoặc đoạn văn nào bí-ẩn thì yếu-giải sự-lý.

Lúc nào tôi cũng giữ kinh-chỉ (8) mà diễn-nghĩa hoặc chú-thích, nếu chẳng may có sự lỗi lầm, đó là ngoài ý muốn, xin chư Tôn độc-giả giao-đại hoan-hỉ lương-thứ và hộ-niệm cho.

Tôi trân-trọng cung-khiêm tiếp nhận những điều chỉ-giáo xây dựng chơn-chánh của chư Tôn Chơn-Đạo-Đức và Thiện-Tri-Thức.

Thiết-tha mong cầu chư Tôn Phật-tử nghiên-cứu rốt ráo kinh Thủ-Lăng-Nghiêm, rồi nương theo Phật-chỉ (9) mà nhứt-tâm y giáo phụng-hành thì nhiên-hậu (10) thành-tựu Diệu-quả Thưởng Lạc Ngã Tịnh.

Xin nguyện đem công-đức này hồi-hướng cho tất cả pháp-giới hữu-tình đồng viễn-mãn phước-tuệ.

NAM-MÔ CÔNG-ĐỨC-LÂM BỒ-TÁT MA-HA-TÁT.

Hạ Mậu-Tý (1948)
Cẩn-khai
CHƠN-ĐỨC THIỀN-VIỆN
Phật-Tử **THÍCH TÙ-QUANG**

CHÚ-THÍCH: (2018)

(1) **Bát-Nhã:** Prajñā (Sanskrit) hay Paññā (Pāli), dịch là Trí-Tuệ (智慧), là đệ-nhứt trí-tuệ trong nhứt-thiết trí-tuệ, vô-thương, vô-tỷ, vô-dâng, vô-thắng; ý nói người tu-hành theo con đường chánh-đạo để biểu-hiện được một trí-tuệ chân-thực, thấy rõ được đạo-lý cao-thâm của nhứt-thiết sự vật.

(2) **Trạm-tịch châu-viên:** cái tịch-tĩnh, thanh-tịnh, viễn-mãn, châu-biển. (Sự yên lặng, trong sáng, tròn đầy, trùm khắp.) *Trạm-tịch* (湛寂): thật yên lặng. *Châu-viên* (周圓): châu-biển, trùm khắp, tròn đầy.

(3) **U (於):** ở, tại, ở tại, vào. Xuất-hiện ư thế: xuất-hiện ở/ tại/ vào thế-gian.

Kinh Pháp-Hoa, Quyển 1, phẩm Phương-Tiên:

Đức Thích-Ca nói: “Chư Phật Thế-Tôn duy dĩ nhứt đại-sự nhân-duyên cố, xuất-hiện ư thế”.

= “Chư Phật Thế-Tôn chỉ vì một đại-sự nhân-duyên mà ứng-hiện ra đời”. Đại-sự nhân-duyên đó là chi? Đại-sự nhân-duyên đó là KHAI THỊ NGỘ NHẬP PHẬT-TRI-KIẾN.

(4) **Nhược-bằng:** nếu, nếu như, nếu như mà, còn nếu như. *Nhược* (若): nếu như.

(5) **Dĩ phương-tiện vi mōn:** lấy phương-tiện làm chính. *Dĩ* (以): dùng, lấy, để làm, để mà. *Vi* (為): làm.

(6) **Trùng-tuyên:** trình bày rõ ràng, lập đi lập lại, nhiều lần giống nhau, cho người khác biết. *Trùng* (重): lặp đi lặp lại nhiều lần giống nhau. *Tuyên* (宣): nói lớn lên, nói rõ ra, bày tỏ cho người khác biết.

(7)(8)(9) **Chỉ (旨):** ý-chỉ, tôn-chỉ, chỉ-dụ, sắc-dụ. Ý, ý-tứ, ý muốn, ý định, mệnh-lệnh của vua ban (Thánh-chỉ). Tương-tự Thánh-chỉ (聖旨), **Giáo-chỉ (教旨)** **Kinh-chỉ (經旨)** **Phật-chỉ (佛旨)** là: ý-chỉ/ tôn-chỉ/ ý-tứ cao quý... của giáo-pháp/ của kinh-diển/ của Đức Phật, không được phép làm sai khác đi, hoặc làm ngược lại.

_ **Y-chỉ (依止):** Y (依) là nương dựa. Chỉ (止) là ở yên. Y-chỉ là chỗ để cho người ta nương dựa và ở yên, tức là bậc có phước-đức và trí-tuệ, đủ sức dùi dắt người khác, như Phật là bậc Y-chỉ của chúng-sanh.

(10) **Nhiên-hậu (然後):** vậy sau, rồi mới, rồi sau mới.

_ **Cẩn-khai:** kính-cẩn trình bày rõ ràng. *Cẩn* (謹): cẩn-thận, kính-trọng. *Khai* (啟): trình bày rõ ràng.

KINH

ĐẠI PHẬT-ĐÁNH

NHƯ-LAI MẬT-NHÂN

TU-CHỨNG LIỄU-NGHĨA

CHƯ BỒ-TÁT VẠN-HẠNH

THỦ-LĂNG-NGHIÊM (ŚŪRAMGAMA)

YẾU-GIẢI ĐỀ-MỤC

Đề-mục của kinh, nói tóm tắt là THỦ-LĂNG-NGHIÊM, nói đầy đủ là ĐẠI PHẬT-ĐÁNH, NHƯ-LAI MẬT-NHÂN, TU-CHỨNG LIỄU-NGHĨA, CHU BỒ-TÁT VẠN-HẠNH, THỦ-LĂNG-NGHIÊM, được yếu-giải như sau:

ĐẠI PHẬT-ĐÁNH 大佛頂

Đại Phật-Đánh là đánh-tướng cao cả của Phật.

Thủ-Lăng-Nghiêm siêu-việt tuyệt-đối được tán-dương như đánh-tướng cao cả của Phật, đó là tiêu-biểu Tâm Chơn-Như viên-định, thiêng sáng thông suốt, vắng lặng thường-hằng, hoàn-bị tịnh-pháp xứng-tánh công-đức, huyền-diệu vô-lượng vô-biên không thể nghĩ bàn được.

NHƯ-LAI MẬT-NHÂN 如來密因

Như-Lai là 1 trong 10 đức-hiệu của bậc Viên-Giác.

Như là bản-giác, Lai là thí-giác. Nương theo Tâm Chơn-Như viên-định, tự-giác, giác-tha, giác-hạnh viên-mẫn, đạt diệu-quả Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác, đó là Như-Lai.

Chư Như-Lai vận-dụng Tâm Chơn-Như bất-sanh bất-diệt làm nhân tu-hành để được quả giải-thoát, ví như dùng gạo thì chắc chắn nấu thành cơm, gọi là Mật-nhân.

TU-CHỨNG LIỄU-NGHĨA 修證了義

Do Tâm Chơn-Như viên-định, hành đạo rốt ráo và cũng do Tâm Chơn-Như viên-định thành-tựu tam thân, tứ trí, ngũ nhã, lục thông, chứng đạo Vô-Thượng, gọi là tu-chứng.

Tu duy Tâm Chơn-Như, chứng cung duy Tâm Chơn-Như, không có chi nghi, cũng không có chi chấp, không mắc nội-ma, cũng không vướng ngoại-ma, tự-tại vô-nại, gọi là liễu-nghĩa.

Tu-chứng liễu-nghĩa là con đường giải-thoát đưa đến Bổn Tánh-Tịnh Niết-Bàn.

CHU BỒ-TÁT VẠN-HẠNH 諸菩薩萬行

Công-đức chuyên tu các pháp tứ-nhiếp, lục-độ, vô-lượng mỹ-hạnh, trải qua các bậc Thập-Tín, Thập-Trụ, Thập-Hạnh, Thập-Hồi-Hướng, Thập-Địa, lên tới Đẳng-giác Bồ-Tát, đó là công-đức của các bậc có nhân-địa hành đạo do danh-tự giác, tương-tự giác, phần-chứng giác, thuần một tánh-thể chơn-giác, khéo dùng Tâm Chơn-Như viên-định, trên cần-cầu Phật-quả, dưới hóa-độ pháp-giới hữu-tình, gọi là Chư Bồ-Tát Vạn-Hạnh.

THỦ-LĂNG-NGHIÊM

首楞嚴

Thủ-Lăng-Nghiêm là tôn-chỉ của kinh vì cả bộ kinh đều chú-trọng về đại-định Thủ-Lăng-Nghiêm.

Nguyên tiếng Phạm gọi là ŚŪRAMGAMA, Hán-tự dịch: “Nhứt-thiết sự cứu-cánh kiên-cố” có ý-nghĩa là bốn-thể tự-nhiên viên-định vững chắc rốt ráo của Tâm Chơn-Như thường-trụ, thống-nhiếp tất cả vạn-sự vạn-vật, dầu chúng-sanh luân-hồi mê-khổ trong tam giới (Dục-giới, Sắc-giới, Vô-sắc-giới), nhưng bốn-thể tự-nhiên viên-định tùy duyên bất-biến, không lay chuyển bởi sự-vật nào, cũng chẳng tiêu mất vì mê-khổ.

Phật với chúng-sanh đồng có một tâm-thể viên-định như nhau. Phật hành-động thuận theo tâm-thể viên-định nên an-lạc vô-lượng, còn chúng-sanh hành-động nghịch với tâm-thể viên-định nên thống-khổ vô-biên.

Chỉ vì quên mất Tâm Chơn-Như, không chịu tu-hành giải-thoát, nên chúng-sanh bị vô-minh phiền-não nhiễu-hại, lẩn quẩn trong vòng luân-hồi sanh-tử.

Một khi thấu-triệt được Tâm Chơn-Như, trở về Tâm Chơn-Như, thì có chi đâu danh-lợi mà tham luyến, có chi đâu là Sắc với Không mà tranh-chấp, vô-minh dứt sạch, phiền-não tiêu tan, từ-bi hỉ-xả phát-huy, Thường Lạc Ngã Tịnh thể-hiện, chứng biết Phật tức Tâm, Tâm tức Phật.



CHÚ-THÍCH: (2018)

_ **Vũ-trụ** (宇宙): “Tứ phương thượng hạ viết Vũ, vãng cỗ lai kim viết Trụ, dĩ dụ Thiên Địa” = Bốn phương trên dưới gọi là Vũ, từ xưa tới nay gọi là Trụ; nói để ví Trời Đất. Như vậy “Vũ-trụ” bao-hàm không-gian vô-tận và thời-gian vô-hạn.

_ **Kiên-cố** (堅固): Như rễ cây vững chắc không thể nhổ được, thì gọi là Kiên. Đi theo với vật khác mà không thay đổi trạng-thái vốn có, thì gọi là Cố. Chỉ tâm-niệm không thay đổi, không lay chuyển, thì gọi là Kiên-cố.

_ **Từ-bi**: - **Từ** (慈) (Maitrya) Trí-Độ Luận viết: “Đại-tử dĩ nhứt-thiết chúng-sanh chi lạc” = “Đại-tử là chia sẻ mọi điều lạc (vui sướng) của chúng-sanh”. Thông thường ta gọi là “Dữ Lạc 與樂”.

- **Bi** (悲) (Karunà) Trí-Độ Luận viết: “Đại-bi bạt nhứt-thiết chúng-sanh chi khổ” = “Đại-bi là nhổ hết mọi phiền-não của chúng-sanh”. Vậy Bi có nghĩa là Đức Phật đồng cảm và thương xót cho mọi cái khổ của chúng-sanh, ý nói Đức Phật xem cái khổ của chúng-sanh là cái khổ của chính mình.

_ **Thấu-triệt** (透徹): thông suốt hết, biết rất rõ.

21 – Thủ Lăng Nghiêm Kinh

HÒA-THƯỢNG THIỀN-SƯ
THÍCH TÙ-QUANG

**THỦ LĂNG NGHIÊM
KINH
DỊCH ÂM, DIỄN NGHĨA, YẾU GIẢI
QUYỂN NHÚT**

**CHƠN-ĐỨC THIỀN-VIỆN
1948**

PHÀM-LỆ (凡例)

(Trích của GS. Huỳnh Minh-Đức) (2018)

Thực-hiện một tác-phẩm, nội-dung tất-nhiên là quan-trọng. Tuy-nhiên phần hình-thức cũng không thể coi thường. Tôi xin trình bày phương-pháp viết chính-tả của tôi với Quý vị độc-giả như sau:

Vấn-de gạch nối:

Tiếng Việt thuộc đơn-âm. Trừ một số chữ ghép lắp láy mang ý-nghĩa riêng, nói chung, cứ mỗi đơn-vị đú nghĩa được gọi là Tự (字). Khi ghép hai Tự lại, gọi là Từ (辭).

Ví dụ 1:

- Xuyên (穿) : dùng vật nhọn đâm thủng qua một vật. (Tự)
- Tạc (鑿) : dùng dao búa đẽo gọt một vật. (Tự)
- Xuyên-tạc (穿鑿) : dùng lời hay hành-động va chạm đến người khác mà không nhứt-thiết phải dùng vật nhọn hay dao búa. (Từ)

Ví dụ 2:

- Mâu (矛) : là thứ binh khí cán dài, mũi nhọn, dùng để đâm. (Tự)
- Thuẫn (盾) : là cái mộc che đỡ cho người chiến binh, dùng để đỡ. (Tự)
- Mâu-thuẫn (矛盾) : chỉ sự trái nghịch, xung đột, chống đối nhau; không liên-quan gì tới các loại vũ-khí. (Từ)

Hiện chúng ta có hai loại sách tra nghĩa chữ Hán-Việt:

- Tự-diển (字典) (Thiều Chủ, Khang Hy ...) và
- Từ-diển (辭典) (Đào Duy Anh, Từ-nguyên, Từ-hải ...).

Như vậy, muốn xác định một Từ, chúng ta phải dùng gạch nối (-).

© 2018

GHI CHÚ: Quyển sách này (bản in năm 2018) có trích-dẫn thêm phần *Dịch Nghĩa* của dịch-giả Tâm-Minh, để chua vào phần *Dịch Âm*, cho quý độc-giả tiện đối-chiếu với phần *Diễn Nghĩa*, hầu có thể nghiên-cứu tinh-tường hơn kinh Thủ-Lăng-Nghiêm của Hòa-Thượng Thiền-Sư THÍCH TÙ-QUANG. Trân-trọng tri-ân dịch-giả Bác-sĩ Tâm-Minh LÊ ĐÌNH THÁM (1897 Đinh-Dậu – 1969 Kỷ-Dậu).

Dịch Âm THỦ-LĂNG-NGHĨÊM KINH Dệ Nhứt Quyển	Diẽn Nghĩa KINH THỦ-LĂNG-NGHĨÊM Quyển Nhứt
THÔNG-TỰ PHẦN	PHẦN THÔNG-TỰ
如是我聞。一時佛在室羅筏城祇桓精舍。與大比丘眾千二百五十人俱。皆是無漏大阿羅漢。	
<p>1. Như-thị ngã văn:</p> <p>_ Nhứt thời Phật tại Thất-La-Phiệt thành, Kỳ-Hoàn tinh-xá, dữ đại Tỳ-khưu chúng, thiên nhị bá ngũ thập nhân cu, giai thị vô-lậu đại A-La-Hán.</p> <p>Câu (俱): thường đọc trại thành Cu.</p>	<p>1. Ta nghe như vầy (1):</p> <p>_ Một thuở nọ, Phật ở tinh-xá Kỳ-Hoàn (2), thành Thất-La-Phiệt (Śrāvastī), với một ngàn hai trăm năm mươi thầy Đại Tỳ-khưu (3) đều là bậc vô-lậu A-La-Hán (4).</p>

佛子住持善超諸有。能於國土成就威儀。從佛轉輪妙堪遺囑。嚴淨毘尼弘範三界。應身無量度脫眾生。拔濟未來越諸塵累。	
<p>2. Phật-tử trụ-trì, thiện siêu chư hữu, nǎng ư quốc-dộ, thành-tựu oai-nghi, tùng Phật chuyển luân, diệu kham di-chúc, nghiêm tịnh Tỳ-Ni, hoằng phạm tam giới, ứng-thân vô-lượng, độ thoát chúng-sanh, bạt tế vị-lai, việt chư trần-lụy.</p> <p>Quốc-dộ: cõi, cõi nước, thế-giới. Nơi ở của tất cả các loài hữu-tánh. Có phân-biệt Tịnh-dộ và Uế-dộ.</p>	<p>2. Các vị Phật-tử trụ-trì (5) ấy, siêu-thoát các cõi phàm-phu, nǎng ở mười phương quốc-dộ, thành-tựu các oai-nghi, nương theo Phật chuyển bánh xe Pháp (6), nhận lãnh di-chúc nhiệm-mầu, gìn giữ giới-luật trong sạch, rộng làm khuôn phép cho ba cõi (Dục-giới, Sắc-giới và Vô-sắc-giới), ứng hiện vô-số thân cứu độ chúng-sanh, tối cùng tốt vị-lai, đều giải-thoát các thứ trần-lao khổ-não.</p>

其名曰大智舍利弗。摩訶目乾連。摩訶拘繕羅。富樓那彌多羅尼子。須菩提。優波尼沙陀等而為上首。復有無量辟支無學并其初心。同來佛所。	
<p>3. Kỳ danh viết:</p> <p>_ Đại-trí Xá-Lợi-Phất. _ Ma-Ha Mục-Kiền-Liên. _ Ma-Ha Câu-Si-La. _ Phú-Lâu-Na Di-Đa-La-Ni-Tử. _ Tu-Bồ-Đề. _ Ưu-Ba-Ni-Sa-Đà đẳng, nhi vi thượng-thủ.</p>	<p>3. Các vị ấy là:</p> <p>_ Đại-Trí Xá-Lợi-Phất (Śāriputra), _ Ma-Ha Mục-Kiền-Liên (Maha Maudgalyayana), _ Ma-Ha Cu-Si-La (Maha Kausthila), _ Phú-Lâu-Na Di-Đa-La-Ni-Tử (Purna Maitreyaniputra), _ Tu-Bồ-Đề (Subhūti), _ Ưu-Ba-Ni-Sa-Đà (Upanisada) đều là bậc Thượng-Thủ (7).</p>

<p>_ Phục hữu vô-lượng Bích-Chi, vô-học, tịnh kỳ sơ tâm, đồng lai Phật-sở.</p>	<p>_ Lại có vô-số vị Bích-Chi (8), vô-học (9) và sơ-tâm (10) đều đến chỗ Phật.</p>
--	--

<p>屬諸比丘休夏自恣。十方菩薩諮決心疑。欽奉慈嚴將求密義。</p>	
<p>4. Thuộc chư Tỳ-khưu, hữu hạ tự-tứ, thập phương Bồ-Tát, tư quyết tâm nghi, khâm phụng Từ-Nghiêm, tương-cầu mật-nghĩa.</p>	<p>4. Khi ấy nhầm ngày tự-tứ (11) của các Thầy Tỳ-khưu mãn hạ, cũng có chư Bồ-Tát ở khắp mười phương vì muốn xin giải-quyết tâm nghi, nên kính hầu Đẳng Trong Lành Trang-Nghiêm để cầu nghĩa-lý thẩm sâu kín nhiệm.</p>

<p>即時如來敷座宴安。為諸會中宣示深奧。法筵清眾得未曾有。 。迦陵仙音遍十方界。恒沙菩薩來聚道場。文殊師利而為上首。</p>	
<p>5. Tức thời Như-Lai, phu tòa yên an, vị chủ hội trung, tuyên thị thâm-áo.</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Pháp diên thanh chúng, đắc vị-tăng-hữu. _ Ca-Lăng tiên âm, biến thập phương giới. _ Hằng-sa Bồ-Tát, lai tụ đạo-tràng, Văn-Thù-Sư-Lợi, nhi vi Thượng-thủ. 	<p>5. Đức Như-Lai trải tọa-cụ, ngồi nghiêm-chỉnh, vì đại-chúng trong giáo-hội, khai-thị pháp thâm-diệu.</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Cả đại-chúng nghe pháp chưa từng có. _ Tiếng nói của Phật hòa-nhã như tiếng chim Ca-Lăng-Tần-Già (Karavinka) kêu vang khắp mười phương. _ Hằng-sa Bồ-Tát (12) đều họp tại đạo-tràng, có ngài Văn-Thù-Sư-Lợi (Mañjuśrī) là bậc Thượng-thủ.

<p>時波斯匿王為其父王諱日營齋。請佛宮掖自迎如來。廣設珍羞無上妙味。兼復親延諸大菩薩。城中復有長者居士。同時飯僧佇佛來應。佛敕文殊分領菩薩及阿羅漢應諸齋主。</p>	
<p>6. Thời Ba-Tư-Nặc vương, vị kỳ phụ-vương, quý nhứt dinh trai, thỉnh Phật cung dịch, tự nghinh Như-Lai, quảng thiết trân tu vô-thượng diệu-vị, kiêm phục thân diên chư đại Bồ-Tát.</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Thành trung phục hữu trưởng-giả, cư-sĩ, đồng-thời phạn Tăng, trữ Phật lai ứng. _ Phật sắc Văn-Thù phân lãnh Bồ-Tát cặp A-La-Hán, ứng chư trai-chủ. 	<p>6. Khi ấy vua Ba-Tư-Nặc (Prasanajit), nhân dịp cúng kỵ Thân-phụ, vua sắm đủ các món chay quý báu, tự thỉnh Phật và chư Đại Bồ-Tát đến cung-diện, để thành-tâm cung-dưỡng.</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Đồng-thời ở trong thành cũng có các vị trưởng-giả cư-sĩ thiết trai-tăng, ngưỡng cầu Phật chứng-minh. _ Phật dạy ngài Văn-Thù chia phân-sự cho chư Bồ-Tát và A-La-Hán đến các nhà trai-chủ.

BIỆT-TỰ PHẦN	PHẦN BIỆT-TỰ
<p>唯有阿難先受別請。遠遊未還不遑僧次。既無上座及阿闍黎。途中獨歸其日無供。即時阿難執持應器。於所遊城次第循乞。心中初求最後檀越以為齋主。無問淨穢刹利尊姓及旃陀羅。方行等慈不擇微賤。發意圓成一切眾生無量功德。</p>	
<p>7. Duy hữu A-Nan, tiên thọ biệt-thỉnh, viễn-du vị hoàn, bất hoàn tăng thứ.</p> <p>(Duy có ông A-Nan, trước đã nhận lời mời riêng, đi xa chưa về, không kịp dự hàng tăng-chúng.)</p> <p>_ Ký vô Thượng-tọa, cập A-xà-lê, đồ trung độc qui, kỳ nhụt vô cung.</p> <p>(_ Ông về một mình, không có Thượng-tọa và A-xà-lê cùng đi, và ngày ấy cũng không được ai cung-dưỡng.)</p> <p>_ Tức thời A-Nan, chấp-trì ứng khí, ư sở du thành, thứ đệ tuần khất, tâm trung sơ cầu, tối-hậu đàm-việt, dĩ vi trai-chủ, vô vấn tịnh-uế, Sát-lợi tôn tánh, cập Chiên-dà-la.</p> <p>(_ Lúc bấy giờ, ông cầm bình bát vào trong một thành trên đường đi, theo thứ lớp khất-thực; tâm ông trước hết cầu được một người tối-hậu đàm-việt làm trai-chủ, bất-luận thanh hay tục ...)</p> <p>_ Phương hành đẳng từ, bất trách vi tiên, phát ý viễn-thành, nhứt-thiết chúng-sanh, vô-lượng công-đức.</p> <p>- không kể sang hèn, phát tâm làm sao cho tất cả chúng-sanh được viễn-thành vô-lượng công-đức.)</p>	<p>7. Chỉ có ngài A-Nan, vì trước ngày ấy được một người ở xứ khác thỉnh chứng trai, nên chưa về kịp thời.</p> <p>_ Ngài A-Nan chỉ đi một mình, không có vị Thượng-tọa (13) và vị A-xà-lê (14).</p> <p>_ Khi về giữa đường, vì không có ai thỉnh riêng, nên ngài A-Nan mang bát vào thành khất-thực từng nhà theo thứ lớp, trong lòng ước ao được có người đàm-việt (15) mới, chưa từng bối-thí, làm trai-chủ, bất-luận thanh hay tục, dòng Sát-đế-ly (16) hoặc dòng Chiên-dà-la (17).</p> <p>_ Ngài A-Nan thật-hành tâm từ-bi bình đẳng không phân-biệt giàu nghèo, sang hèn, cố ý làm cho tất cả chúng-sanh đồng được hoàn-toàn công-đức vô-lượng.</p>

<p>阿難已知如來世尊。訶須菩提及大迦葉。為阿羅漢心不均平。欽仰如來開闡無遮度諸疑謗。經彼城隍徐步郭門。嚴整威儀肅恭齋法。</p>	
<p>8. A-Nan dĩ tri, Như-Lai Thế-Tôn, kha Tu-Bồ-Đề, cập Đại-Ca-Diếp, vi A-La-Hán, tâm bất quân-bình.</p> <p>_ Khâm ngưỡng Như-Lai, khai xiển vô giá, độ chư nghi báng.</p>	<p>8. Ngài A-Nan từng biết Đức Như-Lai Thế-Tôn đã quở hai vị A-La-Hán: Tu-Bồ-Đề và Đại-Ca-Diếp, lòng không bình-đẳng.</p> <p>_ Người thì bỏ nhà giàu chỉ khất-thực ở nhà nghèo, người thì bỏ nhà nghèo chỉ khất-thực ở nhà giàu; thế nên ngài tuân-</p>

<p>(_ Ông kính vâng lời dạy vô giá của Phật, độ thoát mọi điều chê bai nghi hoặc.)</p> <p>_ Kinh bỉ thành hoàng, từ bộ quách môn, nghiêm-chỉnh uy-nghi, túc cung trai pháp.</p> <p>(_ Ông đến bên thành, thong thả vào cửa, uy-nghi nghiêm chỉnh, kính giữ phép hóa-trai.)</p>	<p>hành lời dạy vô giá của Phật, để vượt qua các sự nghi-hoặc gièm-siểm.</p> <p>_ Ngài A-Nan từ ngoại-thành đi vào nội-thành, oai-nghi tề-chỉnh trang-nghiêm, giữ đúng lẽ-phép hóa trai.</p>
--	--

爾時阿難因乞食次經歷婬室。遭大幻術摩登伽女。以婆毘迦羅先梵天呪攝入婬席。婬躬撫摩將毀戒體。如來知彼婬術所加。齋畢旋歸。王及大臣長者居士。俱來隨佛願聞法要。

<p>9. Nhĩ thời A-Nan, nhân khất-thực thứ, kinh-lịch dâm-thất, tao đại huyền-thuật, Ma-Đăng-Già nữ, dī Ta-Tỳ-Ca-La Tiên Phạm-Thiên chú, nhiếp nhập dâm tịch, dâm cung phủ ma, tương-hủy giới-thể.</p> <p>(_ Trong khi khất-thực, ông A-Nan đi qua nhà dâm-nữ Ma-Đăng-Già, bị phép huyền-thuật. Nàng ấy dùng tà-chú Tiên Phạm-Thiên đạo Ta-Tỳ-Ca-La bắt vào phòng riêng, dựa kề vuốt ve làm cho ông A-Nan gán phá giới-thể.) (Tịch: cái chiếu)</p> <p>_ Như-Lai tri bỉ, dâm-thuật sở gia, trai tất hoàn qui.</p> <p>(_ Đức Như-Lai biết ông A-Nan mắc phải dâm-thuật, nên dùng trai rồi, liền trở về tinh-xá.)</p> <p>_ Vương cập đại-thần, trưởng-giả cư-sĩ, cu lai tùy Phật, nguyện văn pháp yếu.</p> <p>(_ Vua cùng đại-thần, trưởng-giả cư-sĩ đều đi theo Phật, mong nghe những pháp chủ-yếu của đạo Phật.)</p>	<p>9. Lúc bấy giờ, ngài A-Nan đang đi khất-thực, ngang qua nhà dâm (18) có nàng ngoại-đạo Ma-Đăng-Già (Mātaṅga) dùng tà-thuật Ta-Tỳ-Ca-La Tiên Phạm-Thiên bắt vào dâm-phòng, vượt ve cám dỗ toan phá giới-thể thanh-tịnh.</p> <p>_ Tuy-nhiên Đức Như-Lai đang thọ trai, biết ngài A-Nan bị nạn dâm-thuật, nên vừa thọ trai xong, vội cáo-từ.</p> <p>_ Các vị hoàng-đế, đại-thần, trưởng-giả và cư-sĩ đồng theo Phật về tinh-xá để nghe chánh-pháp.</p>
---	---

于時世尊頂放百寶無畏光明。光中出生千葉寶蓮。有佛化身結跏趺坐。宣說神呪。勅文殊師利將呪往護。惡呪銷滅。提獎阿難及摩登伽歸來佛所。

<p>10. Ư thời Thế-Tôn, đảnh phóng bá bửu, vô-úy quang-minh, quang trung xuất sanh thiên diệp bửu-liên, hữu Phật hóa-thân, kết-già phu tọa, tuyên-thuyết thần-chú; sắc Văn-Thù-Sư-Lợi, tương chú vãng hộ, ác-chú tiêu-diệt, đề tương A-</p>	<p>10. Khi ấy Đức Thế-Tôn từ Phật-đảnh phóng hào-quang đủ trăm thứ báu tự-tại vô-úy, trong hào-quang có hoa sen ngàn cánh, trên hoa sen có Hóa-Thân Như-Lai doan-tọa kiết-già tuyên-thuyết thần-chú-tâm Thủ-Lăng-Nghiêm; rồi dạy ngài</p>
---	--

<p>Nan, cùp Ma-Đăng-Già, qui lai Phật-sở.</p> <p>(_ Khi ấy, trên đảnh Đức Thế-Tôn, phóng hào-quang bách-bảo vô-úy, trong hào-quang hiện ra tòa sen báu nghìn cánh, có hóa-thân của Phật kết-già ngồi trên, tuyên đọc thần-chú; khiến ngài Văn-Thù đem chú này đến giúp đỡ, tiêu-diệt tà-chú, đưa ông A-Nan cùng nàng Ma-Đăng-Già đều về chỗ Phật ở.)</p> <p>Vô-úy: không sợ hãi, vì đã biết rõ nên rất tự-tại.</p>	<p>Văn-Thù-Sư-Lợi phụng-hành đến tiêu-diệt tà-thuật ngoại-đạo, cứu thoát ngài A-Nan, đồng-thời bắt nàng Ma-Đăng-Già đem về tinh-xá.</p> <p>Doan-tọa: ngồi ngay thẳng. <i>Doan</i> (端): ngay thẳng. <i>Tọa</i> (坐): ngồi.</p> <p>Phụng-hành: vâng theo lời mà làm. <i>Phụng</i> (奉): vâng theo, nhận chịu. <i>Hành</i> (行): làm.</p>
---	---

CHÁNH-TÔNG PHẦN	PHẦN CHÁNH-TÔNG A. KIẾN ĐẠO
11.	11. NGÀI A-NAN THỈNH GIÁO.
阿難見佛頂禮悲泣。恨無始來一向多聞未全道力。殷勤啟請 十方如來得成菩提。妙奢摩他三摩禪那最初方便。	
<p>_ A-Nan kiến Phật, đảnh lễ bi khấp, hận vô-thỉ lai, nhứt hướng đa văn, vị toàn đạo-lực; ân-cần khai thỉnh, thập phương Như-Lai đắc thành Bồ-Đề, diệu Sa-matha, Tam-ma-đê, Thiền-na, tối sơ phương-tiện.</p> <p>(_ Ông A-Nan thấy Phật, đảnh lễ khóc lóc, giận mình từ vô-thỉ đến nay, một bể học rộng nhớ nhiều, nhưng chưa tròn đạo-lực; tha-thiết xin Phật dạy cho những pháp Sa-matha, Tam-ma-đê, Thiền-na, là những phương-tiện tu-hành đầu tiên để thành đạo Bồ-Đề của thập phương Như-Lai.)</p>	<p>_ Ngài A-Nan trông thấy Phật thì đảnh lễ, khóc ròng, khổ tâm vì mình từ vô-thỉ nhẫn nay, chuyên học rộng nghe nhiều nhưng chưa tròn đạo-lực; ân-cần cung thỉnh Phật dạy các diệu-pháp Sa-matha, Tam-ma-đê, Thiền-na (19) là phương-tiện đầu tiên tu-chứng đạo-quả Bồ-Đề của thập phương Như-Lai.</p> <p>Ân-cần (殷勤): tỏ ra quan-tâm chu đáo và đầy nhiệt-tình.</p>
於時復有恒沙菩薩及諸十方大阿羅漢辟支佛等。俱願樂聞。 退坐默然承受聖旨。	

<p>12. Ư thời phục hữu, Hằng-sa Bồ-Tát, cùp chư thập phương đại A-La-Hán, Bích-Chi-Phật đảnh, cu nguyện nhạo văn, thối tọa, mặc-nhiên thừa thọ Thánh-chỉ.</p> <p>(... lui về chỗ ngồi, yên lặng lãnh thọ Thánh-chỉ của Phật.)</p>	<p>12. Trong lúc đó, có Hằng-sa Bồ-Tát, thập phương đại A-La-Hán và Bích-Chi nguyện nghe diệu-pháp, ngồi im lặng để vâng lanh các điều dạy siêu-nhiên của Phật.</p> <p>Siêu-nhiên (超然): vượt cao lên, vượt ra ngoài, ở bên trên tự-nhiên.</p>
---	--

<p>13.</p>	<p>13. PHẬT HỎI NGUYÊN-NHÂN TU-HÀNH CỦA NGÀI A-NAN.</p>
佛告阿難汝我同氣。情均天倫當初發心。於我法中見何勝相。 。頓捨世間深重恩愛。	

<p>Phật cáo A-Nan:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Nhữ ngã đồng khí, tình huân thiên luân, đương sơ phát tâm, ư ngã pháp trung, kiến hà thắng-tướng, đốn xả thế-gian thâm-trọng ân-ái? <p>(_ Ta với ông đồng phái, tình như anh em ruột, lúc ông mới phát tâm, thì ở trong Phật-pháp, thấy những tướng tốt gì mà bỏ được những ân-ái sâu nặng thế-gian?)</p>	<p>Đức Phật bảo ngài A-Nan:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Ông với Ta đồng một tông-môn quyến-thuộc, tình-nghĩa thân-mật, khi ông mới phát tâm xuất-gia tu-hành, ông thấy những tướng chi ở trong Pháp Ta làm cho ông can-đảm từ bỏ nghiệp ân-ái sâu nặng ở thế-gian?
---	---

<p>14.</p>	<p>14. NGÀI A-NAN TỰ-TRẦN “TRI-KIẾN” CỦA CHÚNG-SANH.</p> <p>阿難白佛我見如來三十二相。勝妙殊絕形體映徹猶如瑠璃。 常自思惟此相非是欲愛所生。何以故欲氣龐濁腥臊交遘膿血雜亂。 不能發生勝淨妙明紫金光聚。是以渴仰從佛剃落。</p>
<p>A-Nan bạch Phật:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Ngã kiến Như-Lai, tam-thập-nhi tướng, thắng-diệu thù-tuyệt, hình-thể ưởng triệt, du như Lưu-Ly, thường tự duy: thủ tướng phi thị, dục-ái sở sanh. Hà dĩ cố? <p>(_ Tôi thấy 32 tướng của Như-Lai tốt đẹp lạ thường, hình-thể sáng suốt như ngọc Lưu-Ly, thường tự suy nghĩ: Tướng ấy không thể do ái-dục sanh ra. Vì sao?)</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Dục-khí thô-trược, tinh-táo giao-cấu, nùng huyết tạp-loạn, bất năng phát-sanh, thắng-tịnh diệu-minh, tử-kim-quang tụ, thị dĩ khát ngưỡng, tùng Phật thế lạc. <p>(_ Giống dâm-dục nhơ nhớp, giao-cấu tanh hôi, máu mủ xen lộn, làm sao sanh được thân vàng thắm chói trong sạch sáng suốt như vậy, nên tôi ước mong, cắt tóc theo Phật tu-học.)</p> <p>Tinh-táo: tanh hôi. Nùng huyết: mủ máu.</p>	<p>Ngài A-Nan bạch Phật:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi thấy hình-thể Như-Lai sáng rõ như ngọc Lưu-Ly có đủ 32 tướng (20) tốt đẹp tuyêt-trần, tôi tự suy nghĩ: đức-tướng quang-minh đó chẳng phải do ái-dục sanh ra. Vì cớ sao? <ul style="list-style-type: none"> _ Vì ái-dục ô-nhiễm xấu xa, cấu-kết tinh-huyết nhơ bẩn, không thể nào sanh được đức-tướng phi-phàm, nghiêm-tịnh, sáng ngời hơn sắc tử-kim. Vì cớ ấy tôi ngưỡng-mộ, cạo tóc xuất-gia theo Phật. <p>Tuyệt-trần: nhứt trên đời, không có gì sánh bằng. Phi-phàm: không phải tầm-thường, khác thường. Ngưỡng-mộ (仰慕): kính-trọng và yêu mến.</p>

<p>15.</p>	<p>15. PHẬT HIỂN-MINH “TRI-KIẾN” CỦA CHÚNG-SANH.</p> <p>佛言善哉阿難。汝等當知一切眾生。從無始來生死相續。皆由不知常住真心性淨明體。用諸妄想。此想不真故有輪轉。汝今欲研無上菩提真發明性。應當直心訓我所問。十方如來同一道故。出離生死皆以直心。心言直故。如是乃至終始地位中間。永無諸委曲</p>
-------------------	--

相。阿難我今問汝。當汝發心緣於如來三十二相。將何所見誰為愛樂。

_ Phật ngôn: Thiện tai, A-Nan! Nhữ đẳng đương tri, nhứt-thiết chúng-sanh, tùng vô-thỉ lai, sanh-tử tương-tục, giai do bất tri, thường-trụ Chơn-Tâm, tánh tịnh-minh thể, dụng chư vọng-tưởng, thủ tưởng bất chơn, cố-hữu luân-chuyển.

_ Nhữ kim dục nghiên, Vô-Thượng Bồ-Đề, chơn phát-minh tánh, ưng đương trực-tâm (tâm ngay thẳng), huấn ngã sở vấn.

_ Thập phương Như-Lai, đồng nhứt đạo cố, xuất ly sanh-tử, giai dĩ trực-tâm.

_ Tâm ngôn trực cố, như-thị nãi chí, chung thí địa-vị trung-gian, vĩnh vô chư ủy khúc tưởng.

(_ Tâm mà nói là ngay thẳng, thì cứ như vậy, từ địa-vị đầu đến địa-vị cuối cùng, chẳng giữa, hẳn không có những tưởng quanh co.)

_ A-Nan! Ngã kim vấn nhữ: Đương nhữ phát tâm, duyên ư Như-Lai, tam-thập-nhi tưởng, tưởng hà sở kiến, thùy vi ái-nhạo?

(_ Đương khi ông do 32 tướng của Như-Lai mà phát tâm, thì ông đem cái gì mà thấy và cái gì ưa muối?)

_ Đức Phật dạy: Lành thay, A-Nan! Ông phải biết: tất cả chúng-sanh từ vô-thỉ nhẫn nay, sống chết liên-tục, vì không rõ thể-tánh thanh-tịnh sáng suốt của Tâm Chơn-Như thường-trụ, cứ dùng các thứ vọng-tưởng giả dối, do đó bị chìm đắm ở biển khổ luân-hồi.

_ Nay ông muốn nghiên-cứu đạo Vô-Thượng Bồ-Đề, phát-minh thể-tánh của Tâm Chơn-Như, thì phải lấy tâm chánh-trực giải đáp các điều Ta hỏi.

_ Vì thập phương Như-Lai đều do một đường giải-thoát sanh-tử là dùng tâm chánh-trực.

_ Và lời nói tự tâm chánh-trực phát ra, từ đầu chí cuối, trước sau như một, không bao giờ có những sự quanh co.

_ A-Nan! Böyle giờ Ta hỏi ông: Trong khi ông trông thấy và quí mến 32 tướng Như-Lai mà phát tâm tu-hành, vậy ông dùng cái chi mà trông thấy? Và trong khi trông thấy, ông dùng cái chi mà quí mến?

阿難白佛言世尊如是愛樂用我心目。由目觀見如來勝相心生愛樂。故我發心願捨生死。

16. A-Nan bạch Phật ngôn: Thế-Tôn! Như-thị ái-nhạo, dụng ngã tâm mục.

(_ Thưa Thế-Tôn! Ưa muối như vậy là dùng cái tâm và con mắt của tôi.)

_ Do mục quan kiến, Như-Lai thẳng tưởng, tâm sanh ái-nhạo, cố ngã phát tâm, nguyện xả sanh-tử.

(_ Do mắt thấy tướng tốt Như-Lai, tâm sanh ưa muối, nên tôi phát tâm muối tu-hành thoát khỏi sanh-tử.)

16. Ngài A-Nan bạch Phật: Bạch Đức Thế-Tôn! Khi tôi trông thấy đức-tưởng Như-Lai, đó là tôi dùng mắt. Khi tôi quí mến Phật, đó là tôi dùng tâm.

_ Vì mắt trông thấy đức-tưởng, tâm sanh quí mến, nên tôi phát nguyện tu-hành cầu giải-thoát sanh-tử.

佛告阿難如汝所說。真所愛樂因于心目。若不識知心目所在。則不能得降伏塵勞。譬如國王為賊所侵。發兵討除。是兵要當知賊所在。使汝流轉心目為咎。吾今問汝唯心與目今何所在。

17. Phật cáo A-Nan: Như nhữ sở thuyết: Chơn sở ái-nhạo, nhân ư tâm mục.

(_ Như lời ông nói: Thật do tâm và con mắt mà nó ưa muốn.)

_ Nhận được bất thức tri, tâm mục sở tại, tặc bất năng đắc, hàng-phục trần-lao.

_ Thí như Quốc-vương, vị tặc sở xâm, phát binh thảo trừ, thị binh yếu đương, tri tặc sở-tại.

_ Sử nhữ lưu-chuyển, tâm mục vi cữu.

(_ Hiện ông còn mắc phải luân-hồi là lôi tại tâm và con mắt của ông.)

_ Ngã kim vân nhữ, duy tâm dĩ mục, kim hà sở-tại?

17. Đức Phật bảo ngài A-Nan: Như ông vừa nói: Trông thấy và quí mến đức-tướng Như-Lai là do mắt và tâm, tất-nhiên ông phải biết mắt và tâm ở đâu?

_ Nếu ông không biết mắt và tâm ở đâu, thì không dẽ gì hàng-phục được trần-lao (21).

_ Ví như một vị hoàng-đế, khi đất nước bị giặc xâm-lăng, muốn xuất binh dẹp giặc, tất-nhiên phải biết trước sào-huyệt của giặc, mới có thể chiến-thắng được.

_ Xưa nay ông bị trôi lăn trong biển khổ luân-hồi chỉ vì tâm và mắt.

_ Vậy giờ Ta hỏi ông: Tâm và mắt hiện ở đâu?

18. Chấp tâm ở trong thân. (Chấp lần 1)

18. NGÀI A-NAN CHẤP “TÂM Ở TRONG THÂN”.

阿難白佛言世尊。一切世間十種異生。同將識心居在身內。縱觀如來青蓮花眼亦在佛面。我今觀此浮根四塵祇在我面。如是識心實居身內。

A-Nan bạch Phật ngôn:

_ Thế-Tôn! Nhứt-thiết thế-gian, thập chủng dị sanh, đồng tương thức-tâm, cư tại thân nội, túng quan Như-Lai, thanh-liên-hoa nhã, diệc tại Phật-diện, ngã kim quan thử, phù-căn tứ trần, kỳ tại ngã diện.

(_ Thưa Thế-Tôn! Tất cả mười loài chúng-sanh trong thế-gian đều cho cái tâm hay biết là ở trong thân, dầu tôi xem con mắt như hoa sen xanh của Như-Lai cũng ở trên mặt Phật, tôi thấy con mắt vật-chất của tôi ở trên mặt tôi.)

_ Như-thị thức-tâm, thật cư thân nội.

Ngài A-Nan bạch Phật:

_ Tất cả mười loài chúng-sanh (22) ở thế-gian đều nhận tâm hiểu biết ở trong thân và mắt xem thấy ở trên mặt, dầu mắt thanh-liên-hoa của Như-Lai cũng ở trên mặt Như-Lai. Nay tôi thấy mắt tứ trần (23) của tôi ở trên mặt tôi.

_ Như thế chứng tỏ mắt ở ngoài, tâm

<p>(_ Như vậy thì tâm hay biết thật ở trong thân.)</p>	<p>thiết ở trong thân.</p>
<p>佛告阿難汝今現坐如來講堂。觀祇陀林今何所在。世尊此大重閣清淨講堂在給孤園。今祇陀林實在堂外。</p> <p>阿難汝今堂中先何所見。世尊我在堂中。先見如來次觀大眾。如是外望方矚林園。</p> <p>阿難汝矚林園因何有見。世尊此大講堂戶牖開豁。故我在堂得遠瞻見。</p>	
<p>19. Phật cáo A-Nan:</p> <p>_ Nhữ kim hiện-tại, Như-Lai giảng-đường, quan Kỳ-Đà lâm, kim hà sở-tại? (_ Hiện nay ông ngồi trong giảng-đường Như-Lai, ông hãy xem rừng Kỳ-Đà hiện ở chỗ nào?)</p> <p>_ Thế-Tôn! Thủ đai trùng-các, thanh-tịnh giảng-đường, tại Cấp-Cô-Độc viên, kim Kỳ-Đà lâm, thật tại đường ngoại.</p>	<p>19. Đức Phật bảo ngài A-Nan:</p> <p>_ Hiện-tại ông ở trong giảng-đường, ông thấy rừng cây của Thái-Tử Kỳ-Đà hiện ở chỗ nào?</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Giảng-đường khang-trang thanh-tịnh, rộng rãi này ở trong vườn Cấp-Cô-Độc, còn rừng cây Kỳ-Đà thiết ở ngoài giảng-đường.</p>
<p>_ A-Nan! Nhữ kim đường trung, tiên hà sở kiến?</p> <p>_ Thế-Tôn! Ngã tại đường trung, tiên kiến Như-Lai, thứ quan đại-chúng, như-thị ngoại vọng, phuong chúc lâm-viên. Lâm-viên: rừng vườn.</p>	<p>_ A-Nan! Bây giờ ông đang ở trong giảng-đường, ông thấy cái chi trước?</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi ở trong giảng-đường, trước hết tôi thấy Phật, kế đến Đại-chúng, sau trông ra ngoài mới thấy rừng cây.</p>
<p>_ A-Nan! Nhữ chúc lâm-viên, nhân hà hữu kiến?</p> <p>_ Thế-Tôn! Thủ đai giảng-đường, hộ dū khai-khoát, cố ngã tại đường, đắc viễn chiêm kiến. (_ ... nên tôi ở trong thấy suốt được đến ra ngoài xa.)</p>	<p>_ A-Nan! Nguyên-nhân vì sao ông thấy được rừng cây?</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Nguyên-nhân vì cửa giảng-đường mở trống, nên tôi thấy suốt ở ngoài.</p>
<p>20.</p>	<p>20. PHẬT DẠY CHẤP “TÂM Ở TRONG THÂN” LÀ PHI-LÝ.</p>
<p>爾時世尊在大眾中。舒金色臂摩阿難頂。告示阿難及諸大眾。有三摩提名大佛頂首楞嚴王具足萬行十方如來一門超出妙莊嚴路。汝今諦聽。阿難頂禮伏受慈旨。</p> <p>佛告阿難如汝所言身在講堂。戶牖開豁遠矚林園。亦有眾生在此堂中。不見如來見堂外者。阿難答言世尊在堂。不見如來能見</p>	

林泉。無有是處。

阿難汝亦如是。汝之心靈一切明了。若汝現前所明了心實在身內。爾時先合了知內身。頗有眾生先見身中後觀外物。縱不能見心肝脾胃。爪生髮長筋轉脈搖。誠合明了如何不知。必不內知云何知外。是故應知汝言覺了能知之心。住在身內無有是處。

<p>_ Nhĩ thời Thế-Tôn tại đại-chúng trung, thư kim sắc tý, ma A-Nan đánh, cáo thị A-Nan, cập chư đại-chúng:</p> <p>_ Hữu Tam-ma-đề, danh <i>Đại Phật-Danh Thủ-Lăng-Nghiêm Vương</i> cù-túc vạn-hạnh. (... gồm đủ muôn hạnh.)</p> <p>_ Thập phương Như-Lai, nhứt môn siêu-xuất, diệu trang-nghiêm lộ.</p> <p>(_ Thập phương Như-Lai đều do một pháp-môn ấy vượt lên đường diệu-trang-nghiêm.)</p> <p>_ Nhữ kim đế thính. A-Nan đánh lẽ, phục thọ từ-chỉ.</p> <p>(_ Ông nên chăm chú lắng nghe.)</p>	<p>_ Khi ấy Đức Thế-Tôn ở trong Đại-chúng, lấy tay dịu dàng rờ đầu ngài A-Nan, rồi dạy ngài A-nan và Đại-chúng:</p> <p>_ Có pháp Tam-ma-đề, hiệu là <i>Đại Phật-Danh Thủ-Lăng-Nghiêm Vương</i> bao-hàm vạn-hạnh.</p> <p>_ Mười phương Như-Lai đều do pháp-môn duy-nhứt ấy, giải-thoát sanh-tử, đạt Phật-quả thâm-diệu trang-nghiêm.</p> <p>_ Vậy quý vị phải chăm chú nghe kỹ. Ngài A-Nan cung-kính lẽ Phật và nhứt-tâm vâng lời Phật dạy.</p>
<p>Phật cáo A-Nan:</p> <p>_ Như nhữ sở ngôn, thân tại giảng-đường, hộ dũ khai-khoát, viễn chúc lâm-viên.</p> <p>_ Diệc hữu chúng-sanh, tại thử đường-trung, bất kiến Như-Lai, kiến đường-ngoại giả.</p>	<p>Đức Phật bảo ngài A-Nan:</p> <p>_ Như ông vừa nói, ông ở tại giảng-đường, nhờ cửa mở trống nên thấy rừng cây.</p> <p>_ Liệu có chúng-sanh nào ở tại giảng-đường, mà không thấy Như-Lai, lại thấy rừng cây ở ngoài chăng?</p>
<p>A-Nan đáp ngôn:</p> <p>_ Thế-Tôn! Tại đường, bất kiến Như-Lai, năng kiến lâm tuyền, vô hữu thị xứ.</p> <p>(_ Thưa Thế-Tôn! Ở trong giảng-đường không thấy Như-Lai, mà thấy được rừng suối ở ngoài, thật không có lẽ nào như vậy.)</p>	<p>Ngài A-Nan bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Ở trong giảng-đường không thấy Như-Lai, lại thấy rừng cây ở ngoài, thì chắc chắn vô-lý.</p>
<p>_ A-Nan! Nhữ diệc như-thị, nhữ chi tâm linh, nhứt-thiết minh liễu.</p> <p>(_ A-Nan! Chính ông cũng vậy, cái tâm của ông rõ biết hết thảy.)</p> <p>_ Nhược nhữ hiện-tiền, sở minh liễu tâm, thiết tại thân nội, nhĩ thời tiên hiệp, liễu tri nội thân.</p> <p>(_ Nếu hiện nay cái tâm rõ biết ấy thật ở trong thân,</p>	<p>_ A-Nan! Ông cũng như vậy, Linh-Tâm của ông hiểu rõ tất cả.</p> <p>_ Nếu tâm ấy thiêt ở trong thân rồi mới biết ở ngoài thân.</p>

<p>(thì trước hết nó phải rõ biết trong thân-thể.)</p> <p>_ Phả hữu chúng-sanh, tiên kiến thân trung, hậu quan ngoại vật.</p> <p>(_ Vậy có chúng-sanh nào, trước thấy bên trong thân, rồi sau mới thấy những vật ở ngoài không?)</p> <p>_ Túng bất năng kiến, tâm can tỳ vị, trǎo sanh, phát trưởng, cân chuyển, mạch diêu, thành hiệp minh liễu, như hà bất tri.</p> <p>(_ Dầu không thấy được tim gan tỳ vị, nhưng móng tay mọc, tóc dài ra, gân chuyển, mạch nhẩy, lẽ phải rõ biết, sao lại không biết?)</p> <p>_ Tất bất tri nội, vân hà tri ngoại?</p> <p>(_ Đã không biết bên trong, sao lại biết được bên ngoài.)</p> <p>_ Thị cố ưng tri, nhữ ngôn giác liễu, năng tri chi tâm, trụ tại thân nội, vô hữu thị xứ.</p> <p>(_ Vậy nên biết rằng: Ông nói cái tâm hay biết hiện ở trong thân, thật không có lẽ nào như vậy.)</p>	<p>_ Có chúng-sanh nào biết trước ở trong thân chăng?</p> <p>_ Dầu không thấy được tim, gan, tỳ, vị, nhưng các chỗ móng sanh, tóc dài, gân chuyển, mạch nhẩy, cũng phải biết?</p> <p>_ Tâm không biết ở trong thân thì làm sao biết ở ngoài thân được?</p> <p>_ Thế nên phải nhận định: Ông nói tâm hiểu biết sáng suốt của ông ở trong thân, chắc chắn vô-lý.</p>
--	--

21. Chấp tâm ở ngoài thân. (Chấp lần 2)	21. NGÀI A-NAN CHẤP “TÂM Ở NGOÀI THÂN”.
<p>阿難稽首而白佛言。我聞如來如是法音。悟知我心實居身外。所以者何。譬如燈光然於室中。是燈必能先照室內。從其室門後及庭際。一切眾生不見身中獨見身外。亦如燈光居在室外不能照室。是義必明將無所惑。同佛了義得無妄耶。</p> <p>A-Nan khẽ thủ, nhi bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Ngã văn Như-Lai, như-thị Pháp-âm, ngộ tri ngã tâm, thật cư thân ngoại. Sở dĩ giả hà?</p> <p>_ Thí như đèn quang, nhiên ư thâtrung, thị đèn tất năng, tiên chiếu thấtnội, tùng kỳ thất môn, hậu cập đình tế.</p> <p>_ Nhứt-thiết chúng-sanh, bất kiến thân trung, độc kiến thân ngoại, diệc như đèn quang, cư tại thất ngoại, bất năng chiếu thất.</p>	<p>Ngài A-Nan cúi đầu bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi nghe lời Như-Lai dạy như vậy, tôi biết chắc tâm thiệt ở ngoài thân. Vì cớ sao?</p> <p>_ Vì như đèn thắp trong nhà, thì trước phải chiếu sáng trong nhà, rồi sau do cửa mở mới chiếu sáng ở bên ngoài.</p> <p>_ Tâm chúng-sanh không thấy vật ở trong thân mà chỉ thấy vật ở ngoài thân, giống như đèn thắp ở ngoài nhà, tự-nhiên chỉ chiếu sáng vật ở ngoài nhà, chớ không chiếu sáng vật ở bên trong.</p>

<p>(_ Tất cả chúng-sanh không thấy bên trong thân, mà riêng thấy bên ngoài, cũng như ngọn đèn, để ở ngoài phòng, không thể chiếu sáng trong phòng.)</p> <p>_ Thị nghĩa tất minh, tương vô sở hoặc, đồng Phật liễu nghĩa, đắc vô vọng da?</p> <p>(_ Nghĩa ấy rõ ràng, có lẽ không lầm, chưa biết có đúng với nghĩa rốt ráo của Phật hay không?)</p>	<p>_ Như thế cái nghĩa “Tâm ở ngoài thân”, tôi tưởng không sai lầm, nhưng chưa rõ có đúng với nghĩa rốt ráo của Phật chăng?</p>
--	---

22.	22. PHẬT DẠY CHẤP “TÂM Ở NGOÀI THÂN” LÀ PHI-LÝ.
<p>佛告阿難是諸比丘。適來從我室羅筏城。循乞搏食歸祇陀林。我已宿齋。汝觀比丘一人食時諸人飽不。</p> <p>阿難答言不也世尊。何以故。是諸比丘。雖阿羅漢軀命不同。云何一人能令眾飽。</p> <p>佛告阿難若汝覺了知見之心實在身外。身心相外自不相干。則心所知身不能覺。覺在身際心不能知。我今示汝兜羅綿手。汝眼見時心分別不。阿難答言如是世尊。</p> <p>佛告阿難若相知者云何在外。是故應知汝言覺了能知之心住在身外。無有是處。</p>	

<p>Phật cáo A-Nan:</p> <p>_ Thị chư Tỳ-khưu, thích lai tùng ngã, Thất-La-Phiệt thành, tuần khất đoàn thực, qui Kỳ-Đà lâm.</p> <p>_ Ngã dĩ túc trai, nhữ quan Tỳ-khưu, nhứt nhân thực thời, chư nhân bão phủ?</p>	<p>Đức Phật bảo ngài A-Nan:</p> <p>_ A-Nan! Hồi sớm mai, có các vị Tỳ-khưu theo Ta vào thành Thất-La-Phiệt khất-thực, rồi trở về rừng Kỳ-Đà.</p> <p>_ Ta vừa thọ trai xong, Ta bảo ông thử nghĩ: trong số Tỳ-khưu ấy, chỉ một người ăn mà các vị khác có thể no được không?</p>
--	---

<p>A-Nan đáp ngôn:</p> <p>_ Phất-dã Thế-Tôn! Hà dĩ cố?</p> <p>_ Thị chư Tỳ-khưu, tuy A-La-Hán, xumệnh bất đồng, vân hà nhứt nhân, nǎng lệnh chúng bão?</p>	<p>Ngài A-Nan bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Không thể được như vậy. Vì cớ sao?</p> <p>_ Vì các vị Tỳ-khưu đều là bậc A-La-Hán, nhưng thân-thể không đồng, mỗi người mỗi thân thì có lý nào một người ăn mà các vị khác no được.</p>
--	---

<p>Phật cáo A-Nan:</p> <p>_ Nhược nhữ giác liễu, tri-kiến chi tâm, thật tại thân ngoại, thân-tâm tương ngoại, tự bất tương can.</p> <p>_ Tắc tâm sở tri, thân bất nǎng giác,</p>	<p>Đức Phật bảo ngài A-Nan:</p> <p>_ Nếu tâm hiểu biết sáng suốt của ông thiêt ở ngoài thân, dĩ-nhiên thân với tâm khác biệt nhau, không có liên-quan gì với nhau.</p> <p>_ Như vậy hễ tâm biết thì thân không</p>
--	--

<p>giác tại thân tế, tâm bất năng tri. (_ Vậy cái gì tâm biết thì thân không thể hay, cái gì thân hay thì tâm không thể biết.)</p> <p>_ Ngã kim thị nhữ, đâu-la-miên thủ, nhữ nhẫn kiến thời, tâm phân-biệt phủ? _ A-Nan đáp ngôn: Như-thị, Thế-Tôn! (_ Thưa Thế-Tôn, đúng thế!)</p>	<p>biết, chớ tâm và thân không thể đồng biết một lượt.</p> <p>_ Bây giờ Ta đưa tay dịu dàng của Ta lên cho ông xem, mắt ông thấy tay, còn tâm ông có biết tay hay không? _ Ngài A-Nan bạch Phật: Bạch Đức Thế-Tôn! Mắt tôi vừa thấy tay thì tâm tôi biết liền.</p>
<p>Phật cáo A-Nan: _ Nhược tương tri giả, vân hà tại ngoại? (_ Nếu thân với tâm cùng hay biết một lượt với nhau, thì làm sao tâm lại ở ngoài thân?)</p> <p>_ Thị cố ưng tri, nhữ ngôn giác liễu, năng tri chi tâm, trụ tại thân ngoại, vô hữu thị xứ.</p>	<p>Đức Phật bảo: _ A-Nan! Thân và tâm của ông đồng biết một lượt thì không phải là hai thể sai biệt, như vậy ông làm sao dám nói tâm ở ngoài thân. _ Thế nên phải nhận định: Ông nói tâm hiểu biết sáng suốt của ông ở ngoài thân, chắc chắn không đúng.</p>

23. Chấp tâm núp sau con mắt. (Chấp lần 3)	23. NGÀI A-NAN CHẤP “TÂM ẨN TẠI MẮT”.
<p>阿難白佛言世尊如佛所言不見內故不居身內。身心相知不相離故不在身外。我今思惟知在一處。佛言處今何在。</p> <p>阿難言。此了知心。既不知內而能見外。如我思忖潛伏根裏。猶如有人取瑠璃椀合其兩眼。雖有物合而不留礙。彼根隨見隨即分別。然我覺了能知之心。不見內者為在根故。分明矚外無障礙者潛根內故。</p>	
<p>A-Nan bạch Phật ngôn: _ Thế-Tôn! Như Phật sở ngôn: bất kiến nội cố, bất cư thân nội. (_ Thưa Thế-Tôn! Như lời Phật dạy: vì không thấy bên trong, tâm không ở trong thân; _ Thân-tâm tương-tri, bất tương ly cố, bất tại thân ngoại. Ngã kim tư-duy, tri tại nhứt xứ. - vì thân-tâm cùng biết, không thể rời nhau, tâm không ở ngoài thân; nay tôi suy nghĩ, biết tâm ở một chỗ!) _ Phật ngôn: Xứ kim hà tại?</p>	<p>Ngài A-Nan bạch Phật: _ Bạch Đức Thế-Tôn! Như lời Phật dạy: Tâm không thấy trong thân thì tâm chẳng phải ở trong thân. _ Tâm và thân đồng biết một lượt, không thể rời nhau, thì tâm chẳng phải ở ngoài thân. Bây giờ tôi thiết nghĩ: Tâm ở một chỗ. Thiết nghĩ = Thiết-tưởng (竊想): trộm nghĩ. (lời nói khiêm-nhượng) _ Phật hỏi: A-Nan! Tâm ở chỗ nào?</p>

<p>(_ Phật hỏi: Chỗ ấy ở đâu?)</p> <p>A-Nan ngôn:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Thủ liễu tri tâm, ký bất tri nội, nhi năng kiến ngoại, như ngã tư thốn, tiềm phục căn lý. _ Du như hữu nhân, thủ Lưu-Ly oản, hiệp kỳ lưỡng nhẫn, tuy hữu vật hiệp, nhi bất lưu ngại, bỉ căn tùy kiến, tùy tức phân-biệt. <p>(..., con mắt tuy có vật úp vào, nhưng không làm ngăn ngại, con mắt kia liền thấy, thì liền phân-biệt được ngay.)</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Nhiên ngã giác liễu, năng tri chi tâm, bất kiến nội giả, vi tại căn cố. _ Phân minh chúc ngoại, vô chướng-negai giả, tiềm căn nội cố. 	<p>Ngài A-Nan bạch Phật:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Bạch Đức Thế-Tôn! Tâm liễu-tri đó không biết bên trong, mà hay thấy bên ngoài, theo tôi nghĩ, tâm ấy ẩn tại mắt. _ Ví như có người lấy chén Lưu-Ly úp vào hai mắt, thì tuy có vật úp ở ngoài, nhưng mắt vẫn sáng tỏ chớ không bị ngăn ngại, nên hễ mắt thấy tất-nhiên tâm phân-biệt. <p>Liễu-tri: Tâm hiểu biết rõ ràng, rốt ráo tất cả. <i>Liễu:</i> hiểu rõ, hiểu rốt ráo. <i>Tri:</i> biết, sự hiểu biết.</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Như thế tâm hiểu biết của tôi không thấy trong thân vì tâm ẩn tại mắt. _ Cũng bởi tâm ẩn tại mắt nên thấy phân-minh vật ở ngoài thân, không chút ngăn ngại, chưa rõ đúng chăng?
--	--

<p>24.</p>	<p>24. PHẬT DẠY CHẤP “TÂM ẨN TẠI MẮT” LÀ PHI-LÝ.</p> <p>佛告阿難如汝所言。潛根內者猶如瑠璃。彼人當以瑠璃籠眼。 。當見山河見瑠璃不。如是世尊。是人當以瑠璃籠眼實見瑠璃。</p> <p>佛告阿難汝心若同瑠璃合者。當見山河何不見眼。若見眼者。 眼即同境不得成隨。若不能見云何說言此了知心。潛在根內如瑠璃 合。是故應知汝言覺了能知之心。潛伏根裏如瑠璃合。無有是處。</p>
<p>_ Phật cáo A-Nan: Như nhữ sở ngôn, tiềm căn nội giả, du như Lưu-Ly, bỉ nhân dương dĩ, Lưu-Ly lung nhẫn, dương kiến sơn-hà, kiến Lưu-Ly phủ?</p> <p>_ Như-thị Thế-Tôn! Thị nhân đương dĩ, Lưu-Ly lung nhẫn, thật kiến Lưu-Ly.</p> <p>(_ Thưa Thế-Tôn, đúng thế! Người ấy đương khi lấy chén Lưu-Ly úp vào hai mắt, thật có thấy chén Lưu-Ly.)</p> <p>_ Phật cáo A-Nan: Nhữ tâm nhược đồng, Lưu-Ly hiệp giả, đương kiến sơn-hà, hà bất kiến nhẫn?</p> <p>(..., thì trong khi trông thấy núi sông, sao không trông thấy con mắt?)</p>	<p>_ Đức Phật dạy: A-Nan! Như ông vừa nói, tâm ẩn tại mắt, cũng như mắt ẩn sau chén Lưu-Ly, thì người lấy chén Lưu-Ly úp vào mắt, trong khi mắt thấy núi sông, có thấy chén Lưu-Ly chăng?</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Người úp chén Lưu-Ly vào mắt, trong khi mắt thấy núi sông, cũng thấy Lưu-Ly.</p>
	<p>_ Đức Phật bảo ngài A-Nan: A-Nan! Nếu tâm của ông ẩn tại mắt cũng như mắt ẩn sau chén Lưu-Ly, thì trong khi tâm thấy núi sông, tại sao không thấy mắt?</p>

<p>_ Nhược kiến nhãm giả, nhãm tức đồng cảnh, bất đắc thành tùy.</p> <p>(_ Nếu trông thấy con mắt, thì con mắt hình như ngoại-cảnh, không thể nào mắt liền thấy, tâm liền biết.)</p> <p>_ Nhược bất năng kiến, vân hà thuyết ngôn, thử liễu tri tâm, tiêm tại nhãm nội như Lưu-Ly hiệp?</p> <p>_ Thị cố ưng tri, nhữ ngôn giác liễu, năng tri chi tâm, tiêm phục căn lý, như lưu-ly hiệp, vô hữu thị xứ.</p>	<p>_ Nếu tâm thấy mắt thì mắt cũng như ngoại-cảnh, không thể nào mắt liền thấy, tâm liền biết.</p> <p>_ Nếu tâm không thấy mắt, thì không làm sao nói tâm hiểu biết ẩn tại mắt, như mắt ẩn sau chén Lưu-Ly.</p> <p>_ Thế nên phải nhận định: Ông nói tâm sáng tỏ hiểu biết ẩn tại mắt như mắt ẩn sau chén Lưu-Ly, chắc chắn vô-lý.</p>
--	--

<p>25. Chấp nhãm mắt thấy tối là thấy bên trong thân. (Chấp lần 4)</p>	<p>25. NGÀI A-NAN CHẤP “TÂM Ở TRONG LÃN NGOÀI”.</p>
<p>阿難白佛言世尊我今又作如是思惟。是眾生身府藏在中竅穴居外。有藏則暗有竅則明。今我對佛開眼見明名為見外。閉眼見暗名為見內。是義云何。</p>	<p>_ A-Nan bạch Phật ngôn: Thế-Tôn! Ngã kim hựu tác, như-thị tư-duy, thị chúng-sanh thân, tạng-phủ tại trung, khiếu-huyệt cư ngoại, hữu tạng tắc ám, hữu khiếu tắc minh.</p> <p>_ Kim ngã đối Phật, khai nhãm kiến minh, danh vi kiến ngoại, bế nhãm kiến ám, danh vi kiến nội. Thị nghĩa vân hà? (... , mở mắt thấy sáng gọi là thấy bên ngoài, nhãm mắt thấy tối gọi là thấy bên trong. Nghĩa ấy thế nào?)</p>

<p>26.</p>	<p>26. PHẬT DẠY CHẤP “TÂM Ở TRONG LÃN NGOÀI” LÀ PHI-LÝ.</p>
<p>佛告阿難汝當閉眼見暗之時。此暗境界為與眼對為不對眼。若與眼對暗在眼前云何成內。若成內者。居暗室中無日月燈。此室暗中皆汝焦府。若不對者云何成見。若離外見內對所成。合眼見暗名為身中。開眼見明何不見面。若不見面內對不成見面若成。此了知心及與眼根。乃在虛空何成在內。若在虛空自非汝體即應如來今見汝面亦是汝身。汝眼已知身合非覺。必汝執言身眼兩覺應有二知。即汝一身應成兩佛。是故應知汝言見暗名見內者無有是處。</p>	<p>Phật cáo A-Nan:</p>

Đức Phật dạy:

<p>_ Nhữ đương bế nhãm, kiến ám chi thời, thủ ám cảnh境界, vi dữ nhãm đối, vi bất đối nhãm?</p> <p>_ Nhược dữ nhãm đối, ám tại nhãm tiền, vân hà thành nội?</p> <p>_ Nhược thành nội giả, cư ám thất trung, vô nhụt nguyệt đăng, thủ thất ám trung, giai nhữ tiêu phủ?</p> <p>(..., cái gì ở trong phòng tối đó đều là tam-tiêu lục-phủ của ông hay sao?)</p> <p>_ Nhược bất đối giả, vân hà thành kiến?</p> <p>(_ Còn như cái tối không đối với mắt, thì làm sao thành ra có thấy?)</p> <p>_ Nhược ly ngoại kiến, nội đối sở thành, hiệp nhãm kiến ám, danh vi thân trung, khai nhãm kiến minh, hà bất kiến diện?</p> <p>(_ Dẫu tách rời lối thấy bên ngoài, mà cho rằng con mắt đối vào trong nên thấy tối, thì nhãm mắt thấy tối, gọi là thấy bên trong thân; vậy mở mắt thấy sáng, sao lại không thấy cái mặt.)</p> <p>_ Nhược bất kiến diện, nội đối bất thành.</p> <p>(_ Nếu không thấy cái mặt, thì cái nghĩa con mắt đối vào trong, không thành lập được.)</p> <p>_ Kiến diện nhược thành, thủ liễu tri tâm, cập dữ nhãm-căn, nãi tại hư-không, hà thành tại nội?</p> <p>(_ Còn như thấy được cái mặt, thì cái tâm hay biết ấy, và con mắt đều ở ngoài hư-không, sao lại thành ở trong thân được?)</p> <p>_ Nhược tại hư-không, tự phi nhữ thể.</p> <p>(_ Nếu tâm và con mắt ở ngoài hư-không thì tất-nhiên không phải là thể-chất của ông,</p> <p>_ Tức ưng Như-Lai, kim kiến nhữ diện, diệc thị nhữ thân.</p> <p>- vì không lẽ hiện nay Như-Lai thấy mặt ông cũng là thân của ông hay sao?)</p> <p>_ Nhữ nhãm dĩ tri, thân hiệp phi giác.</p>	<p>_ A-Nan! Trong khi ông nhãm mắt thấy tối, cái tối đó đối hay không đối với mắt?</p> <p>_ Nếu đối với mắt, thì cái tối ở trước mắt rồi, há phải ở trong thân?</p> <p>_ Nếu cái tối đó ở trong thân, thì khi ông ở trong nhà tối, không có mặt trời, mặt trăng và đèn đuốc, các vật trong nhà tối đều là tặng-phủ của ông chăng?</p> <p>_ Nếu cái tối không đối với mắt thì làm sao lại thấy tối?</p> <p>_ Nếu cái tối đó không phải ngoại đối tức là đối ra ngoài, mà là nội đối, tức là đối vào trong thì tại sao khi nhãm mắt thấy tối gọi là thấy trong, còn khi mở mắt thấy sáng, tại sao mắt đối vào trong mà không thấy được mặt?</p> <p>_ Nếu không thấy được mặt thì không phải là nội đối.</p> <p>_ Nếu thấy được mặt thì tâm hiểu biết sáng suốt và mắt ở ngoài hư-không, chớ chẳng phải ở trong thân.</p> <p>_ Nếu tâm và mắt ở giữa hư-không thì không phải là thể của ông.</p> <p>_ Böyle giờ Như-Lai ở ngoài thể của ông, vẫn thấy được mặt ông, đó cũng là thân ông chăng?</p> <p>_ Nếu mắt ở giữa hư-không thì cái gì</p>
---	---

<p>(_ Và như thế thì con mắt đã biết, thân ông lẽ phải không biết.)</p> <p>_ Tất nhữ chấp ngôn, thân nhãn lưỡng giác, ưng hữu nhị tri, tức nhữ nhứt thân, ưng thành lưỡng Phật?</p> <p>(_ Nếu ông chấp rằng thân và con mắt đều có biết thì ông phải có hai tánh biết, rồi chính một thân ông sẽ thành hai Đức Phật hay sao?)</p> <p>_ Thị cố ưng tri, nhữ ngôn kiến ám, danh kiến nội giả, vô hữu thị xứ.</p> <p>(_ Vậy nên biết rằng: Ông nói thấy tôi là thấy bên trong thân, thật không có lẽ nào như vậy.)</p>	<p>mắt biết, thân không biết được.</p> <p>_ Nếu ông chấp rằng thân và mắt, mỗi vật đều có tánh biết, thành-thử tự ông có hai tánh biết, như vậy một thể của ông có hai vị Phật, đó là mê chấp.</p> <p>_ Thế nên phải nhận định: Ông nói thấy tôi gọi là thấy trong, chắc chắn vô-lý, cũng như ông chấp tâm ở trong lẫn ngoài thật là sai lầm.</p>
---	---

<p>27. Chấp tâm hợp với chỗ nào thì liền có ở chỗ ấy. (Chấp lần 5)</p> <p>_ A-Nan ngôn: Ngā thường văn Phật, khai-thị tứ chúng:</p> <p>_ Do tâm sanh cố, chủng chủng pháp sanh; do pháp sanh cố, chủng chủng tâm sanh.</p> <p>_ Ngā kim tư-duy, tức tư-duy thể, thiệt ngā tâm-tánh, tùy sở hiệp xứ, tâm tặc tùy hữu, diệc phi nội ngoại, trung gian tam xứ.</p> <p>(_ Nay tôi suy nghĩ, thì tức cái thể suy nghĩ đó thật là tâm-tánh của tôi, hễ hợp với chỗ nào thì tâm liền có ở chỗ đó, chớ không phải ở trong, ở ngoài, hay ở chặng giữa.)</p>	<p>27. NGÀI A-NAN CHẤP “TÂM Ở CHỖ TÙY HIỆP”.</p> <p>阿難言我常聞佛開示四眾。由心生故種種法生。由法生故種種心生。我今思惟即思惟體實我心性。隨所合處心則隨有。亦非內外中間三處。</p> <p>_ Ngài A-Nan bạch Phật: Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi thường nghe Đức Thế-Tôn dạy tứ chúng (24) rằng:</p> <p>_ Vì tâm sanh nên (các thứ) pháp sanh, vì pháp sanh nên (các thứ) tâm sanh.</p> <p>_ Bây giờ nương theo lời Phật dạy mà tôi suy nghĩ, sự suy nghĩ ấy thiệt là tâm tôi, khi tâm hiệp với chỗ nào thì tâm liền ở chỗ đó, vì thế tôi cho tâm tùy hiệp, chớ không nhứt định ở trong ở ngoài chi cả.</p>
---	--

<p>28.</p>	<p>28. PHẬT DẠY CHẤP “TÂM Ở CHỖ TÙY HIỆP” LÀ PHI-LÝ.</p> <p>佛告阿難汝今說言由法生故種種心生。隨所合處心隨有者。是心無體則無所合。若無有體而能合者。則十九界因七塵合是義不然。若有體者如汝以手自挾其體。汝所知心為復內出為從外入。若復內出還見身中。若從外來先合見面。</p>
-------------------	--

<p>_ Phật cáo A-Nan: Nhữ kim thuyết ngôn, do pháp sanh cố, chủng chủng tâm sanh, tùy sở hiệp xứ, tâm tùy hữu giả.</p> <p>_ Thị tâm vô thể, tắc vô sở hiệp.</p> <p>(_ Cái tâm ấy nếu không có tự-thể thì không thể hợp được,</p> <p>_ Nhược vô hữu thể, nhi năng hiệp giả, tắc thập cửu giới, nhân thất trần hiệp, thị nghĩa bất nhiên?</p> <p>- chớ còn nếu không có có tự-thể mà vẫn hợp được, thì giới thứ 19 cùng trần thứ 7 hợp lại được hay sao? Nghĩa ấy quyết không đúng.)</p> <p>_ Nhược hữu thể giả, như nhữ dĩ thủ, tự chí kỳ thể, nhữ sở tri tâm, vi phục nội xuất, vi tùng ngoại nhập?</p> <p>(_ Còn nếu có tự thể, thì trong khi ông lấy tay tự gảy thân ông, cái tâm biết gảy của ông, ở trong thân ra, hay từ bên ngoài vào?)</p> <p>_ Nhược phục nội xuất, hoàn kiến thân trung, nhược tùng ngoại lai, tiên hiệp kiến diện.</p> <p>(_ Nếu ở trong thân ra, thì lại phải thấy bên trong, nếu từ ngoài vào, thì trước hết phải thấy cái mặt.)</p>	<p>_ Đức Phật dạy: A-Nan! Ông vừa nói: Vì pháp sanh nên (các thứ) tâm sanh, tâm hiệp với chỗ nào thì tâm liền ở chỗ đó.</p> <p>_ Tâm suy nghĩ của ông không có thiệt-thể thì chẳng bao giờ hiệp được với cái chi cả.</p> <p>_ Nếu tâm không có thiệt-thể mà cũng hiệp được, chẳng khác nào lấy thêm một giới ngoài số 18 giới và lấy thêm một trần ngoài số 6 trần, đặt hai vật cho có tên: Giới thứ 19 và Trần thứ 7, chớ không có thiệt, nếu nói rằng hai vật ấy hiệp được thì phi-lý.</p> <p>_ Nếu tâm có thiệt-thể thì ông thử nghiệm xét bằng cách lấy bàn tay đánh vào thân ông, tâm biết chỗ đánh ấy ở trong ra hay là ở ngoài vào?</p> <p>_ Nếu tâm ở trong ra thì đã thấy trong thân, nếu tâm ở ngoài vào thì đã thấy mặt.</p>
---	---

阿難言見是其眼心知非眼為見非義。	
<p>29. A-Nan ngôn:</p> <p>_ Kiến thị kỳ nhã, tâm tri phi nhã, vi kiến phi nghĩa.</p> <p>(_ Thấy là con mắt, còn tâm thì biết chớ không phải thấy như con mắt; nói tâm thấy là không đúng nghĩa.)</p>	<p>29.</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Mắt chủ sự thấy, tâm chủ sự biết, tâm không phải như mắt mà bảo rằng tâm thấy, tôi sợ phi-nghĩa.</p>

佛言若眼能見汝在室中門能見不。則諸已死尚有眼存應皆見物。若見物者云何名死。

阿難又汝覺了能知之心若必有體。為復一體為有多體。今在汝身為復遍體為不遍體。若一體者。則汝以手挾一肢時。四肢應覺。若咸覺者挾應無在。若挾有所則汝一體自不能成。若多體者則成多人何體為汝。若遍體者同前所挾。若不遍者當汝觸頭亦觸其足。頭有所覺足應無知。今汝不然。是故應知隨所合處心則隨有無有是

處。	
<p>30. Phật ngôn:</p> <p>_ Nhược nhãnh năng kiến, nhữ tại thất trung, môn năng kiến phủ?</p> <p>(_ Nếu con mắt thấy được, thì khi ông ở trong phòng, cái cửa có thấy được không?)</p> <p>_ Tắc chư dĩ tử, thượng hữu nhãnh tồn, ưng giai kiến vật, nhược kiến vật giả, vân hà danh tử?</p> <p>(_ Lại những người chết rồi, vẫn còn con mắt, lẽ ra phải thấy được vật; mà nếu thấy được vật, thì sao gọi là chết?)</p> <p>_ A-Nan! Hựu nhữ giác liễu, năng tri chi tâm, nhược tất hữu thể, vi phục nhứt thể, vi hữu đa thể?</p> <p>_ Kim tại nhữ thân, vi phục biến thể, vi bất biến thể?</p> <p>_ Nhược nhứt thể giả, tắc nhữ dĩ thủ, chất nhứt chi thời, tứ chi ưng giác, nhược hàm giác giả, chất ưng vô tại.</p> <p>(_ Nếu tâm có một thể, thì ông lấy tay gảy một chi, lẽ ra cả tứ chi đều biết; mà nếu đều biết, thì lại không biết gảy ở chỗ nào.)</p> <p>_ Nhược chất hữu sở, tắc nhữ nhứt thể, tự bất năng thành.</p> <p>(_ Nếu biết chỗ gảy, thì cái thuyết một thể của ông tự-nhiên không thể thành-lập được.)</p> <p>_ Nhược đa thể giả, tắc thành đa nhân, hà thể vi nhữ.</p> <p>(_ Nếu như có nhiều thể, thì thành ra nhiều người, còn biết cái thể nào là thể của ông?)</p> <p>_ Nhược biến thể giả, đồng tiền sở chất.</p> <p>(_ Nếu cái thể ấy cùng khắp cả mình, thì lại như trước kia, không biết được chỗ gảy.)</p> <p>_ Nhược bất biến giả, đương nhữ xúc đầu, diệc xúc kỳ túc, đầu hữu sở giác, túc ưng vô tri, kim nhữ bất nhiên.</p> <p>(_ Nếu như không cùng khắp, thì khi ông chạm trên</p>	<p>30.</p> <p>_ A-Nan! Sự thấy tuy về phần mắt nhưng tánh hay thấy thiệt ở tâm. Ta ví dụ thân ông là tâm, cái cửa là mắt. Như thân ông không có ở trong nhà trông ra ngoài thì cái cửa có tự thấy được chăng?</p> <p>_ Nếu nghĩ chỉ có mắt thấy chớ chẳng cần tâm, thì người chết, mắt vẫn còn mà tại sao không thấy? Vì mắt thấy thì thế nào gọi là chết được?</p> <p>_ A-Nan! Lại như tâm hiểu biết sáng suốt có tự-thể thì chỉ có một thể hay là nhiều thể?</p> <p>_ Nếu nói tâm ở trong thân ông thì khắp cả mình hay chẳng khắp cả mình?</p> <p>_ Nếu nói chỉ có một thể, thì trong khi ông lấy bàn tay đánh một chỗ thì tứ chi đều biết, nếu tứ chi đều biết thì ông không biết được chỗ đánh.</p> <p>_ Như ông biết được chỗ đánh thì không thành nghĩa “một thể” nữa.</p> <p>_ Nếu nói có nhiều thể, thành ra nhiều người, vì mỗi người có một tâm, nhiều tâm tất phải nhiều người, thì thể nào là thể của ông?</p> <p>_ Nếu nói tâm ông khắp cả mình thì không đúng vì ông biết được chỗ đánh như vừa kể trên.</p> <p>_ Nếu nói tâm ông chẳng khắp cả mình thì trong khi ông đụng đầu và đụng chân, như đầu biết đau thì đáng lẽ chân không biết đau, nhưng cả đầu và chân</p>

dầu, đồng-thời cũng chạm dưới chân, hẽ dầu có biết, lẽ ra chân phải không biết, nhưng hiện nay ông lại không phải như thế.)	đồng biết đau một lượt, thế thì không thành nghĩa “chẳng khấp cả mình”.
	_ Đó là chứng tỏ tâm ông không phải một, cũng không phải nhiều, không phải khấp cả mình, cũng không phải chẳng khấp cả mình.
<p>_ Thị cố ưng tri, tùy sở hiệp xứ, tâm tặc tùy hữu, vô hữu thị xứ. (_ Vậy nên biết rằng: Hễ hợp với chỗ nào, tâm liền có ở chỗ đó, thật không có lẽ nào như vậy.)</p>	<p>_ Vậy phải nhận định: Ông nói tâm hiệp ở chỗ nào thì tâm liền ở chỗ đó tức là tâm ở chỗ tùy hiệp, chắc chắn vô-lý.</p>

31. Chấp tâm ở khoảng giữa. (Chấp lần 6)	31. NGÀI A-NAN CHẤP “TÂM Ở KHOẢNG GIỮA”.
<p>阿難白佛言。世尊我亦聞佛與文殊等諸法王子談實相時。世尊亦言心不在內亦不在外。如我思惟內無所見外不相知。內無知故在內不成。身心相知在外非義。今相知故復內無見當在中間。</p>	
<p>A-Nan bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Thế-Tôn! Ngã diệc văn Phật, dữ Văn-Thù đẳng, chư Pháp-Vương-Tử, đàm thật-tướng thời. (_ Thưa Thế-Tôn! Trong khi Phật nói thật-tướng với các vị Pháp-Vương-Tử như ngài Văn-Thù.)</p> <p>_ Thế-Tôn diệc ngôn: Tâm bất tại nội, diệc bất tại ngoại. _ Như ngã tư-duy: Nội vô sở kiến, ngoại bất tương-tri. (_ Theo ý tôi nghĩ: Tâm ở trong thân, sao lại không thấy bên trong; tâm ở ngoài thân thì thân và tâm không cùng biết.)</p> <p>_ Nội vô tri cố, tại nội bất thành, thân-nâm tương-tri, tại ngoại phi nghĩa. (_ Vì tâm không biết bên trong, nên không thể nói tâm ở trong thân, vì thân và tâm cùng biết, nên nói tâm ở ngoài cũng không đúng lý.)</p> <p>_ Kim tương tri cố, phục nội vô kiến, đương tại trung gian. (_ Nay thân và tâm cùng biết, lại tâm không thấy được bên trong thân, thì tâm phải ở khoảng giữa.)</p>	<p>Ngài A-Nan bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Trong khi Đức Thế-Tôn với Bồ-Tát Văn-Thù và các vị Pháp-Vương-Tử luận bốn-tướng chơn-thiệt.</p> <p>_ Đức Thế-Tôn cũng có nói: Tâm không ở trong, cũng không ở ngoài. _ Tôi thiết nghĩ: Nếu tâm ở trong thì tại sao tâm chẳng thấy trong, nếu tâm ở ngoài thì đáng lẽ tâm với thân ở cách xa, mỗi vật biết riêng, chớ tại sao tâm và thân đồng biết một lượt. _ Tâm không biết trong nên không thể nói tâm ở trong, tâm và thân đồng biết một lượt nên không thể nói tâm ở ngoài. _ Nếu tâm không ở trong, cũng không ở ngoài thì tâm ở khoảng giữa.</p>

32.	32. PHẬT DẠY CHẤP “TÂM Ở KHOẢNG GIỮA” LÀ PHI-LÝ.
	<p>佛言汝言中間。中必不迷非無所在。今汝推中中何為在。為復在處為當在身。若在身者在邊非中在中同內。若在處者為有所表為無所表。無表同無表則無定。何以故。如人以表表為中時。東看則西南觀成北。表體既混心應雜亂。</p>
<p>_ Phật ngôn: Nhữ ngôn trung-gian, trung tất bất nê, phi vô sở tại.</p> <p>(_ Đức Phật dạy: Ông nói “ở khoảng giữa”, thì cái giữa ấy chắc không lẩn lộn và không phải không có chỗ.)</p> <p>_ Kim nhữ suy trung, trung hà vi tại? Vi phục tại xứ, vi đương tại thân?</p> <p>(_ Nay ông nhận định cái giữa ấy ở chỗ nào, ở nơi cảnh hay ở nơi thân?)</p> <p>_ Nhược tại thân giả, tại biên phi trung, tại trung đồng nội.</p> <p>(_ Nếu ở nơi thân mà ở một bên thì không phải là giữa, còn nếu ở giữa thân thì cũng như ở trong thân.)</p> <p>_ Nhược tại xứ giả, vi hữu sở biểu, vi vô sở biểu.</p> <p>(_ Nếu ở nơi cảnh, thì có thể nêu ra được, hay không thể nêu ra được?)</p> <p>_ Vô biểu đồng vô, biểu tắc vô định. Hà dĩ cố ?</p> <p>(_ Không nêu ra được thì cũng như không có cái giữa, còn nêu ra được thì lại không nhất định ở giữa. Vì sao?)</p> <p>_ Như nhân dĩ biểu, biểu vi trung thời, Đông khán tắc Tây, Nam quan thành Bắc.</p> <p>_ Biểu thể ký hồn, tâm ứng tạp loạn.</p> <p>(_ Cái giữa nêu ra đã lẩn lộn, thì tâm phải rối bời, không rõ ở đâu.)</p>	<p>_ Đức Phật dạy: A-Nan! Ông nói khoảng giữa thì phải biết khoảng giữa có chỗ nhất-định phân-minh, chớ không được mơ hồ.</p> <p>_ Khoảng giữa đó ở chỗ nào? Ở tại thân hay tại cảnh?</p> <p>_ Nếu tâm ở tại thân thì có nghĩa ở một bên thân hoặc ở giữa thân. Nếu ở một bên thân thì không phải là ở khoảng giữa, còn nếu ở giữa thân thì có khác chi ở trong thân, như đã nói lần trước.</p> <p>_ Nếu tâm ở tại cảnh thì có nêu hay không nêu?</p> <p>_ Nếu không nêu thì bất thành nghĩa khoảng giữa, còn có nêu thì không thể chỉ-định chỗ nào là khoảng giữa. Vì cớ sao?</p> <p>_ Ví như có người cầm cây nêu làm trung-tâm, thì khi đứng hướng Đông xem, cây nêu ở hướng Tây, khi đứng hướng Nam xem, cây nêu ở hướng Bắc.</p> <p>_ Nếu nêu lộn xộn thì tâm của ông cũng lộn xộn, làm sao chỉ-định khoảng giữa.</p>

阿難言我所說中非此二種。如世尊言眼色為緣生於眼識。眼有分別色塵無知。識生其中則為心在。

33. A-Nan ngôn: Ngã sở thuyết trung, phi thử nhị chủng.

(_ Cái giữa của tôi nói, không phải hai thứ ấy.)

_ Như Thế-Tôn ngôn: nhẫn sắc vi duyên, sanh ư nhẫn-thức.

_ Nhẫn hữu phân-biệt, sắc-trần vô tri, thức sanh kỳ trung, tắc vi tâm tại.

(..., nhẫn-thức sanh ra ở giữa, thì tâm ở chỗ đó.)

33. Ngài A-Nan bạch Phật: Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi nói khoảng giữa, không phải ở tại thân hoặc tại cảnh.

_ Như Phật có nói: căn mắt và sắc-trần làm duyên sanh ra nhẫn-thức.

_ Căn mắt có phân-biệt, sắc-trần không hiểu biết, căn và trần đối-dai nhau, thì tâm sanh ở khoảng giữa căn với trần.

佛言汝心若在根塵之中。此之心體為復兼二為不兼二。若兼二者物體雜亂。物非體知成敵兩立云何為中。兼二不成非知不知即無體性中何為相。是故應知當在中間無有是處。

34. Phật ngôn:

_ Nhữ tâm nhược tại, căn trần chi trung, thử chi tâm thể, vi phục kiêm nhị, vi bất kiêm nhị?

_ Nhược kiêm nhị giả, vật thể tạp loạn.

(_ Nếu gồm cả hai thì ngoại vật và tâm-thể xen lộn, còn biết tâm là gì?)

_ Vật phi thể tri, thành địch lưỡng lập, vân hà vi trung.

(_ Ngoại vật không phải có biết như tâm-thể, bên có biết, bên không biết, trái hẳn lẫn nhau, thì lấy cái gì làm khoảng giữa?)

_ Kiêm nhị bất thành, phi tri bất tri tức vô thể-tánh, trung hà vi tướng.

(_ Gồm cả hai cũng không được, và nếu không phải có biết, và cũng không phải không biết, thì tức là không có thể-tánh, lấy gì làm cái tướng ở giữa.)

_ Thị cố ưng tri, đương tại trung gian, vô hữu thị xứ.

(_ Vậy nên biết rằng: Ông nói cái tâm phải ở khoảng giữa, thật không có lẽ nào như vậy.)

34. Đức Phật dạy:

_ A-Nan! Nếu tâm của ông ở khoảng giữa căn với trần, thì tâm gồm cả căn trần hay không gồm hai món ấy?

_ Nếu gồm cả căn trần thì căn là thể, trần là vật, thể vật lẩn lộn, làm sao biết tâm ông ở chỗ nào được.

_ Thể là thứ hiểu biết, vật là thứ không hiểu biết, thứ hiểu biết và thứ không hiểu biết, hai thứ đối-dai nhau, thành hai bên riêng biệt, thì làm sao chỉ-định khoảng giữa.

_ Nếu không gồm căn trần thì tâm không phải căn, cũng không phải trần, tức là không có tánh chi cả, thì lấy chi làm khoảng giữa được?

_ Thể nên phải nhận-định: lời nói “Tâm ở khoảng giữa” của ông thật vô lý.

<p>35. Chấp tâm không dính dáng vào đâu tất cả. (Chấp lần 7)</p>	<p>35. NGÀI A-NAN CHẤP “TÂM VÔ-TRƯỚC”.</p> <p>阿難白佛言世尊。我昔見佛與大目連須菩提富樓那舍利弗四大弟子共轉法輪。常言覺知分別心性。既不在內亦不在外。不在中間俱無所在。一切無著名之為心。則我無著名為心不。</p>
<p>A-Nan bạch Phật ngôn:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Thế-Tôn! Ngã tích kiến Phật, dữ Đại Mục-Kiền-Liên, Tu-Bồ-Đề, Phú-Lâu-Na, Xá-Lợi-Phất, tứ đại đệ-tử, cộng chuyển pháp luân. _ Thường ngôn: giác tri phân-biệt tâm-tánh, ký bất tại nội, diệc bất tại ngoại, bất tại trung-gian, cu vô sở tại. <p>(_ Phật thường dạy: cái tánh của tâm hay biết chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở khoảng giữa, chẳng ở chỗ nào cả,</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Nhứt-thiết vô trước, danh chi vi tâm. Tắc ngã vô trước, danh vi tâm phủ? <p>- không dính dáng vào đâu tất cả thì gọi là tâm. Vậy tôi lấy cái không dính dáng của tôi mà gọi là tâm, có được chăng?)</p>	<p>Ngài A-Nan bạch Phật:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Bạch Đức Thế-Tôn! Khi trước tôi có thấy Phật và bốn vị đại đệ-tử: Đại Mục-Kiền-Liên, Tu-Bồ-Đề, Phú-Lâu-Na, Xá-Lợi-Phất đồng chuyển bánh xe pháp; - thường nói: tâm-tánh hiểu biết phân-biệt, không có ở trong, ở ngoài hoặc ở giữa, không ở chỗ nào hết. <p>_ Như không mắc tất cả pháp gọi là tâm, thế thì cái vô-trước của tôi có phải tâm chăng?</p>

<p>36.</p>	<p>36. PHẬT DẠY CHẤP “TÂM VÔ-TRƯỚC” LÀ PHI-LÝ.</p> <p>佛告阿難汝言覺知分別心性俱無在者。世間虛空水陸飛行。諸所物象名為一切。汝不著者為在為無。無則同於龜毛兔角云何不著。有不著者不可名無。無相則無非無則相。相有則在云何無著。是故應知一切無著。名覺知心無有是處。</p>
<p>_ Phật cáo A-Nan: Nhữ ngôn giác tri phân-biệt tâm-tánh, cu vô tại giả.</p> <p>(_ Đức Phật dạy: Ông nói tánh của tâm hay biết, không ở đâu cả.)</p> <p>_ Thế-gian hư-không thủy lục phi hành, chư sở vật tượng, danh vi nhứt-thiết, nhữ bất trước giả, vi tại vi vô?</p> <p>(_ Vậy các vật-tượng thế-gian như hư-không và các loài thủy, lục, không, hành, gọi là tất cả sự vật mà ông không dính dáng vào, là có hay là không có?)</p>	<p>_ Đức Phật dạy: A-Nan! Ông nói tâm-tánh hiểu biết phân-biệt không ở chỗ nào hết.</p> <p>_ Trong thế-gian, các loài đi ở mặt đất, lội ở dưới nước, bay ở hư-không, gọi là các pháp mà ông vô-trước đó, có hay không có?</p>

<p>_ Vô, tắc đồng ư qui-mao thố-giác, vân hà bất trước?</p> <p>(_ Không, thì đồng như lông rùa sừng thỏ, còn gì mà không dính dáng?)</p> <p>_ Hữu bất trước giả, bất khả danh vô.</p> <p>(_ Đã có cái không dính dáng, thì không thể gọi là không.)</p> <p>_ Vô tướng tắc vô, phi vô tắc tướng, tướng hữu tắc tại, vân hà vô trước?</p> <p>(_ Không có tướng thì là không, không phải không thì có tướng, có tướng thì có chỗ ở, làm sao lại không dính dáng được?)</p> <p>_ Thị cố ưng tri, nhứt-thiết vô trước, danh giác tri tâm, vô hữu thị xứ.</p> <p>(_ Vậy nên biết rằng: Ông nói cái không dính dáng vào đâu tất cả gọi là tâm hay biết, thật không có lẽ nào như vậy.)</p>	<p>_ Nếu các pháp không có, như lông rùa sừng thỏ (25) thì vốn là không rồi, còn có chi gọi được vô-trước?</p> <p>_ Nếu không có tướng thì các pháp không có, còn có tướng thì các pháp có.</p> <p>_ Nếu ông không phải vô tâm tất có tâm tướng, có tâm tướng tất có chỗ sở-tại, có chỗ sở-tại tất có trước, như vậy bất thành nghĩa: vô-trước.</p> <p>_ Thế nên phải nhận định: Ông nói tâm vô-trước, chắc chắn phi-lý (26).</p>
---	---

37.

37. NGÀI A-NAN CẦU PHẬT KHAI-THI DIỆU-PHÁP.

爾時阿難在大眾中即從座起。偏袒右肩右膝著地。合掌恭敬而白佛言。我是如來最小之弟。蒙佛慈愛雖今出家猶恃憍憐。所以多聞未得無漏。不能折伏娑毘羅呪。為彼所轉溺於姪舍。當由不知真際所指。唯願世尊。大慈哀愍。開示我等奢摩他路。令諸闡提墮彌戾車。作是語已。五體投地。及諸大眾傾渴翹佇欽聞示誨。

_ Nhĩ thời A-Nan, tại đại-chúng trung, tức tùng tòa khởi, thiên đản hữu kiên, hữu tất trước địa, hiệp-chưởng cung-kính, nhi bạch Phật ngôn:

_ Ngã thị Như-Lai, tối thiểu chi đệ, mông Phật từ ái, tuy kim xuất gia, du thị kiêu lân. Sở dĩ đa văn, vị đắc vô-lậu, bất năng chiết phục, Ta-Tỳ-Ca-La chú, vi bỉ sở chuyển, nịch ư dâm xá; đương do bất tri chơn tế sở chỉ.

(_ Tôi là em rất nhỏ của Như-Lai, nhờ Phật thương yêu, nay tuy được xuất-gia, còn ý-lại nơi lòng thương của Phật. Vì vậy nên tôi học rộng nghe nhiều mà chưa chứng quả vô-lậu, không uốn dẹp được chú Ta-

_ Khi ấy, ngài A-Nan ở trong Đại-chúng, từ chỗ ngồi đứng dậy, trật vai áo và quì gối bên hữu (27), chắp tay hiệp-chưởng cung-kính bạch Phật:

_ Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi là đứa em rất thấp kém của Như-Lai, nhờ Như-Lai thương, mặc dầu xuất-gia, nhưng còn ý-lại vào lòng thương của Như-Lai; nên có nghe nhiều giáo-pháp mà chưa đắc quả vô-lậu, đến nỗi không trừ được thuật ngoại-đạo Ta-Tỳ-Ca-La, để bị lay chuyển vào dâm-phòng. Sở-dĩ phải chịu khổ như vậy là vì tôi chưa biết rõ Thưởng-Trụ Chơn-Như Tâm.

<p>Tỳ-Ca-La, bị nó bắt phải vào nhà đậm-nữ; nguyên-do là vì không biết con đường tu-tập đi đến chỗ chơn-thật.)</p> <p>_ Duy nguyện Thế-Tôn, đại-tử ai-mẫn, khai-thị ngã đẳng, Sa-ma-tha lộ, linh chư xiển-đê, huy di lê xa.</p> <p>(_ Cầu xin Thế-Tôn đại-tử thương xót, chỉ dạy cho chúng tôi đường tu Sa-ma-tha, cung khiếu cho những người không tin trừ bỏ những tư-tưởng xấu.)</p> <p>_ Tác thị ngữ dĩ, ngũ thể đầu địa, cập chư đại-chúng, khuynh khát kiều trữ, khâm văn thị hối.</p>	<p>_ Nay tôi thỉnh-cầu Đức Thế-Tôn dũ lòng đại-tử đại-bi khai-thị Tâm Chơn-Như, chỉ dạy đường Sa-ma-tha cho chúng tôi trừ tuyệt các giống bất-tín và ác-kiến.</p> <p>_ Bạch Phật xong, ngài A-Nan gieo năm vó xuống đất (28), đánh lễ Phật, còn Đại-chúng thì im lặng, hết lòng ngưỡng mộ, chờ nghe diệu-pháp.</p>
--	--

爾時世尊從其面門放種種光。其光晃耀如百千日。普佛世界六種震動。如是十方微塵國土一時開現。佛之威神令諸世界合成一界。其世界中所有一切諸大菩薩。皆住本國合掌承聽。

<p>38. Nhĩ thời Thế-Tôn, tùng kỳ diện môn, phóng chủng chủng quang, kỳ quang hoảng diệu, như bá thiên nhựt, phổ Phật thế-giới, lục chủng chấn-động, như-thị thập phương, vi-trần quốc-độ, nhứt-thời khai hiện.</p> <p>(_ Bấy giờ, Đức Thế-Tôn từ trước mặt, phóng ra các thứ hào-quang, hào-quang ấy chói sáng như trăm nghìn mặt trời, khắp các thế-giới chư Phật, sáu thứ rung động, như thật các cõi nước mười phương, nhiều như vi-trần, đồng-thời hiện ra.)</p> <p>_ Phật chi uy thần, linh chư thế-giới hiệp thành nhứt giới.</p> <p>_ Kỳ thế-giới trung, sở-hữu nhứt-thiết, chư đại Bồ-Tát, giai trụ bồn-quốc, hiệp chưởng thừa thính.</p> <p>(_ Trong thế-giới này, tất cả các vị Bồ-Tát hiện có, đều an-trụ nơi nước mình, chấp tay vâng nghe lời Phật dạy.)</p>	<p>38. Lúc bấy giờ, Đức Phật từ mặt phóng nhiều đạo hào-quang sáng tỏ như trăm ngàn thái-dương, soi khắp thế-giới, sáu chủng rung động, mười phương quốc-độ, nhiều như hột bụi vi-trần, đồng-thời hiện ra.</p> <p>_ Oai-đức thần-thông của Phật khiến các thế-giới hiệp thành một thế-giới.</p> <p>_ Tất cả Đại Bồ-Tát trụ nơi bồn-quốc, đều hiệp-chưởng hầu Phật, chăm nghe diệu-pháp.</p>
--	--

39. Chỉ hai thứ cội gốc để phân-biệt mê và ngộ.	39. PHẬT HIỀN-MINH HAI CĂN-BỐN: VÔ-THỈ SANH-TỬ VÀ VÔ-THỈ BỒ-ĐỀ NIẾT-BÀN.
<p>佛告阿難一切眾生。從無始來種種顛倒。業種自然如惡叉聚。諸修行人不能得成無上菩提。乃至別成聲聞緣覺。及成外道諸天魔王及魔眷屬。皆由不知二種根本錯亂修習。猶如煮沙欲成嘉饌。縱經塵劫終不能得。云何二種。阿難一者無始生死根本。則汝今者與諸眾生。用攀緣心為自性者。二者無始菩提涅槃元清淨體。則汝今者識精元明。能生諸緣緣所遺者。由諸眾生遺此本明。雖終日行而不自覺枉入諸趣。</p>	
<p>Phật cáo A-Nan:</p> <p>_ Nhứt-thiết chúng-sanh, tùng vô-thỉ lai, chủng chủng diên-dảo, nghiệp chướng tự nhiên, như Ác-Xoa tu.</p> <p>(_ Tất cả chúng-sanh từ vô-thỉ đến nay, diên-dảo nhiều cách, giống nghiệp tự-nhiên nhóm lại như chùm quả Ác-Xoa.)</p>	<p>Đức Phật dạy ngài A-Nan:</p> <p>_ Tất cả chúng-sanh từ vô-thỉ đến nay, vì mê chơn-giác, khởi hoặc vô-minh, diên-dảo vọng-tưởng tạo ra nghiệp-chướng, hễ có nghiệp-chướng tất bị khổ-báo, ví như chùm trái Ác-Xoa (29).</p>
	<p>_ Nếu không tu-hành thì chẳng làm sao thoát-ly được.</p>
<p>_ Chư tu-hành nhân, bất năng đắc thành, Vô-Thượng Bồ-Đề, nai chí biệt thành, Thinh-Văn, Duyên-Giác, cập thành ngoại-đạo, chư Thiên, Ma-vương, cập ma quyến-thuộc; giai do bất tri, nhị chủng căn-bốn, thố loạn tu-tập; du nhữ chữ sa, dục thành gia soạn, túng kinh trần kiếp, chung bất năng đắc.</p> <p>_ Văn hà nhị chủng?</p> <p>(_ Thế nào là hai thứ cội gốc?)</p>	<p>_ Những người có tu-hành nhưng không đắc đạo-quả Vô-Thượng Bồ-Đề, (đến nỗi) lại thành Thinh-Văn, Duyên-Giác, hoặc thành ngoại-đạo, hoặc thành chư Thiên, hoặc thành Ma-vương và quyến-thuộc; đều tại không hiểu rõ hai căn-bốn, tu-tập sai lầm; ví như nấu cát mà muốn cho thành cơm, thì dầu trải vô-số kiếp, (rốt cuộc) cũng không thành được.</p> <p>_ Hai căn-bốn đó là chi?</p>
<p>_ A-Nan! Nhứt giả vô-thỉ sanh-tử căn-bốn.</p> <p>(_ A-Nan! Một là cái cội gốc sanh-tử vô-thỉ,</p>	<p>_ A-Nan! Căn-bốn thứ nhứt là vô-thỉ sanh-tử,</p>
	<p>- căn-bốn thứ nhì là vô-thỉ Bồ-Đề Niết-Bàn.</p>
<p>_ Tắc nhữ kim giả, dữ chư chúng-sanh, dụng phan-duyên tâm, vi Tự-Tánh giả.</p> <p>- tức như ông ngày nay cùng các chúng-sanh dùng cái tâm phan-duyên mà làm Tự-Tánh.)</p>	<p>_ Vô-thỉ sanh-tử là như hiện nay ông cũng như tất cả chúng-sanh đều lấy tâm vọng-động nhận làm Tự-Tánh nên chịu khổ sanh-tử luân-hồi.</p>

<p>_ Nhị giả vô-thỉ Bồ-Đề Niết-Bàn, nguyên thanh-tịnh thế, tắc nhữ kim giả, thức tinh nguyên-minh, năng sanh chư duyên, duyên sở di giả.</p> <p>(_ Hai là cái thể bản-lai thanh-tịnh Bồ-Đ Đề Niết-Bàn vô-thỉ, thì như hiện nay cái tánh bản-minh thức-tánh của ông, sanh ra các duyên mà lại bị bỏ rơi.)</p> <p>_ Do chư chúng-sanh, di thử bồn-minh, tuy chung nhụt hành, nhi bất tự giác, uổng nhập chư thú.</p> <p>(_ Do các chúng-sanh bỏ rơi cái bản-minh ấy, nên tuy cả ngày sống trong tánh bản-minh mà không tự-giác, oan-uổng vào trong lục-dạo.)</p>	<p>_ Vô-thỉ Bồ-Đề Niết-Bàn là như hiện nay căn-bốn thức của ông gốc có một thể nguyên-minh thanh-tịnh sáng suốt, nhưng vì ông không giữ được Tự-Tánh, cứ tùy duyên tùy cảnh mà sanh ra vọng-tưởng, rồi nhận lấy vọng-tưởng làm Tự-Tánh, quên mất thể nguyên-minh.</p> <p>_ Tất cả chúng-sanh vì quên mất thể nguyên-minh, nên hằng ngày tuy sống ở thể nguyên-minh mà không tự biết, do đó bị luân-chuyển trong các cõi phàm-phu. Thật là oan-uổng!</p>
--	---

阿難汝今欲知奢摩他路願出生死。今復問汝。即時如來舉金色臂屈五輪指。語阿難言汝今見不。阿難言見。佛言汝何所見。阿難言我見如來舉臂屈指。為光明拳曜我心目。佛言汝將誰見。阿難言我與大眾同將眼見。

佛告阿難汝今答我。如來屈指為光明拳。耀汝心目汝目可見。以何為心當我拳耀。阿難言如來現今徵心所在。而我以心推窮尋逐。即能推者我將為心。佛言咄阿難此非汝心。

<p>40. A-Nan! Nhữ kim dục tri, Sa-ma-tha lộ, nguyên xuất sanh-tử, kim phục vấn nhữ. (... Ta lại hỏi ông.)</p> <p>_ Tức thời Như-Lai, cử kim sắc tý, khuất ngũ luân chỉ.</p> <p>_ Ngữ A-Nan ngôn, nhữ kim kiến phủ?</p> <p>_ A-Nan ngôn: Kiến.</p>	<p>40. A-Nan! Nay ông muốn biết đường Sa-ma-tha để giải-thoát sanh-tử, thì bây giờ ông hãy nghe đây.</p> <p>_ Đức Phật bèn đưa cánh tay lên, co 5 ngón lại, hỏi:</p> <p>_ A-Nan! Ông thấy hay không?</p> <p>_ Bạch đức Thế-Tôn! Tôi thấy rõ.</p>
<p>_ Phật ngôn: Nhữ hà sở kiến?</p> <p>_ A-Nan ngôn: Ngã kiến Như-Lai, cử tý khuất chỉ, vi quang-minh quyên, diệu ngã tâm mục.</p> <p>(_ Ông A-Nan bạch: Tôi thấy Như-Lai giơ cánh tay, co ngón tay thành nắm tay sáng ngời, chói mắt và con mắt của tôi.)</p>	<p>_ Thấy cái chi?</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi thấy Như-Lai đưa cánh tay lên, co 5 ngón thành quyên chiếu sáng tâm và mắt tôi.</p>
<p>_ Phật ngôn: Nhữ tương thùy kiến?</p> <p>_ A-Nan ngôn: Ngã dữ đại-chúng, đồng tương nhẫn kiến?</p>	<p>_ Ông dùng cái chi mà thấy?</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi và Đại-chúng đều dùng mắt mà thấy.</p>
<p>_ Phật cáo A-Nan: Nhữ kim đáp ngã. Như-Lai khuất chỉ vi quang-minh quyên,</p>	<p>_ A-Nan! Ông đã đáp: Như-Lai co 5 ngón tay lại làm quyên chiếu sáng tâm</p>

<p>diệu nhữ tâm mục.</p> <p>_ Nhữ mục khả kiến, dĩ hà vi tâm, đương ngã quyền diệu?</p>	<p>và mắt ông.</p> <p>_ Ông dùng mắt mà thấy, còn ông dùng cái chi làm tâm của ông để đối với quyền chiếu sáng của Ta?</p>
<p>_ A-Nan ngôn: Như-Lai hiện kim, trưng tâm sở-tại, nhi ngã dĩ tâm, suy cùng tâm trục, tức năng suy giả, ngã tương vi tâm.</p> <p>(_ Ông A-Nan bạch: Như-Lai hiện nay gạn hỏi tâm ở chỗ nào, tôi thì dùng tâm suy nghĩ tìm xét; tức cái biết suy nghĩ ấy, tôi lấy nó làm tâm.)</p>	<p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Như-Lai hỏi tâm của tôi ở đâu, vâng lời Phật, tôi cố suy nghĩ suu-tâm; vậy cái năng suy nghĩ suu-tâm là tâm của tôi.</p>
<p>Phật ngôn đốt:</p> <p>_ A-Nan! Thủ phi nhữ tâm.</p> <p>(_ Sai rồi, A-Nan, cái ấy không phải là tâm của ông.)</p>	<p>Đức Phật bèn quở:</p> <p>_ A-Nan! Cái năng suy nghĩ suu-tâm không phải là tâm của ông.</p>

阿難瞿然避座合掌起立白佛。此非我心當名何等。佛告阿難此是前塵虛妄相想惑汝真性。由汝無始至于今生認賊為子。失汝元常故受輪轉。

<p>41. A-Nan cù (/quắc) nhiên, ty tọa hiệp chưởng, khởi lập bạch Phật:</p> <p>Cù/ Cụ (瞿): (nghe thấy mà) nao lòng, sợ hãi ngác, sảng sốt.</p> <p>Quắc-nhiên (瞿然): kinh sợ.</p> <p>_ Thủ phi ngã tâm, đương danh hả đãng?</p> <p>(_ Cái ấy không phải là tâm tôi thì gọi là cái gì?)</p>	<p>41. Ngài A-Nan lấy làm kinh sợ, bước ra khỏi chỗ ngồi, đứng chắp tay hiệp-chưởng bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Cái năng suy nghĩ suu-tâm ấy không phải tâm, chớ gọi là cái chi?</p>
<p>_ Phật cáo A-Nan: Thủ thị tiền-trần, hư-vọng tưởng tưởng, hoặc nhữ Chơn-Tánh.</p> <p>(_ Cái ấy là cái tưởng-tưởng những tưởng giả dối tiền-trần, nó làm mê lầm Chơn-Tánh của ông.)</p> <p>_ Do nhữ vô-thỉ, chí ư kim sanh, nhận tặc vi tử, thất nhữ nguyên-thường, cố thọ luân-chuyển.</p> <p>(_ Do từ vô-thỉ cho đến nay, ông nhận tên giặc ấy làm con, bỏ mất tánh bản-lai thường-trụ, nên phải chịu luân-hồi.)</p>	<p>_ Đức Phật dạy: Cái ấy là vọng-tưởng tiền-trần, ám che Chơn-Tánh.</p> <p>_ Vì từ vô-thỉ đến nay, ông nhận lầm vọng-tưởng ấy làm tâm, như nhận kẻ giặc làm con, quên mất bốn-giác Chơn-thường, nên chịu luân-hồi sanh-tử thống-khổ.</p>

阿難白佛言世尊我佛寵弟。心愛佛故令我出家。我心何獨供養如來。乃至遍歷恒沙國土。承事諸佛及善知識發大勇猛。行諸一

切難行法事皆用此心。縱令謗法永退善根亦因此心。若此發明不是心者。我乃無心同諸土木。離此覺知更無所有。云何如來說此非心。我實驚怖兼此大眾無不疑惑。唯垂大悲開示未悟。

42. A-Nan bạch Phật ngôn:

_ Thế-Tôn! Ngã Phật sủng đệ, tâm ái Phật cõi, lệnh ngã xuất gia.

_ Ngã tâm hà độc, cung-dưỡng Như-Lai, nāi chí biến lịch, Hằng-sa quốc-độ, thừa sự chư Phật, cập Thiện-Tri-Thức, phát đại dōng-mānh, hành chư nhứt-thiết, nan hành pháp-sự, giao dụng thử tâm.

Cung-dưỡng: thường đọc trại thành **cúng dưỡng**.

_ Túng lịnh báng pháp, vĩnh thối thiện-cǎn, diệc nhân thử tâm.

(_ Dẫu cho hủy-báng Phật-pháp, rồi bỏ hẳn thiện-cǎn, cũng nhân cái tâm ấy.)

_ Nhược thử phát minh, bất thị tâm giả, ngã nāi vô tâm, đồng chư thố mộc, ly thử giác tri, cánh vô sở-hữu.

_ Vân hà Như-Lai, thuyết thử phi tâm?

_ Ngã thật kinh bố, kiêm thử đại-chúng, vô bất nghi-hoặc.

(_ Tôi thật kinh sợ và cả trong đại-chúng này, không ai là không nghi-hoặc.)

_ Duy thùy đại-bi, khai-thị vị ngộ.

42. Ngài A-Nan bạch Phật:

_ Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi là em yêu mến của Phật, vì tâm thương Phật mà xuất-gia.

_ Tâm tôi chẳng những cung-dưỡng một mình Như-Lai, lại còn qua khắp Hằng-sa quốc-độ, tôi phụng-sự chư Phật cho đến các vị Thiện-Tri-Thức, gia-dī tôi gắng sức đại dōng-mānh làm các việc khó làm trong đạo-pháp, tôi đều dùng cái tâm ấy.

Gia-dī (加以): hơn nữa, vả lại, lại thêm.

_ Nếu như Phật phát-minh cái tâm ấy không phải thiệt là tâm của tôi, thì thành ra tôi không tâm như cây và đất, vì ngoài tâm hiểu biết ấy, tôi không còn tâm nào khác.

_ Tại sao Phật gọi cái suy nghĩ ấy không phải là tâm?

_ Khiến tôi rất kinh sợ và Đại-chúng cũng nghi-hoặc.

_ Ngưỡng cầu Như-Lai mở lượng đại-bi khai-thị cho chúng tôi những điều chưa được tỏ ngộ.

爾時世尊開示阿難及諸大眾。欲令心入無生法忍。於師子座摩阿難頂而告之言。如來常說諸法所生唯心所現。一切因果世界微塵因心成體。阿難若諸世界一切所有。其中乃至草葉縷結。詰其根元咸有體性。縱令虛空亦有名貌。何況清淨妙淨明心性一切心而自無體。

43. Nhĩ thời Thế-Tôn, khai-thị A-Nan cập chư đại-chúng, dục lịnh tâm nhập, Vô-sanh pháp-nhẫn, ư sư-tử tọa, ma A-Nan đánh, nhi cáo chi ngôn:

(..., khiến cho tâm được Vô-sanh pháp-nhẫn...)

_ Như-Lai thường thuyết: Chư pháp sở sanh, duy tâm sở hiện, nhứt-thiết nhân-quả, thế-giới, vi-trần, nhân tâm thành thể.

(_ Như-Lai thường nói: Các pháp phát-sanh là duy tâm biến hiện, như tất cả nhân, quả,...)

_ A-Nan! Nhược chư thế-giới, nhứt-thiết sở-hữu, kỳ trung nã chí, thảo, diệp, lũ, kết, cật kỳ căn-nguyên, hàm hữu thể-tánh, túng lịnh hư-không, diệc hữu danh mạo; hà huống thanh-tịnh, diệu-tịnh minh-tâm, tánh nhứt-thiết tâm, nhi tự vô thể?

(_ A-Nan! Như trong các thế-giới, hết thấy sự vật hiện có, cả đến ngọn cỏ, lá cây, sợi dây, thắt nút, gạn xét cội gốc, đều có thể-tánh, dẫu cho hư-không cũng có tên, có tướng; huống chi cái tâm sáng suốt thanh-tịnh nhiệm mầu, làm cho hết thấy sự vật có thể-tánh mà tự mình lại không có thể-tánh?)

43. Liền khi ấy, Đức Phật muốn khai-thị tâm của ngài A-Nan và Đại-chúng cho được vào bậc Vô-sanh pháp-nhẫn (30), nên Đức Phật ở tòa sư-tử (31), rờ đầu ngài A-Nan, bảo rằng:

_ Như-Lai thường nói: Tất cả pháp đều do tâm phát-sanh, như tất cả nhân, quả, thế-giới, vi-trần đều do tâm mà thành có thể-tánh.

_ A-Nan! Xét nguồn gốc có thể-tánh của các vật thì ở khắp thế-giới, từ vật lớn cho tới vật nhỏ như lá, cỏ, mảnh giấy đều có thể-tánh, thậm-chí hư-không cũng có tên, có tướng; huống chi Tâm Chơn-Như thiêng sáng thông suốt, thanh-tịnh nhiệm mầu, vốn là nguồn gốc làm cho các vật có thể-tánh thì chẳng có lý nào tâm ấy không có thể-tánh riêng.

Thậm-chí (甚至): cho đến, quá quắt đến nỗi.

若汝執悟分別覺觀。所了知性必為心者。此心即應離諸一切色香味觸。諸塵事業別有全性。如汝今者承聽我法。此則因聲而有分別。縱滅一切見聞覺知。內守幽閑猶為法塵分別影事。

44. Nhược nhữ chấp lỗn, phân-biệt giác quan, sở liễu-tri tánh, tất vi tâm giả, thử tâm tức ưng, ly chư nhứt-thiết, sắc hương vị xúc, chư trần sự nghiệp, biệt hữu toàn tánh.

(_ Nếu ông quyết chấp cái tánh hay biết suy xét phân-biệt là tâm của ông, thì cái tâm ấy phải rời sự nghiệp các trần: sắc thính hương vị xúc, riêng có toàn tánh;

_ Như nhữ kim giả, thừa thính ngã pháp, thử tắc nhân thính, nhi hữu phân-biệt.

- chớ như hiện nay ông vâng nghe pháp-âm của Ta, đó là nhân cái tiếng mà có phân-biệt;

44. A-Nan! Nếu ông chấp tánh thấy hiểu biết, suy nghĩ, phân-biệt là tâm của ông, thì tâm ấy dĩ nhiên phải lìa sắc hương vị xúc, cho tới tất cả tiền-trần (32), vì riêng tâm ấy có thể-tánh hoàn-toàn.

_ Như nay ông nghe tiếng pháp của Ta, đó là do tiếng nói mà có phân-biệt, chớ không phải là Tâm Chơn-Như.

<p>_ Túng diệt nhứt-thiết, kiến văn giác tri, nội thủ u-nhàn, du vi pháp-trần, phân-biệt ảnh sự.</p> <p>- dẫu cho diệt hết tất cả cái thấy, nghe, hay, biết, bên trong nǎm giữ cái u-nhàn, không biết, không nghĩ, thì đó cũng còn là sự phân-biệt bóng dáng pháp-trần mà thôi.)</p>	<p>_ Dầu ông dứt hết các sự thấy, nghe, hiểu, biết, chỉ giữ sự yên lặng cung chỉ là bóng pháp-trần phân-biệt, cũng không phải là Tâm Chơn-Như.</p>
--	--

我非勅汝執為非心。但汝於心。微細揣摩若離前塵有分別性即真汝心。若分別性離塵無體。斯則前塵分別影事。塵非常住若變滅時。此心則同龜毛兔角。則汝法身同於斷滅。其誰修證無生法忍。

<p>45. Ngã phi sắc nhữ, chấp vi phi tâm, đán nhữ ư tâm, vi-tế súy ma.</p> <p>(_ Chẳng phải Ta bảo ông chấp cái ấy không phải là tâm, nhưng ông phải, chính nơi tâm ông, suy xét chín chắn.)</p> <p>_ Nhược ly tiền-trần, hữu phân-biệt tánh, tức chơn nhữ tâm.</p> <p>(_ Nếu rời tiền-trần có tánh phân-biệt, thì đó mới thật là tâm của ông.)</p> <p>_ Nhược phân-biệt tánh, ly trần vô thể, tư tặc tiền-trần, phân-biệt ảnh sự.</p> <p>(_ Nếu tánh phân-biệt, rời tiền-trần không còn tự-thể, thì nó chỉ là sự phân-biệt bóng dáng tiền-trần.)</p> <p>_ Trần phi thường-trụ, nhược biến diệt thời, thử tâm tặc đồng, qui-mao thố-giác.</p> <p>(_ Tiền-trần không phải thường-trụ, khi thay đổi diệt mất rồi, thì cái tâm nương vào tiền-trần ấy cũng đồng như lông rùa sừng thỏ,</p> <p>_ Tặc nhữ pháp-thân, đồng ư đoạn diệt, kỳ thùy tu chứng, vô-sanh pháp-nhẫn?</p> <p>- và pháp-thân của ông cũng thành như đoạn diệt, còn gì mà tu-chứng vô-sanh pháp-nhẫn?)</p>	<p>45. A-Nan! Như-Lai chẳng bảo ông nhận cái phân-biệt ấy không phải là tâm, ông cần nghiên-cứu tinh-tường, cái ấy chơn hay vọng.</p> <p>Tinh-tường (精詳): rõ ràng, biết rất rõ.</p> <p>_ Như (cái biết nào mà) lìa các tiền-trần mà có thể-tánh phân-biệt, đó là Tâm Chơn-Như của ông.</p> <p>_ Như lìa các tiền-trần mà không có thể-tánh, đó là bóng tiền-trần phân-biệt.</p> <p>_ Tiền-trần không có thường-trụ, khi sanh khi diệt, thay đổi luôn luôn, thì cái tâm nương theo tiền-trần đó hóa ra lông rùa sừng thỏ là vật không có.</p> <p>_ Tiền-trần diệt, tâm diệt, thì pháp-thân của ông cũng diệt theo, như vậy ông lấy chi tu-chứng vô-sanh pháp-nhẫn?</p>
---	---

即時阿難與諸大眾默然自失。佛告阿難世間一切諸修學人。現前雖成九次第定。不得漏盡成阿羅漢。皆由執此生死妄想誤為真實。是故汝今雖得多聞不成聖果。

<p>46. Tức thời A-Nan, dãy chư đại chúng, mặc-nhiên tự thất.</p>	<p>46. Lúc bấy giờ, ngài A-Nan và Đại-chúng đều lặng thinh, suy xét, hình như vừa mất một vật quý-báu.</p>
<p>Phật cáo A-Nan:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Thế-gian nhứt-thiết, chư tu học-nhân, hiện-tiền tuy thành, cửu thứ đệ định, bất đắc lậu tận, thành A-La-Hán, gai do chấp thủ, sanh-tử vọng-tưởng, ngộ vi chơn-thật, thị cố nhữ kim, tuy đắc đà-văn, bất thành Thánh-quả. (_ Trong thế-gian, tất cả những người tu-học, hiện tuy đã tu đến chín bậc định, nhưng không diệt hết được mê lầm, thành A-La-Hán, đều do chấp cái vọng-tưởng sanh-tử, lầm nó là tánh chơn-thật, vậy nên nay ông tuy học rộng nghe nhiều, không thành Thánh-quả.) 	<p>Đức Phật bảo ngài A-Nan:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Ở trong thế-gian, các vị tu-học hiện-tiền tuy thành-tựu chín bậc định (33), nhưng không dứt hết các “lậu”, chưa chứng quả Vô-Lậu A-La-Hán, vì chấp-trước vọng-tưởng sanh-tử làm tánh chơn-thật, như ông cũng vậy, tuy nghe nhiều giáo-lý nhưng không thành Thánh-quả (34). <p>Thánh-quả (聖果): quả Bồ-Đề, quả Niết-Bàn. Quả-vị chơn-chánh nhờ ra công tu-học. Những quả-vị ấy là: Thinh-văn, Duyên-giác, Bồ-Tát, và Phật.</p>

<p>47.</p>	<p>47. NGÀI A-NAN TỰ CHÁNH-KÝ VÀ CẦN-CẦU TRI-KIẾN NHƯ-LAI.</p>
<p>阿難聞已重復悲淚五體投地。長跪合掌而白佛言。自我從佛發心出家恃佛威神。常自思惟無勞我修。將謂如來惠我三昧。不知身心本不相代。失我本心。雖身出家心不入道。譬如窮子捨父逃逝。今日乃知雖有多聞。若不修行與不聞等。如人說食終不能飽。</p>	
<ul style="list-style-type: none"> _ A-Nan văn dãy, trùng phục bi lụy, ngũ thể đầu địa, trường quỳ hiệp chưởng, nhi bạch Phật ngôn: _ Tự ngã tùng Phật, phát tâm xuất-gia, thị Phật oai-thần, thường tự tư-duy, vô lao ngã tu, tương vị Như-Lai, huệ ngã tam-muội. _ Bất tri thân-tâm, bốn bất tương-đại. (_ Không biết thân-tâm vốn không thay thế nhau được, _ Thất ngã bốn-tâm. - bỏ mất bốn-tâm của tôi.) _ Thân tuy xuất gia, tâm bất nhập đạo, thí như cùng tử, xả phụ đào thê. 	<ul style="list-style-type: none"> _ Ngài A-Nan nghe qua lời Phật dạy, xét mình lấy làm buồn tủi, rơi lụy, gieo năm vóc xuống đất lễ Phật rồi quỳ gối, hai tay hiệp-chưởng bạch Phật: _ Bạch Đức Thế-Tôn! Từ khi tôi phát tâm xuất-gia theo Phật, hay trông cậy vào oai-thần của Phật mà tự nghĩ không cần khổ-hạnh tu-hành, chắc chắn về sau Phật sẽ ban cho pháp chánh-định để thành Phật. _ Tôi không ngờ thân-tâm của Phật với thân-tâm của tôi không thay thế được, ví như ăn cơm, ai ăn nấy no. _ Nay nghe lời Phật dạy, tôi mới nhận-thức: Bấy lâu nay tôi nhận vọng làm chơn, nên Tâm Chơn-Như bị lạc mất. _ Vì thế tuy thân xuất-gia mà tâm không nhập đạo, tôi vốn ở chỗ giàu sang lại bỏ

<p>(_ Vì thế tuy thân xuất-gia mà tâm không nhập đạo, cũng như người con cùng khổ, bỏ cha trốn lánh.)</p> <p>_ Kim nhụt nai tri, tuy hữu đà-văn, nhược bất tu-hành, dữ bất văn đǎng, như nhân thuyết thực, chung bất nǎng bão.</p> <p>(_ Ngày nay mới biết, tuy được nghe Phật-pháp nhiều, nếu không tu-hành thì chẳng khác gì người không nghe; cũng như người ta nói ăn mà không ăn, rốt cuộc không thể no được.)</p>	<p>hết hạnh-phuước ví như đứa con khốn-cùng nghe nhảm tin càn, bỏ cha trốn theo con đường mê-vọng.</p> <p>_ Böyle giờ tôi hiểu rõ: Dầu có nghe nhiều giáo-lý, mà không chịu khó tu-hành giải-thoát thì chẳng hơn gì kẻ không được nghe; ví như người nói ăn mà không ăn, thì không bao giờ no dạ được.</p> <p>Khốn-cùng (眼窮): không còn biết xoay xở ra sao. Rất nghèo khổ.</p>
---	--

世尊我等今者二障所纏。良由不知寂常心性。唯願如來哀愍窮露。發妙明心開我道眼。

<p>48. Thế-Tôn! Ngã đǎng kim giả, nhị chương sở triền, lương do bất tri, tịch-thường tâm-tánh.</p> <p>_ Duy nguyện Như-Lai, ai-mẫn cùng-lộ, phát diệu minh-tâm, khai ngã đạo-nhã.</p> <p>Triền (纏): ràng buộc, bó buộc, quấn quanh, vây bọc.</p>	<p>48. Bạch Đức Thế-Tôn! Chúng tôi hiện-tiền bị hai chương phiền-não và sở-tri (35) ràng buộc, nguyên-nhân vì không biết rõ tâm-tánh vắng lặng thường-trụ.</p> <p>_ Vậy nương cầu Như-Lai thương chô khốn-cùng của chúng tôi, mà khai-thị Chơn-Như Tâm sáng suốt nhiệm-mẫu và Đạo-nhã giải-thoát của chúng tôi.</p>
--	--

<p>49.</p>	<p>49. PHẬT KHAI-THỊ TRI-KIẾN NHƯ-LAI.</p>
<p>即時如來從胸內字涌出寶光。其光晃昱有百千色。十方微塵普佛世界一時周遍。遍灌十方所有寶刹諸如來頂。旋至阿難及諸大眾。告阿難言。吾今為汝建大法幢。亦令十方一切眾生。獲妙微密性淨明心得清淨眼。</p>	

<p>_ Tức thời Như-Lai, tùng hung Vạn tự, dōng xuất bửu-quang, kỳ quang hoảng-dục, hữu bá thiên sắc, thập phương vi-trần, phổ Phật thế-giới, nhứt-thời châu biển.</p> <p>_ Biến quang thập phương, sở-hữu bửu-sát, chư Như-Lai đánh, triền chí A-Nan, cập chư đại-chúng.</p> <p>_ Cáo A-Nan ngôn: Ngã kim vị nhữ, kiến đại pháp-tràng, diệc linh thập phương, nhứt-thiết chúng-sanh, hoạch diệu vi-mật, tánh tịnh minh-tâm, đắc</p>	<p>_ Khi ấy Đức Phật từ ngực, ngay chô có chữ Vạn, phóng hào-quang vô-cùng quý-báu, hào-quang ấy rực rỡ có trăm ngàn sắc, soi khắp một lúc tất cả thế-giới chư Phật mười phương số như vi-trần;</p> <p>- rồi hào-quang đó chiếu vào đảnh của chư Như-Lai trong thập phương Phật-quốc, xây về rọi ngay ngài A-Nan và Đại-chúng.</p> <p>_ Đoạn Đức Phật dạy A-Nan: Hôm nay Ta vì ông mà lập pháp-tràng lớn lao, cũng làm cho tất cả chúng-sanh đều được tâm thường-tịch thường-chiếu,</p>
--	---

thanh-tịnh nhã n.	sáng suốt, vắng lặng, huyền-diệu kín nhiệm và mắt thanh-tịnh trang-nghiêm.
-------------------	--

50.	50. PHẬT HIỂN-MINH TÁNH THẤY LÀ TÂM.
<p>阿難汝先答我見光明拳。此拳光明因何所有。云何成拳汝將誰見。</p> <p>_ A-Nan! Nhữ tiên đáp ngã, kiến quang-minh quyền. (_ A-Nan! Trước ông trả lời rằng thấy nắm tay chói sáng, _ Thủ quyền quang-minh, nhân hà sở hữu, vân hà thành quyền? Nhữ tương thùy kiến? - cái chói sáng nắm tay ấy do đâu mà có, làm sao thành ra nắm tay, ông đem cái gì mà thấy?)</p>	<p>_ Đức Phật dạy: A-Nan! Trước ông có đáp với Ta rằng: Ông thấy cái quyền quang-minh. _ Vậy cái quyền ấy do đâu quang-minh? Làm sao thành quyền? Ông dùng cái chi mà thấy?</p>

阿難言由佛全體閻浮檀金如寶山。清淨所生故有光明。我實眼觀五輪指端。屈握手人故有拳相。

51. A-Nan ngôn: <p>_ Do Phật toàn thể, Diêm-phù-dàn kim, hách như Bảo-Sơn, thanh-tịnh sở sanh, cố-hữu quang-minh. (_ Toàn thân Phật như vàng Diêm-phù-dàn, sáng ngồi như núi báu, do đức-tánh thanh-tịnh sanh ra nên có hào-quang chói sáng.)</p> <p>_ Ngã thiệt nhãn quan, ngũ luân chỉ đoan, khuất ốc thị nhân, cố-hữu quyền tướng. (_ Thật tôi lấy con mắt mà thấy nắm ngón tay Phật co nắm lại, giờ cho người xem, nên có tướng nắm tay.)</p>	51. Ngài A-Nan bạch Phật: <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Vì thân-thể của Phật có sắc như vàng Diêm-phù-dàn, sáng chói như núi Bảo-Sơn, đó là do đức-độ thanh-tịnh sanh ra, nên cái quyền của Phật quang-minh. _ Nắm ngón tay của Phật co lại làm thành cái quyền đưa ra cho người xem. Tôi dùng mắt thấy thiệt rõ ràng như vậy. Bảo-Sơn (寶山): núi có nhiều châu ngọc. Đức-độ (德度): đạo-đức và độ-lượng.</p>
---	--

佛告阿難如來今日實言告汝。諸有智者要以譬喻而得開悟。阿難譬如我拳。若無我手不成我拳。若無汝眼不成汝見。以汝眼根例我拳理。其義均不。阿難言唯然世尊。既無我眼不成我見。以我眼根例如來拳事義相類。

52. Phật cáo A-Nan: <p>_ Như-Lai kim nhựt, thật ngôn cáo nhữ.</p>	52. Đức Phật dạy: <p>_ A-Nan! Hôm nay Như-Lai lấy lời</p>
---	---

<p>_ Chư hữu trí giả, yếu dĩ thí-dụ, nhi đắc khai ngô.</p> <p>_ A-Nan! Thí như ngã quyến, nhược vô ngã thủ, bất thành ngã quyến; nhược vô nhữ nhãn, bất thành nhữ kiến.</p> <p>_ Dĩ nhữ nhãn-căn, lê ngã quyến lý, kỳ nghĩa quân phủ?</p>	<p>chơn-thiệt nói cho ông rõ.</p> <p>_ Nếu là bậc trí-tuệ thì chỉ nhờ lời thí-dụ mà được khai-ngô.</p> <p>_ A-Nan! Ví dụ như cái quyến của Ta, nếu không có tay Ta dĩ-nhiên chẳng thành cái quyến, và nếu không có mắt ông, dĩ-nhiên chẳng thành cái thấy của ông.</p> <p>_ Vậy lấy cái thấy của ông so sánh với cái quyến của Phật, hai nghĩa có giống nhau chăng?</p>
<p>_ A-Nan ngôn: Duy nhiên Thế-Tôn, ký vô ngã nhãn, bất thành ngã kiến. (_ Đúng vậy, thưa Thế-Tôn, như không có mắt...)</p> <p>_ Dĩ ngã nhãn-căn, lê Như-Lai quyến, sự nghĩa tương-loại.</p>	<p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Như không có mắt tôi thì chẳng thành cái thấy của tôi.</p> <p>_ Nếu lấy cái thấy của tôi so sánh với cái quyến của Phật thì hai nghĩa giống nhau.</p>

佛告阿難汝言相類是義不然。何以故。如無手人拳畢竟滅。
彼無眼者非見全無。所以者何。汝試於途詢問盲人汝何所見。彼諸盲人必來答汝。我今眼前唯見黑暗更無他曠。以是義觀前塵自暗見何虧損。

53. Phật cáo A-Nan:

- _ Nhữ ngôn tương-loại, thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố?
- _ Như vô thủ nhãn, quyến tất cảnh diệt, bỉ vô nhãn giả, phi kiến toàn vô. Sở dĩ giả hà?
- _ Nhữ thí ư đồ, tuân vần mạnh nhãn, nhữ hà sở kiến.
- _ Bỉ chư mạnh nhãn, tất lai đáp nhữ: Ngã kim nhãn tiền, duy kiến hắc ám, cảnh vô tha chúc.
- _ Dĩ thị nghĩa quan: tiền-trần tự ám, kiến hà khuy tổn.

53. Đức Phật bảo:

- _ A-Nan! Ông nói hai nghĩa giống nhau thì không đúng. Vì cớ sao?
- _ Vì nếu người không có cánh tay thì không có quyến, chớ người không có mắt, chưa phải hoàn-toàn không có cái thấy. Lý do làm sao?
- _ Ông thử ra đường, hỏi người mù: Ông có thấy chi chăng?
- _ Chắc chắn người mù ấy trả lời: Trước mắt tôi chỉ thấy tối đen, chớ không thấy chi khác.
- _ Cứu xét theo lý ấy thì biết: tiền-trần tự tối chớ cái thấy không giảm bớt.

阿難言諸盲眼前。唯覩黑暗云何成見。佛告阿難諸盲無眼唯觀黑暗。與有眼人處於暗室。二黑有別為無有別。如是世尊此暗中人與彼群盲。二黑校量曾無有異。

<p>54. A-Nan ngôn: Chư manh nhãm tiễn, duy đổ hắc ám, vân hà thành kiến?</p> <p>(_ Những người mù trước mắt chỉ thấy tối đen, sao gọi là thấy được?)</p> <p>_ Phật cáo A-Nan: Chư manh vô nhãm, duy quan hắc ám, dữ hữu nhãm nhân, xứ ư ám thất, nhị hắc hữu biệt, vi vô hữu biệt?</p> <p>(..., thì hai cái tối đen ấy khác nhau, hay không khác nhau?)</p> <p>_ Như-thị Thế-Tôn! Thủ ám trung nhân, dữ bỉ quần-manh, nhị hắc giáo lượng, tằng vô hữu dị.</p>	<p>54. Ngài A-Nan bạch Phật: Bạch Đức Thế-Tôn! Người mù chỉ thấy tối đen ở trước mắt, thế nào gọi được cái thấy?</p> <p>_ A-Nan! Người mù không có mắt, chỉ thấy tối, đối với kẻ có mắt ở trong nhà tối, hai cái tối ấy có khác nhau chăng?</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Kẻ có mắt ở trong nhà tối đối với người mù, hai cái tối ấy so sánh lại thiệt không có khác chi cả.</p>
--	--

阿難若無眼人全見前黑。忽得眼光還於前塵。見種種色名眼
見者。彼暗中人全見前黑。忽獲燈光亦於前塵。見種種色應名燈見
。若燈見者燈能有見自不名燈。又則燈觀何關汝事。是故當知燈能
顯色。如是見者是眼非燈。眼能顯色。如是見性是心非眼。

<p>55. A-Nan! Nhược vô nhãm nhân, toàn kiến tiễn hắc, hốt đắc nhãm quang, hoàn ư tiễn-trần, kiến chủng chủng sắc, danh nhãm kiến giả.</p> <p>(_ A-Nan! Nếu người không có con mắt, thấy trước hoàn-toàn tối đen, bỗng nhiên được con mắt sáng, trở lại thấy các thứ sắc nơi tiễn-trần mà gọi là con mắt thấy;</p> <p>_ Bỉ ám trung nhân, toàn kiến tiễn hắc, hốt hoạch đăng quang, diệc ư tiễn-trần, kiến chủng chủng sắc, ưng danh đăng kiến?</p> <p>- thì người ở trong nhà tối kia, thấy trước hoàn-toàn tối đen, bỗng nhiên được cái đèn sáng, cũng thấy các thứ sắc nơi tiễn-trần, lẽ ra phải gọi là cái đèn thấy?)</p> <p>_ Nhược đăng kiến giả, đăng năng hữu kiến, tự bất danh đăng.</p> <p>(_ Nếu như cái đèn thấy, thì đèn đã thấy được, tự-nhiên không thể gọi là đèn;</p>	<p>55. A-Nan! Ví dụ như người mù chỉ thấy tối đen, bỗng được mắt sáng thì ở pháp-trần thấy các sắc, như thế cho là mắt thấy.</p> <p>_ Như người có mắt ở trong nhà tối chỉ thấy tối đen, bỗng có đèn sáng, cũng ở pháp-trần, thấy có sắc, vậy có thể nào cho là đèn thấy chăng?</p> <p>_ Nếu cái đèn thấy các sắc thì đèn tức là cái thấy, như thế không còn gọi là cái đèn được.</p>
--	--

<p>_ Hữu tắc đăng quan, hà quan nhữ sự? (_ lại cái đèn nó thấy thì dính líu gì đến ông?)</p> <p>_ Thị cố đương tri đăng năng hiển sắc, như-thị kiến giả, thị nhãnh phi đăng. (_ Vậy nên biết rằng, đèn làm tỏ các sắc, nhưng thấy như vậy là mắt chớ không phải đèn.)</p> <p>_ Nhãnh năng hiển sắc, như-thị kiến tánh, thị tâm phi nhãnh. (_ Mắt làm tỏ các sắc, nhưng thấy như vậy là tâm chớ không phải mắt.)</p>	<p>_ Nếu cái đèn thấy thì cái đèn tự thấy, chớ không liên-hệ chi tới cái thấy của người.</p> <p>_ A-Nan! Ông phải biết: cái đèn chỉ làm sáng tỏ các sắc, còn thấy các sắc là con mắt, chớ không phải đèn.</p> <p>_ Tuy-nhiên nói rằng mắt thấy chớ thật ra mắt cũng như đèn, chỉ hiển sắc mà thôi, còn cái năng thấy năng biết là tâm.</p>
---	--

<p>56.</p>	<p>56. PHẬT HIỂN-MINH TÁNH THẤY KHÔNG ĐỘNG.</p>
<p>阿難雖復得聞是言。與諸大眾口已默然心未開悟。猶冀如來慈音宣示。合掌清心佇佛悲誨。</p>	
<p>_ A-Nan tuy phục, đắc văn thị ngôn, dũng chư đại-chúng, khẩu dĩ mặc-nhiên, tâm vị khai ngộ, du ký Như-Lai, từ âm tuyên-thị, hiệp-chưởng thanh-tâm, truffle Phật bi hối. (_ A-Nan tuy được lời Phật dạy như vậy, cùng với đại-chúng, miệng tuy im lặng, tâm chưa khai ngộ, còn mong Đức Như-Lai từ-tâm chỉ bày, chắp tay sạch lòng, đợi Phật dạy bảo.)</p>	<p>_ Ngài A-Nan và Đại-chúng tuy nghe lời Phật dạy như vậy, nhưng tâm chưa tỏ ngộ nên ngồi ngậpmiệnglặngthịnh, hai tay hiệp-chưởng, nhiếp-tâm thanh-tịnh và thành-kính trông chờ lời nói từ-bi của Phật dạy cho.</p>

<p>爾時世尊舒兜羅錦網相光手開五輪指。誨勅阿難及諸大眾。 我初成道於鹿園中。為阿若多五比丘等及汝四眾言。一切眾生不成菩提及阿羅漢。皆由客塵煩惱所誤。汝等當時因何開悟今成聖果。</p>	
<p>57. Nhĩ thời Thế-Tôn thư đâu-la-miên, võng tướng quang thủ, khai ngũ luân chỉ, hối sắc A-Nan, cập chư đại-chúng: _ Ngã sơ thành đạo, ư Lộc-viên trung, vị A-Nhã-Đa ngũ Tỳ-khưu đăng, cập nhữnatur chung ngôn:</p> <p>_ Nhứt-thiết chúng-sanh, bất thành Bồ-Đề, cập A-La-Hán, gai do khách-trần, phiền-não sở ngộ.</p>	<p>57. Khi ấy Đức Thế-Tôn đưa cánh tay dịu dàng, sáng rõ tốt đẹp, mở năm ngón tay, bảo ngài A-Nan và Đại-chúng: _ Khi Ta thành đạo, đến vườn Lộc-Uyển và ở đó Ta có dạy đoàn thể năm vị Tỳ-khưu do ông A-Nhã-Đa làm Thượng-thủ (36) cùng tứ chúng rằng: _ Tất cả chúng-sanh không viễn-chứng Bồ-Đề và A-La-Hán, căn-do vì bị khách-trần phiền-não ám-muội.</p>

<p>(_ Tất cả chúng-sanh không thành đạo Bồ-Đề và A-La-Hán, là do những phiền-não khách-trần mê-hoặc.)</p> <p>_ Nhữ đẳng đương thời, nhân hà khai ngộ, kim thành Thánh-quả?</p> <p>(_ Thuở đó, các ông do đâu mà khai ngộ, hiện nay thành được Thánh-quả?)</p>	<p>_ Nay các ông ấy đãc Thánh-quả rồi, vậy khi trước các ông ấy vì nguyên-nhân nào mà tỏ ngộ được?</p>
---	--

時憍陳那起立白佛。我今長老於大眾中獨得解名。因悟客塵二字成果。世尊譬如行客投寄旅亭。或宿或食食宿事畢。倣裝前途不遑安住。若實主人自無攸往。如是思惟不住名客住名主人。以不住者名為客義。又如新霽清暘昇天光入隙中。發明空中諸有塵相。塵質搖動虛空寂然。如是思惟澄寂名空搖動名塵。以搖動者名為塵義。佛言如是。

<p>58. Thời Kiều-Trần-Na, khởi lập bạch Phật:</p> <p>_ Ngã kim Trưởng-lão, ư đại-chung trung, độc đắc Giải danh, nhân ngộ khách-trần, nhị tự thành quả.</p> <p>(..., do tôi ngộ được hai chữ khách-trần mà thành chánh-quả.)</p> <p>_ Thế-Tôn! Thí như hành-khách, đâu ký lữ định, hoặc túc, hoặc thực, thực túc sự tất, xúc trang tiền đồ, bất hoàn an trụ.</p> <p>_ Như ợc thật chủ-nhân, tự vô du vãng.</p> <p>_ Như-thị tư-duy: bất trụ danh khách, trụ danh chủ nhân.</p> <p>(_ Tôi nghĩ như vậy: không ở yên thì gọi là khách, còn ở yên thì gọi là chủ.)</p> <p>_ Dĩ bất trụ giả, danh vi khách nghĩa.</p> <p>(_ Tôi lấy cái “không ở yên” làm ý-nghĩa chữ khách.)</p> <p>_ Hựu như tân tể, thanh dương thăng thiên, quang nhập kích trung, phát minh không trung, chư hữu trần-tương.</p> <p>(_ Lại như mới tạnh, mặt trời chiếu sáng trên cao, ánh</p>	<p>58. Lúc bấy giờ có ngài Kiều-Trần-Na đứng dậy hiệp-chưởng bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi là một vị Trưởng-Lão ở trong Đại-chung, pháp-danh là Giải (Hiểu), nguyên-nhân tỏ ngộ hai tiếng khách-trần mà được chứng quả.</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Khách là hành-khách, ví như khách đi lỡ đường, tạm trú trong quán, khi ăn, khi ngủ, ăn ngủ xong, lại phải thu xếp hành-lý lên đường, không có rảnh rang chi mà trú nơi quán.</p> <p>_ Nếu là chủ quán thiệt thì trụ mãi tại quán, không đi đâu nữa.</p> <p>_ Vì cớ ấy tôi thiết nghĩ: không trụ là khách, thường trụ là chủ.</p> <p>_ Tôi xin lấy sự không trụ làm định-nghĩa cho tiếng khách.</p> <p>_ Trần là bụi, ví như giữa khi bầu trời thanh-bạch, vầng thái-dương chiếu sáng, rơi vào các chỗ trống, làm thấy rõ hình-thể của bụi ở giữa hư-không.</p>
--	--

<p>sáng vào trong lõi hổ, bày tỏ hình dáng bụi trần giữa hư-không.)</p> <p>_ Trần chất diêu-động, hư-không tịch-nhiên.</p> <p>(_ Trần (bụi) thì lay động, hư-không thì yên lặng.)</p> <p>_ Như-thị tư-duy: trừng tịch danh không, diêu-động danh trần, dĩ diêu-động giả, danh vi trần nghĩa.</p> <p>(_ Tôi nghĩ như vầy: đứng lặng gọi là không, lay động gọi là trần, tôi lấy cái “lay động” làm ý-nghĩa chữ trần.)</p> <p>_ Phật ngôn: Như-thị.</p>	<p>_ Tuy-nhiên bụi thì lay động, chớ hư-không thì luôn luôn vắng lặng.</p> <p>_ Vì cớ ấy tôi thiết nghĩ: lay động là trần, vắng lặng là hư-không. Tôi xin lấy sự lay động làm định nghĩa cho tiền-trần.</p> <p>_ Đức Phật khen: Như vậy là đúng.</p>
---	--

即時如來於大眾中屈五輪指。屈已復開開已又屈。謂阿難言汝今何見。阿難言我見如來百寶輪掌眾中開合。
佛告阿難。汝見我手眾中開合。為是我手有開有合。為復汝見有開有合。阿難言世尊。寶手眾中開合。我見如來手自開合。非我見性自開自合。佛言誰動誰靜。阿難。言佛手不住而我見性。尚無有靜誰為無住。佛言如是。

<p>59. Tức thời Như-Lai, ư đại-chúng trung, khuất ngũ luân chỉ, khuất dĩ phục khai, khai dĩ hựu khuất, vị A-Nan ngôn: Nhữ kim kèn?</p> <p>_ A-Nan ngôn: Ngã kèn Như-Lai, bá bửu luân chưởng, chúng trung khai hiệp.</p> <p>_ Phật cáo A-Nan: Nhữ kèn ngã thủ, chúng trung khai hiệp, vi thị ngã thủ, hữu khai hữu hiệp; vi phục nhữ kèn, hữu khai hữu hiệp?</p> <p>_ A-Nan ngôn: Thế-Tôn bửu-thủ, chúng trung khai hiệp. Ngã kèn Như-Lai thủ tự khai hiệp, phi ngã kèn tánh, hữu khai hữu hiệp.</p> <p>(_ A-Nan bạch: Bàn tay báu của Thế-Tôn ở trong chúng khi mở khi nắm.)</p> <p>_ Phật ngôn: Thùy động thùy tĩnh?</p> <p>_ A-Nan ngôn: Phật thủ bất trụ. Nhi ngã</p>	<p>59. Tức thời, Đức Như-Lai ở trong Đại-chúng, nắm nắm ngón tay lại rồi mở, mở xong lại nắm, đoạn hỏi ngài A-Nan: Hiện giờ ông thấy chi?</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Hiện giờ tôi thấy bàn tay Như-Lai quí-báu, khi mở khi nắm giữa Đại-chúng.</p> <p>_ A-Nan! Ông thấy bàn tay Ta khi mở khi nắm, đó là tại bàn tay của Ta có mở có nắm, hoặc tại tánh thấy của ông có mở có nắm?</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi thấy rõ giữa Đại-chúng, bàn tay Như-Lai tự mở tự nắm, chớ không phải tánh thấy của tôi có mở có nắm.</p> <p>_ A-Nan! Như vậy cái chi động? Cái chi tĩnh?</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Bàn tay Như-Lai</p>
---	--

<p>kiến tánh, thương vô hữu tĩnh, thùy vi vô trụ?</p> <p>(_ A-Nan bạch: Bàn tay Phật không ở yên; chờ tánh thấy của tôi còn không có tĩnh, lấy gì gọi là không ở yên nữa.)</p> <p>_ Phật ngôn: Như-thị.</p>	<p>không trụ, tức là động. Tánh thấy của tôi bất-động, vì tướng tịnh còn không có thay, huống chi là động.</p> <p>_ Đức Phật khen: Như vậy là đúng.</p>
---	---

如來於是從輪掌中。飛一寶光在阿難右。即時阿難迴首右[辨力+目]。又放一光在阿難左。阿難又則迴首左[辨力+目]。佛告阿難。汝頭今日何因搖動。阿難言我見如來出妙寶光來我左右。故左右觀頭自搖動。阿難汝[辨力+目]佛光左右動頭。為汝頭動為復見動。世尊我頭自動而我見性。尚無有止誰為搖動。佛言如是。

於是如來普告大眾。若復眾生以搖動者名之為塵。以不住者名之為客。汝觀阿難頭自動搖見無所動。又汝觀我手自開合見無舒卷。云何汝今以動為身以動為境。從始洎終念念生滅。遺失真性顛倒行事。性心失真認物為己。輪迴是中自取流轉。

60. Như-Lai ư thị, tùng luân chuồng trung, phi nhứt bửu-quang, tại A-Nan hữu, tức thời A-Nan, hồi thủ hữu miến.

(_ Lúc ấy Đức Như-Lai từ trong bàn tay, phát một đạo hào-quang báu qua bên phải ông A-Nan, ông A-Nan liền quay đầu trông qua bên phải;

_ Hựu phóng nhứt quang, tại A-Nan tả, A-Nan hựu tắc, hồi thủ tả miến.

- Phật lại phát một đạo hào-quang qua bên trái ông A-Nan, ông A-Nan lại cũng quay đầu trông qua bên trái.)

_ Phật cáo A-Nan: Nhữ đâu kim nhụt, hà nhân diêu-động?

_ A-Nan ngôn: Ngã kiến Như-Lai, xuất diệu bửu-quang, lai ngã tả hữu, cố tả hữu quan, đâu tự diêu-động.

(_ Ông A-Nan bạch: Tôi thấy Đức Như-Lai phát hào-quang báu qua bên phải, và qua bên trái của tôi, nên tôi trông qua bên phải bên trái, đầu tự lay động.)

_ A-Nan! Nhữ miến Phật quang, tả hữu động đâu, vi nhữ đâu động, vi phục kiến động?

60. Đức Như-Lai từ bàn tay, phóng một đạo hào-quang qua bên hữu ngài A-Nan, thì ngài A-Nan day đầu ngó qua bên hữu.

_ Đức Như-Lai lại phóng một đạo hào-quang qua bên tả ngài A-Nan, thì ngài A-Nan day đầu ngó qua bên tả.

_ Đức Như-Lai hỏi: A-Nan! Hôm nay tại sao đầu của ông lay động?

_ Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi thấy Đức Như-Lai phóng hào-quang mâu-nhiệm quý-báu qua hai bên thân tôi nên ngó qua ngó lại, do đó đầu tôi phải lay động.

_ A-Nan! Ông thấy hào-quang Như-Lai, nên day đầu ngó qua ngó lại, đó là đầu của ông lay động hay là tánh thấy của ông lay động?

<p>(_ A-Nan ! Ông trông hào-quang của Phật mà lay động cái đầu, quay qua bên phải bên trái, đó là cái đầu của ông động hay là cái thấy động?)</p> <p>_ Thế-Tôn! Ngã đâu tự động, nhì ngã kiến-tánh, thượng vô hữu chỉ, thùy vi diệu động?</p> <p>(_ Thưa Thế-Tôn ! Đầu tôi tự động, chớ tánh thấy của tôi còn không ở đâu, lấy gì mà lay động ?)</p> <p>_ Phật ngôn: Như-thị.</p>	<p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Đó là cái đầu của tôi tự động, chớ tánh thấy của tôi bất động, vì tướng chỉ-trụ còn không có thay, huống chi là động.</p> <p>_ Đức Phật khen: Như vậy là đúng.</p>
<p>_ Ư thị Như-Lai, phổ-cáo đại-chúng:</p> <p>_ Nhược phục chúng-sanh, dĩ diệu động giả, danh chi vi trần, dĩ bất trụ giả, danh chi vi khách, nhữ quan A-Nan, đầu tự động diệu, kiến vô sở động; hựu nhữ quan ngã, thủ tự khai hiệp, kiến vô thư quyển.</p> <p>(_ Như các chúng-sanh lấy cái lay động mà gọi là trần, lấy cái không ở yên mà gọi là khách, thì các ông hãy xem ông A-Nan, đầu tự lay động, mà cái thấy không lay động; lại hãy xem bàn tay Ta, tự mở tự nắm, mà cái thấy không duỗi không co.)</p> <p>_ Vân hà nhữ kim, dĩ động vi thân, dĩ động vi cảnh.</p> <p>(_ Làm sao các ông hiện nay, lại lấy cái động làm thân, lấy cái động làm cảnh.)</p> <p>_ Tùng thủy ky chung, niêm niệm sanh-diệt, di thất Chơn-Tánh, điên-đảo hành sự, tánh tâm thất chơn, nhận vật vi kỷ, luân-hồi thị trung, tự thủ lưu chuyển.</p> <p>(_ Từ đầu đến cuối, niêm niệm sanh diệt, bỏ mất chơn-tánh, làm việc trái ngược, tâm-tánh mất chổ chơn-thật, nhận vật làm mình, xoay vần trong ấy, tự nhận lấy cái trôi lăn trong lục-đạo.)</p>	<p>_ Đức Phật liền bảo tất cả Đại-chúng rằng:</p> <p>_ Như chúng-sanh nhận-định cái lay động là trần, cái không trụ là khách, thì xem xét đầu của ông A-Nan tự động, còn tánh thấy vốn bất-động, đồng-thời xem xét bàn tay Như-Lai tự mở tự nắm, còn tánh thấy vốn không mở nắm, như thế cũng đủ tỏ ngộ rồi.</p> <p>_ Chỉ vì nhận lầm cái động làm thân, đó là giả-thân, chớ không biết cái bất-động mới là Chơn-thân; lại còn nhận lầm chổ động làm cảnh, đó là giả-cảnh, chớ không biết chổ thường-tịch mới là Chơn-cảnh.</p> <p>_ Vì thế, quên mất Chơn-Tánh bất-động, xưa nay cứ vương vấn những thứ “động” mà vọng-tưởng điên-đảo, bỏ chơn theo vọng, các niệm mê-muội, thay đổi sanh-diệt, nhận vật làm mình, tạo sự trái nghịch, thành-thử tự trói buộc trong vòng luân-hồi sanh-tử.</p>
<p>DỊCH ÂM ĐỆ NHỨT QUYỀN CHUNG</p>	<p>DIỄN NGHĨA HẾT QUYỀN NHỨT</p>

CHÚ-THÍCH (2018)

DOẠN 15

_ **Ngã và ngã-sở:** ngã là ta, ngã-sở là những gì thuộc về ta, những gì mà ta sở-hữu. Nếu biết cái ta (*ngã*) vốn đã là không thật, thì những vật do ta sở-hữu (*ngã-sở*) cũng không thật có.

DOẠN 43

_ **Vô-sanh pháp-nhẫn**, cũng gọi là **Vô-sanh-nhẫn**: Đức nhẫn-nhục của người giác-ngộ nhờ nhận ra được rằng: thật không có chúng-sanh, thật không có các pháp, các chúng-sanh (hữu-tình) và các pháp (vô-tình) vốn không sanh, không diệt. Nhận-thức như vậy, người tu không còn khởi lên sự buồn giận đối với chúng-sanh phá hại mình, đối với các pháp ngăn trở mình.

DOẠN 47

_ **Chánh-ký:** bày tỏ thật lòng. Ý nói ngài A-Nan thành-thực tự xét mình chưa hiểu Chơn-Tâm.

- Chánh (正) : đúng, phải, ngay thẳng, không lẩn lộn, sửa lại cho đúng.
- Kỷ (己) : thuộc về mình. Thí-dụ:
- Ích-ký (益己) : lợi cho mình, chỉ biết cái lợi của mình.
- Tư-ký (私己) : riêng mình, riêng cho mình.
- Vị-ký (爲己) : vì mình, chỉ biết có mình.
- Hóa-ký (化己) : tự giáo-hóa, dạy dỗ, thay đổi mình.

DOẠN 52

_ **Ngã-kiến** (我見) = **Thân-kiến** (身見): tà-kiến về cái ta (tà-kiến mê-chấp thân ta là có thật).

Một trong năm loại kiến-giải (sự hiểu biết) sai lầm, trái với đạo-pháp. Chẳng biết rằng thân này là do ngũ-uẩn giả-hợp mà thành, lại cố-chấp cho rằng thực có thân ta (*Ngã-kiến*). Hơn nữa chẳng biết các vật bên thân ta không có chủ sở-hữu nhất-định, mà cứ chấp cho rằng thực là vật sở-hữu của ta (*Ngã-sở-kiến*). Gộp Ngã-kiến và Ngã-sở-kiến lại thì thành *Thân-kiến*, cũng gọi là *Ngã-kiến*.

DOẠN 57

_ **Khách-trần phiền-não:** phiền-não ví như khách-trần. Phiền-não chẳng phải là vật sắn có ở nơi mình, mà là từ bên ngoài đến (khách), chỉ vì mình mê lầm nên ngỡ khách là chủ mà thôi. Chính cái tâm trong sạch sắn có mới là chủ. Vậy nên gọi phiền-não là *khách*. Lại nữa, phiền-não bám vào như bụi đóng dơ, cho nên gọi là *trần* (bụi bặm).



(Trích “Sự Tích Đức Phật Thích-Ca”, trang 315, soạn-giả Trần Hữu Danh, nxb Tổng Hợp, 2011)

_ **Samatha**, dịch là *Chỉ*, là *Thiên Vắng Lặng*, nhằm tập-trung tư-tưởng vào một nơi, không cho phiền-não và vọng-tưởng xen vào tâm.

Trái lại **Vipassana**, dịch là *Quán*, là *Thiên Minh Sát*, nhằm tập-trung tư-tưởng vào một đề-tài, quán-chiếu, sáng suốt suy xét, để tìm ra chơn-lý (vô-thường, vô-ngã) hầu dứt trừ phiền-não và vọng-tưởng.

Tu tập Samatha (Chỉ) để được Samādhi (Định).

Tu tập Vipassana (Quán) để được Paññā (Tuệ, Prajñā).

_ **Samādhi**, dịch là *Chánh-Định*, còn gọi là *Tam-muội*.

Trái lại **Paññā** (Sanskrit: Prajñā) là Tuệ hay Huệ.

Người tu phải luôn luôn giữ cho Định và Tuệ được cân bằng.

_ **Dhyāna** (Sanskrit) hay **Jhāna** (Pāli), dịch là *Tĩnh-lự* (靜慮), là *Thiên-na* hay *Thiên*, là *Zen* (tiếng Nhật), là nói chung hai pháp tu Chỉ (Samatha) và Quán (Vipassana), nhằm giữ tâm luôn luôn vắng lặng sáng suốt, tịch tịch giác giác, biết mà không khởi tâm suy nghĩ.



YẾU-GIẢI KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM QUYỂN NHÚT

Mỗi bộ kinh Phật đều chia làm ba phần:

1. Tự.
2. Chánh-Tông.
3. Lưu-thông.

Riêng phần Tự chia làm hai phần: Thông-tự và Biệt-tự.

Thông-tự là phần nhập-đề. Theo phàm-lệ, kinh nào cũng khởi đầu bằng sáu yếu-tố làm biểu-tín gọi là lục chứng-tín tự: Tín, Văn, Thời, Chủ, Địa, Tăng.

Như phần Thông-tự của kinh Thủ-Lăng-Nghiêm gồm có:

Như-thị	(Tín)
Ngã văn	(Văn)
Nhứt thời	(Thời)
Phật	(Chủ)
Kỳ-hoàn tinh-xá ...	(Địa)
Đại Tỳ-khưu chúng ...	(Tăng)

Biệt-tự là phần nói rõ duyên-khởi riêng của kinh.

Phật thuyết kinh nào cũng có nguyên-nhân. Như Phật thuyết kinh Thủ-Lăng-Nghiêm có nguyên-nhân vì ngài A-Nan lâm nạn.

Chánh-tông là phần yếu-chỉ của kinh. Như phần Chánh-tông của kinh Thủ-Lăng-Nghiêm gồm có:

1. Kiến đạo.
2. Hành đạo.
3. Thành đạo.

Lưu-thông là phần tổng-kết tự-thuật hiệu-quả mĩ-mẫn của thời thuyết kinh.

(1) **Ta nghe như vầy**: Lời nói của ngài A-Nan. Nguyên ngài A-Nan là đệ-tử đa-văn bậc nhất huyền-cận Phật, nghe và nhớ đầy đủ tất cả chơn-thiệt ngữ của Phật thuyết, nên khi kiết-tập pháp-tạng, ngài A-Nan khởi đầu các kinh bằng lời nói: “Ta nghe như vầy”. Đó là do lời Phật dạy khi ở trong hội Niết-Bàn, chớ không phải tự ý muốn của ngài A-Nan.

(2) **Kỳ-hoàn tinh-xá** (Jetavana): Tinh-xá cất ở rừng cây của Thái-tử Kỳ-Đà (Jeta). Nguyên thời bấy giờ có ông Trưởng-giả Cấp-Cô-Độc Tu-Đạt-Đa (Sudatta) đến hỏi mua một khu đất của Thái-tử Kỳ-Đà để xây cất tinh-xá. Thái-tử bảo đem vàng trải trên mặt đất, được bao nhiêu thì bán bấy nhiêu. Ông Tu-Đạt-Đa rất giàu tâm đạo, đem vàng đến trải khắp mặt đất, ngoại trừ mấy nơi có cây mọc, không thể trải vàng được.

Thái-tử Kỳ-Đà vô-cùng cảm-phục, trả vàng lại rồi giao-kết với ông Tu-Đạt-Đa: chỗ nào đã trải vàng được là phần công-đức của ông, còn các chỗ có cây mọc là phần công-đức của tôi.

Hầu hết các kinh Phật đều có nói trong phần Thông-tự, Kỳ-hoàn hoặc Kỳ-tho và Cấp-Cô-Độc viễn, để đề-cao công-đức vô-lượng của hai vị Phật-tử chí-tâm phụng-sự Tam-Bảo.

(3) **Tỳ-khưu** (Bhikkhu): bậc xuất-gia thuần-túy tu-hành giải-thoát, thọ-trì 250 giới, 3.000 oai-nghi, 80.000 tế-hạnh, có ba điều tốt:

1. Trên cầu Phật-pháp, dưới chung phước-điền cho thí-chủ.
2. Đức-độ cao-siêu khiến các loài tà-ma quỉ-quái khiếp sợ.
3. Dứt tuyệt các ác-niêm.

(4) **Vô-lậu A-La-Hán** (Arhat): bậc giải-thoát, tiêu-diệt các thứ dục-lậu, hữu-lậu, vô-minh-lậu, trừ tuyệt giặc tam độc, ra khỏi đường sanh-tử luân-hồi, đáng được cõi Trời và cõi Người cung-dưỡng cầu phước.

(5) **Phật-tử trụ-trì**: đây chỉ về các vị vô-lậu A-La-Hán, vốn nhờ ân Phật dạy, đắc pháp-tánh, trụ tại điện Phật, trì ấn-lịnh Phật, đại-diện Phật tuyên-dương chánh-pháp hóa-độ chúng-sanh.

(6) **Chuyển bánh xe Pháp**: truyền-bá chơn-lý giải-thoát của Phật nhằm mục-dich thức tỉnh chúng-sanh tu-chứng đạo-quả Bồ-Đề.

(7) **Thượng-thủ**: Trưởng-thượng đứng đầu trong đại-chúng.

(8) **Bích-Chi** (Pratyekabuddha): bậc tu-chứng Độc-giác và Duyên-giác.

(9) **Vô-học**: bậc đã dứt sạch tất cả vọng-nghiệp phiền-não, tỏ ngộ chơn-lý giải-thoát, đoạn hoặc chứng chơn, không còn học chi nữa.

(10) **Sơ-tâm**: hạng mới phát tâm Bồ-đề, đang tu học giải-thoát.

(11) **Ngày tự-tử**: ngày rằm tháng bảy, các Thầy Tỳ-khưu mãn hạ, cùng nhau xét mình và bày tỏ các sự lỗi lầm trong ba tháng an-cư tu-hành.

(12) **Hằng-sa Bồ-Tát**: Hằng là sông Hằng (Gange), sa là cát, sông Hằng là một con sông lớn nhất ở Ấn-Độ, khởi nguồn từ núi Hy-Mã-Lạp-Sơn (Himalaya), chảy tới vịnh Bengale, dài 3.100 km, đáy sông chứa đầy cát. Hằng-sa Bồ-Tát là nói các vị Bồ-Tát ví như số cát sông Hằng, có nghĩa rất nhiều, không thể kể hết được.

(13) **Thượng-tọa**: vị Tỳ-khưu chuyên tu giải-thoát, thông hiểu giáo-lý và có nhiều tuổi hạ.

(14) **A-xà-lê** (Acarya): vị Tỳ-khưu Quỉ-phạm, có giới-hạnh thanh-tịnh, làm khuôn phép cho chúng tu-hành.

(15) **Đàn-việt**: thí-chủ.

(16) **Sát-đế-ly** (Ksatriya): dòng dõi sang trọng.

(17) **Chiên-dà-la** (Candala): dòng dõi hạ-tiễn.

(18) **Dâm**: Vạn ác dâm vi thủ. Dâm là món phiền-não tối-độc đứng đầu các tội ác. Món phiền-não tối-độc ấy khiến phàm-nhân gây ra và kéo dài ác-nghiệp oan-trái, vay trả luân-hồi sanh-tử, mang nặng thân hoạn dơ bẩn, cam chịu tám vạn tư trắc-lao đau khổ ở cõi ngũ-trược ác-thế.

(19) **Sa-ma-tha** (Samatha): phép “Chỉ” có công-năng dứt sạch các phiền-não hôn-mê.

Tam-ma-dề (Samādhi, hay còn gọi là Samāpatti): phép chánh-định có công-năng an-trụ chánh-giác bao-hàm vạn đức vạn hạnh.

Thiền-na (Dhyāna): phép “Tịnh-Lự” có công-năng trừ tuyệt các vọng-tưởng tán-loạn.

Các phép kể trên tuy ba mà một vì là tổng-danh của đại-định Thủ-Lăng-Nghiêm, có hiệu-lực tỏ tâm thanh-tịnh, hiển tánh chơn-thường, viên-chứng Phật quả.

(20) **32 tướng Hoá-Thân-Phật:**

1. Đảnh cao.
2. Thân cao lớn.
3. Thân có sắc vàng sáng.
4. Thân oai-nghiêm.
5. Thân cân phân.
6. Quanh mình có hào-quang.
7. Da mỏng và mịn.
8. Hai mắt xanh biếc và có nốt son.
9. Lông nheo dài.
10. Giữa hai lông mày có nốt son và lông trắng chiếu sáng.
11. Gò má cao.
12. Có 40 cái răng.
13. Răng trắng và khít nhau.
14. Bốn răng cửa lớn.
15. Nước miếng có vị thơm ngọt.
16. Lưỡi rộng dài.
17. Tiếng nói từ-bi thanh-nhã.
18. Hai vai tròn tria.
19. Ở giữa ngực có chữ “Vạn”.
20. Bảy chỗ đầy đặn: cổ, 2 vai, 2 bàn tay và 2 bàn chân.
21. Lỗ chưn lông sắc xanh.
22. Lông xây qua bên hữu.
23. Hai nách tròn tria.
24. Các ngón tay nhỏ và dài.
25. Hai tay dài quá gối.
26. Năm cắn ẩn kín.
27. Tay chưn dịu dàng.
28. Bắp vế đầy đặn.
29. Gót chưn tròn tria.
30. Giữa ngón tay và ngón chưn có màng mỏng dính liền nhau.
31. Trên bàn chưn nổi cao.
32. Dưới bàn chưn bằng thảng và có nhiều đường chỉ xoay tròn.

(21) **Trần-lao:**

- _ Trần là bụi, ô-nhiêm. Lao là khó nhọc.
- _ Trần-lao gồm có những thứ vọng-động làm khổ lụy thân-tâm ở thế-gian.

(22) **Mười loài chúng-sanh:**

- | | |
|---------------|-------------------|
| 1. Thai-sanh. | 6. Hữu-tưởng. |
| 2. Noãn-sanh. | 7. Phi hữu-sắc. |
| 3. Thấp-sanh. | 8. Phi vô-sắc. |
| 4. Hóa-sanh. | 9. Phi hữu-tưởng. |
| 5. Hữu-sắc. | 10. Phi vô-tưởng. |

Đó là mười loài hay nhận lầm tâm ở trong thân. Ngoài ra ở thế-gian còn có hai loài: vô-sắc (không có thân hình) và vô-tưởng (không có tâm tư-tưởng).

(23) **Mắt tứ-trần:** mắt thịt của người phàm-tục do bốn thứ “đất nước gió lửa” hiệp thành.

(24) **Tứ-chúng:** bốn chúng: Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, Sa-di và Sa-di-ni. Chí như Thất chúng tức là Bảy chúng, thì bốn chúng kể trên hiệp với ba chúng: Thức-xoa manoa, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di.

(25) **Lông rùa sừng thỏ:** Rùa không có lông, tại sao gọi lông rùa? Thỏ không có sừng, tại sao gọi sừng thỏ? Đó là hữu-danh vô-thiệt, khi kinh Phật nói lông rùa sừng thỏ là để chỉ vật luống dối không có thiệt.

(26) Trong bảy lần, các câu hỏi của Đức Phật đều ngụ ý: Tâm ở chỗ nào?

Ngài A-Nan giải-đáp sai lầm như sau:

- | | |
|--------------------------|------------------------|
| 1. Tâm ở trong thân. | 5. Tâm ở chỗ tùy-hiệp. |
| 2. Tâm ở ngoài thân. | 6. Tâm ở khoảng giữa. |
| 3. Tâm ẩn tại mắt. | 7. Tâm vô-trước. |
| 4. Tâm ở trong lỗ ngoài. | |

Bảy lần giải đáp của ngài A-Nan đều là mê-chấp.

Đức Phật đã chỉ dạy bảy cái mê-chấp của đệ-tử là phi-lý, nhằm mục-đích dẹp trừ tâm vọng và khai-thị tâm chơn-tức là Tâm Chơn-Như viên-tịnh thường-trụ. Vì thế, Đức Phật từ-mẫn tuyên bố: Như-Lai có phép *Đại Phật-Đánh Thủ-Lăng-Nghiêm Vương* làm y-chỉ giải-thoát cho ngài A-Nan và Đại-chúng nương theo.

(27) **Trật vai áo và quì gối bên hữu:** đó là lễ-phép của đệ-tử đối với Bổn-sư theo phong-tục lễ-nghi Ấn-Độ.

(28) **Gieo năm vóc xuống đất:** khi lễ Phật, gieo năm vóc xuống đất tức là đặt cái đầu, hai tay và hai chân nằm sát mặt đất, đó là cách-thức tỏ lòng cung-kính tri ân Phật.

(29) **Át-xoa** (Rudra Aksa): một loại trái cây ở xứ Ấn-Độ, cứ một chùm có ba trái. Đức Phật lấy một chùm ba trái át-xoa làm ví dụ. Do vô-minh sanh ra nghiệp-chướng, do nghiệp-chướng sanh ra khổ-báo; chịu khổ-báo vẫn mê-muội, lại vô-minh ... cứ như thế mà trầm-luân ở biển khổ.

(30) **Vô-sanh pháp-nhẫn:** tu-hành đại-định và viên-chứng quả-vị vô-sanh, không còn thấy có pháp sanh-diệt.

(31) **Tòa sư-tử:** chỗ của Đức Phật ngồi thuyết pháp oai-nghiêm; gọi là pháp-tọa.

(32) **Tiền-trần:** cũng gọi là *pháp-trần* hay *lục-trần* tức là sáu món trần-tục khổ-lụy: sắc thinh hương vị xúc pháp.

(33) **Chín bậc định:**

- | | |
|--------------------|-------------------------------------|
| 1. định Sơ-thiền. | 6. định Thức-xứ. |
| 2. định Nhị-thiền. | 7. định Vô-sở-hữu-xứ. |
| 3. định Tam-thiền. | 8. định Phi-tưởng Phi-phi-tưởng xứ. |
| 4. định Tứ-thiền. | 9. định Diết-thọ-tưởng. |
| 5. định Không-xứ. | |

Khởi đầu tu-chứng định Sơ-thiền rồi vào định Nhị-thiền, tuần-tự nhi tiến theo thứ lớp đến định Diết-thọ-tưởng thì tâm không còn tạp niệm, giữ được sự yên lặng nhưng vẫn còn vi-tế vô-minh, chấp-trước vọng-tưởng và thủ-chứng nên chưa khởi nạn luân-hồi sanh-tử và không thành được Vô-lậu A-La-Hán.

(34) **Thánh-quả:** quả-vị giải-thoát tam giới, kể từ bậc Vô-lại A-La-Hán nhẫn lên Duyên-giác, Bồ-Tát và Phật.

(35) **Hai chướng phiền-não và sở-tri:** hai chướng này rất nguy hại vì hay che lấp Tâm Chơn-Như.

1. Chướng phiền-não có hai thứ mê lầm:

- a) mê lầm trong sự thấy biết gọi là Kiến-hoặc;
- b) mê lầm trong sự suy nghĩ gọi là Tư-hoặc.

Kiến-hoặc và Tư-hoặc đều do bệnh Ngã-chấp mà có.

2. Chướng sở-tri cũng có hai thứ mê lầm:

- a) mê lầm tưởng có thiêt ngoại-cảnh mà cố giữ, chớ không biết ngoại-cảnh duy tâm tạo, gọi là Thủ-cảnh;
- b) mê lầm luyến-ái pháp tu-chứng, chớ chẳng tò ngộ Không-tánh, gọi là Pháp-ái.

Thủ-cảnh và Pháp-ái đều do bệnh Pháp-chấp mà có.

(36) **Năm vị Tỳ-khưu do ngài A-Nhã-Đa làm Thượng-Thủ:**

1. A-Nhã-Đa là tên, Tàu dịch là Giải có nghĩa ý-thức, hiểu biết minh-bạch. Còn Kiều-Trần-Na là họ. Nói đủ tên họ là Kiều-Trần-Na A-Nhã-Đa (Kaundinya Ajuata).

- | | |
|---------------------|---------------------|
| 2. A-Bệ | (Asvajit) |
| 3. Bạt-Đề | (Bhadrika) |
| 4. Ma-Ha Nam-Câu-Ly | (Mahanamakulika) |
| 5. Thập-Lực Ca-Diếp | (Dasabala Kasyapa). |

Nguyên có một thời-gian Thái-tử Sĩ-Đạt-Ta (Siddhartha) tu chung với đoàn thể năm vị kể trên, nhưng vì thấy đoàn-thể ấy tu-hành rất khổ-hạnh mà không thành đạo-quả, nên Thái-tử mở riêng đường tu khác. Sau khi viên-chứng Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác, Đức Phật trước hết thuyết kinh Hoa-Nghiêm, nhưng đa-số Đại-chúng không lãnh-hội được. Vì thế, Đức Phật ẩn Viên-giáo và Đốn-giáo, dùng Quyền-giáo và Tiệm-giáo tùy cơ-duyên hóa-độ chúng-sanh. Đức Phật mở đường phuong-tien đến vườn Lộc-Uyển thuyết Thinh-văn thừa túc là pháp Tứ Diệu-Đế (Catvariaryasatyaru), để độ năm vị ấy trở nên Tỳ-khưu tu-hành giải-thoát và về sau chứng được đạo-quả A-La-Hán.

YẾU-GIẢI HẾT QUYẾN NHỨT

CHÚ-THÍCH (2018)

GIẢI-THÍCH CHỮ THIỆN THEO NHO-GIÁO (Trích của GS. Huỳnh Minh-Đức)

DOẠN 15

_ **Thiện tai:** Lành thay.

Giải-thoát là con đường công-phu, chỉ cần chúng ta còn niềm một chút bụi trần, cũng không thể đến cảnh-giới Bồ-Đề. Chỉ có con đường *hành thiện* mới giúp chúng ta đến với Bát-Nhã (Trí-Tuệ). Chữ Thiện phải hiểu thật rộng, nó không phải chỉ là làm lành lánh dữ.

THIỆN (善): *Hệ-tử thương Kinh Dịch, Chương 5* viết:

“Nhứt Âm nhứt Dương chi vị Đạo, kế chi giả, **Thiện** dã, thành chi giả, **Tánh** dã”.

Nghĩa: “Sự vận-hành của một Âm một Dương gọi là **Đạo**. Mọi hành-động nào thích-hợp với đạo Âm Dương thì gọi là **Thiện**. Khi nào thực-hiện được lẽ Âm Dương thì đó là **Tánh**”.

Đây là lần đầu tiên chữ Thiện xuất-hiện và được giải-thích trong văn-hóa Trung-Hoa qua Kinh Dịch.

Như vậy, theo quan-diểm của Kinh Dịch thì *Đạo* (道) là con đường hòa-hòa của Âm Dương mà con người phải thực-hiện. Câu nói trên có vài ý cần được nói rõ thêm. *Đạo* là con đường vận-hành, biến-hóa từ khí Vô-cực, đến Thái-cực, đến Lưỡng-nghi ... rồi cuối cùng đến vạn-vật hữu-hình. *Đạo*, tự nó, nó có quy-luật biến-hóa của nó, hoặc bình-khí, hoặc thái-quá, hoặc bất-cập, tất cả đều do sự quân-bình hay không giữa Âm và Dương.

Con người sống trong sự giao-biến của Thiên Địa. Khi nào sống và hành-động ứng theo đúng với Thiên-đạo, đó gọi là “*Thiện*”. Rõ ràng Thiện ở đây không phải là tính thương người, hay là những việc làm lành, lánh dữ chung chung. Khi nào vận-hành đúng nhịp với Thiên-đạo để “thực-hiện Thiên-đạo” nơi con người, đó gọi là “*Tánh*”. Thiên-đạo là mấu mực cho nhân-đạo.

Mỗi giai-đoạn biến-hóa đúng với *Thời* gọi là Thiện, là Bất-dịch, là Trung-trinh, là Thường. Đạo là một, nhưng biểu-hiện lại khác nhau, đó là Hóa, là Biến, nhưng đi tới cùng, nó là một: Vô-cực sang Thái-cực.

Phật-giáo kêu gọi hành-động Thiện, kêu gọi Minh-Tâm Kiến-Tánh, cũng là kêu gọi hành-động hợp lẽ Âm Dương, Trời Đất. Làm lành, lánh dữ, không sát-sanh cũng chỉ là một khía cạnh nhỏ của Thiện mà thôi. Đây chỉ là một thí-dụ nhỏ chứng-minh có sự quan-hệ giữa tư-tưởng Nho-giáo và Phật-giáo Đại-thặng. Nho-giáo đã giúp cho Phật-giáo nhập-thể trước khi giải-thoát, và Phật-giáo đã giúp cho Nho-giáo thăng-hoa hơn, không co cụm mãi trong cái xã-hội tù túng của cuộc đời.

Chúng ta nên lưu ý, trong kinh-diển Phật-giáo, mỗi khi Đức Phật nói “*Thiện tai*” là có ý khen suy nghĩ và hành-động của một người nào đó đúng với Chơn-Lý (Đạo) (có giá-trị hằng-hữu, vĩnh-cửu, và bất-biến). Do đó, chúng ta hiểu sâu sắc vì sao hiếm khi nào Đức Phật nói: “*Thiện tai!* *Thiện tai!*”

Trong kinh Thủ-Lăng-Nghiêm có bốn lần Đức Phật nói “*Thiện tai*” ở đoạn 15, 3, 17, 20, của lần lượt quyển 1, 5, 6, 7.



CHIẾT TỰ chữ ĐẠO (道)

Chữ ‘Đạo’ (道) bắt đầu bằng hai nét phết (丶) tượng-trưng cho Âm – Dương, cùng với chữ ‘Nhứt’ (一) tạo thành “Âm Dương hợp nhứt”.

Bên dưới là chữ ‘Tự’ (自), trên dưới kết hợp lại tạo thành chữ ‘Thủ’ (首) là khởi-thủy, ban đầu, đứng đầu. Vũ-trụ cũng bắt nguồn từ một thứ nguyên-thủy nhứt rồi mới sinh ra vạn sự vạn vật. *Kinh Dịch* viết: “Cho nên Dịch có Thái-Cực, từ đó sinh Lưỡng-Nghi, Lưỡng-Nghi sinh Tứ-Tượng, Tứ-Tượng sinh Bát-Quái, Bát-Quái sinh Ngũ-Hành”, từ ngũ-hành ấy mà vạn vật mới xuất sinh.

Bên trái chữ Đạo là bộ ‘Sước’ (辵) nghĩa là chạy, bước đi, biểu-thị sự vận-chuyển không ngừng. Như vậy, bên trong Đạo đã bao-hàm cả Âm và Dương, tĩnh và động, động thì không ngừng sinh hóa, tĩnh thì thanh-tịnh vô-vi.

HÒA-THƯỢNG THIỀN-SƯ
THÍCH TÙ-QUANG

**THỦ LĂNG NGHIÊM
KINH
DỊCH ÂM, DIỄN NGHĨA, YẾU GIẢI
QUYỀN NHÌ**

**CHƠN-ĐỨC THIỀN-VIỆN
1948**

Dịch Âm THỦ-LĂNG-NGHIÊM KINH Đê Nhị Quyển	Diễn Nghĩa KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM Quyển Nhì
1.	<p style="text-align: center;">1. PHẬT HIỂN-MINH TÁNH THẤY KHÔNG DỨT.</p> <p>爾時阿難及諸大眾。聞佛示誨身心泰然。念無始來失却本心。妄認緣塵分別影事。今日開悟如失乳兒忽遇慈母。合掌禮佛。願聞如來顯出身心真妄虛實現前生滅與不生滅二發明性。</p> <p>_ Nhĩ thời A-Nan cập chư đại-chúng, văn Phật thi hối, thân-tâm thái nhiên. _ Niệm vô-thỉ lai, thất khước bốn-tâm, vọng nhận duyên-trần, phân-biệt ảnh sự, kim nhựt khai ngộ, như thất nhū nhi, hốt ngộ từ-mẫu. _ Hiệp-chưởng lẽ Phật, nguyện văn Như-Lai, hiển xuất thân-tâm, chơn-vọng, hư-thật, hiện-tiền sanh-diệt, dữ bất sanh-diệt, nhị phát-minh tánh.</p>

波斯匿王起立白佛。我昔未承諸佛誨勅。見迦旃延毘羅胝子。咸言此身死後斷滅名為涅槃。我雖值佛今猶狐疑。云何發揮證知此心不生滅地。令此大眾諸有漏者咸皆願聞。

<p>2. Thời Ba-Tư-Nặc vương, khởi lập bạch Phật:</p> <p>_ Ngã tích vị thừa, chư Phật hối sắc, kiến Ca-Chiên-Diên, Tỳ-La-Chi-Tử, hàm ngôn thủ thân, tử hậu đoạn diệt, danh vi Niết-Bàn.</p> <p>Chữ Chi: ta quen đọc là chữ Đê.</p> <p>_ Ngã tuy trị Phật, kim du hồ-nghi. (_ Nay tuy được gặp Phật nhưng tôi vẫn còn hồ-nghi.)</p> <p>_ Vân hà phát huy, chứng tri thủ tâm, bất sanh-diệt địa. Kim thủ đại-chúng, chư hữu-lậu giả, hàm giai lạc văn. (_ Xin Phật chỉ rõ thế nào chứng biết tánh không</p>	<p>2. Tức thời Vua Ba-Tư-Nặc đứng dậy bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Trước khi chưa được chư Phật khai sáng, tôi có nghe hai nhà sư ngoại-đạo là Ca-Chiên-Diên và Tỳ-La-Đê-Tử nói rằng: Thân chết rồi tiêu mất gọi là Niết-Bàn.</p> <p>_ Nay tôi được Như-Lai dạy dỗ, nhưng tôi còn nghi ngờ chõ ấy.</p> <p>_ Xin cung-thỉnh Đức Thế-Tôn chỉ dạy rõ ràng các bằng cớ chứng-minh tâm bất-sanh bất-diệt cho tôi và cả Đại-chúng hữu-lậu được lãnh-hội.</p>
--	--

sanh-diệt nơi tâm này. Hiện nay các hàng hữu-lâu trong đại-chúng cũng đều trông mong được nghe điều ấy.)	
--	--

佛告大王汝身現存今復問汝。汝此肉身為同金剛常住不朽。
為復變壞。世尊我今此身終從變滅。

佛言大王汝未曾滅云何知滅。世尊我此無常變壞之身。雖未曾滅我觀現前。念念遷謝新新不住。如火成灰漸漸銷殞。殞亡不息。決知此身當從滅盡。佛言如是大王。汝今生齡已從衰老。顏貌何如童子之時。世尊我昔孩孺膚腠潤澤。年至長成血氣充滿。而今頽齡迫於衰耄。形色枯悴精神昏昧。髮白面皺逮將不久。如何見比充盛之時。

佛言大王汝之形容應不頓朽。王言世尊變化密移我誠不覺。寒暑遷流漸至於此。何以故我年二十雖號年少。顏貌已老初十年時。三十之年又衰二十。于今六十又過于二。觀五十時宛然強壯。世尊我見密移雖此殂落。其間流易且限十年。若復令我微細思惟。其變寧唯一紀二紀實為年變。豈唯年變亦兼月化。何直月化兼又日遷。沈思諦觀剎那剎那。念念之間不得停住。故知我身終從變滅。

3. Phật cáo:

_ Đại-vương! Nhữ thân hiện-tại, kim phục vẫn nhữ: Nhữ thủ nhục-thân, vi đồng Kim-Cang, thường-trụ bất-hủ, vi phục biến-hoại?

(_ Đại-vương! Thân ông hiện đó, nay Ta hỏi ông: Cái nhục-thân đó của ông có như Kim-Cang thường còn, không hư hỏng, hay lại cũng biến đổi và tan rã?)

_ Thế-Tôn! Ngã kim thủ thân, chung tùng biến-diệt.

(_ Bạch Thế-Tôn! Thân tôi hiện nay, rõ cuộc về sau cũng thay đổi và tiêu-diệt.)

_ Phật ngôn: Đại-vương! Nhữ vị tầng diệt, vân hà tri diệt?

_ Thế-Tôn! Ngã thủ vô-thường, biến-hoại chi thân, tuy vị tầng diệt, ngã quan hiện-tiền, niêm niêm thiên-tạ, tân tân bất-trụ, như hỏa thành khôi, tiêm tiêm tiêu-vẫn.

(_ Thế-Tôn! Cái thân vô-thường thay đổi của tôi đây, tuy chưa hề bị diệt, song tôi xét nó hiện nay niêm niêm dời đổi, mãi mãi không thôi, như lửa thành tro, lần-lần tiêu-mất.)

3. Đức Phật hỏi vua Ba-Tư-Nặc:

_ Thân của Đại-Vương hiện-tại là xác thịt có bền chắc như Kim-Cang thường-trụ chẳng? Hay là một vật vô-thường biến-diệt?

_ Bạch Đức Thế-Tôn! Thân của tôi hiện-tại vô-thường biến-diệt.

_ Đại-vương chưa từng bị diệt, mà tại sao biết thân diệt?

_ Bạch Đức Thế-Tôn! Tuy tôi chưa diệt, nhưng hiện-tại tôi quan-sát thấy thân từ từ thay đổi, như lửa thành tro lần-lần tiêu-mất.

<p>_ Vẫn vong bất tức, quyết tri thử thân, đương tùng diệt tận.</p> <p>(_ Vì tiêu mất, mãi mãi không dừng, nên tôi biết chắc thân này rồi phải diệt mất.)</p>	<p>_ Như thế làm cho tôi biết rõ nhục-thân chắc chắn phải tiêu-diệt.</p> <p>Vong: - Quên (忘): như: vong ân, vong tình. - Mất (亡): như: vong quốc, vong bản. Nhục-thân: thân xác thịt.</p>
<p>_ Phật ngôn: Như-thị Đại-vương! Nhữ kim sanh linh, dĩ tùng suy lão, nhan mạo hà như, đồng-tử chi thời?</p> <p>(_ Phật dạy: Đúng thế, Đại-vương! Tuổi tác của ông nay đã già yếu, vậy mặt mày của ông so với lúc còn bé thì như thế nào?)</p> <p>_ Thế-Tôn! Ngã tích hài nhũ phu tấu nhuận trạch, niên chí trưởng-thành, huyết-kí sung-mãn; nhi kim tồi linh, bức ư suy mạo, hình-sắc khô tuy, tinh-thần hôn-muội, phát bạch diện sô, đai tương bất cửu, như hà kiến tỳ, sung-thạnh chi thời.</p> <p>(...; nay thì tuổi già, ngày thêm suy yếu, hình-dung ốm yếu...)</p>	<p>_ Đức Phật khen: Đại-vương nói đúng! Nay Đại-vương già yếu, hình-dung hiện-tại có tương-đương với hình-dung trong thời thiếu-niên chăng?</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Trong thời thiếu-niên, da thịt tươi nhuận, đến lúc trưởng-thành, khí-huyết sung-mãn; nhưng hiện-tại trong cảnh chiều tàn, hình-dung ốm yếu, tinh-thần lẩn lộn, tóc bạc mặt nhăn, sống chẳng bao lâu nữa, không làm sao sánh bằng tuổi bé.</p>
<p>_ Phật ngôn: Đại-vương! Nhữ chi hình dung, ưng bất đốn hủ.</p> <p>(_ Phật bảo: Đại-vương! Hình-dung của ông, nào phải đương trẻ mà già liền đâu?)</p> <p>_ Vương ngôn: Thế-Tôn! Biến-hóa mật di, ngã thành bất giác.</p> <p>_ Hán thử thiêng lưu, tiệm chí ư thử. Hả dĩ cố?</p> <p>(_ Nắng mưa thấm thoát, lần đến thế này. Vì sao?)</p> <p>_ Ngã niên nhị thập, tuy hiệu niên thiểu, nhan mạo dĩ lão, sơ thập tuế thời.</p> <p>_ Tam thập chi niên, hựu suy nhị thập.</p> <p>_ Vu kim lục thập, hựu quá vu nhị, quan ngũ thập thời, uyễn nhiên cường-tráng.</p>	<p>_ Đại-vương! Hình-dung của Đại-vương biến đổi mau hay chậm?</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi thiệt không biết nỗi sự biến-hóa âm thầm của thân.</p> <p>_ Tôi chỉ biết ngày tháng thầm thoát, lạnh nóng thay đổi, tới nay thân đã suy-nhuộc. Vì sao?</p> <p>_ Vì khi tôi được 20 tuổi, gọi là còn trẻ, nhưng diện-mạo già hơn hồi 10 tuổi.</p> <p>_ Khi được 30 tuổi lại kém hơn hồi 20 tuổi.</p> <p>_ Nay tôi được 62 tuổi, ngó lui lại hồi 50 tuổi, tôi còn mạnh khỏe hơn nhiều.</p>
<p>_ Thế-Tôn! Ngã kiến mật di, tuy thử tố lạc, kỳ gian lưu dị, thả hạn thập niên.</p> <p>(_ Bạch Thế-Tôn ! Tôi thấy thầm thầm dời đổi như thế, thân này đến nay tuy đã suy yếu, nhưng trong sự</p>	<p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi thấy thân âm thầm thay đổi, hạn-định thay đổi ước-độ 10 năm.</p>

<p>thay đổi, còn chia từng 10 năm.)</p> <p>_ Nhược phục lịnh ngã, vi-tế tư-duy, kỳ biến ninh duy, nhứt kỷ nhị kỷ, thật vi niên biến; khởi duy niên biến, diệc kiêm nguyệt hóa, hà trực nguyệt hóa, kiêm hựu nhựt thiên.</p> <p>(_ Nếu tôi suy xét chín chắn hơn nữa, thì cái biến đổi ấy đâu phải từng một kỷ, thật là mỗi năm mỗi thay đổi; chẳng những hằng năm...)</p> <p>_ Trầm-tư đế quan, sát-na sát-na, niệm niệm chi gian, bất đắc định trụ.</p> <p>(_ Xét cho cùng, nghĩ cho kỹ, trong mỗi sát-na, trong mỗi niệm, nó không thể đứng yên.)</p> <p>_ Cố tri ngã thân, chung tùng biến-diệt.</p> <p>(_ Vậy nên tôi biết thân tôi rốt cuộc phải biến đổi và tiêu-diệt.)</p>	<p>_ Nhưng nghiệm xét thì hạn-định thay đổi, chẳng những 12 năm hoặc 24 năm mà lại mỗi năm mỗi đổi; chẳng những hằng năm mà lại mỗi tháng mỗi đổi, chẳng những hằng tháng mà lại mỗi ngày mỗi đổi.</p> <p>_ Nếu quan-sát cùng tốt thì mỗi niệm mỗi đổi, cho tới mỗi sát-na (1) mỗi đổi, không khi nào ngừng.</p> <p>_ Do đó tôi biết thân tôi vô-thường, có sanh tất có diệt.</p>
---	---

佛言大王汝見變化遷改不停。悟知汝滅亦於滅時。知汝身中有不滅耶。波斯匿王合掌白佛我實不知。

佛言我今示汝不生滅性。大王汝年幾時見恒河水。王言我生三歲慈母携我。謁耆婆天經過此流。爾時即知是恒河水。

佛言大王如汝所說。二十之時衰於十歲。乃至六十日月歲時念念遷變。則汝三歲見此河時。至年十三其水云何。王言如三歲時宛然無異。至于今年六十二亦無有異。

佛言汝今自傷髮白面皺。其面必定皺於童年。則汝今時觀此恒河。與昔童時觀河之見有童耄不。王言不也世尊。

4. Phật ngôn: Đại-vương! Nhữ kiến biến-hóa, thiên-cải bất đinh, ngộ tri nhữ diệt, diệc ư diệt thời, nhữ tri thân trung, hữu bất diệt da?

_ Ba-Tư-Nặc vương, hiệp-chưởng bạch Phật: Ngã thật bất tri.

_ Phật ngôn: Ngã kim thị nhữ, bất sanh-diệt tánh. Đại-vương! Nhữ niên-kỷ thời, kiến Hằng-hà thủy?

_ Vương ngôn: Ngã sanh tam tuế, từ mẫu huề ngã, yết Kỳ-Bà-Thiên, kinh quá thử lưu, nhĩ thời tức tri, thị Hằng-hà

4. Đại-vương thấy sự biến-hóa không ngừng mà biết được thân phải diệt, nhưng khi thân diệt rồi, ông có biết trong thân có cái gì không diệt chăng?

_ Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi thiệt không biết.

_ Nay Ta khai-thị cho Đại-vương biết rõ tánh không sanh-diệt. Đại-vương khởi sự thấy nước sông Hằng hồi bao nhiêu tuổi?

_ Bạch Đức Thế-Tôn! Hồi tôi được 3 tuổi, thân-mẫu tôi có dẫn tôi đến lễ thần Kỳ-Bà-Thiên (2), phải đi ngang sông

<p>thủy.</p> <p>_ Phật ngôn: Đại-vương! Như nhữ sở thuyết, nhị thập chi thời, suy ư thập tuế, nāi chí lục thập, nhụt nguyệt tuế thời, niêm niệm thiên biến.</p> <p>(..., cho đến nay đã 60 tuổi, từng năm, từng tháng, từng ngày, từng giờ, dời đổi mãi mãi.)</p> <p>_ Tắc thử tam tuế, kiến thử hà thời, chí niêm thập tam, kỳ thủy vân hà?</p> <p>(_ Vậy khi ông 3 tuổi thấy nước sông ấy, rồi đến khi 13 tuổi thì nước ấy thế nào?)</p> <p>_ Vương ngôn: Như tam tuế thời, uyễn nhiên vô dị, nāi chí vu kim, niêm lục thập nhị, diệc vô hữu dị.</p> <p>(_ Vua bạch: Tôi thấy nước ấy cũng giống khi 3 tuổi, như nhau không khác, và đến nay tuổi đã 62, cũng vẫn không khác.)</p>	<p>Hằng, nên lúc đó tôi biết nước sông Hằng.</p> <p>_ Như lời Đại-vương đã nói, thời 20 tuổi kém hơn thời 10 tuổi, cứ suy yếu lần tới thời 62 tuổi, thời-gian thay đổi, các niêm cũng thay đổi luôn luôn.</p> <p>_ Như vậy khi 3 tuổi Đại-vương thấy nước sông Hằng, tới khi 13 tuổi Đại-vương cũng thấy nước ấy, nhưng cái thấy có khác chăng?</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Không khác, cho tới nay 62 tuổi cái thấy giống in như vậy, không thay đổi chút nào cả.</p>
<p>_ Phật ngôn: Nhữ kim tự thương, phát bạch diện sô, kỳ diện tất định, sô ư đồng niêm.</p> <p>(_ Phật bảo: Nay ông xét mình đâu bạc mặt nhẵn, mặt ông chắc là nhẵn hơn lúc trẻ.)</p> <p>_ Tắc nhữ kim thời, quan thử Hằng-hà, dữ tích đồng thời, quan hà chi kiến, hữu đồng mạo phủ?</p> <p>(_ Vậy cái thấy hiện nay của ông thấy sông Hằng, so với cái thấy lúc nhỏ thấy sông Hằng, có già trẻ gì không?)</p> <p>_ Vương ngôn: Phất dã Thế-Tôn!</p> <p>(_ Vua bạch: Thưa Thế-Tôn, không.)</p>	<p>_ Đại-vương buồn tủi thân mình tóc bạc da nhẵn, tuổi già suy yếu hơn tuổi trẻ.</p> <p>_ Vậy hiện nay Đại-vương thấy nước sông Hằng, nếu sánh với cái thấy hồi còn bé, có già trẻ khác nhau chăng?</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Không khác chi cả.</p>

佛言大王汝面雖皺而此見精性未曾皺。皺者為變不皺非變。
變者受滅彼不變者元無生滅。云何於中受汝生死。而猶引彼末伽梨等。都言此身死後全滅。

5. Phật ngôn:

_ Đại-vương! Nhữ diện tuy sô, nhi thử kiến tinh, tánh vị tảng sô.

5. Đức Phật bảo vua Ba-Tư-Nặc:

_ Đại-vương! Mặt của Đại-vương nhẵn chớ cái thấy không bao giờ nhẵn.

<p>_ Sô giả vi biến, bất sô phi biến.</p> <p>_ Biến giả thọ diệt, bỉ bất-biến giả, nguyên vô sanh-diệt.</p> <p>(_ Cái thay đổi thì phải diệt, còn cái không thay đổi kia, vốn không sanh diệt.)</p> <p>_ Vân hà ư trung, thọ nhữ sanh-tử, nhi du dãm bỉ, Mạt-Già-Lê đẳng, đô ngôn thủ thân, tử hậu toàn diệt.</p> <p>(_ Làm sao trong ấy, lại nhận cái sống cái chết của ông, mà ông còn dãm những thuyết của bọn Mạt-Già-Lê kia bảo rằng thân này chết rồi diệt hẳn.)</p>	<p>_ Phải biết cái nhẫn là cái biến đổi, cái không nhẫn là cái không biến đổi.</p> <p>_ Biến đổi thì diệt, không biến đổi thì không diệt.</p> <p>_ Đã là cái không diệt thì chẳng có lý nào lại theo thân của Đại-vương mà thọ sanh-tử, để Đại-vương phải lầm lời nói của dòng dõi ngoại-đạo Mạt-Già-Lê (3): Thân chết rồi tiêu mất.</p>
--	--

王聞是言信知身後捨生趣生。與諸大眾踊躍歡喜得未曾有。	
<p>6. Vương văn thị ngôn, tín tri thân hậu, xả sanh thú sanh.</p> <p>(_ Vua nghe lời Phật dạy như vậy, tin biết về sau bỏ thân này qua thân khác.)</p> <p>_ Dữ chư đại-chúng dũng-dược hoan-hỉ, đắc vị-tăng-hữu.</p> <p>(_ Cùng với đại-chúng nhảy nhót vui mừng, được cái chưa từng có.) Dũng-dược: nhảy nhót.</p>	<p>6. Vua Ba-Tư-Nặc nghe Phật dạy thì nhận định: Thân người diệt, chờ cái tánh thấy không diệt. Người đời bỏ thân này sang thân khác, thay hình đổi xác, luân chuyển mãi chờ không phải tiêu mất.</p> <p>_ Vua và Đại-chúng đều vui mừng vì được thọ-lãnh một việc chưa từng có.</p> <p>Thú (趣): cõi chúng-sanh đến ở thì gọi là Thú. <i>Luận Câu-Xá, quyển 8:</i> “Thú là nơi đi đến”.</p>

<p>7.</p>	<p>7. PHẬT HIỂN-MINH TÁNH THẤY KHÔNG MẤT.</p>
阿難即從座起禮佛。合掌長跪白佛世尊。若此見聞必不生滅。云何世尊名我等輩。遺失真性顛倒行事。願興慈悲洗我塵垢。	
<p>_ A-Nan tức tùng tòa khởi lễ Phật, hiệp-chưởng trường quỳ bạch Phật:</p> <p>_ Thế-Tôn! Nhược thử kiến văn, tất bất sanh-diệt, vân hà Thế-Tôn, danh ngã đẳng bối, di thất Chơn-Tánh, điên-đảo hành sự?</p> <p>_ Nguyện hưng từ-bi, tẩy ngã trần-cấu.</p> <p>(_ Xin Phật mở lòng từ-bi, rửa sạch trần-cấu cho chúng tôi.)</p>	<p>_ Ngài A-Nan đứng dậy lễ Phật rồi quì gối, hiệp-chưởng bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Nếu tánh thấy nghe không sanh diệt, thì tại sao Đức Thế-Tôn lại quở chúng tôi quên mất Chơn-Tánh, làm việc điên-đảo.</p> <p>_ Cầu xin Đức Thế-Tôn từ-bi khai sáng chỗ mê lầm của chúng tôi.</p>

即時如來垂金色臂。輪手下指示阿難言。汝今見我母陀羅手為正為倒。阿難言世間眾生以此為倒。而我不知誰正誰倒。

佛告阿難若世間人以此為倒。即世間人將何為正。阿難言如來豎臂兜羅綿手。上指於空則名為正。

佛即豎臂告阿難言。若此顛倒首尾相換。諸世間人一倍瞻視。則知汝身與諸如來。清淨法身比類發明。如來之身名正遍知。汝等之身號性顛倒。隨汝諦觀汝身佛身。稱顛倒者名字何處號為顛倒。

8. Tức thời Như-Lai, thùy kim sắc tý, luân thủ hạ chỉ thị A-Nan ngôn:

(_ Khi ấy Đức Như-Lai duỗi cánh tay kim-sắc, ngón tay chỉ xuống, bảo ông A-Nan rằng:

_ Nhữ kim kiến ngã, Mẫu-dà-la thủ, vi chánh vi đảo?

_ Ông nay thấy tay Mẫu-dà-la Ta là chánh hay là ngược?)

_ A-Nan ngôn: Thế-gian chúng-sanh, dĩ thử vi đảo, nhi ngã bất tri, thùy chánh, thùy đảo?

_ Phật cáo A-Nan: Nhược thế-gian nhân, dĩ thử vi đảo, tức thế-gian nhân tương hì vi chánh?

(..., thì người thế-gian gọi thế nào là chánh?)

_ A-Nan ngôn: Như-Lai thụ tý, Đâu-la-miên thủ, thượng chỉ hư-không, tặc danh vi chánh.

(_ Ông A-Nan bạch Phật: Đức Như-Lai đưa cánh tay lên, tay Đâu-la-miên chỉ lên trên không thì gọi là chánh.)

_ Phật tức thụ tý, cáo A-Nan ngôn:

_ Nhược thử điên đảo, thủ vĩ tương hoán, chư thế-gian nhân, nhứt bội chiêm thị.

(_ Cái trái ngược như thế, chỉ là đầu đuôi thay đổi lẫn nhau, các người thế-gian lặp đi lặp lại mà xem thấy.)

_ Tặc tri nhữ thân, dĩ chư Như-Lai, thanh-tịnh Pháp-thân, tỳ loại phát-minh,

8. Tức thời Đức Như-Lai duỗi cánh tay vàng chỉ xuống đất, hỏi ngài A-Nan:

_ Böyle giờ ông xem tay Mẫu-dà-la (4) của Ta chánh hay đảo?

_ Bạch Đức Thế-Tôn! Người thế-gian nói như thế là đảo, riêng tôi không biết thế nào chánh? Thế nào đảo?

_ A-Nan! Nếu người thế-gian nói như vậy là đảo, thì thế nào là chánh?

_ Bạch Đức Thế-Tôn! Như-Lai đưa cánh tay vàng trở lên thì người thế-gian mới gọi là chánh.

_ Đức Phật liền đưa cánh tay vàng trở lên rồi nói:

_ A-Nan! Cái chánh, cái đảo là đều đổi làm đuôi, đuôi đổi làm đầu, chớ cánh tay không mất, người thế-gian đều thấy như vậy.

_ Do đó ông biết nhục-thân ông và Pháp-thân Phật. Nhục-thân của ông là

<p>Như-Lai chi thân, danh Chánh-Biến-Tri. (_ Nay lấy cái thân ông và pháp-thân thanh-tịnh của chư Như-Lai, so theo đó mà phát-minh, thì thân của Như-Lai gọi là Chánh-Biến-Tri.)</p> <p>_ Nhữ đắng chi thân, hiệu tánh diên-dảo. (_ Thân của các ông gọi là tánh trái ngược.)</p> <p>_ Tùy nhữ đế quan, nhữ thân Phật thân, xưng diên-dảo giả, danh tự hà xứ, hiệu vi diên-dảo? (_ Tùy ông xét kỹ nơi thân ông và thân Phật, cái gọi là trái ngược đó, do ở chỗ nào mà gọi là trái ngược?)</p>	<p>diên-dảo, còn Pháp-thân thanh-tịnh của Phật là Chánh-Biến-Tri (5).</p> <p>_ So sánh và phát-minh hai thân ấy thì thân của ông vốn là diên-dảo.</p> <p>_ Ông có biết do chỗ nào mà cho là diên-dảo?</p>
---	---

<p>于時阿難與諸大眾。瞪曖瞻佛目精不瞬。不知身心顛倒所在。</p>	
<p>9. Ư thời A-Nan, dữ chư đại-chúng, trùng manh chiêm Phật, mục tình bất thuần, bất tri thân-tâm, diên-dảo sở tại. (_ Khi ấy ông A-Nan cùng cả đại-chúng chăm chánh ngó Phật, trong con mắt không lay động, chẳng biết thân-tâm chỗ nào trái ngược.)</p>	<p>9. Bấy giờ ngài A-Nan và Đại-chúng sững sốt nhìn Phật, không thưa hỏi được điều chi, vì chẳng biết chỗ diên-dảo của thân-tâm.</p>

<p>佛興慈悲哀愍阿難及諸大眾。發海潮音遍告同會。諸善男子我常說言。色心諸緣及心所使諸所緣法唯心所現。汝身汝心皆是妙明真精妙心中所現物。云何汝等遺失本妙圓妙明心寶明妙性。認悟中迷晦昧為空。空晦暗中結暗為色。色雜妄想想相為身。聚緣內搖趣外奔逸。昏擾擾相以為心性。一迷為心。決定惑為色身之內。不知色身外泊山河虛空大地。咸是妙明真心中物。譬如澄清百千大海。棄之唯認一浮沤體。目為全潮窮盡瀛渤。汝等即是迷中倍人。如我垂手等無差別。如來說為可憐愍者。</p>	
--	--

<p>10. Phật hưng từ-bi, ai mẫn A-Nan, cắp chư đại-chúng, phát hải-trieu-âm, biến cáo đồng hội: _ Chư Thiện-nam-tử! Ngã thường thuyết ngôn, - sắc tâm chư duyên, cắp tâm sở sử, (_ Sắc, tâm, các duyên, và các tâm sở, - chư sở duyên pháp, duy tâm sở hiện.</p>	<p>10. Đức Phật động lòng từ-bi thương xót ngài A-Nan và Đại-chúng, phát ra tiếng nói hải-trieu phổ-cáo chúng-hội: _ Chư Thiện-nam-tử ! Ta thường nói rõ: - các duyên về sắc, tâm, các nghiệp chơn-vọng của tâm-sở, - các pháp sở-duyên sáng tối, chánh-tà,</p>
--	---

<p>- các pháp sở-duyên, đều duy tâm-tánh biến hiện.)</p>	<p>tánh-tưởng, nhân-quả ..., tất cả thế-gian pháp và xuất thế-gian pháp đều do tâm Như-Lai-Tạng phát-sanh.</p>
<p>_ Nhữ thân nhữ tâm, giai thị diệu-minh, chơn tinh diệu-tâm, trung sở hiện vật. (_ Thân ông, tâm ông đều là những vật hiện ra trong tâm-tánh.)</p> <p>_ Vân hà nhữ đẳng, di thất bốn-diệu, viên-diệu minh-tâm, bửu-minh diệu-tánh, nhận ngộ trung mê. (_ Làm sao các ông lại bỏ mất tâm-tánh quý báu ấy, nhận cái mê trong ngộ.)</p>	<p>_ Thân-hoạn của các ông vốn là vật ở trong diệu-minh Chơn-Như Tâm.</p> <p>_ Cớ sao các ông lại quên mất tâm diệu-minh ấy mà nhận cái mê ở trong ngộ. Đó là chỗ điên-dảo của thân-tâm.</p>
<p>_ Hối muội vi không, không hối ám trung, kết ám vi sắc; sắc tạp vọng-tưởng, tưởng tưởng vi thân. (_ Mê-muội thành có hư-không, trong hư-không mê-muội ấy, kết cái mê-muội thành ra có sắc; sắc xen với vọng-tưởng, tưởng tưởng làm thân.)</p> <p>_ Tụ duyên nội diệu, thú ngoại bôn dật; hôn nhiễu nhiễu tưởng, dĩ vi tâm tánh. (_ Nhóm các duyên lay động bên trong, giong ruỗi theo cảnh vật bên ngoài; rồi lấy cái tưởng mờ mịt lảng xăng đó làm tâm-tánh.)</p>	<p>_ Ban sơ, vì một niệm mê-muội mà có vô-minh, do vô-minh mà hóa ra ngoan-không, rồi lại sanh ra sắc tứ-đại (6), kết với vọng-tưởng mà hóa ra thân ngũ uẩn (7). Đó là <i>thân mê ở trong ngộ</i>.</p> <p>_ Khi thân tứ-đại giả-hiệp, trong thì hiệp với vọng-tưởng, ngoài thì hiệp với sắc-trần mà sanh ra đen tối u-ám, rồi chấp cái tưởng đen tối u-ám làm tâm diệu-minh. Đó là <i>tâm mê ở trong ngộ</i>.</p>
<p>_ Nhứt mê vi tâm, quyết định hoặc vị, sắc thân chi nội, bất tri sắc-thân, ngoại kỵ sơn-hà, hư-không đại-địa, hàm thị diệu-minh Chơn-Tâm trung vật. (_ Một khi lầm cái tưởng ấy làm tâm thì quyết định lầm cho rằng tâm ở trong sắc thân, mà không biết sắc thân, cho đến núi sông, hư-không, đất liền bên ngoài, đều là những vật hiện trong tâm-tánh.)</p> <p>_ Thí như trường thanh, bá thiên đại-hải, khí chi duy nhận, nhứt phù âu thể, mục vi toàn triều, cùng-tận doanh bột. (_ Ví như bỏ cả trăm ngàn biển lớn, lại nhận chút bọt nước mà cho là nước của các biển.)</p>	<p>_ Nếu mê-chấp như vậy thì chắc chắn lầm tâm ở trong thân tứ-đại, chớ không rõ: từ cái thân tứ-đại cho tới núi sông, hư-không, đất đai đều là vật ở trong diệu-minh Chơn-Như Tâm.</p> <p>_ Ví như bỏ cả trăm ngàn biển lớn, lại nhận chút bọt nước mà cho là nước của các biển.</p>
<p>_ Nhữ đẳng tức thi, mê trung bội nhân. (_ Bọn ông tức là những người mê lầm nhiều lớp.)</p>	<p>_ Thể theo lý đó mà nghiệm-xét, các ông cũng đủ biết rõ: bỏ biển nhận bọt cũng như bỏ chơn theo vọng. Đó là hạng</p>

	<i>người mê ở trong mê.</i>
<ul style="list-style-type: none"> _ Như ngã thùy thủ, đắng vô sai biệt. (_ Như cánh tay tôi rủ xuống, không có sai khác.) _ Như-Lai thuyết vi, khả liên mẫn giả. (_ Như-Lai gọi là đáng thương xót đó.) 	<ul style="list-style-type: none"> _ Chỗ điên-dảo của các ông như vậy chẳng khác chi cánh tay chỉ xuống đất mà các ông gọi là đảo. _ Thế nên các ông là hạng người đáng thương xót vô-cùng.

11.	11. PHẬT HIỂN-MINH TÁNH THẤY KHÔNG HOÀN.
<p>阿難承佛悲救深誨。垂泣叉手而白佛言。我雖承佛如是妙音。悟妙明心元所圓滿常住心地。而我悟佛現說法音。現以緣心允所瞻仰。徒獲此心未敢認為本元心地。願佛哀愍宣示圓音。拔我疑根歸無上道。</p> <ul style="list-style-type: none"> _ A-Nan thừa Phật, bi cứu thâm hối, thùy khấp xoa thủ, nhi bạch Phật ngôn: _ Ngã tuy thừa Phật, như-thị diệu-âm, ngộ diệu-minh tâm, nguyên sở viên-mãn, thường-trụ tâm-địa; nhi ngã ngộ Phật, hiện thuyết pháp-âm, hiện dĩ duyên tâm, doãn sở chiêm-ngưỡng, đồ hoạch thử tâm. (_ Tuy tôi vâng nghe diệu-âm của Phật như vậy, ngộ được chỗ thường-trụ viên-mãn sẵn có của tâm-tánh; nhưng tôi ngộ được pháp-âm của Phật vừa dạy, là tôi hiện lấy tâm phan-duyên mà thỏa-mãn chỗ ước mong.) _ Vì cảm nhận vi, bốn nguyên tâm-địa. (_ Tôi luống được tâm ấy, chưa dám nhận là tâm-tánh bốn-lai.) _ Nguyên Phật ai-mẫn, tuyên thị viên-âm, bặt ngã nghi cẩn, qui Vô-Thượng-Đạo. (_ Mong Phật thương xót, tuyên lời viên-âm, nhổ gốc nghi ngờ của tôi, đem về đạo Vô-Thượng.) 	<p>Ngài A-Nan nghe Phật từ-bi dạy dỗ như vậy, lấy làm cảm-động, tủi khóc rồi đứng vòng tay cung-kính bạch Phật:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi nghe tiếng pháp nhiệm-mầu của Đức Thế-Tôn, biết được tâm diệu-minh vốn là tâm-địa bốn-lai thường-trụ viên-mãn; tuy-nhiên trong khi nghe pháp-âm, tôi dùng tâm phan-duyên (8) mà chiêm-ngưỡng Đức Thế-Tôn và chăm nghe pháp lành. _ Hiện giờ ngộ thì có ngộ, nhưng chưa dám nhận tâm-địa bốn-lai thường-trụ viên-mãn. _ Vì thế tôi kính xin Đức Thế-Tôn thương xót, lấy lời nói hoàn toàn sáng suốt, tẩy sạch các sự nghi ngờ của tôi để tiếp-dẫn tôi trở về Vô-Thượng-Đạo (9).

佛告阿難汝等尚以緣心聽法。此法亦緣非得法性。如人以手指月示人。彼人因指當應看月。若復觀指以為月體。此人豈唯亡失月輪亦亡其指。何以故。以所標指為明月故。豈唯亡指。亦復不識

明之與暗。何以故。即以指體為月明性。明暗二性無所了故。

12. Phật cáo A-Nan:

_ Nhữ dĩa thương dĩ, duyên tâm thính pháp, thủ pháp diệc duyên, phi đắc pháp tánh.

(_ Các ông còn lấy tâm phan-duyên mà nghe pháp, thì cái pháp nhận được đó cũng chỉ là sở-duyên, chứ không phải nhận được pháp-tánh.)

_ Như nhân dĩ thủ, chỉ nguyệt thị nhân, bỉ nhân nhân chỉ, đương ưng khán nguyệt.

(_ Ví như có người lấy ngón tay chỉ mặt trăng cho người khác, thì người kia lẽ ra phải nhận ngón tay mà thấy mặt trăng.)

_ Nhược phục quan chỉ, dĩ vi nguyệt thể, thủ nhân khởi duy, vong thất nguyệt luân, diệc vong kỳ chỉ. Hà dĩ cố?

(_ Nếu người kia xem ngón tay và cho đó là mặt trăng, thì người ấy chẳng những bỏ mất mặt trăng mà cũng bỏ mất cả ngón tay chỉ nữa. Vì cớ sao?)

_ Dĩ sở phiêu chỉ, vi minh nguyệt cố. Khởi duy vong chỉ, diệc phục bất thức, minh chi dữ ám. Hà dĩ cố?

(_ Vì nhận ngón tay chỉ làm mặt trăng vậy. Đâu những bỏ mất ngón tay, lại cũng không phân-biệt được sáng và tối. Vì sao?)

_ Tức dĩ chỉ thể, vi nguyệt minh tánh, minh ám nhị tánh, vô sở liễu cố.

(_ Vì lấy ngón tay tối làm mặt trăng sáng, thì không rõ biết được hai tánh sáng tối.)

12. Đức Phật bảo:

_ A-Nan! Nếu ông và Đại-chúng lấy tâm phan-duyên để nghe pháp thì pháp cũng là duyên hay sao? Nếu pháp là duyên thì không phải thiêt là pháp-tánh.

_ Ví như có ai lấy ngón tay chỉ mặt trăng cho người xem, thì người xem nương theo ngón tay mà thấy được mặt trăng;

- chứ không phải nhận ngón tay làm mặt trăng. Vì cớ sao?

_ Vì nếu nhận ngón tay làm mặt trăng, thì chẳng những không biết mặt trăng, lại còn không biết ngón tay, cũng có thể không biết sáng tối. Vì cớ sao?

_ Mặt trăng thì sáng, ngón tay thì tối. Nếu không biết cả mặt trăng và ngón tay, tất không làm sao rõ được hai thể-tánh sáng tối.

_ Như nghe pháp-âm mà không đạt pháp-tánh thì chẳng khác chi nhận ngón tay làm mặt trăng.

汝亦如是若以分別我說法音為汝心者。此心自應離分別音有分別性。譬如有客寄宿旅亭。暫止便去終不常住。而掌亭人都無所去名為亭主。此亦如是若真。汝心則無所去。云何離聲無分別性。斯則豈唯聲分別心。分別我容離諸色相無分別性。如是乃至分別都無非色非空。拘舍離等昧為冥諦離諸法緣無分別性。則汝心性各有

所還云何為主。

13. Nhữ diệc như-thị.

_ Nhược dĩ phân-biệt, ngã thuyết pháp-âm, vi nhữ tâm giả, thử tâm tự ưng, ly phân-biệt âm, hữu phân-biệt tánh.

(_ Nếu lấy cái phân-biệt pháp-âm của Ta làm tâm của ông, thì cái tâm ấy phải rời cái phân-biệt tiếng nói, có tánh phân-biệt.)

_ Thí như hữu khách, ký túc lữ-đình, tạm chỉ tiện khứ, chung bất thường-trú.

(_ Ví như người khách ngủ trọ quán trạm, ở tạm rồi đi, rốt cuộc ở mãi không được;

_ Nhi chưởng đình nhân, đô vô sở khứ, danh vi đình chủ.

- còn người giữ trạm thì không đi đâu, gọi là chủ trạm.)

_ Thủ diệc như-thị, nhược chơn nhữ tâm, tắc vô sở khứ.

(_ Tâm cũng như vậy, nếu thật tâm ông thì không đi đâu.)

_ Vân hà ly thinh, vô phân-biệt tánh?

(_ Làm sao rời cái tiếng, lại không có tánh phân-biệt?)

_ Tư tắc khởi duy, thinh phân-biệt tâm, phân-biệt ngã dung, ly chư sắc-tướng, vô phân-biệt tánh.

(_ Nói như thế chẳng những đối với tâm phân-biệt các tiếng, cái phân-biệt hình-dung của tôi, rời các sắc-tướng, cũng không có tánh phân-biệt.)

_ Như-thị nãi chí, phân-biệt đô vô, phi sắc phi không, Câu-Xá-Ly đặng, muội vi Minh-Đế.

(_ Như vậy cho đến, cái phân-biệt đều không, không phải sắc, không phải không, mà bọn Câu-Xá-Ly lầm là Minh-Đế,

13. A-Nan! Ông cũng như vậy.

_ Nếu ông dùng tâm phân-biệt để nghe pháp-âm của Ta và cho tâm ấy là Chơn-Như Tâm của ông, thì tâm ấy khi ly pháp-âm, phải có thể-tánh phân-biệt riêng.

_ Giả-sử như có người khách tạm ở tại quán một đêm rồi đi, chớ không có ở thường-trực.

_ Nếu phải là chủ-nhân thì chắc chắn ở luôn tại quán.

_ Khách ví dụ với vọng-tâm. Chủ ví dụ với Chơn-Tâm. Nếu tâm phân-biệt là Chơn-Tâm thì giống như chủ quán ở tại một chỗ chớ không có đi đâu nữa.

_ Tại sao tâm phân-biệt ấy khi ly âm-thanh lại không còn có tánh phân-biệt chẳng khác chi người khách ở tạm tại quán một đêm rồi đi?

_ Như vậy chẳng những nói về tâm phân-biệt âm-thanh, mà lại nói tới tâm phân-biệt hình-thể, khi ly các sắc-tướng cũng không còn có tánh phân-biệt.

_ Dĩ-chí các tâm phân-biệt về các món hương, vị, xúc, pháp, cũng chẳng có Tự-Tánh.

_ A-Nan! Nếu tâm ông chẳng có Tự-Tánh thì ngoài thân của ông không có thiệt sắc. Nếu không có thiệt sắc thì chẳng phải sắc.

_ Tuy-nhiên khi đối duyên thì vọng khởi ra có sắc tức là chẳng phải không. Vì chỗ phi sắc phi không, nên nhà sư

	<p>ngoại-đạo Câu-Xá-Ly (cũng gọi là Mạt-Già-Lê) chấp lấy chỗ ấy làm Minh-Đế (10).</p>
<ul style="list-style-type: none"> _ Ly chư pháp duyên, vô phân-biệt tánh. - thì rời các pháp-trần, cũng không tánh phân-biệt.) _ Tắc nhữ tâm-tánh, các hữu sở hoàn, vân hà vi chủ? (_ Như vậy tâm-tánh của ông đều có chỗ trả về, lấy gì mà làm chủ?) 	<ul style="list-style-type: none"> _ Nếu tâm-tánh lìa các duyên của pháp-trần, không có tánh phân-biệt. _ Thì tâm-tánh ấy có thể trả về chỗ nọ chỗ kia tức là có chỗ hoàn, như vậy ông lấy cái gì làm chủ?

阿難言若我心性各有所還。則如來說妙明元心云何無還。惟垂哀愍為我宣說。

14. A-Nan ngôn:

- _ Nhận ngã tâm-tánh, các hữu sở hoàn.
- (_ A-Nan bạch: Như tâm-tánh của tôi đều có chỗ trả về,
- _ Tắc Như-Lai thuyết, diệu-minh nguyên-tâm, vân hà vô hoàn?
- thì tâm-tánh của Như-Lai dạy, làm sao lại không có chỗ trả về?)
- _ Duy thùy ai-mẫn, vị ngã tuyên-tuyết.

14.

- _ Bạch Đức Thế-Tôn! Hoàn có nghĩa là trả, ví như mượn của người thì hoàn lại cho người, còn nếu vật của mình thì không có chỗ hoàn.
- _ Nay tâm phân-biệt của tôi có chỗ hoàn, còn tâm diệu-minh do Như-Lai nói đó tại sao không có chỗ hoàn?
- _ Người cầu Đức Thế-Tôn thương xót dạy bảo chúng tôi.

佛告阿難且汝見我見精明元。此見雖非妙精明心。如第二月非是月影。汝應諦聽今當示汝無所還地。

阿難此大講堂洞開東方。日輪昇天則有明耀。中夜黑月雲霧晦暝則復昏暗。戶牖之隙則復見通。牆宇之間則復觀擁。分別之處則復見緣。頑虛之中遍是空性。欝[土*孛]之象則紓昏塵。澄霽歛氣又觀清淨。

阿難汝咸看此諸變化相。吾今各還本所因處。云何本因。

阿難此諸變昞性還日輪。何以故。無日不明明因屬日。是故還日暗還黑月。通還戶牖擁還牆宇。緣還分別頑虛還空。欝[土*孛]還塵清明還霽。則諸世間一切所有不出斯類。

15. Phật cáo A-Nan:

- _ Thả nhữ kiến ngã, kiến-tinh minh-nghuyên.

15. Đức Phật dạy:

- _ A-Nan! Hiện-tiền ông thấy Ta, chẳng hạn như thấy 32 tướng tốt vì ông có

<p>(_ Hãy lấy cái tánh thấy của ông thấy Ta đây.)</p> <p>_ Thủ kiến tuy phi, diệu-tinh minh-tâm, như đệ-nhị nguyệt, phi thị nguyệt ảnh.</p> <p>(_ Tánh thấy ấy tuy không phải là tâm-tánh, như mặt trăng thứ hai không phải thật là mặt trăng.)</p> <p>_ Nhữ ưng đế thính, kim đương thị nhữ, vô sở hoàn địa.</p> <p>(_ Ông hãy nghe cho chín, nay Ta chỉ cho ông cái nghĩa không thể trả về.)</p>	<p>kiến-tinh gốc sáng suốt.</p> <p>_ Tánh thấy đó tuy không phải tâm diệu-minh, nhưng có thể ví như mặt trăng thứ hai, chớ không phải bóng trăng (11).</p> <p>_ Nay Ta khai-thị cho ông tánh thấy không hoàn. Vậy ông hãy chăm chỉ nghe.</p>
<p>_ A-Nan! Thủ đại giảng-đường, động khai đông phuong.</p> <p>(_ A-Nan! Đại-giảng-đường này mở rộng phuong Đông,</p> <p>_ Nhứt luân thăng thiên, tắc hữu minh-diệu; trung dạ hắc nguyệt, vân vu hối minh, tắc phục hôn ám.</p> <p>- khi mặt trời lên thì sáng, nửa đêm vắng trăng, mây mù mờ mịt, thì lại tối tăm,</p> <p>_ Hộ dù chi khích, tắc phục kiến thông, tường vũ chi gian, tắc phục quan ứng.</p> <p>- chỗ có các cửa thì thấy thông suốt, chỗ có tường nhà thì thấy ngăn bít,</p> <p>_ Phân-biệt chi xứ, tắc phục kiến duyên, ngoan hư chi trung, biến thị không-tánh.</p> <p>- chỗ phân-biệt được, thấy cảnh sắc-duyên, trong chỗ rỗng trống, toàn là hư-không,</p> <p>_ Uất bột chi tượng, tắc hư hôn-trầm, trừng tể liêm phẫn, hựu quan thanh-tịnh.</p> <p>- cảnh tượng mù mịt khi bụi nổi lên, mưa tạnh trời xanh, lại thấy trong sạch.)</p>	<p>_ A-Nan! Giảng-đường rộng rãi này, khi khai hướng Đông,</p> <p>- ban ngày mặt trời chiếu, sáng rõ; ban đêm không trăng, mây mù u-ám, phải tối đen;</p> <p>- cửa mở, thấy thông thương; bít vách, thấy ngăn cách;</p> <p>- chỗ phân-biệt, thấy các sắc-duyên; chỗ hư-không, thấy trống rỗng;</p> <p>- chỗ rậm rạp phức-tạp, thấy bụi mịt mù; chỗ trời thanh-bạch, thấy trong suốt.</p>
<p>_ A-Nan! Nhữ hàm khán thử, chư biến-hóa tướng. Ngã kim các hoàn, bốn sở nhân xứ. Vân hà bốn-nhân?</p> <p>_ A-Nan! Thủ chư biến-hóa, minh hoàn nhứt-luân. Hà dĩ cố?</p> <p>(_ A-Nan! Trong các tướng biến-hóa, cái sáng trả về</p>	<p>_ A-Nan! Ông có xem các tướng biến-hóa như thế. Böyle giờ Ta trả các tướng ấy về chỗ bốn-nhân. Thế nào là bốn-nhân (12)?</p> <p>_ A-Nan! Trong các tướng ấy, sáng rõ hoàn lại mặt trời,</p>

<p>cho mặt trời. Vì sao?</p> <p>_ Vô nhựt bất minh, minh nhân thuộc nhựt, thị cố hoàn nhựt.</p> <p>(_ Vì không mặt trời thì không sáng, nguyên-nhân cái sáng thuộc về mặt trời, cho nên trả cho mặt trời.)</p> <p>_ Ám hoàn hắc nguyệt, thông hoàn hõi.</p> <p>(_ Cái tối trả về cho trăng tối, thông suốt trả về cho các cửa,</p> <p>_ Ủng hoàn tường vũ, duyên hoàn phân-biệt.</p> <p>- ngăn bít trả về cho tường nhà, sắc-duyên trả về cho phân-biệt,</p> <p>_ Ngoan hư hoàn không, uất bột hoàn trần, thanh minh hoàn tế.</p> <p>- trống rỗng trả về cho hư-không, mù mịt trả về cho bụi, trong sáng trả về cho tịnh;</p> <p>_ Tắc chư thế-gian, nhứt-thiết sở-hữu, bất xuất tư loại.</p> <p>- và trong thế-gian có những cái gì, cũng không ra ngoài mấy loại ấy.)</p>	<p>- vì nhờ có mặt trời chiếu mới được sáng.</p> <p>_ Tối đen hoàn lại đêm không trăng, thông thương hoàn lại cửa mở.</p> <p>_ Ngăn cách hoàn lại vách bít, sắc-duyên hoàn lại chỗ phân-biệt.</p> <p>_ Trống rỗng hoàn lại hư-không, bụi mù hoàn lại chỗ rậm rạp, trong suốt hoàn lại chỗ thanh-bạch.</p> <p>_ Tất cả vật-tương ở thế-gian đều không ngoài tám tướng ấy.</p>
---	--

汝見八種見精明性當欲誰還。何以故。若還於明。則不明時無復見暗。雖明暗等種種差別見無差別。諸可還者自然非汝。不汝還者非汝而誰。則知汝心本妙明淨。汝自迷悶喪本受輪。於生死中常被漂溺。是故如來名可憐愍。

<p>16. Nhữ kiến bát chủng, kiến tinh minh-tánh, đương dục thùy hoàn? Hà dĩ cố?</p> <p>(_ Còn cái tánh thấy của ông thấy tám thứ kia thì ông định trả về đâu? Vì sao?</p> <p>_ Như ợt hoàn ư minh, tắc bất minh thời, vô phục kiến ám.</p> <p>_ Nếu trả về cho sáng thì lúc không sáng lại không thấy tối,</p> <p>_ Tuy minh ám đẳng, chủng chủng sai-biệt, kiến vô sai-biệt.</p>	<p>16. A-Nan! Tánh thấy hoàn lại chỗ nào?</p> <p>_ Ví như tướng sáng thì hoàn lại mặt trời thì tánh thấy đã theo tướng sáng đi rồi, đến khi tối thì lấy gì thấy tối?</p> <p>_ Sáng tối tuy hai tướng khác nhau, nhưng tánh thấy không khác, không thay</p>
---	---

<p>- nay tuy các thứ sáng tối có sai khác, cái thấy không có sai khác.)</p> <p>_ Chư khả hoàn giả, tự-nhiên phi nhữ. (_ Các cái thấy có thể trả về tự-nhiên không phải là ông.)</p> <p>_ Bất nhữ hoàn giả, phi nhữ nhi thùy? (_ Còn cái không thể trả về được thì không phải là ông mà là ai nữa?)</p> <p>_ Tắc tri nhữ tâm, bốn diệu minh tịnh, nhữ tự mê muộn, tán bốn thọ luân, ư sanh-tử trung, thường bị phiêu nịch. (_ Vậy biết tâm ông vốn là nhiệm mầu thanh-tịnh sáng suốt, ông tự mê lầm, bỏ mất tánh bản-nhiên mà chịu luân-hồi, thường bị chìm đắm trong biển sanh-tử.)</p> <p>_ Thị cổ Như-Lai danh khả lân mãn.</p>	<p>đối.</p> <p>_ A-Nan! Vật nào mà ông hoàn được là vật mượn chớ không phải vật của ông.</p> <p>_ Vật nào mà ông không hoàn được tức là không phải vật mượn, dĩ-nhiên là vật của ông, chớ không còn nghi là vật của kẻ khác.</p> <p>_ Ông biết kiến-tinh chẳng hoàn được, thì ông biết Tâm Chơn-Như bốn-lai diệu-minh thường-trụ cũng chẳng hoàn được.</p> <p>_ Thế nên kiến-tinh là chủ trong khách, Tâm Chơn-Như là chủ trong chủ.</p> <p>_ Nếu ông biết chủ trong khách tất-nhiên biết chủ trong chủ.</p> <p>_ Vì ông tự mê-muội, quên mất Bốn-Lai Diện-Mục của mình nên bị chìm đắm trong biển khổ luân-hồi sanh-tử.</p> <p>_ Thế nên Như-Lai cho là đáng thương xót.</p>
---	---

<p>17.</p>	<p>17. PHẬT HIỂN-MINH TÁNH THẤY KHÔNG TẠP.</p>
<p>阿難言我雖識此見性無還。云何得知是我真性。</p>	
<p>A-Nan ngôn:</p> <p>_ Ngã tuy thức thử, kiến tánh vô hoàn, vân hà đắc tri thị ngã Chơn-Tánh? (_ Tuy tôi biết tánh thấy ấy không thể trả về đâu, nhưng làm sao biết được đó là Chơn-Tánh của tôi?)</p>	<p>Ngài A-Nan bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Nghe qua lời dạy của Đức Thế-Tôn, tôi nhận-thức: tánh thấy không hoàn, nhưng làm thế nào biết rõ tánh kiến-tinh là Chơn-Tánh của tôi.</p>

<p>佛告阿難吾今問汝。今汝未得無漏清淨。承佛神力見於初禪得無障礙。而阿那律見閻浮提。如觀掌中菴摩羅果。諸菩薩等見百千界。十方如來窮盡微塵清淨國土無所不曠。眾生洞視不過分寸。</p>	<p>18. Phật cáo A-Nan: Ngô kim vấn nhữ.</p> <p>_ Kim nhữ vị đắc, vô-lậu thanh-tịnh,</p>	<p>18. Đức Phật dạy: A-Nan! Ta cho ông rõ:</p> <p>_ Nay ông chưa thành bậc vô-lậu thanh-</p>
---	--	---

<p>thừa Phật thầ-n-lực, kiến ư Sơ-Thiền, đắc vô chướng ngại.</p> <p>_ Nhi A-Na-Luật, kiến Diêm-Phù-Đê, như quan chướng trung A-ma-la quả.</p> <p>_ Chư Bồ-Tát đẳng, kiến bá thiên giới.</p> <p>_ Thập phương Như-Lai cùng-tận vi- trần, thanh-tịnh quốc-độ, vô sở bất chúc.</p> <p>_ Chúng-sanh động thị, bất quá phân thốn.</p> <p>(_ Còn chúng-sanh thì thấy rõ được không quá gang tắc.)</p>	<p>tịnh, nhưng nhờ Phật-lực thấy được cõi Sơ-thiền, không bị ngăn ngai.</p> <p>_ Ông A-Na-Luật thấy thế-giới Diêm- phù-đê (13) như xem trái A-ma-la ở trong tay (14).</p> <p>_ Chư Bồ-Tát thấy trăm ngàn thế-giới.</p> <p>_ Thập phương Như-Lai thấy tất cả quốc-độ thanh-tịnh nhiều như vi-trần, không chỗ nào mà không thấy.</p> <p>_ Chí như (Cho đến) sức thấy của chúng- sanh không quá một gang tay.</p>
	<p>_ Tuy năm sức thấy vừa kể trên khác nhaу nhưng tánh thấy giống nhau.</p>

阿難且吾與汝觀四天王所住宮殿。中間遍覽水陸空行。雖有
昏明種種形像。無非前塵分別留礙。汝應於此分別自他。今吾將汝
擇於見中。誰是我體誰為物象。

<p>19. A-Nan! Thả ngô dữ nhữ, quan Tứ- Thiên-vương, sở trụ cung-diện.</p> <p>_ Trung gian biến lâm, thủy lục không hành, tuy hữu hồn minh, chủng chủng hình-tượng, vô phi tiền-trần, phân-biệt lưu ngại.</p> <p>(..., tuy có nhiều hình-tượng sáng tối khác nhau, nhưng không cái gì là không phải tiền-trần chia cắt ngăn ngại.)</p> <p>_ Nhữ ưng ư thử, phân-biệt tự tha.</p> <p>(_ Ông hãy ở nơi đó, phân-biệt cái gì là mình, cái gì là vật khác.)</p> <p>_ Kim ngô tương nhữ, trạch ư kiến trung, thùy thị ngã thể, thùy vi vật tượng?</p> <p>(_ Nay Ta hãy đưa cho ông lựa trong sự thấy đó, cái gì là tâm-thể của ông, cái gì là hình-tượng của vật?)</p>	<p>19. A-Nan! Ông và Ta đồng xem cung- diện của Tứ-Thiên-Vương.</p> <p>_ Ở khoảng giữa thấy đủ nước non, các loài lội, đi, bay, chạy, có sáng có tối, tuy nhiều hình-tượng khác nhau, nhưng không có cái nào chẳng phải là tiền-trần phân-biệt làm ngăn ngại tánh thấy của ông.</p> <p>_ Ông hãy căn-cứ ở đó mà phân-biệt cái tự cái tha.</p> <p>_ Bây giờ Ta cho phép ông chọn lựa trong cái thấy, cái nào là ngã-thể tức là tánh thấy của ông, cái nào là vật-tượng tức là hình-sắc.</p>
---	---

阿難極汝見源。從日月宮是物非汝。至七金山周遍諦觀。雖
種種光亦物非汝。漸漸更觀雲騰鳥飛。風動塵起樹木山川。草芥人
畜咸物非汝。

<p>20. A-Nan! Cực nhữ kiến nguyên, tùng nhựt-nguyệt cung, thị vật phi nhữ.</p> <p>(_ A-Nan! Cùng tột sức thấy của ông, từ mặt trời, mặt trăng đều là vật, chớ không phải ông.)</p> <p>_ Chí Thất-kim sơn, châu biến đế quan, tuy chủng chủng quang, diệc vật phi nhữ.</p> <p>(_ Đến Thất-kim sơn, xem xét cùng khắp, tuy có những thứ hào-quang, nhưng cũng là vật chớ không phải là ông.)</p> <p>_ Tiệm tiệm cánh quan, vân dằng, điểu phi, phong động, trần khởi, thụ mộc, sơn-xuyên, thảo-giới, nhân súc, hàm vật phi nhữ.</p> <p>Thảo-giới: cỏ rác. Nhân súc : người và súc-vật. Súc: gia-súc nuôi trong nhà: ngựa, trâu, dê, gà, chó, heo, gọi là lục-súc.</p>	<p>20. A-Nan! Ông lấy hết sức tánh thấy của ông, xem hai cung nhựt-nguyệt tức là vật, chớ không phải ông.</p> <p>_ Xem tới khắp núi Thất-kim, tuy có nhiều thứ quang-minh, nhưng cũng là vật, chớ không phải ông.</p> <p>_ Từ từ xem tất cả mây kéo, chim bay, gió thổi, bụi bặm, cây đá, núi sông, cỏ hoa, nhân súc, thấy đều là vật, chớ không phải ông.</p>
---	---

阿難是諸近遠諸有物性。雖復差殊同汝見精清淨所矚。則諸物類自有差別見性無殊。此精妙明誠汝見性。

<p>21. A-Nan! Thị chư cận viễn, chư hữu vật tánh, tuy phục sai thù, đồng nhữ kiến-tinh, thanh-tịnh sở chúc.</p> <p>(_ A-Nan! Các vật gần xa đó, tuy sai khác nhau, nhưng đồng do cái thấy của ông thanh-tịnh trông thấy,</p> <p>_ Tắc chư vật loại, tự hữu sai-biệt, kiến-tinh vô-thù.</p> <p>- thì các thứ vật kia tự có sai khác, mà tánh thấy của ông không có sai khác.)</p> <p>_ Thủ tinh diệu-minh, thành nhữ kiến-tinh.</p> <p>(_ Cái thấy nhiệm mầu sáng suốt đó thật là tánh thấy của ông.)</p>	<p>21. A-Nan! Tuy các vật ở gần ở xa, có hình-sắc khác nhau, nhưng thấy đều ở trong kiến-tinh thanh-tịnh của ông.</p> <p>_ Vì thế các vật tự có sai biệt, chớ kiến-tinh của ông không sai biệt.</p> <p>_ Thế thì biết rõ: cái không sai biệt đó mới thiệt là tánh thấy của ông nguyên ở trong tâm diệu-minh.</p>
---	---

若見是物則汝亦可見吾之見。若同見者名為見吾。吾不見時何不見吾不見之處。若見不見自然非彼不見之相。若不見吾不見之地。自然非物云何非汝。

<p>22. Nhược kiến thị vật, tắc nhữ diệc khả, kiến ngô chi kiến.</p> <p>(_ Nếu cái thấy là vật, thì ông cũng có thể thấy cái thấy của Ta.)</p> <p>_ Nhược đồng kiến giả, danh vi kiến ngô, ngô bất kiến thời, hà bất kiến ngô, bất kiến chi xứ.</p> <p>(_ Nếu cho rằng đồng thấy sự vật là thấy cái thấy của Ta, thì khi Ta không thấy, sao lại không thấy được cái chỗ không thấy của Ta?)</p> <p>_ Nhược kiến bất kiến, tự-nhiên phi bỉ, bất kiến chi tướng.</p> <p>(_ Nếu nói rằng thấy cái không thấy thì tự-nhiên cái đó không phải là cái tướng của cái không thấy.)</p> <p>_ Nhược bất kiến ngô, bất kiến chi địa, tự-nhiên phi vật, vân hà phi nhữ?</p> <p>(_ Còn nếu không thấy được chỗ không thấy của Ta, thì cái thấy bản-nhiên không phải là vật, làm sao lại không phải là ông?)</p>	<p>22. A-Nan! Nếu cái thấy là vật thì đáng lẽ ông phải thấy được cái thấy của Ta, nhưng ông lại không thấy.</p> <p>_ Nếu ông và Ta đồng thấy một vật tức là ông thấy được cái thấy của Ta, thì trong khi Ta không thấy vật đó, ông lại chẳng thấy được cái “không thấy” của Ta.</p> <p>_ Như vậy cái thấy của ông và của Ta không phải là vật, dĩ-nhiên là Tự-Tánh của mỗi người.</p>
--	--

又則汝今見物之時。汝既見物物亦見汝。體性紛雜則汝與我。
◦ 幷諸世間不成安立。阿難若汝見時是汝非我。見性周遍非汝而誰。
◦ 云何自疑汝之真性。性汝不真取我求實。

<p>23. Hựu tắc nhữ kim kiến vật chi thời, nhữ ký kiến vật, vật diệc kiến nhữ, thể tánh phân tạp, tắc nhữ dữ ngã, tinh chư thế-gian, bất thành an lập.</p> <p>(_ Lại như cái thấy là vật, thì đương khi ông thấy vật đó, ông đã thấy được vật, vật cũng thấy được ông, thế thì thể tánh xen lện và ông cùng Ta, với cả thế-gian không thành-lập được.)</p> <p>_ A-Nan! Nhược nhữ kiến thời, thị nhữ phi ngã; kiến tánh châu-biến, phi nhữ nhi thùy?</p> <p>(_ A-Nan! Nếu khi ông thấy là chính ông thấy, chớ không phải Ta; thì cái thấy cùng khắp đó không phải là ông thì còn là ai nữa.)</p> <p>_ Vân hà tự nghi, nhữ chi Chơn-Tánh. Tánh nhữ bất chơn, thủ ngã cầu thật?</p>	<p>23. Lại như vầy nữa, cái thấy thuộc về hữu-tình, vật thuộc về vô-tình. Nếu lấy cái thấy làm vật thì ông thấy vật, vật cũng thấy ông, thể-tánh xen lện, như vậy ông và Ta cùng các hình-sắc thế-gian không làm sao an-lập được.</p> <p>_ A-Nan! Cái thấy tuy đồng, nhưng ông thấy tức là cái thấy của ông, Ta thấy tức là cái thấy của Ta, phần ai nấy thấy. Thế thì cái thấy bao trùm của ông thiệt là Chơn-Tánh của ông.</p> <p>_ Nếu không tin Chơn-Tánh của ông ở nơi ông, lại chấp pháp-âm của Ta mà</p>
--	--

<p>(_ Làm sao lại tự nghi cái Chơn-Tánh của ông. Chơn-Tánh của ông, ông không tự nhận lấy, lại chấp lời nói của Ta, mà cầu chứng thật.)</p>	<p>cầu Chơn-Tánh nào khác, hóa ra ông sai lầm hay sao?</p>
---	--

<p>24.</p>	<p>24. PHẬT HIỂN-MINH TÁNH THẤY KHÔNG NGẠI.</p>
<p>阿難白佛言世尊。若此見性必我非餘。我與如來觀四天王勝藏寶殿居日月宮。此見周圓遍娑婆國。退歸精舍只見伽藍。清心戶堂但瞻簷廡。</p> <p>世尊此見如是。其體本來周遍一界。今在室中唯滿一室。為復此見縮大為小。為當牆宇夾令斷絕。我今不知斯義所在。願垂弘慈為我敷演。</p>	

<p>A-Nan bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Thế-Tôn! Nhược thử kiến tánh, tất ngã phi dư, ngã dã Như-Lai, quan Tứ-Thiên-Vương, thăng tàng bửu-diện, cư Nhựt-Nguyệt cung, thử kiến châu-viên, biến Ta-Bà quốc.</p> <p>_ Thôi qui Tinh-xá, kỳ kiến già-lam, thanh tâm hộ đường, đᾶn chiêm thiêm (/diêm) phủ (/vũ?).</p> <p>(_ Khi lui về tinh-xá, thì chỉ thấy cảnh vươn chùa, đến khi thanh tâm nơi phòng chái, thì lại chỉ thấy một chái nhà.)</p> <p>_ Thế-Tôn! Thủ kiến như-thị, kỳ thể bốn-lai, châu-biến nhứt giới, kim tại thất trung, duy mẫn nhứt thất, vi phục thử kiến súc đại vi tiểu, vi đương tường vũ giáp linh đoạn tuyệt.</p> <p>(_ Thế-Tôn! Cái thấy như vậy, bản-thể của nó cùng khắp một cõi, nay ở trong phòng thì chỉ thấy một phòng; thế là cái thấy rút lớn thành nhỏ, hay là tường nhà chia cắt làm cho đứt đoạn.)</p> <p>_ Ngã kim bất tri, tư nghĩa sở-tại, nguyện thùy hoằng từ, vị ngã phu diễn.</p> <p>(_ Nay tôi không biết nghĩa đó thế nào, xin Phật vì tôi từ-bi chỉ rõ.)</p>	<p>Ngài A-Nan bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Nếu tánh thấy ấy là cửa tôi, chớ không phải cửa ai khác, thì khi Như-Lai và tôi thấy đủ cung-diện quý báu của Tứ-Thiên-Vương, nơi cung Nhựt-Nguyệt, cái thấy ấy trùm khắp cõi Ta-Bà;</p> <p>- đến khi trở về Tinh-xá chỉ thấy ở ngoài vường và ở trong là sườn cột mà thôi.</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Tánh thấy gốc trùm khắp các cõi, nhưng nay ở trong nhà chỉ thấy nội khuôn nhà, thì tánh thấy tự thâu hẹp lại, lớn thành nhỏ, hay là bị vách ngăn trở tánh thấy?</p> <p>_ Tôi chưa hiểu chỗ sở-do, cầu xin Đức Phật từ-bi giảng dạy.</p>
---	--

佛告阿難一切世間大小內外。諸所事業各屬前塵。不應說言見有舒縮。譬如方器中見方空。吾復問汝此方器中所見方空。為復定方為不定方。若定方者別安圓器空應不圓。若不定者在方器中應無方空。汝言不知斯義所在。義性如是云何為在。阿難若復欲令入無方圓。但除器方空體無方。不應說言更除虛空方相所在。

25. Phật cáo A-Nan:

_ Nhứt-thiết thế-gian, đại tiểu nội ngoại, chư sở sự nghiệp, các thuộc tiền trần, bất ưng thuyết ngôn, kiến hưu thư súc.

(... thuộc tiền-trần, không nên nói rằng cái thấy có có duỗi.)

_ Thí như phương khí, trung kiến phương không.

(_ Ví như trong đồ vuông thì thấy hư-không vuông.)

_ Ngô phục vấn nhữ: Thủ phương khí trung, sở kiến phương không, vị phục định phương, vi bất định phương?

(_ Nay Ta hỏi ông: Cái hư-không vuông thấy được trong đồ vuông ấy, là nhứt-dịnh vuông hay không nhứt-dịnh vuông?)

_ Nhược định phương giả, biệt an viên khí, không ưng bất viên.

(_ Nếu nhứt-dịnh vuông, thì khi thay đồ tròn vào, lẽ ra hư-không tròn.)

_ Nhược bất định giả, tại phương khí trung, ưng vô phương không.

(_ Nếu không nhứt-dịnh vuông, thì trong đồ vuông, lẽ ra không có hư-không vuông.)

_ Nhữ ngôn bất tri, tư nghĩa sở-tại, nghĩa tánh như-thi, vân hà vi tại?

(_ Ông nói không biết nghĩa đó do đâu, nghĩa đó như vậy, sao còn do đâu được?)

_ A-Nan! Nhược phục dục linh, nhập vô phương viên, đán trừ khí phương, không thể vô phương, bất ưng thuyết ngôn, cánh trừ hư-không, phương tướng sở tại.

(_ A-Nan! Nếu muốn nhận được tánh không vuông

25. Đức Phật dạy:

_ A-Nan! Tất cả sự vật ở thế-gian, lớn hoặc nhỏ, ở trong hoặc ở ngoài, đều thuộc tiền-trần, tiền-trần hữu-hình nên có thâu hẹp, có hạn-chế, chờ tánh thấy vô-hình không làm sao có được hai thứ tác-dụng ấy.

_ Ví dụ như có một món vật-dụng vuông vức thì trong vật vuông ấy, thấy hư-không vuông.

_ Ta hỏi ông: Trong vật vuông thì thấy hư-không vuông, hư-không vuông có nhứt-dịnh hay chẳng nhứt-dịnh?

_ Nếu nói hư-không vuông có nhứt-dịnh thì khi dùng một vật tròn, đáng lẽ hư-không chẳng thành tròn.

_ Nếu nói hư-không vuông chẳng nhứt-dịnh thì khi ở trong đồ vuông, đáng lẽ hư-không chẳng thành vuông.

_ Hễ vật tròn thì hư-không tròn, vật vuông thì hư-không vuông, nghĩa-lý như vậy, làm sao có sở-do?

_ Nếu muốn hư-không chẳng có vuông, tròn, thì bỏ vật-chất vuông, tròn, còn hư-không chỉ tùy vật-chất, chờ bốn-thể của hư-không chẳng có tướng vuông, tròn thì lấy chi mà bỏ.

không tròn, chỉ trừ bỏ cái vuông của đồ đặc, chớ bẩn-thể hư-không vốn không vuông, không nên nói rằng lại phải trừ cả cái vuông của hư-không nữa.)

若如汝問入室之時。縮見令小仰觀日時。汝豈挽見齊於日面。若築牆宇能夾見斷。穿為小竇寧無竇迹。是義不然。一切眾生從無始來迷己為物。失於本心為物所轉。故於是中觀大觀小。若能轉物則同如來。身心圓明不動道場。於一毛端遍能含受十方國土。

26. Nhược như nhữ vấn: Nhập thất chi thời, súc kiến linh tiểu, ngưỡng quan nhụt thời, nhữ khởi vãng kiến, tề ư nhụt diện?

(_ Lại như lời ông hỏi: Khi vào trong phòng, rút cái thấy làm cho nhỏ lại, thì khi ngửa xem mặt trời, há lại kéo cái thấy ngang với mặt trời?)

_ Nhược trúc tường vũ, năng giáp kiến đoạn, xuyên vi tiểu đậu, ninh vô tục tích. Thị nghĩa bất nhiên.

(_ Nếu xây tường nhà chia cắt cái thấy làm cho đứt đoạn, thì đến khi xoi một lỗ nhỏ, sao lại không thấy dấu nối. Nghĩa ấy không đúng.)

_ Nhứt-thiết chúng-sanh, tùng vô-thỉ lai, mê kỷ vi vật, thất ư Bổn-Tâm, vi vật sở chuyển, cố ư thị trung, quan đại quan tiểu.

(_ Tất cả chúng-sanh, từ vô-thỉ tới nay, lầm mình là vật, bỏ mất tâm-tánh, bị vật xoay chuyển, cho nên trong đó thấy lớn thấy nhỏ.)

26. A-Nan! Ông nói: Khi vào trong nhà, thâu hẹp tánh thấy nhỏ lại, thì khi ngửa mặt trông lên mặt trời, ông có cần đem tánh thấy lên tới mặt trời không?

_ Chí như ông nói vách ngăn trở tánh thấy, thì khi khoét một lỗ trống ở vách, ông có cần đem tánh thấy ở ngoài nối với tánh thấy ở trong không? Như vậy chứng tỏ lời nói của ông không đúng.

_ Tất cả chúng-sanh, từ vô-thỉ tới nay, mê mình làm vật, quên mất Bổn-Tâm, thì không chuyển được vật, lại để vật chuyển, nên đổi với tiền-trần mới thấy có lớn có nhỏ,

- vì thế tánh thấy bị tiền-trần làm trở ngại, ví như tuyết vốn là nước, nhưng nước kết thành tuyết, thì tuyết làm trở ngại cho nước.

_ Nhược năng chuyển vật, tắc đồng Như-Lai, thân-tâm viên-minh, bất-động đạo-tràng, ư nhứt mao đoan, biến năng hàm thọ thập phương quốc-độ.

(_ Nếu biết chuyển được vật, thì đồng với Như-Lai, thân-tâm đều viên-mẫn sáng suốt, nơi đạo-tràng bất-động đó, trên đầu một mảy lông, cũng có thể trùm chứa thập phương quốc-độ.)

_ Nếu vật chuyển Bổn-Tâm thì làm chúng-sanh.

_ Nếu Bổn-Tâm chuyển vật thì đồng thể với Như-Lai, tâm và thân được hoàn toàn sáng suốt, tự-tại vô-ngại, viên-thông sự-lý, thanh-tịnh đạo-tràng, đầu sợi lông cũng có thể trùm khắp thập phương quốc-độ.

27.	27. PHẬT HIỂN-MINH TÁNH THẤY KHÔNG PHÂN.
	<p>阿難白佛言世尊。若此見精必我妙性。令此妙性現在我前。見必我真。我今身心復是何物。而今身心分別有實。彼見無別分辨我身。若實我心令我今見見性實我而身非我。何殊如來先所難言物能見我。惟垂大慈開發未悟。</p>
<p>_ A-Nan bạch Phật ngôn: Thế-Tôn!</p> <p>_ Nhược thử kiến-tinh, tất ngã diệu-tánh, linh thử diệu-tánh, hiện-tại ngã-tiền, kiến tất ngã chơn, ngã kim thân-tâm, phục thị hà vật.</p> <p>(_ Nếu cái thấy đó, chắc là Chơn-Tánh của tôi, thì cái Chơn-tánh đó, hiện ở trước mắt tôi; cái thấy đó đã là Chơn-Tánh của tôi, thì thân-tâm tôi hiện nay lại là vật gì?)</p> <p>_ Nhi kim thân-tâm, phân-biệt hữu thật, bỉ kiến vô biệt, phân biện ngã thân.</p> <p>(_ Mà nay thân-tâm ấy thật có phân-biệt, còn cái thấy kia thì không phân-biệt riêng gì thân tôi.)</p> <p>_ Nhược thật ngã tâm, linh ngã kim kiến, kiến tánh thiệt ngã, nhi thân phi ngã, hà thù Như-Lai, tiên sở nan ngôn, “vật năng kiến ngã”.</p> <p>(_ Nếu nó thật là tâm tôi, làm cho tôi hiện nay có thấy, vậy tánh thấy ấy đã thật là tôi, còn thân này không phải là tôi, thì nào khác gì Đức Như-Lai trước kia đã hỏi vặn rằng: “Vật thấy được tôi”.)</p> <p>_ Duy thùy đại từ, khai phát vị ngộ.</p> <p>(_ Xin Phật rủ lòng đại-từ, chỉ bày cho chõ chưa ngộ.)</p>	<p>_ Ngài A-Nan bạch Phật: Bạch Đức Thế-Tôn!</p> <p>_ Nếu thật tánh kiến-tinh trùm khắp Chơn-Tánh nhiệm-mẫu của tôi, Chơn-Tánh nhiệm-mẫu ấy hiện ở trước mặt tôi, thì kiến-tinh là Chơn-Tánh của tôi rồi, thế thì tâm phân-biệt trong thân tôi là vật chi?</p> <p>_ Nay tâm trong thân có phân-biệt, còn tánh kiến-tinh trùm khắp kia lại không có phân-biệt.</p> <p>_ Nếu thật tâm tôi làm cho tôi thấy và tánh thấy là tôi, thì thân này không phải là tôi, như thế đồng với lý “vật hay thấy tôi” mà trước đây Đức Thế-Tôn đã cho là không đúng.</p> <p>_ Tôi chưa hiểu được, cung-thỉnh Đức Thế-Tôn khai-thị cho.</p>

佛告阿難今汝所言。見在汝前是義非實。若實汝前汝實見者。則此見精既有方所非無指示。且今與汝坐祇陀林。遍觀林渠及與殿堂。上至日月前對恒河。汝今於我師子座前。舉手指陳是種種相。陰者是林明者是日。礙者是壁通者是空。如是乃至草樹纖毫大小雖殊。但可有形無不指著。若必有見現在汝前。汝應以手確實指陳何者是見。

阿難當知若空是見。既已成見何者是空。若物是見。既已是

見何者為物。汝可微細披剝萬象。析出精明淨妙見元指陳示我。同彼諸物分明無惑。

<p>28. Phật cáo A-Nan: Kim nhữ sở ngôn, kiến tại nhữ tiền, thị nghĩa phi thật.</p>	<p>_ Nhược thật nhữ tiền, nhữ thật kiến giả, tắc thủ kiến tinh, ký hữu phuong sở, phi vô chỉ thị.</p> <p>(_ Nếu thật ở trước mắt ông, và ông thật thấy được, thì cái thấy đó đã có chỗ ở, không phải không chỉ ra được.)</p> <p>_ Thả kim dự nhữ, toa Kỳ-Đà lâm, biến quan lâm cù, cập dữ điện đường, thương chí nhụt nguyệt, tiền đối Hằng-hà.</p> <p>_ Nhữ kim ư ngã, Sư-tử tọa tiền, cử thủ chỉ trần, thị chủng chủng tướng, âm giả thị lâm, minh giả thị nhụt, ngại giả thị bích, thông giả thị không, như-thị nãi chí, thảo thụ tiêm hào, đại tiểu tuy thù, đan khả hữu hình, vô bất chỉ trước.</p> <p>(_ Nay ông hãy ở trước Sư-tử-tọa của Ta, giơ tay chỉ bày trong các tướng kia, chỗ râm là rừng, cái sáng là mặt trời, ngăn ngại là vách, thông suốt là hư-không, như thế cho đến cỏ cây, mây mùn, tuy lớn nhỏ khác nhau, nhưng đã có hình thì không cái gì là không chỉ đích ra được.)</p> <p>_ Nhược tất kỳ kiến hiện-tại nhữ tiền, nhữ ưng dĩ thủ, xác thật chỉ trần, hà giả thị kiến?</p> <p>(_ Vậy nếu cái thấy hiện ở trước mắt ông, thì ông hãy lấy tay chỉ rõ xác cái gì là cái thấy?)</p>	<p>28. Đức Phật dạy: A-Nan! Ông vừa nói kiến-tinh ở trước mặt ông thì không đúng.</p>	<p>_ Nếu kiến-tinh ở trước mặt ông thì kiến-tinh ấy có sắc-tướng tức là có chỗ chỉ được.</p> <p>_ Hiện giờ ông với Như-Lai ngồi giữa rừng cây Kỳ-Đà này, trông thấy rừng suối, cho tới các điện-đường, phía trên có nhụt nguyệt, phía trước có sông Hằng.</p> <p>_ Lại đối-diện với tòa sư-tử của Ta, vậy ông hãy lấy tay chỉ ngay các sắc-tướng, nào bóng cây là rừng, nào chỗ sáng là mặt trời, nào chỗ trớ ngại là vách, chỗ nào trống rỗng là hư-không, cho tới các thứ cây cỏ nhỏ nhen, dầu lớn nhỏ khác nhau, nhưng đã có sắc-tướng thì chỉ ra được.</p> <p>_ Còn như kiến-tinh, nếu ở trước mặt ông, thì ông cứ lấy tay chỉ rõ cái nào là kiến-tinh?</p>
<p>_ A-Nan đương tri: Nhược không thị kiến, ký dĩ thành kiến, hà giả thị không?</p> <p>(_ A-Nan, ông nên biết, nếu hư-không là cái thấy, thì hư-không đã thành cái thấy, còn cái gì mới là hư-không?)</p> <p>_ Nhược vật thị kiến, ký dĩ thị kiến, hà giả vi vật?</p> <p>(_ Nếu vật là cái thấy, thì vật đã là cái thấy, còn cái</p>	<p>_ A-Nan! Ông phải biết: Như ông chỉ hư-không là kiến-tinh, thì hư-không thành kiến-tinh, còn cái gì là hư-không?</p> <p>_ Nếu ông chỉ vật là kiến-tinh, thì vật thành kiến-tinh, còn cái gì là vật?</p>		

<p>(gì mới là vật?)</p> <p>_ Nhữ khả vi-tế, phi bá vạn tượng, chiết xuất tinh minh, tịnh diệu kiến nguyên, chỉ trần thị ngã, đồng bỉ chư vật, phân-minh vô hoặc.</p> <p>(_ Ông hãy chín chắn chia chẻ trong muôn hiện-tượng, tách ra cái thấy, chỉ bày cho Ta, như các vật kia, rõ ràng không lầm lẫn.)</p>	<p>_ Ông phải phân tách kỹ càng trong các vật tượng để chỉ kiến-tinh sáng suốt, thanh-tịnh, nhiệm-mầu như các hình-sắc rõ ràng cho Ta xem.</p>
---	--

阿難言我今於此重閣講堂。遠洎恒河上觀日月。舉手所指縱目所觀。指皆是物無是見者。世尊如佛所說。況我有漏初學聲聞。乃至菩薩亦不能於萬物象前剖出精見。離一切物別有自性。佛言如是如是。

29. A-Nan ngôn:

_ Ngã kim ư thử, trùng các giảng-đường, viễn ky Hằng-hà, thương quan nhựt nguyệt, cử thủ sở chỉ, túng mục sở quan, chỉ giải thị vật, vô thị kiến giả.

(_ Nay tôi ở giảng-đường này, trông xa đến sông Hằng, trên đến mặt trời mặt trăng, giơ tay chỉ ra, đưa mắt trông ra, thì những cái chỉ được đều là vật, chớ không có cái gì là cái thấy.)

_ Thế-Tôn! Như Phật sở thuyết, huống ngã hữu-lậu, sơ-học Thinh-văn, nai chí Bồ-Tát, diệc bất năng ư, vạn vật tượng tiền, phẫu xuất tinh kiến, ly nhứt-thiết vật, biệt hữu Tự-Tánh.

(_ Bạch Thế-Tôn! Như lời Phật vừa dạy, chẳng những hàng hữu-lậu sơ-học Thinh-văn như chúng tôi, mà cho đến các vị Bồ-Tát cũng không thể, ở nơi hiện-tượng muôn vật, chỉ ra cái thấy, rời tất cả vật, riêng có Tự-Tánh.)

_ Phật ngôn: Như-thị như-thị.

29. Ngài A-Nan bạch Phật:

_ Bạch Đức Thế-Tôn! Nay tôi xem giảng-đường này, sông Hằng ở ngoài xa, hai vầng nhựt-nguyệt ở trên, lấy tay chỉ ngay chỗ nào, đưa mắt trông vào chỗ ấy, toàn là vật chớ không phải kiến-tinh.

_ Như lời Đức Thế-Tôn đã dạy, tôi là bậc Thinh-Văn sơ-học hữu-lậu, cho đến các bậc Bồ-Tát cũng không thể nào phân tách các vật-tượng để chỉ ra kiến-tinh có Tự-Tánh lìa tất cả vật.

_ Đức Phật khen: Thật đúng như vậy.

佛復告阿難。如汝所言無有精見。離一切物別有自性。則汝所指是物之中無是見者。今復告汝汝與如來。坐祇陀林更觀林苑。乃至日月種種象殊。必無見精受汝所指。汝又發明此諸物中何者非見。

30. Phật phục cáo A-Nan:

_ Như nhữ sở ngôn: Vô hữu kiến tinh, ly

30. Đức Phật lại bảo ngài A-Nan:

_ A-Nan! Thể theo lời nói của ông,

<p>nhứt-thiết vật, biệt hữu tự tánh, tặc nhữ sở chỉ, thị vật chi trung, vô thị kiến giả.</p> <p>(_ Như lời ông nói: Không có cái thấy, rồi tất cả vật, riêng có Tự-tánh; thì trong tất cả các vật đã chỉ được, không có cái gì là cái thấy cả.)</p> <p>_ Kim phục cáo nhữ: Nhữ dữ Như-Lai, tọa Kỳ-Đà lâm, cánh quan lâm uyển, nãi chí nhụt nguyệt, chủng chủng tượng thù, tất vô kiến-tinh thọ nhữ sở chỉ.</p> <p>(..., trong đó, chắc không có cái thấy mà ông có thể chỉ ra được.)</p> <p>_ Nhữ hựu phát minh, thử chư vật trung, hà giả phi kiến?</p> <p>(_ Vậy ông hãy phát-minh trong các vật đó, có cái gì ra ngoài cái thấy?)</p>	<p>kiến-tinh ly các tướng thì không có Tự-Tánh riêng, nên những cái mà ông đã chỉ là vật chớ không phải tánh thấy.</p> <p>_ Böyle giờ Ta bảo ông: Ông với Như-Lai ngồi ở rừng Kỳ-Đà này, hãy xem lại rừng và vườn, cho tới hai vầng nhụt-nghẹt, tuy các vật-tượng khác nhau, nhưng trong các vật-tượng chắc chắn không có kiến-tinh để cho ông chỉ.</p> <p>_ Vậy ông nên phát-minh trong các vật-tượng ấy, xem thử cái nào là chẳng phải kiến-tinh.</p>
--	---

阿難言我實遍見此祇陀林。不知是中何者非見何以故若樹非見云何見樹。若樹即見復云何樹。如是乃至若空非見。云何為空。若空即見復云何空。我又思惟是萬象中。微細發明無非見者。佛言如是如是。

31. A-Nan ngôn:

_ Ngã thật biến kiến, thử Kỳ-Đà lâm, bất tri thị trung, hà giả phi kiến. Hà dĩ cố?

(_ Thật tôi thấy khắp rừng Kỳ-Đà này, không biết trong đó có cái gì ra ngoài cái thấy. Vì sao?)

_ Nhược thụ phi kiến, vân hà kiến thụ?

(_ Nếu cái cây ra ngoài cái thấy, thì sao lại thấy cây?)

_ Nhược thụ tức kiến, phục vân hà thụ?

_ Còn nếu cái cây tức là cái thấy, thì sao lại là cây?)

_ Như-thì nãi chí, nhược không phi kiến, vân hà kiến không?

(_ Như thế cho đến, nếu hư-không ra ngoài cái thấy, thì sao thấy được hư-không?)

_ Nhược không tức kiến, phục vân hà không?

31. Ngài A-Nan bạch Phật:

_ Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi xem khắp rừng Kỳ-Đà này, tôi thật chưa biết cái nào là chẳng phải kiến-tinh. Vì cớ sao?

_ Vì nếu nói cây chẳng phải kiến-tinh, thì không làm sao thấy cây.

_ Nếu nói cây là kiến-tinh, thì không còn có tên cây.

_ Chí như hư-không, nếu nói hư-không chẳng phải kiến-tinh, thì không làm sao thấy hư-không.

_ Nếu nói hư-không là kiến-tinh thì không còn có tên hư-không.

<p>_ Còn nếu hư-không tức là cái thấy, thì sao lại là hư-không?)</p> <p>_ Ngã hựu tư-duy, thị vạn tượng trung, vi-tế phát-minh, vô phi kiến giả.</p> <p>(_ Tôi lại suy nghĩ, phát-minh chín chắn trong muôn hình-tượng, thật không có cái gì ra ngoài cái thấy.)</p> <p>_ Phật ngôn: Như-thị như-thị.</p>	<p>_ Tôi suy xét kỹ càng và phát-minh rõ ràng trong các vật-tượng không có cái chi là chẳng phải kiến-tinh.</p> <p>_ Đức Phật khen: Thật đúng như vậy.</p>
---	--

於是大眾非無學者。聞佛此言茫然不知是義終始。一時惶悚失其所守。

<p>32. Ư thị đại-chúng, phi vô-học giả, văn Phật thử ngôn, mang-nhiên bất tri, thị nghĩa chung thi, nhứt-thời hoàng-tüstung, thất kỳ sở-thủ.</p> <p>(_ Khi ấy trong đại-chúng, những vị chưa chứng quả vô-học, nghe Phật dạy như thế, mờ昧 chẳng biết nghĩa ấy đâu đuôi thế nào, nên đồng-thời sợ hãi, không giữ được tâm thanh-tịnh.)</p> <p>Mang-nhiên: ngây ngô, mờ昧, không biết gì. Hoàng-tüstung: sợ hãi.</p>	<p>32. Lúc bấy giờ trong Đại-chúng, những người Hữu-học nghe Như-Lai dạy như thế, đều bối rối, không hiểu nghĩa-lý trước sau thế nào, nên lo sợ đến nỗi mất sở-thủ (15).</p>
---	---

如來知其魂慮變憫心生憐愍。安慰阿難及諸大眾。諸善男子無上法王是真實語。如所如說不誑不妄。非末伽梨四種不死矯亂論議。汝諦思惟無忝哀慕。

<p>33. Như-Lai tri kỳ, hồn lỵ biến tập (/chiếp?), tâm sanh lân mẫn, an-uỷ A-Nan, cập chư đại-chúng.</p> <p>_ Chư Thiện-nam-tử! Vô-Thượng Pháp-Vương, thị chơn-thật-ngữ, như sở như thuyết, bất cuống, bất vọng, phi Mạt-Già-Lê, tứ chủng bất-tử, kiểu loạn luận nghị.</p> <p>(_ Các Thiện-nam-nǚ! Bậc Vô-Thượng Pháp-Vương, lời nói chơn-thật, như tánh Chơn-Như mà nói, không lừa, không dối, chẳng phải như phái...)</p> <p>_ Nhữ đế tư-duy, vô thiếm ai mộ.</p> <p>(_ Ông hãy suy nghĩ cho chín chắn, chở phụ lòng thương mến của Ta.)</p>	<p>33. Đức Phật cảm thấy Đại-chúng lo sợ nên động lòng thương xót và để an ủi ngài A-Nan và Đại-chúng, Đức Phật bảo:</p> <p>_ Chư Thiện-nam-tử! Phật là bậc Pháp-Vương cao cả thuyết toàn chơn-thiệt- ngữ, khế-hiệp Chơn-Như, không sai lạc, không lừa dối, chẳng phải như phái ngoại-đạo Mạt-Già-Lê bày ra bốn thứ nghị-luận bất-tử mê-tín, loạn-động nguy hại.</p> <p>Khế-hiệp (契協): phù hợp nhau.</p> <p>_ Vậy các ông phải bình-tâm suy xét kỹ càng, đừng bỏ mất sự ái-mộ.</p>
--	--

是時文殊師利法王子愍諸四眾。在大眾中即從座起。頂禮佛足合掌恭敬。而白佛言世尊。此諸大眾。不悟如來發明二種精見色空是非是義。世尊若此前緣色空等象。若是見者應有所指。若非見者應無所矚。而今不知是義所歸故有驚怖。非是疇昔善根輕渺。唯願如來大慈發明此諸物象。與此見精元是何物。於其中間無是非是。

<p>34. Thị thời Văn-Thù-Sư-Lợi Pháp-Vương-Tử, mẫn chư tú-chúng, tại đại-chúng trung, tức tùng tòa khởi, đánh lê Phật túc, hiệp-chuỗng cung-kính, nimbach Phật ngôen: Thế-Tôn!</p> <p>(_ Lúc ấy, ngài Pháp-Vương-Tử Văn-Thù-Sư-Lợi thương xót hàng tú-chúng, ở trong đại-chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lê chân Phật, chấp tay cung kính, mà bạch Phật rằng: Thưa Thế-Tôn!</p> <p>_ Thủ chư đại-chúng, bất ngộ Như-Lai phát-minh nhị chủng, tinh kiến sắc không, thị phi-thị nghĩa.</p> <p>- Đại-chúng này không ngộ được chỗ Đức Như-Lai phát-minh ra hai nghĩa “thị” và “phi-thị” nơi hai thứ “cái thấy” và “sắc không”.)</p>	<p>34. Tức thời ngài Văn-Thù-Sư-Lợi Pháp-Vương-Tử, vì cảm mến tú-chúng, nên đứng dậy đánh lê, hiệp-chuỗng cung-kính, bạch Phật: Bạch Đức Thế-Tôn!</p> <p>_ Đại-chúng chưa hiểu được nghĩa: “phải” và “không phải” của hai thứ “kiến-tinh” và “sắc không”.</p>
<p>_ Thế-Tôn! Nhuộc thử tiền-duyên sắc-không đẳng tượng, nhuộc thị kiến giả, ưng hữu sở chỉ?</p> <p>(_ Bạch Thế-Tôn! Nếu những hiện-tượng sắc-không nơi tiền-cảnh, tức là cái thấy, thì lẽ ra có chỗ chỉ được,</p> <p>_ Nhuộc phi kiến giả, ưng vô sở chúc?</p> <p>- còn nếu ra ngoài cái thấy, thì lẽ ra không thể thấy được;</p> <p>_ Nhi kim bất tri, thị nghĩa sở qui, cố-hữu kinh bố, phi thị trù tích, thiện-căn khinh tiển.</p> <p>- mà nay đại-chúng không rõ nghĩa ấy do đâu, nên mới kinh sợ, chớ không phải vì trước đây thiện-căn ít ôi.)</p> <p>_ Duy nguyễn Như-Lai đại-từ, phát-minh thử chư vật-tượng, dữ thử kiến-tinh, nguyễn thị hà vật, ư kỳ trung-gian,</p>	<p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Nếu sắc và không là tánh thấy thì phải có chỗ chỉ được, nhưng vì sao chỉ không được?</p> <p>_ Nếu sắc và không chẳng phải tánh thấy thì phải không có chỗ thấy, lẽ nào lại thấy được?</p> <p>_ Hiện giờ Đại-chúng chưa hiểu nghĩa ấy nên sanh lòng lo sợ, chớ không phải căm lanh kém thiếu.</p> <p>_ Cầu xin Đức Thế-Tôn đại-từ đại-bi phát-minh rành rẽ các vật-tượng, cho tới kiến-tinh gốc là cái gì mà ở giữa nghĩa</p>

vô thị phi-thị?	“phải” và “chẳng phải”.
(_ Kính mong Đức Như-Lai thương xót, phát-minh cho rõ các vật-tượng ấy và cái thấy ấy vốn là vật gì, mà ở trong đó, lại không có các nghĩa “thị” và “phi-thị”?)	

<p>佛告文殊及諸大眾。十方如來及大菩薩。於其自住三摩地中。見與見緣并所想相。如虛空花本無所有。此見及緣元是菩提妙淨明體。云何於中有是非是。文殊吾今問汝。如汝文殊更有文殊。是文殊者為無文殊。</p>	
35. Phật cáo Văn-Thù, cập chư đại-chúng.	35. Đức Phật bảo ngài Văn-Thù và Đại-chúng:
	_ Vì các ông chưa đắc Viên-Định nên còn phân phái, phân chẵng phái.
<p>_ Thập phương Như-Lai, cập Đại-Bồ-Tát, ư kỵ tự trú, Tam-ma-địa trung.</p> <p>(_ Thập phương Như-Lai và các vị Đại-Bồ-Tát ở trong tự trú Tam-ma-địa,</p> <p>_ Kiến dữ kiến-duyên, tinh sở tưởng-tưởng, như hư-không hoa, bốn vô sở-hữu.</p> <p>- thì cái “thấy”, cái “bị thấy” và các tưởng-tưởng, như hoa đốm hư-không, vốn không có gì.)</p> <p>_ Thủ kiến cập duyên, nguyên thị Bồ-Đề, diệu tịnh minh thể, vân hà ư trung, hữu thị phi thị?</p> <p>(_ Cái “thấy” và cái “bị thấy” đó vốn là tâm-tánh Bồ-Đề nhiệm mầu trong sạch sáng suốt, làm sao trong đó, lại còn có các nghĩa “thị” và “phi-thị”?)</p> <p>_ Văn-Thù! Ngô kim vấn nhữ: Như nhữ Văn-Thù, cánh hữu Văn-Thù, thị Văn-Thù giả, vi vô Văn-Thù?</p> <p>(_ Văn-Thù! Nay Ta hỏi ông: Như ông đây là Văn-Thù, nơi ông lại có cái tức là Văn-Thù hay không có Văn-Thù?)</p>	<p>_ Chí như thập phương Như-Lai và Đại-Bồ-Tát thường an-trụ trong cảnh Viên-Định thì không còn phân-biệt như thế.</p> <p>_ Kiến-tinh và kiến-duyên (16), cho tới tâm-tưởng thân-tưởng, đều như hoa đốm giữa hư-không, vốn không thiệt có.</p> <p>_ Kiến-tinh và kiến-duyên nguyên là thể Bồ-Đề nhiệm-mầu, trong sáng và vắng lặng, thì có chi là “phải” với “chẳng phái”.</p> <p>_ Văn-Thù! Ta hỏi ông: Ông nguyên là Văn-Thù. Ví như thêm một Văn-Thù nữa, có phải thật là Văn-Thù không? Hay là chẳng phải Văn-Thù?</p>

如是世尊我真文殊無是文殊。何以故若有是者則二文殊。然我今日非無文殊於中實無是非二相。

<p>36. Như-thị Thế-Tôn! Ngã chơn Văn-Thù, vô thị Văn-Thù. Hà dĩ cố?</p> <p>(_ Bạch Thế-Tôn, đúng thế! Tôi đây thật là Văn-Thù, nơi tôi không có cái gì tức là Văn-Thù. Vì sao?)</p> <p>_ Nhược hữu thị giả, tắc nhị Văn-Thù, nhiên ngã kim nhụt, phi vô Văn-Thù, ư trung thật vô, thị phi nhị tướng.</p> <p>(_ Vì nếu có cái ấy, thì thành ra hai Văn-Thù, nhưng tôi hiện nay, không phải là không Văn-Thù; trong đó thật không có hai tướng “thị” và “phi-thị”.)</p>	<p>36. Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi đây chính là Văn-Thù. Không thế nào có được Văn-Thù nào khác. Vì cớ sao?</p> <p>_ Nếu thêm một Văn-Thù thành ra hai Văn-Thù. Tôi nguyên là Văn-Thù thì chẳng được gọi là không phải Văn-Thù, nên ở trong ấy thiệt không có hai tướng “phải” và “chẳng phải”.</p>
--	--

佛言此見妙明與諸空塵。亦復如是本是妙明。無上菩提淨圓
真心。妄為色空及與聞見。如第二月誰為是月又誰非月。文殊但一
月真。中間自無是月非月。是以汝今觀見與塵。種種發明名為妄想
。不能於中出是非是。由是精真妙覺明性。故能令汝出指非指。

<p>37. Phật ngôn:</p> <p>_ Thủ kiến diệu-minh, dữ chư không trần, diệc phục như-thị, bốn thị diệu-minh, Vô-Thượng Bồ-ĐỀ, tịnh-viên thân-tâm.</p> <p>(_ Tánh thấy nhiệm mầu sáng suốt với các thứ sắc-không thì cũng như vậy, vốn một tâm-tánh Vô-Thượng Bồ-ĐỀ,</p> <p>_ Vọng vi sắc-không, cập dữ văn kiến! - lầm nhận là sắc-không cùng với nghe thấy,</p> <p>_ Như đệ-nhi nguyệt, thùy vi thị nguyệt, hựu thùy phi nguyệt? - như dụi con mắt, thấy có hai mặt trăng, thì mặt trăng nào nào mới thật là mặt trăng, còn mặt trăng nào lại không phải là mặt trăng.)</p> <p>_ Văn-Thù! Đãn nhứt nguyệt chơn, trung gian tự vô, thị nguyệt phi nguyệt?</p> <p>(_ Văn-Thù! Chỉ có một mặt trăng thật, trong ấy tự không có cái gì thật là mặt trăng, hay không phải là mặt trăng.)</p>	<p>37. Phật bảo:</p> <p>_ Văn-Thù! Tánh thấy diệu-minh và các sắc-trần, hư-không, gốc ở Chơn-Như Tâm thanh-tịnh, châu-viên, mầu-nhiệm sáng suốt, giác-ngộ cao cả.</p> <p>_ Vì vọng sanh ra sắc-không và tánh thấy nghe mà thôi.</p> <p>_ Ví như mặt trăng thứ hai, không có lý do nào vịn theo mặt trăng thứ hai mà nói phải mặt trăng hoặc chẳng phải mặt trăng.</p> <p>_ Văn-Thù! Mặt trăng chỉ có một, thì không có cái gì phải hay chẳng phải trăng.</p> <p>_ Tâm Chơn-Như thường-trú cũng như mặt trăng, chỉ có một.</p>
--	--

<p>_ Thị dĩ nhữ kim, quan kiến dữ trần, chủng chủng phát-minh, danh vi vọng-tưởng, bất năng ư trung, xuất thị phi-thị.</p> <p>(_ Vậy nên hiện nay, các ông phát-minh ra các thứ xem thấy và trần-cảnh, đều gọi là vọng-tưởng, không thể ở trong đó, chỉ ra các nghĩa “thị” và “phi-thị”.)</p>	<p>_ Nếu do kiến-tinh và sắc-trần mà phát-minh, đó là vọng-tưởng, nên mới có nghị-luận phân-vân “phải” và “chẳng phải”.</p>
<p>_ Do thị chơn tinh, diệu giác minh tánh, cố năng linh nhữ, xuất chỉ phi-chỉ.</p> <p>(_ Nhưng do tất cả đều là tâm-tánh nhiệm mầu sáng suốt, nên có thể làm cho các ông ra ngoài các nghĩa “chỉ được” và “không chỉ được”.)</p>	<p>_ Nếu do tánh chơn thiệt thanh-tịnh, sáng suốt, diệu-giác mà phát-minh thì không còn chi gọi là “phải” và “chẳng phải”.</p> <p>_ Lại như tỏ ngộ lý nhứt-chơn nói trên thì các sự hồ-nghi dứt tuyệt, tự-nhiên thoát khỏi nạn nghị-luận “chỉ được” và “không chỉ được”.</p>

38.	38. PHẬT HIỂN-MINH TÁNH THẤY KHÔNG CHẤP.
<p>阿難白佛言世尊。誠如法王所說覺緣遍十方界。湛然常住性非生滅。與先梵志裟毘迦羅所談冥諦。及投灰等諸外道種。說有真我遍滿十方。有何差別。世尊亦曾於楞伽山。為大慧等敷演斯義。彼外道等常說自然。我說因緣非彼境界。我今觀此覺性自然非生非滅。遠離一切虛妄顛倒。似非因緣與彼自然。云何開示不入群邪。獲真實心妙覺明性。</p>	
<p>A-Nan bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Thế-Tôn! Thành như Pháp-Vương, sở thuyết giác duyên, biến thập phương giới, thậm-nhiên thường-trụ, tánh phi sanh-diệt.</p> <p>(_ Thưa Thế-Tôn! Thật như lời Pháp-Vương dạy, tâm-tánh cùng khắp thập phương thế-giới, yên lặng thường-trụ, không có sanh-diệt.)</p> <p>_ Dữ Tiên Phạm-Chí, Ta-Tỳ-Ca-La, sở đàm “Minh-Đế”, cặp Đầu-Khôi đẳng, chư ngoại-đạo chủng, thuyết hữu “Chơn-Ngã”, biến-mãnh thập phương, hữu hà sai-biệt?</p> <p>(_ Điều ấy so với thuyết ông Phạm-Chí Ta-Tỳ-Ca-La ngày xưa nói về “Minh-Đế”, hay các thuyết ngoại-đạo như bọn Đầu-Khôi nói có “Chơn-Ngã” cùng khắp mười phương, khác nhau thế nào?)</p>	<p>Ngài A-Nan bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Như lời Đức Pháp-Vương đã nói, tánh thấy giác-duyên trùm khắp thập phương thế-giới, vắng lặng thường-trụ, bất-sanh bất-diệt.</p> <p>_ Đối với thuyết “Minh-Đế” của ngoại-đạo Ta-Tỳ-Ca-La Tiên Phạm-Chí và thuyết “Thần-Ngã” biến mãn thập phương của ngoại-đạo Đầu-Khôi có sai biệt chăng?</p>

<p>_ Thế-Tôn diệc tằng, ư Lăng-Già sơn, vị Đại-Tuệ đǎng, phu diễn tư nghĩa.</p> <p>(_ Ở núi Lăng-Già, Đức Thế-Tôn đã từng, vì các ông Đại-Tuệ, chỉ dạy rằng:)</p> <p>_ Bỉ ngoại-đạo đǎng thường thuyết tự-nhiên, ngã thuyết nhân-duyên phi bỉ cảnh-giới.</p> <p>(_ Bạn ngoại-đạo kia thường nói tự-nhiên, còn Phật nói nhân-duyên, không phải cảnh-giới của bạn kia.)</p> <p>_ Ngã kim quan thử, giác tánh tự-nhiên, phi sanh phi diệt, viễn ly nhứt-thiết, hưng-vọng điên-đảo, tự phi nhân-duyên, dĩ bỉ tự-nhiên.</p> <p>(_ Nay tôi xét cái tâm-tánh đó tự-nhiên, không phải sanh, không phải diệt, xa rời tất cả các điều trái ngược luồng đối, giống như không phải là nhân-duyên, cũng không phải là cái tự-nhiên của bạn kia.)</p>	<p>_ Khi trước Đức Thế-Tôn ở tại núi Lăng-Già từng dạy cho đoàn-thể của ngài Đại-Tuệ nghe:</p> <p>_ Các ngoại-đạo hay nói nghĩa “tự-nhiên”, cho rằng không có nhân-quả, không lập pháp tu; Như-Lai lại nói nghĩa “nhân-duyên” tương-khắc.</p> <p>_ Nay tôi xem xét tánh thấy giác-duyên bất-sanh bất-diệt, xa lìa các tướng hưng-vọng điên-đảo, thì không có nghĩa “nhân-duyên” mà có nghĩa “tự-nhiên”.</p>
<p>_ Vân hà khai-thị, bất nhập quần tà, hoạch chơn-thật Tâm, diệu giác minh Tánh?</p> <p>(_ Xin Phật khai-thị thế nào, cho chúng tôi khỏi mắc tà-kiến, và được tâm-tánh trong sạch nhiệm mầu sáng suốt.)</p>	<p>_ Nếu không có nghĩa nhân-duyên tất phải trái nghịch với Phật-giáo.</p> <p>_ Nếu có nghĩa tự-nhiên tất phải lầm lạc vào tà-thuyết.</p> <p>_ Cung thỉnh Đức Thế-Tôn khai-thị thế nào cho tất cả Đại-chúng khỏi vướng tà-thuyết và được Tâm chơn-thiệt thường-trụ, Tánh diệu-minh giác-ngộ.</p>
<p style="text-align: center;">佛告阿難我今如是開示方便。真實告汝。汝猶未悟惑為自然。阿難若必自然自須甄明有自然體。汝且觀此妙。明見中以何為自。此見為復以明為自以暗為自。以空為自以塞為自。阿難若明為自應不見暗。若復以空為自體者應不見塞。如是乃至諸暗等相以為自者。則於明時見性斷滅云何見明。</p>	

39. Phật cáo A-Nan:

_ Ngã kim như-thị, khai-thị phương-tiện, chơn-thật cáo nhữ, nhữ du vị ngộ, hoặc vị tự-nhiên.

(_ Nay Ta phương-tiện chỉ bày, chơn-thật bảo ông như vậy, ông còn chưa ngộ, lại lầm là tự-nhiên.)

39. Phật bảo ngài A-Nan:

_ A-Nan! Nay Như-Lai dùng phương-tiện khai-thị, lấy lời chơn thiêt dạy ông như vậy, mà ông chưa tỏ ngộ, lại còn lầm thuyết “tự-nhiên” của ngoại-đạo.

<p>_ A-Nan! Nhược tất tự-nhiên, tự tu yên minh, hữu tự-nhiên thể.</p> <p>(_ A-Nan! Nếu chắc là tự-nhiên, tự phải chỉ rõ thể tánh tự-nhiên.)</p> <p>_ Nhữ thả quan thử, diệu minh kiến trung, dĩ hà vi tự ?</p> <p>(_ Ông hãy xét cái tánh thấy kia lấy cái gì làm tự-thể?)</p> <p>_ Thủ kiến vi phục, dĩ minh vi tự, dĩ ám vi tự, dĩ không vi tự, dĩ tắc vi tự?</p> <p>(_ Cái thấy đó lại là lấy cái sáng làm tự-thể, lấy cái tối làm tự-thể, lấy hư-không làm tự-thể, hay lấy cái ngăn bít làm tự-thể?)</p> <p>_ A-Nan! Nhược minh vi tự, ưng bất kiến ám.</p> <p>(_ A-Nan! Nếu lấy cái sáng làm tự-thể thì lẽ ra không thấy được tối.)</p> <p>_ Nhược phục dĩ không, vi tự thể giả, ưng bất kiến tắc.</p> <p>(_ Nếu lấy hư-không làm tự-thể thì lẽ ra không thấy được ngăn bít.)</p> <p>_ Như-thì nai chí, chư ám đặng tướng, dĩ vi tự giả, tắc ư minh thời, kiến-tánh đoạn diệt, vân hà kiến minh?</p> <p>(_ Như vậy cho đến, lấy các tướng tối mà làm tự-thể, thì đến khi sáng, tánh thấy đã diệt mất rồi, làm sao còn thấy được sáng?)</p>	<p>_ A-Nan! Nếu ông chấp tánh thấy mâu-niệm sáng suốt ấy là tự-nhiên thì hãy biện-minh thể tự-nhiên cho rõ ràng.</p> <p>_ Ông nghiêm xét trong tánh thấy ấy, lấy chi làm tự?</p> <p>_ Lấy sáng làm tự, hay là lấy tối làm tự? Lấy trống không làm tự, hay là lấy ngăn trở làm tự?</p> <p>_ A-Nan! Nếu lấy sáng làm tự thì chẳng thấy tối.</p> <p>_ Nếu lấy trống không làm tự thì chẳng thấy ngăn trở.</p> <p>_ A-Nan! Lại như lấy tướng tối làm tự, thì đến khi sáng, tánh thấy đã mất rồi, làm sao lại còn thấy sáng?</p>
---	---

阿難言必此妙見性非自然。我今發明是因緣性。心猶未明諮詢如來。是義云何合因緣性。

40. A-Nan ngôn:

_ Tất thử diệu kiến, tánh phi tự-nhiên.

(_ Chắc cái tánh thấy ấy không phải là tự-nhiên,

_ Ngã kim phát-minh, thị nhân-duyên sanh, tâm du vị minh, tư tuân Như-Lai, thị nghĩa vân hà, hiệp nhân-duyên tánh?

40. Ngài A-Nan bạch Phật:

_ Bạch Đức Thế-Tôn! Đức Thế-Tôn dạy như vậy, thì chắc chắn tánh thấy nhiệm-mâu sáng suốt không phải là “tự-nhiên”.

_ Nay tôi phát-minh tánh thấy ấy có nhân-duyên sanh, nhưng lòng tôi chưa hiểu minh-bạch, xin hỏi Đức Như-Lai:

<p>- thì nay tôi phát-minh được, nó do nhân-đuyên mà sanh, nhưng tâm còn chưa rõ, xin hỏi Đức Như-Lai, nghĩa-lý thế nào cho hợp với tánh nhân-đuyên.)</p>	<p>Thế nào là nghĩa hiệp với nhân-đuyên tánh? Ngưỡng cầu Đức Như-Lai dạy cho.</p>
---	---

佛言汝言因緣吾復問汝。汝今同見見性現前。此見為復因明有見因暗有見。因空有見因塞有見。阿難若因明有應不見暗。如因暗有應不見明。如是乃至因空因塞同於明暗。

41. Phật ngôn:

_ Nhữ ngôn nhân-đuyên, ngô phục vấn nhữ.

(_ Ông nói nhân-đuyên, Ta lại hỏi ông.)

_ Nhữ kim nhân kiến, kiến-tánh hiện-tiền.

(_ Nay ông do nhân-đuyên mà có thấy, tánh thấy hiện trước đó.)

_ Thủ kiến vi phục, nhân minh hữu kiến? Nhân ám hữu kiến? Nhân không hữu kiến? Nhân tắc hữu kiến?

(_ Vậy tánh thấy ấy lại là nhân cái sáng mà có thấy? Nhân cái tối mà có thấy? Nhân hư-không mà có thấy? Hay nhân ngăn bít mà có thấy?)

_ A-Nan! Nhược nhân minh hữu, ưng bất kiến ám.

(_ A-Nan! Nếu tánh thấy nhân cái sáng mà có, thì lẽ ra không thấy được tối,

_ Như nhân ám hữu, ưng bất kiến minh.

- còn như nhân cái tối mà có, thì lẽ ra không thấy được sáng;

_ Như-thị nã chí, nhân không, nhân tắc, đồng ư minh ám.

- như vậy cho đến, nhân hư-không, nhân ngăn bít, thì cũng đồng như nhân cái sáng và cái tối.)

41. Đức Phật dạy:

_ A-Nan! Ông đã nói về nhân-đuyên tánh thì hãy nghe Ta hỏi đây:

_ Ông vì nhân-đuyên mà thấy tướng sáng, tối, trống không, ngăn trở, nên mới có tánh thấy hiện-tiền.

_ Vậy tánh thấy nhân tướng nào: hoặc sáng, hoặc tối, hoặc trống không, hoặc ngăn trở mà thấy?

_ A-Nan! Nếu nhân tướng sáng mà thấy, thì không thể thấy tối.

_ Nếu nhân tướng tối mà thấy, thì không thể thấy sáng.

_ Cho đến nhân tướng trống không hoặc tướng ngăn trở đều giống nghĩa như nhân tướng sáng hoặc tướng tối.

復次阿難此見又復緣明有見緣暗有見。緣空有見緣塞有見。阿難若緣空有應不見塞。若緣塞有應不見空。如是乃至緣明緣暗同於空塞當。知如是精覺妙明非因非緣。亦非自然非不自然。無非不非無是非是。離一切相即一切法。汝今云何於中措心。以諸世間戲

論名相而得分別。如以手掌攝摩虛空。只益自勞。虛空云何隨汝執捉。

42. Phục thứ A-Nan! Thủ kiến hựu phục, duyên minh hữu kiến? Duyên ám hữu kiến? Duyên không hữu kiến? Duyên tắc hữu kiến?

(_ Lại nữa, A-Nan! Cái thấy ấy lại là nương cái sáng mà có thấy? Nương cái tối mà có thấy? Nương hư-không mà có thấy? Hay là nương ngắn bít mà có thấy?)

_ A-Nan! Như ợc duyên không hựu, ưng bất kiến tắc; như ợc duyên tắc hựu, ưng bất kiến không; như-thì nai chí, duyên minh duyên ám, đồng ư không tắc.

(_ A-Nan! Nếu nương hư-không mà có thấy, thì lẽ ra không thấy được ngắn bít; nếu nương ngắn bít mà có thấy, thì lẽ ra không thấy được hư-không; như vậy cho đến, nương cái sáng, nương cái tối cũng đồng như nương hư-không, nương ngắn bít.)

_ Đương tri như-thì, tinh giác diệu-minh, phi nhân, phi duyên; diệc phi tự-nhiên, phi bất tự-nhiên; vô phi bất-phi, vô thị phi-thị.

(_ Nên biết tánh thấy như vậy, không phải nhân, không phải duyên; không phải tự-nhiên, cũng không phải không tự-nhiên; không có nghĩa “không phải” hay “không không phải”, không có nghĩa “tức là” hay “không tức là”;

_ Ly nhứt-thiết tướng, tức nhứt-thiết pháp.

- rời hết tất cả các tướng, tức là tất cả sự vật;

_ Nhữ kim vân hà, ư trung tích tâm, dĩ chư thế-gian, hý-luận danh-tướng, nhi đắc phân-biệt.

- làm sao trong ấy, ông lại định đem các danh-tướng hý-luận thế-gian mà phân-biệt cho được.)

_ Như dĩ thủ chưởng toát ma hư-không, kỳ ích tự lao, hư-không vân hà, tùy nhữ chấp tróc?

(_ Thế cũng như lấy bàn tay, nắm bắt hư-không, chỉ

42. A-Nan! Lại như tánh thấy duyên theo sáng mà thấy, hoặc duyên theo tối mà thấy, hoặc duyên theo trống không mà thấy, hoặc duyên theo ngắn trở mà thấy?

_ A-Nan! Nếu duyên theo trống không mà thấy thì đáng lý chẳng thấy ngắn trở. Nếu duyên theo ngắn trở mà thấy thì đáng lý chẳng thấy trống không. Cho đến duyên theo sáng hoặc tối thì đồng nghĩa như trên.

_ Nên nhận định: Tánh thấy diệu-minh giác-ngộ thanh-tịnh, không thuộc nhân-duyên hoặc chẳng nhân-duyên; không thuộc tự-nhiên hoặc chẳng tự-nhiên, không có lý “không” và “chẳng không”, cũng không có lý “phải” và “chẳng phải”.

_ Nguyên tánh thấy ấy ly tất cả tướng, tức tất cả pháp.

_ Tại sao ông ở trong tánh ấy lại manh tâm dùng nghĩa “tự-nhiên” và “nhân-duyên”, lấy lời hý-luận về các danh-tướng thế-gian mà phân-biệt?

_ Ông vọng-chấp như vậy chẳng khác nào lấy tay nắm hư-không, thì hư-không chẳng bao giờ nắm được, chỉ là việc làm phí công.

thêm nhọc sức, chớ làm sao hư-không lại dễ ông nấm bất.)	
---	--

43.	43. PHẬT HIỂN-MINH CHОН-KIẾN LY VỌNG-KIẾN.
	<p>阿難白佛言世尊。必妙覺性非因非緣。世尊云何常與比丘。 宣說見性具四種緣。所謂因空因明因心因眼是義云何。</p>
<p>A-Nan bạch Phật ngôn: _ Thế-Tôn! Tất diệu-giác-tánh, phi nhân phi duyên, Thế-Tôn vân hà, thường dữ Tỳ-khưu, tuyên-thuyết kiến-tánh, cụ tú chủng duyên, sở vị nhân không, nhân minh, nhân tâm, nhân nhãn, thị nghĩa vân hà?</p> <p>(_ Thưa Thế-Tôn! Chắc cái tâm-tánh ấy, không phải nhân-duyên, thế sao Đức Thế-Tôn lại thường chỉ dạy cho các hàng Tỳ-khưu rằng: Tánh thấy có bốn thứ nhân-duyên, nghĩa là nhân hư-không, nhân ánh sáng, nhân cái tâm và nhân con mắt. Nghĩa đó thế nào?)</p>	<p>Ngài A-Nan bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Nếu chắc chắn tánh diệu-minh giác-ngộ không phải nhân-duyên, thì tại sao Đức Thế-Tôn thường dạy các vị Tỳ-khưu biết bốn thứ nhân-duyên, như nhân-duyên ở chỗ trống không, ở chỗ sáng, ở tâm và ở mắt, đó là nghĩa thế nào?</p> <p>Vọng-kiến (妄見): là sự phân-biệt hư-vọng không đúng với Thực. Như <i>ngã-kiến</i> (tức là chấp ngã, cho ta là thực) và <i>biên-kiến</i> (tức là chấp về một bên, không giữ trung-đạo, thiên lệch) đều là <i>vọng-kiến</i>.</p>

<p>佛言阿難我說世間諸因緣相非第一義。阿難吾復問汝。諸世間人說我見。云何名見云何不見。</p>	
<p>44. Phật ngôn: _ A-Nan! Ngã thuyết thế-gian, chư nhân-duyên tướng, phi đệ-nhứt nghĩa. <p>(_ A-Nan! Ta nói như thế là nói về các tướng nhân-duyên thế-gian, đó không phải là đệ-nhứt nghĩa.)</p> <p>_ A-Nan! Ngô phục vấn nhữ: Chư thế-gian nhân, thuyết ngã năng kiến, vân hà danh kiến, vân hà bất kiến? <p>(_ Các người thế-gian nói: Tôi thấy được, thì thế nào, họ gọi là thấy, còn thế nào, họ gọi là không thấy?)</p> </p></p>	<p>44. Phật dạy: _ A-Nan! Như-Lai nói các tướng nhân-duyên ở thế-gian, không phải là đệ-nhứt liễu-nghĩa (17) mà chỉ là quyền-thuyết đối-trí nghĩa tự-nhiên. <p>_ A-Nan! Như-Lai lại hỏi ông: Người thế-gian nói mình hay thấy, vậy tánh thấy ấy nhân tướng gì mà gọi là thấy hoặc không thấy?</p> </p>

<p>阿難言世人因於日月燈光。見種種相名之為見。若復無此三種光明則不能見。阿難若無明時名不見者。應不見暗。若必見暗此但無明云何無見。阿難若在暗時不見明故名為不見。今在明時不見暗相還名不見。如是二相俱名不見。若復二相自相陵奪。非汝見性於中暫無。如是則知二俱名見。云何不見。</p>

45. A-Nan ngôn:

_ Thế-nhân nhân ư, nhụt nguyệt đăng quang, kiến chủng chủng tướng, danh vi chi kiến, nhược phục vô thử, tam chủng quang-minh, tắc bất năng kiến.

(_ Người dời nhân ánh sáng mặt trời, mặt trăng và đèn, thấy các hình-tướng, thì gọi là thấy; còn nếu không có ba thứ ánh sáng đó, thì không thể thấy được.)

_ A-Nan! Nhược vô minh thời, danh bất kiến giả, ưng bất kiến ám.

(_ A-Nan! Nếu khi không sáng mà gọi là không thấy, thì lẽ ra không thấy được tối.)

_ Nhược tất kiến ám, thử đân vô minh, vân hà vô kiến?

(_ Nếu đã thấy được tối, thì khi đó, chỉ là không sáng, chớ đâu phải là không thấy?)

_ A-Nan! Nhược tại ám thời, bất kiến minh cố, danh vi bất kiến.

(_ A-Nan! Nếu trong lúc tối, vì không thấy sáng mà gọi là không thấy.)

_ Kim tại minh thời, bất kiến ám tướng, hoàn danh bất kiến.

(_ Vậy nay, trong lúc sáng, không thấy cái tối, thì lại cũng phải gọi là không thấy.)

_ Như-thị nhị tướng, cu danh bất kiến.

(_ Thế thì cả hai lúc sáng và tối, cũng đều gọi là không thấy cả.)

_ Nhược phục nhị tướng, tự tướng lăng đoạt, phi nhữ kiến tánh, ư trung tạm vô.

(_ Còn nếu như hai cái sáng và tối tự lấn át nhau, chớ không phải trong đó, tánh thấy của ông tạm thời không có.)

_ Như-thị tắc tri, nhị cu danh kiến, vân hà bất kiến?

(_ Thế thì biết cả hai lúc đều gọi là thấy, chớ sao lại gọi là không thấy?)

45.

_ Bạch Đức Thế-Tôn! Người thế-gian nhân ánh sáng của mặt trời, mặt trăng hoặc đèn đuốc mà thấy các hình sắc nên gọi là thấy. Nếu không có ba thứ ánh sáng đó thì không thể thấy.

_ A-Nan! Nếu khi không có ánh sáng gọi là không thấy thì đáng lý phải không thấy tối.

_ Nhưng dầu không có ánh sáng, vẫn thấy tối, như vậy là tại không có ánh sáng, chớ chẳng phải không thấy. Tại sao lại gọi là không thấy?

_ A-Nan! Ví dụ như ban đêm, ở chỗ tối, không có ánh sáng thì gọi là không thấy.

_ Còn như ban ngày ở chỗ sáng, không có bóng tối thì cũng phải gọi là không thấy.

_ Như thế ở chỗ sáng hoặc chỗ tối đều gọi là không thấy, có lý như vậy chăng?

_ Hai tướng sáng và tối tương-phản nhau. Hễ tướng sáng đến thì tướng tối phải tiêu, hestate tướng tối đến thì tướng sáng phải tiêu. Ở chỗ sáng hoặc ở chỗ tối, lúc nào cũng có tánh thấy.

_ Như vậy ở hai nơi ấy phải gọi là có thấy, chớ sao lại gọi là không thấy.

是故阿難汝今當知。見明之時見非是明。見暗之時見非是暗。見空之時見非是空。見塞之時見非是塞。四義成就汝復應知。見見之時見非是見。見猶離見見不能及。云何復說因緣自然及和合相。汝等聲聞狹劣無識。不能通達清淨實相。吾今誨汝當善思惟。無得疲怠妙菩提路。

46. Thị cõ, A-Nan! Nhữ kim đương tri.

- _ Kiến minh chi thời, kiến phi thị minh.
- _ Kiến ám chi thời, kiến phi thị ám.
- _ Kiến không chi thời, kiến phi thị không.
- _ Kiến tắc chi thời, kiến phi thị tắc.
- _ Tứ nghĩa thành-tựu, nhữ phục ứng tri:
(_ Bốn nghĩa đó đã thành-lập rồi, ông lại nên biết:
_ Kiến kiến chi thời, kiến phi thị kiến.
_ Khi nhận thấy tánh thấy, thì tánh thấy không phải là cái thấy.)
- _ Kiến du ly kiến, kiến bất năng cập, vân hà phục thuyết, nhân-duyên tự-nhiên, cập hòa-hiệp tướng.
(_ Tánh thấy còn rời cả cái thấy và cái thấy không thể đến nơi tánh thấy được; làm sao ông còn nói đến những nhân-duyên, tự-nhiên và tướng hòa-hợp?)
- _ Nhữ đẳng Thinh-văn, hiệp liệt vô-thức, bất năng thông-đạt thanh-tịnh thật-tướng.
- _ Ngô kim hối nhữ, đương thiện tư-duy, đắc vô bì đai, diệu Bồ-Đề lộ.
(_ Nay Ta chỉ dạy cho ông, ông nên khéo suy nghĩ, không được trễ nải trên đường Bồ-Đề nhiệm mầu.)

46. A-Nan! Vì cớ ấy, ông cần biết bốn nghĩa như sau:

- _ Khi thấy sáng, tánh thấy không phải là sáng.
- _ Khi thấy tối, tánh thấy không phải là tối.
- _ Khi thấy trống không, tánh thấy chẳng phải là trống không.
- _ Khi thấy ngăn trở, tánh thấy chẳng phải là ngăn trở.
- _ Bốn nghĩa đã được hiểu rõ xong, ông lại phải biết:
_ Tánh thấy chơn hay thấy được tánh thấy vọng, tánh thấy chơn không phải là tánh thấy vọng.
- _ Vì tánh thấy chơn còn phải xa lìa tánh thấy vọng, khiến tánh thấy vọng không thể sánh được. Huống chi các tướng nhân-duyên tự-nhiên và hòa-hiệp có sánh được chăng?
- _ Các ông là bậc Thinh-Văn, còn hẹp-lượng, chưa thông-đạt “thanh-tịnh thiệt-tướng”.
- _ Nay Như-Lai dạy bảo các ông phải suy xét tinh-tường, không được lười biếng trên đường tiến lên quả-vị Vô-Thượng Bồ-Đề.

阿難白佛言世尊。如佛世尊為我等輩。宣說因緣及與自然。諸和合相與不和合。心猶未開。而今更聞見見非見重增迷悶。伏願弘慈施大慧目。開示我等覺心明淨。作是語已悲淚頂禮承受聖旨。

47. A-Nan bạch Phật ngôn:

_ Thế-Tôn! Như Phật Thế-Tôn, vị ngã
đẳng bối, tuyên-thuyết nhân-duyên, cập
dữ tự-nhiên, chư hòa-hiệp tướng, dữ bất
hòa-hiệp, tâm du vị khai.

(_ Thưa Thế-Tôn! Như Đức Thế-Tôn, vì bọn chúng
tôi, chỉ dạy về nhân-duyên, tự-nhiên, các tướng hòa-
hiệp và không hòa-hợp, tâm tôi còn chưa khai-ngộ.)

_ Nhi kim cánh văn, “kiến kiến phi
kiến”, trùng tăng mê muội.

(_ Nay lại nghe Phật dạy: “Nhận thấy tánh thấy
không phải là cái thấy” thì càng thêm lúng túng.)

_ Phục nguyện hoằng từ, thí đại tuệ
mục, khai-thị ngã đẳng, giác tâm minh
tịnh.

(_ Cúi xin Phật thương xót, bố-thí cho con mắt đại trí-
tuệ, chỉ bày cho chúng con tâm-tánh trong sạch sáng
suốt.)

_ Tác thị ngữ dĩ, bi lụy đánh lẽ, thừa tho
Thánh-chỉ.

(_ Ông A-Nan nói như vậy rồi, khóc lóc đánh lẽ, vâng
nghe Thánh-chỉ của Phật.)

47. Ngài A-Nan bạch Phật:

_ Bạch Đức Thế-Tôn! Đức Thế-Tôn vì
chúng tôi lầm lạc mà thuyết nghĩa nhân-
duyên, tự-nhiên, hòa-hiệp và bất hòa-
hiệp, tâm chúng tôi nghe qua chưa hiểu
rõ.

_ Đức Thế-Tôn lại thuyết thêm lý
“chơn-kiến thấy vọng-kiến” và “chơn-
kiến không phải là vọng-kiến” khiến
tâm chúng tôi thêm bối rối.

_ Đức Thế-Tôn dū lòng từ-bi cao cả
khai-thị tâm giác-ngộ sáng suốt.

_ Bạch Phật xong, ngài A-Nan đánh-lẽ
rồi lặng thính để vâng lanh lời giáo-
huấn.

爾時世尊憐愍阿難及諸大眾。將欲敷演大陀羅尼諸三摩提妙
修行路。告阿難言汝雖強記但益多聞。於奢摩他微密觀照心猶未了
。汝今諦聽吾今為汝分別開示。亦令將來諸有漏者獲菩提果。

**48. Nhĩ thời, Thế-Tôn lân mẫn A-Nan
cập chư đại-chúng, tương dục phu diễn,
Đại đà-la-ni, chư Tam-ma-đề, diệu tu-
hành lộ, cáo A-Nan ngôn:**

_ Nhữ tuy cường ký, dān ích đa-văn, ư
Sa-ma-tha, vi-mật quán-chiếu, tâm du vị
liễu.

(_ Ông tuy nhớ lâu, chỉ thêm phần học rộng, nhưng
nơi vi-mật quán-chiếu Sa-ma-tha, tâm còn chưa rõ.)

_ Nhữ kim đế thính, ngô đương vị nhữ,
phân-biệt khai-thị, diệc linh tương-lai,
chư hữu-lâu giả, hoạch Bồ-Đề quả.

**48. Lúc bấy giờ Đức Phật thương xót
ngài A-Nan và Đại-chúng, muốn giảng
dạy môn Đại đà-ra-ni (18) là đường tu-
hành huyền-diệu theo các phép chánh-
định, nên Đức Phật bảo ngài A-Nan:**

_ Ông tuy có tài nhớ giỏi nhưng chỉ lợi-
ích về phần đa-văn, chớ chỗ vi-mật
quán-chiếu đại-định, tâm ông chưa hiểu
rõ.

Vi-mật: mầu-nhiệm, tinh-vi, kín đáo, bí-mật. *Vi* (微):
rất nhỏ, mầu-nhiệm, khéo léo. *Mật* (密): kín đáo.

_ Vậy ông hãy chăm chỉ nghe Ta khai-
thị cho ông và cũng làm cho hạng hữu-
lâu đời sau đắc quả Bồ-Đề.

<p>阿難一切眾生輪迴世間。由二顛倒分別見妄。當處發生當業輪轉。云何二見。一者眾生別業妄見。二者眾生同分妄見。</p>	
<p>49. A-Nan! Nhứt-thiết chúng-sanh, luân-hồi thế-gian, do nhị điên-dảo, phân-biệt kiến-vọng, đương-xứ phát-sanh, đương-nghiệp luân-chuyển. Vân hà nhị kiến?</p> <p>(_ A-Nan! Tất cả chúng-sanh luân-hồi trong thế-gian đều do hai nhận-thức sai lầm, phân-biệt trái ngược, chính nơi tâm-tánh mà phát-sanh, chính nơi nghiệp-p-báo mà xoay vần. Hai nhận-thức ấy là gì?)</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Nhứt giả chúng-sanh, biệt-nghiệp vọng-kiến. (_ Một là nhận-thức sai lầm nghiệp riêng của chúng-sanh, _ Nhị giả chúng-sanh, đồng-phận vọng-kiến. - hai là nhận-thức sai lầm nghiệp chung của chúng-sanh.) 	<p>49. A-Nan! Tất cả chúng-sanh luân-hồi sanh-tử ở thế-gian đều tại hai vọng-kiến, hễ hai món ấy phát-sanh hoặc nghiệp ở chỗ nào thì thọ báo ở chỗ ấy. Thế nào là hai vọng-kiến?</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vọng-kiến biệt-nghiệp của chúng-sanh. Biệt-nghiệp (別業): nghiệp riêng. Phản-nghĩa với Cộng-nghiệp (nghiệp chung). 2. Vọng-kiến đồng-phận của chúng-sanh. Vọng-kiến đồng-phận: chúng-sanh mê mất Chơn-Tánh, cùng chịu sương khổ ở mọi cảnh hư-vọng.

<p>云何名為別業妄見。</p> <p>阿難如世間人目有赤眚夜見燈光。別有圓影五色重疊。於意云何此夜燈明所現圓光。為是燈色為當見色。</p> <p>阿難此若燈色則非眚人何不同見。而此圓影唯眚之觀。若是見色見已成色。則彼眚人見圓影者名為何等。</p> <p>復次阿難若此圓影離燈別有。則合傍觀屏帳几筵有圓影出。離見別有應非眼矚。云何眚人目見圓影。是故當知色實在燈見病為影。影見俱眚見眚非病。終不應言是燈是見。於是中有非燈非見。如第二月非體非影。何以故第二之觀搃所成故。諸有智者不應說言此搃根元。是形非形離見非見。此亦如是目眚所成。今欲名誰是燈是見。何況分別非燈非見。</p>	
<p>50. Vân hà danh vi biệt-nghiệp vọng-kiến?</p> <p>(_ Thế nào gọi là nhận-thức sai lầm nghiệp riêng?)</p>	<p>50. Thế nào là vọng-kiến biệt-nghiệp?</p>
<p>_ A-Nan! Như thế-gian nhân, mục hưu xích sảnh, dạ kiến đăng quang, biệt hưu viên ảnh, ngũ sắc trùng điệp.</p>	<p>_ A-Nan! Như người thế-gian có mắt nhăm đở, ban đêm trông thấy ngọn đèn có bóng tròn năm sắc bao phủ.</p>

<p>(_ A-Nan! Như người thế-gian, con mắt bị bệnh lòa, thì ban đêm trông ngọn đèn, riêng có thấy bóng tròn ngũ sắc bao phủ.)</p>	<p>_ Ủ ý vân hà? Thủ dạ đăng minh, sở hiện viên quang, vi thị đăng sắc, vi đương kiến sắc?</p> <p>(_ Ý ông nghĩ sao? Cái bóng tròn hiện ra nơi ngọn đèn, đó là sắc của ngọn đèn, hay là sắc của cái thấy?)</p>
<p>_ A-Nan! Thủ nhược đăng sắc, tắc phi sảnh nhân, hà bất đồng kiến, nhi thủ viên ảnh, duy sảnh chi quan?</p> <p>(_ A-Nan! Nếu như là cái sắc của ngọn đèn, thì sao những người không lòa lại không cùng thấy, mà chỉ có người lòa mới thấy bóng tròn.)</p> <p>_ Nhược thị kiến sắc, kiến dĩ thành sắc, tắc bỉ sảnh nhân, kiến viên ảnh giả, danh vi hà đăng?</p> <p>(_ Nếu như là sắc của cái thấy, thì cái thấy đã thành sắc rồi, còn cái người lòa kia thấy được bóng tròn thì gọi là gì?)</p>	<p>_ A-Nan! Nếu nói bóng tròn là sắc của đèn thì tại sao người không mắc bệnh nhặt lại không thấy, mà chỉ có người bị bệnh nhặt mới thấy như vậy?</p> <p>_ Nếu nói bóng tròn là sắc của tánh thấy thì tánh thấy hóa thành sắc, như vậy bóng tròn của người bệnh nhặt gọi là gì?</p>
<p>_ Phục thứ A-Nan! Nhược thử viên ảnh, ly đăng biệt hữu, tắc hiệp bang quan, bình trường kỷ diên, hữu viên ảnh xuất?</p> <p>(_ Lại nữa, A-Nan! Nếu cái bóng tròn kia ngoài ngọn đèn, riêng mình tự có, thì lẽ ra khi trông qua bình-phong, bức màn, bàn trà, ghế ngồi, đều có bóng tròn hiện ra.)</p> <p>_ Ly kiến biệt hữu, ưng phi nhãm chúc, vân hà sảnh nhân, mục kiến viên ảnh?</p> <p>(_ Còn nếu ngoài cái thấy, bóng tròn, riêng mình tự có, thì lẽ ra không thể thấy được, làm sao người lòa lại thấy bóng tròn.)</p>	<p>_ A-Nan! Lại nếu bóng tròn là đèn mà riêng có, thì bốn khía cạnh có những bình-phong, trường, bàn ghế đều hiện ra bóng tròn hay sao?</p> <p>_ Nếu bóng tròn là tánh thấy mà riêng có thì không cần mắt cũng thấy được, tại sao chỉ mắt nhặt mới thấy bóng tròn?</p>
<p>_ Thị cố đương tri, sắc thật tại đăng, kiến bệnh vi ảnh. Ảnh kiến cu sảnh. Kiến sảnh phi bệnh.</p> <p>(_ Vậy nên biết rằng: Sắc thật ở nơi ngọn đèn, cái thấy bị bệnh làm ra có bóng tròn. Cả cái bóng tròn và</p>	<p>_ A-Nan! Bóng tròn không phải ở nơi đèn và tánh thấy mà sanh, cũng không phải là đèn và tánh thấy mà có, vậy bóng tròn do chỗ nào hiện ra?</p> <p>_ Vì cớ ấy, phải biết: đèn chỉ có ánh sáng chớ không có bóng tròn. Bởi mắt nhặt mới sanh ra bóng tròn, chớ đèn và tánh thấy không quan-hệ chi cả.</p>

<p>cái thấy bóng tròn đều là bệnh lòa. Nhận thấy được bệnh lòa thì cái nhận thấy đó không phải là bệnh.)</p> <p>_ Chung bất ưng ngôn, thị đăng, thị kiến, ư thị trung hữu, phi đăng, phi kiến.</p> <p>(_ Rốt cuộc không nên nói rằng bóng tròn là ngọn đèn hay là cái thấy, trong đó còn có bệnh lòa không phải ngọn đèn, không phải cái thấy.)</p>	<p>_ Các ông đừng nói bóng tròn phát khởi do đèn hay tánh thấy, hoặc chẳng phải đèn, chẳng phải tánh thấy.</p>
<p>_ Như đệ-nhị nguyệt, phi thể, phi ảnh. Hà dĩ cố?</p> <p>(_ Ví như mặt trăng thứ hai, không phải thật-thể mặt trăng, và cũng không phải là cái bóng của mặt trăng. Vì sao?)</p> <p>_ Đệ-nhị chi quan, niết sở thành cố.</p> <p>(_ Vì thấy có mặt trăng thứ hai là do dụi mắt mà thành ra vậy.)</p>	<p>_ Ví như mặt trăng thứ hai không phải là thể hoặc bóng của mặt trăng thiệt. Vì cớ sao?</p> <p>_ Vì mặt trăng thứ hai do dụi mắt mà có, chứ không thiệt có.</p>
<p>_ Chư hữu trí giả, bất ưng thuyết ngôn, thủ niết căn-nguyên, thị hình phi hình, ly kiến phi kiến.</p> <p>(_ Các người có trí, không nên bảo rằng mặt trăng dụi mắt mà thành ra đó, là hình-tương hay không phải hình-tương, là ra ngoài cái thấy hay không ra ngoài cái thấy.)</p> <p>_ Thủ diệc như-thị, mục sảnh sở thành, kim dục danh thùy, thị đăng thị kiến, hà huống phân-biệt, phi đăng phi kiến.</p> <p>(_ Bóng tròn cũng như vậy, nó do bệnh lòa mắt mà thành; nay dầu muốn gọi cái gì là ngọn đèn hay là cái thấy cũng không được, huống nữa còn phân-biệt là không phải ngọn đèn hay không phải là cái thấy.)</p>	<p>_ Các ông có trí-tuệ không nên nói đó là hình mặt trăng hay chẳng phải hình mặt trăng, cũng không nên nói ly tánh thấy hoặc chẳng phải ly tánh thấy mà có.</p> <p>_ Đã quyết-định bóng tròn sanh ra do mắt có bệnh nhầm thì còn nói chi là đèn, là tánh thấy, hoặc chẳng phải đèn, chẳng phải tánh thấy.</p>
	<p>_ Đó là nghĩa vọng-kiến biệt-nghiệp.</p>

云何名為同分妄見。阿難此閻浮提除大海水。中間平陸有三千洲。正中大洲東西括量。大國凡有二千三百。其餘小洲在諸海中。其間或有三兩百國。或一或二至于三十四五十。阿難若復此中有一小洲只有兩國。唯一國人同感惡緣。則彼小洲當土眾生。覩諸一切不祥境界。或見二日或見兩月。其中乃至暈蝕珮玦彗勃飛流。負耳虹蜺種種惡相。但此國見彼國眾生。本所不見亦復不聞。

51. Vân hà danh vi đồng-phận vọng-kiến?

(_ Thế nào gọi là nhận-thức sai lầm nghiệp chung?)

51. Thế nào là vọng-kiến đồng-phận?

<p>_ A-Nan! Thủ Diêm-phù-đề, trừ đại-hải thùy, trung gian bình lục, hữu tam thiên châu, chánh trung đại châu, đông tây quát lượng, đại quốc phàm hữu, nhị thiên tam bá.</p> <p>(_ A-Nan! Cõi Diêm-phù-đề này, trừ nước biển cả ra, trong đó đất bằng có 3.000 châu, châu lớn chính giữa, bao quát từ Đông sang Tây, có đến 2.300 nước lớn.)</p> <p>_ Kỳ-dư tiểu châu, tại chư hải trung, kỳ gian hoặc hữu, tam lưỡng bá quốc, hoặc nhứt hoặc nhị, chí vu tam thập, tứ thập, ngũ thập.</p> <p>(_ Còn các châu nhỏ khác ở trong các biển, trong đó có châu đến 200, 300 nước, hoặc có một chục, hai chục, cho đến 30, 40, 50 nước.)</p>	<p>_ A-Nan! Ở cõi Diêm-phù-đề này, trừ đại-hải ra, phần đất bình-nguyên có 3.000 châu, ở giữa là đại-châu bao-quát từ Đông sang Tây có 2.300 đại-quốc.</p> <p>_ Kỳ-dư (Ngoài ra) các châu nhỏ ở giữa các biển có hoặc 200 nước hoặc 300 nước, hoặc 10 nước hoặc 20 nước cho đến 30, 40, 50 nước.</p>
<p>_ A-Nan! Nhược phục thử trung, hữu nhứt tiểu châu, chỉ hữu lưỡng quốc, duy-nhứt quốc nhân đồng-cảm ác-duyên, tắc bị tiểu châu, đương độ chúng-sanh, đổ chư nhứt-thiết, bất-tường cảnh-giới:</p> <p>(_ A-Nan! Nếu ở trong đó có một châu nhỏ, chỉ có hai nước, mà riêng người trong một nước đồng-cảm ác-duyên, thì chúng-sanh trong nước đó thấy tất cả những cảnh-giới không tốt:</p> <p>_ Hoặc kiến nhị nhụt, hoặc kiến lưỡng nguyệt, kỳ trung nai chí, vựng, thích, bội, quyết, tuệ, bột, phi, lưu, phụ-nhĩ, hồng (/nghê), hiện chủng chủng ác-tướng; đán thử quốc kiến, bỉ quốc chúng-sanh, bốn sở bất kiến, diệc phục bất văn.</p> <p>- hoặc thấy hai mặt trời, hoặc thấy hai mặt trăng, cho đến thấy nhiều ác-tướng khác như: vựng, thích, bội, quyết, tuệ, bột, phi, lưu, phụ-nhĩ, hồng-nghê; chỉ nước đó thấy, còn chúng-sanh nước bên kia, thì vốn không thấy và cũng không nghe.)</p>	<p>_ Giữa các châu nhỏ, có một châu gồm hai nước chung nhau, chúng-sanh ở cảnh-giới ấy đồng-cảm một thứ ác-duyên, nên gặp nhiều điều bất-tường, thấy nhiều hình-tượng không lành như:</p> <p>_ Quầng đỏ xung quanh nhụt-nguyệt, nhụt-thực nguyệt-thực, các bớt đen ở nhụt-nguyệt, sao phuơng, sao chổi, sao băng, móng nổi, hắc-kí ám nhụt-nguyệt, có khi ngày đêm không thấy nhụt-nguyệt, nhiều thứ ác-tướng biến-hiện; nhưng chỉ có chúng-sanh ở nước ấy nghe thấy mà thôi, chớ chúng-sanh ở các nước khác không nghe thấy như vậy.</p> <p>Ác-tướng: hiện-tượng xấu, không lành.</p>
	<p>_ Đó là nghĩa vọng-kiến đồng-phận.</p>

阿難吾今為汝。以此二事進退合明。阿難如彼眾生別業妄見。
。矚燈光中所現圓影雖現似境。終彼見者目眚所成。眚即見勞非色
所造。然見眚者終無見咎。例汝今日以目觀見山河國土及諸眾生。
皆是無始見病所成。見與見緣似現前境。元我覺明見所緣眚。覺見

即眚本覺明心。覺緣非眚覺所覺眚。覺非眚中此實見見。云何復名覺聞知見。是故汝今見我及汝并諸世間。十類眾生皆即見眚。非見眚者彼見真精。性非眚者故不名見。

52. A-Nan! Ngô kiêm vị nhữ, dĩ thử nhị sự, tấn thối hiệp minh.

(_ A-Nan! Ta nay đem hai việc đó, tới lui kết-hợp mà chỉ rõ.)

_ A-Nan! Như bỉ chúng-sanh, biệt-nghịệp vọng-kiến, chúc đăng quang trung, sở hiện viên ảnh, tuy hiện tự cảnh, chung bỉ kiến giả, mục sảnh sở thành.

(_ A-Nan! Như cái nhận-thức sai lầm nghiệp riêng của chúng-sanh kia, thấy nơi ngọn đèn hiện ra bóng tròn, tuy giống như tiền-cảnh, nhưng rốt cuộc là do bệnh lòa của người ấy tạo thành.)

_ Sảnh tức kiến lao, phi sắc sở tạo, nhiên kiến sảnh giả, chung vô kiến cữu.

(_ Lòa là bệnh của cái thấy, không phải do sắc-tương tạo ra; song người nhận thấy được bệnh lòa vẫn không có lỗi lầm gì về cái thấy cả.)

_ Lê nhữ kim nhựt, dĩ mục quan kiến, sơn-hà quốc-độ, cập chư chúng-sanh, giai thị vô-thỉ, kiến bệnh sở thành.

(_ So sánh với hiện nay, ông dùng con mắt xem thấy núi sông, cõi nước và các chúng-sanh, đều do bệnh thấy vô-thỉ tạo thành.)

_ Kiến dữ kiến duyên tự hiện-tiền cảnh, nguyên ngã giác minh, kiến sở duyên sảnh, giác kiến tức sảnh, bốn-giác minh-tâm.

(_ Cái thấy và cái bị thấy duyên nhau, hình như hiện ra tiền-cảnh, thật chất vốn là bệnh lòa, năng-kiến sở kiến của tâm-tánh mà thôi.)

_ Giác duyên phi sảnh, giác sở giác sảnh. Giác phi sảnh trung, thử thật kiến kiến.

(_ Giác-ngộ rằng thấy như thế tức là bệnh lòa, thì cái tâm giác-ngộ đó nhận-thức không lòa. Giác-ngộ thấy

52. A-Nan! Nay Ta vì ông, lấy hai vọng-kiến tiến-thối so sánh cho minh-bạch.

_ A-Nan! Như vọng-kiến biệt-nghịệp của chúng-sanh, thấy nơi ánh sáng đèn hiện ra bóng tròn, tuy hình như có tiền-cảnh, nhưng tánh thấy ấy vốn là do mắt bị bệnh nhầm sanh ra.

Tiền cảnh: cảnh trước mắt.

_ Vì bệnh mắt nhầm vọng-phát tướng lao, chớ không phải sắc-trần sở-tạo, nhưng tánh thấy do bệnh mắt ấy tức là bệnh thấy, không có lỗi vọng-kiến.

_ Lấy đó so sánh thì hiện-tiền ông thấy núi sông, quốc-độ và chúng-sanh là do bệnh thấy từ vô-thỉ nhẫn nay tạo ra.

_ Tánh thấy của ông là căn, các sở-duyên của ông thấy là cảnh. Tuy căn và cảnh hình như có, nhưng thật ra không có, vì kiến và tướng vốn là thể của Bốn-giác Minh-Tâm của ông.

_ Vọng-giác, vọng-kiến đồng với bệnh nhầm mắt. Chỉ có chơn-giác, chơn-kiến không phải là bệnh nhầm mắt. Thế nên chơn-kiến thấy vọng-kiến, chơn-kiến không phải là vọng-kiến.

<p>như thế là bệnh lòa, thì cái giác-ngộ đó không phải trong phạm-vi bệnh lòa; đó thật là nhận thấy tánh thấy.)</p> <p>_ Văn hà phục danh giác văn tri kiến? (_ Sao còn gọi là thấy, nghe, hay, biết.)</p>	<p>_ Như vậy làm sao còn gọi là kiến-văn giác-tri?</p>
<p>_ Thị cố nhữ kim, kiến ngã cập nhữ, tinh chư thế-gian, thập loại chúng-sanh, giai tức kiến sảnh, phi kiến sảnh giả. (_ Vậy nên nay ông thấy tôi cùng ông và thập loại chúng-sanh trong thế-gian, đều là thấy lòa, chớ không phải là thấy được cái bị bệnh lòa.)</p> <p>_ Bỉ kiến chơn tinh, tánh phi sảnh giả, cố bất danh kiến. (_ Cái tánh thấy chơn-thật kia, vốn ra ngoài bệnh lòa, cho nên không gọi là cái thấy.)</p>	<p>_ A-Nan! Vì cớ ấy, nay ông thấy ông, thấy Như-Lai và thập loại chúng-sanh ở thế-gian, tánh thấy đó có năng có sở là tánh thấy trong mắt bệnh, chớ không phải tánh thấy soi được bệnh.</p> <p>_ Tánh thấy soi được bệnh, gốc không nhiễm các sắc-tướng thế-gian, chẳng được gọi là tánh thấy trong mắt bệnh.</p>

阿難如彼眾生同分妄見。例彼妄見別業一人。一病目人同彼一國。彼見圓影眚妄所生。此眾同分所現不祥。同見業中瘴惡所起。俱是無始見妄所生。例閻浮提三千洲中。兼四大海娑婆世界。并洎十方諸有漏國及諸眾生。同是覺明無漏妙心。見聞覺知虛妄病緣。和合妄生和合妄死。若能遠離諸和合緣及不和合。則復滅除諸生死因。圓滿菩提不生滅性。清淨本心本覺常住。

53. A-Nan! Như bỉ chúng-sanh, đồng-phận vọng-kiến, lệ bỉ vọng-kiến, biệt-nghịệp nhứt nhân, nhứt bệnh mục nhân, đồng bỉ nhứt quốc.

(_ A-Nan! Như lấy nhận-thức sai lầm nghiệp chung kia của chúng-sanh, so với nhận-thức sai lầm nghiệp riêng của một người, thì một người đau mắt cũng đồng như cả một nước kia.)

_ Bỉ kiến viễn ánh, sảnh vọng sở sanh, thử chúng đồng-phận, sở kiến bất-tưởng, đồng kiến nghiệp trung, chướng ác sở khởi, cu thị vô-thi, kiến vọng sở sanh.

(_ Người đau mắt thấy bóng tròn là do bệnh lòa giả dối sanh ra, còn trong một nước kia, hiện ra các thứ không tốt là do ác-duyên nghiệp chung của chúng-sanh tạo nên; cả hai đều do nhận-thức sai lầm vô-thi giả dối sanh ra.)

53. A-Nan! Như chúng-sanh đồng-phận vọng-kiến so sánh với một người biệt-nghịệp vọng-kiến thì người bị bệnh mắt nhăm vì hư-vọng mà thấy bóng tròn giống như chúng-sanh đồng-phận vọng-kiến trong nước có ác-tướng kia, vì đồng-phận gây ác-nghịệp mà thấy các ác-tướng, chớ sở-do là bệnh vọng-kiến tạo thành từ vô-thi.

<p>_ Lê Diêm-phù-đề, tam thiên châu trung, kiêm tứ đại-hải, Ta-bà thế-giới, tinh ky thập phuong, chư hữu-lâu quốc, cập chư chúng-sanh, đồng thị giác-minh, vô-lâu diệu-tâm.</p> <p>(_ Tỷ-lệ với 3.000 châu, với bốn biển lớn trong cõi Diêm-phù-đỀ, với thế-giới Ta-bà, cho đến các nước hữu-lâu và các chúng-sanh trong mười phuong, đồng là nơi tâm-tánh nhiệm mầu sáng suốt.)</p> <p>_ Kiến văn giác tri, hư-vọng bệnh duyên, tri hiệp vọng-sanh, hòa hiệp vọng-tử.</p> <p>(_ Các bệnh duyên thấy, nghe, hay, biết, sai lầm, hòa-hợp giả đổi sanh ra, hòa-hợp giả đổi diệt mất.)</p> <p>_ Nhược năng viễn ly, chư hòa hiệp duyên, cập bất hòa hiệp, tắc phục diệt trừ, chư sanh-tử nhân, viên-mãn Bồ-ĐỀ, bất sanh-diệt tánh, thanh-tịnh Bổn-Tâm, Bổn-Giác thường-trụ.</p> <p>(_ Nếu xa rời được các bệnh duyên hòa-hợp và không hòa-hợp, thì cũng diệt trừ được các nguyên-nhân chết sống, đầy đủ tánh Bồ-ĐỀ không sanh-diệt, Bổn-Tâm thanh-tịnh, Bổn-Giác thường-an trụ.)</p>	<p>_ Ví như cõi Diêm-phù-đỀ có 3.000 châu, 4 đại-hải, thế-giới Ta-bà, cho tới các thập phuong quốc-độ hữu-lâu và tất cả chúng-sanh, gốc đồng tâm giác-ngộ, huyền-diệu, sáng suốt, vô-lâu.</p> <p>Huyền-diệu (玄妙): sâu kín và mầu-nhiêm/ tinh-thông/ hay lạ. Từ tôn xưng sự cảm-ứng của Phật, Thánh, Tiên.</p> <p>_ Nhưng vì một niệm bất-giác lúc tối sơ mà có hoặc vô-minh. Do hoặc này mà có kiến văn giác tri, do bốn món này mà tạo vọng-nghiệp và nghiệp này phát-sanh các thứ tập-khí hư-vọng, bệnh-duyên giả đổi, hòa-hiệp thì vọng-sanh, bất hòa-hiệp thì vọng-tử.</p> <p>_ Nếu dùng pháp-môn vi-mật quán-chiếu mà xa lìa các bệnh-duyên hòa-hiệp và bất hòa-hiệp, tất diệt trừ cội gốc sanh-tử, viên-mãn Bồ-ĐỀ tánh bất sanh-diệt, Bổn-Tâm thanh-tịnh, Bổn-Giác thường-trụ.</p> <p>Quán-chiếu (觀照): lấy trí-tuệ mà soi sáng sự-lý, chiếu-kiến sự-lý.</p>
---	---

阿難汝雖先悟本覺妙明。性非因緣非自然性。而猶未明如是覺元。非和合生及不和合。阿難吾今復以前塵問汝。汝今猶以一切世間。妄想和合諸因緣性。而自疑惑。證菩提心和合起者。則汝今者妙淨見精。為與明和為與闇和。為與通和為與塞和。若明和者且汝觀明。當明現前何處雜見。見相可辨雜何形像。若非見者云何見明。若即見者云何見見。必見圓滿何處和明。若明圓滿不合見和。見必異明雜則失彼性明名字。雜失明性和明非義。彼暗與通及諸群塞亦復如是。

54. A-Nan! Nhữ tuy tiên ngộ, bốn giác diệu minh, tánh phi nhân-duyên, phi tự-nhiên tánh, nhi du vị minh, như-thì giác-nghuyên, phi hòa-hiệp sanh, cập bất hòa-hiệp.

(_ A-Nan! Ông tuy đã ngộ tâm-tánh nhiệm mầu sáng suốt, vốn không phải nhân-duyên, không phải tự-nhiên, nhưng còn chưa rõ tâm-tánh như vậy, không

54. Như ông tuy đã ngộ tánh bốn-giác diệu-minh chẳng phải nhân-duyên hay tự-nhiên, nhưng ông chưa ngộ lý giác-nghuyên, chẳng phải hòa-hiệp hoặc bất hòa-hiệp mà sanh.

Giác-nghuyên: bốn-giác nguyên-thủy.

<p>phải hòa-hợp mà sanh, cũng không phải không hòa-hợp.)</p>	
<p>_ A-Nan! Ngô kim phục dĩ, tiền-trần vấn nhữ.</p> <p>_ Nhữ kim du dĩ, nhứt-thiết thế-gian, vọng-tưởng hòa-hiệp, chư nhân-duyên tánh, nhi tự nghi-hoặc, chứng Bồ-Đề Tâm, hòa-hiệp khởi giả.</p> <p>(_ Ông còn đem tất cả những tánh nhân-duyên hòa-hợp của tư-tưởng sai lầm thế-gian, mà tự nghi ngờ rằng chứng Tâm Bồ-Đề cũng do hòa-hợp mà phát khởi.)</p>	<p>_ A-Nan! Nay Ta lại lấy chõ tiền-trần mà hỏi ông:</p> <p>_ Nếu hiện giờ ông lấy tánh nhân-duyên hòa-hiệp theo các vọng-tưởng thế-gian mà tự mình lầm lạc và nghi ngờ tâm chứng Bồ-Đề cũng do hòa-hiệp mà sanh.</p>
<p>_ Tắc nhữ kim giả, diệu-tịnh kiến-tinh, vi dữ minh hòa, vi dữ ám hòa, vi dữ thông hòa, vi dữ tắc hòa?</p> <p>(_ Thì hiện nay, cái thấy của ông lại là hòa với cái sáng, hòa với cái tối, hòa với cái thông suốt, hay hòa với cái ngăn bít?)</p> <p>_ Nhược minh hòa giả, thả nhữ quan minh, đương minh hiện-tiền, hà xứ tạp kiến.</p> <p>(_ Nếu hòa với cái sáng thì ông đang thấy sáng, cái sáng hiện đó, vậy chõ nào xen lộn với cái thấy?)</p>	<p>_ Như vậy tánh thấy diệu-tịnh của ông hòa với tướng sáng, hoặc tướng tối, hoặc chõ trống không, hoặc chõ ngăn trở?</p> <p>_ Nếu tánh thấy diệu-tịnh hòa với tướng sáng thì hiện-tiền khi ông thấy sáng, tánh thấy ấy xen vào chõ nào?</p>
<p>_ Kiến tướng khả biện, tạp hà hình-tượng?</p> <p>(_ Cái thấy cái sáng có thể nhận rõ, còn hình-trạng xen lộn thì như thế nào?)</p> <p>_ Nhược phi kiến giả, vân hà kiến minh?</p> <p>(_ Nếu cái sáng ra ngoài cái thấy, thì làm sao thấy được sáng?)</p>	<p>_ Nếu phân-tách tánh thấy và tướng sáng ra làm hai thứ riêng biệt thì có thể biết rõ ràng, nhưng nếu tánh thấy xen với tướng sáng thì trong khi xen nhau, hình-tượng thế nào?</p> <p>_ Nếu tướng sáng không phải là tánh thấy thì làm sao thấy sáng?</p>
<p>_ Nhược tức kiến giả, vân hà kiến kiến?</p> <p>(_ Còn nếu cái sáng tức là cái thấy, thì làm sao lại thấy được cái thấy?)</p> <p>_ Tất kiến viên-mãن, hà xứ hòa minh?</p> <p>(_ Như cái thấy cùng khấp, thì còn chõ nào hòa được với cái sáng?)</p> <p>_ Nhược minh viên-mãn, bất hiệp kiến hòa.</p>	<p>_ Nếu tướng sáng là tánh thấy thì làm sao thấy được chõ thấy?</p> <p>_ Lại nếu tánh thấy viên-mãn, thì còn chõ nào hòa với tướng sáng?</p> <p>_ Nếu tướng sáng viên-mãn thì còn chõ nào hòa với tánh thấy?</p>

(_ Còn như cái sáng cùng khắp, thì lẽ ra không hòa được với cái thấy?)	
	_ Tánh thấy thuộc tâm, tướng sáng thuộc cảnh.
<p>_ Kiến tất dị minh, tạp tặc thất bỉ, tánh minh danh tự. Tạp thất minh tánh, hòa minh phi nghĩa.</p> <p>(_ Cái thấy đã khác với cái sáng, thì khi xen lộn vào, tất phải làm mất tánh cách của cái sáng. Cái thấy xen vào, làm mất tánh cách cái sáng, mà nói hòa với cái sáng là không đúng nghĩa.)</p> <p>_ Bỉ ám dữ thông, cập chư quần tặc, diệc phục như-thị.</p> <p>(_ Đối với cái tối, cái thông suốt và cái ngăn bí thì cũng như vậy.)</p>	<p>_ Nếu hai thứ hòa nhau thì tánh thấy bị tướng sáng xen vào, không còn gọi là thấy, tướng sáng bị tánh thấy xen vào, không còn gọi là sáng. Đó là chứng tỏ: Nếu hai thứ hòa nhau thì cả hai đều mất tánh-cách.</p> <p>_ Khi đã hiểu tánh thấy không hòa được với tướng sáng, thì biết tánh thấy cũng không hòa được với các tướng khác như: tối, trống không, ngăn trở.</p>

復次阿難又汝今者妙淨見精。為與明合為與暗合。為與通合為與塞合。若明合者至於暗時明相已滅。此見即不與諸暗合云何見暗。若見暗時不與暗合。與明合者應非見明。既不見明云何明合。了明非暗彼暗與通。及諸群塞亦復如是。

55. Phục thứ A-Nan! Hữu nhữ kim giả, diệu-tịnh kiến-tinh, vi dữ minh hiệp, vi dữ ám hiệp, vi dữ thông hiệp, vi dữ tặc hiệp?	55. A-Nan! Lại như vầy nữa: Tánh thấy diệu-tịnh của ông hiệp với tướng sáng, hoặc tối, hoặc trống không, hoặc ngăn trở?
<p>(_ Lại nữa, A-Nan! Hiện nay cái thấy nhiệm mầu sáng suốt của ông lại là hợp với cái sáng, hợp với cái tối, hợp với cái thông suốt, hay hợp với cái ngăn bí?)</p> <p>_ Nhược minh hiệp giả, chí ư ám thời, minh tướng dĩ diệt, thử kiến tức bất, dữ chư ám hiệp, vân hà kiến ám?</p> <p>(_ Nếu hợp với cái sáng thì đến khi tối, cái sáng đã mất rồi, cái thấy đó đã không hợp với cái tối, làm sao thấy được cái tối?)</p> <p>_ Nhược kiến ám thời, bất dữ ám hiệp, dữ minh hiệp giả, ưng phi kiến minh. Ký bất kiến minh, vân hà minh hiệp? Liễu minh phi ám.</p> <p>(_ Nếu khi thấy tối mà không hợp với cái tối, thì lẽ ra khi hợp với cái sáng, không thấy được cái sáng. Mà đã không thấy được sáng, thì làm sao hợp với cái</p>	<p>_ Nếu nói tánh thấy hiệp với tướng sáng thì đến khi tối, tướng sáng đã diệt rồi, tánh thấy cũng theo tướng sáng mà diệt luôn.</p> <p>_ Tánh thấy cũng không thể hiệp với tướng tối, vì không làm sao thấy được tướng tối. Khi tánh thấy không hiệp với tướng tối thì nếu hiệp với tướng sáng, cũng không thể thấy được tướng sáng. Nếu không thể thấy được tướng sáng thì làm sao hiệp với tướng sáng?</p>

<p>sáng, và rõ biết cái sáng không phải là tối.)</p> <p>_ Bỉ ám dữ thông, cập chư quần tặc, diệc phục như-thị.</p> <p>(_ Đối với cái tối, cái thông suốt, cái ngăn bít thì cũng như vậy.)</p>	<p>_ Như vậy tánh thấy không thể hiệp được với tướng sáng, cho đến với các tướng: tối, trống không, ngăn trở, cũng bất-thành.</p>
---	---

阿難白佛言世尊。如我思惟此妙覺元。與諸緣塵及心念慮非和合耶。

56. A-Nan bạch Phật ngôn:

_ Thế-Tôn! Như ngã tư-duy, thử diệu giác nguyên, dữ chư duyên-trần, cập tâm niệm lự, phi hòa-hiệp da?

(_ Thưa Thế-Tôn! Như chõ tôi suy nghĩ, cái tâm-tánh ấy đối với các trần-cảnh và các tâm-niệm nhớ nghĩ, không hòa-hợp chăng?)

56. Ngài A-Nan bạch Phật:

_ Bạch Đức Thế-Tôn! Theo tôi suy nghiệm, tánh thấy giác-nguyên mâu-nhiệm đối với các duyên-trần và lòng lo nghĩ chắc không hòa-hiệp?

佛言汝今又言覺非和合。吾復問汝此妙見精非和合者。為非明和為非暗和。為非通和為非塞和。若非明和則見與明必有邊畔。汝且諦觀何處是明何處是見。在見在明自何為畔。阿難若明際中必無見者則不相及。自不知其明相所在。畔云何成。彼暗與通及諸群塞亦復如是。

57. Phật ngôn:

_ Nhữ kim hựu ngôn, giác phi hòa hiệp, ngô phục vấn nhữ.

(_ Nay ông lại nói tâm-tánh không hòa-hợp thì tôi lại hỏi ông:)

_ Thủ diệu kiến tinh, phi hòa hiệp giả, vi phi minh hòa, vi phi ám hòa, vi phi thông hòa, vi phi tắc hòa?

(_ Cái tánh thấy gọi là không hòa-hợp đó, lại là không hòa với cái sáng, không hòa với cái tối, không hòa với cái thông suốt, hay không hòa với cái ngăn bít?)

_ Nhược phi minh hòa, tắc kiến dữ minh, tất hữu biên bạn.

(_ Nếu không hòa với cái sáng, thì giữa cái thấy và cái sáng phải có ranh giới.)

_ Nhữ thả đê quan, hà xứ thị minh, hà

57. Đức Phật dạy:

_ Như ông vừa nói, tánh thấy giác-nguyên mâu-nhiệm không hòa-hiệp thì Ta lại hỏi ông:

_ Tánh thấy ấy không hòa với tướng sáng, hoặc tối, hoặc trống không, hoặc ngăn trở?

_ Nếu tánh thấy ấy không hòa với tướng sáng thì hai món ấy phải có giới-hạn.

_ Ông hãy nghiệm xét chõ nào là tánh

<p>xứ thị kiến. Tại kiến tại minh tự hà vi bạn?</p> <p>(_ Ông nay hãy xét cho kỹ: Chỗ nào là cái sáng, chỗ nào là cái thấy. Nơi cái thấy và nơi cái sáng, thì lấy từ đâu làm ranh giới?)</p> <p>_ A-Nan! Như ợc minh tế trung, tất vô kiến giả, tặc bất tương-cập, tự bất tri kỵ, minh tương sở tại, bạn vân hà thành?</p> <p>(_ A-Nan! Nếu bên cái sáng, chắc không có cái thấy, thì hai cái không đến với nhau, cái thấy tự-nhiên không biết được cái sáng ở đâu, làm sao mà thành-lập được ranh giới?)</p> <p>_ Bỉ ám dữ thông, cập chư quần tặc, diệc phục như-thị.</p> <p>(_ Đối với cái tối, cái thông suốt, cái ngăn bít thì cũng như vậy.)</p>	<p>thấy, chỗ nào là tướng sáng, trong hai chỗ, lấy chỗ nào làm giới-hạn?</p> <p>_ A-Nan! Vì hai món ấy không gặp nhau được, nên nếu ở bên tướng sáng thì không có tánh thấy. Tự ông đã chẳng biết tướng sáng ở chỗ nào thì làm sao lập giới-hạn?</p> <p>_ Đó là chứng tỏ tánh thấy không hòa được với tướng sáng, cho tới đối với các tướng: tối, trống không, ngăn trở, cũng đồng nghĩa như vậy.</p>
--	---

又妙見精非和合者。為非明合為非暗合。為非通合為非塞合。
。若非明合則見與明性相乖角。如耳與明了不相觸見。且不知明相所在。云何甄明合非合理。彼暗與通及諸群塞亦復如是。

<p>58. Hựu diệu kiến tinh, phi hòa-hiệp giả, vi phi minh hiệp, vi phi ám hiệp, vi phi thông hiệp, vi phi tặc hiệp?</p> <p>(_ Lại cái thấy, gọi là không hòa-hợp đó, là không hợp với cái sáng, không hợp với cái tối, không hợp với cái thông suốt, hay không hợp với cái ngăn bít?)</p> <p>_ Như ợc phi minh hiệp, tặc kiến dữ minh, tánh tương quai giác.</p> <p>(_ Nếu không hợp với cái sáng, thì cái thấy với cái sáng, tánh trái ngược nhau.)</p> <p>_ Như nhĩ dữ minh, liễu bất tương-xúc.</p> <p>(_ Như cái nghe với cái sáng, không đụng chạm gì với nhau cả.)</p> <p>_ Kiến thả bất tri, minh tương sở tại, vân hà chân minh, hiệp phi hiệp lý?</p> <p>(_ Thế thì, cái thấy còn không biết cái sáng ở đâu, làm sao phát-minh được những lẽ hợp hay không hợp?)</p>	<p>58. Lại như nói tánh thấy giác-nguyên mầu-nhiệm không hiệp, thì không hiệp với tướng sáng, hoặc tối, hoặc trống không, hoặc ngăn trở?</p> <p>_ Tánh thấy và tướng sáng không hiệp nhau được. Nếu hai món ấy không hiệp được thì trái nghịch nhau.</p> <p>_ Cũng như tánh nghe với tướng sáng không can hệ gì với nhau.</p> <p>_ Như thế tánh thấy chẳng biết tướng sáng ở chỗ nào, còn làm sao phát-minh được lý hiệp và không hiệp?</p>
---	--

<p>_ Bỉ ám dữ thông, cặp chư quần tắc diệc phục như-thị.</p> <p>(_ Đối với cái tối, cái thông suốt, cái ngăn bít thì cũng như vậy.)</p>	<p>_ Đó là chứng tỏ tánh thấy không thể hiệp được với tướng sáng, cũng như với các tướng: tối, trống không và ngăn trở.</p>
---	---

59.	59. PHẬT HIỀN-MINH BỐN THỨ: ẤM NHẬP XỨ GIỚI.
<p>阿難汝猶未明一切浮塵諸幻化相。當處出生隨處滅盡幻妄稱相。其性真為妙覺明體。如是乃至五陰六入。從十二處至十八界。因緣和合虛妄有生。因緣別離虛妄名滅。</p> <p>_ A-Nan! Nhữ du vị minh, nhứt-thiết phù-trần, chư huyền-hóa tướng, đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận.</p> <p>(_ A-Nan! Ông còn chưa rõ tất cả các tướng huyền-hóa nơi tiền-trần, chính nơi tâm mà sanh ra, rồi theo nơi tâm mà diệt mất.)</p> <p>_ Huyền vọng xứng tướng, kỳ tánh chơn vi, diệu-giác minh-thể, như-thị nai chí, ngũ-ấm lục-nhập, tùng thập-nhi-xứ, chí thập-bát-giới.</p> <p>(_ Cái huyền-hóa giả dối gọi là tướng, mà cái tánh chánh là tâm-tánh nhiệm mầu sáng suốt, như vậy cho đến 5 ấm, 6 nhập, 12 xứ, và 18 giới.)</p> <p>_ Nhân-duyên hòa-hiệp, hư-vọng hữu sanh, nhân-duyên biệt-ly, hư-vọng danh diệt.</p> <p>(_ Nhân-duyên hòa-hợp giả dối có sanh ra, nhân-duyên chia lìa giả dối gọi là diệt;</p>	<p>Phật bảo ngài A-Nan:</p> <p>_ A-Nan! Ông còn chưa biết tất cả tướng huyền-hóa phù-trần, sanh ra chỗ nào thì tùy theo chỗ ấy mà tiêu-diệt.</p> <p>Phù-trần (浮塵): bụi nổi. Tất cả các pháp hữu-vi đều như bụi nổi, không chơn-thực; nó che lấp mất Chơn-Tánh, nên gọi là phù-trần.</p> <p>_ Các thứ huyền-hóa hư-vọng, là tướng, nhưng tánh vốn là thể giác-ngộ sáng suốt nhiệm-mầu, cho tới ngũ-ấm (19), lục-nhập (20), thập-nhi-xứ (21) và thập-bát-giới (22) cũng như vậy.</p> <p>_ Khi nhân-duyên hòa-hiệp thì hư-vọng phát-sanh và khi nhân-duyên ly-tán thì hư-vọng tiêu-diệt.</p>

<p>殊不能知生滅去來。本如來藏常住妙明。不動周圓妙真如性。性真常中求於去來。迷悟死生了無所得。</p> <p>60. Thủ bất năng tri, sanh diệt, khứ lai, bốn Như-Lai-Tạng, thường-trụ diệu-minh, bất-động châu-viên, diệu Chơn-Như tánh.</p> <p>- mà không biết rằng sanh, diệt, di, lại, đều vốn là tánh Chơn-Như cùng khắp, không lay động, nhiệm mầu sáng suốt, thường-trụ của Như-Lai-Tạng.)</p>	<p>60. A-Nan! Ông chưa biết dầu sanh, dầu diệt, dầu tối, dầu lui, vốn thiêt là tánh Chơn-Như bất-động, huyền-diệu, quang-minh, châu-viên, thường-trụ của Như-Lai-Tạng (23).</p>
--	--

<p>_ Tánh Chơn-Thường trung, cầu ư khứ lai, mê ngô, sanh tử, liễu vô sở đắc.</p> <p>(_ Trong tâm-tánh Chơn-Thường đó, cầu cho ra những cái đi, lại, mê, ngô, sanh, tử, hẳn không thể được.)</p>	<p>_ Khi biết được tánh Chơn-Thường như vậy rồi thì ở trong tánh Chơn-Thường đều có muôn tầm các pháp sanh-tử, mê-ngô, khứ-lai, kết-cuộc cũng không thể được.</p>
---	---

<p>61.</p> <p>阿難云何五陰本如來藏妙真如性。</p>	<p>61. PHẬT HIỀN-MINH NGŨ-ẤM.</p> <p>Đức Phật hỏi ngài A-Nan:</p> <p>_ A-Nan! Năm ấm: sắc thọ tưởng hành thức, vì sao lại nói gốc là tánh Chơn-Như mầu-nhiệm của Như-Lai-Tạng?</p> <p>(_ A-Nan! Làm sao 5 ấm vốn là tánh Chơn-Như mầu-nhiệm của Như-Lai-Tạng?)</p>
--	---

<p>62.</p> <p>阿難譬如有人。以清淨目觀晴明空。唯一精虛迥無所有。其人無故不動目睛。瞪以發勞則於虛空別見狂花。復有一切狂亂非相。色陰當知亦復如是。阿難是諸狂花。非從空來非從目出。</p>	<p>62. HIỀN-MINH SẮC-ẤM.</p> <p>Đức Phật bảo:</p> <p>_ A-Nan! Giả-sử như có người dùng mắt thanh-tịnh trông lên hư-không, chỉ thấy toàn một vẻ trong sáng rỗng suốt, chớ chẳng có vật ngăn ngại.</p>
<p>_ A-Nan! Thí như hữu nhân, dĩ thanh-tịnh mục, quan tình minh không, duy-nhứt tịnh hư, hướng vô sở-hữu.</p> <p>(_ A-Nan! Ví như có người đem con mắt trong sạch, xem hư-không trong sáng, chỉ thấy một hư-không trong sáng, hẳn không thấy gì.)</p> <p>_ Kỳ nhân vô cố, bất-động mục tinh, trừngh dĩ phát lao, tắc ư hư-không, biệt kiến cuồng ba, phục hưu nhứt-thiết, cuồng-loạn phi tưởng.</p> <p>(_ Người kia không lý-do gì, lại bất con mắt không lay động; ngó chầm mãi, phát ra mỏi mệt, thì ở giữa hư-không, riêng thấy có hoa đốm lăng xăng và có tất cả những tưởng giả dối lộn xộn.)</p> <p>_ Sắc-Ấm đương tri, diệc phục như-thị.</p> <p>(_ Nên biết Sắc-Ấm cũng lại như vậy.)</p> <p>_ A-Nan! Thị chư cuồng ba, phi tùng khôngh lai, phi tùng mục xuất.</p>	<p>_ Người ấy chầm chỉ ngó, không nháy mắt, qua một hồi lâu, mắt sanh mỏi mệt thì thấy ở hư-không có nhiều hoa đốm biến-tưởng lăng xăng rộn ràng.</p> <p>_ Nên biết Sắc-Ấm cũng như thế.</p> <p>_ A-Nan! Những hoa đốm biến-tưởng ấy không phải do hư-không hoặc nhãn-căn</p>

(_ A-Nan! Các hoa đốm lăng xăng ấy, không phải từ hư-không mà đến, không phải từ con mắt mà ra.)	mà hiện ra.
--	-------------

<p style="text-align: center;">如是阿難若空來者。既從空來還從空入。若有出入即非虛空。空若非空自不容其花相起滅。如阿難體不容阿難。</p>	
<p>63. Như-thì, A-Nan! Nhược khong lai giả, ký tùng khong lai, hoàn tùng khong nhập, nhược huu xuất nhập, tức phi hư-không.</p> <p>(_ Thật vậy, A-Nan! Nếu từ hư-không mà đến, thì đã từ hư-không mà đến, rồi phải trở vào hư-không; mà đã có ra, có vào, thì không phải là hư-không nữa.)</p> <p>_ Không nhược phi khong, tự bất dung kỳ, ba tướng khởi diệt, như A-Nan thể, bất dung A-Nan.</p> <p>(_ Hư-không nếu lại không phải là hư-không, thì tự nhiên không thể dung nạp hoa đốm sanh diệt trong ấy, như thân-thể ông A-Nan, không dung nạp được một ông A-Nan nữa.)</p>	<p>63. A-Nan! Nếu hoa đốm biến-tướng sanh ra do hư-không, dĩ-nhiên phải trở lại với hư-không. Nếu hư-không có vật-tướng ra vào thì chẳng phải là hư-không mà là hình-thể.</p> <p>_ Đã là hình-thể thì chẳng làm sao dung-nạp được hoa đốm biến-tướng sanh-diệt, cũng như thân-thể của ông A-Nan không thể nào dung nạp được thêm một ông A-Nan nữa.</p>

<p style="text-align: center;">若目出者既從目出還從目入。即此花性從目出故當合有見。若有見者去既花空旋合見眼。若無見者出既翳空旋當翳眼。又見花時目應無翳。云何晴空號清明眼。是故當知色陰虛妄。本非因緣非自然性。</p>	
<p>64. Nhược mục xuất giả, ký tùng mục xuất, hoàn tùng mục nhập.</p> <p>(_ Nếu hoa đốm từ con mắt mà ra, thì đã từ con mắt mà ra, rồi phải trở vào con mắt;</p> <p>_ Tức thử ba tánh, tùng mục xuất cõi, đương hiệp hữu kiến.</p> <p>- lại cái tánh hoa đốm ấy đã từ con mắt mà ra, thì lẽ ra phải có thấy.)</p> <p>_ Nhược hữu kiến giả, khứ ký ba không, triền hiệp kiến nhã.</p> <p>(_ Nếu như có thấy, thì khi di ra, đã làm hoa đốm giữa hư-không, đến khi xoay về, phải thấy được con mắt.)</p> <p>_ Nhược vô kiến giả, xuất ký ế không, triền đương ế nhã.</p>	<p>64. Nếu hoa đốm biến-tướng sanh bởi nhãn-căn, dĩ-nhiên phải trở lại với nhãn-căn.</p> <p>_ Nếu hoa đốm biến-tướng từ nhãn-căn phát ra thì phải có tánh thấy.</p> <p>_ Nếu có tánh thấy thì khi hiện ra làm hoa đốm biến-tướng ở hư-không, đến khi trở về, đáng lý phải thấy nhãn-căn, nhưng cớ sao lại không thấy nhãn-căn?</p> <p>_ Nếu không thấy nhãn-căn thì hoa đốm biến-tướng hiện giữa hư-không đến khi</p>

<p>(_ Nếu không có thấy, thì khi đi ra, đã làm mờ hư-không, đến khi trở về, phải làm mờ con mắt.)</p> <p>_ Hữu kiến ba thời, mục ưng vô ế, vân hà tình không, hiệu thanh-minh nhãnh?</p> <p>(_ Lại như thế, khi thấy hoa dốm, lẽ ra con mắt không mờ, làm sao chỉ khi thấy hư-không trong suốt, thì mới gọi là con mắt trong sáng?)</p> <p>_ Thị cố đương tri, Sắc-ấm hư-vọng, bỗn phi nhân-duyên, phi tự-nhiên tánh.</p> <p>(_ Vậy nên biết rằng, Sắc-ấm là giả dối, vốn không phải tánh nhân-duyên, không phải tánh tự-nhiên.)</p>	<p>trở về, đáng lý phải che tối nhãnh-căn, nhưng cớ sao lại không che tối nhãnh-căn?</p> <p>_ Đó là chứng tỏ mắt thanh-tịnh, dầu có hoa đốm biến-tướng hiện giữa hư-không, cũng là mắt thanh-tịnh, chẳng phải chỉ khi hư-không trong sáng rõ ràng suốt mới gọi là mắt thanh-tịnh.</p> <p>_ Thế theo lý ấy, nên nhận-định: Sắc-ấm luống đối tức là hư-vọng, vốn không phải nhân-duyên hoặc tự-nhiên.</p>
--	---

65.	65. HIỂN-MINH THỌ-ẤM.
<p>阿難譬如有人。手足宴安百骸調適。忽如忘生性無違順。其人無故以二手掌於空相摩。於二手中妄生澁滑冷熱諸相。受陰當知亦復如是。</p> <p>_ A-Nan! Thí như hữu nhân, thủ túc yên an, bá hài điều thích, hốt như vong sanh, tánh vô di thuận, kỳ nhơn vô cố, dĩ nhị thủ chưởng, ư không tương-ma, ư nhị thủ trung, vọng sanh sáp hoạt, lãnh nhiệt chư tướng.</p> <p>(_ A-Nan! Ví như có người tay chân yên ổn, trăm vóc điều-hòa, bỗng như quên mình, không có gì là trái là thuận; người ấy không lý-do gì, lấy hai bàn tay xoa nhau giữa hư-không, thì nơi hai bàn tay giả dối sanh ra những cảm-xúc trơn, rít, lạnh, nóng.)</p> <p>_ Thọ-ấm đương tri, diệc phục như-thị.</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>_ A-Nan! Ví như có người tay chân mạnh khỏe, thân-thể tráng-kiên, quên mình đang sống thung-dung, không thuận không nghịch, bỗng nhiên dùng hai bàn tay xoa lẩn nhau ở hư-không, thì vọng-phát các tướng: trơn, rít, lạnh, nóng.</p> <p>Thung-dung (從容): ung dung, thong dong, thong thả, thảm thoái.</p> <p>_ Nên biết Thọ-ấm cũng như thế.</p>

<p>阿難是諸幻觸。不從空來不從掌出。如是阿難若空來者。既能觸掌何不觸身。不應虛空選擇來觸。若從掌出應非待合。又掌出故。合則掌知離即觸入。臂腕骨髓應亦覺知入時蹤跡。必有覺心知出知入。自有一物身中往來。何待合知要名為觸。是故當知受陰虛妄。本非因緣非自然性。</p> <p>66. A-Nan! Thị chư huyễn xúc, bất tùng không lai, bất tùng chưởng xuất.</p> <p>(_ A-Nan! Các cảm-xúc giả dối kia, không phải từ hư-</p>	<p>66. A-Nan! Các tướng trơn, rít, lạnh, nóng ấy chẳng phải do hư-không hoặc bàn tay mà có.</p>
---	--

<p>không mà đến, không phải từ bàn tay mà ra.)</p> <p>_ Như-thị A-Nan! Nhược không lai giả, ký năng xúc chưởng, hà bất xúc thân, bất ứng hư-không, tuyển trạch lai xúc.</p> <p>(_ Thật vậy, A-Nan! Nếu từ hư-không mà đến, thì đã sanh cảm-xúc nơi bàn tay, sao lại không sanh cảm-xúc nơi thân-thể, không lẽ hư-không lại biết lựa chõ sanh ra cảm-xúc.)</p> <p>_ Nhược tùng chưởng xuất, ứng phi đai hiệp.</p> <p>(_ Nếu như từ bàn tay mà ra, thì lẽ ra không cần hai bàn tay phải hợp lại.)</p> <p>_ Hữu chưởng xuất cố, hiệp tắc chưởng tri, ly tức xúc nhập, ty uyễn cốt-tủy, ứng diệc giác tri, nhập thời tung tích.</p> <p>(_ Lại đã từ bàn tay mà ra, thì khi bàn tay hợp lại, biết có cảm-xúc, đến khi bàn tay rời ra, thì cảm-xúc phải chạy vào và xương tủy cánh tay, lẽ ra phải biết đường vào của cảm-xúc;</p> <p>_ Tất hữu giác tâm, tri xuất, tri nhập, tự hữu nhứt vật, thân trung vãng lai, hà đai hiệp tri, yếu danh vi xúc.</p> <p>- rồi lại phải có tâm hay biết, biết ra, biết vào, và phải có một vật đi lại trong thân, sao lại phải chờ đến hai bàn tay hợp lại mới gọi là cảm-xúc.)</p> <p>_ Thị cố đương tri, Thọ-Ấm hư-vọng, bỗn phi nhân-đuyên, phi tự-nhiên tánh.</p> <p>(_ Vậy nên biết rằng, Thọ-Ấm là giả dối, vốn không phải tánh nhân-đuyên, không phải tánh tự-nhiên.)</p>	<p>_ A-Nan! Nếu các tướng trơn rít lạnh nóng sanh ra do hư-không, thì cảm-xúc được bàn tay, cũng có thể cảm-xúc được thân-thể, không lý nào hư-không lại chỉ lựa bàn tay làm chõ cảm-xúc.</p> <p>_ Nếu các tướng trơn rít lạnh nóng do bàn tay mà có thì lúc nào cũng cảm-xúc được, cần chi đợi khi hai bàn tay xoa lân nhau mới có.</p> <p>_ Lại nếu tự bàn tay sanh ra các tướng trơn rít lạnh nóng thì khi xoa lân nhau biết có cảm-xúc, đến khi xả ra cũng phải có cảm-xúc, cho tới xương tủy ở bàn tay cũng phải biết cảm-xúc ra vào chõ nào, cớ sao lại không biết?</p> <p>_ Giả-sử bàn tay và xương tủy đều biết cảm-xúc khi ra, khi vào, thành ra có một vật-tượng cảm-xúc đi qua, đi lại mãi ở trong thân-thể, cớ sao lại đợi khi hai bàn tay xoa lân nhau mới biết cảm-xúc?</p> <p>_ Thể theo lý ấy, nên nhận định: Thọ-Ấm luống đối tức là hư-vọng, vốn không phải nhân-đuyên hoặc tự-nhiên.</p>
--	---

67.	67. HIỂN-MINH TƯỞNG-ẤM.
<p>阿難譬如有人。談說醋梅口中水出。思踏懸崖足心酸澀。想陰當知亦復如是。</p>	
<p>_ A-Nan! Thí như hữu nhân, đàm thuyết thố mai, khẩu trung thủy xuất, tư đạp huyền nhai, túc tâm toan sáp.</p> <p>(_ A-Nan! Ví như có người, khi nghe nói đến quả mơ chua, thì trong miệng có nước miếng chảy ra; khi nghĩ</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>_ A-Nan! Ví như có người cảm thấy nhiều nước miếng khi nghe nói tới me chua và mỏi chân khi nghe nói tới việc leo dốc núi.</p>

đến đứng trên dốc cao, thì lòng bàn chân ghê rợn.)	<p>_ Tưởng-ấm đương tri, diệc phục như thị.</p>
<p>_ Nên biết Tưởng-ấm cũng như thế.</p>	

阿難如是醋說。不從梅生非從口入。如是阿難若梅生者。梅合自談何待人說。若從口入自合口聞何須待耳。若獨耳聞此水何不耳中而出。想踏懸崖與說相類。是故當知想陰虛妄。本非因緣非自然性。

<p>68. A-Nan! Như-thị tạc (/thổ?) thuyết, bất tùng mai sanh, phi tùng khẩu nhập.</p> <p>(_ A-Nan! Câu chuyện mơ chua như thế, không phải do quả mơ sanh ra, không phải do cái miệng mà vào.)</p> <p>_ Như-thị A-Nan! Như-đọc mai sanh giả, mai hiệp tự đàm, hà đãi nhân thuyết?</p> <p>(_ Thật vậy, A-Nan! Nếu do quả mơ sanh ra, thì quả mơ tự nói lấy, sao phải đợi người ta nói;</p> <p>_ Như-đọc tùng khẩu nhập, tự hiệp khẩu văn, hà tu đãi nhĩ?</p> <p>- nếu do cái miệng mà vào, thì lẽ ra cái miệng tự nghe lấy, cần gì đến lỗ tai;</p> <p>_ Như-đọc độc nhĩ văn, thử thủy hà bất, nhĩ trung nhi xuất?</p> <p>- nếu riêng mình lỗ tai nghe, thì nước miếng kia, sao không từ lỗ tai chảy ra.)</p>	<p>68. A-Nan! Tưởng chua không phải do me hoặc miệng hoặc tai mà có.</p> <p>_ A-Nan! Nếu tưởng chua do me mà có, thì me tự nói được, cần gì đợi người nói.</p> <p>_ Nếu tưởng chua do miệng mà có thì đáng lẽ miệng phải tự nghe, cần gì đợi tai nghe.</p> <p>_ Lại nếu tưởng chua ấy do tai nghe mà có thì cơ sao nước miếng không chảy nơi tai lại chảy ở miệng?</p>
<p>_ Tưởng đẹp huyền nhai, dữ thuyết tưởng-loại.</p> <p>(_ Câu chuyện nghĩ đến đứng trên dốc cao cũng giống như vậy.)</p> <p>_ Thị cố đương tri, Tưởng-ấm hư-vọng, bốn phi nhân-duyên, phi tự-nhiên tánh.</p>	<p>_ Nghiệm xét thì tưởng chua chẳng phải do me sanh vì me không nói được,</p> <p>- cũng chẳng phải do miệng sanh vì miệng không nghe được,</p> <p>- lại cũng chẳng phải do tai sanh vì tai không nhổ nước miếng được.</p> <p>_ Thật sự, tưởng chua ấy do Tưởng-ấm sanh.</p>
<p>_ Còn vọng-tưởng leo dốc núi mà mỏi chân cũng tương-tự như vậy.</p>	<p>_ Thể theo lý ấy, nên nhận-định: Tưởng-ấm luống đối tức là hư-vọng, vốn không</p>

<p>(_ Vậy nên biết rằng, Tưởng-Ấm là giả dối, vốn không phải tánh nhân-đuyên, không phải tánh tự-nhiên.)</p>	<p>phải nhân-đuyên hoặc tự-nhiên.</p>
69.	69. HIỂN-MINH HÀNH-ẤM.
<p>阿難譬如暴流波浪。相續前際後際不相踰越。行陰當知亦復如是。阿難如是流性。不因空生不因水有。亦非水性非離空水。如是阿難若因空生。則諸十方無盡虛空成無盡流。世界自然俱受淪溺。若因水有。則此暴流性應非水。有所有相今應現在。若即水性則澄清時應非水體。若離空水。空非有外水外無流。是故當知行陰虛妄。本非因緣非自然性。</p>	
<p>_ A-Nan! Thí như bạo lưu ba lăng, tương-tục tiền-tế hậu-tế, bất tương du việt.</p> <p>(_ A-Nan! Ví như dòng nước dốc, sóng mòi nối nhau, lớp trước lớp sau, không vượt khỏi nhau.)</p> <p>_ Hành-Ấm đương tri, diệc phục như-thị.</p> <p>(_ A-Nan! Như-thị lưu tánh, bất nhân không sanh, bất nhân thủy hữu, diệc phi thủy tánh, phi ly không thủy.</p> <p>(_ A-Nan! Dòng nước như vậy không nhân hư-không mà sanh, không nhân nước mà có, không phải tánh nước, cũng không ra ngoài hư-không và nước.)</p> <p>_ Như-thị A-Nan! Nhược nhân không sanh, tắc chư thập phương, vô-tận hư-không, thành vô-tận lưu, thế-giới tự-nhiên, cu thọ luân nịch.</p> <p>(_ Thật vậy, A-Nan! Nếu nhân hư-không mà sanh, thì cả thập phương hư-không vô cùng-tận, phải thành dòng nước vô cùng-tận, và tự-nhiên thế-giới đều bị chìm đắm cả.)</p> <p>_ Nhược nhân thủy hữu, tắc thủ bạo lưu, tánh ưng phi thủy, hữu sở hữu tương, kim ưng hiện-tại.</p> <p>(_ Nếu nhân nước mà có, thì dòng nước ấy bẩn-tánh lẽ ra không phải là nước nữa, và hiện nay, đã có thể chỉ ra hai tương của nước và của dòng nước khác nhau.)</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>_ A-Nan! Ví như dòng nước chảy, sóng nhảy liên-tục, lớp trước lớp sau, cuồn cuộn không ngừng.</p> <p>_ Nên biết Hành-Ấm cũng như thế.</p> <p>_ A-Nan! Tánh-cách chảy của dòng nước như vậy chẳng phải tại hư-không, hoặc tại nước, hoặc tại bốn-tánh của nước, cũng chẳng phải ly ra ngoài hư-không và nước.</p> <p>_ A-Nan! Nếu tánh-cách ấy do hư-không mà có, thì cả hư-không vô-tận trong thập phương đều thành dòng nước chảy vô-tận, như thế tất cả thế-giới phải bị chìm đắm.</p> <p>_ Nếu do nước mà có, thì tánh-cách ấy khác hẳn với nước, đáng lý hai bên phải có thể riêng, cớ sao lại không có?</p>

<p>_ Nhược tức thủy tánh, tắc trừng thanh thời, ưng phi thủy thể.</p> <p>(_ Nếu dòng nước dốc tức là tánh nước, thì khi nước đứng lại, lẽ ra không phải là nước nữa.)</p> <p>_ Nhược ly không thủy, không phi hữu ngoại, thủy ngoại vô lưu.</p> <p>(_ Nếu ra ngoài hư-không và nước, thì không có cái gì ở ngoài hư-không, và ngoài nước ra, không thể có dòng nước.)</p> <p>_ Thị cố đương tri, Hành-Ấm hư-vọng, bốn phi nhân-duyên, phi tự-nhiên tánh.</p> <p>(_ Vậy nên biết rằng, Hành-Ấm là giả dối, vốn không phải tánh nhân-duyên, không phải tánh tự-nhiên.)</p>	<p>_ Nếu nói do bốn-tánh của nước mà có thì trong lúc nước đứng, không còn lấy chi gọi là bốn-tánh của nước được nữa.</p> <p>_ Lại tánh-cách chảy của dòng nước ấy chẳng phải ly ra ngoài hư-không hoặc ra ngoài nước. Vì cớ sao? Vì ở thế-gian chẳng có chi ra ngoài hư-không được và nếu không có nước tất nhiên không có chảy.</p> <p>_ Thể theo lý ấy, nên nhận-định: Hành-Ấm luống đối tức là hư-vọng, vốn không phải nhân-duyên hoặc tự-nhiên.</p>
--	--

70.	70. HIỀN-MINH THỨC-ẤM.
	<p>阿難譬如有人取頻伽瓶。塞其兩孔滿中擎空。千里遠行用餉他國。識陰當知亦復如是。阿難如是虛空。非彼方來非此方入。如是阿難若彼方來。則本瓶中既貯空去。於本瓶地應少虛空。若此方入開孔倒瓶應見空出是故當知識陰虛妄。本非因緣非自然性。</p>
<p>_ A-Nan! Thí như hữu nhân, thủ tần-già bình, tắc kỳ lưỡng khổng, mãn trung kình không, thiên lý viễn hành, dụng hướng tha quốc.</p> <p>(_ A-Nan! Ví như có người lấy bình tần-già, bít kín cả hai lỗ, rồi vác đầy bình hư-không, đi xa ngàn dặm, đem cho nước khác.)</p> <p>_ Thức-Ấm đương tri, diệc phục như-thị.</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>_ A-Nan! Ví như có người lấy một cái bình tần-già có hai lỗ, bít kín cả hai lỗ lại, vác nguyên một bình hư-không, đi đường xa thiên-lý để tặng nước khác.</p> <p>_ Nên biết Thức-Ấm cũng như thế.</p>
<p>_ A-Nan! Như-thị hư-không, phi bỉ phuơng lai, phi thử phuơng nhập.</p> <p>(_ A-Nan! Cái hư-không đó, không phải đến từ phuơng kia, cũng không phải đưa vào phuơng này.)</p> <p>_ Như-thị A-Nan! Nhược bỉ phuơng lai, tắc bốn bình trung, ký trữ không khứ, ư bốn bình địa, ưng thiểu hư-không.</p> <p>(_ Thật vậy, A-Nan! Nếu đến từ phuơng kia, thì trong cái bình đã đựng hư-không đem đi, ở chỗ cũ cái bình</p>	<p>_ A-Nan! Nếu hư-không ở trong bình chẳng phải từ nước bên kia tới, cũng chẳng phải từ nước bên này vào.</p> <p>_ A-Nan! Nếu hư-không ở trong bình từ nước bên kia mà tới, đáng lý phải thấy hư-không thiếu một phần, nhưng chẳng thiếu chút nào cả.</p>

<p>phải thiếu hư-không;</p> <p>_ Nhược thử phuong nhập, khai khống đảo bình, ưng kiến không xuất.</p> <p>- nếu đưa vào phuong này, thì khi mở miệng bình trút ra, phải thấy hư-không ra.)</p> <p>_ Thị cố đương tri, Thức-Ấm hư-vọng, bổn phi nhân-duyên, phi tự-nhiên tánh. (_ Vậy nên biết rằng, Thức-Ấm là giả dối, vốn không phải tánh nhân-duyên, không phải tánh tự-nhiên.)</p>	<p>_ Lại nếu hư-không trong bình từ nước bên này mà vào thì khi khai hai lỗ bình, đáng lẽ hư-không phát ra, nhưng không thấy xuất.</p> <p>_ Thể theo lý ấy, nên nhận-định: Thức- Ấm luống đối tức là hư-vọng, vốn không phải nhân-duyên hoặc tự-nhiên. (24)</p>
<p>DỊCH ÂM ĐỆ NHỊ QUYẾN CHUNG</p>	<p>DIỄN NGHĨA HẾT QUYẾN NHÌ</p>

CHÚ-THÍCH (2018)

ĐOẠN 10

(Trích của GS. Huỳnh Minh-Đức)

_ **Phổ-cáo:** nói rõ cho mọi người, mọi nơi biết.

- **Phổ** (溥) có khi cũng viết là Phổ (普): rộng lớn, khắp mọi nơi, khắp cả, chỗ nào cũng có.

Thơ *Bắc-Sơn* trong *Tiểu Nhã* (Kinh Thi) có câu:

溥天之下 = Phổ Thiên chi hạ = Khắp nơi trong thiên hạ.

Thực ra, chữ Phổ ban đầu có nghĩa là nước tràn rộng mênh mông, về sau, nó được dùng để chỉ những nơi to rộng. Mạnh Tử trích dẫn Kinh Thi đã viết là Phổ (普), như vậy (普) và (溥) dùng thông nhau.

- **Cáo** (告): Nói cho biết. Báo cho biết. Nói rõ ra.

ĐOẠN 25

(Trích “Đạo Gia Châm Ngôn Lục” của Lê Anh-Minh dịch chú, nxb Văn Hóa Thông Tin, 2003)

_ **Sự-nghiệp** (事業): việc làm lớn lao, có ích cho nhiều người.

Kinh Dịch, Hết Từ Thượng Truyện, chương 12:

Đạo là mẹ đẻ của sự-nghiệp, sự-nghiệp là con của Đạo.

Nếu có Đạo mà không phát triển thành sự-nghiệp, thì Đạo đó là Đạo chết.

Có sự-nghiệp mà không căn-bản ở Đạo, thì sự-nghiệp đó là sự-nghiệp giả.

Nghiệp chưa hoàn-thành thì gọi bằng Sự, Sự đã kết-thúc thì gọi bằng Nghiệp.

CHIẾT TỰ chữ NIỆM 念

Chữ niệm 念 bao gồm chữ ‘Kim’ (今) ở trên và chữ ‘Tâm’ (心) ở dưới.

_ Kim 今 là: nay, ngày nay, thời nay, đời nay, hiện nay, hiện-tại, bây giờ.

Như: “cổ kim 古今” là ngày xưa và ngày nay.

_ Tâm 心 là: trái tim, tâm-tư, tâm-địa, suy-tư, tư-tưởng, ý-niệm, ý nghĩ, ý muốn, lòng dạ,

_ Niệm 念 là: nghĩ tới, nhớ tới, suy nghĩ, ngẫm nghĩ, nghĩ ngợi, đọc, tung,

Pháp-Hoa Kinh: 但一心念佛 = Dẫn nhứt tâm niệm Phật = Chỉ một lòng niệm Phật.

(An-Lạc-Hạnh Phẩm đệ thập tứ 安樂行品第十四)

Chúng ta có thể hiểu: Niệm 念 là Tâm 心 dính vào Kim 今. Nếu Tâm 心 không dính vào Kim 今 thì không sanh ra Niệm 念.

Có nghĩa là không để tâm mình dính vào bất cứ sự/ vật/ việc gì ở hiện-tại (cảnh, vật, người, bỉ thủ, thị phi, tham sân si, nghi mạn chấp, v.v...), thì lòng không sanh ra niệm.

Khi nói thiền Thủ-Lăng-Nghiêm đứng đầu 108 thứ thiền của thế-gian, nghĩa là:

1. Đối cảnh không sanh tình: bên ngoài không làm cho tâm mình động, gọi là *Thiên*.

2. Không khởi niệm: bên trong tâm mình không khởi niệm gì, gọi là *Định*.

Bỉ-thủ: - Bỉ (彼): kia, cái kia, người kia, việc kia, bên kia...

- Thủ (此): này, cái này, người này, việc này, bên này...

Thị-phi (是非): phai trái, đúng sai, khen chê.

Thất tình (七情): 喜, 怒, 愛, 惡, 哀, 懼, 欲 = hỉ nộ ái ố ai cù dục = mừng, giận, thương, ghét, buồn, sợ, muối. (*Đối cảnh không sanh tình:* nghĩa là không để thất tình chi-phối/ ảnh-hưởng.)

“*Chỉ có tâm vô-niệm mới đọc được kinh vô-tụ.*

Chỉ có lòng vô-ngã mới nghe được lời vô-ngôn”.

**YẾU-GIẢI
KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM
QUYỂN NHÌ**

(1) **Sát-Na** (Ksana): Khi tâm phát động gọi là niêm. Một niêm có 90 sát-na. Thế thì một sát-na là thời-gian 1/90 của một niêm.

(2) **Kỳ-Bà-Thiên** (Jiva): một vị Thiên-Thần ở cõi Dao-Lợi Thiên.

(3) **Mạt-Già-Lê**: nói đủ là Mạt-Già-Lê Câu-Xá-Lý Phất-Đa-La (Maskari Gosalaputra), cũng như Ca-Chiên-Diên và Tỳ-La-Đê-Tử là ba nhà ngoại-đạo kỳ-cựu ở Ấn-Độ khi Phật tại thế.

(4) **Mẫu-đa-la** (Mudra): ấn Phật. Tay Mẫu-đa-la là tay dùng kiết-ấn Phật.

(5) **Chánh-biến-tri**: Hiểu biết hoàn-toàn chơn-chánh tất cả pháp, như đạt lý “Tâm tức vạn pháp” gọi là Chánh-tri, đạt lý “Vạn pháp tức Tâm” gọi là Biến-tri, Phật đạt cả hai lý ấy nên gọi là Chánh-biến-tri.

(6) **Tứ-dại**: bốn thể lớn, quan-trọng ở thế-gian: đất, nước, gió, lửa.

(7) **Ngũ-uẩn**: uẩn là chất chứa các nghiệp hữu-vi.

Ngũ-uẩn: sắc thọ tướng hành thức.

(8) **Tâm phan-duyên**: tâm nương theo sắc-tướng mà phát-hiện.

(9) **Vô-Thượng-Đạo**: đạo cao-siêu tuyệt-đối, không có chi cao-siêu hơn.

(10) **Minh-Đé**: lối chấp phi sắc phi không, nhận rằng thế-gian ban sơ mờ mịt, không sắc tướng cũng chẳng phải không sắc tướng, lần lần tạo ra muôn vật.

(11) **Mặt trăng thứ hai, chớ không phải bóng trăng**: Mặt trăng chỉ có một nhưng nếu chớp mắt thì có thể thấy mặt trăng thứ hai. Tuy mặt trăng thứ hai không phải là thiệt, nhưng hình-thể thấy được ở gần mặt trăng thiệt hơn là bóng trăng mờ ở dưới nước cách xa hơn.

“**Kiến-tinh**” tuy còn vọng, nhưng cao hơn tâm phan-duyên và gần Tâm Chơn-Như, nên Đức Phật dùng ví dụ tánh thấy đó như mặt trăng thứ hai.

(12) **Bổn-nhân**: nguyên-nhân phát-sanh. Ví dụ như ăn no, nguyên-nhân nhờ có cơm, mặc ấm nguyên-nhân nhờ có y-phục.

(13) **Thế-giới Diêm-phù-đề**: thế-giới Ta-bà là một thế-giới đầy đầy các sự đau khổ.

(14) **Trái A-ma-la ở trong tay**: A-ma-la là một trái nhỏ hình tròn ở Ấn-Độ tương-tự như trái táo ở Việt-Nam. Xưa ngài A-Na-Luật bị mù cả hai mắt, ngài gắng chí tu phép thiền-định trong một thời-gian, chứng quả A-La-Hán và đắc Thiền-nhân. Có người hỏi: “Ngài thấy xa được không?”. Trong khi ấy ngài đang cầm trái A-ma-la trong tay, ngài trả lời: “Với Thiên-nhân, tôi thấy cả thế-giới Diêm-phù-đề như trái A-ma-la trong tay”.

(15) **Sở-thủ**: bốn-phận bắt buộc phải giữ. Như trong thời-gian Đại-chúng nghe pháp, phải giữ tâm thanh-tịnh và thân trang-nghiêm.

(16) **Kiến-duyên**: các vật-tượng thấy được.

(17) **Đệ-nhứt liêu-nghĩa**: nghĩa cao-siêu, mầu-nhiệm, sáng tỏ, rõ ráo, không có nghĩa nào hơn.

(18) **Đại đà-ra-ni:** đại là lớn, đà-ra-ni là tổng-trì. Đại tổng-trì có nghĩa là bao-hàm các pháp vi-mật thâm-diệu và tất cả công-đức.

Ví dụ như môn trì chú-tâm Thủ-Lăng-Nghiêm gọi là môn đại đà-ra-ni.

(19) **Ngũ-Ấm:** Ấm nghĩa là che tối. Ngũ-Ấm cũng gọi là Ngũ-uẩn: sắc tho tuổng hành thức.

_ Sắc-Ấm : gồm có hai thứ: 1/ nội-sắc tức là thân.

2/ ngoại-sắc tức là các vật-tượng trần-cảnh.

_ Thọ-Ấm : gồm các thứ thâu nhận khổ vui ở thế-gian.

_ Tưởng-Ấm : gồm các thứ vọng-tưởng khi đối-đãi với tiền-trần ở thế-gian.

_ Hành-Ấm : gồm các hành-vi vọng-động theo pháp thế-gian.

_ Thức-Ấm : gồm có các sự hiểu biết, phân-biệt ở thế-gian.

Năm Ấm là năm thứ che tối Tâm Chơn-Như.

(20) **Lục-nhập:** sáu vật của nhân-thân: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý.

(21) **Thập nhị xứ:** mười hai chỗ gồm có lục-căn và lục-trần.

_ Lục-căn cũng gọi là lục-nhập: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý.

_ Lục-trần: sắc (các thứ thấy được), thính (các thứ nghe được), hương (các thứ ngửi được), vị (các thứ nếm được), xúc (các thứ cảm-xúc được) và pháp (các thứ pháp-trần hiểu biết hoặc tuổng-tượng được).

(22) **Thập bát giới:** 18 giới-hạn gồm có giới-hạn của 6 căn, 6 trần và 6 thức.

Giới-hạn của 6 căn: Giới-hạn của 6 trần: Giới-hạn của 6 thức:

1. Nhān-giới. 1. Sắc-giới. 1. Nhān-thức-giới.

2. Nhī-giới. 2. Thinh-giới. 2. Nhī-thức-giới.

3. Ty-giới. 3. Hương-giới. 3. Ty-thức-giới.

4. Thiệt-giới. 4. Vị-giới. 4. Thiệt-thức-giới.

5. Thān-giới. 5. Xúc-giới. 5. Thān-thức-giới.

6. Ý-giới. 6. Pháp-giới. 6. Ý-thức-giới.

(23) **Như-Lai-Tạng:**

_ Như : trạm-nhiên bất-động thường-trụ, đó là Bổn-giác Pháp-thân.

_ Lai : từ-bi bạt-khổ dữ-lạc, đó là Thủ-giác Báo-thân.

_ Bát-Nhā tự-tại vô-ngại, đó là Hậu-đắc-trí Hóa-thân.

Thừa Thiết-Tánh Chơn-Như, viên-chứng chánh-giác, hóa-độ chúng-sanh tức là Như-Lai.

_ Tạng: trùm chứa, che tối.

Như-Lai-Tạng bao-hàm cả tâm Phật và tâm phàm, tức là Tâm Chơn-Như giac-ngô và tâm sanh-diệt mê-muội.

Tâm Chơn-Như giac-ngô, giải-thoát sáng suốt nhưng thường bị che tối. Tâm sanh-diệt mê-muội, gây hoặc tạo nghiệp, năng biểu-lộ, nhưng vốn không có tự-thể. Chính tâm sanh-diệt hay che tối Tâm Chơn-Như. Vì thế Đức Phật nói: Các pháp sanh-diệt khứ-lai cũng ở trong Như-Lai-Tạng.

(24) **Đoạn văn hiển-minh ngũ-Ấm:**

Ngũ-Ấm là năm món chất chứa các nghiệp hữu-vi và có năng-lực che tối Tâm Chơn-Như.

Sắc-Ấm bao-quát các *Sắc-pháp*.

Thọ-Ấm, Tưởng-Ấm, Hành-Ấm, Thức-Ấm bao-quát các *Tâm-pháp*.

Nguyên căn-thân và tất cả vật-chất hữu-hình khiến cho người tham luyến đó là Sắc-Ấm.

Lục-căn đối-dãi với lục-trần rồi tâm thâu nhận	gọi là Thọ-Ấm.
Căn trần tiếp-xúc nhau rồi tâm vọng-tưởng	gọi là Tưởng-Ấm.
Đối với ngoại-cảnh, tâm hành-động theo thế-gian	gọi là Hành-Ấm.
Cảm-xúc với pháp-trần, tâm hiểu biết phân-biệt sự-vật	gọi là Thức-Ấm.

Tâm Chơn-Như ví như trăng sáng tỏ. Ngũ-Ấm ví như đám mây đen che tối trăng. Dầu đám mây che tối cách nào, thể trăng vẫn luôn luôn sáng tỏ. Khi có gió thổi tan mây thì thể trăng hiện rõ. Đó là chứng-minh thể trăng duy nhất, nhưng trông thấy trăng, có khi sáng có khi tối là tại không bị hoặc bị mây ám.

Chúng-sanh đồng một Tâm Chơn-Như giác-minh, huyền-diệu, châu-viên, thường-trụ, nhưng vì trong lúc tối-sơ, phát một niệm bất-giác mà sanh vô-minh, rồi bị ngũ-Ấm che tối Tâm Chơn-Như mà làm việc mê-muội, tạo-tác vọng-nghiệp, khiến phải chìm đắm mãi ở biển khổ luân-hồi sanh-tử. Tuy-nhiên các thứ vọng không có tự-tánh tức là sanh-diệt, chỉ có chơn mới có tự-tánh tức là thường-trụ. Ví như vô-minh và ngũ-Ấm sanh-diệt, chỉ có Tâm Chơn-Như thường-trụ.

Vì thế vọng chơn đều là tánh của Nhු-Lai-Tạng.

Vọng tức chơn, phiền-não tức Bồ-Đề. Khi hết vọng thì hoàn chơn, khi dứt phiền-não thì chứng Bồ-Đề.

Tỏ ngộ Tâm Chơn-Như tất-nhiên giác, quên mất Tâm Chơn-Như tất-nhiên mê, giác làm Phật, mê làm chúng-sanh.

Cái giác không phải tâm ở đâu xa mà ở ngay trong Nhු-Lai-Tạng.

Cái mê cũng không phải tâm ở đâu xa mà ở ngay trong Nhු-Lai-Tạng.

Người tu-hành giải-thoát muốn tầm cái giác, thì phải quay ánh sáng lại bên trong, quan-sát châu-đáo Nhු-Lai-Tạng, rồi dĩ tận công-phu diệt hết các thứ mê, nhứt là cái mê căn-bổn: vô-minh. Khi các thứ mê hoàn-toàn dứt tuyệt thì cái giác tự bày rõ.

YẾU-GIẢI HẾT QUYẾN NHÌ

CHÚ-THÍCH (2018)**DOẠN 28**

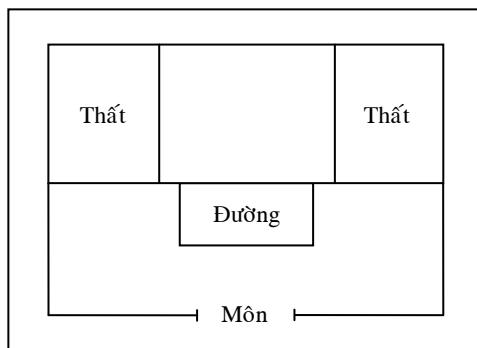
(Trích của GS. Huỳnh Minh-Đức)

_ Điện-đường:

Sách *Thuyết-Văn* viết là và giải-thích là *Điện* (殿). Đó là nơi có cái nền cao, nhà quay mặt về phương Nam, có vị-trí ở chính giữa, có hình vuông ngay ngắn mà cao. Chính vì đây là loại nhà được cất bằng nhiều loại gỗ đá cho nên thuộc bộ Thổ (土). Vả lại, trong đó gồm có chữ Thượng (尚): tôn quý, cao-thượng.

Tóm lại, chữ *Đường* (堂) là loại nhà mà vị-trí nằm ở giữa, quay mặt về hướng mặt trời mọc; hoặc nơi rộng rãi, trang-trọng nhất của một ngôi nhà.

Thiên Dân-cung sách *Lê-Ký* và sách *Nhĩ-nhã thính-cung* đều mô-tả tổng-quát như sau:



Đường và *Điện* từ Hán *Đường* về sau, dùng phân-biệt như sau:

1. **Đường** chỉ vào nơi:

- trang-trọng nhất trong nhà;
- nơi trang-trọng để thờ cúng tổ-tiên gọi là Tứ-đường (祠堂); hoặc là nơi tiếp-xúc với người nhà hoặc với khách trong những dịp Quan, Hôn, Tang, Tế (冠婚喪祭);
- nơi thờ Phật để Phật-tử đến cúng Phật, gọi là Phật-đường

2. **Điện** một nghĩa nào đó, có nghĩa như *Đường* nhưng qua quá-trình ứng-dụng trong thực-tế, ta thấy có sự phân-biệt rất rõ:

- nơi hoàng-đế thính chính (hợp triều ...), tức làm việc công-khai với các quan. Ví dụ: Thái-Hòa điện (太和殿), Quang-Minh điện (光明殿);
- nơi hoàng-đế yến cư (nghỉ ngơi lúc nhàn rỗi): Đường-Tâm điện (養心殿);
- nơi thờ Phật (quy-mô lớn hơn *Đường*) gọi là Phật-điện.

137 – Thủ Lăng Nghiêm Kinh

HÒA-THƯỢNG THIỀN-SƯ
THÍCH TÙ-QUANG

**THỦ LĂNG NGHIÊM
KINH
DỊCH ÂM, DIỄN NGHĨA, YẾU GIẢI
QUYỂN BA**

**CHƠN-ĐỨC THIỀN-VIỆN
1948**

Dịch Âm THỦ-LĂNG-NGHIÊM KINH Đệ Tam Quyển	Diễn Nghĩa KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM Quyển Ba
1.	1. PHẬT HIỀN-MINH LỤC-NHẬP.
	復次阿難云何六入本如來藏妙真如性。
_ Phục thứ, A-Nan! Vân hà lục nhập, bốn Như-Lai-Tạng, diệu Chơn-Như-tánh?	Đức Phật bảo ngài A-Nan: _ A-Nan! Tại sao gọi lục nhập vốn ở tánh Chơn-Như-mẫu-nhiệm của Như-Lai-Tạng?
2.	2. HIỀN-MINH NHÃN-NHẬP.
	阿難即彼目精瞪發勞者。兼目與勞同是菩提。瞪發勞相因于明暗。二種妄塵發見居中。吸此塵象名為見性。此見離彼明暗二塵畢竟無體。
_ A-Nan, tức bỉ mục tinh, trừng phát lao giả, kiêm mục dữ lao, đồng thị Bồ-Đề, trừng phát lao tướng. (_ A-Nan! Tức nói tròng con mắt kia, ngó châm phát ra mỗi mệt, thì cái thấy và cái mỏi mệt đó, đều là thể-tánh Bồ-Đề, châm chú phát ra tướng mỏi mệt.) _ Nhân vu minh ám, nhị chướng vọng trần, phát kiến cư trung, hấp thủ trần tướng, danh vi kiến-tánh. _ Thủ kiến ly bỉ, minh ám nhị trần, tất kiến vô thể.	Đức Phật dạy: _ Như mắt thanh-tịnh chăm ngó mà sanh ra mỏi mệt, thấy các tướng hư-vọng; cả mắt và tướng hư-vọng ấy đều do Tâm Bồ-Đề phát hiện. _ Nhân hai tướng vọng-trần: sáng tối, phát ra tánh thấy ở bên trong, rồi thâu nhận các trần-tướng, gọi là tánh thấy. _ Nhưng nếu ly hai tướng vọng-trần: sáng tối, rốt ráo tánh thấy không có tự-thể.
	如是阿難當知是見非明暗來。非於根出不於空生。何以故若從明來。暗即隨滅應非見暗。若從暗來。明即隨滅應無見明。若從根生必無明暗。如是見精本無自性。若於空出前矚塵象歸當見根。又空自觀何關汝入。是故當知眼入虛妄。本非因緣非自然性。
3. Như-thị, A-Nan! Đương tri thị kiến, phi minh ám lai, phi ư căn xuất, bất ư không sanh. Hà dĩ cố? _ Nhược tùng minh lai, ám tức tùy diệt, ứng phi kiến ám.	3. Thật vậy, A-Nan! Ông phải biết tánh thấy đó chẳng phải do hai tướng sáng tối mà tối, hoặc do nhãncăn mà sanh, hoặc do hư-không mà có. Vì cớ sao? _ Nếu tánh thấy do tướng sáng mà tối, thì khi tối phải diệt theo tướng sáng rồi, không còn thế nào thấy được tướng tối.

<p>(_ Nếu từ cái sáng mà đến, thì khi tối đã theo cái sáng mà diệt, lẽ ra không thấy được tối.)</p> <p>_ Nhược tùng ám lai, minh tức tùy diệt, ứng vô kiến minh.</p> <p>(_ Nếu từ cái tối mà đến, thì khi sáng phải theo cái tối mà diệt, lẽ ra không thấy được sáng.)</p> <p>_ Nhược tùng căn sanh, tất vô minh ám, như-thị kiến-tinh, bốn vô Tự-Tánh.</p> <p>(_ Nếu do con mắt mà sanh, hẳn không có sáng, có tối, thì cái thấy như vậy vốn không Tự-Tánh.)</p> <p>_ Nhược ư không xuất, tiền thuộc trần-tương, qui đương kiến căn.</p> <p>(_ Nếu do hư-không mà ra, thì ngó trước thấy các trần-tương, xoay về phải thấy con mắt.)</p> <p>_ Hựu không tự quan, hà quan nhữ nhập.</p> <p>(_ Lại hư-không tự thấy, nào có dính gì chõ thu nạp của ông.)</p> <p>_ Thị cố đương tri, nhän nhập hư-vọng, bốn phi nhân-đuyên, phi tự-nhiên tánh.</p>	<p>_ Nếu tánh thấy do tướng tối mà tới, thì khi sáng phải diệt theo tướng tối rồi, không còn thế nào thấy được tướng sáng.</p> <p>_ Lại nếu do nhän-căn mà sanh thì chẳng có tướng sáng, tướng tối, như thế tánh thấy không có Tự-Tánh.</p> <p>_ Nếu tánh thấy do hư-không mà có, thì đáng lý phải thấy đủ cả nhän-căn và trần-cảnh, cớ sao lại chỉ thấy trần-cảnh mà không thấy nhän-căn?</p> <p>_ Nếu khi trông tới thấy trần-cảnh, thì khi trở lui phải thấy nhän-căn, như vậy thành ra hư-không tự thấy chõ không can-hệ gì Nhän-nhập.</p> <p>_ Xét theo lý ấy, nên nhận-thức: Nhän-nhập là hư-vọng, vốn không phải nhân-đuyên hoặc tự-nhiên.</p>
---	---

4.	4. HIỀN-MINH NHĨ-NHẬP.
<p>阿難譬如有人。以兩手指急塞其耳。耳根勞故頭中作聲。兼耳與勞同是菩提。瞪發勞相</p>	
<p>_ A-Nan! Thí như hữu nhân, dĩ lưỡng thủ chỉ, cấp tắc kỳ nhĩ, nhĩ căn lao cố, đầu trung tắc thịnh.</p> <p>_ Kiêm nhĩ dữ lao, đồng thị Bồ-Đề, trùng phát lao tướng.</p> <p>(_ Cả cái nghe cùng cái mỏi mệt, đồng là thể-tánh Bồ-Đề, chăm chú phát ra tướng mỏi mệt.)</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>_ A-Nan! Như có người lấy hai ngón tay bịt kín lỗ tai lại, làm cho nhĩ-căn sanh ra mỏi mệt, mà trong đầu có tiếng động.</p> <p>_ Cả tai và tướng mỏi mệt đều do Tâm Bồ-Đề phát hiện.</p>

因于動靜。二種妄塵發聞居中。吸此塵象名聽聞性。此聞離彼動靜二塵畢竟無體。

<p>5. Nhân vu động tịnh, nhị chủng vọng trần, phát văn cư trung, hấp thủ trần</p>	<p>5. Nhân hai tướng vong-trần: động tịnh, phát ra tánh nghe ở bên trong, rồi thâu</p>
---	--

<p>tượng, danh thính văn tánh. _ Thủ văn ly bĩ, động tịnh nhị trần, tất cánh vô thể.</p>	<p>nhận các trần-tượng, gọi là tánh nghe. _ Nhưng nếu ly hai tướng vọng-trần: động tịnh, rốt ráo tánh nghe không có tự-thể.</p>
---	--

如是阿難當知是聞非動靜來。非於根出不於空生。何以故若從靜來。動即隨滅應非聞動。若從動來。靜即隨滅應無覺靜。若從根生必無動靜。如是聞體本無自性。若於空出。有聞成性即非虛空。又空自聞何關汝入。是故當知耳入虛妄。本非因緣非自然性。

<p>6. Như-thị, A-Nan! Đương tri thị văn, phi động tịnh lai, phi ư căn xuất, bất ư không sanh. Hà dĩ cố?</p> <p>_ Nhược tùng tịnh lai, động tức tùy diệt, ứng phi văn động. (_ Nếu cái nghe kia từ nơi tĩnh mà đến, thì khi động phải theo cái tĩnh mà diệt, lẽ ra không nghe được động.)</p> <p>_ Nhược tùng động lai, tịnh tức tùy diệt, ứng vô giác tịnh. (_ Nếu cái nghe kia từ nơi động mà đến, thì khi tĩnh sẽ theo cái động mà diệt, lẽ ra không biết được tĩnh.)</p> <p>_ Nhược tùng căn sanh, tất vô động tịnh, như-thị văn thể, bốn vô Tự-Tánh. (_ Nhược ư không xuất, hữu văn thành tánh, tức phi hư-không, hựu không tự văn, hà quan nhữ nhập. (_ Nếu do hư-không mà ra, thì đã có tánh nghe, chắc không phải là hư-không nữa, lại hư-không tự nghe, nào có dính gì chỗ thu nạp của óng.)</p> <p>_ Thị cố đương tri, nhī nhập hư-vọng, bốn phi nhân-duyên, phi tự-nhiên tánh.</p>	<p>6. Thật vậy, A-Nan! Ông phải biết tánh nghe ấy chẳng phải do hai tướng động tịnh mà tới, hoặc do nhī-căn mà sanh, hoặc do hư-không mà có. Vì cớ sao? _ Nếu tánh nghe do tướng tịnh mà tới, thì khi động phải diệt theo tướng tịnh rồi, không còn làm sao biết được tướng động. _ Nếu tánh nghe do tướng động mà tới, thì khi tịnh phải diệt theo tướng động rồi, không còn làm sao biết được tướng tịnh. _ Lại nếu do nhī-căn mà sanh, thì chẳng có hai tướng động tịnh, như thế tánh nghe không có Tự-Tánh. _ Lại nếu tánh nghe do hư-không mà có, thì thành ra hư-không tự có tánh nghe, như vậy không còn can-hệ với Nhī-nhập. _ Xét theo lý ấy, phải nhận-thức: Nhī-nhập là hư-vọng, vốn không phải nhân-duyên hoặc tự-nhiên.</p>
---	--

7.	7. HIỂN-MINH TY-NHẬP.
<p>阿難譬如有人。急畜其鼻畜久成勞。則於鼻中聞有冷觸。因觸分別通塞虛實。如是乃至諸香臭氣。兼鼻與勞同是菩提。瞪發勞相因于通塞。二種妄塵發聞居中。吸此塵象名嗅聞性。此聞離彼通</p>	

塞二塵畢竟無體。

<p>_ A-Nan! Thí như hữu nhân, cấp xúc kỳ ty, xúc cửu thành lao, tắc ư ty trung, văn hữu lanh xúc, nhân xúc phân-biệt, thông, tắc, hư, thật, như-thị nã chí, chư hương xú khí.</p> <p>_ Kiêm ty dữ lao, đồng thị Bồ-Đề, trừng phát lao tướng.</p> <p>(_ Cả cái ngửi cùng cái mõi mệt, đồng là thể-tánh Bồ-ĐỀ, chăm chú phát ra tướng mõi mệt.)</p> <p>_ Nhân vu thông tắc, nhị chủng vọng trần, phát văn cư trung, hấp thử trần-tượng, danh khứu văn tánh.</p> <p>_ Thủ văn ly bỉ, thông tắc nhị trần, tất cánh vô thể.</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>_ A-Nan! Như có người cố gắng nín hơi thở ở lỗ mũi, nín lâu thành mõi mệt, trong mũi có hơi lạnh, gọi là lanh-xúc, rồi do lanh-xúc ấy mà phân-biệt các tướng: thông, bít, trống và ngăn, cho đến các mùi: thơm, thúi.</p> <p>_ Cả mũi và trần-tượng đều do Tâm Bồ-ĐỀ phát hiện.</p> <p>_ Nếu mũi do hai tướng: thông bít, phát ra tánh ngửi ở bên trong, rồi thâu nhận các vọng-trần, đó là tánh ngửi.</p> <p>_ Nhưng nếu ly hai tướng: thông bít, rốt ráo tánh ngửi không có tự-thể.</p>
--	--

<p>當知是聞非通塞來。非於根出不於空生。何以故若從通來。 塞自隨滅云何知塞。如因塞有通則無聞。云何發明香臭等觸。若從 根生必無通塞。如是聞體本無自性。若從空出。是聞自當迴嗅汝鼻。 空自有聞何關汝入。是故當知鼻入虛妄。本非因緣非自然性。</p>	
---	--

<p>8. Đương tri thị văn, phi thông tắc lai, phi ư căn xuất, bất ư không sanh. Hà dĩ cố?</p> <p>_ Nhược túng thông lai, tắc tự tùy diệt, vân hà tri tắc.</p> <p>(_ Nếu từ cái thông mà đến, thì khi bít, cái ngửi đã mất rồi, làm sao mà biết được bít.)</p> <p>_ Như nhân tắc hữu, thông tắc vô văn, vân hà phát minh, hương xú đẳng xúc.</p> <p>(_ Nếu nhân cái bít mà có, thì khi thông, không còn cái ngửi, làm sao biết được các mùi thơm thúi.)</p> <p>_ Nhược túng căn sanh, tất vô thông tắc, như-thị văn thể, bốn vô Tự-Tánh.</p> <p>_ Nhược túng không xuất, thị văn tự đương, hồi khứu nhữ ty, không tự hữu</p>	<p>8. A-Nan! Tánh ngửi chẳng phải do hai tướng thông bít mà tới, hoặc do mũi mà sanh, hoặc do hư-không mà có. Vì cớ sao?</p> <p>_ Như tướng ngửi do tướng thông mà tới, thì khi bít phải diệt theo tướng thông rồi, không còn làm sao biết được tướng bít.</p> <p>_ Nếu tướng ngửi do tướng bít mà tới, thì khi thông phải diệt theo tướng bít rồi, không còn làm sao biết được các mùi thơm thúi.</p> <p>_ Lại nếu do mũi mà sanh thì chẳng có hai tướng thông bít, như thế tánh ngửi không có Tự-Tánh.</p> <p>_ A-Nan! Lại nếu tánh ngửi do hư-không mà có, thì đáng lẽ tánh ấy phải</p>
--	---

văn, hà quan nhữ nhập? _ Thị cố đương tri, ty nhập hư-vọng, bốn phi nhân-duyên, phi tự-nhiên tánh.	xoay lại ngửi mũi ông và hư-không tự có tánh ngửi, như vậy chẳng còn can-hệ với Ty-nhập. _ Xét theo lý ấy, phải nhận-thức: Ty-nhập là hư-vọng, vốn không phải nhân-duyên hoặc tự-nhiên.
---	--

9.	9. HIỂN-MINH THIỆT-NHẬP.
<p>阿難譬如有人。以舌舐吻熟舐令勞。其人若病則有苦味。無病之人微有甜觸。由甜與苦顯此舌根。不動之時淡性常在。兼舌與勞同是菩提。瞪發勞相因甜苦淡。二種妄塵發知居中。吸此塵象名知味性。此知味性離彼甜苦及淡二塵畢竟無體。</p> <p>_ A-Nan! Thí như hữu nhân, dĩ thiệt để (/thì) vẫn, thực để (/thì) linh lao. _ Kỳ nhân nhược bệnh, tắc hữu khổ vị, vô bệnh chi nhân, vi hữu điềm xúc. _ Do điềm dữ khổ, hiển thử thiệt căn, bất động chi thời, đậm tánh thường tại. (_ Do những cảm-xúc ngọt đắng, mà bày tỏ cái tánh nếm, còn khi không động, thì thường có tánh nhạt.) _ Kiêm thiệt dữ lao, đồng thị Bồ-Đề, trùng phát lao tướng. (_ Cả cái nếm và cái mồi mệt, đồng là thể-tánh Bồ-Đề, chăm chú phát ra tướng mồi mệt.) _ Nhân điềm khổ đậm, nhị chủng vọng-trần, phát tri cư trung, hấp thử trần-tượng, danh tri vị tánh. (_ Nhân nơi hai thử vọng-trần nhạt và ngọt đắng, phát cái nếm ở trong, thu nạp các trần-tượng đó, gọi là tánh biết nếm.) _ Thủ tri vị tánh, ly bỉ điềm khổ, cập đậm nhị trần, tất cánh vô thể.</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>_ A-Nan! Như có người lấy lưỡi liếm mép, liếm lâu thành mồi mệt; - chẳng khác nào người bệnh có vị đắng, kẻ khỏe có vị ngọt; - ngoài ra khi bình-thường có vị lạt, do đó mới rõ thiệt-căn.</p> <p>_ A-Nan! Ông nên biết: Thiệt-căn và các tướng vọng-trần đều do Tâm Bồ-Đề phát hiện.</p> <p>_ Thiệt-căn nhân theo các vị: đắng, ngọt và lạt, sanh ra tánh biết ở bên trong, rồi thâu nhận các trần-tượng, gọi là tánh biết vị.</p> <p>_ Nhưng nếu ly các vị: đắng, ngọt và lạt, rốt ráo tánh ấy không có tự-thể.</p>

如是阿難當知如是嘗苦淡知。非甜苦來非因淡有。又非根出不於空生。何以故若甜苦來。淡即知滅云何知淡。若從淡出甜即知亡。復云何知甜苦二相。若從舌生。必無甜淡及與苦塵。斯知味根本無自性。若於空出虛空自味非汝口知。又空自知何關汝入。是故

當知舌入虛妄。本非因緣非自然性。

<p>10. Như-thị, A-Nan! Dương tri như-thị, thường khổ đam tri, phi điêm khổ lai, phi nhân đam hữu, hựu phi căn xuất, bất ư không sanh. Hà dĩ cố?</p> <p>(_ Thật vậy, A-Nan! Ông nên biết rằng, cái biết đắng biết ngọt như vậy, không phải từ vị ngọt đắng mà đến, không phải nhân tánh nhạt mà có, không phải từ nơi lưỡi mà ra, cũng không phải do hư-không mà sanh. Vì cớ sao?)</p> <p>_ Nhược điêm khổ lai, đam tức tri diệt, vân hà tri đam?</p> <p>(_ Nếu từ các vị ngọt đắng mà đến, thì khi ngọt, cái biết nếm đã diệt rồi, làm sao biết được ngọt?)</p> <p>_ Nhược tùng đam xuất, điêm tức tri vong, phục vân hà tri, điêm khổ nhị tương?</p> <p>(_ Nếu từ cái nhạt mà ra, thì khi ngọt, cái nếm đã mất rồi, làm sao biết được vị ngọt đắng?)</p> <p>_ Nhược tùng thiệt sanh, tất vô điêm đam, cập dữ khổ trắn, tư tri vị căn, bốn vô Tự-Tánh.</p> <p>_ Nhược ư không xuất, hư-không tự vị, phi nhữ khẩu tri, hựu không tự tri, hà quan nhữ nhập?</p> <p>(_ Nếu do hư-không mà ra, thì hư-không tự nếm, chớ không phải lưỡi ông nếm, lại hư-không tự biết, nào có dính gì đến chỗ thu nạp của ông.)</p> <p>_ Thị cố đương tri, thiệt nhập hư-vọng, bốn phi nhân-duyên, phi tự-nhiên tánh.</p>	<p>10. Thật vậy, A-Nan! Tánh biết vị chǎng phải do đắng, ngọt, lạt mà tới, hoặc do thiệt-căn mà sanh, hoặc do hư-không mà có. Vì cớ sao?</p> <p>_ Nếu tánh biết vị do đắng, ngọt mà tới, thì khi lạt phải diệt theo đắng, ngọt rồi, không còn làm sao biết được lạt.</p> <p>_ Nếu tánh biết vị do lạt mà tới, thì khi đắng, ngọt phải diệt theo lạt rồi, không còn làm sao biết được đắng, ngọt.</p> <p>_ Lại nếu do thiệt-căn mà sanh thì chǎng có các tướng: đắng, ngọt và lạt, như thế tánh biết vị không có Tự-Tánh.</p> <p>_ Lại nếu tánh biết vị do hư-không mà có, thì hư-không tự biết vị, không còn can-hệ với Thiết-nhập.</p> <p>_ Xét theo lý ấy, nên nhận-thức: Thiết-nhập là hư-vọng, vốn không phải nhân-duyên hoặc tự-nhiên.</p>
--	--

11.	11. HIỂN-MINH THÂN-NHẬP.
<p>阿難譬如有人。以一冷手觸於熱手。若冷勢多熱者從冷。若熱功勝冷者成熱。如是以此合覺之觸顯於離知。涉勢若成因于勞觸。兼身與勞同是菩提。瞪發勞相因于離合。二種妄塵發覺居中。吸此塵象名知覺性。此知覺體離彼離合違順二塵畢竟無體。</p>	
<p>_ A-Nan! Thí như hữu nhân, dĩ nhứt lanh thủ, xúc ư nhiệt thủ.</p>	<p>_ A-Nan! Như có người lấy bàn tay lạnh hiệp lại với bàn tay nóng.</p>

<p>_ Nhược lanh thế đa, nhiệt giả tùng lanh. Nhược nhiệt công thăng, lanh giả thành nhiệt.</p> <p>(_ Nếu thế bên lạnh nhiều hơn, thì bên nóng cũng thành lạnh theo. Nếu thế bên nóng nhiều hơn, thì bên lạnh cũng thành nóng theo.)</p> <p>_ Như-thị dĩ thử, hiệp giác chi xúc, hiển ư ly tri.</p> <p>_ Thiệp thế nhược thành, nhân vu lao xúc.</p> <p>(_ Nếu cái thế chênh lệch hiện thành giữa nóng và lạnh, thì nhân đó phát ra mỗi mệt mà có cảm-xúc.)</p> <p>_ Kiêm thân dữ lao, đồng thị Bồ-ĐỀ, trừng phát lao tướng.</p> <p>(_ Cả cái biết cảm-xúc cùng cái mệt mệt, đồng là thể-tánh Bồ-ĐỀ, chăm chú phát ra tướng mỗi mệt.)</p> <p>_ Nhân vu ly hiệp, nhị chủng vọng-trần, phát giác cư trung, hấp thủ trần tượng, danh vi giác tánh.</p> <p>_ Thủ tri giác-thể, ly bỉ ly hiệp, di thuận nhị trần, tất cánh vô thể.</p>	<p>_ Nếu công-năng bên lạnh nhiều hơn, thì nóng phải theo lạnh. Nếu công-năng bên nóng nhiều hơn, thì lạnh phải theo nóng.</p> <p>_ Nếu biết tướng cảm-xúc lạnh và nóng, trong khi hiệp lại thì biết trong lúc ly ra.</p> <p>_ Công-năng lạnh hơn nóng làm cho nóng thành lạnh và công-năng nóng hơn lạnh làm cho lạnh thành nóng, đó là tướng cảm-xúc của hai bàn tay.</p> <p>_ Cả thân-căn và các tướng cảm-xúc đều do Tâm Bồ-ĐỀ phát hiện.</p> <p>_ Thân-căn nhân hai tướng hiệp-ly mà sanh ra tánh biết ở bên trong, rồi thâu nhận các vọng-trần, đó là tánh biết.</p> <p>_ Nhưng nếu xả hai tướng hiệp-ly, vọng-trần thuận nghịch thì rốt ráo tánh biết không có tự-thể.</p>
--	---

如是阿難當知是覺。非離合來非違順有。不於根出又非空生
。何以故。

<p>12. Như-thị, A-Nan! Đương tri thị giác, phi ly hiệp lai, phi vi thuận hữu, bất ư căn xuất, hữu phi không sanh. Hà dĩ cố?</p>	<p>12. Thật vậy, A-Nan! Ông nên hiểu tánh biết chẳng phải do hiệp-ly mà tới, hoặc do thuận nghịch mà có, hoặc do thân-căn mà sanh, hoặc do hư-không mà có. Vì cớ sao?</p>
--	--

若合時來。離當已滅云何覺離。違順二相亦復如是。若從根出。必無離合違順四相。則汝身知元無自性。必於空出。空自知覺。何關汝入。是故當知身入虛妄。本非因緣非自然性。

<p>13. Nhược hiệp thời lai, ly đương dĩ diệt, vân hà giác ly?</p> <p>(_ Nếu từ cái hợp mà đến, thì khi ly, cái biết đã mất rồi, làm sao biết được cái ly?)</p>	<p>13. Nếu tánh biết do hiệp mà tới, thì khi ly phải diệt theo hiệp rồi, không còn làm sao biết được ly.</p>
---	---

	<p>_ Nếu tánh biết do ly mà tối, thì khi hiệp phải diệt theo ly rồi, không còn làm sao biết được hiệp.</p>
<p>_ Vì thuận nhị tướng, diệc phục như-thì. (_ Đối với hai tướng trái và thuận, thì cũng như vậy.)</p> <p>_ Nhược tùng căn xuất, tất vô ly hiệp, vi thuận tứ tướng, tắc nhữ thân tri, nguyên vô Tự-Tánh.</p> <p>_ Tất ư không xuất, không tự tri giác, hà quan nhữ nhập?</p> <p>_ Thị cố đương tri, thân nhập hư-vọng, bỗn phi nhân-duyên, phi tự-nhiên tánh.</p>	<p>_ Luật về tánh biết với hai vọng-trần thuận nghịch, nghĩa-lý giống như vậy.</p> <p>_ Lại nếu tánh biết do thân-căn mà sanh, thì chẳng có bốn tướng: hiệp-ly thuận nghịch, như thế tánh biết không có Tự-Tánh.</p> <p>_ Lại nếu tánh biết do hư-không mà có, thì hư-không tự biết chẳng còn can-hệ với Thân-nhập.</p> <p>_ Xét theo lý ấy, nên nhận-thức: Thân-nhập là hư-vọng, vốn không phải nhân-duyên hoặc tự-nhiên.</p>

14.	14. HIỂN-MINH Ý-NHẬP.
	<p>阿難譬如有人。勞倦則眠睡熟便寤。覽塵斯憶失憶為妄。是其顛倒生住異滅。吸習中歸不相踰越稱意知根。兼意與勞同是菩提。瞪發勞相因于生滅。二種妄塵集知居中。吸撮內塵見聞逆流。流不及地名覺知性。此覺知性離彼寤寐。生滅二塵畢竟無體。</p>
<p>_ A-Nan! Thí như hữu nhân, lao quyện tắc mạnh, thỏa thực tiện ngộ, lạm trần tư ức, thất ức vi vong. (... ngon giấc rồi thức, khi nhận biết trần-cảnh thì nhớ, khi hết nhớ thì gọi là quên.)</p> <p>_ Thị kỳ điên-đảo, sanh trụ dị diệt, hấp tập trung qui, bất tương du việt, xứng ý tri căn. (..., thói quen thu nạp đưa vào trong, không lẫn lộn nhau, gọi là ý-căn.)</p> <p>_ Kiêm ý dữ lao, đồng thị Bồ-Đề, trừu phát lao tướng. (_ Cả cái ý-căn cùng cái mỏi mệt, đồng là thể-tánh Bồ-Đề, chăm chú phát ra tướng mỏi mệt.)</p> <p>_ Nhân vu sanh-diệt, nhị chủng vọng-trần, tập tri cư trung, hấp toát nội trần. Kiến văn nghịch lưu, lưu bất cập địa,</p>	<p>_ A-Nan! Như có người mỏi mệt thì ngủ, ngủ ngon giấc rồi thức, khi ngủ thì quên, khi thức thì nhớ.</p> <p>_ Gồm có các tướng điên-đảo: sanh, trụ, dị, diệt (1), thâu nhận vào trong, liên-tục nhau luôn, đó là ý-căn.</p> <p>_ Cả ý-căn và các tướng vọng-trần đều do Tâm Bồ-Đề phát hiện.</p> <p>_ Ý-căn nhân hai tướng vọng-trần: sanh-diệt, tập-khởi tánh biết ở bên trong, rồi thâu nhận các pháp-trần vào trong.</p>

<p>danh giác tri tánh.</p> <p>(_ Nhân nơi hai thứ vọng-trần sanh và diệt, nhóm cái biết ở trong, thu nạp pháp-trần bên trong, dòng thấy nghe đi ngược lại vào trong mà không đến đâu, gọi là cái ý-hay-biết.)</p>	<p>_ Nguyên năm căn khác như Nhãncǎn, Nhĩcǎn, Ty-cǎn, Thiết-cǎn và Thâncǎn, mỗi căn chỉ duyên theo địa-thế riêng mà thôi.</p> <p>_ Ví dụ: Nhãncǎn chỉ thấy chớ không duyên nghe.</p> <p>_ Nhĩcǎn chỉ nghe chớ không duyên ngủi.</p> <p>_ Ty-cǎn chỉ ngủi chớ không duyên nếm.</p> <p>_ Thiết-cǎn chỉ nếm chớ không duyên xúc.</p> <p>_ Thâncǎn chỉ xúc chớ không duyên hiểu-biết phân-biệt.</p> <p>_ Duy có Ý-cǎn năng duyên hiểu biết phân-biệt hàm-súc cả năm căn, bất-luận chỗ nào năm căn không duyên được thì ý-cǎn duyên được.</p> <p>_ Vì thế gọi là tánh giác-tri.</p>
<p>_ Thủ giác tri tánh, ly bỉ ngộ my, sanh diệt nhị trần, tất cánh vô thể.</p> <p>(_ Cái ý-hay-biết đó, rời hai trần thức và ngủ, sanh và diệt kia, rốt ráo không có tự-thể.)</p>	<p>_ Tuy-nhiên nếu ly hai thứ vọng-trần sanh-diệt trong khi thức, khi ngủ thì rốt ráo tánh giác-tri không có tự-thể.</p>

如是阿難當知如是覺知之根。非寤寐來非生滅有。不於根出亦非空生。何以故若從寤來。寐即隨滅將何為寐。必生時有。滅即同無令誰受滅。若從滅有。生即滅無孰知生者。若從根出。寤寐二相隨身開合。離斯二體此覺知者。同於空花畢竟無性。若從空生。自是空知何關汝入。是故當知意入虛妄。本非因緣非自然性。

<p>15. Như-thị, A-Nan! Đương tri như-thị, giác tri chi căn, phi ngộ my lai, phi sanh diệt hữu, bất ư căn xuất, diệc phi không sanh. Hà dĩ cố?</p> <p>(_ Thật vậy, A-Nan! Nên biết cái ý-cǎn hay biết như thế, không phải từ nơi thức nói ngủ mà đến, không phải do cái sanh cái diệt mà có, không phải từ nơi ý-cǎn mà phát ra, cũng không phải do nơi hư-không mà sanh. Vì cớ sao?)</p> <p>_ Nhược tùng ngộ lai, my tức tùy diệt, tương hà vi my?</p> <p>(_ Nếu từ nơi thức mà đến, thì khi ngủ đã theo cái</p>	<p>15. Thật vậy, A-Nan! Nên hiểu: Tánh giác-tri chẳng phải do thức ngủ mà tới, hoặc do sanh-diệt mà có, hoặc do căn mà hiện, hoặc do hư-không mà ra. Vì cớ sao?</p> <p>_ Nếu tánh giác-tri do thức mà tới, thì khi ngủ phải mất theo thức rồi, còn lấy chi mà ngủ?</p>
---	---

thức mà diệt rồi, còn lấy cái gì làm cái ngử?)	<p>_ Nếu tánh giác-tri do ngử mà tới, thì khi thức phải mất theo ngử rồi, còn lấy chi làm thức?</p>
<p>_ Tất sanh thời hữu, diệt tức đồng vô, linh thùy thọ diệt. (_ Nếu chắc lúc sanh mới có, thì khi diệt, đã hóa như không có rồi, thì lấy cái gì mà biết là diệt.)</p> <p>_ Nhược tùng diệt hữu, sanh tức diệt vô, thùy tri sanh giả. (_ Nếu do cái diệt mà có, thì khi sanh, không có diệt nữa, lấy gì mà biết là sanh.)</p> <p>_ Nhược tùng căn xuất, ngộ my nhị tướng, tùy thân khai hiệp. (_ Nếu do ý-căn mà ra, thì hai tướng thức ngử thay đổi lẫn nhau nơi thân-thể.)</p> <p>_ Ly tư nhị thể, thử giác tri giả, đồng ư không hoa, tất cánh vô tánh. (_ Nếu rời hai tướng ấy ra, thì cái ý-hay-biết đó, cũng như hoa đốm hư-không, rốt ráo không có Tự-Tánh.)</p> <p>_ Nhược tùng không sanh, tự thị không tri, hà quan nhữ nhập. (_ Nếu do hư-không mà sanh, thì hư-không tự biết, nào có dính gì chỗ thu nạp của ông.)</p> <p>_ Thị cố đương tri, ý nhập hư-vọng, bốn phi nhân-đuyên, phi tự-nhiên tánh.</p>	<p>_ Nếu tánh giác-tri do sanh mà có, thì khi diệt phải mất theo sanh rồi, còn lấy chi làm diệt?</p> <p>_ Nếu tánh giác-tri do diệt mà có, thì khi sanh phải mất theo diệt rồi, còn lấy chi làm sanh?</p> <p>_ Lại nếu tánh giác-tri do căn mà hiện, thì hai tướng thức ngử tùy thân khai hiệp.</p> <p>_ Nếu ly hai tướng thức ngử, thì tánh giác-tri cũng như hoa đốm giữa hư-không, rốt ráo không có Tự-Tánh.</p> <p>_ Lại nếu tánh giác-tri do hư-không mà ra, thì hư-không tự biết, không còn canhệ với Ý-nhập.</p> <p>_ Xét theo lý ấy, nên nhận-thức: Ý-nhập là hư-vọng, vốn không phải nhân-đuyên hoặc tự-nhiên.</p>

16.	16. HIỂN-MINH THẬP NHỊ XỨ.
復次阿難云何十二處本如來藏妙真如性。	
<p>_ Phục thứ, A-Nan! Vân hà thập nhị xứ bốn Như-Lai-Tạng, diệu Chơn-Như tánh?</p>	<p>Đức Phật bảo ngài A-Nan: _ A-Nan! Tại sao gọi thập nhị xứ vốn ở tánh Chơn-Như mầu-nhiệm của Như-Lai-Tạng?</p>

17.	17. HIỂN-MINH NHÃN VỚI SẮC.
	<p>阿難汝且觀此祇陀樹林及諸泉池。於意云何。此等為是色生眼見眼生色相。阿難若復眼根生色相者。見空非色色性應銷。銷則顯發一切都無。色相既無誰明空質。空亦如是。若復色塵生眼見者。觀空非色見即銷亡。亡則都無誰明空色。是故當知見與色空俱無處所。即色與見二處虛妄。本非因緣非自然性。</p>
<p>_ A-Nan! Nhữ thà quan thử, Kỳ-Đà thọ lâm, cập chư tuyển trì. Ư ý vân hà?</p> <p>_ Thủ dảng vi thị, sắc sanh nhãm kiến, nhãm sanh sắc tướng?</p> <p>(_ Như thế là sắc-trần sanh ra cái thấy, hay cái thấy sanh ra sắc-tướng?)</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>_ A-Nan! Ông hãy xem rừng Kỳ-Đà và các cảnh ao suối. Ý ông nghĩ sao?</p> <p>_ Đó là các sắc-tướng sanh ra tánh thấy ở mắt hay là tánh thấy ở mắt sanh ra các sắc-tướng?</p>
<p>_ A-Nan! Nhược phục nhãm-căn, sanh sắc tướng giả, kiến không phi sắc, sắc tánh ứng tiêu.</p> <p>(_ A-Nan! Nếu cái thấy sanh ra sắc-tướng, thì khi thấy hư-không, không có sắc-tướng, lẽ ra tánh thấy sanh ra sắc-tướng đã tiêu mất rồi.)</p> <p>_ Tiêu tặc hiển phát, nhứt-thiết đô vô.</p> <p>(_ Mà đã tiêu mất, thì tỏ ra hết thấy đều không.)</p> <p>_ Sắc tướng ký vô, thùy minh không chất. Không diệc như-thị.</p> <p>(_ Sắc-tướng đã không, thì lấy gì rõ được tướng hư-không? Đối với hư-không thì cũng như vậy.)</p> <p>_ Nhược phục sắc trần, sanh nhãm kiến giả, quan không phi sắc, kiến tức tiêu vong.</p> <p>(_ Lại nếu sắc-trần sanh ra cái thấy, thì khi thấy hư-không, không có sắc, cái thấy liền tiêu mất đi.)</p> <p>_ Vong tặc đô vô, thùy minh không sắc.</p> <p>(_ Tiêu mất thì tất cả đều không, lấy gì rõ được hư-không và sắc-tướng.)</p> <p>_ Thị cố đương tri, kiến dữ sắc không, cu vô xứ-sở.</p> <p>(_ Vậy nên biết rằng, cái thấy cùng sắc, không, đều không có xứ-sở.)</p>	<p>_ A-Nan! Nếu mắt sanh sắc thì khi thấy hư-không chẳng phải sắc, tức là tánh sanh sắc phải tiêu mất.</p> <p>_ Nếu tánh sanh sắc tiêu mất thì tất cả sắc-tướng đều không có.</p> <p>_ Nếu sắc-tướng không có thì chẳng có chi đối-chiếu để biết hư-không. Thế nên sắc chẳng phải do mắt sanh, cho tới hư-không cũng như vậy.</p> <p>_ Lại nếu sắc sanh tánh thấy ở mắt, thì khi mắt xem hư-không chẳng phải sắc thì tánh thấy phải tiêu mất.</p> <p>_ Nếu tánh thấy tiêu mất, thì chẳng có chi là không với sắc.</p> <p>_ Đành rằng hư-không chẳng có xứ-sở, nhưng tánh thấy với sắc-tướng lại cũng giống như thế.</p>

<p>_ Tức sắc dữ kiến, nhị xứ hư-vọng, bốn phi nhân-duyên, phi tự-nhiên tánh. (_ Tức sắc-trần và cái thấy, hai xứ đó đều luống dối.)</p>	<p>_ Vậy phải biết: Nhãm với Sắc đều hư-vọng, vốn không phải nhân-duyên hoặc tự-nhiên.</p>
---	--

18.	18. HIỂN-MINH NHĨ VỚI THỊNH.
<p>阿難汝更聽此祇陀園中。食辦擊鼓眾集撞鐘。鐘鼓音聲前後相續。於意云何。此等為是聲來耳邊耳往聲處。</p> <p>_ A-Nan! Nhữ cánh thính thử, Kỳ-Đà viên trung, thực biện kích cổ, chúng tập chàng chung. (..., khi đồ ăn dọn rồi thì đánh trống, khi chúng nhóm lại thì đánh chuông.)</p> <p>_ Chung cổ âm thịnh, tiền hậu tương tục. (_ Tiếng chuông, tiếng trống trước sau nối nhau.)</p> <p>_ Ủ ý vân hà? Thủ đẳng vi thị, thịnh lai nhĩ biên, nhĩ vâng thịnh xứ? (_ Ý ông nghĩ sao? Như thế là, cái tiếng đến bên cái nghe, hay cái nghe đến chỗ cái tiếng?)</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>_ A-Nan! Ông nghe trong vườn Kỳ-Đà này, khi dọn cơm xong thì đánh trống, đánh chuông để thính Đại-chúng nhóm họp.</p> <p>_ Tiếng trống và tiếng chuông hòa nhau trước sau liên tiếp.</p> <p>_ Ý ông nghĩ sao? Các tiếng tự tới Nhĩ-căn hay là Nhĩ-căn đến các chỗ phát ra tiếng.</p>

<p>阿難若復此聲來於耳邊。如我乞食室羅筏城。在祇陀林則無有我。此聲必來阿難耳處。目連迦葉應不俱聞。何況其中一千二百五十沙門。一聞鐘聲同來食處。若復汝耳往彼聲邊。如我歸住祇陀林中。在室羅城則無有我。汝聞鼓聲。其耳已往擊鼓之處。鐘聲齊出應不俱聞。何況其中象馬牛羊種種音響。若無來往亦復無聞。是故當知聽與音聲俱無處所。即聽與聲二處虛妄。本非因緣非自然性。</p>	
---	--

<p>19. A-Nan! Như ợc phục thử thịnh, lai ư nhĩ biên. (_ A-Nan! Nếu như cái tiếng đó đến bên cái nghe,</p> <p>_ Như ngã khất thực, Thất-La-Phiệt thành, tại Kỳ-Đà lâm, tắc vô hữu ngã. - thì cũng như Ta khất-thực trong thành Thất-La-Phiệt, tại rừng Kỳ-Đà không có Ta nữa.)</p>	<p>19. A-Nan! Nếu các tiếng tự tới nhĩ-căn của ông thì không có lý gì tới được các nhĩ-căn khác.</p> <p>_ Ví dụ: Ta đi khất-thực trong thành Thất-La-Phiệt, thì tại vườn Kỳ-Đà phải vắng mặt Ta, vì một mình Ta không thể ở một lượt hai chỗ.</p>
---	---

<p>_ Thủ thinh bất lai, A-Nan nhĩ xứ, Mục-Liên, Ca-Diếp ứng bất cụ văn.</p> <p>(_ Cái tiếng đó đã đến bên cái nghe của ông A-Nan, thì lẽ ra ông Mục-Liên, ông Ca-Diếp không cùng nghe một lần.)</p> <p>_ Hà huống kỳ trung, nhứt thiên nhị bá, ngũ thập sa-môn, nhứt văn chung thinh, đồng lai thực xứ.</p> <p>(_ Huống chi, trong này có 1250 vị Sa-môn, một khi nghe tiếng chuông, đồng đến chỗ ăn cơm cả.)</p>	<p>_ Nếu các tiếng tự tới nhĩ-căn của ông, thì đáng lý hai ông Mục-Kiền-Liên và Ca-Diếp không thể đồng nghe với ông.</p> <p>_ Tại sao trong Đại-chúng có đến 1250 vị Sa-môn (2) đồng nghe một lượt tiếng trống và tiếng chuông để vào họp tại nhà ăn?</p>
	<p>_ Đó là chứng tỏ tiếng trống và tiếng chuông không phải tự tới Nhĩ-căn của ông.</p>
<p>_ Nhược phục nhữ nhĩ, vãng bỉ thinh biên.</p> <p>(_ Lại như cái nghe của ông, đến bên cái tiếng.)</p> <p>_ Như ngã qui trụ, Kỳ-Đà lâm trung, tại Thất-La-Phiệt thành, tắc vô hữu ngã.</p> <p>(_ Thị cũng như Ta đã về rừng Kỳ-Đà rồi, trong thành Thất-La-Phiệt, không còn Ta nữa.)</p>	<p>_ Nếu Nhĩ-căn của ông đến chỗ phát ra tiếng, thì không thể đến được một lượt nhiều chỗ.</p> <p>_ Ví dụ: Ta khất-thực xong, trở về vườn Kỳ-Đà, dĩ-nhiên ở thành Thất-La-Phiệt không thể có Ta nữa.</p>
<p>_ Nhữ văn cổ thinh, kỳ nhĩ dĩ vãng, kích cổ chi xứ, chung thinh tề xuất, ứng bất cụ văn.</p> <p>(_ Vậy khi ông nghe tiếng trống, cái nghe của ông đã đến nơi tiếng trống rồi, thì khi tiếng chuông cũng phát ra, lẽ ra ông không thể nghe cả hai bên.)</p>	<p>_ Nếu Nhĩ-căn của ông tới chỗ phát ra tiếng, thì khi ông nghe tiếng trống, tức là Nhĩ-căn đã qua chỗ đánh trống, không còn làm sao đến chỗ đánh chuông được.</p> <p>_ Nếu Nhĩ-căn không đến chỗ đánh chuông, thì khi chuông trống đồng nổi lên một lượt, đáng lẽ ông chẳng nghe được cả trống lẫn chuông, vì chỗ đánh chuông không có Nhĩ-căn của ông, nhưng tại sao ông nghe được một lượt hai tiếng ấy?</p>
<p>_ Hà huống kỳ trung, tượng mã ngưu dương, chủng chủng âm hưởng. Nhược vô lai vãng, diệc phục vô văn.</p> <p>(_ Huống nữa, ông còn nghe được cả tiếng voi, ngựa, trâu, dê và nhiều thứ tiếng trong rừng đồng kêu và ông cũng đồng nghe.)</p>	<p>_ Vả lại ở trong đó còn có tiếng của voi, ngựa, trâu, dê và nhiều thứ tiếng trong rừng đồng kêu và ông cũng đồng nghe.</p> <p>_ Đó là chứng tỏ Nhĩ với Thinh đi qua đi lại thì không đúng.</p> <p>_ Lại nếu Nhĩ với Thinh chẳng đi qua chẳng đi lại thì cũng không đúng, vì hai bên chẳng qua lại thì đáng lý ông không</p>

	nghe, nhưng ông vẫn nghe được.
<p>_ Thị cố đương tri, thính dữ âm thính, cu vô xứ-sở, tức thính dữ thính, nhị xứ hư-vọng, bốn phi nhân-duyên, phi tự-nhiên tánh.</p> <p>(_ Vậy nên biết rằng, cái nghe và cái tiếng đều không có xứ-sở, tức cái nghe và thính-trần, hai xứ đều luồng đối...)</p>	<p>_ Vậy phải biết: Nhĩ và Thinh chẳng có xứ-sở, thảy đều hư-vọng, vốn không phải nhân-duyên hoặc tự-nhiên.</p>

20.	20. HIỂN-MINH TÝ VỚI HƯƠNG.
<p>阿難汝又嗅此鑪中栴檀。此香若復然於一銖。室羅筏城四十里內同時聞氣。於意云何。此香為復生栴檀木。生於汝鼻為生於空。</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>_ Ông ngửi hương Chiên-dàn ở trong lư, khi hương ấy cháy lên một ít, thì khắp thành Thất-La-Phiệt trong vòng 40 dặm, dân chúng đồng ngửi mùi thơm. Ý ông nghĩ sao?</p> <p>_ Hương sanh nơi cây Chiên-dàn, hoặc nơi Ty-căn (lỗ mũi) của ông, hoặc nơi hư-không?</p>

<p>阿難若復此香生於汝鼻。稱鼻所生當從鼻出。鼻非栴檀。云何鼻中有栴檀氣。稱汝聞香當於鼻入。鼻中出香說聞非義。若生於空。空性常恒香應常在。何藉鑪中爇此枯木。若生於木則此香質因爇成煙。若鼻得聞合蒙煙氣。其煙騰空未及遙遠。四十里內云何已聞。是故當知香臭與聞俱無處所。即嗅與香二處虛妄。本非因緣非自然性。</p>	
---	--

21. A-Nan! Nhược phục thủ hương, sanh ư nhữ ty, xưng ty sở sanh, đương tùng ty xuất.	21. A-Nan! Nếu hương sanh nơi Ty-căn của ông thì phải từ Ty-căn mà ra.
<p>(_ A-Nan! Nếu như mùi thơm ấy sanh ra do lỗ mũi của ông, thì đã gọi là do lỗ mũi sanh ra, tất phải từ lỗ mũi mà ra,</p> <p>_ Ty phi chiên-dàn, vân hà ty trung, hữu chiên-dàn khí?</p> <p>- lỗ mũi không phải chiên-dàn, làm sao trong lỗ mũi, lại có được mùi thơm chiên-dàn?)</p> <p>_ Xưng nhữ văn hương, đương ư ty nhập,</p>	<p>_ Nhưng Ty-căn chẳng phải là Chiên-dàn làm sao trong Ty-căn lại có hương Chiên-dàn?</p> <p>_ Vả chăng Ty-căn của ông ngửi hương</p>

<p>ty trung xuất hương, thuyết văn phi nghĩa.</p> <p>(_ Lại đã gọi rằng ông ngửi mùi thơm, thì mùi thơm phải vào trong lỗ mũi, còn trong lỗ mũi phát ra mùi thơm, mà nói rằng ngửi được, thì không đúng nghĩa.)</p> <p>_ Nhược sanh ư không, không tánh thường hằng, hương ứng thường tại, hà tại lư trung, nhiệt thử khô mộc?</p> <p>_ Nhược sanh ư mộc, tắc thử hương chất, nhân nhiệt thành yên. Nhược ty đắc văn, hiệp mong yên khí.</p> <p>(_ Nếu mùi thơm sanh ra do cây chiên-dàn, thì cái chất thơm ấy, nhân đốt mà thành khói. Nếu lỗ mũi ngửi được, thì lẽ ra khói phải xông đến lỗ mũi,</p> <p>_ Kỳ yên đằng không, vị cập diệu viễn, tứ thập lý nội, vân hà dĩ văn!</p> <p>- làm sao khói đó lên trên không, chưa được bao xa, mà trong 40 dặm đều ngửi thơm cả.)</p> <p>_ Thị cố đương tri, hương ty dữ văn, cu vô xứ-sở, tức khứu dữ hương, nhị xứ hy vọng, bốn phi nhân-duyên, phi tự-nhiên tánh.</p> <p>(_ Vậy nên biết rằng, hương-trần và cái ngửi, đều không có xứ-sở, tức cái ngửi và hương-trần, hai xứ đều luống đối...)</p>	<p>tất-nhiên hương phải ở ngoài bay vào Ty-căn, rồi Ty-căn mới ngửi, chớ như hương ở Ty-căn bay ra mà gọi là ngửi thì vô-lý.</p> <p>_ Nếu hương sanh nơi hư-không thì tánh hư-không vẫn trường-tồn, thì hương cũng phải trường-tồn mới phải, cớ sao lại phải đốt cây Chiên-dàn khô trong lư mới có hương?</p> <p>_ Lại nếu hương sanh nơi cây Chiên-dàn, thì chất hương phải có đốt ra thành khói, Ty-căn mới ngửi được.</p> <p>_ Tại sao khói ấy bay lên hư-không, chưa tản ra xa mà dân chúng ở trong vòng 40 dặm đều ngửi được?</p> <p>_ Vậy phải biết: Ty với hương chẳng có xứ-sở, thảy đều hư-vọng, vốn không phải nhân-duyên hoặc tự-nhiên.</p>
--	--

22.	22. HIỂN-MINH THIỆT VỚI VỊ.
<p>阿難汝常二時眾中持鉢。其間或遇酥酪醍醐名為上味。於意云何。此味為復生於空中。生於舌中為生食中。</p>	
<p>_ A-Nan! Nhữ thường nhị thời, chúng trung trì bát, kỳ gian hoặc ngộ tô-lạc đê-hồ, danh vi thượng vị. Ú ý vân hà?</p> <p>_ Thủ vị vi phục, sanh ư không trung? Sanh ư thiệt trung? Vì sanh thực trung?</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>_ A-Nan! Thường nhứt hai thời, ông ở trong Đại-chúng trì bát khất-thực, có khi gặp những món tô-lạc đê-hồ (3) là thực-phẩm có vị rất ngon. Ý ông nghĩ sao?</p> <p>_ Vị sanh ở hư-không, hoặc ở Thiết-căn, hoặc ở thực-phẩm?</p>

阿難若復此味生於汝舌。在汝口中祇有一舌。其舌爾時已成酥味。遇黑石蜜應不推移。若不變移不名知味。若變移者舌非多體。云何多味一舌之知。若生於食食非有識云何自知。又食自知即同他食。何預於汝滋味之知。若生於空汝噉虛空當作何味。必其虛空若作鹹味。既鹹汝舌亦鹹汝面。則此界人同於海魚。既常受鹹了不知淡。若不識淡亦不覺鹹。必無所知云何滋味。是故當知味舌與嘗俱無處所。即嘗與味二俱虛妄。本非因緣非自然性。

23. A-Nan! Như Ước phục thử vi sanh ư nhữ thiêt, tại nhữ khẩu trung, kỳ hưu nhứt thiêt, kỳ thiêt nhĩ thời, dĩ thành tô vị, ngô hắc thạch mật, ứng bất suy di.

(_ A-Nan! Nếu vị ấy sanh ra do nơi cái lưỡi của ông, thì ở trong miệng ông, chỉ có một cái lưỡi, cái lưỡi lúc bấy giờ đã thành vị tò rồi, nếu gặp đường phèn, lẽ ra cái vị không đổi đổi.)

_ Như Ước bất biến di, bất danh tri vị.

(_ Mà nếu không đổi đổi, thì không gọi được là biết vị.)

_ Như Ước biến di giả, thiêt phi đa thể, vân hà đa vị, nhứt thiêt chi tri?

(_ Còn nếu đổi đổi, thì cái lưỡi không phải có nhiều tự-thể, làm sao một cái lưỡi lại biết được nhiều vị?)

_ Như Ước sanh ư thực, thực phi hữu thức, vân hà tự tri?

_ Hữu thực tự tri, tức đồng tha thực, hà dự ư nhữ, danh vị chi tri?

(_ Lại đồ ăn tự biết, thì cũng đồng như người khác ăn, nào có dính gì đến ông, mà gọi rằng ông biết vị?)

_ Như Ước sanh ư không, nhữ đam hư-không, đương tác hà vị?

_ Tất kỳ hư-không, như Ước tác hàm vị, ký hàm nhữ thiêt, diệc hàm nhữ diện, tắc thử giới nhân, đồng ư hải-ngư.

(_ Nếu cái hư-không đó vị mặn, thì đã làm mặn cái lưỡi của ông, cũng phải làm mặn cái mặt của ông, và mọi người trong cõi này, cũng giống như cá biển,

_ Ký thường thọ hàm, liễu bất tri đậm.

- đã thường chịu cái mặn, không còn biết thế nào là

23. A-Nan! Nếu vị sanh ở Thiệt-căn của ông thì miệng chỉ có một Thiệt-căn, khi ấy đã thành vị tò-lạc đê-hồ rồi, nếu gặp một vị khác, chẳng hạn như vị mật hắc-thạch, Thiệt-căn cũng không thay đổi vị.

_ Nếu Thiệt-căn không thay đổi vị thì không được gọi là biết vị.

_ Nếu Thiệt-căn có thay đổi vị thì Thiệt-căn không phải nhiều thể, tức là không thể nào biết được nhiều vị.

_ Lại nếu vị ở thực-phẩm, thì thực-phẩm không có tính biết, làm sao tự biết vị.

_ Nếu thực-phẩm tự biết vị thì như kẻ khác ăn, không còn can-hệ với ông, như thế chẳng làm sao gọi là biết vị.

_ Lại nếu vị sanh ở hư-không, thì ông thử nếm hư-không là vị gì?

_ Nếu hư-không là vị mặn thì hư-không làm mặn cả lưỡi và mặt của ông, cho đến tất cả dân chúng ở khắp thế-giới đều thọ vị mặn cũng như cá biển. Như thế thật là phi-lý.

_ Lại nếu thọ mãi vị mặn, thì chẳng còn biết vị lạt.

<p>nhặt nữa.)</p> <p>_ Nhược bất thức đam, diệc bất giác hàm.</p> <p>_ Tất vô sở tri, vân hà danh vị?</p> <p>(_ Mà đã không biết cái gì, thì làm sao còn gọi là biết vị?)</p> <p>_ Thị cố đương tri, vị thiêt dữ thường, cu vô xứ-sở, tức thường dữ vị, nhị cu hưng-vọng, bốn phi nhân-đuyên, phi tự-nhiên tánh.</p> <p>(_ Vậy nên biết rằng, các vị và cái lưỡi biết nếm, đều không có xứ-sở, tức cái biết nếm cùng với các vị, hai xứ đều luống đối...)</p>	<p>_ Nếu chẳng biết vị lạt, thì cũng chẳng biết vị mặn.</p> <p>_ Nếu chẳng biết vị nào cả tất-nhiên không gọi được là biết vị.</p> <p>_ Vậy phải biết: Thiệt với Vị chẳng có xứ-sở, thảy đều hưng-vọng, vốn không phải nhân-đuyên hoặc tự-nhiên.</p>
---	--

24.	24. HIỂN-MINH THÂN VỚI XÚC.
<p>阿難汝常晨朝以手摩頭。於意云何。此摩所知唯為能觸。能為在手為復在頭。若在於手。頭則無知云何成觸。若在於頭。手則無用云何名觸。若各各有則汝阿難應有二身。若頭與手一觸所生。則手與頭當為一體。若一體者觸則無成。若二體者觸誰為在。在能非所在所非能。不應虛空與汝成觸。是故當知覺觸與身俱無處所。即身與觸二俱虛妄。本非因緣非自然性。</p> <p>_ A-Nan! Nhữ thường thần triêu, dĩ thủ ma đầu. Ứ ý vân hà?</p> <p>_ Thủ ma sở tri, thùy vi năng xúc, năng vi tại thủ, vi phục tại đầu.</p> <p>_ Nhược tại ư thủ, đầu tắc vô-tri, vân hà thành xúc?</p> <p>_ Nhược tại ư đầu, thủ tắc vô-dụng, vân hà danh xúc?</p> <p>_ Nhược các hữu, tắc nhữ A-Nan, ưng hữu nhị thân.</p> <p>_ Nhược đầu dữ thủ, nhứt xúc sở sanh, tắc thủ dữ đầu, đương vi nhứt thể, nhược nhứt thể giả, xúc tắc vô thành.</p> <p>(_ Nếu cả đầu và tay, đều do một cảm-xúc sanh ra, thì tay và đầu lẽ ra chỉ có một tự-thể, mà nếu chỉ có một tự-thể, thì không năng, không sở, cảm-xúc không thành-lập được.)</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>_ Thường lê sớm mai, ông lấy tay chà đầu. Ý ông nghĩ sao?</p> <p>_ Khi ông dùng tay chà đầu, như vậy do đâu có xúc, hoặc do tay, hoặc do đầu?</p> <p>_ Nếu xúc do tay mà biết thì đầu không biết, làm sao thành xúc?</p> <p>_ Nếu xúc do đầu mà biết thì tay là vật vô-dụng, làm sao thành xúc?</p> <p>_ Nếu xúc do tay và đầu mà biết thì ông A-Nan phải có hai thân mới được.</p> <p>_ Nếu tay và đầu chỉ có một xúc, hóa ra tay và đầu chỉ có một thể thì xúc không thành.</p>

<p>_ Nhược nhị thể giả, xúc thùy vi tại?</p> <p>(_ Còn nếu là hai thể, thì cảm-xúc ở phía nào?</p> <p>_ Tại năng phi sở, tại sở phi năng.</p> <p>- ở bên năng, thì không ở bên sở, ở bên sở, thì không ở bên năng,</p> <p>_ Bất ứng hư-không, dữ nhữ thành xúc.</p> <p>- không lẽ hư-không tạo thành cảm-xúc cho ông?)</p> <p>_ Thị cố đương tri, giác xúc dữ thân, cu vô xứ-sở, tức thân dữ xúc, nhị cu hư-vọng, bốn phi nhân-duyên, phi tự-nhiên tánh.</p> <p>(_ Vậy nên biết rằng, cảm-xúc và thân-căn, đều không có xứ-sở, tức cái thân biết cảm-xúc cùng cái cảm-xúc, hai thứ đều luống đối...)</p>	<p>_ Lại nếu tay và đầu là hai thể thì xúc thuộc về bên năng-xúc tức là hay phát ra xúc, hoặc sở-xúc tức là bị xúc?</p> <p>_ Nếu thuộc về bên năng-xúc thì thiếu sở-xúc, còn thuộc về bên sở-xúc thì thiếu năng-xúc, có một thiếu môt, một xúc cũng bất-thành.</p> <p>_ A-Nan! Như vậy lấy chi thế vào chỗ thiếu? Chẳng lẽ lấy hư-không thế vào chỗ thiếu, hoặc năng-xúc hoặc sở-xúc để thành lập cái xúc cho ông?</p> <p>_ Nghiêm-xét theo lý ấy, phải biết: Thân với Xúc không có xứ-sở, thấy đều hư-vọng, vốn không phải nhân-duyên hoặc tự-nhiên.</p>
--	---

25.	25. HIỂN-MINH Ý VỚI PHÁP.
<p>阿難汝常意中所緣善惡無記三性生成法則。此法為復即心所生。為當離心別有方所。</p>	
<p>_ A-Nan! Nhữ thường ý trung, sở duyên thiện, ác, vô-ký tam tánh, sanh thành pháp tắc.</p> <p>_ Thủ pháp vi phục, tức tâm sở sanh? Vì đương ly tâm, biệt hữu phuơng sở?</p> <p>(_ Những pháp-trần đó, tức nơi tâm mà sanh ra? Hay là rời cái tâm, riêng có chỗ khác?)</p> <p>Phuơng-sở (方所): phuơng-vị, xứ-sở, nơi chốn.</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>_ A-Nan! Thông-thường ý-căn của ông hay duyên theo tánh thiện, tánh ác, tánh vô-ký (4) mà sanh các pháp.</p> <p>_ Các pháp ấy do ý-căn sanh hoặc ly ý-căn mà có xứ-sở riêng?</p>

阿難若即心者。法則非塵非心所緣云何成處。若離於心別有方所。則法自性為知非知。知則名心異汝非塵。同他心量即汝即心。云何汝心更二於汝。若非知者此塵既非色聲香味離合冷暖。及虛空相當於何在。今於色空都無表示。不應人間更有空外。心非所緣處從誰立。是故當知法則與心俱無處所。則意與法二俱虛妄。本非因緣非自然性。

26. A-Nan! Nhược tức tâm giả, pháp tắc phi trần, phi tâm sở duyên, vân hà thành xứ?

(_ A-Nan! Nếu tức nơi tâm, thì pháp-trần không phải là trần-cánh nữa, và như thế, thì nó không phải là cái sở duyên của tự-tâm, làm sao thành một xứ được.)

_ Nhược ly ư tâm, biệt hữu phương sở, tắc pháp Tự-Tánh, vi tri phi tri?

(_ Nếu rời cái tâm, riêng có chỗ khác, thì bản-tánh của pháp-trần là có biết hay không có biết?)

_ Tri tắc danh tâm, dị nhữ phi trần, đồng tha tâm lượng, tức nhữ tức tâm, vân hà nhữ tâm, cánh nhị ư nhữ?

(_ Nếu có biết, thì gọi là tâm, nhưng nếu nó khác với ông và không phải trần-cánh, thì cũng như cái tâm của người khác, còn nếu nó tức là ông và cũng tức là tâm, thì làm sao cái tâm nơi ông lại thành hai được?)

_ Nhược phi tri giả, thử trân ký phi sắc thinh hương vị, ly hiệp lanh noān, cập hư-không tương, đương ư hà tại?

(_ Lại nếu như không có biết, cái pháp-trần đó đã không phải sắc, thinh, hương, vị, ly, hiệp, lạnh, nóng, và tương hư-không, thì nó sẽ ở chỗ nào?)

_ Kim ư sắc không, đô vô biểu thị, bất ứng nhân-gian, cánh hữu không ngoại.

(_ Hiện nay nơi sắc không, không thể chỉ nó ra được, không lẽ trong nhân-gian lại có cái ngoài hư-không?)

_ Tâm phi sở duyên, xứ tùng thùy lập.

(_ Không có cảnh sở duyên, thì ý-căn do đâu mà lập thành một xứ được?)

_ Thị cố đương tri, pháp tắc dữ tâm, cu vô xứ-sở, tắc ý dữ pháp, nhị cu hư-vọng, bốn phi nhân-duyên, phi tự-nhiên tánh.

(_ Vậy nên biết rằng, pháp-trần cùng ý-căn, đều không có xứ-sở, tức ý-căn cùng pháp-trần, hai xứ đều luồng dối...)

26. A-Nan! Nếu các pháp do ý-căn sanh, thì không phải là trần. Nếu các pháp không có duyên theo ý-căn thì làm sao thành xứ-sở?

_ Nếu các pháp ly ý-căn mà có xứ-sở riêng, bốn-tánh của các pháp có biết hay không biết?

_ Nếu tánh pháp có biết thì gọi là Ý, chẳng phải là Trần, nhưng khác biệt với thể của ông và đồng một tâm-lượng với kẻ khác, nếu pháp có biết là ông và cũng là ý của ông thì ý thành ra hai tướng ở trong người ông hay sao?

_ Lại nếu pháp không biết thì chẳng phải là các tướng: sắc, thinh, hương, vị, hiệp, ly, ấm, lạnh, cũng chẳng phải là tướng hư-không, như thế pháp ấy ở chỗ nào?

_ Nếu ở trong sắc-tướng và hư-không chẳng có chỗ nào chỉ rõ được cái gì là pháp, thì chẳng lẽ trong cõi nhân-gian lại có các pháp ở ngoài hư-không.

_ Mà ý-căn chẳng duyên được, như vậy còn biết tự đâu mà lập xứ-sở?

_ Xét theo lý ấy, phải biết: Ý với Pháp không có xứ-sở, thấy đều hư-vọng, vốn không phải nhân-duyên hoặc tự-nhiên.

27.	27. PHẬT HIỀN-MINH THẬP BÁT GIỚI.
復次阿難云何十八界本如來藏妙真如性。	
<p>_ Phục thứ, A-Nan! Vân hà thập bát giới, bốn Như-Lai-Tạng, diệu Chơn-Như-tánh?</p>	<p>Đức Phật bảo ngài A-Nan:</p> <p>_ A-Nan! Tại sao thập bát giới vốn ở tánh Chơn-Như mâu-nhiệm của Như-Lai-Tạng?</p>

28.	28. HIỀN-MINH NHÃN-GIỚI, SẮC-GIỚI, NHÃN-THỨC-GIỚI.
阿難如汝所明。眼色為緣生於眼識。此識為復因眼所生以眼為界。因色所生以色為界。	
<p>阿難若因眼生。既無色空無可分別。縱有汝識欲將何用。汝見又非青黃赤白。無所表示從何立界。若因色生。空無色時汝識應滅。云何識知是虛空性。若色變時汝亦識其色相遷變。汝識不遷界從何立。從變則變界相自無。不變則恒既從色生。應不識知虛空所在。若兼二種眼色共生。合則中離離則兩合。體性雜亂云何成界。是故當知眼色為緣生眼識界。三處都無。則眼與色及色界三。本非因緣非自然性。</p>	
<p>_ A-Nan! Như nhữ sở minh, nhãnh sắc vi duyên, sanh ư nhãnh-thức.</p> <p>(_ A-Nan! Như ông bày tỏ, nhãnh-căn và sắc-trần làm duyên sanh ra nhãnh-thức.)</p> <p>_ Thủ thức vi phục, nhân nhãnh sở sanh, dĩ nhãnh vi giới, nhân sắc sở sanh, dĩ sắc vi giới.</p> <p>(_ Thức đó lại là nhân nhãnh-căn sanh ra, lấy nhãnh-căn làm giới, hay nhân sắc-trần sanh ra, lấy sắc-trần làm giới?)</p> <p>_ A-Nan! Như ược nhân nhãnh sanh, ký vô sắc không, vô khả phân-biệt, túng hữu nhữ thức, dục tương hà dụng.</p> <p>(_ A-Nan! Nếu nhân nhãnh-căn sanh ra, mà không có sắc có không, thì không thể phân-biệt, đâu cho có cái thức của ông thì đem ra dùng về việc gì?)</p> <p>_ Nhữ kiến hựu phi, thanh huỳnh xích bạch, vô sở biểu thị, tùng hà lập giới?</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>_ A-Nan! Như ông thừa hiểu, Nhãnh-căn và Sắc-trần làm duyên tương-đối nhau sanh ra Nhãnh-thức.</p> <p>_ Vậy Thức do Nhãnh sanh, lấy Nhãnh làm giới-hạn, hay là do Sắc sanh, lấy Sắc làm giới-hạn?</p> <p>_ A-Nan! Nếu Thức do nhãnh sanh, thì chẳng có sắc-tương và hư-không, còn làm sao phân-biệt? Nếu không phân-biệt được thì thức của ông thành vô-dụng.</p> <p>_ Vả lại tánh thấy của ông, ngoài các món: xanh, vàng, đỏ, trắng, v.v..., cũng</p>

<p>(_ Cái thấy của ông, ngoài những sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, thì không thể biểu-hiện được, vậy do đâu mà lập thành ra giới?)</p> <p>_ Nhược nhân sắc sanh, không vô sắc thời, nhữ thức ứng diệt, vân hà thức tri, thị hư-không tánh?</p> <p>(_ Nếu nhân sắc-trần sanh ra, thì khi chỉ có hư-không, không có sắc, lẽ ra cái thức của ông phải diệt, làm sao còn biết được là hư-không?)</p> <p>_ Nhược sắc biến thời, nhữ diệc thức kỳ sắc-tương thiêng biến, nhữ thức bất thiêng, giới tùng hà lập?</p> <p>(_ Nếu khi sắc-tương biến đổi thành hư-không, ông cũng biết rằng sắc-tương biến đổi, mà cái thức của ông thì không biến đổi, thế thì do đâu mà lập sắc-trần làm giới?)</p> <p>_ Tùng biến tắc biến, giới tương tự vô.</p> <p>(_ Nếu theo sắc-trần mà biến đổi, thì tự-nhiên sắc-trần không thành giới được.)</p> <p>_ Bất biến tắc hằng, ký tùng sắc sanh, ứng bất thức tri, hư-không sở tại.</p> <p>(_ Nếu không biến đổi thì là thường-hằng, cái thức đã do sắc-trần sanh ra, lẽ ra không thể biết hư-không ở đâu?)</p> <p>_ Nhược kiêm nhị chủng, nhãnh sắc cộng sanh, hiệp tắc trung ly, ly tắc luồng hiệp, thể tánh tạp loạn, vân hà thành giới?</p> <p>(_ Nếu gồm hai thứ nhãnh-căn và sắc-trần chung cùng sanh ra, vậy, như hợp lại, thì ở giữa phải ly, còn như ly ra, thì hai bên lại hợp, thể-tánh xen lộn, làm sao thành được giới?)</p> <p>_ Thị cố đương tri, nhãnh sắc vi duyên, sanh nhãnh-thức-giới, tam xứ đô vô, tắc nhãnh dữ sắc, cập sắc giới tam, bốn phi nhãnh-duyên, phi tự-nhiên tánh.</p> <p>(_ Vậy nên biết rằng, nhãnh-căn sắc-trần làm duyên, sanh ra nhãnh-thức-giới, cả ba chỗ đều không, và ba giới nhãnh-căn, sắc-trần và nhãnh-thức, vốn không phải tánh nhãnh-duyên, không phải tánh tự-nhiên.)</p>	<p>không có chỗ nào chỉ rõ Nhãnh-căn ở trong, sắc-trần ở ngoài, thì làm sao lập được giới-hạn của Thức.</p> <p>_ Nếu Thức do sắc sanh, thì trong khi có hư-không mà chẳng có sắc-tương, Thức của ông phải tiêu-diệt, còn làm sao biết được tánh hư-không?</p> <p>_ Ông cũng thừa hiểu, khi các sắc-tương thay đổi, còn Thức của ông chẳng thay đổi, thì do đâu mà lập giới-hạn?</p> <p>_ Nếu Thức theo sắc mà thay đổi tức là Thức biến-diệt thì không thể có giới-hạn được.</p> <p>_ Nếu Thức chẳng thay đổi thì Thức sanh ra bởi sắc, như vậy đáng lý chỉ biết sắc-trần chứ chẳng biết hư-không.</p> <p>_ Lại nếu Thức do Nhãnh và Sắc chung hiệp mà sanh, thì Nhãnh Sắc hiệp, Thức phải ly, Nhãnh Sắc ly, Thức phải loạn, thể-tánh lộn xộn, còn làm sao lập giới-hạn?</p> <p>_ Vậy phải biết: Nhãnh-căn và Sắc-trần làm duyên tương-đối mà sanh Nhãnh-Thức-giới, cả ba giới ấy đều không có thiệt-thể, toàn là hư-vọng, vốn không phải nhãnh-duyên hoặc tự-nhiên.</p>
--	--

29.	29. HIỀN-MINH NHĨ-GIỚI, THỊNH-GIỚI, NHĨ-THỨC-GIỚI.
阿難又汝所明。耳聲為緣生於耳識。此識為復因耳所生以耳為界。因聲所生以聲為界。	
<p>_ A-Nan! Hựu nhữ sở minh, nhĩ thính vi duyên, sanh ư nhĩ thức.</p> <p>_ Thủ thức vi phục, nhân nhĩ sở sanh, dĩ nhĩ vi giới, nhân thính sở sanh, dĩ thính vi giới?</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>_ A-Nan! Như ông thừa hiểu, Nhĩ-căn và Thịnh-trần làm duyên tương-đối nhau sanh ra Nhĩ-thức.</p> <p>_ Vậy Thức do Nhĩ sanh, lấy Nhĩ làm giới-hạn, hoặc do Thịnh sanh, lấy Thịnh làm giới-hạn?</p>
阿難若因耳生。動靜二相既不現前。根不成知必無所知。知尚無成識何形貌。若取耳聞。無動靜故聞無所成。云何耳形雜色觸塵名為識界。則耳識界復從誰立。若生於聲。識因聲有則不關聞。無聞則亡聲相所在。識從聲生。許聲因聞而有聲相。聞應聞識不聞非界。聞則同聲。識已被聞誰知聞識。若無知者終如草木。不應聲聞雜成中界。界無中位。則內外相復從何成。是故當知耳聲為緣生耳識界。三處都無。則耳與聲及聲界三。本非因緣非自然性。	
<p>30. A-Nan! Như Ưng nhĩ sanh, động tịnh nhị tướng, ký bất hiện tiền, căn bất thành tri.</p> <p>(_ A-Nan! Nếu nhân nhĩ-căn sanh ra, mà không có hai tướng động tịnh hiện-tiền, thì cái biết của nhĩ-căn cũng không thành.)</p> <p>_ Tất vô sở tri, tri thượng vô thành, thức hà hình mạo?</p> <p>(_ Mà đã không biết gì, thì cái biết còn không thành, huống nữa cái thức phân-biệt còn có hình-trạng gì?)</p> <p>_ Như Ưng thủ nhĩ văn, vô động tịnh cố, văn vô sở thành.</p> <p>(_ Nếu nhân lỗ tai nghe, thì đã không động tịnh, cái nghe cũng không thành.)</p> <p>_ Vân hà nhĩ hình, tạp sắc xúc trần, danh vi thức-giới, tắc nhĩ-thức-giới, phục tùng thùy lập?</p> <p>(_ Làm sao lấy hình-sắc lỗ tai đối với xúc-trần, mà</p>	<p>30. A-Nan! Nếu Thức do Nhĩ-căn sanh thì hai tướng động tịnh chẳng hiện-tiền, Nhĩ-căn không thành tánh biết được.</p> <p>_ Như vậy lấy hình-tướng gì gọi là Thức?</p> <p>_ Nếu lấy Nhĩ-căn năng nghe làm giới-hạn thì chẳng có hai tướng động tịnh, như vậy tánh nghe không thành hình-tướng.</p> <p>_ Nếu Nhĩ-căn chạm với Sắc-trần và Xúc-trần thì làm sao gọi là Thức-giới và tự đâu lập được Nhĩ-thức-giới?</p>

<p>(gọi được là nhĩ-thức-giới, và cái nhĩ-thức-giới như thế, do đâu mà lập ra.)</p>	
<p>_ Nhược sanh ư thinh, thức nhân thinh hữu, tắc bất quan văn, vô văn tắc vong, thinh tương sở tại.</p>	<p>_ Nếu Nhĩ-thức do Thinh-trần sanh ra, thì phải nhân Thinh-trần mà có.</p>
<p>(_ Nếu nhân thinh-trần mà sanh, thì cái nhĩ-thức nhân thinh-trần mà có, không có dính líu gì đến cái nghe, mà đã không nghe, thì cũng không biết các tướng thinh-trần ở đâu.)</p>	
<p>_ Thức tùng thinh sanh, hứa thinh nhân văn, nhi hữu thinh tương, văn ứng văn thức.</p>	<p>_ Vậy Thức với Thinh thành một thể, đáng lẽ trong khi nghe Thinh cũng phải nghe Thức.</p>
<p>(_ Lại nói nhĩ-thức do thinh-trần sanh ra, đầu cho rằng thinh-trần nhân cái nghe mà có tướng, thì cái nghe lẽ ra phải nghe được nhĩ-thức.)</p>	
<p>_ Bất văn phi giới.</p>	<p>_ Nếu chẳng nghe Thức, thì Thinh với Thức thành hai thể, không còn là giới hạn Nhĩ-thức.</p>
<p>(_ Nếu không nghe được nhĩ-thức, thì thinh-trần không phải là giới của nhĩ-thức.)</p>	<p>_ Nếu nghe được Thức, thì Thức đồng với Thinh, Nhĩ-thức đã bị nghe thì lấy chi mà biết nghe Thức?</p>
<p>_ Văn tắc đồng thinh, thức dī bi văn, thùy tri văn thức?</p>	<p>_ Nếu không có tánh biến hóa ra như cây cỏ hay sao?</p>
<p>(_ Nếu nghe được thì nhĩ-thức cũng đồng như thinh-trần, và nhĩ-thức đã bị nghe, thì lấy cái gì biết được rằng đã nghe cái thức?)</p>	<p>_ Lại chẳng lẽ Nhĩ-căn và Thinh-trần xen lộn lập ra giới-hạn ở giữa?</p>
<p>_ Nhược vô tri giả, chung như thảo-mộc.</p>	
<p>(_ Còn nếu cái thức không biết, thì cũng như cỏ như cây.)</p>	
<p>_ Bất ứng thinh văn, tạp thành trung giới.</p>	
<p>(_ Lại không lẽ thinh-trần và cái nghe xen lộn thành ra giới ở giữa.)</p>	
<p>_ Giới vô trung vị, tắc nội ngoại tương, phục tùng hà thành?</p>	
<p>(_ Giới ở giữa đã không có, thì các tướng nội-căn, ngoại-trần, do đâu mà thành-lập được?)</p>	
<p>_ Thị cố đương tri, nhĩ thinh vi duyên, sanh nhĩ-thức-giới, tam xứ đô vô, tắc nhĩ dữ thinh, cập thinh giới tam, bốn phi nhân-duyên, phi tự-nhiên tánh.</p>	<p>_ Nếu không có giới-hạn ở giữa của Nhĩ-thức, thì nội-tương tức là Nhĩ-căn và ngoại-tương tức là Thinh-trần không tự đâu mà thành-lập được.</p>
	<p>_ Vậy phải biết: Nhĩ-căn, Thinh-trần làm duyên sanh ra Nhĩ-thức-giới, cả ba giới ấy đều không có thiệt-thể, toàn là hư-vọng, vốn không phải nhân-duyên</p>

<p>(_ Vậy nên biết rằng, nhĩ-căn thinh-trần làm duyên, sanh ra nhĩ-thức-giới, cả ba chỗ đều không, và ba giới nhĩ-căn, thinh-trần và nhĩ-thức, vốn không phải tánh nhân-duyên, không phải tánh tự-nhiên.)</p>	<p>hoặc tự-nhiên.</p>
31.	31. HIỂN-MINH TY-GIỚI, HƯƠNG-GIỚI, TY-THỨC-GIỚI.
<p>阿難又汝所明。鼻香為緣生於鼻識。此識為復因鼻所生以鼻為界。因香所生以香為界。</p>	
<p>_ A-Nan! Hựu nhữ sở minh, Ty hương vi duyên, sanh ư ty-thức.</p> <p>_ Thủ thức vi phục, nhân ty sở sanh, dĩ ty vi giới, nhân hương sở sanh, dĩ hương vi giới?</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>_ A-Nan! Như ông thừa hiểu: Ty-căn và Hương-trần làm duyên tương-đối nhau sanh ra Ty-thức.</p> <p>_ Vậy Thức do Ty sanh, lấy Ty làm giới-hạn, hoặc do Hương sanh, lấy Hương làm giới-hạn?</p>
<p>阿難若因鼻生。則汝心中以何為鼻。為取肉形雙爪之相。為取嗅知動搖之性。若取肉形。肉質乃身身知即觸。名身非鼻名觸即塵。鼻尚無名云何立界。若取嗅知。又汝心中以何為知。以肉為知。則肉之知元觸非鼻。以空為知。空則自知肉應非覺。如是則應虛空是汝。汝身非知。今日阿難應無所在。以香為知。知自屬香何預於汝。若香臭氣必生汝鼻。則彼香臭二種流氣。不生伊蘭及栴檀木。二物不來汝自嗅鼻為香為臭。臭則非香香應非臭。若香臭二俱能聞者。則汝一人應有兩鼻。對我問道有二阿難誰為汝體。若鼻是一香臭無二。臭既為香香復成臭。二性不有界從誰立。若因香生識因香有。如眼有見不能觀眼。因香有故應不知香。知則非生不知非識。香非知有香界不成。識不知香。因界則非從香建立。既無中間不成內外。彼諸聞性畢竟虛妄。是故當知鼻香為緣生鼻識界三處都無。則鼻與香及香界三。本非因緣非自然性。</p>	
<p>32. A-Nan! Nhược nhân ty sanh, tắc nhữ tâm trung, dĩ hà vi ty?</p> <p>(_ A-Nan! Nếu nhân ty-căn sanh ra, thì trong tâm ông lấy cái gì làm ty-căn?)</p> <p>_ Vi thủ nhục hình, song trảo chi tướng? Vi thủ khứu tri, động giao chi tánh?</p> <p>(_ Ông lấy cái hình-tướng mũi thịt như hai móng tay, hay lấy cái tánh ngửi biết lay động làm ty-căn?)</p>	<p>32. A-Nan! Nếu Thức do Ty sanh, thì ý ông định lấy cái nào làm Ty?</p> <p>_ Phải là lấy tướng xác thịt, giống như hai cái vấu thòng xuống, hoặc tánh biết ngửi lay động làm Ty?</p>

<p>_ Nhược thủ nhục hình, nhục chất nãï thân, thân tri tất xúc.</p> <p>(_ Nếu lấy cái hình-tưởng mũi thịt, thì chất thịt là thân-căn, và cái biết của thân-căn là cái biết cảm-xúc.)</p> <p>_ Danh thân phi ty, danh xúc tức trần.</p> <p>(_ Đã gọi là thân-căn thì không phải là ty-căn, đã gọi rằng cảm-xúc thì đó là xúc-trần đối với thân-căn.)</p> <p>_ Ty thượng vô danh, vân hà lập giới?</p> <p>_ Nhược thủ khứu tri, hựu nhữ tâm trung, dĩ hà vi tri?</p> <p>(_ Nếu lấy cái ngửi biết làm ty-căn, thì trong tâm ông lấy cái gì làm cái có ngửi biết?)</p> <p>_ Dĩ nhục vi tri, tắc nhục chi tri, nguyên xúc phi ty.</p> <p>(_ Nếu lấy lỗ mũi thịt, thì cái biết của chất thịt là xúc-trần, chớ không phải như ty-căn.)</p> <p>_ Dĩ không vi tri, không tắc tự tri, nhục ưng phi giác.</p> <p>(_ Nếu lấy hư-không làm cái có ngửi biết, thì hư-không tự biết, còn xác thịt lẽ ra không biết.)</p> <p>_ Nhự-thị tắc ứng, hư-không thị nhữ, nhữ thân phi tri, kim nhụt A-Nan, ưng vô sở tại.</p> <p>(_ Như thế thì lẽ ra hư-không là ông, thân của ông mà không có biết, thì ông A-Nan hiện nay lẽ ra cũng không còn đâu nữa.)</p> <p>_ Dĩ hương vi tri, tri tự thuộc hương, hà dự ư nhữ?</p> <p>(_ Nếu lấy cái hương làm cái có ngửi biết, thì cái biết thuộc về hương-trần, nào dính gì đến ông?)</p> <p>_ Nhược hương xú khí, tất sanh nhữ ty, tắc bỉ hương xú nhị chủng lưu khí, bất sanh y-lan, cập chiên-dàn mộc.</p> <p>(_ Nếu các mùi thơm thúi sanh ra do ty-căn của ông, thì hai mùi thơm thúi kia không sanh ra do cây y-lan và cây chiên-dàn.)</p>	<p>_ Nếu lấy tưởng xác thịt làm Ty-căn, thì tưởng xác thịt thuộc về Thân-căn, Thân-căn biết tức là xúc.</p> <p>_ Đã là Thân-căn thì chẳng phải là Ty-căn, còn xúc tức là trần-cảnh.</p> <p>_ Như vậy không có cái gì đáng gọi là Ty-căn, thì làm sao lập giới-hạn được?</p> <p>_ Nếu lấy tánh biết ngửi làm Ty-căn, thì ý ông định lấy cái nào làm tánh biết ngửi.</p> <p>_ Như lấy nhục-chất làm tánh biết ngửi tức là thân biết, thân biết tức là xúc-trần, chớ không phải Ty-căn.</p> <p>_ Lại nếu lấy hư-không làm tánh biết ngửi, thì hư-không tự biết, chớ nhục-chất không biết.</p> <p>_ Như vậy hư-không là ông chẳng? Nếu thân không biết thì hiện nay thân của ông A-Nan không có chỗ sở-tại hay sao?</p> <p>_ Nếu lấy Hương làm tánh biết ngửi, thì tánh ấy thuộc về Hương biết, chớ có can-hệ gì tới ông?</p> <p>_ Lại nếu hai hơi thơm thúi sanh nơi Ty-căn, chớ không phải sanh nơi cây chiên-dàn hoặc cây y-lan.</p>
--	---

<p>_ Nhị vật bất lai, nhữ tự khứu ty, vi hương vi xú?</p> <p>(_ Hai vật đó không tới, ông tự ngửi lỗ mũi là thơm hay thúi?)</p> <p>_ Xú tắc phi hương, hương ứng phi xú.</p> <p>(_ Thúi thì không phải thơm, thơm thì không phải thúi.)</p> <p>_ Nhược hương xú nhị, cụ nǎng vān dā, tắc nhữ nhứt nhān, ưng hǔu lưỡng ty.</p> <p>(_ Nếu cả hai mùi thơm thúi đều ngửi được cả, thì một người ông phải có hai ty-cǎn.)</p> <p>_ Đối ngā vấn đao, hǔu nhị A-Nan, thùy vi nhữ thĕ?</p> <p>(_ Và đứng trước Ta hỏi đao, phải có hai ông A-Nan, thì ông nào mới là tự-thể của ông?)</p> <p>_ Nhược ty thị nhứt, hương xú vô nhị, xú ký vi hương, hương phục thành xú, nhị tánh bất hǔu, giới tùng thùy lập?</p> <p>(_ Còn nếu ty-cǎn là một, thì thơm thúi không hai, thúi đã thành thơm, thơm đã thành thúi, hai tánh đó đã không có, thì lấy gì lập được thành giới?)</p> <p>_ Nhược nhân hương sanh, thức nhân hương hǔu, như nhān hǔu kiến, bất nǎng quan nhān, nhân hương hǔu cố, ứng bất tri hương.</p> <p>(_ Lại nếu nhân hương-trần mà sanh, thì ty-thức đã nhân hương-trần mà có, cũng như nhân con mắt có thấy, không thể thấy được con mắt, ty-thức nhân hương-trần mà có, lẽ ra không biết được hương-trần.)</p> <p>_ Tri tức phi sanh, bất tri phi thức.</p> <p>(_ Nếu biết được hương-trần, thì không phải do hương-trần sanh ra; nếu không biết được hương-trần, thì không phải là ty-thức.)</p> <p>_ Hương tri phi hǔu, hương giới bất thành.</p> <p>(_ Hương-trần mà không ngửi biết là có, thì cái giới hương-trần không thành.)</p>	<p>_ Nếu hai thứ cây ấy không có ở đây thì ông tự ngửi lấy Ty-cǎn thơm hay thúi?</p> <p>_ Như thúi thì không thơm, như thơm thì không thúi.</p> <p>_ Nếu ngửi được cả hơi thơm và thúi, thì phải có hai Ty-cǎn tức là hai thĕ.</p> <p>_ Như vậy trong khi ông hỏi đao trước mặt Ta, phải có hai ông A-Nan, thì ông A-Nan nào là chơn-thĕ của ông?</p> <p>_ Lại nếu Ty-cǎn chỉ có một, mà thơm và thúi không phải hai, thơm hóa thúi, thúi hóa thơm, hai tánh đều chẳng có thì tự đâu lập được Ty-thức-giới.</p> <p>_ Lại nếu do Hương-trần sanh ra, cũng như tánh thấy do Nhān-cǎn mà có, nhưng tánh thấy chẳng trông được Nhān-cǎn thì Ty-thức do Hương-trần mà có, tất nhiên không biết được Hương-trần.</p> <p>_ Nếu biết Hương-trần thì không phải do Hương-trần sanh, còn chẳng biết Hương-trần thì không thể gọi là Ty-thức.</p> <p>_ Như Hương-trần không có tánh biết thì bất-thành giới-hạn.</p>
---	---

<p>_ Thức bất tri hương, nhân giới tất phi, tùng hương kiến lập.</p> <p>(_ Ty-thức mà không biết hương-trần, thì cái giới của nó không phải do hương-trần mà lập.)</p> <p>_ Kỳ vô trung gian, bất thành nội ngoại, bỉ chư văn tánh, tất cánh hư-vọng.</p> <p>(_ Đã không có cái thức trung-gian, thì nội-căn, ngoại-trần cũng không thành, và tất cả những điều ngửi biết kia, rốt ráo đều luống dối.)</p> <p>_ Thị cố đương tri, ty hương vi duyên, sanh ty-thức-giới, tam xứ đô vô, tắc ty dữ hương, cập hương giới tam, bốn phi nhân-duyên, phi tự-nhiên tánh.</p> <p>(_ Vậy nên biết rằng, ty-căn hương-trần làm duyên, sanh ra ty-thức-giới, cả ba chỗ đều không, và ba giới ty-căn, hương-trần và ty-thức, vốn không phải tánh nhân-duyên, không phải tánh tự-nhiên.)</p>	<p>_ Như Ty-thức không biết Hương-trần thì Thức-giới bất-lập.</p> <p>_ Đã chẳng có Ty-thức ở giữa thì nội-căn tức là Ty-căn và ngoại-trần tức là Hương-trần không thành-lập được, dĩ-nhiên tánh biết ngửi là hư-vọng.</p> <p>_ Vậy phải biết: Ty-căn và Hương-trần làm duyên sanh Ty-thức-giới, cả ba giới ấy đều không có thiệt-thể, toàn là hư-vọng, vốn không phải nhân-duyên hoặc tự-nhiên.</p>
---	---

33.	33. HIỂU-MINH THIỆT-GIỚI, VỊ-GIỚI, THIỆT-THỨC-GIỚI.
阿難又汝所明。舌味為緣生於舌識。此識為復因舌所生以舌為界。因味所生以味為界。	
<p>_ A-Nan! Hựu nhữ sở minh, thiệt vị vi duyên, sanh ư thiệt-thức.</p> <p>_ Thủ thức vi phục, nhân thiệt sở sanh, dĩ thiệt vi giới, nhân vị sở sanh, dĩ vị vi giới?</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>_ A-Nan! Như ông thừa hiểu: Thiệt-căn và Vị-trần làm duyên tương-đối nhau sanh ra Thiệt-thức.</p> <p>_ Vậy Thủ thức do Thiệt sanh, lấy Thiệt làm giới-hạn, hoặc do vị sanh, lấy vị làm giới-hạn?</p>

阿難若因舌生。則諸世間甘蔗烏梅黃連石鹽。細辛薑桂都無有味。汝自嘗舌為甜為苦。若舌性苦誰來嘗舌。舌不自嘗孰為知覺。舌性非苦味自不生云何立界。若因味生識自為味。同於舌根應不自嘗。云何識知是味非味。又一切味非一物生。味既多生識應多體。識體若一體必味生。鹹淡甘辛和合俱生。諸變異相同為一味應無分別。分別既無則不名識。云何復名舌味識界。不應虛空生汝心識。舌味和合即於是中。元無自性云何界生。是故當知舌味為緣生舌識界三處都無。則舌與味及舌界三。本非因緣非自然性。

34. A-Nan! Như Ước nhân thiệt sanh, tắc chư thế-gian, cam giá ô-mai, huỳnh-liên thạch-diêm, tế-tân khương-quế, đô vô hữu vị, nhữ tự thường thiệt, vi diêm vi khổ?

_ Như Ước thiệt tánh khổ, thùy lai thường thiệt.

(_ Nếu cái lưỡi là đắng, thì lấy gì mà nếm cái lưỡi.)

_ Thiệt bất tự thường, thực vi tri giác.

(_ Cái lưỡi đã không thể tự nếm được, thì lấy gì mà có hay biết.)

_ Thiệt tánh phi khổ, vị tự bất sanh, vân hà lập giới?

(_ Còn nếu cái lưỡi không đắng, thì tự-nhiên vị-trần không sanh ra, làm sao mà lập được thàn giới?)

_ Như Ước nhân vị sanh, thức tự vi vị, đồng ư thiệt căn, ứng bất tự thường, vân hà thức tri, thị vị phi vị?

(_ Nếu nhân vị-trần sanh ra, vậy thiệt-thức đã thành vị rồi, thì cũng đồng như thiệt-căn, không thể tự nếm được, làm sao còn biết được là có vị hay không có vị?)

_ Hựu nhứt-thiết vị, phi nhứt vật sanh, vị ký đa sanh, thức ứng đa thể.

(_ Lại tất cả các vị không phải do một vật sanh ra, các vị đã do nhiều vật sanh ra, thì cái thiêt-thức do vị-trần sanh ra, cũng phải có nhiều tự-thể.)

_ Thức thể như Ước nhứt, thể tất vị sanh, hàm đạm cam tân, hòa-hiệp cu sanh, chư biến dị tướng, đồng vi nhứt vị, ứng vô phân-biệt.

(_ Nếu tự-thể của thiêt-thức là một và tự-thể đó thật do vị-trần sanh ra, thì các vị mặn, ngọt, cay và nhiều vị khác nhau, do các thứ đó hòa-hợp cùng sanh ra, đều chỉ là một vị, lẽ ra không có phân-biệt.)

_ Phân-biệt ký vô, tắc bất danh thức, vân hà phục danh, thiệt vị thức giới?

34. A-Nan! Nếu Thức do Thiệt-căn mà sanh, thì các vị-trần ở thế-gian, ngọt như mía, chua như me, đắng như huỳnh-liên, mặn như thạch-diêm, cay như tế-tân, gừng và quế, nếu không có vị, thì ông tự nếm Thiệt-căn của ông ngọt hay đắng, v.v...?

_ Nếu tánh Thiệt-căn là đắng thì ai nếm Thiệt-căn?

_ Thiệt-căn không thể tự nếm được Thiệt-căn thì ai biết Thiệt-căn là đắng?

_ Nếu tánh Thiệt-căn không đắng thì Thiệt-căn không tự sanh được vị-trần, làm sao lập giới-hạn?

_ Nếu Thức do vị-trần sanh, thì Thức tự làm vị, cũng như Thiệt-căn chẳng nếm được Thiệt-căn, làm sao biết là vị hoặc không phải vị?

_ Lại các vị chẳng phải do một vật mà do nhiều vật sanh ra, thì Thức cũng phải có nhiều thể.

_ Nếu Thức chỉ là một thể do vị-trần sanh ra, thì các thứ mặn, ngọt, cay, hòa-hiệp nhau sanh ra các tướng biến đổi, đó là các vị chung lại làm một vị mà không có phân-biệt hay sao?

_ Nếu không có phân-biệt thì không được gọi là Thức, còn làm sao thành

<p>(_ Mà đã không có phân-biệt, thì không thể gọi là thức, làm sao còn gọi là Thiệt-thức-giới?)</p> <p>_ Bất ứng hư-không, sanh nhữ tâm thức.</p> <p>(_ Không lẽ hư-không lại sanh được cái thức của ông?)</p> <p>_ Thiệt vị hòa-hiệp, tức ư thị trung, nguồn vô Tự-Tánh, vân hà giới sanh?</p> <p>(_ Nếu thiêt-căn, vị-trần, hòa-hợp mà sanh ra cái thức ở giữa, vốn không Tự-Tánh, làm sao mà lập được thành giới?)</p> <p>_ Thị cố đương tri, thiệt vị vi duyên, sanh thiêt-thức-giới, tam xứ đô vô, tắc thiêt dữ vị, cập thiêt giới tam, bốn phi nhân-duyên, phi tự-nhiên tánh.</p> <p>(_ Vậy nên biết rằng, thiêt-căn vị-trần làm duyên, sanh ra thiêt-thức-giới, cả ba chỗ đều không, và ba giới thiêt-căn, vị-trần và thiêt-thức, vốn không phải tánh nhân-duyên, không phải tánh tự-nhiên.)</p>	<p>được Thiệt-căn, Vị-trần và Thiệt-thức-giới.</p> <p>_ Chí như hư-không chẳng sanh Thức cho ông được.</p> <p>_ Lại nếu Thiệt-căn và Vị-trần hòa-hiệp nhau thành Thức thì ở giữa, căn và trần không có Tự-Tánh, làm sao thành được giới-hạn?</p> <p>_ Vậy phải biết: Thiệt-căn và Vị-trần làm duyên sanh Thiệt-Thức-giới, cả ba giới ấy đều không có thiêt-thể, toàn là hư-vọng, vốn không phải nhân-duyên hoặc tự-nhiên.</p>
---	---

35.	35. HIỂN-MINH THÂN-GIỚI, XÚC-GIỚI, THÂN-THỨC-GIỚI.
<p>阿難又汝所明。身觸為緣生於身識。此識為復因身所生以身為界。因觸所生以觸為界。</p>	
<p>_ A-Nan! Hựu nhữ sở minh, thân xúc vi duyên, sanh ư thân-thức.</p> <p>_ Thủ thức vi phục, nhân thân sở sanh, dĩ thân vi giới? Nhân xúc sở sanh, dĩ xúc vi giới?</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>_ A-Nan! Như ông thừa hiểu, Thân-căn và Xúc-trần làm duyên tương-đối nhau sanh ra Thân-thức.</p> <p>_ Vậy Thức do Thân mà sanh, lấy Thân làm giới-hạn, hoặc do Xúc mà có, lấy Xúc làm giới-hạn?</p>

<p>阿難若因身生必無合離。二覺觀緣身何所識。若因觸生必無汝身。誰有非身知合離者。</p> <p>阿難物不觸知身知有觸。知身即觸知觸即身。即觸非身即身非觸。身觸二相元無處所。合身即為身自體性。離身即是虛空等相。內外不成中云何立。中不復立內外性空。即汝識生從誰立界。是故當知身觸為緣生身識界三處都無。則身與觸及身界三。本非因緣非自然性。</p>

<p>36. A-Nan! Nhuodate nhân thân sanh, tất vô hiệp ly, nhị giác quan duyên, thân hà sở thức.</p> <p>(_ A-Nan! Nếu nhân thân-căn sanh ra, không có cái duyên của hai cảm-xúc hiệp và ly, thì thân-căn còn biết gì.)</p> <p>_ Nhuodate nhân xúc sanh, tất vô nhữ thân, thùy hữu phi thân, tri hiệp ly giả?</p> <p>(_ Nếu nhân xúc-trần sanh ra, mà không có thân-căn của ông, thì có ai không có thân-căn mà biết hiệp, biết ly được?)</p>	<p>36. A-Nan! Nếu Thức do Thân sanh, thì chắc không có hai xúc hiệp ly làm duyên giác-quán, như vậy Thân còn biết chi nữa?</p> <p>_ Nếu Thức do Xúc mà có thì chắc không có thân của ông. Nếu không có thân thì lấy chi biết được hiệp với ly?</p>
<p>_ A-Nan! Vật bất xúc tri, thân tri hữu xúc; tri thân tức xúc, tri xúc tức thân.</p> <p>(_ A-Nan! Vật thì không biết cảm-xúc, thân-căn có biết, mới có cảm-xúc; tức nơi cảm-xúc mà biết có thân-căn, tức nơi thân-căn mà biết có cảm-xúc.)</p> <p>_ Tức xúc phi thân, tức thân phi xúc, thân xúc nhị tướng, ngươn vô xứ-sở.</p> <p>(_ Nhưng dã tức là cảm-xúc thì không phải thân-căn, mà dã tức là thân-căn thì không phải cảm-xúc, cả hai tướng thân-căn và xúc-trần, vốn không có xứ-sở.)</p> <p>_ Hiệp thân tức vi thân tự thể tánh; ly thân tức thị, hư-không đẳng tướng.</p> <p>(_ Nếu xúc-trần hợp với thân-căn, thì tức là tự-thể của thân-căn rồi; còn nếu rời hẳn với thân-căn, thì thành không có gì, như cái tướng hư-không.)</p> <p>_ Nội ngoại bất thành, trung vân hà lập?</p> <p>(_ Nội-căn, ngoại-trần đã không thành, thì làm sao lập được cái thức ở giữa?)</p> <p>_ Trung bất phục lập, nội ngoại tánh không, tắc nhữ thức sanh, tùng thùy lập giới?</p> <p>(_ Cái thức ở giữa đã không lập được, thì nội-căn, ngoại-trần bản-tánh cũng rỗng không, và cái thức của ông do đâu mà lập được thành giới?)</p> <p>_ Thị cố đương tri, thân xúc vi duyên, sanh thân-thức-giới, tam xứ đô vô, tắc thân dữ xúc, cập thân giới tam, bốn phi nhân-duyên, phi tự-nhiên tánh.</p>	<p>_ A-Nan! Vật không làm sao biết xúc, thân mới biết xúc. Thân-căn tức là Xúc-trần, Xúc-trần tức là Thân-căn.</p> <p>_ Như Thân-căn tức là Xúc-trần, thì Thân-căn chẳng phải Thân-căn, còn Xúc-trần tức là Thân-căn thì Xúc-trần chẳng phải Xúc-trần. Đó là căn và trần không có xứ-sở.</p> <p>_ Nếu Thức ly Xúc mà hiệp với Thân, thì Thức là thể-tánh của Thân. Nếu Thức ly Thân mà hiệp với Xúc, thì Thức là tướng hư-không.</p> <p>_ A-Nan! Như thế bất thành tướng trong tướng ngoài, còn làm sao lập giới-hạn ở giữa?</p> <p>_ Nếu ở giữa đã chẳng lập được, thì trong ngoài đều tánh không, ông còn tự đâu mà lập Thân-thức-giới?</p> <p>_ Vậy phải biết: Thân-căn và Xúc-trần làm duyên sanh ra Thân-thức-giới, cả ba giới ấy đều không có thiệt-thể, toàn là hư-vọng, vốn không phải nhân-duyên</p>

<p>(_ Vậy nên biết rằng, thân-căn xúc-trần làm duyên, sanh ra thân-thức-giới, cả ba chỗ đều không, và ba giới thân-căn, xúc-trần và thân-thức, vốn không phải tánh nhân-duyên, không phải tánh tự-nhiên.)</p>	<p>hoặc tự-nhiên.</p>
---	-----------------------

<p>37.</p>	<p>37. HIỂN-MINH Ý-GIỚI, PHÁP-GIỚI, Ý-THỨC-GIỚI.</p>
	<p>阿難又汝所明。意法為緣生於意識。此識為復因意所生以意為界。因法所生以法為界。</p>
<p>_ A-Nan! Hựu nhữ sở minh, Ý pháp vi duyên, sanh ư ý-thức.</p> <p>_ Thủ thức vi phục, nhân ý sở sanh, dĩ ý vi giới? Nhân pháp sở sanh, dĩ pháp vi giới?</p>	<p>_ A-Nan! Như ông thừa hiểu, Ý-căn và Pháp-trần làm duyên tương-đối nhau sanh ra Ý-thức.</p> <p>_ Vậy Thức do Ý sanh, lấy Ý làm giới-hạn, hoặc do Pháp sanh, lấy Pháp làm giới-hạn?</p>
	<p>阿難若因意生於汝意中。必有所思發明汝意。若無前法意無所生。離緣無形識將何用。又汝識心與諸思量。兼了別性為同為異。同意即意云何所生。異意不同應無所識。若無所識云何意生。若有所識云何識意。唯同與異二性無成界云何立。若因法生。世間諸法不離五塵。汝觀色法及諸聲法香法味法。及與觸法相狀分明。以對五根非意所攝。汝識決定依於法生。汝今諦觀法法何狀。若離色空。動靜通塞合離生滅。越此諸相終無所得。生則色空諸法等生。滅則色空諸法等滅。所因既無。因生有識作何形相。相狀不有界云何生。是故當知意法為緣生意識界三處都無。則意與法及意界三。本非因緣非自然性。</p>

<p>38. A-Nan! Nhược nhân ý sanh, ư nhữ ý trung, tất hữu sở tư, phát minh nhữ ý.</p> <p>(_ A-Nan! Nếu nhân ý-căn sanh ra, thì trong ý ông, chắc phải có chỗ nghỉ ngơi, mới phát-minh được cái ý của ông.)</p> <p>_ Nhược vô tiền pháp, ý vô sở sanh.</p> <p>(_ Nếu không có các pháp-trần, thì ý-căn không thể sanh ra được.)</p> <p>_ Ly duyên vô hình, thức tướng hà dụng?</p> <p>(_ Rời các pháp-trần, ý-căn còn không có hình-tướng, thì đem ý-thức ra mà dùng vào việc gì?)</p>	<p>38. A-Nan! Nếu Thức do Ý sanh, thì trong ý ông có suy nghĩ mới phát-minh ra được.</p> <p>_ Nếu chẳng có Pháp-trần, thì Ý-căn không thể tự sanh.</p> <p>_ Nếu ly các sở-duyên của Pháp-trần, thì Ý-căn không có hình-tướng, như vậy Thức không có chỗ sử-dụng.</p>
--	---

<p>_ Hữu nhữ thức tâm, dĩ chư tư lượng, kiêm liễu biệt tánh, vi đồng vi dị?</p> <p>(_ Lại cái thức-tâm của ông với các thứ nghĩ ngợi, các sự rõ biết là đồng nhau hay khác nhau?)</p> <p>_ Đồng ý tức ý, vân hà sở sanh?</p> <p>(_ Nếu đồng với ý-căn, thì tức là ý-căn rồi, làm sao lại do ý-căn sanh ra?)</p> <p>_ Dị ý bất đồng, ứng vô sở thức, nhược vô sở thức, vân hà ý sanh?</p> <p>(_ Nếu khác, mà không đồng với ý-căn, thì lẽ ra không còn biết gì, nếu không biết gì, thì làm sao lại do ý-căn sanh ra?)</p> <p>_ Nhược hữu sở thức, vân hà thức ý?</p> <p>(_ Còn nếu có biết, thì làm sao lại chia ra ý-thức và ý-căn?)</p> <p>_ Duy đồng dĩ dị, nhị tánh vô thành, giới vân hà lập?</p> <p>(_ Chỉ hai tánh đồng nhau, khác nhau còn không thành, làm sao lập được thành giới.)</p> <p>_ Nhược nhân pháp sanh, thế-gian chư pháp, bất ly ngũ trấn.</p> <p>(_ Nếu nhân pháp-trần sanh ra, thì các pháp trong thế-gian, không ngoài năm trấn.)</p> <p>_ Nhữ quan sắc-pháp, cập chư thinh-pháp, hương-pháp, vị-pháp, cập dĩ xúc-pháp, tướng trạng phân-minh, dĩ đối ngũ căn, phi ý sở nghiệp.</p> <p>(_ Ông hãy xét các pháp: sắc, thinh, hương, vị, xúc, có tướng rõ ràng đối với năm căn, đều không thuộc về phần thu nạp của ý-căn.)</p> <p>_ Nhữ thức quyết-định, y ư pháp sanh, nhữ kim đế quan, pháp pháp hà trạng?</p> <p>(_ Nếu ý-thức của ông quyết-định nương nơi pháp-trần mà sanh ra, thì ông hãy xét từng pháp, từng pháp, hình-trạng thế nào?)</p> <p>_ Nhược ly: sắc không, động tịnh, thông tắc, hiệp-ly, sanh-diệt, việt thử chư</p>	<p>_ A-Nan! Ý-thức của ông với các tánh suy nghĩ, hiểu biết, phân-biệt có đồng nhau hay khác nhau?</p> <p>_ Nếu đồng với ý tức là Ý-căn, còn thế nào gọi là Ý-căn sanh?</p> <p>_ Nếu khác với ý thì thành ra vô-tình, không có tánh biết, còn thế nào gọi là Ý-căn sanh?</p> <p>_ Lại nếu có tánh biết, thì Thức với Ý-căn đồng nhau, cớ sao lại chia ra Thức và Ý-căn?</p> <p>_ Hai tánh đồng và dị còn bất thành, huống chi giới-hạn làm sao lập được?</p> <p>_ Lại nếu Thức do Pháp-trần, thì các pháp thế-gian chẳng ly năm thứ trấn:</p> <p>_ Sắc, thinh, hương, vị, xúc mà tướng của năm thứ trấn ấy phát-hiện rõ ràng, đối-đãi với năm căn chớ không phải Ý-căn sở-nhiếp.</p> <p>_ Lại như Thức do Pháp-trần sanh, thì bây giờ ông hãy nghiệm xét các hình trạng của Pháp-trần.</p> <p>_ Như ly các tướng: sắc không, động tịnh, thông bít, hiệp ly, sanh diệt, vượt ra</p>
---	--

<p>tưởng, chung vô sở đắc.</p> <p>(_ Nếu rời hẳn các tưởng: sắc không, động tịnh, thông bít, hiệp ly, sanh diệt, thì rốt ráo không thành một pháp nào cả.)</p> <p>_ Sanh tặc sắc không, chư pháp đãng sanh, diệt tặc sắc không, chư pháp đãng diệt.</p> <p>(_ Sanh cũng là các pháp như sắc, như không sanh ra, diệt cũng là các pháp như sắc, như không diệt mất.)</p> <p>_ Sở nhân ký vô, nhân sanh hữu thức, tác hà hình-tưởng?</p> <p>(_ Các nguyên-nhân đã không thành, thì cái thức do nó sanh ra, còn có hình-tưởng gì?)</p> <p>_ Tưởng trạng bất hữu, giới vân hà sanh?</p> <p>(_ Hình-tưởng còn không có, làm sao mà lập được thành giới?)</p> <p>_ Thị cố đương tri, ý pháp vi duyên, sanh ý-thức-giới, tam xứ đô vô, tặc ý dã pháp, cập ý giới tam, bốn phi nhân-duyên, phi tự-nhiên tánh.</p> <p>(_ Vậy nên biết rằng, ý-căn pháp-trần làm duyên, sanh ra ý-thức-giới, cả ba chỗ đều không, và ba giới ý-căn, pháp-trần và ý-thức, vốn không phải tánh nhân-duyên, không phải tánh tự-nhiên.)</p>	<p>ngoài các tưởng ấy thì rốt ráo không có gì là Pháp-trần. Vì cớ sao?</p> <p>_ Vì sanh do nơi “sắc không” mà sanh, diệt do nơi “sắc không” mà diệt, nếu ly các pháp ra, thì quyết định Pháp-trần không có thiệt-thế.</p> <p>_ Chỗ sở-nhân của Pháp-trần còn không có, huống chi là Thức làm sao do Pháp-trần sanh ra hình tướng được.</p> <p>Sở-nhân: nguyên-nhân sanh ra/ tạo ra.</p> <p>_ Như thế làm sao lập được Ý-thức-giới?</p> <p>_ Vậy phải biết: Ý-căn và Pháp-trần làm duyên sanh ra Ý-thức-giới, cả ba giới ấy đều không có thiệt-thế, toàn là hư-vọng, vốn không phải nhân-duyên hoặc tự-nhiên. (5)</p>
---	---

39.	39. NGÀI A-NAN BÀY TỎ SỰ NGHI-CHẤP.
<p>阿難白佛言世尊。如來常說和合因緣。一切世間種種變化。 皆因四大和合發明。云何如來因緣自然二俱排擯。我今不知斯義所屬。推垂哀愍開示眾生。中道了義無戲論法。</p>	
<p>A-Nan bạch Phật ngôn:</p>	<p>Ngài A-Nan bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Hôm nay Đức Thế-Tôn nhân giảng dạy về bốn món: Ấm Nhập Xứ Giới, Đức Thế-Tôn bác bỏ cả hai lý nhân-duyên và tự-nhiên, khiến chúng tôi nghi-chấp.</p>
<p>_ Thế-Tôn! Như-Lai thường thuyết, hòa-hiệp nhân-duyên.</p>	<p>_ Đức Thế-Tôn thường giảng dạy nghĩa nhân-duyên hòa-hiệp, nói:</p>

<p>_ Nhứt-thiết thế-gian, chủng chủng biến-hóa, giai nhân tứ-đại hòa-hiệp phát-minh.</p>	<p>_ Tất cả sự-vật biến-hóa ở thế-gian đều do tứ-đại: địa hỏa thủy phong hòa-hiệp mà phát-hiện.</p>
<p>_ Vân hà Như-Lai, nhân-duyên tự-nhiên, nhị cu bài tǎn? _ Ngã kim bất tri, tư nghĩa sở thuộc. (_ Nay tôi không biết nghĩa đó thế nào.) _ Duy thùy ai mẫn, khai-thị chúng-sanh, trung-đạo liễu-nghĩa, vô hý-luận pháp. (_ Xin Phật rủ lòng thương xót chỉ bày cho chúng-sanh nghĩa rõ ráo của Trung-đạo, không còn các điều hý-luận.)</p>	<p>_ Vậy đáng lý Đức Thế-Tôn bác bỏ nghĩa tự-nhiên chớ không nên bác bỏ nghĩa nhân-duyên, vì bốn món: Âm Nhập Xứ Giới là pháp sanh-diệt, thuộc về tánh nhân-duyên mới đúng.</p> <p>_ Vì cớ nào Đức Thế-Tôn lại bác bỏ cả nhân-duyên và tự-nhiên? _ Nay tôi không biết lý-do bác bỏ cả nhân-duyên và tự-nhiên thuộc về giáo-pháp nào? _ Ngưỡng cầu Đức Thế-Tôn dū lòng thương xót khai-thị nghĩa rõ ráo vô hý-luận của Trung-đạo cho chúng tôi hiểu rõ.</p>
<p>40.</p>	<p>40. PHẬT GIẢI NGHI-CHẤP CỦA NGÀI A-NAN.</p>

爾時世尊告阿難言。汝先厭離聲聞緣覺諸小乘法。發心勤求無上菩提。故我今時為汝開示第一義諦。如何復將世間戲論。妄想因緣而自纏繞。汝雖多聞如說藥人。真藥現前不能分別。如來說為真可憐愍。

<p>Nhĩ thời, Thế-Tôn cáo A-Nan ngôn:</p> <p>_ Nhữ tiên yêm ly, Thinh-văn Duyên-giác, chư tiểu-thừa pháp, phát tâm cần-cầu, Vô-Thượng Bồ-Đ Đề, cố ngã kim thời, vi nhữ khai-thị, đệ-nhứt nghĩa-de.</p> <p>_ Như hà phục tương, thế-gian hý-luận, vọng tưởng nhân-duyên, nhi tự triển nhibi?</p> <p>(_ Làm sao ông lại còn đem những nhân-duyên vọng-tưởng hý-luận thế-gian mà tự ràng buộc mình?)</p> <p>_ Nhữ tuy đa văn, như thuyết được nhân, chơn-dược hiện-tiền, bất năng phân-biệt.</p> <p>(_ Ông tuy nghe được nhiều pháp, nhưng cũng như</p>	<p>Khi ấy Đức Phật dạy ngài A-Nan:</p> <p>_ A-Nan! Trước kia ông chán bỏ pháp tiểu-thừa của Thinh-văn và Duyên-giác, mà phát tâm cầu đạo Vô-Thượng Bồ-Đ Đề, nên nay Ta vì ông, khai-thị nghĩa-de thứ nhứt,</p> <p>- cớ sao ông lại đem thuyết nhân-duyên của thế-gian hý-luận vọng-tưởng mà tự ràng buộc?</p> <p>_ Ông tuy có tài đa-văn bậc nhứt, nhưng nghe tới Chơn-de thì nghi-chấp, chẳng khác chi người nghe nói các vị thuốc mà không biết mặt thuốc và không phân-</p>
---	--

<p>người nói tên vị thuốc, mà đến khi thuốc thật ở trước mặt, thì lại không phân-biệt được.)</p> <p>_ Như-Lai thuyết vi, chơn khả liên mẫn. (_ Như-Lai gọi là rất đáng thương xót.)</p>	<p>biệt được vị thuốc thật ở trước mặt.</p> <p>_ Như-Lai cho ông là người đáng thương xót vô-cùng.</p>
---	--

汝今諦聽。吾當為汝分別開示。亦令當來修大乘者通達實相。
。阿難默然承佛聖旨。

<p>41. Nhữ kim đế thính, ngô đương vị nhữ, phân-biệt khai-thị, diệc linh đương-lai, tu đại-thừa giả, thông-dat thiêt-tướng. (_ Nay ông hãy nghe cho kỹ, Ta sẽ vì ông phân-tích chỉ bày, và cũng để cho những người tu đại-thừa sau này thông suốt được thật-tướng.)</p> <p>_ A-Nan mặc-nhiên, thừa Phật Thánh-chỉ.</p>	<p>41. Vậy ông hãy chăm nghe, Ta bất-dắc-dĩ phải dùng phương-tiện mà phân-biệt khai-thị cho ông và cũng truyền lại cho đời sau tu pháp đại-thừa thông hiểu thiêt-tướng.</p> <p>_ Ngài A-Nan lặng thính, vâng theo Thánh-chỉ của Phật.</p>
---	--

<p>42.</p>	<p>42. PHẬT HIỂN-MINH TỨ-ĐẠI: ĐỊA HỎA THỦY PHONG.</p>
<p>阿難如汝所言四大和合。發明世間種種變化。阿難若彼大性體非和合。則不能與諸大雜和。猶如虛空不和諸色。若和合者同於變化。始終相成生滅相續。生死死生生生死死。如旋火輪未有休息。 。阿難如水成冰冰還成水。</p>	

<p>_ A-Nan! Như nhữ sở ngôn: Tứ-đại hòa-hiép, phát minh thế-gian, chủng chủng biến-hóá.</p> <p>_ A-Nan! Nhược bỉ đại tánh, thể phi hòa-hiép, tắc bất năng dũng chư đại tạp hòa, du như hư-không, bất hòa chư sắc. (_ A-Nan! Nếu tính các món đại kia không phải hòa-hợp, thì không thể lẫn lộn với các đại khác, cũng như hư-không không thể hòa-hiép được với các sắc-tướng.)</p> <p>_ Nhược hòa hiệp giả, đồng ư biến-hóá, thủy-chung tương-thành, sanh-diệt tương-tục, sanh-tử tử-sanh, sanh sanh tử-tử, như tuyễn hỏa luân, vị hưu hưu tức.</p> <p>_ A-Nan! Như thủy thành băng, băng</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>_ A-Nan! Như ông vừa nói tứ-đại: địa, hỏa, thủy, phong hòa-hiép mà phát-sanh các sự-vật biến-hóá ở thế-gian.</p> <p>_ A-Nan! Thể-tánh của tứ-đại bất hòa-hiép thì chẳng thể nào hòa-hiép với các món khác, cũng như hư-không chẳng hòa-hiép với các sắc-trần. _ Nếu thể-tánh của tứ-đại hòa-hiép, thì đồng với các tướng biến-hóá, có thủy có chung, sanh-diệt liên-tục, sanh rồi tử, tử rồi sanh, sanh sanh tử-tử, như bánh xe lửa xoay tròn không dứt.</p> <p>_ Nguyên thể-tánh của tứ-đại, tuy một</p>
---	--

<p>hoàn thành thủy. (_ A-Nan! Như nước thành giá, giá lại thành nước.)</p>	<p>gốc, nhưng hay sanh ra tướng, cũng như nước kết thành giá. _ Nước tuy chỉ có một thể, nhưng lạnh thì kết thành giá. _ Nước với giá vốn không có chỗ hòa-hiệp, mà hiện ra tướng hòa-hiệp. _ Như vậy nếu cho là bất hòa-hiệp thì không đúng.</p>
	<p>_ Tướng của Tứ-đại tuy có sai biệt, nhưng hội về một tánh, cũng như đem giá về với nước. _ Giá tuy khác tướng, nhưng tan ra thì chỉ là nước. _ Giá với nước hình như có chỗ hòa-hiệp, nhưng thiệt không thay đổi. _ Như vậy cho là có hòa-hiệp là không đúng.</p>

43.	43. HIỂN-MINH ĐỊA-ĐẠI.
<p>汝觀地性。龜為大地細為微塵。至隣虛塵析彼極微。色邊際相七分所成。更析隣虛即實空性。</p>	
<p>_ A-Nan! Nhữ quan địa tánh, thổ vi đại-địa, tế vi vi-trần, chí lân-hư-trần, chước bỉ cực vi; sắc biên tế tướng, thất phần sở thành, cánh chước lân-hư, tức thiệt không tánh.</p>	<p>_ A-Nan! Ông hãy xem tánh đất, lớn là đất bằng, nhỏ là hột bụi, cho đến hết sức nhỏ là hột bụi lân-hư; hột bụi này là một phần bảy của hột bụi nhỏ, nếu chia ra nữa thì lân-hư là tánh hư-không.</p>

<p>阿難若此隣虛析成虛空。當知虛空出生色相。汝今問言由和合故。出生世間諸變化相。汝且觀此一隣虛塵。用幾虛空和合而有。不應隣虛合成隣虛。又隣虛塵析入空者。用幾色相合成虛空。若色合時合色非空。若空合時合空非色色猶可析空云何合</p>	
<p>44. A-Nan! Nhược thử lân-hư, chước thành hư-không, đương tri hư-không, xuất sanh sắc-tướng. (_ A-Nan! Nếu cái lân-hư-trần đó, chẽ ra thành được hư-không, thì biết hư-không cũng sanh ra được sắc-tướng.) _ Nhữ kim vấn ngôn, do hòa-hiệp cố, xuất sanh thế-gian, chư biến-hóa tướng.</p>	<p>44. A-Nan! Nếu nói lân-hư chia ra thành hư-không thì hư-không cũng có thể sanh sắc-tướng. _ Nay ông nói: Vì có hòa-hiệp mới sanh ra các sắc-tướng biến-hóa ở thế-gian.</p>

<p>_ Nhữ thảng quan thử nhứt lân-hư-trần, dụng cơ hư-không, hòa-hiệp nhi hưu, bất ứng lân-hư, hiệp thành lân-hư.</p> <p>(_ Thì ông hãy xét một cái lân-hư-trần, phải dùng bao nhiêu hư-không hợp lại mới có, không thể lân-hư-trần hợp lại thành lân-hư-trần.)</p> <p>_ Hựu lân-hư-trần, chước nhập không giả, dụng kỹ sắc-tương, hiệp thành hư-không?</p>	<p>_ Vậy ông hãy quan-sát: Lân-hư phải dùng bao nhiêu phần hư-không hòa-hiệp mới có lân-hư, chớ chẳng lẽ lân-hư hòa-hiệp với nhau thành lân-hư?</p> <p>_ Lại lân-hư chia ra hết sức nhỏ thành hư-không, thì phải dùng bao nhiêu phần sắc-tương hòa-hiệp mới thành hư-không?</p>
<p>_ Nhược sắc hiệp thời, hiệp sắc phi không.</p> <p>(_ Nhưng nếu sắc-tương hợp lại, thì hợp sắc-tương lại, không thể thành được hư-không;</p> <p>_ Nhược không hiệp thời, hiệp không phi sắc.</p> <p>- còn nếu hư-không hợp lại, thì hợp hư-không lại, không thể thành được sắc-tương;</p> <p>_ Sắc do khả chước, không vân hà hiệp.</p> <p>- sắc-tương còn có thể chě được, chớ hư-không thì làm sao mà hợp được?)</p>	<p>_ Lân-hư gốc là sắc-tương thì có thể chia được, nên hiệp sắc,</p> <p>- còn hư-không gốc chẳng phải là sắc-tương thì lấy gì mà chia, lấy gì mà hiệp?</p> <p>_ Đó là chứng tỏ khi hiệp “Sắc” thì “Sắc” hiệp, chớ chẳng phải “Không” hiệp;</p> <p>- khi hiệp “Không” thì “Không” hiệp, chớ chẳng phải “Sắc” hiệp;</p> <p>- như vậy nghĩa hòa-hiệp bất-thành.</p>

汝元不知如來藏中。性色真空性空真色。清淨本然周遍法界。
。隨眾生心應所知量。循業發現世間無知。惑為因緣及自然性。皆是識心分別計度。但有言說都無實義。

<p>45. Nhữ nguồn bất tri, Như-Lai-Tạng-trung.</p> <p>_ Tánh sắc chơn không, tánh không chơn sắc, thanh-tịnh bốn-nhiên, châu-biến pháp-giới.</p> <p>(_ Tánh sắc là chơn không, tánh không là chơn sắc, bốn-nhiên thanh-tịnh, cùng khắp pháp-giới.)</p> <p>_ Tùy chúng-sanh tâm, ứng sở tri lượng, tuần nghiệp phát-hiện.</p>	<p>45. Ông vốn chưa biết trong Như-Lai-Tạng,</p> <p>- tánh “Sắc” là thiêt-thể của “Không”,</p> <p>- tánh “Không” là thiêt-thể của “Sắc”,</p> <p>- Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc,</p> <p>- “Sắc Không” viễn-thông, bốn-nhiên thanh-tịnh, châu-biến khắp cả pháp-giới.</p> <p>_ Chỉ vì nhân-quả của chúng-sanh không đồng, có thiện có ác, nên thể-</p>
--	---

<p>(_ Theo tâm chúng-sanh, đáp ứng với lượng hay biết, theo nghiệp mà phát-hiện.)</p> <p>_ Thế-gian vô tri, hoặc vi nhân-duyên, cập tự-nhiên tánh, giai thị thức-tâm, phân-biệt kế độ, dān hưu ngôn-thuyết, đō vô thật-nghĩa.</p> <p>(_ Thế-gian không biết, lầm là nhân-duyên và tánh tự-nhiên, đều là những so do phân-biệt của ý-thức, chỉ có lời nói, toàn không có nghĩa chơn-thật.)</p>	<p>tánh của “Sắc Không” tùy theo tâm, ứng theo lượng, thuận theo nghiệp của chúng-sanh, mà hiện ra các pháp.</p> <p>_ Người thế-gian không biết thế-tánh “tùy duyên bất biến” ấy, nên nhận lầm là tánh nhân-duyên, nói rằng có hòa-hiệp; hoặc nhận lầm là tánh tự-nhiên, nói rằng bất hòa-hiệp; đó là tại ý-thức phàm-phu so đo, phân-biệt, chỉ bằng ngôn-ngữ, chớ không phải nghĩa chơn-thiệt.</p>
---	---

46.	46. HIẾN-MINH HỎA-ĐẠI.
<p>阿難火性無我寄於諸緣。汝觀城中未食之家欲炊爨時。手執 陽燧日前求火。</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>_ A-Nan! Tánh hỏa không có tự-thể, chỉ nương trợ-duyên mà phát-sanh, như ông xem các nhà ở trong thành khi muốn nhúm bếp thì cầm tấm kiếng đưa trước sức nóng của mặt trời mà lấy lửa.</p>

<p>阿難名和合者。如我與汝一千二百五十比丘今為一眾。眾雖 為一。詰其根本各各有身。皆有所生。氏族名字。如舍利弗婆羅門 種。優盧頻螺迦葉波種。乃至阿難瞿曇種姓。阿難若此火性因和合 有。彼手執鏡於日求火。此火為從鏡中而出。為從艾出為於日來。</p>	
<p>47. A-Nan! Danh hòa-hiệp giả.</p> <p>(_ A-Nan! Phàm gọi là hòa-hợp...)</p> <p>_ Như ngã dữ nhữ, nhứt thiên nhị bá, ngũ thập Tỳ-khưu kim vị nhứt chúng, chúng tuy vi nhứt, cật kỳ căn bốn, các các hữu thân, giai hữu sở sanh, thị tộc danh tự.</p> <p>_ Như Xá-Lợi-Phất, Bà-La-Môn chủng.</p> <p>_ Ưu-Lâu-Tần-Loa, Ca-Diếp-Ba chủng.</p> <p>_ Nāi chí A-Nan, Cù-Đàm chủng tánh.</p> <p>_ A-Nan! Nhược thử hỏa tánh, nhân</p>	<p>47. A-Nan! Nếu lửa là món có hòa-hiệp, thì phải có sắc-tướng phân chia từng món mới hòa-hiệp được.</p> <p>_ Cũng như Ta với ông, cho tới 1250 vị Tỳ-khưu, hiệp làm một chúng, chúng tuy có một, nhưng xét lại căn-bốn thì ai cũng có thân riêng, quyền-thuộc riêng và tánh-danh riêng,</p> <ul style="list-style-type: none"> - như Xá-Lợi-Phất thuộc dòng Bà-La-Môn, - Ưu-Lâu-Tần-Loa thuộc dòng Ca-Diếp-Ba, - cho đến ông A-Nan thuộc dòng Cù-Đàm. <p>_ A-Nan! Nếu tánh của lửa do hòa-hiệp</p>

hòa-hiệp hữu, bỉ thủ chấp kính, ư nhựt cầu hỏa, thủ hỏa vi tùng, kính trung nhi xuất, vi tùng ngại xuất, vi ư nhựt lai?	mà có, thì khi tay của người cầm kiếng để lấy lửa dưới ánh mặt trời, thì lửa do mặt trời mà hiện, hoặc do kiếng mà có, hoặc do bùi nhùi mà sanh?
---	--

阿難若日來者。自能燒汝手中之艾。來處林木皆應受焚。若鏡中出自能於鏡。出然于艾鏡何不鎔。紓汝手執尚無熱相云何融泮。若生於艾何藉日鏡。光明相接然後火生。汝又諦觀鏡因手執。日從天來艾本地生。火從何方遊歷於此。日鏡相遠非和非合。不應火光無從自有。汝猶不知如來藏中。性火真空性空真火。清淨本然周遍法界。隨眾生心應所知量。

48. A-Nan! Nhược nhựt lai giả, tự nǎng thiêu nhữ thủ trung chi ngại, lai xứ lâm mộc, giai ưng thọ phần. _ Nhược kính trung xuất, tự nǎng ư kính, xuất nhiên ư ngại, kính hà bất dung. Hư nhữ thủ chấp, thượng vô nhiệt tướng, vân hà dung bạn? (_ Nếu từ trong kính mà ra, thì lửa ấy đã có thể từ trong kính ra đốt cháy bùi nhùi, làm sao cái kính lại không cháy. Cho đến cả cái tay ông cầm kính còn không thấy nóng, thì làm sao kính lại cháy được?) _ Nhược sanh ư ngại, hà tịch nhựt kính, quang-minh tướng tiếp, nhiên-hậu hỏa sanh. _ Nhữ hựu đế quan, kính nhân thủ chấp, nhựt tùng thiên lai, ngại bốn địa sanh, hỏa tùng hà phương, du lịch ư thử? _ Nhựt kính tương-viễn, phi hòa phi hiệp, bất ưng hỏa quang, vô tùng tự hữu. (... , không lẽ lửa kia, không do đâu mà tự có?) _ Nhữ do bất tri, Như-Lai-Tạng trung, tánh hỏa chơn-không, tánh không chơn-hỏa, thanh-tịnh bốn-nhiên, châu-biến pháp-giới, tùy chúng-sanh tâm, ưng sở tri lượng. (_ Ông còn không biết, trong Như-Lai-Tạng...)	48. A-Nan! Nếu lửa do mặt trời mà hiện, thì đốt được bùi nhùi cầm ở tay, cho đến những rừng cây đều bị cháy cả hay sao? _ Nếu lửa do kiếng mà có, thì khi chưa cháy bùi nhùi, kiếng phải cháy trước, tại sao kiếng không cháy; cho đến tay người cầm bùi nhùi cũng không nóng? _ Lại nếu lửa do bùi nhùi mà sanh thì có cần gì sức nóng của mặt trời và tấm kiếng đối-đãi nhau mới sanh được lửa? _ Ông hãy xem-xét: Vầng thái-dương tự trên trời rơi xuống, tấm kiếng cầm nơi tay, bùi nhùi do đất sanh, thế thì lửa từ hướng nào đến? _ Vả chăng thái-dương với kiếng cách xa nhau, gốc không hòa không hiệp, thì chăng lẽ lửa không có chỗ sở-nhiên mà tự có? _ Lý ấy Ta đã từng hiến-minh, nhưng ông vẫn chưa biết, trong Như-Lai-Tạng, tánh lửa vốn thiệt không, tánh không vốn thiệt lửa, bản-nhiên thanh-tịnh, châu-biến khắp cả pháp-giới, tùy theo tâm, ứng theo lượng của chúng-sanh mà có.
--	---

阿難當知。世人一處執鏡一處火生。遍法界執滿世間起。起遍世間寧有方所。循業發現世間無知。惑為因緣及自然性。皆是識心分別計度。但有言說都無實義。

49. A-Nan! Đương tri.

- _ Thế-nhân nhứt xứ chấp kính, nhứt xứ hỏa sanh.
- _ Biến pháp-giới chấp, mãn thế-gian khởi.
- _ Khởi biến thế-gian, ninh hữu phương sở, tuân nghiệp phát-hiện.
- (_ Lửa bốc khắp thế-gian, đâu có chỗ ở, theo nghiệp mà phát-hiện.)

_ Thế-gian vô tri, hoặc vi nhân-đuyên, cập tự-nhiên tánh, giai thị thức tâm, phân-biệt kế độ, đán hữu ngôn-thuyết, độ vô thật-nghĩa.

49. A-Nan! Ông nên biết:

- _ Người thế-gian, mỗi chỗ có cầm kiếng thì mỗi chỗ có lửa sanh.
- _ Khắp pháp-giới đều cầm kiếng thì cả thế-giới đều có lửa sanh,
- không hạn-định phương-hướng xứ-sở, chỉ thuận theo nghiệp của chúng-sanh mà phát-hiện.
- _ Người thế-gian không biết, nhận lầm là tánh nhân-đuyên hoặc tự-nhiên, đó là tại ý-thức phàm-phu so đo, phân-biệt, chỉ bằng ngôn-ngữ, chớ không phải nghĩa chơn-thiệt.

50.**50. HIỂN-MINH THỦY-ĐẠI.**

阿難水性不定流息無恒。如室羅城迦毘羅仙斫迦羅仙。及鉢頭摩訶薩多等諸大幻師。求太陰精用和幻藥。是諸師等於白月晝。手執方諸承月中水。此水為復從珠中出。空中自有為從月來。

_ A-Nan! Thủy tánh bất định, lưu tức vô hằng.

_ Như Thất-La-Phiệt thành, Ta-Tỳ-Ca-La tiên, Chước-Ca-La tiên, cập Bát-Đầu-Ma, Ha-Tát-Đa đẳng, chư đại huyễn sư, cầu Thái-Âm tinh, dụng hòa huyễn được, thị chư sư đẳng, ư bạch nguyệt trú, chủ chấp phương chư, thừa nguyệt trung thủy.

_ Thủ thủy vi phục, tùng châu trung xuất, không trung tự hữu, vi tùng nguyệt lai?

Đức Phật dạy:

- _ A-Nan! Tánh nước bất-định, chảy hoặc ngưng không thường.
- _ Như trong thành Thất-La-Phiệt có các đại huyễn sư: Ta-Tỳ-Ca-La tiên, Chước-Ca-La tiên và Bát-Đầu-Ma, Ha-Tát-Đa hay làm phép huyễn-mị, khi các ông ấy muốn cầu Thái-Âm tinh để hòa với thuốc huyễn-mị, thì giữa đêm rằm trăng tỏ, cầm hột châu thủy-tinh để hứng nước trong ánh trăng.
- _ Vậy nước ấy do mặt trăng, hoặc hột châu, hoặc hư-không mà có?

阿難若從月來。尚能遠方令珠出水。所經林木皆應吐流。流則何待方珠所出。不流明水非從月降。若從珠出則此珠中常應流水

。何待中宵承白月晝。若從空生空性無邊水當無際。從人洎天皆同陷溺。云何復有水陸空行。汝更諦觀月從天陟珠因手持。承珠水盤本人敷設。水從何方流注於此。月珠相遠非和非合。不應水精無從自有。

51. A-Nan! Nhược tùng nguyệt lai, thượng năng viễn phương, linh châu xuất thủy, sở kinh lâm mộc, giai ứng thổ lưu.

_ Lưu tắc hà đai, phương chư sở xuất.

_ Bất lưu minh thủy, phi tùng nguyệt giàn.

_ Nhược tùng châu xuất, tắc thủ châu trung, thường ứng lưu thủy, hà đai trung tiêu, thừa bạch nguyệt trú.

_ Nhược tùng không sanh, không tánh vô biên, thủy đương vô tế, tùng nhân cập thiêng, giai đồng thao nich, vân hà phục hữu, thủy lục không hành.

(_ Nếu do hư-không mà sanh, thì hư-không không bờ bến, nước cũng không giới-hạn, vậy từ cõi người đến cõi trời, lẽ ra đều phải chìm ngập cả, còn thể nào có thủy, lục, không, hành?)

_ Nhữ cánh đế quan, nguyệt tùng thiêng trắc, châu nhân thủ trì, thừa châu thủy bàn, bốn nhân phu thiết, thủy tùng hà phương lưu chú ư thử?

_ Nguyệt châu tương-viễn, phi hòa phi hiệp, bất ứng thủy tinh vô tùng tự hữu.

(..., không lẽ nước kia, không do đâu mà tự có?)

51. Nếu nước ấy do mặt trăng mà có, thì mặt trăng ở cách xa còn có thể làm cho hột châu chảy ra nước, tại sao mặt trăng rời qua mấy rừng cây lại không làm cho mấy rừng cây chảy nước?

_ Nếu mặt trăng làm cho rừng cây chảy nước được thì cần gì hột châu.

_ Nếu rừng cây không chảy nước được thì nước ấy chắc chắn không phải do mặt trăng mà có.

_ Nếu nước ấy do hột châu mà có thì hột châu phải thường chảy nước, cần gì đợi đến giữa đêm rầm hứng nước dưới ánh trăng tròn?

_ Nếu nước ấy do hư-không mà có thì hư-không chẳng có bờ bến, như vậy các cõi Trời và Người bị chìm, còn thể nào có thủy, lục, không, hành?

_ Ông hãy cứu xét, trăng ở trên trời, hột châu cầm trong tay, vật hứng nước do người đặt ra, thì nước từ đâu chảy đến?

_ Mặt trăng và hột châu cách xa nhau, gốc không hòa không hiệp, chẳng sanh được nước thì chẳng lẽ nước không có chỗ sở-nhân mà tự sanh?

汝尚不知如來藏中。性水真空性空真水。清淨本然周遍法界。隨眾生心應所知量。一處執珠一處水出。遍法界執滿法界生。生滿世間寧有方所。循業發現世間無知。惑為因緣及自然性。皆是識心分別計度。但有言說都無實義。

52. Nhữ thượng bất tri Như-Lai-Tạng trung, tánh thủy chơn-không, tánh không

52. Ông chưa biết trong Như-Lai-Tạng, tánh nước vốn thiệt không, tánh không

<p>chơn-thủy, thanh-tịnh bốn-nhiên, châu-biển pháp-giới, tùy chúng-sanh tâm, ứng sở tri lượng.</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Nhứt xứ chấp châu, nhứt xứ thủy xuất. _ Biến pháp-giới chấp, mãn pháp-giới sanh. _ Sanh mãn thế-gian, ninh hữu phương sở, tuân nghiệp phát-hiện. <p>(_ Thủy-dai sanh khắp thế-gian, đâu có chỗ ở, theo nghiệp mà phát-hiện.)</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Thế-gian vô tri, hoặc vi nhân-duyên, cập tự-nhiên tánh, giai thị thức tâm, phân-biệt kế độ, đán hữu ngôn-thuyết, đô vô thật-nghĩa. 	<p>vốn thiêt nước, bốn-nhiên thanh-tịnh, châu-biển khắp cả pháp-giới, tùy theo tâm và ứng theo lượng của chúng-sanh mà có.</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Chỗ nào có cầm hột châu thì chỗ ấy có nước chảy đến. _ Khắp pháp-giới đều cầm hột châu, thì cả thế-gian đều có nước sanh, - không hạn-định phương-hướng xứ-sở, chỉ thuận theo nghiệp của chúng-sanh mà phát-hiện. <p>_ Người thế-gian không biết, nhận lầm là tánh nhân-duyên hoặc tự-nhiên, đó là tại ý-thức phàm-phu so đo, phân-biệt, chỉ bằng ngôn-ngữ, chớ không phải nghĩa chơn-thiệt.</p>
--	---

53.	53. HIỂN-MINH PHONG-ĐẠI.
	<p>阿難風性無體動靜不常。汝常整衣入於大眾。僧伽梨角動及傍人。則有微風拂彼人面。此風為復出袈裟角。發於虛空生彼人面。</p>
<ul style="list-style-type: none"> _ A-Nan! Phong tánh vô thể, động tĩnh bất thường. _ Nhữ thường chỉnh y, nhập ư đại-chúng, tăng-già-lê giác, động cập bàng nhân, tắc hữu vi phong, phất bỉ nhân diện. _ Thủ phong vi phục, xuất ca-sa giác, phát ư hư-không, sanh bỉ nhân diện? 	<p>Đức Phật dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ A-Nan! Tánh gió không có tự-thể, khi thổi khi ngưng bất thường. _ Như ông đắp y nhập chúng, chéo y Tăng-già-lê động tới người kế cận, thì có một chút gió phất qua mặt người ấy. _ Vậy gió do chéo y, hoặc hư-không, hoặc mặt người khác mà có?

阿難此風若復出袈裟角。汝乃披風。其衣飛搖應離汝體。我今說法會中垂衣。汝看我衣風何所在。不應衣中有藏風地。若生虛空。汝衣不動何因無拂。空性常住風應常生。若無風時虛空當滅。滅風可見滅空何狀。若有生滅不名虛空。名為虛空云何風出。若風自生彼拂之面。從彼面生當應拂汝。自汝整衣云何倒拂。汝審諦觀。整衣在汝面屬彼人。虛空寂然不參流動。風自誰方鼓動來此。風空性隔非和非合。不應風性無從自有。

<p>54. A-Nan! Thủ phong nhược phục, xuất ca-sa giác, nhữ nã̄i phi phong, kỳ y phi diêu, ưng ly nhữ th̄e.</p> <p>(_ A-Nan! Nếu gió đó phát ra do gấu áo ca-sa, thì ông đã mặc cả gió, lẽ ra cái áo phải bay tung ra, rời khỏi thân-thể của ông.)</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Ngã kim thuyết pháp, hội trung thùy y, nhữ khán ngã y, phong hà sở tại? _ Bất ưng y trung, hữu tàng phong địa. _ Nhược sanh hư-không, nhữ y bất động, hà nhân vô phất? _ Không-tánh thường-trụ, phong ưng thường sanh, nhược vô phong thời, hư-không đương diệt. _ Diệt phong khả kiến, diệt không hà trạng. _ Nhược hữu sanh diệt, bất danh hư-không. _ Danh vi hư-không vân hà phong xuất? _ Nhược phong tự sanh, bỉ phất chi diện, tùng bỉ diện sanh, đương ưng phất nhữ, tự nhữ chỉnh y, vân hà đảo phất? <p>(_ Nếu gió đó sanh ra do cái mặt người bị phẩy, thì đã do mặt người đó sanh ra, lẽ ra phải phẩy lại ông, sao tự ông sửa áo mà lại phẩy ngược lại người kia?)</p> <p>Nhữ thẩm đế quan:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Chính y tại nhữ, diện thuộc bỉ nhân, hư-không tịch-nhiên, bất tham lưu động, phong tự thùy phuong, cổ động lai thử? (_ Sửa áo là do nơi ông, cái mặt thì thuộc người kia, hư-không thì vắng lặng, không thể lay động, vậy gió từ phuong nào gióng ruồi đến đó?) _ Phong không tánh cách, phi hòa phi hiệp, bất ưng phong tánh, vô tùng tự hữu. <p>(Tánh gió và tánh hư-không cách xa nhau, không phải hòa, không phải hiệp, không lẽ gió kia, không do đâu mà tự có?)</p>	<p>54. A-Nan! Nếu gió do chéo y mà có thì y là gió phải bay ra khỏi thân ông.</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Ta đang thuyết pháp, thả y xuống giữa chúng hội, ông thử xem xét trong y của Ta, gió ở chỗ nào? _ Không lý trong y có chỗ chứa gió? _ Nếu gió do hư-không mà có thì khi y không động, từ đâu sanh gió? _ Tánh hư-không thường-trụ, thì gió phải thường thổi, nếu gió ngưng, thì hư-không phải mất. _ Gió ngưng thì có thể nhận được, chờ hư-không mất thì hình trạng thế nào? _ Nếu có sanh diệt, thì chẳng gọi là hư-không được. _ Nếu gọi là hư-không, thì làm sao lại sanh gió? _ Nếu gió do mặt người khác mà có, thì đáng lý tự gió thổi ông; cớ sao ông lay động cái y, rồi gió thổi qua mặt người khác? <p>Ông hãy xét kỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Y do ông đắp, mặt của người khác, hư-không thì vắng lặng, vậy gió ở phuong nào phát-sanh? _ Tánh gió và tánh hư-không cách xa nhau, không hòa không hiệp, chẳng lẽ gió không có chỗ sở-nhân mà tự sanh?
---	--

汝宛不知如來藏中。性風真空性空真風。清淨本然周遍法界。隨眾生心應所知量。阿難如汝一人。微動服衣有微風出。遍法界拂滿國土生。周遍世間寧有方所。循業發現世間無知。惑為因緣及自然性。皆是識心分別計度。但有言說都無實義。

55. Nhữ uyển bất tri, Như-Lai-Tạng trung, tánh phong chơn-không, tánh không chơn-phong, thanh-tịnh bốn-nhiên, châu-biến pháp-giới, tùy chúng-sanh tâm, ứng sở tri lượng.

_ A-Nan! Như nhữ nhứt nhân, vi động phục y, hữu vi phong xuất.

(_ A-Nan! Như một mình ông, hơi động cái áo, thì có chút gió phát ra.)

_ Biến pháp-giới phất, mãn quốc-độ sanh; châu-biến thế-gian, ninh hữu phuong sở, tuần nghiệp phát hiện.

(...; phong-đại đầy dãy thế-gian, đâu có chỗ ở, theo nghiệp mà phát-hiện.)

_ Thế-gian vô tri, hoặc vi nhân-đuyên, cập tự-nhiên tánh, giai thị thức tâm, phân-biệt kế đô, đân hữu ngôn-thuyết, đô vô thật-nghĩa.

55. A-Nan! Ông không biết trong Như-Lai-Tạng, tánh gió vốn thiệt không, tánh không vốn thiệt gió, bốn-nhiên thanh-tịnh, châu-biến khắp cả pháp-giới, tùy theo tâm và ứng theo lượng của chúng-sanh mà có.

_ A-Nan! Một người động y thì có gió.

_ Khắp pháp-giới đều động y, thì cả thế-gian đều có gió; không hạn định phương-hướng xứ-sở, chỉ thuận theo nghiệp của chúng-sanh mà phát hiện.

_ Người thế-gian không biết, nhận lầm là tánh nhân-đuyên hoặc tự-nhiên, đó là tại ý-thức phàm-phu so đo, phân-biệt, chỉ bằng ngôn-ngữ, chớ không phải nghĩa chơn-thiệt.

56.

56. PHẬT HIỂN-MINH TAM ĐẠI: KHÔNG, KIẾN, THỨC.

_ Đức Phật đã hiển-minh tứ-đại: địa, hỏa, thủy, phong.
_ Bây giờ Đức Phật hiển-minh thêm tam đại nữa: không, kiến, thức. Tất cả là thất đại.

HIỂN-MINH KHÔNG-ĐẠI.

阿難空性無形因色顯發。如空羅城去河遙處。諸刹利種及婆羅門。毘舍首陀兼頗羅墮旃陀羅等。新立安居鑿井求水。出土一尺於中則有一尺虛空。如是乃至出土一丈。中間還得一丈虛空。空虛淺深隨出多少。此空為當因土所出。因鑿所有無因自生。

Đức Phật dạy:

<p>_ A-Nan! Không tánh vô hình, nhân sắc hiển phát.</p> <p>_ Như Thất-La-Phiệt thành, khứ hà diêu xứ, chư Sát-Lợi chủng, cặp Bà-La-Môn, Tùy-Xá, Thủ-Đà, kiêm Phả-La-Đọa, Chiên-Đà-La đẳng, tân lập an cư, tạc tĩnh cầu thủy.</p> <p>_ Xuất thổ nhứt xích, ư trung tắc hữu, nhứt xích hư-không.</p> <p>_ Như-thị nãi chí, xuất thổ nhứt trượng, trung-gian hoàn đắc, nhứt trượng hư-không.</p> <p>_ Hư-không thiển thâm, tùy xuất đa thiểu.</p> <p>_ Thủ không vi đương, nhân thổ sở xuất, nhân tạc sở hữu, vô nhân tự sanh.</p>	<p>_ A-Nan! Tánh hư-không chẳng có hình-trạng, do các sắc-tương mà phát ra.</p> <p>_ Như trong thành Thất-La-Phiệt, địa-thế cách xa sông rạch, nên những người dòng Sát-Lợi, dòng Bà-La-Môn, dòng Tùy-Xá, dòng Thủ-Đà, dòng Phả-La-Đọa, dòng Chiên-Đà-La, v.v..., muốn cất nhà ở, phải đào giếng kiếm nước.</p> <p>_ Khi đào được một thước đất, thì có một thước hư-không.</p> <p>_ Khi đào được một trượng đất, thì có một trượng hư-không.</p> <p>_ Hư-không sâu hay cạn, tùy ở chỗ đào nhiều hay ít.</p> <p>_ Vậy hư-không ấy chẳng có nương theo đâu mà tự phát, hoặc do đất đem ra mà có, hoặc do đào mà sanh?</p>
---	--

阿難若復此空無因自生。未鑿土前何不無礙。唯見大地迥無通達。若因土出則土出時應見空入。若土先出無空入者。云何虛空因土而出。若無出入則應空土。元無異因無異則同。則土出時空何不出。若因鑿出。則鑿出空應非出土。不因鑿出。鑿自出土云何見空。汝更審諦諦審諦觀。鑿從人手隨方運轉土因地移。如是虛空因何所出。鑿空虛實不相為用非和非合。不應虛空無從自出。若此虛空性圓周。遍本不動搖。當知現前地水火風。均名五大性真圓融。皆如來藏本無生滅。

<p>57. A-Nan! Nhược phục thủ không, vô nhân tự sanh, vị tạc thổ tiền, hà bất vô-nhai, duy kiến đại địa, huýnh vô thông-đạt?</p> <p>(..., thì trước khi chưa đào đất, sao nơi đó lại không trống rỗng, mà chỉ thấy đất liền, hẳn không thông suốt.)</p> <p>_ Nhược nhân thổ xuất, tắc thổ xuất thời ứng kiến không nhập.</p> <p>(_ Nếu nhân đất mà ra, thì khi đất ra, phải thấy hư-không vào.)</p> <p>_ Nhược thổ tiền xuất, vô không nhập giả, vân hà hư-không, nhân thổ nhi xuất?</p>	<p>57. A-Nan! Nếu hư-không chẳng có nương theo đâu mà tự phát, thì tại sao trước khi đào đất, chẳng thấy chỗ đó trống rỗng lại thấy đầy đất?</p> <p>_ Nếu hư-không do đất đem ra mà có, thì khi đất đem ra, phải thấy hư-không vào, cớ sao lại chẳng thấy?</p>
--	---

<p>(_ Nếu đất ra trước, mà không thấy hư-không vào, thì làm sao hư-không lại nhân đất mà ra?)</p>	
<p>_ Nhược vô xuất nhập, tặc ứng không thổi, ngươn vô dị nhân, vô dị tặc đồng, tặc thổi xuất thời, không hà bất xuất? (_ Còn nếu không ra, không vào, thì hư-không với đất vốn không khác nhau, không khác tức là đồng, thì khi đất ra, sao hư-không lại không ra.)</p>	<p>_ Nếu không có ra vào thì hư-không chẳng khác chi với đất, tức là đồng tánh với đất, nhưng tại sao khi đất đem ra, hư-không lại chẳng ra?</p>
<p>_ Nhược nhân tặc xuất, tặc tặc xuất không, ứng phi xuất thổi. (_ Nếu nhân đào mà ra, thì phải đào ra hư-không, chớ không đào ra đất.)</p>	<p>_ Lại nếu hư-không do đào đất mà sanh, thì thành ra đào hư-không chớ chẳng phải đào đất.</p>
<p>_ Bất nhân tặc xuất, tặc tự xuất thổi, vân hà kiến không? (_ Nếu không nhân đào mà ra, thì tự đào ra đất, làm sao lại thấy hư-không?)</p>	<p>_ Trái lại, nếu hư-không chẳng do đào đất mà sanh, thì tại sao đào đất rồi thấy hư-không?</p>
<p>_ Nhữ cánh thẩm đế, đế thẩm đế quan: _ Tặc tùng nhân thủ, tùy phương vận chuyển, thổi nhân địa di, như-thị hư-không, nhân hà sở xuất? (_ Ông hãy xét cho kỹ, nhận rõ, xét chín: _ Đào thì do tay người, theo phương hướng mà vận-chuyển, đất thì từ nơi đất liền mà dời đi, như vậy, còn hư-không thì nhân đâu mà ra?)</p>	<p>_ A-Nan! Ông nên nghiêm xét tinh-tường: _ Đào đất là tự-tiên, theo phương-thức mà vận chuyển, đất do từ chỗ đào dời ra, hai thứ ấy vốn chẳng có nhân-duyên chi với hư-không, tại sao lại thấy hư-không? Như vậy hư-không từ đâu mà có?</p>
<p>_ Tặc không hư thật, bất ứng vi dụng, phi hòa phi hiệp, bất ứng hư-không, vô tùng tự xuất. (_ Đào là thật sự, hư-không là rỗng trống, không có tác-dụng gì với nhau, không hòa không hợp, không lẽ hư-không không do đâu mà tự ra.)</p> <p>_ Nhược thử hư-không, tánh viên châu-biển, bẩn bất động diệu. _ Dương tri hiện-tiền, địa thủy hỏa phong, quân danh ngũ đại, tánh chơn viên-dung, giai Như-Lai-Tạng, bốn vô sanh diệt.</p>	<p>_ Đào thuộc về thiêt, hư-không thuộc về hư, thiêt với hư khác nhau, không hòa không hiệp, thì làm sao sanh được hư-không? Có lý nào hư-không chẳng có chỗ sở-nhân mà tự-nhiên phát ra?</p> <p>_ Tánh hư-không vốn chẳng lay động, châu-biển viên-mãnh. _ Ông nên biết: hư-không với tứ-đại địa hỏa thủy phong hiện-tiền gọi là ngũ đại, tánh thiêt viên-dung, đều ở trong Như-Lai-Tạng, vốn không có sanh diệt.</p>

阿難汝心昏迷。不悟四大元如來藏。當觀虛空為出為入為非出入。汝全不知如來藏中。性覺真空性空真覺。清淨本然周遍法界。隨眾生心應所知量。

阿難如一井空空生一井。十方虛空亦復如是。圓滿十方寧有方所。循業發現世間無知。惑為因緣及自然性。皆是識心分別計度。但有言說都無實義。

58. A-Nan! Nhữ tâm hôn-mê, bất ngộ tứ-đại, nguyên Như-Lai-Tạng, đương quan hư-không, vi xuất vi nhập, vi phi xuất nhập.

_ Nhữ toàn bất tri, Như-Lai-Tạng trung, tánh giác chơn-không, tánh không chơn-giác, thanh-tịnh bốn-nhiên, châu-biến pháp-giới, tùy chúng-sanh tâm, ứng sở tri lượng.

_ A-Nan! Như nhứt tinh không, không sanh nhứt tinh, thập phương hư-không, diệc phục như-thị; viên-mãn thập phương, ninh hữu phương sở, tuần nghiệp phát-hiện.

(_ A-Nan! Như một giếng trống không, thì hư-không sanh trong một giếng....; Không-đại cùng khắp mười phương, đâu có chỗ ở, theo nghiệp mà phát-hiện.)

_ Thế-gian vô tri, hoặc vi nhân-duyên, cập tự-nhiên tánh, giao thị thức tâm, phân-biệt kế độ, đán hữu ngôn-thuyết, đô vô thật-nghĩa.

58. A-Nan! Tâm ông mê-muội, không ngộ được bốn đại vốn là tính Như-Lai-Tạng, ông hãy xét cái hư-không là ra, là vào, hay không ra, không vào.

_ A-Nan! Ông chưa biết trong Như-Lai-Tạng, tánh giác vốn thiêt là chơn-không, tánh không vốn thiêt là chơn-giác, bản-nhiên thanh-tịnh, châu-biến khắp cả pháp-giới, tùy theo tâm và ứng theo lượng của chúng-sanh mà phát-hiện diệu-dụng.

_ A-Nan! Như một cái giếng toàn hư-không, hư-không sanh một cái giếng, cho tới hư-không khắp mươi phương cũng như vậy; chẳng có hạn-định phương-hướng xứ-sở, chỉ thuận theo nghiệp của chúng-sanh mà phát-hiện.

_ Người thế-gian không biết, nhận lầm là tánh nhân-duyên hoặc tự-nhiên, đó là tại ý-thức phàm-phu so đo, phân-biệt, chỉ bằng ngôn-ngữ, chớ không phải nghĩa chơn-thiệt.

59.

59. HIỂN-MINH KIẾN-ĐẠI.

阿難見覺無知因色空有。如汝今者在祇陀林朝明夕昏。設居中宵白月則光黑月便暗。則明暗等因見分析。此見為復與明暗相并太虛空。為同一體為非一體。或同非同或異非異。

_ A-Nan! Kiến giác vô tri, nhân sắc không hữu.

(_ A-Nan! Kiến-đại có giác-quan mà không phân-biệt, nhân các thứ sắc-không mà có.)

Đức Phật dạy:

_ A-Nan! Tánh thấy có cảm-giác, nhưng chẳng tự phân-biệt được, chỉ nhân đối-đại với sắc-không mới có phân-biệt.

<p>_ Như nhữ kim giả, tại Kỳ-Đà lâm.</p> <p>_ Triệu minh, tịch hôn, thiết cư trung tiêu, bạch nguyệt tắc quang, hắc nguyệt tiện ám, tắc minh ám đắng, nhân kiến phân-tích.</p> <p>_ Thủ kiến vi phục, dữ minh ám tương, tinh thái hư-không, vi đồng nhứt thể, vi phi nhứt thể? Hoặc đồng, phi đồng, hoặc dị, phi dị?</p>	<p>_ Như nay ông ở nơi rừng Kỳ-Đà.</p> <p>_ Ban ngày, sớm mai thì sáng, chiều tối, ban đêm, có trăng thì sáng, không trăng thì tối, tánh thấy của ông nhân đối-đãi với tướng sáng tương tối mà có phân-biệt.</p> <p>_ Vậy tánh thấy đối với sáng, tối, hư-không, đồng một thể, hay chẳng đồng một thể, hoặc đồng, hoặc khác, hoặc chẳng đồng, hoặc chẳng khác?</p>
--	--

阿難此見若復與明與暗。及與虛空元一體者。則明與暗二體相亡。暗時無明明時非暗。若與暗一明則見亡。必一於明暗時當滅。滅則云何見明見暗。若暗明殊見無生滅一云何成。若此見精。與暗與明非一體者。汝離明暗及與虛空。分析見元作何形相。離明離暗及離虛空。是見元同龜毛兔角。明暗虛空三事俱異從何立見。明暗相背云何或同。離三元無云何或異。分空分見本無邊畔云何非同。見暗見明性非遷改云何非異。

汝更細審微細審詳審諦審觀。明從太陽暗隨黑月。通屬虛空擁歸大地。如是見精因何所出。見覺空頑非和非合。不應見精無從自出。若見聞知性圓周遍。本不動搖當知無邊。不動虛空并其動搖。地水火風均名六大。性真圓融皆如來藏本無生滅。

阿難汝性沈淪。不悟汝之見聞覺知本如來藏。汝當觀此見聞覺知。為生為滅為同為異。為非生滅為非同異。

60. A-Nan! Thủ kiến nhược phục, dữ minh dữ ám, cặp dữ hư-không, nguyên nhứt thể giả, tắc minh dữ ám, nhị thể tương-vong, ám thời vô minh, minh thời phi ám.

_ Nhược dữ ám nhứt, minh tắc kiến vong.

_ Tất nhứt ư minh, ám thời đương diệt.

_ Diệt tắc vân hà kiến minh kiến ám?

(_ Mà đã diệt, thì làm sao còn thấy được sáng, thấy được tối?)

_ Nhược ám minh thù, kiến vô sanh-diệt, nhứt vân hà thành?

60. A-Nan! Nếu tánh thấy đối với sáng, tối, hư-không đồng một thể, thì hai tướng sáng và tối khác nhau, một còn một mất, như sáng thì không tối, tối thì không sáng.

_ Nếu tánh thấy đồng thể với tối, thì khi sáng tánh thấy phải mất.

_ Nếu tánh thấy đồng thể với sáng, thì khi tối tánh thấy phải diệt.

_ Như vậy làm sao thấy sáng thấy tối được?

_ Sáng và tối khác nhau, nhưng tánh thấy không có sanh-diệt, thì nghĩa đồng thể bất-thành.

<p>_ Nhược thử kiến tinh, dữ ám dữ minh, phi nhứt thể giả, nhữ ly minh ám, cặp dữ hư-không, phân-tích kiến nguyên, tác hà hình-tương.</p> <p>(..., ông hãy phân-tích cái thấy thành hình-tương gì?)</p> <p>_ Ly minh ly ám, cặp ly hư-không, thị kiến ngươn đồng, qui mao, thố giác.</p> <p>(_ Rời cái sáng, cái tối và hư-không, cái thấy đó cũng đồng như lông rùa, sừng thỏ.)</p> <p>_ Minh ám hư-không, tam sự cu dị, tùng hà lập kiến?</p> <p>(_ Nếu tách hẳn ba thứ sáng, tối và hư-không, thì do đâu mà thành-lập được cái thấy?)</p> <p>_ Minh ám tương-bội, vân hà hoặc đồng?</p> <p>(_ Sáng và tối trái nghịch nhau làm sao hoặc cũng là đồng?)</p> <p>_ Ly tam nguyên vô, vân hà hoặc dị?</p> <p>(_ Rời ba thứ sáng, tối và hư-không, cái thấy vốn không còn gì, làm sao hoặc cũng là khác?)</p> <p>_ Phân không, phân kiến, bốn vô biên bạn, vân hà phi đồng?</p> <p>(_ Bên hư-không, bên cái thấy, vốn không có bờ cõi, làm sao lại không phải đồng?)</p> <p>_ Kiến ám, kiến minh, tánh phi thiên cải, vân hà phi dị?</p> <p>(_ Thấy cái tối, thấy cái sáng, tánh không dời đổi, làm sao lại không khác?)</p> <p>_ Nhữ cánh tế thẩm, vi tế thẩm tường, thẩm đế thẩm quan.</p> <p>(_ Ông hãy xét cho kỹ, suy xét chín chắn, nhận cho cùng, xét cho rõ.)</p> <p>_ Minh tùng thái-dương, ám tùy hắc nguyệt, thông thuộc hư-không, ung qui đại-địa; như-thị kiến-tinh, nhân hà sở xuất.</p>	<p>_ Nếu tánh thấy không đồng th체 với sáng, tối, hư-không, thì thử ly ba thứ ấy ra, chỉ còn tánh thấy biểu-lộ hình-tương thế nào?</p> <p>_ Có phải giống như lông rùa, sừng thỏ hay không? Vì ly sáng, tối, hư-không ra, thì không thể nào lập được tánh thấy?</p> <p>_ Như vậy nghĩa không đồng một thể cũng bất-thành.</p> <p>_ Sáng và tối trái nghịch nhau thì tánh thấy làm sao đồng được?</p> <p>_ Nếu ly sáng, tối, hư-không ra, thì tánh thấy không có tự-thể, làm sao đồng hoặc không đồng?</p> <p>_ Phân-tách tánh thấy và hư-không vốn chẳng có giới-hạn, làm sao gọi chẳng phải đồng?</p> <p>_ Thấy sáng thấy tối nhưng tánh thấy vẫn không thay đổi, thì làm sao gọi chẳng phải không đồng?</p> <p>_ Ông phải xem xét chau đáo,</p> <p>- sáng do mặt trời mọc, tối do mặt trăng lặn, thông suốt thuộc về hư-không, ngăn ngại thuộc về đại-địa; vậy tánh thấy do ở đâu mà có?</p>
--	---

<p>_ Kiến giác, không ngoan, phi hòa phi hiệp, bất ưng kiến tinh, vô cùng tự xuất.</p> <p>(_ Cái thấy có giác-quan, hư-không thì không hay biết, không hòa không hợp, không lẽ cái thấy không do đâu mà tự phát ra.)</p> <p>_ Nhược kiến văn tri, tánh viên chau-biến, bốn bất động diêu, đương tri vô-biên, bất động hư-không, tinh kỳ động diêu, địa thủy hỏa phong, quân danh lục đại, tánh chơn viên-dung, giao Như-Lai-Tạng, bốn vô sanh diệt.</p>	<p>_ Tánh thấy có cảm-giác, hư-không chẳng có cảm-giác, không hòa không hiệp, thì chẳng lẽ tánh thấy không có chỗ sở-nhân mà tự sanh?</p> <p>_ A-Nan! Ông phải biết tánh thấy giác-minh chau-biến viên-mãn, gốc không lay động, với hư-không vắng lặng vô-biên, cho tới tứ-đại địa hỏa thủy phong hằng biến-chuyển, gọi là lục đại, tánh thiệt viên-dung, đều là Như-Lai-Tạng, vốn không có sanh-diệt.</p>
<p>_ A-Nan! Nhữ tánh trầm-luân, bất ngộ nhữ chi kiến văn giác tri, bốn Như-Lai-Tạng.</p> <p>(_ A-Nan! Tánh ông chìm đắm, không ngộ được những sự thấy, nghe, hay, biết của ông vốn là tánh Như-Lai-Tạng.)</p> <p>Trầm-luân (沉淪): chìm đắm.</p> <p>_ Nhữ đương quan thử, kiến văn giác tri, vi sanh, vi diệt, vi đồng, vi dị, vi phi sanh-diệt, vi phi đồng-dị.</p> <p>(_ Ông hãy xét những sự thấy, nghe, hay, biết, đó là sanh hay diệt, là đồng hay khác, là không phải sanh, không phải diệt, hay không phải đồng, không phải khác.)</p>	<p>_ A-Nan! Vì tánh ông bị trầm-luân, nên chưa tỏ ngộ các thứ kiến văn giác tri là Như-Lai-Tạng.</p> <p>_ Ông hãy quan-sát các thứ kiến văn giác tri là sanh-diệt, đồng-dị, không phải sanh-diệt, không phải đồng-dị.</p>

汝曾不知如來藏中。性見覺明覺精明見。清淨本然周遍法界。
隨眾生心應所知量。如一見根見周法界。聽嗅嘗觸覺觸覺知。妙德瑩然遍周法界。圓滿十虛寧有方所。循業發現世間無知。惑為因緣及自然性。皆是識心分別計度。但有言說都無實義。

<p>61. Nhữ tầng bất tri, Như-Lai-Tạng trung, tánh kiến giác minh, giác tinh minh kiến, thanh-tịnh bốn-nhiên, chau-biến pháp-giới, tùy chúng-sanh tâm, ứng sở tri lượng.</p> <p>(_ A-Nan! Ông không biết trong Như-Lai-Tạng, cái thấy nơi tâm-tánh là cái tính minh của bốn-giác, cái tính minh của bốn-giác biểu lộ ra nơi cái thấy, bốn-nhiên thanh-tịnh cùng khắp pháp-giới, theo tâm chúng-sanh đáp ứng với lượng hay biết.)</p>	<p>61. A-Nan! Ông không biết trong Như-Lai-Tạng, tánh thấy giác-minh là Tự-Tánh chơn-giác thiêng sáng, hoàn-toàn khác biệt với tánh thấy phàm-phu bị buộc ở nhãn-căn, tánh thấy giác-minh vốn là bản-nhiên thanh-tịnh, chau-biến khắp cả pháp-giới, tùy theo tâm và ứng theo lượng của chúng-sanh mà phát-hiện diệu-dụng.</p>
--	--

<p>_ Như nhứt kiến căn, kiến châu pháp-giới, thính khứu thường xúc, giác xúc giác tri, diệu-đức oánh-nhiên, biến châu pháp-giới, viễn-mẫn thập hư, ninh hữ phuơng sở, tuần nghiệp phát-hiện.</p> <p>(_ Như nơi nhẫn-căn, cái thấy cùng khấp pháp-giới, thì cái biết nghe, biết ngửi, biết nếm, biết xúc, biết các pháp, công-năng nhiệm-mẫu sáng suốt cũng cùng khấp pháp-giới, đầy đủ thập phuơng hư-không, đâu có chỗ ở, theo nghiệp mà phát-hiện.)</p> <p>_ Thế-gian vô tri, hoặc vi nhân-đuyên, cập tự-nhiên tánh, giao thị thức tâm, phân-biệt kế độ, đán hữu ngôn-thuyết, đô vô thật-nghĩa.</p>	<p>_ Như riêng căn thấy bao trùm pháp-giới như vậy, thì tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân xúc, ý biết; cũng là đức-dụng nhiệm-mẫu châu-biến pháp-giới, chẳng có hạn-định phuơng-hƯỚNG xứ-sở, chỉ thuận theo nghiệp của chúng-sanh mà phát-hiện diệu-dụng.</p> <p>_ Người thế-gian không biết, nhận lầm là tánh nhân-đuyên hoặc tự-nhiên, đó là tại ý-thức phàm-phu so đo, phân-biệt, chỉ bằng ngôn-ngữ, chớ không phải nghĩa chơn-thiệt.</p>
---	---

62.

62. HIỂN-MINH THỨC-ĐẠI.

阿難識性無源。因於六種根塵妄出。汝今遍觀此會聖眾。用目循歷其目周視。但如鏡中無別分析。汝識於中次第標指。此是文殊此富樓那。此目乾連此須菩提此舍利弗。此識了知為生於見。為生於相為生虛空。為無所因突然而出。

_ A-Nan! Thức tánh vô nguyên, nhân vu lục chủng, căn trần vọng xuất.

_ Nhữ kim biến quan thử hội Thánh-chứng.

_ Dụng mục tuần lịch, kỳ mục châu thị, đán như kính trung, vô biệt phân-tích.

(_ Ông dùng con mắt lướt qua, mắt ông trông khấp, chỉ như bóng trong gương, không phân-tich riêng biệt.)

_ Nhữ thức ư trung, thử đệ tiêu chỉ, thử thị Văn-Thù, thử Phú-Lâu-Na, thử Mục-Kiền-Liên, thử Tu-Bồ-Đề, thử Xá-Lợi-Phật.

(_ Cái thức của ông, trong ấy theo thứ lớp chỉ ra đây là ông Văn-Thù, ...)

_ Thủ thức liễu tri, vi sanh ư kiến, vi sanh ư tướng, vi sanh hư-không, vi vô sở

Đức Phật dạy:

_ A-Nan! Tánh của thức không có nguồn gốc, chỉ nhân theo lục-căn và lục-trần mà vọng-động sanh ra.

_ Bây giờ ông hãy xem tất cả Thánh-chứng trong hội.

_ Khi mới ngó qua, chưa khởi niệm gì thì chỉ như bóng hiện vào gương, không có phân-biệt.

_ Đến khi thức của ông dựa vào đó, mới phân-biệt được có thứ lớp, như đây là Văn-Thù, đây là Phú-Lâu-Na, đây là Mục-Kiền-Liên, đây là Tu-Bồ-Đề, đây là Xá-Lợi-Phật.

_ Vậy thức ấy sanh nơi thấy, sanh nơi các tướng, sanh nơi hư-không, hay là

<p>nhân đột nhiên nasci xuất?</p> <p>(_ Cái thức nhận biết như thế, sanh ra do cái thấy, do các tướng, do hư-không, hay không nhân gì bỗng nhiên sanh ra?)</p>	<p>không nương theo chỗ nào mà bỗng nhiên sanh?</p>
--	---

阿難若汝識性生於見中。如無明暗及與色空。四種必無元無汝見。見性尚無從何發識。若汝識性生於相中。不從見生。既不見明亦不見暗。明暗不屬即無色空。彼相尚無識從何發。若生於空非相非見。非見無辯。自不能知明暗色空。非相滅緣。見聞覺知無處安立。處此二非。空非同無有非同物。縱發汝識欲何分別。若無所因突然而出。何不日中別識明月。汝更細詳微細詳審。見託汝睛相椎前境。可狀成有不相成無。如是識緣因何所出。識動見澄非和非合。聞聽覺知亦復如是。不應識緣無從自出。若此識心本無所從。當知了別見聞覺知。圓滿湛然性非從所。兼彼虛空地水火風。均名七大性真圓融。皆如來藏本無生滅。

阿難汝心。龜浮不悟見聞。發明了知本如來藏。汝應觀此六處識心。為同為異為空為有。為非同異為非空有。

63. A-Nan! Như ư nhữ thức tánh, sanh ư kiến trung, như vô minh ám, cập dữ sắc không, từ chủng tất vô, ngươn vô nhữ kiến, kiến tánh thượng vô, tùng hà phát thức?

(_ A-Nan! Nếu cái thức của ông sanh ra do cái thấy, mà như không có các tướng sáng tối và sắc không, thì không còn cái thấy của ông, cái thấy còn không có, do đâu mà phát ra được cái thức?)

_ Như ư nhữ thức tánh, sanh ư tướng trung, bất tùng kiến sanh, ký bất kiến minh, diệc bất kiến ám, minh ám bất thuộc, tức vô sắc không, bỉ tướng thượng vô, thức tùng hà phát?

(_ Nếu cái thức của ông sanh ra do các tướng, chớ không do cái thấy, thì đã không thấy sáng, cũng không thấy tối, sáng và tối đã không thấy, thì cũng không có sắc không, các tướng kia còn không có, thì cái thức do đâu mà phát ra?)

_ Như ư sanh ư không, phi tướng phi kiến, phi kiến vô biện, tự bất năng tri, minh ám sắc không; phi tướng diệt duyên, kiến văn giác tri, vô xứ an lập.

63. A-Nan! Nếu Thức sanh nơi thấy, thì như chẳng có bốn tướng: sáng, tối, sắc, không, tánh thấy cũng chẳng có, như vậy do đâu mà phát ra thức?

_ Nếu thức sanh nơi các tướng, thì các tướng là vật không có tánh thấy, không thấy sáng, tối, tức là chẳng có sắc, không, như vậy các tướng còn không có, huống chi là thức do đâu mà sanh?

_ Nếu thức sanh nơi hư-không, chớ chẳng phải sanh nơi thấy và nơi tướng, thì như chẳng phải sanh nơi thấy, làm sao biết được sắc, không; như chẳng

<p>(_ Nếu cái thấy sanh ra do hư-không, ngoài các tướng và ngoài cái thấy, thì ngoài cái thấy không có cảm-giác, tự-nhiên không thể biết được sáng, tối, sắc-tướng và hư-không; ngoài các tướng thì không có các duyên của tiền-trần, sự thấy, nghe, hay, biết, không do đâu mà thành-lập được.)</p> <p>_ Xứ thử nhị phi, không phi đồng vô; hữu phi đồng vật; tùng phát nhữ thức, dục hà phân-biệt?</p> <p>(_ Ngoài hai thứ căn trần ra, nếu là không, thì cũng đồng như không có; còn nếu là có, thì cũng không đồng như các vật; dầu cho phát cái thức của ông, thì đem ra mà phân-biệt cái gì?)</p>	<p>phải sanh nơi tướng, thì không có chỗ trợ-duyên, các thứ kiến văn giác tri lấy đâu mà thành-lập?</p> <p>_ Vậy ở giữa hai khoảng chảng phải thấy và chảng phải tướng thì thức không có tự-thể, cũng không thành-lập được. Nếu nói có thức, thì thức chảng phải đồng như các vật, mà cho rằng ở hư-không, như vậy làm sao phân-biệt được thức?</p>
	<p>_ Đó là chứng tỏ ly tánh thấy và các tướng mà nói thức sanh nơi hư-không, thật vô lý.</p>
<p>_ Nhược vô sở nhân, đột nhiên nhi xuất, hà bất nhựt trung, biệt thức minh nguyệt?</p> <p>(_ Nếu cái thức không nhân gì bỗng nhiên mà phát ra, làm sao lại không phân-biệt được mặt trăng sáng, trong lúc mặt trời đứng bóng?)</p> <p>_ Nhữ cánh tế tướng, vi tế tướng thẩm, kiến thác nhữ tình, tướng thôii tiền cảnh, khả trạng thành hữu, bất tướng thành vô, như-thị thức duyên, nhân hà sở xuất?</p> <p>(_ Ông hãy xem xét châu-dáo, cái thấy gá vào mắt của ông, các tướng thì trả về cho tiền-cảnh, cái gì có thể hình-trạng được, thì mới thành có, cái gì không có tướng, thì thành ra không, còn cái thức như vậy, nhân đâu mà ra?)</p> <p>_ Thức động, kiến trừng, phi hòa phi hiệp, văn thính giác tri, diệc phục như-thị.</p> <p>_ Bất ưng thức duyên, vô tùng tự xuất.</p> <p>(_ Không lẽ cái thức nhận biết không do đâu mà phát ra?)</p> <p>_ Nhược thử thức-tâm, bản vô sở tùng, đương tri liêu biệt, kiến văn giác tri, viên-mãn trạm-nhiên, tánh phi tùng sở.</p>	<p>_ Lại nếu thức không nương theo chỗ nào mà bỗng nhiên sanh, thì tại sao ban ngày không có mặt trăng, chảng khởi ra thức phân-biệt mặt trăng mà lại chỉ phân-biệt mặt trời mà thôi?</p> <p>_ Ông hãy xem xét châu-dáo, tánh thấy gởi nơi mắt, các tướng là tiền-trần, hễ có hình-thể thì thành sắc, chảng có hình-thể thì thành không, căn-trần, sắc-không minh-bạch như vậy, thì thức duyên từ đâu mà sanh?</p> <p>_ Thức thì lay động, tánh thấy thì đứng lặng, không hòa không hiệp, cho đến tánh nghe, tánh ngửi và tánh biết cũng giống như thế, dĩ-nhiên thức không có thể nào sanh ở nơi mấy chỗ ấy được.</p> <p>_ Vậy chảng lẽ thức không có chỗ sở-nhân mà tự sanh?</p> <p>_ Nếu tánh thức vốn không nương theo chỗ nào mà sanh, thì phải biết các tánh phân-biệt và kiến văn giác tri đều vắng</p>

<p>(_ Nếu cái thức đó không do đâu, thì nên biết cái thức-đại nhận biết và cái cẩn-đại thấy, nghe, hay, biết, vắng lăng cùng khắp, bản-tánh không nương vào đâu mà có.)</p> <p>_ Kiêm bỉ hư-không, địa thủy hỏa phong, quân danh thất đại, tánh chơn vien-dung, giai Như-Lai-Tạng, bốn vô sanh diệt.</p>	<p>lặng vien-mān, không bị các sở-duyên ràng buộc,</p> <p>- đứng chung với lục-đại: địa hỏa thủy phong không kiến, gọi là thất-đại, chơn-tánh vien-dung, đều là Như-Lai-Tạng, vốn không có sanh-diệt.</p>
<p>_ A-Nan! Nhữ tâm thô phù, bất ngộ kiến văn, phát-minh liễu tri, bốn Như-Lai-Tạng.</p> <p>(_ A-Nan! Tâm ông nồng nỗi, không ngộ được cái nhận biết các điều thấy nghe, vốn là tánh Như-Lai-Tạng.)</p> <p>_ Nhữ ưng quan thử, lục xứ thức-tâm, vi đồng, vi dị, vi không, vi hữu? Vi phi đồng dị, vi phi không hữu?</p> <p>(_ Ông hãy xét sáu cái thức, là đồng hay là khác, là không hay là có, là không phải đồng, không phải khác; hay không phải không, không phải có?)</p>	<p>_ A-Nan! Tâm của ông thô sơ nên chưa tỏ ngộ tánh hiểu biết sáng suốt phát-minh kiến văn gốc Như-Lai-Tạng.</p> <p>_ Ông nên xem xét kỹ càng, tánh thức ở sáu căn là đồng hay dị? Có hay không? Không đồng hay không dị? Chẳng có hay chẳng không?</p>

汝元不知如來藏中。性識明知覺明真識。妙覺湛然遍周法界。
。舍吐十虛寧有方所。循業發現世間無知。惑為因緣及自然性。皆是識心分別計度。但有言說都無實義。

<p>64. Nhữ nguyên bất tri Như-Lai-Tạng trung, tánh thức minh tri, giác-minh chơn-thức, diệu-giác trạm-nhiên, châubien pháp-giới, hàm thổ thập hư, ninh hữu phương sở, tuần nghiệp phát-hiện.</p> <p>(_ A-Nan! Ông không biết trong Như-Lai-Tạng, cái thức nơi tâm-tánh là cái tác-dụng nhận biết của tính minh bốn-giác, và tính minh bốn-giác thật là chơn-tánh của thức-đại, bốn-giác diệu-minh yên lặng cùng khắp pháp-giới, ẩn hiện thập phương hư-không, đâu có chỗ ở, theo nghiệp mà phát-hiện.)</p> <p>_ Thế-gian vô tri, hoặc vi nhân-duyên, cập tự-nhiên tánh, giai thị thức-tâm, phân-biệt kế độ, đán hữu ngôn-thuyết, đô vô thật-nghĩa.</p>	<p>64. A-Nan! Ông không biết trong Như-Lai-Tạng, tánh thức minh-tri là tánh chơn-thức vien-giác, sáng suốt nhiệm-mầu, thanh-tịnh trang-nghiêm, châubien khắp cả pháp-giới, chẳng có hạn định phương-hướng xứ-sở, chỉ thuận theo nghiệp của chúng-sanh mà phát-hiện diệu-dụng.</p> <p>_ Người thế-gian không biết, nhận lầm là tánh nhân-duyên hoặc tự-nhiên, đó là tại ý-thức phàm-phu so đo, phân-biệt, chỉ bằng ngôn-ngữ, chớ không phải nghĩa chơn-thiệt.</p>
---	---

65.	65. NGÀI A-NAN VÀ ĐẠI-CHÚNG KIẾN ĐẠO.
	<p>爾時阿難及諸大眾。蒙佛如來微妙開示。身心蕩然得無罣礙。是諸大眾。各各自知心遍十方見十方空。如觀掌中所持葉物。一切世間諸所有物。皆即菩提妙明元心。心精遍圓含裹十方。反觀父母所生之身。猶彼十方虛空之中。吹一微塵若存若亡。如湛巨海流一浮沤。起滅無從了然自知獲本妙心常住不滅。禮佛合掌得未曾有。於如來前說偈讚佛。</p>
<ul style="list-style-type: none"> _ Nhĩ thời A-Nan, cặp chư đại-chúng, mông Phật Như-Lai, vi diệu khai-thị, thân-tâm đặng nhiên, đắc vô quái-ngại. _ Thị chư đại-chúng, các các tự tri, tâm biến thập phương, kiến thập phương không, như quan thủ trung, sở trì diệp vật. _ Nhứt-thiết thế-gian, chư sở-hữu vật, giai tức Bồ-Đề, diệu-minh nguyên-tâm. _ Tâm tinh biến viên, hàm lý thập phương, phản quan phụ mẫu, sở sanh chi thân, du bỉ thập phương, hư-không chi trung, xuy nhứt vi-trần, nhược tồn nhược vong; như trạm cự-hải, lưu nhứt phù-âu, khởi diệt vô tùng. _ Liễu nhiên tự tri, hoạch bản diệu-tâm, thường-trụ bất diệt, lê Phật hiệp-chưởng, đắc vị-tầng-hữu. _ Ư Như-Lai tiên, thuyết kệ tán Phật: 	<ul style="list-style-type: none"> _ Khi ấy, ngài A-Nan và Đại-chúng nhờ những lời khai-thị nhiệm-mẫu của Đức Như-Lai, nên thân-tâm tự-nhiên an vui, không còn chi ngăn ngại. _ Mỗi người đều tự biết Bổn-Tâm chau-biến khắp cả pháp-giới, cảm thấy thập phương hư-không như thấy lá nấm trong tay. _ Tất cả sự-vật sở-hữu ở thế-gian, đều là Nguyên-Tâm Bồ-Đề quang-minh huyền-diệu. _ Vì Bổn-Tâm chau-biến viên-mãnh, trùm khắp thập phương, nên quay lại xem sắc-thân của phụ-mẫu sanh thành, như thổi một hột bụi thoát còn, thoát mất ở trong mười phương hư-không; lại cũng như trôi một giọt nước bọt khi sanh, khi diệt ở giữa biển cả. _ Ngài A-Nan nhờ Đức Như-Lai khai-thị nên hiểu thấu Tự-Tâm Chơn-Như diệu-giác thường-trụ, thì hết lòng vui mừng được việc chưa từng có. _ Ngài A-Nan đánh lê Phật rồi thuyết kệ khen Phật:

妙湛總持不動尊 銷我億劫顛倒想 願今得果成寶王 將此深心奉塵刹 伏請世尊為證明 如一眾生未成佛 大雄大力大慈悲	首楞嚴王世希有 不歷僧祇獲法身 還度如是恒沙眾 是則名為報佛恩 五濁惡世誓先入 終不於此取泥洹 希更審除微細惑
---	---

<p>令我早登無上覺 舜若多性可銷亡</p>	<p>於十方界坐道場 爍迦囉心無動轉</p>
<p>66.</p> <p>Diệu trạm tổng-trì bất-động Tôn, <i>Thủ-Lăng-Nghiêm Vương</i> thế hy-hữu, Tiêu ngã ức kiếp diên-dảo tưởng, Bất lịch tăng-kỳ hoạch Pháp-thân. Nguyễn kim đắc quả thành Bảo-Vương, Hưởn độ như-thị Hằng-sa chúng, Tương thủ thâm-tâm phụng trần-sát, Thị tắc danh vi báo Phật-ân. Phục thỉnh Thế-Tôn vị chứng-minh, Ngũ-trược ác-thế thệ tiên nhập, Như nhứt chúng-sanh vị thành Phật, Chung bất ư thử thủ Nê-Hoàn. Đại-hùng đại-lực đại từ-bi, Hy cánh thầm-trừ vi-tế hoặc, Linh ngã tảo đăng Vô-Thượng-Giác, Ư thập phuong giới tọa đạo-tràng, Thuấn-nhã-đa tánh khả tiêu-vong, Thước-ca-ra tâm vô động-chuyển.</p>	<p>66.</p> <p>Diệu-trạm (6) Tổng-trì (7) Bất-động Tôn (8), <i>Thủ-Lăng-Nghiêm Vương</i> đời ít có, Úc kiếp diên-dảo tối tiêu hết, Khỏi trải tăng-kỳ (9), được Pháp-thân (10). Nguyễn nay đắc quả, thành Bảo-Vương (11), Trở lại độ thoát Hằng-sa chúng (12), Lấy tâm nhiệt-thành phụng trần-sát (13), Thế mới gọi là báo Phật-ân (14). Ngưỡng cầu Thế-Tôn chứng-minh cho! Thề vào trước ngũ-trược ác-thế (15), Nếu còn một người chưa thành Phật, Không chịu về ở cảnh Niết-Bàn (16). Đại-hùng, đại-lực, đại từ-bi (17), Xét lại trừ tuyệt hoặc vi-tế (18), Khiến tôi lên bậc Vô-Thượng-Giác (19), Tọa đạo-tràng khắp cả mười phuong, Tánh Thuấn-nhã-đa (20) có tiêu mất, Tâm Thước-ca-ra (21) không dời đổi (22).</p>
<p>DỊCH ÂM ĐỆ TAM QUYỀN CHUNG</p>	<p>DIỄN NGHĨA HẾT QUYỀN BA</p>

YẾU-GIẢI KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM QUYỂN BA

(1) **Sanh trụ dị diệt:**

- Sanh : phát hiện.
- Trụ : đứng yên.
- Dị : dời đổi.
- Diệt : dứt hết.

“Sanh trụ dị diệt” đồng nghĩa với “Thành trụ hoại không”.

Ví dụ:

- Khi tưởng nhớ phát-hiện là Sanh.
- Khi đang nhớ là Trụ.
- Quên lần lần là Dị.
- Quên mất là Diệt.

Lại ví dụ như cái nhà:

- Cái nhà do vật-liệu và nhân-công xây cất gọi là Sanh.
- Cái nhà đứng yên che mưa đỡ nắng gọi là Trụ.
- Rồi cái nhà theo thời-gian mà hư lần gọi là Dị.
- Cho tới khi cái nhà không còn dùng được nữa phải triệt-hạ gọi là Diệt.

Lại ví dụ như thân tử-đại tức là xác thịt do bốn thứ đất lửa nước gió giả-hiệp. Thân sanh ra, trụ một thời-gian, trẻ rồi lớn, lớn rồi già, già rồi suy yếu lần lần, kể chết. Thân tử-đại mà người thế-gian hết lòng săn sóc, không có thiệt-thể, hơi thở đi ra mà chẳng trở vào thì xương thịt, sức nóng, tinh-huyết, hơi thở đều hoàn lại địa hỏa thủy phong, thân ấy tức-khắc biến thành tử-thi vô-tri vô-giác như khúc gỗ, vì thế gọi là thân hoạn, thân bất-tịnh, thân vô-thường, thân phi-ngã, v.v.... Đó là chứng tỏ tất cả pháp hữu-vi như giặc mộng, huyễn-thuật, như bọt nước, bóng hình, như sương sa, điển chớp, thảy đều theo công-lệ sanh trụ dị diệt tức là không có chi tồn-tại.

(2) **Sa-môn:** Cần-Tức (勤息). Cần là tinh-tấn. Tức là dứt sạch.

– Sa-môn là vị Tăng có đức-độ thanh-tịnh, tinh-tấn làm các điều lành, dứt sạch các điều dữ.

(3) **Tô-lạc đê-hồ:** thực-phẩm do sữa làm ra. Ví dụ như: beurre, fromage, crème, v.v...

(4) **Tánh thiện, tánh ác, tánh vô-ký:**

- Tánh thiện là tánh lành.
- Tánh ác là tánh dữ.
- Tánh vô-ký là tánh không thể ghi nhớ lành dữ.

(5) **Đoạn văn hiển-minh thập bát giới:** Thập bát giới là 18 giới-hạn.

– Nhãm-giới, Sắc-giới và Nhãm-thức-giới là giới-hạn của căn mắt, giới-hạn của Sắc-trần (các vật thấy được ở trần-cảnh) và giới-hạn của tánh biết do mắt.

_ Nhĩ-giới, Thinh-giới và Nhĩ-thức-giới là giới-hạn của căn tai, giới-hạn của Thinh-trần (các tiếng nghe được ở trần-cánh) và giới-hạn của tánh biết do tai.

_ Ty-giới, Hương-giới và Ty-thức-giới là giới-hạn của căn mũi, giới-hạn của Hương-trần (các hơi ngửi được ở trần-cánh) và giới-hạn của tánh biết do mũi.

_ Thiệt-giới, Vị-giới và Thiệt-thức-giới là giới-hạn của căn lưỡi, giới-hạn của Vị-trần (các mùi nếm được ở trần-cánh) và giới-hạn của tánh biết do lưỡi.

_ Thân-giới, Xúc-giới và Thân-thức-giới là giới-hạn của căn thân, giới-hạn của Xúc-trần (các sự cảm-xúc được ở trần-cánh) và giới-hạn của tánh biết do thân.

_ Ý-giới, Pháp-giới và Ý-thức-giới là giới-hạn của căn ý, giới-hạn của Pháp-trần (các món hiểu-biết, tưởng-tượng, phân-biệt được ở trần-cánh) và giới-hạn của tánh biết do ý.

_ Thập bát giới gồm có sáu căn, sáu trần và sáu thức. Căn là món phát khởi, trần là món tục lụy, thức là món hiểu biết, giới là giới-hạn. Mười tám món ấy đều có giới-hạn nên gọi Nhãns-giới, Sắc-giới, Nhãns-thức-giới, v.v.... Sở dĩ Đức Phật nói pháp thập bát giới là hằng thuận chúng-sanh mà quyền-lập để giải mê cho chúng-sanh.

Thập bát giới hình như có riêng mỗi phần sai biệt, nhưng tất cả đều luồng dõi hư-vọng tức là không có thiệt-thể, không phải thuộc về tánh nhân-đuyên sanh, cũng không phải thuộc về tánh tự-nhiên sanh.

Tóm tắt lại, Thập bát giới thuộc về phàm-tâm ở trong Như-Lai-Tạng.

Nếu phàm-tâm dứt hết thì Phật-tâm tự hiện. (Nên đọc lại Mục Yếu-Giải Quyển Nhì, số 23 và 24).

(6) **Diệu-trạm:**

_ Diệu là chiếu-minh. Trạm là tịch-tịnh.

_ Diệu có tánh tùy-đuyên, trạm có tánh bất-biến.

_ Diệu tức trạm, trạm tức diệu.

_ Diệu-trạm là vắng lặng trong sạch chiếu soi sáng suốt.

Đó là lời khen Pháp-thân Phật.

(7) **Tổng-trì:**

_ Tổng là bao-hàm. Trì là gìn giữ.

_ Tổng-trì là bao-hàm gìn giữ tất cả pháp-môn, công-đức, giới-hạnh.

Đó là lời khen Báo-thân Phật.

(8) **Bất-động Tôn:**

_ Bất-động là không bao giờ lay chuyển. Tôn là kính-trọng như bậc cao cả.

_ Đức Phật tùy-đuyên hóa-độ chúng-sanh, như-như bình-đẳng, không bao giờ lay chuyển, nên gọi là Bất-động Tôn.

Đó là lời khen Hóa-thân Phật.

(9) **Tăng-Kỳ:** Nói đủ chữ là A-tăng-kỳ (Asamkhy) chỉ về một số lớn nhứt trong mươi số nhiều như:

1. A-tăng-kỳ.

6. Bất khả xứng.

2. Vô-lượng.

7. Bất khả lượng.

3. Vô-biên.

8. Bất khả tư-nghi.

4. Vô-đẳng.

9. Bất khả thuyết.

5. Bất khả sở.

10. Bất khả thuyết, bất khả thuyết.

Lại như nói A-tăng-kỳ kiếp tức là Đại-kiếp.

- _ Nếu tính theo thế-gian thì một Tiểu-kiếp có 16.800.000 năm.
- _ Một Trung-kiếp gồm có 20 Tiểu-kiếp tức là $16.800.000 \times 20 = 336.000.000$ năm.
- _ Một Đại-kiếp gồm có bốn Trung-kiếp tức là $336.000.000 \times 4 = 1.344.000.000$ năm.

(10) **Pháp-thân:** Pháp-thân tức Tự-Tâm Chơn-Như, viên-giác thường-trụ.

(11) **Bảo-vương:** bậc Vô-Thượng Chánh-đẳng Chánh-giác, tức là Phật.

(12) **Hằng-sa-chúng:** chúng-sanh rất nhiều như số cát ở sông Hằng, không thể đếm được.

(13) **Trần-sát:** cõi thế-gian.

(14) **Phật-ân:** ân-đức của Phật giáo-hóa.

(15) **Ngũ-trược ác-thế:**

- _ Ngũ-trược là năm thứ nhơ đục. Ác-thế là cõi thế-gian độc-ác.
- _ Ngũ-trược ác-thế là cõi thế-gian có năm thứ nhơ đục:
 1. *Kiếp-trược* : cuộc đời bị sanh lão bệnh tử và các tai-nạn chướng ngại.
 2. *Kiến-trược* : thấy biết sai lầm, lấy phải làm quấy, lấy quấy làm phải.
 3. *Phiền-não trược* : tham sân si, vọng-tưởng, ngã-mạn, mê-chấp, v.v... ám-muội.
 4. *Chúng-sanh trược* : các nghiệp-báo oan-gia trái-chủ, nghịch-cảnh ác-duyên, vay-trả trả-vay và các thứ vật-chất buộc ràng nhiễu-hại.
 5. *Mạng-trược* : căn-mạng không bền chắc, thoát còn thoát mất, sanh-diệt, vô-thường như hoa phù-dung sớm nở chiều tàn.

Chúng-sanh ở cõi ác-thế bị năm thứ trược che tối Tâm Chơn-Như, khiến cho hành-động mê-muội mà chìm đắm ở biển khổ luân-hồi sanh-tử.

(16) **Niết-Bàn:** Tóm tắt lại, Niết-bàn có nghĩa là Viên-tịch. Viên là tròn đủ đức-độ. Tịch là dứt hết các chướng.

(17) **Đại-hùng đại-lực đại từ-bi:** Đó là đức-tánh Như-Lai:

Đức Như-Lai dũng-mạnh tinh-tấn độ-sanh, không hề thối chuyển, đó là *đại-hùng*.

Đức Như-Lai đầy đủ thập-lực, thấu-triệt tất cả thế-gian pháp và xuất thế-gian pháp, đó là *đại-lực*.

Đức Như-Lai năng làm cho nhứt-thiết chúng-sanh thoát khổ được vui, đó là *đại từ-bi*.

(18) **Hoặc vi-tế:**

- _ Hoặc: nghi ngờ mê loạn. Vi-tế: nhở nhen.
- _ Hoặc vi-tế là nghiệp nghi ngờ mê loạn nhở nhen.

(19) **Vô-Thượng-Giác:** bậc hoàn-toàn giác-ngộ, không còn bậc nào hơn, tức là Phật.

(20) **Tánh Thuấn-nhã-đa:**

- _ Thuấn-nhã-đa là hư-không. Tánh Thuấn-nhã-đa là Tánh hư-không.

(21) **Tâm Thước-ca-ra:**

- _ Thước-ca-ra là cứng cỏi, bền chắc. Tâm Thước-ca-ra là Tâm cứng cỏi, bền chắc.

(22) Đoạn văn ngài A-Nan và Đại-chung kiến đạo:

Đức Phật giảng dạy ngũ-ấm, lục-nhập, thập-nhị xứ, thập-bát giới và thất-đại rồi biếu-thị Tâm Chơn-Như viên-giác thường-trụ. Đức Phật qui-nap ấm nhập xứ giới và đại về với Như-Lai-Tạng tánh.

Nhờ những lời khai-thị chánh-đại quang-minh của Đức Phật, nên ngài A-Nan và Đại-chung trừ được các vọng-tưởng nghi chấp. Ai ai cũng hết sức hoan-hỉ được hiểu rõ Tự-Tâm thuần-nhứt chơn-thiệt, như-như bất-động, chau-biến khắp cả pháp-giới, đó chính là Bổn-Lai Diện-Mục của mỗi người. Nhứt-thiết sự-vật đều hiển hiện ở Tự-Tâm.

Vì Tự-Tâm toàn-chơn toàn-giác, chau-biến viên-mãm, nên cảm thấy dễ dàng thập phương hư-không như thấy cọng lá nhỏ nắm trong bàn tay.

Vì Tự-Tâm diệu-minh trạm-nhiên, thường-tịch thường-chiếu, nên quay lại xem thân hoạn của cha mẹ sanh ra chẳng khác chi thổi một hạt bụi nhỏ trong hư-không ở khắp mươi phương thế-giới, dầu còn dầu mất vẫn không quan-hệ đối với Tự-Tâm; lại cũng như trôi một giọt nước bọt giữa biển rộng mênh mông ở khắp tứ hướng trùng-dương, dầu nổi dầu chìm vẫn không quan-hệ đối với Tự-Tâm. Như vậy tất cả Đại-chung đều tỏ ngộ Diệu-pháp gọi là kiến đạo.

Ngài A-Nan nhờ Đức Phật khai sáng, thấu-triệt Tâm Chơn-Như viên-giác thường-trụ, nên vô-cùng vui mừng được pháp chưa từng có.

Ngài A-Nan chí-thành đảnh lễ Đức Phật rồi xin phép thuyết kê, đại-ý như sau:

_ Ngài A-Nan khen ngợi Pháp-thân, Báo-thân và Hóa-thân của Đức Phật, khen ngợi pháp-môn Thủ-Lăng-Nghiêm mầu-nhiệm cao cả ít có trong đời, khen ngợi đức-dụng của pháp-môn Thủ-Lăng-Nghiêm tiêu-diệt được tất cả vọng-tưởng điên-dảo trong vô-lượng kiếp và được viên-chứng Tự-Tâm Chơn-Như viên-giác thường-trụ tức là Pháp-thân ở hiện-kiếp, khỏi trải qua vô-số kiếp, vì nếu tu-hành theo các pháp-môn khác, sợ phải trải qua vô-biên kiếp mới đắc Pháp-thân. Như xưa có nhiều vị tu-hành phải trải qua ba A-Tăng-Kỳ kiếp mới đắc Pháp-thân. Đó là chứng tỏ pháp-môn Thủ-Lăng-Nghiêm vi-mật huyền-diệu tuyệt-đối.

_ Trước mặt Đức Thích-Ca, ngài A-Nan phát nguyện đắc Phật-quả để trở lại cõi Ta-bà, độ thoát Hằng-hà sa-số chúng-sanh, quyết-định đem tâm nhiệt-thành, trên phụng thờ Chư Phật, dưới cứu-độ chúng-sanh ở khắp các cõi thế-gian, đó là báo-đáp hồng-ân của Đức Phật dạy dỗ.

_ Ngài A-Nan ngưỡng-vọng Đức Phật chứng-minh cho. Ngài thề trở vào cõi thế-gian ngũ-trược độc-ác, để giải mê cứu khổ cho vạn loại hữu-tình, nếu còn một chúng-sanh nào chưa thành Phật thì nhứt-định không sớm hưởng quả Niết-Bàn.

_ Ngài A-Nan cung-thỉnh Đức Phật đại-hùng đại-lực đại từ-bi dù lòng quảng-đại, thương xót độ cho giải-trừ tận gốc các ác-chướng, thậm-chí tới hoặc-nghiệp

chấp nhỏ nhen cũng đều dứt sạch, hầu sờm viễn-chứng Vô-Thượng Bồ-Đề, ngồi đạo-tràng thị-hiện khắp mười phương quốc-độ, cứu vớt chúng-sanh ra khỏi biển khổ.

_ Ngài A-Nan phát đại-nguyễn như vậy, kết-luận ngài còn nói hai câu hùng-hồn: Tánh hư-không còn có thể tiêu mất, nhưng Tâm Bồ-Đề lúc nào cũng không thối-chuyển và cứng cỏi, bền chắc, kiên-cố vĩnh-cửu.

**YẾU-GIẢI
HẾT QUYẾN BA**

CHÚ-THÍCH (2018)

DOẠN 22

_ **Đê-Hồ** (醍醐): một trong năm thức ăn được chế từ sữa trâu bò:

1. Nhũ. (sữa)
2. Lạc. (từ Nhũ chế ra)
3. Sanh-tô. (từ Lạc chế ra)
4. Thục-tô. (từ Sanh-tô chế ra)
5. Đê-hồ. (từ Thục-tô chế ra)

Đê-hồ là món ăn ngon nhất, bổ nhất, và là vị thuốc tốt nhất.

Kinh Đại-Bát Niết-Bàn, quyển 3: “Đê-hồ là món ăn ngon nhất trên thế-gian”.

Cũng dùng để ví dụ với trí-tuệ của Phật-pháp, tinh-hoa của đạo Phật.

CHIẾT TỰ chữ THAM (貪)

Trong văn-tự truyền-thống, chữ ‘Tham’ (貪) gồm: bộ ‘Bối’ (貝) và chữ ‘Kim’ (今). ‘Bối’ (貝) có nghĩa là tiền, báu vật; còn ‘Kim’ (今) có nghĩa là trước mắt, hiện-tại, hôm nay. Văn-tự truyền-thống cổ xưa không chỉ diễn tả nội-dung bề mặt mà còn có ý-tứ hàm-nghĩa ẩn trong đó vô-cùng sâu sắc. Kim kết-hợp với Bối (Kim + Bối): nghĩa là chỉ thấy cái lợi trước mắt thì chính là ‘Tham’.

Người xưa có dạy rằng: “Tiền là vật ngoài thân” nhưng mấy ai thấu hiểu được nỗi lòng của cổ-nhân. Bởi lẽ, chúng ta đến đây với hai bàn tay trắng, rồi cũng ra đi với hai bàn tay trắng. Đến khi trăm tuổi lâm-chung thì những của cải kia có còn quan-trọng với chúng ta nữa đâu!

Khi chúng ta nỗ-lực để tranh giành những thứ vốn không thuộc về mình mà thuộc về người khác, thì chẳng phải chúng ta đã thiếu nợ họ là gì? Nợ ấy thì khi nào mới hoàn trả đây?

Không tham cũng là biểu-hiện của tấm lòng thiện-lương.

Đạo Đức Kinh, chương 79, Lão Tử từng nói: “Thiên đạo vô thân, thường dữ thiện nhân” = 天道無親常與善人 = Đạo Trời không thiên-vị (ai), thường giúp người thiện-lương. Những gì là của mình thì sẽ là của mình, hè-tất phải tranh giành cho mệt thân tốn sức. Sống thiện-lương thì Trời cao luôn cho ta những an-bàì tốt nhất.

CHIẾT TỰ chữ THÁNH (聖)

Chữ ‘Thánh’ (聖) được kết-hợp bởi ba chữ:

Bộ ‘Nhĩ’ (耳 cái tai), bộ ‘Khẩu’ (口 cái miệng), và chữ ‘Vương’ (王 ông vua).

Chữ ‘Nhĩ’ (耳) và chữ ‘Khẩu’ (口) đặt trên nền chữ ‘Vương’ (王).

Trong đạo-lý Nho-giáo, ông vua (Vương) đúng nghĩa là con người quán Tam Tài thiên-địa-nhân (con người lý-tưởng siêu-việt). Con người lý-tưởng ấy có *tâm-nhĩ* (cái tai tâm-linh) để có thể nghe được lời chơn-lý thiên-thu (thần-âm) truyền xuống từ Trời, lại có *tú-khẩu* (cái miệng chuyên nói điều tốt lành) để truyền-đạt lời chơn-lý cho nhân-loại. Đó mới xứng đáng gọi là THÁNH.

CHIẾT TỰ chữ MANG (忙)

Chữ ‘Mang’ (忙) nghĩa là: bận rộn, trong lòng vội gấp, công việc bê-bộn; ở dạng chính-thể gồm bộ ‘Tâm’ (心 trái tim, tâm-lòng) và chữ ‘Vong’ (亡 mất, trốn, chết, quên).

Như vậy, chữ ‘Mang’ (忙) có hàm-ý vô-cùng sâu sắc mà tiền-nhân muôn nhủ hâu-thế:

Nếu một người luôn bận rộn, vội vã, thì thường sẽ vô tâm; có nghĩa là người đó đã quên/mất tâm-mình, tâm-người đó đã chết.

Gà, chó chạy lạc thì hốt hải chạy đi tìm, còn mất Tâm thì không có gì đáng lo!?

Kinh Thủ-Lăng-Nghiêm dạy: “Chư Như-Lai vận-dụng Tâm Chơn-Như bất-sanh bất-diệt làm nhân tu-hành để được quả giải-thoát, ví như dùng gạo thì chắc chắn nấu thành cơm, gọi là Mật-nhân”. Vậy nếu đã quên/mất tâm rồi, tâm đã chết; thì lấy gì để tu-hành giải-thoát đây?

Suốt cuộc đời, nếu lúc nào cũng bận rộn; thì tới bao giờ mới thong thả, thanh thản, thảm thoái vui chơi đây? “Lận đận lao đao suốt cả ngày, cuối cùng cũng chỉ cái quan-tài!”

201 – Thủ Lăng Nghiêm Kinh

HÒA-THƯỢNG THIỀN-SƯ
THÍCH TÙ-QUANG

THỦ LĂNG NGHIÊM
KINH
DỊCH ÂM, DIỄN NGHĨA, YẾU GIẢI
QUYỀN TƯ

CHƠN-ĐỨC THIỀN-VIỆN
1948

Dịch Âm THỦ-LĂNG-NGHIÊM KINH Đệ Tứ Quyển	Diễn Nghĩa KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM Quyển Tư
1.	1. NGÀI PHÚ-LÂU-NA HỎI NGHĨA VỌNG-SANH TƯƠNG-TỤC.
<p>爾時富樓那彌多羅尼子。在大眾中即從座起。偏袒右肩右膝著地合掌恭敬而白佛言。大威德世尊善為眾生。敷演如來第一義諦。世尊常推說法人中我為第一。今聞如來微妙法音。猶如聾人逾百步外聆於蚊蚋。本所不見何況得聞。佛雖宣明令我除惑。今猶未詳斯義究竟無疑惑地。世尊如阿難輩。雖則開悟習漏未除。我等會中登無漏者。雖盡諸漏今聞如來所說法音。尚紓疑悔。</p> <p>_ Nhĩ thời Phú-Lâu-Na Di-Đa-La-Ni-Tử, tại đại-chúng trung, tức tùng tòa khởi, thiên đản hữu kiên, hữu tất trước địa, hiệp-chưởng cung-kính, nhi bạch Phật ngô:</p> <p>_ Đại Uy-Đức Thế-Tôn! Thiện vị chúng-sanh, phu diễn Như-Lai, đệ-nhứt nghĩa-đế.</p> <p>_ Thế-Tôn thường suy thuyết pháp, nhân trung ngã vi đệ-nhứt.</p> <p>_ Kim văn Như-Lai, vi-diệu pháp-âm, du như lung nhân, du bá bộ ngoại, linh ư văn nhuế, bốn sở bất kiến, hà huống đắc văn.</p> <p>_ Phật tuy tuyên minh, linh ngã trừ hoặc, kim do vị tướng, tư nghĩa cứu-cánh, vô-nghi-hoặc địa.</p> <p>(_ Tuy Phật chỉ rõ, khiến cho tôi trừ được lầm lạc, nhưng tôi chưa rõ chỗ rốt ráo, không còn nghi-hoặc của nghĩa ấy.)</p> <p>_ Thế-Tôn! Như A-Nan bối, tuy tắc khai-ngô, tập lâu vị trừ, ngã đăng hội trung, đăng vô-lâu giả, tuy tận chư lậu, kim văn Như-Lai sở thuyết pháp-âm, thượng vu nghi-hối.</p>	<p>Diễn Nghĩa KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM Quyển Tư</p> <p>_ Khi ấy có ngài Phú-Lâu-Na Di-Đa-La-Ni-Tử ở trong Đại-chúng đứng dậy, trật vai áo mặt và quì gối mặt, hiệp-chưởng kính-cẩn bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Đức Thế-Tôn oai-đức cao cả khéo vì chúng-sanh giảng dạy Như-Lai đệ-nhứt nghĩa-đế (1).</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Đức Thế-Tôn thường khen tôi là người thuyết pháp bậc nhất.</p> <p>_ Nay tôi nghe tiếng pháp thậm-thâm vi-diệu của Đức Thế-Tôn, tôi lại giống như người điếc ở cách xa trăm bước, biết tiếng muỗi bay, nhưng không trông thấy, hà huống chi nghe được.</p> <p>_ Mặc dầu Đức Thế-Tôn giảng dạy minh-bạch khiến tôi có thể tiêu-trừ mê-chấp, nhưng tôi còn chưa thấu-riệt nghĩa rốt ráo ở chỗ diệt hoặc.</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Như hạng ngài A-Nan tuy đã kiến đạo mà tập-khí hữu-lâu vẫn chưa hết, còn hạng tôi ở trong Giáo-Hội đã lên bậc vô-lâu, tuy hết tập-khí hữu-lâu, nhưng khi nghe Đức Thế-Tôn thuyết-pháp, cũng còn phân-vân.</p>

世尊若復世間一切根塵陰處界等。皆如來藏清淨本然。云何忽生山河大地。諸有為相次第遷流終而復始。又如來說地水火風本性圓融。周遍法界湛然常住。

世尊若地性遍云何容水。水性周遍火則不生復云何明。水火二性俱遍虛空不相陵滅。

世尊地性障礙空性虛通。云何二俱周遍法界。而我不知是義攸往。惟願如來宣流大慈。開我迷雲及諸大眾。作是語已五體投地。欽渴如來無上慈誨。

2. Thế-Tôn! Nhược phục thế-gian, nhứt-thiết căn-trần, âm-xứ giới-đẳng, giao-Như-Lai-Tạng, thanh-tịnh bốn-nhiên, vân-hà hốt-sanh, sơn-hà đại-địa, chư-hữu-vi-tương, thứ-đệ thiền-lưu, chung-nhi-phục-thi.

_ Hựu Như-Lai thuyết, địa-thủy-hỏa-phong, bốn-tánh vien-dung, chau-bien pháp-giới, tram-nhiên thuong-tru.

2. Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi xin hỏi:

_ Nếu tất cả lục-căn, lục-trần, ngũ-Ấm, lục-nhập, thập-nhị-xứ, thập-bát-giới ở thế-gian là Như-Lai-Tạng, bản-nhiên thanh-tịnh, tại sao lại phát-sanh núi-sông, đất-bằng, các-tương-hữu-vi có-thứ-lớp lưu-chuyển luôn-luôn không-dứt-tức là vọng-sanh-tương-tục.

_ Lại nếu tứ-đại địa-hỏa-thủy-phong, bốn-tánh vien-dung, chau-bien khắp-cá-pháp-giới, vắng-lặng-thuong-tru,

- nhưng tại sao có những điều-đáng-nghi-ngờ như-vầy:

_ Thế-Tôn! Nhược địa-tánh-biến, vân-hà-dung-thủy.

(_ Bach Thế-Tôn! Nếu tánh địa-đại cùng khắp, sao-lại-dung đưốc-thủy-đại?)

_ Thủy-tánh chau-bien, hỏa-tắc-bất-sanh, phục-vân-hà-minh, thủy-hỏa-nhị-tánh, cu-bien-hu-khong, bất-tương-lăng-diệt.

(_ Nếu tánh-thủy-đại cùng-khắp, thì hỏa-đại-không-thể-phát-sinh, làm-sao-lại-phát-minh hai-tánh-thủy-đại và hỏa-đại đều-cùng-khắp-hu-khong, không-diệt-lẫn-nhau?)

_ Tánh đất-trùm-khắp-pháp-giới thì-đáng-lẽ-pháp-giới-toàn-là đất, cớ-sao-lại-có-nước?

_ Tánh nước-trùm-khắp-pháp-giới thì-pháp-giới-toàn-là nước-chớ-không-sanh đưốc-lửa, cớ-sao-nước-và-lửa-ở-khắp-hu-khong-chẳng-tương-khắc?

_ Thế-Tôn! Địa-tánh-chuồng-ngại, khong-tánh-hu-thông, vân-hà-nhị-cu, chau-bien-pháp-giới.

(_ Tánh đất-hay-ngắn-ngại, tánh-hu-khong-thì-trống-rỗng, làm-sao-hai-đại-Ấy-lại-đều-cùng-khắp-pháp-giới?)

_ Nhi ngã-bất-tri, thị-nghĩa-như-vắng,

_ Tánh đất-hay-ngắn-ngại, tánh-hu-khong-thì-trống-rỗng, đáng-lẽ-hai-tánh-sai-biệt-thì-có-món-này, khong-có-món-kia, cớ-sao-lại-đất-với-hu-khong-deu-trùm-khắp-pháp-giới?

_ Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi-chưa-hiểu

<p>duy nguyễn Như-Lai, tuyên lưu đại từ, khai ngã mê vân, cập chư đại-chúng.</p> <p>(_ Tôi nay không biết nghĩa ấy do đâu, xin Phật phát lòng đại-tử, vén mây mê lầm cho tôi và trong đại-chúng.)</p> <p>_ Tác thị ngữ dĩ, ngũ thể đầu địa, khâm khát Như-Lai, Vô-Thượng từ hối.</p> <p>(_ Ngài Phú-Lâu-Na nói lời ấy rồi, nắm vóc gieo xuống đất, kính mong lời dạy từ-bi của Đức Như-Lai.)</p>	<p>thấu nghĩa rốt ráo ấy, kính xin Đức Thế-Tôn dũ lòng đại từ-bi giảng dạy cho tôi và Đại-chúng tưởng-tri.</p> <p>Tưởng-tri (詳知): biết rõ ràng, tưởng-tận.</p> <p>_ Bạch xong, ngài Phú-Lâu-Na Di-Đa-La-Ni-Tử và Đại-chúng đồng gieo nắm vóc xuống đất, kính-cẩn lạy Đức Phật ngưỡng cầu chơn-lý Từ-Bi Vô-Thượng.</p>
--	--

3.	3. PHẬT HIẾN-MINH NGHĨA VỌNG-SANH TƯƠNG-TỤC.
<p>爾時世尊告富樓那。及諸會中。漏盡無學諸阿羅漢。如來今日普為此會。宣勝義中真勝義性。令汝會中定性聲聞。及諸一切未得二空。迴向上乘阿羅漢等。皆獲一乘寂滅場地。真阿練若正修行處。汝今諦聽當為汝說。富樓那等欽佛法音默然承聽。</p> <p>_ Nhĩ thời Thế-Tôn, cáo Phú-Lâu-Na, cập chư hội trung, lậu-tận vô-học, chư A-La-Hán.</p> <p>_ Như-Lai kim nhựt, phô vị thủ hội, tuyên thắng-nghĩa trung, chơn-thắng-nghĩa tánh, linh nhữ hội trung, định-tánh Thinh-văn, cập chư nhứt-thiết, vị đắc nhị không, hồi-hướng thượng-thừa, A-La-Hán đẳng; giai hoạch Nhứt-thừa, tịch-diệt trường-địa, chơn A-Luyện-Nhã, chánh tu-hành xứ.</p> <p>(_ Nay Như-Lai vì nhứt-thiết hội-chúng, chỉ bày tánh chơn-thắng-nghĩa trong thắng-nghĩa, khiến cho trong hội này, những hàng định-tánh Thinh-văn, và hết thấy các bậc A-La-Hán, chưa được hai phép Nhân-không và Pháp-không, phát tâm hướng về thượng-thừa; đều được chỗ tu-hành chơn-chánh, thiết-thực không xao động của cảnh-giới tịch-diệt Nhứt-thừa.)</p> <p>_ Nhữ kim đế thính, đương vị nhứt thuyết.</p> <p>(_ Ông hãy nghe kỹ, Ta sẽ vì ông mà nói.)</p> <p>_ Phú-Lâu-Na đẳng, khâm Phật pháp-âm, mặc-nhiên thừa thính.</p>	<p>_ Thời bấy giờ, Đức Phật bảo ngài Phú-Lâu-Na và các vị lậu-tận vô-học A-La-Hán trong Giáo-Hội:</p> <p>_ Nay Như-Lai vì nhứt-thiết hội-chúng, tuyên-dương tánh Thắng-nghĩa thiêt đúng trong tánh Thắng-nghĩa của Nhứt-chơn pháp-giới, để cho ông Phú-Lâu-Na và quý vị định-tánh Thinh-văn, quý vị chưa đắc Nhân-không và Pháp-không, cho tới quý vị A-La-Hán hồi-hướng Thượng-thừa; tất cả đều tỏ ngộ pháp Nhứt-thừa, đến chỗ tu-hành chắc thiêt, tịch-diệt thường-trụ.</p> <p>Tuyên-dương: làm cho rõ ra, khen ngợi. Thắng-nghĩa: nghĩa cao-viễn, lý sâu xa, thâm-diệu.</p> <p>_ Vậy quý vị hãy tịnh tâm nghe hiểu tinh-tưởng, Ta sẽ giảng tiếp.</p> <p>_ Ngài Phú-Lâu-Na và Đại-chúng vâng lời, lặng thính trông chờ Pháp-âm vi-diệu.</p>

4.	4. THẾ-GIỚI TUỞNG-TỤC.
<p>佛言富樓那。如汝所言清淨本然。云何忽生山河大地。汝常不聞如來宣說性覺妙明本覺明妙。富樓那言唯然世尊。我常聞佛宣說斯義。佛言汝稱覺明為復性明稱名為覺。為覺不明稱為明覺。富樓那言若此不明名為覺者則無無明。佛言若無所明則無明覺。有所非覺無所非明。無明又非覺湛明性。</p>	
<p>Phật ngôn:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Phú-Lâu-Na! Như nhữ sở ngôn: Thanh-tịnh bốn-nhiên, vân hà hốt sanh, sơn-hà đại-địa. _ Nhữ thường bất văn, Như-Lai tuyên thuyết: “Tánh giác diệu minh, bốn giác minh diệu”. <p>(_ “Tánh giác là diệu-minh, bốn-giác là minh-diệu”.)</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Phú-Lâu-Na ngôn: Duy nhiên Thế-Tôn! Ngã thường văn Phật, tuyên thuyết tư nghĩa. 	<p>Đức Phật dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Phú-Lâu-Na! Ông vừa hỏi: Tánh Như-Lai-Tạng bản-nhiên thanh-tịnh, cớ sao lại phát-sanh núi sông, đất bằng. _ Ta hỏi lại ông: Bấy lâu nay, ông không có nghe Như-Lai nói câu: “Giác-tánh diệu-minh, bốn-giác minh-diệu”? <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi thường nghe Đức Thế-Tôn nói nghĩa-lý ấy.</p>
<ul style="list-style-type: none"> _ Phật ngôn: Nhữ xứng giác-minh, vi phục tánh minh, xứng danh vi giác, vi giác bất minh, xứng vi minh giác. <p>(_ Phật bảo: Ông bảo cái giác là minh, lại là vì bản-tánh nó minh, nên gọi nó là giác, hay là vì giác được cái không minh, mà gọi là minh giác?)</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Phú-Lâu-Na ngôn: Nhược thử bất minh, danh vi giác giả, tắc vô sở minh. <p>(_ Ông Phú-Lâu-Na bạch: Nếu cái không minh đó mà gọi là giác, thì nó không minh được cái gì cả.)</p>	<ul style="list-style-type: none"> _ Phú-Lâu-Na! Thế nào là giác-minh? Ông nghĩ sao? Tánh tự minh gọi là giác, hoặc tánh giác không minh, cần phải minh tánh giác, gọi là minh-giác? <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Nếu không minh mà còn gọi là giác thì giác ấy chẳng có minh gì cả.</p>
<ul style="list-style-type: none"> _ Phật ngôn: Nhược vô sở minh, tắc vô minh giác, hữu sở phi giác, vô sở phi minh, vô minh hựu phi giác trạm-minh tánh. <p>(_ Phật dạy: Nếu không có sở-minh là không có minh-giác, thì có sở không phải là giác, mà không sở lại không phải là minh, và không minh, thì lại không phải là giác-tánh trạm-minh.)</p>	<ul style="list-style-type: none"> _ Phú-Lâu-Na! Minh túc là sáng. Ông nghĩ không có chỗ sáng thì không gọi được minh-giác, phải có chỗ sáng mới gọi được minh-giác. _ Đó là ông lâm tánh bốn-giác, gốc chẳng luận được có chỗ sáng hoặc không có chỗ sáng. _ Nếu nói có chỗ sáng là vọng-kiến phân-biệt rồi, chỗ không phải là giác. _ Nếu nói không có chỗ sáng thì thành ra mờ ám, chẳng còn là tánh trong sạch

	sáng suốt tự-nhiên của bốn-giác, như vậy là vô-minh hay sao?
<p>性覺必明妄為明覺。覺非所明因明立所。所既妄立生汝妄能無同異中熾然成異。異彼所異因異立同。同異發明。因此復立無同無異。如是擾亂相待生勞。勞久發塵自相渾濁。由是引起塵勞煩惱。起為世界靜成虛空。虛空為同世界為異。彼無同異真有為法。</p>	
<p>5. Tánh giác tất minh, vọng vi minh-giác. (_ Vậy tánh giác chắc là minh, do vọng-tưởng mà làm ra có minh-giác.)</p> <p>_ Giác phi sở-minh, nhân minh lập sở, sở ký vọng lập, sanh nhữ vọng nǎng. (_ Giác không có gì là sở-minh, nhân có minh mà lập ra thành sở; đã giả dối lập ra có sở, mới sanh ra cái nǎng hư-vọng của các ông.)</p>	<p>5. Phú-Lâu-Na! Nguyên tánh giác sáng rồi, không cần chõ sáng nào nữa. Ông lại vọng-lập thêm chõ sáng vào tánh giác thật là sai lầm.</p> <p>_ Thể-tánh của bốn-giác thanh-tịnh, vốn không thuộc chõ nào, nhưng ở đâu cũng là chõ của bốn-giác; cũng không thuộc tưởng sáng nào, nhưng ở đâu cũng là tưởng sáng của bốn-giác.</p>
<p>Tang-thức (藏識): là A-lai-da thức, thức thứ 8 trong số 8 thức. Tiếng Phạn A-lai-da, dịch là Tạng, có nghĩa là Hầm tang-thức, tức là Thức hầm chứa tất cả các chủng-tử thiện và ác, chơn và vọng.</p> <p>_ Vô đồng dị trung, xí nhiên thành dị, dị bỉ sở dị, nhân dị lập đồng. Đồng dị phát-minh, nhân thử phục lập, vô đồng vô dị. (_ Trong tánh không đồng, không khác, nổi dậy thành ra có khác; khác với cái khác kia, thì nhân cái khác đó mà lập thành cái đồng. Phát-minh cái đồng, cái khác rồi, thì nhân đó mà lập ra cái không đồng, không khác.)</p> <p>_ Như-thị nhiễu-loạn, tương-dãi sanh lao, lao cửu phát trần, tự tương hổn trược, do thị dễn khởi, trần-lao phiền-não. (_ Rối loạn như vậy, đối-dãi với nhau sanh ra lao-lỵ, lao-lỵ mãi phát ra trần-tưởng, tự vẫn đục lấn nhau, do đó, đưa đến những trần-lao phiền-não.)</p> <p>_ Khởi vi thế-giới, tịnh thành hư-không. (_ Nổi lên thì thành thế-giới, lặng xuống thì thành hư-không.)</p>	<p>_ Thể-tánh của bốn-giác sáng suốt như vậy, nhưng chúng-sanh khởi hoặc vô-minh, vọng-lập thêm phuơng-sở mà bị buộc vào phuơng-sở thành ra tang-thức, và do tang-thức này sanh ra tánh hay thấy.</p> <p>_ Ở trong cảnh chơn-dết thì không đồng không dị, nhưng bỗng nhiên tánh hay thấy vọng-lập có đồng có dị; nhân dị lập ra đồng, rồi lại đồng và dị đối-dãi nhau mà lập ra vô đồng vô dị.</p> <p>_ Trong tang-thức xao động như hoa đốm rối loạn, lại bị các duyên-trần mà sanh lao-lỵ mờ mịt, rồi khởi ra các sắc-tưởng dấy đục lấn nhau, do đó phát-hiện trần-lao phiền-não.</p> <p>Lao-lỵ: bệnh do suy tư. <i>Lao</i> (勞): mệt nhọc, mệt mỏi. Bệnh mất sức. <i>Lo</i> buồn trong lòng. <i>Lỵ</i> (慮): suy tính nghĩ ngợi.</p> <p>_ Nổi lên thì có núi sông, đất bằng, thế-giới hữu-hình, còn lặng xuống thì thành hư-không vô-hình.</p>

<p>_ Hư-không vi đồng, thế-giới vi dị. (_ Hư-không là đồng, thế-giới là khác.)</p> <p>_ Bỉ vô đồng dị, chơn hữu-vi pháp. (_ Cái không đồng, không khác kia, thật là pháp hữu-vi.)</p>	<p>_ Có thế-giới là do tướng dị, có hư-không là do tướng đồng.</p> <p>_ Chúng-sanh và nghiệp-quả thành-tựu đều do tướng vô đồng vô dị, đó là chỗ sở-nhân của thế-gian hữu-vi pháp.</p>
---	--

覺明空昧相待成搖。故有風輪執持世界。因空生搖堅明立礙。彼金寶者明覺立堅。故有金輪保持國土。堅覺寶成搖明風出。風金相摩。故有火光為變化性。寶明生潤火光上蒸。故有水輪含十方界。火騰水降交發立堅。濕為巨海乾為洲潭。以是義故彼大海中火光常起。彼洲潭中江河常注。水勢劣火結為高山。是故山石擊則成炎融則成水。土勢劣水抽為草木。是故林藪遇燒成土因絞成水。交妄發生遞相為種。以是因緣世界相續。

<p>6. Giác minh, không muội, tương-dãi thành diêu, cố-hữu phong-luân, chấp-trì thế-giới. (_ Cái giác thì sáng suốt, cái hư-không thì không hay biết, hai cái đối-dãi với nhau, thành có lay động, cho nên có phong-luân nắm giữ thế-giới.)</p> <p>_ Nhân không sanh diêu, kiên minh lập ngại, bỉ kim bửu dã, minh giác lập kiên, cố-hữu kim-luân, bảo-trì quốc-độ. (_ Nhân cái hư-không mà sanh ra có lay động, phát-minh tánh cứng thì thành có ngăn ngại; các loại kim-bảo đều do minh-giác lập ra tánh cứng, cho nên có kim-luân nắm giữ cõi nước.)</p> <p>_ Kiên giác bửu thành, diêu minh phong xuất. Phong kim tương-ma, cố-hữu hỏa quang, vi biến-hóa tánh. (_ Biết cái cứng, thì thành có kim-bảo, rõ cái lay động, thì phong-dại phát ra. Phong-dại và kim-bảo cọ xát nhau, cho nên có hỏa-dại làm tánh biến-hóa.)</p> <p>_ Bửu minh sanh nhuận, hỏa quang thượng chưng, cố-hữu thủy-luân, hàm thập phương giới. (_ Ngon lửa xông lên, kim-bảo sanh ra tánh ướt, cho nên có thủy-luân trùm khắp các cõi mười phương.)</p> <p>_ Hỏa đằng, thủy giáng, giao phát, lập kiên, thấp vi cự hải, kiền vi châu đầm,</p>	<p>6. Thế của giác thì sáng suốt, thế của ngoan-không thì mờ tối. Sáng suốt và mờ tối đối-dãi nhau, khởi niêm vọng-minh, do đó mà sanh tướng biến-động, mới có gió gọi là phong-luân để chấp-trì cả thế-giới.</p> <p>_ Do ngoan-không, có tướng biến-động rồi sanh niêm vọng-giác, mới cảm thành chất cứng như đất đá vàng bạc, v.v... gọi là kim-luân để bảo-trì các lanh-thổ.</p> <p>_ Niêm vọng-minh cảm sanh phong-luân, niêm vọng-giác cảm sanh kim-luân. Phong-luân và kim-luân đối-dãi nhau sanh ra tướng lửa sáng gọi là hỏa-quang, có tánh biến-hóa.</p> <p>_ Nhờ kim-luân và hỏa-quang đối-dãi nhau, cảm thành nước, gọi là thủy-luân trùm khắp thập phương thế-giới.</p> <p>_ Hỏa-quang có công-dụng bốc lên, thủy-luân có công-dụng chảy xuống, hai</p>
---	--

<p>dĩ thị nghĩa cố, bỉ đại hải trung, hỏa quang thời khởi, chỉ châu đàm trung, giang hà thường chú.</p> <p>(_ Lửa bốc lên, nước sa xuống, giao nhau phát-hiện, mà lập thành tánh cứng, chỗ ướt là biển lớn, chỗ khô là gò nổi, do cái nghĩa ấy, trong biển lớn kia, hơi nóng thường bốc lên, trong gò nổi kia, sông ngòi thường chảy xuống.)</p> <p>_ Thủy thế liệt hỏa, kiết vi cao sơn, thị cố sơn thạch, kích tắc thành diệm, dung tắc thành thủy.</p> <p>_ Thổ thế liệt thủy, trực vi thảo mộc, thị cố lâm sát, ngộ thiêu thành thổ, nhân giáo thành thủy.</p> <p>_ Giao vọng phát-sanh, đệ tương vi chủng, dĩ thị nhân-duyên, thế-giới tương-tục.</p> <p>(_ Vọng-tưởng giao xen phát-sanh, xoay vần làm chủng-tử cho nhau, do nhân-duyên ấy mà thế-giới tiếp-tục.)</p>	<p>thứ ấy hòa-hiệp tạo thành thế-giới, chỗ thấp ướt là sông biển, chỗ cao ráo là bình-nguyên và cao-nguyên, nên giữa sông biển thường có tia lửa sáng bốc lên, còn giữa bình-nguyên và cao-nguyên thường có nước chảy.</p> <p>_ Sức nước kém hơn sức lửa, nên hay kết thành núi cao, do đó hẽ đập đá núi thì có lửa, nấu đá núi thì có nước.</p> <p>_ Sức đất kém hơn sức nước, nên đất bị nước rút cảm thành cỏ cây, do đó rừng nhờ đất và nước tạo, hẽ đốt thì thành đất, ép thì thành nước.</p> <p>_ Nguyên vọng-tâm phát ra các vọng-tưởng, các vọng-tưởng giao-cảm nhau làm nòi giống, chính nhân-duyên ấy sanh thế-giới thành trụ hoại không, xây vần liên-tiếp mãi, không dứt, như thế gọi là thế-giới tương-tục.</p>
---	--

7.	7. CHÚNG-SANH TƯƠNG-TỤC.
<p>復次富樓那明妄非他覺明為咎。所妄既立明理不踰。以是因緣聽不出聲見不超色。色香味觸六妄成就。由是分開見覺聞知。同業相纏合離成化。見明色發明見想成。異見成憎同想成愛。流愛為種納想為胎。交遘發生吸引同業。故有因緣生羯囉藍遏捕曇等。胎卵濕化隨其所應。卵唯想生胎因情有。濕以合感化以離應。情想合離更相變易。所有受業逐其飛沈。以是因緣眾生相續。</p> <p>_ Phục thứ Phú-Lâu-Na! Minh vọng phi tha, giác-minh vi cữu, sở vọng ký lập, minh lý bất du.</p> <p>(_ Lại nữa, Phú-Lâu-Na! Vọng-tưởng chẳng phải gì khác, do tánh giác-minh hóa ra lầm lỗi, cái sở-minh hư-vọng đã lập, thì phạm-vi của cái năng-minh không vượt khỏi được.)</p> <p>_ Dĩ thị nhân-duyên, thính bất xuất thính, kiến bất siêu sắc.</p> <p>(_ Do nhân-duyên ấy, nghe không ra ngoài tiếng, thấy không vượt khỏi sắc.)</p>	<p>Phú-Lâu-Na! Lại như vậy nữa: Vọng-minh sanh ra bởi niệm lầm lỗi trong lúc tối-sơ, che khuất bốn-giác sáng suốt, vọng-lập chỗ sở-vọng.</p> <p>_ Do nhân-duyên ấy mà nghe không vượt khỏi phạm-vi của thính và thấy không vượt khỏi phạm-vi của sắc.</p>

<p>_ Sắc hương vị xúc, lục vọng thành-tựu, do thị phân khai, kiến giác văn tri; đồng nghiệp tương-triền, hiệp ly thành hóa.</p> <p>(_ Sáu cái vọng: sắc hương vị xúc, v.v... đã thành-lập, thì do đó chia ra có: thấy, nghe, hay, biết; đồng nghiệp ràng buộc lẫn nhau mà hợp, ly, thành, hóa.)</p>	<p>_ Sáu mốn vọng-trần: sắc thịnh hương vị xúc pháp, đối-đãi với sáu vọng-căn: mắt tai mũi lưỡi thân ý, nên tạng-thức mới phân ra: kiến văn giác tri; giao-kết với ba đồng-nghiệp, hoặc hiệp hoặc ly mà sanh sản.</p>
	<p>_ Ba đồng-nghiệp là nghiệp cha, nghiệp mẹ và biệt-nghiệp. Đó là chỉ về loài thai-sanh và noãn-sanh tức là loài sanh thai và sanh trứng.</p> <p>_ Hiệp hoặc ly, do biệt-nghiệp chớ không do nghiệp cha và nghiệp mẹ, đó là chỉ về loài thấp-sanh, như các vật máy cưa sanh ở chỗ ẩm ướt và loài hóa-sanh tức là loài lìa các nguyên chất ra mà thoát sanh, như sâu hóa bướm, gạo hóa mọt.</p>
<p>_ Kiến minh sắc phát, minh kiến tưởng thành.</p> <p>(_ Cái thấy phát-minh, thì các sắc phát ra, nhận rõ nơi sự thấy, thì thành có tư-tưởng.)</p> <p>_ Dị kiến thành tăng, đồng tưởng thành ái.</p> <p>(_ Rồi ý-kiến khác nhau thì thành ra ghét, tưởng-niệm đồng nhau thì thành ra yêu.)</p> <p>_ Lưu ái vi chủng, nạp tưởng vi thai, giao-cấu phát-sanh, hấp-dẫn đồng-nghiệp, cố-hữu nhân-duyên, sanh Yết-la-lam, Ác-bồ-đàm đặng.</p> <p>(_ Lan cái yêu ra thành hạt giống, thu nạp tưởng-niệm thành ra cái thai, giao xen phát-sanh, hấp-dẫn bọn đồng nghiệp, nên có nhân-duyên sanh ra yết-la-lam, ác-bồ-đàm, v.v...)</p>	<p>_ Tánh thấy phát minh thì các sắc-tưởng phát-sanh, do đó các tư-tưởng khởi hiện.</p> <p>_ Hê ý-kiến khác nhau thì sanh ra ghét, ý-kiến hợp nhau thì sanh ra thương.</p> <p>_ Giao-hiệp và lôi cuốn các đồng-nghiệp tới, kết làm nhân-duyên qui-nạp vào bào-thai, ban sơ như hình bọt nhớt gọi là Yết-la-lam (2), lần lần như hình bong bóng gọi là Ác-bồ-đàm, v.v....</p>
<p>_ Thai, noãn, thấp, hóa, tùy kỵ sở ứng.</p> <p>(_ Thai-sanh, noãn-sanh, thấp-sanh, hóa-sanh là tùy phần sở ứng:</p> <p>_ Thai nhân tình hữu, noãn duy tưởng sanh, thấp dĩ hiệp cảm, hóa dĩ ly ứng.</p> <p>(_ Thai thì nhân ái-tình mà có, noãn chỉ do tưởng-niệm mà sanh, thấp-sanh thì cơ cảm mà hợp lại, còn hóa-sanh thì phân-ly mà ứng-hiện.)</p>	<p>_ Các thứ ấy lấy nghiệp-định làm tương-cảm nên định-báo cũng tùy chỗ tương-cảm mà ứng-sanh:</p> <p>_ Như loài thai-sanh cảm theo “tình” mà sanh, loài noãn-sanh cảm theo “tưởng” mà sanh, loài thấp-sanh cảm theo “hiệp” mà sanh, và loài hóa-sanh cảm theo “ly” mà sanh.</p>

<p>_ Tình tưởng hiệp ly, cánh tương biến đổi.</p> <p>(_ Khi tình, khi tưởng, khi hiệp, khi ly, thay đổi lẫn nhau,</p>	<p>_ Các loài năng về tình, tưởng, hoặc năng về hiệp, ly, nhưng không nhất định:</p>
	<ul style="list-style-type: none"> - vì có khi tình biến làm tưởng, hiệp biến làm ly, - hoặc tưởng biến làm tình, ly biến làm hiệp, - có khi thai-sanh biến làm noãn-sanh, - thấp-sanh biến làm hóa-sanh, - hoặc noãn-sanh biến thành thai-sanh, - hóa-sanh biến thành thấp-sanh;
<p>_ Sở-hữu thọ nghiệp, trục kỳ phi trầm, dĩ thị nhân-đuyên, chúng-sanh tương-tục.</p> <p>- nên các loài chịu nghiệp-báo cũng theo đó mà lên xuống, do nhân-đuyên ấy, chúng-sanh tiếp-tục.)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - các loài ở thế-gian cam chịu nghiệp-quả vay trả, lộn kiếp luân-hồi, thay hình đổi xác, xây vần luôn luôn, không dứt, như thế gọi là chúng-sanh tương-tục.

8.	8. NGHIỆP-QUẢ TƯƠNG-TỤC.
	<p>富樓那想愛同結愛不能離。則諸世間父母子孫相生不斷。是等則以欲貪為本。貪愛同滋貪不能止。則諸世間卵化濕胎。隨力強弱遞相吞食。是等則以殺貪為本。以人食羊羊死為人人死為羊。如是乃至十生之類。死死生生互來相噉。惡業俱生窮未來際。是等則以盜貪為本。汝負我命我還債汝。以是因緣經百千劫常在生死。汝愛我心我憐汝色。以是因緣經百千劫常在纏縛。唯殺盜婬三為根本。以是因緣業果相續。</p>
<p>_ Phú-Lâu-Na! Tưởng ái đồng kết, ái bất năng ly.</p> <p>(_ Phú-Lâu-Na! Tư-tưởng thương yêu ràng buộc lẫn nhau, yêu mãi không rời,</p> <p>_ Tắc chư thế-gian, phụ-mẫu tử-tôn, tương-sanh bất-doạn.</p> <p>- thì những cha mẹ con cháu trong thế-gian sanh nhau không ngớt,</p> <p>_ Thị đặng tắc dĩ, dục tham vi bốn.</p> <p>- bọn này thì lấy dục-tham làm gốc.)</p>	<p>_ Phú-Lâu-Na! Riêng nghiệp-quả của người thế-gian có ba nguyên-nhân:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có hạng bị ái-tình trói buộc, các sự tưởng nhớ, thương yêu trùm mến, quyến-luyến cứ vấn vít kết-cấu nhau, không chịu xa lìa nhau, - nên cha mẹ con cháu thường nối tiếp nhau mà sanh sản mãi ở trần-tục đau khổ. <p>_ Đó là gốc ở lòng tham dục.</p>

<p>_ Tham ái đồng tư, tham bất năng chǐ.</p> <p>(_ Lòng tham, lòng yêu giúp nhau tăng-trưởng, tham mãi không thôi,</p> <p>_ Tắc chư thế-gian, noãn hóa thấp thai, tùy lực cường nhược, đệ tương thân thực.</p> <p>_ Thị đắng tắc đĩ, sát tham vi bốn.</p> <p>- bọn này thì lấy sát-tham làm gốc.)</p>	<p>2. Có hạng bị sở-thích ám-ảnh, khiến lòng tham-dục gia-tăng mãi không bờ bến,</p> <p>- nên các loài thai-sanh, noãn-sanh, thấp-sanh, hóa-sanh ở thế-gian tùy sức mạnh yếu, thường giết hại nhau, ăn thịt lẫn nhau. Ví dụ như người ăn thịt thú, vật lớn ăn vật nhỏ, cá ăn kiến, kiến lại ăn cá, v.v....</p> <p>_ Đó là gốc ở lòng tham sát.</p>
<p>_ Dĩ nhân thực dương, dương tử vi nhân, nhân tử vi dương, như-thị nai chí, thập sanh chi loại, tử tử sanh sanh, hô lai tương-đạm (ăn).</p> <p>(_ Lấy thân người ăn con dê, dê chết làm người, người chết làm dê, như vậy cho đến 10 loài chúng-sanh, chết sống, sống chết, ăn nuốt lẫn nhau,</p> <p>_ Ác-nghiệp cu sanh, cùng vị-lai tế.</p> <p>- nghiệp dữ cùng sanh ra tột đời vị-lai,</p> <p>_ Thị đắng tắc đĩ, đạo tham vi bốn.</p> <p>- bọn này thì lấy đạo-tham làm gốc.)</p>	<p>3. Mười loài chúng-sanh ở thế-gian sống rồi chết, chết rồi sống, vay trả xây vần, cứ ăn lẫn nhau.</p> <p>_ Ví dụ như người mạnh hơn dê, ăn dê, - dê chết rồi có thể trở làm người, - người chết có thể trở làm dê, - thì người ăn dê, dê trả lại ăn người, - nghiệp-quả vay trả, tuần-hoàn liên-tục,</p> <p>- vì có tạo vọng-nghiệp như vậy, nên đời nào cũng phải sanh một chỗ với nhau để gặp gỡ nhau, đền trả cho nhau các thứ tiền-cửu, oan-gia (kẻ thù), trái-chủ (chủ nợ), trả từ kiếp này sang kiếp khác cho tới vô-biên kiếp vị-lai, không dứt.</p> <p>_ Đó là gốc ở lòng tham đạo (tham trộm cắp).</p>
<p>_ Nhữ phụ ngã mạn, ngã hoàn trái nhữ; đĩ thị nhân-duyên, kinh bá thiên kiếp, thường tại sanh-tử.</p> <p>(_ Người này mắc nợ thân mệnh người kia, người kia trả nợ cũ cho người này; do nhân-duyên ấy, trải qua trăm nghìn kiếp, thường ở trong sanh-tử.)</p> <p>_ Nhữ ái ngã tâm, ngã liên nhữ sắc; đĩ thị nhân-duyên, kinh bá thiên kiếp, thường tại triền-phược.</p> <p>(_ Người này yêu cái tâm người kia, người kia thích cái sắc người này; do nhân-duyên ấy, trải qua trăm</p>	<p>_ Ở thế-gian người này mắc nợ người kia, người kia trả nợ tiền-oan cho người này, vay rồi trả, trả đủ lại vay, nợ nần chồng chất lớn lao, hễ mắc nợ thì phải trả, trả nợ chưa xong thì phải luân-hồi nữa; vì nhân-duyên ấy mà phải trải qua trăm ngàn cho tới vô-lượng kiếp chìm đắm trong biển sanh-tử.</p> <p>_ Lại cũng ở thế-gian, đây yêu lòng kia, kia yêu lòng đây; đây thích sắc kia, kia thích sắc đây; mang nặng ái-tình, vương vấn oan-trái, trú mến luyến tiếc; chặt không đứt, bứt không rời; khiến phải</p>

nghìn kiếp, thường ở trong vòng ràng buộc.)	luân-chuyển mãi ở trần-tục vô-thường, hết thân này mang thân khác, bị trói buộc trong vòng ái-dục đắng cay đời đời kiếp kiếp.
<p>_ Duy sát đạo dâm, tam vi căn bốn, dĩ thị nhân-duyên, nghiệp-quả tương-tục.</p> <p>(_ Duy ba món: sát, đạo, dâm làm gốc và vì nhân-duyên đó, nghiệp-quả tiếp-tục.)</p>	<p>_ Phú-Lâu-Na! Ba ác-nghiệp: tham-dục, tham-sát và tham-đạo (tham trộm cắp) là nguồn gốc sanh ra vô số trần-lao thống-khổ và làm nhân-duyên cho nghiệp-quả của chúng-sanh phải chịu liên-tiếp mãi mãi, không dứt. Như thế gọi là nghiệp-quả tương-tục.</p>

富樓那如是三種顛倒相續。皆是覺明了知性。因了發相從妄見生。山河大地諸有為相次第遷流。因此虛妄終而復始。

9. Phú-Lâu-Na! Như-thị tam chủng, diên-đảo tương-tục.	<p>9. Phú-Lâu-Na! Ba thứ diên-đảo: thế-giới tương-tục, chúng-sanh tương-tục, nghiệp-quả tương-tục;</p> <p>- gốc ở tánh giác-minh liễu-tri, nhưng vì một niệm bất-giác trong lúc tối-sơ che khuất mà có tạng-thức sanh vọng-kiến, rồi vọng-kiến phát ra sắc-tướng hư-vọng, do đó thành-tựu núi sông, đất bằng, các pháp hữu-vi có thứ-tự trước sau tiếp nối nhau luân.</p>
<p>_ Giai thị giác minh, minh liễu tri tánh, nhân liễu phát tướng, tùng vọng kiến sanh, sơn-hà đại-địa, chư hữu-vi tướng, thứ đệ thiên lưu, nhân thủ hư-vọng, chung nhi phục thí.</p> <p>(_ Đều do tánh sáng suốt rõ biết của giác-minh, nhân rõ biết phát ra có tướng, theo vọng-tướng mà kiến-chấp sanh ra, các tướng hữu-vi núi sông đất liền thứ lớp thay đổi, đều nhân cái hư-vọng đó, mà xoay vần trước sau.)</p>	

10.	10. NGÀI PHÚ-LÂU-NA HỎI LÝ GIÁC MÊ.
<p>富樓那言若此妙覺本妙覺明。與如來心不增不減。無狀忽生山河大地諸有為相。如來今得妙空明覺。山河大地有為習漏何當復生。</p>	

Phú-Lâu-Na ngôn:	Ngài Phú-Lâu-Na hỏi:
<p>_ Nhược thử diệu-giác, bốn-diệu giác-minh, dữ Như-Lai tâm, bất tăng bất giảm, vô trạng hốt sanh, sơn-hà đại-địa, chư hữu-vi tướng.</p> <p>(_ Nếu cái diệu-giác đó, bản-tánh là diệu-minh, cùng với tâm Như-Lai, không thêm không bớt, tại sao vô cõi mà thoát sanh núi sông, đất bằng ...)</p>	<p>_ Nếu tâm Bốn-giác diệu-minh tức là tâm Như-Lai, dầu ở Phật, dầu ở chúng-sanh đều bình-đẳng một bản-nhiên Chơn-Như thường-trụ, không thêm không bớt, tại sao vô cõi mà thoát sanh núi sông, đất bằng và các pháp hữu-vi?</p>

	<p>_ Trước khi chưa có núi sông, đất bằng và các pháp hữu-vi, thì Bổn-giác diệu-minh của Phật cũng như Bổn-giác diệu-minh của chúng-sanh.</p> <p>_ Như chúng-sanh ở vào địa-vị phàm-tục mê-muội thì sự có núi sông, đất bằng và các pháp hữu-vi không lạ gì.</p>
<p>_ Như-Lai kim đắc, diệu-không minh-giác. Sơn-hà đại-địa, hữu-vi tập lậu, hà đương phục sanh?</p> <p>(_ Vậy Như-Lai hiện nay đã chứng được Bổn-giác diệu-minh, không có phân-biệt; thì đến lúc nào lại sanh ra núi sông, đất liền và các tập lậu hữu-vi?)</p>	<p>_ Chí như Đức Phật đã viên-chứng Bổn-giác diệu-minh thì thế nào? Núi sông, đất bằng, các pháp hữu-vi cho tới nghiệp-quả tập-lậu có thể một ngày nào đó, từ Bổn-giác diệu-minh của Đức Phật sẽ vô cớ thoát sanh hay không?</p>

11.	11. PHẬT HIẾN-MINH LÝ GIÁC MÊ.
	<p>佛告富樓那譬如迷人。於一聚落惑南為北。此迷為復因迷而有因悟所出。富樓那言如是迷人。亦不因迷又不因悟。何以故迷本無根云何因迷。悟非生迷云何因悟。佛言彼之迷人正在迷時。倏有悟人指示令悟。富樓那於意云何。此人縱迷。於此聚落更生迷不。不也世尊。富樓那十方如來亦復如是。此迷無本性畢竟空。昔本無迷似有迷覺。覺迷迷滅覺不生迷。</p>
<p>Phật cáo Phú-Lâu-Na:</p> <p>_ Thí như mê-nhân, ư nhứt tụ lạc, hoặc nam vi bắc, thử mê vi phục nhân mê nhi hữu, nhân ngộ sở xuất?</p> <p>(_ Ví như người mê, nơi một xóm làng, lầm phương Nam thành phương Bắc, thì cái mê ấy, lại là nhân mê mà có, hay nhân ngộ mà ra?)</p>	<p>Đức Phật hỏi:</p> <p>_ Phú-Lâu-Na! Ví dụ như có một người lạy mặt, chưa từng biết thành phố, khi đến thành phố thì nhận lầm hướng Nam ra hướng Bắc, đó là người mê. Như thế cái mê ấy do mê hay là do ngộ mà có?</p>
<p>_ Phú-Lâu-Na ngôn: Như-thị mê nhân, diệc bất nhân mê, hựu bất nhân ngộ. Hà dĩ cố?</p> <p>(_ Phú-Lâu-Na bạch: Người mê như vậy, cũng không nhân mê, cũng không nhân ngộ. Vì sao?)</p> <p>_ Mê bốn vô căn, vân hà nhân mê.</p> <p>(_ Mê, vốn không có gốc, làm sao lại nhân mê?)</p> <p>_ Ngộ phi sanh mê, vân hà nhân ngộ?</p> <p>_ Còn ngộ, không phải cái sanh mê, làm sao lại nhân ngộ?)</p>	<p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Cái mê của người ấy không phải do mê, cũng không phải do ngộ. Vì cớ sao?</p> <p>_ Vì mê vốn không có gốc thì chẳng lấy gì làm nhân mê,</p> <p>- còn ngộ không thể sanh mê thì chẳng lấy gì làm nhân ngộ?</p>

<p>_ Phật ngôn: Bỉ chi mê nhân, chánh tại mê thời, thúc hưu ngộ nhân, chỉ thị linh ngộ. Phú-Lâu-Na! Ư ý vân hà?</p> <p>_ Thủ nhân túng mê, ư thử tụ lạc, cánh sanh mê phủ?</p> <p>(_ Người ấy giải-trữ được cái mê, thì đối với xóm làng đó, còn có sanh mê nữa không?)</p> <p>_ Phất dã, Thế-Tôn!</p>	<p>_ Phú-Lâu-Na! Nếu người mê ấy, trong lúc mê, thoát có người ngộ chỉ dạy khiến cho được ngộ, thì ý ông nghĩ sao?</p> <p>_ Người mê ấy có còn mê nữa hay không?</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Chắc hẳn là không.</p>
<p>_ Phú-Lâu-Na! Thập phương Như-Lai, diệc phục như-thị.</p> <p>_ Thủ mê vô bối, tánh tất cánh không.</p> <p>(_ Cái mê đó không có gốc, tánh nó rốt ráo là rỗng không.)</p>	<p>_ Phú-Lâu-Na! Thập phương Như-Lai đã ngộ thì không còn mê nữa, lý cũng như vậy.</p> <p>_ Cái mê chẳng có gốc, tánh của cái mê rốt ráo là không, thì cái mê của người lầm hướng kia, vốn chẳng có chỗ sở-nhân.</p>
<p>_ Tích bối vô mê, tự hữu mê giác.</p> <p>(_ Xưa vốn không mê, chỉ hình như có mê, có giác.)</p> <p>_ Giác mê mê diệt, giác bất sanh mê.</p> <p>(_ Giác được cái mê, thì cái mê diệt, và giác không sanh ra mê.)</p>	<p>_ Phú-Lâu-Na! Trước hết không có mê, nhưng chỉ vì vô-minh che tối Bổn-giác diệu-minh nên hình như có mê.</p> <p>_ Khi biết được cái mê thì cái mê phải diệt. Khi cái mê diệt thì cái giác nguyên là Bổn-giác diệu-minh sẵn có, tự hiện rõ, như vậy cái giác không bao giờ sanh ra mê.</p>

亦如醫人見空中花。醫病若除華於空滅。忽有愚人。於彼空花所滅空地待花更生。汝觀是人為愚為慧。富樓那言空元無花妄見生滅。見花滅空已是顛倒。勅令更出斯實狂癡。云何更名如是狂人為愚為慧。佛言如汝所解云何問言。諸佛如來妙覺明空。何當更出山河大地。又如金鑽雜於精金。其金一純更不成雜。如木成灰不重為木。諸佛如來菩提涅槃亦復如是。

<p>12.</p>	<p>12. Phú-Lâu-Na! Nguyên vô-minh là gốc phát-khởi thế-gian pháp, nhưng vô-minh không có tự-thể, thì thế-gian pháp cũng như vậy.</p>
<p>_ Diệc ư ế nhân kiến không trung ba, ế bệnh nhược trù, ba ư không diệt.</p> <p>(_ Cũng như người lòa thấy hoa đốm giữa hư-không, nếu trừ được bệnh lòa, thì hoa đốm nơi hư-không diệt mất.)</p>	<p>_ Phú-Lâu-Na! Ví như người bị bệnh mắt thấy giữa hư-không có vô-số hoa đốm rối loạn, nhưng khi hết bệnh mắt, người ấy không còn thấy hoa đốm nữa tức là các hoa đốm tiêu tan.</p>

<p>_ Hốt hữu ngu nhân, ư bỉ không ba, sở diệt không địa, đai ba cánh sanh, nhữ quan thị nhân, vi ngu, vi tuệ.</p> <p>_ Phú-Lâu-Na ngôn: Không nguyên vô ba, vọng kiến sanh diệt. (_ Phú-Lâu-Na bạch: Hư-không vốn không có hoa đốm, vì hư-vọng mà thấy có sanh diệt.)</p> <p>_ Kiến ba diệt không, dĩ thị diên-đảo. (_ Thấy hoa đốm diệt mất nơi hư-không đã là diên-đảo rồi.)</p> <p>_ Sắc lệnh cánh xuất, tư thiệt cuồng si. (_ Lại còn muốn bảo nó sanh lại, thì thật là diên-dại.)</p> <p>_ Vân hà cánh danh, như-thị cuồng-nhân, vi ngu vi tuệ. (_ Làm sao còn gọi người diên như vậy, là ngu hay là trí-tuệ.)</p>	<p>_ Nếu có kẻ nào cứ ngó chõ hoa đốm đã tiêu tan, chờ đợi hoa đốm tái-san, thì ông thử nghĩ kẻ ấy ngu hay là trí?</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Hư-không vốn chẳng có hoa đốm chi cả. Chỉ tại người có vọng-kiến thấy bậy hoa đốm có sanh có diệt.</p> <p>_ Thật-chí thấy có hoa đốm tiêu tan giữa hư-không cũng là diên-đảo mê-loạn.</p> <p>_ Nếu kẻ nào chờ đợi hư-không sanh lại hoa đốm thì thật là dại biết bao!</p> <p>_ Kẻ ấy thành ra diên-cuồng rồi, còn nói gì đến sự ngu hay trí nữa.</p>
<p>_ Phật ngôn: Như nhữ sở giải, vân hà vấn ngôn, chư Phật Như-Lai, diệu-giác minh không, hà đương cánh xuất, sơn-hà đại-địa?</p> <p>(_ Phật dạy: Ông hiểu như vậy, làm sao còn hỏi tánh giác diệu-minh, không có phân-biệt của chư Phật Như-Lai, lúc nào lại sanh ra núi sông, đất liền?)</p> <p>_ Hựu như kim khoáng, tạp ư tinh kim, kỳ kim nhứt thuần, cánh bất thành tạp.</p> <p>(_ Lại như quặng vàng lộn với vàng ròng, khi vàng đã luyện thành ròng rồi, thì không xen lộn được nữa.)</p> <p>_ Như mộc thành thán, bất trùng vi mộc.</p> <p>(_ Cũng như cây đã đốt ra tro, thì không thành cây được nữa.)</p> <p>_ Chư Phật Như-Lai, Bồ-Đề Niết-Bàn, diệc phục như-thị.</p>	<p>_ Phú-Lâu-Na! Thế là ông đã hiểu kẻ chờ đợi hư-không sanh hoa đốm là ngu rồi.</p> <p>_ Khi ông chưa hiểu thì ông hỏi lúc nào Tánh không của Bổn-giác diệu-minh của Như-Lai cảm sanh sơn-hà đại-địa, bấy giờ ông hiểu rồi, nghi-vấn của ông thế nào?</p> <p>_ Phú-Lâu-Na! Lại như trong mỏ đá có lộn vàng, trong khi vàng còn ở xen theo đá thì hai vật lẫn lộn nhau, khó phân-biệt, nhưng đến khi lấy hết vàng ra khỏi đá, thì đá là đá, vàng là vàng, vàng không có lộn đá được, nếu muốn tìm đá trong đống vàng là dại.</p> <p>_ Cũng như cây đốt ra tro thì tro không thế nào trở lại làm cây được, nếu muốn tìm cây trong đống tro là dại.</p> <p>_ Xét theo lý ấy, ông thông-đạt Bồ-Đề Niết-Bàn của chư Phật cũng như vậy.</p>

<p>Hoàn-phục: phục-hồi (trở lại) hoàn-toàn. <i>Hoàn</i> (完): đầy đủ, không thiếu sót gì. <i>Phục</i> (復): trở lại, trở về.</p>	<p>_ Khi viên-chứng Bồ-Đề Niết-Bàn thì hoàn-phục Tâm Bổn-giác diệu-minh, trạm-tịch thường-trụ, đã chuyển tất cả nghiệp phiền-não sanh-tử thì không bao giờ sanh ra các nghiệp diên-dảo ấy nữa, ví như vàng thì không còn đá, tro thì không trở làm cây.</p>
---	---

富樓那又汝問言。地水火風本性圓融周遍法界。疑水火性不相陵滅。又徵虛空及諸大地。俱遍法界不合相容。

富樓那譬如虛空體非群相。而不拒彼諸相發揮。所以者何。

富樓那彼太虛空日照則明。雲屯則暗風搖則動。霽澄則清氣凝則濁。土積成霾水澄成映。於意云何如是殊方諸有為相。為因彼生為復空有。若彼所生。

富樓那且日照時既是日明。十方世界同為日色。云何空中更見圓日。若是空明空應自照。云何中宵雲霧之時不生光耀。當知是明非日非空不異空日。觀相元妄無可指陳。猶邀空花結為空果。云何詰其相陵滅義。觀性元真唯妙覺明。妙覺明心先非水火。云何復問不相容者。真妙覺明亦復如是。汝以空明則有空現。地水火風各各發明則各各現。若俱發明則有俱現。云何俱現。

13. Phú-Lâu-Na! Hựu nhữ vấn ngôn:

_ Địa hỏa thủy phong, bốn-tánh viên dung, chau-biến pháp-giới, nghi thủy hỏa tánh, bất tương lăng diệt.

_ Hựu trung hư-không, cập chư đại địa, cu biến pháp-giới, bất hiệp tương-dung.

_ Phú-Lâu-Na! Thí như hư-không, thể phi quần tướng, nhi bất cự bỉ chư tướng phát huy. Sở dĩ giả hà?

(_ Phú-Lâu-Na! Ví như hư-không, bản-thể không phải các tướng, mà không ngăn cản các tướng phát-huy. Vì sao?)

_ Phú-Lâu-Na! Bỉ thái hư-không, nhựt chiếu tắc minh, vân đồn tắc ám, phong diêu tắc động, tể trường tắc thanh, khí ngưng tắc trước, thổi tích thành ly, thủy trường thành ách. Ứ ý vân hà?

13. Phú-Lâu-Na! Ông có hỏi:

_ Bốn-tánh viên-dung trùm khắp pháp-giới của đất lửa nước gió, tại sao nước và lửa không tiêu-diệt nhau?

_ Hư-không vô-hình, đại-địa hữu-hình, trùm khắp pháp-giới, tại sao không dung nhau?

_ Nguyên Như-Lai-Tạng tánh chẳng phải các tướng như: địa hỏa thủy phong không kiến và thức, cũng chẳng cấm-chỉ các tướng phát-khởi, ví như thể hư-không chẳng phải các tướng, cũng chẳng ngăn cản được các tướng phát-huy. Vì sao?

_ Vì hư-không vốn trống rỗng, hễ mặt trời soi thì sáng, mây che thì tối, gió thổi thì động, khô ráo yên lặng thì thanh, sương mù khí ngưng thì trước, đất tụ thì ngăn, nước lạnh thì ngại. Ý ông nghĩ sao?

<p>_ Như-thị thù phuơng, chư hữu-vi tướng, vi nhân bỉ sanh, vi phục không hữu.</p> <p>(_ Các tướng hữu-vi khác nhau như vậy, nhân các cái kia mà sanh, hay nhân hư-không mà có?)</p>	<p>_ Các tướng hữu-vi sai biệt như vậy có cái sáng là nhờ mây tướng khác trợ-đuyêñ, hoặc nhờ mặt trời hay là hư-không mà hiện?</p>
<p>_ Nhược bỉ sở sanh. Phú-Lâu-Na! Thả nhụt chiếu thời, ký thị nhụt minh, thập phuơng thế-giới, đồng vi nhụt sắc, vân hà không trung, cánh kiên viên nhụt.</p> <p>(_ Phú-Lâu-Na! Nếu như do các cái kia sanh ra, thì khi mặt trời soi, đã là mặt trời sáng, mười phuơng thế-giới đều thành sắc của mặt trời, làm sao giữa hư-không, lại còn thấy mặt trời tròn.)</p> <p>_ Nhược thị không minh, không ứng tự-nhiên, vân hà trung tiêu, vân vụ chi thời, bất sanh quang diêu.</p> <p>_ Đương tri thị minh, phi nhụt phi không, bất dị không nhụt.</p>	<p>_ Phú-Lâu-Na! Nếu cái sáng nhờ mặt trời mà hiện thì khi mặt trời chiếu, cho là mặt trời sáng, như thế cả mười phuơng thế-giới toàn là một sắc của mặt trời, đáng lý không có hình mặt trời nữa, nhưng tại sao còn thấy mặt trời tròn ở giữa hư-không?</p> <p>_ Nếu cái sáng nhờ hư-không mà hiện, thì đáng lý hư-không cứ tự sáng luôn luôn, tại sao lúc ban đêm và khi có mây mù lại chẳng thấy sáng?</p> <p>_ Ông nên biết cái sáng phát-sanh không phải nhờ mặt trời hay là hư-không, cũng chẳng phải ly mặt trời hoặc ly hư-không.</p>
<p>_ Quan tướng nguyên vọng, vô khả chỉ trần, do khiếu không hoa, kiết vi không quả, vân hà cật kỳ, tướng lăng diệt nghĩa?</p> <p>(..., làm sao còn gạn hỏi cái nghĩa lẩn diệt lẩn nhau?)</p> <p>_ Quan tánh nguyên chơn, duy diệu giác-minh, diệu giác-minh tâm, tiên phi thủy hỏa, vân hà phục vấn, bất tương dung giả.</p> <p>(_ Xét các tánh vốn là chơn, chỉ là tánh giác diệu-minh, tánh giác diệu-minh, vốn không phải là nước hay là lửa, làm sao còn hỏi về nghĩa không dung được nhau?)</p> <p>_ Chơn diệu giác-minh, diệc phục như-thị.</p>	<p>_ Xét các tướng vốn là vọng, không thể chỉ bày, cũng như sự mong cầu hoa đốm kết thành quả hư-không, thì còn có lý-do gì nghi-vấn chõ khôngh không tiêu-diệt nhau?</p> <p>_ Xét nguyên-tánh Chơn-giác huyền-diệu sáng suốt của tâm Bổn-giác diệu-minh không phải là nước hoặc lửa, thì còn lý-do gì nghi-vấn chõ không dung nhau?</p> <p>_ Tâm Bổn-giác diệu-minh cũng như vậy.</p>
<p>_ Nhữ dĩ không minh, tắc hữu không hiện, địa thủy hỏa phong, các các phát minh, tắc các các hiện, nhược cu phát-minh, tắc hữu cu hiện.</p> <p>(_ Ông phát-minh cái hư-không, thì có hư-không hiện</p>	<p>_ Nếu tâm phát-minh tướng hư-không thì có hư-không phát-hiện, phát-minh các tướng như: địa hỏa thủy phong v.v..., thì mỗi tướng mỗi hiện, nếu đồng-thời phát-minh thì các tướng đồng hiện một lượt.</p>

ra, địa thủy hỏa phong, mỗi mỗi phát minh, thì mỗi mỗi hiện ra, nếu cùng phát-minh, thì cùng hiện ra.)

_ Vân hà cu hiện? (_ Thế nào là cùng hiện ra?)

_ Sao gọi là đồng hiện?

富樓那如一水中現於日影。兩人同觀水中之日。東西各行則各有日。隨二人去一東一西。先無准的不應難言。此日是一云何各行。各日既雙云何現一。宛轉虛妄無可憑據。

14. Phú-Lâu-Na! Như nhứt thủy trung, hiện ư nhựt ảnh.

_ Lưỡng nhân đồng quan thủy trung chi nhựt, đồng tây các hành, tắc các hữu nhựt, tùy nhị nhân khứ, nhứt đồng nhứt tây, tiên vô chuẩn-dích.

(_ Có hai người đồng xem bóng mặt trời trong nước, rồi một người đi phương Đông, một người đi phương Tây, thì hai bên đều có mặt trời theo mình cùng đi, một cái về phương Đông, một cái về phương Tây, không có chuẩn-dích nhứt-định.)

_ Bất ứng nạn ngôn, thử nhựt thị nhứt, vân hà các hành?

(_ Không nên gạn hỏi rằng, mặt trời đó là một, sao lại mỗi cái đi theo mỗi người?)

_ Các nhựt ký song, vân hà hiện nhứt.

(_ Các mặt trời đã thành hai, làm sao trước kia chỉ hiện ra có một?)

_ Uyển chuyển hư-vọng, vô khả bắng-cứ.

(_ Hư-vọng quanh lộn như thế, không thể lấy gì làm bắng-cứ.)

14. Phú-Lâu-Na! Ví dụ như trong một dòng nước hiện ra một bóng mặt trời.

_ Có hai người đồng xem bóng mặt trời trong nước, rồi tách riêng ra, người đi phía đông, kẻ đi phía tây, mỗi người mỗi ngã, cả hai đều thấy bóng mặt trời đi theo, cái đi đông, cái đi tây, vẫn không nhứt-định chuẩn-dích.

_ Như vậy không nên vấn-nạn: Mặt trời chỉ có một, làm sao thành hai, chia ra mỗi cái đi một ngã?

_ Bóng mặt trời đi hai hướng, thành hai cái, đã thành hai rồi, tại sao chỉ thấy có một?

_ Đó là tại hư-vọng mà hóa ra mê loạn, chờ không thể lấy được lý-do gì mà làm bắng-chứng cho hai bóng mặt trời;

Chuẩn-dích (準的): vật để nhắm bắn. Mức độ để theo.

Vấn-nạn (問難): hỏi vấn. Hỏi thật khó để người khác không thể trả lời được.

Căn-nguyên: chỉ gốc rễ cội nguồn. *Căn* (根): rễ cây. *Nguyên* (源): nguồn nước.

- cũng như trân-cảnh, nếu có chuẩn-dích thì còn có lý-do biện-báu,

- còn không có chuẩn-dích mà cứ vấn-nạn viễn vông,

- không có căn-nguyên thực-tế thì càng vấn-nạn càng sa vào chỗ hư-vọng đến tối.

_ Vậy các tướng: địa hỏa thủy phong không kiến thức, chẳng có chuẩn-dích tất-nhiên là cảnh hư-vọng.

富樓那汝以色空。相傾相奪於如來藏。而如來藏隨為色空周遍法界。是故於中風動空澄日明雲暗。眾生迷悶背覺合塵。故發塵勞有世間相。

15. Phú-Lâu-Na! Nhữ dĩ sắc không, tương-khuynh tương-đoạt, ư Như-Lai-Tạng, nhi Như-Lai-Tạng, tùy vi sắc không, châu-biến pháp-giới.

- _ Thị cố ư trung, phong động không trùng, nhứt minh vân ám.
- _ Chúng-sanh mê-muộn, bội giác, hiệp trần, cố phát trần-lao, hữu thế-gian tưởng.

15. Phú-Lâu-Na! Như ông lấy Sắc và Không, cho rằng tương-khuynh tương-đoạt tức là có thể tiêu-diệt lẫn nhau ở trong Như-Lai-Tạng, thì Như-Lai-Tạng cũng theo ông làm Sắc, làm Không trùm khắp pháp-giới.

_ Vì cớ ấy nên ở trong đó các vật-tượng như gió động, hư-không lặng, mặt trời sáng, mây mù tối.

_ Chúng-sanh mê-muội, trái nghịch với bồn-giác, giao-kết với trần-tưởng, do đó phát-sanh vô-số trần-lao phiền-não và thành-tựu các tướng thế-gian.

我以妙明不滅不生合如來藏。而如來藏唯妙覺明圓照法界。是故於中一為無量無量為一小中現大大中現小。不動道場遍十方界。身含十方無盡虛空。於一毛端現寶王刹。坐微塵裏轉大法輪。滅塵合覺故發真如妙覺明性。

16. Ngã dĩ diệu-minh, bất-diệt bất-sanh, hiệp Như-Lai-Tạng, nhi Như-Lai-Tạng, duy diệu giác minh, viên-chiếu pháp-giới.

- _ Thị cố ư trung, nhứt vi vô-lượng, vô-lượng vi nhứt, tiểu trung hiện đại, đại trung hiện tiểu.

16. Phú-Lâu-Na! Chí như Ta lấy tánh Chơn-giác diệu-minh bất-sanh bất-diệt dung-hiệp với Như-Lai-Tạng, thì Như-Lai-Tạng chỉ thuần một tánh Chơn-giác diệu-minh thường-tịnh thường-chiếu viên-mãn cả pháp-giới.

_ Vì cớ ấy ở trong đó, một là vô-lượng, vô-lượng là một, trong nhỏ hiện ra lớn, trong lớn hiện ra nhỏ.

_ Bất-động đạo-tràng, biến thập phương giới.

_ Thân hàm thập phương, vô-tận hư-không, ư nhứt mao đan, hiện Bửu-Vương sát, tọa vi-trần lý, chuyển đại pháp-luân, diệt trần, hiệp giác, cố pháp Chơn-Như, diệu giác-minh tánh.

_ Đạo-tràng bất-động châu-biến khắp cả mười phương pháp-giới.

_ Thân bao-hàm thập phương hư-không vô-tận, nơi đâu một sợi lông hiện rõ cõi Như-Lai, ngồi ở một hạt vi-trần chuyển bánh xe Pháp, dứt tuyệt các trần-tưởng, hòa-hiệp với Bồn-giác, hiện rõ tánh Chơn-Như viên-giác diệu-minh.

17.	17. HIỀN-MINH TẶNG KHÔNG VÀ BẤT-KHÔNG.
Chỉ Như-Lai-Tặng Là “Phi” Tất Cả.	
<p>而如來藏本妙圓心。非心非空。非地非水非風非火。非眼非耳鼻舌身意。非色非聲香味觸法。非眼識界如是乃至非意識界。非明無明明無明盡。如是乃至非老非死非老死盡。非苦非集非滅非道。非智非得非檀那非尸羅。非毘梨耶非羼提非禪那。非鉢刺若非波羅蜜多。如是乃至非怛闌阿竭。非阿羅訥三耶三菩。非大涅槃非常非樂非我非淨。以是俱非世出世故。</p>	
<p>_ Nhi Như-Lai-Tặng, bổn diệu viễn tâm. (_ Những Như-Lai-Tặng bản-tánh diệu-viễn.)</p> <p>_ Phi tâm, phi không.</p> <p>_ Phi địa, phi hỏa, phi thủy, phi phong.</p> <p>_ Phi nhãm, phi nhĩ, ty thiêt, thân, ý.</p> <p>_ Phi sắc, phi thính, hương, vị, xúc, pháp.</p> <p>_ Phi nhãm-thức-giới, như-thị nãi chí, phi ý-thức-giới.</p> <p>_ Phi minh vô-minh, minh vô-minh tận.</p> <p>_ Như-thị nãi chí, phi lão phi tử, phi lão-tử tận.</p> <p>_ Phi khổ, phi tập, phi diệt, phi đạo.</p> <p>_ Phi trí, phi đắc, phi đà-na, phi thi-la.</p> <p>_ Phi tỳ-lê-gia, phi săn-dề, phi thiền-na.</p> <p>_ Phi bát-lặc-nhã, phi ba-la-mật đà.</p> <p>_ Như-thị nãi chí, phi đắc-thác a-kiết.</p> <p>_ Phi a-la-ha, tam-gia tam-bồ.</p> <p>_ Phi đại Niết-Bàn, phi thường, phi lạc, phi ngã, phi tịnh.</p> <p>_ Dĩ thị cu phi, thế xuất thế cố. (_ Vì cái đó, đều không là các pháp thế-gian và xuất thế-gian.)</p>	<p>_ Phú-Lâu-Na! Tâm Bổn-giác diệu-minh chau-vien của Như-Lai-Tặng rỗng không, thông suốt, chẳng thuộc về pháp nào cả,</p> <ul style="list-style-type: none"> - thế-nên phi tâm, phi không, - chẳng phải địa, hỏa, thủy, phong, - chẳng phải nhãm, nhĩ, ty, thiêt, thân, ý, - chẳng phải sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp, - chẳng phải nhãm-thức-giới, nhĩ-thức-giới, ty-thức-giới, thiêt-thức-giới, thân-thức-giới, ý-thức-giới. <p>_ Tâm Bổn-giác diệu-minh chau-vien không phải minh và vô-minh, không phải minh và vô-minh tận,</p> <ul style="list-style-type: none"> - dĩ-chí không phải lão, không phải tử, không phải lão tử tận, - không phải khổ, không phải tập, không phải diệt, không phải đạo, - không phải trí, không phải đắc, không phải bố-thí, trì-giới, tinh-tấn, nhãm-nhục, thiền-định, trí-tuệ, không phải đáo bỉ-ngạn (3). <p>_ Như thế cho tới không phải Như-Lai, Ứng-Cúng, Chánh-Biến-Tri,</p> <ul style="list-style-type: none"> - không phải Đại-Niết-Bàn, không phải thường, lạc, ngã, tịnh. <p>_ Đó là vì tâm Bổn-giác vốn “Không”, nên tất cả pháp thế-gian và xuất thế-gian đều thuộc nghĩa “Phi”.</p>

Chỉ Như-Lai-Tạng “Tức” Là Tất Cả.	
<p>即如來藏元明心妙。即心即空。即地即水即風即火。即眼即耳鼻舌身意。即色即聲香味觸法。即眼識界如是乃至即意識界。即明無明明無明盡。如是乃至即老即死即老死盡。即苦即集即滅即道。即智即得即檀那即尸羅。即毘梨耶即羼提即禪那。即鉢刺若即波羅蜜多。如是乃至即怛闌阿竭。即阿羅訥三耶三菩。即大涅槃即常即樂即我即淨。以是即俱世出世故。</p>	
18.	<p>18. Phú-Lâu-Na! Nếu ly tâm Bổn-giác diệu-minh chau-viên của Như-Lai-Tạng thì từ tứ Thánh: Phật, Bồ-Tát, Duyên-giác, Thinh-văn cho tới lục phàm: Thiên, Nhân, A-tu-la, súc-sanh, ngã-quỉ, địa-ngục, tất cả đều không có một mảy sự-tưởng chi cả,</p>
<ul style="list-style-type: none"> _ Tức Như-Lai-Tạng, nguyên minh tâm diệu, tức tâm, tức không. _ Tức địa, tức thủy, tức phong, tức hỏa. _ Tức nhãm, tức nhĩ, ty, thiêt, thân, ý. _ Tức sắc, tức thính, hương, vị, xúc, pháp. _ Tức nhãm-thức-giới, như-thị nãm chí, tức ý-thức-giới. 	<ul style="list-style-type: none"> - thế nên Bổn-giác diệu-minh ấy tức là tâm, tức là không, - tức là địa, hỏa, thủy, phong, - tức là nhãm, nhĩ, ty, thiêt, thân, ý, - tức là sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp, - tức là nhãm-thức-giới, nhĩ-thức-giới, ty-thức-giới, thiêt-thức-giới, thân-thức-giới, ý-thức-giới. _ Như thế là pháp-giới lục phàm.
<ul style="list-style-type: none"> _ Tức minh vô-minh, minh vô-minh tận. _ Như-thị nãm chí, tức lão, tức tử, tức lão-tử tận. _ Tức khổ, tức tập, tức diệt, tức đạo. _ Tức trí, tức đắc, tức đà-n-na, tức thi-la. _ Tức tỳ-lê-gia, tức săn-đê, tức thiền-na. _ Tức bát-lặc-nhã, tức ba-la-mật đà. _ Như-thị nãm chí, tức đắc-thác a-kiết. _ Tức a-la-ha, tam-gia tam-bồ. _ Tức đại Niết-Bàn, tức thường, tức lạc, tức ngã, tức tịnh. 	<ul style="list-style-type: none"> _ Bổn-giác diệu-minh tức là minh và vô-minh, tức là minh và vô-minh tận, - cho tới tức là lão, tức là tử, tức là lão-tử tận, - tức là khổ, tức là tập, tức là diệt, tức là đạo, - tức là trí, tức là đắc, tức là bố-thí, trì-giới, tinh-tấn, nhãm-nhục, thiền-định, trí-tuệ, tức là đáo bỉ-ngạn, - cho tới tức là Như-Lai, Ứng-Cúng, Chánh-Biến-Tri, - tức là Đại Niết-Bàn, tức là thường, lạc, ngã, tịnh. _ Như thế là pháp-giới tứ Thánh.
<p>_ Dĩ thị tức cu, thế xuất thế cố. (_ Do cái đó, tức là các pháp thế-gian và xuất-thế-gian vậy.)</p>	<p>_ Tâm Bổn-giác “Bất-không”, nên thế-pháp và xuất-thế-pháp đều thuộc nghĩa “Tức”.</p>

<p>即如來藏妙明心元。離即離非是即非即。如何世間三有眾生。及出世間聲聞緣覺。以所知心測度如來無上菩提。用世語言入佛知見。譬如琴瑟箜篌琵琶雖有妙音。若無妙指終不能發。汝與眾生亦復如是。寶覺真心各各圓滿。如我按指海印發光。汝暫舉心塵勞先起。由不勤求無上覺道愛念小乘得少為足。</p>	
<p>19. Tức Như-Lai-Tạng, diệu-minh tâm nguyễn. Ly tức ly phi, thị tức phi-tức. (_ Tức cái tánh giác diệu-minh Như-Lai-Tạng, rời cả các nghĩa “tức”, “phi”, và cũng là “tức”, là “phi”.)</p>	<p>19. Phú-Lâu-Na! Nguyên-lai tâm Bổn-Giác diệu-minh châu-viên của Như-Lai-Tạng, vốn ly cái tức, ly cái phi, mà cũng tức cái tức, tức cái phi-tức, - đó là thể-tánh cực-diệu cực-minh, viễn-dung tuyệt-đối, không còn chi hơn.</p>
<p>_ Như hà thế-gian, tam hữu chúng-sanh, cập xuất thế-gian, Thinh-văn Duyên-giác. _ Dĩ sở tri tâm, trắc độ Như-Lai, Vô-Thượng Bồ-Đề; dụng thế ngữ-ngôn, nhập Phật-tri-kiến. (_ Lấy cái tâm hay biết sự vật, mà do lường được Vô-Thượng Bồ-Đề của Như-Lai; dùng tiếng nói thế-gian, mà vào được tri-kiến của Phật.) _ Thí như cầm, sắt, không-hầu, tỳ-bà, tuy hữu diệu-âm, nhược vô diệu-chỉ, chung bất năng phát. (_ Ví như, những cây đòn cầm, đòn sắt, đòn tỳ-bà cho tới ống tiêu, ống sáo, v.v..., đòn nào cũng phát-động tiếng thâm-diệu, nhưng nếu không phải ngón tay thâm-diệu thì rốt cuộc đòn chẳng làm sao phát-động được tiếng thâm-diệu.)</p>	<p>_ Như vậy chúng-sanh ở trong tam giới, cho tới các bậc xuất-thế Thinh-văn, Duyên-giác, - không làm sao lấy tâm sở-tri mà do lường được đạo Vô-Thượng Bồ-Đề của Như-Lai và dùng ngôn- ngữ thế-gian mà vào được cảnh-trí thấy biết của Như-Lai. _ Ví dụ như những cây đòn cầm, đòn sắt, đòn tỳ-bà cho tới ống tiêu, ống sáo, v.v..., đòn nào cũng phát-động tiếng thâm-diệu, nhưng nếu không phải ngón tay thâm-diệu thì rốt cuộc đòn chẳng làm sao phát-động được tiếng thâm-diệu.</p>
<p>_ Nhữ dữ chúng-sanh, diệc phục như-thị. (_ Ông và chúng-sanh thì cũng như vậy.) _ Bửu-giác Chơn-Tâm, các các viễn-mẫn. (_ Tâm-tánh chơn-thật, mỗi người đều đầy đủ, _ Như ngã án chỉ, hải-ấn phát quang. - nhưng khi Ta ấn ngón tay, thì hải-ấn phát ra hào-quang, _ Như tạm cử tâm, trần-lao tiên khởi.</p>	<p>_ Phú-Lâu-Na! Ông và chúng-sanh đều giống như vậy. _ Ai ai cũng sẵn có Tâm Chơn-Như bửu-giác, nhưng ở Như-Lai có diệu-dụng, còn ở chúng-sanh không có diệu-dụng? Tại sao? _ Vì Như-Lai đắc-chỉ ư tâm, ứng-chỉ ư thủ, nên khi Như-Lai nhấn ngón tay nơi hải-ấn thì từ hải-ấn phát ra hào-quang chiếu-diệu khắp cả pháp-giới. _ Phú-Lâu-Na! Ông và chúng-sanh vừa</p>

<p>_ còn các ông tạm móng tâm lên, thì trần-lao đã nỗi.)</p> <p>_ Do bất cần-cầu, Vô-Thượng-Giác đạo, ái niệm tiểu thừa, đắc thiểu vi túc.</p> <p>(_ Do vì không siêng năng cầu đạo Vô-Thượng-Giác, ưa nhở tiểu-thừa, được một ít đã cho là đủ.)</p>	<p>khởi tâm động thì trần-lao phiền-não tiếp dậy.</p> <p>_ Đó là tại các ông không chịu quyết-chí siêng năng cần-cầu đạo Vô-Thượng Bồ-Đ Đề, lại còn ưa mến pháp tiểu-thừa, lập công nhỏ mà muốn quả to, được chút ít đã vội cho là đủ.</p>
--	--

富樓那言我與如來寶覺圓明。真妙淨心無二圓滿。而我昔遭無始妄想久在輪迴。今得聖乘猶未究竟。世尊諸妄一切圓滅獨妙真常。敢問如來一切眾生何因有妄。自蔽妙明受此淪溺。

20. Phú-Lâu-Na ngôn:

_ Ngã dữ Như-Lai, bửu-giác viên-minh, chơn-diệu tịnh-tâm, vô nhị viên-mẫn.

(_ Chơn-Tâm viên-giác diệu-minh của tôi và của Như-Lai, đều viên-mẫn không hai.)

_ Nhi ngã tích tao, vô-thỉ vọng-tưởng, cửu tại luân-hồi, kim đắc Thánh-thừa, du vị cứu-cánh.

(_ Mà tôi, trước kia mắc vọng-tưởng vô-thỉ, ở lâu trong luân-hồi, nay được Thánh-thừa, còn chưa rõ ráo.)

_ Thế-Tôn chư vọng, nhứt-thiết viên-diệt, độc diệu Chơn-Thường.

(_ Thế-Tôn, thì khấp tất cả các vọng đều diệt trọn, chỉ có diệu-dụng tánh chơn-thường.)

_ Cảm vấn Như-Lai: Nhứt-thiết chúng-sanh, hà nhân hữu vọng, tự tế diệu-minh, thọ thử luân-nịch.

(... Tự che tánh diệu-minh, mà phải chìm đắm như vậy?)

20. Ngài Phú-Lâu-Na bạch Phật:

_ Bạch Đức Thế-Tôn! Đức Thế-Tôn với tôi vốn đồng một Tâm Chơn-Như bửu-giác, thanh-tịnh huyền-diệu, quang-minh châu-viên, hoàn-toàn như nhau, không phải hai thứ sai biệt.

_ Tuy-nhiên, riêng tôi bị các vọng-tưởng nhiễu-hại từ vô-thỉ, nên trầm-luân nhiều kiếp trong biển khổ luân-hồi. Nay tôi tuy đắc Thánh-thừa nhưng chưa được rõ ráo.

_ Bạch Đức Thế-Tôn! Đức Thế-Tôn đã viên-chứng Phật-quả nên tất cả vọng-nghiệp phiền-não đều cáo-chung, chỉ có thuần một thể Chơn-Như vi-diệu thường-trụ.

_ Tôi xin phép hỏi Đức Thế-Tôn: Chúng-sanh bị nguyên-nhân nào mà có vọng, tự che tối Tâm Chơn-Như sáng suốt nhiệm-mầu, để phải chìm đắm khổ hải?

21.

21. HIỂN-MINH VỌNG VỐN VÔ-NHÂN.

佛告富樓那汝雖除疑餘惑未盡。吾以世間現前諸事。今復問汝汝豈不聞。室羅城中演若達多。忽於晨朝以鏡照面。愛鏡中頭眉目可見。瞋責己頭不見面目。以為魑魅無狀狂走。於意云何。此人何因無故狂走。

富樓那言是人心狂更無他故。佛言妙覺明圓本圓明妙。既稱為妄云何有因。若有所因云何名妄。自諸妄想展轉相因。從迷積迷以歷塵劫。雖佛發明猶不能返。如是迷因因迷自有。識迷無因妄無所依。尚無有生欲何為滅。

Phật cáo Phú-Lâu-Na:

_ Nhữ tuy trừ nghi, dư hoặc vị tận.

(_ Ông tuy trừ được lòng nghi, nhưng còn những điều lầm chưa dứt hết.)

_ Ngô dĩ thế-gian, hiện-tiền chư sự, kim phục vấn nhữ.

_ Nhữ khởi bất văn, Thất-La thành trung, Diễn-Nhã-Đạt-Đa, hốt ư thần triêu, dĩ kính chiếu diện.

_ Ái kính trung đầu, mi mục khả kiến.

(_ Bỗng-nhiên ưa cái đầu trong gương, lông mày, con mắt có thể thấy được.)

_ Diên (/Sân) trách dĩ đầu, bất kiến diện mục.

_ Dĩ vi lị mị, vô trạng cuồng tẩu.

(_ Cho là giống yêu quái, rồi không cớ gì phát diên bỏ chạy.)

_ Ư ý vân hà? Thủ nhân hà nhân, vô cố cuồng tẩu?

_ Phú-Lâu-Na ngôn: Thị nhân tâm cuồng, cánh vô tha cố.

(_ Tâm người ấy diên, chớ không có cớ gì khác.)

_ Phật ngôn: Diệu-giác minh viên, bốn viên minh diệu.

(_ Phật dạy: Tánh diệu-giác viên-mãn sáng suốt, bần-lai là diệu-minh cùng khắp.)

_ Ký xưng vi vọng, vân hà hữu nhân?

(_ Đã gọi là vọng, thì làm sao có nhân?)

_ Nhược hữu sở nhân, vân hà danh vọng?

(_ Nếu có nguyên-nhân, thì sao gọi là vọng?)

_ Tự chư vọng-tưởng, triển-chuyển

Đức Phật dạy: Phú-Lâu-Na!

_ Ông tuy trừ nghi được, nhưng còn hoặc chưa hết.

_ Nay Ta lấy việc thế-gian hiện-tiền mà hỏi ông:

_ Lý nào ông há không nghe trong thành Thất-La-Phiệt có tên Diễn-Nhã-Đạt-Đa, vào buổi sớm mai lấy gương soi mặt, - nhìn thấy cái đầu, cả lông mày và mắt quí mến,

- bỗng nhiên lại giận trách cái đầu tại sao không thấy mặt,

- bèn cho bóng hiện trong gương là yêu-quái, rồi vô cớ phát khùng lên, vứt gương chạy mất.

_ Ý ông nghĩ sao? Bởi nguyên-nhân gì mà người ấy vô cớ phát khùng bỏ chạy?

_ Bạch Đức Thế-Tôn! Đó là vì tâm người ấy khùng, chớ thực-tế không có nguyên-nhân nào cả.

_ Phú-Lâu-Na! Thể-tánh Bổn-giác diệu-minh-viên gốc tự diệu, tự minh, tự viên tức là luôn luôn huyền-diệu, quang-minh, viên-mãn, chớ không bao giờ có vọng.

_ Nếu gọi là vọng thì thế nào có chỗ sở-nhân?

_ Nếu có sở-nhân thì làm sao gọi là vọng?

_ Chỉ từ vọng-tưởng xây vẫn làm nhân

<p>tương-nhân, tùng mê, tích mê, di lịch trần-kiếp. Tuy Phật phát-minh, du bất năng phản.</p> <p>(..., theo cái mê, chứa cái mê, trải qua kiếp số như vi- trần. Tuy Phật phát-minh, còn không biết trở về.)</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Như-thị mê nhân, nhân mê tự hữu. (_ Nguyên-nhân cái mê như vậy, là nhân mê tự có.) _ Thức mê vô nhân, vọng vô sở y. (_ Biết cái mê không có nhân, thì cái vọng không chồ nương tựa.) _ Thượng vô hữu sanh, dục hèn vi diệt. (_ Còn không có sanh, thì muốn đem cái gì mà làm cái diệt.) 	<p>cho nhau, theo mê mà chất chứa mãi các thứ mê từ kiếp này sang kiếp kia, trải qua vô-lượng vô-biên kiếp, tuy Như- Lai có phát-minh khai-thị cho, nhưng vẫn không tỉnh-ngộ.</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Như vậy cái mê là do mê mà tự có. _ Nếu biết cái mê không có nguyên- nhân, thì biết cái vọng cũng không chồ nương dựa. _ Đó là chứng tỏ các thứ gọi là mê, là vọng đều vô nhân. _ Mê-vọng vô nhân tức là không có sanh. _ Mê-vọng đã không có sanh thì muốn diệt là diệt cái gì? _ Không có sanh dĩ-nhiên là không có diệt.
---	--

得菩提者如寤時人。說夢中事心縱精明。欲何因緣取夢中物。
。況復無因本無所有。如彼城中演若達多。豈有因緣自怖頭走。忽然狂歇頭非外得。縱未歇狂亦何遺失。富樓那妄性如是因何為在。
汝但不隨分別世間。業果眾生三種相續。三緣斷故三因不生。則汝
心中演若達多。狂性自歇。歇即菩提。勝淨明心本周法界。不從人
得何藉劬勞肯綮修證。

譬如有人於白衣中。繫如意珠不自覺知。窮露他方乞食馳走。
。雖實貧窮珠不曾失。忽有智者指示其珠。所願從心致大饒富。方
悟神珠非從外得。

22. Đắc Bồ-Đề giả, như ngụ thời nhân, thuyết mộng trung sự, tâm túng tinh minh, dục hèn nhân-đuyên, thủ mộng trung vật, huống phục vô nhân, bốn vô sở-hữu.

(_ Người được đạo Bồ-Đề như người tỉnh giấc kể chuyện trong chiêm bao, tâm đầu rõ ràng, nhưng không thể có nhân-đuyên gì lấy được những vật trong chiêm bao, huống nữa, cái mê lại không có nhân, vốn không có gì cả.)

22. Bậc đã viên-chứng Bồ-Đề như Ta, nói cho ông biết vọng vốn vô nhân, chồ không đưa được cái vọng vô nhân cho ông thấy, cũng như người ngủ nằm mộng, khi thức dậy nói lại điềm chiêm bao, đầu tâm vẫn thanh-tịnh, sáng suốt biết rõ ràng, nhưng không thế nào có nhân-đuyên gì để lấy ra các vật trong giấc mộng, huống chi là cái vọng không có sở-nhân, tức là không có thiệt-thế.

<p>_ Như bỉ thành trung, Diễn-Nhã-Đạt-Đa, khởi hữu nhân-duyên, tự bố đầu tẩu. (_ Như anh Diễn-Nhã-Đạt-Đa trong thành kia, đâu có nhân-duyên, mà tự sợ đầu mình bỏ chạy.)</p> <p>_ Hốt-nhiên cuồng kiệt, đầu phi ngoại đắc. (_ Bỗng nhiên hết điên, thì cái đầu đâu phải từ ngoài đưa tới.)</p> <p>_ Túng vị kiệt cuồng, diệc hè di thất. (_ Đầu chưa hết điên, cái đầu cũng không hề mất.)</p>	<p>_ Thế nên vọng-tưởng vô-nhân chẳng khác chi tên Diễn-Nhã-Đạt-Đa phát khùng, không phải nguyên-nhân nào cả, chỉ tại người ấy nhận làm cái bóng hiện trong gương rồi sợ mất đầu mà hoảng-hốt bỏ chạy.</p> <p>_ Đến khi hết khùng thì người ấy biết được cái đầu của mình săn có, chớ không phải từ ngoài đưa tới.</p> <p>_ Vả lại, đầu chưa hết khùng, đầu ấy cũng còn nguyên vẹn, chớ không có mất.</p>
<p>_ Phú-Lâu-Na! Vọng-tánh như-thị, nhân hè vi tại. (_ Phú-Lâu-Na! Tánh của cái vọng là như vậy, làm sao còn có nguyên-nhân được?)</p> <p>_ Nhữ đān bất tùy, phân-biệt thế-gian, nghiệp-quả, chúng-sanh, tam chủng tương-tục, tam duyên đoạn cõi. (_ Ông chỉ không theo phân-biệt ba thứ tiếp-tục nơi thế-gian, nghiệp-quả, chúng-sanh, thì ba duyên đã đoạn rồi,</p> <p>_ Tam nhân bất sanh, tắc nhữ tâm trung, Diễn-Nhã-Đạt-Đa, cuồng tánh tự yết. - ba nhân không sanh ra nữa, và tánh điên của anh Diễn-Nhã-Đạt-Đa trong tâm ông tự hết.)</p> <p>_ Yết, tức Bồ-Đề. _ Thắng tịnh minh tâm, bốn châu pháp-giới, bất tùng nhân đắc, hè tịch cù-lao, khảng khái tu-chứng. (_ Hết, tức là tâm-tánh Bồ-Đề trong sạch sáng suốt, bốn-lai cùng khắp pháp-giới, không do ai đưa lại, nào cần gì phải tu-chứng nhọc nhằn vất vả.)</p> <p>Hoàn-nghuyên (還源): trở về cội nguồn (thuật-ngữ). Chuyển từ cảnh mê-muội vào cảnh giác-ngộ.</p>	<p>_ Phú-Lâu-Na! Vọng-tánh vô nhân như vậy thì làm sao tồn-tại ở chỗ nào được mà ông hỏi?</p> <p>_ Như ông chỉ tùy theo tập-quán mê loạn mà phân-biệt ba món tương-tục: thế-giới tương-tục, chúng-sanh tương-tục và nghiệp-quả tương-tục, thì ba duyên phân-biệt phải diệt.</p> <p>_ Nếu ba duyên diệt hết thì ba nhân của ba món ấy không có sanh, thế nên tánh khùng của tên Diễn-Nhã-Đạt-Đa ở trong tâm ông tự-nhiên tiêu mất, tức là hết mê.</p> <p>_ Hết mê thì Tâm Bồ-Đề thật-hiện.</p> <p>_ Đó là chứng tỏ Tâm Bồ-Đề thắng-diệu thanh-tịnh quang-minh, trùm khắp pháp-giới vốn là thể bản-nhiên săn có của mình, chớ không phải của người khác, nếu hiểu thấu được như vậy thì công-phu bỏ vọng về chơn, hoàn-nghuyên tu-chứng Bồ-Đề không có khó chi.</p>
<p>_ Thí như hữu nhân, ư tự y trung, hē Nhū-Ý chāu, bất tự giác tri, cùng lò tha phuơng, khất-thực trì tẩu, tuy thiêt bần-</p>	<p>_ Ví dụ như có người mang săn hột chāu Nhū-Ý trong áo, nhưng quên mất, không tự hiểu biết mình có, đến đổi nghèo khổ</p>

<p>cùng, châu bất tằng thất.</p> <p>(_ Ví như có người, ở nơi áo mành, buộc một hạt châu Như-Ý, mà không hay biết, nên phải xin ăn giong ruỗi phương xa, nghèo nàn rách rieder, tuy người ấy thật nghèo nàn, nhưng hạt châu không hề bị mất.)</p> <p>_ Hốt hữu trí-giả, chỉ thị kỳ châu, sở nguyện tùng tâm, trí đại nhiêu phú, phương ngộ thần châu, phi tùng ngoại đắc.</p> <p>(_ Bỗng nhiên có người khôn, chỉ hạt châu ra cho, thì người ấy muốn gì được nấy, thành giàu có lớn, rồi mới ngộ được hạt châu quý hóa ấy, không phải do ở ngoài đưa tới.)</p>	<p>phải đi xứ khác xin ăn, tuy bần-cùng túng thiếu nhưng hột châu Như-Ý vẫn không mất.</p> <p>_ Bỗng nhiên có nhà Thiện-Tri-Thức chỉ rõ cho hiểu biết hột châu Như-Ý, thì người ấy tùy tâm mãn-nghuyện, trở nên đại-phú gia, mới rõ thấu hột châu Như-Ý là vật của mình sẵn có, chứ không phải từ bên ngoài đưa tới mà có được.</p>
--	---

即時阿難在大眾中。頂禮佛足起立白佛。世尊現說殺盜淫業。三緣斷故三因不生。心中達多狂性自歇。歇即菩提不從人得。斯則因緣皎然明白。云何如來頓棄因緣。我從因緣心得開悟。世尊此義何獨我等年少有學聲聞。今此會中大目犍連。及舍利弗須菩提等。從老梵志聞佛因緣。發心開悟得成無漏。今說菩提不從因緣。則王舍城拘舍梨等。所說自然成第一義。惟垂大悲開發迷悶。

<p>23. Tức thời A-Nan, tại đại-chung trung, đảnh lễ Phật túc, khởi lập bạch Phật:</p> <p>_ Thế-Tôn hiện thuyết sát đạo dâm nghiệp, tam duyên đoạn cố, tam nhân bất sanh, tâm trung Đạt-Đa, cuồng tánh tự yết.</p> <p>(... và tánh diên anh Diễn-Nhã-Đạt-Đa trong tâm tự hết.)</p> <p>_ Yết, tức Bồ-Đ Đề, bất tùng nhân đắc.</p> <p>(_ Hết, tức là Bồ-Đ Đề, không do người khác đưa tới.)</p> <p>_ Tư đắc nhân-duyên, hạo nhiên minh-bạch, vân hà Như-Lai, đốn khí nhân-duyên? Ngã tùng nhân-duyên, tâm đắc khai-ngộ.</p> <p>_ Thế-Tôn! Thủ nghĩa hà độc, ngã đẳng niên thiểu, Hữu-học Thinh-văn, kim thủ hội trung, Đại Mục-Kiền-Liên, cập Xá-Lợi-Phất, Tu-Bồ-Đ Đề đẳng, tùng lão</p>	<p>23. Khi ấy ngài A-Nan từ chỗ Đại-chung đứng dậy lễ Phật rồi bạch:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Đức Thế-Tôn vừa nói ba ác-nghiệp tham-dục tham-sát tham-đạo (cũng gọi là Dâm Sát Đạo), nếu ba nghiệp ấy đoạn diệt rồi thì ba nhân không sanh, cho tới tâm ông Diễn-Nhã-Đạt-Đa cũng hết khùng.</p> <p>_ Mà hết khùng thì hiện rõ Tâm Bồ-Đ Đề, Tâm Bồ-Đ Đề là vật sẵn có của mình, chứ không phải do người khác mà có.</p> <p>_ Đó là có nhân-duyên rõ ràng, nhưng tại sao trước kia Đức Thế-Tôn lại bác bỏ nghĩa nhân-duyên? Chính tôi cũng nhờ có nhân-duyên mà tâm được khai-ngộ.</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Chẳng những chúng tôi là hạng Thinh-Văn trẻ tuổi, cho tới hiện-tiền ở trong Giáo-Hội, có các vị già cả như Mục-Kiền-Liên, Xá-</p>
--	--

<p>Phạm-chí, văn Phật nhân-duyên, phát tâm khai-ngộ, đắc thành vô-lâu.</p> <p>_ Kim thuyết Bồ-Đ Đề, bất tùng nhân-duyên, tắc Vương-Xá thành, Câu-Xá-Lê đẳng, sở thuyết tự-nhiên, thành đệ-nhứt nghĩa.</p> <p>_ Duy thùy đại bi, khai phát mê-muộn.</p>	<p>Lợi-Phất, Tu-Bồ-Đ Đề, đã từng nghe Lão-gia Phạm-Chí nói thuyết nhân-duyên của Phật, mà phát tâm khai-ngộ, thành bậc vô-lâu.</p> <p>_ Nay Đức Thế-Tôn dạy Tâm Bồ-Đ Đề không do nhân-duyên, thì thuyết tự-nhiên của ngoại-đạo Câu-Xá-Lê ở thành Vương-Xá là nghĩa đệ-nhứt hay sao?</p> <p>_ Người cầu Đức Thế-Tôn dù tâm đại-bi khai sáng chỗ mê lầm của chúng tôi.</p>
--	--

佛告阿難即如城中演若達多。狂性因緣若得滅除。則不狂性自然而出。因緣自然理窮於是。

阿難演若達多頭本自然本自其然無然非自。何因緣故怖頭狂走。若自然頭因緣故狂。何不自然因緣故失。本頭不失狂怖妄出。曾無變易何藉因緣。本狂自然本有狂怖。未狂之際狂何所潛。不狂自然頭本無妄何為狂走。若悟本頭識知狂走。因緣自然俱為戲論。是故我言三緣斷故即菩提心。

<p>24. Phật cáo A-Nan:</p> <p>_ Tức như thành trung, Diễn-Nhã-Đạt-Đa, cuồng tánh nhân-duyên, nhược đắc-diệt trừ, tắc bất cuồng tánh, tự-nhiên nhi xuất.</p>	<p>24. Đức Phật dạy:</p> <p>_ A-Nan! Như ông Diễn-Nhã Đạt-Đa ở trong thành, nếu đoạn diệt được nhân-duyên tánh khùng, thì tánh không khùng tự-nhiên hiện ra.</p>
<p>_ Nhân-duyên tự-nhiên, lý cùng ư thị.</p>	<p>_ Thế nên trước khi chưa khùng, nhân-duyên và tự-nhiên, hai tánh ấy không có.</p>
<p>_ A-Nan! Diễn-Nhã-Đạt-Đa, đâu bốn tự-nhiên, bốn tự kỳ nhiên, vô nhiên phi tự, hà nhân-duyên cố, bố đâu cuồng tẩu?</p>	<p>_ Lý nhân-duyên và tự-nhiên chỉ có như vậy mà thôi.</p>
<p>(_ A-Nan! Như cái đầu của anh Diễn-Nhã-Đạt-Đa vốn là tự-nhiên, nó đã tự-nhiên như thế, thì có lúc nào lại không tự-nhiên, vậy vì nhân-duyên gì, mà sợ cái đầu, phát điên bỏ chạy?)</p>	<p>_ Đó là chứng tỏ nhân-duyên và tự-nhiên không có căn-bổn.</p>
<p>_ Nhược tự-nhiên đầu, nhân-duyên cố</p>	<p>_ A-Nan! Như đầu của ông Diễn-Nhã-Đạt-Đa vốn là tự-nhiên thì cứ tự-nhiên mãi, chẳng có nhiên lại cũng không có tự, vậy do nhân-duyên gì mà ông ấy phát khùng sợ hãi bỏ chạy?</p>
	<p>_ Cái đầu gốc tự-nhiên, lại vì nhân-</p>

<p>cuồng, hà bất tự-nhiên, nhân-duyên cố thất.</p>	<p>duyên soi gương sơ mất đầu, nên đầu phát khùng, thì cái đầu làm sao chẳng tự-nhiên, lại vì nhân-duyên soi gương mà mất?</p>
<p>(_ Nếu cái đầu tự-nhiên, vì nhân-duyên mà diên, thì sao không tự-nhiên, vì nhân-duyên mà mất đi?)</p>	<p>_ Nhưng cái đầu vốn không có mất, chỉ vì nghĩ bậy phát khùng mà sợ chạy, chớ cái đầu không có thay đổi chi hết thì cần gì phải nhờ nhân-duyên soi gương?</p>
<p>_ Bổn đầu bất thất, cuồng bối vọng xuất, tăng vô biến dị, hà tạ nhân-duyên?</p>	<p>_ Nếu tự-nhiên vốn có tánh khùng, thì lúc chưa khùng, tánh khùng ấy ẩn ở chỗ nào?</p>
<p>(_ Cái đầu vốn không mất, diên sơ giả đổi phát ra, chớ nào có thay đổi gì, mà phải nhờ đến nhân-duyên?)</p>	<p>_ Nếu tự-nhiên vốn có tánh không khùng thì cái đầu vẫn y nguyên, không có gì cả, tại sao lại phát khùng sơ chạy?</p>
<p>_ Bổn cuồng tự-nhiên, bổn hưu cuồng bối, vị cuồng chi tế, cuồng hà sở tiêm?</p>	<p>_ Nếu nhận được cái đầu sẵn có, biết rõ vì khùng mà sợ chạy, thì cái đầu và tánh khùng chẳng thuộc về nhân-duyên hoặc tự-nhiên, hai tánh này chỉ là hý-luận mà thôi.</p>
<p>(_ Nếu tánh không diên là tự-nhiên, thì cái đầu vẫn không việc gì, sao lại phát diên bỏ chạy?)</p>	<p>_ Vì thế Ta nói: ba duyên đoạn diệt tức là Bồ-Đề Tâm.</p>
<p>_ Nhược ngộ bốn đầu, thức tri cuồng tẩu, nhân-duyên tự-nhiên, cu vi hý-luận.</p>	<p>_ Xét theo lý đó thì hiểu thấu Bổn-giác và vô-minh cũng như vậy.</p>

菩提心生生滅心滅。此但生滅。滅生俱盡無功用道。若有自然。如是則明自然心生。生滅心滅此亦生滅。無生滅者名為自然。猶如世間諸相雜和。成一體者名和合性。非和合者稱本然性。本然非然和合非合。合然俱離離合俱非。此句方名無戲論法。

<p>25. Bồ-Đ Đề Tâm sanh, sanh-diệt tâm diệt, thử đắn sanh-diệt.</p>	<p>25. A-Nan! Nói là Tâm Bồ-Đ Đề thì không nên khởi tư-tưởng sanh Bồ-Đ Đề, vì nếu Tâm Bồ-Đ Đề sanh thì thành tâm sanh-diệt tức không phải Tâm Bồ-Đ Đề.</p>
<p>(_ Tâm Bồ-Đ Đề sanh, tâm sanh-diệt diệt, đó chỉ là sanh-diệt.)</p> <p>_ Diệt sanh cu tận, vô công-dụng đạo.</p>	<p>_ Tâm sanh-diệt mất thì thuộc về lý sanh-diệt, và hai thứ sanh-diệt đều hết</p>

<p>(_ Diệt và sanh đều hết, thì gọi là Vô-Công-Dụng-Đạo.)</p> <p>_ Nhược hữu tự-nhiên, như-thị tắc minh, tự-nhiên tâm sanh, sanh-diệt tâm diệt, thủ diệc sanh-diệt, vô sanh-diệt giả, danh vi tự-nhiên.</p> <p>(_ Nếu có tự-nhiên, như vậy là phát-minh tâm tự-nhiên sanh, tâm sanh-diệt diệt, thế cũng là sanh-diệt, và lấy cái không sanh-diệt, gọi là tự-nhiên.)</p> <p>_ Du như thế-gian, chư tướng tạp hòa, thành nhứt thế giả, danh hòa-hiệp tánh, phi hòa-hiệp giả, xưng bốn-nhiên tánh.</p> <p>_ Bốn-nhiên phi-nhiên, hòa-hiệp phi-hiệp, hiệp nhiên cu ly, ly hiệp cu phi, thủ cú phương danh, vô hý-luận pháp.</p> <p>(_ Bản-nhiên không phải bản-nhiên, hòa-hợp không phải hòa-hợp, hòa-hợp và bản-nhiên đều rời bỏ, rời bỏ và không rời bỏ đều “phi”, câu nói này, mới gọi là pháp không hý-luận.)</p>	<p>tức là đạo vô công-dụng.</p> <p>_ Nếu có tự-nhiên, tức là tâm tự-nhiên sanh, thì tâm ấy phải diệt và nếu có gọi cái không sanh-diệt là tự-nhiên thì cũng như vậy.</p> <p>_ Chẳng khác chi ở thế-gian, các tướng hiệp nhau thành một thể, gọi là tánh hòa-hiệp, còn cái không hòa-hiệp thì cho là tánh bản-nhiên.</p> <p>_ Ở tánh bản-nhiên không có tướng bản-nhiên, ở tánh hòa-hiệp không có tướng hòa-hiệp, bản-nhiên và hòa-hiệp, hai tánh ấy phân-ly nhau, cho tới sự phân-ly và không phân-ly cũng chẳng có, lời nói ấy mới phải là vô hý-luận.</p>
---	--

26.	26. HIỀN-MINH CÔNG-ĐỨC VÔ-LÂU.
<p>菩提涅槃尚在遙遠。非汝歷劫辛勤修證。雖復憶持十方如來。十二部經清淨妙理。如恒河沙祇益戲論。汝雖談說因緣自然決定明了。人間稱汝多聞第一。以此積劫多聞熏習。不能免離摩登伽難。何因待我佛頂神呪。摩登伽心姪火頓歇得阿那含。於我法中成精進林。愛河乾枯令汝解脫。</p> <p>是故阿難汝雖歷劫。憶持如來祕密妙嚴。不如一日修無漏業。遠離世間憎愛二苦。如摩登伽宿為姪女。由神呪力鎖其愛欲。法中今名性比丘尼。與羅睺羅母耶輸陀羅同悟宿因。知歷世因貪愛為苦。一念薰修無漏善故。或得出纏或蒙授記。如何自欺尚留觀聽</p>	

<p>_ Bồ-Đ Đề Niết-Bàn, thượng tại diệu viễn.</p> <p>_ Phi nhữ lịch kiếp (nhiều kiếp), tân cần tu chứng, tuy phục ức trì, thập phương Như-Lai, thập nhị bộ kinh, thanh-tịnh diệu-lý, như Hằng-hà-sa, kỳ ích hý-luận.</p> <p>_ Nhữ tuy đàm thuyết, nhân-duyên tự-</p>	<p>Đức Phật bảo ngài A-Nan:</p> <p>_ A-Nan! Cảnh-giới Bồ-Đ Đề Niết-Bàn xa lăm.</p> <p>_ Nếu ông không trải qua lịch kiếp siêng năng tu-chứng, thì đâu có ghi nhớ diệu-lý thanh-tịnh của thập nhị bộ kinh Phật, rất nhiều như số cát sông Hằng, cũng chỉ thêm phần hý-luận mà thôi.</p> <p>_ A-Nan! Ông tuy nói suôn sẻ lý-tánh</p>
---	--

<p>nhiên, quyết-định minh liễu, nhân-gian xứng nhữ, đa-văn đê-nhứt.</p> <p>_ Dĩ thử tích kiếp, đa-văn huân-tập, bất nǎng miēn ly Ma-Đăng-Già nạn, hà tu đāi ngā, Phật-đánh thān-chú, Ma-Đăng-Già tâm, dām-hỎa đỐn kiệt, đẮc A-Na-Hàm, ư ngā pháp trung, thành tinh-tẤn lâm, ái-hà can khô, lịnh nhữ giải-thoát.</p> <p>(_ Với cái huân-tập đa-văn nhiều kiếp đó, ông không thoát khỏi được nạn Ma-Đăng-Già, phải đợi thān-chú Phật-đánh của Ta, làm cho lửa dām trong tâm nàng Ma-Đăng-Già hết di và nàng được quả A-Na-Hàm, ở trong Phật-pháp thành rường tinh-tẤn, sông ái khô cạn, mới khiến cho ông được giải-thoát.)</p>	<p>nhân-duyên và tự-nhiên, khiến cho người thế-gian ca-tụng ông là bậc đa-văn đê-nhứt.</p> <p>_ Tuy-nhiên tài-nǎng đa-văn của ông đã huân-tập trong vô-số kiếp đó không giúp ông thoát khỏi nạn Ma-Đăng-Già, ông lại phải nhờ oai-thần Phật-đánh māt-chú của Ta, làm cho nàng Ma-Đăng-Già tắt hết lửa dām, khô cạn ái-hà, đắc quả A-Na-Hàm và ở trong Chánh-Pháp Như-Lai, tinh-tẤn tu-hành, để ông được giải-thoát.</p>
<p>_ Thị cố A-Nan, nhữ tuy lịch kiếp, ức trì Như-Lai, bí-mật diệu-nghiêm, bất nhưnht nhứt, tu vô-lẬu nghiệp, viễn ly thế-gian, tăng ái nhị khổ.</p> <p>(_ Vậy nên ông A-Nan, tuy ông nhiều kiếp, ghi nhớ những pháp bí-mật diệu-nghiêm của Như-Lai, cũng không bằng một ngày tu nghiệp vô-lẬu, xa rời hai khổ yêu ghét thế-gian.)</p> <p>_ Như Ma-Đăng-Già, túc vi dām-nǚ, do thān-chú lực, tiêu kỲ ái-dục, pháp trung kim danh, Tánh Tỳ-khưu-ni; dǚ La-Hầu-La mǎu, Da-Du-Đà-La, đồng ngô túc nhān, tri lịch thế, nhān tham-ái vi khổ, nhứt niệm huân tu, vô-lẬu-thiện cō, hoặc đắc xuất triền, hoặc mōng thọ-ký.</p> <p>(_ Như nàng Ma-Đăng-Già, trước kia là dām-nǚ, do sức thān-chú, tiêu-diệt lòng yêu muốn, nay ở trong Phật-pháp, gọi tên là Tánh Tỳ-khưu-ni; cùng với mẹ La-Hầu-La là Da-Du-Đà-La, đồng ngô nhān trước, biết đã trải qua nhiều đời, nhān vì tham-ái mà khổ, một niệm huân tu pháp vô-lẬu-thiện, thì người đã ra khỏi ràng buộc, người thì được Phật thọ-ký.)</p> <p>_ Như hÀ tự khi, thượng lưu quan thính.</p> <p>(_ Làm sao ông còn tự đối mình, măc mứu mãi trong vòng nghe thấy ?)</p>	<p>_ A-Nan! Như vậy ông tuy trải qua vô-số kiếp nghe nhiều nhớ giỏi và gìn giữ các pháp vi-mật mǎu-nhiệm trang-nghiêm của Phật, nhưng không bằng trong một ngày dứt tuyệt hai mối tình mê-muội là “tríu mến” và “ganh ghét” để chuyên-tâm tu pháp vô-lẬu giải-thoát.</p> <p>_ Vả chăng nàng Ma-Đăng-Già xưa là hàng dām-nǚ, nhờ oai-lực Phật-chú diệt hết ái-dục, tu-hành ở trong Chánh-Pháp Như-Lai, nên bậc Tỳ-khưu-ni; hiệp với thān-mǎu của ông La-Hầu-La là bà Da-Du-Đà-La, đồng hiểu thấu chính hai mối tình mê-muội là tríu mến và ganh ghét tạo ra các điều đau khổ chồng chất sâu dày trong nhiều đời, nên nhứt-tâm đoạn trừ và chí-thành tu các pháp lành vô-lẬu, hiện nay người thì được giải-thoát các sự phiền-não ô-trược, kẻ thì được thọ-ký về sau thành Phật.</p> <p>_ Còn ông? Cớ sao tự mình ràng buộc trong vòng nghe thấy? (4)</p>

		PHẦN CHÁNH-TÔNG (Tiếp-theo)
		B. HÀNH ĐẠO C. CHỨNG ĐẠO
27.	27. NHỨT-THIẾT ĐẠI-CHÚNG CẦU TU-CHỨNG ĐẠI-THỪA PHÁP.	
<p>阿難及諸大眾聞佛示誨。疑惑銷除心悟實相。身意輕安得未曾有。重復悲淚頂禮佛足。長跪合掌而白佛言。無上大悲清淨寶王善開我心。能以如是種種因緣方便提獎。引諸沈冥出於苦海。</p> <p>世尊我今雖承如是法音知如來藏。妙覺明心遍十方界。含育如來十方國土。清淨寶嚴妙覺王刹。如來復責多聞無功不逮修習。我今猶如旅泊之人。忽蒙天王賜以華屋。雖獲大宅要因門入。唯願如來不捨大悲。示我在會諸蒙暗者。捐捨小乘必獲如來。無餘涅槃本發心路。令有學者從何攝伏疇昔攀緣。得陀羅尼入佛知見作是語已五體投地。在會一心佇佛慈旨。</p>		
<p>_ A-Nan cập chư đại-chúng, văn Phật thị hối, nghi-hoặc tiêu-trừ, tâm ngô thật-tưởng, thân ý khinh-an.</p> <p>_ Đắc vị-tầng-hữu, trùng phục bi lụy, đánh lě Phật túc, trường quì hiệp-chưởng, nhi bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Vô-thượng đại-bi, thanh-tịnh Bửu-Vương, thiện khai ngã tâm, nǎng dĩ như-thị, chủng chủng nhân-duyên, phuong-tiên đế tương, dᾶn chư trâm-minh, xuất ư khổ-hải.</p> <p>(..., dùng các nhân-duyên như thế, phuong-tiên dắt dùn những kẻ chìm đắm ra khỏi biển khổ.)</p>	<p>_ Ngài A-Nan và Đại-chúng nghe qua lời dạy của Đức Phật, tiêu-trừ nghi-hoặc, tâm ngô chơn-thiệt, thân ý nhẹ nhàng an vui.</p> <p>_ Ngài A-Nan đắc pháp chưa từng có, tự xét mình tủi hổ, rơi lụy, thành-tâm đánh lě và bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Đức Thế-Tôn vốn là Đáng Thanh-Tịnh Bửu-Vương hết lòng đại-bi vô-thượng, khéo khai-ngô tâm tôi và khéo dùng các nhân-duyên, phuong-tiên hướng-dẫn những hạng người mê lầm ra khỏi biển khổ.</p>	
<p>_ Thế-Tôn! Ngã kim tuy thừa, như-thị pháp-âm, tri Như-Lai-Tạng, diệu giác-minh tâm, biến thập phuong giới, hàm dục Như-Lai, thập phuong quốc-độ, thanh-tịnh bửu-nghiêm, diệu-giác-vương sát.</p> <p>_ Như-Lai phục trách, đa-văn vô công, bất đai tu tập.</p> <p>(_ Như-Lai lại trách tôi nghe nhiều mà vô-dụng, không kịp thời tu-tập.)</p> <p>_ Ngã kim du như, lữ bạc chi nhân, hốt</p>	<p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Nay tôi đãu nghe tiếng pháp như vậy, được biết tâm Như-Lai-Tạng giác-ngô huyền-diệu, quang-minh chau-biến khăp cả thập phuong thế-giới, bao-hàm các cõi thanh-tịnh bửu-nghiêm diệu-giác-vương Như-Lai.</p> <p>_ Đức Thế-Tôn quở tôi không chịu quyết-tâm tu-tập, cái tài đa-văn vô-dụng trong Hằng-sa kiếp chẳng bằng một ngày tu công-đức vô-lậu.</p> <p>_ Thế nên tôi ví như kẻ lữ-khách đang</p>	

mông thiên-vương, tứ dữ hoa ốc, tuy hoạch đại trạch, yếu nhân môn nhập.

(_ Nay tôi giống như người lênh đênh phiêu-bạc (trôi dạt), bỗng nhiên gặp vị thiên-vương cho cái nhà tốt, tuy được nhà lớn, nhưng cốt-yếu phải biết cửa mà vào.)

_ Duy nguyện Như-Lai, bất xả đại-bi, thị ngã tại hội, chư mông ám giả,uyên xả tiểu-thừa, tất hoạch Như-Lai, Vô-Dư Niết-Bàn, bổn phát tâm lộ; linh hưu-học giả, tùng hà nghiệp phục, trù tích phan- duyên, đắc đà-ra-ni, nhập Phật-tri-kiến.

(_ Xin nguyện Đức Như-Lai không ngớt lòng đại-bi, chỉ bày cho những kẻ mờ tối trong hội này, rời bỏ pháp Tiểu-thừa, và đều nhận được con đường phát tâm tu-tập đi đến Vô-Dư Niết-Bàn của Như-Lai; khiến cho những hàng hưu-học biết cách uốn dẹp tâm phan- duyên lâu đời, được pháp tổng-trì, chứng-nhập tri-kiến của Phật.)

_ Tác thị ngữ dĩ, ngũ thể đầu địa, tại hội nhứt tâm, trữ Phật từ-chỉ.

Từ-chỉ: lời dạy từ-bi (của Phật).

lận đận lao đao, tình cờ nhờ ơn vua cho một cái nhà tốt; tuy được nhà tốt, nhưng muốn vào nhà tốt thì phải do cửa, nếu không biết cửa vào thì nhà tốt cũng vô-ích.

_ Vậy ngưỡng cầu Đức Thế-Tôn đại-tử đại-bi đại-hỉ đại-xả, khai-thị cho tôi là kẻ mê lầm, cho tới các vị còn mê tối ở trong Giáo-Hội, được biết xả pháp Tiểu-thừa để bước lên đường căn-bổn phát- tâm tu-chứng Vô-Dư Niết-Bàn của Như-Lai; đồng-thời cứu-độ những người Hưu-học biết dùng phương-tiện trừ tuyệt các thứ phan- duyên lâu đời, được pháp Đà- ra-ni, hầu vào cảnh-trí thấy biết của Như-Lai.

_ Ngài A-Nan bạch xong, gieo năm vóc xuống đất lạy Phật và cả Đại-chúng trong Giáo-Hội đều hết lòng thành-kính trông chờ giáo-chỉ từ-bi của Đức Thế-Tôn.

28.

28. PHẬT KHAI-THỊ ĐẠI-THỪA PHÁP.

爾時世尊哀愍會中緣覺聲聞。於菩提心未自在者。及為當來佛滅度後。末法眾生發菩薩心。開無上乘妙修行路。宣示阿難及諸大眾。汝等決定發菩提心。於佛如來妙三摩提不生疲倦。應當先明發覺初心二決定義。

_ Nhĩ thời Thế-Tôn ai mãn hội trung, Duyên-giác Thinh-văn, ư Bồ-Đề Tâm, vị tự tại giả, cập vi đương lai, Phật diệt-độ hậu, mạt-pháp chúng-sanh, phát Bồ-Đề Tâm, khai Vô-thượng-thừa, diệu tu- hành lộ.

(..., khai-thị cho đường tu-hành nhiệm mầu pháp Vô- thượng-thừa.)

_ Tuyên thị A-Nan, cập chư đại-chúng.

_ Khi ấy Đức Phật từ-bi thương xót các vị Tiểu-thừa Thinh-Văn và Duyên-giác trong Giáo-Hội chưa được tự-tại ở Tâm Bồ-Đề và cũng vì chúng-sanh phát Tâm Bồ-Đề trong thời-kỳ mạt-pháp sau khi Như-Lai diệt-độ, Đức Phật mở đường tu- hành mầu-nhiệm của Vô-thượng-thừa để viễn-chứng Phật-quả.

_ Đức Thế-Tôn bảo ngài A-Nan và Đại- chung:

<p>_ Nhữ đắng quyết-định phát Bồ-Đề Tâm, ư Phật Như-Lai, diệu Tam-ma-đề, bất sanh bì quyện, ưng đương tiên minh, phát giác sơ tâm, nhị quyết-định nghĩa.</p> <p>(... biếng nhác mệt nhọc, thì trước hết, nên rõ hai nghĩa quyết-định, trong lúc bắt đầu phát tâm tự-giác.)</p>	<p>_ Các ông dũng-cảm quyết-định phát Tâm Bồ-Đ Đề, qui hướng theo đường Tam-Ma-Đ Đề tức là Chánh-Định thậm-thâm vi-diệu của Như-Lai, không bao giờ biếng nhác mệt nhọc, thì trong lúc mới phát tâm giác-ngộ phải hiểu rõ hai nghĩa quyết-định như sau:</p>
--	--

29.	29. PHẬT HIẾN-MINH NHỊ NGHĨA QUYẾT-ĐỊNH TRONG ĐẠI-THỪA PHÁP.
<p>云何初心二義決定。阿難第一義者汝等若欲捐捨聲聞。修菩薩乘入佛知見。應當審觀因地發心。與果地覺為同為異。</p> <p>阿難若於因地。以生滅心為本修因。而求佛乘不生不滅。無有是處。以是義故汝當照明諸器世間。可作之法皆從變滅。</p> <p>阿難汝觀世間。可作之法誰為不壞。然終不聞爛壞虛空。何以故空非可作。由是始終無壞滅故。</p>	
<p>_ Vân hà sơ tâm, nhị nghĩa quyết-định?</p>	<p>_ Đức Phật dạy: A-Nan! Thế nào là hai nghĩa quyết-định trong lúc sơ phát tâm?</p>
	<p>NGHĨA QUYẾT-ĐỊNH THỨ NHÚT.</p>
<p>_ A-Nan! Đệ-nhứt nghĩa giả. (_ A-Nan! Nghĩa thứ nhứt là:)</p>	<p>_ Nghĩa quyết-định thứ nhứt là tất cả công-đức vô-lâu đều ở trong sơ phát tâm bất-sanh bất-diệt, nếu ly sơ phát tâm ấy thì không thành đạo Vô-Thượng Bồ-Đề.</p>
<p>_ Nhữ đắng nhược dục, quyên xả Thinh-văn, tu Bồ-Tát thừa, nhập Phật-tri-kiến, ưng đương thẩm-quan, nhân-địa phát tâm, dữ quả-địa giác, vi đồng vi dị.</p> <p>(...thấy biết của Như-Lai, thì nên xét kỹ, chỗ phát tâm trong lúc tu nhân, với chỗ giác-ngộ trong lúc chứng quả, là đồng hay là khác nhau.)</p>	<p>_ Như các ông muốn xả thừa Thinh-Văn, tu thừa Bồ-Tát để vào cảnh-trí thấy biết của Như-Lai, thì phải cứu xét chỗ nhân-địa phát tâm và chỗ quả-địa giác-ngộ là đồng hay khác.</p>
<p>_ A-Nan! Nhược ư nhân-địa, dĩ sanh-diệt tâm, vi bốn tu nhân, nhi cầu Phật-thừa, bất-sanh bất-diệt, vô hữu thị xứ.</p> <p>(_ A-Nan! Nếu trong lúc tu nhân, đem cái tâm sanh-diệt làm cái nhân tu-hành, để cầu cho được cái quả bất-sanh bất-diệt của Phật-thừa, thì thật không thể được.)</p>	<p>_ A-Nan! Nếu ở chỗ nhân-địa lấy tâm sanh-diệt làm căn-bốn tu-hành, để cầu Phật-thừa bất-sanh bất-diệt thì vô-lý.</p>

<p>_ Dĩ thị nghĩa cố, nhữ đương chiếu minh, chư khí thế-gian, khả tác chi pháp, giai-tùng biến diệt.</p> <p>_ A-Nan! Nhữ quan thế-gian, khả tác chi pháp, thùy vi bất hoại, nhiên chung bất văn lạn-hoại hư-không. Hà dĩ cố?</p> <p>(_ A-Nan! Ông xét các pháp, có thể làm ra trong thế-gian, có cái gì là không hư-nát, nhưng không bao giờ nghe hư-không tan rã. Vì sao?)</p> <p>_ Không phi khả tác, do thị thủy-chung, vô hoại diệt cố.</p> <p>(_ Vì hư-không không phải là cái bị làm ra, do đó, trước sau không không hề tan mứt.)</p>	<p>_ Do cái nghĩa đó, ông nên xét các pháp, có thể làm ra trong khí-thế-gian, đều phải thay đổi diệt mất.</p> <p>_ A-Nan! Ông lại nên cứu xét ở trong khí-thế-gian các pháp hữu-vi có cái chi chẳng hư hoại? Chỉ có hư-không chẳng hề nghe nói hư hoại. Vì cớ sao?</p> <p>_ Vì hư-không thuộc về vô-vi, chẳng phải là vật có thể làm ra, nên thủy-chung không không hề hư hoại.</p> <p>_ Cứu xét theo nghĩa ấy, nếu muốn cầu quả bất-sanh bất-diệt tất-nhiên phải có nhân-địa bất-sanh bất-diệt.</p>
--	--

30.

30. NGŨ-TRƯỢC KHỔ-LUY CỦA CHÚNG-SANH.

則汝身中堅相為地潤濕為水。緩觸為火動搖為風。由此四纏分汝湛圓妙覺明心。為視為聽為覺為察。從始入終五疊渾濁。云何為濁。

阿難譬如清水清潔本然。即彼塵土灰沙之倫。本質留礙二體法爾性不相循。有世間人取彼土塵投於淨水。土失留礙水亡清潔。容貌泊然明之為濁。汝濁五重亦復如是。

_ Tắc nhữ thân trung, kiên tướng vi địa, nhuận thấp vi thủy, noãn xúc vi hỏa, động diêu vi phong; do thử tứ triền, phân nhữ trạm-viên, diệu-giác minh-tâm, vi thị, vi thính, vi giác, vi sát..., tùng-thì nhập chung, ngũ-điệp hồn-trược.

_ Văn hà vi trược?

_ A-Nan! Như trong thân-thể của ông, ông phải biết vật cứng là địa-đại, vật ướt là thủy-đại, vật nóng là hỏa-đại, vật lay động là phong-đại; vì bốn món này ràng buộc và phân chia tâm-thể Chơn-giác diệu-minh trạm-viên của ông ra làm thấy, nghe, hiểu biết, quan-sát, v.v..., từ thủy chí chung đều bị nǎm thứ trược bao vây.

_ Thế nào gọi là trược? Trược tức là nhơ đục.

_ A-Nan! Thí như thanh-thủy, thanh-khiết bốn-nhiên, tức bỉ trần, thổ, khôi, sa chi luân, bốn chất lưu ngại, nhị thể pháp nhĩ, tánh bất tương-tuần.

_ A-Nan! Ví như chất nước bốn-nhiên thanh-khiết, còn chất bụi, đất, tro hoặc cát vốn nhơ đục hay ngăn ngại, hai loại ấy không thể nào hòa-hiệp nhau được.

<p>(... hay ngăn ngại, hai bên bản-nhiên thể-chất khác nhau, không hợp nhau được.)</p> <p>_ Hữu thế-gian nhân, thủ bỉ thổ trần, đầu ư tịnh thủy, thổ thất lưu ngại, thủy vong thanh-khiết, dung mạo cốt nhiên, danh chi vi trược.</p> <p>(... thanh-khiết, hình-trạng vẫn đục, gọi đó là trược.)</p> <p>_ Nhữ trược ngũ trùng, diệc phục như thị.</p>	<p>_ Ví như có người thế-gian lấy đất, bụi quăng vào nước sạch, thì đất mất tánh ngăn ngại, nước mất tánh thanh-khiết, thành ra có tướng nhơ đục.</p> <p>_ Năm thứ trược của ông cũng như vậy.</p>
---	--

<p>31.</p>	<p>31. KIẾP-TRƯỢC KHỔ-LUY. _ Nói về trược thứ nhất.</p>
<p>阿難汝見虛空遍十方界空見不分。有空無體有見無覺相織妄成。是第一重名為劫濁。</p>	
<p>_ A-Nan! Nhữ kiến hư-không, biến thập phương giới.</p> <p>_ Không kiến bất phân, hữu không vô thể, hữu kiến vô giác; tương chức vọng-thành, thị đệ-nhứt trùng, danh vi kiếp-trược.</p> <p>(_ Bên không, bên thấy, không tách rời nhau, có cái không mà không thật-thể, có cái thấy mà không hay biết; hai bên xen lộn giả dối thành ra lớp thứ nhứt, gọi là kiếp-trược.)</p>	<p>_ A-Nan! Như ông thấy hư-không khắp thập phương pháp-giới.</p> <p>_ Tánh thấy và hư-không chẳng rời nhau, hư-không xen lộn với tánh thấy thì chẳng còn thiệt-thể, tánh thấy xen lộn với hư-không thì chẳng còn thiệt-giác; hai thứ giả-hiệp nhau vọng-thành <i>Sắc-Ấm</i> hư-vọng, có sanh lão bệnh tử, các tai-biến khổ-lụy và các sắc-tướng thành trú hoại không, nên gọi là kiếp-trược.</p>

<p>32.</p>	<p>32. KIẾN-TRƯỢC KHỔ-LUY. _ Nói về trược thứ hai.</p>
<p>汝身現搏四大為體。見聞覺知壅令留礙。水火風土旋令覺知相織妄成。是第二重名為見濁。</p>	
<p>_ Nhữ thân hiện đoàn, tứ-đại vi thể, kiến văn giác tri, ủng linh lưu ngại; thủy hỏa phong thổ, triền linh giác tri; tương chức vọng-thành, thị đệ-nhị trùng, danh vi kiến-trược.</p> <p>(_ Thân ông hiện ôm bốn món đại làm tự-thể, che bít</p>	<p>_ A-Nan! Như Bổn-thể chơn-giác thì không có nhục-thân, nhưng có đầu-thai luân-hồi, tất phải có nhục-thân.</p> <p>_ Thân này giữ bốn món: đất, lửa, nước, gió làm tự-thể, mới thật là mê-muội, vì thế tánh kiến, văn, giác, tri bị hạn-chế, sanh ra có ngăn ngại; bốn món: đất, lửa, nước, gió xây vần hóa ra có tri-giác; hai bên giả-hiệp nhau vọng-thành <i>Thọ-Ấm</i></p>

<p>(những sự thấy, nghe, hay, biết, thành bị ngăn ngại; và trở lại làm cho các thứ địa thủy hỏa phong, thành có hay biết; các điều đó xen lộn giả đổi thành ra lớp thứ hai, gọi là kiến-trược.)</p>	<p>hư-vọng, thấy biết sai lầm, lấy phải làm quấy, lấy quấy làm phải, nên gọi là kiến-trược.</p>
---	---

<p>33.</p>	<p>33. PHIỀN-NÃO-TRƯỢC KHỔ-LUY. _ Nói về trước thứ ba.</p>
<p>又汝心中憶識誦習。性發知見容現六塵。離塵無相離覺無性 相織妄成。是第三重名煩惱濁。</p>	
<p>_ Hữu nhữ tâm trung, ức thức tụng tập, tánh phát tri-kiến, dung hiện lục-trần, ly trần vô tướng, ly giác vô tánh; tướng chức vọng-thành, thị đệ-tam trùng, danh phiền-não-trược. (_ Lại trong tâm ông, những sự nhớ, biết, học, tập, phát ra tri-kiến, hiện ra tướng sáu trần, thì những sự đó, rời tiền-trần không có tướng, rời tri-giác không có tánh; xen lộn giả đổi thành ra lớp thứ ba, gọi là phiền-não-trược.)</p>	<p>_ A-Nan! Như trong tâm ông, tánh tưởng nhớ, học hiểu, luyện-tập phát ra tri-kiến dung-nạp lục-trần, nếu ly trần thì vô tướng, ly giác thì vô tánh; hai pháp giả-hiệp nhau vọng-thành <i>Tưởng-Ấm</i> hư-vọng, có đủ vọng-tưởng diên-dảo, phiền-não như tham sân si, v.v... nhiễu-loạn, nên gọi là phiền-não-trược.</p>
<p>34.</p>	<p>34. CHÚNG-SANH-TRƯỢC KHỔ-LUY. _ Nói về trước thứ tư.</p>

<p>又汝朝夕生滅不停。知見每欲留於世間。業運每常遷於國土 。相織妄成是第四重名眾生濁。</p>	<p>34. CHÚNG-SANH-TRƯỢC KHỔ-LUY. _ Nói về trước thứ tư.</p>
<p>_ Hữu nhữ triêu tịch, sanh-diệt bất định, tri-kiến mỗi dục, lưu ư thế-gian, nghiệp vân mỗi thường, thiên ư quốc-độ; tướng chức vọng-thành, thị đệ-tứ trùng, danh chúng-sanh-trược. (_ Lại tâm ông ngày đêm sanh-diệt không ngừng, tri-kiến thì muốn lưu mãi ở thế-gian, nhưng nghiệp-báo xoay vần thì lại thường dời đổi cõi này cõi khác; những điều đó xen lộn giả đổi thành ra lớp thứ tư, gọi là chúng-sanh-trược.)</p>	<p>_ A-Nan! Như trong tâm ông, sanh-diệt không dứt, niệm niệm không ngừng, tánh tri-kiến hằng muốn ở mãi thế-gian, nhưng nghiệp-thức lại hay thay đổi trong các cõi; hai pháp giả-hiệp nhau vọng-thành <i>Hành-Ấm</i> hư-vọng, gây ra các nghiệp-báo oan-trái vay trả mà làm chúng-sanh luân-hồi sanh-tử ở các lãnh-thổ phàm-phu, nên gọi là chúng-sanh-trược.</p>

<p>35.</p>	<p>35. MẠNG-TRƯỢC KHỔ-LUY. _ Nói về trước thứ năm.</p>
<p>汝等見聞元無異性。眾塵隔越無狀異生。性中相知用中相背 。同異失準相織妄成。是第五重名為命濁。</p>	

<p>_ Nhữ đẳng kiến văn, nguyên vô dị tánh, chúng trần cách việt, vô trạng dị sanh, tánh trung tương-tri, dụng trung tương-bội, đồng dị thất chuẩn; tương chức vọng-thành, thị đệ-ngũ trùng, danh vi mạng trước.</p> <p>(_ Cái thấy, cái nghe của ông, bản-tánh vốn không khác nhau, do các trần cách trở, mà không duyên cớ gì, lại sanh ra khác nhau, trong tánh thì vẫn biết nhau, nhưng trong dụng thì trái ngược nhau, cái đồng và cái khác đã mất hẳn chuẩn-dịch; xen lộn giả đổi thành ra lớp thứ năm, gọi là mệnh-trước.)</p>	<p>_ A-Nan! Như tánh thấy và tánh nghe của ông vốn không có khác nhau, nhưng vì lục-trần mê loạn, phân chia ra có khác nhau, cho tới cả lục-căn tuy đồng một thể-tánh nhưng có sáu dụng khác nhau, cái đồng, cái dị, không có chuẩn-dịch; giả-hiệp nhau vọng-thành <i>Thức-Ấm</i> hư-vọng, do đó căn-mạng của chúng-sanh hồn-trầm mỏng mảnh vô-thường, thoát còn thoát mất, khi sanh khi diệt, không có bền chắc, nên gọi là mạng-trước.</p>
	<p>_ Tâm Bổn-giác diệu-minh của chúng-sanh tuy đồng với Phật, nhưng tại năm thứ trước che khuất, khiến chúng-sanh bị trôi lăn ở biển khổ luân-hồi sanh-tử.</p> <p>_ Cũng vì ngũ-trước đó mà chúng-sanh không thành-tựu được tứ đức Thường Lạc Ngã Tịnh.</p>

36.	36. HIỂN-MINH GIÁC-TÁNH.
	<p>阿難汝今欲令見聞覺知。遠契如來常樂我淨。應當先擇死生根本。依不生滅圓湛性成。以湛旋其虛妄滅生。伏還元覺得元明覺。無生滅性為因地心。然後圓成果地修證。</p>
<p>_ A-Nan! Nhữ kim dục linh, kiến văn giác tri, viễn khiết Như-lai, Thường Lạc Ngã Tịnh, ưng đương tiên trạch, tử sanh căn-bốn, y bất sanh-diệt, viên-trạm tánh thành.</p> <p>_ Dĩ trạm triền kỵ, hư-vọng diệt-sanh, phục hoàn nguyên giác, đắc nguyên minh giác, vô sanh-diệt tánh, vi nhân-địa tâm, nhiên-hậu viên-thành, quả-địa tu-chứng.</p> <p>(_ Dùng cái yên lặng mà xoay các thứ sanh-diệt hư-vọng trở về nơi bản-giác, được tánh vô sanh-diệt của bản-giác làm cái tâm tu nhân, thì về sau mới viên-thành chỗ tu-chứng của quả-vị.)</p>	<p>_ A-Nan! Như hiện nay ông muốn đem tánh: kiến, văn, giác, tri của ông cho khế-hiệp với tứ đức: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh của Như-Lai, thì trước hết phải lọc bỏ cội gốc sanh-tử, nương theo thể bất sanh-diệt mà thành-lập tánh viên-trạm (tánh yên lặng cùng khắp).</p> <p>_ Ông phải dùng tánh viên-trạm chuyển các thứ hư-vọng sanh-diệt, ví dụ như thập bát giới, ngũ-trược, v.v..., trở về với cội gốc Chơn-Như hoàn-toàn hiểu biết sáng suốt, thật-hiện giác-tánh nguyên-minh bất sanh-diệt làm chỗ nhân-địa phát tâm, thì nhiên-hậu chắc chắn tu-chứng viên-mẫn quả-địa Vô-Thượng Bồ-Đề.</p>
	<p>_ Nguyên-lai vì nhân-địa và quả-địa phải đồng nhau mới tu-chứng Bồ-Tát</p>

	<p>thừa, từ Thập-Tín, lần lên Thập-Trụ, Thập-Hạnh, Thập Hồi-Hướng, Thập-Địa cho tới Đẳng-giác Bồ-Tát, rồi mới cứu-cánh Diệu-quả Như-Lai.</p>
	<p>如澄濁水貯於淨器。靜深不動沙土自沈清水現前。名為初伏客塵煩惱。去泥純水名為永斷根本無明。明相精純一切變現不為煩惱。皆合涅槃清淨妙德。</p>
<p>37. Như trừng trước thủy, trữ ư tĩnh khí. <small>(_ Như lăng nước đục đựng trong một cái đồ để yên, _ Tinh-thâm bất-động, sa thổ tự trầm, thanh-thủy hiện-tiền. - để yên mãi không lay động, thì đất cát tự chìm xuống và nước trong hiện ra.)</small></p>	<p>37. Ví dụ như lọc nước nhơ đục. Phải dùng một cái bình sạch sẽ để yên lặng ở một chỗ. <small>_ Yên lặng tức là không lay động, lâu ngày đất cát bụi bặm tự lồng chìm xuống đáy bình, thì nước trở nên trong trẻo.</small></p>
<p>_ Danh vi sơ phục, khách-trần phiền-não. <small>(_ Thế gọi là bắt đầu uốn dẹp các khách-trần phiền-não.)</small></p>	<p><small>_ Nước tượng-trưng cho giác-tánh viễn-trạm, cái bình sạch sẽ yên lặng tượng-trưng cho thể của các căn, đất cát bụi bặm tượng-trưng cho các thứ nhơ đục như vô-minh, ngũ-trược, v.v.... .</small></p>
<p>_ Khứ nê, thuần thủy, danh vi vĩnh đoạn căn-bổn vô minh. <small>(_ Gạn bùn hết sạch, chỉ còn nước trong, thì gọi là dứt hẳn căn-bản vô minh.)</small></p>	<p><small>_ Đất cát bụi bặm tự lồng chìm xuống đáy bình, nước trong trẻo hiện rõ có nghĩa là khởi sự đoạn trừ các khách-trần vọng-nghiệp phiền-não sở-tri.</small></p>
	<p><small>_ Tuy-nhiên, chất bùn còn đóng ở đáy bình có thể gấp giờ phút nào đó, cái bình bị lay động thì chất bùn tự đẩy lên làm nhơ đục nước như cũ, đó là lý đoạn-trừ khách-trần vọng-nghiệp phiền-não sở-tri mà còn vô-minh thì chưa khỏi hậu-quả nguy hại.</small></p>
	<p><small>_ Người tu-chứng Phật-thừa phải lọc cho hết chất bùn, chỉ còn thuần một thể nước hoàn-toàn tinh-khiết, đó là nghĩa diệt tận căn-bổn vô minh.</small></p>
	<p><small>_ Khi vô-minh dứt tuyệt thì các khách-trần vọng-nghiệp phiền-não sở-tri không còn do đâu mà phát-sanh, ví như đốn cây, khi gốc rễ bị chặt đứt rồi thì các ngọn ngành phải héo tàn.</small></p>

<p>_ Minh tướng tinh-thuần, nhứt-thiết biến-hiện, bất vi phiền-não, giao hiệp Niết-Bàn, thanh-tịnh diệu-đức.</p> <p>(_ Tướng sáng suốt đã tinh-thuần, thì tất cả các diều biến hiện đều không gây ra phiền-não, và hợp với đức mâu thanh-tịnh của Niết-Bàn.)</p>	<p>_ Thế thì tâm Bổn-Giác Chơn-Như huyền-diệu quang-minh, trạm-nhiên thường-trụ không còn có chi che khuất, tự-tại vô-ngại, thần-thông biến-hóa, tinh-thuần thị-hiện bất cứ ở nơi nào, nhứt-thiết đều không có phiền-não ngẩn ngại, khế-hiệp với diệu-đức thanh-tịnh Bồ-Đề Niết-Bàn của Phật.</p>
--	---

38.	38. NGHĨA QUYẾT-ĐỊNH THỨ HAI.
<p>第二義者。汝等必欲發菩提心。於菩薩乘生大勇猛。決定棄捐諸有為相。應當審詳煩惱根本。此無始來發業潤生誰作誰受。</p> <p>阿難汝修菩提。若不審觀煩惱根本。則不能知虛妄根塵。何處顛倒處尚不知。云何降伏取如來位。</p> <p>阿難汝觀世間解結之人。不見所結云何知解。不聞虛空被汝墮裂。何以故空無相形無結解故。則汝現前眼耳鼻舌及與身心。六為賊媒自劫家寶。由此無始眾生世界生纏縛故。於器世間不能超越。</p>	
<p>_ Đệ nhị nghĩa giả.</p> <p>(_ Nghĩa thứ hai là:)</p>	<p>_ Nghĩa quyết-định thứ hai là từ chõ các căn viễn-thông mà vào cảnh-trí giải-thoát, tự-tại vô-ngại.</p>
<p>_ Nhữ đãng tất dục, phát Bồ-Đề Tâm, ư Bồ-Tát thừa, sanh đại dōng-mãnh, quyết-định khí quyên, chư hữu-vi tướng, ưng đương thẩm tướng, phiền-não căn-bổn, thủ vô-thỉ lai, phát nghiệp nhuận sanh, thùy tác thùy thọ.</p> <p>(... nguồn gốc phiền-não, những cái vô-minh phát nghiệp và nhuận sanh vô-thỉ đó, là ai làm, ai chịu?)</p>	<p>_ A-Nan! Như ông và Đại-chúng muốn phát Bồ-Đề Tâm, tu Bồ-Tát thừa, giàu thiện-chí dũng-mãnh, quyết-định dứt sạch các tướng hữu-vi, thì phải cứu xét tinh-tướng cho hiểu rõ nguồn gốc phiền-não, ví như chõ vọng-động phát khởi nghiệp vô-minh, và các chõ trợ-duyên nhuận-sanh nghiệp vô-minh từ vô-thỉ đến nay, tự ai tạo-tác và tự ai thọ-lãnh?</p>
<p>_ A-Nan! Nhữ tu Bồ-Đề, nhược bất thẩm-quan, phiền-não căn-bổn, tắc bất nǎng tri, hư-vọng căn trần, hà xứ diên-dảo; xứ thượng bất tri, vân hà hàng phục, thủ Như-Lai vị?</p> <p>(_ A-Nan ! Ông tu đạo Bồ-Đề, nếu không suy xét cội gốc phiền-não, thì không thể biết những căn trần hư-vọng, nó diên-dảo ở chõ nào; chõ diên-dảo còn không biết, thì làm sao uốn dẹp được nó và chứng được quả-vị Như-Lai.)</p>	<p>_ A-Nan! Nếu ông hành đạo Vô-Thượng Bồ-Đề mà không cứu xét, hiểu rõ nguồn gốc phiền-não, thì không thể biết được chõ diên-dảo của căn trần hư-vọng; nếu chõ diên-dảo luống đối ấy chưa được biết, thì ông làm sao hàng-phục và tiêu-diệt các thứ diên-dảo nguy-hiểm để đắc Phật-quả?</p>
<p>_ A-Nan! Nhữ quan thế-gian, giải kết chi nhân.</p>	<p>_ A-Nan! Ông hãy xem xét người mở gút dây ở thế-gian.</p>

<p>_ Bất kiến sở kết, vân hà tri giải. (_ Hễ không thấy chỗ thắt nút, thì không biết cởi,</p> <p>_ Bất văn hư-không, bị nhữ đọa liệt. - chớ không hề nghe hư-không bị phá tan.)</p> <p>_ Hà dĩ cố? Không vô tướng-hình, vô kết giải cố. (_ Vì sao? Vì hư-không không có hình-tướng, không thắt, không cởi vậy.)</p>	<p>_ Nếu muốn mở gút thì phải biết chỗ gút. Nếu chẳng biết chỗ gút thì làm sao mở gút?</p> <p>_ Các sắc tướng ở thế-gian đều có thể bị phá-hủy, nhưng hư-không thì chẳng bao giờ bị ai phá-hủy được.</p> <p>_ Vì cớ sao? Vì hư-không vốn chẳng có sắc-tướng, chẳng có gút, mở.</p>
<p>_ Tắc nhữ hiện-tiền, nhẫn nhĩ ty thiêt, cập dữ thân-tâm, lục vi tặc mai, tự kiếp gia bửu. (..., làm mai mối cho giặc, tự cướp của báu trong nhà..)</p> <p>_ Do thử vô-thỉ, chúng-sanh thế-giới, sanh triền-phược cố, ư khí thế-gian, bất nǎng siêu-việt. (_ Do đó, từ vô-thỉ, thế-giới chúng-sanh sanh ra ràng buộc, không thể vượt khỏi thế-gian sự-vật.)</p>	<p>_ Tâm Bổn-Giác Chơn-Như của ông ví như hư-không, nhưng thân tứ-dại giả-hiệp của ông vốn có sắc-tướng tất-nhiên phải có gút như gút dây; chỗ gút ấy là chỗ sáu căn hư-vọng của ông.</p> <p>_ A-Nan! Hiện nay sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý của ông làm trung-gian cho sáu thức: Nhẫn-thức, nhĩ-thức, ty-thức, thiệt-thức, thân-thức, ý-thức, cướp lấy các gia-bảo của ông; - do đó sanh ra các thứ trói buộc ở thế-giới chúng-sanh, không vượt khỏi được thế-gian.</p>
	<p>_ Người tu-hành giải-thoát đã biết sáu căn là chỗ gút thì phải lo mở.</p> <p>_ Tuy có sáu căn nhưng chỉ cần mở được một căn thì thông suốt luôn cả các căn.</p> <p>_ Thế nên muốn mở gút phải lựa căn.</p> <p>_ Trước khi lựa căn, phải biết số lượng của thế-giới chúng-sanh và lục-căn.</p>

39.

39. SỐ LUỢNG CỦA THẾ-GIỚI VÀ LỤC-CĂN.

阿難云何名為眾生世界。世為遷流界為方位。汝今當知東西南北。東南西南東北西北上下為界。過去未來現在為世。位方有十流數有三。一切眾生織妄相成。身中貿遷世界相涉。而此界性。設雖十方定位可明。世間祇目東西南北。上下無位中無定方。四數必

<p>明與世相涉。三四四三宛轉十二。流變三疊一十百千。總括始終六根之中。各各功德有千二百。</p>	
<p>_ A-Nan! Vân hà danh vi chúng-sanh thế-giới.</p>	<p>_ A-Nan! Tại sao gọi là thế-giới chúng-sanh? _ Thế-giới chúng-sanh tức là thế-giới của chúng-sanh.</p>
<p>_ Thế vi thiên-lưu, giới vi phương-vị. (_ Thế là dời đổi, giới là phương-hướng.)</p>	<p>_ Thế là thiên-lưu, thuộc về thời-gian thay đổi liên-tục, sanh-diệt vô-thường. Giới là phương-vị, thuộc về địa-cảnh, có xứ-sở, phương-hướng.</p>
<p>_ Nhữ kim đương tri, Đông Tây Nam Bắc. _ Đông-Nam Tây-Nam, Đông-Bắc Tây-Bắc, thượng hạ vi giới. _ Quá-khứ, hiện-tại, vị-lai vi thế.</p>	<p>_ Thế có ba thời: quá-khứ, hiện-tại và vị-lai. _ Giới có bốn hướng: Đông Tây Nam Bắc, - bốn duy: Đông-Nam Tây-Nam Đông-Bắc Tây-Bắc, - hai thượng hạ: phương trên và phương dưới.</p>
<p>_ Phương-vị hữu thập, lưu số hữu tam, nhứt-thiết chúng-sanh, chức vọng tương thành, thân trung mậu thiên, thế-giới tương-thiệp. (_ Phương-hướng có 10, số lưu-chuyển của thời-gian có 3, hết thảy chúng-sanh dệt cái vọng mà thành như vậy, nơi sự dời đổi trong thân, thế và giới gắn bó với nhau.)</p>	<p>_ Nhứt-thiết chúng-sanh vọng-động, chúng-chứng các thứ hư-vọng giao-tiếp nhau thành ra vọng-thân vọng-cánh, tương-hiệp liên-tục, chúng-sanh vì mê-muội nên không hiểu rõ.</p>
<p>_ Nhi thử giới tánh, thiết tuy thập phương, định vi khả minh. (_ Những cái tánh của giới đó, tuy là 10 phương, song có chỗ nhứt-định có thể chỉ rõ,</p> <p>_ Thế-gian chỉ mục, Đông Tây Nam Bắc. - thì thế-gian chỉ nhận 4 phương: Đông Tây Nam Bắc,</p> <p>_ Thượng hạ vô vị, trung vô định phương. - phía trên, phía dưới thì không có vị-trí rõ ràng, ở giữa cũng không có chỗ nhứt-định.)</p>	<p>_ Số lượng của thế tức là thiên-lưu có 3. Số lượng của giới tức là phương-vị tuy có 10, nhưng chỉ dùng 4; - vì lấy bốn phương chính là: Đông Tây Nam Bắc, bốn phương này có định-vị; còn bốn duy: Đông-Nam Tây-Nam, Đông-Bắc Tây-Bắc vốn là bốn gốc cành, lấy hai phương giao-tiếp mà đặt danh chớ không có định-vị; - cho tới hai phía trên và dưới do sự đối-dai với bốn phương mà đặt danh, chớ cũng không có định-vị.</p>

<p>_ Tứ số tất minh, dũ thế tương-thiệp, tam tú tứ tam, uyển-chuyển thập nhị.</p> <p>(_ Số 4 đã rõ rồi, nhân với số thế, thì 3 lần 4, 4 lần 3, xoay vẫn là số 12.)</p>	<p>_ Lấy số lượng 3 của thiên-lưu giao-tiếp với số lượng 4 của phuong-vị, xây vẫn liên-tục, 3×4 hoặc 4×3 thành 12.</p>
<p>_ Lưu biến tam điệp, nhứt thập bá thiên, tổng-quát thủy-chung, lục-căn chi trung, các công-đức, hữu thiên nhị bá.</p> <p>(_ Nhân luôn 3 lớp, một chục thành trăm, thành nghìn, thì tổng-quát trước sau, ở trong sáu căn, mỗi mỗi có thể có đến 1.200 công-năng.)</p>	<p>_ Lấy số lượng 12 của thế-giới chúng-sanh nhân ba lần, mỗi lần nhân với số 10, thì từ hàng một lên hàng mười, rồi lên hàng trăm cho tới hàng ngàn, như lần thứ nhất: $3 \times 4 = 12$, lần thứ hai $12 \times 10 = 120$, lần thứ ba $120 \times 10 = 1.200$.</p>
	<p>_ Thế-giới của chúng-sanh tức là thế-giới của căn-mạng nên số lượng của thế-giới tức là số lượng của các căn, thì tổng-quát mỗi căn có thể được số lượng tối đa 1.200 gọi là 1.200 công-đức.</p> <p>_ Tuy-nhiên sáu căn so sánh với nhau thì có căn đủ 1.200 công-đức, có căn kém hơn, vì sáu căn nhiễm theo sáu trần, từ vô-thi đến nay, thanh ra công-đức có tròn có khuyết.</p>

阿難汝復於中克定優劣。如眼觀見後暗前明。前方全明後方全暗。左右傍觀三分之二。統論所作功德不全。三分言功一分無德。當知眼唯八百功德。如耳周聽十方無遺。動若邇遙諍無邊際。當知耳根圓滿一千二百功德。如鼻嗅聞通出入息。有出有入而闕中交。驗於耳根三分闕一。當知鼻唯八百功德。如舌宣揚盡諸世間出世間智。言有方分理無窮盡。當知舌根圓滿一千二百功德。如身覺觸識於違順。合時能覺離中不知。離一合雙。驗於舌根三分闕一。當知身唯八百功德。如意默容十方三世。一切世間出世間法。惟聖與凡無不包容盡其涯際。當知意根圓滿一千二百功德。

<p>40. A-Nan! Nhữ phục ư trung, khắc định ưu liệt.</p> <p>(_ A-Nan! Trong sáu căn đó, ông lại xét định chỗ hơn chỗ kém.)</p> <p>_ Như nhãn quan kiến, hậu ám tiền minh, tiền phuong toàn minh, hậu phuong toàn ám.</p> <p>_ Tả hữu bằng quan, tam phần chi nhị.</p> <p>_ Thống luận sở tác, công-đức bất toàn,</p>	<p>40. A-Nan! Như mắt chủ về sự thấy.</p> <p>_ Mắt thấy nhưng chỉ thấy phía trước chớ không thấy phía sau, nên phía trước toàn sáng, phía sau toàn tối.</p> <p>_ Mắt ngó nghiêng qua hai bên tả hữu, thì ba phần chỉ thấy được hai.</p> <p>_ Cứu xét tác-dụng của mắt thì công-</p>
---	--

<p>tam phần ngôn công, nhứt phần vô đức.</p> <p>_ Đương tri nhān duy, bát bá công-đức.</p>	<p>đức không tròn vẹn, trong ba phần, mất một phần, chỉ còn 2/3.</p> <p>_ Vậy nên biết căn mắt có 800 công-đức.</p>
<p>_ Như nhĩ chāu thính, thập phương vô di. (_ Như tai nghe khăp, mười phương không sót,</p> <p>_ Động nhược nhī-diēu, tịnh vô biên tế. - động thì giống như có xa có gần, tĩnh thì không có bờ bến.)</p> <p>_ Đương tri nhī-cǎn, viēn-mān nhứt thiēn nhī bá công-đức.</p>	<p>_ Như tai chủ về sự nghe. _ Tai có thể nghe được các tiếng động khăp nơi, bất chấp phương-vị.</p> <p>_ Khi có tiếng động thì biết xa biết gần, khi không tiếng động thì thông suốt vô-biên.</p> <p>_ Vậy phải hiểu cǎn tai có đủ 3/3 tức là 1.200 công-đức.</p>
<p>_ Như ty khứu vǎn, thông xuất nhập tức, hữu xuất hữu nhập, nhi khuyết trung giao, nghiệm ư ty cǎn, tam phần khuyết nhứt. (_ Như mũi ngửi biết cả lúc thở ra thở vào, chỉ có trong lúc thở ra thở vào mà còn thiếu trong lúc hơi thở giao-tiếp, xét nơi cǎn mũi, ba phần còn thiếu một.)</p> <p>_ Đương tri ty duy, bát bá công-đức.</p>	<p>_ Như mũi chủ về sự ngửi. _ Mũi thở ra thở vào, nhưng thở ra hít vào, chở không giao-tiếp được hai hơi thở ở khoảng giữa tức là mất 1/3 công-đức.</p> <p>_ Vậy nên biết cǎn mũi chỉ có 2/3 tức là 800 công-đức.</p>
<p>_ Như thiệt tuyēn dương, tận chư thế-gian, xuất thế-gian trí, ngôn hữu phương phân, lý vô cùng-tận.</p> <p>_ Đương tri thiệt cǎn, viēn-mān nhứt thiēn nhī bá công-đức.</p>	<p>_ Như lưỡi chủ về sự nếm vị và cũng chủ về sự nói nǎng. _ Về sự nói nǎng, lưỡi có thể thuyết được các pháp thế-gian và xuất thế-gian, dầu lời nói có hạn lượng, nhưng nghĩa-lý có thể sâu xa vô-tận.</p> <p>_ Vậy nên biết cǎn lưỡi có đủ 3/3 tức là 1.200 công-đức.</p>
<p>_ Như thân giác xúc, thức ư di thuận. (_ Như thân-cǎn biết xúc-trần, biết các cảm-xúc trái và thuận,</p> <p>_ Hiệp thời nǎng giác, ly trung bất tri, ly nhứt, hiệp song, nghiệm ư thân-cǎn, tam phần khuyết nhứt. - khi hợp lại thì biết, khi rời ra thì không biết, rời chỉ có một, hợp thì có hai, xét nơi thân-cǎn, ba phần còn</p>	<p>_ Như thân chủ về sự cảm-xúc. _ Thân cảm-xúc thì biết thuận biết nghịch, phải có cảm-xúc mới biết, nếu không có cảm-xúc thì chẳng biết.</p> <p>_ Như thế chứng tỏ cảm-xúc hiệp thì biết, cảm-xúc ly thì chẳng biết, do đó công-đức phải mất một phần.</p>

thiếu mệt.)	
_ Dương tri thân duy, bát bá công-đức.	_ Vậy phải hiểu căn thân chỉ có 2/3 tức là 800 công-đức.
<p>_ Như ý mặc dung, thập phương tam thế, nhứt-thiết thế-gian, xuất-thế-gian pháp, duy Thánh dữ phàm, vô bất bao-dung, tận kỵ nhai tế.</p> <p>(_ Như ý-căn thầm lăng dung nạp tất cả các pháp thế-gian, xuất-thế-gian trong mười phương ba đời, dù Thánh hay phàm, không pháp nào không bao-dung cùng tột bờ bến.)</p> <p>_ Dương tri ý-căn, viên-mãn nhứt thiên nhị bá công-đức.</p>	<p>_ Như ý chủ về sự hiểu biết phân biệt.</p> <p>_ Ý bao-hàm tất cả Thánh phàm trong ba đời mười phương, dung nạp các pháp thế-gian và xuất thế-gian, không pháp nào mà chẳng dung-nạp tới bờ bến.</p> <p>_ Vậy nên biết căn ý có đủ 3/3 tức là 1.200 công-đức.</p>

41.	41. NGỘ CĂN VIÊN-THÔNG, THOÁT LUÂN-HỒI KHỔ.
<p>阿難汝今欲逆生死欲流。返窮流根至不生滅。當驗此等六受用根。誰合誰離誰深誰淺。誰為圓通誰不圓滿。若能於此悟圓通根。逆彼無始織妄業流。得循圓通與不圓根日劫相倍。我今備顯六湛圓明。本所功德數量如是。隨汝詳擇其可入者。吾當發明令汝增進。十方如來於十八界。一一修行皆得圓滿無上菩提。於其中間亦無優劣。但汝下劣未能於中圓自在慧。故我宣揚。令汝但於一門深入。入一無妄。彼六知根一時清淨。</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ A-Nan! Sáu căn là cội gốc sanh-tử. _ Nếu thuận theo sáu căn thì luân-hồi liên-tục, - còn nghịch với sáu căn thì luân-hồi chấm dứt. _ Thế nên muốn về cảnh-trí Niết-Bàn tất nhiên phải nghịch dòng sanh-tử.
<p>_ A-Nan! Nhữ kim dục nghịch, sanh-tử dục lưu, phản cùng lưu căn, chí bất sanh-diệt, đương nghiêm thử đặng, lục tho dụng căn, thùy hiệp, thùy ly, thùy thâm, thùy thiển, thùy vi viên-thông, thùy bất viên-mãn.</p> <p>(_ A-Nan! Nay ông muốn ngược dòng sanh-tử, xoay về tột gốc lưu-chuyển, đến chỗ không sanh-diệt, thì</p>	<p>_ Như vậy ông muốn nghịch dòng sanh-tử, tìm hiểu chau-đáo cội gốc của sáu căn để đến cảnh-trí bất-sanh bất-diệt, thì phải nghiêm xét sáu căn hiện đang tho-dụng, căn nào hiệp, căn nào ly, căn nào sâu, căn nào cạn, căn nào viên-thông tức là viên-mãn thông suốt, căn nào không viên-thông?</p>

nên xét trong sáu căn hiện đương thụ-dụng, cái gì là hợp, cái gì là ly, cái gì là sâu, cái gì là cạn, cái gì là viên-thông, cái gì là không viên-mãm.)	
	_ Căn nào ly trần thì sâu, căn nào hiệp trần thì cạn.
<p>_ Nhược năng ư thử, ngộ viên-thông căn, nghịch bỉ vô-thỉ, chức vọng nghiệp lưu, đắc tuần viên-thông, dữ bất viên căn, nhứt kiếp tương-bội.</p> <p>(_ Nếu ngộ được căn-tánh viên-thông nơi đó, ngược lại dòng nghiệp dệt vọng vô-thỉ kia và theo được tánh viên-thông, hiệu-quả gấp bội, một ngày bằng một kiếp.)</p>	<p>_ Nếu ngộ được một căn viên-thông, nương theo căn ấy mà tu-hành, nghịch lại vọng-nghiệp đã tạo từ vô-thỉ, thì so sánh với các căn không viên-thông, công-đức thắng-lợi hơn rất nhiều, ví như một ngày đối với một kiếp.</p>
<p>_ Ngã kim bị hiến, lục trạm viên minh, bốn sở công-đức, số-lượng như-thị, tùy nhữ tướng trách, kỳ khả nhập giả, ngộ đương phát-minh, linh nhữ tăng-tấn.</p> <p>(_ Ta nay đã chỉ rõ sáu căn viên-minh, vốn có những số-lượng công-đức như thế; tùy ông lựa chọn nơi căn nào, có thể nhập đạo được, thì Ta sẽ phát-minh, để cho ông được tăng-tiến trên đường tu-hành.)</p>	<p>_ A-Nan! Ta đã chỉ rõ số-lượng công-đức của sáu căn, ông tự chọn lựa kỹ càng căn nào viên-thông mà ông có thể ngộ-nhập, Ta sẽ tùy duyên dạy bảo minh-bạch cho ông tinh-tấn tu-hành.</p>
<p>_ Thập phương Như-Lai, ư thập bát giác, nhứt nhứt tu-hành, gai đắc viên-mãm, Vô-Thượng Bồ-Đề, ư kỳ trung gian, diệc vô ưu liệt.</p> <p>(_ Thập phương Như-Lai, nơi mười tám giới, mỗi giới đều tu-hành được viên-mãm Vô-Thượng Bồ-Đề; trong các giới đó, cũng không có gì là hơn, là kém.)</p>	<p>_ Mười phương Như-Lai đã từng hiểu thấu thập bát giới, bất-luận giới nào, nhứt-thiết đều tu-hành viên-mãm Vô-Thượng Bồ-Đề, chớ không có phân-biệt hơn thua.</p>
<p>_ Đãn nhữ hạ liệt, vị năng ư trung, viên tự-tại tuệ, cố ngã tuyêt-dương, linh nhữ đᾶn ư, nhứt môn thâm-nhập, nhập nhứt vô vọng, bỉ lục tri căn, nhứt-thời thanh-tịnh.</p> <p>(_ Chỉ vì ông căn-cơ thấp kém, chưa thể viên-mãm trí-tuệ, tự-tại trong ấy được; nên Ta bảo ông chỉ đi sâu vào một căn, đi sâu đến chỗ không còn vọng-tưởng, thì cả sáu căn kia đồng-thời đều thanh-tịnh.)</p>	<p>_ Phân ông căn-cơ còn thấp kém, chưa đắc trí-tuệ tự-tại viên-mãm, nên Ta tuyêt-dương cho ông hiểu rõ sáu căn để ông tùy ý chọn lựa một căn viên-thông, rồi giác-ngộ căn ấy không còn mảy hú-vọng, tức là căn ấy được thanh-tịnh trang-nghiêm, thì mấy căn khác đồng-thời trở nên thanh-tịnh trang-nghiêm.</p>

阿難白佛言世尊。云何逆流深入一門。能令六根一時清淨。
 佛告阿難汝今已得須陀洹果。已滅三界眾生世間見所斷惑。
 然猶未知根中積生無始虛習。彼習要因修所斷得。何況此中生住異滅分劑頭數。

今汝且觀現前六根為一為六。阿難若言一者。耳何不見目何不聞。頭奚不履足奚無語。若此六根決定成六。如我今會與汝宣揚微妙法門。汝之六根誰來領受。阿難言我用耳聞。

佛言汝耳自聞何關身口。口來問義身起欽承。是故應知非一終六非六終一。終不汝根元一元六。

阿難當知是根非一非六。由無始來顛倒淪替。故於圓湛一六義生。汝須陀洹雖得六銷猶未亡一。如太虛空參合群器。由器形異名之異空。除器觀空說空為一。彼太虛空云何為汝成同不同。何況更名是一非一。則汝了知六受用根亦復如是。

42. A-Nan bạch Phật ngôn: Thế-Tôn!

_ Vân hà nghịch lưu, thâm-nhập nhứt môn, năng linh lục-căn, nhứt-thời thanh-tịnh?

(_ Làm sao ngược dòng hư-vọng, đi sâu vào một căn, lại có thể khiến cho sáu căn đồng-thời đều thanh-tịnh?)

Phật cáo A-Nan:

_ Nhữ kim dĩ đắc, Tu-Đà-Hoàn quả, dĩ diệt tam giới, chúng-sanh thế-gian, kiến sở đoạn hoặc, nhiên du vị tri, căn trung tích sanh, vô-thỉ hư-tập, bỉ tập yếu nhân, tu sở đoạn đắc, hà huống thử trung, sanh trụ dì diệt, phân tể đầu số.

(_ Ông nay đã được quả Tu-Đà-Hoàn, đã diệt được kiến-hoặc của ba cõi thế-gian chúng-sanh, song còn chưa biết những tập-khí hư-vọng chứa nhóm trong căn từ vô-thỉ; các tập-khí kia, phải nhân tu đạo mới đoạn được, huống chi, trong đó còn có rất nhiều phân loại, số mục Sanh Trụ Dị Diệt.)

_ Kim nhữ thả quan, hiện-tiền lục-căn, vi nhứt vi lục?

_ A-Nan! Như ợc ngôn nhứt giả, nhĩ hà bất kiến, mục hà bất văn, đầu hề bất lý, túc hề vô ngữ?

_ Như ợc thử lục-căn, quyết-dịnh thành lục, như ngã kim hội, dữ nhữ tuyêndương, vi-diệu pháp-môn, nhữ chi lục-căn, thùy lai lanh-thọ.

(_ Còn nếu sáu căn đó quyết-dịnh là sáu, thì như trong hội này, Ta chỉ dạy pháp-môn nhiệm-mầu cho ông, cả sáu căn hay là một căn nào của ông nghe và lanh-thọ?)

42. Ngài A-Nan bạch Phật: Bạch Đức Thế-Tôn!

_ Làm thế nào nghịch dòng sanh-tử để đến cảnh-trí Niết-Bàn? Vì sao thâm-nhập một căn mà cả sáu căn đồng thanh-tịnh trang-nghiêm?

Đức Phật dạy:

_ A-Nan! Ông tuy đắc quả Tu-Đà-Hoàn (5), trừ được *cái thấy lầm* của chúng-sanh ở tam giới thế-gian, nhưng ông chưa trừ được *cái nghĩ lầm* tức là hột giống của các tập-khí hư-vọng diên-đảo chất chứa trong các căn từ vô-thỉ đến nay, cái nghĩ lầm ấy còn chưa trừ được, huống chi bốn tướng Sanh Trụ Dị Diệt.

Kiến-hoặc: cái thấy lầm. **Tư-hoặc:** cái nghĩ lầm.

_ A-Nan! Ông hãy nghiệm xét sáu căn hiện-tiền là một hay sáu?

_ Nếu cho là một thì mắt sao không nghe, tai sao không thấy, cho tới thân-thể có đâu có chân, nhưng đâu sao không đi, chân sao không nói?

_ Nếu cho là sáu thì ở Giáo-Hội này, trong khi Ta dạy các pháp-môn nhiệm-mầu cho ông, cả sáu căn hay là một căn nào của ông nghe và lanh-thọ?

<p>ông, trong sáu căn của ông, cái gì lanh-thọ?)</p> <p>_ A-Nan ngôn: Ngã dụng nhĩ văn. (_ A-Nan bạch: Tôi dùng lỗ tai nghe.)</p> <p>_ Phật ngôn: Nhữ nhĩ tự văn, hà quan thân khẩu, khẩu lai vấn nghĩa, thân khởi khâm thừa.</p> <p>_ Thị cố ưng tri, phi nhứt chung lục, phi lục chung nhứt. (_ Vậy nên biết rằng: chẳng phải một, mà cuối cùng thành sáu, chẳng phải sáu, mà cuối cùng thành một.)</p> <p>_ Chung bất nhữ căn, nguyên nhứt nguyên lục. A-Nan! Đương tri thị căn, phi nhứt phi lục. Do vô thi lai, diên-đảo luân thế, cố ư vien-trạm, nhứt lục nghĩa sanh. (_ Rốt cuộc cái căn của ông, vốn không phải là một, hay là sáu. A-Nan! Ông nên biết cái căn ấy không phải một, không phải sáu, do từ vô-thi đắm chấp trái ngược, nên nỗi tánh vien-trạm, sanh ra có cái một cái sáu.)</p> <p>_ Nhữ Tu-Đà-Hoàn, tuy đắc lục tiêu, du vị vong nhứt. (_ Nay ông được quả Tu-Đà-Hoàn, tuy đã tiêu được cái sáu, nhưng còn chưa quên cái một.)</p> <p>_ Như thái hư-không, tham hiệp quần khí, do khí hình dị, danh chi dị không. (_ Như cái hư-không, tham hợp với các khí mảnh, do hình-trạng khí mảnh khác nhau, mà gọi là hư-không khác nhau,</p> <p>_ Trừ khí quan không, thuyết không vi nhứt, bỉ thái hư-không, vân hà vị nhữ, thành đồng bất đồng, hà huống cách danh, thị nhứt phi nhứt. - đến khi trừ bỏ khí mảnh mà xem cái hư-không, thì nói hư-không là một; chớ cái hư-không kia, làm sao lại vì ông mà thành đồng hay không đồng, huống nữa, lại gọi là một hay không phải một.)</p>	<p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi chỉ dùng có một căn tai để nghe và lanh-thọ.</p> <p>_ A-Nan! Như vậy tai của ông tự nghe, chớ không có quan-hệ gì đến miệng hoặc thân của ông, nhưng tại sao khi nghe, miệng biết hỏi nghĩa, thân biết đứng dậy tỏ lòng cung-kính vâng lời? _ Ông nên hiểu rõ nếu chẳng phải một thì sáu, nếu chẳng phải sáu thì một.</p> <p>_ Các căn của ông vốn không có một cái nhứt-định hay là sáu cái nhứt-định, nhưng tại vọng-tưởng diên-đảo giao-tiếp với các trần từ vô-thi đến nay, nên tánh vien-trạm hình như có một có sáu.</p> <p>_ Nay ông đã chứng quả Tu-Đà-Hoàn, tuy không còn chấp sáu cái nhứt-định, nhưng còn chấp một cái nhứt-định.</p> <p>_ Tánh vien-trạm khi còn bị sáu căn che khuất ví như hư-không giao-hiệp với các vật khí-dụng, rồi vì thấy các vật khí-dụng có hình-thể hoặc tròn hoặc vuông, hoặc dài hoặc ngắn, v.v... mà ông vội cho hư-không có nhiều hình-thể sai biệt.</p> <p>_ Nếu bỏ hết các vật khí-dụng ra thì hư-không chỉ là một, và hư-không chẳng vì lời nói của ông mà thành có đồng có dị, hoặc có một có sáu.</p>
---	--

<p>_ Tắc nhữ liễu tri, lục thọ-dụng cǎn, diệc phục như-thị.</p> <p>(_ Sáu cǎn hay biết của ông thì cũng như vậy.)</p>	<p>_ Các cǎn thọ-dụng của ông cũng giống như vậy.</p>
---	---

由明暗等二種相形。於妙圓中粘湛發見。見精映色結色成根。
 。根元目為清淨四大。因名眼體如蒲萄朵。浮根四塵流逸奔色。
 由動靜等二種相擊。於妙圓中粘湛發聽。聽精映聲卷聲成根。
 。根元目為清淨四大。因名耳體如新卷葉。浮根四塵流逸奔聲。
 由通塞等二種相發。於妙圓中粘湛發嗅。嗅精映香納香成根。
 。根元目為清淨四大。因名鼻體如雙垂爪。浮根四塵流逸奔香。
 由恬變等二種相參。於妙圓中粘湛發嘗。嘗精映味絞味成根。
 。根元目為清淨四大。因名舌體如初偃月。浮根四塵流逸奔味。
 由離合等二種相摩。於妙圓中粘湛發覺。覺精映觸搏觸成根。
 。根元目為清淨四大。因名身體如腰鼓頸。浮根四塵流逸奔觸。
 由生滅等二種相續。於妙圓中粘湛發知。知精映法覽法成根。
 。根元目為清淨四大。因名意思如幽室見。浮根四塵流逸奔法。

<p>43. Do minh ám đǎng, nhị chủng tương-hình, ư diệu-viên trung, niêm trạm phát kiến, kiến tinh ánh sắc, kết sắc thành cǎn, cǎn-nguyên mục vi, thanh-tịnh tứ-đại, nhân danh nhãnh-thể, như bồ-đào đóa, phù-cǎn tứ trần, lưu dật bôn sắc.</p> <p>(_ Do hai thứ sáng và tối, tỏ bày lẫn nhau, nơi tánh diệu-viên, làm dính tánh yên lặng, phát ra cái thấy; cái thấy ánh ra thành sắc, kết cái sắc lại thành cǎn, gốc cǎn, thì gọi là tứ-đại thanh-tịnh, nhân gọi hình-thể con mắt như quả bồ-đào; bốn trán của phù cǎn gióng ruồi chạy theo sắc.)</p>	<p>43. Cǎn mắt vốn do thể trong sạch của tứ-đại kết tạo hình-thể như trái bồ-đào, đã kết tạo, nên tứ trần-tương ẩy dong ruồi theo sắc-trần.</p> <p>_ Nguyên vì tánh viên-trạm dính mắc với hai tướng sáng và tối mà phát-sanh tánh thấy, rồi đối-chiếu với sắc-trần thành ra có cǎn mắt.</p>
<p>_ Do động tịnh đǎng, nhị chủng tương-kế, ư diệu-viên trung, niêm trạm phát thính, thính tinh ánh thính, quyển thính thành cǎn, cǎn-nguyên mục vi, thanh-tịnh tứ-đại, nhân danh nhĩ-thể, như tân quyển diệp, phù-cǎn tứ trần, lưu dật bôn thính.</p> <p>(_ Do hai thứ động và tĩnh, đổi chơi lẫn nhau, nơi tánh diệu-viên, làm dính tánh yên lặng, phát ra cái nghe; cái nghe ánh thành tiếng, cuốn cái tiếng lại thành cǎn, gốc cǎn, thì gọi là tứ-đại thanh-tịnh, nhân gọi hình-thể cái tai như lá mới cuốn; bốn trán của phù cǎn gióng ruồi chạy theo tiếng.)</p>	<p>_ Cǎn tai vốn do thể trong sạch của tứ-đại kết tạo hình-thể như cái cuống, đã kết tạo, nên tứ trần-tương ẩy dong ruồi theo thính-trần.</p> <p>_ Nguyên vì tánh viên-trạm dính mắc với hai tướng động và tĩnh mà phát-sanh tánh nghe, rồi đối-chiếu với thính-trần thành ra có cǎn tai.</p>

<p>_ Do thông tắc đắng, nhị chủng tương-phát, ư diệu-viên trung, niêm trạm phát khứu, khứu tinh ánh hương, nạp hương thành cǎn, cǎn-nguyên mục vi, thanh-tịnh tứ-dại, nhân danh ty-thể, như song thùy trǎo, phù-cǎn tứ trần, lưu dật bôn hương.</p> <p>(_ Do hai thứ thông và bít, phát-hiện lẩn nhau, nơi tánh diệu-viên, làm dính tánh yên lặng, phát ra cái ngửi; cái ngửi ánh ra thành hương, thu nạp cái hương thành cǎn, gốc cǎn, thì gọi là tứ-dại thanh-tịnh, nhân gọi hình-thể cái mũi như hai móng tay rủ xuống; bốn trần của phù cǎn gióng ruồi chạy theo hương.)</p>	<p>_ Căn mũi vốn do thể trong sạch của tứ-dại kết-tạo hình-thể như hai cái vaval thống xuống, đã kết tạo, nên tứ trần-tương ấy dong ruồi theo hương-trần.</p> <p>_ Nguyên vì tánh viên-trạm dính-mắc với hai tướng thông và bít mà phát-sanh tánh ngửi, rồi đổi-chiếu với hương-trần thành ra có căn mũi.</p>
<p>_ Do điềm biến đắng, nhị chủng tương-tham, ư diệu-viên trung, niêm trạm phát thường, thường tinh ánh vị, giảo vị thành cǎn, cǎn-nguyên mục vi, thanh-tịnh tứ-dại, nhân danh thiệt-thể, như sơ yếm nguyệt, phù-cǎn tứ trần, lưu dật bôn vị.</p> <p>(_ Do hai thứ nhạt và có vị, tham chước lẩn nhau, nơi tánh diệu-viên, làm dính tánh yên lặng, phát ra cái ném; cái ném ánh ra thành vị, thường-thức cái vị thành cǎn, gốc cǎn, thì gọi là tứ-dại thanh-tịnh, nhân gọi hình-thể cái lưỡi như mặt trăng mới khuyết; bốn trần của phù cǎn gióng ruồi chạy theo vị.)</p>	<p>_ Căn lưỡi vốn do thể trong sạch của tứ-dại kết-tạo hình-thể như mặt trăng khuyết, đã kết tạo, nên tứ trần-tương ấy dong ruồi theo vị-trần.</p> <p>_ Nguyên vì tánh viên-trạm dính măc với hai tướng hữu-vị và vô-vị mà phát-sanh tánh ném, rồi đổi-chiếu với vị-trần thành ra có căn lưỡi.</p>
<p>_ Do ly hiệp đắng, nhị chủng tương-ma, ư diệu-viên trung, niêm trạm phát giác, giác tinh ánh xúc, đoàn xúc thành cǎn, cǎn-nguyên mục vi, thanh-tịnh tứ-dại, nhân danh thân-thể, như yêu cổ tảng, phù-cǎn tứ trần, lưu dật bôn xúc.</p> <p>(_ Do hai thứ ly và hợp, so sánh lẩn nhau, nơi tánh diệu-viên, làm dính tánh yên lặng, phát ra cái biết xúc; cái biết xúc ánh ra thành xúc, ôm nấm cái xúc thành cǎn, gốc cǎn, thì gọi là tứ-dại thanh-tịnh, nhân gọi hình-thể cái thân như dáng trống cơm; bốn trần của phù cǎn gióng ruồi chạy theo xúc.)</p>	<p>_ Căn thân vốn do thể trong sạch của tứ-dại kết-tạo hình-thể như cái trống có lưng, đã kết tạo, nên tứ trần-tương ấy dong ruồi theo xúc-trần.</p> <p>_ Nguyên vì tánh viên-trạm dính măc với hai tướng hiệp và ly mà phát-sanh tánh cảm-xúc, rồi đổi-chiếu với xúc-trần thành ra có căn thân.</p>
<p>_ Do sanh-diệt đắng, nhị chủng tương-tục, ư diệu-viên trung, niêm trạm phát tri, tri tinh ánh pháp, lâm pháp thành cǎn, cǎn-nguyên mục vi, thanh-tịnh tứ-dại, nhân danh ý tư, như u-thất kiến, phù-cǎn tứ trần, lưu dật bôn pháp.</p> <p>(_ Do hai thứ sanh-diệt, tiếp-tục lẩn nhau, nơi tánh diệu-viên, làm dính tánh yên lặng, phát ra cái biết;</p>	<p>_ Chí như căn ý thì thế nào? Nguyên vì tánh viên-trạm đối-dai với hai tướng sanh và diệt liên-tục mà phát-hiện tánh hiểu biết phân-biệt, rồi đổi-chiếu với pháp-trần thành ra có căn ý, thường gọi là ý nghĩ, tuy giống như ẩn trong nhà tối mà vẫn hiểu biết phân-biệt và thâu-nạp các pháp-trần vào bên trong.</p>

cái biết ánh ra thành các pháp, tóm thu các pháp thành căn, gốc căn, thì gọi là tứ-dại thanh-tịnh, nhân gọi cái ý như cái thấy trong phòng tối; bốn trấn của phù căn gióng ruồi chạy theo pháp.)

阿難如是六根。由彼覺明有明明覺。失彼精了粘妄發光。是以汝今離暗離明無有見體。離動離靜元無聽質。無通無塞嗅性不生。非變非恬嘗無所出。不離不合覺觸本無。無滅無生了知安寄。汝但不循動靜合離恬變通塞生滅暗明。如是十二諸有為相。隨拔一根脫粘內伏。伏歸元真發本明耀。耀性發明。諸餘五粘應拔圓脫。不由前塵所起知見。明不循根寄根明發。由是六根互相為用。

44. A-Nan! Như-thị lục-căn, do bỉ giác-minh, hữu minh minh-giác, thất bỉ tinh liễu, niêm vọng phát quang.

(_ A-Nan! Sáu căn như vậy, do tánh giác-minh kia chuyển thành minh-giác, mất tánh sáng suốt, dính với cái vọng mà phát ra hay biết.)

_ Thị dĩ nhữ kim, ly ám ly minh, vô hữu kiến thể.

(_ Vậy nên, ông nay rời sáng rỗi tối, thì không có cái thấy,

_ Ly động ly tịnh, nguyên vô thính chất.

- rời động rời tĩnh, thì không có cái nghe,

_ Vô thông vô tắc, khứu tánh bất sanh.

- không thông không bít, thì cái ngửi không sanh,

_ Phi biến phi diềm, thường vô sở xuất.

- không vị không nhạt, thì cái nếm không phát ra,

_ Bất ly bất hiệp, giác xúc bốn vô.

- không ly không hợp, thì cái biết xúc vốn không,

_ Vô diệt vô sanh, liễu tri an ký.

- không diệt không sanh, thì cái rõ biết không gá vào đâu.)

44. A-Nan! Do mê-muội trong lúc tối-sơ, lấy chơn làm vọng, nên mất tánh liễu-tri sáng suốt, phát ra vọng-tưởng điên-dảo mà thành-tựu sáu căn như vậy.

_ Nay nếu bỏ hai tướng sáng tối thì không có tánh thấy,

- bỏ hai tướng động tịnh thì không có tánh nghe,

- bỏ hai tướng thông bít thì không có tánh ngửi,

- bỏ hai tướng hữu-vị vô-vị thì không có tánh nếm,

- bỏ hai tướng hiệp-ly thì không có tánh cảm-xúc,

- bỏ hai tướng sanh-diệt thì không có tánh hiểu biết phân-biệt.

_ Đó là chứng tỏ sáu căn của chúng-sanh bị trói buộc trong phạm-vi sáu trấn.

_ Nhữ đắn bất tuần, động tịnh, hiệp ly, diềm biến, thông tắc, sanh diệt, ám

_ Như ông muốn sáu trấn khỏi bị trói buộc thì ông không được chiêu theo 12

<p>minh, như-thị thập nhị, chư hữu-vi tướng.</p> <p>(_ Ông chỉ đi theo những động tĩnh, hợp ly, không vị có vị, thông bít, sanh diệt, sáng tối, cả 12 tướng hữu-vi đó,</p> <p>_ Tùy bạt nhứt căn, thoát niêm nội phục, phục qui nguyên chơn, phát bổn minh diệu, diệu-tánh phát-minh, chư dư ngũ niêm, ứng bạt viền thoát.</p> <p>- đi đến rút được một căn ra khỏi cái dính, phục vào bên trong, phục trở về tánh bản-chân, phát ra tánh sáng suốt bản-lai; tánh sáng suốt đó đã phát-minh, thì năm chỗ dính khác cũng liền đó được giải-thoát.)</p> <p>_ Bất do tiền-trần, sở khởi tri-kiến, minh bất tuần căn, ký căn minh phát, do thị lục-căn, hổ-tương vi dụng.</p> <p>(_ Không do tiền-trần mà khởi ra tri-kiến, thì cái sáng suốt không đi theo căn, chỉ gởi nơi căn mà phát ra, nhân đó sáu căn có thể dùng thay lẫn nhau.)</p>	<p>tướng hữu-vi: sáng tối, động tĩnh, thông bít, hữu-vi vô-vi, hiệp ly, sanh diệt, vì các tướng ấy hay làm chướng ngại cho sáu căn.</p> <p>_ Ông tự chọn lựa một căn viền-thông, quyết-định dùng căn ấy không cho dính mắc một thứ ràng buộc nào cả và xoay trở lại bên trong, tu-tập đem về với tâm Bổn-Giác Chơn-Như để phát-hiện giác-tánh diệu-minh, tất-nhiên căn ấy được giải-thoát, cho tới năm căn khác đồng-thời vượt khỏi tất cả chướng ngại.</p> <p>_ Khi các căn không còn do các trần-cảnh sắc-tướng mà khởi những sự thấy biết, thì giác-tánh diệu-minh không còn bị các căn chi-phối, mà chỉ tạm-trú ở các căn để phát-hiện, vì thế các căn dung-thông nhau, tự-nhiên ông được tự-tại vô-ngại.</p> <p>_ Đó là chứng tỏ tu-hành giải-thoát phải đặt giác-tánh là chủ, các căn là tớ, chủ vị-tất phải nhờ tớ mới phát-hiện bổn-lai hay sao?</p>
<p>Vị-tất (未必): chưa chắc, chắc gì, chưa hẳn là như vậy. (Từ biểu-thì ý nghi ngờ.) Vị-tất ở đây ý nói: không cần.</p>	

阿難汝豈不知。今此會中阿那律陀無目而見。跋難陀龍無耳而聽。毘伽神女非鼻聞香。驕梵鉢提異舌知味。舜若多神無身有觸。如來光中映令暫現。既為風質其體元無。諸滅盡定得寂聲聞。如此會中摩訶迦葉。久滅意根圓明了知不因心念。

阿難今汝諸根若圓拔已內瑩發光。如是浮塵及器世間。諸變化相如湯銷冰。應念化成無上知覺。

45. A-Nan! Nhữ khởi bất tri.

_ Kim thủ hội trung, A-Na-Luật-Đà, vô mục nhi kiến, Bạc-Nan-Đà long, vô nhĩ nhi thính.

_ Căng-Già thần-nữ, phi ty văn hương, Kiều-Phạm-Bát-Đề, dị thiết tri vị.

_ Thuấn-Nhã-Đa thần, vô thân giác xúc, Nhữ-Lai quang trung, ánh linh tạm hiện, ký vi phong chất, kỳ thể nguyên vô.

45. A-Nan! Ông đã biết rõ:

_ Như trong Giáo-Hội, ông A-Na-Luật-Đà không còn căn mắt mà vẫn thấy, rồng Bạc-Nan-Đà không còn căn tai mà vẫn nghe,

- nàng Căng-Già thần-nữ không còn căn mũi mà vẫn ngửi, ông Kiều-Phạm-Bát-Đề không còn căn lưỡi mà vẫn nếm,

- thần Thuấn-Nhã-Đa không còn căn thân mà vẫn cảm-xúc, thần này chỉ là chất gió chớ không có thiết-thể, chỉ do

<p>(... vẫn cảm-xúc, do hào-quang Như-Lai ánh ra, làm cho ông ấy tạm-thời hiện ra có thân, chớ bản-chất của ông là gió, thì thân-thể vốn không có.)</p> <p>_ Chư diệt-tận-định, đắc tịch Thinh-văn, như thử hội trung, Ma-Ha Ca-Diếp, cửu diệt ý căn, viễn-minh liễu-tri, bất nhân tâm-niệm.</p> <p>(... đã diệt ý-căn lâu rồi, mà vẫn rõ biết cùng khấp, không nhân tâm-niệm.)</p>	<p>hào-quang Như-Lai đối-chiếu mà tạm hiện thân,</p> <p>- cho tới các vị tu pháp Diệt-tận-định và chứng quả Thinh-Văn như ông Ma-Ha Ca-Diếp đã dứt sạch ý-căn từ lâu, không còn dùng ý-niệm để suy xét nhưng vẫn sáng tỏ.</p>
<p>Thiết-yếu (切要): rất cần thiết không thể thiếu được.</p>	<p>_ Đối với sáu vị kể trên, hoặc là phàm-phu, hoặc là Thinh-Văn, Hữu-học, các căn còn không thiết-yếu, huống chi đối với bậc Bồ-Tát, khi các căn thoát khỏi phạm-vi của các tiền-trần thì các căn lại chẳng đắc diệu-dụng hay sao?</p>
<p>_ A-Nan! Kim nhũ chư căn, nhược vien bạt dĩ, nội cánh phát quang.</p> <p>(_ A-Nan! Nếu các căn của ông đều được giải-thoát trọn đủ, thì cái sáng suốt trong tâm-tánh phát ra;</p> <p>_ Như-thị phù trần, cập khí thế-gian, chư biến-hóa tướng, như thang tiêu băng, ứng niệm hóa thành Vô-Thượng Tri-Giác.</p> <p>- như thế, thì các phù-trần và các tướng biến-hóa trong thế-gian sự-vật đều tiêu mất, như giã gắp nước sôi, ngay đó, liền hóa thành Vô-Thượng Tri-Giác.)</p>	<p>_ A-Nan! Nếu các căn của ông đã được giải-thoát sự trói buộc của tiền-trần thì sáu diệu-dụng dung-thông nhau, do đó giác-tánh diệu-minh chẳng những sáng tỏ ở bên trong, lại còn sáng tỏ suốt cả bên ngoài;</p> <p>- khiến các tiền-trần cho tới tất cả sắc tướng biến-hóa ở thế-gian dường như không có, vì bị tiêu hết trong cảnh-trí tịch-quang thường-trụ, chẳng khác nào nước sôi làm tan giá lạnh, tức khắc ứng-niệm chuyển thành diệu-thể Vô-Thượng Tri-Giác, tự-tại vô-ngại.</p>

阿難如彼世人聚見於眼。若令急合暗相現前。六根黯然頭足相類。彼人以手循體外繞彼雖不見。頭足一辯知覺是同。緣見因明暗成無見不明自發。則諸暗相永不能昏。根塵既銷云何覺明不成圓妙。

<p>46. A-Nan! Như bỉ thế-nhân, tụ kiến ư nhän, nhược linh cấp hiệp, ám tướng hiện-tiền, lục-căn ám nhiên, đầu túc tương-loại.</p> <p>(_ A-Nan! Như người thế-gian kia, nhóm cái thấy nơi con mắt, nếu bảo nhầm kín, thì tướng tối hiện ra, cả sáu căn đều tối, đầu và chân giống nhau.)</p>	<p>46. A-Nan! Người thế-gian vì vọng-tưởng đem tánh thấy trụ vào căn mắt. Như người nhầm mắt thì không thấy vật chi hết, chỉ có tướng tối hiện ra trước mắt, mấy căn kia cũng mù mịt, đầu và chân cũng như vậy.</p>
--	--

<p>_ Bỉ nhân dĩ thủ, tuần thể ngoại nhiễu, bỉ tuy bất kiến, đầu túc nhứt biện, tri-giác thị đồng.</p> <p>(_ Người kia lấy tay rờ quanh ngoài thân-thể, thì tuy không thấy, nhưng một phen nhận được đầu và chân rồi, thì cái hay biết vẫn đồng như trước kia.)</p>	<p>_ Nếu người ấy lấy tay rờ chung quanh thân-thể của một kẻ khác ở trước mắt, thì tuy không dùng được cẩn mắt, nhưng cũng nhận được đầu, chân và tánh biết cũng đồng phát-hiện minh-bạch, vì tánh biết ở trong tối với tánh biết ở trong sáng đồng nhau.</p>
<p>_ Duyên kiến nhân minh, ám thành vô kiến.</p> <p>(_ Duyên vì cái thấy nhân nơi sáng, nên khi tối thành ra không thấy,</p> <p>_ Bất minh tự phát, tắc chư ám tướng, vĩnh bất năng hôn.</p> <p>- chớ không có sáng mà tự phát ra cái thấy, thì các thứ tối hẳn không thể làm mờ được.)</p> <p>_ Căn trần ký tiêu, vân hà giác-minh, bất thành viên-diệu.</p> <p>(_ Căn và trần đã tiêu rồi, làm sao tánh giác-minh lại không thành nhiệm mầu cùng khấp.)</p>	<p>_ A-Nan! Nếu tánh thấy duyên theo tràn thì phải có tướng sáng mới thấy, còn tối thì không thấy.</p> <p>_ Nếu tánh thấy chẳng duyên theo tràn thì chẳng ỷ-lại ở tướng sáng nữa, tánh thấy vẫn tự phát-hiện, tướng tối không làm mờ được tánh thấy.</p> <p>_ Nếu cả hai căn trần đều dứt thì giác-tánh hoàn-phục viên-diệu.</p>

<p>47.</p>	<p>47. NHÂN-ĐỊA BẤT-SANH BẤT-DIỆT, QUẢ-VỊ VIÊN-TỊCH VIÊN-THƯỜNG.</p>
<p>阿難白佛言世尊。如佛說言。因地覺心欲求常住。要與果位名目相應。</p> <p>世尊如果位中菩提涅槃真如佛性菴摩羅識空如來藏大圓鏡智。是七種名稱謂雖別。清淨圓滿體性堅凝。如金剛王常住不壞。若此見聽離於暗明。動靜通塞畢竟無體。猶如念心離於前塵本無所有。云何將此畢竟斷滅以為修因。欲獲如來七常住果。</p> <p>世尊若離明暗見畢竟空。如無前塵念自性滅。進退循環微細推求。本無我心及我心所。將誰立因求無上覺。如來先說湛精圓常。違越誠言終成戲論。云何如來真實語者。惟垂大慈開我蒙悟。</p>	

<p>A-Nan bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Thế-Tôn! Như Phật thuyết ngôn, nhân-địa giác-tâm, dục cầu thường-trụ, yếu dữ quả-vị, danh mục tương-ứng.</p> <p>(_ Bạch Thế-Tôn! Như lời Phật dạy, chỗ phát tâm cầu được thường-trụ trong lúc tu nhân, cốt-yếu cần phải cân xứng với những đức-tánh trong lúc chứng quả.)</p>	<p>Ngài A-Nan bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Thế theo lời của Đức Thế-Tôn vừa dạy bảo, muốn cầu quả-vị thường-trụ thì nhân-địa giác-tâm phải cân xứng với danh-nghĩa quả-vị.</p>
---	---

<p>_ Thế-Tôn! Như quả-vị trung, Bồ-Đề, Niết-Bàn, Chơn-Như, Phật-Tánh, Am-Ma-La-Thức, Không-Như-Lai-Tạng, Đại-Viên-Kính-Trí.</p> <p>_ Thị thất chủng danh, xứng vị tuy biệt, thanh-tịnh viên-mãn, thể-tánh kiên ngưng, như Kim-Cang vương, thường-trụ bất-hoại.</p> <p>(_ Bảy thứ danh hiệu tuy có khác nhau, nhưng thể-tánh đều thanh-tịnh viên-mãn, vững chắc như Kim-Cang vương, thường-trụ, không hư-nát.)</p> <p>_ Nhược thử kiến thính, ly ư ám minh, động tịnh, thông tắc, tất cánh vô thể, du như niệm tâm, ly ư tiền-trần, bốn vô sở-hữu, vân hà tương thử, tất cánh đoạn-diệt, dĩ vi tu nhân, dục hoạch Như-Lai, thất thường-trụ quả.</p> <p>(_ Nếu cái thấy nghe, ngoài những tướng sáng tối, động tĩnh, thông bí, rốt ráo không có tự-thể, cũng như cái tâm-niệm, rời tiền-trần ra, vốn không có gì, thì làm sao lại đem cái rốt ráo đoạn diệt ấy làm cái nhân-tu-hành, để được bảy quả thường-trụ của Như-Lai.)</p>	<p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Như ở quả-vị, tôi biết: Bồ-ĐỀ, Niết-Bàn, Chơn-Như, Phật-Tánh, Bạch-Tịnh-Thức, Không-Như-Lai-Tạng, Đại-Viên-Kính-Trí,</p> <p>- tuy bảy thứ danh-từ có tiếng nói khác nhau, nhưng nguồn gốc đều thanh-tịnh viên-mãn, thể-tánh bền chắc như Kim-Cang thường-trụ, không bao giờ hư-hoại, đó là quả-vị của Phật.</p> <p>_ Về nhân-địa, tôi xét trong sáu dụng của sáu căn, như tánh thấy và tánh nghe, nếu ly m羸 tướng sáng tối, động tịnh thông bí thì rốt ráo không có tự-thể, cũng như tâm-niệm, nếu ly tiền-trần thì vốn không thiệt có, như vậy làm sao đem những cái rốt ráo đoạn diệt ấy làm nhân-địa tu-hành, để cầu quả-vị thường-trụ của Phật?</p>
<p>_ Thế-Tôn! Nhược ly minh ám, kiến tất cánh không, như vô tiền-trần, niệm tự-tánh diệt, tấn thối tuân-hoàn, vi-tế suy cầu, bốn vô ngã tâm, cập ngã tâm sở, tương thùy lập nhân, cầu Vô-Thượng-Giác.</p> <p>(_ Bạch Thế-Tôn! Nếu rời sáng tối, thì cái thấy rốt ráo là không; nếu không có tiền-trần, thì tự-tánh tâm-niệm diệt mất, tới lui xoay vần, suy xét chín chắn, vốn không có tâm tôi và tâm sở của tôi; vậy đem cái gì làm nhân, để cầu được Vô-Thượng-Giác?)</p> <p>_ Như-Lai tiên thuyết, trạm tinh viên thường, vi việt thành ngôn, chung thành hý-luận, vân hà Như-Lai, chơn-thật-ngữ giả?</p> <p>(_ Đức Như-Lai trước kia nói cái tánh hay biết yên lặng là viên-mãn thường-trụ, nhưng đã trái với lẽ thường, thì rõ cuộc chỉ thành hý-luận, làm sao nhận được lời nói Như-Lai là chơn-thật.)</p>	<p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Nếu ly sáng tối mà tánh thấy rốt ráo không có, và nếu ly tiền-trần mà tự-tánh tâm-niệm cũng không có, gọi là đoạn diệt, thì xây vẫn tới lui, suy xét tỉ mỉ, vốn không thấy có tâm tôi và sở-hữu của tâm tôi, như vậy lấy gì làm nhân-địa tu-hành để cầu quả Vô-Thượng-Giác?</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Trước đây, Đức Thế-Tôn có nói tánh của sáu căn trạm-tinh viên-thường, nhưng tại sao tôi xem xét thì thấy có đoạn diệt tức là không có tự-thể? Như vậy kết-cuộc thành ra hý-luận chớ không phải chơn-thiệt-ngữ chăng?</p>

<p>_ Duy thùy đại-tử, khai ngã mông lỗn. (_ Xin Phật rủ lòng đại-tử, mở chỗ mê chấp cho tôi.)</p>	<p>_ Xin chí-thành cung-thỉnh Đức Thế-Tôn dū lòng đại-tử khai sáng chỗ mê lầm của tôi.</p>
---	--

佛告阿難汝學多聞未盡諸漏。心中徒知顛倒所因。真倒現前實未能識。恐汝誠心猶未信伏。吾今試將塵俗諸事當除汝疑。即時如來勅羅睺羅擊鍾一聲。問阿難言汝今聞不。阿難大眾俱言我聞。鍾歇無聲。佛又問言汝今聞不。阿難大眾俱言不聞。時羅睺羅又擊一聲。佛又問言汝今聞不。阿難大眾又言俱聞。佛問阿難汝云何聞云何不聞。阿難大眾俱白佛言。鍾聲若擊則我得聞。擊久聲銷音響雙絕則名無聞。如來又勅羅睺羅擊鍾。問阿難言爾今聲不。阿難言聲。少選聲銷佛又問言。爾今聲不。阿難大眾答言無聲。有頃羅睺更來撞鍾。佛又問言爾今聲不。阿難大眾俱言有聲。佛問阿難汝云何聲云何無聲。阿難大眾俱白佛言。鍾聲若擊則名有聲。擊久聲銷音響雙絕則名無聲。

48. Phật cáo:

_ A-Nan! Nhữ học đa-văn, vị tận chư lậu.

_ Tâm trung đồ tri, điên-dảo sở nhân, chơn đảo hiện-tiền, thật vị năng thức, khủng nhữ thành tâm, do vị tín phục.

(_ Trong tâm chỉ biết suông cái nhân điên-dảo, mà cái điên-dảo hiện-thực trước đó thì chưa biết được, e ông thành-thật còn chưa tin phục.)

_ Ngô kim thí tương, trần-tục chư sự, đương trừ nhữ nghi.

(_ Nay Ta thử đem những việc trần-tục để trừ cái nghi của ông.)

_ Tức thời Như-Lai, sắc La-Hầu-La, kích chung nhứt thịnh, vấn A-Nan ngôn: Nhữ kim văn phủ?

_ A-Nan, đại-chúng cu ngôn: Ngã văn.

_ Chung kiệt vô thịnh, Phật hựu vấn ngôn: Nhữ kim văn phủ?

_ A-Nan, đại-chúng, cu ngôn: Bát văn.

_ Thời La-Hầu-La, hựu kích nhứt thịnh, Phật hựu vấn ngôn: Nhữ kim văn phủ?

_ A-Nan, đại-chúng, hựu ngôn: Cu văn.

48. Đức Phật dạy:

_ A-Nan! Ông tuy học đa-văn, nhưng chưa hết các lậu.

_ Trong lòng ông chỉ biết tướng điên-dảo và lấy tướng điên-dảo làm sở-nhân cho vọng, chớ ông chưa biết được tướng điên-dảo ở trước ông, thật đáng lo sợ cho thành-kiến nghi-chấp của ông chưa hoàn-phục chánh-tín.

_ Nay Ta tùy phƯƠNG-tiỆN, lấy những chuyện thế-gian để trừ nghi-chấp đó.

_ Đức Phật bảo ngài La-Hầu-La đánh một tiếng chuông rồi hỏi ngài A-Nan: A-Nan! Ông có nghe không?

_ Bạch Đức Thế-Tôn! Cả Đại-chúng và tôi đều có nghe.

_ Khi tiếng chuông dứt, không tiếng, Đức Phật hỏi tiếp: Có nghe không?

_ Bạch Đức Thế-Tôn! Không nghe.

_ Đức Phật lại bảo ngài La-Hầu-La đánh một tiếng chuông lần thứ hai, rồi hỏi: Có nghe không?

_ Bạch Đức Thế-Tôn! Có nghe.

<p>_ Phật vấn A-Nan: Nhữ vân hà văn, vân hà bất văn?</p> <p>_ A-Nan, đại-chúng, cu bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Chung thịnh nhược kích, tắc ngã đắc văn, kích cửu thịnh tiêu, âm hưởng song tuyệt, tắc danh vô văn.</p> <p>(_ Tiếng chuông nếu đánh lên, thì chúng tôi được nghe, đánh lâu tiếng hết, âm vang đều không còn, thì gọi là không nghe.)</p>	<p>_ Thế nào là nghe? Thế nào là không nghe?</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Khi tiếng chuông kêu thì nghe, còn khi tiếng chuông dứt thì không nghe.</p>
<p>_ Như-Lai hựu sắc, La-Hầu kích chung, vấn A-Nan ngôn: Nhĩ kim thinh phủ?</p> <p>_ A-Nan, đại-chúng, cu ngôn: Hữu thinh.</p> <p>_ Thiếu tuyển thịnh tiêu, Phật hựu vấn ngôn: Nhĩ kim thinh phủ?</p> <p>_ A-Nan, đại-chúng đáp ngôn: Vô thinh.</p>	<p>_ Đức Phật lại bảo ngài La-Hầu-La đánh một tiếng chuông lần thứ ba, rồi hỏi: A-Nan! Theo ý ông, có tiếng chǎng?</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Có tiếng.</p> <p>_ Đến khi tiếng chuông dứt, Đức Phật hỏi tiếp: Có tiếng hay không có tiếng?</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Không có tiếng.</p>
<p>_ Hữu khoảnh La-Hầu, cánh lai tràng chung, Phật hựu vấn ngôn: Nhĩ kim thinh phủ?</p> <p>_ A-Nan, đại-chúng, cu ngôn: Hữu thinh.</p> <p>_ Phật vấn A-Nan: Nhữ vân hà thinh, vân hà vô thinh?</p> <p>_ A-Nan, đại-chúng, cu bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Chung thịnh nhược kích, tắc danh hữu thinh, kích cửu thịnh tiêu, âm hưởng song tuyệt, tắc danh vô thinh.</p> <p>(_ Tiếng chuông nếu đánh lên, thì gọi là có tiếng, đánh lâu tiếng hết, âm vang đều không còn, thì gọi là không tiếng.)</p>	<p>_ Đức Phật lại bảo ngài La-Hầu-La đánh một tiếng chuông lần thứ tư, rồi hỏi: Theo ý ông, có tiếng chǎng?</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn: Có tiếng.</p> <p>_ Thế nào ông gọi là có tiếng, còn thế nào ông gọi là không có tiếng?</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Khi đánh chuông thì có tiếng kêu gọi là có tiếng, còn tiếng kêu trong giây lát thì hết tiếng gọi là không có tiếng.</p>

佛語阿難及諸大眾。汝今云何自語矯亂。大眾阿難俱時問佛。
我今云何名為矯亂。

佛言我問汝聞汝則言聞。又問汝聲汝則言聲。惟聞與聲報答
無定。如是云何不名矯亂。

阿難聲銷無響汝說無聞。若實無聞聞性已滅同于枯木。鍾聲
更擊汝云何知。知有知無自是聲塵。或無或有豈彼聞性為汝有無。
聞實云無誰知無者。

是故阿難聲於聞中自有生滅。非為汝聞聲生聲滅。令汝聞性
為有為無。汝尚顛倒惑聲為聞。何怪昏迷以常為斷。終不應言離諸
動靜。閉塞開通說聞無性。

如重睡人眠熟床枕其家有人於彼睡時擣練春米。其人夢中聞春擣聲。別作他物。或為擊鼓。或復撞鍾。即於夢時自怪其鍾為木石響。於時忽寤遙知杵音。自告家人我正夢時。惑此春音將為鼓響。

阿難是人夢中。豈憶靜搖開閉通塞。其形雖寐聞性不昏。縱汝形銷命光遷謝。此性云何為汝銷滅。

49. Phật ngữ A-Nan cập chư đại-chúng:
Nhữ kim vân hà, tự ngữ kiếu-loạn?

_ Đại-chúng, A-Nan, cu thời vấn Phật:
Ngã kim vân hà, danh vi kiếu-loạn?

_ Phật ngôn: Ngã vấn nhữ văn, nhữ tắc ngôn văn, hựu vấn nhữ thính, nhữ tắc ngôn thính, duy văn dữ thính, báo đáp vô định, như-thị vân hà, bất danh kiếu-loạn?

(_ Phật dạy: Ta hỏi ông về nghe, thì ông nói là nghe, Ta hỏi về tiếng, thì ông nói là tiếng, chỉ cái nghe và cái tiếng mà trả lời không nhất-định như thế, sao lại không gọi là trái ngược lộn xộn?)

_ A-Nan! Thinh tiêu vô hướng, nhữ thuyết vô văn.

(_ A-Nan! Tiếng tiêu mất, không âm vang, thì ông gọi là không nghe;

_ Nhược thật vô văn, văn tánh dĩ diệt, đồng du khô mộc, chung thinh cánh kích, nhữ vân hà tri.

- nếu thật không nghe, thì tánh nghe đã diệt rồi, đồng như cây khô, khi tiếng chuông lại đánh lên, làm sao ông còn biết được.)

_ Tri hữu, tri vô, tự thị thinh trần, hoặc vô, hoặc hữu, khởi bỉ văn tánh, vi nhữ hữu vô.

(_ Biết có, biết không là tự cái tiếng hoặc không, hoặc có, đâu phải tánh nghe kia vì đó mà có, mà không.)

_ Văn thiệt vân vô, thùy tri vô giả?

(_ Nếu tánh nghe thật là không, thì còn cái gì biết là không nữa.)

_ Thị cố A-Nan! Thinh ư văn trung, tự hữu sanh diệt, phi vi nhữ văn, thinh sanh

49. A-Nan! Hôm nay tại sao ông nói lộn xộn?

_ Bạch Đức Thế-Tôn! Thế nào gọi là nói lộn xộn?

_ A-Nan! Ông hãy nghiệm xét, khi Như-Lai hỏi ông có nghe, thì ông đáp là có nghe, khi hỏi có tiếng thì ông đáp là có tiếng, chỉ có tánh nghe và cái tiếng mà ông đáp không nhất-định, thế thì làm sao chẳng gọi là lộn xộn?

_ A-Nan! Tiếng chuông thuộc về trần, sanh-diệt, nên khi tiếng hết kêu chỉ là không có tiếng, chờ chẵng phải không có nghe, vì nghe thuộc về tánh thường-trụ. Tiếng chuông dứt mà ông nói là không nghe, đó là lộn xộn.

_ Không nghe thì tánh bị diệt như cây khô, tới tiếng chuông thứ hai, ông làm sao nghe được?

_ Vậy ông nên hiểu có tiếng hay không có tiếng là tại thinh-trần sanh-diệt, hoặc có hoặc không, chờ chẵng phải tánh nghe vì tánh nghe thường-trụ, không có thay đổi, mà ông lầm tưởng cho là có khi tiếng chuông đang kêu, và cho là không khi tiếng chuông hết kêu.

_ Nếu nói không nghe thì lấy gì biết là không?

_ A-Nan! Ở trong tánh nghe, thinh-trần tự có sanh-diệt, chẵng phải vì nghe tiếng

<p>thinh diệt, linh nhữ văn tánh, vi hữu, vi vô.</p>	<p>sanh, tiếng diệt, mà cho tánh nghe của ông thành có thành không.</p>
<p>(_ Vậy nê A-Nan! Cái tiếng ở trong cái nghe tự có sanh, có diệt, không phải vì ông nghe cái tiếng sanh diệt, mà làm cho tánh nghe của ông thành có, thành không.)</p>	<p>_ Ông lầm lẩn tánh nghe với thinh-trần, thì ông dễ bị hôn-mê lấy tánh thường-trụ làm cái đoạn diệt.</p>
<p>_ Nhữ thương điên-đảo, hoặc thinh vi văn, hà quái hôn-mê, dĩ thường vi đoạn.</p>	<p>_ Ông còn lộn lạo, lầm cái tiếng làm cái nghe, lạ gì chẳng mê mờ, lấy cái thường làm cái đoạn.)</p>
<p>_ Chung bất ưng ngôn, ly chư động tịnh, bế tắc, khai thông, thuyết văn vô tánh.</p>	<p>_ Kết-luận, ông không nêu nói: Tánh nghe ly các trần-tưởng như động tịnh, đóng mở, thông bít, v.v... thì không còn bốn-tánh.</p>
<p>(_ Tóm lại, ông không nêu nói rằng rời các thứ động tĩnh, đóng mở, thông bít, thì cái nghe không có tánh.)</p>	
<p>_ Như trọng thụy nhân, miên thực sàng chẩm, kỳ gia hữu nhân, ư bỉ thụy thời, đảo luyện thung mê.</p>	<p>_ Ví dụ như có một người đang nằm ngủ mê trên giường, trong nhà lại có một số người khác già gao.</p>
<p>(_ Như người ngủ mê, nằm trên giường gối, trong nhà có người, trong lúc người kia ngủ, già một cối gạo.)</p>	
<p>_ Kỳ nhân mộng trung, văn thung đảo thinh, biệt tác tha vật, hoặc vi kích cổ, hoặc vi tràng chung. Tức ư mộng thời, tự quái kỳ chung, vi mộc thạch hướng.</p>	<p>_ Người ngủ mê ấy nằm mộng nghe tiếng chày đập vào cối đá lại nhận lầm là tiếng chuông trống và còn ngạc-nhiên tiếng chuông trống kêu vang như tiếng cây tiếng đá.</p>
<p>(_ Người ấy trong chiêm bao, nghe tiếng già gạo, lầm thành vật khác, hoặc cho là đánh trống, hoặc cho là đánh chuông. Tức là trong chiêm bao, người ấy cũng lấy làm lạ rằng sao tiếng chuông lại vang lên như cây, như đá.)</p>	
<p>_ Ư thời hốt ngũ, xiển tri chữ (/xử) âm, tự cáo gia-nhân: “Ngã chánh mộng thời, hoặc thử thung âm, tương vi cổ hướng”.</p>	<p>_ Khi thức dậy, liền nghe tiếng chày đập vào cối thì tự mình tỉnh giấc chiêm bao, nói lại với mấy người già gạo rằng: “Trong cơn mộng, tôi lầm lẩn tiếng chày đập vào cối là tiếng chuông trống”.</p>
<p>(_ Khi chợt tỉnh dậy, liền nghe tiếng chày, thì người ấy tự bảo người nhà rằng: “Chính trong lúc chiêm bao, tôi đã lầm tiếng chày này là tiếng trống”.)</p>	
<p>_ A-Nan! Thị nhân mộng trung, khởi ức tịnh diệu, khai bế, thông tắc, kỳ hình tuy mị, văn tánh bất hôn.</p>	<p>_ A-Nan! Người ở trong giấc chiêm bao quên mất thân-thể, thì không còn nhớ các trần-tưởng động tịnh, đóng mở, thông bít, nhưng thân-thể hôn-mê chờ tánh nghe không có hôn-mê.</p>
<p>(_ A-Nan! Người đó trong chiêm bao, đâu nhớ những chuyện động tĩnh, đóng mở, thông bít; hình người kia tuy ngủ nhưng tánh nghe không mở.)</p>	

<p>_ Túng nhữ hình tiêu, mệnh quang thiên-tạ, thủ tánh vân hà, vi nhữ tiêu-diệt?</p> <p>(_ Dẫu cho hình ông tiêu tan, thân mạng dời đổi diệt mất, làm sao tánh nghe ấy lại vì ông mà tiêu-diệt được.)</p>	<p>_ Đến khi chết rồi, thân-thể tan rã, cǎn-mạng đổi dời, nhưng tánh nghe thường-trụ, không theo thân-thể mà tiêu-diệt.</p>
---	---

以諸眾生從無始來。循諸色聲逐念流轉。曾不開悟性淨妙常。不循所常逐諸生滅。由是生生雜染流轉。若棄生滅守於真常常光現前。塵根識心應時銷落。想相為塵識情為垢二俱遠離。則汝法眼應時清明。云何不成無上知覺。

50. Dĩ chư chúng-sanh, tùng vô-thỉ lai, tuần chư sắc thịnh, trực niệm lưu chuyển, tầng bất khai-ngô, tánh tịnh diệu-thường; bất tuần sở thường, trực chư sanh-diệt; do thị sanh sanh, tạp-nhiễm lưu-chuyển.

(_ Do các chúng-sanh, từ vô-thỉ đến nay, đi theo sắc thanh, theo niệm mà lưu-chuyển, không hề khai-ngô bản-tánh thanh-tịnh diệu-thường; không theo cái thường, chỉ theo các thứ sanh-diệt; do đó, dời dời bị tạp-nhiễm mà phải lưu-chuyển.)

_ Nhược khí sanh-diệt, thủ ư Chơn-Thường, thường quang hiện-tiền, cǎn trấn thức tâm, ứng thời tiêu-lạc, tướng-tướng vi trần, thức-tình vi cấu, nhị cu viễn-ly, tắc nhữ Pháp-nhān, ứng thời thanh-minh, vân hà bất thành Vô-Thượng Tri-Giác.

(_ Nếu bỏ cái sanh-diệt, giữ tánh Chơn-Thường, cái sáng suốt Chơn-Thường hiện-tiền, thì các tâm-niệm cǎn, trần, thức, ngay đó đều tiêu mất; tướng vọng-tưởng là trần, tánh phân-biệt là cấu, hai cái đó đã xa rời, thì pháp-nhān của ông liền được thông suốt, làm sao lại không thành bậc Vô-Thượng Tri-Giác.)

50. Từ vô-thỉ đến nay, tất cả chúng-sanh, niệm niệm không ngừng, sa mê vào sắc thịnh, chẳng những chưa tỏ ngộ Tự-Tánh Chơn-Thường vi-diệu, thanh-tịnh trang-nghiêm; lại còn sống trái nghịch với Tự-Tánh Chơn-Thường, cứ dong ruỗi theo các pháp-trần sanh-diệt; nên dời dời kiếp kiếp lẩn quẩn trong vòng tạp-nhiễm, luân-hồi sanh-tử thống-khổ.

_ A-Nan! Nếu dứt sạch tướng sanh-diệt, quay các cǎn soi lại bên trong, trở về cội gốc Viên-giác, giữ nguyên Tự-Tánh Chơn-Thường, đến khi Tự-Tánh Chơn-Thường thật-hiện tỏ rạng phong-quang, thì các món cǎn, trần và thức đều tiêu-lạc, đồng-thời tướng vọng-tưởng vi trần, tánh phân-biệt vi cấu đều được viễn-ly, tự-nhiên Pháp-nhān của ông hoàn-toàn trong sáng, chắc chắn viên-chứng quả-vị Như-Lai Tri-Giác Vô-Thượng.

**DỊCH ÂM
ĐỆ TỨ QUYẾN
CHUNG**

**DIỄN NGHĨA
HẾT QUYẾN TƯ**

CHÚ-THÍCH (2018)

ĐOẠN 1

_ **Tập-khí** (習氣): những tập-quán, thói quen xấu được tích-lũy qua một thời-gian dài, thậm-chí là trong rất nhiều đời nhiều kiếp quá-khứ, nên thường rất khó nhận ra.

ĐOẠN 17

_ **Đàn-na** (檀那): cũng viết là Đà-na (陀那) (Dāna, Dānapati), dịch là Thí (?), Thí-chủ, sau gọi chung là Đà-na, hoặc Thí-chủ, hoặc Đà-na-việt.

Đàn (檀): có nghĩa là Thí. **Việt** (越): có nghĩa là “*Việt bần khổ-hải, thí chi công-đức dĩ việt bần khổ-hải*” = Vượt qua khỏi sự nghèo khổ, cái công-đức bố-thí giúp người vượt qua cái biển nghèo khổ, tức là bố-thí.

Hoặc: “Bên trong có lòng tin, bên ngoài có vươn ruộng, có tài-sản, cả ba (lòng tin, vươn ruộng, tài-sản) hòa-hợp lại, trong lòng lại hỷ-xả, có thể phá vỡ sự nghèo khổ (của người khác)”.

ĐOẠN 19

_ **Hải-ấn** (海印): còn gọi là Hải-ấn định, tên Tam-muội mà Phật sở-đắc.

Hải-ấn ở đây ý nói: biển Tâm, biển Trí của Phật.

Kinh Hoa-Nghiêm, phẩm Hiền-Thủ, có nói về 10 thứ Tam-muội đặc-trưng của đại Bồ-Tát và Phật sở-đắc:

1. Hải Ấn	tam-muội.
2. Hoa Nghiêm	tam-muội.
3. Nhân Đà La Võng	tam-muội.
4. Thủ Xuất Quang Cúng	tam-muội.
5. Hiện Chư Pháp Môn	tam-muội.
6. Tứ Nhiếp Nhiếp Sinh	tam-muội.
7. Phủ Đồng Thế Gian	tam-muội.
8. Mao Quang Chiếu Ích	tam-muội.
9. Chủ BẠn Nghiêm Lệ	tam-muội.
10. Phượng Võng	tam-muội.

(Xin quý độc-giả tham-khảo thêm *Kinh Hoa-Nghiêm, Phẩm Hiền-Thủ, Đường Đạo Vô Biên*, của Thích Hằng-Trưởng dịch và lược-giải, nxb Tôn Giáo, 2003, để hiểu rõ thêm 10 Tam-muội này.)

ĐOẠN 20

_ **Khổ-hải** (苦海): biển khổ. Tiếng nhà Phật chỉ cõi đời.

Vì thấy chúng-sanh bị Sanh Lão Bệnh Tử ... khổ-não mãi mãi vô-cùng trong cuộc sống, nên Đức Phật so sánh sự đau khổ ở cõi trần-thế giống như biển, gọi là khổ-hải. Rồi Phật so sánh đạo-lý của ngài như chiếc thuyền, nhờ chiếc thuyền ấy mà chúng-sanh qua khỏi khổ-hải, đến bờ giác là Niết-Bàn.

Chúng-sanh cứ mãi chịu luân-hồi sanh-tử trong vô-lượng kiếp, nên gọi là “*trầm-luân khổ-hải*” = chìm đắm trong biển khổ.

Kinh Thủ-Lăng-Nghiêm, quyển 4, đoạn 27: “*xuất ư khổ-hải*” = thoát ra khỏi biển khổ.

Bài kệ trước khi niệm chuỗi:

“Ái-hà thiêng xích lăng.	“Sông yêu sóng ngàn thước.
<i>Khổ-hải</i> vạn trùng ba.	<i>Biển khổ</i> sóng muôn trùng.
Dục thoát luân-hồi khổ.	Muốn thoát khổ luân-hồi.
Tảo cắp niệm Di-Đà”.	Sớm gấp niệm Di-Đà”.
“Án phệ lô giá na, mạ lạt mạ lạt, ta-bà-ha”. (3 lần)	

ĐOẠN 26

_ **Ái-hà** (愛河): sông yêu.

Tình ái thâm-hậu vĩnh-cửu, làm chết đuối con người, nên ví như dòng sông không bao giờ ngừng. Còn chỉ lòng tham ái bám víu giữ chặt lấy sự vật mà không chịu rời bỏ.

Ái-hà có nghĩa: “*Tình thiêng dục hải*” = Tình mênh mông như trời, lòng dục rộng lớn như biển, người trần chìm đắm không thể thoát ra được.

Quy Nguyên Trực Chỉ: “*Tây phuơng hữu Phật hiếu Di-Đà, phổi-độ chúng-sanh xuất ái-hà*” = Tây phuơng có Phật hiếu Di-Đà, độ chúng-sanh ra khỏi ái-hà.

YẾU-GIẢI KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM QUYỀN TƯ

(1) **Nhu-Lai Đệ-nhứt nghĩa-dế:** Đạo-lý chắc thiêt bậc nhứt của Đức Phật, vượt ra ngoài các sự đối-đãi.

(2) **Yết-la-lam:** tức là bào-thai mới phát khởi, giống như bọt nhớt. Bào-thai đại-lược trải qua năm thứ hình-thể:

1. Yết-la-lam : hình-thể như bọt nhớt.
2. Ác-bồ-đàm : hình-thể như bong bóng.
3. Bế-thị : hình-thể như thịt mềm.
4. Kiện-nam : hình-thể như thịt cứng.
5. Bác-ra xa-khu : hình-thể đàng hoàng.

(3) **Đáo-bỉ-ngạn:** đến bờ bên kia.

Chúng-sanh mê-muội trong cảnh luân-hồi sanh-tử ví dụ như: bờ bên đây.

Chư Phật toàn-giác trong cảnh Niết-Bàn thường-trụ ví dụ như: bờ bên kia.

Nếu ai muốn giải-thoát tất-nhiên phải ly-khai bờ bên đây, dùng thuyền trí-tuệ vượt qua các làn sóng vọng-nghiệp phiền-não ở biển khổ để đến bờ bên kia.

(4) **Đoạn văn Phật hiển-minh công-đức vô-lậu:**

Nguyên vì ngài A-Nan chưa thông-đạt nghĩa nhân-duyên và tự-nhiên không có thiêt-thể, nên Đức Phật Thích-Ca đem ông Diễn-Nhã-Đạt-Đà ở trong thành Thất-La-Phiệt ra làm biện-chứng. Như việc của ông Diễn-Nhã-Đạt-Đà, nếu đoạn mất tánh khùng tức là nhân-duyên, thì tánh không khùng tự-nhiên xuất-hiện. Lời Phật tuy vẫn tắt nhưng nghĩa-lý cao-siêu, chứng-minh thuyết nhân-duyên tự-nhiên ở thế-gian dầu có biện-luận dài dòng, kết-cuộc cũng chỉ như thế.

Nhân-duyên và tự-nhiên đối-đãi với nhau mà hình như có, chớ thật ra không có căn-bổn, chỉ do vọng-tưởng phát ra. Vọng-tưởng nhận có sanh nên quyết-định nhân-duyên hòa-hiệp mà sanh, nhận có diệt nên quyết-định nhân-duyên ly-tán mà diệt. Đã nhận những cái sanh-diệt làm nhân-duyên thì nhận những cái không sanh-diệt làm tự-nhiên. Vì thế chúng-sanh mơ hồ trong vòng sanh-diệt, không giải-thoát được. Đức Phật dạy bảo cần phải y Chánh-giáo, nhứt-tâm siêng năng tu-hành giải-thoát mới có thể viên-chứng Vô-Thượng Bồ-Đề. *Phàm tu cốt-yếu ở chỗ hành*, nếu không hành thì tài cao học rộng cách nào cũng vô hiệu-quả, vì chỉ lẩn quẩn trong vòng luống dối.

A-Nan là vị đại đệ-tử đa-văn bậc nhứt của Đức Phật, nhưng thường bị Đức Phật phê-phán.

Thánh-cảnh Bồ-Đề Niết-Bàn tối-cao tối-thượng của chư Phật đối với ngũ-trược ác-thế thật là thăm thẳm xa xăm mù mịt, phàm-tâm không thể ức-đoán, phàm-trí không thể nghĩ bàn.

Tài-năng xuất-chứng mà không có đạo-đức, cao-đàm hùng-biện, nói năng thao-thao bất-tuyệt nhưng chẳng ly một điểm tục-trần, thì cái tài-năng xuất-chứng ấy

chỉ là món khí-giới, càng tinh-xảo càng độc-ác sâu hiểm, có thể đưa người đến hậu-quả sa-đọa.

Ở đời có định-luật nhân-quả thiên-nhiên và thiêng liêng chứng-minh tất cả tư-tưởng, lời nói và việc làm hoặc lành hoặc dữ, đều có báo-ứng minh-bạch và chí-công, nhân lành thì thọ quả lành, nhân dữ thì thọ quả dữ. Ai gieo mạ thì gặt lúa, ai gieo gió thì gặt bão. *Gieo giống nào gặt giống nấy*. Đó là chơn-lý tuyệt-đối.

Ngài A-Nan được Đức Phật khai-ngộ rõ ràng: Tài đa-văn chỉ là việc tầm-thường, đâu có nhớ tất cả diệu-lý Như-Lai nhiều không thể đếm như số cát sông Hằng, mà không có tinh-tấn công-đức vô-lậu tức là dũng-mãnh công-phu bội-trần hiệp-giác thì cũng như một lớp hý-luận, chớ không mật-thiết gì đến đức-độ Pháp-thân, Bát-nhã và Giải-thoát. Bằng-chứng cụ-thể là tài đa-văn bậc nhất của ngài A-Nan bất-lực đối với tà-thuật ngoại-đạo của nàng Ma-Đăng-Già. Nếu tài đa-văn ấy cứu nạn được ngài A-Nan thì vị-tất phải nhờ Phật-danh mật-chú?

Vả chăng nàng Ma-Đăng-Già gốc là dâm-nữ, nhưng dập tắt được lửa dục để cải-tà qui-chánh, bỏ vọng theo chơn, quì gối dưới ánh sáng Chánh-Pháp Như-Lai đại-từ đại-bi đại-hỉ đại-xả, nên bậc Tỳ-khưu-ni và chứng được quả-vị A-Na-Hàm. Lại như thân-mẫu của ông La-Hầu-La là bà Da-Du-Đà-La cũng đoạn trừ tục-lụy mê-muội, trở về cội gốc thanh-tịnh, qui-y Tam-Báo, xuất-gia đầu Phật, và được Đức Thích-Ca thọ-ký cho sē đắc Diệu-quả Chơn-Thường ở vị-lai. Vì cớ sao? Vì hai vị phụ-nữ ấy biết đoạn-tuyệt hai mối tình mê-muội triền-miên của người phàm-tục là trúu mến và ganh ghét.

Mối tình trúu mến làm cho chúng-sanh bị ràng buộc trong vòng ái-dục, luyến tiếc danh-lợi tài-sắc, sa lầy vì vật-chất phù-phiếm, gây ra oan-gia trái-chủ mà phải sanh rồi tử, tử rồi sanh, sanh-tử tử-sanh, hết kiếp này sang kiếp khác, chìm đắm mãi ở sông mê.

Mối tình ganh ghét khiến cho chúng-sanh vương vấn vọng-tưởng điên đảo, sanh ra tham sân si, ngã-mạn, tà-kiến, mê-chấp, thủ-doạn ích-kỷ hại-nhân, tạo-tác đủ thứ phiền-não ác-nghiệp mà phải luân-hồi vay trả, từ đời nợ sang đời kia, không thoát khỏi biển khổ.

Hai mối tình trúu mến và ganh ghét ấy, căn-bổn của thất-tình ái ố hỉ nộ ai lạc dục, vốn là nguồn gốc phát ra và kéo dài các sự thống-khổ của chúng-sanh trong vô-lượng vô-biên kiếp, khó dứt.

Nay bà Da-Du-Đà-La và nàng Ma-Đăng-Già đã dũng-cảm đoạn-tuyệt được hai mối tình cay nghiệt ấy, đồng-thời y theo các pháp lành vô-lậu của Đức Phật dạy mà chí-tâm tu-hành giải-thoát. Thật là một hành-vi đạo-đức tu-hành rất ít có ở thế-gian.

Bà Da-Du-Đà-La và nàng Ma-Đăng-Già thuộc về hàng phụ-nữ còn được như vậy, huống chi là ngài A-Nan là bậc Trưởng-phu nam-tử, chắc không lẽ *tự mình buộc*

ràng trong phạm-vi kiến-văn mà chẳng thành-lập công-đức vô-lâu, hồi-hướng về Diệu-quả Vô-Thượng Chánh-đẳng Chánh-giác.

_ Đoạn văn này Đức Phật phê-phán ngài A-Nan là một vị Pháp-tử đa-văn hơn hết trong Đại-chứng tức là bậc đã thông hiểu Chánh-Pháp Như-Lai. Chí như ở thế-gian, những người chưa biết Chánh-Pháp Như-Lai thì phải làm sao?

Nếu hiểu rõ Chánh-Pháp mà không tu-hành thì cũng như gieo hột giống chua mà muối có trái ngọt, thật là phi-lý.

Nếu tu-hành mà không hiểu rõ Chánh-Pháp thì phải bị lầm lạc vào tà-giáo ngoại-đạo thường thạnh-hành trong thời-kỳ mạt-pháp, chẳng khác chi người mù đi đêm, đã không thấy đường lại đi ban đêm, thật là đáng thương xót.

Vì vậy muốn nương theo Chánh-Pháp Như-Lai mà tu-hành giải-thoát, dĩ-nhiên phải học hiểu, khảo-cứu kỹ càng, phân-biệt thế nào là chánh, thế nào là tà, thế nào là thật, thế nào là hư, nhận-thức chơn-lý giác-ngộ, giải-thoát của Đức Phật. Khi tỏ ngộ Chánh-Pháp rồi, cố gắng công-phu thuần-túy tu-hành giải-thoát thì nhiên-hậu viên-thành đạo-quả Vô-Thượng Bồ-Đề, hầu khỏi phụ hồng-ân giáo-hoa của Đức Thích-Ca Mâu-Ni Như-Lai và công-lao tích-cực hoằng-pháp lợi-sanh của Lịch-dại Tổ-Sư.

(5) Quả Tu-Đà-Hoàn:

Nguyên Thinh-Văn có bốn quả:

1. Quả Tu-Đà-Hoàn: tức là quả Nhập-lưu (cũng gọi là Dự-lưu). Nhập-lưu là dự vào bậc Thánh. Tu đắc quả Tu-Đà-Hoàn, còn phải bị bảy đời sanh-tử ở nhân-gian.
2. Quả Tự-Đà-Hàm : tức là quả Nhứt-Lai (cũng gọi là Nhứt Vãng-Lai). Nhứt-Lai có nghĩa là chỉ còn bị một đời sanh-tử ở nhân-gian.
3. Quả A-Na-Hàm : tức là quả Bất-Lai. Bất-Lai có nghĩa là không còn bị sanh vào cõi nhân-gian nữa, nhưng có thể còn một đời sanh-tử ở cõi trời. Nếu có định-lực cao thì tiến lên quả A-La-Hán khỏi sanh về Thiên-giới.
4. Quả A-La-Hán : tức là quả Vô-sanh. Vô-sanh có nghĩa là hoàn-toàn giải-thoát luân-hồi sanh-tử trong tam giới.

A-La-Hán có ba nghĩa:

- a) Phá tam độc-tặc (trừ tuyệt giặc tam độc: tham sân si).
- b) Ứng Nhân-Thiên cúng (xứng đáng thọ sự cung-dưỡng của chúng-sanh ở các cõi Trời và Người để chung phước-diền cho đàn-việt).
- c) Lai thế bất sanh (không có thọ sanh-tử ở đời sau).

**YẾU-GIẢI
HẾT QUYẾN TƯ**

CHÚ-THÍCH (2018)

GIẢI-THÍCH CHỮ VÔ-VI THEO ĐẠO-GIÁO (Trích của GS. Huỳnh Minh-Đức.)

DOẠN 29

_ **Vô-vi** (無為):

Đạo Đức Kinh, chương 48, Lão Tử viết: 無為而無不為 = **Vô vi nhi vô bất vi** = Không làm gì cả, mà không gì là không làm.

Theo sát nghĩa thì “vô-vi” có nghĩa là “không làm”. Nhưng theo ý-nghĩa triết-học của *Đạo Đức Kinh* của Lão Tử và cả những nhà Nho thông-thái thì “vô-vi” không phải là “không chịu làm gì” mà ý nói “làm theo sự đòi hỏi của tự-nhiên” chớ không làm theo dục-vọng tầm-thường của con người. Câu này rất quan-trọng trong thái-iđộ làm người của kẻ sĩ ngày xưa.

Triết-học Trung-Hoa rất chuộng tự-nhiên. Con người sống phải đối-phó rất uyển-chuyển với mọi hoàn-cảnh do vũ-trụ vận-hành biến-hóa gây nên, vì thế họ phải luôn luôn làm nhiều việc (*vô bất vi* = không gì là không làm), nhưng vì mọi hành-dộng đều phải thuận với thiên-nhiên chứ không theo ý mình, cho nên gọi là Vô-vi (không làm gì).

Theo Lão Tử hành-dộng của con người là phải thuận theo bốn-phận, thuận theo thiên-nhiên, mà không theo dục-vọng riêng tư thì gọi là “Vô-vi” (không làm gì cả). Mà bốn-phận theo thiên-nhiên thì nhiều, cho nên mới nói là “Nhi vô bất vi” (mà không gì là không làm).

Như vậy, Vô-vi không phải là không làm gì hết, mà nó có nghĩa là “Không làm theo ý muốn của riêng mình, chỉ làm theo tự-nhiên, thuận với tự-nhiên của Trời Đất”.

YẾU-GIẢI

_ **Lịch-dại** (歷代): các triều-đại đã qua, các đời trong quá-khứ.

_ **Lịch-dại Tổ-Sư**: các đời Tổ-Sư (đã qua).

CHIẾT TỰ chữ THÍNH (聽) (Nghe)

Khi Đức Phật và các bậc Thầy Tổ giảng dạy, chúng ta phải toàn tâm chăm chú lắng nghe, nhưng ‘Nghe’ là gì?

Chữ ‘Thính’ (聽) nghĩa là lắng nghe, ở dạng chính-thể gồm bộ ‘Nhĩ’ (耳 tai), chữ ‘Vương’ (王 vua), bộ ‘Thập’ (十 mươi), bộ ‘Mục’ (目 mắt), bộ ‘Nhứt’ (一) và bộ ‘Tâm’ (心).

Nếu ghép các bộ này vào nhau, chúng ta sẽ hiểu được hàm-ý mà người xưa muôn gởi gắm:

Khi lắng nghe một ai đó, chúng ta phải khiến người ấy cảm thấy mình quan-trọng như một vị vua (chữ Vương), và lắng nghe bằng đôi tai của mình (bộ Nhĩ). Đồng-thời chúng ta còn phải dồn mọi ánh nhìn và sự chú-ý tới họ (chữ Thập, chữ Mục). Nhưng như vậy vẫn chưa đủ, điều quan-trọng nhất là phải dành trọn trái tim để cảm nhận những điều họ nói (chữ Nhứt, chữ Tâm). Chỉ có như vậy chúng ta mới có thể lắng nghe trọn vẹn những thông-điệp mà họ muốn truyền-tải, mới biết cách thấu hiểu và trân-trọng người khác.

Ngày nay, trong tiếng Hán hiện-đại, chúng ta cũng có chữ ‘Thính’ (听 lắng nghe) nhưng lại ở dạng giản-thể. Và điều kỳ lạ là nội-hàm của chữ này lại bị thay đổi hoàn-toàn, đi ngược hẳn lại với những giá-trị trong văn-hóa chính-thống (vốn được viết bằng chữ chính-thể/ phon-thể).

Chữ ‘Thính’ (听) ở dạng giản-thể gồm bộ ‘Khẩu’ (口 cái miệng) và bộ ‘Cân’ (斤 cái rìu). Đại-ý là không phải dùng tai, dùng mắt, hay dùng tâm để lắng nghe như văn-hóa truyền-thống, mà là nghe bằng miệng, bằng những lời búa rìu sắc nhọn.

Người nghe (thính-giả 聽者) phải như thế, vậy còn người nói (diễn-giả 演者) thì sao?

Trong kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa, ở phẩm Pháp-Sư và phẩm An-Lạc-Hạnh, Đức Phật có dạy những người muốn đăng đàn (登壇) thuyết pháp cần phải thỏa-mãn đầy đủ các điều-kiện trong hai phẩm đó mới được. Xin quý độc-giả vui lòng tham-khảo hai phẩm này để hiểu rõ muốn nói pháp phải như thế nào?

267 – Thủ Lăng Nghiêm Kinh

HÒA-THƯỢNG THIỀN-SƯ
THÍCH TÙ-QUANG

**THỦ LĂNG NGHIÊM
KINH
DỊCH ÂM, DIỄN NGHĨA, YẾU GIẢI
QUYỂN NĂM**

**CHƠN-ĐỨC THIỀN-VIỆN
1948**

Dịch Âm THỦ-LĂNG-NGHIÊM KINH Đệ Ngũ Quyển	Diễn Nghĩa KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM Quyển Năm
1.	<p style="text-align: center;">1. NGÀI A-NAN XIN BIẾT CHỖ BUỘC GÚT VÀ PHÁP MỞ GÚT Ở THÂN-TÂM.</p> <p>阿難白佛言世尊。如來雖說第二義門。今觀世間解結之人。 若不知其所結之元。我信是人終不能解。</p> <p>世尊我及會中。有學聲聞亦復如是。從無始際與諸無明俱滅俱生。雖得如是多聞善根名為出家。猶隔日瘧。唯願大慈哀愍淪溺。今日身心云何是結。從何名解。亦令未來苦難眾生。得免輪迴不落三有。</p> <p>作是語已普及大眾。五體投地雨淚翹誠。佇佛如來無上開示。</p>
<p>A-Nan bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Thế-Tôn! Như-Lai tuy thuyết đệ-nhi nghĩa môn, kim quan thế-gian, giải kết chi nhân, nhược bất tri kỳ, sở kết chi nguyên, ngã tính thị nhân, chung bất nǎng giải.</p> <p>_ Thế-Tôn! Ngã cập hội trung, Hữu-học Thinh-văn, diệc phục như-thị.</p> <p>_ Tùng vô thiết, dữ chư vô-minh cu diệt cu sanh. (_ Từ vô-thi đến nay, chúng tôi cùng sanh, cùng diệt với các thứ vô-minh.)</p> <p>_ Tuy đắc như-thị, đa-văn thiện-căn, danh vi xuất-gia, do cách nhựt ngược. (_ Tuy được thiện-căn nghe nhiều Phật-pháp thế này, nhưng tiếng là xuất-gia, mà cũng như người sốt rét cách nhựt.)</p> <p>_ Duy nguyện đại từ, ai mẫn luân nịch, kim nhựt thân-tâm, vân hà thị kết, tùng hà danh giải; diệc lịnh vị lai, khổ-nạn chúng-sanh, đắc miến luân-hồi, bất lạc tam hữu.</p>	<p>Ngài A-Nan bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Đức Thế-Tôn đã thuyết nghĩa quyết-định thứ hai như vậy, tôi hiểu chỗ kết-căn và phép giải-căn, nhân-địa và quả-vị tu-chứng, nhưng tôi xem xét ở thế-gian, những người mở gút, nếu không biết chỗ gút thì chắc chắn không bao giờ mở được.</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Các vị Thinh-văn Hữu-học và tôi ở trong Giáo-Hội cũng giống như những người mở gút ở thế-gian.</p> <p>_ Từ vô-thi đến nay, chúng tôi đồng theo vô-minh, sanh rồi diệt, diệt rồi sanh, bị trói buộc trong vòng sanh-diệt.</p> <p>_ Phận tôi dẫu có căn lành nghe nhiều và mang danh xuất-gia, tự cảm thấy khi nghe thì như tò ngộ, khi hành thì vẫn hôn-mê, chẳng khác chi người mắc bệnh rét khi nóng khi lạnh, thật là thảm khốc.</p> <p>_ Ngưỡng cầu Đức Thế-Tôn đại-từ đại-bi thương xót người trầm-luân, chỉ dạy cho hiểu rõ thân-tâm có chỗ nào gọi là gút và các phép mở gút, để cứu-độ chẳng những cho Đại-chúng trong Giáo-Hội hiện-tiền, lại còn cho chúng-sanh</p>

<p>(_ Xin nguyện Đức Đại-Tử thương xót kẻ chìm đắm, chính nơi thân-tâm hiện nay, chỉ cho chúng tôi thế nào là nút, do đâu mà cởi; cũng khiến cho chúng-sanh khổ-não vị-lai được khỏi luân-hồi, không sa vào ba cõi.)</p> <p>_ Tác thị ngữ dĩ, phổ cập đại-chúng, ngũ thể đầu địa, vô lê kiều thành, trứ Phật Như-Lai, vô-thượng khai-thị.</p> <p>(_ Nói lời ấy rồi, ngài A-Nan và cả Đại-chúng, nắm vóc gieo xuống đất, khóc lóc thành khẩn, trông mong lời khai-thị vô-thượng của Đức Như-Lai.)</p>	<p>lâm-nạn đau khổ ở đời vị-lai được giải-thoát luân-hồi tam giới.</p> <p>_ Ngài A-Nan nói xong, hiệp với Đại-chúng, vừa túi-hổ vừa gieo nắm vóc xuống đất, đánh lẽ Phật, thành-tâm khẩn-cầu sự khai-thị sáng suốt cao cả của Đức Như-Lai.</p>
--	--

爾時世尊憐愍阿難。及諸會中諸有學者。亦為未來一切眾生。為出世因作將來眼。以閻浮檀紫光金手摩阿難頂。即時十方普佛世界六種振動。微塵如來住世界者。各有寶光從其頂出。其光同時於彼世界。來祇陀林灌如來頂。是諸大眾得未曾有。

<p>2. Nhĩ thời, Thế-Tôn lân mẫn A-Nan, cập chư hội trung, chư hữu-học giả, diệc vi vị-lai, nhứt-thiết chúng-sanh, vi xuất-thế nhân, tác tương-lai nhãnh.</p> <p>_ Dĩ Diêm-phù-dàn, tử-kim-quang thủ, ma A-Nan đánh.</p> <p>_ Tức thời thập phương, phổ Phật thế-giới, lục chủng chấn-động, vi-trần Như-Lai trụ thế-giới giả, các hữu bảo quang, tùng kỳ đánh xuất, kỳ quang đồng thời, ư bỉ thế-giới, lai Kỳ-Đà lâm, quán Như-Lai đánh.</p> <p>(..., các Đức Như-Lai số như vi-trần, trong các cõi ấy, mỗi Ngài đều có hào-quang báu từ nơi đính đầu phát ra, hào-quang ấy đồng-thời từ các cõi kia đến rồng Kỳ-Đà, soi nơi đỉnh đầu của Đức Như-Lai.)</p> <p>_ Thị chư đại chúng, đắc vị-tầng-hữu.</p> <p>(_ Tất cả Đại-chúng đều được cái chưa từng có.)</p>	<p>2. Khi ấy, Đức Thế-Tôn vì thương xót ngài A-Nan, và các vị Thinh-văn Hữu-học trong Giáo-Hội, cho tới tất cả chúng-sanh về sau, nên thành-lập nhân-địa xuất-thế để làm đạo-nhãnh tương-lai.</p> <p>_ Đức Thế-Tôn lấy tay sáng rõ như vàng Diêm-phù-dàn rờ đầu ngài A-Nan.</p> <p>_ Tức thời cả mươi phương Phật-quốc đều chuyển-động, chư Phật đồng đú, từ Như-Lai đánh phóng hào-quang quý báu vô-lượng, chiếu diệu từ Phật-quốc đến Kỳ-Đà lâm, sau rốt rơi vào đánh của Đức Thế-Tôn.</p> <p>_ Tất cả Đại-chúng an-lạc thân-tâm vì được thấy sự mâu-nhiệm phi-phàm chưa từng có.</p>
--	---

<p>3.</p>	<p>3. CHƯ PHẬT ĐỒNG CHỨNG-MINH LỤC CĂN VỐN LÀ CHỖ BUỘC VÀ MỞ GÚT.</p>
<p>於是阿難及諸大眾。俱聞十方微塵如來。異口同音告阿難言。 善哉阿難汝欲識知俱生無明。使汝輪轉生死結根。唯汝六根更無他物。汝復欲知無上菩提。令汝速登安樂解脫寂靜妙常。亦汝六根更非他物。</p>	<p>_ U thị A-Nan cập chư đại chúng, cu văn thập phương vi-trần Như-Lai, dì khẩu đồng âm, cáo A-Nan ngôn:</p> <p>_ Thiện tai, A-Nan! Nhữ dục thức tri, “cu sanh vô minh”, sử nhữ luân chuyển, sanh-tử kết căn, duy nhữ lục-căn, cánh vô tha vật.</p> <p>(_ Hay thay cho A-Nan! Ông muốn biết cái “cu sanh vô minh” là cái đầu nút, khiến ông phải luân-hồi sanh-tử, thì nó chính là sáu căn của ông, chứ không phải vật gì khác.)</p> <p>_ Nhữ phục dục tri Vô-Thượng Bồ-Đề, linh nhữ tốc chứng an-lạc giải-thoát, tịch-tịnh diệu-thường, diệc nhữ lục-căn, cánh phi tha vật.</p>
<p> </p>	<p>_ Lúc bấy giờ ngài A-Nan và Đại-chúng đều nghe rõ chư Phật đồng đủ ở khắp mười phương Phật-quốc, tuy miệng khác nhau, nhưng đồng nói lên một nghĩa, dạy bảo ngài A-Nan:</p> <p>_ A-Nan! Lành thay! Ông phải hiểu vọng-nghiệp cu-sanh vô-minh, làm cho ông bị luân-hồi sanh-tử mà cái gút là sáu căn của ông, chứ không phải vật nào khác.</p> <p> </p> <p>_ Ông lại phải hiểu đạo Vô-Thượng Bồ-Đề, để ông tu-chứng cấp-tốc được an-lạc giải-thoát, tịch-tịnh diệu-thường, cũng chỉ do sáu căn của ông chứ không phải do vật nào khác. (1)</p>
<p>4.</p>	<p>4. KHAI-THỊ NGHĨA BUỘC VÀ MỞ GÚT.</p>
<p>阿難雖聞如是法音心猶未明。稽首白佛云何令我生死輪迴安樂妙常。同是六根更非他物。佛告阿難根塵同源縛脫無二。識性虛妄猶如空花。阿難由塵發知因根有相。相見無性同於交蘆。是故汝今。知見立知。即無明本。知見無見。斯即涅槃。無漏真淨。云何是中更容他物。</p>	<p> </p>
<p>_ A-Nan tuy văn như-thị pháp-âm, tâm do vị minh, khể thủ bạch Phật:</p> <p>_ Vân hà lệnh ngã, sanh-tử luân-hồi, an-lạc diệu-thường, đồng thị lục-căn, cánh phi tha vật?</p>	<p>_ Ngài A-Nan tuy nghe pháp-âm nhiệm-mẫu của chư Phật như vậy nhưng tâm chưa tỏ ngộ, nên kính-cẩn bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Vì cớ nào tôi bị luân-hồi sanh-tử hay được an-lạc diệu-thường, cũng đều tại sáu căn, chứ không phải tại vật chi khác?</p>

<p>_ Phật cáo A-Nan: Căn trần đồng nguyên, phược thoát vô nhị.</p> <p>(_ Phật bảo ông A-Nan: Căn và trần đồng một nguồn, cột và cởi không phải hai.)</p> <p>_ Thức tánh hư-vọng, do như không hoa.</p> <p>(_ Cái thức phân-biệt là luống dối như hoa đốm giữa hư-không.)</p>	<p>_ Đức Phật dạy: A-Nan! Sở-dĩ Ta nói sáu căn mà không nói tới sáu trần, ông hãy nghe cho kỹ,</p> <ul style="list-style-type: none"> - vì căn và trần đồng một nguồn gốc, - hestate có căn tức là có trần, - gút thì đồng gút, mở thì đồng mở, - gút hay mở không là hai việc khác nhau. <p>_ Lại như vầy nữa, Ta nói sáu căn mà không nói sáu thức,</p> <ul style="list-style-type: none"> - vì thức ở trong sáu căn, chỉ nhân theo pháp-trần mà có phân-biệt, - đó là hư-vọng như hoa đốm giữa hư-không, vốn chẳng có nguồn gốc, - chẳng có gút, dĩ-nhiên chẳng có mở.
<p>_ A-Nan! Do trần phát tri, nhân căn hữu tướng, tướng kiến vô tánh, đồng ư giao lô.</p> <p>(_ A-Nan! Nhân cái trần mà phát ra cái biết của căn, nhân cái căn mà có ra cái tướng của trần, tướng-phân sở-kiến và kiến-phân năng-kiến đều không có Tự-Tánh, như những hình cây lao gác vào nhau.)</p> <p>Lô: cỏ lau.</p> <p>_ Thị cố nhữ kim, tri-kiến lập tri, tức vô minh bốn.</p> <p>(_ Vậy nên nay ông chính nơi tri-kiến, lập ra tướng tri-kiến, thì tức là cội gốc vô-minh.)</p> <p>_ Tri-kiến vô kiến, tư tức Niết-Bàn, vô-lậu chơn-tịnh.</p> <p>(_ Chính nơi tri-kiến, không có tướng tri-kiến, thì đó là vô-lậu chơn-tịnh Niết-Bàn.)</p> <p>_ Vân hà thị trung cánh dung tha vật.</p> <p>(_ Làm sao trong ấy lại còn có vật gì khác.)</p>	<p>_ A-Nan! Nhân trần mà có biết, nhân căn mà có tướng,</p> <ul style="list-style-type: none"> - biết là căn, tướng là trần, - căn nương theo trần mà thành, - trần nương theo căn mà lập, - cả hai đều không có tự-tánh, - căn và trần nương nhau giống như cây lau, dính sát nhau, xem hình như có vật này vật khác, nhưng không vật gì khác cả. <p>_ Vì cớ ấy, hôm nay ông căn-cứ ở tánh thấy biết của sáu căn mà vọng-lập cái “biết có biết không”, thì sự vọng-lập ấy là căn-bốn vô-minh.</p> <p>_ Nếu ông căn-cứ ở tánh thấy biết của sáu căn mà tiêu-diệt cái “thấy có thấy không”, thì sự tiêu-diệt ấy là cảnh-trí Niết-Bàn vô-lậu chơn-thiệt thanh-tịnh.</p> <p>_ Vọng-lập cái “biết có biết không” làm cho căn hóa ra gút,</p> <ul style="list-style-type: none"> - còn tiêu-diệt cái “thấy có thấy không” là mở gút, - tất cả đều do căn, chẳng phải do vật nào khác.

5.	5. THUYẾT KẾ TRÙNG-TUYÊN NGHĨA BUỘC VÀ MỞ GÚT.
爾時世尊欲重宣此義。而說偈言。	
真性有為空	緣生故如幻
無為無起滅	不實如空花
言妄顯諸真	妄真同二妄
猶非真非真	云何見所見
中間無實性	是故若交蘆
結解同所因	聖凡無二路
汝觀交中性	空有二俱非
迷晦即無明	發明便解脫
解結因次第	六解一亦亡
根選擇圓通	入流成正覺
陀那微細識	習氣成暴流
真非真恐迷	我常不開演
自心取自心	非幻成幻法
不取無非幻	非幻尚不生
幻法云何立	是名妙蓮華
金剛王寶覺	如幻三摩提
彈指超無學	此阿毘達磨
十方薄伽梵	一路涅槃門
<p>_ Nhĩ thời, Thế-Tôn dục trùng-tuyên thủ-nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn:</p> <p>Chơn-Tánh hữu-vi không, Duyên sanh cố như huyền, Vô vi vô khởi diệt, Bất thiêt như không hoa. Ngôn vọng hiển chư chơn, Vọng chơn đồng nhị vọng, Du phi chơn phi chơn, Vân hà kiến sở-kiến? Trung gian vô thiêt-tánh, Thị cố nhược giao-lô, Kết giải đồng sở-nhân, Thánh phàm vô nhị lô. Nhữ quán giao trung tánh, Không hữu nhị cu phi, Mê-hối tức vô-minh, Phát minh tiễn giải-thoát.</p>	
<p>_ Thời bấy giờ, muôn trùng-tuyên diệu-nghĩa vừa giảng dạy, Đức Thế-Tôn thuyết kệ như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chơn tánh trần-tướng không, Duyên sở-sanh tự huyền. Vô-vi chẳng còn mất, Hư-vọng như hoa đốm. 2. Vọng-trần hiển chơn-thể, Vọng chơn tức hai vọng, Không có chơn thì vọng, Thế nào thấy chỗ thấy? 3. Khoảng giữa không tánh thiêt, Chẳng khác chi lau hiệp, Buộc mở đồng một gốc, Không hai đường Thánh phàm. 4. Hãy xét trong tánh giao, Có không đều chẳng có, Mê-muội tức vô-minh, Sáng tỏ thành giải-thoát. 	

<p>Giải kết nhân thứ đệ, Lục giải nhứt diệc vong, Căn tuyển-trạch viên-thông, Nhập lưu thành chánh-giác. Đà-na vi-tế thức, Tập khí thành bộc lưu, Chơn phi-chơn khủng mê, Ngã thường bất khai diễn. Tự-Tâm thủ Tự-Tâm, Phi huyễn thành huyễn pháp, Bất thủ vô phi huyễn, Phi-huyễn thượng bất sanh. Huyễn-pháp vân hà lập? Thị danh Diệu-Liên-Hoa, Kim-Cang-Vương Bửu-giác, Như huyễn Tam-ma-đề. Đờn chỉ siêu vô-học, Thử A-Tỳ-Đạt-Ma, Thập phương Bạc-Già-Phạm, Nhứt lộ Niết-Bàn môn.</p>	<p>5. Mở gút có thứ-tự, Mở sáu như mở một, Chọn lựa căn viên-thông, Ngộ-nhập cảnh Chánh-giác. 6. Thức chấp-trì vi-tế, Tập-khí như nước chảy, Chấp Chơn-vọng sanh mê, Thường không được khai giảng. 7. Tự-tâm giữ Tự-Tâm, Không huyễn như pháp huyễn, Không chấp không phải huyễn, Không huyễn chắc không sanh. 8. Pháp huyễn há lập được? Danh gọi Diệu-Liên-Hoa, Bửu-giác Kim-Cang-Vương, Pháp Chánh-định vô-ngại. 9. Phút chốc đắc vô-học, Diệu-pháp tuyệt-đối này, Thập phương chư Như-Lai, Đi một đường Viên-tịch. (2)</p>
--	--

於是阿難及諸大眾。聞佛如來無上慈誨祇夜伽陀。雜糅精瑩妙理清徹。心目開明歎未曾有。阿難合掌頂禮白佛。我今聞佛無遮大悲。性淨妙常真實法句。心猶未達六解一亡舒結倫次。惟垂大慈再愍斯會及與將來。施以法音洗滌沈垢。

<p>6. Ư thị A-Nan cập chư đại-chúng, văn Phật Như-Lai vô-thượng từ hối, Kỳ-Dạ, Già-Đà, tạp nhữu tinh oánh, diệu lý thanh triệt, tâm mục khai minh, thán vị-tăng-hữu.</p> <p>_ A-Nan hiệp-chưởng, đánh lễ bạch Phật: Ngã kim văn Phật, vô giá đại-bi, tánh tịnh diệu thường, chơn-thiệt pháp-cú.</p> <p>_ Tâm do vị đạt, lục giải nhứt vong, thư kết luân thứ, duy thùy đại-từ, tái mẫn tư hội, cập dũ tương-lai, thí dĩ pháp-âm, tẩy dịch trần-cấu.</p> <p>Trần-cấu (塵垢): bụi nhơ. Trần-cấu tức là phiền-não. Cảnh trần nhơ bẩn nhập vào căn thì làm cho thân-tâm nhơ bẩn gây nên phiền-não.</p>	<p>6. Ngài A-Nan và Đại-chúng nghe Phật dạy những kệ trì tụng, lời nói như châu-ngọc, đạo-lý huyền-diệu thông suốt, khiến tâm và mắt sáng tỏ, nên đồng khen ngợi pháp chưa từng có.</p> <p>_ Ngài A-Nan hiệp-chưởng đánh lễ rồi bạch Phật: Bạch Đức Thế-Tôn! Nay tôi nghe được pháp chơn-thiệt do lòng đại-bi vô-cùng quý báu của Phật nói ra căn-tánh thanh-tịnh, huyền-diệu, thường-trú.</p> <p>_ Nhưng chưa hiểu rõ nghĩa mở sáu mà một cũng tiêu và pháp mở gút có thứ-tự, kính xin Đức Phật dũ lòng từ-bi thương xót Đại-chúng trong Giáo-Hội và thương xót đến chúng-sanh đời vị-lai, bố-thí cho tiếng pháp nhiệm-mầu để tẩy sạch bụi trần ô-nhiễm.</p>
---	---

即時如來於師子座。整涅槃僧歛僧伽梨。覽七寶机引手於机。取劫波羅天所奉花巾。於大眾前綰成一結。示阿難言此名何等。阿難大眾俱白佛言此名為結。於是如來綰疊花巾又成一結。重問阿難此名何等。阿難大眾又白佛言此亦名結。如是倫次綰疊花巾。總成六結一一結成。皆取手中所成之結。持問阿難此名何等。阿難大眾亦復如是。次第酬佛此名為結。

佛告阿難我初綰巾汝名為結。此疊花巾先實一條。第二第三云何汝曹復名為結。

阿難白佛言世尊。此寶疊花緝績成巾。雖本一體如我思惟。如來一綰得一結名。若百綰成終名百結。何況此巾祇有六結。終不至七亦不停五。云何如來祇許初時。第二第三不名為結。

<p>7. Tức thời Như-Lai, ư sư-tử tọa, chỉnh Niết-Bàn tảng, liễm Tăng-già-lê, lâm thất bửu kỷ, dẫn thủ ư kỷ, thủ Kiếp-Ba-La Thiên, sở phụng hoa cân.</p> <p>_ Ư đại-chúng tiền, quán thành nhứt kết, thị A-Nan ngôn:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Thủ danh hà đǎng? _ A-Nan đại-chúng cu bạch Phật ngôn: Thủ danh vi kết. 	<p>7. Khi ấy Đức Phật ngồi tòa sư-tử, sửa áo Niết-Bàn tảng, kéo y Tăng-già-lê, vịn ghế thất-bảo, với tay lấy cái khăn bông của Trời Kiếp-Ba-La dâng cúng.</p> <p>_ Trước mặt Đại-chúng, Đức Phật dùng khăn thắt một gút, rồi đưa cho ngài A-Nan xem và hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ A-Nan! Cái này kêu là cái gì? _ Bạch Đức Thế-Tôn! Cái đó kêu là cái gút.
<p>_ Ư thị Như-Lai, quán Diệp-hoa cân, hựu thành nhứt kết, trùng vấn A-Nan:</p> <p>_ Thủ danh hà đǎng?</p> <p>_ A-Nan đại-chúng, hựu bạch Phật ngôn: Thủ diệc danh kết.</p>	<p>_ Đức Phật lại lấy khăn bông, thắt thêm một gút nữa, lại hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ A-Nan! Cái này kêu là cái gì? _ Bạch Đức Thế-Tôn! Cái đó cũng kêu là cái gút.
<p>_ Như-thị luân thứ quán Diệp-hoa cân, tổng thành lục kết, nhứt nhứt kết thành, giai thủ thủ trung, sở thành chi kết, trùng vấn A-Nan:</p> <p>_ Thủ danh hà đǎng?</p> <p>_ A-Nan đại-chúng, diệc phục như-thị, thứ đệ thủ Phật, thủ danh vi kết.</p>	<p>_ Đức Phật tuần tự thắt cái khăn bông thành sáu gút, mỗi khi thắt xong một gút thì đưa ra hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ A-Nan! Cái này kêu là cái gì? _ Ngài A-Nan và Đại-chúng đều ưng-thuận cho cái ấy kêu là cái gút.
<p>Phật cáo A-Nan:</p> <p>_ Ngã sơ quán cân, nhữ danh vi kết, thủ Diệp-hoa cân, tiên thiệt nhứt điếu, đệ-nhị đệ-tam, vân hà nhữ tào, phục danh vi kết.</p>	<p>Đức Phật hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ A-Nan! Ta dùng cái khăn bông này thắt một gút đầu tiên, ông và Đại-chúng đều ưng-thuận cho là cái gút, đến lần thứ hai, thứ ba, tại sao cũng cho là cái gút?
<p>A-Nan bạch Phật ngôn:</p>	<p>Ngài A-Nan bạch Phật:</p>

<p>_ Thế-Tôn! Thủ bửu Địệp-hoa, tập tích thành cân, tuy bốn nhứt thế, như ngã tư duy, Như-Lai nhứt quán, đắc nhứt kết danh, nhược bá quán thành, chung danh bá kết.</p> <p>_ Hà huống thử cân, kỳ hữu lục kết, chung bất chi thất, diệc bất đình ngũ, vân hà Như-Lai, chỉ hứa sơ thời, đệ-nhị đệ-tam, bất danh vi kết.</p>	<p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Cái khăn thêu dệt bằng bông tốt đẹp đó vốn một thế-tánh, nhưng theo ý tôi nghĩ, khi Đức Thế-Tôn thắt một lần thì được gọi là một gút, nếu thắt trăm lần dĩ-nhiên được gọi là trăm gút.</p> <p>_ Nay cái khăn đó chỉ có sáu gút, không lên bảy gút cũng không dưới ở năm gút, vì cớ sao Đức Thế-Tôn chỉ cho thắt lần đầu là gút, còn lần thứ hai, thứ ba lại không được gọi là gút chăng?</p>
--	---

佛告阿難此寶花巾。汝知此巾元止一條。我六綰時名有六結。汝審觀察巾體是同因結有異。於意云何初綰結成名為第一。如是乃至第六結生。吾今欲將第六結名成第一不。

不也世尊。六結若存。斯第六名終非第一。縱我歷生盡其明辯。如何令是六結亂名。佛言如是六結不同。循顧本因一巾所造。令其雜亂終不得成。則汝六根亦復如是。畢竟同中生畢竟異。

佛告阿難汝必嫌此六結不成。願樂一成復云何得。

阿難言此結若存。是非鋒起於中自生。此結非彼彼結非此。如來今日若總解除。結若不生則無彼此。尚不名一六云何成。

佛言六解一亡亦復如是。由汝無始心性狂亂。知見妄發發妄不息。勞見發塵如勞目睛。則有狂花於湛精明。無因亂起一切世間。山河大地生死涅槃。皆即狂勞顛倒花相。

阿難言此勞同結云何解除。

8. Phật cáo A-Nan:

- _ Thủ bửu-hoa cân, nhữ tri thử cân, nguyên chỉ nhứt điệu, ngã lục quán thời, danh hữu lục kết.
- _ Nhữ thẩm quan sát, cân thế thị đồng, nhân kết hữu dị.

_ Ư ý vân hà? Sơ quán kết thành, danh vi đệ-nhứt, như-thị nãi chí, đệ-lục kết sanh, ngô kim dục tương, đệ-lục kết danh, thành đệ-nhứt phủ?

_ Phất dã, Thế-Tôn! Lục kết nhược tồn, tư đệ-lục danh, chung phi đệ-nhứt, túng ngã lịch sanh, tận kỳ minh biện, như hà

8. Đức Phật dạy:

- _ A-Nan! Ông thừa hiểu: khăn chỉ có một cái, nhưng Ta thắt sáu gút thì gọi là khăn có sáu gút.
- _ Ông hãy quan-sát châu-đáo, bốn-thể của khăn thì đồng, nhưng vì có sáu gút mà hóa ra dị.
- _ Ý ông nghĩ sao? Khi cái gút thứ nhứt thắt xong gọi là gút thứ nhứt, tuần tự tới gút thứ sáu thắt xong, Ta gọi là gút thứ sáu, nhưng Ta muốn đem cái tên gút thứ sáu kêu lại là gút thứ nhứt, được hay không?

_ Bạch Đức Thế-Tôn! Không được. Nếu sáu gút hiện còn thì cái tên gút thứ sáu không thể nào sửa lại là gút thứ nhứt

<p>linh thị, lục kết loạn danh.</p>	<p>được, dầu tôi có biện-bạch thông-minh cách nào cũng chẳng làm sao thay đổi tên của sáu gút.</p>
<p>_ Phật ngôn: Như-thị. Lục kết bất đồng, tuần cố bốn nhân, nhứt cân sở tạo. Lịnh kỳ tạp loạn, chung bất đắc thành.</p> <p>_ Tắc nhữ lục-căn, diệc phục như-thị.</p> <p>_ Tất cánh đồng trung, sanh tất cánh dị.</p> <p>_ Phật cáo A-Nan: Nhữ tất hiềm thử, lục kết bất thành. Nguyện lạc nhứt thành, phục vân hà đắc?</p>	<p>_ A-Nan! Ông nói đúng. Sáu gút tuy không đồng, nhưng nguồn gốc là một cái khăn tạo-lập. Nếu muốn xáo trộn thì chắc không thành được.</p> <p>_ Sáu căn của ông lại cũng như vậy.</p> <p>_ Trước kia thì chỗ rốt ráo đồng nhau (khi chưa có gút), lại sanh ra rốt ráo khác nhau (khi có gút).</p> <p>_ Ta thắt cái khăn làm sáu gút, thì chắc ông lo ngại sáu gút, không thể nào thành được một thể. Nay nếu muốn sáu gút hoàn lại thành cái khăn thì phải làm sao hoàn được?</p>
<p>_ A-Nan ngôn: Thủ kết nhược tồn, thị phi phong khởi, ư trung tự sanh, thủ kết phi bỉ, bỉ kết phi thử.</p> <p>(_ Nếu còn những nút đó, thì thị-phi sôi nổi, trong đó tự sanh ra nút này không phải nút kia, nút kia không phải nút này.)</p> <p>Thị-phi: phải trái/ đúng sai. (chỉ dư-luận khen chê)</p> <p>_ Như-Lai kim nhựt, nhược tổng giải trừ, kết nhược bất sanh, tắc vô bỉ thử, thượng bất danh nhứt, lục vân hà thành.</p> <p>Bỉ-thử: cái kia cái này. (chỉ sự so sánh, phân bì)</p>	<p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Sáu gút nếu còn, thì có tên nhứt-định rồi. Không đổi được gút thứ sáu làm gút thứ nhứt, theo như Đức Thế-Tôn đã nói, vì gút này không phải là gút kia, gút kia không phải là gút này. Nếu có thay đổi xáo trộn tất sanh thị-phi hay sao?</p> <p>_ Nếu Đức Thế-Tôn mở hết sáu gút, không chừa lại gút nào cả thì không có bỉ-thử, như vậy danh một gút còn không có, huống chi danh sáu gút thì làm sao có được?</p>
<p>_ Phật ngôn: Lục giải nhứt vong, diệc phục như-thị.</p> <p>(_ Phật dạy: Cái nghĩa cởi cả sáu, một cũng không còn, thì cũng như thế.)</p> <p>_ Do nhữ vô thi, tâm-tánh cuồng-loạn, tri-kiến vọng phát, phát vọng bất tức, lao kiến phát trần. Như lao mục tinh, tắc hữu cuồng hoa, ư trạm tịnh minh.</p> <p>(_ Do từ vô-thi, tâm óng điên-loạn, tri-kiến vọng phát ra, vọng-phát mãi không thôi, làm cho tri-kiến sanh bệnh, phát ra trần-tưởng, như trong con mắt mệt mỏi, thì có hoa đốm lăng xăng.)</p> <p>_ Vô nhân loạn khởi, nhứt-thiết thế-</p>	<p>_ A-Nan! Ông nói phải. Nghĩa “mở sáu thì một cũng mất” tương-đồng với nghĩa trên.</p> <p>_ Từ kiếp vô-thi, tâm-tánh Bổn-giác viễn-tịch viễn-thường của ông bị nghiệp vô-minh ám che nên ông mê loạn, tánh thấy biết phát vọng, phát vọng mãi sanh lao, có lao thì có trần-tưởng giả dối, ví như con mắt bị lao dĩ-nhiên có hoa đốm múa may quay cuồng giữa hư-không yên lặng trong sáng.</p> <p>_ Đó là chứng tỏ ở thế-gian, tất cả pháp</p>

gian, sơn-hà đại-địa, sanh-tử hữu-vi, giai tức cuồng lao, điên-đảo hoa tưởng.	hữu-vi, sanh-tử, núi sông, đất bồng, đều giống như hoa đốm điên-đảo trong tánh cuồng-lao.
A-Nan ngôn: _ Thủ lao đồng kết, vân hà giải trừ ? (_ Cái bệnh mê lầm giống như cái nút kia, làm sao cởi bỏ cho được.)	Ngài A-Nan bạch Phật: _ Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi có thể lấy cái gút ví dụ cho tánh cuồng-lao. Vậy làm sao giải-trừ tánh cuồng-lao giống như mở cái gút?

9.	9. PHƯƠNG-PHÁP MỞ GÚT.
<p>如來以手將所結巾。偏掣其左問阿難言。如是解不。不也世尊。旋復以手偏牽右邊。又問阿難如是解不。不也世尊。</p> <p>佛告阿難吾今以手。左右各牽竟不能解。汝設方便云何成解。阿難白佛言世尊。當於結心解即分散。佛告阿難如是如是。若欲除結當於結心。</p> <p>阿難我說佛法從因緣生。非取世間和合龐相。如來發明世出世法。知其本因隨所緣出。如是乃至恒沙界外。一滴之雨亦知頭數。現前種種松直棘曲。鵠白鳥玄皆了元由。</p> <p>是故阿難隨汝心中選擇六根。根結若除塵相自滅。諸妄銷亡不真何待。</p> <p>阿難吾今問汝。此劫波羅巾六結現前。同時解縛得同除不。不也世尊。是結本以次第綰生。今日當須次第而解。六結同體結不同時。則結解時云何同除。</p>	
<p>_ Như-Lai dĩ thủ, tương sở kết cân, thiên xế kỳ tả, vấn A-Nan ngôn:</p> <p>_ Như-thị giải phủ? _ Phất dã, Thế-Tôn!</p> <p>_ Toàn phục dĩ thủ, thiên khiên hữu biên, hựu vấn A-Nan:</p> <p>_ Như-thị giải phủ? _ Phất dã, Thế-Tôn!</p> <p>_ Phật cáo A-Nan: Ngô kim dĩ thủ, tả hữu các khiên, cánh bất năng giải.</p> <p>_ Nhữ thiết phương tiện, vân hà thành giải?</p> <p>_ A-Nan bạch Phật ngôn: Thế-Tôn! Đương ư kết tâm, giải tức phân tán.</p>	
<p>_ Đức Như-Lai lấy khăn có gút, cầm một mối gút rồi kéo xiêng bên tả và hỏi:</p> <p>_ A-Nan! Như vậy mở được chăng? _ Bạch Đức Thế-Tôn! Mở không được.</p> <p>_ Đức Như-Lai kéo mối gút xiêng qua bên hữu rồi hỏi tiếp:</p> <p>_ A-Nan! Như vậy mở được chưa? _ Bạch Đức Thế-Tôn! Mở chưa được.</p> <p>_ A-Nan! Ta lấy tay kéo mối gút xiêng qua tả rồi qua hữu, nhưng kết-cuộc không mở được.</p> <p>_ Vậy ông dùng phương-tiện chi để mở cho được gút?</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Phải mở ngay trung-tâm mối gút tự-nhiên gút tan rã.</p>	

<p>_ Phật cáo A-Nan: Như-thị như-thị. Nhược dục trừ kết, đương ư kết tâm.</p>	<p>_ A-Nan! Như vậy là đúng. Muốn mở gút thì phải mở ngay trung-tâm.</p>
	<p>_ Khi viên-chứng quả-vị Vô-Thượng Chánh-Đẳng Chánh-Giác thì Như-Lai thấu-triệt tất cả.</p>
<p>_ A-Nan! Ngã thuyết Phật-pháp tùng nhân-đuyên sanh, phi thủ thế-gian, hòa-hiệp thô-tuồng. (_ Như-Lai đã nói Phật-pháp do nhân-đuyên mà sanh, nhân-đuyên này là nhân-đuyên thanh-khiết của xuất thế-gian, chớ không phải nhân-đuyên thô-phù theo các sắc-tuồng hòa-hiệp của thế-gian.)</p> <p>_ Như-Lai phát-minh, thế xuất thế pháp. (_ Như-Lai phát-minh các pháp thế-gian và xuất thế-gian, _ Tri kỲ bỒn nhān, tùy sở duyên xuất. - đều biết rõ bỒn-nhān của nó theo những duyên gì mà phát ra, _ Như-thị nāi chí Hằng-sa giới ngoại, nhứt trích chi vō, diệc tri đầu số. - cho đến một giọt mưa ở ngoài Hằng-sa thế-giới cũng biết số mục.)</p> <p>_ Hiện-tiền chủng chủng, tòng trực các khúc, nhạn bạch, ô huyền, giai liêu nguyễn do. (... nhạn trắng, quạ đen, đều rõ nguyên do.)</p>	<p>_ Như-Lai đã nói Phật-pháp do nhân-đuyên mà sanh, nhân-đuyên này là nhân-đuyên thanh-khiết của xuất thế-gian, chớ không phải nhân-đuyên thô-phù theo các sắc-tuồng hòa-hiệp của thế-gian.</p> <p>_ Như-Lai đã phát-minh tất cả thế-pháp và xuất thế-pháp, - Như-Lai thông-đạt nguồn gốc của lục phàm cho tới tứ Thánh, - Như-Lai hiểu rõ các nhân-đuyên ở khắp cả thập phương pháp-giới nhỏ nhen như số lượng của giọt mưa ở ngoài Hằng-sa quốc-độ.</p> <p>_ Các loại hiện-tiền ở khắp thế-gian như cây tùng thẳng, cây cước cong, chim nhạn trắng, chim quạ đen, v.v... mỗi loại đều có căn-bổn, không vượt được tri-kiến của Như-Lai.</p>
	<p>_ Tri-kiến của Như-Lai vô-lượng vô-biên soi thấu tất cả pháp, không thể nghĩ bàn được. Thế nên pháp mở gút của Như-Lai dạy chắc chắn thành-tựu hiệu-quả.</p>
<p>_ Thị cố A-Nan, tùy nhữ tâm trung, tuyển trách lục-căn. _ Căn kết nhược trừ, trần tuồng tự diệt, chư vọng tiêu vong, bất chơn hà đai. (_ Nếu trừ được cái nút nơi căn ấy rồi, thì trần-tuồng tự tiêu-diệt, các vọng đã tiêu mất, thì chả phải chơn là gì.)</p>	<p>_ A-Nan! Vậy trong sáu căn, ông nên chọn lựa một căn nào vien-thông để thâm-nhập. _ Nếu giải-trừ được căn ấy thì tiêu-diệt được tất cả sắc tuồng pháp-trần, đó là vọng bị trừ tuyệt dĩ-nhiên chẳng còn lo gì mà không chứng chơn.</p>

	<p>_ Như thế một căn được giải-trừ thì cả sáu căn đều giải-thoát.</p>
<p>A-Nan! Ngô kim vấn nhữ. _ Thủ Kiếp-Ba-La cân, lục kết hiện tiền, đồng-thời giải oanh, đắc trừ đồng phủ? (_ Cái khăn hoa này hiện có sáu nút, nếu đồng-thời cởi ra, thì có thể đồng-thời trừ hết được chăng?)</p>	<p>A-Nan! Ta lại hỏi ông: _ Cái khăn bông này hiện có sáu gút, nếu không có thứ-tự, do theo tầng lớp mà mở, lại đồng mở một lượt, có thể mở được chăng?</p>
<p>_ Phất dã, Thế-Tôn! _ Thị kết bốn dĩ thứ đệ quán sanh, kim nhụt đương tu thứ đệ nhi giải. _ Lục kết đồng thể, kết bất đồng thời, tắc kết giải thời, vân hà đồng trừ ? (_ Sáu cái nút tuy đồng một thể, nhưng cột lại không đồng một thời, thì khi cởi nút, làm sao đồng một thời, mà trừ hết được?)</p>	<p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Chắc chắn không được. Vì cớ sao? _ Vì sáu gút đó trước kia đã thắt có thứ lớp, bây giờ phải do thứ lớp mà mở mới được. _ Đành rằng sáu gút đồng một thể tức là cùng chung ở một cái khăn, nhưng khi thắt có gút trước, gút sau khác nhau, như vậy làm thế nào mở một lượt sáu gút?</p>

10.	10. MỞ GÚT TỨC GIẢI CĂN, HIỆU-QUẢ GIẢI-THOÁT.
	<p>佛言六根解除亦復如是。此根初解先得人空。空性圓明成法 解脫。解脫法已俱空不生。是名菩薩從三摩地得無生忍。</p>
<p>Phật ngôn: _ Lục-căn giải-trừ, diệc phục như-thị. (_ Việc cởi trừ cái nút nơi sáu căn cũng giống như vậy.)</p>	<p>Đức Phật dạy: _ A-Nan! Giải-trừ sáu căn đồng nghĩa với mở sáu gút.</p>
<p>_ Thủ căn sơ giải, tiên đắc nhân không. _ Không-tánh viên-minh, thành pháp giải-thoát. (_ Đến khi tánh Không viên-mẫn sáng suốt, thì giải-thoát pháp-chấp.) _ Giải-thoát pháp dĩ, cu không bất sanh, thị danh Bồ-Tát tùng Tam-ma-địa, đắc Vô-Sanh-Nhẫn.</p>	<p>_ Muốn mở gút, phải biết đâu gút mới mở được. Sau khi chọn lựa được căn viên-thông, thì giải-trừ ngay trung-tâm. _ Được như thế (căn ấy khi bắt đầu cởi ra) thì (trước hết) đắc nhân không. _ Đắc nhân-không thì hết ngã-chấp, ngã-chấp hết thì viên-minh không-tánh, dứt sạch pháp-chấp. _ Ngã-chấp với pháp-chấp đều bị tiêu-diệt cho tới hai thứ nhân-không và pháp-không cũng chẳng còn, đó là bậc Bồ-Tát</p>

<p>(_ Pháp-chấp được giải-thoát rồi, cả cái nhân-không và pháp-không cũng chẳng còn, thế thì gọi là Bồ-Tát do Tam-ma-dề mà chứng được Vô-Sanh-Nhẫn.)</p>	<p>tu-hành theo nhân-địa chánh-định mà đắc quả-vị Vô-Sanh-Nhẫn.</p>
<p>11.</p>	<p>11. NGÀI A-NAN VÀ ĐẠI-CHÚNG CẦU HIỂU BỐN-CĂN VIÊN-THÔNG.</p>
<p>阿難及諸大眾蒙佛開示。慧覺圓通得無疑惑。一時合掌頂禮雙足。而白佛言。我等今日。身心皎然快得無礙。雖復悟知一六亡義。然猶未達圓通本根。世尊我輩飄零積劫孤露。何心何慮預佛天倫。如失乳兒忽遇慈母。若復因此際會道成。所得密言還同本悟。則與未聞無有差別。惟垂大悲惠我祕嚴。成就如來最後開示。作是語已五體投地。退藏密機冀佛冥授。</p>	
<p>_ A-Nan cập chư đại-chúng, mông Phật khai-thị, tuệ-giác viên-thông, đắc vô nghi-hoặc, nhứt thời hiệp chưởng, đánh lễ song túc, nhi bạch Phật ngôn: _ Ngã dáng kim nhụt, thân-tâm kiểu nhiên, khoái đắc vô-ngại; tuy phục ngộ tri, nhứt lục vong nghĩa, nhiên do vị viễn, viên-thông bốn-căn. (...; song tuy ngộ được cái nghĩa một và sáu đều không còn, nhưng còn chưa rõ căn-tánh bốn-lai viên-thông.)</p>	<p>_ Ngài A-Nan và Đại-chúng nhờ Đức Phật khai-thị tuệ-giác viên-thông nên hết nghi-hoặc, đồng hiệp-chưởng đánh lễ và bạch Phật: _ Bạch Đức Thế-Tôn! Nay chúng tôi nhận định thân-tâm minh-bạch, tỏ ngộ vô-ngại; nhưng chỉ biết mở sáu tiêu một, chớ chưa biết trong sáu căn, căn nào là bốn-căn viên-thông để chọn lựa giải-trừ.</p>
<p>_ Thế-Tôn! Ngã bối phiêu linh, tích kiếp cô lộ, hà tâm hà lự, dự Phật thiêng luân, như thất nhũ nhi, hốt ngộ từ mẫu. (_ Thưa Thế-Tôn! Chúng tôi phiêu giật bơ vơ nhiều kiếp, ngỡ đâu lại được dự vào dòng giống của Phật, ví như những đứa con khát sữa, tình cờ gặp mẹ hiền.) _ Nhược phục nhân thử, tế hội đạo thành, sở đắc mật ngôn, hoàn đồng bản ngộ, tắc dữ vị văn, vô hữu sai biệt. (_ Nếu nhân cơ-hội này mà được thành đạo, chỗ bốn-ngộ phù hợp với đạo-lý vi-diệu đã được nghe, thì cùng với những người chưa nghe, không có sai khác.) _ Duy thùy đại-bi, huệ ngã bí nghiêm, thành-tựu Như-Lai tối-hậu khai-thị. (_ Xin Phật rủ lòng đại-bi ban cho chúng tôi những pháp bí-mật trang-nghiêm, thành-tựu lời chỉ dạy cuối cùng của Như-Lai.)</p>	<p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Từ vô-thỉ, chúng tôi bị trôi nổi linh-định, không đức-độ hộ thân, đã chịu vô-lượng kiếp đau khổ, nay được nhờ Đức Thế-Tôn dạy bảo, ví như những đứa con khát sữa, tình cờ gặp mẹ hiền. _ Chúng tôi nghe được mật-ngôn của Đức Thế-Tôn phát-minh tuệ-giác viên-thông đồng với Bốn-Tâm tỏ ngộ của chúng tôi, nhưng chưa có tâm-chứng. Vậy nghe và không nghe, hai cái ấy có khác nhau chăng? _ Ngưỡng cầu Đức Thế-Tôn dù lòng đại-bi dạy bảo cho chúng tôi pháp vi-mật trang-nghiêm, để thành-tựu sự khai-thị rốt ráo của Đức Thế-Tôn.</p>

<p>_ Tác thị ngũ dĩ, ngũ thể² đầu địa, thối tàng mật cơ, ký định minh thọ.</p> <p>(... lui về an-trụ nơi cõi cảm sâu nhiệm, trông mong Phật tâm-truyền cho.)</p>	<p>_ Bạch xong, ngài A-Nan và Đại-chúng gieo năm vóc xuống đất lễ Phật và thành-kính chờ đợi lãnh-thọ giáo-pháp vi-mật của Đức Như-Lai.</p>
---	---

<p>12.</p>	<p>12. PHẬT BẢO 25 VỊ THÁNH THUYẾT-TRÌNH BỐN-CĂN VIÊN-THÔNG.</p> <p>爾時世尊普告眾中諸大菩薩。及諸漏盡大阿羅漢。汝等菩薩及阿羅漢。生我法中得成無學。吾今問汝最初發心悟十八界誰為圓通。從何方便入三摩地。</p>
<p>_ Nhĩ thời, Thế-Tôn phổ-cáo chúng trung chư Đại Bồ-Tát, cập chư lậu-tận Đại A-La-Hán:</p> <p>_ Nhữ đẳng Bồ-Tát, cập A-La-Hán, sanh ngã pháp trung, đắc thành vô-học.</p> <p>_ Ngô kim vấn nhữ. Tối sơ phát tâm, ngộ thập bát giới, thùy vị viên-thông, tùng hà phuong tiễn, nhập Tam-ma-địa?</p>	<p>_ Lúc bấy giờ Đức Phật gọi các vị Đại Bồ-Tát và lậu-tận Đại A-La-Hán ở trong Giáo-Hội mà nói rằng:</p> <p>_ Quý vị Đại Bồ-Tát và A-La-Hán tu-hành ở trong Phật-pháp đã đắc quả vị vô-học.</p> <p>_ Nay Như-Lai hỏi quý vị: Ban sơ, mỗi vị phát Bồ-Đề Tâm tò ngô thập bát giới đã do chỗ viên-thông nào làm nền tảng giải-trừ và dùng phuong-tiễn chi để vào cảnh-trí chánh-định?</p>
	<p>_ Mỗi vị nên thuyết-trình giữa Giáo-Hội để đáp lại sự thỉnh-cầu của ông A-Nan và Đại-chúng.</p>

<p>13.</p>	<p>13. NGÀI KIỀU-TRẦN-NHƯ GIÁC-NGỘ DO THINH-TRẦN.</p> <p>驕陳那五比丘即從座起。頂禮佛足而白佛言。我在鹿苑及於雞園。觀見如來最初成道。於佛音聲悟明四諦。佛問比丘我初稱解。如來印我名阿若多妙音密圓。我於音聲得阿羅漢。佛問圓通如我所證音聲為上。</p>
<p>_ Kiều-Trần-Như, ngũ Tỳ-khưu, tức tùng tòa khởi, đánh lê Phật túc, nhi bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Ngã tại Lộc-Uyển, cập ư Kê-Viên, quan kiến Như-Lai, tối sơ thành đạo.</p>	<p>_ Ngài Kiều-Trần-Như trong số 5 vị Tỳ-khưu, đứng dậy đánh lê và bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Khi tôi ở vườn Lộc-Uyển và Kỳ-Đà, được thấy Đức Thế-Tôn thành đạo lúc ban sơ rồi thuyết pháp độ sanh.</p>

<ul style="list-style-type: none"> _ Ư Phật âm-thinh, ngã minh Tứ-đế. _ Phật vấn Tỳ-khưu, ngã sơ xưng giải, Như-Lai ấn ngã, danh A-Nhã-Đà. (_ Phật hỏi trong hàng Tỳ-khưu, thì trước tiên tôi thưa đã hiểu...) _ Diệu âm mật viên, ngã ư âm thinh, đắc A-La-Hán. _ Phật vấn viên-thông, như ngã sở chứng, âm-thinh vi thượng. 	<ul style="list-style-type: none"> _ Tôi nghe tiếng nói của Đức Thế-Tôn thì tỏ ngộ pháp Tứ diệu-đế. _ Đến khi Đức Thế-Tôn hỏi đoàn-thể của tôi có vị nào tỏ ngộ thì có tôi ứng- hiện, nên Đức Thế-Tôn ấn-chứng cho tôi được danh A-Nhã-Đà (nghĩa là: Giải, Ý-thức). _ Vì thâm-nhập tiếng pháp vốn là Như- Lai-Tạng Tánh vi-mật diệu-viên, nên tôi đắc quả A-La-Hán. _ Nay Đức Thế-Tôn hỏi chỗ viên-thông do đó tôi được giác-ngộ thì theo sở- chứng, tôi xin nói rõ là Thinh-trần chủ- yếu.
---	---

14.	14. NGÀI ƯU-BA-NI-SA-ĐÀ GIÁC- NGỘ DO SẮC-TRẦN.
<p>優波尼沙陀即從座起。頂禮佛足而白佛言。我亦觀佛最初成道。觀不淨相生大厭離。悟諸色性以從不淨。白骨微塵歸於虛空。空色二無。成無學道。如來印我名尼沙陀。塵色既盡妙色密圓。我從色相得阿羅漢。佛問圓通如我所證色因為上。</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Ưu-Ba-Ni-Sa-Đà tức tùng tòa khởi, đảnh lễ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn: _ Ngã diệc quán Phật, tối sơ thành đạo. _ Quán bất tịnh tướng, sanh đại yểm ly. (_ Tôi quán tướng bất tịnh, sanh lòng nhảm chán rồi bỏ tột bậc.) _ Ngô chư sắc tánh, dī tùng bất tịnh, bạch cốt vi-trần, qui ư hư-không. (_ Ngô cái tánh của các sắc, từ tướng bất tịnh đến tướng xương trắng, tướng vi-trần, rồi tan về hư-không.) _ Không sắc nhị vô. (_ Cả hai cái không và cái sắc đều không.) _ Thành vô-học đạo, Như-Lai ấn ngã, danh Ni-Sa-Đà. 	<p>Ngài Ưu-Ba-Ni-Sa-Đà đứng dậy đảnh lễ và bạch Phật:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi được thấy Đức Thế-Tôn thành đạo lúc ban sơ. _ Tôi quán-tưởng sắc-thân nhơ bẩn có chín lỗ hôi tanh, từ khi sanh cho tới khi tử không có chút gì sạch. Nhờ quán-tưởng sắc-thân bất-tịnh, tôi nhảm chán, - và tỏ ngộ được sắc-thân khởi đầu từ chõ nhơ bẩn ở bên ngoài cho tới các thứ xương trắng ở bên trong đều trở về hư-không. _ Đó là Không tức Sắc, Sắc tức Không, rốt cuộc hai cái chẳng còn chi. _ Nhờ chỗ tỏ ngộ đó tôi nêu bậc vô-học và được Đức Thế-Tôn ấn-chứng cho tôi danh Ni-Sa-Đà (nghĩa là: Sắc-Tánh).

<p>_ Trần sắc ký tận, diệu sắc mật viên, ngã tùng sắc tướng, đắc A-La-Hán.</p> <p>(_ Sắc của trần-cảnh đã hết, sắc của tánh diệu được mật-viên, tôi do sắc-tướng mà chứng quả A-La-Hán.)</p> <p>_ Phật vẫn viên-thông, như ngã sở chứng sắc nhân vi thượng.</p>	<p>_ Như thế sắc-trần dứt sạch thì Chơn-tánh hiện rõ. Tôi biết sắc-trần vốn là Như-Lai-Tạng Tánh vi-mật diệu-viên nên tu-chứng quả-vị A-La-Hán.</p> <p>_ Nay Đức Thế-Tôn hỏi chõ viên-thông do đó tôi được giác-ngộ thì theo sở-chứng, tôi xin nói rõ là Sắc-trần chủ-yếu.</p>
---	--

15.	15. NGÀI HƯƠNG-NGHIÊM GIÁC-NGỘ DO HƯƠNG-TRẦN.
<p>香嚴童子即從座起。頂禮佛足而白佛言。我聞如來教我諦觀諸有為相。我時辭佛宴晦清齋。見諸比丘燒沈水香。香氣寂然來入鼻中。我觀此氣非木非空非煙非火。去無所著來無所從。由是意銷發明無漏。如來印我得香嚴號。塵氣倏滅妙香密圓。我從香嚴得阿羅漢。佛問圓通如我所證香嚴為上。</p> <p>_ Hương-Nghiêm đồng-tử túc tùng tòa khởi, đảnh lẽ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Ngã văn Như-Lai, giáo ngã đế quán, chư hữu-vi tướng.</p> <p>_ Ngã thời từ Phật, yến hối thanh trai, kiến chư Tỳ-khưu, thiêu trầm-thủy hương, hương khí tịch nhiên, lai nhập ty trung.</p> <p>_ Ngã quán thủ khí, phi mộc, phi không, phi yên, phi hỏa, khứ vô sở trước, lai vô sở tùng.</p> <p>(..., di ra không dính vào đâu, tôi nỡ cõng không do đâu.)</p> <p>_ Do thị ý tiêu, phát-minh vô-lậu, Như-Lai ấn ngã đắc Hương-Nghiêm hiệu.</p> <p>_ Trần khí thúc diệt, diệu hương mật vien, ngã tùng hương nghiêm đắc A-La-Hán.</p> <p>_ Phật vẫn viên-thông, như ngã sở</p>	<p>15. NGÀI HƯƠNG-NGHIÊM GIÁC-NGỘ DO HƯƠNG-TRẦN.</p> <p>_ Ngài Hương-Nghiêm đồng-tử đứng dậy đảnh lẽ và bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Vâng lời Đức Thế-Tôn dạy, tôi quán-tưởng các pháp hữu-vi.</p> <p>_ Một hôm, sau khi tôi lạy tạ Phật, ngồi im lặng trong cảnh thanh-tịnh, thì tôi thấy các vị Tỳ-khưu đốt hương trầm-thủy, mùi hương phảng phất bay vào mũi tôi.</p> <p>_ Tôi liền quán hơi hương chẳng phải do cây, chẳng phải do hư-không, không phải khói, không phải lửa, không phải hòa-hiệp, không phải vô-nhân.</p> <p>_ Do đó ý tôi tiêu mất, phát-minh vô-lậu, thể hương chẳng còn, Chơn-Tánh hiện rõ, nên được Đức Thế-Tôn ấn-chứng cho tôi danh Hương-Nghiêm.</p> <p>_ Tôi nhờ biết hương-trần vốn là Như-Lai-Tạng Tánh vi-mật diệu-viên, nên tôi thành bậc A-La-Hán.</p> <p>_ Nay Đức Thế-Tôn hỏi chõ viên-thông</p>

chứng, hương nghiêm vi thượng.	do đó tôi được giác-ngộ thì theo sở chứng, tôi xin nói rõ là Hương-trần chủ yếu.
16.	16. HAI NGÀI DƯỢC-VƯƠNG VÀ DƯỢC-THƯỢNG GIÁC-NGỘ DO VI TRẦN.
<p>藥王藥上二法王子。并在會中五百梵天即從座起。頂禮佛足而白佛言。我無始劫為世良醫。口中嘗此娑婆世界草木金石。名數凡有十萬八千。如是悉知苦醋鹹淡甘辛等味。并諸和合俱生變異。是冷是熱有毒無毒悉能遍知。承事如來了知味性非空非有。非即身心非離身心。分別味因從是開悟。蒙佛如來印我毘盧。藥王藥上二菩薩名。今於會中為法王子。因味覺明位登菩薩。佛問圓通如我所證味因為上。</p>	
<p>_ Dược-Vương, Dược-Thượng, nhị Pháp-Vương-Tử, tinh tại hội trung, ngũ bá Phạm-Thiên tức tùng tòa khởi, đảnh lê Phật túc, nhi bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Ngã vô thi kiếp, vi thế lương-y, khẩu trung thường thử Ta-bà thế-giới, thảo, mộc, kim, thạch, danh số phàm hữu, thập vạn bát thiên, như-thị tất tri, khổ, thô, hàm, đậm, cam, tân, đắng vị.</p> <p>_ Tinh chư hòa-hiệp, cu sanh biến dị, thị lãnh thị nhiệt, hữu độc vô độc, tất năng biến tri.</p> <p>(_ Cùng với các vị biến đổi, do các vị kia hòa-hợp cùng sanh ra, thứ nào là lạnh, là nóng, có độc, không độc, tôi đều biết cả.)</p> <p>_ Thừa sự Như-Lai, liễu tri vị tánh, phi không, phi hữu, phi tức thân-tâm, phi ly thân-tâm.</p> <p>_ Phân-biệt vị nhân, tùng thị khai ngộ, mông Phật Như-Lai, ấn ngã côn quí, Dược-Vương, Dược-Thượng, nhị Bồ-Tát danh, kim ư hội trung, vi Pháp-Vương-Tử.</p>	<p>_ Ngài Dược-Vương và Dược-Thượng là hai vị Pháp-Vương-Tử, cùng với 500 vị Trời Phạm-Thiên ở trong Giáo-Hội, đều đứng dậy lạy Phật, đoạn hai ngài bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Chúng tôi từ kiếp vô-thi làm lương-y ở thế-giới Ta-Bà này, miệng từng nếm có hơn 108.000 món dược-thảo, dược-vật, dược-kim, dược-thạch, nên biết các vị đắng, chua, mặn, ngọt, cay;</p> <p>- cho tới các vị do dược-phẩm pha trộn lẫn nhau hoặc thái-dụng sanh ra, tất cả vị thuốc hoặc lạnh hoặc nóng, có độc hay không độc, bào-chế biến dị thảy đều biết cả.</p> <p>_ Kể từ khi theo Đức Thế-Tôn đến nay, chúng tôi biết rõ tánh của các vị chẳng phải không, cũng chẳng phải có, chẳng phải tức thân-tâm, cũng chẳng phải ly thân-tâm.</p> <p>_ Vì chúng tôi hiểu thấu các vị vốn là Như-Lai-Tạng Tánh, chúng tôi tỏ ngộ, nên Đức Thế-Tôn ấn-chứng cho chúng tôi danh Dược-Vương, Dược-Thượng, Pháp-Vương-Tử ở trong Giáo-Hội.</p>

<p>(_ Do phân-biệt đúng bản-tánh vị-trần mà được khai-ngộ.... nay ở trong hội này làm vị Pháp-Vương-Tử.)</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Nhân vị giác minh, vị đăng Bồ-Tát. _ Phật vẫn viên-thông, như ngã sở chứng vị nhân vi thượng. 	<ul style="list-style-type: none"> _ Nhân chúng tôi biết rõ các vị mà được thành bậc Bồ-Tát. _ Nay Đức Thế-Tôn hỏi chõ viên-thông do đó chúng tôi được giác-ngộ thì theo sở-chứng, chúng tôi xin nói rõ là Vị-trần chủ-yếu.
---	---

17.	17. NGÀI BẠT-ĐÀ BÀ-LA GIÁC-NGỘ DO XÚC-TRẦN.
<p>跋陀婆羅并其同伴。十六開士即從座起。頂禮佛足而白佛言。我等先於威音王佛。聞法出家於浴僧時。隨例入室忽悟水因。既不洗塵亦不洗體。中間安然得無所有宿習無忘乃至今時從佛出家今得無學。彼佛名我跋陀婆羅。妙觸宣明成佛子住。佛問圓通如我所證觸因為上。</p>	<p>Ngài Bạt-Đà Bà-La và 16 vị Tăng-sĩ pháp-hữu đứng dậy lạy Phật và ngài Bạt-Đà Bà-La bạch Phật:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Bạch Đức Thế-Tôn! Trước kia Đức Phật Oai-Âm-Vương ra đời, tôi có nghe pháp xuất-thế. _ Một hôm đến giờ chư Tăng tắm, theo thường-lệ tôi vào nhà tắm. _ Trong khi tắm, bỗng nhiên tôi tò ngô gốc của nước chẳng phải rửa bụi, cũng chẳng phải rửa thân, lại chẳng phải rửa trung-gian, vì trung-gian an-nhiên, không có rửa chi hết.
<p>_ Bạt-Đà Bà-La tinh kỳ đồng bạn, thập lục khai sỹ tức tùng tòa khởi, đánh lẽ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Ngã đăng tiên ư, Uy-Âm-Vương Phật, văn pháp xuất-gia.</p> <p>_ Ư dục tăng thời, tùy lệ nhập thất.</p> <p>_ Hốt ngộ thủy nhân, ký bất tẩy trần, diệc bất tẩy thể, trung-gian an-nhiên, đắc vô sở-hữu.</p>	<p>_ Khi có xúc-trần, thì tôi hiểu thấu xúc-trần không có xứ-sở, vốn là Như-Lai-Tạng Tánh vi-mật diệu-viên.</p>
<p>_ Túc tập vô vong, nãi chí kim thời, tùng Phật xuất-gia, linh đắc vô-học.</p> <p>(_ Túc tập không quên, nên đến ngày nay theo Phật xuất-gia, được thành quả vô-học.)</p> <p>Túc-tập: sự tu-tập từ đời trước.</p> <p>_ Bỉ Phật danh ngã, Bạt-Đà-Bà-La.</p>	<p>_ Vậy túc-tập đắc-ngộ của tôi hồi đời Phật Oai-Âm-Vương, tôi còn nhớ rõ cho tới hiện nay xuất-gia theo Đức Thế-Tôn, chứng quả-vị vô-học.</p> <p>_ Đức Phật Oai-Âm-Vương có ấn-chứng cho tôi danh Bạt-Đà-Bà-La (nghĩa là: Hiền-Hộ).</p>

<p>_ Diệu xúc tuyên minh, thành Phật-tử-trụ. Phật-tử-trụ = Pháp-Vương-Tử.</p> <p>_ Phật vấn viên-thông, như ngã sở chứng, xúc nhân vi thượng.</p>	<p>_ Nhờ giác-ngộ xúc-trần mà tu-chứng thành bậc Phật-tử-trụ.</p> <p>_ Nay Đức Thế-Tôn hỏi chõ viên-thông do đó tôi giác-ngộ thì theo sở-chứng, tôi xin nói rõ là Xúc-trần chủ-yếu.</p>
--	---

18.	18. NGÀI MA-HA CA-DIẾP GIÁC-NGỘ DO PHÁP-TRẦN.
<p>摩訶迦葉及紫金光比丘尼等即從座起。頂禮佛足而白佛言。我於往劫於此界中。有佛出世名日月燈。我得親近聞法修學。佛滅度後供養舍利然燈續明。以紫光金塗佛形像。自爾已來世世生生。身常圓滿紫金光聚。此紫金光比丘尼者。即我眷屬同時發心。我觀世間六塵變壞。唯以空寂修於滅盡。身心乃能度百千劫猶如彈指。我以空法成阿羅漢。世尊說我頭陀為最。妙法開明銷滅諸漏。佛問圓通如我所證法因為上。</p> <p>_ Ma-Ha Ca-Diếp, cập Tử-Kim-Quang Tỳ-khưu-ni đẳng tức tùng tòa khởi, đẳng lễ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Ngã ư vãng kiếp, ư thử giới trung, hữu Phật xuất thế, danh Nhựt-Nguyệt-Đăng, ngã đắc thân cận, văn pháp tu học.</p> <p>_ Phật diệt độ hậu, cung-dưỡng Xá-Lợi, Nhiên-Đăng tục minh, dĩ Tử-Kim-Quang đồ Phật hình-tượng.</p> <p>_ Tự nhĩ dĩ lai, thế thế sanh sanh, thân thường viên-mãn, Tử-Kim-Quang tụ.</p> <p>_ Thủ Tử-Kim-Quang, Tỳ-khưu-ni giả, tức ngã quyến-thuộc, đồng-thời phát tâm.</p> <p>_ Ngã quan thế-gian, lục-trần biến hoại, duy dĩ không-tịch, tu ư diệt tận.</p> <p>(_ Tôi quán trong thế-gian, sáu trần đều dời đổi tan nát, chỉ dùng pháp không-tịch, tu định diệt tận.)</p> <p>_ Thân-tâm nai năng, độ bá thiên kiếp, do như đòn chỉ.</p> <p>(_ Thì thân-tâm mới có thể trải qua trăm nghìn kiếp như một thời-gian gẩy ngón tay.)</p>	<p>18. NGÀI MA-HA CA-DIẾP GIÁC-NGỘ DO PHÁP-TRẦN.</p> <p>_ Ngài Ma-Ha Ca-Diếp và vị Tỳ-khưu-ni Tử-Kim-Quang đứng dậy lạy Phật, rồi ngài Ma-Ha Ca-Diếp bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Kiếp trước tôi ở cõi này, Đức Phật Nhựt-Nguyệt-Đăng ra đời, tôi hầu cận Phật, nghe pháp tu-học.</p> <p>_ Đến khi Phật diệt-độ rồi, tôi nhứt-tâm cung-dưỡng Xá-Lợi Phật, thắp đèn liên-tục ánh quang-minh và thếp cốt Phật bằng vàng Tử-Kim-Quang.</p> <p>_ Nhờ hai nhân lành đó, nên từ ấy đến sau, đời đời kiếp kiếp, thân tôi thường có sắc Tử-Kim-Quang chiếu sáng.</p> <p>_ Còn vị Tỳ-khưu-ni Tử-Kim-Quang vốn là quyến-thuộc của tôi, phát Bồ-Đề Tâm đồng-thời với tôi tu-chứng giải-thoát.</p> <p>_ Tôi quan-sát lục-trần ở thế-gian thay đổi sanh-diệt luôn luôn nên tôi nhảm chán và chỉ lấy tâm không-tịch tu-chứng diệt-tận-định.</p> <p>_ Nguyên pháp định ấy tiêu hết ý-căn, dứt sạch pháp-trần, độ được trăm ngàn kiếp như khảy móng tay.</p>

<p>_ Ngã dĩ không pháp, thành A-La-Hán.</p> <p>(_ Tôi do quán được các pháp là rỗng không, mà thành quả A-La-Hán.)</p> <p>_ Thế-Tôn thuyết ngã Đầu-Đà vi tối, diệu-pháp khai minh, tiêu-diệt chư lậu. (... diệu-tánh của các pháp được khai-ngộ, thì tiêu-diệt các lậu.)</p> <p>_ Phật vẫn viên-thông, như ngã sở chứng, pháp nhân vi thượng.</p>	<p>_ Tôi nhờ dùng pháp không-quán mà phá pháp-trần, đắc-quả A-La-Hán.</p> <p>_ Đức Thế-Tôn cho tôi là người có hạnh Đầu-Đà bậc nhất, vì tôi không buộc nơi trần, nên lục-trần đều là diệu-pháp tiêu-diệt các lậu.</p> <p>_ Nay Đức Thế-Tôn hỏi chõ viên-thông do đó tôi giác-ngộ thì theo sở-chứng, tôi xin nói rõ là Pháp-trần chủ-yếu.</p>
---	--

19.	19. NGÀI A-NA-LUẬT-ĐÀ GIÁC-NGỘ DO NHÃN-CĂN.
	<p>阿那律陀即從座起。頂禮佛足而白佛言。我初出家常樂睡眠。如來訶我為畜生類。我聞佛訶啼泣自責。七日不眠失其雙目。世尊示我樂見照明金剛三昧。我不因眼觀見十方。精真洞然如觀掌果。如來印我成阿羅漢。佛問圓通如我所證。旋見循元斯為第一。</p>
<p>_ A-Na-Luật-Đà tức tùng tòa khởi, đánh lễ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Ngã sơ xuất-gia, thường lạc thùy miên, Như-Lai ha ngã vi súc-sanh loại!</p> <p>(_ Lúc tôi mới xuất-gia, thường thích nằm ngủ, nên Đức Như-Lai quở tôi là loài súc-sanh.)</p> <p>_ Ngã vẫn Phật ha, đề khấp tự trách, thất nhứt bất miên, thất kỳ song mục.</p> <p>(_ Nghe lời Phật quở, tôi khóc lóc tự trách, suốt bảy ngày không ngủ, hư cả hai con mắt.)</p> <p>_ Thế-Tôn thị ngã “Lạc Kiến Chiếu Minh, Kim-Cang Tam-Muội”.</p> <p>(_ Đức Thế-Tôn dạy tôi tu pháp “Lạc Kiến Chiếu Minh, Kim-Cang Tam-Muội”.)</p>	<p>_ Ngài A-Na-Luật Đà đứng dậy đánh lễ và bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Trong lúc tôi mới xuất-gia, có tật mê ngủ, giải-dai công-phu, Đức Thế-Tôn khuyên dạy nhiều lần vẫn không chịu chữa cải, đến đổi Đức Thế-Tôn phải quở tôi là người còn mang tật súc-sanh.</p> <p>_ Tôi lấy làm tủi hổ cho nghiệp-chướng sâu dày của mình, khóc suốt bảy ngày đêm không ngủ, vì thế tôi vướng bệnh lao mắt rồi mù luôn.</p> <p>_ Khi ấy Đức Thế-Tôn cho biết đó là tiền-nghiệp phải trả và dạy tôi tu pháp Kim-Cang Tam-Muội Lạc-Kiến Chiếu-Minh.</p> <p>_ Pháp ấy toàn là công-phu xây tánh thấy trở lại bên trong để thấy Bổn-Giác Chơn-Như.</p> <p>_ Tôi vâng làm theo lời của Đức Thế-Tôn dạy bảo, đến nay được Thiên-nhẫn-</p>

<p>chuỗng quả.</p> <p>(_ Tôi không do con mắt, xem thấy mươi phương rỗng suốt tinh-tưởng như xem cái quả trong bàn tay.)</p> <p>_ Như-Lai ấn ngã, thành A-La-Hán.</p> <p>_ Phật vẫn viên-thông, như ngã sở chứng, triền kiến tuần nguyên, tư vi đệ-nhứt.</p> <p>(_ Phật hỏi về viên-thông, như chõ chứng của tôi, thì xoay cái thấy trở về bản-tánh, đó là thứ nhứt.)</p>	<p>thông, xem thấy mươi phương thế-giới rỗng suốt, rõ rệt dễ dàng như thấy trái A-ma-la mà tôi đang cầm trong tay.</p> <p>_ Thế nên Đức Thế-Tôn thọ-ký cho tôi thành bậc A-La-Hán.</p> <p>_ Đó là chứng tỏ bốn-căn viên-thông của tôi giác-ngộ là Nhẫn-căn.</p>
---	---

20.	20. NGÀI CHÂU-LY BÀN-ĐẶC-CA GIÁC-NGỘ DO TY-CĂN.
<p>周利槃特迦即從座起。頂禮佛足而白佛言。我闡誦持無多聞性。最初值佛聞法出家。憶持如來一句伽陀。於一百日得前遺後得後遺前。佛愍我愚教我安居調出入息。我時觀息微細窮盡。生住異滅諸行剎那。其心豁然得大無礙。乃至漏盡成阿羅漢。住佛座下印成無學。佛問圓通如我所證。返息循空斯為第一。</p> <p>_ Châu-Ly Bàn-Đặc-Ca tức tung tòa khởi, đảnh lễ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Ngã khuyết tung trì, vô đa-văn tánh.</p> <p>(_ Tôi thiếu tung trì, không có tuệ đa-văn.)</p> <p>_ Tối sơ trị Phật, văn pháp xuất-gia, ức trì Như-Lai, nhứt cú Già-Đà, ư nhứt bá nhứt, đắc tiền di hậu, đắc hậu di tiền.</p> <p>(_ Khi mới gặp Phật, nghe pháp và xuất-gia, tôi cố nhớ một câu kệ của Như-Lai...)</p> <p>_ Phật mãn ngã ngu, giáo ngã an cư, điều xuất nhập túc.</p> <p>(_ Phật thương tôi ngu muội, dạy tôi phép an cư, điều hòa hơi thở ra vào và nghiệp tâm thanh-tịnh đặt ở mũi.)</p>	<p>20. NGÀI CHÂU-LY BÀN-ĐẶC-CA GIÁC-NGỘ DO TY-CĂN.</p> <p>_ Ngài Châu-Ly Bàn-Đặc-Ca đứng dậy đảnh lễ và bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Nguyên ở một kiếp quá-khứ, tôi có tánh hay ngăn cản sự tu-hành của người khác, nên nay bị quả-báo tối tăm, biếng nhác công-phu thọ-trì tung niệm và không có trí hiểu nhớ. Tôi nhờ oai-đức Như-Lai đã biết sám-hối, nhưng vẫn còn tối tăm, học đâu quên đó.</p> <p>_ Như khi ban sơ tôi gặp Đức Thế-Tôn, nhờ Đức Thế-Tôn giảng dạy phép tắc xuất-gia, tôi có nghe qua một câu kệ trì tung mà Đức Thế-Tôn căn dặn phải nhớ học nhập tâm, nhưng suốt 100 ngày, học mãi không thuộc, hễ nhớ chữ trước quên chữ sau, nhớ chữ sau quên chữ trước.</p> <p>_ Đức Thế-Tôn thấy như vậy, lấy làm thương xót, dạy tôi an tịnh tu phép điều hòa hơi thở ra vào và nghiệp tâm thanh-tịnh đặt ở mũi.</p>

<p>_ Ngã thời quan túc, vi-tế cùng-tận, sanh trụ dị diệt, chư hạnh sát-na. Kỳ tâm hoát nhiên, đắc đại vô-ngại, nã chí lậu tận, thành A-La-Hán, trụ Phật tọa hạ, ấn thành vô-học.</p> <p>(_ Tôi quán hơi thở, cùng töt các tướng sanh trụ dị diệt nhỏ nhiệm, đến từng sát-na. Tâm tôi rõng suốt, được đại vô-ngại...)</p> <p>_ Phật vẫn viên-thông, như ngã sở chứng, phản túc tuân không, tư vi đệ-nhứt.</p> <p>(_ Phật hỏi về viên-thông, như chõ chứng của tôi, thì xoay hơi thở về tính rõng không, đó là thứ nhứt.)</p>	<p>_ Tôi vâng làm, quán-tưởng tâm với hơi thở nương nhau, bốn tướng sanh trụ dị diệt, vi-tế cùng-tận, chư hạnh vô-thường, tự-nhiên tâm-địa khai-thông sáng suốt, tự-tại vô-ngại, các lậu đều dứt, chứng quả A-La-Hán, trụ dưới Phật-dài và được Đức Thế-Tôn thọ-ký cho thành bậc vô-học.</p> <p>_ Đó là chứng tỏ bốn-căn viên-thông của tôi giác-ngộ là Ty-căn.</p>
---	---

21.	21. NGÀI KIỀU-PHẠM-BA-ĐỀ GIÁC-NGỘ DO THIỆT-CĂN.
	<p>驕梵鉢提即從座起。頂禮佛足而白佛言。我有口業於過去劫輕弄沙門。世世生生有牛疴病。如來示我一味清淨心地法門。我得滅心入三摩地。觀味之知非體非物。應念得超世間諸漏。內脫身心外遺世界。遠離三有如鳥出籠。離垢銷塵法眼清淨成阿羅漢。如來親印登無學道。佛問圓通如我所證。還味旋知斯為第一。</p>
<p>_ Kiều-Phạm-Ba-Đề tức tùng tòa khởi, đánh lễ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Ngã hữu khẩu-nghiệp, ư quá-khổ kiếp, khinh lộng sa-môn, thế thế sanh sanh, hữu ngưu thị bệnh.</p> <p>(_ Tôi mắc khẩu-nghiệp, khinh rẻ, chế giễu vị sa-môn trong kiếp quá-khổ, nên đời đời mắc bệnh nhai lại như trâu.)</p> <p>_ Như-Lai thị ngã “Nhứt vị thanh-tịnh tâm địa” pháp-môn. Ngã đắc diệt tâm, nhập Tam-ma-địa.</p> <p>(_ Đức Như-Lai chỉ dạy cho tôi pháp-môn “Nhứt vị thanh-tịnh tâm địa”. Tôi nhờ vậy mà diệt được phân-biệt, vào Tam-ma-địa.)</p>	<p>_ Ngài Kiều-Phạm-Ba-Đề đứng dậy đánh lễ và bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Nguyên ở một kiếp quá-khổ, tôi phạm khẩu-nghiệp nặng nề, khi thấy một sa-môn già cả không có răng, miệng móm nhai cơm chậm rãi, tôi kiêu-ngạo là ông ăn giống như trâu nhơi. Vì sự khinh-bỉ thầy Sa-môn, nên bị quả-báo khổ sở trong vô-số kiếp, tuy luân-hồi làm người nhưng lười tôi giống như lười trâu và có tật-bệnh nan-trù là khi ăn cơm, nhơi như trâu. Nếu chưa gặp Đức Thế-Tôn thì tôi chịu mãi khổ báo.</p> <p>_ Nhờ hồng-ân cao-cả của Đức Thế-Tôn dạy cho sám-hối, xuất-gia và tu pháp-môn niệm Phật túc là pháp-môn “nhiếp-tâm thuần-nhứt thanh-tịnh”, nên tôi mới dứt được vọng-tưởng mê loạn, ngộ-nhập cảnh-trí chánh-định.</p>

<p>_ Quán vị chi tri, phi thể phi vật, ứng niệm đắc siêu, thế-gian chư lậu, nội thoát thân-tâm, ngoại di thế-giới, viễn ly tam hữu, như điểu xuất lung, ly cấu, tiêu trần, pháp-nhã thanh-tịnh, thành A-La-Hán. Như-Lai thân ấn, đăng vô-học đạo.</p> <p>(_ Tôi quán tánh biết vị, không phải thân-thể, không phải ngoại-vật, liền đó vượt khỏi các lậu thế-gian, bên trong giải-thoát thân-tâm, bên ngoài rời bỏ thế-giới, xa rời ba cõi như chim sổ lồng, rời hết cấu niêm, tiêu-diệt trần-tưởng, nên pháp-nhã được thanh-tịnh, thành quả A-La-Hán và được Đức Thế-Tôn ấn-chứng cho thành bậc vô-học.)</p> <p>_ Phật vấn viên-thông, như ngã sở chứng, hoàn vị triền vi, tư vi đệ-nhứt.</p> <p>(_ Phật hỏi về viên-thông, như chỗ chứng của tôi, trả các vị về phân-biệt, xoay cái biết trở về tự-tánh, đó là thứ nhứt.)</p>	<p>_ Nhờ Đức Thế-Tôn chỉ dạy, tôi quán tánh biết trong khi nếm vị, vốn không phải do sự thấy của cǎn, cũng không phải do vị của vật, tự-nhiên ứng-niệm ngộ-nhập, tiêu hết các lậu ở thế-gian, bên trong siêu-thoát thân-tâm, bên ngoài rời bỏ thế-giới, xa lìa ba cõi pháp-giới phàm-phu, ví như chim ra khỏi lồng, viễn-ly trần-cáu, pháp-nhã thanh-tịnh, đắc quả A-La-Hán và được Đức Thế-Tôn ấn-chứng cho thành bậc vô-học.</p> <p>_ Đó là chứng tỏ bốn-cǎn viên-thông của tôi giác-ngộ là Thiệt-cǎn.</p>
--	--

22.	22. NGÀI TẤT-LĂNG-GIÀ-BÀ-TA GIÁC-NGỘ DO THÂN-CĂN.
<p>畢陵伽婆蹉即從座起。頂禮佛足而白佛言。我初發心從佛入道。數聞如來說諸世間不可樂事。乞食城中心思法門。不覺路中毒刺傷足。舉身疼痛我念有知。知此深痛雖覺覺痛。覺清淨心無痛痛覺。我又思惟如是一身寧有雙覺。攝念未久身心忽空。三七日中諸漏盡盡成阿羅漢。得親印記發明無學。佛問圓通如我所證。純覺遺身斯為第一。</p> <p>_ Tất-Lăng-Già-Bà-Ta tức tùng tòa khởi, đánh lễ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Ngã sơ phát tâm, tùng Phật nhập đạo, sác văn Như-Lai, thuyết chư thế-gian, bất khả lạc sự.</p> <p>_ Khất thực thành trung, tâm tư pháp-môn, bất giác lộ trung, độc thích thương túc, cử thân động thống, ngã niệm hưu tri.</p> <p>(... đâm vào chân, cả mình đau đớn, tâm-niệm tôi có biết cái đau đớn ấy.)</p>	<p>22. NGÀI TẤT-LĂNG-GIÀ-BÀ-TA GIÁC-NGỘ DO THÂN-CĂN.</p> <p>_ Ngài Tất-Lăng-Già-Bà-Ta đứng dậy đánh lễ và bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Khi tôi mới phát tâm xuất-gia nhập đạo theo Phật, thường nghe Phật dạy Khổ-dế, thế-gian toàn khổ chớ không có chi thiệt vui.</p> <p>_ Một hôm, tôi đi khất-thực ở trong thành, tâm tôi cứ nghĩ Khổ-dế của Phật nói, không ngờ tối giữa đường, bị gai độc đâm vào chân, đau nhức cả thân, đó là do nghĩ sự đau khổ mà gấp cảnh đau khổ.</p>

<p>_ Tri thử thâm thống, tuy giác giác thống.</p> <p>(_ Tuy biết đau đớn, nhưng đồng-thời giác biết,</p> <p>_ Giác thanh-tịnh tâm, vô thống thống giác.</p> <p>- nơi tâm thanh-tịnh, không có cái đau và cái biết đau.)</p> <p>_ Ngã hựu tư-duy, như-thì nhứt thân, ninh hữu song giác.</p> <p>(_ Tôi lại suy nghĩ: một thân-thể này, lẽ đâu có hai tánh biết.)</p>	<p>_ Tôi bèn suy xét trước có tánh biết đau, sau mới rõ cái đau, do đó tôi quan-sát tánh biết đau tức là tánh giác của thân-căn.</p> <p>_ Giác của thân căn biết đau, nhưng tâm vốn thanh-tịnh, làm sao có biết đau để làm cho đau được?</p> <p>_ Tôi lại suy xét khi đau đã có tánh giác biết đau, lại còn có tánh giác không biết đau, thành-thử trong thân có tới hai tánh giác hay sao?</p>
<p>_ Nhiếp niệm vị cửu, thân-tâm hốt không, tam thất nhụt trung, chư lậu hư tận, thành A-La-Hán, đắc thân ấn ký, phát-minh vô-học.</p> <p>(_ Nhiếp niệm chưa bao lâu, ...)</p> <p>_ Phật vấn viên-thông, như ngã sở chứng, thuần giác di thân, tư vi đệ-nhứt.</p> <p>(_ Phật hỏi về viên-thông, như chỗ chứng của tôi, thì thuần một giác-tánh, rời bỏ thân-thể, đó là thứ nhứt.)</p>	<p>_ Tôi suy xét tỉ mỉ rồi nghiệp-niệm lại một chỗ, thuận chơn-giác không đau, chờ không thuận vọng-giác biết đau.</p> <p>_ Tôi nghiệp-niệm như vậy, thoát nhiên thân-tâm đều không, trong 21 ngày, các lậu dứt sạch, đắc quả A-La-Hán và được Đức Thế-Tôn ấn-chứng cho tôi thành bậc vô-học.</p> <p>_ Đó là chứng tỏ bốn-căn viên-thông của tôi giác-ngộ là Thân-căn.</p>
<p>23.</p>	<p>23. NGÀI TU-BỒ-ĐỀ GIÁC-NGỘ DO Ý-CĂN.</p>

須菩提即從座起。頂禮佛足而白佛言。我曠劫來心得無礙。
自憶受生如恒河沙。初在母胎即知空寂。如是乃至十方成空。亦令眾生證得空性。蒙如來發性覺真空。空性圓明得阿羅漢。頓入如來寶明空海。同佛知見印成無學。解脫性空我為無上。佛問圓通如我所證。諸相入非非所非盡。旋法歸無斯為第一。

<p>_ Tu-Bồ-Đề tức tùng tòa khởi, đánh lẽ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Ngã khoáng kiếp lai, tâm đắc vô-ngại, tự ức thọ sanh, như Hằng-hà-sa; sơ tại mẫu thai, tức tri không-tịch, như-thì nai chí, thập phương thành khong, diệc lịnh</p>	<p>_ Ngài Tu-Bồ-Đề đứng dậy đánh lẽ và bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Từ nhiều kiếp trước đến nay, tâm tôi tự-tại vô-ngại, tự nhớ các kiếp thọ-sanh như số cát sông Hằng; khi còn ở trong thai, thì đã biết</p>
--	--

<p>chứng-sanh, chứng đắc Không-Tánh. (... cát sông Hằng; lúc còn trong thai mẹ, cũng liền biết tánh không-tịnh, cho đến mười phương núi sông đất bằng cũng đều không, và cũng khiến cho chúng-sanh chứng được tánh Không.)</p> <p>_ Mông Như-Lai phát, tánh giác chơn-không, Không-tánh viên minh, đắc A-La-Hán, đốn nhập Như-Lai, bửu minh không-hải, đồng Phật-tri-kiến, ấn thành vô-học, giải-thoát tánh không, ngã vi vô-thượng. (... , tánh giải-thoát rõng không, tôi là hơn cả.)</p> <p>_ Phật vấn viên-thông, như ngã sở-chứng, chư-tướng nhập phi, phi sở phi-tận. Triền pháp qui vô, tư vi đệ-nhứt. (_ Các tướng đều xoay vào phi-tướng, năng-phi và sở-phi đều hết. Xoay các pháp trở về chỗ không có gì, đó là thứ nhứt.)</p>	<p>ngũ-uẩn đều không, cho đến mười phương núi sông đất bằng cũng đều không, đến khi ra khỏi thai, tôi quảng-dại giáo-hóa cho chúng-sanh đắc Không-Tánh.</p> <p>_ Nhờ Đức Thế-Tôn phát-minh tánh-giác chơn-không, tôi biết Không-tánh hoàn-toàn thanh-tịnh, nên đắc quả A-La-Hán, ngộ-nhập biển tánh Như-Lai bảo-minh-không, đồng tri-kiến Phật và được Đức Thế-Tôn thọ-ký cho tôi thành bậc vô-học, giải-thoát Không-Tánh cao nhứt.</p> <p>_ Tôi hiểu rõ các pháp-tướng đều là phi-tướng, cho tới năng-phi và sở-phi cũng tiêu-vong, như vậy ý-căn trở về với không. Đó là chứng tỏ bốn-căn viên-thông của tôi giác-ngộ là Ý-căn.</p>
--	---

24.	24. NGÀI XÁ-LỢI-PHẤT GIÁC-NGỘ DO NHÃN-THỨC.
<p>舍利弗即從座起。頂禮佛足而白佛言。我曠劫來心見清淨。 如是受生如恒河沙。世出世間種種變化。一見則通獲無障礙。我於路中逢迦葉波。兄弟相逐宣說因緣。悟心無際從佛出家。見覺明圓得大無畏。成阿羅漢為佛長子。從佛口生從法化生。佛問圓通如我所證。心見發光光極知見斯為第一。</p> <p>_ Xá-Lợi-Phất tức tùng tòa khởi, đảnh lễ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn: _ Ngã khoáng kiếp lai, tâm kiến thanh-tịnh, như-thị thọ sanh, như Hằng-hà-sa, thế-xuất thế-gian, chủng chủng biến-hóa, nhứt kiến tắc thông, hoạch vô-chương ngại. (_ Từ nhiều kiếp đến nay, chỗ nhận thấy của tôi được thanh-tịnh, ...) _ Ngã ư lô trung, phùng Ca-Diếp-Ba, huynh-đê tương-trục, tuyên thuyết nhân-duyên, ngộ tâm vô-tế. (... ngộ được tâm không có bờ bến.)</p>	<p>Ngài Xá-Lợi-Phất đứng dậy đảnh lễ và bạch Phật: _ Bạch Đức Thế-Tôn! Từ nhiều kiếp trước đến nay, nhãnh-thức của tôi thanh-tịnh, tuy số kiếp thọ-sanh như số cát sông Hằng, nhưng tất cả sự-vật biến-hóa ở thế-gian và xuất-thế-gian, khi mắt tôi trông thấy thì hiểu ngay không có chương ngại. _ Một hôm, tôi đi qua đường, gặp anh em ông Ca-Diếp-Ba, tôi đi theo và được nghe các ông ấy đàm-luận từ cú kệ về lý nhân-duyên, làm cho tôi tỏ ngộ Tâm Chơn-Như rộng lớn bao-la vô-lượng vô-</p>

<p>_ Tùng Phật xuất-gia, kiến giác minh vien, đắc đại vô-úy, thành A-La-Hán, vi Phật Trưởng-tử.</p> <p>_ Tùng Phật khẩu sanh, tùng pháp hóa sanh. (_ Từ miệng Phật mà sanh ra, từ pháp Phật mà hóa sanh.)</p> <p>_ Phật vân vien-thông, như ngã sở chứng, tâm kiến phát quang, quang cực tri-kiến, tư vi đệ-nhứt. (_ Tánh thấy của tâm-thể phát ra sáng suốt, cùng với các tri-kiến, đó là thứ nhứt.)</p>	<p>biên.</p> <p>_ Từ khi tôi xuất-gia theo Phật, nhẫn-thức thấy biết sáng suốt chau-toàn, đắc pháp đại vô-úy, thành bậc A-La-Hán, làm Trưởng-tử Phật.</p> <p>_ Đó là nhờ Đức Thế-Tôn dạy dỗ tu-hành và ở trong Diệu-pháp Như-Lai, Pháp-thân tôi càng ngày càng hiển-hiện.</p> <p>_ Chiếu theo sở-chứng của tôi thì nhẫn-thức phát-sanh tri-kiến quang-minh vô-lượng. Điều ấy chứng tỏ chỗ vien-thông chánh-yếu của tôi giác-ngộ là Nhẫn-thức.</p>
---	---

25.**25. NGÀI PHỔ-HIỀN GIÁC-NGỘ DO NHĨ-THỨC.**

普賢菩薩即從座起。頂禮佛足而白佛言。我已曾與恒沙如來為法王子。十方如來教其弟子。菩薩根者修普賢行從我立名。世尊我用心聞。分別眾生所有知見。若於他方恒沙界外。有一眾生心中發明普賢行者。我於爾時乘六牙象。分身百千皆至其處。縱彼障深未合見我。我與其人暗中摩頂。擁護安慰令其成就。佛問圓通我說本因。心聞發明分別自在斯為第一。

<p>_ Phổ-Hiền Bồ-Tát tức tùng tòa khởi, đảnh lê Phật túc, nhi bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Ngã dĩ tầng dữ, Hằng-sa Như-Lai, vi Pháp-Vương-T Tử.</p> <p>_ Thập phương Như-Lai, giáo kỵ đệ-tử, Bồ-Tát căn giả, tu Phổ-Hiền hạnh, tùng ngã lập danh.</p> <p>_ Thế-Tôn! Ngã dụng tâm văn, phân-biệt chúng-sanh, sở-hữu tri-kiến.</p> <p>_ Nhược ư tha phuong, Hằng-sa giới ngoại, hữu nhứt chúng-sanh, tâm trung phát minh, Phổ-Hiền hạnh giả, ngã ư nhĩ thời, thừa lục nha tượng, phân thân bá thiêん, giai chí kỳ xứ.</p>	<p>_ Ngài Phổ-Hiền đứng dậy đảnh lê và bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Từ vô số kiếp trước đến nay, tôi từng làm Pháp-Vương-T Tử của Hằng-sa Như-Lai.</p> <p>_ Thập phương chư Phật khi gặp đệ-tử nào có thương-căn Bồ-Tát, thì dạy tu hạnh Phổ-Hiền. Và nếu tu hạnh tôi, dĩ-nhiên lập danh Phổ-Hiền.</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi chỉ dùng nhĩ-thức mà phân-biệt chỗ thấy biết của chúng-sanh.</p> <p>_ Nếu ở ngoài Hằng-sa cảnh-giới, khắp các mươi phương khác, có chúng-sanh nào phát Tâm Bồ-Đ Đề, tu hạnh Phổ-Hiền, thì tôi liền cởi voi sáu ngà ứng hiện trăm ngàn thân hóa-độ. Vì nào có túc-căn vien-minh thì chắc chắn thấy</p>
--	--

<p>(... tu hạnh Phổ-Hiền, liền trong lúc ấy, tôi cưỡi voi sáu ngà, phân thân thành trăm nghìn, đến chỗ người ấy.)</p> <p>_ Túng bỉ chướng thâm, vị đắc kiến ngã, ngã dữ kỳ nhân, ám trung ma đản, ủng hộ an úy, linh kỳ thành-tựu.</p> <p>(_ Dầu cho người ấy nghiệp-chướng còn sâu, chưa thấy được tôi, tôi cũng thầm kín xoa dǎnh dầu người ấy, ủng-hộ an ủi, khiến cho được thành-tựu.)</p> <p>_ Phật vấn viễn-thông ngã thuyết bốn nhân, tâm văn phát minh, phân-biệt tự-tại, tư vi đệ-nhứt.</p> <p>(_ Phát-minh tánh nghe của tâm-thể, phân-biệt được tự-tại, đó là thứ nhứt.)</p>	<p>tôi.</p> <p>_ Vị nào vướng nghiệp-chướng nặng nề thì khó thấy tôi, nhưng tôi không bỏ qua vị ấy mà trong minh-mặc, tôi lấy lòng đại-tử rờ đầu an ủi, phò-hộ cho tinh-tấn công-phu.</p> <p>_ Chiếu theo sở-chứng của tôi, từ nhĩ-thức phát ra hiểu biết phân-biệt, tự-tại sáng suốt. Điều ấy chứng tỏ chỗ viễn-thông chánh-yếu của tôi giác-ngộ là Nhĩ-thức.</p>
---	--

26.	26. NGÀI TÔN-ĐÀ-LA NAN-ĐÀ GIÁC-NGỘ DO TY-THỨC.
<p>孫陀羅難陀。即從座起。頂禮佛足。而白佛言。我初出家從佛入道。雖具戒律於三摩提。心常散動未獲無漏。世尊教我及俱締羅觀鼻端白。我初諦觀經三七日。見鼻中氣出入如煙。身心內明圓洞世界。遍成虛淨猶如瑠璃。煙相漸銷。鼻息成白心開漏盡。諸出入息化為光明。照十方界得阿羅漢。世尊記我當得菩提。佛問圓通。我以銷息息久發明。明圓滅漏斯為第一。</p> <p>_ Tôn-Đà-La Nan-Đà tức tùng tòa khởi, dǎnh lễ Phật túc, nhi bạch Phật ngôん:</p> <p>_ Ngã sơ xuất-gia, tùng Phật nhập đạo, tuy cụ giới luật, ư Tam-ma-địa, tâm thường tán động, vị hoạch vô-lậu.</p> <p>(..., tuy giữ đủ giới-luật, nhưng trong lúc tu Tam-ma-địa, tâm thường tán-loạn, chưa được quả vô-lậu.)</p> <p>_ Thế-Tôn giáo ngã, cặp Cu-Si-La, quán ty đoan bạch.</p> <p>_ Ngã sơ đế quan, kinh tam thất nhụt, kiến ty trung khí, xuất nhập như yên, thân-tâm nội minh, viễn động thế-giới, biến thành hư-tịnh, du như Lưu-Ly, yên-tưởng tiệm tiêu, ty hà thành bạch.</p> <p>_ Tâm khai, lậu tận, chư xuất nhập túc,</p>	<p>Ngài Tôn-Đà-La Nan-Đà đứng dậy dǎnh lễ và bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Ban sơ tôi xuất-gia nhập đạo theo Đức Thế-Tôn, tuy giữ đủ giới-luật, nhưng ở trong cảnh chánh-định lại thường loạn tâm, thật là khó nên bậc vô-lậu.</p> <p>_ Nhờ Đức Thế-Tôn dạy tôi và ông Cu-Si-La pháp quán hơi trắng ở mũi.</p> <p>_ Phần tôi vâng làm trong 21 ngày, thấy hơi ra vào như khói, qua một thời-gian lâu tinh-tấn tu-tập thì bên trong được thân-tâm sáng suốt, bên ngoài được chau-viên pháp-giới, biến thành hư-không thanh-tịnh như ngọc Lưu-Ly, tưởng khói tiêu mất, hơi mũi hóa trắng.</p> <p>_ Tâm-địa khai-minh, các lậu dứt hết,</p>

<p>hóa vi quang minh, chiếu thập phương giới, đắc A-La-Hán, Thế-Tôn ký ngã, đương đắc Bồ-Đề.</p> <p>(..., những hơi thở ra vào hóa thành hào-quang, soi khắp thập phương thế-giới, được quả A-La-Hán...)</p> <p>_ Phật vấn viên-thông, ngã dĩ tiêu tức, tức cửu, phát minh, minh viên, diệt lậu, tư vi đệ-nhứt.</p> <p>(Tôi dùng phép nghiệp-thu ý-niệm nơi hơi thở, yên lặng lâu ngày, phát ra sáng suốt, sáng suốt viên-mẫn, diệt hết các lậu, đó là thứ nhứt.)</p>	<p>hơi thở ra vào sáng tỏ thông suốt khắp mươi phương pháp-giới, đắc quả A-La-Hán và được Đức Thế-Tôn thọ-ký về sau viễn-chứng quả-vị Vô-Thượng Bồ-Đề.</p> <p>_ Chiếu theo sở-chứng của tôi, nhân Tỵ-thức, tôi tu pháp tiêu-tức phát-minh sáng suốt. Điều ấy chứng tỏ chỗ viên-thông chánh-yếu của tôi giác-ngộ là Tỵ-thức.</p>
--	---

27.	27. NGÀI PHÚ-LÂU-NA GIÁC-NGỘ DO THIỆT-THỨC.
	<p>富樓那彌多羅尼子即從座起。頂禮佛足而白佛言。我曠劫來辯才無礙。宣說苦空深達實相。如是乃至恒沙如來。祕密法門我於眾中。微妙開示得無所畏。世尊知我有大辯才。以音聲輪教我發揚。我於佛前助佛轉輪。因師子吼成阿羅漢。世尊印我說法無上。佛問圓通我以法音。降伏魔怨銷滅諸漏斯為第一。</p>
<p>_ Phú-Lâu-Na Di-Đa-La-Ni-Tử tức tùng tòa khởi, đánh lễ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Ngã khoáng kiếp lai, biện-tài vô-ngại, tuyên-thuyết Khổ, Không, thâm đạt thiêt-tướng, như-thì nāi chí, Hằng-sa Như-Lai, bí-mật pháp-môn, ngã ư chúng trung, vi-diệu khai-thị, đắc vô-sở-úy.</p> <p>_ Thế-Tôn tri ngã, hữu đại biện tài, dĩ âm-thinh luân, giáo ngã phát dương.</p> <p>(... nên dùng pháp-luân âm-thanh, dạy tôi tuyên-dương chánh-pháp.)</p> <p>_ Ngã ư Phật tiền, trợ Phật chuyển luân, nhân sư-tử hống, thành A-la-Hán, Thế-Tôn ấn ngã thuyết pháp vô-thượng.</p> <p>_ Phật vấn viên-thông, ngã dĩ pháp-âm,</p>	<p>_ Ngài Phú-Lâu-Na Di-Đa-La-Ni-Tử đứng dậy đánh lễ và bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Từ nhiều tiền-kiếp đến nay, tôi có biện-tài vô-ngại, thuyết pháp Khổ-Không, hiểu thấu thiêt-tướng, dĩ-chí các pháp-môn vi-mật của Hằng-sa Như-Lai, tôi đều có khai-thị diệu-nghĩa cho Đại-chúng rõ, do đó tôi đắc pháp vô-sở-úy.</p> <p>_ Đức Thế-Tôn vì biết tôi có biện-tài quý báu, nên đưa Pháp-luân cho tôi hoằng-hóa.</p> <p>Dĩ-chí (以至): cho đến, cho tới, đến nỗi.</p> <p>_ Tôi trụ tại điện Phật, hộ-trì Đức Thế-Tôn trong việc chuyển Pháp-luân, giọng nói giống như tiếng sư-tử kêu, do đó tôi đắc quả A-La-Hán và được Đức Thế-Tôn ấn-chứng là bậc thuyết pháp đệ-nhứt.</p> <p>_ Chiếu theo sở-chứng của tôi, do thiêt-</p>

<p>hàng-phục ma-oán, tiêu-diệt chư lậu, tư vi đệ-nhứt.</p> <p>(_ Phật hỏi về viên-thông, tôi dùng pháp-âm hàng-phục tà-ma ngoại-đạo, tiêu-diệt các lậu, đó là thứ nhất.)</p>	<p>thức, tôi hàng-phục ma-oán, trừ-tuyệt các lậu. Điều ấy chứng tỏ chỗ viên-thông chánh-yếu của tôi giác-ngộ là Thiết-thức.</p> <p>Trừ tuyệt các lậu: nghĩa là trừ: 5 Ăm, 6 Căn, 6 Trần, 6 Thức, 10 Sứ, 10 Triền, 8 Phong.</p>
--	---

28.	28. NGÀI ƯU-BÀ-LY GIÁC-NGỘ DO THÂN-THỨC.
	<p>優波離即從座起。頂禮佛足而白佛言。我親隨佛踰城出家。親觀如來六年勤苦。親見如來降伏諸魔制諸外道。解脫世間貪欲諸漏承佛教戒。如是乃至三千威儀八萬微細。性業遮業悉皆清淨。身心寂滅成阿羅漢。我是如來眾中綱紀。親印我心持戒修身眾推無上。佛問圓通我以執身身得自在。次第執心心得通達。然後身心一切通利斯為第一。</p>
<p>_ Ưu-Bà-Ly tức tùng tòa khởi, đánh lẽ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn: _ Ngã thân tùy Phật, du thành xuất-gia. (_ Chính tôi được theo Phật vượt thành xuất-gia.)</p> <p>_ Thân quan Như-Lai, lục niên cần khổ, thân kiến Như-Lai, hàng-phục chư ma, chế chư ngoại-đạo, giải-thoát thế-gian, tham-dục chư lậu. (_ Xem thấy Đức Như-Lai sáu năm siêng tu khổ-hạnh, hàng-phục các ma-chương ...)</p> <p>_ Thừa Phật giáo giới, như-thị nãi chí, tam thiền oai nghi, bát vạn tế-hạnh, tánh-nghiệp giá-nghiệp, tất giai thanh-tịnh, thân-tâm tịch-diệt, thành A-La-Hán, ngã thị Như-Lai, chúng trung cương-kỷ, thân ấn ngã tâm, trì giới tu thân, chúng suy vô-thượng.</p>	<p>_ Ngài Ưu-Bà-Ly đứng dậy đánh lẽ và bạch Phật: _ Bạch Đức Thế-Tôn! Chính tôi theo Đức Thế-Tôn và tiến ra khỏi thành để Đức Thế-Tôn xuất-gia hành đạo giải- thoát. _ Tôi nghiêm xét Đức Thế-Tôn trải qua sáu năm khổ-hạnh, hàng-phục các ma- chương, chế-nghẹ các ngoại-đạo, giải- thoát các lậu tham-dục của thế-gian.</p> <p>_ Tôi chí-tâm thọ-trì giới-luật của Đức Thế-Tôn, từ 250 giới Tỳ-khưu đến 3.000 oai-nghi, 80.000 tế-hạnh, tánh-nghiệp và giá-nghiệp, thấy đều thanh-tịnh, nên thân-tâm tịch-diệt và đắc quả A-La- Hán, được Đức Thế-Tôn xem tôi như là khuôn mẫu phép-tắc trong Đại-chúng và ấn-chứng tâm tôi trì-giới đệ-nhứt.</p> <p>_ Cả Đại-chúng cũng quý-trọng tôi như vậy.</p>
<p>_ Phật vấn viên-thông, ngã dĩ chấp thân, thân đắc tự-tại, thứ đệ chấp tâm, tâm đắc thông-đạt, nhiên-hậu thân-tâm,</p>	<p>_ Chiếu theo sở-chứng của tôi, nhân Thân-thức, tôi nghiêm-trì giới-luật, do Giới sanh Định, do Định phát Tuệ, nên</p>

<p>nhứt-thiết thông lợi, tư vi đệ-nhứt.</p> <p>(_ Phật hỏi viên-thông, tôi do chấp-trì cái thân mà thân được tự-tại, lần đến chấp-trì cái tâm mà tâm được thông suốt, về sau cả thân và tâm tất cả đều viên-thông tự-tại, đó là thứ nhứt.)</p>	<p>thân được tự-tại, tâm được thông suốt. Điều ấy chứng tỏ chỗ viên-thông chánh-yếu của tôi giác-ngộ là Thân-thức.</p>
--	--

29.	29. NGÀI ĐẠI MỤC-KIỀN-LIÊN GIÁC-NGỘ DO Ý-THỨC.
<p style="text-align: center;">大目犍連即從座起。頂禮佛足而白佛言。我初於路乞食逢遇優樓頻螺伽耶那提三迦葉波。宣說如來因緣深義。我頓發心得大通達。如來惠我袈裟著身鬚髮自落。我遊十方得無罣礙。神通發明推為無上。成阿羅漢寧唯世尊。十方如來歎我神力。圓明清淨自在無畏。佛問圓通我以旋湛心光發宣。如澄濁流久成清瑩斯為第一。</p> <p>_ Đại Mục-Kiền-Liên tức tùng tòa khởi, đánh lễ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Ngã sơ ư lô khất thực phùng ngộ, Ưu-Lâu-Tần-Loa, Già-Da, Na-Đề, tam Ca-Diếp-Ba, tuyêt-thuyết Như-Lai, nhân-đuyên thâm-nghĩa.</p> <p>_ Ngã đốn phát tâm, đắc đại thông-đạt.</p> <p>_ Như-Lai huệ ngã, Ca-Sa trước thân, tu phát tự lạc.</p> <p>(_ Như-Lai ban cho áo Ca-Sa đắp trên mình, râu tóc tự rụng.)</p> <p>_ Ngã du thập phương, đắc vô quái-nại, thần-thông phát-minh, thôi vi vô-thượng, thành A-La-Hán.</p> <p>_ Ninh duy Thế-Tôn, thập phương Như-Lai, thán ngã thần-lực, viên-minh thanh-tịnh, tự-tại vô-úy.</p> <p>_ Phật vấn viên-thông, ngã dĩ tiền trạm, tâm quang phát tuyêt, như trường trược lưu, cửu thành thanh oánh, tư vi đệ-nhứt.</p> <p>(_ Phật hỏi về viên-thông, tôi do xoay ý-niệm trở về tánh viên-trạm, nêu tâm-trí mở bày, như lắng nước</p>	<p style="text-align: center;">_ Ngài Đại Mục-Kiền-Liên đứng dậy đánh lễ và bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Ban sơ tôi đi khất-thực, giữa đường gặp ông Ưu-Lâu-Tần-Loa, ông Già-Da, ông Na-Đề, là ba anh em của ông Ca-Diếp-Ba, thuyết pháp cho tôi nghe về nghĩa nhân-đuyên thâm-diệu của Đức Thế-Tôn.</p> <p>_ Tôi liền phát Tâm Bồ-Đề, đắc trí-tuệ rộng lớn thông suốt.</p> <p>_ Đức Thế-Tôn thấy như thế cho tôi là bậc Vô-Thượng và lấy Ca-Sa đắp vào thân tôi, tức thời râu tóc tôi đều rụng hết.</p> <p>_ Tôi đắc quả A-La-Hán, thần-thông phát-hiện sáng suốt, đi khấp thập phương pháp-giới, không có chỗ nào ngăn ngại.</p> <p>_ Chẳng phải riêng một mình Đức Thế-Tôn hiện-tiền khen ngợi, cho tới chư Phật ở khấp mười phương cũng đều khen ngợi oai-lực thần-thông của tôi thanh-tịnh viên-minh, tự-tại vô-úy.</p> <p>_ Chiếu theo sở-chứng của tôi, ý-thức như dòng nước bẩn, lọc trong một thời-gian, được trở nên thanh-khiết, nước thanh-khiết tượng-trưởng cho tâm sáng suốt. Điều ấy chứng tỏ chỗ viên-thông</p>

đục, lâu thành trong sáng, đó là thứ nhứt.)	chánh-yếu của tôi giác-ngộ là Ý-thức.
<p>30.</p>	<p>30. NGÀI Ô-SÔ-SẮT-MA GIÁC-NGỘ DO HỎA-ĐẠI.</p>
<p>烏芻瑟摩於如來前。合掌頂禮佛之雙足。而白佛言。我常先憶。久遠劫前性多貪欲。有佛出世名曰空王。說多婬人成猛火聚。教我遍觀百骸四肢。諸冷暖氣神光內凝。化多婬心成智慧火。從是諸佛皆呼召我名為火頭。我以火光三昧力故成阿羅漢心發大願諸佛成道。我為力士親伏魔怨。佛問圓通我以諦觀身心暖觸。無礙流通諸漏既銷。生大寶焰登無上覺斯為第一。</p>	
<p>_ Ô-Sô-Sắt-Ma, ư Như-Lai tiên, hiệp chưởng đảnh lẽ, Phật chi song túc, nhi bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Ngã thường tiên ức, cửu viễn kiếp tiền, tánh đa tham-dục.</p>	<p>_ Ngài Ô-Sô-Sắt-Ma hiệp-chưởng đảnh lẽ và bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi thường nhớ xưa ở một kiếp quá-khứ, tôi có tánh tham-dục.</p>
<p>_ Hữu Phật xuất-thế, danh viết Không-Vương, thuyết đa dâm nhân, thành mảnh hỏa tụ.</p>	
<p>(... bảo người da-dâm như đống lửa hồng.)</p>	
<p>_ Giáo ngã biến quán bách hài tứ chi, chư lãnh noãn khí.</p>	
<p>(_ Và dạy tôi quán khắp những hơi nóng lạnh nơi trǎm vóc tứ-chi.)</p>	
<p>_ Thần quang nội ngưng, hóa đa-dâm tâm, thành trí-tuệ hỏa.</p>	
<p>(_ Tôi nhớ quán như vậy, mà được giác-tánh sáng suốt lặng đứng bên trong, hóa tâm đa-dâm thành lửa trí-tuệ.)</p>	
<p>_ Tùng thị chư Phật, giao hô triệu ngã, danh viết Hỏa-Đầu.</p>	
<p>_ Ngã dĩ hỏa-quang tam-muội lực cố, thành A-La-Hán.</p>	
<p>(_ Tôi dùng sức hỏa-quang tam-muội mà thành quả A-La-Hán.)</p>	
<p>_ Tâm phát đại-nghuyên: Chư Phật thành đạo, ngã vị Lực-Sĩ, thân phục ma oán.</p>	
<p>(_ Tôi đã phát đại-nghuyên: Khi nào có một Đấng Như-Lai ra đời độ-sanh, tôi xin làm Lực-Sĩ hầu-cận để hàng-phục</p>	

<p>_ Phật vấn viễn-thông, ngã dĩ đế quan, thân-tâm noãn xúc, vô-ngại lưu-thông, chư lậu ký tiêu, sanh đại bửu diệm, đăng Vô-Thượng-Giác, tư vi đệ-nhứt.</p> <p>(_ Phật hỏi về viễn-thông, tôi dùng pháp quán các hơi ấm nơi thân-tâm đều lưu-thông không ngăn ngại, các lậu đã tiêu, sanh ra ngọn lửa đại-trí quý báu, lên bậc Vô-Thượng-Giác, đó là thứ nhứt.)</p>	<p>ma-quân ganh ghét phá-hoại.</p> <p>_ Chiếu theo sở-chứng của tôi, do hỏa-đại, tôi tu pháp quán-tưởng khí noãn-xúc ở thân-tâm, nên các lậu tiêu mất, lửa dâm dứt tuyệt, chuyển thành đại bảo diệm trí-tuệ, lên bậc Vô-Thượng-Giác. Như vậy chứng tỏ chỗ viễn-thông của tôi giác-ngộ là Hỏa-đại.</p>
---	---

31.	31. NGÀI TRÌ-DỊA GIÁC-NGỘ DO ĐỊA-ĐẠI.
<p>持地菩薩即從座起。頂禮佛足而白佛言。我念往昔普光如來。出現於世我為比丘。常於一切要路津口。田地險隘有不如法。妨損車馬我皆平填。或作橋梁或負沙土。如是勤苦經無量佛出現於世。或有眾生於闔闔處。要人擎物我先為擎。至其所詣放物即行不取其直。毘舍浮佛現在世時。世多饑荒我為負人。無問遠近唯取一錢。或有車牛被於陷溺。我有神力為其推輪拔其苦惱。時國大王筵佛設齋。我於爾時平地待佛。毘舍如來摩頂謂我。當平心地。則世界地一切皆平。我即心開見身微塵與造世界。所有微塵等無差別。微塵自性不相觸摩。乃至刀兵亦無所觸。我於法性悟無生忍成阿羅漢。迴心今入菩薩位中。聞諸如來宣妙蓮華佛知見地。我先證明而為上首。佛問圓通我以諦觀。身界二塵等無差別。本如來藏虛妄發塵。塵銷智圓成無上道斯為第一。</p>	

<p>_ Trì-Dịa Bồ-Tát tức tùng tòa khởi, đánh lễ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Ngã niêm vân tích, Phổ-Quang Như-Lai, xuất-hiện ư thế, ngã vi Tỳ-khưu.</p> <p>_ Thường ư nhứt-thiết, yếu-lộ tân-khổu, điền-địa hiềm-ải, hữu bất như pháp, phòng tổn xa mă, ngã giai bình điền, hoặc tác kiều lương, hoặc phụ sa thổ.</p> <p>(_ Thường ở nơi các nẻo đường, bến đò, đất đai hiểm-trở eo hẹp, không đúng nguyên-tắc, có thể làm tổn-hại đến xe ngựa, thì tôi đều dắp bằng, hoặc làm cầu cống, hoặc gánh đất cát.)</p> <p>_ Như-thị cần khổ, kinh vô-lượng Phật, xuất-hiện ư thế.</p> <p>_ Hoặc hữu chúng-sanh, ư hoàn hôi xứ,</p>	<p>_ Ngài Trì-Dịa Bồ-Tát đứng dậy đánh lễ và bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi nhớ ở một tiền-kiếp xưa có Đức Phật Phổ-Quang ra đời, tôi xuất-gia làm Tỳ-khưu;</p> <p>- có tánh ưa bồ-thí thể-lực của mình, lập công-quả tu-kiều bồ-lộ, như bắc cầu qua sông rạch cho người qua lại, xúc đất đắp theo hai bên lề đường hoặc tu-bồ-lại các đường gồ ghề cho bằng phẳng;</p> <p>- siêng năng làm việc cực khổ như vậy trải qua nhiều đời Phật vẫn không nản chí lười biếng.</p> <p>_ Tôi lại còn có hạnh chịu khó làm</p>
---	---

<p>yếu nhân kinh vật, ngã tiên vi kinh, chí kỳ sở nghệ, phóng vật, tức hành, bất thủ kỳ tri.</p> <p>(_ Hoặc có chúng-sanh, ở nơi chợ búa, cần người mang đồ vật, trước tiên tôi mang hộ đến nơi, đến chốn, để đồ vật xuống, liền đi ngay, không lấy tiền thuê.)</p> <p>_ Tỳ-Xá-Phù Phật, hiện tại thế thời, thế đa cơ hoang, ngã vị phụ nhân, vô vấn viễn cận, duy thủ nhứt tiền.</p> <p>(_ Trong thời-kỳ có Đức Phật Tỳ-Xá-Phù ra đời, thế-gian phần nhiều đói kém, tôi công giúp người, không kể gần xa, chỉ lấy một đồng tiền.)</p>	<p>phước bưng vác giùm đồ vật cho những người đi chợ trong nhiều kiếp.</p> <p>_ Trong thời-kỳ có Đức Phật Tỳ-Xá-Phù ra đời, trong xứ mùa màng bị thất, đa-số dân chúng bị đói khát, tôi gắng công giúp đỡ chuyên chở cho những người tản-cư cầu-thực, bất-luận đường xa hay gần, không bao giờ than thở, nếu có thọ tiền, chỉ lấy chút ít tượng-trưng.</p>
<p>_ Hoặc hữu xa ngưu, bị ư nê nịch, ngã hữu thần lực, vi kỳ thôi luân, bạt kỳ khổ não.</p> <p>(_ Hoặc có xe trâu sa xuống bùn lầy, tôi dùng sức mạnh đẩy bánh xe lên, cho khỏi khổ-não.)</p> <p>_ Thời quốc Đại-Vương, diên Phật thiết trai, ngã ư nhĩ thời, bình-địa đai Phật.</p> <p>(_ Ông vua trong nước thuở đó, thiết trai mời Phật, lúc ấy, tôi liền sửa sang đường đất bằng phẳng, đợi Phật đi qua.)</p> <p>_ Tỳ-Xá Như-Lai, ma đánh vị ngã, “Đương bình tâm-địa, tắc thế-giới địa, nhứt-thiết giai bình”.</p> <p>(_ Đức Tỳ-Xá Như-Lai xoa đánh đầu tôi mà bảo rằng: “Nên bình cái tâm-địa, thì tất cả đất đai trên thế-giới đều bình”.)</p> <p>_ Ngã tức tâm khai, kiến thân vi-trần, dữ tạo thế-giới sở-hữu vi-trần, đẳng vô sai biệt.</p> <p>(_ Tôi liền khai-ngộ, thấy vi-trần nơi thân thể, cùng với tất cả vi-trần tạo thành thế-giới, đều bình-đẳng không sai khác.)</p>	<p>_ Nhờ công-hạnh của tôi bố-thí thể-lực như vậy trong vô-số kiếp, nên cảm thọ phước-báo mạnh mẽ luôn luôn.</p> <p>_ Gặp khi có xe trâu sa lầy xuống bùn, tôi kéo lên dễ dàng, cứu người ra khỏi tai-nạn khổ sở, gọi là thần-lực bạt khổ.</p> <p>_ Trong thời-kỳ ấy, có một vị Hoàng-đế giàu tâm đạo, thiết-lập trai-dàn cung-duông Đức Phật Tỳ-Xá-Phù, tôi làm công-quả tu-bổ và quét tước lại nhiều khoảng đường cho bằng phẳng sạch sẽ để Đức Phật đi qua.</p> <p>_ Đức Phật Tỳ-Xá-Phù đại từ-bi thương xót tôi có công-quả cực khổ trong vô-số kiếp như vậy, nên rờ đầu tôi, dạy tôi phải biết san bằng tâm-địa thì tất cả thế-giới địa-đại đều được bằng phẳng.</p> <p>_ Nghe qua lời dạy của Đức Phật Tỳ-Xá-Phù, tâm tôi khai thông sáng suốt, tôi nhận thấy hột bụi ở thân và hột bụi ở thế-giới, hai thứ địa-đại đều không sai biệt.</p>

<p>_ Vi-trần tự-tánh, bất tương xúc ma, nã chí đao-binh, diệc vô sở xúc.</p> <p>(_ Tự-Tánh của vi-trần không chạm xát nhau, cho đến các thứ đao binh cũng không đụng chạm gì.)</p> <p>_ Ngã ư pháp-tánh, ngộ Vô-Sanh-Nhã, thành A-La-Hán, hồi tâm kim nhập, Bồ-Tát vị trung, văn chư Như-Lai, tuyên Diệu-Liên-Hoa, Phật-tri-kiến địa, ngã tiên chứng minh, nhi vi Thượng-Thủ.</p> <p>(_ Tôi do noi pháp-tánh ngộ Vô-Sanh-Nhã, thành quả A-La-Hán, xoay tâm về đại-thừa, nên hiện nay, ở trong hàng Bồ-Tát, khi nghe các Đức Như-Lai dạy về chỗ tri-kiến của Phật như Diệu-Liên-Hoa, thì tôi chứng tỏ đầu tiên, làm vị Thượng-Thủ.)</p> <p>_ Phật vấn viên-thông, ngã dĩ đế quan, thân giới nhị trần, đẳng vô sai biệt, bốn Như-Lai-Tạng, hưng-vọng phát trần, trần tiêu, trí viên, thành Vô-Thượng-Đạo, tu vi đệ-nhứt.</p>	<p>_ Đã không sai biệt thì thân tức thế-giới, thế-giới tức thân, tự-tánh của hai thứ địa-đại không tương-khắc, cho tới các thứ binh đao cũng chẳng có chỗ sở-xúc.</p> <p>_ Nhờ đức-tánh tu-tập như vậy trong nhiều kiếp nén tôi tò ngô pháp Vô-Sanh-Nhã, đắc quả A-La-Hán, hồi hướng Phật-thừa, nhập đạo Bồ-Tát, nghe các Đấng Như-Lai tuyên-thuyết Diệu-Pháp Liên-Hoa và ở trong Pháp-Hoa Hội, tôi được ấn-chứng thành bậc Thượng-Thủ.</p> <p>_ Chiếu theo sở-chứng của tôi, do địa-đại, tôi tu pháp quán địa-đại của thân và địa-đại của thế-giới đều bình-đẳng, không khác nhau, vốn là Như-Lai-Tạng Tánh chỉ tùy vọng-nghiệp mà khởi pháp-trần hưng-vọng, khi dứt sạch pháp-trần thì đầy đủ trí-tuệ, thành đạo Vô-Thượng. Như vậy chứng tỏ chỗ viên-thông của tôi giác-ngộ là địa-đại.</p>
--	--

32.

32. NGÀI NGUYỆT-QUANG GIÁC-NGỘ DO THỦY-ĐẠI.

月光童子即從座起。頂禮佛足而白佛言。我憶往昔恒河沙劫。有佛出世名為水天。教諸菩薩修習水精入三摩地。觀於身中水性無奪。初從涕唾如是窮盡。津液精血大小便利。身中漩渦水性一同。見水身中與世界外浮幢王刹。諸香水海等無差別。我於是時初成此觀。但見其水未得無身。當為比丘室中安禪。我有弟子窺窓觀室。唯見清水遍在屋中了無所見。童稚無知取一瓦礫投於水內。激水作聲顧盼而去。我出定後頓覺心痛。如舍利弗遭違害鬼。我自思惟今我已得阿羅漢道久離病緣。云何今日忽生心痛。將無退失。

爾時童子捷來我前說如上事。我則告言。汝更見水。可即開門入此水中除去瓦礫。童子奉教後入定時。還復見水瓦礫宛然。開門除去。我後出定身質如初。逢無量佛。如是至於山海自在通王如來。方得亡身。與十方界諸香水海。性合真空無二無別。今於如來得童真名預菩薩會。佛問圓通我以水性一味流通。得無生忍圓滿菩提斯為第一。

<p>_ Nguyệt-Quang đồng-tử tức tùng tòa khởi, đánh lẽ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Ngã ức vãng tích, Hằng-hà-sa kiếp, hữu Phật xuất-thế, danh vi Thủy-Thiên, giáo chư Bồ-Tát, tu-tập thủy-quán, nhập Tam-ma-địa.</p> <p>_ Quan ư thân trung, thủy tánh vô đoạt, sơ tùng thế-thỏa, như-thị cùng-tận, tân-dịch tinh-huyết, đại tiểu tiễn lợi, thân trung triền phục, thủy tánh nhứt đồng.</p> <p>(_ Nghĩa là quán ở trong thân, tánh nước không gì ngăn ngại, quán từ nước mũi, nước bọt, cho đến tất cả các thứ tân dịch, tinh huyết, đại-tiễn, tiểu-tiễn, xoay vẫn trong thân đều đồng một tánh nước.)</p> <p>_ Kiến thủy thân trung, dãy thế-giới ngoại, Phù-Tràng-Vương sát, chư hương-thủy-hải, đẳng vô sai biệt.</p> <p>(_ Quán thấy nước trong thân, cùng nước các biển hương-thủy của Phù-Tràng-Vương sát ở ngoài thế-giới, đều bình-dẳng không sai khác.)</p> <p>_ Ngã ư thị thời, sơ thành thử quán, đán kiến kỳ thủy, vị đắc vô thân.</p> <p>(_ Tôi trong lúc ấy, mới thành-tựu phép quán này, chỉ thấy được nước, chưa được không có thân.)</p> <p>_ Đương vị Tỳ-khưu, thất trung an thiền, ngã hữu đệ-tử (tôi có người đệ-tử), khuy song quan thất, duy kiến thanh thủy, biến tại thất trung, liễu vô sở kiến.</p> <p>_ Đồng trĩ vô tri, thủ nhứt ngõa lịch, đầu ư thủy nội, khích thủy tác thính, cố miến nhi khứ.</p> <p>(_ Nó nhỏ dại không biết, liền lấy một miếng ngói ném vào trong nước, đập vào nước phát ra tiếng, ngó quanh rồi bỏ đi.)</p> <p>_ Ngã xuất định hậu, đốn giác tâm thống, như Xá-Lợi-Phật, tao vi hại quỉ.</p> <p>(_ Về sau, tôi xuất định, liền thấy đau tim...)</p>	<p>_ Ngài Nguyệt-Quang đồng-tử đứng dậy đánh lẽ và bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi nhớ xưa ở một kiếp quá-khứ, có Đức Phật Thủy-Thiên xuất-thế độ-sanh, dạy bảo các vị Bồ-Tát tu pháp thủy-quán để vào cảnh-trí chánh-định.</p> <p>_ Pháp thủy-quán là pháp quán-tưởng các thứ nước ở trong thân, như nước mắt, nước mũi, nước dãi, nước đại-tiểu, mồ hôi, tinh-huyết, có thứ ở trong, có thứ bài-tiết ra ngoài, vận-chuyển khác nhau nhưng tánh nước vẫn đồng một thể.</p> <p>_ Tôi nhận thấy thân thủy và thế-giới thủy, cũng như hương-thủy ở các biển tại cõi Phù-Tràng-Vương đều bình-dẳng, chớ không có khác nhau.</p> <p>_ Trong thời-kỳ mới tu pháp thủy-quán thì tôi chỉ thấy nước, chớ chưa tiêu-hóa được nước ở trong thân;</p> <p>- nên trong lúc làm Tỳ-khưu, một hôm tôi đang tọa thiền ở tinh-thất, có một số đạo-chứng của tôi do cửa sổ trông vào tinh-thất, thì thấy nước tràn ngập tinh-thất, chớ không thấy vật chi khác cả.</p> <p>_ Trong số đạo-chứng ngây thơ ấy, có một chú tinh nghịch, lấy một miếng sành liệng vô nước, khiến nước xao động cho vui, rồi bỏ đi.</p> <p>_ Đến khi tôi xuất-định, cảm thấy đau bụng, giống như ông Xá-Lợi-Phật bị quỉ gia hại.</p>
--	--

<p>_ Ngã tự tư duy, kim ngã dĩ đắc, A-La-Hán đạo cửu ly bệnh duyên, vân hà kim nhụt, hốt sanh tâm thống, tương vô thối thất.</p> <p>(... làm sao ngày nay lại sanh ra đau tim...)</p> <p>_ Nhĩ thời đồng-tử, thiệp lai ngã tiền, thuyết như thượng sự.</p> <p>(_ Bấy giờ, đệ-tử của tôi di đến, kể lại cho tôi những việc như trước.)</p> <p>_ Ngã tặc cáo ngôn: Nhữ cánh kiến thủy, khả tức khai môn, nhập thử thủy trung, trừ khứ ngõa lịch.</p> <p>(_ Tôi mới bảo nó: Sau này, nếu lại thấy nước, thì nên mở cửa, vào lấy viên ngói trong nước ấy đi.)</p> <p>_ Đồng-Tử phụng giáo, hậu nhập định thời, hoàn phục kiến thủy, ngõa lịch uyển nhiên, khai môn, trừ xuất.</p> <p>(... nó lại thấy nước, với viên ngói rõ ràng, nó liền mở cửa, lấy viên ngói ra.)</p> <p>_ Ngã hậu xuất định, thân chất như sơ.</p> <p>(_ Sau đó, tôi xuất định, thì thân-thể lại được như cũ.)</p> <p>_ Phùng vô-lượng Phật, như-thị chí ư Sơn-Hải Tự-Tại Thông-Vương Như-Lai, phương đắc vong thân, dữ thập phương giới, chư Hương-thủy-hải, tánh hiệp chơn-không, vô nhị vô biệt.</p> <p>(_ Tôi đã gặp được vô-lượng Phật, đến đời Đức Như-Lai Sơn-Hải Tự-Tại Thông-Vương, tôi mới được không còn thân riêng, và cùng với nước biển hương-thủy thập phương thế-giới, đồng một tánh chơn-không, không hai không khác.)</p> <p>_ Kim ư Như-Lai, đắc đồng chơn danh, dự Bồ-Tát hội.</p> <p>(_ Hiện nay, ở nơi Đức Như-Lai, được danh-hiệu là Đồng-Chơn, dự hội Bồ-Tát.)</p> <p>_ Phật vấn viễn-thông, ngã dĩ thủy tánh, nhứt vị lưu thông, đắc Vô-Sanh-Nhẫn,</p>	<p>_ Tôi tự suy nghĩ, đã đắc A-La-Hán, hết các duyên bệnh từ lâu rồi, tại sao hôm nay bỗng nhiên bị đau bụng, có lẽ công-phu thối chuyển chăng?</p> <p>_ Lúc bấy giờ chú tinh nghịch ấy thấy tôi đang ngồi suy nghĩ, đến tự-thuật công việc liến xáo và xin lạy sám-hối.</p> <p>_ Tôi bảo chú ấy, từ nay về sau đừng tinh nghịch nữa mà mang tội và đợi tới thời thiền-định kế tiếp của tôi, khi thấy nước tràn ngập tinh-thất, thì tức-khắc mở cửa bước vào, lượm miếng sành và liệng trả ra ngoài sân.</p> <p>_ Chú ấy y giáo phụng-hành, qua thời thiền-định kế tiếp của tôi, quả-nhiên, chú ấy thấy nước tràn ngập tinh-thất như lần trước, lại thấy rõ miếng sành còn nguyên ở đáy nước, chú ấy liền mở cửa bước vào, lượm miếng sành bỏ ra.</p> <p>_ Nhờ như vậy, khi tôi xuất-định, không còn đau bụng nữa, thân-thể được bình-phục.</p> <p>_ Trải qua vô-lượng kiếp, gặp được vô-lượng Phật, tôi đều tu pháp thủy-quán, đến đời Đức Như-Lai Sơn-Hải Tự-Tại Thông-Vương, tôi mới viên-thành pháp thủy-quán, bấy giờ thủy-tánh ở trong thân cho tới thủy-tánh ở ngoài thập phương thế-giới, cũng như hương-thủy hải tánh, đều hiệp chơn-không-tánh, không hai không khác.</p> <p>_ Nay được Đức Thế-Tôn từ-bi ấn-chứng cho chơn-danh dự vào Pháp-Hội Bồ-Tát.</p> <p>_ Chiếu theo sở-chứng của tôi, nhờ quán thủy-tánh thông suốt, nên chứng Vô-</p>
--	---

viên-mãm Bồ-Đề, tư vi đê-nhứt.	Sanh-Nhẫn, viên-mãm Bồ-Đề. Như vậy chứng tỏ chõ viên-thông giác-ngộ của tôi là Thủy-đại.
--------------------------------	--

33.	33. NGÀI LUU-LY-QUANG PHÁP-VƯƠNG-TỬ GIÁC-NGỘ DO PHONG-ĐẠI.
	<p>瑠璃光法王子。即從座起。頂禮佛足而白佛言。我憶往昔經恒沙劫。有佛出世名無量聲。開示菩薩本覺妙明。觀此世界及眾生身。皆是妄緣風力所轉。我於爾時觀界安立觀世動時。觀身動止觀心動念。諸動無二等無差別。我時了覺此群動性。來無所從去無所至。十方微塵顛倒眾生同一虛妄。如是乃至三千大千。一世界內所有眾生。如一器中貯百蚊蚋啾啾亂鳴。於分寸中鼓發狂鬧。逢佛未幾得無生忍。爾時心開。乃見東方不動佛國。為法王子事十方佛。身心發光洞徹無礙。佛問圓通我以觀察風力無依。悟菩提心入三摩地。合十方佛傳一妙心斯為第一。</p>
<p>_ Lưu-Ly-Quang Pháp-Vương-Tử tức tùng tòa khởi, đánh lẽ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Ngã úc vãng tích, kinh Hằng-sa kiếp, hữu Phật xuất-thế, danh Vô-Lượng-Thinh, khai-thị Bồ-Tát, bổn-giác diệu-minh, quán thử thế-giới, cập chúng-sanh thân, giai thị vọng duyên, phong lực sở chuyển.</p> <p>(_ Tôi nhớ Hằng-sa về kiếp trước...)</p> <p>_ Ngã ư nhĩ thời, quán giới an lập, quán thế động thời, quán thân động chỉ, quán tâm động niệm.</p> <p>(_ Lúc bấy giờ, tôi quán cái không-gian an-lập, quán cái thời-gian thiêng-lưu, quán cái thân-thể khi động, khi yên, quán cái thức-tâm niệm niệm sanh diệt.)</p> <p>_ Chư động vô nhị, đẳng vô sai biệt.</p> <p>(_ Tất cả đều lay động như nhau, bình đẳng không sai khác.)</p> <p>_ Ngã thời liễu giác thử quán động tánh, lai vô sở tùng, khứ vô sở chí.</p> <p>(_ Bấy giờ, tôi giác-ngộ cái tánh các thứ động ấy, đến</p>	<p>_ Ngài Lưu-Ly-Quang Pháp-Vương-Tử đứng dậy đánh lẽ và bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi nhớ xưa ở một kiếp quá-khứ, có Đức Phật Vô-Lượng-Thinh ra đời, khai-thị Tâm Bổn-Giác Chơn-Như diệu-minh cho chư Bồ-Tát, tu pháp quán thế-giới và thân chúng-sanh đều là vọng-duyên, như sức gió lay chuyển.</p> <p>_ Khi ấy, tôi quán thế-giới an lập, quán thế-giới biến-dộng, quán thân động tịnh, quán tâm động niệm.</p> <p>_ Tôi nhận định tánh động của thế-giới và thân-tâm không phải hai thể, tức là không phải sai biệt.</p> <p>_ Tôi hiểu rõ tánh động, khi đến không biết từ chõ nào, khi lui đi không biết chạy về đâu, tức là tánh động không có</p>

<p>không do đâu, đi không tới đâu.)</p> <p>_ Thập phương vi-trần, diên-đảo chúng-sanh, đồng nhứt hư-vọng, như-thị nã chí, tam thiên đại thiên, nhứt thế-giới nội sở-hữu chúng-sanh, như nhứt khí trung, trữ bá văn nhuế thu thu loạn minh, ư phân thốn trung, cổ phát cuồng náo.</p> <p>(... ở trong gang tấc, ồn ào rối rít.)</p> <p>_ Phùng Phật vị kỷ, đắc Vô-Sanh-Nhẫn, nhĩ thời tâm văn, nãi kiến đông-phương, Bất-Động Phật quốc, vi Pháp-Vương-Tử.</p> <p>(_ Tôi gặp Phật chưa bao lâu, thì được pháp Vô-Sanh-Nhẫn, Tâm Bổn-Giác Chơn-Như ...)</p> <p>_ Sự thập phương Phật, thân-tâm phát quang, đồng triệt vô-ngại.</p> <p>(_ Tôi thừa sự thập phương Phật, thân-tâm phát ra sáng suốt, rõng thấu không ngăn ngại.)</p> <p>_ Phật vấn viên-thông, ngã dĩ quan sát, phong lực vô y, ngộ Bồ-Đ Đề Tâm, nhập Tam-ma-địa, hiệp thập phương Phật, truyền nhứt-diệu-tâm, tư vi đệ-nhứt.</p> <p>(_ Phật hỏi về viên-thông, tôi do quan-sát sức lay động không nương vào đâu, nên tỏ ngộ Tâm Bồ-Đ Đề...)</p>	<p>chỗ phát-khởi và nương dựa chặng khác chi phong-lực, đó là thuộc về hư-vọng.</p> <p>_ Thập phương vi-trần chúng-sanh diên-đảo cũng là hư-vọng, cho tới ở trong tam thiên đại-thiên thế-giới có đa-số chúng-sanh, tương-tự như một vật-dụng chứa hàng triệu con muỗi cứ kêu vo vo trong khuôn khổ nhỏ hẹp, gây ra vọng-tưởng loạn não mà không tự biết.</p> <p>_ Nhờ hồng-ân của Đức Phật Vô-Lượng-Thinh dạy dỗ, tôi tu pháp quán như vậy qua một thời-gian, đắc Vô-Sanh-Nhẫn, Tâm Bổn-Giác Chơn-Như của tôi thông suốt, thấy được quốc-độ của Đức Như-Lai Bất-Động ở phương Đông và được Đức Như-Lai ấn-chứng cho làm Pháp-Vương-T Tử.</p> <p>_ Trải qua nhiều kiếp, tôi chí-thành phụng-sự chư Phật, nên thân-tâm tôi được quang-minh an-lạc, tự-tại vô-ngại.</p> <p>_ Chiếu theo sở-chứng của tôi, do phong-đại, tôi quan-sát phong-lực không có tự-thể, nên tỏ ngộ Tâm Bồ-Đ Đề, tu-chứng chánh-định, khế-hiệp với chư Phật truyền Tâm Bổn-Giác. Như vậy chứng tỏ chỗ viên-thông của tôi giác-ngộ là Phong-đại.</p>
--	--

34.**34. NGÀI HƯ-KHÔNG-TẶNG GIÁC-NGỘ DO KHÔNG-ĐẠI.**

虛空藏菩薩。即從座起。頂禮佛足而白佛言。我與如來定光佛所得無邊身。爾時手執四大寶珠。照明十方微塵佛剎化成虛空。又於自心現大圓鏡。內放十種微妙寶光。流灌十方。盡虛空際諸幢王剎。來入鏡內涉入我身。身同虛空不相妨礙。身能善入微塵國土。廣行佛事得大隨順。此大神力由我諦觀。四大無依妄想生滅。虛空無二佛國本同。於同發明得無生忍。佛問圓通我以觀察虛空無邊入三摩地。妙力圓明斯為第一。

<p>_ Hư-Không-Tạng Bồ-Tát tức tùng tòa khởi, đánh lẽ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Ngã dữ Như-Lai, Định-Quang Phật sở, đắc vô-biên thân.</p> <p>_ Nhĩ thời thủ chấp, tứ đại Bảo-châu, chiếu minh thập phương, vi-trần Phật-sát, hóa thành hư-không.</p> <p>_ Hựu ư tự tâm, hiện đại-viên-kính, nội phóng thập chủng, vi-diệu bửu-quang, lưu quán thập phương, tận hư-không tế, chư Tràng-Vương sát, lai nhập kính nội, thiệp nhập ngã thân.</p> <p>(..., đều vào trong viên-kính ấy, nhập với thân tôi.)</p> <p>_ Thân đồng hư-không, bất tương phương ngại, thân năng thiện nhập, vi-trần quốc-độ, quảng hành Phật-sự, đắc đại tùy thuận.</p> <p>(_ Thân tôi đồng như hư-không, không có ngăn ngại lẫn nhau, thân tôi lại khéo vào vi-trần quốc-độ, rộng làm việc Phật, được đại tùy thuận.)</p> <p>_ Thủ đại thân-lực, do ngã đế quán, tứ đại vô y, vọng tưởng sanh-diệt.</p> <p>_ Hư-không vô nhị, Phật-quốc bốn đồng, ư đồng phát minh, đắc Vô-Sanh-Nhẫn.</p> <p>(_ Hư-không không có hai, và cõi Phật vốn là đồng, do phát-minh được tánh đồng mà chứng Vô-Sanh-Nhẫn.)</p> <p>_ Phật vấn viên-thông, ngã dĩ quan-sát hư-không vô-biên, nhập Tam-ma-địa, diệu-lực viên-minh, tư vi đệ-nhứt.</p>	<p>_ Ngài Hư-Không-Tạng Bồ-Tát đứng dậy đánh lẽ và bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi nhớ ở một kiếp quá-khứ, Đức Thế-Tôn và tôi đồng đắc thân vô-biên ở quốc-độ giáo-hóa của Đức Phật Định-Quang.</p> <p>_ Thời bấy giờ tôi cầm bốn hộ châu đại-bảo, chiếu diệu mười phương vi-trần Phật-quốc hóa như hư-không.</p> <p>_ Lại từ Bổn-Tâm phát-hiện gương đại-viên và ở giữa gương phóng ra mười đạo hào-quang vi-diệu soi khắp thập phương hư-không, khiến các cõi Tràng-Vương an-lạc hòa-hiệp nơi cảnh và thân tôi.</p> <p>_ Vì thế thân đồng với hư-không, không có chi ngăn ngại, nên thân dễ vào vi-trần quốc-độ, thật-hành Phật-sự, hằng thuận rộng rãi, cứu-độ chúng-sanh.</p> <p>_ Sở-dĩ thành-tựu được thân-lực vĩ-đại đó là nhờ tôi quán-tưởng tứ-đại không có chỗ nương dựa, vốn theo vọng-tưởng khi sanh khi diệt mà có.</p> <p>_ Tôi lại quán-tưởng hư-không và Phật-quốc chẳng phải hai, gốc đồng một thể, do đó tôi trở nên sáng suốt và đắc Vô-Sanh-Nhẫn.</p> <p>_ Chiếu theo sở-chứng của tôi, do không-đại, tôi quán-tưởng hư-không vô-biên, nhập cảnh-trí chánh-định, được thân-lực huyền-diệu quang-minh viên-mẫn. Như vậy chứng tỏ chỗ viên-thông của tôi giác-ngộ là Không-đại.</p>
--	---

<p>35.</p>	<p>35. NGÀI DI-LẶC GIÁC-NGỘ DO THỨC-ĐẠI.</p>
<p>彌勒菩薩即從座起。頂禮佛足而白佛言。我憶往昔經微塵劫。有佛出世名日月燈明。我從彼佛而得出家。心重世名好遊族姓。爾時世尊教我修習唯心識定入三摩地。歷劫已來以此三昧事恒沙佛。求世名心歇滅無有。至然燈佛出現於世。我乃得成無上妙圓識心三昧。乃至盡空如來國土淨穢有無。皆是我心變化所現。世尊我了如是唯心識故。識性流出無量如來。今得授記次補佛處。佛問圓通。我以諦觀十方唯識。識心圓明入圓成實。遠離依他及遍計執。得無生忍斯為第一。</p>	<p>Ngài Di-Lặc Bồ-Tát đứng dậy đánh lễ và bạch Phật:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Ngã ức vãng tích, kinh vi-trần kiếp, hữu Phật xuất thế, danh Nhựt-Nguyệt-Đăng-Minh. _ Ngã tòng bỉ Phật, nhi đắc xuất-gia, tâm trọng thế-danh, háo du tộc tánh. (_ Tôi được xuất-gia theo Đức Phật kia, nhưng tâm còn trọng hư-danh thế-gian, ưa giao-du với các vọng-tộc.) _ Nhĩ thời Như-Lai giáo ngã tu-tập, Duy-Tâm-Thức định, nhập Tam-ma-địa. _ Lịch kiếp dĩ lai, dĩ thử tam-muội, sự Hằng-sa Phật, cầu thế-danh tâm, yết diệt vô hữu. (_ Trải qua nhiều kiếp đến nay, dùng pháp tam-muội ấy, phụng-sự Hằng-sa Phật, tâm cầu hư-danh thế-gian diệt hết không còn.) _ Chi Nhiên-Đăng Phật, xuất-hiện ư thế, ngã nãi đắc thành “Vô-thượng diệu-viên thức-tâm tam-muội”. _ Nãi chí tận không Như-Lai quốc-độ, tịnh uế, hữu vô, giai thị ngã tâm, biến hóa sở hiện. (_ Tất cả cõi nước Như-Lai tột bờ bến hư-không, cho đến những điều tịnh, uế, có, không, đều do tâm tôi biến hóa hiện ra.)
	<p>Ngài Di-Lặc Bồ-Tát đứng dậy đánh lễ và bạch Phật:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi nhớ cách nhiều kiếp trước đây, ở một kiếp quá-khứ có Đức Phật Nhựt-Nguyệt-Đăng-Minh ra đời. _ Tôi xuất-gia theo Phật, nhưng chỉ có thân xuất-gia, chớ lòng trần chưa rửa sạch, còn tham danh-vọng phú-quí vinh-hoa ở thế-gian, thích giao-thiệp, vãng-lai thân-cận với các nhà quyền-thế sang giàu. _ Thời bấy-giờ Đức Phật Nhựt-Nguyệt-Đăng-Minh dạy tôi tu pháp-môn Duy-Tâm-Thức để vào cảnh-trí chánh-định. _ Nhờ trải qua vô-số kiếp, tôi giữ tu pháp-môn Duy-Tâm-Thức, hết lòng phụng thờ Hằng-sa Như-Lai, nên dứt tuyệt được cái vọng-tâm tham luyến danh-sắc ấy. _ Đến khi Đức Phật Nhiên-Đăng xuất-thế độ-sanh, tôi đắc “Thức-tâm chánh-định, vô-thượng diệu-viên”. _ Tôi hiểu rõ các quốc-độ của chư Phật giáo-hóa ở khắp hư-không hoặc thanh-tịnh, hoặc uế-trược, đều do tâm biến hiện cả.

<p>_ Thế-Tôn! Ngã liễu như-thị, Duy-Tâm-Thức cố, thức tánh lưu xuất vô-lượng Như-Lai.</p> <p>(_ Bạch Thế-Tôn! Do tôi rõ được tánh Duy-Tâm-Thức như vậy, nên nơi thức-tánh, xuất-hiện vô-lượng Như-Lai.)</p> <p>_ Kim đắc thọ-ký, thứ bổ Phật xứ.</p> <p>(_ Hiện nay tôi được thọ-ký, liền sau đây, bổ xứ thành Phật nơi cõi này.)</p> <p>_ Phật vấn viên-thông, ngã dĩ đế quán, thập phương duy-thức, thức-tâm viên-minh, nhập viên-thành-thật, viễn ly y-tha, cập biến-kế-chấp, đắc Vô-Sanh-Nhẫn, tư vi đệ-nhứt.</p> <p>(... chúng-sanh đều duy-thức, thức-tâm được tròn sáng, chứng nhập tánh viên-thành-thật, xa rời tánh y-tha-khởi, và tánh biến-kế-chấp, được pháp Vô-Sanh-Nhẫn, đó là thứ nhứt.)</p>	<p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Vì thấu-triệt pháp định Duy-Tâm-Thức như vậy, nên từ Bổn-Giác Chơn-Như ứng hiện vô-lượng hóa-thân Như-Lai cứu-độ chúng-sanh.</p> <p>_ Nay tôi được thọ-ký bổ-xứ làm Phật.</p> <p>_ Chiếu theo sở-chứng của tôi, do thức-đại, tôi quan-sát thập phương chúng-sanh đều duy-thức, nên thức-tâm sáng suốt viên-mẫn, dứt sạch các tướng mê-chấp chuyên nối, cầu cạnh danh-lợi, vọng-tưởng diên-dảo, vào cảnh-trí toàn-chơn, đắc quả-vị Vô-Sanh-Nhẫn. Như vậy chứng tỏ chỗ viên-thông của tôi giác-ngộ là Thức-đại.</p>
---	--

36.	36. NGÀI ĐẠI-THẾ-CHÍ GIÁC-NGỘ DO KIẾN-ĐẠI.
<p>大勢至法王子。與其同倫五十二菩薩即從座起。頂禮佛足而白佛言。我憶往昔恒河沙劫。有佛出世名無量光。十二如來相繼一劫。其最後佛名超日月光。彼佛教我念佛三昧。譬如有人一專為憶一人專忘。如是二人若逢不逢或見非見。二人相憶二憶念深。如是乃至從生至生。同於形影不相乖異。十方如來憐念眾生如母憶子。若子逃逝雖憶何為。子若憶母如母憶時。母子歷生不相違遠。若眾生心憶佛念佛。現前當來必定見佛去佛不遠。不假方便自得心開。如染香人身有香氣。此則名曰香光莊嚴。我本因地以念佛心入無生忍。今於此界攝念佛人歸於淨土。佛問圓通我無選擇。都攝六根淨念相繼。得三摩地斯為第一。</p>	
<p>_ Đại-Thế-Chí Pháp-Vương-Tử, dữ kỳ đồng luân, ngũ thập nhị Bồ-Tát tức tùng tòa khởi, đánh lễ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Ngã ức vãng tích, Hằng-hà-sa kiếp, hữu Phật xuất-thế, danh Vô-Lượng-Quang, thập nhị Như-Lai, tương kế nhứt</p>	<p>_ Ngài Đại-Thế-Chí Pháp-Vương-Tử và 52 vị Bồ-Tát pháp-hữu với ngài đồng đứng dậy cung-kính lạy Phật, rồi ngài Đại-Thế-Chí bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi nhớ cách Hằng-sa kiếp trước đây, ở một kiếp quá khứ, có Đức Phật Vô-Lượng-Quang</p>

<p>kiếp, kỳ tối hậu Phật, danh Siêu-Nhựt-Nguyệt-Quang.</p> <p>_ Bỉ Phật giáo ngã, niệm Phật tam-muội.</p>	<p>xuất-thế, đứng đầu trong số thập nhị Như-Lai liên-tục độ-sanh, sau rốt là Đức Phật Siêu-Nhựt-Nguyệt-Quang.</p> <p>_ Tôi nhờ hồng-ân cao-cả của Đức Phật Siêu-NhỰt-Nguyệt-Quang dạy cho tôi tu pháp niệm Phật Tam-Muội.</p>
<p>_ Thí như hữu nhân, nhứt chuyên vi ức, nhứt nhân chuyên vong, như-thị nhì nhân, nhược phùng bất phùng, hoặc kiến phi kiến.</p> <p>_ Nhị nhân tương-ức, nhị ức niệm thâm, như-thị nãi chí, tùng sanh chí sanh, đồng ư hình-ảnh, bất tương quai dị.</p> <p>(_ Nếu cả hai người đều nhớ nhau, hai bên nhớ mãi, khắc sâu vào tâm-niệm, thì đồng như hình với bóng, cho đến từ đời này sang đời khác, không bao giờ cách xa nhau.)</p> <p>_ Thập phương Như-Lai, liên niệm chúng-sanh, như mău ức tử.</p> <p>_ Nhược tử đào thệ, tuy ức, hà vi.</p> <p>(_ Nếu con tránh tránh, thì tuy nhớ, nào có ích gì.)</p> <p>_ Tử nhược ức mău, như mău ức thì, mău tử lịch sanh, bất tương vi viễn.</p> <p>(_ Nếu con nhớ mẹ, như mẹ nhớ con, thì đời đời mẹ con không cách xa nhau.)</p> <p>_ Nhược chúng-sanh tâm, ức Phật niệm Phật, hiện-tiền đương-lai, tất định kiến Phật, khứ Phật bất viễn.</p> <p>_ Bất giả phương-tiện, tự đắc tâm khai.</p> <p>(_ Thì không cần phương-tiện, tâm tự được khai-ngộ.)</p> <p>_ Như nhiệm hương nhân, thân hữu hương khí.</p> <p>(_ Như người ướp hương, thì thân-thể có mùi thơm.)</p>	<p>Đức Siêu-NhỰt-Nguyệt-Quang có dạy:</p> <p>_ Ví như có hai người, một người chuyên nhớ, một người chuyên quên, hai người như vậy, đâu có gặp cũng như không gặp, đâu có thấy cũng như không thấy.</p> <p>_ Nếu hai người đó đều nhớ nhau, hai tánh nhớ được sâu xa tất nhiên hai người gặp nhau thấy nhau, như vậy cho tới từ kiếp này sang kiếp nọ, kiếp nào cũng hội-ngộ nhau như bóng với hình, không bao giờ xa cách.</p> <p>_ Chư Phật ở khắp mười phương đều thương nhớ chúng-sanh như mẹ thương nhớ con.</p> <p>_ Nếu con không biết thương nhớ mẹ, cứ trốn tránh mãi thì mẹ đâu có thương nhớ cách nào cũng chẳng biết làm sao cứu-dộ.</p> <p>_ Nếu con thương nhớ mẹ như mẹ thương nhớ con, thì mău-tử tử-hiếu, hai mẹ con hội-ngộ nhau, đâu có trải bao nhiêu kiếp cũng không bao giờ xa cách.</p> <p>_ Như tâm chúng-sanh nhớ Phật niệm Phật thì hiện-tại hoặc vị-lai chắc chắn thấy Phật, cách Phật không xa.</p> <p>_ Nếu tâm có niệm Phật tất có Phật độ, cảnh Cực-Lạc cũng tại tâm, không cần phương-tiện, tâm cũng khai-minh.</p> <p>_ Ví như gân hương, thích hương thì lâu ngày thân được mùi thơm như hương.</p>
	<p>_ Tâm gân Phật, thương Phật tất có ngày tâm thành Phật.</p>

<p>_ Thủ tắc danh viết, hương-quang trang-nghiêm.</p> <p>(_ Ấy gọi là hương-quang trang-nghiêm.)</p> <p>_ Ngã bốn nhân địa, dĩ niệm Phật tâm, nhập Vô-Sanh-Nhẫn, kim ư thử giới, nghiệp niệm Phật nhân, qui ư Tịnh-độ.</p> <p>_ Phật vấn viên-thông, ngã vô tuyển-trạch, đê nghiệp lục-căn, tịnh-niệm tương-kế, đắc Tam-ma-địa, tư vi đệ-nhứt.</p> <p>(_ Phật hỏi về viên-thông, tôi thu-nhiếp tất cả sáu căn, không có lựa chọn, tịnh-niệm kế tiếp, được vào Tam-ma-địa, đó là thứ nhứt.)</p>	<p>_ Vì tôi biết dùng hương-quang niệm Phật để trang-nghiêm tâm-địa, nên gọi là hương-quang trang-nghiêm.</p> <p>_ Như vậy bốn-nhân tu-hành của tôi lấy tâm niệm Phật mà đắc Vô-Sanh-Nhẫn, nay thị-hiện ở cõi Ta-Bà này, tiếp dẫn người niệm Phật về Tây-phương Tịnh-độ.</p> <p>_ Chiếu theo sở-chứng của tôi, do kiến-đại, tôi không chọn lựa riêng một căn mà thâu-nhiếp sáu căn thành một niệm thanh-tịnh liên-tục (3), nên đắc chánh-định. Như vậy chứng tỏ chỗ viên-thông của tôi giác-ngộ là Kiến-đại.</p>
<p>DỊCH ÂM ĐÊ NGŨ QUYỀN CHUNG</p>	<p>DIỄN NGHĨA HẾT QUYỀN NĂM</p>

CHÚ-THÍCH (2018)

DOAN 4

Câu: “**Tri-kiến lập tri, tức vô-minh bốn**”

(Trích “Sự Tích Đức Phật Thích-Ca”, soạn-giả Trần Hữu Danh, nxb Tổng Hợp, 2011)

Trang 66:

— Trong kinh Lăng-Nghiêm, Phật dạy “*Tri-kiến lập tri, tức vô-minh bốn*”. Nghĩa là: Từ “tánh biết” không có chủ-thể và đối-tượng mà lập ra cái “biết” có chủ-thể và đối-tương, rồi 6 căn vướng mắc vào 6 trần sanh ra chê khen thương ghét, đó chính là gốc của “vô-minh”. Do vô-minh nên thấy có đối-dối phân-biệt. Do vô-minh nên vạn vật vô-thường mà ta cho là thường, vô-ngã mà ta cho là có ngã; dục-lạc ở thế-gian là khổ mà ta cho là vui. Do vô-minh nên quên hết các kiếp trước, không biết nhân-quả luân-hồi.

Trang 275:

— Trong kinh Lăng-Nghiêm, Phật nói “*Tri-kiến lập tri, tức vô-minh bốn*”. Có nghĩa là: Từ cái thấy biết thanh-tịnh, như thật, không phân-biệt, không khen chê của Tánh Giác, mà lập ra cái thấy biết có phân-biệt chủ-thể và đối-tượng, rồi bị vướng mắc vào 6 trần (thương, ghét, khen, chê), đó là gốc của vô-minh.

Muốn trừ vô-minh thì phải học giáo-lý để biết rõ (giác-ngộ) Bốn-Tâm Thanh-Tịnh (Chơn-Tâm) của chúng ta, rồi tập sống hằng ngày với Bốn-Tâm Thanh-Tịnh (Chơn-Tâm) đó bằng cách quán-kiến vô-thường, khổ, không, vô-ngã.

Muốn trừ thức và ái thì phải tu Căn Viên-Thông, tức phải gìn giữ cho sáu căn được thanh-tịnh, không đắm nhiễm sáu trần, không sanh ra ái, không sanh ra ý-thức phân-biệt.



CHIẾT TỰ chữ ĐỊNH (定)

‘Chỉ’ (止) là dừng lại. ‘Tri Chỉ’ (知止) là biết dừng lại. Dục-vọng ăn uống là đầu mối của mọi dục-vọng. ‘Chỉ’ được dục-vọng ăn uống là ‘Chỉ’ được moi dục-vọng khác. Do đó, từ bỏ cao-lương mĩ-vị; sống thanh-dạm truờng-trai tuyêt-dục chuyên-tu là những bước đầu tiên để tu-hành giải-thoát.

‘Định’ là ổn-định. Tinh-thần chỉ được ổn-định, sau khi thân xác đã ổn-định, không còn bôn chôn xuôi ngược, lo lắng, kiếm tìm. Như vậy, ‘Định’ là bước thứ hai sau ‘Chỉ’. Con người được ổn-định sau khi đã biết dừng sự ham muốm (Tri Chỉ).

Chữ ‘Định’ (定) gồm có bộ ‘Miên’ (宀) chỉ cái mái nhà và phần biến-thể của chữ ‘Chánh’ (正) bên dưới. ‘Mái nhà’ vừa biểu-thị mái ấm gia-dình, vừa biểu-thị chính thân xác của mình. ‘Định’ tức là trong nhà, trong thân xác của mình có sự chánh-đáng.

Chữ ‘Chánh’ (正) bao gồm chữ ‘Chỉ’ (止) và chữ ‘Nhứt’ (一). *Chỉ Nhứt* là dừng lại ở Một, tức là dừng lại ở Trời. Cầu nguyện tức là *Chỉ Nhứt*, là sống theo ý Trời.

‘Định’ chỉ trạng-thái con người hướng nội, quay về nội-tâm và ở trong nhà mình, sống theo ý Trời, để tránh tinh-trạng hướng ngoại, vong thân, hay là “táng vu vật” (chôn trong vật).

Nhà Phật có phép tu khiến cho thân tâm ổn-định không còn vọng-động nữa, gọi là phép tu Định. *Nhập định* là tình-trạng tâm-thức đã trở nên vắng lặng, vong ngã; *lực căn* (*nhẫn, nhĩ, ty, thiêt, thân, ý*) không còn hướng về *lực trần*, chấm dứt sự vong thân trong cảnh, chấm dứt tình-trạng “tâm viễn ý mã” (tâm như con vượn trèo cành, ý như con ngựa rong ruổi đó đây).

Trong quá-trình tu-trì của Phật-giáo gồm ba bước Giới, Định, Tuệ; thì *Giới* là *Chỉ* (dừng lại), *Định* (Samādhi, hay còn gọi là Samāpatti) là *nhiếp tâm* (tập-trung tư-tưởng), *Tuệ* là sự thông sáng. *Chánh-Định* là một chi quan-trọng trong tám chi của Bát Chánh Đạo. Nhờ có *Chánh-Định*, tâm-thức mới có thể nhận được thực-tưởng của vạn hữu.



**YẾU-GIẢI
KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM
QUYỂN NĂM**

(1) Đoạn văn: Chư Phật đồng chứng-minh lục-căn vốn là chỗ buộc và mở gút.

Sáu căn là mắt tai mũi lưỡi thân ý. Sáu căn là *nền tảng* của vọng-tâm và cũng là *cội rễ* của Chơn-Tâm.

Sáu căn là cái gút kết-tạo sanh-tử tức là *nguồn gốc* của nghiệp cu-sanh vô-minh. Vì sáu căn mà chúng-sanh trôi lăn mãi ở biển khổ luân-hồi sanh-tử.

Nếu mở được cái gút ấy, thì không còn vật gì kết-tạo sanh-tử tức là hết nghiệp cu-sanh vô-minh. Khi nghiệp cu-sanh vô-minh dứt tuyệt thì đạo Vô-Thượng Bồ-Đề hiện rõ, dĩ-nhiên tu-chứng nhiệm-mầu và được giải-thoát an vui, tự-tại vô-ngại, trang-nghiêm thanh-tịnh, thường-trụ châu-viên.

(2) Đoạn văn: Thuyết kệ trùng-tuyên nghĩa buộc và mở gút.

_ Buộc gút tức là triền-phược ám che. Mở gút tức là giải-thoát, khôi nạn.

_ Chơn-Tánh là thể của căn. Trần-tướng là hình-sắc hữu-vi ở thế-gian.

Khi Chơn-Tánh bị ám che thì có vọng-tưởng phát-sanh, đó là buộc gút.

Khi Chơn-Tánh khôi nạn thì diệu-dụng hiện rõ, đó là mở gút.

Triền-phược và giải-thoát, tức tục tức chơn, tức chơn tức tục.

Trần-tướng hữu-vi, lấy nghiệp làm duyên mà sanh, nên ví như huyền-thuật.

Chơn-Tánh vô-vi, lấy cơ-cảm làm duyên mà có giả-danh, chớ không có sanh-diệt, nên ví như hoa đốm giữa hư-không.

Đó là chứng tỏ Chơn-Tánh vô-vi thuộc pháp xuất thế-gian. Trần-tướng hữu-vi thuộc pháp thế-gian, các pháp đều không có tự-tánh.

_ Căn-trần đã không có tự-tánh tức là hư-vọng, dĩ-nhiên khi hết vọng thì chơn, hết sanh-tử thì Niết-Bàn.

Như nói có vọng tất phải nói có chơn, chơn đối-đãi với vọng, mà nếu có phép đối-đãi thì chẳng những vọng là vọng mà chơn bị đối-đãi cũng chỉ là vọng, nên lời kê nói: vọng chơn tức hai vọng.

_ Nguyên Chơn-Như tánh vượt ra ngoài sự đối-đãi nên chẳng phải chơn hoặc phi chơn chi cả, như vậy không có căn nǎng-kiến và trần sở-kiến. Căn ở trong thân, trần ở ngoài thân, hai thứ ấy còn không có thiệt-tánh, huống chi ở khoảng giữa lại có thiệt-tánh nào hay sao? Tất cả căn-trần như cây lau hiệp nhau, bẹ lá này gát lên bẹ lá kia, hình như có thay đổi hai hình-tướng, nhưng không phải hai thể.

_ Buộc hay mở đều ở nơi căn, triền-phược hay giải-thoát đồng một sở-nhân. Triền-phược thì phàm, giải-thoát thì Thánh, Thánh phàm đều do lục-căn, chớ không phải do chỗ nào khác, tức là Thánh phàm không có hai đường.

_ Hãy xét tánh của cây lau hiệp nhau, ngoài đặc trong bộng, thấy xa dường như có hình-tướng, thấy gần chẳng có gì cả. Nếu nói có nhưng tại sao lòng lau vốn không? Nếu nói không nhưng tại sao lòng lau vốn có?

Căn-trần ví như tánh cây lau. Nếu nói có nhưng tánh căn-trần vốn rỗng không, nếu nói không nhưng tướng căn-trần vốn có, thế thì chẳng phải không, cũng chẳng phải có, tức là nghĩa trung-đạo.

Nếu mê lục-căn là có thì mất thể-tánh thông suốt, nếu muội lục-căn là không thì mất diệu-dụng viên-dung. Như vậy mê-muội tức là vô-minh.

Nếu hết mê-muội, không còn chấp có chấp không, không còn bị trói buộc thì hiện rõ tánh sáng tỏ tức là phát-minh. Phát-minh được, dĩ-nhiên giải-thoát gọi là mở gút.

_ Buộc gút ở lục-căn thì mở gút cũng ở lục-căn. Nguyên khi buộc gút có nhiều lớp thì muốn mở gút phải làm theo thứ-tự. Đó là nói tu-hành tuy về lý có thể giác-ngộ liền, nhưng về sự phải dùng phương-tiện mà tuân-tự nhi tiến. Nếu nhứt-thời mở sáu căn thì cái danh một căn tiêu mất, Đức Phật đã bảo không cần phải mở đồng lượt sáu căn, chỉ chọn lựa một căn nào viên-thông mà giải-trừ, khi căn ấy được giải-trừ, thì cả sáu căn đồng giải-thoát, tự-nhiên quả-vị Vô-Thượng Bồ-Đề thành-tựu viên-mãn.

_ Chấp-trì thức tức là Đà-Na thức hay A-Đà-Na thức, hoặc gọi Nghiệp-thức, Tạng-thức, Bát-thức, Hàm-Tàng thức, A-Lại-Da thức, v.v.... Thức chấp-trì này giữ các hột giống tập-khí như dòng nước chảy.

Thức chấp-trì y Chơn-Như, hiệp sanh-diệt, có chơn có vọng, chơn-vọng xen lấn nhau. Nếu nói là chơn thì sợ chúng-sanh lầm tưởng là Chơn-Tâm mà không lo tu-hành dứt tuyệt tập-khí hư-vọng; nếu nói là vọng thì sợ chúng-sanh lầm tưởng là vọng-nã mà mê-muội, tầm (tầm) cái khác ở bên ngoài. Vì thế Đức Phật không muốn giảng dạy thức chấp-trì cho những người còn mê-chấp.

_ Chúng-sanh tuy đang mê-muội cần phải tu-hành, nhưng thật ra Tự-Tâm Chơn-Như thanh-tịnh thường-trụ, không có gì gọi là tu-hành, nên Tự-Tâm giữ Tự-Tâm.

Tự-Tâm bị pháp-trần ám che, tạo thành các căn mới phát-sanh sự-vật huyễn-mị luống dối.

Nếu quay các căn trở lại bên trong, không còn bị ràng buộc bởi pháp-trần ở bên ngoài thì dứt sạch các mê-chấp, tự-nhiên không thể nào sanh ra sự-vật huyễn-mị được.

_ Huyễn-pháp vốn không có thì làm sao thành-lập được?

Pháp-môn giải-thoát các sự vọng-chấp mê-khổ mà Đức Phật muốn nói ở đây là pháp-môn *Đại Phật-Đảnh Thủ-Lăng-Nghiêm Vương*. Pháp-môn này dạy sáng suốt rõ ràng, chơn vốn có, vọng vốn không, chuyển vọng qui chơn, chuyển phiền-não ra Bồ-Đề, thật là một pháp-môn chánh-định mầu-nhiệm viên-mãn, không có chi so sánh được, cứng chắc bền bỉ trường-cửu, gấp cái có thì cái có tan vỡ, gấp cái không thì cái

không bị tiêu mất, diệu-dụng cao-siêu, oai-lực hùng-dũng ví như Bửu-Giác Kim-Cang-Vương. Pháp-môn *Đại Phật-Đánh Thủ-Lăng-Nghiêm Vương* lại là một pháp-môn giải-thoát, không trụ-trước ở hữu-vi, cũng không trụ-trước ở vô-vi, thâm-thâm diệu-diệu, ví như hoa sen ở chõ bùn mà luôn luôn vượt khỏi bùn, chẳng bao giờ dính bùn gọi là Diệu-Liên-Hoa.

_ Tu-hành theo pháp-môn *Đại Phật-Đánh Thủ-Lăng-Nghiêm Vương* thì chắc chắn giải-thoát luân-hồi sanh-tử, thành bậc Vô-Học Vô-LẬU, rất mau chóng như khẩy móng tay.

Kết-luận, *Pháp-môn Đại Phật-Đánh Thủ-Lăng-Nghiêm Vương là một con đường giải-thoát vào cảnh-trí Vô-Dư Niết-Bàn của chư Phật ở khắp cả mười phương quốc-độ.*

(3) **Thâu-nhiếp sáu căn thành một niệm thanh-tịnh liên-tục.**

Sáu căn: mắt tai mũi lưỡi thân ý, đối-dãi với Sáu trần: sắc thinh hương vị xúc pháp, rồi chạy theo sáu trần, như mắt chạy theo sắc-trần, tai chạy theo thinh-trần, mũi chạy theo hương-trần, lưỡi chạy theo vị-trần, thân chạy theo xúc-trần, ý chạy theo pháp-trần, do đó sáu căn thành ra tướng điên-đảo gọi là phù-trần căn.

Tuy-nhiên sáu căn và sáu trần không có tự-thể, chỉ là hư-vọng sanh-diệt.

Tâm Bổn-Giác Chơn-Như, trạm-tịch thường-trụ, huyền-diệu quang-minh, chau-viên khắp cả pháp-giới, gọi là *Tâm Phật*. Tâm Phật ví như gương, sáu căn ví như ảnh, sáu trần ví như bụi. Khi ảnh hiện vào gương thì có bóng, đến khi ảnh hết hiện thì hết bóng, khi bụi vấy vào gương thì dơ, đến khi bụi thì hết dơ, nhưng dầu có dầu không, dầu dơ dầu sạch, bản-thể của gương lúc nào cũng sáng tỏ.

Thế nên muốn tu-hành giải-thoát dĩ-nhiên phải thâu-nhiếp sáu căn xây trở lại với Tâm Phật, nhãm-căn không còn theo sắc-trần mà theo Tâm Phật, nhĩ-căn không còn theo thinh-trần mà theo Tâm Phật, ty-căn không còn theo hương-trần mà theo Tâm Phật, thiệt-căn không còn theo vị-trần mà theo Tâm Phật, thân-căn không còn theo xúc-trần mà theo Tâm Phật, ý-căn không còn theo pháp-trần mà theo Tâm Phật.

Nếu thâu-nhiếp cả sáu căn đều theo Tâm Phật, mắt để thấy *Phật-tánh*, tai để nghe *Phật-âm*, mũi để ngửi *Phật-hương*, lưỡi để nếm *Phật-vị*, thân để nhập *Phật-cảnh*, ý để tưởng *Phật-pháp*, làm thành niệm Phật duy-nhứt tức là một niệm chánh-định quang-minh, thanh-tịnh trang-nghiêm, liên-tục nhau, không hề gián-doạn, bất-luận đi đứng ngồi nằm, trong giây phút nào cũng niệm Phật, niệm niệm cùng Tâm khởi, niệm Phật bất ly Tâm, mặc-nhiên được nhứt-tâm bất-loạn, thành-tựu pháp niệm Phật tam-muội, vào cảnh-trí chánh-định, đắc quả-vị Vô-Sanh-Nhẫn.

Đó là biến chuyển vọng thành chơn, chuyển sanh-tử thành Niết-Bàn, chuyển các niệm chúng-sanh mê-muội, thống-khổ thành niệm Phật giác-ngộ, an vui.

YẾU-GIẢI HẾT QUYẾN NĂM

CHÚ-THÍCH (2018)

DOẠN 14

(Trích “Ngư Tiều Y Thuật Vấn Đáp” của Nguyễn Đình Chiểu, nxb Thuận Hóa, 2006)

_ **Chín lỗ hôi tanh:** Cửu khiếu (九竅) (chín lỗ): 2 lỗ mắt, 2 lỗ mũi, 2 lỗ tai, 1 lỗ miệng, 1 lỗ tiêu, 1 lỗ tiểu.

Đông-y giải-thích rằng: Con người bẩm-thụ khí âm-dương để thành hình-hài. Vì thế, nhân-thể con người luôn luôn thông với thiên-địa. Con đường thông thiên-địa gồm ba dạng khác nhau:

- *Huyệt-đạo* : vốn vô-hình nhưng ngày đêm đều luân-lưu để thông với thiên-địa.

- *Cửu khiếu* : gồm chín cái lỗ trên thân người.

- *12 kinh-lạc* : kinh-mạch gồm 12 đường cǎ thủ, túc, âm-kinh và dương-kinh.

Âm-kinh có ba: Thái-âm, Thiếu-âm, Quyết-âm; vú thuộc về Quyết-âm.

Dương-kinh có ba: Thái-dương, Thiếu-dương, Dương-minh.

Mỗi kinh đều có một kinh thủ (tay) và một kinh túc (chân), tất cả là 12 kinh. Lạc là những đường ngang liên-hệ với Kinh.

Kỳ-kinh: tức “Kinh ngoại kỳ huyệt”, không thuộc trong 12 kinh-mạch chính. Khí-huyết trong thân-thể con người thường đi khắp 12 kinh-mạch, khi 12 kinh-mạch đã đầy đủ thì tràn vào kỳ-kinh. Kỳ-kinh gồm 8 mạch: Nhâm, Đốc, Xung, Dối, Âm-duy, Dương-duy, Âm-kiều, Dương-kiều. (Kỳ-kinh bát-mạch)

DOẠN 15

_ **Trầm-thủy:** cũng gọi là trầm-hương, Phạn-ngữ là *agaru*, là một loại gỗ quý thơm, thả vào nước thì chìm nên gọi là “trầm-thủy”. Trầm-hương là một phần đặc-biệt trong lõi cây, loại có màu đen rất thơm, rất quý, gọi là “hắc trầm-thủy”. (Theo *Bốn Thảo Chú* 本草註)

DOẠN 18

_ **Không-Tịch:** - Không (空): trống không vắng lặng/ không có các tướng (vô tướng).

- Tịch (寂): không có khởi diệt, không có sanh tử, vắng lặng tự-nhiên.

Dầu cho có tướng (hữu tướng), dầu cho có khởi và có diệt, nhưng tự mình chẳng thấy tướng, chẳng thấy chỗ khởi và chỗ diệt của các pháp, như vậy cũng gọi là không-tịch.

Kinh Đại-Bát Niết-Bàn:

Phật nói: “*Ngã dĩ tu học nhứt-thiết chư pháp, bốn-tánh không-tịch...*” = Ta đã tu học tất cả các pháp, thảy đều có bốn-tánh trống không vắng lặng.

DOẠN 35

_ **Biến-kế** (遍計): Vọng-tình của hạng phàm-phu so đo suy tính khắp các pháp.

Duy-Thức Luận, quyển 8: “Suy tính khắp nơi, nên gọi là biến-kế.”

_ **Biến-kế sở-chấp:** (Trích “Người Vô Sự” của Thích Nhất-Hạnh, trang 121, nxb Tri Thức, 2009)

Chỗ nào tâm ý không còn phát-sinh thì chỗ ấy là giải-thoát.

“Tâm ý” ở đây tức là những tà-kiến phân-biệt: đây là tôi, đây không phải là tôi; cái này là trong, cái này là ngoài; tôi không có cái này, anh có cái này... . Duy-Thức học gọi đó là *biến-kế sở-chấp* (遍計所執 Parakalpita), nghĩa là kỳ-thị, phân-biệt, không thấy được sự thật.

_ **Biến-kế sở-chấp tánh:** Từ vọng-tình biến-kế này, mà cho vô-*ngã* là *ngã*, xem vô-*pháp* là *pháp*, cũng giống như trong bóng tối bảo sợi dây là con rắn; đó gọi là *tánh biến-kế sở-chấp*. Tánh sở-chấp này chỉ là cái vọng-tưởng của đương-tình hiện ra, nó không có thể-tánh (không có tự-tánh).

DOẠN 36

_ **Vô-Lượng-Quang:** dịch từ Phạn-ngữ là Amitābha, có nghĩa là “ánh sáng vô-lượng”. Vị Phật này cũng có hiệu là **Vô-Lượng-Thọ:** dịch từ Phạn-ngữ là Amitāyus, có nghĩa là “thọ mạng vô-lượng”. Cả hai danh-từ Phạn-ngữ này được viết tắt lại thành Amita, và được phiên-âm thành A-Di-Đà, trở thành danh-hiệu Phật quen thuộc được nhiều người biết đến hơn cả. Tuy-nhiên, cả ba danh xưng Vô-Lượng-Quang Phật, Vô-Lượng-Thọ Phật và A-Di-Đà Phật đều chỉ đến cùng một vị Phật.

317 – Thủ Lăng Nghiêm Kinh

HÒA-THƯỢNG THIỀN-SU'

THÍCH TÙ-QUANG

THỦ LĂNG NGHIÊM

KINH

DỊCH ÂM, DIỄN NGHĨA, YẾU GIẢI

QUYỀN SÁU

CHƠN-ĐỨC THIỀN-VIỆN

1948

Dịch Âm THỦ-LĂNG-NGHĨÊM KINH Đệ Lục Quyển	Diễn Nghĩa KINH THỦ-LĂNG-NGHĨÊM Quyển Sáu
1.	1. NGÀI QUÁN-THẾ-ÂM GIÁC-NGỘ DO NHĨ-CĂN.
<p>爾時觀世音菩薩即從座起。頂禮佛足而白佛言。世尊憶念我昔無數恒河沙劫。於時有佛出現於世名觀世音。我於彼佛發菩提心。彼佛教我從聞思修入三摩地。初於聞中入流亡所。所入既寂動靜二相了然不生。如是漸增聞所聞盡。盡聞不住覺所覺空。空覺極圓空所空滅。生滅既滅寂滅現前。</p> <p>忽然超越世出世間。十方圓明獲二殊勝。一者上合十方諸佛本妙覺心。與佛如來同一慈力。二者下合十方一切六道眾生。與諸眾生同一悲仰。</p> <p>世尊由我供養觀音如來。蒙彼如來授我如幻聞薰聞修金剛三昧。與佛如來同慈力故。令我身成三十二應入諸國土。</p>	
<p>_ Nhĩ thời Quán-Thế-Âm Bồ-Tát, tức tùng tòa khởi, đánh lê Phật túc, nhi bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Thế-Tôn! Úc niệm ngã tích, vô số Hằng-hà-sa kiếp, ư thời hữu Phật, xuất hiện ư thế, danh Quán-Thế-Âm.</p> <p>_ Ngã ư bỉ Phật, phát Bồ-Đề Tâm. Bỉ Phật giáo ngã, tùng văn, tư, tu, nhập Tam-ma-địa.</p> <p>_ Sơ ư văn trung, nhập lưu vong sở. Sở nhập ký tịch, động tịnh nhị tướng, liễu nhiên bất sanh.</p> <p>(_ Ban đầu, ở trong tánh nghe, vào được dòng viễn thông, không còn tướng sở-văn nữa. Trần-tướng đã vắng lặng, hai tướng động tịnh rõ thật không sanh.)</p> <p>_ Như-thị tiệm tăng, Văn, Sở-Văn tận.</p> <p>(_ Như vậy thêm lần, các tướng nǎng-văn, sở-văn đều hết.)</p> <p>_ Tân văn bất trụ, Giác, Sở-Giác không.</p> <p>(_ Không dừng lại nơi chỗ dứt hết nǎng-văn, sở-văn, mà tiến lên nữa, thì nǎng-giác, sở-giác đều không.)</p>	
<p>_ Khi ấy, ngài Quán-Thế-Âm Bồ-Tát đứng dậy đánh lê và bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi nhớ ở một kiếp quá-khứ, cách nay đã Hằng-hà sa số kiếp, có Đức Phật Quán-Thế-Âm xuất-thế độ-sanh.</p> <p>_ Tôi phát Tâm Bồ-Đề, xuất-gia theo Đức Phật Quán-Thế-Âm. Đức Phật dạy tôi phải nghe hiểu sáng suốt, suy xét sáng suốt và tu-hành sáng suốt để vào cảnh-trí chánh-dịnh.</p> <p>_ Ban sơ tôi dùng tánh nghe hiểu sáng suốt quay trở lại bên trong, ly các duyên-trần, vào cảnh vắng lặng, thì hai tướng động tịnh không có.</p> <p>_ Như vậy tuần-tự nhi-tiến, tánh Nghe và chỗ Nghe đều hết.</p> <p>_ Đến khi thế “hết nghe” ấy không trụ, thì tánh Giác và chỗ Giác cũng thành không.</p>	

<p>_ Không-giác cực viễn, Không, Sở-Không diệt.</p> <p>(_ Không-giác tột bậc viễn-mẫn, các tướng năng-không, sở-không đều diệt.)</p> <p>_ Sanh-diệt ký diệt, tịch-diệt hiện-tiền.</p> <p>(_ Sanh-diệt đã diệt, thì bản-tánh tịch-diệt hiện-tiền.)</p>	<p>_ Đến khi thế “không-giác” ấy hoàn-toàn, thì tánh Không và chỗ Không cũng diệt.</p> <p>_ Khi “sanh-diệt” dứt tuyệt, thì “tịch-diệt” hiện-tiền.</p>
<p>_ Hốt-nhiên siêu-việt, thế xuất thế-gian, thập phương viên-minh, hoạch nhị thù-thắng:</p> <p>_ Nhứt giả thượng hiệp, thập phương chư Phật bốn diệu-giác tâm, dữ Phật Như-Lai, đồng nhứt từ-lực.</p> <p>_ Nhị giả hạ hiệp, thập phương nhứt-thiết lục-đạo chúng-sanh, dữ chư chúng-sanh, đồng nhứt bi-ngưỡng.</p>	<p>_ Thoạt nhiên tôi giải-thoát, ra khỏi thế-gian và xuất thế-gian, trông thấy thập phương viên-minh và được hai công-đức thù-thắng:</p> <p>a) Đối với bậc trên thì khế-hiệp Tự-Tâm Chơn-Như Diệu-Giác của chư Phật và đồng một oai-lực Từ-Bi cùng chư Phật ở khắp mươi phương thế-giới.</p> <p>b) Đối với hạng dưới thì khế-hiệp căn-cơ của chúng-sanh và đồng một lòng bi-ngưỡng cùng tất cả chúng-sanh trong lục-đạo.</p>
<p>_ Thế-Tôn! Do ngã cung-duồng, Quán-Âm Như-Lai, mông bỉ Như-Lai thọ ngã, “Như huyền văn huân văn tu Kim-Cang tam-muội”.</p> <p>(_ Bạch Đức Thế-Tôn! Nhờ tôi hết lòng cung-duồng Thầy tôi là Đức Phật Quán-Thế-Âm và nhờ Đức Phật truyền dạy cho tôi chọn lựa nhĩ-căn viên-thông, trau dồi tánh nghe về bốn-giác và tánh nghe về thủy-giác mà tu-chứng pháp chánh-định bền chắc như ngọc Kim-Cang.</p> <p>_ Dữ Phật Như-Lai, đồng từ-lực cố.</p> <p>- được cùng chư Phật đồng một từ-lực,</p> <p>_ Linh ngã thân thành tam thập nhị ứng, nhập chư quốc-độ.</p> <p>- nên làm cho thân tôi thành-tựu 32 ứng-thân vào các cõi nước.)</p>	<p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Nhờ tôi hết lòng cung-duồng Thầy tôi là Đức Phật Quán-Thế-Âm và nhờ Đức Phật truyền dạy cho tôi chọn lựa nhĩ-căn viên-thông, trau dồi tánh nghe về bốn-giác và tánh nghe về thủy-giác mà tu-chứng pháp chánh-định bền chắc như ngọc Kim-Cang.</p> <p>_ Nhờ tu-chứng pháp chánh-định ấy, nên oai-lực từ-bi cứu-thế của tôi đồng với oai-lực từ-bi cứu-thế của chư Phật.</p> <p>_ Tôi năng thị-hiện 32 ứng-thân ở các quốc-độ, hằng-thuận chúng-sanh để cứu-khổ cứu-nạn.</p>

2.

2. BA MUỐI HAI ỨNG-THÂN ĐỘ-SANH CỦA BỒ-TÁT QUÁN-THẾ-ÂM.

1 世尊若諸菩薩入三摩地。進修無漏勝解現圓。我現佛身而為說法令其解脫。

- 2 若諸有學寂靜妙明勝妙現圓。我於彼前現獨覺身。而為說法令其解脫。
- 3 若諸有學斷十二緣。緣斷勝性勝妙現圓。我於彼前現緣覺身。而為說法令其解脫。
- 4 若諸有學得四諦空。修道入滅勝性現圓。我於彼前現聲聞身。而為說法令其解脫。
- 5 若諸眾生欲心明悟。不犯欲塵欲身清淨。我於彼前現梵王身。而為說法令其解脫。
- 6 若諸眾生欲為天主統領諸天。我於彼前現帝釋身。而為說法令其成就。
- 7 若諸眾生欲身自在遊行十方。我於彼前現自在天身。而為說法令其成就。
- 8 若諸眾生欲身自在飛行虛空。我於彼前現大自在天身。而為說法令其成就。
- 9 若諸眾生愛統鬼神救護國土。我於彼前現天大將軍身。而為說法令其成就。
- 10 若諸眾生愛統世界保護眾生。我於彼前現四天王身。而為說法令其成就。
- 11 若諸眾生愛生天宮驅使鬼神。我於彼前現四天王國太子身。而為說法令其成就。
- 12 若諸眾生樂為人主。我於彼前現人王身。而為說法令其成就。
- 13 若諸眾生愛主族姓世間推讓。我於彼前現長者身。而為說法令其成就。
- 14 若諸眾生愛談名言清淨其居。我於彼前現居士身。而為說法令其成就。
- 15 若諸眾生愛治國土剖斷邦邑。我於彼前現宰官身。而為說法令其成就。
- 16 若諸眾生愛諸數術攝衛自居。我於彼前現婆羅門身。而為說法令其成就。
- 17 若有男子好學出家持諸戒律。我於彼前現比丘身。而為說法令其成就。
- 18 若有女子好學出家持諸禁戒。我於彼前現比丘尼身。而為說法令其成就。
- 19 若有男子樂持五戒。我於彼前現優婆塞身。而為說法令其成就。
- 20 若復女子五戒自居。我於彼前現優婆夷身。而為說法令其成就。
- 21 若有女人內政立身以修家國。我於彼前現女主身。及國夫人命婦大家。而為說法令其成就。
- 22 若有眾生不壞男根。我於彼前現童男身。而為說法令其成就。

- 23 若有處女愛樂處身不求侵暴。我於彼前現童女身。而為說法令其成就。
- 24 若有諸天樂出天倫。我現天身而為說法令其成就。
- 25 若有諸龍樂出龍倫。我現龍身而為說法令其成就。
- 26 若有藥叉樂度本倫。我於彼前現藥叉身。而為說法令其成就。
- 27 若乾闥婆樂脫其倫。我於彼前現乾闥婆身。而為說法令其成就。
- 28 若阿修羅樂脫其倫。我於彼前現阿修羅身。而為說法令其成就。
- 29 若緊陀羅樂脫其倫。我於彼前現緊陀羅身。而為說法令其成就。
- 30 若摩呼羅伽樂脫其倫。我於彼前現摩呼羅伽身。而為說法令其成就。
- 31 若諸眾生樂人修人。我現人身而為說法令其成就。
- 32 若諸非人有形無形。有想無想樂度其倫。我於彼前皆現其身。而為說法令其成就。
- 是名妙淨三十二應入國土身。皆以三昧聞薰聞修。無作妙力自在成就。

	<p>1) Ngài Quán-Thế-Âm Bồ-Tát bạch Phật:</p> <p>_ Thế-Tôn! Nhược chư Bồ-Tát nhập Tam-ma-địa, tấn tu vô-lâu, thăng giải hiện viễn.</p> <p>_ Ngã hiện <i>Phật-thân</i>, nhi vị thuyết-pháp, linh kỳ giải-thoát.</p>
	<p>2) Nếu có các vị Hữu-học nào, tâm tịch-tịnh sáng suốt, sẽ tròn đức giác-ngộ thăng-diệu,</p> <p>- thì tôi thị-hiện <i>Độc-Giác Phật thân</i> đối-diện các vị ấy, thuyết pháp độ cho giải-thoát.</p>
	<p>3) Nếu có các vị Hữu-học nào, đoạn 12 nhân-duyên, do các nhân-duyên đã đoạn mà phát ra thăng tánh và thăng tánh đó hiện đã viên-mãn,</p> <p>- thì tôi thị-hiện <i>Duyên-giác thân</i> đối-diện các vị ấy, thuyết pháp độ cho giải-thoát.</p>
	<p>4) Nếu có các vị Hữu-học nào đã tỏ ngộ pháp Tứ-Đế, đang tiến tu vào Niết-Bàn, sẽ tròn đức giác-ngộ thăng-diệu,</p>

<p>_ Ngã ư bỉ tiễn, hiện <i>Thinh-văn thân</i>, nhí vị thuyết-pháp, linh kỳ giải-thoát.</p>	<p>- thì tôi thị-hiện <i>Thinh-Văn thân</i> đối-diện các vị ấy, thuyết pháp độ cho giải-thoát.</p>
<p>_ Nhược chư chúng-sanh, dục tâm minh ngộ, bất phạm dục-trần, dục thân thanh-tịnh.</p> <p>_ Ngã ư bỉ tiễn, hiện <i>Phạm-Vương thân</i>, nhí vị thuyết-pháp, linh kỳ giải-thoát.</p>	<p>5) Nếu có chúng-sanh nào đã hiểu biết sáng suốt sự dâm-dục sanh ra oan-trái trói buộc mãi trong biển khổ sanh-tử, vô-cùng nguy hại, mà quyết-định đoạn-tuyệt, thân-tâm thanh-tịnh tu-hành, cầu đạo giải-thoát,</p> <p>- thì tôi thị-hiện <i>Phạm-Vương thân</i> đối-diện chúng-sanh ấy, thuyết pháp độ cho giải-thoát.</p>
<p>_ Nhược chư chúng-sanh, dục vi Thiên chủ, thống-lãnh chư Thiên.</p> <p>_ Ngã ư bỉ tiễn, hiện <i>Đế-Thích thân</i>, nhí vị thuyết-pháp, linh kỳ thành-tựu.</p>	<p>6) Nếu có chúng-sanh nào muốn làm Thiên-chủ thống-lãnh chư Thiên,</p> <p>- thì tôi thị-hiện <i>Đế-Thích thân</i> đối-diện chúng-sanh ấy, thuyết pháp độ cho tùy-tâm mãn-nguyễn.</p>
<p>_ Nhược chư chúng-sanh, dục thân tự-tại, du hành thập phuong.</p> <p>_ Ngã ư bỉ tiễn, hiện <i>Tự-Tại-Thiên thân</i>, nhí vị thuyết-pháp, linh kỳ thành-tựu.</p>	<p>7) Nếu có chúng-sanh nào muốn thân được tự-tại du-hành khắp mươi phuong,</p> <p>- thì tôi thị-hiện <i>Tự-Tại-Thiên thân</i> đối-diện chúng-sanh ấy, thuyết pháp độ cho tùy-tâm mãn-nguyễn.</p>
<p>_ Nhược chư chúng-sanh dục thân tự-tại, phi hành hư-không.</p> <p>_ Ngã ư bỉ tiễn, hiện <i>Đại-Tự-Tại-Thiên thân</i>, nhí vị thuyết-pháp, linh kỳ thành-tựu.</p>	<p>8) Nếu có chúng-sanh nào muốn thân được tự-tại bay khắp hư-không,</p> <p>- thì tôi thị-hiện <i>Đại-Tự-Tại-Thiên thân</i> đối-diện chúng-sanh ấy, thuyết pháp độ cho tùy-tâm mãn nguyễn.</p>
<p>_ Nhược chư chúng-sanh ái thống Quý-Thần, cứu hộ quốc-độ.</p> <p>_ Ngã ư bỉ tiễn, hiện <i>Thiên-Đại-Tướng-Quân thân</i>, nhí vị thuyết-pháp, linh kỳ thành-tựu.</p>	<p>9) Nếu có chúng-sanh nào muốn thống-lãnh Quý-thần cứu-giúp quốc-độ,</p> <p>- thì tôi thị-hiện <i>Đại-Tướng-Quân thân</i> đối-diện chúng-sanh ấy, thuyết pháp độ cho tùy-tâm mãn-nguyễn.</p>
<p>_ Nhược chư chúng-sanh ái thống thế-giới, bảo-hộ chúng-sanh.</p> <p>_ Ngã ư bỉ tiễn, hiện <i>Tứ-Thiên-Vương thân</i>, nhí vị thuyết-pháp, linh kỳ thành-tựu.</p>	<p>10) Nếu có chúng-sanh nào muốn thống-lãnh Thế-gian, để bảo-hộ dân-lành,</p> <p>- thì tôi thị-hiện <i>Tứ-Thiên-Vương thân</i> đối-diện chúng-sanh ấy, thuyết pháp độ cho tùy-tâm mãn-nguyễn.</p>
<p>_ Nhược chư chúng-sanh ái sanh Thiên-cung, khu sử quỷ-thần.</p> <p>_ Ngã ư bỉ tiễn, hiện <i>Tứ-Thiên-Vương</i></p>	<p>11) Nếu có chúng-sanh nào muốn sanh về Thiên-cung, điều-khiển Quỷ-thần,</p> <p>- thì tôi thị-hiện <i>Thái-tử</i> của nước Tứ</p>

quốc <i>thái-tử thân</i> , nhi vị thuyết-pháp, linh kỳ thành-tựu.	Thiên-Vương đối-diện chúng-sanh ấy, thuyết pháp độ cho tùy-tâm mẫn-nghuyện.
<ul style="list-style-type: none"> _ Nhược chư chúng-sanh lạc vi Nhân-vương. _ Ngã ư bỉ tiễn, hiện <i>Nhân-vương thân</i>, nhi vị thuyết-pháp, linh kỳ thành-tựu. 	12) Nếu có chúng-sanh nào muốn làm Vua ở Nhân-gian, - thì tôi thị-hiện <i>Nhân-Vương thân</i> đối-diện chúng-sanh ấy, thuyết pháp độ cho tùy-tâm mẫn-nghuyện.
<ul style="list-style-type: none"> _ Nhược chư chúng-sanh ái chủ tộc-tánh, thế-gian thôi nhượng. _ Ngã ư bỉ tiễn, hiện <i>Trưởng-giả thân</i>, nhi vị thuyết-pháp, linh kỳ thành-tựu. 	13) Nếu có chúng-sanh nào muốn làm chủ các dòng dõi tộc-tánh được quý trọng ở thế-gian, - thì tôi thị-hiện <i>Trưởng-giả thân</i> đối-diện chúng-sanh ấy, thuyết pháp độ cho tùy-tâm mẫn-nghuyện.
<ul style="list-style-type: none"> _ Nhược chư chúng-sanh ái đàm danh-ngôn, thanh-tịnh kỳ cư. _ Ngã ư bỉ tiễn, hiện <i>Cư-sĩ thân</i>, nhi vị thuyết-pháp, linh kỳ thành-tựu. 	14) Nếu có chúng-sanh nào muốn thuyết các danh-ngôn và tự sống ở chỗ thanh-tịnh tu-hành, - thì tôi thị-hiện <i>Cư-sĩ thân</i> đối-diện chúng-sanh ấy, thuyết pháp độ cho tùy-tâm mẫn-nghuyện.
<ul style="list-style-type: none"> _ Nhược chư chúng-sanh ái trị quốc-độ, phỗn đoạn bang ấp. _ Ngã ư bỉ tiễn, hiện <i>Tể-quan thân</i>, nhi vị thuyết-pháp, linh kỳ thành-tựu. 	15) Nếu có chúng-sanh nào muốn cầm quyền cai-trị xứ-sở, hay là phê-phán vạn sự ở châu huyện, - thì tôi thị-hiện <i>Tể-quan thân</i> đối-diện chúng-sanh ấy, thuyết pháp độ cho tùy-tâm mẫn-nghuyện.
<ul style="list-style-type: none"> _ Nhược chư chúng-sanh ái chư Sổ thuật, nhiếp vệ tự cư. _ Ngã ư bỉ tiễn, hiện <i>Bà-la-môn thân</i>, nhi vị thuyết-pháp, linh kỳ thành-tựu. 	16) Nếu có chúng-sanh nào muốn làm nhà sổ-thuật, sống trong cảnh tự-vệ, - thì tôi thị-hiện <i>Bà-la-môn thân</i> đối-diện chúng-sanh ấy, thuyết pháp độ cho tùy-tâm mẫn-nghuyện.
<ul style="list-style-type: none"> _ Nhược hữu Nam-tử, háo học xuất-gia, trì chư giới luật. _ Ngã ư bỉ tiễn, hiện <i>Tỳ-khưu thân</i>, nhi vị thuyết-pháp, linh kỳ thành-tựu. 	17) Nếu có vị Nam-tử nào, ham học pháp xuất-gia, giữ đủ giới-luật, - thì tôi thị-hiện <i>Tỳ-khưu thân</i> đối-diện người ấy, thuyết pháp độ cho tùy-tâm mẫn-nghuyện.
<ul style="list-style-type: none"> _ Nhược hữu Nữ-nhân, háo học xuất-gia, trì chư cấm giới. _ Ngã ư bỉ tiễn, hiện <i>Tỳ-khưu-ni thân</i>, nhi vị thuyết-pháp, linh kỳ thành-tựu. 	18) Nếu có vị Nữ-nhân nào, ham học pháp xuất-gia, giữ đủ giới-cấm, - thì tôi thị-hiện <i>Tỳ-khưu-ni thân</i> đối-diện người ấy, thuyết pháp độ cho tùy-tâm mẫn-nghuyện.

<p>_ Nhược hữu Nam-tử lạc trì ngũ giới.</p> <p>_ Ngã ư bỉ tiễn, hiện <i>Ưu-bà-tắc thân</i>, nhi vị thuyết-pháp, linh kỳ thành-tựu.</p>	<p>19) Nếu có vị Nam-tử nào ưng giữ năm giới-cấm,</p> <p>- thì tôi thị-hiện <i>Ưu-bà-tắc thân</i> đối-diện người ấy, thuyết pháp độ cho tùy-tâm mān-nguyễn.</p>
<p>_ Nhược hữu Nữ-tử, ngũ giới tự cư.</p> <p>_ Ngã ư bỉ tiễn, hiện <i>Ưu-bà-di thân</i>, nhi vị thuyết-pháp, linh kỳ thành-tựu.</p>	<p>20) Nếu có vị Nữ-tử nào ưng giữ năm giới-cấm,</p> <p>- thì tôi thị-hiện <i>Ưu-bà-di thân</i> đối-diện người ấy, thuyết pháp độ cho tùy-tâm mān-nguyễn.</p>
<p>_ Nhược hữu nữ-nhân, nội chánh lập thân, dĩ tu gia quốc.</p> <p>_ Ngã ư bỉ tiễn, hiện <i>Nữ-chủ thân</i>, lập quốc Phu nhân, Mạng-phụ đại gia, nhi vị thuyết-pháp, linh kỳ thành-tựu.</p>	<p>21) Nếu có vị Nữ-nhân nào muốn lập thân cầm-quyền, sửa sang gia-đình và xứ-sở,</p> <p>- thì tôi thị-hiện <i>Nữ-chủ thân</i> ở ngôi Phu-nhân hoặc Mệnh-phụ trong nước đối-diện người ấy, thuyết pháp độ cho tùy-tâm mān-nguyễn.</p>
<p>_ Nhược hữu Nam-tử bất hoại nam-căn.</p> <p>_ Ngã ư bỉ tiễn, hiện <i>Đồng-nam thân</i>, nhi vị thuyết-pháp, linh kỳ thành-tựu.</p>	<p>22) Nếu có vị Nam-tử nào không hề hoại nam-căn tức là suốt đời bất phạm dâm-dục,</p> <p>- thì tôi thị-hiện <i>Đồng-nam thân</i> đối-diện người ấy, thuyết pháp độ cho tùy-tâm mān-nguyễn.</p>
<p>_ Nhược hữu Xử-nữ ái lạc xử thân, bất cầu xâm-bạo.</p> <p>_ Ngã ư bỉ tiễn, hiện <i>Đồng-nữ thân</i>, nhi vị thuyết-pháp, linh kỳ thành-tựu.</p>	<p>23) Nếu có vị Nữ-nhân nào thích làm xử-nữ tức là trinh-nữ không chịu lấy chồng, khỏi bị đàn-ông xâm-phạm,</p> <p>- thì tôi thị-hiện <i>Đồng-nữ thân</i> đối-diện vị xử-nữ ấy, thuyết pháp độ cho tùy-tâm mān-nguyễn.</p>
<p>_ Nhược hữu chư thiên lạc xuất Thiên luân.</p> <p>_ Ngã hiện <i>Thiên thân</i>, nhi vị thuyết-pháp, linh kỳ thành-tựu.</p>	<p>24) Nếu có chư thiên muốn ra khỏi loài trời,</p> <p>- thì tôi thị-hiện ra chư thiên <i>thân</i> đối-diện vị ấy, thuyết pháp độ cho tùy-tâm mān-nguyễn.</p>
<p>_ Nhược hữu chư long, nhạo xuất Long luân.</p> <p>_ Ngã hiện <i>Long thân</i>, nhi vị thuyết-pháp, linh kỳ thành-tựu.</p>	<p>25) Nếu có các con Rồng nào cầu thoát ly đường Long-luân,</p> <p>- thì tôi thị-hiện <i>Long thân</i> đối-diện các con Rồng ấy, thuyết pháp độ cho tùy-tâm mān-nguyễn.</p>
<p>_ Nhược hữu Dạ-Xoa, lạc độ bốn luân.</p>	<p>26) Nếu có vị Dạ-Xoa nào muốn thoát ly cảnh-ngộ Dạ-Xoa,</p>

<p>_ Ngã ư bỉ tiễn, hiện <i>Da-Xoa thân</i>, nhi vị thuyết-pháp, linh kỳ thành-tựu.</p>	<p>- thì tôi thị-hiện <i>Da-Xoa thân</i> đối-diện vị ấy, thuyết pháp độ cho tùy-tâm mẫn-nghuyện.</p>
<p>_ Nhược Càn-Thát-Bà, lạc thoát kỳ luân. _ Ngã ư bỉ tiễn, hiện <i>Càn-Thát-Bà thân</i>, nhi vị thuyết-pháp, linh kỳ thành-tựu.</p>	<p>27) Nếu có vị Càn-thát-bà nào muốn thoát-ly cảnh-ngộ Càn-thát-bà, - thì tôi thị-hiện <i>Càn-Thát-Bà thân</i> đối-diện vị ấy, thuyết pháp độ cho tùy-tâm mẫn-nghuyện.</p>
<p>_ Nhược A-Tu-La, lạc thoát kỳ luân. _ Ngã ư bỉ tiễn, hiện <i>A-Tu-La thân</i>, nhi vị thuyết-pháp, linh kỳ thành-tựu.</p>	<p>28) Nếu có vị A-Tu-La nào muốn thoát-ly cảnh-ngộ A-tu-la, - thì tôi thị-hiện <i>A-Tu-La thân</i> đối-diện vị ấy, thuyết pháp độ cho tùy-tâm mẫn-nghuyện.</p>
<p>_ Nhược Khẩn-Na-La, lạc thoát kỳ luân. _ Ngã ư bỉ tiễn, hiện <i>Khẩn-Na-La thân</i>, nhi vị thuyết-pháp, linh kỳ thành-tựu.</p>	<p>29) Nếu có vị Khẩn-na-la nào muốn thoát-ly cảnh-ngộ Khẩn-na-la, - thì tôi thị-hiện <i>Khẩn-Na-La thân</i> đối-diện vị ấy, thuyết pháp độ cho tùy-tâm mẫn-nghuyện.</p>
<p>_ Nhược Ma-Hầu-La-Già, lạc thoát kỳ luân. _ Ngã ư bỉ tiễn, hiện <i>Ma-Hầu-La-Già thân</i>, nhi vị thuyết-pháp, linh kỳ thành-tựu.</p>	<p>30) Nếu có vị Ma-Hầu-La-Già nào muốn thoát-ly cảnh-ngộ Ma-Hầu-La-Già, - thì tôi thị-hiện <i>Ma-Hầu-La-Già thân</i> đối-diện vị ấy, thuyết pháp độ cho tùy-tâm mẫn-nghuyện.</p>
<p>_ Nhược chư chúng-sanh, lạc nhân tu nhân. _ Ngã hiện <i>nhân thân</i>, nhi vị thuyết-pháp, linh kỳ thành-tựu.</p>	<p>31) Nếu có các người thích Nhân-luân, thật-hành nhân-đạo, - thì tôi thị-hiện <i>Nhân thân</i> đối-diện các người ấy, thuyết pháp độ cho tùy-tâm mẫn-nghuyện.</p>
<p>_ Nhược chư Phi-nhân, hữu-hình vô-hình, hữu-tưởng vô-tưởng, lạc độ kỳ luân. _ Ngã ư bỉ tiễn, giai hiện kỳ thân, nhi vị thuyết-pháp, linh kỳ thành-tựu.</p>	<p>32) Nếu các loài Phi-nhân, hữu-hình hoặc vô-hình, hữu-tưởng hoặc vô-tưởng, muốn thoát khỏi hoàn-cảnh đau khổ của họ, - thì tôi tùy mỗi loài mà thị-hiện giống như họ, đối-diện họ, thuyết pháp độ cho tùy-tâm mẫn-nghuyện.</p>
<p>_ Thị danh diệu-tịnh, tam thập nhị ứng, nhập quốc-độ thân; giai dī tam-muội, văn-huân văn-tu, vô-tác diệu-lực, tự-tại thành-tựu. (_ Ấy gọi là 32 ứng-thân diệu-tịnh, vào các cõi nước;</p>	<p>_ Đó là 32 ứng-thân thanh-tịnh mâu-nhiệm tùy duyên thị-hiện vào các quốc-độ; dùng oai-lực huyền-diệu vô-tác của văn-huân văn-tu Kim-Cang tam-muội cứu-độ Đại-chúng được tự-tại, tùy-tâm</p>

những thân ấy đều do vô-tác diệu-lực của văn-huân văn-tu tam-muội, mà tự-tại thành-tựu.)	mẫn-nghỵên.
---	-------------

3.	3. MUỜI BỐN PHÁP VÔ-ÚY THÍ CỦA BỒ-TÁT QUÁN-THẾ-ÂM.
<p>世尊我復以此聞薰聞修金剛三昧無作妙力。與諸十方三世六道。一切眾生同悲仰故。令諸眾生於我身心。獲十四種無畏功德。</p> <p>1 一者由我不自觀音以觀觀者。令彼十方苦惱眾生。觀其音聲即得解脫。</p> <p>2 二者知見旋復。令諸眾生設入大火火不能燒。</p> <p>3 三者觀聽旋復。令諸眾生大水所漂水不能溺。</p> <p>4 四者斷滅妄想心無殺害。令諸眾生入諸鬼國鬼不能害。</p> <p>5 五者薰聞成聞。六根銷復同於聲聽。能令眾生臨當被害刀段段壞。使其兵戈猶如割水。亦如吹光性無搖動。</p> <p>6 六者聞薰精明遍法界。則諸幽暗性不能全。能令眾生藥叉羅刹鳩槃茶鬼。及毘舍遮富單那等。雖近其傍目不能視。</p> <p>7 七者音性圓銷。觀聽返入離諸塵妄。能令眾生禁繫枷鎖所不能著。</p> <p>8 八者滅音圓聞遍生慈力。能令眾生經過嶮路賊不能劫</p> <p>9 九者薰聞離塵色所不劫。能令一切多姪眾生遠離貪欲。</p> <p>10 十者純音無塵。根境圓融無對所對。能令一切忿恨眾生離諸嗔恚。</p> <p>11 十一者銷塵旋明法界身心。猶如瑠璃朗徹無礙。能令一切昏鈍性障。諸阿顛迦永離癡暗。</p> <p>12 十二者融形復聞。不動道場涉入世間。不壞世界能遍十方。供養微塵諸佛如來。各各佛邊為法王子。能令法界無子眾生。欲求男者誕生福德智慧之男。</p> <p>13 十三者六根圓通。明照無二含十方界。立大圓鏡空如來藏。承順十方微塵如來。祕密法門受領無失。能令法界無子眾生。欲求女者誕生端正福德柔順。眾人愛敬有相之女。</p> <p>14 十四者此三千大千世界百億日月。現住世間諸法王子。有六十二恒河沙數修法垂範。教化眾生隨順眾生。方便智慧各各不同。由我所得圓通本根發妙耳門。然後身心微妙含容遍周法界。能令眾生持我名號。與彼共持六十二恒河沙諸法王子。二人福德正等無異。世尊我一號名與彼眾多名號無異。由我修習得真圓通。是名十四施無畏力福備眾生。</p>	

_ Ngài Quán-Thế-Âm Bồ-Tát bạch
Phật:

<p>_ Thế-Tôn! Ngã phục dĩ thử, văn huân văn tu, Kim-Cang tam-muội, vô-tác diệu-lực, dữ chư thập phƯơng, tam thế lục-đạo, nhứt-thiết chúng-sanh, đồng bi ngƯoNg cố, linh chư chúng-sanh, ư ngã thân-tâm, hoạch thập tứ chủng, vô-úy công-đức.</p> <p>(... mươi phƯơng pháp-giới, nên khiến cho chúng-sanh, nơi thân-tâm tôi, được 14 thứ công-đức vô-úy.)</p>	<p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi lại nhận-thức nhờ oai-lực huyền-diệu vô-tác của pháp văn-huân văn-tu Kim-Cang tam-muội, nên được đồng một lòng bi ngƯoNg với tất cả lục-đạo chúng-sanh ở khắp ba đời mươi phƯơng pháp-giới, khiến cho chúng-sanh nương theo thân-tâm của tôi, do đó tôi có được 14 pháp vô-úy thí như sau:</p>
<p>_ Nhứt giả: Do ngã bất tự quan âm, dĩ quán quan giả, linh bỉ thập phƯơng, khổ-não chúng-sanh, quan kỳ âm-thinh, tức đắc giải-thoát.</p> <p>(_ Một là: Do tôi không tự quán cái tiếng, mà quán cái tâm năng quán, ... quán cái âm-thinh, thì liền được giải-thoát.)</p>	<p>1) Tôi chẳng cần thấy ai nói lên tiếng, nhưng vẫn nghe hiểu, độ được chúng-sanh đau khổ ở khắp mươi phƯơng, khi có tiếng kêu cứu, cảm-ứng linh-thông, tức-khắc được giải-thoát nạn khổ.</p>
<p>_ Nhị giả: Tri-kiến triền phục, linh chư chúng-sanh, thiết nhập đại hỏa, hỏa bất năng thiêu.</p>	<p>2) Tánh tri-kiến xoay lại, độ được chúng-sanh có lâm vào nạn lửa, lửa không thể thiêu đốt.</p>
<p>_ Tam giả: Quan thính triền phục, linh chư chúng-sanh, đại thủy sở phiêu, thủy bất năng nịnh.</p> <p>(_ Ba là: Quán cái nghe đã xoay trở lại...)</p>	<p>3) Quan-sát tiếng nghe, độ được chúng-sanh có lâm vào nạn nước chảy mạnh cũng không thể đắm chìm.</p>
<p>_ Tứ giả: Đoạn diệt vọng-tưởng, tâm vô sát hại, linh chư chúng-sanh, nhập chư Quỷ-quốc, Quỷ bất năng hại.</p>	<p>4) Trừ tuyệt vọng-tưởng, tâm không sát hại, độ được chúng-sanh lâm vào Quỷ-quốc, các loài Quỷ không thể nhiễu-hại.</p>
<p>_ Ngũ giả: Huân văn thành văn, lục-căn tiêu phục, đồng ư thinh thính; năng linh chúng-sanh, lâm đương bị hại, dao đoạn đoạn hoại, sử kỳ binh qua, do như cát thủy, diệc như xuy quang, tánh vô diêu động.</p> <p>(_ Năm là: Huân-tập và thành-tựu được tánh nghe, cả sáu căn đều tiêu về bần-tánh, đồng như cái nghe, cái tiếng; có thể khiến cho chúng-sanh, lúc đương bị hại, dao gãy từng đoạn, khiến cho các binh khí chạm vào thân người như cắt dòng nước, như thổi ánh sáng, bần-tánh không hề lay động.)</p>	<p>5) Huân-tập tánh nghe vi-diệu, chế-phục lục-căn đồng với tiếng nghe; độ được chúng-sanh có bị nạn gươm dao, dao gãy từng đoạn, gươm chém như chém nước, lại cũng chẳng khác chi thổi ánh sáng, vì không thể chuyển-động.</p>
<p>_ Lục giả: Văn huân tinh-minh, minh biến pháp-giới, tắc chư u-ám, tánh bất năng toàn; năng linh chúng-sanh, Dạ-xoa, La-sát, Cưu-bàn-trà quý, cập Tỳ-</p>	<p>6) Huân-tập tánh nghe tinh-minh, sáng suốt cả pháp-giới, tất-nhiên các thứ u-ám đen tối không tồn-tại; độ được chúng-sanh có gặp các loài ác quỷ như</p>

xá-giá, Phú-đơn-na đắng, tuy cận kỵ bàng, mục bất năng thị.	Dạ-xoa, La-sát, Cưu-bàn-trà, Tỳ-xá-giá, Phú-đơn-na, không thể nhiễu-hại, dầu có đứng sát họ, họ cũng chẳng thấy.
_ Thất giả: Âm tánh viễn tiêú, quan thính phản nhập, ly chư trần vọng; năng linh chúng-sanh, cẩm hê già tỏa, sở bất năng trước. (_ Bảy là: Các tiếng đều viễn tiêú, thấy nghe đã xoay vào Tự-Tánh, rời các trần-cảnh hư-vọng, ...)	7) Tánh nghe viễn-diệu, cứu xét tiếng nghe trở lại bên trong, ly hết vọng-trần; độ được chúng-sanh thoát nạn gông cùm xiềng xích.
_ Bát giả: Diệt âm viễn văn, biến sanh từ-lực, năng linh chúng-sanh, kinh quá hiểm lộ, tặc bất năng kiếp. (_ Tám là: Diệt tướng âm-thanh, viễn-thông tánh nghe, phát-sinh từ-lực cùng khấp, ...)	8) Chuyển tiếng nghe tròn đủ thành đại-lực từ-bi, độ được chúng-sanh vượt qua các đường có giặc cướp nguy-hiểm.
_ Cửu giả: Huân văn ly trần, sắc sở bất kiếp, năng linh nhứt-thiết đa-dâm chúng-sanh, viễn-ly tham-dục. (_ Chín là: Huân-tập phát ra tánh nghe, rời các trần-tướng, sắc-dục không lôi kéo được; có thể khiến cho tất cả chúng-sanh đa-dâm, xa rời lòng tham-dục.)	9) Huân-tập tánh nghe dứt sạch điên đảo, không bị danh-sắc cướp đoạt, độ được các chúng-sanh có tật đa-dâm, trừ-tuyệt tham-dục.
_ Thập giả: Thuần âm vô trần, căn cảnh viễn-dung, vô đối sở đối; năng linh nhứt-thiết phẩn hận chúng-sanh, ly chư sân nhuế. (_ Mười là: Thuần một thật-tướng của âm-thanh, không còn gì là tiền-trần; căn và cảnh đều viễn-dung, không có năng sở đối-dãi; ...)	10) Thuần tiếng nghe vô-trần, căn-cảnh viễn-dung, không còn năng-đối sở-đối; độ được các chúng-sanh có tật sân-hận trừ tuyệt các thứ hờn giận ganh ghét.
_ Thập nhứt giả: Tiêu trần triền minh, pháp-giới thân-tâm, do như Lưu-Ly, lăng triệt vô-ngại; năng linh nhứt-thiết, hôn độn tánh chướng, chư a diên ca, vĩnh ly si-ám. (_ Mười một là: Tiêu-diệt trần-tướng, xoay về tánh bản minh, thì pháp-giới, thân, tâm đều như ngọc Lưu-Ly, sáng suốt không ngăn ngại; có thể khiến cho những kẻ ngu ngốc u mê, xa rời hẳn sự si mê tối tăm.)	11) Đoạn hết vong-trần, thanh-tịnh quang-minh, thân-tâm pháp-giới như ngọc Lưu-Ly thông suốt vô-ngại; độ được các chúng-sanh có ác-chướng ngu đại không biết làm lành thoát nạn si mê ám-muội.
_ Thập nhị giả: Dung hình phục văn, bất động đạo trường, thiệp nhập thế-gian, bất hoại thế-giới, năng biến thập phương, cung-duồng vi-trần chư Phật Như-Lai, các các Phật biên, vi Pháp-Vương-Tử; năng linh pháp-giới, vô tử	12) Thủ-nhiếp tiếng nghe, chẳng động đạo-tràng, trải khấp thế-gian, không hoại pháp-giới, năng cung-duồng thập phương chư Phật và làm Pháp-Vương-Tử; độ được các chúng-sanh không con, muốn cầu sanh trai thì có trai phước-đức

<p>chúng-sanh, dục cầu nam giả, đản sanh phước-đức, trí-tuệ chi nam.</p> <p>(_ Mười hai là: Viên-dung các hình-tướng, xoay tánh nghe trở về đạo-tràng bất-dộng; hòa vào thế-gian mà không hủy-hoại thế-giới, cung-dưỡng được chư Phật Như-Lai như số vi-trần, cùng khắp mười phƯƠNG; ở bên mỗi mỗi Đức Phật, làm vị Pháp-Vương-TỬ; có thể khiến cho trong pháp-giới, những chúng-sanh không con, cầu có con trai, sanh ra đứa con trai có phúc-đức trí-tuệ.)</p>	<p>trí-tuệ.</p>
<p>_ Thập tam giả: Lục-căn viên-thông, minh chiếu vô nhị, hàm thập phƯƠNG giới, lập đại-viên kính Không-Như-Lai-Tạng, thừa thuận thập phƯƠNG, vi-trần Như-Lai, bí-mật pháp-môn, thọ-lãnh vô thất; năng linh pháp-giới, vô tử chúng-sanh, dục cầu nữ giả, đản sanh doan-chánh, phƯỚC-đỨC nhu-thuận, chúng-nhân ái kính, hữu tướng chi nữ.</p> <p>(_ Mười ba là: Sáu căn viên-thông, soi sáng không hai, trùm khắp thập phƯƠNG thế-giới, thành-lập đại-viên kính Không-Như-Lai-Tạng ... cầu có con gái, sanh ra người con gái có tướng tốt, doan-chánh, phúc-đức, dịu dàng, được mọi người yêu kính.)</p>	<p>13) Lục-căn viên-thông, chiếu-diệu mười phƯƠNG pháp-giới như một, sẵn gươong đại-viên Không-Tạng Như-Lai, thừa-nhận và hoàn-toàn thọ-lãnh pháp-môn vi-mật của thập phƯƠNG chư Phật; độ được các chúng-sanh không con, muốn cầu sanh gái thì có gái hữu tướng doan-chánh nhu-thuận, dân chúng đều quý mến.</p> <p>Đoan-chánh (端正): ngay thẳng. Nhu-thuận (柔順): chỉ tính tình mềm dẻo ôn-hòa.</p>
<p>_ Thập tứ giả: Thủ tam thiên đại-thiên thế-giới, bá ức nhựt nguyệt, hiện trụ thế-gian, chư Pháp-Vương-Tử, hữu lục thập nhị ức, Hằng-hà sa-số, tu pháp, thùy phạm, giáo-hóá chúng-sanh, tùy thuận chúng-sanh, phƯƠNG-tiện trí-tuệ, các các bất đồng.</p> <p>(... 62 ức sông Hằng, đều tu Phật-pháp, nêu gươong mẫu, giáo-hóá chúng-sanh, tùy thuận chúng-sanh, phƯƠNG-tiện trí-tuệ của mỗi mỗi vị không đồng nhau.)</p>	<p>14) Tam thiên đại-thiên thế-giới có trăm ức nhựt-nguyệt soi sáng, có các vị Pháp-Vương-Tử hiện trụ khắp thế-gian, rất nhiều như số cát trong 62 ức sông Hằng, tu-chứng các pháp vô-lâu, tư-lợi kiêm lợi tha, hằng thuận và dùng đủ phƯƠNG-tiện trí-tuệ giáo-hóá chúng-sanh, mỗi người mỗi pháp khác nhau, phƯỚC-đỨC vĩ đại vô-lượng vô-biên.</p>
<p>_ Do ngã sở đắc viên-thông bốn-căn, phát diệu nhĩ môn, nhiên-hậu thân-tâm, vi-diệu hàm dung, châu-biến pháp-giới; năng linh chúng-sanh, trì ngã danh-hiệu, dữ bỉ cộng trì, lục thập nhị Hằng-hà-sa chư Pháp-Vương-Tử, nhị nhân phƯỚC-đỨC, chánh-đẳng, vô-dị.</p> <p>(... phúc-đức hai bên thật bằng bâc, không sai khác.)</p> <p>_ Thế-Tôn! Ngã nhứt danh-hiệu, dữ bỉ</p>	<p>_ Phận tôi, do nhĩ-căn làm bốn-căn viên-thông, phát-hiện oai-đức linh-cảm, thân-tâm nhiệm-mẫu châu-biến khắp pháp-giới; độ được các chúng-sanh thọ-trì danh-hiệu của tôi: “Quán-Thế-Âm”, phƯỚC-đỨC ấy, nếu so sánh với phƯỚC-đỨC thọ-trì danh-hiệu của chư Pháp-Vương-TỬ rất nhiều như số cát trong 62 ức sông Hằng kia, thì hai phƯỚC-đỨC đều bằng nhau.</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Sở-dĩ danh-hiệu</p>

<p>chúng đa, danh-hiệu vô-dị, do ngã tu-tập, đắc chơn-viên-thông.</p> <p>(_ Bạch Thế-Tôn! Một danh-hiệu của tôi cùng với rất nhiều danh-hiệu kia không khác, là do tôi tu-tập được tánh viên-thông chơn-thật.)</p> <p>_ Thị danh thập tứ, thí vô-úy lực, phước bị chúng-sanh.</p>	<p>của tôi cân xứng với các danh-hiệu kia, là nhờ tôi trải qua Hằng-hà sa-số kiếp tu-hành, viên-chứng pháp Chơn-Như viên-thông.</p> <p>_ Đó là mười bốn pháp thí vô-úy ban phước đầy đủ cho chúng-sanh.</p>
---	---

4.	4. TỨ DIỆU-ĐỨC CỦA BỒ-TÁT QUÁN-THẾ-ÂM.
世尊我又獲是圓通修證無上道故。又能善獲四不思議無作妙德。	
一者由我初獲妙妙聞心心精遺聞。見聞覺知不能分隔。成一圓融清淨寶覺。故我能現眾多妙容。能說無邊祕密神呪。其中或現一首三首。五首七首九首十一首。如是乃至一百八首。千首萬首八萬四千爍迦囉首。二臂四臂六臂八臂。十臂十二臂十四十六。十八二十至二十四。如是乃至一百八臂千臂萬臂。八萬四千母陀羅臂。二目三目四目九目。如是乃至一百八目千目萬目。八萬四千清淨寶目。或慈或威或定或慧。救護眾生得大自在。	
二者由我聞思脫出六塵。如聲度垣不能為礙。故我妙能現一形。誦一一呪。其形其呪。能以無畏施諸眾生。是故十方微塵國土。皆名我為施無畏者。	
三者由我修習本妙圓通清淨本根。所遊世界。皆令眾生。捨身珍寶求我哀愍。	
四者我得佛心證於究竟。能以珍寶種種供養十方如來。傍及法界六道眾生。求妻得妻求子得子。求三昧得三昧。求長壽得長壽。如是乃至求大涅槃得大涅槃。	

<p>_ Thế-Tôn! Ngã hựu hoạch thị, viên-thông tu-chứng, Vô-Thượng-Đạo cố, hựu năng thiện hoạch, tứ bất tư nghị vô-tác diệu-đức.</p> <p>_ Nhứt giả: Do ngã sơ hoạch diệu diệu văn-tâm, tâm tịnh vi văn; kiến văn giác tri, bất năng phân cách, thành nhứt viên-dung, thanh-tịnh bửu giác; cố ngã năng</p>	<p>_ Ngài Quán-Thế-Âm Bồ-Tát bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Vì tôi tu-chứng pháp Chơn-Thiệt viên-thông, thành đạo Vô-Thượng Bồ-Đ Đề, nên tôi lại có thêm bốn đức vô-tác huyền-diệu không thể nghĩ bàn như sau:</p> <p>1) Nhờ ban sơ tôi tu-tập đắc văn-tâm vi-diệu, văn-tâm tinh-minh, viễn-ly tất cả cẩn-tưởng trần-tưởng; nên kiến văn giác tri không còn phân-cách nhau, lại biến</p>
--	---

<p>hiện chúng đa diệu dung, năng thuyết vô-biên bí-mật thần-chú.</p> <p>_ Kỳ trung hoặc hiện nhứt thủ, tam thủ, ngũ thủ, thất thủ, cửu thủ, thập nhứt thủ, như-thị nāi chí, nhứt bá bát thủ, thiên thủ, vạn thủ, bát vạn tử thiên thƯc-ca-ra thủ.</p> <p>_ Nhị tí, tứ tí, lục tí, bát tí, thập tí, thập nhị tí, thập tứ, thập lục, thập bát, nhị thập, chí nhị thập tứ, như-thị nāi chí, nhứt bá bát tí, thiên tí, vạn tí, bát vạn tử thiên, māu-dà-la tí.</p> <p>_ Nhị mục, tứ mục, lục mục, bát mục, như-thị nāi chí, nhứt bá bát mục, thiên mục, vạn mục, bát vạn tử thiên, thanh-tịnh bửu mục.</p> <p>_ Hoặc từ hoặc uy, hoặc định, hoặc tuệ, cứu-hộ chúng-sanh, đắc đại tự-tại.</p>	<p>thành Bửu-Giác thanh-tịnh viên-dung; do đó tôi thị-hiện vô-số ứng-thân diệu-dung và thuyết ra vô-lượng chơn-ngôn vi-mật.</p> <p>_ Gia-chi-dī, Bửu-Giác thanh-tịnh viên-dung, thần-thông châu-biến khắp cả pháp-giới, tôi hiện từ 1, 3, 5, 7, 9, 11 cái đầu, cho tới 108, 1.000, 10.000, 84.000 cái đầu kiêm-cố;</p> <ul style="list-style-type: none"> - hoặc-giả tôi hiện từ 2, 4, 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20, 24 tay, cho tới 108, 1.000, 10.000, 84.000 tay đều có kiết ấn; <p>Gia-chi-dī: Đương-nhiên. Dī-nhiên. Tất-nhiên. Đúng là như thế. Nhất định là vậy, không thể khác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - hoặc-giả tôi hiện 2, 4, 6, 8 mắt, cho tới 108, 1.000, 10.000, 84.000 mắt thanh-tịnh quang-minh, quý báu vô-cùng; - hoặc-giả tôi hiện tướng từ-bi, tướng oai-hùng, tướng chánh-định, tướng trí-tuệ cứu giúp chúng-sanh được tự-tại rộng lớn.
<p>_ Nhị giả: Do ngã văn tư, thoát xuất lục-trần, như thinh độ vien, bất năng vi ngại, cố ngã diệu năng, hiện nhứt nhứt hình, tụng nhứt nhứt chú, kỳ hình kỳ chú, năng dī vô-úy, thí chư chúng-sanh. Thị cố thập phương, vi-trần quốc-độ, giai danh ngã vi, thí vô-úy giả.</p>	<p>2) Nhờ tôi tu-tập tánh nghe hiểu và tánh suy xét sáng suốt, thoát khỏi lục-trần, ví như tiếng nói vượt tường không bị ngăn ngại, nên có năng-lực māu-nhiệm thị-hiện các hình tướng, truyền-tụng các mật-chú, hình tướng và mật-chú đều lấy thể-tánh vô-úy bối-thí cho chúng-sanh. Vì cớ ấy tôi được thập phương quốc-độ gọi là thí vô-úy giả (1).</p>
<p>_ Tam giả: Do ngã tu-tập, bốn diệu vien-thông, thanh-tịnh bốn-căn, sở du thế-giới, giai linh chúng-sanh, xả thân trân-bửu, cầu ngã ai mẫn.</p> <p>(..., nên đi qua thế-giới nào, đều khiến cho chúng-sanh xả thân, xả đồ trân-bảo, cầu tôi thương xót.)</p>	<p>3) Nhờ tôi dùng nhī-căn làm bốn-căn vien-thông, tu-tập thanh-tịnh vi-diệu, nên tôi du-hành khắp pháp-giới, cứu giúp các chúng-sanh dứt sự tham luyến sắc-trần, xả thân cầu đạo, xả phú cầu bần, hằng niêm danh-hiệu Quán-Thế-Âm và cung-thỉnh tôi thương xót hóa-độ.</p>
<p>_ Tứ giả: Ngã đắc Phật-tâm, chứng ư cứu-cánh, năng dī trân-bửu, chứng chúng cung-dưỡng thập phương Như-Lai.</p>	<p>4) Nhờ đắc Phật-Tâm, cứu-cánh Bồ-Đề, nên tôi thường dùng các vật quý báu cung-dưỡng thập phương chư Phật,</p>

<p>_ Bàng cập pháp-giới, lục-đạo chúng-sanh.</p> <p>(_ Cả đến chúng-sanh lục-đạo trong pháp-giới,</p> <p>_ Cầu thê đắc thê, cầu tử đắc tử.</p> <p>- ai cầu vợ thì được vợ, cầu con thì được con.)</p> <p>_ Cầu tam-muội đắc tam-muội, cầu trường-thọ đắc trường-thọ, như-thị nai chí, cầu Đại-Niết-Bàn đắc Đại-Niết-Bàn.</p>	<p>- cũng bối-thí cho chúng-sanh ở khắp pháp-giới lục-đạo chịu rất nhiều đau khổ mà biết sám-hối, trì niệm danh-hiệu Quán-Thế-Âm,</p> <p>- để cầu chồng, cầu vợ, cầu con, cầu cháu thì được như ý sở-cầu,</p> <p>- cầu chánh-định đắc chánh-định, cầu trường-thọ đắc trường-thọ, cho tới cầu Đại-Niết-Bàn cũng có ngày được Đại-Niết-Bàn.</p> <p>Sở-cầu: sự mong cầu của mình.</p>
	<p>_ Đó là tứ diệu-đức vô-tác từ-bi mầu-niệm cứu-độ chúng-sanh.</p>

佛問圓通我從耳門圓照三昧。緣心自在因入流相。得三摩提成就菩提斯為第一。世尊彼佛如來。歎我善得圓通法門。於大會中授記我為觀世音號。由我觀聽十方圓明。故觀音名遍十方界。

<p>5. Phật vấn viên-thông, ngã tùng nhĩ môn, viên-chiếu tam-muội, duyên tâm tự-tại, nhân nhập-lưu tướng, đắc Tam-ma-đề, thành-tựu Bồ-Đề, tư vi đệ-nhứt.</p> <p>(_ Phật hỏi về viên-thông, tôi do viên-chiếu tam-muội nơi nhĩ-căn mà duyên tâm được tự-tại, nhân tướng nhập lưu, được Tam-ma-đề, thành-tựu quả Bồ-Đề, đó là thứ nhứt.)</p> <p>_ Thế-Tôn! Bỉ Phật Như-Lai, thán ngã thiện đắc, viên-thông pháp-môn, ư đại hội trung, thọ ký ngã vị Quán-Thế-Âm hiệu.</p> <p>_ Do ngã quan thính, thập phương viên-minh, cố Quán-Thế-Âm danh, biến thập phương giới.</p> <p>(_ Do tôi thấy nghe thấu suốt mười phương, nên danh tiếng Quán-Thế-Âm cùng khắp thập phương thế-giới.)</p>	<p>5. Bạch Đức Thế-Tôn! Nay Đức Thế-Tôn hỏi chỗ viên-thông, tôi xin bạch Phật rõ: Do nhĩ-căn, tôi được chánh-định viên-diệu, đắc pháp Tam-ma-đề, thành-tựu đạo-quả Vô-Thượng Tri-Giác, nên tùy-tâm thị-hiện khắp cả pháp-giới, tự-tại vô-ngại.</p> <p>_ Như vậy chỗ viên-thông của tôi giác-ngộ là Nhĩ-căn.</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Đức Thầy của tôi là Đức Phật Quán-Thế-Âm, khen ngợi tôi sáng suốt tu-chứng pháp nhĩ-căn viên-thông, nên giữa Đại-hội, Đức Thầy đã thọ-ký cho tôi danh là Quán-Thế-Âm;</p> <p>- vì tôi xem xét thấu-đáo, sáng suốt viên-mẫn các tiếng than thở thảm sâu và chí-thành cầu khẩn của tất cả chúng-sanh ở khắp cả thập phương thế-giới để cứu-độ giải-thoát các khổ nạn. Vì cớ ấy, đức-hiệu Quán-Thế-Âm của tôi thâm-thâm diệu-diệu, châu-biến cả pháp-giới.</p>
--	---

6.	6. PHẬT THẾ-HIỆN OAI-ĐỨC KIẾT-TƯỜNG ĐỘ-SANH.
	<p>爾時世尊於師子座。從其五體同放寶光。遠灌十方微塵如來。及法王子諸菩薩頂。彼諸如來亦於五體同放寶光。從微塵方來灌佛頂。并灌會中諸大菩薩及阿羅漢。林木池沼皆演法音。交光相羅如寶絲網。是諸大眾得未曾有。一切普獲金剛三昧。即時天雨百寶蓮華。青黃赤白間錯紛糅。十方虛空成七寶色。此娑婆界大地山河俱時不現。唯見十方微塵國土合成一界。梵唄詠歌自然數奏。</p>
<p>_ Nhĩ thời, Thế-Tôn ư sư-tử tòa, tùng kỵ ngũ thể, đồng phóng bửu quang, viễn quán thập phương vi-trần Như-Lai, cập Pháp-Vương-Tử, chư Bồ-Tát đánh. _ Bỉ chư Như-Lai, diệc ư ngũ thể, đồng phóng bửu quang, tùng vi-trần phương, lai quán Phật đánh, tinh quán hội trung chư đại Bồ-Tát, cập A-La-Hán. (_ Các Đức Như-Lai kia, năm vóc cũng đồng phóng ra hào-quang báu, từ các thế-giới số như vi-trần đến rọi trên đánh Phật, và trên đánh các vị đại Bồ-Tát và A-La-Hán trong hội.)</p>	<p>_ Khi ấy, Đức Thế-Tôn ở tòa sư-tử, từ ngũ thể phóng hào-quang rực rõ, chiếu vào đánh của thập phương chư Phật, chư Bồ-Tát và Pháp-Vương-Tử. _ Chư Phật ở khắp mười phương quốc-degree cũng từ ngũ thể phóng hào-quang rực rõ, chiếu lại đánh của Đức Thế-Tôn, các vị Bồ-Tát và A-La-Hán ở trong Giáo-Hội.</p>
<p>_ Lâm mộc trì chiếu, gai diễn pháp âm, giao quang tương-la, như bửu tư vồng. (_ Rừng cây, ao hồ đều diễn ra pháp-âm, hào-quang giao xen cùng nhau như lưỡi tơ báu.)</p>	<p>_ Trong khi Đức Thế-Tôn phóng-quang và chư Phật ở thập phương quốc-degree phóng-quang đáp lễ thì các nơi có rừng cây, ao hồ đều diễn ra tiếng pháp nhiệm-mầu và những tia hào-quang sáng ngời giao-hiệp nhau như lưỡi tơ dệt. _ Làm cho Đại-chúng trong Giáo-Hội được nghe diệu-âm và thấy thắng-cảnh chưa từng có, tất cả đều tỏ ngộ pháp Kim-Cang Tam-muội.</p>
<p>_ Thị chư đại-chúng, đắc vị-tăng-hữu, nhứt-thiết phổ hoạch, Kim-Cang Tam-muội. (_ Cả trong đại-chúng được cái chưa từng có...)</p>	<p>_ Thời bấy giờ, chư Thiên rải hoa sen tốt đẹp, đủ sắc xanh vàng đỏ tráng khấp thập phương hư-không, biến thành thất-bửu. (_ Khiến các tướng núi sông đất bằng ở thế-giới Ta-bà đều phẳng lặng, chỉ thấy</p>

<p>quốc-độ, hiệp thành nhứt giới, phạm bối vịnh ca, tự-nhiên phu tấu.</p> <p>(_ Đất liền, núi sông của cõi Ta-bà này cùng một lúc không hiện ra ... tiếng hát ca ngợi tự-nhiên nổi lên.)</p>	<p>mười phương quốc-độ hòa-hiép nhau như một cõi, và nghe Pháp-âm tự-nhiên phát ra đọc tụng thâm-trầm.</p>
--	--

<p>7.</p>	<p>7. PHẬT BẢO BỒ-TÁT VĂN-THÙ TUYỂN CHỖ VIÊN-THÔNG CHO HẠNG HỮU-HỌC.</p> <p>於是如來告文殊師利法王子。汝今觀此二十五無學諸大菩薩及阿羅漢。各說最初成道方便。皆言修習真實圓通。彼等修行實無優劣前後差別。我今欲令阿難開悟。二十五行誰當其根。兼我滅後此界眾生。入菩薩乘求無上道。何方便門得易成就。文殊師利法王子奉佛慈旨。即從座起頂禮佛足。承佛威神說偈對佛。</p>
<p>_ Ư thị Như-Lai, cáo Văn-Thù-Sư-Lợi Pháp-Vương-Tử.</p> <p>_ Nhữ kim quan thủ nhị thập ngũ vô-học, chư đại Bồ-Tát, cập A-La-Hán, các thuyết tối sơ thành đạo phương-tiện, giai ngôn tu-tập chơn-thiệt viên-thông, bỉ đẳng tu-hành thiêt vô ưu liệt, tiền hậu sai biệt.</p> <p>_ Ngã kim dục lịnh A-Nan khai ngộ.</p> <p>_ Nhị thập ngũ hành, thùy đương kỳ căn.</p> <p>_ Kiêm ngã diệt hậu, thử giới chúng-sanh, nhập Bồ-Tát thừa, cầu Vô-Thượng-Đạo, hà phương-tiện môn, đắc-dị thành-tựu?</p> <p>_ Văn-Thù-Sư-Lợi Pháp-Vương-Tử, phụng Phật từ chỉ, tức tùng tòa khởi, đánh lễ Phật túc, thừa Phật uy thần, thuyết kê đối Phật:</p>	<p>_ Khi ấy, Như-Lai bảo ngài Văn-Thù-Sư-Lợi Pháp-Vương-Tử:</p> <p>_ Văn-Thù! Ông xem hôm nay 25 vị Đại Bồ-Tát và A-La-Hán vô-học, thuyết-trình phương-tiện đắc quả Vô-Sanh-Nhẫn trong lúc ban sơ và tu-chứng pháp chơn-thiệt viên-thông, công-đức hành đạo của các vị ấy, không có hơn thua sai biệt chi cả.</p> <p>_ Nay Ta muốn cho ông A-Nan được khai-ngộ, nên hỏi:</p> <p>_ Trong 25 pháp-môn tu-chứng của các vị Thánh ấy, pháp nào thích-hợp với căn-cơ Hữu-học của ông A-Nan?</p> <p>_ Sau khi Ta nhập-diệt, chúng-sanh sơ-phát-tâm ở trong cõi Ta-bà này, muốn vào bậc Bồ-Tát, cần-cầu đạo-quả Vô-Thượng Tri-Giác, thì phải dùng pháp-môn phương-tiện nào dễ dàng nhứt để thành-tựu công-đức?</p> <p>_ Ngài Văn-Thù-Sư-Lợi Pháp-Vương-Tử, vâng theo từ-chỉ của Đức Như-Lai, đứng dậy đánh lễ, chí-tâm nương nhờ oai-thần của Đức Như-Lai và xin Đức Như-Lai cho phép thuyết kê, như sau:</p>

8.	8. BỒ-TÁT VĂN-THÙ THUYẾT: CHƠN-NHƯ DUY-NHỨT, PHƯƠNG-TIỆN ĐA MÔN.
覺海性澄圓 元明照生所 迷妄有虛空 想澄成國土 空生大覺中 有漏微塵國 滯滅空本無 歸元性無二 聖性無不通 初心入三昧	圓澄覺元妙 所立照性亡 依空立世界 知覺乃眾生 如海一漚發 皆從空所生 況復諸三有 方便有多門 順逆皆方便 遲速不同倫
Giác-hải tánh trừng viêng, Viên trừng giác nguyên diệu, Nguyên minh chiếu sanh sở, Sở lập chiếu tánh vong. Mê vọng hữu hư-không, Y không lập thế-giới, Tưởng trừng thành quốc-độ, Tri-giác nãi chúng-sanh. Không sanh đại giác trung, Như hải nhứt âu phát, Hữu-lại vi-trần quốc, Giai y không sở sanh. Âu diệt không bốn vô, Huống phục chư tam hữu, Quy nguyên tánh vô nhị, Phương-tiện hữu đa môn. Thánh tánh vô bất thông, Thuận nghịch giai phương-tiện, Sơ-tâm nhập tam-muội, Trì tốc bất-đồng luận.	1. Tánh giác vốn tịnh, tròn, Tròn, tịnh, giác huyền-diệu, Sáng soi sanh xứ-sở, Sở thành, tánh soi vong. 2. Mê-vọng như hư-không, Nương không, thành thế-giới, Do nghiệp, lập quốc-độ, Có chúng-sanh giác-tri. 3. Nhứt-thiết ở trong giác, Như bọt nổi mặt biển, Trần-lại như bụi nhỏ, Theo không mà có sanh. 4. Bọt nước không vốn không, Tam giới cũng như vậy, Gốc Chơn-Như duy-nhứt, Phương-tiện có đa môn. 5. Tánh giác vốn thông suốt, Phương-tiện hiệp, bất-hiệp, Phát tâm vào chánh-định, Mau chậm không giống nhau. (2)
9.	9. BỒ-TÁT VĂN-THÙ KHÔNG TUYỂN LỤC-TRẦN LÀM CHỖ VIÊN- THÔNG CHO HẠNG HỮU-HỌC.
色想結成塵 如何不明徹 音聲雜語言	精了不能徹 於是獲圓通 但伊名句味

	<table border="0"> <tr><td>一非含一切</td><td>云何獲圓通</td></tr> <tr><td>香以合中知</td><td>離則元無有</td></tr> <tr><td>不恒其所覺</td><td>云何獲圓通</td></tr> <tr><td>味性非本然</td><td>要以味時有</td></tr> <tr><td>其覺不恒一</td><td>云何獲圓通</td></tr> <tr><td>觸以所觸明</td><td>無所不明觸</td></tr> <tr><td>合離性非定</td><td>云何獲圓通</td></tr> <tr><td>法稱為內塵</td><td>憑塵必有所</td></tr> <tr><td>能所非遍涉</td><td>云何獲圓通</td></tr> </table>	一非含一切	云何獲圓通	香以合中知	離則元無有	不恒其所覺	云何獲圓通	味性非本然	要以味時有	其覺不恒一	云何獲圓通	觸以所觸明	無所不明觸	合離性非定	云何獲圓通	法稱為內塵	憑塵必有所	能所非遍涉	云何獲圓通	
一非含一切	云何獲圓通																			
香以合中知	離則元無有																			
不恒其所覺	云何獲圓通																			
味性非本然	要以味時有																			
其覺不恒一	云何獲圓通																			
觸以所觸明	無所不明觸																			
合離性非定	云何獲圓通																			
法稱為內塵	憑塵必有所																			
能所非遍涉	云何獲圓通																			
Sắc tưởng kết thành trần, Tinh liễu bất-năng triết, Như hà bất minh triệt? Ư thị hoạch viễn-thông? Âm-thinh tạp ngữ-ngôn, Đãm y danh cú vị, Nhứt phi hàm nhứt-thiết, Vân hà hoạch viễn-thông? Hương dĩ hiệp trung tri, Ly tắc nguyên vô hữu, Bất hằng kỳ sở giác, Vân hà hoạch viễn-thông? Vị tánh phi bốn-nhiên, Yếu-dĩ vị thời hữu, Kỳ giác bất hằng nhứt, Vân hà hoạch viễn-thông? Xúc dĩ sở xúc minh, Vô sở bất minh xúc, Hiệp-ly tánh phi định, Vân hà hoạch viễn-thông? Pháp xưng vi nội-trần, Bằng trần tất hữu sở, Năng sở phi biến thiệp, Vân hà hoạch viễn-thông?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Sắc-trần vốn hư-vọng, Tánh biết không thông suốt, Căn-nguyên chẳng sáng tỏ, Thế nào được viễn-thông? 2. Tai giao-tiếp thinh-trần, Chỉ là danh giả tạm, Một không nghiệp tất cả, Thế nào được viễn-thông? 3. Mũi hiệp, có hương-trần, Ly mũi ra, không có, Tánh biết vốn vô-thường, Thế nào được viễn-thông? 4. Vị chẳng có cội gốc, Lưỡi nếm mới sanh vị, Biết vị chẳng phải một, Thế nào được viễn-thông? 5. Do thân, xúc phát hiện, Không có chỗ sở-nhân, Hiệp-ly không nhứt-định, Thế nào được viễn-thông? 6. Pháp-trần dựa theo ý, Vọng-lập các xứ-sở, Năng sở không dung-hiệp, Thế nào được viễn-thông? 																			
10.	10. BỒ-TÁT VĂN-THÙ KHÔNG TUYỂN NGỮ-CĂN (NHÃN TÝ THIỆT THÂN Ý) LÀM CHỖ VIỄN-THÔNG CHO HẠNG HỮU-HỌC.																			
見性雖洞然 四維虧一半 鼻息出入通	明前不明後 云何獲圓通 現前無交氣																			

<p>支離匪涉入 舌非入無端 味亡了無有 身與所觸同 涯量不冥會 知根雜亂思 想念不可脫</p> <p>云何獲圓通 因味生覺了 云何獲圓通 各非圓覺觀 云何獲圓通 湛了終無見 云何獲圓通</p>	<p>Kiến-tánh tuy động nhiên, Minh tiền bất minh hậu, Tứ duy khuy nhứt bán, Vân hà hoạch viêん-thông? Ty tức xuất nhập thông, Hiên-tiền vô giao-khí, Chi ly phỉ thiệp nhập, Vân hà hoạch viêん-thông? Thiệt phi nhập vô đoan, Nhân vị sanh giác liễu, Vị vong liễu vô hữu, Vân hà hoạch viêん-thông? Thân dữ sở xúc đồng, Các phi viêん giác quán, Nhai lượng bất minh hội, Vân hà hoạch viêん-thông? Tri căn tạp loạn tư, Trạm liễu chung vô kiến, Tưởng niệm bất khả thoát, Vân hà hoạch viêん-thông?</p> <p>1. Mất dầu thấy rộng rãi, Rõ trước không rõ sau, Bốn phía mất phân nửa, Thế nào được viêん-thông? 2. Mũi ngửi hơi ra vào, Khoảng giữa không giao-tiếp, Gián-đoạn khó hiệp nhau, Thế nào được viêん-thông? 3. Lưỡi nếm các vị-trần, Có vị mới biết vị, Vị mất, tánh biết mất, Thế nào được viêん-thông? 4. Thân cảm với xúc-trần, Không tròn được giác-quán, Ly nhau khó hiệp nhau, Thế nào được viêん-thông? 5. Ý hay sanh loạn-tưởng, Khó ngộ-nhập Chơn-Như, Vọng-niệm không gián-đoạn, Thế nào được viêん-thông?</p>
11.	11. BỒ-TÁT VĂN-THÙ KHÔNG TUYỂN LỤC-THỨC LÀM CHỖ VIÊN-THÔNG CHO HẠNG HỮU-HỌC.
<p>識見雜三和 自體先無定 心聞洞十方 初心不能入 鼻想本權機 住成心所住 說法弄音文 名句非無漏 持犯但束身</p> <p>詰本稱非相 云何獲圓通 生于大因力 云何獲圓通 祇令攝心住 云何獲圓通 開悟先成者 云何獲圓通 非身無所束</p>	

元非遍一切 神通本宿因 念緣非離物	云何獲圓通 何關法分別 云何獲圓通
<p>Thức kiến tạp tam hòa, Vấn bốn xưng phi tướng, Tự thể tiên vô định, Vân hà hoạch viễn-thông? Tâm văn động thập phương, Sanh ư đại nhân lực, Sơ tâm bất năng nhập, Vân hà hoạch viễn-thông? Ty tưởng bốn quyền cơ, Chỉ linh nhiếp tâm trụ, Trụ thành tâm sở trụ, Vân hà hoạch viễn-thông? Thuyết pháp lồng âm văn, Khai ngộ tiên thành giả, Danh cú phi vô-lâu, Vân hà hoạch viễn-thông? Trì-phạm đán thúc thân, Phi thân vô sở thúc, Nguyên phi biến nhứt-thiết, Vân hà hoạch viễn-thông? Thần-thông bốn túc nhân, Hà quan pháp phân-bié特, Niệm duyên phi ly vật, Vân hà hoạch viễn-thông?</p>	<p>1. Nhã-n-thức đối căn, trần, Vốn không có cội gốc, Tự-thể chẳng nhứt-định, Thế nào được viễn-thông? 2. Chơn-Tâm biến pháp-giới, Do đại-lực Vô-học, Nhĩ-thức không căn-nguyên, Thế nào được viễn-thông? 3. Ty-thức nương quyền-cơ, Nhiếp tâm trụ một chỗ, Trụ nên tâm sở-trụ, Thế nào được viễn-thông? 4. Thiệt-thức khiến nói năng, Duyên khai-ngộ sở-thành, Chỉ là món hữu-lâu, Thế nào được viễn-thông? 5. Trì-phạm buộc ràng thân, Không thân khỏi buộc ràng, Thân không có châu-biến, Thế nào được viễn-thông? 6. Thần-thông có túc-nhân, Ý-thức khó thành-tựu, Vọng-niệm không lìa vật, Thế nào được viễn-thông?</p>
12.	12. BỒ-TÁT VĂN-THÙ KHÔNG TUYỂN THẤT-ĐẠI LÀM CHỖ VIỄN- THÔNG CHO HẠNG HỮU-HỌC.
若以地性觀 有為非聖性 若以水性觀 如如非覺觀 若以火性觀 非初心方便 若以風性觀 對非無上覺 若以空性觀 無覺異菩提	堅礙非通達 云何獲圓通 想念非真實 云何獲圓通 厥有非真離 云何獲圓通 動寂非無對 云何獲圓通 昏鈍先非覺 云何獲圓通

<p>若以識性觀 存心乃虛妄 諸行是無常 因果今殊感</p> <p>Nhược dĩ địa-tánh quan, Kiên ngại phi thông-đạt, Hữu-vi phi Thánh tánh, Vân hà hoạch viễn-thông? Nhược dĩ thủy tánh quán, Tưởng niệm phi chơn thiệt, Như-như phi giác quán, Vân hà hoạch viễn-thông? Nhược dĩ hỏa tánh quán, Yểm hữu phi chơn-lý, Phi sơ-tâm phương-tiện, Vân hà hoạch viễn-thông? Nhược dĩ phong tánh quán, Động tịch phi vô đối, Đối phi Vô-Thượng-Giác, Vân hà hoạch viễn-thông? Nhược dĩ không tánh quán, Hỗn độn tiên phi-giác, Vô giác dị Bồ-Đ Đề, Vân hà hoạch viễn-thông? Nhược dĩ thức tánh quán, Quán thức phi thường-trụ, Tồn tâm nāi hự-vọng, Vân hà hoạch viễn-thông? Chư hạnh thị vô-thường, Niệm tánh nguyên sanh-diệt, Nhân-quả kim thù-cảm, Vân hà hoạch viễn-thông?</p>	<p>觀識非常住 云何獲圓通 念性無生滅 云何獲圓通</p> <p>1. Nếu dùng tánh địa-quán, Ngăn ngại, khó thông-đạt, Hữu-vi không Giác-tánh, Thế nào được viễn-thông? 2. Nếu dùng tánh thủy-quán, Vọng-tưởng năng phát hiện, Như-như không cần quán, Thế nào được viễn-thông? 3. Nếu dùng tánh hỏa-quán, Thường sanh sự phi-lý, Sơ-tâm không phuong-tien, Thế nào được viễn-thông? 4. Nếu dùng tánh phong-quán, Động tịch đối-dai nhau, Đối-dai không giác-tánh, Thế nào được viễn-thông? 5. Nếu dùng tánh không-quán, Hỗn-độn chẳng biết trước, Chẳng biết nghịch Giác-đạo, Thế nào được viễn-thông? 6. Nếu dùng tánh thức-quán, Thức-quán không thường-trụ, Thuộc về pháp hự-vọng, Thế nào được viễn-thông? 7. Nếu dùng tánh kiến-quán, Chư hạnh, niệm vô-thường, Nhân-quả quyết-định có, Thế nào được viễn-thông? (3)</p>
<p>13.</p>	<p>13. BỒ-TÁT VĂN-THÙ TUYỂN NHĨ-CĂN VIỄN-THÔNG.</p>
<p>我今白世尊 此方真教體 欲取三摩提 離苦得解脫 於恒沙劫中 得大自在力</p>	<p>佛出娑婆界 清淨在音聞 實以聞中入 良哉觀世音 入微塵佛國 無畏施眾生</p>

妙音觀世音	梵音海潮音
救世悉安寧	出世獲常住
我今啟如來	如觀音所說
譬如人靜居	十方俱擊鼓
十處一時聞	此則圓真實
目非觀障外	口鼻亦復然
身以合方知	心念紛無緒
隔垣聽音響	遐邇俱可聞
五根所不齊	是則通真實
音聲性動靜	聞中為有無
無聲號無聞	非實聞無性
聲無既無滅	聲有亦非生
生滅二圓離	是則常真實
縱令在夢想	不為不思無
覺觀出思惟	身心不能及
今此娑婆國	聲論得宣明
眾生迷本聞	循聲故流轉
阿難縱強記	不免落邪思
豈非隨所淪	旋流獲無妄
阿難汝諦聽	我承佛威力
宣說金剛王	如幻不思議
佛母真三昧	汝聞微塵佛
一切祕密門	欲漏不先除
畜聞成過誤	將聞持佛佛
何不自聞聞	聞非自然生
因聲有名字	旋聞與聲脫
能脫欲誰名	一根既返源
六根成解脫	見聞如幻翳
三界若空花	聞復翳根除
塵銷覺圓淨	淨極光通達
寂照含虛空	却來觀世間
猶如夢中事	摩登伽在夢
誰能留汝形	如世巧幻師
幻作諸男女	雖見諸根動
要以一機抽	息機歸寂然
諸幻成無性	六根亦如是
元依一精明	分成六和合
一處成休復	六用皆不成

<p style="text-align: center;">塵垢應念銷 餘塵尚諸學</p> <p style="text-align: center;">成圓明淨妙 明極即如來</p>	
<p>Ngã kim bạch Thế-Tôn: Phật xuất Ta-bà-giới, Thủ phuơng chơn-giáo thể, Thanh-tịnh tại âm-văn, Dục thủ Tam-ma-đề, Thiệt dĩ văn trung nhập. Ly khổ đắc giải-thoát, Lương tai Quán-Thế-Âm, Ủ Hằng-sa kiếp trung, Nhập vi-trần Phật-quốc, Đắc đại tự tại lực, Vô-úy thí chúng-sanh, Diệu-âm Quán-Thế-Âm, Phạm-âm hải-triều-âm, Cứu thế tất an-ninh, Xuất-thế hoạch thường-trụ. Ngã kiêm khải Như-Lai, Như Quán-Âm sở-thuyết, Thí như nhân tịnh cư, Thập phuơng cu kích cổ, Thập xứ nhứt thời văn, Thủ tắc viên chơn-thiệt, Mục phi quan chướng ngoại, Khẩu ty diệc phục nhiên, Thân dĩ hiệp phuơng tri, Tâm niệm phân vô tư, Cách viên thính âm hướng, Hà nhĩ cu khả văn, Ngũ căn sở bất tề, Thị tắc thông chơn-thiệt. Âm-thinh tánh động tịnh, Văn trung vi hữu vô, Vô thinh hiệu vô văn, Phi thiệt văn vô tánh, Thinh vô ký vô diệt, Thinh hữu diệc phi sanh, Sanh-diệt nhị viên ly, Thị tắc thường chơn-thiệt, Túng linh tại mộng tưởng, Bất vi bất tư, vô, Giác quan xuất tư duy,</p>	<p>1. Ngưỡng bạch Đức Thế-Tôn: Như-Lai ở Ta-bà, Chơn-giáo độ cõi này, Thanh-tịnh do nhĩ-cǎn. Muốn có pháp chánh-định, Nhờ ngộ-nhập tiếng nghe.</p> <p>2. Giải-thoát các khổ-não, Bồ-Tát Quán-Thế-Âm. Trong Hằng-sa số kiếp, Vào tất cả xứ Phật, Đại Tự-Tại oai-lực, Vô-úy thí chúng-sanh. Diệu-âm Quán-Thế-Âm, Phạm-âm hải-triều-âm, Độ thế-gian an lành, Xuất-thế đắc thường-trụ.</p> <p>3. Ngưỡng bạch Đức Thế-Tôn: Ngài Quán-Thế-Âm dạy: Như người trong cảnh tịnh, Mười phuơng đồng đánh trống, Nghe rõ khắp các nơi, Đó là toàn chơn-thiệt; Nhã-n-cǎn không thấy hết, Ty thiêt cũng không tròn, Thân có hiệp mới biết, Ý-niệm cứ loạn động; Cách vách cũng nghe tiếng, Tai nào lại chẳng nghe? Năm căn khó so sánh, Vì chơn-thiệt thông suốt.</p> <p>4. Tánh Âm-thinh động tịnh, Hóa thành có với không. Không tiếng kêu không nghe, Không thiêt nghe không tánh, Tiếng không chắc bất-diệt, Tiếng có cũng bất sanh. Sanh-diệt đều ly hết, Tức chơn-thiệt thường-trụ; Đầu ở trong mộng-tưởng, Chẳng có cũng chẳng không. Giác-quan vượt suy nghĩ,</p>

<p>Thân-tâm bất nǎng cáp. Kim thủ Ta-bà quốc, Thinh luận đắc tuyên minh, Chúng-sanh mê bốn văn, Tuần thinh cố lưu-chuyển, A-Nan túng cương ký, Bất miến lạc tà tư, Khởi phi tùy sở luân, Triều lưu hoạch vô vọng. A-Nan nhữ đế thính, Ngã thừa Phật oai lực, Tuyên thuyết Kim-Cang vương, Như huyễn bất tư nghị, Phật-mẫu chơn tam-muội, Nhữ văn vi-trần Phật, Nhứt-thiết bí-mật môn, Dục lậu bất tiên trừ, súc văn thành quá ngộ. Tương văn trì Phật-Phật, Hà bất tự văn-văn, Văn phi-tự-nhiên sanh, Nhân thinh hữu danh tự, Triều văn dữ thinh-thoát, Nǎng-thoát dục thùy danh, Nhứt căn ký phản nguyện, Lục-căn thành giải-thoát. Kiến văn như huyễn ẽ, Tam giới như ảo không hoa, Văn phục ẽ căn trừ, Trần tiêu giác viên tịnh, Tịnh cực quang thông-đạt, Tịch chiếu hàm hư-không, Khước lai quan thế-gian, Do như mộng trung sự, Ma-Đăng-Già tại mộng, Thùy năng lưu nhữ hình. Như thế xảo huyễn sư, Huyễn tác chư nam nữ, Tuy kiến chư căn động, Yếu dĩ nhứt cơ trừu, Tức cơ quy tịch nhiên, Chư hoãn thành vô tánh. Lục-căn diệc như-thị, Nguyên y nhứt tinh-minh,</p>	<p>Thân-tâm khó so sánh. 5. Ở cõi Ta-bà này, Tiếng luận-giải minh-bạch. Chúng-sanh mê tánh nghe, Theo tiếng bị luân-chuyển. Ông A-Nan nhớ giỏi, Khó tránh sự hiểu lầm. Theo vọng bị trầm-luân, Xoay trở lại, hết vọng. 6. Ông A-Nan nghe kỹ, Tôi nương theo Phật-lực, Thuyết pháp kiên-cố nhất. Sắc tức Không khó đoán, Phật chánh-định chơn-thiệt. Đã nghe Hằng-sa Phật, Thuyết các môn vi-mật, Nếu dục-lậu không trừ, Nghe nhiều hóa ra tội. 7. Lấy tiếng nghe trì Phật, Sao không nghe Chơn-Tâm? Tánh nghe chẳng tự-nhiên, Có tiếng mới có danh; Thoát-ly nghe với tiếng, Mới vượt khỏi tánh nghe. Một căn về cội gốc, Sáu căn được giải-thoát. 8. Thấy nghe như bệnh mù, Tam giới giống hoa đốm; Hết nghe hết bệnh mù, Vọng-trần dứt, giác hiện. Tròn tịnh, sáng thông suốt, Chiếu-diệu cả hư-không; Trở lại xem thế-gian, Như việc trong chiêm bao. Ma-Đăng-Già tại mộng, Khó giữ ông A-Nan. 9. Sư ngoại-đạo tà-my, Giả tạo hình nam nữ, Khiến hình biết lay động, Do máy tà điều-khiển; Tất máy tất im lặng, Tà-my không có tánh. 10. Lục-căn giống như vậy, Vốn nương một tinh-minh,</p>
--	--

<p>Phân thành lục hòa-hiệp, Nhứt xứ thành hữu phúc, Lục dụng giai bất-thành, Trần cấu ứng niêm tiêu, Thành viên minh tịnh diệu, Dư trần thương chư học, Minh cực tức Như-Lai.</p>	<p>Lập ra sáu căn hiệp, Nếu giải-trừ một căn, Các căn thành vô-dụng, Trần-cấu đoạn trừ sạch, Thể Chơn-giác hiện rõ, Cho tới vô-minh tuyệt, Tròn sáng tức Như-Lai. (4)</p>
---	---

<p>14.</p>	<p>14. BỒ-TÁT VĂN-THÙ PHỔ-KHUYẾN TU-CHỨNG NHĨ-CĂN VIÊN-THÔNG.</p>																																				
<table border="0"> <tr><td>大眾及阿難</td><td>旋汝倒聞機</td></tr> <tr><td>反聞聞自性</td><td>性成無上道</td></tr> <tr><td>圓通實如是</td><td>此是微塵佛</td></tr> <tr><td>一路涅槃門</td><td>過去諸如來</td></tr> <tr><td>斯門已成就</td><td>現在諸菩薩</td></tr> <tr><td>今各入圓明</td><td>未來修學人</td></tr> <tr><td>當依如是法</td><td>我亦從中證</td></tr> <tr><td>非唯觀世音</td><td>誠如佛世尊</td></tr> <tr><td>詢我諸方便</td><td>以救諸末劫</td></tr> <tr><td>求出世間人</td><td>成就涅槃心</td></tr> <tr><td>觀世音為最</td><td>自餘諸方便</td></tr> <tr><td>皆是佛威神</td><td>即事捨塵勞</td></tr> <tr><td>非是長修學</td><td>淺深同說法</td></tr> <tr><td>頂禮如來藏</td><td>無漏不思議</td></tr> <tr><td>願加被未來</td><td>於此門無惑</td></tr> <tr><td>方便易成就</td><td>堪以教阿難</td></tr> <tr><td>及末劫沈淪</td><td>但以此根修</td></tr> <tr><td>圓通超餘者</td><td>真實心如是</td></tr> </table>	大眾及阿難	旋汝倒聞機	反聞聞自性	性成無上道	圓通實如是	此是微塵佛	一路涅槃門	過去諸如來	斯門已成就	現在諸菩薩	今各入圓明	未來修學人	當依如是法	我亦從中證	非唯觀世音	誠如佛世尊	詢我諸方便	以救諸末劫	求出世間人	成就涅槃心	觀世音為最	自餘諸方便	皆是佛威神	即事捨塵勞	非是長修學	淺深同說法	頂禮如來藏	無漏不思議	願加被未來	於此門無惑	方便易成就	堪以教阿難	及末劫沈淪	但以此根修	圓通超餘者	真實心如是	
大眾及阿難	旋汝倒聞機																																				
反聞聞自性	性成無上道																																				
圓通實如是	此是微塵佛																																				
一路涅槃門	過去諸如來																																				
斯門已成就	現在諸菩薩																																				
今各入圓明	未來修學人																																				
當依如是法	我亦從中證																																				
非唯觀世音	誠如佛世尊																																				
詢我諸方便	以救諸末劫																																				
求出世間人	成就涅槃心																																				
觀世音為最	自餘諸方便																																				
皆是佛威神	即事捨塵勞																																				
非是長修學	淺深同說法																																				
頂禮如來藏	無漏不思議																																				
願加被未來	於此門無惑																																				
方便易成就	堪以教阿難																																				
及末劫沈淪	但以此根修																																				
圓通超餘者	真實心如是																																				
<p>Đại-chứng cập A-Nan Toàn nhữ đảo văn cơ, Phản văn văn tự tánh, Tánh thành Vô-Thượng-Đạo, Viên-thông thiệt như-thị. Thủ thị vi-trần Phật, Nhứt lộ Niết-Bàn môn, Quá-khổ chư Như-Lai, Tư môn dĩ thành-tựu, Hiện-tại chư Bồ-Tát, Kim các nhập viên minh,</p>	<p>1. Ông A-Nan, Đại-chứng, Xây máy nghe trở lại, Hãy nghe theo Tự-Tánh, Tự-tánh thành Giác-đạo, Viên-thông thiệt như vậy. 2. Vô-số Phật nương theo, Một đường thẳng Niết-Bàn. Chư Phật đời quá-khổ, Do môn ấy thành đạo. Chư Bồ-Tát hiện-tại, Nhờ pháp ấy, viên-minh.</p>																																				

<p>Vị-lai tu học nhân, Đương y như-thị pháp, Ngã diệc tùng trung chứng, Phi duy Quán-Thế-Âm, Thành như Phật Thế-Tôn. Tuân ngã chư phuong-tiện, Dĩ cứu chư mạt-kiếp, Cầu xuất thế-gian nhân, Thành-tựu Niết-Bàn tâm. Quán-Thế-Âm vi tối, Tự dư chư phuong tiệm, Giai thị Phật oai thần, Tức sự xả trần lao, Phi thị trường tu học, Thiển thâm đồng thuyết pháp. Đảnh lễ Như-Lai-Tạng, Vô-lâu bất tư nghỉ, Nguyễn gia-bị vị-lai, Ư thử môn vô hoắc, Phuong tiệm dì thành-tựu, Kham dĩ giáo A-Nan, Cập mạt-kiếp trầm-luân, Đãm dĩ thử căn tu, Viên-thông siêu dư giả, Chơn thiệt tâm như-thị.</p>	<p>Các Học-nhân vị-lai, Phải y theo pháp ấy. Tôi cũng chứng trong đó, Ngài Quán-Thế-Âm đắc, Đức Thế-Tôn cũng vậy. 3. Dùng đủ các phuong-tiện, Nhầm cứu-độ mạt-kiếp. Người cầu xuất-thế pháp, Thành-tựu Niết-Bàn tâm. Quán-Thế-Âm cao-cả, Phuong-tiệm thâm-diệu khác, Nhờ oai-thần chư Phật, Cứu-thoát các trần-lao. Nào phải pháp tu thường, Cạn sâu đồng nói được. 4. Tôi lễ Như-Lai-Tạng, Vô-lâu khó nghĩ bàn, Nguyễn gia-hộ đời sau, Hiểu sáng suốt pháp này. Phuong-tiệm dẽ thành-tựu, Nên dạy ông A-Nan, Dĩ-chí đời mạt-kiếp, Cần sử-dụng nhĩ-căn, Viên-thông hơn pháp khác, Tâm chơn-thiệt như vậy. (5)</p>
--	---

15.	15. TẤT CẢ ĐẠI-CHÚNG VUI THỌ PHÁP-KÊ.
<p>於是阿難及諸大眾。身心了然得大開示。觀佛菩提及大涅槃。 猶如有人因事遠遊未得歸還。明了其家所歸道路。普會大眾天龍八部有學二乘。及諸一切新發心菩薩。其數凡有十恒河沙皆得本心。 遠塵離垢獲法眼淨。性比丘尼聞說偈已成阿羅漢。無量眾生皆發無等等阿耨多羅三藐三菩提心。</p>	<p>— U thị A-Nan, cập chư đại-chúng, thân-tâm liễu nhiên, đắc đại khai-thị, quán Phật Bồ-Đề, cập Đại-Niết-Bàn. Du như hữu nhân, nhân sự viễn du, vị đắc hoàn quy, minh liễu kỳ gia, sở quy đạo lộ. (... thân-tâm tỏ rõ, nhận được sự khai-thị to lớn, xem quả Bồ-Đề và Đại-Niết-Bàn của Phật. Cũng như có người, nhân có việc phải đi xa, chưa trở về được, song đã biết rõ con đường về nhà.)</p>
<p>— Ngài A-Nan và Đại-chúng nghe xong pháp-kê của Bồ-Tát Văn-Thù-Sư-Lợi, thân-tâm an vui vì được diệu-pháp khai-thị rõ ràng quả-vị Như-Lai Bồ-Đề Niết-Bàn; ví như người xa quê hương lâu ngày chưa trở về, nhưng biết rõ đường đi.</p>	

<p>_ Phổ hội đại-chúng, Thiên-long bát-bộ, Hữu-học nhị-thừa, cập chư nhứt-thiết, tân phát tâm Bồ-Tát, kỳ số phàm hữu, thập Hằng-hà-sa, giai đắc bốn-tâm, viễn-ly trần-cấu, hoạch pháp-nhãnh tịnh.</p> <p>(..., và tất cả các Bồ-Tát mới phát tâm, số lượng bằng mươi số cát sông Hằng, đều được bốn-tâm, xa trấn-tướng, rồi cấu-nhiễm, được pháp-nhãnh thanh-tịnh.)</p> <p>_ Tánh Tỳ-khưu-ni, văn thuyết kệ dĩ, thành A-La-Hán.</p> <p>(_ Bà Tánh Tỳ-khưu-ni nghe nói bài kệ xong, thành quả A-La-Hán.) (Xem Quyển 4, Đoạn 26: Nàng Ma-Đăng-Già được gọi tên là “Tánh Tỳ-khưu-ni”.)</p> <p>_ Vô-lượng chúng-sanh, giai phát vô đảng đảng A-nậu-đa-la tam-miệu tam Bồ-Đ Đề Tâm.</p>	<p>_ Đại-chúng ở trong Giáo-Hội, có các vị Thiên-Long bát bộ, các vị Hữu-học và Sơ-phát-tâm Bồ-Tát đạo, rất nhiều như số cát sông Hằng, đều đắc bốn-tâm, viễn-ly trần-cấu, được pháp-nhãnh thanh-tịnh.</p> <p>_ Dĩ-chí các vị Tỳ-khưu-ni nghe xong Bồ-Tát kệ, cũng thành bậc A-La-Hán;</p> <p>- và vô-số chúng-sanh phát tâm cầu đạo Vô-Thượng Chánh-đảng Chánh-giác.</p>
--	---

16.	16. NGÀI A-NAN HỎI PHÁP AN-LẬP ĐẠO-TRÀNG ĐỘ-SANH.
<p>阿難整衣服。望大眾中合掌頂禮。心迹圓明悲欣交集。欲益未來諸眾生故。稽首白佛大悲世尊。我今已悟成佛法門。是中修行得無疑惑。常聞如來說如是言。自未得度先度人者菩薩發心。自覺已圓能覺他者如來應世。我雖未度願度末劫一切眾生。</p> <p>世尊此諸眾生去佛漸遠。邪師說法如恒河沙。欲攝其心入三摩地。云何令其安立道場遠諸魔事。於菩提心得無退屈。</p>	
<p>_ A-Nan chỉnh y-phục, ư đại-chúng trung, hiệp-chưởng đảnh lẽ, tâm tích viễn-minh, bi hân giao tập, dục ích vị-lai, chư chúng-sanh cố, khể thủ bạch Phật:</p> <p>_ Đại bi Thế-Tôn! Ngã kim dĩ ngộ, thành Phật pháp-môn, thị trung tu-hành, đắc vô nghi-hoặc.</p> <p>_ Thường văn Như-Lai, thuyết như-thị ngô-n:</p> <p>_ Tự vị đắc độ, tiên độ nhân giả, Bồ-Tát phát tâm.</p> <p>(_ Tự mình chưa được độ, trước đã độ người, đó là</p>	<p>_ Ngài A-Nan từ chối Đại-chúng đứng dậy, sửa y-phục tề-chỉnh rồi hiệp-chưởng lạy Phật, tâm-địa sáng suốt, vừa buồn vừa vui và muốn Chánh-Pháp Như-Lai lợi lạc cho tất cả chúng-sanh ở đời sau, nên cúi đầu bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn đại từ-bi! Nay tôi tỏ ngộ pháp-môn thành Phật để tu-hành, không còn nghi-chấp nữa.</p> <p>_ Tôi thường nghe Đức Thế-Tôn dạy:</p> <p>_ Tự mình chưa đắc đạo nhưng biết hóa độ người, đó là chối phát tâm tu hạnh Bồ-Tát.</p>

<p>chỗ phát tâm của các vị Bồ-Tát.)</p> <p>_ Tự giác dĩ viễn, năng giác tha giả, Nhữ-Lai ứng thế.</p> <p>(_ Tự mình giác-ngộ viễn-mẫn, có thể giác-ngộ khác, đó là sự ứng thế của các Đức Nhữ-Lai.)</p> <p>_ Ngã tuy vị độ, nguyện độ mạt-kiếp, nhứt-thiết chúng-sanh.</p> <p>(_ Tôi tuy chưa được độ, song nguyện độ tất cả chúng-sanh trong đời mạt-pháp.)</p> <p>_ Thế-Tôn! Thủ chư chúng-sanh, khứ Phật tiệm viễn, tà sư thuyết pháp, như Hằng-hà-sa, dục nghiệp kỳ tâm, nhập Tam-ma-địa.</p> <p>(_ Bạch Thế-Tôn! Các chúng-sanh đó cách Phật ngày càng xa, những tà-sư thuyết pháp, nhiều như cát sông Hằng, nếu muốn họ nghiệp-tâm vào Tam-ma-địa;</p> <p>_ Vân hà linh kỳ, an lập đạo-tràng, viễn chư ma sự, ư Bồ-Đ Đề Tâm, đắc vô thối khuất?</p> <p>- thì nên khiến họ, dựng lập đạo-tràng thế nào, để rời các ma-sư, được không thoái khuất nơi Tâm Bồ-Đ Đề.)</p>	<p>_ Như phần tự-giác đã vuông tròn, hằng lấy lòng từ-bi giác-tha, đó là <i>hoài-bão xuất-thể độ-sanh</i> của chư Phật.</p> <p>_ Hiện-tại tôi còn là hạng Hữu-học, chưa viễn-mẫn phần tự-giác, nhưng tôi xin nguyện bảo-hộ tất cả chúng-sanh chơn-thành tu-hành trong thời mạt-kiếp.</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi thương xót các chúng-sanh trong thời mạt-kiếp, xa Phật rất lâu, lại gặp rất đông tà-sư ngoại-đạo như số cát sông Hằng, giảng nói toàn ma-giáo huyền-hoặc, ám-muội, phá-hoại, nhiễu-hại, nên các chúng-sanh ấy dễ bị sa ngã và khó tu-hành viễn-mẫn, nếu muốn nghiệp-tâm vào cảnh-trí chánh-định.</p> <p>_ Tôi không biết phải làm thế nào an lập đạo-tràng để cứu-độ chúng-sanh xa lánh ma-giáo và không thối chuyển Bồ-Đ Đề Tâm? Ngưỡng cầu Đức Thế-Tôn dạy bảo.</p>
---	---

17.	17. PHẬT DẠY TU GIỚI ĐỊNH TUỆ ĐỂ GIẢI-THOÁT.
<p>爾時世尊於大眾中稱讚阿難。善哉善哉。如汝所問。安立道場救護眾生末劫沈溺。汝今諦聽當為汝說。阿難大眾唯然奉教。</p> <p>佛告阿難汝常聞我毘奈耶中。宣說修行三決定義。所謂攝心為戒因戒生定因定發慧。是則名為三無漏學。阿難云何攝心我名為戒。</p> <p>_ Nhĩ thời Thế-Tôn ư đại-chúng trung, xưng tán A-Nan:</p> <p>_ Thiện tai! Thiện tai! Như nhữ sở vấn, an lập đạo-tràng, cứu-hộ chúng-sanh mạt-kiếp trầm-nịch, nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết.</p> <p>_ A-Nan đại-chúng, duy nhiên phụng giáo.</p>	<p>Thời bấy giờ, Đức Phật Thích-Ca, giữa Đại-chúng, khen-ngợi ngài A-Nan:</p> <p>_ Lành thay! Lành thay! Như lời ông vừa hỏi phép tắc an lập đạo-tràng, để cứu-độ chúng-sanh bị chìm đắm khổ sở trong thời mạt-kiếp, ông hãy tịnh tâm nghe kỹ, Ta dạy cho.</p> <p>_ Ngài A-Nan và Đại-chúng đồng lặng thính vâng lời Đức Phật.</p>

<p>Phật cáo A-Nan:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Nhữ thường văn ngã, Tỳ-nại-da trung, tuyên-thuyết tu-hành, tam quyết-định nghĩa. <p>(_ Ông thường nghe tôi, trong Tỳ-nại-da, tuyên nói ba nghĩa quyết-định của sự tu-hành.)</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Sở vị nghiệp tâm vi Giới, - nhân giới sanh Định, - nhân định phát Tuệ. _ Thị tặc danh vi, tam vô-lậu học. <p>(_ Thế gọi là ba pháp vô-lậu học.)</p> <ul style="list-style-type: none"> _ A-Nan! Vân hà nghiệp tâm, ngã danh vi giới? 	<p>Đức Phật dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ A-Nan! Ông thường nghe Ta tuyên-thuyết sự-lý tu-hành ba diệu-nghĩa quyết-định ở trong Luật-tạng. Ba diệu-nghĩa ấy như sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Nghiệp-tâm thành Giới. 2. Do Giới sanh Định. 3. Do Định phát Tuệ. <ul style="list-style-type: none"> _ Giới Định Tuệ là tam Vô-lâu-học để cho những ai phát Bồ-Đề Tâm tu-hành trong sạch, cần-cầu giải-thoát tam giới luân-hồi sanh-tử thống-khổ. _ A-Nan! Thế nào thu-nghiệp cái tâm thì gọi là giới?
--	--

18.	18. PHẬT DẠY ĐOẠN TÂM DÂM-DỤC ĐỂ GIẢI-THOÁT.
<p>若諸世界六道眾生其心不婬。則不隨其生死相續。汝修三昧本出塵勞。婬心不除塵不可出。縱有多智禪定現前。如不斷婬必落魔道。上品魔王中品魔民下品魔女。彼等諸魔亦有徒眾。各各自謂成無上道。我滅度後末法之中。多此魔民熾盛世間。廣行貪婬為善知識。令諸眾生。落愛見坑失菩提路。汝教世人修三摩地先斷心婬。是名如來先佛世尊。第一決定清淨明誨。</p> <p>是故阿難若不斷婬修禪定者。如蒸沙石欲其成飯。經百千劫祇名熱沙。何以故此非飯本石沙成故。汝以婬身求佛妙果。縱得妙悟皆是婬根。根本成婬輪轉三途必不能出。如來涅槃何路修證。必使婬機身心俱斷斷性亦無。於佛菩提斯可希冀。如我此說名為佛說。不如此說即波旬說。</p>	

<ul style="list-style-type: none"> _ Nhược chư thế-giới, lục-đạo chúng-sanh, kỳ tâm bất dâm, tặc bất tùy kỳ, sanh-tử tương-tục. <p>(_ Nếu chúng-sanh lục-đạo các thế-giới, cái tâm không dâm, thì không đi theo dòng sanh-tử tiếp-tục.)</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Nhữ tu tam-muội, bốn xuất trần-lao, dâm-tâm bất trừ, trần bất khả xuất. <p>(_ Ông tu phép tam-muội, cốt để ra khỏi trần-lao, nếu không trừ lòng dâm, thì không thể ra khỏi trần-lao</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ A-Nan! Nếu chúng-sanh trong sáu cõi phàm-phu dứt tuyệt dâm-dục, thì chắc chắn không bao giờ bị nghiệp-báo luân-hồi sanh-tử tương-tục. <ul style="list-style-type: none"> _ Tu pháp chánh-định nhĩ-căn viễn-thông cốt-yếu là giải-thoát trần-lao, nhưng nếu không dứt tuyệt dâm-dục tất chẳng bao giờ ra khỏi trần-lao được.
--	--

<p>được.)</p> <p>_ Túng hữu đa trí, thiền-định hiện-tiền, như bất đoạn dâm, tất lạc ma-đạo.</p> <p>(_ Dầu có nhiều trí thiền-định hiện-tiền, nếu không đoạn lòng dâm, ắt lạc vào ma-đạo.)</p> <p>_ Thượng phẩm Ma-vương, trung phẩm Ma-dân, hạ phẩm Ma-nữ, bỉ đẳng chư ma, diệc hữu đồ-chứng.</p> <p>(... các bọn ma kia cũng có đồ-chứng.)</p> <p>_ Các các tự vị, thành Vô-Thượng-Đạo.</p> <p>(_ Mỗi mỗi tự xưng là thành đạo Vô-thượng.)</p> <p>_ Ngã diệt-độ hậu, mạt-pháp chi trung, đa thủ ma-dân, xí-thạnh thế-gian, quảng-hành tham-dâm, vi Thiện-Tri-Thức, linh chư chúng-sanh, lạc ái-kiến khanh, thất Bồ-Đ Đề lộ.</p> <p>(... có nhiều bọn ma này sôi nổi trong thế-gian, gây nhiều việc tham-dâm, lại giả làm người Thiện-Tri-Thức, khiến cho các chúng-sanh sa vào hầm ái-kiến, bỏ mất con đường Bồ-Đ Đề.)</p>	<p>_ Dầu có đa-trí thiền-định mà không giữ trai-tâm và không đoạn dâm-tâm thì dễ bị <i>đọa-lạc vào ma-đạo</i>.</p> <p>_ Thượng-phẩm thì làm Ma-vương, trung-phẩm thì làm ma-dân, hạ-phẩm thì làm ma-nữ, có đông đệ-tử và đồ-chứng ở khắp nơi.</p> <p>_ Các loại ma ấy đều có tánh háo-thắng sâu hiểm, ngã-mạn kiêu-căng, tự-tôn là bậc cao nhứt, thành đạo cao nhứt.</p> <p>_ Sau khi Ta nhập Niết-Bàn, trong thời-kỳ mạt-pháp, có nhiều dòng dõi của các loại ma ấy hiện ra lùng lẫy ở thế-gian, phô bày sắc tướng mở rộng sự đa-dâm tham-dục, giả danh Thiện-Tri-Thức, lường gạt chúng-sanh, nếu ai không có sẵn phước-đức nhân-duyên với Chánh-pháp ở tiền-kiếp thì dễ bị sa vào hầm hố ái-kiến nguy-nan và quên mất con đường giác-ngộ giải-thoát.</p>
<p>_ Nhữ giáo thế-nhân, tu Tam-ma-địa, tiên trì trai-tâm, cập đoạn dâm-tâm.</p> <p>(_ Ông dạy người đời tu pháp Tam-ma-địa, trước hết phải đoạn cái dâm trong tự-tâm.)</p> <p>_ Thị danh Như-Lai, Tiên Phật Thế-Tôn, đệ-nhứt quyết-định, thanh-tịnh minh-hối.</p> <p>Minh-hối = Minh-huấn: lời dạy bảo, khuyên răn sáng suốt rõ ràng.</p>	<p>_ A-Nan! Như vậy từ nay về sau, ông cố gắng giáo-hoa chúng-sanh tu pháp chánh-định, trước phải giữ trai-tâm và đoạn dâm-tâm.</p> <p>_ Đó là lời dạy minh-huấn thanh-tịnh chơn-thiệt về nghĩa quyết-định thứ nhứt của chư Phật ở quá-khứ và của Ta ở hiện-tại.</p>
<p>_ Thị cố, A-Nan! Như ợt bất đoạn dâm, tu thiền-định giả, như chưng sa-thạch, dục kỳ thành phạn, kinh bá thiền kiếp, chỉ danh nhiệt-sa. Hà dĩ cố?</p> <p>(_ Vậy nê n, A-Nan, nếu không đoạn lòng dâm mà tu thiền-định, thì cũng như nấu cát, nấu đá, mà muốn thành cơm, dầu trải qua trăm nghìn kiếp, cũng chỉ gọi là cát nóng, đá nóng. Vì cớ sao?)</p>	<p>_ A-Nan! Nếu tu pháp thiền-định để giải-thoát mà tâm nhơ đục không đoạn-tuyệt dâm-dục, ví như nấu sạn mà muốn thành cơm gạo, thì dầu có trải tới trăm ngàn kiếp cũng chỉ gọi là sạn nóng, chở không bao giờ gọi là cơm gạo được. Tại sao?</p>

<p>_ Thủ phi phan bốn, sa-thạch thành cố. (_ Vì đó là giống cát, giống đá, không phải là bốn-nhân của cơm vậy.)</p> <p>_ Nhữ dĩ dâm thân, cầu Phật diệu-quả, túng đắc diệu-ngộ, giai thị dâm-căn, căn-bốn thành dâm, luân-chuyển tam đồ, tất bất năng xuất. (_ Ông đem thân dâm, cầu diệu-quả của Phật, dầu được diệu-ngộ, cũng chỉ là gốc dâm, cội gốc đã thành dâm, thì phải trôi lăn trong tam đồ, chắc không ra khỏi.)</p> <p>_ Như-Lai Niết-Bàn, hà lộ tu-chứng? (_ Còn đường nào tu-chứng Niết-Bàn Như-Lai?)</p> <p>_ Tất sử dâm cớ (/ky), thân-tâm cu đoạn, đoạn tánh diệt vô, ư Phật Bồ-Đ Đề, tư khả hy ký. (_ Chắc phải khiến cho thân-tâm đều đoạn hết giống dâm, cho đến tánh đoạn cũng không còn nữa, thì mới trông mong chứng quả Bồ-Đ Đề của Phật.)</p>	<p>_ Tại sạn vốn không phải là gạo.</p> <p>_ Nếu lấy thân dâm-dục mà cầu Phật-quả Vô-Thượng thật là vô-lý, dâm-thân là dâm-căn, căn-bốn đã thành dâm như vậy dĩ-nhiên không thể nào giải-thoát được mà lại phải luân-hồi sanh-tử trong tam đồ khổ, dầu có học hiểu diệu-pháp cũng vô hiệu-lực.</p> <p>_ Thế thì muốn thành-tựu viên-mãn Phật-quả Vô-Thượng, nên tu-hành theo pháp-môn nào?</p> <p>_ Nên giữ trai-tâm thanh-tịnh tu-hành giải-thoát theo pháp-môn thiền-định, với thể-thức đoạn dâm-thân, trước khi đoạn dâm-thân, phải đoạn dâm-tâm, hai thứ đoạn ấy đều diệt, cho tới tánh đoạn cũng diệt tận, như vậy mới hy-vọng thành-tựu viên-mãn Phật-quả Vô-Thượng.</p>
<p>_ Như ngã thử thuyết, danh vi Phật thuyết. (_ Như lời Ta nói đây, gọi là lời nói của Phật.)</p> <p>_ Bất như thử thuyết, tức Ba-Tuần thuyết. (_ Không như lời nói đó, tức là lời nói của ma Ba-Tuần.)</p>	<p>_ Sau khi Ta nhập-diệt, ai thuyết pháp giống như Ta đã thuyết, đó là chơn-thiệt-ngữ từ-bi của Như-Lai.</p> <p>_ Nếu lời nói trái nghịch với chơn-thiệt-ngữ từ-bi của Như-Lai tức là giả-thuyết tà-giáo mê-hoặc của loại ma Ba-Tuần.</p>
	<p>_ Phàm làm đệ-tử của Phật, tu-hành giải-thoát, có bốn-phận phải biết phân-biệt sáng suốt thế nào là Phật, thế nào là ma.</p>

19.

19. PHẬT DẠY ĐOẠN TÂM SÁT-SANH ĐỂ GIẢI-THOÁT.

阿難又諸世界六道眾生其心不殺。則不隨其生死相續。汝修三昧本出塵勞。殺心不除塵不可出。縱有多智禪定現前。如不斷殺必落神道。上品之人為大力鬼。中品即為飛行夜叉諸鬼帥等。下品

尚為地行羅刹。彼諸鬼神亦有徒眾。各各自謂成無上道。我滅度後末法之中。多此神鬼熾盛世間。自言食肉得菩提路。

阿難我令比丘食五淨肉。此肉皆我神力化生本無命根。汝婆羅門地多蒸濕。加以沙石草菜不生。我以大悲神力所加。因大慈悲假名為肉。汝得其味。奈何如來滅度之後。食眾生肉名為釋子。汝等當知是食肉人縱得心開似三摩地。皆大羅刹。報終必沈生死苦海非佛弟子。如是之人相殺相吞相食未已。云何是人得出三界。汝教世人修三摩地次斷殺生。是名如來先佛世尊。第二決定清淨明誨。

是故阿難若不斷殺修禪定者。譬如有人自塞其耳。高聲大叫求人不聞。此等名為欲隱彌露。清淨比丘及諸菩薩。於岐路行不踏生草。況以手拔。云何大悲取諸眾生血肉充食。若諸比丘不服東方絲綿絹帛。及是此土靴覆裘毳乳酪醍醐。如是比丘於世真脫。酬還宿債不遊三界。何以故服其身分皆為彼緣。如人食其地中百穀。足不離地必使身心。於諸眾生若身身分。身心二途不服不食。我說是人真解脫者。如我此說名為佛說。不如此說即波旬說。

	Đức Phật dạy:
_ A-Nan! Hựu chư thế-giới, lục-đạo chúng-sanh, kỳ tâm bất sát, tặc bất tùy kỳ, sanh-tử tương-tục.	_ A-Nan! Nếu chúng-sanh trong sáu cõi phàm-phu dứt tuyệt sát-sanh, thì chắc chắn không bao giờ bị nghiệp-báo luân-hồi sanh-tử tương-tục.
_ Nhữ tu tam-muội, bốn xuất trần-lao, sát-tâm bất trừ, trần bất khả xuất.	_ Tu pháp chánh-định nhĩ-căn viên-thông cốt-yếu là giải-thoát trần-lao, nhưng nếu không dứt tuyệt sát-sanh tất chẳng bao giờ ra khỏi trần-lao được.
_ Túng hữu đa trí, thiền-định hiện-tiền, như bất đoạn sát, tất lạc quỷ-đạo.	_ Dẫu có đa-trí thiền-định mà không đoạn tâm sát-sanh thì dễ bị <i>dọa-lạc</i> vào <i>quỷ-đạo</i> .
_ Thượng phẩm chi nhân, vi đại-lực quý, trung phẩm tặc vi, phi-hành Dạ-xoa, chư Quỷ-soái đẳng, hạ phẩm đương vi địa-hành La-sát, bỉ chư Quỷ đẳng, diệc hữu đồ-chứng.	_ Thượng-phẩm thì làm quỉ có thể-lực, trung-phẩm thì làm quỉ Dạ-xoa bay giữa hư-không với các quỉ soái, hạ-phẩm thì làm quỉ La-Sát đi trên mặt đất, cũng có đồng đệ-tử và đồ-chứng ở khắp nơi.
_ Các các tự vị thành Vô-Thượng-Đạo.	_ Các loại quỉ ấy có tính háo-thắng sâu hiểm, ngã-mạn kiêu-căng, tự-tôn là bậc cao nhất, thành đạo cao nhất.
_ Ngã diệt-độ hậu, mạt-pháp chi trung, đa thử Quỷ-chúng xí-thạnh thế-gian, tự ngôn thực nhục, đắc Bồ-Đề lỘ.	_ Sau khi Ta nhập Niết-Bàn, trong thời-kỳ mạt-pháp, có nhiều dòng dõi của các loại quỉ ấy hiện ra lùng lẫy ở thế-gian, tự nói rằng ăn thịt mới đắc đạo Bồ-Đề.
_ A-Nan! Ngã linh Tỳ-khưu, thực ngũ tịnh-nhục, thử nhục gai ngã, thắn-lực	_ A-Nan! Bất-đắc-dĩ Ta tạm-thời cho một số Tỳ-khưu đau-yếu ăn ngũ tịnh-

<p>hóa sanh, bốn vô mặng căn. (_ A-Nan! Ta khiến hàng Tỳ-khưu ăn năm thứ tịnh-nhục...)</p> <p>_ Nhữ Bà-la-môn, địa đa chưng thấp, gia-dī sa-thạch, thảo thái bất sanh.</p> <p>Gia-dī (加以): hơn nữa, vả lại, lại thêm.</p> <p>_ Ngã dī đại bi, thần-lực sở gia, nhân đại từ-bi, giả danh vi nhục, nhữ đắc kỳ vị. (_ Ta dùng sức đại-bi gia-bi, nhân sức đại từ-bi, giả gọi là thịt, và các ông cũng nhận được cái vị như thịt.)</p>	<p>nhục (6), nhưng thịt ấy do thần-lực của Ta hóa-sanh chớ không có căn mặng.</p> <p>_ Vì cuộc đất của dòng Bà-La-Môn ẩm thấp, lại thêm có đá sạn nên loài thảo-mộc khó sanh sản.</p> <p>_ Một lần nữa, Ta nói lại cho ông rõ: Bất-đắc-dī Ta mới tạm dùng thần-lực đại-bi biến-hóa ra thịt cho một số Tỳ-khưu đau yếu ở chỗ khó trồng thảo-mộc để thọ-dụng cho có vị mà thôi, chớ không phải là thịt thiệt.</p>
	<p>_ Ai đã nguyện dứt đường sanh-tử khổ và đã hoàn-toàn ly-gia cát-ái, làm Tỳ-khưu tu-hành giải-thoát thì dī-nhiên phải trưởng-trai giới-sát.</p>
<p>_ Nại hà Như-Lai diệt-độ chi hậu, thực chúng-sanh nhục, danh vi Thích-tử? Nhữ đẳng đương tri:</p> <p>_ Thị thực nhục nhân, túng đắc tâm khai, tự Tam-ma-địa, giao Đại-La-Sát, báo chung tất trầm, sanh-tử khổ-hải, phi Phật đệ-tử. (_ Những người ăn thịt đó, dầu cho tâm được khai-nộ, giống như Tam-ma-địa, đều là loài La-Sát...)</p> <p>_ Như-thị chi nhân, tương-sát, tương-thôn, tương-thực vị dī, vân hà thị nhân, đắc xuất tam giới? (_ Những người như vậy, giết nhau, nuốt nhau, ăn nhau chưa thôi, làm sao lại được ra khỏi ba cõi?)</p>	<p>_ Sau khi Ta nhập-diệt, những kẻ ăn thịt chúng-sanh làm sao được gọi là Phật-tử? Các ông phải biết: _ Những kẻ ăn thịt chúng-sanh dầu có được tâm-trí mở mang tu đại-định cũng chỉ thành quỉ Đại La-Sát có thế-lực, hưởng phước-báo hữu-lậu trong một thời-gian, khi phước-báo hết tất-nhiên trầm-luân khổ-hải sanh-tử, những kẻ ấy chưa phải là đệ-tử của Phật. _ Đó là hạng người ăn thịt lấn nhau, giết hại lấn nhau, tương-sát tương-tàn, oan-oan tương-báo, ác-nghiệp vay trả, không làm sao ra khỏi được các phàm-giới luân-hồi sanh-tử thống-khổ.</p>
<p>_ Nhữ giáo thế nhân, tu Tam-ma-địa, thứ đoạn sát-sanh.</p> <p>_ Thị danh Như-Lai, Tiên Phật Thế-Tôn, đệ-nhi quyết-định, thanh-tịnh minh-hối.</p>	<p>_ A-Nan! Như vậy từ nay về sau, ông cố gắng giáo-hóa chúng-sanh tu pháp chánh-định, phải đoạn sát-sanh. _ Đó là lời dạy minh-huấn thanh-tịnh chơn-thiệt về nghĩa quyết-định thứ hai của chư Phật ở quá-khứ và của Ta ở hiện-tại.</p>
<p>_ Thị cố, A-Nan! Nhược bất đoạn sát, tu thiền-định giả, thí như hữu nhân, tự tặc</p>	<p>_ A-Nan! Nếu tu thiền-định để giải-thoát mà không dứt tuyệt sát-sanh, ví</p>

<p>kỳ nhĩ, cao thịnh đại kiếu, cầu nhân bất văn, thử đắng danh vi, dục ẩn, di lộ. (... bọn này gọi là muốn giấu, thì càng lộ.)</p>	<p>núi người tự bít lấy hai lỗ tai, rồi cất tiếng kêu lớn lên, nhưng cầu cho kẻ khác đừng nghe thì thật vô-lý, đó là hạng người muốn giữ kín đáo lại còn phô-trương rõ ràng.</p>
<p>_ Thanh-tịnh Tỳ-khưu, cập chư Bồ-Tát, ư kỳ lộ hành, bất đạp sanh thảo, huống dĩ thủ bạt, vân hà đại-bi, thủ chư chúng-sanh, huyết-nhục sung thực. (... huống nữa là lấy tay nhổ cổ, làm sao lòng đại-bi, lại lấy máu thịt của các chúng-sanh, mà làm đồ ăn.)</p>	<p>_ Chư Bồ-Tát và các vị Tỳ-khưu thanh-tịnh khi đi đường, không bao giờ nhổ hoặc đạp cỏ sống, thì há lại đem tâm đại-bi lấy huyết-nhục của chúng-sanh mà ăn hay sao?</p>
<p>_ Nhược chư Tỳ-khưu, bất phục đông-phương, ty miên quyên bạch, cập thị thủ độ, ngoa lý cầu thuế, nhũ-lạc đê-hồ; như-thị Tỳ-khưu, ư thế chơn-thoát, thù hoàn túc-trái, bất du tam giới. Hà dĩ cố? (_ Nếu các hàng Tỳ-khưu không mặc những đồ tơ lụa lướt là phương Đông, và không dùng những giày dép, áo cùu, áo len, hay các thứ sůa, phó-mát, đê-hồ; thì những Tỳ-khưu như thế, đối với thế-gian, thật là giải-thoát, trả hết nợ cũ xong, thì không vào trong ba cõi nữa. Vì cớ sao?)</p>	<p>_ Các vị Tỳ-khưu nào truwong-trai tuyệt- đục, lại không ăn nhũ-lạc đê-hồ, không mặc hàng lụa tơ-nhiều do con tằm mà có, hoặc áo cùu áo bào và các thứ y- phục do lông thú làm ra, cũng không mang giày dép bằng da thú; thì các vị Tỳ-khưu ấy là bậc chơn-thiệt giải-thoát trong đời, hết oan-gia túc-trái (món nợ từ kiếp trước), khỏi nạn luân-hồi sanh-tử ở tam giới thống-khổ. Vì cớ sao?</p>
<p>_ Phục kỳ thân phật, giai vi bỉ duyên; như nhân thực kỳ, địa trung bá cốc, túc bất ly địa. (_ Dùng những bộ phận thân-thể chúng-sanh, thì đều bị ảnh-hưởng chúng-sanh, ví như người ở thế-gian ăn hột lúa ở đất, tự-nhiên chân đi không khỏi mặt đất được.)</p>	<p>_ Vì hẽ dùng một phần của thân mạng nào, tự-nhiên kết oan-gia túc-trái với thân mạng đó, không tránh khỏi duyên- nghiệp vay trả; ví như người ở thế-gian ăn hột lúa ở đất, tự-nhiên chân đi không khoỏi mặt đất được.</p>
<p>_ Tất sử thân-tâm, ư chư chúng-sanh, nhược thân thân phật, thân-tâm nhị đồ, bất phục, bất thực; ngã thuyết thị nhân, chơn giải-thoát giả. (_ Quyết phải khiến cho thân-tâm, đối với thân-thể hay bộ phận thân-thể của chúng-sanh, đều không mặc, không ăn; thì những người như thế, Ta mới gọi là thật giải-thoát.)</p>	<p>_ Người nào khéo sử-dụng thân-tâm của mình ở ngũ-trược ác-thế, biết suy xét cuộc đời sanh-tử đau khổ vô-thường, đồng-thời biết thương xót số-phận thân-tâm của các loài khác, mà thân không tham ăn, tham mặc, tâm không tham luyến danh-lợi tài-sắc và những thứ vật- chất xa-hoa phù-phiếm, đời sống giản-dị thanh-cao; Ta cho người ấy là bậc chơn- thiệt giải-thoát.</p>
<p>_ Như ngã thử thuyết, danh vi Phật thuyết.</p>	<p>_ Sau khi Ta nhập-diệt, ai thuyết pháp giống như Ta đã thuyết, đó là chơn- thiệt-ngữ từ-bi của Như-Lai.</p>

<p>_ Bất như thử thuyết, tức Ba-Tuần thuyết.</p>	<p>_ Nếu lời nói trái nghịch với chơn-thiệt-ngữ từ-bi của Như-Lai tức là giả-thuyết tà-giáo mê-hoặc của loại ma Ba-Tuần.</p>
	<p>_ Phàm làm đệ-tử của Phật, tu-hành giải-thoát, có bốn-phận phải biết phân-biệt sáng suốt thế nào là Phật, thế nào là ma.</p>

<p>20.</p>	<p>20. PHẬT DẠY ĐOẠN TÂM THÂU-ĐẠO ĐỂ GIẢI-THOÁT.</p>
-------------------	---

阿難又復世界六道眾生其心不偷。則不隨其生死相續。汝修三昧本出塵勞。偷心不除塵不可出。縱有多智禪定現前。如不斷偷必落邪道。上品精靈中品妖魅。下品邪人諸魅所著。彼等群邪亦有徒眾。各各自謂成無上道。我滅度後末法之中。多此妖邪熾盛世間。潛匿姦欺稱善知識。各自謂已得上人法。該惑無識恐令失心。所過之處其家耗散。我教比丘循方乞食。令其捨貪成菩薩道。諸比丘等不自熟食。寄於殘生旅泊三界。示一往還去已無返。云何賊人假我衣服。裨販如來造種種業。皆言佛法却非出家。具戒比丘為小乘道。由是疑誤無量眾生墮無間獄。若我滅後其有比丘。發心決定修三摩提。能於如來形像之前。身然一燈燒一指節。及於身上爇一香炷。我說是人無始宿債一時酬畢。長挹世間永脫諸漏。雖未即明無上覺路。是人於法已決定心。若不為此捨身微因。縱成無為必還生人酬其宿債。如我馬麥正等無異。汝教世人修三摩地後斷偷盜。是名如來先佛世尊。第三決定清淨明誨。

是故阿難若不斷偷修禪定者。譬如有人水灌漏卮欲求其滿。縱經塵劫終無平復。若諸比丘衣鉢之餘分寸不畜。乞食餘分施餓眾生。於大集會合掌禮眾。有人捶罵同於稱讚。必使身心二俱捐捨。身肉骨血與眾生共。不將如來不了義說。迴為已解以誤初學。佛印是人得真三昧。如我所說名為佛說。不如此說即波旬說。

<p>_ A-Nan! Hựu phục thế-giới lục-đạo chúng-sanh, kỳ tâm bất thâu, tắc bất tùy kỳ, sanh-tử tương-tục.</p> <p>_ Nhữ tu tam-muội, bốn xuất trần-lao, thâu-tâm bất trừ, trần bất khả xuất.</p> <p>_ Túng hữu đa trí, thiền-định hiện-tiền,</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>_ A-Nan! Nếu chúng-sanh trong sáu cõi phàm-phu dứt tuyệt thâu-đạo, thì chắc chắn không bao giờ bị nghiệp-báo luân-hồi sanh-tử tương-tục.</p> <p>_ Tu pháp chánh-định nhĩ-căn viễn-thông cốt-yếu là giải-thoát trần-lao, nhưng nếu không dứt tuyệt thâu-đạo tất chẳng bao giờ ra khỏi trần-lao được.</p> <p>_ Dẫu có đa-trí thiền-định mà không</p>
---	--

<p>như bất đoạn thâu, tất lạc tà-đạo.</p> <p>_ Thượng phẩm tinh-quái, trung phẩm yêu-mị, hạ phẩm tà-nhân, chư mị sở trước, bỉ đẳng quần tà, diệc hữu đồ-chúng.</p> <p>_ Các các tự vị thành Vô-Thượng-Đạo.</p> <p>_ Ngã diệt-độ hậu, mạt-pháp chi trung, đa thử yêu tà, xí-thạnh thế-gian, tiềm nặc gian khi, xưng Thiện-Tri-Thức; các tư vị dĩ, đắc thượng-nhân pháp, huyền-hoặc vô thức, khủng linh thất tâm, sở quá chi xứ, kỳ gia hao tán.</p> <p>(... giả danh Thiện-Tri-Thức; mỗi người tự xưng đã được đạo-pháp thượng-nhân, lừa gạt kẻ không biết, dọa dẫm khiến cho mất lòng chánh-tín, chúng đi đến đâu, cửa nhà người ta đều bị hao tổn tan nát.)</p>	<p>đoạn tâm thâu-đạo thì dễ bị <i>đoa-lạc vào tà-đạo</i>.</p> <p>_ Thượng-phẩm thì làm tinh-quái, trung-phẩm thì làm yêu-my, hạ-phẩm thì làm tà-nhân bị ma-quỷ nhập ám-muội cuồng-loạn, cũng có đồng đệ-tử và đồ-chúng ở khắp nơi.</p> <p>_ Các loại tà ấy có tánh háo-thắng sâu hiểm, ngã-mạn kiêu-căng, tự-tôn là bậc cao nhứt, thành đạo cao nhứt.</p> <p>_ Sau khi Ta nhập Niết-Bàn, trong thời-kỳ mạt-pháp, có nhiều dòng dõi của các loại tà ấy hiện ra lùng lẫy ở thế-gian, âm thầm xảo-quyết, giả danh Thiện-Tri-Thức; tự xưng là bậc Thánh-nhân cứu-thế, mê-hoặc những người nhẹ tánh tối tăm khiếp sợ, nghe nhảm tin càn để dễ dẫn dắt đến chỗ tổn hại cả hồn lẫn xác.</p>
<p>_ Ngã giáo Tỳ-khưu, tuần phuong khất thực, linh kỵ xá tham, thành Bồ-Đề đạo.</p> <p>_ Chư Tỳ-khưu đẳng, bất tự thục thực, ký ư tàn sanh, lữ bạc tam giới, thị nhứt vãng hoàn, khứ dĩ vô phản.</p> <p>(_ Các hàng Tỳ-khưu không tự nấu ăn, gởi cái sống thừa tạm bợ trong ba cõi, thị-hiện chỉ đi về một phen, đi rồi không trở lại nữa.)</p>	<p>_ Như-Lai đã từng dạy các vị Tỳ-khưu trì-bát khất-thực từ chỗ này sang chỗ khác, cho dứt tuyệt tâm tham-lam, hầu viễn-chứng Vô-Thượng Bồ-Đề.</p> <p>_ Các vị Tỳ-khưu ấy có phuong-tien khỏi bộn rộn về sự ăn uống để vượt qua thời-gian mang thân tử-đại hư-vọng sống trong tam giới phàm-phu thống-khổ tức là thời-gian tạm-cư mà thôi, chờ khi thành đạo giải-thoát rồi thì quyết định không trở lại sanh-tử ở ngũ-trược ác-thế nữa.</p>
<p>_ Vân hà tặc nhân, giả ngã y-phục, tỳ (bì) phiến Như-Lai, tạo chủng chủng nghiệp, giai ngôn Phật-pháp; khước phi xuất-gia, cụ giới Tỳ-khưu, vi tiểu thừa đạo?</p> <p>(_ Làm sao bọn giặc mượn y-phục đạo Phật, buôn bán Như-Lai, gây ra các thứ nghiệp, mà đều gọi là Phật-pháp; lại còn chê bai các vị Tỳ-khưu đầy đủ giới-luật xuất-gia là đạo Tiểu-thừa.)</p> <p>_ Do thị nghi ngộ, vô-lượng chúng-sanh, đọa Vô-gián ngục.</p>	<p>_ Tại sao các loại tà trộm cắp lại mượn sắc-phục của Phật, mua bán Phật, khai-thác Phật-pháp, lạm-dụng Tam-Bảo, tạo ra nghề này nghề nọ để lợi-dưỡng; công cao ngã-mạn, tự-tôn tự-đại, trở lại khinh-bỉ chê bai các vị xuất-gia chơn-chánh nghiêm-trì giới-đức cụ-túc (đầy đủ), cho là Tiểu-thừa, mà không sợ hậu-quả sa-đọa địa-ngục?</p> <p>_ Ta thương hại một số chúng-sanh nhẹ tánh bị các loại tà trộm cắp cám dỗ,</p>

<p>(_ Do chúng làm cho vô-lượng chúng-sanh mắc phải nghi lầm, nên sẽ bị đọa vào ngục Vô-gián.)</p> <p>Vô-gián địa-ngục (tức là A-Tỳ địa-ngục): cảnh địa-ngục mà chúng-sanh có tội-nghiệp nặng nề nhất phải sanh vào. Ở đó sự hành-hình đau đớn không phút giây nào giàn-đoạn nên gọi là “vô-gián”.</p> <p>_ Nhược ngã diệt hậu, kỳ hữu Tỳ-khưu, phát tâm quyết-định, tu Tam-ma-đ Đề, năng ư Như-Lai, hình tượng chi tiền; thân nhiên nhứt dǎng, thiêu nhứt chỉ tiết, cập ư thân thương, nhiệt nhứt hương chú. (... hoặc Phật-tượng; chính mình thắp một cây đèn, đốt một đốt ngón tay, hay ở trên thân, đốt một mồi hương.)</p> <p>_ Ngã thuyết thị nhân, vô-thỉ túc-trái, nhứt-thời thù tất, truồng tập thế-gian, vĩnh-thoát chư lậu. Tuy vị tức minh, Vô-thương-giác lộ, thị nhân ư pháp, dĩ quyết định tâm. (_ Ta nói người ấy, túc-trái vô-thỉ, trong nhứt-thời trả hết, cáo-từ thế-gian, thoát hẳn các lậu. Người ấy, tuy chưa hiểu rõ đạo Vô-thương-giác, nhưng đối với Phật-pháp, tâm đã quyết-định.)</p> <p>_ Nhược bất vi thử, xả thân vi nhân, túng thành vô vi, tất hoàn sanh nhân, thù ký túc-trái, như ngã mā mạch, chánh dǎng vô dị. (_ Nếu không làm được cái nhân nhỏ mọn xả thân ấy, thì dầu thành đạo vô-vi, cũng phải sanh lại làm người, trả các nợ cũ, như quá-báo mā mạch của Ta, thật không sai khác.)</p> <p>Túc (宿):</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Cũ, xưa, đã có từ trước. Như: “túc-oán” (宿怨) : oán cũ. “túc-ưu” (宿憂) : mối lo có từ trước. _ Đời trước, đã qua. Như: “túc-căn” (宿根) : cái gốc rễ có từ kiếp trước. “túc-nhân” (宿因) : nhân đã gây ra từ (đời) trước. “túc-duyên” (宿緣) : duyên tiền-kiếp. “túc-nghiệp” (宿業) : nghiệp từ kiếp trước. “túc-trái” (宿債) : nợ tiền-kiếp. “túc-thế” (宿世) : đời quá-khứ, kiếp trước. 	<p>sanh tâm vọng-chấp mê-hoặc, gian-trá phản-phúc, hủy-báng giới-luật, hành-động trái nghịch Chánh-Pháp Như-Lai, tạo-tác ác-nghiệp, kết-cuộc chiêu lấy ác-báo Vô-gián địa-ngục.</p> <p>Chiêu (招): gọi lại với mình, tự rước vào mình.</p> <p>_ Sau khi Ta nhập-diệt, vị Tỳ-khưu nào phát Bồ-ĐỀ-Tâm, chơn-thành tu pháp chánh-định thì có thể đối trước Phật-cốt hoặc Phật-tượng; đốt một lóng ngón tay, hoặc lửa chõ tôn-trọng ở thân-thể đặt một cây đèn đốt lên, hoặc đặt một hay ba viên hương đốt lên, để tiêu-biểu cung-dưỡng Phật, cầu đạo giải-thoát;</p> <p>- thì Như-Lai nói vị Tỳ-khưu ấy chắc chắn trong một đời, trả xong tất cả nợ trần-tục từ xưa đến nay, tiêu hết các nghiệp hữu-lậu, phiền-não, giải-thoát thế-gian sanh-tử khổ; tuy chưa phải là bậc Vô-Thượng Chánh-dǎng Chánh-giác nhưng tâm-địa thâm-nhập diệu-pháp Vô-Thượng Chánh-dǎng Chánh-giác.</p> <p>_ Nếu Tỳ-khưu không tạo được nhân xả-thân cung-dưỡng Phật, cầu đạo giải-thoát như vậy, thì dầu có tu-hành vô-vi cũng trở lại sanh làm người ở thế-gian để trả cho hết các nợ trần-tục đã tạo trong vô-lượng kiếp trước, cho tới khi hoàn-toàn trả xong nợ cũ mới chứng quả Vô-Sanh-Nhẫn, cũng như Ta trong một tiền-kiếp phải ăn cơm nấu bằng thứ gạo do lúa xấu cho ngựa ăn, ở tại chuồng ngựa của vua Tỳ-Lang suốt ba tháng để trả cho hết nợ túc-thế.</p> <p>Túc (夙):</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Cũ, xưa, từ xưa, từ lâu, vốn có, có từ lâu. Như: “túc-nguyện” (夙願) : nguyện-vọng ấp ú từ lâu. “túc-chí” (夙志) : chí-huống hằng deo đuổi. “túc-trái” (夙債) : món nợ từ kiếp trước.
---	--

<p>_ Nhữ giáo thê-nhân, tu Tam-ma-địa, hậu đoạn thâu đạo.</p> <p>_ Thị danh Như-Lai, Tiên Phật Thế-Tôn, đệ-tam quyết-định, thanh-tịnh minh-hối.</p>	<p>_ A-Nan! Như vậy từ nay về sau, ông cố gắng giáo-hóa chúng-sanh tu pháp chánh-định, phải đoạn tâm thâu-đạo.</p> <p>_ Đó là lời dạy minh-huấn thanh-tịnh chơn-thiệt về nghĩa quyết-định thứ ba của chư Phật ở quá-khứ và của Ta ở hiện-tại.</p>
<p>_ Thị cố, A-Nan! Nhược bất đoạn thâu, tu thiền-định giả, thí như hữu nhân, thủy quán lậu chi, dục cầu kỳ mẫn, túng kinh trần kiếp, chung vô bình phục.</p>	<p>_ A-Nan! Nếu tu pháp thiền-định để giải-thoát mà không dứt tuyệt thâu-đạo, ví như đổ nước vào chậu bể mà muốn cho đầy, dầu có trải bao nhiêu đời cũng không làm sao được.</p>
<p>_ Nhược chư Tỳ-khưu, y bát chi dư, phân thốn bất súc, khất thực dư phần, thí ngã chúng-sanh.</p> <p>_ Ủ đại tập hội, hiệp-chưởng lễ chúng, hữu nhân chúy mạ, đồng ư xưng-tán. (_ Nơi nhóm hội lớn, chắp tay vái chào đại-chúng, có người đánh mắng cũng đồng như khen ngợi.)</p> <p>_ Tất sử thân-tâm, nhị cu quyên xả, thân nhục cốt huyết, dữ chúng-sanh cộng. (_ Quyết-định rời bỏ cả thân và tâm, thân thịt xương máu thành sở-hữu chung của chúng-sanh.)</p> <p>_ Bất tương Như-Lai, bất liễu nghĩa thuyết, hồi vi kỷ giải, dĩ ngộ sơ học; Phật ấn thị nhân, đắc chơn tam-muội. (_ Không đem những lời dạy bất-liễu-nghĩa của Như-Lai, làm chỗ hiểu của mình, khiến cho kẻ sơ học phải lầm lạc; thì Phật ấn-chứng người ấy, thật được tam-muội.)</p> <p>Bất liễu-nghĩa (不了義): nghĩa-lý chẳng đầy đủ.</p>	<p>_ Nếu vị Tỳ-khưu nào chơn-thành tu hành giải-thoát, ngoài y-bát, không bao giờ cất giấu chất chứa chi cả, phần khất-thực có dư thì bố-thí cho chúng-sanh đói khát;</p> <p>- khi ở giữa Đại-chúng nhóm họp, giữ oai-nghi lễ-phép đối với các chúng, không phân-biệt thân sơ, dầu có kẻ chê bai cũng như với người khen ngợi;</p> <p>- xả hết các sự ái-ố, chế-ngự thân-tâm rỗng không thông suốt, nhục-thân cốt-huyết (xương máu) đồng với chúng-sanh;</p> <p>- chẳng bao giờ đem thuyết bất liễu-nghĩa của Phật, trở lại thành chỗ kiến-giải riêng của cá-nhân làm cho hạng sơ-cơ hiểu lầm; tu-hành được như vậy thì Như-Lai ấn-chứng cho thành bậc chánh-định chơn-thiệt.</p> <p>Kiến-giải (見解): hiểu biết. Sự hiểu biết.</p> <p>Hạng sơ-cơ/ sơ-tâm: hạng mới phát tâm Bồ-Đề, đang tu học giải-thoát.</p>
<p>_ Như ngã sở thuyết, danh vi Phật thuyết.</p> <p>_ Bất như thử thuyết, tức Ba-Tuần thuyết.</p>	<p>_ Sau khi Ta nhập-diệt, ai thuyết pháp giống như Ta đã thuyết, đó là chơn-thiệt-ngữ từ-bi của Như-Lai.</p> <p>_ Nếu lời nói trái nghịch với chơn-thiệt- ngữ từ-bi của Như-Lai tức là giả-thuyết tà-giáo mê-hoặc của loại ma Ba-Tuần.</p>

	<p>_ Phàm làm đệ-tử của Phật, tu-hành giải-thoát, có bốn-phận phải biết phân-biệt sáng suốt thế nào là Phật, thế nào là ma.</p>
--	---

21.	21. PHẬT DẠY ĐOẠN TÂM ĐẠI VỌNG-NGŨ ĐỂ GIẢI-THOÁT.
-----	--

阿難如是世界六道眾生。雖則身心無殺盜婬。三行已圓若大妄語。即三摩提不得清淨。成愛見魔失如來種。

所謂未得謂得未證言證。或求世間尊勝第一。謂前人言。我今已得須陀洹果。斯陀含果阿那含果。阿羅漢道辟支佛乘。十地地前諸位菩薩。求彼禮懺貪其供養。是一顛迦銷滅佛種。如人以刀斷多羅木。佛記是人永殞善根無復知見。沈三苦海不成三昧。

我滅度後勅諸菩薩及阿羅漢。應身生彼末法之中。作種種形度諸輪轉。或作沙門白衣居士。人王宰官童男童女。如是乃至婬女寡婦姦偷屠販。與其同事稱歎佛乘。令其身心入三摩地。終不自言我真菩薩真阿羅漢。泄佛密因輕言未學。唯除命終陰有遺付。云何是人惑亂眾生成大妄語。汝教世人修三摩地。後復斷除諸大妄語。是名如來先佛世尊。第四決定清淨明誨。

是故阿難若不斷其大妄語者。如刻人糞為栴檀形。欲求香氣無有是處。我教比丘直心道場。於四威儀一切行中尚無虛假。云何自稱得上人法。譬如窮人妄號帝王自取誅滅。況復法王如何妄竊。因地不直果招紓曲。求佛菩提如噬臍人。欲誰成就。若諸比丘心如直絃。一切真實入三摩提永無魔事。我印是人成就菩薩無上知覺。如我是說名為佛說不如此說即波旬說。

<p>_ A-Nan! Như-thị thế-giới, lục-đạo chúng-sanh, tuy tặc thân-tâm vô sát đao-dâm, tam hành dĩ vien, nhược đại-vọng-ngũ, tức Tam-ma-địa, bất đắc thanh-tịnh, thành ái-kiến ma, thất Như-Lai chủng. (... thì Tam-ma-địa không được thanh-tịnh...)</p>	<p>Đức Phật dạy: _ A-Nan! Nếu chúng-sanh trong sáu cõi phàm-phu biết giữ thân-tâm không đâm-dục, không sát-sanh, không thâu-đạo, vuông tròn ba hạnh ấy, nhưng còn phạm đại-vọng-ngũ, thì chẳng những không bao giờ được chánh-dịnh thanh-tịnh, lại còn thành ma ái-kiến, mất giống Như-Lai.</p>
--	---

	Thế nào là đại-vọng-ngũ ?
--	---------------------------

<p>_ Sở vị vị đắc vị đắc, vị chứng ngôn chứng, hoặc cầu thế-gian, tôn thăng đệ-nhứt, vị tiền nhân ngôn.</p>	<p>_ Như chưa đắc mà nói đắc, chưa chứng mà nói chứng, ưa thích làm Tôn-thắng đệ-nhứt ở thế-gian, đối trước mặt người mà cống cao ngã-mạn tự xưng:</p>
---	--

<p>_ Ngã kim dĩ đắc, Tu-Đà-Hoàn quả, Tu-Đà-Hàm quả, A-Na-Hàm quả, A-La-Hán đao, Bích-Chi Phật thừa.</p> <p>_ Thập-địa địa tiên, chư vị Bồ-Tát, cầu bỉ lê sám, tham kỵ cung-duõng.</p> <p>(_ Hay các quả-vị Bồ-Tát trong thập-địa hay trước thập-địa, trông mong người kia lê sám, tham sự cung-duõng.)</p> <p>_ Thị nhứt-điên-ca, tiêu-diệt Phật-chủng, như nhân dĩ đao đoạn Đa-la mộc; Phật ký thị nhân, vĩnh vân thiện-căn, vô phục tri-kiến, trầm tam khổ-hải, bất thành tam-muội.</p>	<p>_ Nay Ta đã đắc quả Tu-Đà-Hoàn, quả Tư-Đà-Hàm, quả A-Na-Hàm, quả A-La-Hán, hoặc quả-vị Bích-Chi Phật,</p> <p>- hay là các quả-vị của chư Bồ-Tát Thập-Địa, Địa-Tiền, nhằm mục-dích dối gạt và lạm-dụng thập phương đàn-việt.</p> <p>_ Nhũng người phạm tội đại-vọng-ngữ như vậy gọi là hạng nhứt-điên-ca, tự mình tiêu-diệt giống Phật, chẳng khác chi người lấy búa đốn gốc cây Đa-la; Ta cho người ấy mất hết căn lành, không còn thấy biết chi cả, tự-nhiên người ấy phải bị trầm-luân mãi ở biển khổ, không bao giờ thành-tựu chánh-định được.</p>
<p>_ Ngã diệt độ hậu, sắc chư Bồ-Tát cập A-La-Hán, ứng thân sanh bỉ mạt-pháp chi trung, tác chủng chủng hình, độ chư luân-chuyển.</p> <p>(_ A-Nan! Ta có phó-chúc cho nhiều vị Bồ-Tát và A-La-Hán, sau khi Như-Lai nhập-diệt, hiện ra ứng-thân, sanh trong đời mạt-pháp kia, hiện ra nhiều hình-tướng khác nhau, để độ những người còn trong vòng luân-hồi.)</p> <p>_ Hoặc tác Sa-môn, Bạch-y cư-sĩ, nhân-nương, Tể-quan, Đồng-nam, Đồng-nữ, như-thị nãi chí, nữ-nhân quả-phụ, sĩ-nông công thương.</p> <p>Nguyên-bản: (bản gốc/ bản chánh) ..như-thị nãi chí, dâm-nữ quả-phụ, gian thâu đồ phiến. (_ Như thế cho đến dâm-nữ, quả-phụ, người gian dối (gian), trộm cắp (thâu), người hàng thịt (đồ), buôn bán (phiến),</p> <p>_ Dữ kỳ đồng-sự, xưng tán Phật thừa, linh kỳ thân-tâm, nhập Tam-ma-địa.</p> <p>- để khen ngợi Phật-thừa với những người đồng sự, khiến cho thân-tâm của họ vào được Tam-ma-địa.)</p>	<p>_ A-Nan! Ta có phó-chúc cho nhiều vị Bồ-Tát và A-La-Hán, sau khi Như-Lai nhập-diệt, nên vì đại-nguyễn độ-sanh ở thế-gian khổ, thị-hiện hóa-thân ra đời trong thời-kỳ mạt-pháp, lấy hạnh đồng-sự nghiệp, hằng thuận chúng-sanh;</p> <p>- thị-hiện hoặc Sa-Môn, cư-sĩ, hoặc đế-nương, tể-quan, hoặc đồng-nam, đồng-nữ, hoặc nữ-thân góá-phụ, thị-hiện đủ các hạng sĩ nông công thương;</p> <p>- không ngại giàu nghèo, thanh-trược, hòa mình với người thế-gian để tuyên-dương Chánh-Pháp Như-Lai.</p>
	<p>_ Các vị Bồ-Tát và A-La-Hán hóa-thân ấy sẵn sàng tâm đại-tử đại-bi vị-tha cứu-thế, với ba yếu-tố chơn thiện mĩ,</p> <p>- tùy cơ-duyên và căn-tánh của mỗi</p>

	<p>Cải ác vi thiện: <i>Cải ác</i> (改惡): sửa đổi điều xấu xa. <i>Vi thiện</i> (為善): làm điều thiện.</p> <p>hạng người mà giảng dạy cho chúng-sanh biết rõ mê ngộ, ác thiện, khổ vui, - để chúng-sanh chuyển-mê khai-ngộ, cải-ác vi-thiện, thoát khổ được vui, tu-hành tuần-tự nhi-tiến vào cảnh-trí chánh-định, - đó là hướng-dẫn chúng-sanh trở về nguồn gốc Chơn-Như viên-giác diệu-minh thường-trụ.</p>
<p>_ Chung bất tự ngôn, ngã chân Bồ-Tát, chơn A-La-Hán, tiết Phật mật nhân, khinh ngôn vị học, duy trù mệnh chung, âm hữu di phụ (/phó).</p> <p>(_ Nhưng rốt ráo không tự bảo rằng tôi thật là Bồ-Tát, thật là A-la-Hán, khinh-suất nói với những người chưa học, làm tiết-lâu mật-nhân của Phật, chỉ trừ đến lúc lâm-chung, hoặc chăng, thầm có những lời di-chúc.)</p> <p>_ Vân hà thị nhân hoặc loạn chúng-sanh, thành đại-vọng-ngữ?</p> <p>(_ Làm sao, lại còn có lừa gạt chúng-sanh, thành tội đại-vọng-ngữ?)</p> <p>_ Nhữ giáo thế-nhân, tu Tam-ma-địa, hậu phục đoạn-trừ chư đại-vọng-ngữ.</p> <p>(... sau rốt phải đoạn-trừ các đại-vọng-ngữ.)</p> <p>_ Thị danh Như-Lai, Tiên Phật Thế-Tôn, đệ-tử quyết-định, thanh-tịnh minh-hối.</p>	<p>_ Các vị Bồ-Tát và A-La-Hán tu-hành công-đức vô-lâu cao cả như vậy, nhưng luôn luôn khiêm-tốn, không bao giờ cống cao ngã-mạn, tự tôn hay là tự xưng Ta thật là bậc Bồ-Tát, hoặc Ta thật là bậc A-La-Hán; cũng không bao giờ tiết-lâu huyền-cơ vi-mật của chư Phật, hoặc khinh thường ngôn-ngữ vị-học; ngoại-trừ di-chúc kín nhiệm trong thời mạng chung.</p> <p>_ Tại sao hạng người nhứt-điên-ca lại si mê cống cao ngã-mạn ám-muội chúng-sanh để phạm tội đại-vọng-ngữ? Thật là đáng thương hại!</p> <p>_ A-Nan! Như vậy từ nay về sau, ông cố gắng giáo-hóa chúng-sanh tu pháp chánh-định, phải đoạn dâm-dục, sát-sanh, thâu-đạo và phải đoạn đại-vọng-ngữ.</p> <p>_ Đó là lời dạy minh-huấn thanh-tịnh chơn-thiệt về nghĩa quyết-định thứ tư của chư Phật ở quá-khứ và của Ta ở hiện-tại.</p>
<p>_ Thị cố, A-Nan! Nhược bất đoạn kỳ đại-vọng-ngữ giả, như khắc nhân phẩn, vi chiên đàm hình, dục cầu hương khí, vô hữu thị xứ.</p> <p>(_ A-Nan! Nếu tu thiền-định để giải-thoát mà không dứt tuyệt đại-vọng-ngữ, ví như người lấy phân tô vào cây chiên-dàn, dĩ-nhiên có mùi thúi chớ muốn có mùi thơm thì hóa ra ngông cuồng và phi-lý.</p> <p>_ Ngã giáo Tỳ-khưu, trực-tâm Đạo-trường, ư tú uy-nghi, nhứt-thiết hạnh</p>	<p>_ A-Nan! Nếu tu thiền-định để giải-thoát mà không dứt tuyệt đại-vọng-ngữ, ví như người lấy phân tô vào cây chiên-dàn, dĩ-nhiên có mùi thúi chớ muốn có mùi thơm thì hóa ra ngông cuồng và phi-lý.</p> <p>_ Như-Lai dạy các Tỳ-khưu phải dùng trực-tâm lập đạo-tràng, ở trong tứ oai-</p>

<p>trung, thượng vô hư giả, vân hà tự xưng, đắc thượng nhân pháp?</p> <p>(_ Ta dạy hàng Tỳ-khưu, lấy trực-tâm đạo-tràng, trong hết thảy hành-dộng, nơi bốn oai-nghi, còn không có giả dối, làm sao lại có kẻ tự xưng đã được đạo-pháp thượng-nhân?)</p> <p>_ Thí như cùng nhân, vọng hiệu Đế-vương, tự thủ tru diệt, huống phục Pháp-vương, như hà vọng-thuyết?</p> <p>(_ Ví như dân cùng, xưng càn là đế-vương, để tự chuốc lấy sự tru-diệt, huống nữa, là vị Pháp-vương, làm sao lại dám xưng càn?)</p>	<p>nghi: hành trụ tọa ngựa và nhứt-thiết tế-hạnh, luôn luôn thanh-tịnh trang-nghiêm, chớ không bao giờ vọng dối, há lại tự giả xưng là đắc pháp Thượng-nhân hay sao?</p> <p>_ Nếu tự giả xưng là Thượng-nhân thì chẳng khác chi một kẻ cùng-định giả-mạo danh-hiệu Hoàng-đế để phải chịu tội tử-hình, huống chi giả-mạo đức-hiệu của Phật để phải phạm tội đại-vọng-ngữ cực-trong hay sao?</p>
<p>_ Nhân địa bất chơn, quả chiêu hu khúc, cầu Phật Bồ-Đề, như phê tê nhân, dục thùy thành-tựu.</p> <p>Phệ: cắn. Tê: rún. (_ Nhân đã không thật, quả ắt quanh co, như thế, mà cầu đạo Bồ-Đề của Phật, thì cũng như người muốn cắn rốn, làm sao mà thành-tựu được.)</p> <p>_ Nhược chư Tỳ-khưu, tâm như trực huyền, nhứt-thiết chơn-thiệt, nhập Tam-ma-địa, vĩnh vô ma sự; ngã ấn thị nhân, thành-tựu Bồ-Tát, Vô-Thượng Tri-Giác. (_ Nếu các hàng Tỳ-khưu, tâm như dây đàn thẳng, tất cả đều chơn-thật mà vào Tam-ma-địa, thì hẳn không có các ma-sự; Ta ấn-chứng người đó, thành-tựu được Vô-Thượng Tri-Giác của các hàng Bồ-Tát.)</p>	<p>_ Nếu chỗ tạo nhân giả dối, dĩ-nhiên phải thọ quả xấu xa, dầu muốn cầu Phật giác-ngộ, ví như người lấy miệng cắn rún, không bao giờ có hiệu-quả.</p> <p>_ Nếu trực-tâm của vị Tỳ-khưu nào như dây đàn thẳng, mặc-nhiên tất cả đạo-hạnh chơn-thiệt đều được chánh-định, không bao giờ bị ma-chướng ám-muội được; thì Như-Lai ấn-chứng cho vị Tỳ-khưu ấy thành bậc Bồ-Tát Vô-Thượng Tri-Giác.</p>
<p>_ Như ngã sở thuyết, danh vi Phật thuyết.</p> <p>_ Bất như thử thuyết, tức Ba-Tuần thuyết.</p>	<p>_ Sau khi Ta nhập-diệt, ai thuyết pháp giống như Ta đã thuyết, đó là chơn-thiệt-ngữ từ-bi của Như-Lai.</p> <p>_ Nếu lời nói trái nghịch với chơn-thiệt-ngữ từ-bi của Như-Lai tức là giả-thuyết tà-giáo mê-hoặc của loại ma Ba-Tuần.</p>
	<p>_ Phàm làm đệ-tử Phật, tu-hành giải-thoát, có bốn-phận phải biết phân-biệt sáng suốt thế nào là Phật, thế nào là ma.</p>
DỊCH ÂM ĐỆ LỤC QUYỂN CHUNG	DIỄN NGHĨA HẾT QUYỂN SÁU

CHÚ-THÍCH (2018)

ĐOẠN 3

_ **62 ức sông Hằng:** là nói đến 62 ức hằng-sa công-hạnh hay 62 kiến-chấp của ngã-kiến.

Nếu ta dùng bốn-tánh thanh-tịnh là trí-tuệ siêu-việt để soi chiếu một cách thông suốt thấy năm mòn ẩn-tàng trong ngũ-uẩn là không có tự-tánh, tức không chỗ trụ, thì các nạn khổ được tiêu trừ. Còn không làm như vậy thì kiến-chấp hoành-hành đảo-điên.

Lấy Sắc làm thí-dụ: Sắc có bốn chấp:

- Sắc là Ta.
- Lìa Sắc là Ta.
- Ta nhỏ Sắc lớn. Ta lớn Sắc nhỏ.
- Ta lớn Sắc lớn. Ta nhỏ Sắc nhỏ.

Thọ Tưởng Hành Thức, bốn thứ này cũng chấp y như Sắc.

Nên ngũ-uẩn có 20 kiến-chấp ($5 \times 4 = 20$).

Dùng cho ba thời (quá-khứ, hiện-tại, vị-lai) thì có 60 kiến-chấp ($20 \times 3 = 60$).

Cộng thêm một đoạn-kiến và một thường-kiến thành 62 kiến-chấp ($60 + 2 = 62$).

Nên ta quán xét để tiêu trừ 62 kiến-chấp thành 62 công-hạnh, còn nói nhiều thì nhân cho 100, 1000, 10000, v.v... thành 62 ức hạnh-đức.

Cho nên nói phước-đức thọ-trù danh-hiệu “Quán-Thế-Âm” và danh-hiệu chư vị Pháp-Vương-Tử nhiều như số cát 62 ức sông Hằng đều bằng nhau, nghĩa là ta chỉ trừ 62 kiến-chấp thành 62 công-hạnh của hàng Pháp-Vương-Tử.

Vì Quán-Thế-Âm là dụng của Diệu-Âm chiếu tỏa, là bốn-tánh Chơn-Như (Chơn-Tâm), nên ta trở về Bốn-Tâm thanh-tịnh thì các pháp-duyên không còn chỗ gá nương, tất cả đều được tiêu-trừ hết.

ĐOẠN 18

_ **Tam đồ (三塗):** 塗 cũng có nghĩa là 途. Ba đường đi, ba cõi Địa-ngục, Súc-sanh, Ngạ-quỷ hành phạt những kẻ gây ác-nghiệp. Ba đường còn là:

1. *Hỏa-đồ* (đường lửa) : Địa-ngục thú mãnh hỏa sở thiêu chi xứ = chỉ nẻo Địa-ngục là chỗ nổi lửa mạnh để thiêu đốt tội-nhân.
2. *Huyết-đồ* (đường máu) : Súc-sanh thú hổ tương thực chi xứ = chỉ nẻo Súc-sanh là chỗ ăn thịt lẫn nhau.
3. *Đạo-đồ* (đường dao) : Ngạ-quỷ thú dĩ dao kiếm trượng bức bách chi xứ = chỉ nẻo Ngạ-quỷ là chỗ bị gươm dao gậy gốc bức-bách.

Kinh Vô-Lượng-Thọ: “Những ai ở trong cảnh tam đồ cực-khổ mà thấy được ánh quang-minh của Đức Phật A-Di-Đà thì qua đời sẽ được giải-thoát khỏi tam đồ ấy”.

_ **Thú (趣):** cõi chúng-sanh đến ở thì gọi là Thú. *Luận Câu-Xá, quyển 8:* Thú là nơi đi đến.

CHIẾT TỰ chữ LỢI (利)

Chữ ‘Lợi’ (利) bao gồm chữ ‘Hòa’ (禾) nghĩa là cây lúa và bộ ‘Đao’ (刀) nghĩa là con dao, cây đao.

Cây lúa tượng-trưng cho của cải. Con dao là vũ-kí bảo-vệ của cải hoặc giành lấy của cải. Vì kèm bên của cải là con dao, nên nói đến của cải là nói đến sự-kiện có liên-hệ với sự chiếm đoạt, cạnh-tranh.

Dĩ-nhiên, nghĩ đến lợi là do lòng tham nỗi lên và tìm mưu meo sắc bén để chiếm-đoạt. Kẻ tiểu-nhân chỉ nghĩ đến lợi, tức là đáp ứng lòng tham của mình, cho nên đánh mất tình-nghĩa đối với tha-nhân.

Chữ ‘Lợi’ (利) có ba nghĩa là: của cải, sắc bén, tiền lời. Nghĩa của chữ ‘Lợi’ (利) là của cải (lợi lộc) được quen dùng nhất. Nhưng của cải lại là đầu mối cho những âm-mưu và những khí-cụ sắc bén (lợi-kí 利器) để tiêu-diệt lẫn nhau. Như thế, nghĩa thứ nhất (của cải) đã gắn liền với nghĩa thứ hai (sắc bén); còn nghĩa thứ ba (tiền lời) lại là đầu mối của sự tham-lạm. Ai đi buôn cũng mong kiếm được nhiều tiền lời (một vốn, bốn lời). Sự nguy-hại của ‘Lợi’ (利) đã lộ ra trong những nghĩa ấy.

Do đó, ‘Lợi’ (利) là đầu mối gây ra sự tranh-chấp, chiếm-đoạt, hận-thù, chém giết.

YẾU-GIẢI KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM QUYỀN SÁU

(1) **Thí vô-úy giả:**

- _ Thí : bối-thí.
 - _ Vô-úy: không sợ.
 - _ Giả : chỉ về người.
- Thí vô-úy giả là một nhà bối-thí những cái không sợ.

Bồ-Tát Quán-Thế-Âm có diệu-đức cứu-độ cấp-bách những chúng-sanh lâm nguy ra khỏi nạn sọ hãi.

(2) **Đoạn văn: Chơn-Như duy-nhứt, phuơng-tiện đa môn:**

Nguyên Bổn-Tánh Chơn-Như viên-giác, thanh-tịnh thường-trụ, mâu-nhiệm rộng lớn, châu-biến khắp pháp-giới, nhưng vì một niệm vô-minh trong lúc tối-sơ mà hóa ra có mê-vọng. Vì mê-vọng che tối Chơn-Như, lập ra xứ-sở, khiến diệu-dụng sáng tỏ không thật-hiện được dường như bị tiêu-vong.

– Mê-vọng che tối Chơn-Như ví như mây mù che tối mặt trăng, do đó mà có nghiệp-thức phát ra ngoan-không, lập thành thế-giới. Có thế-giới tất có chúng-sanh.

Phần nào có tánh hiểu biết gọi là hữu-tình. Phần nào không có tánh hiểu biết gọi là vô-tình.

– Mê-vọng lập ra thế-giới tuy lớn lao, nhưng đối với Chơn-Như bao-la vô-tận ví như bọt nước đối với biển cả. Chí như các thứ hữu-lậu chẳng khác chi bụi nhỏ nhen nương theo hư-không thì mỏng mảnh vô-cùng.

– Mê-vọng sanh-diệt vô-thường, tam giới: Dục-giới, Sắc-giới và Vô-sắc-giới không có chi tồn-tại. Một khi phát chơn trở về nguồn gốc thì thập phuơng thế-giới đều tiêu-lạc.

Bổn-Tánh Chơn-Như có một, chớ không phải hai. Chỉ vì nhân-quả của chúng-sanh không đồng, căn-cơ của chúng-sanh sai biệt, nên tuy Chơn-Như duy-nhứt, nhưng muôn độ chúng-sanh trở về Chơn-Như, cần có nhiều phuơng-tiện.

Chơn-Như hoàn-toàn thông suốt, tự-tại vô-ngại. Khi chúng-sanh phát tâm trở về Chơn-Như thì người thương-trí tu-hành khác với kẻ hạ-căn, nhưng đều phuơng-tiện bất-đồng, có mau có chậm khác nhau cũng đều hoàn-nguyên.

(3) **Đoạn văn số 9, số 10, số 11 và số 12.**

Bồ-Tát Văn-Thù không tuyển lục-trần, ngũ-căn (nhân ty thiệt thân ý), lục-thức và thất-đại làm chỗ viễn-thông cho hạng Hữu-học, sơ-phát-tâm. Nguyên cớ vì sao?

Nguyên ngài Uu-Ba-Ni-Sa-Đà lấy sắc-trần làm chỗ viễn-thông, ngài Kiều-Trần-Như lấy thinh-trần làm chỗ viễn-thông, ngài Hương-Nghiêm lấy hương-trần làm

chỗ viễn-thông, ngài Dược-Vương và ngài Dược-Thượng lấy vị-trần làm chỗ viễn-thông, ngài Bạt-Đà-Bà-La lấy xúc-trần làm chỗ viễn-thông, ngài Ma-Ha Ca-Diếp lấy pháp-trần làm chỗ viễn-thông. Các ngài ấy do **lục-trần** thành bậc Vô-Sanh-Nhẫn.

Các ngài A-Na-Luật-Đà, Châu-Ly Bàn-Đặc-Ca, Kiều-Phạm-Ba-Đề, Tất-Lăng-Già-Bà-Ta và Tu-Bồ-Đề, mỗi ngài tuyển một trong số **ngũ-căn** (nhãnh ty thiêt thân ý) làm chỗ viễn-thông, tu-chứng Vô-Sanh-Nhẫn.

Các ngài Xá-Lợi-Phất, Phổ-Hiền, Tôn-Đà-La Nan-Đà, Phú-Lâu-Na, Ưu-Bà-Ly, Đại Mục-Kiền-Liên, mỗi ngài chọn một trong số **lục-thức** (nhãnh-thức, nhĩ-thức, ty-thức, thiêt-thức, thân-thức, ý-thức) làm chỗ viễn-thông tu-chứng Vô-Sanh-Nhẫn.

Các ngài Ô-Sô-Sắt-Ma, Trì-Địa, Nguyệt-Quang, Lưu-Ly-Quang, Hư-Không-Tạng, Di-Lặc, Đại-Thế-Chí, mỗi ngài lựa một trong số **thất-dại** (hỏa, địa, thủy, phong, không, thức, kiến) làm chỗ viễn-thông tu-chứng Vô-Sanh-Nhẫn.

Các vị kể trên đều là bậc Vô-Học A-La-Hán nhẫn lên Bồ-Tát nên dùng lục-trần, ngũ-căn, lục-thức, thất-dại mà tu-chứng như vậy được.

Bồ-Tát Văn-Thù nhận thấy các pháp tu-chứng ấy rất khó thành-tựu nên không khế-hiệp với ngài A-Nan và hạng Hữu-học, sơ-phát-tâm ở cõi Ta-bà.

Thế nên khi Đức Thích-Ca bảo Bồ-Tát Văn-Thù tuyển chỗ viễn-thông cho ngài A-Nan và hạng Hữu-học, sơ-phát-tâm thì Bồ-Tát Văn-Thù không chọn lựa lục-trần, ngũ-căn, lục-thức và thất-dại ấy.

(4) Đoạn văn: **Bồ-Tát Văn-Thù tuyển nhĩ-căn viễn-thông.**

Nguyên hiểu thấu căn-cơ của ngài A-Nan là bậc Hữu-học, cần một pháp-môn để thành-tựu, nên Đức Phật Thích-Ca bảo Bồ-Tát Văn-Thù chọn một pháp nào dẽ thành-tựu trong 25 pháp tu-chứng của 25 vị Thánh Vô-học, cho ngài A-Nan và hạng Hữu-học sơ-phát-tâm trong cõi Ta-bà.

Bồ-Tát Văn-Thù chỉ tuyển-trạch pháp-môn lấy nhĩ-căn làm chỗ viễn-thông để tu-chứng Vô-Sanh-Nhẫn, vì Bồ-Tát Văn-Thù nhận-định pháp-môn ấy dẽ thành-tựu. Chẳng phải riêng Bồ-Tát Quán-Thế-Âm mà ai ai cũng nên tu-chứng pháp-môn ấy. Sở-dĩ nhĩ-căn huyền-diệu hơn năm căn khác là nhờ có hai diệu-dụng:

a) Nhĩ-căn nghe được tiếng ở khắp nơi, không phân-biệt chỗ nào, và không sợ ngăn ngại, ví như cách vách cũng nghe tiếng động được, không phải như các căn khác nếu có chút gì cản trở hoặc xa một khoảng không-gian, thì mắt không thấy, mũi không ngửi, lưỡi không nếm, thân không xúc, ý không tưởng đến mục-tiêu.

b) Nhĩ-căn có tánh nghe chơn-thiệt thường-trụ, chẳng phải khi có tiếng động mà sanh, cũng chẳng phải khi im lặng mà diệt, tức là tánh nghe của nhĩ-căn không sanh-diệt, không bị ý-căn chi-phối, ví như trong giấc mộng, tánh nghe của nhĩ-căn vẫn có.

Nhĩ-căn có hai diệu-dụng thắng-lợi như vậy nên dẽ làm chỗ viễn-thông tu-chứng.

Chúng-sanh vì quên mất tánh nghe chơn-thiệt thường-trụ mà mê-chấp theo thịnh-trần nên bị chìm đắm mãi ở biển khổ luân-hồi sanh-tử.

Cho tới ngài A-Nan là vị Hữu-học có tài nghe nhiều nhớ giỏi, nhưng chưa thoát nạn lầm lạc nghi-chấp.

Nếu biết xoay trở lại bên trong để nghe Tự-Tâm Chơn-Như Viên-Giác, thanh-tịnh trang-nghiêm thì vô-minh và các trần-cấu đều phải tiêu tan.

Khi căn chưa giải-trừ ví như mắt bệnh thấy có hoa đốm ở hư-không.

Khi căn giải-trừ xong thì mắt hết bệnh, còn chi là hoa đốm.

Nếu vô-minh và các trần-cấu dứt sạch thì Bửu-giác viên-tịnh châu-biển, thành đạo Vô-Thượng Tri-Giác.

(5) Đoạn văn: Bồ-Tát Văn-Thù phổ-khuyến tu-chứng nhĩ-căn viên-thông.

Bồ-Tát Văn-Thù nhận-định chỗ nhĩ-căn viên-thông dễ tu dễ chứng. Trong tam thế quá-khứ, hiện-tại và vị-lai, bất-luận ai phát Bồ-Đề Tâm, tu-hành giải-thoát đều cần nương theo pháp-môn ấy.

Bồ-Tát Văn-Thù có nói chính xưa kia Bồ-Tát cũng từng (theo) pháp-môn ấy mà đắc Vô-Sanh-Nhẫn. Như vậy Bồ-Tát Văn-Thù lấy tâm chơn-thiệt mà chọn lựa cho ngài A-Nan và các vị Hữu-học, sơ-phát-tâm ở trong Giáo-Hội.

Bồ-Tát Văn-Thù lại còn đánh lẽ và cầu xin Đức Phật Thích-Ca gia-hộ cho tất cả chúng-sanh ở đời sau, khi phát tâm cầu đạo giải-thoát đều theo pháp-môn ấy mà dũng-mạnh tinh-tấn tu-hành, không nên nghi-chấp, vì pháp-môn ấy dễ thành-tựu viên-mãn và khế-hiệp với căn-cơ của chúng-sanh ở thế-giới Ta-bà.

(6) Ngũ tịnh-nhục: tức là năm thứ thịt kể dưới đây:

- a) *Tự-tử nhục* : thịt của thú-vật tự chết.
- b) *Điểu-tàn-nhục* : thịt của thú-vật chết và bị chim ăn còn dư.
- c) *Bất-kiến-sát nhục* : thịt của thú-vật mà không thấy ai giết.
- d) *Bất-văn-sát nhục* : thịt của thú-vật mà không nghe ai giết.
- e) *Bất-nghi-vị-kỷ-sát nhục* : thịt của thú-vật mà không nghi vì mình bị giết.

YẾU-GIẢI HẾT QUYỂN SÁU

CHÚ-THÍCH (2018)

DOẠN 1

Để hiểu rõ hơn **Pháp “Quán Nhĩ-Căn Viên-Thông”** của Bồ-Tát Quán-Thế-Âm, xin mời quý độc-giả tham-kảo thêm hai cách dịch khác được trích trong hai tác-phẩm của soạn-giả Trần Hữu Danh:

1. Như-Lai Thiền Thực-Hành, trang 30, 2016, và
2. Sự Tích Đức Phật Thích-Ca, trang 318, nxb Tổng Hợp, 2011.

Trân-trọng tri-ân soạn-giả Trần Hữu Danh.

Dịch Âm

- Sơ ư văn trung, nhập lưu vong sở.
- Sở nhập ký tịch, động tịnh nhị tướng, liễu nhiên bất sanh.
- Như-thị tiệm tăng, văn sở-văn tận, tận văn bất trụ, giác sở-giác không, không-giác cực viễn,
- Không sở-không diệt, sanh-diệt ký diệt, tịch-diệt hiện-tiền.

Dịch Nghĩa

Cách thứ nhất:

- Khi các tiếng động vừa vào lỗ tai, liền biết mình có tánh nghe mà không để ý đến tiếng.
- Khi tiếng đã lặng yên trong tâm, thì dĩ nhiên hai tướng động và tĩnh không còn nảy sanh trong tâm nữa.
- Cứ như thế tiến dần, thì cả nghe lẫn tiếng sẽ không còn (trong tâm), chỉ còn hoàn-toàn không nghe, đến chừng sự biết và cái được biết đều không, thì cái biết về không mới tròn đầy.
- Đến chừng cái biết không và cái không đều mất, thì sanh diệt không còn nữa, và Niết-Bàn vắng lặng liền hiện rõ.

Cách thứ hai:

- Lúc ban đầu, trong khi nghe liền biết mình có Tánh Giác, không để tâm chạy theo tiếng.
- Đến khi quen thì hai tướng động và tĩnh không còn ảnh-hưởng gì đến tâm mình nữa.
- Cứ thế tiến dần đến khi trong tâm không còn ý-thức về người nghe và tiếng bị nghe, thành ra tuy nghe mà như hoàn-toàn không nghe.
- Tiến lên một bậc nữa thì thấy chủ-thể và đối-tượng của Tánh Giác đều không, lúc bấy giờ cái biết về Chơn-Không mới tròn đầy.
- Cho đến khi cái biết không và cái không đều dứt sạch, thì cảnh sanh diệt không còn nữa, và chơn-cảnh Niết-Bàn thanh-tịnh an-lạc liền hiển-hiện.



367 – Thủ Lăng Nghiêm Kinh

HÒA-THƯỢNG THIỀN-SƯ
THÍCH TÙ-QUANG

**THỦ LĂNG NGHIÊM
KINH**
**DỊCH ÂM, DIỄN NGHĨA, YẾU GIẢI
QUYỀN BẢN**

**CHƠN-ĐỨC THIỀN-VIỆN
1948**

Dịch Âm THỦ-LĂNG-NGHIÊM KINH Đệ Thất Quyển	Diễn Nghĩa KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM Quyển Bảy
1.	1. PHẬT KHAI-THỊ DIỆU-PHÁP TU-CHỨNG CHÁNH-ĐỊNH.
<p>阿難汝問攝心。我今先說入三摩地。修學妙門求菩薩道。要先持此四種律儀。皎如冰霜。自不能生一切枝葉。心三口四生必無因。</p> <p>阿難如是四事若不失遺。心尚不緣色香味觸。一切魔事云何發生。若有宿習不能滅除。汝教是人一心誦我佛頂光明摩訶薩怛多般怛囉無上神呪。斯是如來無見頂相無為心佛從頂發輝坐寶蓮華所說心呪</p>	<p>Đức Như-Lai dạy: A-Nan! Để giải-đáp lời hỏi nghiệp-tâm của ông, nay Ta nói diệu-pháp tu-chứng chánh-định.</p> <p>Muốn cầu đạo Bồ-Tát thì trước nhất phải giữ bốn đại-giới: <i>Dâm Sát Đạo Vọng</i> cho trong sạch như sương giá ban mai.</p> <p>Tam nghiệp thân khẩu ý của chúng-sanh (1) gồm có mười tội, nếu trừ tuyệt bốn tội: <i>Dâm Sát Đạo Vọng</i> thì các tội khác không có chỗ sở-nhân để sanh ra, ví như gốc rễ đã đốn sạch thì các ngọn ngành phải héo tàn.</p>
<p>_ A-Nan! Nhữ vấn nghiệp tâm, ngã kim tuyên-thuyết, nhập Tam-ma-địa.</p> <p>_ Tu học diệu môn, cầu Bồ-Tát đạo, yếu tiên trì thủ, tứ chủng luật-nghi, hạo như băng sương.</p> <p>_ Tự bất năng sanh nhứt-thiết chi diệp, tâm tam khẩu tứ, sanh tất vô nhân.</p>	<p>_ Đức Như-Lai dạy: A-Nan! Để giải-đáp lời hỏi nghiệp-tâm của ông, nay Ta nói diệu-pháp tu-chứng chánh-định.</p> <p>Muốn cầu đạo Bồ-Tát thì trước nhất phải giữ bốn đại-giới: <i>Dâm Sát Đạo Vọng</i> cho trong sạch như sương giá ban mai.</p> <p>Tam nghiệp thân khẩu ý của chúng-sanh (1) gồm có mười tội, nếu trừ tuyệt bốn tội: <i>Dâm Sát Đạo Vọng</i> thì các tội khác không có chỗ sở-nhân để sanh ra, ví như gốc rễ đã đốn sạch thì các ngọn ngành phải héo tàn.</p>
<p>_ A-Nan! Như-thị tứ sự, nhược bất di thất, tâm thượng bất duyên, sắc hương vị xúc, nhứt-thiết ma-sư, vân hà phát-sanh?</p> <p>_ Nhược hữu túc tập, bất năng diệt trừ, nhữ giáo thị nhân, nhứt tâm tụng ngã, Phật-đánh quang-minh: “MA-HA TÁT-ĐÁT-ĐÀ BÁT-ĐÁT-RA”, Vô-Thượng thần-chú, tư thi Như-Lai, vô-kiến đánh-tướng, vô-vi Tâm-Phật, tùng đánh phát-huy, tọa Bảo-liên-hoa, sở-thuyết Tâm-chú.</p>	<p>_ A-Nan! Nếu giữ tròn bốn đại giới ấy, không bao giờ sơ-suất, thì tâm được tự-chủ, không sơ lục-trần sắc thinh hương vị xúc pháp quyến rũ, huống chi các ma chướng há dẽ nổi dậy gia-hại hay sao?</p> <p>_ Nếu chúng-sanh nào có túc-nghiệp sâu thẳm từ vô-lượng kiếp trước khó đoạn trừ, thì ông hãy dạy chúng-sanh ấy nhứt-tâm chí-thành thọ-trì Tâm-chú Vô-Thượng Phật-đánh quang-minh: MA-HA TÁT-ĐÁT-ĐÀ BÁT-ĐÁT-RA, vì Tâm-chú đó là đánh-tướng vô-kiến của Như-Lai, do Phật-Tâm vô-vi, từ Phật-đánh phát-huy, tọa Bảo-liên-hoa sở-thuyết.</p> <p>Túc-nghiệp (宿業): nghiệp từ kiếp trước.</p>

2.	2. TRỢ-LỰC THIÊNG LIÊNG CỦA PHẬT-ĐÁNH MẬT-CHÚ.
	<p>且汝宿世與摩登伽。歷劫因緣恩愛習氣。非是一生及與一劫。我一宣揚愛心永脫成阿羅漢。彼尚姪女無心修行。神力冥資速證無學。云何汝等在會聲聞。求最上乘決定成佛。譬如以塵揚于順風有何艱險。</p>
	<p>_ Thả nhữ túc thế, dữ Ma-Đăng-Già, lịch kiếp nhân-đuyên, ân-ái tập-khí, phi thị nhứt sanh, cập dữ nhứt kiếp. (_ Vả lại, ông cùng nàng Ma-Đăng-Già, do nhân-đuyên nhiều kiếp đời trước thành tập-khí ân-ái, không phải một đời hay là một kiếp.)</p> <p>_ Ngã nhứt tuyên-dương, ái-tâm vĩnh-thoát, thành A-Na-Hàm. (_ Song, một phen Ta tuyên-dương thần-chú, thì nàng Ma-Đăng-Già thoát hẳn khỏi lòng yêu, thành quả A-Na-Hàm.)</p> <p>_ Bỉ thương phụ-nữ (/dâm-nữ), vô tâm tu-hành, thần-lực minh tư, tốc chứng vô-học. (_ Nàng kia, còn là dâm-nữ, không có tâm tu-hành, do sức thần-chú giúp, cũng mau chứng quả Vô-học.)</p> <p>_ Vân hà nhữ đẳng tại hội Thinh-văn, cầu Tối-Thượng thừa, quyết-định thành Phật, thí như dĩ trần, dương vu thuận phong, hữu hà gian-hiểm. (_ Thế thì các ông, những hàng Thinh-văn trong hội này, cầu Tối-Thượng thừa, thí quyết-định sẽ thành Phật, cũng ví như bụi bay gặp gió thuận, có khó khăn gì?)</p>
3.	3. THÂN-TÂM TRONG SẠCH KIẾT-GIỚI.
	<p>若有末世欲坐道場。先持比丘清淨禁戒。要當選擇戒清淨者。第一沙門以為其師。若其不遇真清淨僧。汝戒律儀必不成就。戒成已後著新淨衣然香閑居。誦此心佛所說神呪一百八遍。然後結界。</p>

建立道場。求於十方現住國土無上如來。放大悲光來灌其頂。

<p>_ Nhược hữu mạt-thế dục tọa đạo-tràng, tiên trì Tỳ-khưu thanh-tịnh cấm giới, yếu đương thỉnh cầu (tuyễn trạch) giới thanh-tịnh giả, đệ-nhứt Sa-môn, dĩ vi kỵ sư.</p> <p>_ Nhược kỳ bất ngộ, chơn Thanh-Tịnh-Tăng, nhữ giới luật-nghi, tất bất thành-tựu.</p> <p>_ Giới thành dĩ hậu, trước tân tịnh y, nhiên hương nhàn cư, tụng thủ tâm Phật, sở thuyết thần-chú, nhứt bá bát biến. (_ Sau khi giới được thành-tựu rồi, người đó dấp y mới, sạch sẽ, đốt hương, ở riêng một mình, tụng thần-chú do tâm Phật nói, 108 biến.)</p> <p>_ Nhiên-hậu kết giới, kiến-lập đạo-tràng, cầu ư thập phƯong, hiện trụ Quốc-độ, Vô-Thượng Như-Lai, phóng đại-bi quang, lai quán kỵ đánh. (... Về sau, kết giới dựng lập đạo-tràng...)</p>	<p>Đức Như-Lai dạy:</p> <p>_ Nếu sau khi Ta nhập-diệt, trong thời-kỳ mạt-pháp có người nào muốn an tâm tịnh tu ở đạo-tràng trang-nghiêm, thì trước nhất phải thọ-trì giới Tỳ-khưu cho trong sạch và cần-yếu phải cung-thỉnh một Thầy Đệ-nhứt Sa-Môn có giới-đức thanh-tịnh làm Chứng-Minh Đạo-Sư chú-nguyên.</p> <p>_ Nếu vô phƯoc không cầu được bậc Chơn-Tăng thanh-tịnh, thì phần nghiệp-tâm tu giới của người ấy rất khó thành-tựu.</p> <p>_ Như người nào tự xét mình đã giữ tròn giới-đức Tỳ-khưu thì trần-thiết một nơi trang-nghiêm, mặc y thanh-tịnh, dâng tâm-hương lễ cúng Tam-Bảo, rồi chí-thành trì-tụng Tâm-chú Đại Phật-Đánh Thủ-Lăng-Nghiêm 108 lần.</p> <p>_ Trì-tụng Tâm-chú xong, hành lễ kiết-giới, an lập đạo-tràng, nhứt-tâm đánh lê và ngưỡng cầu Chư Phật Vô-Thượng ở khắp mươi phƯong quốc-độ đại-từ đại-bi phóng hào-quang vào đánh.</p>
---	--

4.	4. PHƯỚC-ĐỨC TỊNH-TU Ở ĐẠO-TRÀNG.
<p>阿難如是末世清淨比丘。若比丘尼白衣檀越。心滅貪婬持佛淨戒。於道場中發菩薩願。出入澡浴六時行道。如是不寐經三七日。我自現身至其人前。摩頂安慰令其開悟。</p>	
<p>_ A-Nan! Như-thị mạt-thế, thanh-tịnh Tỳ-khưu, nhược Tỳ-khưu-ni, bạch-y đàm-việt, tâm diệt tham-dâm, trì Phật tịnh-giới.</p> <p>_ Ủ đạo-tràng trung, phát Bồ-Tát nguyện, xuất nhập tháo dục, lục thời hành đạo.</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>_ A-Nan! Trong thời-kỳ mạt-pháp, vị Tỳ-khưu thanh-tịnh, hoặc vị Tỳ-khưu-ni, hoặc vị Uu-bà-tắc đàm-việt nào giữ tròn trai-tâm, đoạn-tuyệt dâm-tâm, thọ-trì tịnh-giới của Phật;</p> <p>- an-trụ tu-hành ở đạo-tràng, cần-cầu giải-thoát, phát đại-nguyện Bồ-Tát, ra vào trong sạch, nghỉ ngơi vừa đủ khỏe là thức dậy, nhứt-tâm hành đạo, sáu thời</p>

<p>(_ An-trụ tu-hành ở đạo-tràng, cần-cầu giải-thoát, phát đại-nguyễn Bồ-Tát, khi ra, khi vào, khi tắm, khi rửa, cả trong sáu thời đều hành đạo.)</p> <p>_ Như-thị bất my, kinh tam thất nhứt, ngã tự hiện thân, chí kỳ nhân tiền, ma đảnh an ủy, linh kỳ khai-ngộ.</p> <p>(_ Như vậy, không ngủ, đến ba lần bảy ngày, thì Ta tự hiện thân đến trước người ấy, xoa đảnh an ủi, khiến cho khai ngộ.)</p>	<p>công-phu tụng niệm;</p> <p>- không một mảy khuyết-diểm, như vậy trong tam thất, Ta thị-hiện Hóa-thân trước mặt người ấy, rờ đảnh, an ủi, thọ-ký cho Phật-Tâm được khai-ngộ. (2)</p>
---	--

5.	5. QUI-TẮC AN LẬP ĐẠO-TRÀNG.
	<p>阿難白佛言世尊。我蒙如來無上悲誨。心已開悟自知修證無學道成。末法修行建立道場云何結界。合佛世尊清淨軌則。</p> <p>佛告阿難若末世人願立道場。先取雪山大力白牛。食其山中肥膩香草。此牛唯飲雪山清水其糞微細。可取其糞和合栴檀以泥其地。若非雪山其牛臭穢不堪塗地。別於平原穿去地皮五尺已下。取其黃土。和上栴檀沈水蘇合。薰陸鬱金白膠青木。零陵甘松及雞舌香。以此十種細羅為粉。合土成泥以塗場地。方圓丈六為八角壇。壇心置一金銀銅木所造蓮華。華中安鉢。鉢中先盛八月露水。水中隨安所有華葉。取八圓鏡各安其方圍繞花鉢。鏡外建立十六蓮華。十六香鑪間花鋪設。莊嚴香鑪純燒沈水無令見火。</p>
<p>A-Nan bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Thế-Tôn! Ngã mong Như-Lai, Vô-Thượng bi hối, tâm dĩ khai-ngộ, tự tri tu-chứng, vô-học đạo thành.</p> <p>(... tâm dã khai-ngộ, tự biết con đường tu-chứng thành quả Vô-học.)</p> <p>_ Mật-pháp tu-hành, kiến-lập đạo-tràng, vân hà kết giới, hiệp Phật Thế-Tôn, thanh-tịnh quỹ-tắc.</p>	<p>Ngài A-Nan cung-kính bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Nhờ hồng-ân cao cả của Đức Thế-Tôn dạy dỗ, nay tôi được khai sáng, tự hiểu rõ bốn-phận phải tu-chứng quả-vị vô-học.</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Như các vị Phật-tử tu-hành giải-thoát, muốn an lập đạo-tràng thì phải làm thế nào kiết-giới cho đúng theo phép-tắc thanh-tịnh của Đức Thế-Tôn? Kính xin Đức Thế-Tôn từ-bi chỉ-giáo.</p>
<p>Phật cáo A-Nan:</p> <p>_ Nhược mạt-thế nhân, nguyện lập đạo-tràng, tiên thủ Tuyết-sơn, đại-lực bạch-nghêu, thực kỳ sơn trung, phì ni hương-thảo, thủ ngưu duy ẩm Tuyết-sơn thanh-thủy, kỳ phẩn vi tế.</p>	<p>Đức Như-Lai dạy:</p> <p>_ A-Nan! Trong thời-kỳ mạt-pháp, người nào muốn an lập đạo-tràng, nên tìm phân bò trắng ở Tuyết-Sơn, vì loài bò trắng này chỉ sống chết ở vùng núi ấy, ăn toàn hoa quả cỏ thơm (ăn chay) và uống nước suối trong trèo tại núi ấy,</p>

<p>(Đức Như-Lai dạy:</p> <p>_ A-Nan! Trong thời-kỳ mạt-pháp, người nào muốn an lập đạo-tràng, trước hết, phải lấy phân con đại-lực bạch-ngưu ở núi Tuyết-sơn, bạch-ngưu này ăn cỏ thơm ngon tốt trong núi, và chỉ uống nước trong trên núi Tuyết-sơn, nên cái phân mịn màng.)</p> <p>_ Khả thủ kỳ phẩn, hòa-hiệp chiên-dàn, dĩ nê kỳ địa.</p> <p>(_ Nên lấy cái phân nó, hòa-hợp với hương chiên-dàn để quét trên mặt đất.)</p> <p>_ Nhược phi Tuyết-sơn, kỳ ngưu xú uế, bất kham đồ địa.</p> <p>(_ Nếu không phải ở Tuyết-sơn, thì phân bạch-ngưu hôi nhối, không thể trát đất được.)</p> <p>_ Biệt ư bình-nghuyên, xuyên khử địa bì, ngũ xích dĩ hạ, thủ kỳ huỳnh-thổ.</p> <p>_ Hòa thượng chiên-dàn, trầm-thủy, tô-hiệp, huân-lục, uất-kim, bạch-giao, thanh-mộc, linh-lăng, cam-tùng, cập kê-thiệt-hương, dĩ thử thập chủng, tế la vi phấn, hiệp thổ thành nê, dĩ đồ tràng địa.</p> <p>_ Phương viên trượng lục, vi bát giác đàm.</p> <p>_ Đàm tâm trị nhứt kim ngân đồng mộc sở tạo liên-hoa, hoa trung an bát, bát trung tiên الثنhanh, bát nguyệt lộ thủy.</p> <p>_ Thủy trung tùy an, sở-hữu hoa quả.</p> <p>_ Thủ bát viên kính, các an kỳ phương, di nhiêu hoa bát.</p> <p>_ Kính ngoại kiến-lập, thập lục liên-hoa, thập lục hương lô, gián hoa phô thiết.</p> <p>_ Trang-nghiêm hương lô, thuần thiêu trầm-thủy, vô linh kiến hỏa.</p>	<p>nên hình vóc to lớn khỏe mạnh và phân niken có mùi thơm.</p> <p>_ Nếu được thứ phân ấy, đem trộn với bột cây chiên-dàn dùng làm nền đạo-tràng thì tốt lắm.</p> <p>_ Nếu không có phân bò trắng ở Tuyết-Sơn thì thôi, không được dùng phân thú nào khác.</p> <p>_ Để thay thế phân bò trắng ở Tuyết-Sơn, nên lựa một khoảnh đất bình-nghuyên sạch sẽ, đào sâu xuống năm mét cho tới lớp đất sét vàng để lấy thứ đất ấy.</p> <p>_ Nên tìm thêm mười thứ thảo-mộc như: chiên-dàn, trầm-thủy, tô-hợp, huân-lục, uất-kim, bạch-giao, thanh-mộc, linh-lăng, cam-tùng và kê-thiệt-hương, các món này phơi khô tán niken trộn với đất sét vàng làm nền và vách đạo-tràng.</p> <p>_ Châu-vi đạo-tràng độ một trượng sáu thước (3) làm hình bát-giác.</p> <p>_ Trung-tâm đạo-tràng, đặt một hoa sen bằng vàng, bạc, đồng hoặc cây, giữa hoa sen để một bát nước đựng sương tiết tháng tám.</p> <p>_ Trong nước sương ấy có để hoa quả.</p> <p>_ Đặt 8 tấm gương tròn sáng vào 8 góc chung quanh chén nước sương.</p> <p>_ Ngoài 8 tấm gương, để 16 lư hương và 16 hoa sen xen lẩn nhau, tất cả đều thanh-khiết trang-nghiêm.</p> <p>_ Đặt trầm-thủy trong 16 lư hương và xông trầm-thủy cho bốc hương lên, đừng để thấy lửa.</p>
--	---

6.	6. NGHI-LỄ CUNG-DƯỠNG Ở ĐẠO-TRÀNG.
	<p>取白牛乳置十六器。乳為煎餅并諸沙糖油餅乳糜。酥合蜜薑純酥純蜜。及諸菓子飲食葡萄石蜜種種上妙等食於蓮華外各各十六圍繞華外。以奉諸佛及大菩薩。每以食時。若在中夜取蜜半升用酥三合。壇前別安一小火鑪。以兜樓婆香煎取香水。沐浴其炭然令猛熾。投是酥蜜於炎爐內。燒令煙盡饗佛菩薩。</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Thủ bạch-ngưu nhũ, trí thập lục khí. _ Nhũ vi tiễn bỉnh, tinh chư sa đường, du-bỉnh nhũ mê, tô hiệp mật-cương, thuần-tô thuần-mật. _ Ư liên-hoa ngoại, các các thập lục, vi nhiễu hoa ngoại, dĩ phụng chư Phật, cập đại Bồ-Tát. _ Mỗi dĩ thực thời, nhược tại trung dạ, thủ mật bán thăng, thuần-tô tam lạng, đàm tiền biệt an, nhứt tiểu hỏa lư, dĩ trầm thủy-hương, tiễn thủ hương thủy, mộc dục kỳ thán, nhiên linh mãnh xí, đầu thị tô mật, ư viêm lô nội, thiêu linh yên tân, hướng Phật Bồ-Tát.
7.	<p>Nếu có sữa bò trắng ở Tuyết-Sơn thì nên đựng sữa ấy trong 16 cái bình tinh-khiết.</p> <p>Bánh ngọt và sa-đường du-bỉnh nhũ-mê hiệp với mật-cương, thuần-tô, thuần-mật để trên 16 cái dĩa tinh-khiết.</p> <p>Các thứ lễ-vật ấy đặt chung-quanh 16 hoa sen, thành-tâm dâng cúng thập phương tam thế chư Phật, Bồ-Tát và A-La-Hán.</p> <p>Trong thời Ngọ-trai hoặc giữa đêm dùng thuần-mật bán-thăng (4) và thuần-tô tam lạng (5), đặt một lò lửa nhỏ ở trước đạo-tràng, lấy nước trầm-thủy-hương rửa than cho tinh-khiết, để than vào lò đốt cho có lửa đỏ, rồi bỏ thuần-mật và thuần-tô vào lò xông hơi lên như trầm-hương cung-dưỡng chư Phật, Bồ-Tát và A-La-Hán.</p>

<p>Thích-Ca, Di-Lặc, A-Xúc-Bệ, A-Di-Đà, chư đại biến-hóa Quán-Âm hình tượng, kiêm Kim-Cang-Tạng, an kỳ tả hữu.</p> <p>_ Đế-thích Phạm-vương, Ô-Sô-Sắt-Ma, tinh Lam-Địa-Ca, chư Quân-Trà-Ly, dữ Tỳ-Cu-Đê, Tứ Thiên-Vương đẳng, Tần-Na-Dạ-Ca, trương ư môn tắc, tả hữu an trí.</p> <p>_ Hựu thủ bát kính, phúc huyền hư-không, dữ đàn tràng trung, sở an chi kính, phương diện tương-đối, sử kỳ hình-ảnh, trùng-trùng tương-thiệp.</p>	<p>núi Đức Lô-Xá-Na, Đức Thích-Ca, Đức Di-Lặc, Đức A-Xúc-Bệ, Đức A-Di-Đà và ở hai bên tả hữu, thiết hai tượng đại biến-hóa như Đức Quán-Thế-Âm và Đức Kim-Cang-Tạng Bồ-Tát.</p> <p>_ Ở hai bên cạnh cửa, thiết các tượng chư Tôn-Giả: ngài Đế-Thích, ngài Phạm-Vương, ngài Ô-Sô-Sắt-Ma, ngài Lam-Địa-Ca, ngài Quân-Trà-Ly, ngài Tỳ-Cu-Đê, bốn ngài Tứ-Thiên-Vương, ngài Tần-Na-Dạ-Ca.</p> <p>_ Dùng 8 tấm gương tròn sáng treo từ hư-không chiếu xuống, đối-đại với 8 tấm gương đã đặt chung quanh chén nước sương, để trong đạo-tràng hiện ra tượng ảnh trùng-trùng tương-hiệp.</p>
--	--

8.	8. CHƠN CÔNG-ĐỨC NHẬP ĐẠO-TRÀNG TRONG TAM THẤT.
<p>於初七日中。至誠頂禮十方如來。諸大菩薩及阿羅漢。恒於六時誦呪繞壇至心行道。一時常行一百八遍第二七中一向專心。發菩薩願心無間斷。我毘奈耶先有願教第三七中於十二時。一向持佛般怛羅呪至第四七日十方如來一時出現。鏡交光處承佛摩頂即於道場修三摩地。能令如是末世修學。身心明淨猶如瑠璃。</p>	<p>Đức Như-Lai dạy:</p> <p>_ Trong thất thứ nhất, hết lòng chí-thành đánh lẽ, thập phương Như-Lai, chư đại Bồ-Tát, cặp A-La-Hán, hằng ư lục thời, tụng chú vi đàn, chí tâm hành đạo, nhứt thời thường hành, nhứt bá bát biến.</p> <p>_ Đệ-nhi thất trung, nhứt hướng chuyên tâm, phát Bồ-Tát nguyện, tâm vô gián-đoạn, ngã Tỳ-nại-da, tiên hữu nguyện giáo.</p> <p>(_ Trong thất thứ hai, một mặt chuyên-tâm phát nguyện Bồ-Tát, tâm không gián-đoạn, trong luật-nghi đạo, Ta đã có chỉ dạy về nguyện.)</p> <p>_ Đệ-tam thất trung, ư thập nhị thời, nhứt hướng trì Phật BÁT-ĐÁT-RA chú;</p> <p>_ Trong thất thứ ba, mỗi ngày đêm giữ mười hai thời công-phu liên-tục, bất-</p>

chí đệ-thất nhứt, thập phương Như-Lai, nhứt-thời xuất-hiện, kính quang giao xứ, thừa Phật ma đảnh.

(_ Trong thất thứ ba, trong cả 12 thời, chuyên-tâm trì chú BÁT-ĐÁT-RA của Phật; đến ngày thứ bảy, thì thấy thập phương Như-Lai nhứt thời xuất-hiện, trong chõ ánh sáng các mặt gương giao xen và được Phật xoa đánh.)

_ Tức ư đạo-tràng, tu Tam-ma-địa, năng linh như-thị, mạt-thế tu học, thân-tâm minh-tịnh, do như Lưu-Ly.

(_ Rồi liền ở nơi đạo-tràng đó, tu pháp Tam-ma-địa, có thể khiến cho những người tu-học như vậy, trong đời mạt-pháp, thân-tâm được sáng suốt, trong sạch như ngọc Lưu-Ly.)

luận đi đứng ngồi nằm, giờ phút nào cũng đều chuyên-tâm niêm Phật-đánh mạt-chú MA-HA-TÁT ĐÁT-ĐÀ BÁT-ĐÁT-RA; mặc-nhiên đến ngày thứ bảy sau rốt, chẳng phải riêng Ta xuất-hiện thọ-ký, lại còn nhứt-thiết chư Phật ở khắp mười phương quốc-độ đại-từ đại-bi đồng-thời đại-hoan-hỉ phóng hào-quang đến đạo-tràng tu-chứng chánh-định, thị-hiện trong tia ánh sáng của các gương giao-hiệp;

- bảo-hộ những người chuyên tu giải-thoát ở đời mạt-pháp được thân-tâm thanh-tịnh, sáng suốt như ngọc Lưu-Ly, thành-tựu trí-tuệ siêu-phàm nhập-Thánh, cứu-cánh viên-mãn chơn-công-đức.

阿難若此比丘本受戒師。及同會中十比丘等。其中有一不清淨者。如是道場多不成就。從三七後端坐安居。經一百日有利根者。不起于座得須陀洹。縱其身心聖果未成。決定自知成佛不謬。汝問道場建立如是。

9. A-Nan! Nhược thử Tỳ-khưu, bốn tho giới sư, cặp đồng hội trung, thập Tỳ-khưu đẳng, kỳ trung hữu nhứt, bất thanh-tịnh giả, như-thị đạo-tràng, đa bất thành-tựu.

(_ A-Nan! Nếu trong các thầy truyền giới cho vị Tỳ-khưu ấy, hay trong 10 vị Tỳ-khưu đồng hội, có một người giới-hạnh không thanh-tịnh, thì những đạo-tràng như thế, phần nhiều là không thành-tựu.)

_ Tùng tam thất hậu, doan-tọa an-cư, kinh nhứt bá nhứt, hữu lợi căn giả, bất khởi ư tòa, đắc Tu-Đà-Hoàn, túng kỳ thân-tâm, Thánh-quả vị thành, quyết-định tự tri thành Phật bất mâu.

(... không rời khỏi chõ ngồi, đã được quả Tu-Đà-Hoàn...)

_ Nhữ vấn đạo-tràng, kiến-lập như-thị.

9. A-Nan! Nếu Thầy Tỳ-khưu là Truyền-giới-sư không phải là bậc Đệ-nhứt Sa-Môn có đức-độ giải-thoát và trong số thập-sư ở giới-dàn có một vị không thanh-tịnh thân-tâm thì hầu hết đạo-tràng khó thành-tựu.

_ Sau ba thất tịnh-tu, nếu người nào doan-tọa an-cư trong 100 ngày, y Phật-luật mà tinh-tấn tịnh-tu giải-thoát thì người ấy được đức-độ thắng-diệu, chưa rời khỏi tòa mà đắc quả Tu-Đà-Hoàn; dầu thân-tâm chưa chứng quả Phật cũng tự biết chắc chắn sẽ thành Phật.

_ A-Nan! Vì ông hỏi pháp an lập đạo-tràng nên Ta dạy như vậy.

10.	10. NHỨT-THIẾT ĐẠI-CHÚNG CẦU PHẬT THUYẾT MẬT-CHÚ THỦ-LĂNG-NGHIÊM.
<p>阿難頂禮佛足而白佛言。自我出家恃佛憍愛。求多聞故未證無為。遭彼梵天邪術所禁。心雖明了力不自由。賴遇文殊令我解脫。雖蒙如來佛頂神呪。冥獲其力尚未親聞。唯願大慈重為宣說。悲救此會諸修行輩。末及當來在輪迴者。承佛密音身意解脫。于時會中一切大眾普皆作禮。佇聞如來祕密章句。</p>	<p>A-Nan đánh lê Phật túc, nhi bạch Phật ngô:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Tự ngã xuất-gia, thị Phật kiêu ái, cầu đa-văn cố, vị chứng vô vi, tao bỉ Phạm-thiên, tà-thuật sở cấm. <p>(_ Từ khi xuất-gia, tôi ỷ-lại nỗi lòng yêu thương của Phật, vì cầu tuệ đa văn, chưa chứng quả vô-vi, nên bị tà-thuật Phạm-thiên kia bắt buộc.)</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Tâm tuy minh liễu, lực bất tự-do, lại ngộ Văn-Thù, linh ngã giải-thoát. <p>(_ Tâm tuy rõ ràng, nhưng sức không tự-do, nhờ gặp ngài Văn-Thù, khiến cho tôi được giải-thoát.)</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Tuy mông Như-Lai, Phật-đánh thần-chú, minh hoạch kỳ lực, thượng vị thân văn. <p>(_ Tuy tôi thầm nhờ sức của thần-chú Phật-đánh Như-Lai, nhưng chính mình còn chưa được nghe chú ấy.)</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Duy nguyễn đại-tử, trùng vi tuyênthuyết, bi cứu thủ hội, chư tu-hành bối, mật-cáp đương lai, tại luân-hồi giả, thừa Phật mật-chỉ, thân ý giải-thoát. <p>(..., được nhờ mật-âm của Phật, mà thân ý được giải-thoát.)</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Vu thời hội trung, nhứt-thiết đại-chúng, phổ giao tác lê, trữ văn Như-Lai, bí-mật chuong-cú. <p>(_ Lúc bấy giờ, tất cả đại-chúng trong hội thảy đều làm lê, chờ nghe những câu chú bí-mật của Như-Lai.)</p>
	<p>Ngài A-Nan cung-kính đánh lê và bạch Phật:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Bạch Đức Thế-Tôn! Từ ngày tôi xuất-gia, nhờ hồng-ân của Đức Thế-Tôn chiếu-cố dạy dỗ, tôi được đa-văn, nhưng chưa đắc quả-vị vô-lậu, nên bị nạn tà-thuật. <p>_ Đó là chứng tỏ tâm tôi quang-minh nhưng sức tôi còn khiếm-khuyết, được phước-duyên có Bồ-Tát Văn-Thù vâng Phật-chỉ cứu tôi.</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Bạch Đức Thế-Tôn! Tuy đã nhờ Phật-đánh mật-chú Thủ-Lăng-Nghiêm độ cho thoát nạn, nhưng tôi chưa nghe rõ được mật-chú ấy. <p>_ Ngưỡng cầu Đức Thế-Tôn dù lòng đại từ-bi thương xót, tuyênthuyết Phật-đánh mật-chú Thủ-Lăng-Nghiêm, để cứu-độ Đại-chúng trong Giáo-Hội này và chúng-sanh còn chịu luân-hồi sanh-tử đau khổ ở vị-lai, tất cả đều được gội nhuần oai-lực Phật-đánh mật-chú, thân-tâm an-lạc giải-thoát.</p> <p>_ Sau khi bạch Phật xong, ngài A-Nan và Đại-chúng đồng cung-kính đánh lê Đức Như-Lai và tịnh tâm yên lặng trong chờ Phật-đánh mật-chú Thủ-Lăng-Nghiêm.</p>

11.	11. PHẬT THUYẾT MẬT-CHÚ THỦ-LĂNG-NGHIÊM.
	<p>爾時世尊從肉髻中涌百寶光。光中涌出千葉寶蓮。有化如來坐寶華中。頂放十道百寶光明。一一光明皆遍示現十恒河沙金剛密跡。擎山持杵遍虛空界。大眾仰觀畏愛兼抱。求佛恃怙一心。聽佛無見頂相放光如來宣說神呪。</p>
<p>_ Nhĩ thời Thế-Tôn, tùng Nhục-kế trung, dōng bá bảo-quang, quang-trung dōng-xuất, thiên diệp bảo-liên, hữu hóa Như-Lai, tọa bảo-hoa trung, đảnh phóng thập đạo, bá bảo quang-minh.</p> <p>_ Nhứt nhứt quang-minh, giao biến thị-hiện, thập Hằng-hà-sa, Kim-Cang Mật-Tích, kình sơn trì xứ.</p> <p>_ Biến hư-không giới, đại-chúng ngưỡng quan, úy-ái kiêm bảo, cầu Phật ai hựu, nhứt tâm thính Phật, vô kiến đảnh-tướng, phóng quang Như-Lai, tuyên-thuyết thần-chú:</p>	<p>_ Thời bấy giờ, Đức Thích-Ca Mâu-Ni Thế-Tôn từ Nhục-kế phóng hào-quang bá-bảo, trong hào-quang hiện ra một hoa sen vĩ-đại có ngàn cánh quí báu, trên hoa sen ấy có một Đức Hóa-Phật doan-tọa trang-nghiêm, từ đảnh phát ra mười đạo ánh sáng bá-bảo;</p> <ul style="list-style-type: none"> - mỗi tia ánh sáng đều có Thiên-Thân Kim-Cang Mật-Tích thị-hiện, rất nhiều như số cát mười sông Hằng, vị nào cũng tay bưng núi, tay cầm chày; - lại có Đại-chúng ở khắp mươi phương hư-không quốc-độ đồng ngưỡng xem, vừa sợ vừa kính, ngưỡng cầu Đức Thế-Tôn thương xót, rồi nhứt-thiết đều im lặng, tịnh tâm nghe Đức Hóa-Phật phóng quang trên đảnh vô kiến, tuyên-thuyết mật-chú Thủ-Lăng-Nghiêm. (6)
	<p>CHÚ-THÍCH: (2018)</p> <p>DOẠN 1</p> <p>_ Đảnh-tướng (Sanskrit: Sahasrāra), gọi đủ là Vô-kiến đảnh-tướng (無見頂相), cũng gọi là tướng Nhục-kế, là tướng trên đỉnh đầu của các Đức Phật mà hết thấy chúng-sanh, kể cả hàng Bồ-Tát Thập-địa đều không thể nhìn thấy. Phật-Quang Đại Từ-Điển gọi tướng này là: <i>Đảnh tướng vô năng kiến giả</i> = 頂相無能見者 = Tướng đỉnh đầu không ai có thể thấy được. Đây là tướng phụ thứ 66 trong 80 tướng phụ của Đức Phật (<i>Bát thập chủng hảo</i> = 80 vẻ đẹp).</p> <p>(Vì không-tướng hay vô-tướng mới là thật-tướng, nên không thấy được (vô-kiến).</p> <p>DOẠN 5</p> <p>_ Tuyết-Sơn: tức là núi Hy-mã-lạp-sơn (Himalaya) ở phía bắc Ấn-Độ. Dịch nghĩa là Tuyết-Sơn. Gọi như vậy là vì trên đỉnh núi quanh năm bốn mùa đều có tuyết phủ.</p> <p>DOẠN 11</p> <p>_ Nhục-kế: <i>Nhục</i> là thịt, <i>Kế</i> là búi tóc. <i>Nhục-kế</i> có nghĩa đen là cái búi tóc (bằng) thịt, còn được gọi là Phật-dảnh (đỉnh đầu của Phật), Dảnh-kế (búi tóc trên đỉnh đầu). Đây là các từ Hán, dịch từ Uṣṇīṣa (Sanskrit và Pāli), dịch âm là Ô-sắt-nị-sa (烏瑟膩沙). Đây là tướng tốt thứ 32 trong 32 tướng tốt, là vẻ đẹp thứ 66 trong 80 vẻ đẹp của Đức Phật, biểu-hiện cho một vị Đại-nhân (Mahāpuruṣa), một vị vua vĩ-đại, một vị Phật tương-lai..., mà nhà hiền-triết A-Tư-Đà (Asita) đã kể ra khi được mời đến xem tướng cho Đức Phật lúc ngài mới sanh ra được ba ngày.</p>

CHÚ-THÍCH: (2018)

DOẠN 1

_ **Đảnh-tướng** (Sanskrit: Sahasrāra), gọi đủ là **Vô-kiến đảnh-tướng** (無見頂相), cũng gọi là tướng **Nhục-kế**, là tướng trên đỉnh đầu của các Đức Phật mà hết thấy chúng-sanh, kể cả hàng Bồ-Tát Thập-địa đều không thể nhìn thấy. Phật-Quang Đại Từ-Điển gọi tướng này là: *Đảnh tướng vô năng kiến giả* = 頂相無能見者 = Tướng đỉnh đầu không ai có thể thấy được. Đây là tướng phụ thứ 66 trong 80 tướng phụ của Đức Phật (*Bát thập chủng hảo* = 80 vẻ đẹp).

(Vì không-tướng hay vô-tướng mới là thật-tướng, nên không thấy được (vô-kiến).

DOẠN 5

_ **Tuyết-Sơn:** tức là núi Hy-mã-lạp-sơn (Himalaya) ở phía bắc Ấn-Độ. Dịch nghĩa là Tuyết-Sơn. Gọi như vậy là vì trên đỉnh núi quanh năm bốn mùa đều có tuyết phủ.

DOẠN 11

_ **Nhục-kế:** *Nhục* là thịt, *Kế* là búi tóc. *Nhục-kế* có nghĩa đen là cái búi tóc (bằng) thịt, còn được gọi là **Phật-dảnh** (đỉnh đầu của Phật), **Dảnh-kế** (búi tóc trên đỉnh đầu). Đây là các từ Hán, dịch từ Uṣṇīṣa (Sanskrit và Pāli), dịch âm là Ô-sắt-nị-sa (烏瑟膩沙). Đây là tướng tốt thứ 32 trong 32 tướng tốt, là vẻ đẹp thứ 66 trong 80 vẻ đẹp của Đức Phật, biểu-hiện cho một vị Đại-nhân (Mahāpuruṣa), một vị vua vĩ-đại, một vị Phật tương-lai..., mà nhà hiền-triết A-Tư-Đà (Asita) đã kể ra khi được mời đến xem tướng cho Đức Phật lúc ngài mới sanh ra được ba ngày.

PHẬT-ĐÁNH TÂM-CHÚ THỦ-LĂNG-NGHIÊM

ĐỆ NHỨT

1. Nam-mô tát đát tha tô già đa da a ra ha đế tam miệu tam bồ-đề tỏa.
2. Tát đát tha Phật đà câu tri sắc ni sam.
3. Nam-mô tát bà bột đà bột địa tát đa bệ tệ.
4. Nam-mô tát đa nãm tam miệu tam bồ-đề câu tri nãm.
5. Ta xá ra bà ca tăng già nãm.
6. Nam-mô lô kê a ra ha đa nãm.
7. Nam-mô tô lô đa ba na nãm.
8. Nam-mô ta yết rị đà già di nãm.
9. Nam-mô lô kê tam miệu già đa nãm.
10. Tam miệu già ba ra để ba đa na nãm.
11. Nam-mô đế bà ly sắt nỏa.
12. Nam-mô tất đà da tỳ địa da đà ra ly sắt nỏa.
13. Xá ba noa yết-ra-ha ta ha ta ra ma tha nãm.
14. Nam-mô bạt ra ha ma ni.
15. Nam-mô nhân đà ra da.
16. Nam-mô bà già bà đế.
17. Lô đà ra da.
18. Ô ma bát đế.
19. Ta hê dạ da.
20. Nam-mô bà già bà đế.
21. Na ra dã noa da.
22. Bàn giá ma-ha tam mộ đà ra.
23. Nam-mô tất yết rị đa da.
24. Nam-mô bà già bà đế.
25. Ma-ha ca ra da.
26. Địa rị bát lạt na già ra.
27. Tỳ đà ra ba noa ca ra da.

28. A địa mục đế.
29. Thi ma xá na nê bà tất nê.
30. Ma đát rị già noa.
31. Nam-mô tất yết rị đa da.
32. Nam-mô bà già bà đế.
33. Đa tha già đa câu ra da.
34. Nam-mô bát đầu ma câu ra da.
35. Nam-mô bạt xà ra câu ra da.
36. Nam-mô ma ni câu ra da.
37. Nam-mô già xà câu ra da.
38. Nam-mô bà già bà đế.
39. Đế rị trà du ra tây na.
40. Ba ra ha ra noa ra xà da.
41. Đa tha già đa da.
42. Nam-mô bà già bà đế.
43. Nam-mô a di đa bà da.
44. Đa tha già đa da.
45. A ra ha đế.
46. Tam miêu tam bồ-đề da.
47. Nam-mô bà già bà đế.
48. A sô bệ da.
49. Đa tha già đa da.
50. A ra ha đế.
51. Tam miêu tam bồ-đề da.
52. Nam-mô bà già bà đế.
53. Bệ sa xà da câu lô phê trụ rị da.
54. Bát ra bà ra xà da.
55. Đa tha già đa da.
56. Nam-mô bà già bà đế.
57. Tam bổ sư bí đa.
58. Tát lân nại ra lạt xà da.
59. Đa tha già đa da.
60. A ra ha đế.
61. Tam miêu tam bồ-đề da.

62. Nam-mô bà già bà đế.
63. Xá kê dã mẫu na duệ.
64. Đa tha già đa da.
65. A ra ha đế.
66. Tam miêu tam bồ-đề da.
67. Nam-mô bà già bà đế.
68. Lạt đát na kê đô ra xà da.
69. Đa tha già đa da.
70. A ra ha đế.
71. Tam miêu tam bồ-đề da.
72. Đế biều nam-mô tát yết rị đa.
73. Ě đàm bà già bà đa.
74. Tát đát tha già đô sắt ni sam.
75. Tát đát đa bát đát lam.
76. Nam-mô a bà ra thị đam.
77. Bát ra đế dương kỳ ra.
78. Tát ra bà bộ đa yết-ra-ha.
79. Ni yết-ra-ha yết ca ra ha ni.
80. Bật ra bí địa da sát đà nẽ.
81. A ca ra mật rị trụ.
82. Bát rị đát ra da nanh yết rị.
83. Tát ra bà bàn đà na mục xoa ni.
84. Tát ra bà đột sắt tra.
85. Đột tất pháp bát na nẽ phạt ra ni.
86. Giả đô ra thất đế nãm.
87. Yết-ra-ha ta ha tát ra nhã xà.
88. Tỳ đa băng ta na yết rị.
89. A sắt tra băng xá đế nãm.
90. Na xoa sát đát ra nhã xà.
91. Ba ra tát đà na yết rị.
92. A sắt tra nãm.
93. Ma-ha yết-ra-ha nhã xà.
94. Tỳ đa băng tát na yết rị.
95. Tát bà xá đô lô nẽ bà ra nhã xà.

96. Hô lam đột tất pháp nan giá na xá ni.
97. Bí sa xá tất đát ra.
98. A kiết ni ô đà ca ra nhã xà.
99. A bát ra thị đa câu ra.
100. Ma-ha bát ra chiến trì.
101. Ma-ha điệp đa.
102. Ma-ha đế xà.
103. Ma-ha thuế đa xà bà ra.
104. Ma-ha bạt ra bàn đà ra bà tất nẽ.
105. A rị da đa ra.
106. Tỳ rị câu tri.
107. Thệ bà tỳ xà da.
108. Bạt xà ra ma lẽ để.
109. Tỳ xá lô đa.
110. Bột đằng võng ca.
111. Bạt xà ra chế hát na a giá.
112. Ma ra chế bà bát ra chất đa.
113. Bạt xà ra thiện trì.
114. Tỳ xá ra giá.
115. Phiến đa xá bệ đề bà bổ thị đa.
116. Tô ma lô ba.
117. Ma-ha thuế đa.
118. A rị da đa ra.
119. Ma-ha bà ra a bát ra.
120. Bạt xà ra thương yết ra chế bà.
121. Bạt xà ra câu ma rị.
122. Câu lam đà rị.
123. Bạt xà ra hát tát đa giá.
124. Tỳ địa da kiền giá na ma rị ca.
125. Khuất tô mẫu bà yết ra đá na.
126. Bệ lô giá na câu rị da.
127. Dạ ra thố sắt ni sam.
128. Tỳ chiết lam bà ma ni giá.
129. Bạt xà ra ca na ca ba ra bà.

130. Lô xà na bạt xà ra đốn trỉ giá.
131. Thuế đa giá ca ma ra.
132. Sát xa thi ba ra bà.
133. Ě đế di đế.
134. Mẫu đà ra yết noa.
135. Ta bệ ra sám.
136. Quật phạm đô.
137. Ấn thố na mạ mạ tỏa.

ĐỆ NHỊ

138. Ô hồng.
139. Rị sắt yết noa.
140. Bát lặc xá tất đa.
141. Tát đát tha già đô sắt ni sam.
142. Hổ hồng.
143. Đô lô ung.
144. Chiêm bà na.
145. Hổ hồng.
146. Đô lô ung.
147. Tất đam bà na.
148. Hổ hồng.
149. Đô lô ung.
150. Ba ra sắt địa da tam bát xoa noa yết ra.
151. Hổ hồng.
152. Đô lô ung.
153. Tát bà dược xoa hát ra sát ta.
154. Yết-ra-ha nhã xà.
155. Tỳ đằng băng tát na yết ra.
156. Hổ hồng.
157. Đô lô ung.
158. Giả đô ra thi để nãm.
159. Yết-ra-ha ta ha tát ra nãm.
160. Tỳ đằng băng tát na ra.

161. Hổ hồng.
162. Đô lô ung.
163. Ra xoa.
164. Bà già phạm.
165. Tát đát tha già đô sắt ni sam.
166. Ba ra điểm xà kiết rị.
167. Ma-ha ta ha tát ra.
168. Bột thọ ta ha tát ra thất rị sa.
169. Câu tri ta ha tát nê đế lệ.
170. A tệ đề thị bà rị đa.
171. Tra tra anh ca.
172. Ma-ha bạt xà lô đà ra.
173. Đế rị bồ bà na.
174. Mạn trà la.
175. Ô hồng.
176. Ta tất đế bạc bà đô.
177. Mạ mạ.
178. Án thổ na mạ mạ tỏa.

ĐỆ TAM

179. Ra xà bà dạ.
180. Chủ ra bà dạ.
181. A kỳ ni bà dạ.
182. Ô đà ca bà dạ.
183. Tỳ sa bà dạ.
184. Xá tát đa ra bà dạ.
185. Bà ra chước yết ra bà dạ.
186. Đột sắc xoa bà dạ.
187. A xá nẽ bà dạ.
188. A ca ra mật rị trụ bà dạ.
189. Đà ra ni bộ di kiếm ba già ba đà bà dạ.
190. Ô ra ca bà đa bà dạ.
191. Lạt xà đàng trà bà dạ.

192. Na già bà dạ.
193. Tỳ điêu đát bà dạ.
194. Tô ba ra noa bà dạ.
195. Dược xoa yết-ra-ha.
196. Ra xoa tư yết-ra-ha.
197. Tất rị đa yết-ra-ha.
198. Tỳ xá giá yết-ra-ha.
199. Bộ đa yết-ra-ha.
200. Cưu bàn trà yết-ra-ha.
201. Bổ đơn na yết-ra-ha.
202. Ca tra bổ đơn na yết-ra-ha.
203. Tất kiền độ yết-ra-ha.
204. A bá tất ma ra yết-ra-ha.
205. Ô đàn ma đà yết-ra-ha.
206. Xa dạ yết-ra-ha.
207. Hê rị bà đế yết-ra-ha.
208. Xã đa ha rị nãm.
209. Yết bà ha rị nãm.
210. Lô địa ra ha rị nãm.
211. Mang ta ha rị nãm.
212. Mê đà ha rị nãm.
213. Ma xà ha rị nãm.
214. Xà đa ha rị nữ.
215. Thị tỳ đa ha rị nãm.
216. Tỳ đa ha rị nãm.
217. Bà đa ha rị nãm.
218. A du giá ha rị nữ.
219. Chất đa ha rị nữ.
220. Đế sam tát bệ sam.
221. Tát bà yết-ra-ha nãm.
222. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
223. Kê ra dạ di.
224. Ba rị bạt ra giả ca hất rị đởm.
225. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.

226. Kê ra dạ di.
227. Trà diễn ni hất rị đởm.
228. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
229. Kê ra dạ di.
230. Ma ha bát du bát đát dạ.
231. Lô đà ra hất rị đởm.
232. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
233. Kê ra dạ di.
234. Na ra dạ noa hất rị đởm.
235. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
236. Kê ra dạ di.
237. Đát đỏa già lô trà tây hất rị đởm.
238. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
239. Kê ra dạ di.
240. Ma ha ca ra ma đát rị già noa hất rị đởm.
241. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
242. Kê ra dạ di.
243. Ca ba rị ca hất rị đởm.
244. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
245. Kê ra dạ di.
246. Xà da yết ra ma độ yết ra.
247. Tát bà ra tha ta đạt na hất rị đởm.
248. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
249. Kê ra dạ di.
250. Giả đốt ra bà kỳ nẽ hất rị đởm.
251. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
252. Kê ra dạ di.
253. Tỳ rị dương hất rị tri.
254. Nan đà kê sa ra già noa bát đế.
255. Sách hê dạ hất rị đởm.
256. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
257. Kê ra dạ di.
258. Na yết na xá ra bà noa hất rị đởm.
259. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.

- 260. Kê ra dạ di.
- 261. A ra ha hất rị đởm.
 - Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
- 262. Kê ra dạ di.
- 263. Tỳ đà ra già hất rị đởm.
- 264. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
- 265. Kê ra dạ di.
 - Bạt xà ra ba nẽ.
- 266. Câu hê dạ câu hê dạ.
- 267. Ca địa bát đế hất rị đởm.
- 268. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
- 269. Kê ra dạ di.
- 270. Ra xoa võng.
- 271. Bà già phạm.
- 272. Ấn thố na mạ mạ tỏa.

ĐỆ TỨ

- 273. Bà già phạm.
- 274. Tát đát đa bát đát ra.
- 275. Nam-mô túy đô đế.
- 276. A tất đa na ra lạt ca.
- 277. Ba ra bà tất phổ tra.
- 278. Tỳ ca tát đát đa bát đế rị.
- 279. Thập Phật ra thập Phật ra.
- 280. Đà ra đà ra.
- 281. Tần đà ra tần đà ra sân đà sân đà.
- 282. Hổ hồng.
- 283. Hổ hồng.
- 284. Phấn tra phấn tra phấn tra phấn tra phấn tra.
- 285. Ta ha.
- 286. Hê hê phấn.
- 287. A mâu ca da phấn.
- 288. A ba ra đế ha đa phấn.

289. Bà ra ba ra đà phấn.
290. A tố ra tỳ đà ra ba ca phấn.
291. Tát bà đề bệ tệ phấn.
292. Tát bà na già tệ phấn.
293. Tát bà được xoa tệ phấn.
294. Tát bà kiền thát bà tệ phấn.
295. Tát bà bổ đơn na tệ phấn.
296. Ca tra bổ đơn na tệ phấn.
297. Tát bà đột lang chỉ đế tệ phấn.
298. Tát bà đột sáp tỷ lê hất sắt đế tệ phấn.
299. Tát bà thập bà lê tệ phấn.
300. Tát bà a bá tất ma lê tệ phấn.
301. Tát bà xá ra bà noa tệ phấn.
302. Tát bà địa đế kê tệ phấn.
303. Tát bà đát ma đà kế tệ phấn.
304. Tát bà tỳ đà da ra thệ giá lê tệ phấn.
305. Xà dạ yết ra ma độ yết ra.
306. Tát bà ra tha ta đà kê tệ phấn.
307. Tỳ địa dạ giá lê tệ phấn.
308. Giả đô ra phược kỳ nẽ tệ phấn.
309. Bạt xà ra câu ma rị.
310. Tỳ đà dạ ra thệ tệ phấn.
311. Ma-ha ba ra định dương xoa kỳ rị tệ phấn.
312. Bạt xà ra thương yết ra dạ.
313. Ba ra trượng kỳ ra xà da phấn.
314. Ma-ha ca ra dạ.
315. Ma-ha mạt đát rị ca noa.
316. Nam-mô ta yết rị đa dạ phấn.
317. Bí sắt noa tỳ duệ phấn.
318. Bột ra ha mâu ni duệ phấn.
319. A kỳ ni duệ phấn.
320. Ma-ha yết rị duệ phấn.
321. Yết ra đàn trì duệ phấn.
322. Miệt đát rị duệ phấn.

- 323. Lao đát rị duệ phấn.
- 324. Giá văn trà duệ phấn.
- 325. Yết la ra đát rị duệ phấn.
- 326. Ca bát rị duệ phấn.
- 327. A địa mục chất đa ca thi ma xá na.
- 328. Bà tư nẽ duệ phấn.
- 329. Diễn kiết chất.
- 330. Tát đóa bà tỏa.
- 331. Mạ mạ ấn thố na mạ mạ tỏa.

ĐỆ NGŨ

- 332. Đột sắt tra chất đa.
- 333. A mặt đát rị chất đa.
- 334. Ô xà ha ra.
- 335. Già bà ha ra.
- 336. Lô địa ra ha ra.
- 337. Bà ta ha ra.
- 338. Ma xà ha ra.
- 339. Xà đa ha ra.
- 340. Thị bí đa ha ra.
- 341. Bạt lược dạ ha ra.
- 342. Kiền đà ha ra.
- 343. Bổ sử ba ha ra.
- 344. Phả ra ha ra.
- 345. Bà tỏa ha ra.
- 346. Bát ba chất đa.
- 347. Đột sắt tra chất đa.
- 348. Lao đà ra chất đa.
- 349. Dược xoa yết-ra-ha.
- 350. Ra sát ta yết-ra-ha.
- 351. Bế lệ đa yết-ra-ha.
- 352. Tỳ xá giá yết-ra-ha.
- 353. Bộ đa yết-ra-ha.

354. Cưu bàn trà yết-ra-ha.
355. Tất kiền đà yết-ra-ha.
356. Ô đát ma đà yết-ra-ha.
357. Xa dạ yết-ra-ha.
358. A bá tát ma ra yết-ra-ha.
359. Trạch khê cách trà kỳ ni yết-ra-ha.
360. Rị Phật đế yết-ra-ha.
361. Xà di ca yết-ra-ha.
362. Xá câu ni yết-ra-ha.
363. Mõ đà ra nan địa ca yết-ra-ha.
364. A lam bà yết-ra-ha.
365. Kiền độ ba ni yết-ra-ha.
366. Thập phật ra yên ca hê ca.
367. Trụy đế dược ca.
368. Đát lệ đế dược ca.
369. Giả đột thác ca.
370. Ni đề thập phật ra bí sam ma thập phật ra.
371. Bạc để ca.
372. Tỷ để ca.
373. Thất lệ sắt mật ca.
374. Ta nẽ bát đế ca.
375. Tát bà thập phật ra.
376. Thất lô kiết đế.
377. Mạt đà bệ đạt lô chế kiểm.
378. A ý lô kiểm.
379. Mục khê lô kiểm.
380. Yết rị đột lô kiểm.
381. Yết-ra-ha yết lam.
382. Yết noa du lam.
383. Đạn đa du lam.
384. Hất rị dạ du lam.
385. Mạt mạ du lam.
386. Bạt rị thất bà du lam.
387. Tỷ lật sắt tra du lam.

388. Ô đà ra du lam.
389. Yết tri du lam.
390. Bạt tất đế du lam.
391. Ô lô du lam.
392. Thường già du lam.
393. Hát tất đa du lam.
394. Bạt đà du lam.
395. Ta phòng áng già bát ra trượng già du lam.
396. Bộ đa tỳ đa trà.
397. Tra kỳ ni thập bà ra.
398. Đà đột lô ca kiến đốt lô kiết tri bà lộ đà tỳ.
399. Tát bát lô ha lăng già.
400. Du sa đát ra ta na yết ra.
401. Tỳ sa dụ ca.
402. A kỳ ni ô đà ca.
403. Mạt ra bệ ra kiến đa ra.
404. A ca ra mạt rị đốt đát liễm bộ ca.
405. Địa lật lật tra.
406. Tỷ rị sắt chất ca.
407. Tát bà na câu ra.
408. Tú dẫn già tệ yết ra rị được xoa đát ra sô.
409. Mạt ra thị phệ đế sam ta bệ sam.
410. Tất đát đa bát đát ra.
411. Ma ha bạt xà lô sắt ni sam.
412. Ma ha bát lạt trượng kỳ lam.
413. Dạ ba đột đà xá dụ xà na.
414. Biện đát lệ noa.
415. Tỳ đà da bàn đàm ca lô di.
416. Đế thù bàn đàm ca lô di.
417. Bát ra tỳ đà bàn đàm ca lô di.
418. Đát điệt tha.
419. “Án.
420. A na lệ.
421. Tỳ xá đề.

422. Bệ ra bạt xà ra đà rị.
423. Bàn đà bàn đà nẽ.
424. Bạt xà ra báng ni phấn.
425. Hổ hồng.
426. Đô lô ung phấn.
427. Ta-bà-ha". O



CHÚ-THÍCH: (2018)
Câu thần-chú tổng-kết (419 – 427):

Âm Hán-Việt	Âm Phạn
1. ÁN	1. OM
2. A NA LỆ	2. ANALE
3. TỲ XÁ ĐỀ	3. VIŚADE
4. BỆ RA BẠT XÀ RA ĐÀ RỊ,	4. VĪRA VAJRA-DHARE,
5. BÀN ĐÀ BÀN ĐÀ NỄ,	5. BANDHA BANDHANI,
6. BẠT XÀ RA BÁNG NI PHẤN!	6. VAJRA-PĀṇI PHAT!
7. HỔ HỒNG	7. HŪM
8. ĐÔ LÔ UNG PHẤN!	8. BHRŪM PHAT!
9. TA BÀ HA.	9. SVĀHĀ.



12.	12. CHƯ PHẬT MẬT-TRÌ TÂM-CHÚ THỦ-LĂNG-NGHIÊM.
	<p>阿難是佛頂光聚悉怛多般怛羅祕密伽陀微妙章句。出生十方一切諸佛。</p> <p>十方如來因此呪心。得成無上正遍知覺。</p> <p>十方如來執此呪心。降伏諸魔制諸外道。</p> <p>十方如來乘此呪心。坐寶蓮華應微塵國。</p> <p>十方如來含此呪心。於微塵國轉大法輪。</p> <p>十方如來持此呪心。能於十方摩頂授記。自果未成亦於十方蒙佛授記。</p> <p>十方如來依此呪心。能於十方拔濟群苦。所謂地獄餓鬼畜生盲聾瘡瘻。怨憎會苦愛別離苦。求不得苦五陰熾盛。大小諸橫同時解脫。賊難兵難王難獄難。風水火難飢渴貧窮應念銷散。</p> <p>十方如來隨此呪心。能於十方事善知識。四威儀中供養如意。恒沙如來會中推為大法王子。</p> <p>十方如來行此呪心。能於十方攝受親因。令諸小乘聞祕密藏不生驚怖。</p> <p>十方如來誦此呪心。成無上覺坐菩提樹入大涅槃。</p> <p>十方如來傳此呪心。於滅度後付佛法事究竟住持。嚴淨戒律悉得清淨。</p> <p>若我說是佛頂光聚般怛羅呪。從旦至暮音聲相連。字句中間亦不重疊。經恒沙劫終不能盡。亦說此呪名如來頂。</p>
<p>_ A-Nan! Thị Phật-dǎnh quang-tụ, “TÁT-ĐÁT-ĐA BÁT-ĐÁT-RA”, bí-mật già-dà, vi-diệu chương-cú, xuất sanh thập phương, nhứt-thiết chư Phật.</p> <p>(_ A-Nan! Những câu nhiệm mầu, những kệ bí-mật “Tát-Đát-Đa Bát-Đát-Ra” của hóa-thân nơi hào-quang dǎnh Phật, sanh ra tất cả chư Phật thập phương.)</p>	<p>_ A-Nan! Chương-cú vi-mật thâm-diệu, chánh-định viên-minh Phật-dǎnh quang-tụ MA-HA TÁT-ĐÁT-ĐA BÁT-ĐÁT-RA là sở-do đắc quả-vị Vô-Dư Niết-Bàn của thập phương chư Phật.</p>
<p>_ Thập phương Như-Lai, nhân thủ chú-tâm, đắc thành Vô-Thượng Chánh-Biến Tri-Giác.</p>	<p>_ Thập phương chư Phật đều sử-dụng Phật-dǎnh Tâm-chú làm nhân, thành bậc Vô-Thượng Chánh-Biến Tri-Giác.</p>
<p>_ Thập phương Như-Lai trì thủ chú-tâm, hàng-phục chư ma, chế chư ngoại-đạo.</p>	<p>_ Thập phương chư Phật đều sử-dụng Phật-dǎnh Tâm-chú, để hàng-phục nhứt-thiết tinh-quái ma quỷ, chế-ngự tất cả tà-giáo ngoại-đạo.</p>
<p>_ Thập phương Như-Lai, thừa thủ chú-tâm, tọa bảo liên-hoa, ứng vi-trần quốc.</p>	<p>_ Thập phương chư Phật nhờ Phật-dǎnh Tâm-chú, ngồi hoa sen báu, ứng hiện</p>

	trong các cõi nước như số vi-trần.
<p>_ Thập phuơng Như-Lai, hàm thủ chū-tâm, ư vi-trần quốc, chuyển đại pháp-luân.</p>	<p>_ Thập phuơng chư Phật mật-trì Phật-đánh Tâm-chú, du-hành khắp vô-số vi-trần quốc-độ, chuyển bánh xe Pháp vĩ-dai vô-biên.</p>
<p>_ Thập phuơng Như-Lai, trì thủ chū-tâm, năng ư thập phuơng, ma đanh thọ ký, tự quả vị thành, diệc ư thập phuơng, mōng Phật thọ ký.</p>	<p>_ Thập phuơng chư Phật mật-trì Phật-đánh Tâm-chú, thị-hiện Hóa-Thân khắp tất cả quốc-độ để rờ đầu thọ-ký các vị chơn-thiệt tu-chứng Phật-quả, cho tới những người chơn-tu nào chưa có thể thành Phật, cũng được rờ đầu thọ-ký sẽ thành Phật.</p>
<p>_ Thập phuơng Như-Lai, y thủ chū-tâm, năng ư thập phuơng, bạt tể quần khổ; sở dì địa-ngục, ngạ-quỷ súc-sanh, manh-lung ấm-á, oán tăng hội khổ, ái biệt ly khổ, cầu bất đắc khổ, ngũ-ấm sít-thạnh, đại tiểu chư hoạnh, đồng-thời giải-thoát, tặc-nạn bệnh-nạn, vương-nạn ngục-nạn, phong thủy hỏa nạn, cơ-khát bần-cùng, ứng niệm tiêu-tán.</p>	<p>_ Thập phuơng chư Phật sử-dụng Phật-đánh Tâm-chú, cứu-độ chúng-sanh ở khắp mười phuơng thế-giới được khỏi các nạn khổ; như nạn địa-ngục, ngạ-quỷ, súc-sanh, nạn đui điếc câm ngọng, nạn ái biệt-ly, oán-tăng hội, cầu bất-đắc, ngũ-uẩn thạnh, nạn chiến-tranh, vương bá, lao lý, nạn bão, lụt, hỏa-hoạn, nạn tật-bệnh, đói rét, nghèo nàn, các tai-họa hoặc lớn hoặc nhỏ đều được tiêu-trừ.</p>
<p>_ Thập phuơng Như-Lai, tùy thủ chū-tâm, năng ư thập phuơng, sự Thiện-Tri-Thức, tứ uy-nghi trung, cung-dưỡng như ý, Hằng-sa Như-Lai, hội trung suy vi, Đại-Pháp-Vương-Tử.</p>	<p>_ Thập phuơng chư Phật sử-dụng Phật-đánh Tâm-chú, hộ-trì các vị Thiện-Tri-Thức ở khắp mười phuơng quốc-độ đều tu-hành giải-thoát sáng suốt, tứ oai-nghi trang-nghiêm, giới-đức thanh-tịnh, cung-dưỡng Tam-Bảo, tùy tâm mãn-nguyễn và được Hội-Thượng chư Phật ấn-chứng cho làm Đại-Pháp-Vương-Tử.</p>
<p>_ Thập phuơng Như-Lai, hành thủ chū-tâm, năng ư thập phuơng, nhiếp-thọ thân-nhân.</p> <p>_ Linh chư tiểu thừa, văn bí-mật tạng, bất-sanh kinh bối.</p>	<p>_ Thập phuơng chư Phật sử-dụng Phật-đánh Tâm-chú, nhiếp-thọ những người thân-cận đều tu-hành chánh-đại quang-minh, đức-độ cao-siêu giải-thoát.</p> <p>_ Thập phuơng chư Phật sử-dụng Phật-đánh Tâm-chú, hộ-trì các vị tu theo Tiểu-thừa, nghe hiểu được Mật-Tạng mà không nghi chấp lo sợ và tu-chứng chánh-định.</p>
<p>_ Thập phuơng Như-Lai, tụng thủ chū-tâm, thành Vô-Thượng-Giác, tọa Bồ-Đề-thụ, nhập đại Niết-Bàn.</p>	<p>_ Thập phuơng chư Phật, trước khi đắc quả Vô-Thượng Chánh-đẳng Chánh-giác đều mật-trì Phật-đánh Tâm-chú từ</p>

	lúc ban sơ cho tới khi tọa dưới cội Bồ-Đề nhập Niết-Bàn.
_ Thập phương Như-Lai, truyền thủ chung-tâm, ư diệt độ hậu, phú Phật-pháp sự, cứu-cánh trụ-trì, nghiêm-tịnh giới-luật, tất đắc thanh-tịnh.	_ Thập phương chư Phật chơn-truyền Phật-danh Tâm-chú và phú-chúc sau khi Phật diệt-độ, Phật-danh Tâm-chú thường-trụ, bao-toàn Phật-pháp, ủng-hộ chư Phật-tử trụ-trì, y Phật-luật hành đạo, nghiêm-tịnh giới-thể, từ đời này sang đời nọ, không bao giờ sai lạc.
_ Nhược ngã thuyết thị, Phật-danh quang-tụ, BÁT-ĐÁT-RA chú, tùng dán chí mõ, âm-thinh tương-liên, tự cú trung-gian, diệc bất trùng-diệp, kinh Hằng-sa kiếp, chung bất năng tận, diệc thuyết thủ chú, danh “Như-Lai Đảnh”.	_ A-Nan! Như-Lai tuyên-thuyết Phật-danh quang-tụ MA-HA TÁT-ĐÁT-ĐA BÁT-ĐÁT-RA, từ sáng đến tối, tiếng nói liên-tục, văn-cú có thứ-tự, trải qua Hằng-sa số kiếp cũng tròn đủ như vậy, không bao giờ hết, nên Tâm-chú đó có hiệu là “Như-Lai Đảnh”.

13.	13. DIỆU-DUNG LINH-CẨM CỦA PHẬT-ĐÁNH TÂM-CHÚ.
<p>汝等有學未盡輪迴。發心至誠趣向阿耨多羅三藐三菩提。不持此呪而坐道場。令其身心遠諸魔事無有是處。</p> <p>阿難若諸世界隨所國土。所有眾生隨國所生。樟皮貝葉紙素白疊。書寫此呪貯於香囊。是人心惛未能誦憶。或帶身上或書宅中。當知是人盡其生年。一切諸毒所不能害。</p> <p>阿難我今為汝更說此呪。救護世間得大無畏。成就眾生出世間智。若我滅後末世眾生。有能自誦若教他誦。當知如是誦持眾生。火不能燒水不能溺。大毒小毒所不能害。如是乃至龍天鬼神。精祇魔魅所有惡呪。皆不能著心得正受。一切呪咀魘蠱毒藥。金毒銀毒草木蟲蛇萬物毒氣。入此人口成甘露味。一切惡星并諸鬼神礮毒心人。於如是人不能起惡。毘那夜迦諸惡鬼王并其眷屬。皆領深恩常加守護。</p>	<p>13. DIỆU-DUNG LINH-CẨM CỦA PHẬT-ĐÁNH TÂM-CHÚ.</p>

<p>_ Nhữ đẳng Hữu-học, vị tận luân-hồi, phát tâm chí thành, thú A-La-Hán, bất trì thủ chú, nhi tọa đạo-tràng, linh kỳ thân-tâm, viễn chư ma sự, vô hữu thị xứ. (...thú hướng A-nâu-da-la tam-miệu tam-bồ-đề...)</p> <p>_ A-Nan! Nhược chư thế-giới, tùy sở quốc-độ, sở-hữu chúng-sanh, tùy quốc sở sanh, hoa bì bối diệp, chỉ tố bạch</p>	<p>_ Các ông ở địa-vị Hữu-học, chưa dứt nạn luân-hồi khổ, phát tâm chí-thành cầu quả-vị A-La-Hán, nhưng nếu không chịu thọ-trì Phật-danh Tâm-chú, cứ ngồi chắp tay ở đạo-tràng, mà muốn thân-tâm xa lìa ma chướng thì thật là phi-lý.</p> <p>_ A-Nan! Ở các quốc-độ, nếu có người nào chơn-thành tu-hành, tùy theo vật-dụng sở-hữu trong xứ, dùng vỏ bông, lá</p>
---	---

<p>điệp, thư tẩy thử chú, trữ ư hương nang. (... dùng để viết chép chú này, đựng trong túi thơm.)</p> <p>_ Thị nhân tâm hôn, vị năng tụng ức, hoặc đới thân thượng, hoặc thư trạch trung, đương tri thị nhân, tận kỳ sanh niên, nhứt-thiết chư độc, sở bất năng hại. (_ Nếu người đó tối tăm chưa tụng, chưa nhớ được, mà hoặc deo trên mình, hoặc viết trong nhà ở; thì nên biết người ấy, trọn đời tất cả các thứ độc không thể hại được.)</p>	<p>bối, giấy trääng, lông bạch-chiên, biên chép Phật-danh Tâm-chú thành một bản đồ treo ở một chỗ tinh-khiết; - hay là vì lý-do không tụng, không nhớ được, để Phật-danh Tâm-chú vào một cái túi tinh-khiết luôn luôn đeo theo thân, thì người ấy suốt đời khỏi bị các thứ độc nhiễm ác quỉ ma chướng xâm-nhập nhiều-hại.</p>
<p>_ A-Nan! Ngã kim vị nhữ, cánh thuyết thử chú, cứu hộ thế-gian, đắc đại vô-úy, thành-tựu chúng-sanh, xuất-thế-gian trí. (... cứu giúp trong thế-gian được đại vô-úy, và thành-tựu trí xuất-thế-gian cho chúng-sanh.)</p> <p>_ Nhược ngã diệt hậu, mạt-thế chúng-sanh, hữu năng tự tụng, nhược giáo tha tụng. (... có người biết tự mình tụng, hoặc dạy người khác tụng chú này.)</p> <p>_ Dương tri như-thị, tụng trì chúng-sanh, hỏa bất năng thiêu, thủy bất năng nịch, đại-độc tiểu-độc, sở bất năng hại; như-thị nãi chí, Thiên-Long quý-thần, tinh-kỳ ma-my, sở-hữu ác-thú (ác chú), giai bất năng trược. (_ Nên biết những chúng-sanh trì tụng như vậy, lửa không đốt được, nước không đắm được, độc lớn độc nhỏ không thể hại được; cho đến các hàng thiên, long, quý, thần, tinh, kỳ, ma, my, có những chú dữ, đều không làm gì được.)</p>	<p>_ A-Nan! Nay vì ông thỉnh cầu, Ta thuyết Phật-danh Tâm-chú Thủ-Lăng-Nghiêm, nhằm mục-đích cứu-độ chúng-sanh ở thế-gian khỏi các nạn nguy-biến sợ hãi và thành-tựu trí xuất-thế. _ Sau khi Ta nhập-diệt, ở trong thời-kỳ mạt-pháp, nếu có người nào chơn-chánh tu-hành, tự mình chí-thành trì tụng Phật-danh Tâm-chú và diễn-giải dạy bảo người khác trì-tụng; - thì người ấy được đức-độ thanh-tịnh, gặp hỏa-hoạn, lửa khó thiêu đốt, gặp thủy-nạn, nước khó đắm chìm, các thứ độc nhiễm hoặc lớn hoặc nhỏ không thể hại được; dĩ-chí các loài ác thú của Thiên-Long quỉ thần tinh-kỳ ma-my khó đốn phá.</p>
<p>_ Tâm đắc chánh-thọ. (_ Tâm người ấy được chánh-thọ.)</p> <p>_ Nhứt-thiết chú trớ yểm cổ độc-dược, kim-độc ngân-độc, thảo-mộc trùng-xà, vạn vật độc-khí; nhập thử nhân khẩu, thành cam-lộ vị.</p>	<p>_ Tâm-địa của người chơn-chánh tu-hành, chí-thành trì tụng Phật-danh Tâm-chú, nhờ oai-lực thiêng liêng mâu-nhiệm độ cho được chánh-thọ, phước-tuệ tăng trưởng; - nên tất cả loại sâu hiểm ác độc của tà-giáo ngoại-đạo như bùa ngải, thư phù, trù hại, ếm đối, cổ-trùng, cho tới các thứ độc-dược, độc-kim, độc-ngân, độc thảo-</p>

<p>(..., vào miệng người ấy đều thành vị cam-lộ.)</p> <p>Cam-lộ: nước sương ngọt, ý nói Phật-pháp. Cam-lộ vị: vị ngọt của sương, ý nói Pháp-vị. <i>Cam</i> (甘): ngọt. <i>Lộ</i> (露): sương đọng thành giọt, ta còn gọi là “móc”.</p> <p>_ Nhứt-thiết ác-tinh, tinh chư quỷ-thần, thâm tâm độc nhân, ư như-thị nhân, bất-năng khởi ác.</p> <p>(_ Tất cả ác-tinh với các quỷ-thần, lòng dữ hại người, đối với người ấy, cũng không thể khởi ra ác-niệm.)</p> <p>_ Tân-Na-Dạ-Ca, chư ác quỷ-vương, tinh kỳ quyến-thuộc, giai lanh thâm-ân, thường gia thủ-hộ.</p> <p>(_ Tân-Na-Dạ-Ca và các quỷ dữ khác, cùng với quyến-thuộc, đều lanh ơn sâu, thường giữ gìn ủng hộ.)</p>	<p>mộc, độc vi-trùng, độc mäng-xà, các thứ nọc độc, khí-dộc của động-vật hoặc thực-vật; chẳng những không xâm-nhập nhiều-hại được, lại còn bị tiêu mất độc-chất và chuyển thành cam-lộ vị.</p> <p>_ Đối với người chí-thành trì tụng Phật-đánh Tâm-chú, các loại hung thần, độc-tinh, ác quỷ, cho tới các hạng hình người dạ thú, lưu manh xảo-trá, tàn-bạo phản-nghịch, dùng thủ-đoạn sâu hiểm ích-kỷ hại nhân, không thể khuấy nhiễu được, lại bị ác-lai ác-báo, tổn-hại nguy khốn.</p> <p>_ Các vị Tân-Na-Dạ-Ca, một số Quỉ-Vương cùng quyến-thuộc nhờ nghe người trì tụng Tâm-chú, lãnh-hội được sáng suốt và do chỗ thọ ân đó mà thường ủng-hộ người trì chú thoát khỏi các nạn nguy-biến.</p>
--	---

14.	14. OAI-ĐỨC VÔ-LƯỢNG CỦA PHẬT-ĐÁNH TÂM-CHÚ.
<p>阿難當知。是呪常有八萬四千那由他恒河沙俱胝金剛藏王菩薩種族。一一皆有諸金剛眾而為眷屬。設有眾生於散亂心。非三摩地心憶口持。是金剛王常隨從彼諸善男子。何況決定菩提心者。</p> <p>此諸金剛菩薩藏王。精心陰速發彼神識。是人應時心能記憶八萬四千恒河沙劫。周遍了知得無疑惑。從第一劫乃至後身生生不生。藥叉羅刹及富單那。迦吒富單那鳩槃茶。毘舍遮等并諸餓鬼。有形無形有想無想。如是惡處</p> <p>是善男子。若讀若誦若書若寫。若帶若藏諸色供養。劫劫不生貧窮下賤不可樂處。</p> <p>此諸眾生縱其自身不作福業。十方如來所有功德悉與此人。由是得於恒河沙阿僧祇不可說不可說劫。常與諸佛同生一處。無量功德如惡叉聚。同處熏修永無分散。</p> <p>是故能令破戒之人戒根清淨。未得戒者令其得戒。未精進者令得精進。無智慧者令得智慧。不清淨者速得清淨。不持齋戒自成齋戒。</p>	<p>是故能令破戒之人戒根清淨。未得戒者令其得戒。未精進者令得精進。無智慧者令得智慧。不清淨者速得清淨。不持齋戒自成齋戒。</p>

<p>chủng tộc, nhứt nhứt giai hữu, chư Kim-Cang chúng, nhi vi quyến-thuộc, trú dã tùy thị.</p> <p>(_ A-Nan! Nên biết chú này, thường có 84.000 na-do-tha Hằng-hà-sa cu-chỉ chủng tộc Kim-Cang-Tạng-Vương Bồ-Tát, mỗi mỗi đều có những chúng Kim-Cang làm quyến-thuộc, ngày đêm theo hầu.)</p> <p>_ Thuyết hữu chúng-sanh, ư tán-loạn tâm, phi Tam-ma-địa, tâm ức khẩu trì, thị Kim-Cang-Vương, thường tùy tùng bỉ, chư Thiện-nam-tử.</p> <p>(_ Giả-sử có chúng-sanh, với tâm tán-loạn, chớ không phải Tam-ma-địa, tâm nhớ niệm trì chú này, thì các Kim-Cang-Vương đó, cũng thường theo bên Thiện-nam-tử kia.)</p> <p>_ Hà huống quyết-định, Bồ-Đ Đề-Tâm giả.</p> <p>(_ Huống nữa, là những người có Tâm Bồ-Đ Đề quyết-định.)</p>	<p>Tạng-Vương có Hằng-sa chủng-tộc, số rất đông đến nỗi không thể dùng văn-tự đếm được, lại còn mỗi chủng-tộc, có rất nhiều chúng Kim-Cang, thần-thông quảng-đại, đều luôn luôn tận-tâm hộ-trì đắc-lực những người có đức-độ tu-hành giải-thoát, cả ngày lẫn đêm chí-thành thọ trì Phật-đánh Tâm-chú Thủ-Lăng-Nghiêm.</p> <p>_ Nếu có chúng-sanh nào tâm-tánh hay vọng-động tán-loạn, chẳng phải chánh-định, nhưng có thiện-chí sám-hối, chơn-thiệt tu-hành giải-thoát, cố gắng tưởng nhớ và trì niệm liên-tục Phật-đánh Tâm-chú, thì có vị Kim-Cang theo phò-hộ cho chúng-sanh ấy bỏ vọng theo chơn, dứt nihilism về tịnh, tuần-tự nhi-tiến vào cảnh-trí chánh-định.</p> <p>_ Thế nên những người đã phát Bồ-Đ Đề Tâm, hoàn-toàn trưởng-trai tuyêt-dục, chuyên tu giải-thoát, chí-thành thọ trì Phật-đánh Tâm-chú, thì oai-lực bảo-hộ của chư Kim-Cang vĩ-đại bất-khả-thuyết.</p>
<p>_ Thủ chư Kim-Cang, Bồ-Tát Tạng-Vương, tinh tâm âm tốc, phát bỉ thần-thức.</p> <p>(_ Đối với những người này, các vị Bồ-Tát Kim-Cang-Tạng-Vương đó, dùng tịnh-tâm thầm xúc tiến, phát huy thần-thức.)</p> <p>_ Thị nhân ứng thời, tâm năng ký ức, bát vạn tứ thiêng, Hằng-hà-sa kiếp, chau-biến liêu-tri, đắc vô nghi-hoặc.</p> <p>(_ Người ấy liền khi đó, tâm nhớ lại được 84.000 Hằng-hà-sa kiếp, rõ biết cùng khắp, được không nghi-hoặc.)</p> <p>_ Tùng đệ-nhứt kiếp, nãi chí hậu thân, sanh sanh bất sanh: Dạ-xoa La-sát, cập Phú-dàn-na, Ca-tra Phú-dàn-na, Cưu-bàn-trà, Tỳ-xá-giá đặng, tinh chư Ngạ-quỷ, hữu-hình, vô-hình, hữu-tưởng, vô-tưởng, như-thị ác xứ.</p>	<p>Các chủng-tộc của Bồ-Tát Kim-Cang-Tạng-Vương sử-dụng âm-thinh của Thanh-Tịnh-Tâm khai-ngộ thần-thức cho người chơn-tu trì chú;</p> <p>- mặc-nhiên tâm của người ấy trở nên tự-tại vô-ngại và nhớ hiểu các việc trong vô-số kiếp, rõ biết cùng khắp, dứt tuyêt tất cả vọng-chấp mê-chấp, nghi ngờ lầm lạc;</p> <p>- từ ấy về sau, đời đời kiếp kiếp không bao giờ thọ sanh-tử trong các loài độc-ác như: Dạ-xoa, La-sát, Phú-dàn-na, Ca-tra Phú-dàn-na, Cưu-bàn-trà, Tỳ-xá-giá, các loài quỉ đói, các loài hữu-hình, vô-hình, hữu-tưởng, vô-tưởng.</p>

<p>_ Thị Thiện-nam-tử, nhược độc nhược tụng, nhược thư nhược tả, nhược đái nhược tàng, chư sắc cung-dưỡng, kiếp kiếp bất sanh, bần-cùng hạ-tiện, bất khả lạc xứ.</p>	<p>_ Những người nhứt-tâm chơn-tu, chí-thành thọ trì Phật-đản Tâm-chú hoặc tụng bằng miệng, hoặc niệm thầm trong tâm, hoặc biên chép, hoặc cất đeo theo thân, hoặc treo ở một chỗ tinh-khiết, thờ kính cung-dưỡng, thì đời đời kiếp kiếp không bao giờ thọ sanh-tử vào các chỗ bần-cùng hạ-tiện, toàn khổ chớ chẳng có vui.</p>
<p>_ Thủ chư chúng-sanh, tùng kỳ tự thân, bất tác phước nghiệp, thập phuong Như-Lai, sở-hữu công-đức, tất dữ thử nhân. (_ Các chúng-sanh đó, dù cho chính mình không làm việc phúc; thập phuong Như-Lai có các công-đức đều cho họ hết.)</p>	<p>_ Những người y Phật-luật mà nhứt-tâm chơn-thiệt thuần-túy tu-hành giải-thoát, chí-thành thọ trì liên-tục Phật-đản Tâm-chú Thủ-Lăng-Nghiêm, dầu chưa làm được phước lành lớn lao, nhưng vô-lượng chơn-công-đức sở-hữu của thập phuong chư Phật bảo-hộ cho những người ấy thành-tựu chơn-công-đức viễn-mãm và chơn-phước-tuệ bất-khả tư-nghi; - trải qua vô-số A Tăng-kỳ kiếp, đồng ở một chỗ với chư Phật; công-đức vô-lượng vô-biên hiệp lại như trái ác-xoa, đồng xứ tu-hành vĩnh-viễn, không bao giờ dời đổi phân-ly.</p>
<p>_ Do thị đắc ư Hằng-hà-sa, a-tăng-kỳ, bất khả thuyết, bất khả thuyết kiếp, thường dữ chư Phật, đồng sanh nhứt xứ; vô-lượng công-đức, như ác-xoa tụ, đồng xứ huân-tu, vĩnh vô phân-tán. (_ Do đó, họ được trong những kiếp Hằng-sa vô-số, không thể nói, không thể nói hết, thường cùng chư Phật đồng sanh một chỗ; vô-lượng công-đức nhóm lại như trái ác-xoa, đồng một chỗ huân-tu, hằng không phân-tán.)</p>	<p>_ Nếu nhứt-tâm chí-thành thọ trì Phật-đản Tâm-chú thì oai-lực nhiệm-mầu cứu-độ cho, như những người phá giới được sám-hối, trở lại giới-căn trong sạch; những người chưa được giới, trở nên được giới; - những người biếng nhác, trở nên tinh-tấn; những người tối tăm, trở nên trí-tuệ, những người mê-muội, trở nên giác-ngộ; - những người vọng-động, trở nên thanh-tịnh; những người ô-nhiễm, có thể phục-thiện, trai-giới.</p>
<p>_ Thị cố năng linh, phá giới chi nhân, giới căn thanh-tịnh; vị đắc giới giả, linh kỳ đắc giới. _ Vị tinh-tấn giả, linh đắc tinh-tấn; vô-trí-tuệ giả, linh đắc trí-tuệ. _ Bất thanh-tịnh giả, tốc đắc thanh-tịnh; bất trì trai-giới, tự thành trai-giới.</p>	

阿難是善男子持此呪時。設犯禁戒於未受時。持呪之後眾破戒罪。無問輕重一時銷滅。縱經飲酒食噉五辛種種不淨。一切諸佛菩薩金剛。天仙鬼神不將為過。設著不淨破弊衣服。一行一住悉同清淨。縱不作壇不入道場。亦不行道誦持此呪。還同入壇行道功德若造五逆無間重罪。及諸比丘比丘尼四棄八棄。誦此呪已如是重業。猶如猛風吹散沙聚。悉皆滅除更無毫髮。

阿難若有眾生。從無量無數劫來。所有一切輕重罪障。從前世來未及懺悔。若能讀誦書寫此呪身上帶持。若安住處莊宅園館。如是積業猶湯銷雪。不久皆得悟無生忍。

復次阿難若有女人。未生男女欲求生者。若能至心。憶念斯呪。或能身上帶此悉怛多鉢怛羅者。便生福德智慧男女。求長命者速得長命。欲求果報速圓滿者速得圓滿。身命色力亦復如是。命終之後隨願往生十方國土。必定不生邊地下賤。何況雜形。

15. A-Nan! Thị Thiện-nam-tử, trì thủ chú thời, thiết phạm cấm giới, ư vị thọ thời, trì chú chi hậu, chúng phá giới tội, vô vấn khinh trọng, nhứt-thời tiêu-diệt.

(_ A-Nan! Thiện-nam-tử ấy, khi trì chú này, giả-sử có phạm cấm-giới khi chưa thọ-trì, thì sau khi trì chú, các tội phá giới, không luận nặng nhẹ, đồng-thời đều tiêu-diệt.)

_ Túng kinh ẩm tửu, thực hám ngũ tân, chủng chủng bất tịnh, nhứt-thiết chư Phật, Bồ-Tát, Kim-Cang, Thiên-Tiên, Quỷ-Thần, bất tương vi quá.

(_ Dù đã uống rượu, ăn thứ ngũ tân và các thứ không sạch; tất cả chư Phật, Bồ-Tát, Kim-Cang, Thiên-Tiên, Quỷ-Thần không cho là có lỗi.)

_ Thiết trước bất tịnh, phá tệ y-phục, nhứt hành nhứt trụ, tất đồng thanh-tịnh; túng bất tác đàm, bất nhập đạo-tràng, diệc bất hành đạo, tụng trì thủ chú, hoàn đồng nhập đàm, hành đạo công-đức, vô hữu dị dã.

(_ Dù mặc y-phục rách nát, không sạch, thì một cái đi, một cái đứng, thấy đồng như thanh-tịnh; dù không lập đàm, không vào đạo-tràng, cũng không hành đạo, mà tụng trì chú này, thì công-đức cũng như vào đàm, hành

15. A-Nan! Nếu có vị Thiện-nam nào, khi trước chưa biết tu-hành, còn mê-muội phạm giới, đến sau phục-thiện sám-hối tu-hành, nhứt-tâm chí-thành trì Phật-đánh Tâm-chú thì qua một thời-gian công-phu thuần-thục, các tội lỗi phạm giới, dầu nặng dầu nhẹ cũng lần lượt tiêu-vong.

_ Ví dụ như vị Thiện-nam ấy có phạm giới rượu, ăn ngũ vị-tân, làm những việc ô-nhiêm mà biết chơn-thành sám-hối tu-hành và chuyên trì Phật-đánh Tâm-chú; thì chư Phật Bồ-Tát, chư Kim-Cang, nhứt-thiết Hộ-Pháp chư Thiên, chư thần và chư quỉ chẳng những không chấp các tội lỗi ấy làm chướng ngại Bồ-Đề Tâm, lại còn từ-bi cứu-độ, giải-trừ cho hết tội lỗi.

_ Gia-dī ví dụ như vị Thiện-nam ấy mặc quần áo rách và bẩn, lúc ở lúc đi chẳng được trong sạch; không dám an lập đạo-tràng, không dám vào đạo-tràng, cho tới không dám hành đạo, nhưng nếu xét mình sám-hối, thành-tâm thọ trì Phật-đánh Tâm-chú, thì nương nhờ oai-lực của Tâm-chú cứu-độ, có thể được công-đức thành-tựu như công-đức vào đạo-tràng và hành đạo.

<p>đạo, không có khác vậy.)</p> <p>_ Nhược tạo ngũ nghịch, vô-gián trọng tội, cập chư Tỳ-khưu Tỳ-khưu-ni, tứ khí bát khí, tụng thử chú dī, như-thị trọng-tội, do như mãnh-phong, xuy tản sa tụ, tất giai diệt-trừ, cánh vô hào-phát.</p> <p>(..., thì khi tụng chú này rồi, cũng như gió mạnh thổi tan đống cát, những nghiệp nặng như vậy, đều diệt-trừ hết, không còn chút mảy may.)</p>	<p>Gia-dī (迦以): hơn nữa, vả lại, lại thêm.</p> <p>_ A-Nan! Những người phạm tội ngũ-nghịch ưng đọa Vô-gián địa-ngục, cho tới các vị Tỳ-khưu phạm tội tứ-khí (7) và Tỳ-khưu-ni phạm tội bát-khí (8), nhưng nếu biết hoàn-toàn phục-thiện sám-hối, nhứt-tâm hành đạo chơn-chánh, chí-thành trì tụng Phật-đ讐 Tâm-chú, thì được nhờ oai-lực Phật-đ讐 Tâm-chú cứu-độ các tội nặng ấy lần lượt tiêu-diệt chẳng khác chi ngọn gió mạnh thổi tan hết đống cát.</p>
<p>_ A-Nan! Nhược hữu chúng-sanh, tung vô-lượng vô-số kiếp lai, sở-hữu nhứt-thiết, khinh-trọng tội-chưởng, tung tiền thế lai, vị cập sám hối.</p> <p>(_ A-Nan! Nếu có chúng-sanh, từ vô-lượng vô-số kiếp đến nay, có tất cả những tội chưởng nhẹ nặng, mà trong các đời trước, chưa kịp sám-hối.)</p> <p>_ Nhược năng độc, tụng, thư, tả thử chú, thân thượng đái trì, nhược an-trụ xứ, trang, trạch, viễn, quán.</p> <p>(_ Nếu biết đọc, tụng, viết, chép chú này, giữ đeo trên thân mình, hay để nơi chỗ ở, như trang, trạch, viễn, quán;</p> <p>_ Như-thị tích nghiệp, do thang tiêu tuyết, bất cửu giai đắc, ngộ Vô-Sanh-Nhᾶn.</p> <p>- thì những việc chưa nhóm từ trước như vậy, đều tiêu tan như nước sôi tiêu tuyết, chẳng bao lâu, đều ngộ được Vô-Sanh-Nhᾶn.)</p>	<p>_ A-Nan! Chúng-sanh nào đã phạm nhiều tội chưởng hoặc nặng hoặc nhẹ từ vô-lượng vô-số kiếp trước đến nay, chưa biết sám-hối lần nào, nhưng nếu hồi-tâm thức tỉnh, y Phật-luật mà sám-hối tu-hành chơn-chánh;</p> <p>- chí-thành trì tụng và biên chép Phật-đ讐 Tâm-chú đeo theo thân, hoặc treo ở một chỗ thờ phượng kính-cẩn trong nhà;</p> <p>- ngày đêm tin tưởng cung-dưỡng thì nhờ oai-lực Phật-đ讐 Tâm-chú cứu-độ các tội chưởng chất chứa sâu dày từ xưa, lần lượt tiêu mất, như nước sôi đổ vào tuyết, đánh tan hết tuyết, nhiên-hậu chúng-sanh ấy có thể ngộ-nhập cảnh-trí Vô-Sanh-Nhᾶn.</p>
<p>_ Phục thứ A-Nan! Nhược hữu Nữ-nhân, vị sanh nam nữ, dục cầu dựng giả, nhược năng chí tâm, ức niêm tư chú, hoặc năng thân thượng, đới thử “TÁT-ĐÁT-ĐA BÁT-ĐÁT-RA” giả, tiễn sanh phước-đức, trí-tuệ nam nữ.</p> <p>_ Cầu trường-mệnh giả, tức đắc trường-mệnh, dục cầu quả-báo, tốc viễn-mẫn</p>	<p>_ A-Nan! Nếu có vị Nữ-nhân nào không có con trai hoặc con gái, muốn cầu con trai hoặc con gái, mà có lòng chơn-chánh nhân-tử, chí-thành tụng và đeo theo thân Phật-đ讐 quang-tụ MA-HA TÁT-ĐÁT-ĐA BÁT-ĐÁT-RA, thì được con trai hoặc con gái có phước-trí.</p> <p>_ Những người tu-hành chơn-chánh, nhứt-tâm chí-thành tụng hoặc đeo Phật-</p>

<p>giả, tốc đắc viễn-mãn, thân-mệnh sắc-lực, diệc phục như-thị.</p> <p>(...; người cầu quả-báo mau được viễn-mãn, thì mau được viễn-mãn, cho đến về thân mệnh, sắc lực, thì cũng được viễn-mãn như vậy.)</p> <p>_ Mệnh chung chi hậu, tùy nguyện vãng-sanh, thập phương quốc-độ, tất định bất sanh, biên-địa hạ-tiện, hà huống tạp-hình.</p> <p>(..., chắc chắn không sanh nơi biên-địa hạ-tiện, huống nữa là các tạp-hình.)</p>	<p>đánh Tâm-chú theo thân thì cầu trường-thọ; hoặc cầu mau hết khổ báo đang thọ, hoặc cầu sắc thân tráng-kiện bình-an, tất cả sở-cầu đều được như ý;</p> <p>- những người ấy khi lâm-chung có thể vãng-sanh vào một cõi Phật trong thập phương quốc-độ, tùy theo nguyện-lực, chờ không bị hình-phạt đầu-thai ở mấy chỗ biên-địa hạ-tiện cam-khổ, huống nữa là các tạp-hình.</p>
--	---

阿難若諸國土州縣聚落饑荒疫癘。或復刀兵賊難鬪諍。兼餘一切厄難之地。寫此神呪安城四門。并諸支提或脫闍上。令其國土所有眾生奉迎斯呪。禮拜恭敬一心供養。令其人民各各身佩。或各各安所居宅地。一切災厄悉皆銷滅。

阿難在在處處國土眾生隨有此呪。天龍歡喜風雨順時。五穀豐殷兆庶安樂。亦復能鎮一切惡星。隨方變怪災障不起人無橫夭。杻械枷鎖不著其身。晝夜安眠常無惡夢。

阿難是娑婆界。有八萬四千災變惡星。二十八大惡星而為上首。復有八大惡星以為其主。作種種形出現世時。能生眾生種種災異。有此呪地悉皆銷滅。十二由旬成結界地。諸惡災祥永不能入。

16. A-Nan! Nhuược chư quốc-độ, châuhuyện tụ-lạc (làng xóm), cơ hoang (mất mùa, dối kém) dịch-lệ, hoặc phục đao-binhh, tặc nạn, đấu-tranh, kiêm dư nhứt-thiết, ách nạn chi địa.

_ Tả thử thần-chú, an thành tứ môn, tinh chư phi đế, hoặc thoát-xà (đài cao) thượng.

(_ Viết thần-chú này, để trên bốn cửa thành, cùng các tháp, hay trên các thoát-xà.)

_ Linh kỳ quốc-độ, sở-hữu chúng-sanh, phụng-nghinh tư chú, lễ bái cung-kính, nhứt-tâm cung-dưỡng.

(_ Và khiến chúng-sanh hiện có trong cõi nucker, kính rước chú này, lễ bái cung-kính, nhứt-tâm cung-dưỡng.)

16. A-Nan! Nếu những xứ-sở, châuhuyện, hoặc chốn tụ-lạc nào có xảy ra các tai-nạn thất mùa, đói rét, dịch hạch, chiến-tranh, trộm cướp và các thảm-họa khác;

- nên biện chép Phật-đánh quang-tụ treo khắp tứ phương châu-vi chỗ lâm nạn, treo ở trụ phuợng Tinh-xá, bửu-tháp, các nơi thờ phuợng tôn-nghiêm;

- để cho nhân-dân thành-tâm cung-kính chiêm-bái, cung-dưỡng;

Chiêm-bái: Chiêm (瞻): ngẩng lên mà trông, nhìn ngắm. Bái (拜): lạy.

<p>_ Linh kỳ nhân-dân, các các thân bội, hoặc các các an, sở cư trạch địa, nhứt-thiết tai-ách, tất giai tiêu-diệt.</p> <p>(_ Khiến cho nhân-dân, mỗi mỗi người đeo chú trong mình, hoặc để nơi chỗ ở, thì tất cả tai-ách thảy đều tiêu-diệt.)</p>	<p>- và mỗi người có đeo Phật-đánh quang-tụ theo thân, hoặc mỗi gia-đình có treo Phật-đánh quang-tụ ở một chỗ tinh-khiết trong nhà, thì các thảm-họa lần lần tiêu hết.</p>
<p>_ A-Nan! Tại tại xứ xứ, quốc-độ chúng-sanh, tùy hữu thủ chú, Thiên-Long hoan-hỷ, phong vō thuận thời, ngũ cốc phong ân, chúng thứ an-lạc.</p> <p>(_ A-Nan! Chúng-sanh trong cõi nước, chỗ nào, chỗ nào có được chú này...)</p> <p>_ Diệc phục nǎng trấn, nhứt-thiết ác-tinh, tùy phương biến quái; tai chướng bất khởi, nhân vô hoạnh-yếu, nữu-giới già-tỏa, bất trước kỳ thân, trú dạ an-miên, thường vô ác-mộng.</p> <p>(_ Lại có thể trấn được tất cả ác-tinh, nó tùy nơi biến ra những điều quái dị; tai chướng không khởi lên, người không hoạnh-tử chết yếu, gông cùm xiềng xích không dính vào mình, ngày đêm ngủ yên, thường không ác-mộng.)</p>	<p>_ A-Nan! Các quốc-độ nào có Tâm-chú Thủ-Lăng-Nghiêm để cho chúng-sanh ở đó chiêm-bái tu-hành, thì chư Thiên-Long Bát-bộ đều hân-hoan, mưa thuận gió hòa, nông-nghiệp phát-đạt, ngũ-cốc hưng-thịnh, dân-tộc no ấm an vui.</p> <p>_ A-Nan! Tâm-chú Thủ-Lăng-Nghiêm có oai-lực chế-phục các thứ ác-tinh thường tùy thời biến ra tai-họa gia-hại; đồng-thời bảo-hộ chúng-sanh lương-thiện được bình-an, không có ác-mộng và tránh khỏi nạn gông cùm xiềng xích, hoặc chết yếu hay bất-đắc kỳ-tử.</p>
<p>_ A-Nan! Thị Ta-bà giới, hữu bát vạn tứ thiên tai-biến ác-tinh, nhị thập bát đại ác-tinh, nhị vi thượng-thủ, phục hữu bát đại ác-tinh, đĩ vi kỳ chủ, tác chủng chủng hình xuất-hiện thế-thời, nǎng sanh chúng-sanh chủng chủng tai dị.</p> <p>(..., xuất-hiện trên đời với nhiều hình-trạng, có thể sanh ra các tai-nạn kỵ-dị cho chúng-sanh.)</p> <p>_ Hữu thủ chú địa, tất giai tiêu-diệt.</p> <p>(_ Chỗ nào có chú này, thì tất cả đều tiêu-diệt.)</p> <p>_ Thập nhị do-tuần, thành kết-giới-địa, chư ác tai-chướng, vĩnh bất nǎng nhập.</p> <p>(_ Lấy 12 do-tuần làm vòng kết giới, các tai biến hung dữ, hẳn không thể vào được.)</p>	<p>_ A-Nan! Cõi Ta-bà có 84.000 ác-tinh biến-họa, 28 đại ác-tinh đứng đầu làm trưởng-tinh, lại có 8 đại ác-tinh chủ, về sự biến hiện nhiều thứ hình sắc ở thế-gian, sanh ra vô-số tai-họa thảm khổ cho chúng-sanh;</p> <p>- nhưng chỗ nào có Phật-đánh Tâm-chú Thủ-Lăng-Nghiêm và mỗi người biết tín-ngưỡng tu trì, thì các tai-họa ác-tinh thảy đều tiêu-diệt;</p> <p>- 12 do-tuần thành kiết-giới-địa, các ác-tinh biến họa cũng không bao giờ dám xâm-nhập nhiều-hại.</p>

是故如來宣示此呪。於未來世保護初學。諸修行者入三摩提。
◦ 身心泰然得大安隱。更無一切諸魔鬼神。及無始來冤橫宿殃。舊

業陳債來相惱害。汝及眾中諸有學人。及未來世諸修行者。依我壇場如法持戒。所受戒主逢清淨僧。持此呪心不生疑悔。是善男子於此父母所生之身。不得心通。十方如來便為妄語。

17. Thị cố Như-Lai, tuyên thị thử chú, ư vị-lai thế, bảo-hộ sơ học, chư tu-hành giả.

_ Nhập Tam-ma-địa, thân-tâm thái-nhiên, đắc đại an-ổn, cánh vô nhứt-thiết chư ma quỷ-thần, cập vô-thỉ lai, oan-hoạnh túc-Ương, cựu-nghiệp trần-trái, lai-tương nǎo-hại.

_ Nhữ cập chúng trung, chư hữu-học nhân, cập vị-lai thế, chư tu-hành giả, y ngã đạo-tràng, như pháp trì giới, sở tho giới chủ, phùng Thanh-Tịnh-Tăng, ư thử chū-tâm, bất sanh nghi-hối; thị Thiện-nam-tử, ư thử phụ-mẫu, sở-sanh chi thân, bất đắc tâm thông, thập phương Như-Lai, tiễn vi vọng-ngữ?

(_ Ông với những người hữu-học trong chúng và những kẻ tu-hành dời vị-lai, y như lời dạy của Ta mà lập dàn-tràng, đúng theo pháp mà trì giới, gặp được Tăng-chứng thanh-tịnh chủ-trì việc tho giới, đối với chū-tâm này, không sanh lòng nghi-hối; những Thiện-nam-tử như thế, chính nơi cái thân cha mẹ sanh ra, mà không được tâm thông, thì thập phương Như-Lai bèn là vọng-ngữ?)

17. Như vậy, Ta tuyên-thuyết Phật-đánh Tâm-chú Thủ-Lăng-Nghiêm nhằm mục đích cứu vị-lai thế, bảo-hộ những người sơ-học, phát tâm Bồ-Tát, cầu Tối-Thượng thừa, dũng-mạnh thọ trì Tâm-chú,

- tu-chứng chánh-định, thân-tâm được thanh-tịnh an vui, khỏi lo các hung thần, độc-quỷ ác-ma phá phách, khỏi lo các thứ vọng-nghiệp, oan-trái oan-gia, tiền-cửu tiền-oán đã tạo từ vô-thỉ nhiểu-hại, tất cả chướng ngại đều dứt tuyệt.

_ A-Nan! Ông và các vị Hữu-học trong Giáo-Hội này, cho tới những người chơn-chánh ở vị-lai, phát Bồ-Đề Tâm, thuần-túy tu-hành giải-thoát, luôn luôn y-chỉ theo Phật-luật mà tịnh tu ở đạo-tràng, kiết-giới trang-nghiêm, phải có Thầy đệ-nhứt Sa-Môn Thanh-Tịnh-Tăng chứng-minh, chuyên trì liên-tục Phật-đánh Tâm-chú Thủ-Lăng-Nghiêm không bao giờ có một mảy nghi chấp, hoặc gián-đoạn; tu trì như vậy mà không thành-tựu tâm giải-thoát thông suốt trong hiện-thân của phụ-mẫu sở-sanh, thì thập phương chư Phật vọng-ngữ hay sao?

18.

18. VÔ-LƯỢNG THÁNH-HIỀN ĐỒNG BẢO-HỘ CHƠN-NHÂN TU TRÌ TÂM-CHÚ.

說是語已會中無量百千金剛一時佛前合掌頂禮而白佛言。如佛所說我當誠心。保護如是修菩提者。

爾時梵王并天帝釋四天大王。亦於佛前同時頂禮而白佛言。審有如是修學善人。我當盡心至誠保護。令其一生所作如願。

復有無量藥叉大將。諸羅剎王富單那王。鳩槃茶王毘舍遮王。頻那夜迦諸大鬼王及諸鬼帥。亦於佛前合掌頂禮。我亦誓願護持是人。令菩提心速得圓滿。

復有無量日月天子。風師雨師雲師雷師并電伯等。年歲巡官諸星眷屬。亦於會中頂禮佛足而白佛言。我亦保護是修行人。安立道場得無所畏。

復有無量山神海神。一切土地水陸空行萬物精祇。并風神王無色界天。於如來前同時稽首而白佛言。我亦保護是修行人。得成菩提永無魔事。

爾時八萬四千那由他恒河沙俱胝金剛藏王菩薩。在大會中即從座起。頂禮佛足而白佛言。世尊如我等輩。所修功業久成菩提。不取涅槃常隨此呪。救護末世修三摩提正修行者。

世尊如是修心求正定人。若在道場及餘經行。乃至散心遊戲聚落。我等徒眾常當隨從侍衛此人。縱令魔王大自在天。求其方便終不可得。諸小鬼神去此善人十由旬外。除彼發心樂修禪者。

世尊如是惡魔若魔眷屬。欲來侵擾是善人者。我以寶杵殞碎其首猶如微塵。恒令此人所作如願。

<p>_ Thuyết thị ngữ dĩ, hội trung vô-lượng, bá thiên Kim-Cang, nhứt thời Phật tiền, hiệp-chưởng đánh lẽ, nhi bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Như Phật sở thuyết ngã đương thành-tâm, bảo-hộ như-thị, tu Bồ-Đề giả.</p>	<p>_ Khi Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni nói xong, có vô-số thần Kim-Cang ở trong Giáo-Hội, hiệp-chưởng đánh lẽ và bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Nghe qua lời Phật dạy, chúng tôi nguyện thành-tâm bảo-hộ những người tu hạnh Bồ-Đề.</p>
<p>_ Nhĩ thời Phạm-Vương, tinh chư Thiên, Đế-Thích, Tứ Đại Thiên-Vương, diệc ư Phật tiền, đồng-thời đánh lẽ, nhi bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Thẩm hữu như-thị, tu-học thiện-nhân, ngã đương tận-tâm, chí-thành bảo-hộ, linh kỳ nhứt sanh, sở tác như nguyện.</p> <p>(_ Xét có người lành tu-học như vậy, chúng tôi phải hết lòng chí-thành bảo-hộ, khiến cho trong một đời, tu-hành được như nguyện.)</p>	<p>_ Các vị Trời Phạm-Vương, Đế-Thích, Tứ-Thiên-Vương hiệp-chưởng cung-kính đánh lẽ Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Nghe qua lời Phật dạy, có nhiều người hiền-đức chơn-chánh tu hạnh Bồ-Đề, chuyên trì Phật-danh Tâm-chú, chúng tôi nguyện hết lòng bảo-hộ những người ấy được như ý sở-cầu.</p>
<p>_ Phục hữu vô-lượng, Dạ-xoa đại-tướng, chư La-sát vương, Phú-dàn-na vương, Cưu-bàn-trà vương, Tỳ-xá-giá vương, Tần-Na-Dạ-Ca, chư Đại-quỷ vương, cập chư Quỷ-soái, diệc ư Phật tiền, hiệp-chưởng đánh lẽ:</p> <p>_ Ngã diệc thệ-nguyện hộ-trì thị nhân, linh Bồ-Đề Tâm, tốc đắc viễn-mẫn.</p> <p>(_ Chúng tôi cũng thệ-nguyện hộ-trì cho người đó, khiến cho Tâm Bồ-Đề mau được viễn-mẫn.)</p>	<p>_ Có vô-lượng Dạ-xoa đại-tướng, La-sát vương, Phú-dàn-na vương, Cưu-bàn-trà, Tỳ-xá-giá vương, chư đại Quỷ-vương, Tần-Na-Dạ-Ca và các Quỷ-Soái, đều hiệp-chưởng cung-kính đánh lẽ và bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Chúng tôi xin nguyện ủng-hộ những người thọ-trì Phật-danh Tâm-chú thành-tựu được hạnh Bồ-Đề viễn-mẫn.</p>

<p>_ Phục hữu vô-lượng, Nhựt-Nguyệt Thiên-TỬ. Phong-SƯ, Võ-SƯ, Vân-SƯ, Lôi-SƯ, tinh Điện-BÁ đẳng, niên-tuẾ tuần-quan, chư tinh, quyến-thuộc, diệc ư hội trung, đánh lê Phật túc, nhi bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Ngã diệc bảo-hộ, thị tu-hành nhân, an-lập đạo-tràng, đắc vô sở úy.</p> <p>(_ Chúng tôi bảo-hộ người tu-hành ấy, lập ra đạo-tràng, được không e sợ.)</p>	<p>_ Có vô-lượng Nhựt Thiên-tỬ, Nguyệt Thiên-tỬ, Phong-SƯ, Vân-SƯ, Võ-SƯ, Lôi-SƯ, Điện-BÁ, chư Thần-quan chủ về niên-tuẾ, các vị Tinh-tÚ và quyến-thuộc ở trong Giáo-HỘI đều hiệp-chưởng cung-kính đánh lê và bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-TÔN! Chúng tôi nguyện ủng-hộ những người chơn-tu trì Tâm-chú, an-lập đạo-tràng, thoát khỏi các nạn nguy-biến sợ hãi.</p>
<p>_ Phục hữu vô-lượng, sơn-thần, hải-thần, nhứt-thiết Thổ-địa, thủy-lục, không, hành, vạn vật tinh-kỳ, Tinh-Phong Thần-Vương, vô-sắc-giới thiêん, ư Như-Lai tiên, đồng-thời khể-thủ, nhi bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Ngã diệc bảo-hộ, thị tu-hành nhân, đắc thành Bồ-Đề, vĩnh vô ma-sư.</p>	<p>_ Có vô-lượng Vô-Sắc-Thiên, cho tới Sơn-thần, Hải-thần, Phong-thần, các vị thần-kỳ ở dưới nước, trên bờ hoặc giữa hư-không đều hiệp-chưởng cung-kính đánh lê và bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-TÔN! Chúng tôi nguyện bảo-hộ những người chơn-tu trì Tâm-chú, thoát khỏi các ma chướng, thành đạo Bồ-ĐỀ vĩnh-cửu.</p>
<p>_ Nhĩ thời bát vạn tứ thiêん, na-do-tha, Hằng-hà-sa cu-đê, Kim-Cang-Tạng-Vương Bồ-Tát, tại Đại-hội trung, tức tùng toà khởi, đánh lê Phật túc, nhi bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Thế-TÔN! Như ngã đẳng bối, sở tu công-nghiệp, cùu thành Bồ-ĐỀ, bất thủ Niết-Bàn, thường tùy thử chú, cùu-hộ mạt-thế, tu Tam-ma-đề, chánh tu-hành giả.</p> <p>(_ Thế-TÔN! Như bạn chúng tôi, công-nghiệp tu-hành, đã thành đạo Bồ-ĐỀ lâu rồi, mà không nhận lấy Niết-Bàn, thường theo chú này, cùu giúp những người chơn-chánh tu-hành pháp Tam-ma-đỀ trong đời mạt-pháp.)</p>	<p>_ Khi ấy Bồ-Tát Kim-Cang-Tạng-Vương và vô-số Hằng-sa quyến-thuộc ở trong Đại-Hội đều hiệp-chưởng cung-kính đánh lê và bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-TÔN! Như công-hạnh sở-tu của chúng tôi thành đạo Bồ-ĐỀ đã lâu, nhưng không chịu nhập Niết-Bàn, tùy thuận theo Phật-danh Tâm-chú, ủng-hộ những người có đức-độ tu-hành chánh-định trong thời-kỳ mạt-pháp.</p>
<p>_ Thế-TÔN! Nhự-thị tu tâm, cầu chánh-định nhân, nhược tại đạo-tràng, cập du kinh-hành, nãi chí tán tâm, du-hý tụ-lạc.</p> <p>(_ Thế-TÔN! Những người tu tâm vào chánh-định như thế, dù ở đạo-tràng, hay là những lúc kinh-hành, cho đến tán tâm đi chơi trong làng xóm.)</p> <p>_ Ngã đẳng đồ chúng, thường đương tùy tùng, thị vệ thử nhân, túng linh Ma-</p>	<p>_ Bạch Đức Thế-TÔN! Những người phát Bồ-ĐỀ Tâm chuyên-trì Tâm-chú, cầu nhập chánh-định, thì ở đạo-tràng, hoặc kinh-hành ở các chỗ, hoặc cho đến tán tâm đạo chơi khắp xóm làng (tụ-lạc);</p> <p>- chúng tôi thường theo những người ấy, hết lòng bảo-hộ, dẫu Thiên-Ma Ba-</p>

<p>vương Đại-TỰ-TẠI thiênn, cầu kỳ phuong-tien, chung bất khả đắc.</p> <p>(_ Đồ-chúng tôi thường phải đi theo thị-vệ người ấy, dù cho Ma-vương Đại-TỰ-TẠI thiênn, muốn được phuong-tien khuấy phá, cũng không thể được.)</p> <p>_ Chư tiểu quỷ thần, khứ thử thiện nhân, thập do-tuần ngoại, trừ bỉ phát tâm, lạc tu thiênn giả.</p> <p>(_ Các quỷ-thần nhỏ, phải cách xa người lành ấy, ngoài 10 do-tuần, trừ khi họ phát tâm thích người tu thiênn.)</p>	<p>Tuần trời Đại-TỰ-TẠI muốn ngăn阻止 cũng không thế nào được;</p> <p>- cho tới các hung thần độc-quỉ đều tránh xa người lành ấy ngoài 10 do-tuần, ngoại-trừ vị nào đã phục-thiện, phát nguyện tu-hành và hộ-trì Phật-pháp mới được gần với tinh-thần cứu giúp.</p>
<p>_ Thế-Tôn! Như-thị Ác-ma, nhược ma quyến-thuộc, dục lai xâm-nhiều, thị thiện nhân giả, ngã dĩ bửu-xử, vẫn toái kỳ thủ, do như vi-trần, hằng lệnh thử nhân, sở tác như nguyện.</p> <p>(_ Các Ma-vương, ma chúa và quyến-thuộc muốn đến xâm lấn khuấy phá người lành ấy; chúng tôi dùng bửu-xử đập nát cái đầu như vi-trần; thường khiếp cho người ấy tu-hành được như nguyện.)</p> <p>(Bửu-xử: cái chày quý báu)</p>	<p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Các Ma-vương, ma chúa và quyến-thuộc muốn xâm-nhiều phá phách nhiều-hại người chơn-tu trì chú, chúng tôi dùng oai-lực thần-thông đánh tan ma chúng, lại có dòng dõi Kim-Cang Mật-Tích đập nát ma chúng thành bụi, để bảo-hộ những người chơn-tu trì chú được tùy tâm mãn-nghuyện.</p>

19.	19. NGÀI A-NAN CẦU NHƯ-LAI CHƠN-THIỆT CHÁNH-ĐỊNH.
<p>阿難即從座起。頂禮佛足而白佛言。我輩愚鈍好為多聞。於諸漏心未求出離。蒙佛慈誨得正熏修。身心快然獲大饒益。世尊如是修證佛三摩提未到涅槃。云何名為乾慧之地。四十四心。至何漸次得修行目。詣何方所名入地中。云何名為等覺菩薩。作是語已五體投地。大眾一心佇佛慈音瞪矚瞻仰。</p>	
<p>_ A-Nan tức tùng tòa khởi, đánh lê Phật túc, nhi bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Ngã bối ngu-dộn, háo vi đa-văn, ư chư lậu tâm, vị cầu xuất ly, mông Phật từ hối, đắc chánh huân-tu, thân-tâm khoái nhiên, hoạch đại nhiêu-ích.</p> <p>_ Thế-Tôn! Như-thị tu-chứng Phật Tam-ma-đề, vị đáo Niết-Bàn, vân hà danh vi, can-tuệ chi địa.</p>	<p>_ Ngài A-Nan từ chỗ ngồi đứng dậy, hiệp-chuồng cung-kính đánh lê và bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi còn mê-muội, ham nghe nhiều, nên các thứ lậu tâm chưa dứt, được phước-duyên nhờ Đức Thế-Tôn từ-bi dạy dỗ, tỏ ngộ pháp tu chánh-định, thân-tâm thanh thoát, lợi-ích vô-cùng.</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Tôi xin hỏi: Tu pháp chánh-định của Phật như vậy, nhưng khi chưa vào được cảnh-trí Niết-</p>

<p>_ Tứ thập tứ tâm, chí hà tiệm thứ, đắc tu-hành mục?</p> <p>(_ Trong 44 tâm, đến thứ bậc nào, mới được danh mục tu-hành?)</p> <p>_ Nghệ hà phương sở, danh nhập địa trung? Vân hà danh vi, Đẳng-Giác Bồ-Tát?</p> <p>(_ Đến phương sở nào, mới gọi là nhập địa? Thế nào gọi là Đẳng-Giác Bồ-Tát?)</p> <p>_ Tác thị ngữ dĩ, ngũ thể đầu địa. Đại-chúng nhứt tâm, trũ Phật từ âm, trừu mông chiêm-ngưỡng.</p>	<p>Bàn thì thế nào gọi là Can-Tuệ?</p> <p>- Thập-tín, thập-trụ, thập-hạnh, thập hồi-hướng và tứ gia-hạnh, tất cả 44 thứ Bồ-Tát tâm ấy tiệm-thứ thế nào mới gọi là tu hạnh Bồ-Tát?</p> <p>- Tu tới quả-vị nào gọi là Thập-địa và Đẳng-Giác Bồ-Tát?</p> <p>_ Ông A-Nan nói xong, gieo năm vóc xuống đất đánh lě Phật. Tất cả Đại-chúng đều nhứt-tâm trông chờ tiếng nói từ-bi giáo-hoa của Đức Như-Lai.</p>
--	---

<p>20.</p>	<p>20. PHẬT HIỂN-MINH HAI NHÂN ĐIỀN-ĐÁO: CHÚNG-SANH VÀ THẾ GIỚI.</p>
<p>爾時世尊讚阿難言善哉善哉。汝等乃能普為大眾。及諸末世一切眾生。修三摩提求大乘者。從於凡夫終大涅槃。懸示無上正修行路。汝今諦聽當為汝說。阿難大眾合掌刻心默然受教。</p> <p>佛言阿難當知。妙性圓明離諸名相。本來無有世界眾生。因妄有生因生有滅。生滅名妄滅妄名真。是稱如來無上菩提。及大涅槃二轉依號。阿難汝今欲修真三摩地。直詣如來大涅槃者。先當識此眾生世界二顛倒因。顛倒不生斯則如來真三摩地。</p> <p>_ Nhĩ thời Thế-Tôn tán A-Nan ngôn: Thiện tai! Thiện tai!</p> <p>_ Nhữ đẳng nãi nǎng, phổ vị đại-chúng, cập chư mạt-thế, nhứt-thiết chúng-sanh, tu Tam-ma-đề, cầu Đại-thừa-giả; tùng ư phàm-phu, chung Đại Niết-Bàn, huyền thị vô-thượng, chánh tu-hành lộ.</p> <p>_ Nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết.</p> <p>_ A-Nan, đại-chúng hiệp-chưởng khóa tâm, mặc-nhiên thọ giáo.</p>	<p>_ Khi ấy, Đức Phật khen ngài A-Nan: Lành thay!</p> <p>_ Ta vì Đại-chúng trong Giáo-Hội, nhứt-thiết chúng-sanh ở vị-lai và những người tu pháp chánh-định, cần cầu Đại-thừa; khởi từ địa-vị phàm-phu cho tới cảnh-trí Niết-Bàn, Ta khai-thị pháp-môn tu-hành chơn-chánh giải-thoát cao cả.</p> <p>_ Vậy hãy tịnh tâm nghe hiểu chánh-pháp Như-Lai.</p> <p>_ Ngài A-Nan và Đại-chúng lặng thính, hiệp-chưởng hướng Phật, tịnh tâm vâng lời Phật-chỉ.</p>

<p>Phật ngôn:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ A-Nan! Đương tri Diệu-Tánh viễn-minh, ly chư danh-tướng, bốn-lai vô hữu thế-giới chúng-sanh. <p>(Phật dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ A-Nan! Nên biết diệu-tánh là viễn-minh, rời các danh-tướng, bốn-lai không có thế-giới chúng-sanh.) <p>_ Nhân vọng hữu sanh, nhân sanh hữu diệt. Sanh diệt danh vọng, diệt vọng danh chơn.</p> <p>(_ Nhân cái vọng mà có sanh, nhân cái sanh mà có diệt. Sanh diệt gọi là vọng, diệt vọng gọi là chơn.)</p> <p>_ Thị xứng Như-Lai, Vô-Thượng Bồ-ĐỀ, cập Đại Niết-Bàn, nhị chuyển y hiệu.</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ A-Nan! Tự-Tánh viễn-minh diệu-tịnh ly tất cả danh-tướng, gốc không có chúng-sanh, cũng không có thế-giới. <p>_ Nhưng vì trong lúc tối-sơ, khởi niệm vô-minh vọng-động mà có sanh, có sanh thì có diệt, vì có sanh diệt mới gọi là “vọng”, khi hết vọng thì gọi là “chơn”.</p> <p>_ Đó là hai quả chuyển-y: Vô-Thượng Bồ-ĐỀ và Đại Niết-Bàn của Như-Lai.</p>
<p>_ A-Nan! Nhữ kim dục tu, chơn Tam-ma-địa, trực nghệ Như-Lai Đại Niết-Bàn giả, tiên đương thức thủ, chúng-sanh thế-giới, nhị diên-dảo nhân.</p> <p>_ Diên-dảo bất sanh, tư tǎc Như-Lai, chơn Tam-ma-địa.</p>	<p>_ A-Nan! Nay ông phát tâm Bồ-Tát, muốn tu Như-Lai chơn-thiệt chánh-định, để vào cảnh-trí Đại Niết-Bàn của Như-Lai thì trước hết phải hiểu rõ hai nhân diên-dảo: chúng-sanh và thế-giới.</p> <p>_ Nếu hai nhân diên-dảo ấy dứt sạch thì Như-Lai chơn-thiệt chánh-định thật hiện.</p>

阿難云何名為眾生顛倒。阿難由性明心性明圓故。因明發性性妄見生。從畢竟無成究竟有。此有所有非因所因。住所住相了無根本。本此無住。建立世界及諸眾生。迷本圓明是生虛妄。妄性無體非有所依。將欲復真欲真已非真真如性。非真求復宛成非相。非生非住非心非法。展轉發生生力發明。熏以成業同業相感。因有感業相滅相生。由是故有眾生顛倒。

<p>21. A-Nan! Vân hà danh vi, chúng-sanh diên-dảo?</p> <ul style="list-style-type: none"> _ A-Nan! Do tánh minh tâm, tánh minh viễn-cố, nhân minh phát tánh, tánh vọng kiến sanh, tùng tất kiến-vô, thành cứu-cánh hữu; thủ hữu sở-hữu, phi nhân sở-nhân, trụ sở-trụ-tướng, liễu vô căn-bản. <p>(_ Do cái tâm bốn-tánh là minh, và tánh minh ấy viễn-mẫn cũng khắp, nên nhân tánh minh phát ra hình như có tánh; mà vọng-kiến nhận là có tánh sanh ra, từ chỗ rốt ráo là không, lại thành rốt ráo là có; có cái sở-hữu như thế, là do phi nhân làm nhân, và những tướng</p>	<p>21. A-Nan! Vì sao gọi là nhân chúng-sanh diên-dảo?</p> <ul style="list-style-type: none"> _ A-Nan! Tự-Tánh của tâm Bổn-Giác Chơn-Như, luôn luôn tròn sáng, nhưng vì không biết gìn giữ để nhân vọng mà hiện ra tánh vọng, nhân tánh vọng mà thấy vọng, từ chỗ “Không” thành-lập chỗ “Hữu”; các bốn-hữu, sở-hữu đều chẳng phải là tướng năng-nhân, sở-nhân, cho tới các chỗ năng-trụ, sở-trụ đều chẳng có tự-thể.
---	---

<p>(năng-trụ sở-trụ rốt ráo không có cội gốc.)</p> <p>_ Bổn-thủ vô-trụ, kiến-lập thế-giới, cập-chư-chúng-sanh.</p> <p>(_ Rồi gốc nơi cái vô-trụ đó, mà kiến-lập ra thế-giới và các chúng-sanh.)</p> <p>_ Mê bổn viễn-minh, thị sanh hư-vọng. Vọng tánh vô-thể, phi hữu sở-y.</p> <p>(_ Vì mê, không nhận được tánh viễn-minh sẵn có, nên sanh ra hư-vọng. Tánh hư-vọng không có tự-thể, không phải thật có chỗ nương đứng.)</p> <p>_ Tương-dục phục-chơn, dục-chơn dĩ phi-chơn Chơn-Như-tánh.</p> <p>(_ Hầu muốn trở lại Chơn-Tánh, thì cái muốn-chơn đó, đã không phải là tánh Chơn-Như-chơn-thật.)</p> <p>_ Phi-chơn cầu-phục, uyển-thành phi-tướng: phi-sanh, phi-trụ, phi-tâm, phi-pháp.</p> <p>(_ Cầu-trở-lại không đúng-chơn-lý, thì hiện-thành ra những phi-tướng: không phải sanh-gọi rỗng-sanh, không phải trụ-gọi rỗng-trụ, không phải tâm-gọi rỗng-tâm, không phải pháp-gọi rỗng-pháp.)</p> <p>_ Triển-chuyển phát-sanh, sanh-lực phát-minh, huân-dĩ thành-nghịệp, đồng-nghịệp-tương-cảm, nhân-hữu-cảm-nghịệp, tương-diệt-tương-sanh, do thị-cố-hữu, chúng-sanh-diên-dảo.</p> <p>(_ Xoay-vần phát-sanh và sinh-lực phát-huy, huân-tập-thành-ra-nghịệp-báo, đồng-nghịệp-thì-cảm-với-nhau, nhân-dó-lại-cảm-ra-các-nghịệp-diệt-nhau, sanh-nhau; do đó mới có diên-dảo-về-chúng-sanh.)</p>	<p>_ Chỉ-tại vô-minh mà kiến-lập chúng-sanh và thế-giới.</p> <p>_ Vì-mê Tự-Tánh viễn-minh mới phát-khởi hư-vọng, tánh-vọng không có tự-thể, cũng không có sở-y.</p> <p>_ Nếu-muốn phục-chơn thì-nên-hiểu-rõ-dục-ý là vong-tưởng, chớ-chẳng-phải Tự-Tánh Chơn-Như.</p> <p>_ Nếu-chẳng-phải-tự-tánh Chơn-Như mà-muốn phục-chơn thì chỉ-là hư-vọng, không-có-sanh, trụ, tâm, pháp-chi-cả.</p> <p>_ Huơ-vọng đã-sanh thì-huân-tập-phát-ra-nghịệp và chiêu-cảm-lẫn-nhau-thành-nghịệp-cảm-tương-sanh-tương-diệt, do đó-chúng-sanh-diên-dảo.</p>
---	---

阿難云何名為世界顛倒。是有所有分段妄生因此界立。非因所因無住所住。遷流不住因此世成。三世四方。和合相涉變化眾生成十二類。是故世界因動有聲因聲有色。因色有香因香有觸。因觸有味因味知法。六亂妄想成業性故。十二區分由此輪轉。是故世間聲香味觸。窮十二變為一旋復。乘此輪轉顛倒相故。是有世界卵生胎生濕生化生。有色無色有想無想。若非有色若非無色。若非有想若非無想。

- 1 阿難由因世界虛妄輪迴動顛倒故。和合氣成八萬四千飛沈亂想。
如是故有卵羯邏藍流轉國土。魚鳥龜蛇其類充塞。
- 2 由因世界雜染輪迴欲顛倒故。和合滋成八萬四千橫豎亂想。如是
故有胎渴捕曇流轉國土。人畜龍仙其類充塞。
- 3 由因世界執著輪迴趣顛倒故。和合軟成八萬四千翻覆亂想。如是
故有濕相蔽尸流轉國土。含蠹蠕動其類充塞。
- 4 由因世界變易輪迴假顛倒故。和合觸成八萬四千新故亂想。如是
故有化相羯南流轉國土。轉蛻飛行其類充塞。
- 5 由因世界留礙輪迴障顛倒故。和合著成八萬四千精耀亂想。如是
故有色相羯南流轉國土。休咎精明其類充塞。
- 6 由因世界銷散輪迴惑顛倒故。和合暗成八萬四千陰隱亂想。如是
故有無色羯南流轉國土。空散銷沈其類充塞。
- 7 由因世界罔象輪迴影顛倒故。和合憶成八萬四千潛結亂想。如是
故有想相羯南流轉國土。神鬼精靈其類充塞。
- 8 由因世界愚鈍輪迴癡顛倒故。和合頑成八萬四千枯槁亂想。如是
故有無想羯南流轉國土。精神化為土木金石其類充塞。
- 9 由因世界相待輪迴偽顛倒故。和合染成八萬四千因依亂想。如是
故有非有色相成色羯南流轉國土。諸水母等以蝦為目其類充塞。
- 10 由因世界相引輪迴性顛倒故。和合呪成八萬四千呼召亂想。由是
故有非無色相無色羯南流轉國土。呪咀厭生其類充塞。
- 11 由因世界合妄輪迴罔顛倒故。和合異成八萬四千迴互亂想。如是
故有非有想相成想羯南流轉國土。彼蒲盧等異質相成其類充塞。
- 12 由因世界怨害輪迴殺顛倒故。和合怪成八萬四千食父母想。如是
故有非無想相無想羯南流轉國土。如土鳩等附塊為兒。及破鏡鳥
以毒樹果抱為其子。子成父母皆遭其食其類充塞。是名眾生十二
種類。

**22. A-Nan! Vân hà danh vi thế-giới
diên-dảo?**

_ Thị hữu sở-hữu, phân đoạn vọng sanh,
nhân thử giới lập; phi nhân sở nhán, vô
trụ sở trụ, thiên lưu bất trụ, nhân thử thế
thành.

(_ Do có cái sở-hữu đó, nên từng phần từng đoạn giả
dối sanh ra, vì thế, mà không-gian thành-lập; do phi
nhân làm nhân, không có năng-trụ sở-trụ, nên dời đổi
mãi, không an trụ, vì thế, mà thời-gian thành-lập.)

_ Tam thế tứ phương, hòa-hiệp tương-
thiệp, biến-hóa chúng-sanh, thành thập
nhi loại.

**22. A-Nan! Vì sao gọi là nhân thế-giới
diên-dảo?**

_ Các bốn-hữu sở-hữu vọng-sanh thân-
căn phân-đoạn, do đó vọng-lập giới-
hạn; nhưng vốn không có nhân để làm
sở-sanh, cũng không có quả để làm sở-
trụ, chỉ tại vọng-niêm sanh-diệt luân-
chuyển mà có thế-giới diên-dảo.

_ Tam thế tứ phương hòa-hiệp lấn nhau
phát khởi 12 loài chúng-sanh.

<p>_ Thị cố thế-giới, nhân động hữu thính, nhân thính hữu sắc, nhân sắc hữu hương, nhân hương hữu xúc, nhân xúc hữu vị, nhân vị tri pháp.</p> <p>_ Lục loạn vọng-tưởng, thành nghiệp tánh cố, thập nhị khu phân, do thủ luân-chuyển.</p> <p>_ Thị cố thế-gian, thính hương vị xúc, cùng thập nhị biến, vi nhứt toàn phục.</p> <p>(_ Vậy nên trong thế-gian, những thính, hương, vị, xúc biến đổi cùng tột, đến 12 lần xoay trở lại.)</p> <p>_ Thừa thủ luân-chuyển, diên-đảo tương cố, thị hữu thế-giới:</p> <p>(_ Dựa trên những tưởng diên-đảo, xoay vần đó, nên trong thế-giới có:)</p> <p>_ Noãn sanh thai sanh, thấp sanh hóa sanh, hữu-sắc vô-sắc, hữu-tưởng, vô-tưởng, nhược phi hữu-sắc, nhược phi vô-sắc, nhược phi hữu-tưởng, nhược phi vô-tưởng.</p>	<p>_ Thế-giới nhân động có tiếng, nhân tiếng có sắc, nhân sắc có hương, nhân hương có xúc, nhân xúc có vị, nhân vị có pháp.</p> <p>_ Sáu món nhiêm-vọng huân-tập thành trân-nghiệp, phân ra 12 vị-trí, nên có luân-chuyển.</p> <p>_ Ở thế-gian sáu món nhiêm-vọng với 12 vị-trí đối-dài nhau, biến hiện, xây vần.</p> <p>_ Và do các tướng diên-đảo của căn trân luân-chuyển mà thành thế-giới có 12 loài:</p> <p>_ Thai-sanh, noãn-sanh, thấp-sanh, hóa-sanh, hữu-sắc, vô-sắc, hữu-tưởng, vô-tưởng, phi hữu-sắc, phi vô-sắc, phi hữu-tưởng, phi vô-tưởng.</p>
<p>_ A-Nan! Do nhân thế-giới, hư-vọng luân-hồi, động diên-đảo cố.</p> <p>_ Hòa-hiệp khí thành, bát vạn tứ thiêng, phi trâm loạn-tưởng.</p> <p>_ Như-thị cố-hữu, noãn yết-la-lam, lưu-chuyển quốc-độ, ngư, điểu, quy, xà, kỳ loại sung-tắc.</p>	<p>1. A-Nan! Thế-giới hư-vọng luân-hồi, gốc vọng-động diên-đảo,</p> <ul style="list-style-type: none"> - hiệp vọng-khí thành vô-số loạn-tưởng bồng trâm, - nên yết-la-lam lưu-chuyển khắp xứ, do đó có các loài cá, chim, rùa, rắn.
<p>_ Do nhân thế-giới, tạp-nhiêm luân-hồi, đục diên-đảo cố.</p> <p>_ Hòa-hiệp tư thành, bát vạn tứ thiêng, hoành thụ loạn-tưởng.</p> <p>_ Như-thị cố-hữu, thai ác-bồ-đàm, lưu-chuyển quốc-độ, nhân, súc, tiên, long, kỳ loại sung-tắc.</p>	<p>2. Thế-giới tạp-nhiêm luân-hồi, gốc ái-dục diên-đảo,</p> <ul style="list-style-type: none"> - hiệp tình-cảm thành vô-số loạn-tưởng ngang trái, - nên ác-bồ-đàm lưu-chuyển khắp xứ, do đó có các loài tiên, người, rồng, súc-vật.
<p>_ Do nhân thế-giới, chấp-trước luân-hồi, thú diên-đảo cố.</p> <p>_ Hòa-hiệp noãn thành, bát vạn tứ thiêng, phiền-phức loạn-tưởng.</p> <p>_ Như-thị cố-hữu, thấp-tưởng, tế-thi, lưu-chuyển quốc-độ, hàm xuẩn nhu-động, kỳ loại sung-tắc.</p>	<p>3. Thế-giới chấp-trước luân-hồi, gốc xu-phụ diên-đảo,</p> <ul style="list-style-type: none"> - hiệp với ấm-khí, thành vô-số loạn-tưởng phiền phức, - nên thấp-tưởng tế-thi lưu-chuyển khắp xứ, do đó có các loài sâu bọ lúc nhúc.

<p>_ Do nhân thế-giới, biến-dịch luân-hồi, giả điên-đảo cố.</p> <p>_ Hòa-hiệp xúc thành, bát vạn tứ thiêng, tân cố loạn-tưởng.</p> <p>_ Như-thị cố-hữu, hóa-tưởng yết-nam, lưu-chuyển quốc-độ, chuyển thoát phi-hành, kỳ loại sung-tắc.</p>	<p>4. Thế-giới biến-dịch luân-hồi, gốc dối trá điên-đảo,</p> <ul style="list-style-type: none"> - hiệp ấm-khí, thành vô-số loạn-tưởng tráo trở, - nên chủng-tử hóa-tưởng lưu-chuyển khắp xứ, do đó có các loài hóa-sanh như sâu hóa bướm.
<p>_ Do nhân thế-giới, lưu-ngại luân-hồi, chướng điên-đảo cố.</p> <p>_ Hòa-hiệp trú thành, bát vạn tứ thiêng, tinh-diệu loạn-tưởng.</p> <p>_ Như-thị cố-hữu, sắc-tưởng yết-nam, lưu-chuyển quốc-độ, hưu-cữu tinh-minh, kỳ loại sung-tắc.</p>	<p>5. Thế-giới lưu-ngại luân-hồi, gốc chướng-kỳ điên-đảo,</p> <ul style="list-style-type: none"> - hiệp tướng sáng thành vô-số loạn-tưởng tinh-vi, - nên chủng-tử sắc-tưởng lưu-chuyển khắp xứ, do đó có các tinh-tú kiết hung.
<p>_ Do nhân thế-giới, tiêu-tán luân-hồi, hoặc điên-đảo cố.</p> <p>_ Hòa-hiệp ám thành, bát vạn tứ thiêng, âm ẩn loạn-tưởng.</p> <p>_ Như-thị cố-hữu, vô-sắc yết-nam, lưu-chuyển quốc-độ, không-tán tiêu-trầm, kỳ loại sung-tắc.</p>	<p>6. Thế-giới tiêu-tán luân-hồi, gốc lầm lạc điên-đảo,</p> <ul style="list-style-type: none"> - hiệp tướng tối thành vô-số loạn-tưởng mờ ám, - nên chủng-tử vô-sắc không-tán lưu-chuyển khắp xứ, do đó có các loài vô-sắc ở giữa hư-không.
<p>_ Do nhân thế-giới, võng-tưởng luân-hồi, ảnh điên-đảo cố.</p> <p>_ Hòa-hiệp ức thành, bát vạn tứ thiêng, tiềm-kết loạn-tưởng.</p> <p>_ Như-thị cố-hữu, tưởng-tưởng yết-nam, lưu-chuyển quốc-độ, thần-quỷ tinh-linh, kỳ loại sung-tắc.</p>	<p>7. Thế-giới vọng-động luân-hồi, gốc bóng dáng điên-đảo,</p> <ul style="list-style-type: none"> - hiệp tướng nhớ thành vô-số loạn-tưởng tiềm-kết, - nên tưởng tưởng vô-sắc lưu-chuyển khắp xứ, do đó có các loài thần-quỷ yêu-tinh.
<p>_ Do nhân thế-giới, ngu-độn luân-hồi, si điên-đảo cố.</p> <p>_ Hòa-hiệp ngoan thành, bát vạn tứ thiêng, khô-cảo loạn-tưởng.</p> <p>_ Như-thị cố-hữu, vô-tri yết-nam, lưu-chuyển quốc-độ, tinh-thần hóa vi, thổ-mộc kim-thạch, kỳ loại sung-tắc.</p>	<p>8. Thế-giới xuẩn-động luân-hồi, gốc si mê điên-đảo,</p> <ul style="list-style-type: none"> - hiệp ngoan-vật thành vô-số loạn-tưởng khô khan, - nên vô tri giác tưởng lưu-chuyển khắp xứ, do đó có các loài thổ-mộc kim-thạch.
<p>_ Do nhân thế-giới, tương-đãi luân-hồi, ngụy điên-đảo cố.</p> <p>_ Hòa-hiệp nhิêm thành, bát vạn tứ thiêng, nhân y loạn-tưởng.</p> <p>_ Như-thị cố-hữu, phi hữu sắc-tưởng, thành sắc yết-nam, lưu-chuyển quốc-độ, chư thủy mẫu đẳng, dĩ hà vi mục, kỳ</p>	<p>9. Thế-giới tương-đãi luân-hồi, gốc xảo-quyết điên-đảo,</p> <ul style="list-style-type: none"> - hiệp nhิêm-cảnh, thành vô-số loạn-tưởng nhân-y, - nên chủng-tử chẳng phải sắc tưởng mà hóa sắc tưởng lưu-chuyển khắp xứ, do đó có loài thủy-mẫu như sứa lấy bọt

loại sung-tắc.	nước làm thân, cho tới các loài vi-trùng nương vật mà sống.
<p>_ Do nhân thế-giới, tương-dẫn luân-hồi, tánh điên-đảo cố.</p> <p>_ Hòa-hiệp chú thành, bát vạn tứ thiêng, hô-triệu loạn-tưởng.</p> <p>_ Do thị cố-hữu, phi vô sắc-tưởng, vô-sắc yết-nam, lưu-chuyển quốc-độ, chú trớ yểm sanh, kỳ loại sung-tắc.</p>	<p>10. Thế-giới tương-dẫn luân-hồi, gốc huyền-mị điên-đảo,</p> <ul style="list-style-type: none"> - hiệp bùa ngải thành vô-số loạn-tưởng hô-triệu, - nên tà-tưởng không phải vô-sắc mà thành vô-sắc lưu-chuyển khắp xứ, do đó có các loài chuyên khoa thư phù tà-thuật ngoại-đạo.
<p>_ Do nhân thế-giới, hiệp-vọng luân-hồi, võng điên-đảo cố.</p> <p>_ Hòa-hiệp dị thành, bát vạn tứ thiêng, hồi-hổ loạn-tưởng.</p> <p>_ Như-thị cố-hữu, phi hữu-tưởng tưởng, thành-tưởng yết-nam, lưu-chuyển quốc-độ, bỉ bồ-lư đắng, dị chất tưởng-thành, kỳ loại sung-tắc.</p>	<p>11. Thế-giới mê vọng luân-hồi, gốc dối trú điên-đảo,</p> <ul style="list-style-type: none"> - hiệp tưởng hôn-trầm, thành vô-số loạn-tưởng hồi-hổ, - nên hôn-muội tưởng không phải hữu-tưởng mà hóa hữu-tưởng lưu-chuyển khắp xứ, do đó có các loài dị-chất tưởng thành, ví-dụ như loài dơi gốc là “chuột”, không có tưởng làm dơi nhưng rốt cuộc thành dơi.
<p>_ Do nhân thế-giới, oán-hại luân-hồi, sát điên-đảo cố.</p> <p>_ Hòa-hiệp quái thành, bát vạn tứ thiêng, thực phụ-mẫu tưởng.</p> <p>_ Như-thị cố-hữu, phi vô-tưởng tưởng, vô-tưởng yết-nam, lưu-chuyển quốc-độ.</p> <p>_ Như-thổ-cưu đắng, phụ khói vi nhi, cập phá-kính điểu, dĩ độc thọ quả, bão vi kỳ tử, tử thành phụ-mẫu, giai tao kỳ thực, kỳ loại sung-tắc.</p> <p>(_ Như con thó-cưu, áp khói đất làm con và chim phá-kính, áp quả cây độc làm con, con lớn lên, thì cha mẹ đều bị chúng ăn thịt, các loài đầy rẫy.)</p>	<p>12. Thế-giới cừu-hận luân-hồi, gốc thù-oán giết hại điên-đảo, oan-oan tương-báo,</p> <ul style="list-style-type: none"> - hiệp nghịch cảnh thành vô-số loạn-tưởng, ăn thịt lẩn nhau, - nên ác-duyên chẳng phải vô-tưởng mà hóa vô-tưởng lưu-chuyển khắp xứ, - do đó có loài chim thó-cưu sanh con, con lớn ăn thịt mẹ, và loài chim phá-cánh sanh con, con lớn ăn thịt cha.
_ Thị danh chúng-sanh thập nhị chủng loại.	_ Đó là thập nhị chủng-loại thế-giới chúng-sanh.
DỊCH ÂM ĐỆ THẤT QUYẾN CHUNG	DIỄN NGHĨA HẾT QUYẾN BẨY

YẾU-GIẢI KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM QUYỀN BẨY

(1) Tam nghiệp thân khẩu ý của chúng-sanh:

Tam nghiệp thân khẩu ý của chúng-sanh liên-hệ đến đời sống và vô-cùng quan-trọng trong việc chuyển-kiếp, như sau:

A. **Thân-nghiệp** là do thân làm, gồm có ba điều tội:

1. *Dâm-dục*: là xâm-phạm thân-thể nam nữ, vốn thiệt căn-bốn sanh-tử, khiến chúng-sanh tạo-tác trần-duyên oan-trái, lẩn quẩn trong vòng nghiệp-báo vay trả mà phải chịu luân-hồi mãi ở cõi ngũ-trược ác-thế đau khổ.

2. *Sát-sanh*: từ chư Phật, Thánh-Hiền, Tăng-bảo, phụ-mẫu v.v... các loài bò bay máy cưa có mạng sống, nếu cố sát, hoặc tự mình sát hoặc dạy người sát, hoặc thấy người sát mà vui theo, cho tới việc tự-tử thảy đều là tội sát-sanh.

3. *Thâu-đạo*: tất cả đồ vật của Tam-Bảo thường-trụ, của thập phuơng đàn-việt, của sĩ nông công thương, bất-luận của ai, dẫu vật nhỏ nhen như trái cà trái ớt, nếu người chủ không ưng-thuận mà lấy, hoặc lén lút, hoặc cướp giựt, hoặc lường gạt, hoặc mượn mà không trả, cho tới các việc đầu cơ, chợ đen, cân non, đo thiếu, giả danh, mạo tự, lạm-dụng công-đức của người để mưu-cầu danh-lợi cá-nhân thảy đều là tội thâu-đạo.

B. **Khẩu-nghiệp** là nghiệp do khẩu nói, gồm có bốn điều tội:

1. Nói giả dối, thấy phải nói quấy, thấy quấy nói phải, thấy nói không thấy, không thấy nói thấy, đặt điều gạt gãm, láo xược xảo-trá, nói năng vu vơ, không giữ lời hứa.

2. Nói thêu dệt, thêm bớt ngôn-ngữ, bóng bẩy nhảm nhí, qui-quyết nham-hiem, bịa đặt những chuyện mơ hồ, hoang-đuờng huyễn-hoặc.

3. Nói độc-ác tức là nói hung dữ, mắng nhiếc chửi rủa, hăm dọa vu-cáo, thô-tục nhục-mạ, nói xấu nói hành, thổi lông tìm vết, vạch lá tìm sâu, gièm siểm kiêu-ngạo, chê bai phi-báng.

4. Nói hai lưỡi tức là nói đâm thọc, đến người này nói xấu người kia, đến người kia nói xấu người này, ngồi lê đói mách, đặt điều chia rẽ hai bên, phân-ly ân-nghĩa, xúi giục tranh-tụng, gây ra ác-cảm lấn nhau, hoặc trước khen sau chê, trước mặt nói phải, sau lưng nói quấy, làm chứng gian hại người.

– Nếu người phàm-phu tục-tử tự xưng chứng Thánh-quả, giả-mạo đức-hiệu của Phật, Bồ-Tát, A-La-Hán, chư Thánh-Hiền thì phạm tội đại-vọng-ngữ.

C. **Ý-nghiệp** là nghiệp do ý tưởng, gồm có ba điều tội:

1. *Tham-lam*: như tham-lam danh-lợi tài-sắc, tham-lam phú-quí vinh-hoa, tham-lam quyền-thế tước-vị, cho tới tham ăn, tham mặc, tham ngủ, tham cờ bạc, tham

vui chơi tửu-điếm trà-định, có mệt tham mười, có trăm tham ngàn, túi tham không đáy, người đa tham-dục đâu có ở Thiên-đàng cũng chưa vừa ý.

2. *Sân-hận*: như hờn giận, ganh tị, đố-ky, khen mình chê người, quý-trọng mình, khinh rẻ người, cống cao ngã-mạn, tự-phụ kiêu-căng, ghét cay ghét đắng, thù vơ oán chạ, có thủ-đoạn tiểu-nhân, tàn-bạo âm-mưu hại người. Sân-hận rất dễ làm hư hỏng chúng-sanh vì một đốm lửa sân-hận có thể đốt cháy cả vạn đám rừng công-đức.

3. *Si-mê*: như ngu-muội, tà-vạy, chấp ngã, chấp pháp, tư-tưởng sai lầm, thành-kien đen tối, không chịu nghe chơn-lý, không chịu học hiểu chánh-pháp tu-hành, không biết sợ nhân-quả tội phước, chẳng có tinh-thần phục-thiện, dị-đoan mê-tín, lấy chánh làm tà, lấy tà làm chánh, phạm-pháp phá-giới, buôn Phật bán Thánh, bất-hiểu bất-trung, vong-ân bội-nghĩa, phản-phúc lường gạt, mưu-sự lợi-kỷ tổn-nhân.

(2) Đoạn văn: Phước-đức tịnh-tu ở đạo-tràng.

Nếu vị Phật-tử nào có đại-căn phước-đức nhân-duyên, giữ tròn trai-tâm, đoạn-tuyệt dâm-tâm, xa lìa tham sân si, khỏi vòng danh-lợi tài-sắc, nghiêm-trì Phật-giới thanh-tịnh, sẫn Bồ-Đề Tâm, quyết-chí thuần-túy chơn-thiệt tu-hành giải-thoát, tất-nhiên tiến-hóa rất mau đến cảnh-trí chánh-định.

Như vị Phật-tử ấy an-lập đạo-tràng và an-trụ tịnh-tu ở đạo-tràng, phát đại-nguyện Bồ-Tát, cầu Tối-Thượng thừa, thân-tâm ra vào đều trong sạch, không vọng-tưởng ưu-phiền, cả ngày lẫn đêm (12 giờ theo Âm-lịch, 24 giờ theo Dương-lịch), dùng một bữa cơm Ngọ trai, chỉ khi cảm thấy mệt nhọc mới chịu nghỉ ngơi trong giây lát cho vừa khỏe rồi thức dậy, chí-thành hành đạo, dõng-mãnh sáu thời công-phu thiền-định, niệm Phật, tụng kinh, trì chú, cần-yếu là nhứt-tâm bất-loạn chuyên-niệm mật-chú *Đại Phật-Danh Thủ-Lăng-Nghiêm* nhiều hơn hết, tâm và chú viễn-thông, niệm-niệm liên-tục, trong mỗi sát-na đều có Tâm-chú Đại bách tản-cái: MA-HA TÁT-ĐÁT-ĐA BÁT-ĐÁT-RA, không bao giờ gián-đoạn.

Vị Phật-tử ấy nhứt-tâm hành đạo hoàn-toàn như vậy từ một thất, hai thất cho tới ba thất (21 ngày) thì mặc-nhiên được Đức Vô-Thượng Như-Lai đại-từ đại-bi phóng hào-quang vào đánh và cho vị Phật-tử ấy thấy rõ Hóa-Thân Như-Lai thị-hiện trước mặt, rờ đánh, vuốt ve an ủi, tiêu-vong nhứt-thiết vô-minh vọng-nghiệp, thành-tựu trí-tuệ trang-nghiêm, sau rốt thọ-ký cho Tự-Tâm Chơn-Như viễn-giác được khai-ngộ.

(3) Một trượng sáu thước:

- Trượng là đồ dùng để đo, dài mươi thước ta.
- Một thước ta theo lối xưa ở Á-Châu dài bằng 4 tấc của Âu-Tây.
- Như vậy một trượng sáu thước dài được 6 thước 40.

(4) Bán thăng:

- Thăng là món đo lường xưa bằng 1/10 đấu.
- Một đấu có 13 lít. Như vậy một thăng có 1,30 lít.
- Bán thăng tức là nửa thăng được 0,65 lít.

(5) Tam lạng:

- _ Lạng cũng gọi là lượng, một món đo lường bằng 1/16 của cân.
- _ Một cân nặng được 604,50 gr.
- _ Như vậy một lạng được $604,50 \text{ gr} : 16 = 37,78 \text{ gr}$.
- _ Tam lạng tức là ba lạng được: $37,78 \text{ gr} \times 3 = 113,34 \text{ gr}$.

(6) Đoạn văn: Phật thuyết mật-chú Thủ-Lăng-Nghiêm.

_ Nhục-kế là đảnh-tướng cao cả của Phật tượng-trưng Tâm Chơn-Như viễn-giác.

_ Hào-quang bá-bảo tượng-trưng cho trí-tuệ vô-lượng trong Bá-Giới.
_ Hoa sen quý báu tức là Bảo-Liên tượng-trưng cho Pháp-Bảo Vô-Thượng thâm-thâm vi-diệu.
_ Ngàn cánh sen tượng-trưng cho Thiên-Như.

_ Ngài Kim-Cang Mật-Tích gốc xưa là một vị Thiên-thần đầy đủ mật-trí mật-hạnh, có đại-nguyễn hộ-trì Chánh-Pháp Như-Lai, thường hiện oai-thế hùng-dũng khiến các loài ma quỷ tà-giáo ngoại-đạo khiếp sợ, không dám đốn phá Chánh-Pháp Như-Lai và hằng bảo-hộ những người chơn-tu chuyên-trì Phật-chú.

_ Nguyên Phật-chú vốn là chơn-ngôn do Phật dùng oai-lực thiêng liêng chū-nguyễn cho chúng-sanh đoạn-vọng hiển-chơn, thành-tựu viễn-mãnh phuortic-tuệ, chỉ có Phật với Phật hiểu-thấu. Các bậc Bồ-Tát còn chưa hiểu-thấu, huống chi hạng phàm-phu thì vô phuơng luận-giải. Như vậy Phật-chú linh-cảm phi-phàm, không thể nghĩ bàn được.

_ Phật-chú không phải lấy văn-tự làm chủ-yếu, nên diễn-đạt bằng tiếng Phạm, Pâli, Hán hoặc Việt v.v..., dù có sai giọng một phần nào cũng chẳng quan-hệ.

Phật-chú gọi là Tâm-chú, niệm chú như niệm Tâm, trì chú tức trì Tâm thì dĩ-nhiên hiệu-lực thiêng liêng căn-cứ ở Tâm, lấy Tâm làm nguồn gốc.

Nguyên Phật-chú có ba hiệu-lực thiêng liêng:

1. **Thiệt-Ngữ-Lực**: tức là sức thiêng liêng của Chơn-Thiệt-Ngữ Như-Lai từ-bi vô-lượng.
2. **Oai-Đức-Lực** : tức là sức thiêng liêng của Chơn-Đức Như-Lai thường lạc ngã-tịnh.
3. **Lý-Pháp-Lực** : tức là sức thiêng liêng bao-hàm nhứt-thiết Diệu-Pháp Như-Lai Vô-Thượng Viễn-Giác.

Thế nên những người phát Bồ-Đề Tâm, chơn-thật tu-hành, cần cầu giải-mê thoát-khổ, lúc nào cũng nhứt-tâm chí-thành trì-niệm Phật-đảnh mật-chú Thủ-Lăng-Nghiêm, thì chắc chắn được chư Phật, Bồ-Tát, A-La-Hán cho tới ngài Kim-Cang Mật-Tích và Thiên-Long Bát-Bộ bảo-hộ cho đức-degree thanh-cao, tâm-trí sáng suốt, đồng-thời đoạn diệt vô-minh, vọng-nghiệp, phiền-não sở-tri, tiêu-trừ các thứ oan-gia trái-chủ, nghịch-cảnh ác-duyên, tai-nạn tật-bệnh, ác-quỷ chướng-ma, tóm tắt lại, vạn sự đều được như ý sở-cầu chơn-chánh.

(7) **Tội tú-khí:** Tú-khí hoặc gọi là tú ba-la-di, bốn tội nặng nhứt trong phái Tỳ-khưu, như sau:

1. Dâm-dục.
2. Sát-sanh.
3. Thâu-đạo.
4. Vọng-ngữ.

Vì nào thọ giới Tỳ-khưu rồi mà phạm bốn tội ấy thì bị khai-trừ vĩnh-viễn ra khỏi Phật-pháp.

(8) **Tội bát-khí:** Bát-khí hoặc gọi là bát ba-la-di, tám tội nặng nhứt trong phái Tỳ-khưu-ni, như sau:

1. Dâm-dục.
2. Sát-sanh.
3. Thâu-đạo.
4. Vọng-ngữ.
5. Ma-xúc giới. *(Cố ý dụng vào thân đàn ông.)*
6. Tâm-sự thành trọng-giới. *(Vào phòng tâm-sự hẹn hò với đàn ông.)*
7. Phú-tàng tha trọng-tội giới. *(Che dấu tội lỗi cho một Tỳ-khưu-ni phạm đại-giới.)*
8. Tùy-thuận bị-cử Tỳ-khưu giới. *(Giúp đỡ một Tỳ-khưu-ni phạm giới đã bị đuổi.)*

Vì nào thọ giới Tỳ-khưu-ni rồi mà phạm tám tội ấy thì bị khai-trừ vĩnh-viễn ra khỏi Phật-pháp.

YẾU-GIẢI HẾT QUYẾN BẨY

CHÚ-THÍCH: (2018)

DOẠN 14

_ **Kim-Cang Tạng Vương** (Bồ-Tát): Kim-Cang Tạng là tên gọi chung các vị Chấp Kim-Cang, cùng thể khác tên với Kim-Cang Tát-Đóa. Kim-Cang Tạng Vương tức là biến-hóa thân của Kim-Cang Tát-Đóa.

_ **Kim-Cang Chúng:** các vị thần cầm chày Kim-Cang, tức quyền-thuộc của thần Kim-Cang.

_ **Kim-Cang Thần, Kim-Cang Mật-Tích:** còn gọi là Mật-Tích Kim-Cang, Mật-Tích Lực-Sĩ, Kim-Cang Lực-Sĩ, Kim-Cang Thủ, Chấp Kim-Cang Thần v.v... là tên gọi chung các vị thần cầm chày Kim-Cang thể-hiện đại-uy ứng-hộ Phật-pháp.

_ **Thần-thức:** Tâm-thức của các loài hữu-tình linh-diệu không thể nghĩ bàn, nên gọi là thần-thức. Còn gọi là linh-hồn.

DOẠN 16 (Theo “Phật Học Từ Điển” của Đoàn Trung Còn.)

_ **Do-tuần** (由旬): Một đơn-vị đo lường bên Ấn-Độ ngày xưa. Một do-tuần bằng 16 dặm (ly) bên Trung-quốc. Nếu một dặm (ly) là 576 mét, thì một do-tuần là 9216 mét. Vậy 12 do-tuần là 192 dặm (ly) hay khoảng 110,5 km.

_ **Do-tuần** (yojana): Theo Pāli-English dictionary của T.W.Rhys Davids: 1 yojana = 10 km.

Theo The Buddhist Monastic Code:

1 yojana = 10 miles = 16 km.

419 – Thủ Lăng Nghiêm Kinh

HÒA-THƯỢNG THIỀN-SƯ
THÍCH TÙ-QUANG

**THỦ LĂNG NGHIÊM
KINH
DỊCH ÂM, DIỄN NGHĨA, YẾU GIẢI
QUYỂN TÁM**

**CHƠN-ĐỨC THIỀN-VIỆN
1948**

Dịch Âm THỦ-LĂNG-NGHIÊM KINH Đệ Bát Quyển	Diễn Nghĩa KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM Quyển Tám
1.	1. TAM TIỆM-THỨ TU-HÀNH.
<p>阿難如是眾生一一類中。亦各各具十二顛倒。猶如捏目。亂花發生。顛倒妙圓真淨明心。具足如斯虛妄亂想。汝今修證佛三摩提。於是本因元所亂想。立三漸次方得除滅。如淨器中除去毒蜜。以諸湯水并雜灰香。洗滌其器後貯甘露云何名為三種漸次。一者修習。除其助因。二者真修。剗其正性。三者增進。違其現業。</p> <p>_ A-Nan! Như-thị chúng-sanh, nhứt nhứt loại trung, diệc các các cụ, thập nhị diên-dảo.</p> <p>_ Du như niết mục, loạn hoa phát-sanh, diên-dảo diệu-viên, chơn-tịnh minh-tâm, cụ-túc như tư, hư-vọng loạn-tưởng.</p> <p>_ Như kim tu chứng, Phật tam-ma-đề, ư thị bốn-nhân, nguyên sở loạn-tưởng, lập tam tiệm-thứ, phuơng đắc trừ diệt; như tịnh khí trung, trừ khử độc mật, dĩ chư thang thủy, tinh tạp khôi hương, tẩy địch kỳ khí, hậu trừ cam-lộ.</p> <p>_ Vân hà danh vi, tam chủng tiệm-thứ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhứt giả : Chơn-tu trừ kỳ trợ-nhân. - Nhị giả : Chơn-tu khóa kỳ giới-tánh. - Tam giả : Chơn-tu vi kỳ hiện-nghiệp. 	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>_ A-Nan! Mỗi loại chúng-sanh đều có 12 món diên-dảo, một món nổi dậy thì các món khác đều theo.</p> <p>_ Ví như bấm con mắt thì thấy vô-số hoa đốm hiện giữa hư-không, đó là Tâm Chơn-Như quang-minh chơn-tịnh diệu-viên, bị diên-dảo ám che mà hình như có các loạn-tưởng hư-vọng.</p> <p>_ Nếu nay tu-chứng pháp Như-Lai chánh-định, thì thể theo cội gốc diên-dảo loạn-tưởng ấy mà lập tiệm-thứ đoạn trừ hư-vọng; ví như muốn đựng nước cam-lộ, phải dùng một cái bình tinh-khiết, trước hết phải trừ-khử cặn bã ở trong bình, dùng nước sôi, nước tro và nước thơm rửa vật-dụng ấy cho thật sạch sẽ rồi mới đựng nước cam-lộ.</p> <p>_ Thế nào là ba tiệm-thứ?</p> <p>Ba tiệm-thứ là:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tiệm-thứ tu-hành dứt trợ-nhân. 2. Tiệm-thứ tu-hành dứt giới-tánh. 3. Tiệm-thứ tu-hành dứt hiện-nghiệp.

云何助因。阿難如是世界十二類生。不能自全依四食住。所謂段食觸食思食識食。是故佛說一切眾生皆依食住。

阿難一切眾生。食甘故生。食毒故死。是諸眾生求三摩提。當斷世間五種辛菜。是五種辛熟食發姪生啖增恚。如是世界食辛之人。縱能宣說十二部經。十方天仙嫌其臭穢咸皆遠離。諸餓鬼等因彼食次。舐其唇吻常與鬼住。福德日銷長無利益。是食辛人修三摩地。菩薩天仙十方善神不來守護。大力魔王得其方便。現作佛身來

為說法。非毀禁戒讚姪怒癡。命終自為魔王眷屬。受魔福盡墮無間獄。阿難修菩提者永斷五辛。是則名為第一增進修行漸次。

2. Vân hà trợ nhân?

_ A-Nan! Như-thị thế-giới, thập nhị loại sanh, bất năng tự toàn, y tú thực trụ. Sở-vị:

- đoạn-thực,
- xúc-thực,
- tư-thực,

- thức-thực.

_ Thị cố Phật thuyết nhứt-thiết chúng-sanh, giai y thực trụ.

_ A-Nan! Nhứt-thiết chúng-sanh, thực cam cố sanh, thực độc cố tử.

_ Thị chư chúng-sanh, cầu Tam-ma-đề, đương đoạn thế-gian, ngũ chủng tân thái; thị ngũ chủng tân, thực thực phát dâm, sanh diêm tăng nhuế. Như-thị thế-giới, thực tân chi nhân, túng năng tuyênn thuyết, thập nhị bộ kinh.

(..., nǎm thứ rau cay này, ăn chín thì phát lòng dâm, ăn sống thì thêm lòng giận; những người ăn rau cay đó, trên thế-giới, dù biết giảng nói 12 bộ kinh.)

_ Thập phương Thiên Tiên, hiêm kỳ xứng, hàm giai viễn-ly.

(_ Thiên-Tiên mười phương, hiêm vì nó hôi nhởn, đều tránh xa cả.)

_ Chư ngạ quý đặng, nhân bỉ thực thứ, để (/thi:liếm) kỳ thần vẫn (môi mép), thường dữ quý trụ, phước đức nhụt tiêu, thường vô lợi ích.

(_ Các loài ngạ-quý, v.v... nhân trong lúc người kia ăn rau cay, liếm môi mép của người đó, người ấy thường ở với quỷ một chỗ, phúc-dec ngày càng tiêu, hằng lâu không được lợi-ích.)

_ Thị thực tân nhân, tu Tam-ma-địa, Bồ-Tát Thiên-Tiên, thập phương Thiên-Thần, bất lai thủ-hộ.

2. Trợ-nhân là chi và làm thế nào dứt?

_ A-Nan! Thập nhị chủng loại chúng-sanh không thể bảo-toàn mạng-căn và hằng ngày phải ăn để sống. Có 4 cách-thức ăn:

1. Ăn bằng cách nhai nhỏ.
2. Ăn bằng cách hưởng hơi.
3. Ăn bằng cách an vui thiền-định mà no.
4. Ăn bằng cách giác-tâm mà no.

_ Do đó Đức Phật nói tất cả thập nhị chủng loại chúng-sanh đều dùng sự ăn làm trợ-nhân.

_ A-Nan! Chúng-sanh ăn đồ vật hiền thì sống, ăn đồ vật dữ thì chết.

_ Những người nào đã phát Bồ-Đề Tâm, tu phép chánh-định, có thọ đủ qui-giới, dĩ-nhiên *đoạn-tuyệt ngũ vị-tân* ở thế-gian; vì năm món ấy, như ăn chín thì vọng dâm, ăn sống thì vọng sân; nếu còn ăn ngũ vị-tân thì dầu miệng nói suốt thập nhị bộ chơn-kinh bí-diển cũng khó đạt hiệu-quả.

_ Chư Thiên-Tiên không chịu nổi mùi ngũ vị-tân từ miệng bay ra, nên thường xa lánh những người ăn năm món ấy.

_ Các loài ngạ-quý ác-ma ưa ngũ vị-tân, hay thừa dịp người ăn, xúm lại ngửi hơi, liếm môi liếm mép, thành thử người nào ăn ngũ vị-tân, hằng ngày sống chung với ma quỷ, bị tinh-thần của chúng chi-phối, tổn phước tổn đức, phước đức lần lần tiêu mất, nên thường gặp nhiều sự truân-chuyên khổ sở.

_ A-Nan! Người đã phát Bồ-Đề Tâm tu pháp chánh-định mà vẫn ham ăn ngũ vị-tân thì chẳng những thập phương chư

<p>(_ Người ăn rau cay đó, tu pháp Tam-ma-đề, Bồ-Tát Thiên-Tiên, thập phương Thiện-Thần không đến giữ gìn ủng-hộ.) Úng-hộ: nâng đỡ, che chở.</p> <p>_ Đại-lực Ma-vương, đắc kỳ phuơng-tiện, hiện tác Phật thân, lai vi thuyết-pháp, phi hủy cấm-giới, tán dâm nộ si.</p> <p>(_ Đại-lực Ma-vương được phuơng-tiện đó, hiện ra thân Phật, đến thuyết pháp cho người kia, chê phá cấm-giới, tán-thần dâm-dục, nóng giận, si-mê.)</p> <p>_ Mệnh chung tự vi Ma-vương quyến-thuộc, thọ ma-phuorraine tận, đọa Vô-gián ngục.</p> <p>(_ Đến khi mệnh chung, người ấy tự mình làm quyến-thuộc của Ma-vương; khi hưởng-thụ phúc ma hết rồi, thì đọa vào ngục Vô-gián.)</p> <p>_ A-Nan! Tu Bồ-Đề giả, vĩnh đoạn ngũ tân.</p> <p>(_ A-Nan! Người tu đạo Bồ-Đề, phải đoạn hẳn năm thứ rau cay.)</p> <p>_ Thị tặc danh vi đệ-nhứt tinh-tấn, tu-hành tiệm thứ.</p>	<p>Phật, Bồ-Tát, A-La-Hán, liệt vị Thánh-Tăng, cho tới chư Thiên đều không bảo-hộ được.</p> <p>_ Do đó Đại-lực Ma-vương có thêm thắng-lợi, thường giả làm Phật hiện ra giảng đạo, đốn phá Phật-luật, chê bai Thánh-Hiền Tăng, trái lại ca-tụng các việc báng-phá phá-giới, khích lệ những kẻ nghịch-Phật phản-sư, bịa đặt mè-tín dị-doan, huyễn-hoặc quyến-rũ, xúi giục người vi-phạm dâm, sát, đạo, vọng, tham sân si tà-kiến, sống theo ma-giáo; - đến lúc lâm-chung đầu-thai làm đồ-chúng của Ma-vương, cho tới khi hết kiếp ma, phải đền tội sa-đọa vào Vô-gián địa-ngục.</p> <p>_ A-Nan! Người đã phát Bồ-Đề Tâm, tu pháp chánh-định, tất-nhiên phải kiêng cử ngũ vị-tân.</p> <p>_ Đó là đệ-nhứt tiệm-thứ tinh-tấn tu-hành.</p>
---	--

云何正性。阿難如是眾生入三摩地。要先嚴持清淨戒律。永斷婬心不食酒肉。以火淨食無啖生氣。

阿難是修行人。若不斷婬及與殺生出三界者無有是處。常觀婬欲猶如毒蛇如見怨賊。先持聲聞四棄八棄執身不動。後行菩薩清淨律儀執心不起。禁戒成就。則於世間。永無相生相殺之業。偷劫不行無相負累。亦於世間不還宿債。

是清淨人修三摩地。父母肉身。不須天眼。自然觀見十方世界。覩佛聞法親奉聖旨。得大神通遊十方界。宿命清淨得無艱嶮。是則名為第二增進修行漸次。

3. Vân hà giới-tánh?

_ A-Nan! Như-thị chúng-sanh, nhập Tam-ma-địa, yếu tiên nghiêm-trì thanh-tịnh giới-luật, vĩnh đoạn dâm-tâm, bất san tửu nhục, dĩ hỏa tịnh thực vô diệm sanh khí.

3. Giới-tánh là chi và làm thế nào dứt?

_ A-Nan! Những người có Bồ-Đề Tâm, đang tu pháp chánh-định, thì cần-yếu phải nghiêm-trì giới-luật thanh-tịnh, giữ trai-tâm, hoàn-toàn kiêng cử dâm, sát, rượu thịt, ngũ vị-tân, các món ăn có

<p>(_ A-Nan! Những người có Bồ-Đ Đề Tâm, đang tu pháp chánh-định, cốt yếu trước hết, phải nghiêm-chỉnh giữ giới thanh-tịnh, đoạn hận lòng dâm, không dùng rượu thịt, chỉ ăn đồ ăn trong sạch nấu chín, không ăn đồ sống.)</p> <p>_ A-Nan! Thị tu-hành nhân, nhược bất đoạn dâm, cập dữ sát sanh, xuất tam giới giả, vô hữu thị xứ.</p> <p>(_ A-Nan! Người tu-hành đó, nếu không đoạn dâm-dục và sát-sanh, mà ra khỏi được ba cõi, thì thật không có lẽ như vậy.)</p> <p>_ Đương quan dâm-dục, do như độc-xà, như kiến oán-tặc.</p> <p>_ Tiên tri Thinh-văn, tứ-khí bát-khí, chấp thân bát động; hậu hành Bồ-Tát, thanh-tịnh luật-nghi, chấp tâm bát khởi.</p> <p>(_ Trước hết, phải giữ tứ-khí, bát-khí của giới-luật Thinh-văn, nắm giữ cái thân không lay động; về sau, hành-trì luật-nghi thanh-tịnh Bồ-Tát, nắm giữ cái tâm không móng lén.)</p> <p>_ Cấm-giới thành-tựu, tắc ư thế-gian, vĩnh vô tương-sanh, tương-sát chi nghiệp, thâu kiếp bất hành, vô tương phụ lụy, diệc ư thế-gian, bất hoàn túc-trái.</p> <p>(_ Cấm-giới đã thành-tựu, thì ở trong thế-gian, hẵn không còn những nghiệp sanh nhau, giết nhau; đã không làm việc trộm cướp, thì không còn măc nợ nhau, và cũng khỏi phải trả các nợ kiếp trước trong thế-gian.)</p> <p>_ Thị thanh-tịnh nhân, tu Tam-ma-địa, phụ-mẫu nhục-thân, bất tu thiền-nhã, tự-nhiên quan kiến, thập phuong thế-giới, đỗ Phật văn pháp, thân phụng Thánh-chỉ, đắc đại lục thông, du thập phuong giới, túc mệnh thanh-tịnh, đắc vô gian-hiểm.</p> <p>(_ Con người thanh-tịnh ấy, tu pháp Tam-ma-đề, chính nơi nhục-thân cha mẹ sanh ra, không cần thiền-nhã, tự-nhiên thấy được thập phuong thế-giới, thấy Phật, nghe pháp, chính mình vâng lanh Thánh-chỉ của Phật, được phép đại-thần-thông, đi khấp thập phuong thế-giới; túc-mạng được thanh-tịnh, không còn những điều khó khăn nguy-hiểm.)</p>	<p>tánh-cách sát hại.</p> <p>_ A-Nan! Nếu tu-hành mà không đoạn-tuyệt dâm và sát thì chẳng bao giờ giải-thoát được tam giới phàm-phu thống-khổ.</p> <p>_ Thế nên người tu-hành phải xem dâm và sát như loài rắn độc hoặc kẻ giặc thù.</p> <p>_ Xa lánh các tội tứ-khí, bát-khí, bậc Thinh-văn Hữu-học giữ thân không bao giờ vi-phạm; cho tới về sau hành luật-nghi thanh-tịnh của bậc Bồ-Tát thì giữ tâm không bao giờ phát-khởi.</p> <p>_ Khi giới-đức thành-tựu, dầu ở thế-gian, cũng khỏi vi-phạm dâm và sát, luôn cả thâu-đạo, thì chẳng còn nợ nần túc-trái phải đền trả, chẳng còn chi hệ-lụy thân-tâm.</p> <p>_ Người có Bồ-Đ Đề Tâm, thanh-tịnh tu pháp chánh-định, khỏi phải có Thiên-nhã, mà với nhục-thân phụ-mẫu sở-sanh, cũng có thể xem thập phuong thế-giới, thấy Phật, nghe Pháp, tự thân-cận và vâng lanh Phật-chỉ Phật-ngôn, đắc lục thông (1) quảng-đại, du-hành thập phuong thế-giới, thành-tựu túc-mạng thanh-tịnh, thấu-triệt quá-khứ hiện-tại vị-lai, không còn sự gian-nguy khổ lụy.</p>
<p>_ Thị thanh-tịnh nhân, tu Tam-ma-địa, phụ-mẫu nhục-thân, bất tu thiền-nhã, tự-nhiên quan kiến, thập phuong thế-giới, đỗ Phật văn pháp, thân phụng Thánh-chỉ, đắc đại lục thông, du thập phuong giới, túc mệnh thanh-tịnh, đắc vô gian-hiểm.</p> <p>(_ Con người thanh-tịnh ấy, tu pháp Tam-ma-đề, chính nơi nhục-thân cha mẹ sanh ra, không cần thiền-nhã, tự-nhiên thấy được thập phuong thế-giới, thấy Phật, nghe pháp, chính mình vâng lanh Thánh-chỉ của Phật, được phép đại-thần-thông, đi khấp thập phuong thế-giới; túc-mạng được thanh-tịnh, không còn những điều khó khăn nguy-hiểm.)</p>	<p>_ Người có Bồ-Đ Đề Tâm, thanh-tịnh tu pháp chánh-định, khỏi phải có Thiên-nhã, mà với nhục-thân phụ-mẫu sở-sanh, cũng có thể xem thập phuong thế-giới, thấy Phật, nghe Pháp, tự thân-cận và vâng lanh Phật-chỉ Phật-ngôn, đắc lục thông (1) quảng-đại, du-hành thập phuong thế-giới, thành-tựu túc-mạng thanh-tịnh, thấu-triệt quá-khứ hiện-tại vị-lai, không còn sự gian-nguy khổ lụy.</p>

<p>_ Thị tặc danh vi đệ-nhị tăng-tấn, tu-hành tiệm thứ.</p>	<p>_ Đó là đệ-nhị tiệm-thứ tinh-tấn tu-hành.</p>
<p>云何現業。阿難如是清淨持禁戒人心無貪淫。於外六塵不多流逸。因不流逸旋元自歸。塵既不緣根無所偶。反流全一六用不行。十方國土皎然清淨。譬如琉璃內懸明月。身心快然妙圓平等獲大安隱。一切如來密圓淨妙皆現其中。是人即獲無生法忍。從是漸修隨所發行安立聖位。是則名為第三增進修行漸次。</p> <p>阿難是善男子欲愛乾枯根境不偶。現前殘質不復續生。執心虛明純是智慧。慧性明圓瑩十方界。乾有其慧名乾慧地。欲習初乾未與如來法流水接。</p>	
<p>4. Vân hà hiện-nghiệp?</p> <p>_ A-Nan! Như-thì thanh-tịnh, trì cấm-giới nhân, tâm vô tham-dâm.</p> <p>_ Ư ngoại lục-trần, bất đa lưu dật, nhân bất lưu-dật, toàn nguyên tự quy. (_ Không hay giong ruồi theo lục-trần ở ngoài, nhân không giong ruồi, tự xoay lại về tánh bẩm-nguyên.)</p> <p>_ Trần ký bất duyên, căn vô sở ngẫu, phản lưu toàn nhứt, lục dụng bất hành. (_ Trần đã không duyên, thì căn không ngẫu-hợp với đâu nữa; trở ngược dòng về chỗ toàn nhứt, sáu cái dụng không hiện hành.)</p> <p>_ Thập phương quốc-độ, hạo-nhiên thanh-tịnh, thí như Lưu-Ly, nội huyền minh-nguyệt.</p> <p>_ Thân-tâm khoái-nhiên, diệu-viên bình-đẳng, hoạch đại an-ổn, nhứt-thiết Như-Lai, mật-viên tịnh-diệu, gai hiện kỳ trung, thị nhân túc hoạch, vô-sanh pháp-nhẫn, tùng thị tiệm tu, tùy sở phát hành, an lập Thánh-vị.</p> <p>_ Thị đắc danh vi đệ-tam tăng-tấn tu-hành tiệm-thứ.</p>	<p>4. Sao gọi là dứt hiện-nghiệp?</p> <p>_ A-Nan! Người có Bồ-Đề Tâm, nghiêm-trì giới-luật thanh-tịnh, thì tâm <i>dứt sạch tham-nghiệp, dâm-nghiệp, sát-nghiệp và các tập-kí mê-muội</i>.</p> <p>_ Tâm không biến chuyển theo lục-trần và tự quay trở về Bổn-thể Chơn-Như Viên-giác.</p> <p>_ Trần không có sở-duyên, căn không có sở-đối, thì tác-dụng của căn không hành-động sai lầm được, hoàn-toàn trái nghịch với dòng ái-dục sanh-tử.</p> <p>_ Như vậy thập phương quốc-độ thuần một nét thanh-tịnh, chẳng khác chi ngọc Lưu-Ly hiện rõ vầng trăng tỏ.</p> <p>_ Thân được nhẹ nhàng, tâm được thanh thoát, nghiêm-mầu châu-viên bình-đẳng, an vui vô-tận, tất cả Như-Lai mật-viên tịnh-diệu đều hiển-hiện trong tâm, mặc-nhiên đắc vô-sanh pháp-nhẫn; tuân-tự tiến tu, tùy theo đạo-hạnh sở-phát mà an lập Thánh-quả.</p> <p>_ Đó là đệ-tam tiệm-thứ tinh-tấn tu-hành.</p>
<p>_ A-Nan! Thị Thiện-nam-tử, dục-ái can-khô, căn-cảnh bất ngẫu. Hiện-tiền tàn</p>	<p>_ A-Nan! Vì Thiện-nam-tử có Bồ-Đề Tâm, nghiêm-trì giới-luật thanh-tịnh, ái-</p>

<p>chất, bất phục tục sanh. Chấp tâm hư-minh, thuần thị trí-tuệ. Tuệ-tánh minh-viên, oánh thập phương giới. Can hữu kỵ tuệ, danh Can-Tuệ-Địa.</p> <p>(_ A-Nan! Thiện-nam-tử ấy, lòng dục-ái khô cạn, cạn và cản không ngẫu-hợp. Thân tàn hiện-tiền, không còn tiếp tục sanh nữa. Nấm cái tâm rõng sáng, thuần là trí-tuệ. Tánh trí-tuệ sáng suốt cùng khắp, soi thấu thập phương thế-giới. Chỉ có cái tuệ khô khan ấy, nên gọi là Can-Tuệ-Địa.)</p> <p>_ Dục tập sơ can, vị dữ Như-Lai, pháp lưu thủy tiếp.</p> <p>(_ Tập-kí ngũ-dục mới khô cạn, chưa tiếp giáp với dòng nước pháp của các Đức Như-Lai.)</p>	<p>dục khô cạn, nội-căn với ngoại-cảnh không phối-hiệp nhau; sắc thân dầu còn, nhưng chẳng sanh tiếp, tâm được thông suốt, trí-tuệ thuần-thục; Minh-Tánh châu-biển thập phương thế-giới, thành-tựu can-tuệ gọi là Can-Tuệ-Địa.</p> <p>Can-Tuệ-Địa: thế-trí khô cạn, ái-dục không còn, cạn và cản không còn phối-hiệp, nhưng chưa được Thánh-quả vì đạo-hạnh và trí-tuệ Bát-Nhã chưa phát sáng.</p> <p>_ Tuy-nhiên ái-dục vừa khô cạn, chưa hiệp được với nước pháp-lưu của bậc Như-Lai tương-tiếp, như vậy phải hành đạo trải qua 54 địa-vị Bồ-Tát nữa mới cứu-cánh Phật-quả.</p>
---	--

5.	5. THẬP-TÍN BỒ-TÁT.
<p>1 即以此心中中流入。圓妙開敷從真妙圓。重發真妙妙信常住。一切妄想滅盡無餘。中道純真名信心住。</p> <p>2 真信明了一切圓通。陰處界三不能為礙。如是乃至過去未來。無數劫中捨身受身。一切習氣皆現在前。是善男子皆能憶念。得無遺忘名念心住。</p> <p>3 妙圓純真真精發化。無始習氣通一精明。唯以精明進趣真淨名精進心。</p> <p>4 心精現前純以智慧名慧心住。</p> <p>5 執持智明周遍寂湛。寂妙常凝名定心住。</p> <p>6 定光發明性深入。唯進無退名不退心。</p> <p>7 心進安然保持不失。十方如來氣分交接名護法心。</p> <p>8 覺明保持能以妙力。迴佛慈光向佛安住。猶如雙鏡光明相對。其中妙影重重相入名迴向心。</p> <p>9 心光密迴獲佛常凝。無上妙淨安住無為。得無遺失名戒心住。</p> <p>10 住戒自在能遊十方。所去隨願名願心住。</p>	
<p>_ Tức dĩ thử tâm trung trung lưu nhập, viên diệu khai phu, tùng chơn diệu viên, trùng phát chơn diệu.</p> <p>(_ Tức lấy cái tâm ấy, chính giữa chính giữa lần vào, tánh viên-diệu mở mang, từ chỗ chơn-diệu-viên lại phát ra chơn-diệu.)</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>1) A-Nan! Dùng tâm can-tuệ, hiệp với dòng Pháp-lưu khiến tâm ấy khai-thông viên-mẫn, nhờ đó tinh-tấn tu-hành đến bậc Chơn-Diệu;</p>

<p>_ Diệu-tín thường-trụ, nhứt-thiết vọng-tưởng, diệt tận vô dư, trung-đạo thuần-chơn, danh <i>Tín-Tâm-Trụ</i>.</p> <p>(_ Tánh diệu-tín thường-trụ, tất cả vọng-tưởng diệt hết không còn, trung-đạo được thuần chơn, gọi là <i>Tín-Tâm-Trụ</i>.)</p>	<p>- đức tín nhiệm-mẫu thường-trụ, tất cả vọng-tưởng điên-dảo đều tiêu-vong, chỉ có trung-đạo thuần-nhứt chơn-thiệt, gọi là <i>Tín-Tâm-Trụ</i>.</p>
<p>_ Chơn-tín minh-liễu, nhứt-thiết viễn-thông, ấm xứ giới tam, bất năng vi ngại.</p> <p>_ Như-thị nai chí, quá-khứ vị-lai, vô số kiếp trung, xả thân thọ thân, nhứt-thiết tập khí, giai hiện-tại tiền, thị Thiện-nam-tử, giai năng ức niệm, đắc vô di vong, danh <i>Niệm-Tâm-Trụ</i>.</p> <p>(_ Như thế cho đến trong vô-số kiếp quá-khứ vị-lai, tất cả tập-khí xả thân thọ thân đều hiện ra trước mặt, Thiện-nam-tử ấy đều có thể nhớ nghĩ được, không quên mất gì, gọi là <i>Niệm-Tâm-Trụ</i>.)</p>	<p>2) Đức tín chơn-thiệt sáng tỏ thì nhứt-thiết đều viễn-thông, 5 ấm, 12 xứ, 18 giới không thể nào ngăn ngại được;</p> <p>- những sự xả-thân, thọ-thân trong vô-số kiếp quá-khứ và vị-lai, cho tới các tập-khí hiện-tiền, người Thiện-nam-tử tu-hành nhớ hết, không sót một mảy, gọi là <i>Niệm-Tâm-Trụ</i>.</p>
<p>_ Diệu-viên thuần-chơn, chơn-tinh phát hóa, vô thí tập khí, thông nhứt tinh-minh.</p> <p>(_ Tánh diệu-viên thuần-chơn, chơn-tinh phát hóa ra, các tập-khí vô-thí đều thông vào một tánh tinh-minh.)</p> <p>_ Duy dĩ tinh-minh, tấn thú chơn-tịnh, danh <i>Tinh-Tấn-Tâm</i>.</p> <p>(_ Chỉ dùng tinh-minh ấy, tiến đến chỗ chơn-tịnh, gọi là <i>Tinh-Tấn-Tâm</i>.)</p>	<p>3) Giữ được tâm thuần-nhứt chơn-thiệt, mẫu-nhiệm châu-viên thì thể chơn-tinh phát-sanh, tất cả tập-khí từ vô-thí đều dứt sạch;</p> <p>- chỉ có một thể chơn-tinh sáng suốt, người Thiện-nam-tử dùng thể ấy tinh-tấn, đáng bậc chơn-thiệt thanh-tịnh, gọi là <i>Tinh-Tấn-Tâm</i>.</p>
<p>_ Tâm tinh hiện-tiền, thuần dĩ trí-tuệ, danh <i>Tuệ-Tâm-Trụ</i>.</p>	<p>4) Tâm tinh-tấn nhiệm-mẫu, viễn-dung vô-ngại, dùng toàn trí-tuệ, gọi là <i>Tuệ-Tâm-Trụ</i>.</p>
<p>_ Chấp-trì trí minh, châu-biến tịch-trạm, tịch-diệu thường ngưng, danh <i>Định-Tâm-Trụ</i>.</p> <p>(_ Nắm giữ trí-tuệ sáng suốt, lặng đứng cùng khấp, tánh tịch-diệu thường đứng lại, gọi là <i>Định-Tâm-Trụ</i>.)</p>	<p>5) Giữ tròn trí-tuệ quang-minh, thanh-tịnh trang-nghiêm, huyền-diệu châu-viên, không còn chi vọng-xúc, thành-tựu đại-định, gọi là <i>Định-Tâm-Trụ</i>.</p>
<p>_ Định-quang phát-minh, minh tánh thâm-nhập, duy tấn vô thối, danh <i>Bất-Thối-Tâm</i>.</p> <p>(_ Định-quang phát-minh, đi sâu vào tánh sáng suốt, chỉ có tối, chớ không lui, gọi là <i>Bất-Thối-Tâm</i>.)</p>	<p>6) Đại-định sáng suốt, thâm-nhập Minh-Tánh, thì không bao giờ thối chuyển, luôn luôn tinh-tấn, gọi là <i>Bất-Thối-Tâm</i>.</p>

<p>_ Tâm tấn an nhiên, bảo trì bất thất, thập phương Như-Lai, khí phần giao-tiếp, danh <i>Hộ-Pháp-Tâm</i>.</p> <p>(_ Tâm an nhiên đi tới, giữ gìn không mất, giao-tiếp với khí-phần thập phương Như-Lai, gọi là <i>Hộ-Pháp-Tâm</i>.)</p>	<p>7) Giữ tròn tâm tinh-tấn thanh-tịnh an-nhiên, không sơ-suất và giao-hiệp với mười phương Như-Lai, vừa bảo-hộ Tâm-pháp, vừa bảo-hộ Phật-pháp, gọi là <i>Hộ-Pháp-Tâm</i>.</p>
<p>_ Giác-minh bảo-trì, năng dĩ diệu-lực, hồi Phật từ quang, hướng Phật an trú, do như song kính, quang minh tương đối, kỳ trung diệu-cảnh, trùng-trùng tương-nhập, danh <i>Hồi-Hướng-Tâm</i>.</p>	<p>8) Dùng oai-lực huyền-diệu gìn giữ tâm viên-giác và nhờ ánh sáng từ-bi của Phật an-trụ nơi tâm viên-giác, như hai cái gương đối-chiếu, ánh hiện trở lại bên trong, tương-nhập trùng-điệp, gọi là <i>Hồi-Hướng-Tâm</i>.</p>
<p>_ Tâm quang mật hồi, hoạch Phật thường ngưng, vô-thượng diệu-tịnh, an-trụ vô-vi, đắc vô di thất, danh <i>Giới-Tâm-Trụ</i>.</p> <p>(_ Tự-Tâm thầm xoay Phật-quang trở về, được vô-thượng diệu-tịnh thường-trụ của Phật, an-trụ nơi vô-vi, được không bỏ mất, gọi là <i>Giới-Tâm-Trụ</i>.)</p>	<p>9) Tâm-thể Chơn-Như xoay lại hiệp với ánh sáng từ-bi của Phật, tức là được tâm-thể thường-tịch thường-chiếu, như-như bất-động và Phật-cảnh vô-thượng diệu-tịnh an-trụ vô-vi, không một mảy sơ-suất, gọi là <i>Giới-Tâm-Trụ</i>.</p>
<p>_ Trụ-giới tự-tại, năng du thập phương, sở khứ tùy nguyện, danh <i>Nguyện-Tâm-Trụ</i>.</p> <p>(_ Tự-tại an-trụ nơi giới, có thể di khắp mười phương, tùy nguyện mà đi, gọi là <i>Nguyện-Tâm-Trụ</i>.)</p>	<p>10) Trụ-giới an-nhiên, tự-tại vô-ngại, tâm-thể thanh-tịnh nhiệm-mầu, nên du-hành khắp mươi phương quốc-độ, đi đâu cũng mãn nguyện, gọi là <i>Nguyện-Tâm-Trụ</i>.</p>

6.	6. THẬP-TRỤ BỒ-TÁT.
<p>1 阿難是善男子以真方便發此十心。心精發揮十用涉入。圓成一心名發心住。</p> <p>2 心中發明如淨瑠璃。內現精金。以前妙心履以成地名治地住。</p> <p>3 心地涉知俱得明了。遊履十方得無留礙名修行住。</p> <p>4 行與佛同受佛氣分。如中陰身自求父母。陰信冥通入如來種名生貴住。</p> <p>5 既遊道胎親奉覺胤。如胎已成人相不缺名方便具足住。</p> <p>6 容貌如佛心相亦同名正心住。</p> <p>7 身心合成日益增長名不退住。</p> <p>8 十身靈相一時具足名童真住。</p> <p>9 形成出胎親為佛子名法王子住。</p> <p>10 表以成人如國大王。以諸國事分委太子。彼剝利王世子長成。陳列灌頂名灌頂住。</p>	

<p>_ A-Nan! Thị Thiện-nam-tử, dĩ chơn phuong ti'en, phát thử thập tâm, tâm tinh phát huy, thập dụng thiệp nhập, viên-thành nhứt tâm, danh <i>Phát-Tâm-Trụ</i>.</p> <p>_ Tâm trung phát minh, như tịnh Lưu-Ly, nội hiện tinh kim (vàng ròng), dĩ tiễn diệu-tâm, lý dĩ thành địa, danh <i>Tri-Địa-Trụ</i>.</p> <p>_ Tâm địa thiệp tri, cu đắc minh-liễu, du lý thập phuong, đắc vô lưu ngại, danh <i>Tu-Hành-Trụ</i>.</p> <p>_ Hạnh dữ Phật đồng, thọ Phật khí phần, như trung-Ấm thân, tự cầu phụ-mẫu, âm-tín minh-thông, nhập Như-Lai chủng, danh <i>Sanh-Quý-Trụ</i>.</p> <p>_ Ký du đạo thai, thân phụng giác dận, như thai dĩ thành, nhân-tuởng bất khuyết, danh <i>Phương-Tiện Cụ-Túc-Trụ</i>.</p> <p>_ Dung-mạo (hình dáng) như Phật, tâm tuởng diệc đồng, danh <i>Chánh-Tâm-Trụ</i>.</p> <p>_ Thân-tâm hiệp thành, nhựt ích tăng-trưởng, danh <i>Bất-Thối-Trụ</i>.</p> <p>_ Thập thân linh-tuởng, nhứt-thời cự-túc, danh <i>Đồng-Chơn-Trụ</i>.</p> <p>_ Hình thành xuất thai, thân vi Phật-tử, danh <i>Pháp-Vương-Tử-Trụ</i>.</p> <p>_ Biểu dĩ thành nhân, như Quốc-Đại-Vương, dĩ quốc chư sự, phân ủy Thái-tử, bỉ Sát-Lợi-Vương, Thái-tử trưởng thành, trần liệt quán-đánh, danh <i>Quán-Đánh-Trụ</i>.</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1) Vị Thiện-nam-tử tu-hành, dùng phuong-tien chon-thiet phat-minh 10 tinh-tâm, thuần-thục 10 diệu-dụng của ngũ-căn ngũ-lực thâu-nhiếp lại, viên-thành nhứt-tâm, gọi là <i>Phát-Tâm-Trụ</i>. 2) Tự-Tâm quang-minh như Lưu-Ly trong sạch có hiện tinh-kim, nương theo tâm huyền-diệu trước mà tu-tập thành tâm-địa, gọi là <i>Tri-Địa-Trụ</i>. 3) Tâm-địa hòa-hiệp, thuần một thể vien-giác sáng suốt, nên du-hành khắp mươi phuong thế-giới, không có chi ngăn ngại, gọi là <i>Tu-Hành-Trụ</i>. 4) Hạnh đồng với hạnh Phật, thọ khí-phần của Phật, ví như trung-Ấm thân tự cầu phụ-mẫu, âm-tín minh-thông nhập giống Như-Lai, gọi là <i>Sanh-Quý-Trụ</i>. 5) Đã nhập giống Như-Lai, thừa-phụng Phật-chỉ, cũng như thành hình trong đạo-thai rồi thì tuởng người không thiếu sót, tức là có đủ phuong-tien độ-sanh, gọi là <i>Phương-Tiện Cụ-Túc-Trụ</i>. 6) Dung-mạo đã giống như Phật, tất-nhiên tâm-tuởng cũng đồng, gọi là <i>Chánh-Tâm-Trụ</i>. 7) Thân hiệp Phật-thân, tâm hiệp Phật-Tâm, tăng-trưởng phước-tuệ vô-lượng, gọi là <i>Bất-Thối-Trụ</i>. 8) Linh-tuởng của thập-thân (2) đồng-thời huyền-diệu viên-thông, gọi là <i>Đồng-Chơn-Trụ</i>. 9) Thập thân đầy đủ ví như xuất đạo-thai, làm chon Phật-tử nối dòng Như-Lai, gọi là <i>Pháp-Vương-Tử-Trụ</i>. 10) Thành-nhân sáng suốt, gánh vác Phật-sự, ví như vị Hoàng-đế ở trong xứ, đem quốc-chánh uỷ-nhiệm thái-tử, Đức Phật dùng cam-lộ thủy rưới lên đánh Bồ-Tát, chẳng khác chi Hoàng-đế thiết lê dùng hải-thủy rưới lên đầu thái-tử, gọi là <i>Quán-Đánh-Trụ</i>.
---	--

7.	7. THẬP-HẠNH BỒ-TÁT.
<p>1 阿難是善男子成佛子已。具足無量如來妙德。十方隨順名歡喜行。</p> <p>2 善能利益一切眾生名饒益行。</p> <p>3 自覺覺他得無違拒名無嗔恨行。</p> <p>4 種類出生窮未來際。三世平等十方通達名無盡行。</p> <p>5 一切合同種種法門。得無差誤名離癡亂行。</p> <p>6 則於同中顯現群異。一一異相各各見同名善現行。</p> <p>7 如是乃至十方虛空滿足微塵。一一塵中現十方界。現塵現界不相留礙名無著行。</p> <p>8 種種現前咸是第一波羅蜜多名尊重行。</p> <p>9 如是圓融能成十方諸佛軌則名善法行。</p> <p>10 一一皆是清淨無漏。一真無為性本然故名真實行。</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>1) A-Nan! Vị Thiện-nam-tử đã nêu trang Phật-tử thanh-tịnh, có đủ diệu-đức Như-Lai vô-lượng, hằng tùy thuận sở-nghệ của thập phương chúng-sanh mà cứu-độ, gọi là <i>Hoan-Hỷ-Hạnh</i>.</p> <p>2) Dùng năng-lực từ-bi khôn khéo làm lợi-ích cho nhứt-thiết chúng-sanh, gọi là <i>Nhiêu-Ích-Hạnh</i>.</p> <p>3) Tự mình giác-ngộ, lại năng giác-ngộ người, tự mình nhẫn-nhục lại năng dạy người nhẫn-nhục, do đó không còn một mảy hờn giận, gọi là <i>Vô-Sân-Hận-Hạnh</i>.</p> <p>4) Ứng hiện trong các loài để tùy duyên độ-sanh suốt ba đời quá-khứ hiện-tại cho tới vị-lai, thông-đạt cả thập phương, không bao giờ thối chuyển, gọi là <i>Vô-Tận-Hạnh</i>.</p> <p>5) Nhứt-thiết pháp-hạnh độ-sanh đều hiệp đồng vô-lượng pháp-môn Như-Lai, không bao giờ sai lạc, gọi là <i>Ly-Si-Loạn-Hạnh</i>.</p> <p>6) Trong pháp-hạnh hiệp đồng phát-hiện các pháp khác, trong các pháp khác vẫn thấy hiệp đồng pháp-hạnh, sự-lý viễn-dung vô-ngoại, gọi là <i>Thiện-Hiện-Hạnh</i>.</p> <p>7) Thập phương hư-không bao-hàm nhứt-thiết vi-trần, mỗi vi-trần biến-mã</p>

<p>trung, hiện thập phương giới, hiện trần hiện giới, bất tương lưu ngại, danh <i>Vô-Trước-Hạnh</i>.</p> <p>_ Chủng chủng biến-hiện, hàm thị đệ-nhứt, Ba-la-mật-đa, danh <i>Tôn-Trọng-Hạnh</i>.</p> <p>_ Như-thị viễn-dung, nǎng thành thập phương, chư Phật quý-tắc, danh <i>Thiện-Pháp-Hạnh</i>.</p> <p>_ Nhứt nhứt giai thị, thanh-tịnh vô-lậu, nhứt-chơn vô-vi, tánh bản-nhiên cố, danh <i>Chơn-Thiệt-Hạnh</i>.</p>	<p>thập phương thế-giới, hiện trần hiện giới viễn-dung vô-ngại, gọi là <i>Vô-Trước-Hạnh</i>.</p> <p>8) Các thứ biến hiện ấy ở trong độ đáo bỉ-ngạn đệ-nhứt, gọi là <i>Tôn-Trọng-Hạnh</i>.</p> <p>9) Viễn-dung vô-ngại nǎng thành qui-tắc của thập phương chư Phật tùy cơ, ứng thời độ-sanh, gọi là <i>Thiện-Pháp-Hạnh</i>.</p> <p>10) Tất cả pháp-hạnh đều thanh-tịnh vô-lậu, thuần-nhứt chơn-thiệt vô-vi, Tự-Tánh bản-nhiên cứu-cánh Diệu-quả, gọi là <i>Chơn-Thiệt-Hạnh</i>.</p>
---	--

8.	8. THẬP HỒI-HƯỚNG BỒ-TÁT.
<p>1 阿難。是善男子滿足神通成佛事已。純潔精真遠諸留患。當度眾生滅除度相。迴無為心向涅槃路。名救護一切眾生離眾生相迴向。</p> <p>2 壞其可壞遠離諸離。名不壞迴向。</p> <p>3 本覺湛然覺齊佛覺。名等一切佛迴向。</p> <p>4 精真發明地如佛地。名至一切處迴向。</p> <p>5 世界如來互相涉入得無罣礙。名無盡功德藏迴向。</p> <p>6 於同佛地地中各各生清淨因。依因發揮取涅槃道。名隨順平等善根迴向。</p> <p>7 真根既成十方眾生皆我本性。性圓成就不失眾生。名隨順等觀一切眾生迴向。</p> <p>8 即一切法離一切相。唯即與離二無所著。名如相迴向。</p> <p>9 真得所如十方無礙。名無縛解脫迴向。</p> <p>10 性德圓成法界量滅。名法界無量迴向。</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>1) A-Nan! Vì Thiện-nam-tử có đủ thán-thông thành-tựu Phật-sự, thuần-khiết tinh-chơn, xa lìa các lưu-hoạn, trong khi độ-sanh không có các tướng nǎng-degree sở-degree, hồi tâm vô-vi và chỉ hướng một đường Niết-Bàn, gọi là Cứu-Hộ Nhứt-Thiết Chứng-Sanh, Ly Chứng-Sanh Tướng Hồi-Hướng.</p>

<p>_ Hoại kỳ khả hoại, viễn ly chư ly, danh <i>Bất-Hoại Hồi-Hướng</i>.</p> <p>(_ Diệt hoại tất cả cái gì có thể diệt hoại, viễn ly các sự ly, gọi là <i>Bất-Hoại Hồi-Hướng</i>.)</p> <p>_ Bổn-giác trạm-nhiên, giác tề Phật-giác, danh <i>Đảng Nhứt-Thiết Phật Hồi-Hướng</i>.</p> <p>(_ Tánh bổn-giác đứng lặng, giác-ngộ bằng Phật...)</p> <p>_ Tinh-chơn phát minh, địa như Phật-địa, danh <i>Chí Nhứt-Thiết Xứ Hồi-Hướng</i>.</p> <p>_ Thế-giới Như-Lai, hổ-tương thiệp nhập, đắc vô quái-ngại, danh <i>Vô-Tận Công-Đức-Tạng Hồi-Hướng</i>.</p> <p>_ Ư đồng Phật địa, địa trung các sanh thanh-tịnh nhân, y nhân phát huy, thủ Niết-Bàn đạo, danh <i>Tùy-Thuận Bình-Đảng Thiện-Căn Hồi-Hướng</i>.</p> <p>_ Chơn-căn ký thành, thập phương chúng-sanh, giao ngã bốn-tánh. Tánh viên thành-tựu, bất thất chúng-sanh, danh <i>Tùy-Thuận Đảng-Quán Nhứt-Thiết Chúng-Sanh Hồi-Hướng</i>.</p> <p>(_ Chơn-căn đã thành-tựu, thập phương chúng-sanh đều là bốn-tánh của mình. Bốn-tánh viên-mãn thành-tựu, không bỏ mất chúng-sanh, gọi là ...)</p> <p>_ Tức nhứt-thiết pháp, ly nhứt-thiết tướng, duy tức dữ ly, nhị vô sở trước, danh <i>Chơn-Như-Tướng Hồi-Hướng</i>.</p> <p>(_ Tức tất cả pháp, ly tất cả tướng, cả tức và ly, hai cái đều không dính, gọi là ...)</p> <p>_ Chơn đắc sở như, thập phương vô-ngại, danh <i>Vô-Phuợc Giải-Thoát Hồi-Hướng</i>.</p> <p>_ Tánh-đức viên-thành, pháp-giới lượng diệt, danh <i>Pháp-Giới Vô-Lượng Hồi-Hướng</i>.</p>	<p>2) Hoại hết các pháp hoại, xa lìa hết các pháp xa lìa, gọi là <i>Bất-Hoại Hồi-Hướng</i>.</p> <p>3) Bổn-giác thanh-tịnh trong sạch an-nhiên hiệp đồng cứu-cánh giác của Phật, gọi là <i>Đảng Nhứt-Thiết Phật Hồi-Hướng</i>.</p> <p>4) Tự-Tâm Chơn-Như viên-giác tinh-chơn phát-minh diệu-dụng, thì tâm-địa đồng như Phật-địa, gọi là <i>Chí Nhứt-Thiết Xứ Hồi-Hướng</i>.</p> <p>5) Như-Lai và thế-giới chúng-sanh, liên-hệ lẫn nhau, không có chi ngăn ngại, gọi là <i>Vô-Tận Công-Đức-Tạng Hồi-Hướng</i>.</p> <p>6) Tâm-địa hiệp đồng Phật-địa, thì địa nào cũng phát-hiện nhân thanh-tịnh, do đó viên-chứng Niết-Bàn, gọi là <i>Tùy-Thuận Bình-Đảng Thiện-Căn Hồi-Hướng</i>.</p> <p>7) Chơn-căn tròn đủ, thì thập phương chúng-sanh không ngoài Tự-Tánh, do đó Tự-Tánh thành-tựu viên-mãn nhưng chẳng bao giờ quên độ chúng-sanh, gọi là <i>Tùy-Thuận Đảng-Quán Nhứt-Thiết Chúng-Sanh Hồi-Hướng</i>.</p> <p>8) Tức pháp ly tướng, “tức” và “ly” đều không dính mắc chi cả, gìn giữ trung-đạo, gọi là <i>Chơn-Như-Tướng Hồi-Hướng</i>.</p> <p>9) Tỏ ngộ được Chơn-Như thì thập phương pháp-giới không có chi ngăn ngại, gọi là <i>Vô-Phuợc Giải-Thoát Hồi-Hướng</i>.</p> <p>10) Viên-thành được minh-đức tánh thì không có hạn-định pháp-giới mênh mông, gọi là <i>Pháp-Giới Vô-Lượng Hồi-</i></p>
---	---

(_ Tánh-đức viễn-mẫn thành-tựu, lượng của pháp-giới diệt, gọi là...)	<i>Hướng.</i>
9.	9. TỨ GIA-HẠNH BỒ-TÁT.
<p>阿難是善男子盡是清淨四十一心。次成四種妙圓加行。即以佛覺用為己心。若出未出猶如鑽火。欲然其木名為煖地。又以己心成佛所履。若依非依如登高山。身入虛空下有微礙。名為頂地。心佛二同善得中道。如忍事人非懷非出。名為忍地。數量銷滅迷覺中道。二無所目名世第一地。</p>	
<p>_ A-Nan! Thị Thiên-nam-tử, tận thị thanh-tịnh, tứ thập nhứt tâm, thứ thành tứ chủng, diệu-viên gia hạnh.</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>_ A-Nan! Các vị Thiên-nam-tử nào thành-tựu tâm can-tuệ và thập-tín thập-trụ thập-hạnh thập hồi-hướng, tức là 41 tâm Bồ-Tát thanh-tịnh, thì theo tiệm-thứ mà thành-tựu tứ gia-hạnh huyền-diệu chau-viên như sau:</p>
<p>_ Tức dĩ Phật giác, dụng vi ký tâm, nhược xuất vị xuất, dụ như tán hỏa, dục nhiên kỳ mộc, danh vi <i>Noān-Địa</i>.</p> <p>(_ Tức lấy Phật giác, dùng làm tâm mình...)</p>	<p>1) Lấy Phật-giác làm tâm-nhân của mình, nhưng Phật-giác đạt mà chưa đạt, ví như dùi cây vào lửa, lửa muối bén mà chưa bén, gọi là <i>Noān-Địa</i>.</p>
<p>_ Hựu dĩ ký tâm, thành Phật sở-lý, nhược y phi y, như đăng cao-sơn, thân nhập hư-không, hạ hữu vi ngại, danh vi <i>Đảnh-Địa</i>.</p> <p>(_ Lại lấy tâm mình, thành chỗ đứng của Phật...)</p>	<p>2) Lấy Bổn-Tâm làm chỗ sở-lý của Phật, nhưng nương mà chưa phải nương, ví như người leo núi cao, thân mình vào giữa hư-không mà chân vẫn chấm đất, còn ngăn ngại, gọi là <i>Đảnh-Địa</i>.</p>
<p>_ Tâm Phật nhị đồng, thiện đắc trung-đạo, như nhẫn sự nhân, phi hoài phi xuất, danh vi <i>Nhẫn-địa</i>.</p> <p>(_ Tâm và Phật là đồng, khéo được trung-đạo, ví như người biết nhìn, không phải ôm vào, nhưng cũng không phải phát ra, gọi là...)</p>	<p>3) Tâm Phật hiệp đồng, thiện-đắc trung-đạo, ví như người gặp việc nhẫn-nhục, không cam cũng không bỏ, gọi là <i>Nhẫn-Nhục-Địa</i>.</p>
<p>_ Số lượng tiêu-diệt, mê giác trung-đạo, nhị vô sở mục, danh <i>Thé Đê-Nhiết Địa</i>.</p> <p>(_ Số lượng đều tiêu-diệt, mê, giác và trung-đạo, cả hai đều không có gì.)</p>	<p>4) Khi nhân và quả khác nhau thì mê trung-đạo, khi nhân và quả đồng nhau thì giác trung-đạo. Nay Tâm-Phật hiệp đồng thì số lượng dứt tuyệt, hai thứ mê và giác cũng tiêu vong, siêu-thoát thế-pháp, gọi là <i>Thé Đê-Nhiết Địa</i>.</p>

10.	10. THẬP-DỊA BỒ-TÁT.
<p>1 阿難是善男子。於大菩提善得通達。覺通如來盡佛境界。名歡喜地。</p> <p>2 異性入同同性亦滅。名離垢地。</p> <p>3 淨極明生名發光地。</p> <p>4 明極覺滿名焰慧地。</p> <p>5 一切同異所不能至。名難勝地。</p> <p>6 無為真如性淨明露。名現前地。</p> <p>7 盡真如際名遠行地。</p> <p>8 一真如心名不動地。</p> <p>9 發真如用名善慧地。</p> <p>10 阿難是諸菩薩從此已往。修習畢功功德圓滿。亦自此地名修習位。慈陰妙雲覆涅槃海名法雲地。</p>	
<p>_ A-Nan! Thị Thiện-nam-tử, ư đại Bồ-Đề, thiện đắc thông-đạt, giác thông Như-Lai, tận Phật cảnh-giới, danh <i>Hoan-Hỷ-Địa</i>.</p> <p>_ Dị tánh nhập đồng, đồng tánh diệt diệt, danh <i>Ly-Cấu-Địa</i>.</p> <p>(_ Tánh khác nhập với đồng, tánh đồng cũng diệt.)</p> <p>_ Tịnh-cực minh sanh, danh <i>Phát-Quang-Địa</i>.</p> <p>_ Minh-cực giác mãn, danh <i>Diệm-Tuệ-Địa</i>.</p> <p>_ Nhứt-thiết đồng dị, sở bất năng chí, danh <i>Nan-Thắng-Địa</i>.</p> <p>_ Vô-vi Chơn-Như, tánh tịnh minh lộ, danh <i>Hiện-Tiền-Địa</i>.</p> <p>_ Tận Chơn-Như tế, danh <i>Viễn-Hành-Địa</i>.</p> <p>(_ Tột bờ bến Chơn-Như...)</p> <p>_ Nhứt Chơn-Như Tâm, danh <i>Bất-Động-Địa</i>.</p> <p>_ Phát Chơn-Như dụng, danh <i>Thiện-Tuệ-Địa</i>.</p> <p>_ A-Nan! Thị chư Bồ-Tát, tùng thủ dĩ vãng, tu tập tất công, công-đức viễn-mãm, diệt mục thử địa, danh “Tu-tập-</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>1) A-Nan! Vị Thiện-nam-tử tỏ ngộ quả vị Đại Bồ-Đề, giác-thông Như-Lai cho tới cảnh-giới của Phật, gọi là <i>Hoan-Hỷ-Địa</i>.</p> <p>2) Tâm Chơn-Như hiệp đồng Phật-cảnh, cho tới sau rốt tánh hiệp đồng cũng diệt, gọi là <i>Ly-Cấu-Địa</i>.</p> <p>3) Thanh-tịnh đến rốt ráo thì hoàn-toàn sáng suốt, gọi là <i>Phát-Quang-Địa</i>.</p> <p>4) Hoàn-toàn sáng suốt, tức là giác-ngộ viễn-mãm, gọi là <i>Diệm-Tuệ-Địa</i>.</p> <p>5) Nhứt-thiết đồng dị đều dứt hết, gọi là <i>Nan-Thắng-Địa</i>.</p> <p>6) Thật-hiện được tịnh-tánh Chơn-Như Vô-vi sáng suốt, gọi là <i>Hiện-Tiền-Địa</i>.</p> <p>7) Cứu-cánh Bổn-giác thuần-nhứt chơn-thiệt, như-như bất-động, gọi là <i>Viễn-Hành-Địa</i>.</p> <p>8) Hoàn-toàn Tự-Tâm Chơn-Như duy-nhứt, gọi là <i>Bất-Động-Địa</i>.</p> <p>9) Phát-huy diệu-dụng của Tự-Tâm Chơn-Như, gọi là <i>Thiện-Tuệ-Địa</i>.</p> <p>10) A-Nan! Chư Bồ-Tát tùng Tâm Chơn-Như, tu-tập viễn-mãm vô-lượng công-đức, từ địa-vị này trở lên tức là</p>

<p>vị”, từ-âm diệu-vân, phú Niết-Bàn hải, danh <i>Pháp-Vân-Địa</i>.</p> <p>(_ A-Nan! Các Bồ-Tát đó, từ đây về trước...)</p>	<p>“Tu-tập-vị”, từ-âm diệu-vân chau-viên khắp Niết-Bàn hải, gọi là <i>Pháp-Vân-Địa</i>.</p>
---	---

<p>如來逆流如是菩薩。順行而至覺際入交名為等覺。 阿難從乾慧心至等覺已。是覺始獲金剛心中初乾慧地。如是重重單複十二。方盡妙覺成無上道。是種種地皆以金剛。觀察如幻十種深喻。奢摩他中。用諸如來毘婆舍那。清淨修證漸次深入。 阿難如是皆以三增進故。善能成就五十五位真菩提路。作是觀者名為正觀。若他觀者名為邪觀。</p>	
<p>11. Như-Lai nghịch lưu, (_ Như-Lai ngược dòng trở lại.)</p> <p>- như-thị Bồ-Tát, thuận hành nhi chí, giác-hải nhập-giao, giác tánh viễn-thông, danh vi <i>Đảng-Giác</i>. (_ Vì Bồ-Tát đó thuận dòng đi tới, giác-ngộ vào chỗ giao-tiếp với nhau, gọi là <i>Đảng-Giác</i>.)</p> <p>_ A-Nan! Tùng can-tuệ-tâm, chí <i>Đảng-Giác</i> dĩ, thị giác thí hoạch Kim-Cang tâm trung, <i>sơ-can-tuệ-địa</i>. (_ A-Nan! Từ tâm can-tuệ đến <i>Đảng-giác</i> rồi, giác đó mới bắt đầu được <i>sơ-can-tuệ-địa</i> trong tâm Kim-Cang.)</p> <p>_ Như-thị trùng trùng đơn phức thập nhị, phương tận Diệu-Giác, thành Vô-Thượng-Đạo. (_ Như vậy lớp lõi tu đơn, tu kép 12 vị, mới cùng tột Diệu-Giác, thành đạo Vô-thượng.)</p> <p>_ Thị chủng chủng địa, giai dĩ Kim-Cang, quán-sát như huyền, thập chủng thâm-dụ. (_ Các thứ địa ấy, đều lấy trí Kim-Cang quán-sát 10 thứ ví dụ như huyền sâu xa.)</p> <p>_ Sa-ma-tha trung, dụng chư Như-Lai, Tỳ-bà-xá-na, thanh-tịnh tu-chứng, tiệm-thứ thâm-nhập.</p> <p>_ A-Nan! Như-thị giai dĩ, tam tăng tiến</p>	<p>11. A-Nan! Chư Phật đi tắt, ngược dòng, khởi từ ngoài đi vào biển giác, - chư Bồ-Tát đi thuận dòng, thẳng đến biển giác, giác-tánh viễn-thông, gọi là <i>Đảng-Giác</i>. _ A-Nan! Tu-hành từ tâm can-tuệ tối bậc <i>Đảng-Giác</i> mới thấu-triệt trung-tâm điểm Kim-Cang của sơ-can-tuệ-địa. _ Trùng-trùng điệp-điệp ở trong 12 vị-trí, dày công-phu tu-hành mới tròn quả <i>Diệu-Giác</i>, thành đạo Vô-Thượng. _ Ví như 10 thứ ví dụ quán-sát, lý như huyền, dùng Bát-Nhã Kim-Cang quán nhân-địa vào quả-địa; - ở trong chánh-định, dùng phép quán của Như-Lai, tu-chứng thanh-tịnh, tuần-tự thâm-nhập Chơn-Thường. _ Như vậy do tam tiệm-thứ tu-hành tinh-</p>

<p>cố, thiện năng thành-tựu, ngũ thập ngũ vị, chơn Bồ-Đ Đề lộ.</p> <p>_ Tác thị quán giả, danh vi chánh-quán, nhược tha quán giả, danh vi tà-quán.</p> <p>(_ Làm cái quán như vậy, gọi là chánh-quán; nếu quán cách khác, gọi là tà-quán.)</p>	<p>tấn, khéo thành-tựu 55 địa-vị Bồ-Tát trên đường Chơn-Thiệt Giác-Ngộ trực-chỉ Tối-Thượng Niết-Bàn.</p> <p>_ Đó là chánh-quán, ngoài ra các pháp quán khác là tà-quán.</p>
--	---

12.	12. NĂM ĐỨC-HIỆU CỦA KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM.
<p>爾時文殊師利法王子。在大眾中即從座起。頂禮佛足而白佛言。當何名是經。我及眾生云何奉持。</p> <p>佛告文殊師利。是經名大佛頂悉怛多般怛囉無上寶印十方如來清淨海眼。亦名救護親因度脫阿難。及此會中性比丘尼。得菩提心入遍知海。亦名如來密因修證了義。亦名大方廣妙蓮華王十方佛母陀羅尼呪。亦名灌頂章句諸菩薩萬行首楞嚴。汝當奉持。</p>	<p>Khi ấy, ngài Văn-Thù-Sư-Lợi Pháp-Vương-Tử ở trong Đại-chúng đứng dậy, cung-kính đánh lạy và bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Đức Thế-Tôn có định danh-hiệu đặt cho kinh này chưa? Vậy kinh này gọi là kinh chi?</p> <p>_ Đại-chúng và tôi cần phụng-trì thế nào cho khế-hiệp Phật-chỉ?</p>
<p>_ Nhĩ thời Văn-Thù-Sư-Lợi Pháp-Vương-Tử, tại đại-chúng trung, tức tùng tòa khởi, đánh lạy Phật túc, nhi bạch Phật ngôn:</p> <p>_ Đương hà danh thị kinh.</p> <p>(_ Nên gọi kinh này là gì?)</p> <p>_ Ngã cập chúng-sanh, vân hà phụng-trì?</p> <p>(_ Tôi và chúng-sanh phải phụng-trì thế nào?)</p>	<p>_ Khi ấy, ngài Văn-Thù-Sư-Lợi Pháp-Vương-Tử ở trong Đại-chúng đứng dậy, cung-kính đánh lạy và bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Đức Thế-Tôn có định danh-hiệu đặt cho kinh này chưa? Vậy kinh này gọi là kinh chi?</p> <p>_ Đại-chúng và tôi cần phụng-trì thế nào cho khế-hiệp Phật-chỉ?</p>
<p>Phật cáo Văn-Thù-Sư-Lợi:</p> <p>_ Thị kinh danh:</p> <p>_ <i>Đại Phật-Đảnh Tát-Đát-Đa Bát-Đát-Ra, Vô-Thượng Bảo-Ấn, Thập Phương Như-Lai Thanh-Tịnh Hải-Nhân.</i></p> <p>_ Diệc danh: <i>Cứu-Hộ Thân-Nhân</i> (Độ thoát A-Nan cập Ma-Đăng-Già ư thử hội trung, Tánh Tỳ-khưu-ni, đắc Bồ-Đề Tâm, nhập Biển-Tri hải).</p> <p>_ Diệc danh: <i>Như-Lai Mật-Nhân, Tu-Chứng Liễu-Nghĩa.</i></p> <p>_ Diệc danh: <i>Đại-Phương-Quảng Diệu-Liên-Hoa-Vương Thập Phương Phật-Mẫu Đà-Ra-Ni Chú.</i></p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>_ Văn-Thù! Kinh này có năm đức-hiệu:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1) <i>Đại Phật-Đảnh Tát-Đát-Đa Bát-Đát-Ra, Vô-Thượng Bảo-Ấn, Thập Phương Như-Lai Thanh-Tịnh Hải-Nhân.</i> 2) <i>Cứu-Hộ Thân-Nhân.</i> (Vì cứu độ ngài A-Nan thoát nạn và nàng Ma-Đăng-Già ở trong Giáo-Hội, đắc tánh Tỳ-khưu-ni, đắc Tâm Bồ-Đề, vào biển Biển-Tri). 3) <i>Như-Lai Mật-Nhân, Tu-Chứng Liễu-Nghĩa.</i> 4) <i>Đại-Phương-Quảng Diệu-Liên-Hoa-Vương Thập Phương Phật-Mẫu Đà-Ra-Ni Chú.</i>

<ul style="list-style-type: none"> _ Diệc danh: <i>Quán-Dánh Chương-Cú, Chu Bồ-Tát Vạn-Hạnh Thủ-Lăng-Nghiêm.</i> _ Nhữ đương nhứt tâm chí thành phụng-trì. 	<p>5) <i>Quán-Dánh Chương-Cú, Chu Bồ-Tát Vạn-Hạnh Thủ-Lăng-Nghiêm.</i></p> <p>_ Văn-Thù! Ông và Đại-chúng cho tới nhứt-thiết chúng-sanh cần nhứt-tâm chí-thành phụng-trì tu-tập.</p>
--	--

13.	13. NHÂN-QUẢ CẨM-ÚNG.
<p>說是語已。即時阿難及諸大眾。得蒙如來開示密印般怛囉義。兼聞此經了義名目。頓悟禪那修進聖位。增上妙理心慮虛凝。斷除三界修心六品微細煩惱。</p>	
<ul style="list-style-type: none"> _ Thuyết thị ngữ dĩ, tức thời A-Nan, cật chư đại-chúng, đắc mông Như-Lai, khai-thị mật-ấn, “BÁT-ĐÁT-RA” nghĩa. _ Kiêm văn thử kinh, liễu-nghĩa danh mục, đốn-ngộ Thiền-na, tu tấn Thánh-vị, tăng-thượng diệu-lý. (_ Lại nghe được những tên gọi liễu-nghĩa của kinh này, liền ngô được diệu-lý tăng-thượng để tu tiến vào các Thánh-vị trong thiền-na.) _ Tâm lự hư-ngưng, đoạn trừ tam giới tu tâm lục phẩm, vi-tế phiền-não. 	<ul style="list-style-type: none"> _ Khi Đức Phật dạy xong, ngài A-Nan và Đại-chúng ngưỡng cầu Đức Phật khai-thị tâm-ấn vi-mật MA-HA TÁT-ĐÁT-ĐA BÁT-ĐÁT-RA; - vì nghe qua đức-hiệu liễu-nghĩa của kinh Thủ-Lăng-Nghiêm, các vị ấy tỏ ngộ pháp thiền-định trực-chỉ thành Phật, nhứt quyết tiến tu đến chỗ Diệu-Lý; <p>Liễu-nghĩa: nghĩa-lý đầy đủ, rõ ráo, trọn vẹn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - tâm được rỗng không vắng lặng, dứt sạch sáu phẩm vi-tế phiền-não ở tam giới phàm-phu.

即從座起頂禮佛足。合掌恭敬而白佛言。大威德世尊慈音無遮。善開眾生微細沈惑。令我今日身意快然得大饒益。

世尊若此妙明真淨妙心本來遍圓。如是乃至大地草木。蠕動含靈本元真如。即是如來成佛真體。佛體真實。云何復有地獄餓鬼畜生修羅人天等道。世尊此道為復本來自有。為是眾生妄習生起。

世尊如寶蓮香比丘尼。持菩薩戒私行姪欲。妄言行姪非殺非偷無有業報。發是語已先於女根生大猛火。後於節節猛火燒然墮無間獄。瑠璃大王善星比丘。瑠璃為誅瞿曇族姓。善星妄說一切法空。生身陷入阿鼻地獄。此諸地獄為有定處為復自然。彼彼發業各各私受。唯垂大慈發開童蒙。令諸一切持戒眾生。聞決定義歡喜頂戴謹潔無犯。

<p>14. A-Nan! Tức tùng tòa khởi, đánh lẽ Phật túc, hiệp-chưởng cung-kính, nhi bạch Phật ngôn:</p>	<p>14. Ngài A-Nan đứng dậy hiệp-chưởng cung-kính đánh lẽ và bạch Phật:</p>
--	---

<p>_ Đại Uy-Đức Thế-Tôn! Từ âm vô giá, thiện khai chúng-sanh, vi-tế trầm-hoặc, linh ngã kim nhụt, thân-tâm khoái-nhiên, đắc đại nhiêu-ích.</p> <p>(Vi-tế trầm-hoặc: lỗi lầm sâu kín nhỏ nhiệm).</p> <p>_ Thế-Tôn! Nhược thử diệu-minh, chơn-tịnh diệu-tâm, bốn-lai biến viễn, như-thị nai chí, đại-địa thảo-mộc, nhuýn-động hàm-linh, bốn-nguyên Chơn-Như, tức thị Như-Lai, thành Phật chơn-thể.</p> <p>_ Phật thể chơn-thiệt, vân hà phục hữu, Địa-ngục, Ngạ-quỷ, Súc-sanh, A-tu-la, Nhân, Thiên đẳng đạo?</p> <p>(_ Thể-tánh của Phật đã là chơn-thiệt, làm sao lại có các đạo Địa-ngục, Ngạ-quỷ, Súc-sanh, A-tu-la, loài người và Trời?)</p> <p>_ Thế-Tôn thử đạo, vi phục bốn-lai tự hữu, vi thị chúng-sanh vọng-tập sanh khởi.</p>	<p>_ Bạch Đức Thế-Tôn đại-từ đại-bi! Nhờ tiếng nói đại-từ vô-cùng quý báu khéo hiển-minh các vi-tế trầm-hoặc của chúng-sanh, khiến tôi nay được thân-tâm an vui, lợi-ích sâu xa vô-tận.</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Nếu căn-nguyên của Tâm Chơn-Như diệu-minh thanh-tịnh châu-biến viễn-mãnh, thì đáng lý bất cứ các loài vô-tình như đất đá cỏ cây, hoặc các loài hữu-tình như hàm-linh cử động đồng một căn-nguyên Chơn-Như, tức là Giác-Thể chơn-thiệt của Phật.</p> <p>_ Nhưng tại sao Giác-Thể như vậy lại có các đường Thiên, Nhân, A-Tu-La, súc-sanh, ngạ-quỷ và địa-ngục?</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Các đường phàm-phu ấy vì căn-nguyên Chơn-Như tự có, hay là tại tập-nghiệp hư-vọng của chúng-sanh khởi ra?</p>
<p>_ Thế-Tôn! Như Bửu-Liên-Hương Tỳ-khưu-ni, trì Bồ-Tát giới, tư hành dâm-dục, vọng-ngôn hành dâm, phi sát phi thâu, vô hữu tội báo; phát thị ngữ dĩ, tiên ư nữ-căn, sanh đại mãnh hỏa, hậu ư tiết tiết, mãnh hỏa thiêu nhiên, đọa Vô-gián ngục.</p> <p>_ Lưu-Ly đại-vương, Thiện-Tinh Tỳ-khưu, Lưu-Ly vị trụ Cù-Đàm tộc-tánh.</p> <p>_ Thiện-Tinh vọng-thuyết, nhứt-thiết pháp không, sanh thân hâm nhập, A-Tỳ địa-ngục.</p>	<p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Theo chõ thấy biết của tôi, có nàng Tỳ-khưu-ni Bảo-Liên-Hương đã thọ giới Bồ-Tát mà lén lút làm sự dâm-dục, tự nói dối rằng: hành dâm chẳng phải sát-sanh, chẳng phải trộm cắp thì không có tội lỗi quả-báo; nhưng khi nàng nói vừa dứt thì nũ-căn phát ra một thứ lửa dữ bốc lên, lần lần đốt cháy cả thân-thể, khiến thần-thức của nàng bị đầu-thai sa-đọa vào Vô-gián địa-ngục.</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Như vua Lưu-Ly vì thù-oán ở tiền-kiếp, oan-oan tương-báo mà giết dòng họ Cù-Đàm.</p> <p>_ Như vị Tỳ-khưu Thiện-Tinh vì bác bỏ luật nhân-quả, vọng-thuyết các pháp không có chi cả, mà hiện-kiếp sa-đọa A-Tỳ địa-ngục.</p>

<p>_ Thủ chư địa-ngục, vi hữu định xứ? (_ Các địa-ngục ấy, lại là có chỗ nhứt-định?)</p> <p>_ Vị phục tự-nhiên, bỉ bỉ phát nghiệp, các các tư thọ? (_ Hay là tự-nhiên khi các người kia gây nghiệp, thì mỗi người, mỗi người chịu riêng?)</p> <p>_ Duy thùy đại-tử, khai-phát đồng-mông, linh chư nhứt-thiết, trì giới chúng-sanh, văn quyết-định nghĩa, hoan-hỷ đánh-đái, cẩn-khiết vô-phạm.</p>	<p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Các địa-ngục có chỗ nhứt-định chăng? _ Chỉ riêng những kẻ nào tạo trọng-tội tự-nhiên thọ quả-báo sa-đọa vào đó?</p> <p>_ Ngưỡng-vọng Đức Thế-Tôn dū lòng đại-tử đại-bi khai sáng cho kẻ mê-muội này, và tất cả chúng-sanh biết thọ-trù giới-luật, nghe hiểu được nghĩa quyết-định, vui mừng cảm đội ân-đức Phật, và lo giữ mình trong sạch, không dám vi-phạm tội lỗi.</p>
---	---

佛告阿難快哉此問。令諸眾生不入邪見。汝今諦聽當為汝說。
阿難一切眾生實本真淨。因彼妄見有妄習生。因此分開內外分。

阿難內分即是眾生分內。因諸愛染發起妄情。情積不休能生愛水。是故眾生心憶珍羞口中水出。心憶前人或憐或恨目中淚盈。貪求財寶心發愛涎舉體光潤。心著行婬男女二根自然流液。

阿難諸愛雖別流結是同。潤濕不昇自然從墜此名內分。

阿難外分即是眾生分外。因諸渴仰發明虛想。想積不休能生勝氣。是故眾生心持禁戒舉身輕清。心持呪印顧眄雄毅。心欲生天夢想飛舉。心存佛國聖境冥現。事善知識自輕身命。

阿難諸想雖別輕舉是同。飛動不沈自然超越。此名外分。

阿難一切世間生死相續。生從順習死從變流。臨命終時未捨暖觸。一生善惡俱時頓現。死逆生順二習相交。

15. Phật cáo A-Nan:

_ Khoái tai thủ vấn.

(_ Hay thay lời hỏi đó.)

_ Linh chư chúng-sanh, bất nhập tà kiến.

(_ Khiến cho các chúng-sanh không mắc tà-kiến.)

_ Nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết.

_ A-Nan! Nhứt-thiết chúng-sanh, thiêt bốn chơn-tịnh.

15. Đức Phật dạy:

_ A-Nan! Lời hỏi của ông thật làhay!

_ Lời hỏi ấy có thể khiến chúng-sanh khỏi vòng tà-kiến.

_ Vậy ông hãy chăm chỉ nghe, Ta dạy cho.

_ A-Nan! Tất cả chúng-sanh đều có căn-bốn chơn-thiệt thanh-tịnh,

<p>_ Nhân bỉ vọng kiến, hữu vọng tập sanh, nhân thử phân khai, nội-phận ngoại-phận.</p> <p>(_ Nhân những vọng-kiến, mà có tập-khí hư-vọng sanh ra, vì thế chia ra có phận trong và phận ngoài.)</p>	<p>- nhưng vì trong lúc tối-sơ, khởi một niệm vô-minh mà có thấy vọng, vì thấy vọng mà sanh ô-nhiễm, vì ô-nhiễm mà hiện ra hư-vọng điên-dảo, do đó phân chia nội-phận và ngoại-phận.</p>
<p>_ A-Nan! Nội-phận tức thị, chúng-sanh phân nội.</p> <p>(_ A-Nan! Phận trong, tức là ở trong phận của chúng-sanh.)</p> <p>_ Nhân chư ái-nhiễm, phát khởi vọng-tình, tình tích bất hưu, năng sanh ái thủy.</p>	<p>_ A-Nan! <i>Nội-phận</i> là phần tình ở bên trong.</p> <p>_ Do ô-nhiễm mà khởi vọng-tình, rồi vọng-tình chất chứa mãi, không chịu dứt, mới sanh ra nước ái.</p>
<p>_ Thị cố chúng-sanh, tâm ức trân-tu, khẩu trung thủy xuất,</p> <p>- tâm ức tiền-nhân, hoặc liên hoặc hận, mục trung lụy dinh,</p> <p>- tham cầu tài bảo, tâm phát ái diên, cử thể quang nhuận,</p> <p>- tâm trú hành dâm, nam nữ nhị căn, tự-nhiên lưu dịch.</p> <p>(- tâm dính vào việc dâm-dục, thì hai căn nam nữ tự-nhiên lưu dịch-khí chảy ra.)</p>	<p>_ Thế nên chúng-sanh khi nhớ đồ ăn ngon thì miệng có nước miếng chảy,</p> <p>- khi nhớ tiền-nhân, hoặc thương tiếc, hoặc uất-hận, thì nhăn-cắn có nước mắt rơi,</p> <p>- cho tới khi tham cầu danh-vọng tài-bảo thì lòng ham muốn xôn xao,</p> <p>- khi có được thân-thể cường-tráng thì lòng ham muốn dâm-ô, dòng nước ái-tình chảy mạnh, gây ra oan-trái vay trả luân-hồi sanh-tử.</p>
<p>_ A-Nan! Chư ái tuy biệt, lưu kết thị đồng.</p> <p>(_ A-Nan! Các cái ái đó tuy khác nhau, nhưng kết-quả chảy nước là đồng.)</p> <p>_ Nhuận thấp bất thăng, tự-nhiên tùng truy, thử danh nội-phận.</p> <p>(_ Thấm ướt không lên được, tự-nhiên theo đó mà sa-đọa, ấy gọi là phận trong.)</p>	<p>_ Các thứ ái-nhiễm tùy vật mà có, hoặc nhiều hoặc ít, mỗi thứ mỗi riêng, nước ái hoặc chảy hoặc ngưng đều đồng lực nhau;</p> <p>- nhưng tánh nước ái thì ẩm thấp ướt át, trầm chớ không bổng, khiến chúng-sanh lên khó xuống dễ, bị sa lầy vào biển khổ sông mê, nên gọi là nội-phận.</p>
<p>_ A-Nan! Ngoại-phận tức thị, chúng-sanh phân-ngoại.</p> <p>(_ A-Nan! Phận ngoài, tức là ngoài phận của chúng-sanh.)</p> <p>_ Nhân chư khát ngưỡng, phát-minh hư-tưởng, tưởng tích bất hưu, năng sanh thăng khí.</p>	<p>_ A-Nan! <i>Ngoại-phận</i> là phần tưởng ở bên ngoài.</p> <p>_ Do sự khao khát ước ao mà có vọng-tưởng, rồi vọng-tưởng chất chứa mãi, không chịu dứt, mới sanh thăng-khí.</p>

<p>_ Thị cố chúng-sanh, tâm trì cấm-giới, cử thân khinh thanh.</p> <p>_ Tâm trì chú-ấn, cố miện hùng-nghị. (_ Tâm trì chú-ấn, con mắt ngó hùng-dũng nghiêm-nghị.)</p> <p>_ Tâm dục sanh Thiên, mộng-tưởng phi-cử. (_ Tâm muốn sanh lên cõi trời, chiêm bao thấy bay lên.)</p> <p>_ Tâm tồn Phật-quốc, Thánh cảnh minh-hiện. (_ Để tâm nơi cõi Phật, Thánh-cảnh thầm hiện ra.)</p> <p>_ Sự Thiện-Tri-Thức, tự khinh thân-mệnh. (_ Thờ vị Thiện-Tri-Thức, tự khinh rẻ thân-mệnh.)</p>	<p>_ Thế nên chúng-sanh biết lấy tâm trì giới-luật thì thân được nhẹ nhàng, trong sạch;</p> <ul style="list-style-type: none"> - tâm trì chú-ấn thì thân được thanh-tịnh, - tâm cầu về cõi Trời thì có mộng-tưởng bay bồng, - tâm tin tưởng vãng-sanh Phật-quốc thì Thánh-cảnh hiện rõ, - tâm ưng phụng-sự bậc Thiện-Tri-Thức thì chẳng ngại thân-mạng mệt nhọc.
<p>_ A-Nan! Chư tưởng tuy biệt, khinh cử thị đồng. Phi động bất trầm, tự-nhiên siêu-việt, thử danh ngoại-phận. (_ A-Nan! Các tưởng đó tuy khác, nhưng nhẹ nhàng cất lên thì đồng nhau. Cất bay không chìm xuống, tự-nhiên vượt lên, ấy gọi là phận ngoài.)</p>	<p>_ Các thứ vọng-tưởng ấy tùy việc mà có, hoặc nhiều hoặc ít, mỗi thứ mỗi riêng, thăng-khí hoặc lên hoặc xuống đều đồng lực nhau; nhưng thể-tánh của thăng-khí bồng chờ không trầm, khiến chúng-sanh có thể siêu-việt, nên gọi là ngoại-phận.</p>
<p>_ A-Nan! Nhứt-thiết thế-gian, sanh-tử tương-tục, sanh-tùng thuận-tập, tử-tùng biến-lưu, lâm-mệnh chung-thời, vị-xá-noãn-xúc, nhứt-sanh thiêng-ác, cu-thời đốn-hiện, tử-nghịch, sanh-thuận, nhị-tập-tương-giao. (_ A-Nan! Tất cả thế-gian, sống chết nối nhau, sống thuận theo tập-quán, chết thì đổi sang dòng khác, khi gần-mệnh chung, chưa hết hơi nóng, thiêng-ác một đời đồng-thời liền hiện ra; cái nghịch của chết, cái thuận của sống, hai tập-khí giao-xen lẫn nhau.)</p>	<p>_ A-Nan! Tất cả chúng-sanh ở thế-gian sống chết tương-tục, không dứt, sống thì huân-tập, chết thì lưu-chuyển, trong khi lâm-chung còn chút hơi thở ở giữa hai lối sống thuận chết nghịch, hai lối ấy giao-hiệp nhau thì các nghiệp lành dữ sở-tạo đều hiện ra.</p>

純想即飛必生天上。若飛心中兼福兼慧及與淨願。自然心開見十方佛。一切淨土隨願往生。情少想多輕舉非遠。即為飛仙大力。

鬼王。飛行夜叉地行羅刹。遊於四天。所去無礙。其中若有善願善。心護持我法。或護禁戒隨持戒人。或護神呪隨持呪者。或護禪定保綏法忍。是等親住如來座下。情想均等不飛不墮生於人間。想明斯聰情幽斯鈍。情多想少流入橫生。重為毛群輕為羽族。七情三想沈下水輪。生於火際。受氣猛火身為餓鬼。常被焚燒水能害己。無食無飲經百千劫。九情一想下洞火輪。身入風火二交過地。輕生有間重生無間二種地獄。純情即沈入阿鼻獄。若沈心中有謗大乘。毀佛禁戒誑妄說法。虛貪信施濫膺恭敬五逆十重。更生十方阿鼻地獄。循造惡業雖則自招眾同分中兼有元地。阿難此等皆是彼諸眾生自業所感。造十習因受六交報。

<p>16. Thuần tưởng tức phi, tất sanh Thiên-thượng.</p> <p>_ Nhược phi tâm trung, kiêm phước kiêm tuệ, cập dữ tịnh nguyện, tự-nhiên tâm khai, kiến thập phương Phật, nhứt-thiết Tịnh-độ, tùy nguyện vãng-sanh.</p>	<p>16. Chúng-sanh nào chau-toàn về phần tưởng thì được nhẹ nhàng bay bổng, có thể sanh về cõi Trời.</p> <p>_ Nếu tâm-địa nhẹ nhàng bay bổng ấy có đủ phước-tuệ và đại-nguyện thanh-tịnh tu-hành, thì tự-nhiên tâm-địa khai-minh, thấy mười phương tịnh-độ và được tùy nguyện vãng-sanh về một Phật-quốc.</p>
<p>_ Tình thiển tưởng đa, khinh cử phi viễn, tức vi Phi-Tiên, Đại-lực Quý-vương, phi-hành Dạ-Xoa, địa-hành La-Sát, du ư tú thiền, sở khứ vô-ngại.</p> <p>_ Kỳ trung nhược hữu, thiện nguyện thiện tâm, hộ-trì Ngã-pháp; hoặc hộ-cấm-giới, tùy trì giới nhân; hoặc hộ-thần-chú, tùy trì chú giả; hoặc hộ thiền-định, bảo tuy pháp-nhẫn; thị đặng thân-trụ, Như-Lai tọa hạ.</p> <p>(_ Nếu có nguyện tốt, tâm tốt, hộ-trì Phật-pháp; hoặc hộ-trì cấm-giới, theo người trì giới; hoặc hộ-trì thần-chú, theo người trì chú; hoặc hộ-trì thiền-định, giữ yên pháp-nhẫn; thì những hạng đó, chính mình được ở dưới pháp-tọa Như-Lai.)</p>	<p>_ Nếu tình ít tưởng nhiều, thì thế-lực bay bổng không được cao, ví như làm Tiên, hoặc hạng Đại-lực Quý-vương, Dạ-Xoa sống giữa hư-không, hạng La-Sát sống trên mặt đất, nhưng cũng có thể du-hành khắp tứ thiền khỏi bị trở-ngại.</p> <p>_ Nếu trong các hạng đó, có những vị nào, phát thiện-nguyện hộ-trì Phật-pháp và Phật-luat, theo trợ giúp người giữ giới, hoặc thiện-nguyện hộ-trì Phật-chú, theo trợ giúp người tụng chú, hoặc thiện-nguyện hộ-trì thiền-định, theo trợ giúp người tu chánh-định để viên-chứng vô-sanh pháp-nhẫn, những vị có thiện-nguyện ấy thân-cận với Phật-tử, thường cư-trú dưới Phật-dài.</p>
<p>_ Tình tưởng quân đặng, bất phi bất trụy, sanh ư nhân-gian, tưởng minh tư thông, tình u tư độn.</p> <p>(... tưởng sáng suốt nêu thông-minh, tình u-ám nêu ngu độn.)</p>	<p>_ A-Nan! Nếu tình và tưởng cân nhau thì không bay lên, cũng không sa xuống, sanh trong nhân-gian, phân nửa tưởng thì sáng nêu được thế-trí, phân nửa tình thì tối nêu bị si mê.</p>

<p>_ Tình đa tưởng thiếu, lưu nhập hoành-sanh, trọng vi mao quần, khinh vi vô tộc.</p>	<p>_ A-Nan! Nếu tình nhiều tưởng ít thì đầu-thai vào các loại hoành-sanh, nhẹ thì làm hạng có cánh, nặng thì làm hạng có lông.</p>
<p>_ Thất tình tam tưởng, trầm hạ thủy-luân.</p> <p>_ Sanh ư hỏa-tế, thọ khí mãnh hỏa, thân vi ngạ-quỷ, thường bị phần thiêu, thủy nǎng hại kỷ, vô thực vô ẩm, kinh bá thiên kiếp.</p> <p>(_ Sanh nơi mé hỏa-luân chịu khí phần của lửa hồng, thân làm ngạ-quỷ, thường bị đốt cháy, vì nước có thể hại mình, nên trải trăm nghìn kiếp, không ăn không uống.)</p>	<p>_ Nếu có 7 phần tình và 3 phần tưởng thì làm ngạ-quỷ tức là quỉ đói khát trầm xuống thủy-luân,</p> <ul style="list-style-type: none"> - sa-đọa vào chỗ có thủy hỏa giao-thông, thọ khí lửa độc, thường bị lửa đốt, muốn ăn cơm, cơm hóa lửa, muốn uống nước, nước cũng hóa lửa, sa-đọa như vậy đến trăm ngàn kiếp cũng không ăn uống được.
<p>_ Cửu tình nhứt tưởng, hạ đỗng hỏa-luân, thân nhập phong hỏa, nhị giao quá địa, khinh sanh Hữu-gián, trọng sanh Vô-gián, nhị chủng địa-ngục.</p> <p>_ Thuần tình tức trầm, nhập A-Tỳ ngục.</p>	<p>_ Nếu có 9 phần tình và 1 phần tưởng thì trầm xuống hỏa-luân, sa-đọa vào chỗ gió lửa giao-thông, nhẹ thì ở địa-ngục Hữu-gián, nặng thì ở địa-ngục Vô-gián.</p> <p>_ Nếu chau-toàn về phần tình thì bị sa-đọa xuống địa-ngục A-Tỳ.</p>
<p>_ Nhược trầm tâm trung, hữu báng đại-thừa, hủy Phật cấm-giới, cuồng-vọng thuyết pháp.</p> <p>(_ Nếu trong tâm chìm sâu đó, lại có hủy-báng đại-thừa, phá cấm-giới của Phật, lừa dối nói pháp,</p> <p>_ Hư tham tín-thí, lạm ưng cung-kính, ngũ nghịch, thập trọng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - để tham cầu tín-thí, lạm nhận cung-kính, hoặc phạm ngũ-nghịch, thập-trọng, <p>_ Cánh sanh thập phương, A-Tỳ địa-ngục.</p> <p>- thì lại còn sanh vào địa-ngục A-Tỳ thập phương.)</p>	<p>_ Nếu kẻ bị sa-đọa ấy còn có thêm các trọng-tội như hủy-báng kinh-pháp đại-thừa, phá-hoại giới-luật, thuyết các phép-tắc giả dối, xảo-quyết lường gạt,</p> <ul style="list-style-type: none"> - không có đức-độ mà lợi-dưỡng của thập phương đàn-việt, không có đạo-hạnh mà lạm-dụng sự cung-kính cung-dưỡng của bá tánh, cho tới vi-phạm ngũ nghịch, thập ác, - thì kẻ ấy phải sanh đi sanh lại vô-số kiếp ở các địa-ngục A-Tỳ trong khấp mười phương.
<p>_ Tuần tạo ác-nghiệp, tuy đắc tự chiêu, chúng đồng phận trung, kiêm hữu nguyên địa.</p> <p>(_ Theo ác-nghiệp gây ra, tuy tự chuốc lấy quả-báo, nhưng trong đồng phận chung, vẫn có chỗ săn.)</p> <p>_ A-Nan! Thủ đắng giai thị, bỉ chư</p>	<p>_ Đó là tùy theo ác-nghiệp sở-tạo, tự mình chiêu-cảm ác-báo, cho tới chúng-sanh đồng-phận đều có nguồn gốc tập-khởi.</p> <p>Các địa-ngục ấy đều do ác-nghiệp của</p>

<p>chứng-sanh, tự nghiệp sở-cảm, tạo thập tập-nhân, thọ lục giao báo.</p> <p>(_ A-Nan! Những điều như thế, đều do nghiệp-báo các chứng-sanh kia, tự chiêu-cảm lấy, như gây 10 tập-nhân, thì chịu 6 giao-báo.)</p>	<p>chứng-sanh chiêu-cảm mà có. Những ác-nhân gây ra khổ-quả như vậy đại lược có 10 thứ gọi là 10 tập-nhân.</p>
---	--

17.	17. MUỜI TẬP-NHÂN TẠO KHỔ.
<p>云何十因。阿難一者姪習交接。發於相磨研磨不休。如是故有大猛火光於中發動。如人以手自相磨觸暖相現前。二習相然故有鐵床銅柱諸事。是故十方一切如來。色目行姪同名欲火。菩薩見欲如避火坑。</p>	<p>17. / 1 _ Thế nào là mười tập-nhân tạo khổ? _ A-Nan! Tập-nhân thứ nhứt là dâm-dục, do hai bên nam nữ giao-hiệp mãi, không dứt; - nên có lửa độc ở bên trong phát lên, ví như hai bàn tay chà xát nhau thì có sức nóng sanh ra.</p>
<p>17. / 1 _ Vân hà thập nhân? _ A-Nan! Nhứt giả: Dâm-tập giao tiếp, phát ư tương-ma, nghiên ma bất hưu. <p>(_ A-Nan! Một là, tập-quán dâm-dục, giao tiếp cùng nhau, phát-sinh cọ xát lắn nhau, cọ xát mãi không thôi.)</p> <p>_ Như-thị cố-hữu, đại mãnh hỏa quang, ư trung phát-động, như nhân đĩ thủ tư tương-ma xúc, noãn tương hiện-tiền. <p>(_ Như thế, nên trong ấy có ngọn lửa hồng lớn nổi lên, ví như có người lấy hai bàn tay cọ xát lắn nhau, thì cảm-giác nóng hiện ra.)</p> <p>_ Nhị tập tương-nhiên, cố-hữu thiết-sàng, đồng trụ chư sự. <p>(_ Hai cái tập-kí đối nhau, nên có những việc giường sắt, trụ đồng.)</p> <p>_ Thị cố thập phương, nhứt-thiết Như-Lai, sắc mục hành dâm, đồng danh dục hỏa, Bồ-Tát kiến dục, như ty hỏa khanh. <p>(_ Vậy nên, tất cả các Đức Như-Lai thập phương nhận xét việc dâm-dục, đồng gọi là lửa dục, Bồ-Tát đối với dâm-dục, như tránh hầm lửa.)</p> </p></p></p></p>	<p>17. / 1 _ Thất nào là mười tập-nhân tạo khổ? _ A-Nan! Tập-nhân thứ nhứt là dâm-dục, do hai bên nam nữ giao-hiệp mãi, không dứt; - Bởi năng-tập và sở-tập giao-hiệp lắn nhau, chiêu-cảm các khổ-báo như giường sắt cột đồng thiêu đốt ở ngực nóng. - Vì cớ ấy, nhứt-thiết thập phương Như-Lai đều xem dâm-dục là lửa độc nguy hiểm và chư Bồ-Tát thấy kẻ dâm-dục thì xa lánh như tránh hầm lửa.</p>

二者貪習交計。發於相吸吸攬不止。如是故有積寒堅冰於中凍冽。如人以口吸縮風氣有冷觸生。二習相凌故有吒吒波波囉囉。青赤白蓮寒冰等事。是故十方一切如來。色目多求同名貪水。菩薩見貪如避瘴海。

17. / 2

_ Nhị giả: **Tham tập** giao kế, phát ư tương-hấp, hấp lâm bất chỉ.

(_ Hai là, tập-quán tham-lam, so do hơn thiệt, phát-sinh hấp-thụ lấn nhau, hấp-thụ ôm ấp mãi không thôi.)

_ Như-thị cố-hữu, tích hàn kiên băng, ư trung đồng liệt, như nhân dĩ khẩu, hấp súc phong khí, hữu lãnh xúc sanh.

(_ Như thế, nên chứa hơi lạnh hơi lạnh bên trong thành giá cứng, làm cho nứt nẻ, ví như có người hút hơi gió vào, thì có cảm-xúc lạnh.)

_ Nhị tập tương-lăng, cố-hữu tra-tra, ba-ba la-la, thanh xích bạch liên, hàn-băng đặng sự.

(_ Hai tập-khí lấn nhau, nên có những sự tra-tra, ba-ba la-la, thanh-liên, xích-liên, bạch-liên, hàn băng, v.v...)

_ Thị cố thập phương, nhứt-thiết Như-Lai, sắc mục đa cầu, đồng danh tham thủy, Bồ-Tát kiến tham, như ty chướng hải.

(_ Vậy nên, tất cả các Đức Như-Lai thập phương nhận xét việc tham cầu quá nhiều, đồng gọi là nước tham, Bồ-Tát đối với lòng tham, như tránh biển độc.)

17. / 2

_ Tập-nhân thứ hai là **tham-lam**, do tánh bốn xén, thâu góp mãi, không dứt;

- nên sanh ra cảnh chứa lạnh thành giá đông đặc, ví như người mở miệng hít hơi gió vào thì trong miệng sanh ra tướng lạnh.

_ Bởi năng-tập và sở-tập xúc-động lấn nhau nên chiêu-cảm khổ-báo ở ngực lạnh thường kêu ra những tiếng tra-tra ba-ba la-la và hình-sắc lạnh như bông sen trắng, xanh, đỏ.

_ Vì cớ ấy, nhứt-thiết thập phương Như-Lai đều xem tham-lam là nước độc nguy-hiểm và chư Bồ-Tát thấy kẻ tham-lam thì xa lánh như tránh biển chướng-khí.

三者慢習交凌。發於相恃馳流不息。如是故有騰逸奔波積波為水。如人口舌自相綿味因而水發。二習相鼓故有血河灰河熱沙毒海融銅灌吞諸事。是故十方一切如來。色目我慢名飲癡水。菩薩見慢如避巨溺。

17. / 3

_ Tam giả: **Mạn tập** giao lăng, phát ư tương-thị, trì lưu bất tức.

(_ Ba là, tập-quán ngã-mạn, lấn lướt lấn nhau, phát-sinh ý thế lấn nhau, giọng ruồi không thôi.)

_ Như-thị cố-hữu, đặng dật bôn-ba, tích ba vi thủy, như nhân khẩu thiệt, tự tương miên vị, nhân nhi thủy phát.

17. / 3

_ Tập-nhân thứ ba là **ngã-mạn**, do sự tự-phụ chất chứa mãi, không diệt;

- nên sanh ra cảnh bốn ba chạy nhảy, chứa sóng làm nước, ví như người vắt đồ ăn mà lưỡi chảy nước miếng.

<p>(..., ví như có người miệng lưỡi tự chép, làm cho nước bọt chảy ra.)</p> <p>_ Nhị tập tương-cổ, cố-hữu huyết-hà, khôi-hà, nhiệt-sa, độc-hải, dung đồng quán thôn chư sự.</p> <p>(_ Hai tập-khí chơi nhau, nên có các việc sông huyết ...)</p> <p>_ Thị cố thập phương, nhứt-thiết Như-Lai, sắc mục ngã-mạn, danh ẩm si thủy, Bồ-Tát kiến mạn, như ty cự nịch.</p> <p>(_ Vậy nên, tất cả các Đức Như-Lai thập phương nhận xét lòng ngã-man, đồng gọi là uống nước si mê, Bồ-Tát đối với ngã-mạn, như tránh vực thẳm lởn.)</p>	<p>_ Bởi năng-tập và sở-tập tiếp-xúc nhau, nên chiêu-cảm các khổ-báo ở sông huyết, sông tro, cát nóng, biển độc và nước đồng xối vào mình hoặc uống vào miệng.</p> <p>_ Vì có ấy, nhứt-thiết thập phương Như-Lai đều xem kẻ ngã-mạn là người uống nước si mê, và chư Bồ-Tát thấy kẻ ngã-mạn thì xa lánh như tránh chõ sa lầy.</p>
---	---

四者嗔習交衝。發於相忤忤結不息。心熱發火鑄氣為金。如是故有刀山鐵櫬劍樹劍輪斧鉞鎗鋸。如人銜冤殺氣飛動。二習相擊故有宮割斬斫剗刺拋擊諸事。是故十方一切如來。色目嗔恚名利刀劍。菩薩見嗔如避誅戮。

17. / 4

_ Tú giả: Sân tập giao-xung, phát ư tương-ngõ, ngõ kết bất tức. Tâm nhiệt phát hỏa, chú khí vi kim.

(_ Bốn là, tập-quán nóng giận, xung-dột cùng nhau, phát-sinh chống đối lẫn nhau, chống đối mãi không thôi. Tâm nổi nóng phát ra lửa, nấu cái khí thành kim-thuộc.)

_ Như-thị cố-hữu, dao sơn, thiết khổن, kiếm thợ, kiếm luân, phủ việt, thương cứ, như nhân hàm-oan, sát-khí phi-động.

(..., ví như có người bị hàm-oan, thì sát-khí nổi lên.)

_ Nhị tập tương-kích, cố-hữu cung, cát, trảm, chước, tỏa, thích, chùy, kích chư sự.

(_ Hai tập-khí đập nhau, nên có các sự thiến, cắt, chém, chặt, dùi, đâm, đập, đánh.)

_ Thị cố thập phương, nhứt-thiết Như-Lai, sắc mục sân nhuế, danh lợi dao-kiếm, Bồ-Tát kiến sân, như ty tru lục.

17. / 4

_ Tập-nhân thứ tư là sân-hận, do sự bạo-nghịch chất chứa mãi, không diệt, tâm nóng phát lửa, luyện khí thành kim;

- nên sanh ra cảnh non đao, buồng sắt, rừng kiếm, xe gươm, búa lửa, dao cưa, ví như kẻ hàm-oan, sát-khí xao động.

_ Bởi năng-tập và sở-tập tiếp-xúc nhau, nên chiêu-cảm những khổ-báo như cắt thiến chém chặt, đâm chích đánh đập các bộ-phận thân-thể.

_ Vì có ấy, nhứt-thiết thập phương Như-Lai đều xem sân-hận là thứ gươm đao bén và chư Bồ-Tát thấy kẻ sân-hận thì xa lánh như tránh chõ chém giết.

(_ Vậy nên, tất cả các Đức Như-Lai thập phương nhận xét sự nóng giận, đồng gọi là dao gươm bén, Bồ-Tát đối với lòng nóng giận, như tránh chém giết.)	
--	--

五者詐習交誘。發於相調引起不住。如是故有繩木絞挾。如水浸田草木生長。二習相延故有杻械枷鎖鞭杖撻棒諸事。是故十方一切如來。色目姦偽同名讒賊。菩薩見詐如畏豺狼。

17. / 5

_ *Ngũ giả*: Trá tập giao-dụ, phát ư tương-diều, dãm khởi bất trụ.

(_ Năm là, tập-quán giả đối, dụ dỗ theo nhau, phát-sinh lôi kéo lẫn nhau, dãm dắt mãi không thôi.)

_ Như-thị cố-hữu, thằng mộc giảo hiệu, như thủy tẩm điên, thảo-mộc sanh-trưởng.

(_ Như thế, nên có giây, cây, thòng lọng, cẳng nọc...)

_ Nhị tập tương-diên, cố-hữu nữu giới già tỏa tiên trượng qua bỗng chư sự.

(_ Hai tập-kí kéo nhau, nên có các sự gông, cùm, xiềng, xích, roi, gậy, qua, bỗng.)

_ Thị cố thập phuơng, nhứt-thiết Như-Lai, sắc mục gian-ngụy, đồng danh sàm-tặc, Bồ-Tát kiến trú, như úy sài lang.

(_ Vậy nên, tất cả các Đức Như-Lai thập phuơng nhận xét sự giả đối, đồng gọi là sàm-tặc, Bồ-Tát đối với sự gian dối, như sợ beo sói.)

17. / 5

_ Tập-nhân thứ năm là **xảo-trá**, do sự xu-phụ quyến-rũ mãi, không trừ;

- nên sanh ra cảnh dây trói, dây thắt, đá cản, trăng đóng, ví như nước thấm vào ruộng, thì cỏ cây phát-triển.

_ Bởi năng-tập và sở-tập tiếp-xúc nhau, nên chiêu-cảm những khổ-báo như gông cùm xiềng xích, roi gậy.

_ Vì có ấy, nhứt-thiết thập phuơng Như-Lai đều xem xảo-trá là một thứ giặc siểm-my, và chư Bồ-Tát thấy kẻ xảo-trá thì xa lánh như tránh loài sói gấu.

六者誑習交欺。發於相調誑調不止。飛心造姦如是故有塵土屎尿穢污不淨。如塵隨風各無所見。二習相加故有沒溺騰擲飛墜漂淪諸事。是故十方一切如來。色目欺誑。同名劫殺。菩薩見誑如踐蛇虺。

17. / 6

_ *Lục giả*: Cuống tập giao khi, phát ư tương-võng, vu võng bất chỉ, phi tâm tạo gian.

(_ Sáu là, tập-quán lửa gạt, lửa đối nhau, phát-sinh phỉnh gạt lẫn nhau, phỉnh gạt mãi không thôi, phát tâm gây điều gian dối.)

17. / 6

_ Tập-nhân thứ sáu là **lường gạt**, do sự quỉ-quyet mãi, không trừ, lòng chất chứa mưu sâu kẽ độc;

<p>_ Như-thị cố-hữu, trần thổ thí-niệu, ô-uế bất tịnh, như trần tùy phong, các vô sở kiến.</p> <p>_ Nhị tập tương-gia, cố-hữu một nịch, đằng trích phi trụy, phiêu luân chư sự.</p> <p>(_ Hai tập-khí dìm nhau, nên có những sự chìm đắm, nhảy, ném, bay, rơi, trôi, lăn.)</p> <p>_ Thị cố thập phuơng, nhứt-thiết Như-Lai, sắc mục khi cuống, đồng danh kiếp-sát, Bồ-Tát kiến cuống, như tiễn xà hủy.</p> <p>(_ Vậy nên, tất cả các Đức Như-Lai thập phuơng nhận xét sự lừa gạt, đồng gọi là cướp giết, Bồ-Tát đối với sự lừa gạt, như giãm rắn độc.)</p>	<p>- nên sanh ra cảnh bụi bặm, phân-tiên, nhớ bẩn, uế-trược, ví như bụi bặm bay theo gió, thường che mắt người, làm cho khó thấy.</p> <p>_ Bởi năng-tập và sở-tập gia-tăng, nên chiêu-cảm các khổ-báo như chìm đắm, nhồi ném, bay sa trôi giật.</p> <p>_ Vì cớ ấy, nhứt-thiết thập phuơng Như-Lai đều xem lường-gạt là món giết hại và chư Bồ-Tát thấy kẻ lường-gạt như đạp trúng rắn độc.</p>
--	--

七者怨習交嫌發于銜恨。如是故有飛石投礮。匣貯車檻甕盛囊撲。如陰毒人懷抱畜惡。二習相吞故有投擲擒捉擊射[打丁+勉]撮諸事。是故十方一切如來。色目怨家名違害鬼。菩薩見怨如飲鴆酒。

17. / 7

_ **Thất giả: Oan tập** giao-hiềm, phát ư hàm hận.

(_ Bảy là, tập-quán thù-oán, hiềm-khích lấn nhau, phát-sinh ôm ấp lòng giận.)

_ Như-thị cố-hữu, phi thạch đầu lịch, hạp trữ xa lam, ủng thanh nan phát, như âm độc nhân, hoài bảo súc ác.

(..., như người hiềm-dộc ôm ấp điều dữ.)

_ Nhị tập tương-thôn, cố-hữu đầu trích, cầm tróc, kích xạ phao toát chư sự.

(_ Hai tập-khí nuốt nhau, nên có những sự ném, quăng, ném, bắt, đánh, bắn, gieo, ôm.)

_ Thị cố thập phuơng, nhứt-thiết Như-Lai, sắc mục oan-gia, danh vi hại quý, Bồ-Tát kiến oan, như ẩm chậm tửu.

(_ Vậy nên, tất cả các Đức Như-Lai thập phuơng nhận xét sự thù-oán, đồng gọi là quý vi-hại, Bồ-Tát đối với sự thù-oán, như uống rượu độc.)

17. / 7

_ Tập-nhân thứ bảy là **thù-oán**, do sự âm thầm cùu-hận mãi, không bỏ;

- nên sanh ra cảnh đá bay, gạch ném, hộp chứa, xe nhốt, đẩy đựng, ví như người hiềm-dộc ngầm ngầm tích-trữ các điều ác.

_ Bởi năng-tập và sở-tập giao hiềm nhau, nên chiêu-cảm những khổ-báo như ném liệng chụp bắt, đánh bắn quăng ném.

_ Vì cớ ấy, nhứt-thiết thập phuơng Như-Lai đều xem thù-oán là quỷ nguy-hại, và chư Bồ-Tát thấy kẻ thù-oán như người uống rượu độc.

八者見習文明。如薩迦耶見戒禁取邪悟諸業。發於違拒出生相返。如是故有王使主吏證執文籍。如行路人來往相見。二習相交故有勘問權詐考訊推鞫察訪披究照明善惡童子手執文簿辭辯諸事。是故十方一切如來。色目惡見同名見坑。菩薩見諸虛妄。遍執如入毒壑。

17. / 8

_ *Bát giả*: **Kiến tập** giao-minh, như tát-ca-da kiến, giới-cấm-thủ, tà ngộ chư nghiệp, phát ư vi cự, xuất sanh tương-phản.

(_ Tám là, tập-quán ác-kiến, tranh cãi với nhau, như ngã-kiến, kiến-thủ, giới-cấm-thủ, và các nghiệp tà ngộ, phát-sinh chống trái lẩn nhau.)

_ Như-thị cố-hữu, vương sứ chủ-lại, chứng chấp văn-tịch, như hành lộ nhân, lai-vãng tương-kiến.

(_ Như thế, nên có quan-lai, chứng-thực, nắm giữ giấy tờ, đông như người đi đường, qua lại gặp nhau.)

_ Nhị tập tương-giao, cố-hữu khâm vấn, quyến trá, khảo tấn, thôicúc, sát phóng, phi cứu chiếu minh, thiện-ác đồng-tử, thủ chấp văn bô, từ biến chư sự.

(_ Hai tập-kí giao nhau, nên có các sự khám hỏi, mưu mẹo, khảo tấn, dòi hỏi, gạn xét, tra-cứu cho rõ, và những đồng-tử thiện ác, tay cầm sổ sách, biện bạch cãi vã.)

_ Thị cố thập phương, nhứt-thiết Như-Lai, sắc mục ác-kiến, đồng danh kiến khanh, Bồ-Tát kiến chư hư-vọng, thiên-chấp như lâm độc hác.

(_ Vậy nên, tất cả các Đức Như-Lai thập phương nhận xét ác-kiến, đồng gọi là kiến khanh (thấy hổ), Bồ-Tát đối với những thiên chấp hư-vọng, như đứng bên hổ độc.)

Khanh: hầm, hổ. **Hỏa-khanh**: hầm lửa.

Hác: hang hốc, chỗ rừng núi hiểm hóc, chỗ chứa nước, cái ngòi, cái ao.

17. / 8

_ Tập-nhân thứ tám là **tà-kiến**, do sự hành-động mãi những thứ ma-giáo, thân-giới, giới-cấm-thủ, không bỏ, cứ hướng theo các tà-nghiệp bạo-nghịch, phát khởi nhiều sự tương-phản nhau;

- nên sanh ra cảnh vua sứ, chủ-lại, bộ-tịch, chứng-gian, ví như những khách bộ-hành đi qua đi lại trông thấy lẩn nhau.

_ Bởi năng-tập và sở-tập giao chấp nhau nên chiêu-cảm những khổ-báo như vấn-nạn, dõi gạt, gạn hỏi, khám tra, vạch xét, soi rõ và hai vị thiện-ác đồng-tử, tay cầm bộ-tịch biện-bác các việc.

_ Vì cớ ấy, nhứt-thiết thập phương Như-Lai xem tà-kiến là hầm hổ hư-vọng, và chư Bồ-Tát thấy tà-kiến như đi trên rãnh nước độc.

九者枉習交加發於誣謗。如是故有合山合石碾研耕磨。如讒賊人逼枉良善。二習相排放故有押捺搥按蹙滌衝度諸事。是故十方一切如來。色目怨謗同名讒虎。菩薩見枉如遭霹靂。

17. / 9

_ Cửu giả: **Uỗng tập** giao-gia, phát ư vu-báng.

(_ Chín là, tập-quán vu vạ, làm hại nhau, phát-sinh sự vu-báng.)

_ Như-thị cố-hữu, hiệp sơn, hiệp thạch, triển đối canh ma, như sàm tặc nhân, bức uổng lương-thiện.

(_ Như thế, nên có hợp sơn, hợp thạch, cố-nghiền, cố-xay, ví như kẻ sám tặc, áp bức vu oan người lương-thiện.)

_ Nhị tập tương-bài, cố-hữu áp nại, chùy án, xúc lộc, hoành đặc chư sự.

(_ Hai tập-kí bài-xích lẩn nhau, nên có các sự áp giải, đè đập, ép huyết, tuốt mình.)

_ Thị cố thập phuơng, nhứt-thiết Như-Lai, sắc mục oán-báng, đồng danh sàm-hổ, Bồ-Tát kiến uổng, như tao tích lịch.

(_ Vậy nên, tất cả các Đức Như-Lai thập phuơng nhận xét sự vu vạ, đồng gọi là sàm hổ, Bồ-Tát đối với sự vu vạ, như bị sấm sét.)

17. / 9

_ Tập-nhân thứ chín là **gian dối**, do chô không biết ngay thẳng, phản-nghịch mãi, không đoạn;

- nên sanh ra cảnh chụp đóng nghiền giã cày mài, ví như thứ giặc châm-biếm nhiễu-hại người hiền-lương.

_ Bởi năng-tập và sở-tập lay động nhau, nên chiêu-cảm những khổ-báo như đè ép, đánh bức, va chạm, xúc lộc, cân nhắc, đo lường.

_ Vì có ấy, nhứt-thiết thập phuơng Như-Lai xem kẻ gian dối là loài cọp nham-hiểm và chư Bồ-Tát thấy kẻ gian dối như gắp sấm sét.

十者訟習交誼發於藏覆。如是故有鑒見照燭。如於日中不能藏影。故有惡友業鏡火珠披露宿業對驗諸事。是故十方一切如來。色目覆藏同名陰賊。菩薩觀覆如戴高山覆於巨海。

17. / 10

_ Thập giả: **Tụng tập** giao-huyên, phát ư tàng phú.

(_ Mười là, tập-quán kiện thưa, cãi vã lẩn nhau, phát-sinh sự che đậy.)

_ Như-thị cố-hữu, giám kiến chiếu chúc, như ư nhựt trung, bất năng tàng ảnh.

(_ Như thế, nên có gương soi, duốc chiếu, như giữa ban ngày, không giấu bóng được.)

17. / 10

_ Tập-nhân thứ mười là **tranh-tụng**, do sự tranh-chấp kiện-cáo hơn thua mãi, không đoạn;

- nên sanh ra cảnh soi thấy, chiếu rọi, ví như người đứng ngay mặt trời thì không thể nào tránh được ánh sáng.

<p>_ Nhị tập tương-tranh, cố-hữu ác-hữu, nghiệp kính, hỏa-châu, phi-lộ túc-duyên đối-nghiệm chư sự.</p> <p>(_ Hai tập-kí phô bày lẩn nhau, nên có ác-hữu, nghiệp kính, hỏa-châu, phơi bày nghiệp xưa đối-nghiệm các việc.)</p> <p>_ Thị cố thập phương, nhứt-thiết Như-Lai, sắc mục phú-tàng, đồng danh âm-tặc, Bồ-Tát quán phú, như đá cao sơn, lý ư cự hải.</p> <p>(_ Vậy nên, tất cả các Đức Như-Lai thập phương nhận xét sự che đây, đồng gọi là giặc ngầm, Bồ-Tát đối với sự che đây, như đội núi cao, lội trong biển lớn.)</p>	<p>_ Bởi năng-tập và sở-tập tương-tranh nhau, nên chiêu-cảm những khổ-báo như bạn dữ, gương nghiệp, hỏa-châu, và túc duyên phô-bày đối-nghiệm.</p> <p>_ Vì cớ ấy, nhứt-thiết thập phương Như-Lai đều xem sự tranh-tụng là một thứ giặc thâm-độc, và chư Bồ-Tát thấy sự tranh-tụng như đội núi cao vào biển lớn.</p>
--	---

18.	18. SÁU KHỐ-BÁO.
<p>云何六報。阿難。一切眾生六識造業。所招惡報從六根出。 云何惡報從六根出。</p>	
<p>_ Vân hà lục báo?</p> <p>_ A-Nan! Nhứt-thiết chúng-sanh, lục thức tạo nghiệp, sở chiêu ác-báo, tùng lục-căn xuất.</p> <p>(_ A-Nan! Tất cả chúng-sanh, sáu thức gây nghiệp, nên chuốc lấy ác-báo, đều từ sáu căn mà ra.)</p> <p>_ Vân hà ác-báo, tùng lục-căn xuất?</p> <p>(_ Các ác-báo từ sáu căn ra như thế nào?)</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>_ A-Nan! Thế nào là sáu thứ ác-báo?</p> <p>_ Tất cả chúng-sanh bị sáu căn đối-đãi với sáu trần, phát-hiện sáu thức, do sáu thức tạo ác-nghiệp mà chiêu-cảm ra ác-báo.</p> <p>_ Đó là chứng tỏ nguồn gốc sanh ra sáu thứ ác-báo là sáu căn. Vì sao?</p>
<p>一者見報招引惡果。此見業交則臨終時。先見猛火滿十方界。 。亡者神識飛墜乘煙。入無間獄發明二相。一者明見。則能遍見種種惡物生無量畏。二者暗見。寂然不見生無量恐。如是見火。燒聽能為鑊湯洋銅。燒息能為黑烟紫焰。燒味能為燋丸鐵糜。燒觸能為熱灰爐炭。燒心能生星火逆灑煽鼓空界。</p>	
18. / 1	18. / 1
<p>_ Nhứt giả: Kiến báo, chiêu-dẫn ác-quả.</p> <p>_ Thủ kiến nghiệp-giao, tắc lâm-chung thời, tiên kiến mãnh hỏa, mãn thập phương giới, vong-giả thần-thức, phi truy thừa yên.</p>	<p>_ Báo thứ nhứt là kiến-báo. Do nhẫn-căn khởi thấy vọng mà chiêu-cảm ác-quả.</p> <p>_ Nghiệp thấy vọng chất chứa đến khi mạng chung, thì trước nhứt thấy lửa dữ ở khắp mười phương thế-giới, rồi thần-thức vong-giả hoặc bay hoặc sa, nương</p>

	theo khói lửa mà vào Vô-gián địa-ngục.
<ul style="list-style-type: none"> _ Nhập Vô-gián ngục, phát-minh nhị tướng: _ Nhứt giả minh kiến. (Một là thấy sáng.) _ Tắc năng biến kiến, chủng chủng ác-vật, sanh vô-lượng úy. _ Nhị giả ám kiến. (Hai là thấy tối.) _ Tịch nhiên bất kiến, sanh vô-lượng khủng. 	<ul style="list-style-type: none"> _ Khi vào địa-ngục rồi, nhận định hai nghiệp-tướng: <ol style="list-style-type: none"> 1) Tướng thấy sáng: <ul style="list-style-type: none"> - tức là thấy nhiều hình vật hung dữ, khiến sanh nhiều sự sợ hãi. 2) Tướng thấy tối: <ul style="list-style-type: none"> - tức là ngoài vẻ âm u đen tối, không còn thấy hình vật chi khác, khiến tâm sanh nhiều sự kinh-khủng.
<ul style="list-style-type: none"> _ Như-thị kiến hỏa. _ Thiêu thính, nǎng vi hoạch thang, dương đồng. _ Thiêu tức, nǎng vi hắc-yên, tử-diệm. _ Thiêu vị, nǎng vi tiêu-hoàn, thiết-mê. _ Thiêu xúc, nǎng vi nhiệt-khôi, lô-thán. _ Thiêu tâm, nǎng sanh tinh-hỏa, bính-sái, phiến-cổ không giới. 	<ul style="list-style-type: none"> _ Thứ lửa thấy ấy, <ul style="list-style-type: none"> - diệt tánh nghe của tai, làm thành vạc nước nóng, chảo đồng sôi, - đốt vào hơi thở của mũi khiến mũi chỉ biết mùi khói, - đốt vào vị của lưỡi, làm thành than đá, gạo sắt, - đốt vào xúc của thân, làm thành tro nóng, than lò, - đốt vào ý, sanh ra một thứ lửa dữ lùng lẫy khắp hư-không pháp-giới.

二者聞報招引惡果。此聞業交則臨終時。先見波濤沒溺天地。亡者神識降注乘流。入無間獄發明二相。一者開聽。聽種種鬧精神愁亂。二者閉聽。寂無所聞幽魄沈沒。如是聞波。注聞則能為責為詰。注見則能為雷為吼為惡毒氣。注息則能為雨為霧。灑諸毒虫周滿身體。注味則能為膿為血種種雜穢。注觸則能為畜為鬼為屎為尿。注意則能為電為電摧碎心魄。

18. / 2	18. / 2
<ul style="list-style-type: none"> _ Nhị giả: Văn báo, chiêu-dẫn ác-quả. _ Thủ văn nghiệp giao, tắc lâm-chung thời, tiên kiến ba đào, một nich thiên địa, vong-giả thần-thức, giáng chú thừa lưu. 	<ul style="list-style-type: none"> _ Báo thứ hai là văn-báo. Do nhĩ-căn khởi nghe mà chiêu-cảm ác-quả. _ Nghiệp nghe chất chứa đến khi mạng chung, trước nhứt thấy nhào lộn khắp thiên-địa, rồi thần-thức vong-giả hoặc sa hoặc trôi theo dòng nước mà vào Vô-gián địa-ngục.
<ul style="list-style-type: none"> _ Nhập Vô-gián ngục, phát-minh nhị tướng: _ Nhứt giả khai thính. (Một là nghe tò.) _ Thính chủng chủng náo, tinh thần mâu loạn. 	<ul style="list-style-type: none"> _ Khi vào địa-ngục rồi, nhận định hai nghiệp-tướng: <ol style="list-style-type: none"> 1) Tướng mở nghe: <ul style="list-style-type: none"> - tức là nghe nhiều thứ tiếng ồn ào náo-nhiệt mà tinh-thần tán-loạn.

<ul style="list-style-type: none"> _ Nhị giả bế thính. (Hai là điếc hǎn.) _ Tịch vô sở văn, u phách trầm một. 	<p>2) Tương lấp nghe:</p> <ul style="list-style-type: none"> - tức là không nghe chi cả, bật âm u ám, phách vía tối tăm chìm lặn.
<ul style="list-style-type: none"> _ Như-thị văn ba. _ Chú văn, tắc năng vi trách vi cật. _ Chú kiến, tắc năng vi lôi vi hẩu, vi ác độc khí. _ Chú tức, tắc năng vi võ vi vụ,さい chư độc trùng châu mân thân-thể. _ Chú vị, tắc năng vi nung vi huyết, chủng chủng tạp-uế. _ Chú xúc, tắc năng vi súc vi quý, vi phẩn vi niệu. _ Chú ý, tắc năng vi điển vi bạt, tồi-toái tâm-phách. 	<ul style="list-style-type: none"> _ Thứ nghe ấy như làn sóng, - qua tánh nghe, khiến sanh quở phật, vấn-nạn, - qua tánh thấy, khiến sanh sấm sét và độc-khí, - qua hơi thở, khiến sanh mưa sương rưới độc trùng vào thân-thể, - qua tánh nếm, khiến sanh máu mủ ô-uế, - qua tánh xúc, khiến sanh súc-vật, ma quỷ và phân-tiện nhơ bẩn, - qua tánh nghĩ, khiến sanh mưa đá, chớp sáng nhiều-hại tâm-thần.

三者嗅報招引惡果。此嗅業交則臨終時。先見毒氣充塞遠近。亡者神識從地涌出。入無間獄發明二相。一者通聞。被諸惡氣薰極心擾。二者塞聞。氣掩不通悶絕於地。如是嗅氣衝息則能為質為履。衝見則能為火為炬。衝聽則能為沒為溺為洋為沸。衝味則能為餒為爽。衝觸則能為綻為爛為大肉山。有百千眼無量[口*(一/巾)]食。衝思則能為灰為瘴。為飛砂礮擊碎身體。

18. / 3

- _ Tam giả: **Khứu báo**, chiêu-dẫn ác-quả.
- _ Thủ khứu-nghiệp giao, tắc lâm-chung thời, tiên kiến độc-khí, sung tắc viễn cận, vong-giả thần-thức, tùng địa dũng xuất.

18. / 3.

- _ Báo thứ ba là **khứu-báo**. Do ty-căn khởi ngửi mà chiêu-cảm ác-quả.
- _ Nghiệp ngửi chất chứa đến khi mạng chung, trước nhứt thấy độc-khí, đầy dẫy khắp nơi xa gần, thần-thức vong-giả từ dưới đất phóng lên để vào Vô-gián địa-ngục.

18. / 3

- _ Nhập Vô-gián ngục, phát-minh nhị tướng:
- _ Nhứt giả thông văn. (Một là ngửi thông.)
- _ Bị chư ác-khí, huân cực tâm nhiều.
- _ Nhị giả tắc văn. (Hai là nghẹt mũi.)
- _ Khí yểm bất thông, muộn tuyệt ư địa.

18. / 3.

- _ Khi vào địa-ngục rồi, nhận định hai nghiệp-tương:
- 1) Tương ngửi thông:
- tức là các độc khí xông lên mà tâm rối loạn.
- 2) Tương ngửi bít:
- tức là bị nghẹt hơi mà bất-tĩnh nhân-sự.

18. / 3

- _ Như-thị khứu-khí xung tức, tắc năng vi chất vi lý.

- _ Loại khí ngửi ấy xung vào hơi thở hay làm thông nghẹt,

<ul style="list-style-type: none"> _ Xung kiến, tắc năng vi hỏa vi cự. _ Xung thính, tắc năng vi một vi nich, vi dương vi phi. _ Xung vị, tắc năng vi nổi vi sản. _ Xung xúc, tắc năng vi đính vi lăng, vi đại nhục sơn, hữu bách thiên nhã, vô-lượng tấp thực. _ Xung tư, tắc năng vi khôi vi chướng, vi phi sa lịch, kích toái thân-thể. 	<ul style="list-style-type: none"> - xung vào tánh thấy hay làm thành lửa thành đuốc, - xung vào tánh nghe hay làm chìm đắm sôi trào, - xung vào tánh nếm hay làm mùi ương thúi, - xung vào tánh xúc hay làm tan rã, làm thành đại-nhục sơn có trăm ngàn mắt bị vô-số vi-trùng bám ăn, - xung vào tánh nghĩ thì hay làm tro nóng chướng-khí, làm sạn đá ném, liệng, đập, nát thân-thể.
---	---

四者味報招引惡果。此味業交則臨終時。先見鐵網猛炎熾烈周覆世界。亡者神識下透挂網倒懸其頭。入無間獄發明二相。一者吸氣。結成寒冰凍裂身肉。二者吐氣。飛為猛火燒爛骨髓。如是嘗味。歷嘗則能為承為忍。歷見則能為然金石。歷聽則能為利兵刃。歷息則能為大鐵籠彌覆國土。歷觸則能為弓為箭為弩為射。歷思則能為飛熱鐵從空雨下。

18. / 4

_ Tứ giả: **Vị báo**, chiêu-dẫn ác-quả.

_ Thủ vị nghiệp giao, tắc lâm-chung thời, tiên kiến thiết-võng, mãnh-diệm xí liệt, châu phú thế-giới, vong-giả thần-thức, hạ thấu quái võng, đảo huyền kỳ đầu.

_ Nhập Vô-gián ngục, phát-minh nhị-tưởng:

_ Nhứt giả hấp khí. (Một là hít vào.)

_ Kết thành hàn-băng, đống lê thân-nhục.

_ Nhị giả thở khí. (Hai là thở ra.)

_ Phi vi mãnh-hỏa, tiêu lăng cốt-tủy.

_ Như-thị thương vị.

_ Lịch thường, tắc năng vi thừa vi nhã.

_ Lịch kiến, tắc năng vi nhiên kim-thạch.

_ Lịch thính, tắc năng vi lợi binh nhã.

18. / 4

_ Báo thứ tư là **vị-báo**. Do thiệt-căn khởi nếm mà chiêu-cảm ác-quả.

_ Nghiệp nếm chất chứa đến khi mạng chung, trước nhứt thấy lưỡi sắt, lửa dữ lùng lẫy khắp cả thế-giới, rồi thần-thức vong-giả trầm xuống chỗ có treo lưỡi, bị treo ngược đầu lên mà đưa vào Vô-gián địa-ngục.

_ Khi vào địa-ngục rồi, nhận định hai nghiệp-tưởng:

1) Tưởng hít hơi vô:

- thì kết thành giá lạnh, nứt nẻ thân-thể.

2) Tưởng xả hơi ra:

- thì kết thành lửa dữ cháy tan cốt-tủy.

_ Thủ vị nếm ấy,

- khi nếm rồi, thành ra thừa-thọ, nhã chịu,

- khi qua tánh thấy, làm thành lửa đốt cháy vàng đá,

- khi qua tánh nghe, làm thành gươm

<ul style="list-style-type: none"> _ Lịch tức, tắc nǎng vi đại-thiết lung di phú quốc-độ. _ Lịch xúc, tắc nǎng vi cung vi tiễn, vi nổ vi xạ. _ Lịch tư, tắc nǎng vi phi nhiệt thiết tung không vũ hạ. 	<p>đao bén,</p> <ul style="list-style-type: none"> - khi qua hơi thở, làm thành lồng sắt to trùm cả xứ-sở, - khi qua tánh xúc, làm thành cung tên nổ xạ, - khi qua tánh nghĩ, làm thành sắt nóng bay trên hư-không rớt xuống.
--	--

五者觸報招引惡果。此觸業交則臨終時。先見大山四面來合無復出路。亡者神識見大鐵城。火蛇火狗虎狼師子。牛頭獄卒馬頭羅刹。手執槍稍驅入城門。向無間獄發明二相。一者合觸合山逼體骨肉血潰。二者離觸。刀劍觸身心肝腎裂。如是合觸。歷觸則能為道為觀為廳為案。歷見則能為燒為爇。歷聽則能為撞為擊為割為射。歷息則能為括為袋為拷為縛。歷嘗則能為耕為鉗為斬為截。歷思則能為墜為飛為煎為炙。

18. / 5

_ Ngũ giả: **Xúc báo**, chiêu-dẫn ác-quả.

_ Thủ xúc nghiệp giao, tắc lâm-chung thời, tiên kiến đại-sơn, tứ diện lai hiệp, vô phục xuất lộ, vong-giả thần-thức, kiến đại thiết-thành.

_ Hỏa xà, hỏa cẩu, hổ lang, sư-tử, ngưu-đầu ngục-tốt, mã đầu La-Sát, thủ chấp thương tiêu, xu nhập thành môn.

_ Hướng Vô-gián ngục, phát-minh nhị tướng:

_ Nhứt giả hiệp xúc.

_ Hiệp sơn bức thể, cốt nhục huyết hội.

_ Nhị giả ly xúc.

_ Dao kiếm xúc thân, tâm can đồ liệt.

_ Nhứt thị hiệp xúc.

_ Lịch xúc, tắc nǎng vi đạo vi quán, vi sảnh vi án.

_ Lịch kiến, tắc nǎng vi thiêu vi nhiệt.

_ Lịch thính, tắc nǎng vi tràng vi kích, vi

18. / 5

_ Báo thứ năm là **xúc-báo**. Do thân-căn khởi cảm-xúc mà chiêu-cảm ác-quả.

_ Nghiệp xúc chất chứa đến khi mạng chung, trước nhứt thấy dãy núi cao lớn, bao vây bốn phía không có đường ra, rồi thần-thức vong-giả thấy một thành-lũy to tát bằng sắt;

- có những loài rắn lửa, chó lửa, cọp, gấu, sư-tử, có các quỷ-sứ, đầu trâu và các quỷ La-Sát mặt ngựa, tay cầm gươm đao đưa người đến cửa thành để vào Vô-gián địa-ngục.

_ Khi vào địa-ngục rồi, nhận định hai thứ nghiệp-tướng:

1) Tướng xúc hiệp:

- thì núi giáp lại ép thân, xương đổ máu rơi.

2) Tướng xúc ly:

- thì gươm đao đâm vào thân mà tâm-can tan nát.

_ Thứ xúc ấy,

- qua tánh xúc, làm thành đường sá, quán-trợ, công-sở, ngục-hình,

- qua tánh thấy, làm thành thiêu đốt,

- qua tánh nghe, làm thành đánh đập

si vi xạ. _ Lịch tức, tắc năng vi quát vi đại, vi khảo vi phược. _ Lịch thường, tắc năng vi canh vi kiềm, vi trám vi triệt. _ Lịch tư, tắc năng vi trụy vi phi, vi tiễn, vi chích.	bắn đâm, - qua hơi thở, làm thành túi đầy và đồ dùng tra-khảo trói buộc, - qua tánh nếm, làm thành lưỡi cày kẽm kẹp chặt chém, - qua tánh nghĩ, làm thành bay sa nấu nướng.
---	--

六者思報。招引惡果。此思業交則臨終時。先見惡風吹壞國土。亡者神識被吹上空旋落乘風。墮無間獄發明二相。一者不覺。迷極則荒奔走不息。二者不迷。覺知則苦無量煎燒痛深難忍。如是邪思。結思則能為方為所。結見則能為鑒為證。結聽則能為大合石。為冰為霜為土為霧。結息則能為大火車火船火檻。結嘗則能為大叫喚為悔為泣。結觸則能為大為小。為一日中萬生萬死為偃為仰。阿難是名地獄十因六果。皆是眾生迷妄所造。

18. / 6 _ <i>Lục giả: Tư báo</i> , chiêu-dẫn ác-quả. _ Thủ tư nghiệp giao, tắc lâm-chung thời, tiên kiến ác-phong xuy hoại quốc-degree, vong-giả thần-thức bị xuy thượng không, toàn lạc thừa phong.	18. / 6 _ Báo thứ sáu là tư-báo . Do ý-căn khởi lo nghĩ mà chiêu-cảm ác-quả. _ Nghiệp lo nghĩ chất chứa đến khi mạng chung, trước nhứt thấy gió dữ thổi tan xứ-sở, rồi thần-thức vong-giả bị gió thổi bay lên hư-không đoạn rơi xuống, nương theo gió mà vào Vô-gián địa-ngục.
_ Đọa Vô-gián ngục, phát-minh nhị tướng: _ Nhứt giả bất giác. (Một là không biết.) _ Mê cực tắc hoang, bôn tẩu bất tức. _ Nhị giả bất mê. (Hai là không mê.) _ Giác tri tắc khổ, vô-lượng tiên thiêu, thống thâm nan nhẫn.	_ Khi vào địa-ngục rồi, nhận định hai nghiệp-tướng: 1) Tướng không biết: - thì tối tăm ngu dại thành ra hoang đàng, chạy hoài không nghỉ chân. 2) Tướng không mê: - thì hiểu được sự đau khổ bị nấu bị đốt, hình-phạt nguy khốn khó chịu vô-biên.
_ Như-thị tà tư. _ Kết tư, tắc năng vi phương vi sở. _ Kết kiến, tắc năng vi giám vi chứng. _ Kết thính, tắc năng vi đại hiệp thạch, vi băng vi sương, vi thổ vi vụ. _ Kết tức, tắc năng vi đại-hỏa xa, hỏa thuyền, hỏa lâm.	_ Thứ lo nghĩ tà vạy ấy, - qua tánh suy-tư rồi làm thành phương-hướng xứ-sở, - giao-kết với tánh thấy làm thành nghiệp-cảnh đối chứng, - giao-kết với tánh nghe làm thành núi to có giá tuyết sương đất, - giao-kết với hơi thở, làm thành xe lửa, tàu lửa, than lửa to lớn,

<p>_ Kết thường, tặc năng vi đại kiếu hoán, vi hối vi khấp.</p> <p>_ Kết xúc, tặc năng, vi đại, vi tiểu, vi nhứt nhựt trung, vạn sanh vạn tử, vi yển vi ngưỡng.</p>	<p>- giao-kết với tánh nếm, làm thành tiếng rên siết kêu la, hối-hận than khóc,</p> <p>- giao-kết với tánh xúc, làm thành thân-thể lớn nhỏ và trong một ngày sống chết muôn lần, nầm sấp nầm ngửa, cúi xuống ngược lên, vô-cùng thảm khổ.</p>
<p>_ A-Nan! Thị danh địa-ngục, thập nhân lục quả, giai thị chúng-sanh, mê vọng sở tạo.</p>	<p>_ A-Nan! Đó là mười tập-nhân gây ra sáu khổ quả ở địa-ngục, do tâm mê-muội vọng-động của chúng-sanh phát khởi.</p>

19.	19. TAM ĐÔ KHỔ: ĐỊA-NGỤC, NGÀ-QUỈ, SÚC-SANH.
	<p>若諸眾生惡業圓造。入阿鼻獄受無量苦經無量劫。六根各造及彼所作兼境兼根。是人則入八無間獄。身口意三作殺盜婬。是人則入十八地獄。三業不兼中間或為一殺一盜。是人則入三十六地獄。見見一根單犯一業。是人則入一百八地獄。由是眾生別作別造。於世界中入同分地。妄想發生非本來有。</p>
<p>_ Nhược chư chúng-sanh, ác-nghiệp viên tạo, nhập A-Tỳ ngục, thọ vô-lượng khổ, kinh vô-lượng kiếp.</p> <p>(_ Nếu các chúng-sanh, sáu căn đồng tạo nghiệp dữ, thì vào ngục A-Tỳ, chịu khổ vô-cùng trong vô-lượng kiếp.)</p>	<p>_ Đức Phật dạy: A-Nan! Chúng-sanh nào dùng sáu căn, mười tập-nhân tạo-tác tội lỗi ác-nghiệp thâm sâu thì khi mạng chung đầu-thai sa-dọa vào A-Tỳ địa-ngục, chịu hình-phạt đau đớn vô-biên, trải qua số kiếp vô-lượng, khó được thoát-ly.</p>
<p>_ Lục-căn các tạo, cặp bỉ sở tác, kiêm cảnh kiêm căn, thị nhân tặc nhập, bát Vô-gián ngục.</p> <p>(_ Nếu từng mỗi căn tạo ra, và nghiệp dữ đã làm, gồm cả cảnh và căn, thì bị đọa...)</p>	<p>1. Chúng-sanh nào dùng sáu căn tạo ác-nghiệp, mỗi căn mỗi ác-nghiệp, chỗ sở tạo có nghiệp-cảnh thay nghiệp-căn, thì bị đọa vào 8 tầng Vô-gián địa-ngục.</p>
<p>_ Thân khẩu ý tam, tác sát đạo dâm, thị nhân tặc nhập, thập bát hữu-gián ngục.</p> <p>(_ Nếu cả thân khẩu ý làm việc sát đạo dâm, thì bị đọa...)</p>	<p>2. Chúng-sanh nào dùng ba căn thân khẩu ý tạo thành các ác-nghiệp sát đạo dâm, thì bị đọa vào 18 tầng Hữu-gián địa-ngục.</p>
<p>_ Tam nghiệp tác sát đạo dâm vọng, thị nhân tặc nhập tam thập lục hữu-gián ngục.</p>	<p>3. Chúng-sanh nào dùng ba căn thân khẩu ý tạo thành các ác-nghiệp sát đạo dâm, vọng-ngôn ý-ngữ ác-khổ lưỡng-thiệt, thì bị đọa vào 36 tầng Hữu-gián địa-ngục.</p>

<p>_ Kiến kiến phạm nghiệp, căn tặc thập ác, thị nhân tặc nhập, nhứt bát bát hữu-gián ngục.</p>	<p>4. Chúng-sanh nào dùng năng-kiến sở-kiến gây ra trọng-tội, đem ba căn thân khẩu ý tạo thành các ác-nghiệp sát đao dâm, vọng-ngôn ỷ-ngữ ác-khổ lưỡng-thiệt, tham sân si, thì bị đọa vào 108 tầng Hữu-gián địa-ngục.</p>
<p>_ Do thị chúng-sanh, biệt tác biệt tạo, ư thế-giới trung, nhập đồng-phận địa, vọng-tưởng phát-sanh, phi bồn lai hữu. (_ Do những chúng-sanh đó riêng gây ra nghiệp, nên vào chỗ đồng phận trong giới ấy, đó là tại...)</p>	<p>_ Chúng-sanh tạo ác-nghiệp, mỗi người mỗi riêng, ở trong thế-gian từ chỗ biệt-nghiệp vào chỗ đồng-phận, đó là tại vọng-tưởng diên-dảo phát-sanh, chớ không phải nguồn gốc sẵn có.</p>

復次阿難是諸眾生非破律儀。犯菩薩戒毀佛涅槃。諸餘雜業歷劫燒然。後還罪畢受諸鬼形。

若於本因。貪物為罪是人罪畢。遇物成形名為[魅-未+天]鬼。
貪色為罪是人罪畢。遇風成形名為[魅-未+天]鬼。
貪惑為罪是人罪畢。遇畜成形名為魅鬼。
貪恨為罪是人罪畢。遇蟲成形名蠱毒鬼。
貪憶為罪是人罪畢。遇衰成形名為癟鬼。
貪傲為罪是人罪畢。遇氣成形名為餓鬼。
貪罔為罪是人罪畢。遇幽為形名為魘鬼。
貪明為罪是人罪畢。遇精為形名魍魎鬼。
貪成為罪是人罪畢。遇明為形名役使鬼。
貪黨為罪是人罪畢。遇人為形名傳送鬼。
阿難是人皆以純情墮落。業火燒乾上出為鬼。此等皆是自妄想業之所招引。若悟菩提則妙圓明本無所有。

<p>20. Phục thứ A-Nan! Thị chư chúng-sanh, phi phá luật-nghi, phạm Bồ-Tát giới, hủy Phật Niết-Bàn, chư dư tạp-nghiệp, lịch-kiếp thiêu nhiên, hậu hoàn tội tất, thọ chư quý hình. (_ Lại nữa A-Nan! Các chúng-sanh đó, nếu không phải gây tội chê phá luật-nghi, phạm Bồ-Tát giới, hủy-báng Niết-Bàn của Phật; mà chỉ phạm những nghiệp phúc-tập khác, thì sau khi bị đốt cháy nhiều kiếp, dền tội hết rồi, thì chịu những hình quý.)</p>	<p>20. A-Nan! Gia-chi-dĩ, những chúng-sanh phá-hoại luật-nghi của Phật, vi-phạm các giới Bồ-Tát và hủy-báng Như-Lai Niết-Bàn, thì bị sa-đọa ở địa-ngục vô-số kiếp. Như do các tạp-nghiệp, mười tạp-nhân mà bị sa-đọa ở địa-ngục thì sau khi mãn tội địa-ngục, còn phải đau-thai vào quỉ-giới. Gia-chi-dĩ: Đương-nhiên. Dĩ-nhiên. Tất-nhiên. Đúng là như thế. Nhất định là vậy, không thể khác.</p>
<p>_ Nhược ư bốn-nhân, tham vật vi tội, thị nhân tội tất, ngộ vật thành hình, danh vi Quái-quỷ.</p>	<p>1. Nếu vì căn-tội tham tài vật mà bị đọa địa-ngục, thì sau khi mãn tội địa-ngục, lại phải nương vào tài vật, mà thành hình Quái-quỷ.</p>

<p>_ Tham sắc vi tội, thị nhân tội tất, ngô phong thành hình, danh vi <i>Bạt-quỷ</i>.</p> <p>_ Tham hoặc vi tội, thị nhân tội tất, ngô súc thành hình, danh vi <i>My-quỷ</i>.</p> <p>_ Tham hận vi tội, thị nhân tội tất, ngô trùng thành hình, danh <i>Cổ-dộc-quỷ</i>.</p> <p>_ Tham ức vi tội, thị nhân tội tất, ngô suy thành hình, danh vi <i>Lê-quỷ</i>.</p> <p>_ Tham ngạo vi tội, thị nhân tội tất, ngô khí thành hình, danh vi <i>Ngã-quỷ</i>.</p> <p>_ Tham uổng vi tội, thị nhân tội tất, ngô u vi hình, danh vi <i>Yểm-quỷ</i>.</p> <p>_ Tham minh vi tội, thị nhân tội tất, ngô tinh vi hình, danh <i>Vọng-lượng-quỷ</i>.</p> <p>_ Tham thành vi tội, thị nhân tội tất, ngô minh vi hình, danh <i>Dịch-sú-quỷ</i>.</p> <p>_ Tham đáng vi tội, thị nhân tội tất, ngô nhân vi hình, danh <i>Truyền-tống-quỷ</i>.</p>	<p>2. Nếu vì căm-tội tham bóng sắc ô-nhiễm mà bị đọa địa-ngục, thì sau khi mãn tội địa-ngục, lại phải nương theo gió, mà thành hình <i>Bạt-quỷ</i>.</p> <p>3. Nếu vì căm-tội tham các sự tà my ma-giáo ngoại-đạo, mê-hoặc nhân-tâm mà bị đọa địa-ngục; thì sau khi mãn tội địa-ngục, lại phải nương theo loài súc-vật, mà thành hình <i>My-quỷ</i>.</p> <p>4. Nếu vì căm-tội tham sân-hận, ganh tị, khinh rẻ, ghét cay ghét đắng, có thủ-đoạn tiểu-nhân phá-hoại người, bị đọa địa-ngục; thì sau khi mãn tội địa-ngục, lại phải nương theo loài côn-trùng, mà thành <i>Cổ-dộc-quỷ</i>.</p> <p>5. Nếu vì căm-tội tham tưởng nhớ thù xưa oán cũ, chủ tâm sát-hại người, bị đọa địa-ngục; thì sau khi mãn tội địa-ngục, lại phải nương theo chỗ suy-biến, mà thành hình <i>Suy-lê-quỷ</i>.</p> <p>6. Nếu vì căm-tội tham cống cao ngã-mạn, tự-phụ kiêu-căng, chế nhạo đốn phá, khen mình chê người, mưu-sự ích-kỷ hại-nhân, bị đọa địa-ngục; thì sau khi mãn tội địa-ngục, lại phải nương theo hơi, mà thành hình <i>Ngã-quỷ</i>.</p> <p>7. Nếu vì căm-tội tham vu-cáo, hám-dọa, uy-hiếp, phỉ-báng, nhục-mạ, làm chứng-gian hại người, bị đọa địa-ngục; thì sau khi mãn tội địa-ngục, lại phải nương theo chỗ u-ám, mà thành hình <i>Yểm-quỷ</i>.</p> <p>8. Nếu vì căm-tội tham phàm-trí chấp ngã chấp pháp, vọng-tưởng điên-đảo, bị đọa địa-ngục; thì sau khi mãn tội địa-ngục, lại phải nương theo tinh-linh, mà thành hình <i>Vọng-lượng-quỷ</i>.</p> <p>9. Nếu vì căm-tội tham giả dối, xảo-quyết, phản-phúc, lường-gạt, bị đọa địa-ngục; thì sau khi mãn tội địa-ngục, lại phải nương theo minh-tinh, mà thành hình <i>Dịch-sú-quỷ</i>.</p> <p>10. Nếu vì căm-tội tham kiện cáo, tranh-tụng, mua chuộc, xu-phụ, hành-động lợi-mình hại người, bị đọa địa-ngục; thì sau</p>
--	--

	khi mãn tội địa-ngục, lại phải nương theo người đồng cốt, mà thành hình <i>Truyền-tống-quỉ</i> .
<p>_ A-Nan! Thị nhân giai dĩ, thuần-tình-trụy-lạc, nghiệp hỏa thiêu càn, thương xuất vi quỷ, thử dǎng giai thị, tự vọng tưởng nghiệp, chi sở chiêu dǎn.</p> <p>(_ A-Nan! Những người đó đều vì thuần tình phải dọa-lạc, … , như thế đều do cái nghiệp vọng-tưởng tự mình chuốc lấy.)</p> <p>_ Nhược ngộ Bồ-Đề, tǎc diệu-viên-minh, bốn vô sở-hữu.</p> <p>(_ Nếu ngộ được tánh Bồ-Đề, thì nơi tánh diệu-viên-aminh, vốn không có gì.)</p>	<p>_ A-Nan! Các chúng-sanh bị tội địa-ngục đều hoàn-toàn thiên về tình trụy-lạc, khi hỏa-nghiệp địa-ngục vừa tắt thì đầu-thai làm quỉ, đó là tại biệt-nghiệp vọng-tưởng điên-đảo chiêu-cảm ác-quả.</p> <p>_ Tuy-nhiên, mặc dầu bị đọa khổ-sở như vậy, nhưng Tâm Chơn-Như vẫn tồn-tại. Nếu chịu nghe được Chánh-Pháp Như-Lai, tỏ ngộ được chơn-lý Bồ-Đề, mà hồi-tâm chí-thành sám-hối, hoặc trì chú hoặc niệm Phật thì tội ác tiêu lân lân như đá mài dao, cho tới khi trở về Tâm Chơn-Như mầu-nhiệm sáng suốt chau-viên, ví như tinh giắc chiêm bao không có tự-thể.</p>

復次阿難鬼業既盡。則情與想二俱成空。方於世間。與元負人怨對相值。身為畜生酬其宿債。

物怪之鬼物銷報盡。生於世間多為梟類。

風[魅-未+夭]之鬼風銷報盡。生於世間多為咎徵一切異類。

畜魅之鬼畜死報盡。生於世間多為狐類。

蟲蠱之鬼蟲滅報盡。生於世間多為毒類。

衰癟之鬼衰窮報盡。生於世間多為蛔類。

受氣之鬼氣銷報盡。生於世間多為食類。

綿幽之鬼幽銷報盡。生於世間多為服類。

和精之鬼和銷報盡。生於世間多為應類。

明靈之鬼明滅報盡。生於世間多為休徵一切諸類。

依人之鬼人亡報盡。生於世間多為循類。

21. Phục thứ A-Nan! Quỷ-nghiệp ký tận, tǎc tình dữ tưởng, nhị cu thành khôn, phuơng ư thế-gian, dữ nguyên phụ nhân, oan đối tương-trị, thân vi súc-sanh, thù kỳ túc-trái.

(_ Lại nữa A-Nan! Khi nghiệp quỷ đã hết, tình và tưởng cả hai đều thành khôn, thì mới ở nơi thế-gian,

21. A-Nan! Các chúng-sanh bị địa-ngục-nghiệp, đau đớn như vậy, khi mãn địa-ngục-nghiệp, lại bị quỷ-nghiệp, khi mãn quỷ-nghiệp thì tình với tưởng đều khôn; các chúng-sanh ấy lại tìm những người có nhân-duyên, nợ nần, oan-gia trái-chủ ở trần-tục mà họ đã vay trong vô-số

<p>cùng với người mắng nợ cũ, oán đối gấp nhau, thân làm súc-sanh để trả nợ cũ.)</p> <p>_ Vật quái chi quý, vật tiêu báo tận, sanh ư thế-gian, đa vi cứu loại.</p> <p>_ Phong bạt chi quý, phong tiêu báo tận, sanh ư thế-gian, đa vi cữu trưng, nhứt-thiết dị loại.</p> <p>_ Súc-my chi quý, súc tử báo tận, sanh ư thế-gian, đa vi hồ loại.</p> <p>_ Trùng cổ chi quý, cổ diệt báo tận, sanh ư thế-gian, đa vi độc loại.</p> <p>_ Suy-lệ chi quý, suy cùng báo tận, sanh ư thế-gian, đa vi hồi loại.</p> <p>_ Thọ khí chi quý, khí tiêu báo tận, sanh ư thế-gian, đa vi thực loại.</p> <p>_ Miên u chi quý, u tiêu báo tận, sanh ư thế-gian, đa vi phục loại.</p> <p>_ Hòa tinh chi quý, hòa tiêu báo tận, sanh ư thế-gian, đa vi ứng loại.</p> <p>_ Minh linh chi quý, minh diệt báo tận, sanh ư thế-gian, đa vi hữu-trưng, nhứt-thiết chư loại.</p> <p>_ Y-nhân chi quý, nhân vong báo tận, sanh ư thế-gian, đa vi tuần loại.</p>	<p>kiếp trước, để đầu-thai làm súc-sanh đền trả.</p> <p>1. Như loài Quái-quỉ, đến khi các đồ vật của họ nương theo tiêu hết tức là họ chết; thì đa-số đầu-thai làm <i>chim Kiêu</i> ở thế-gian. 2. Loài Bạt-quỉ, đến khi gió của họ nương theo tan mất tức là họ chết; thì đa-số đầu-thai làm <i>chim cú, chim qua</i> ở thế-gian. 3. Loài My-quỉ, đến khi súc-sanh của họ nương theo chết tức là họ chết; thì đa-số đầu-thai làm <i>chồn</i> ở thế-gian. 4. Loài Cổ-độc-quỉ, đến khi côn-trùng của họ nương theo chết tức là họ chết; thì đa-số đầu-thai làm <i>rắn rít</i> độc-hại ở thế-gian. 5. Loài Suy-lệ-quỉ, đến khi chõ suy-biến mà họ nương theo diệt-tận tức là họ chết; thì đa-số đầu-thai làm <i>sên lãi</i> bám vào người hoặc súc-vật ở thế-gian. 6. Loài Ngạ-quỉ, đến khi hơi mà họ nương theo dứt sạch tức là họ chết; thì đa-số đầu-thai làm những con thú cho người ăn thịt như <i>heo gà vịt</i>, v.v... ở thế-gian. 7. Loài Yểm-quỉ, đến khi chõ u-ám mà họ nương theo tan hết tức là họ chết; thì đa-số đầu-thai làm những thứ thú dùng để mặc như <i>con tằm</i>, hoặc để cởi, kéo xe như <i>trâu bò ngựa</i>. 8. Loài Vọng-lượng-quỉ, đến khi tinh-linh của họ nương theo tiêu-diệt tức là họ chết; thì đa-số đầu-thai làm những thứ chim biết thời tiết như <i>chim hồng, chim yến</i> ở thế-gian. 9. Loài Dịch-sứ-quỉ, đến khi minh-tinh của họ nương theo tiêu-diệt tức là họ chết; thì đa-số đầu-thai làm những thứ chim báo điềm tốt như <i>chim phụng-hoàng</i>. 10. Loài Truyền-tống-quỉ, đến khi người đồng cốt của họ nương theo chết tức là họ chết; thì đa-số đầu-thai làm những</p>
---	--

	thứ thứ tùng-phục như chó mèo.
--	--------------------------------

阿難是等皆以業火乾枯。酬其宿債傍為畜生。此等亦皆自虛妄業之所招引。若悟菩提。則此妄緣本無所有。如汝所言寶蓮香等。及瑠璃王善星比丘。如是惡業本自發明。非從天降亦非地出。亦非人與。自妄所招還自來受。菩提心中皆為浮妄虛想凝結。

復次阿難從是畜生酬償先債。若彼酬者分越所酬。此等眾生還復為人返徵其剩。如彼有力兼有福德。則於人中不捨人身酬還彼力。若無福者還為畜生償彼餘直。

阿難當知若用錢物。或役其力償足自停。如於中間殺彼身命或食其肉。如是乃至經微塵劫。相食相誅猶如轉輪。互為高下無有休息。

22. A-Nan! Thị đẳng giai đĩ, nghiệp-hỏa can khô, thù kỳ túc-trái, bàng vi súc-sanh, thử đẳng diệc giai, tự hư vọng nghiệp, chi sở chiêu dã.

(_ A-Nan! Bạn ấy đều do lửa nghiệp đốt xong, sanh ra loài súc-sanh, trả hết nợ cũ, như thế, đều do những nghiệp hư-vọng của tự mình chuốc lấy.)

_ Nhược ngộ Bồ-Đề, tắc thử vọng duyên bốn vô sở-hữu.

(_ Nếu ngộ được tánh Bồ-Đề, thì các vọng-duyên đó vốn không có gì.)

_ Như nhữ sở ngôn: Bửu-Liên-Hương đẳng, cập Lưu-Ly vương, Thiện-Tinh Tỳ-khưu, như-thị ác-nghiệp, bốn tự phát-minh, phi tùng Thiên giáng, diệc phi Địa xuất, diệc phi nhân dữ.

_ Tự-vọng sở chiêu, hoàn tự lai thọ.

(_ Mà chính do vọng-tưởng của tự mình gây ra, rồi tự mình phải chịu quả-báo.)

_ Bồ-Đề tâm trung, giai vi phù hư, vọng-tưởng ngưng kết.

(_ Nơi Tâm Bồ-Đề, đó chỉ là sự kết đồng của vọng-tưởng giả dối.)

22. A-Nan! Các loài quỉ, khi hỏa-nghiệp vừa tắt thì đầu-thai làm súc-sanh để đến trả nợ nần cũ như vậy là tại túc-trái tiền-nghiệp hư-vọng của họ chiêu-cảm ác-báo.

_ Tuy-nhiên, nếu khi các loại ấy nghe được tiếng kinh, tiếng pháp của Phật, tỏ ngộ chơn-lý Bồ-Đề, hồi-tâm sám-hối hướng thiện thì các ác-nghiệp vọng-duyên lần lâng tiêu hết, vì ác-nghiệp vọng-duyên vốn không có tự-thể.

_ A-Nan! Như ông đã nói: Nàng Bảo-Liên-Hương, Vua Lưu-Ly và Tỳ-khưu Thiện-Tinh có ác-nghiệp do tự mình tạo-tác, chớ không phải trên trời rớt xuống, không phải dưới đất dựng lên, cũng không phải người khác gây ra.

_ *Tự tạo ác-nghiệp dĩ-nhiên phải tự gánh vác ác-báo.*

_ Nếu Tâm Bồ-Đề được khai-thông thì nhận-định: ác-nghiệp chỉ là vọng-tưởng điên-dảo giả dối kết thành.

<p>_ Phục thứ A-Nan! Tùng thị súc-sanh, thù thường tiên-trái.</p> <p>_ Nhược bỉ thù giả, phận việt sở thù, thủ đẳng chúng-sanh, hoàn phục vi nhân, phản trưng kỳ thặng.</p> <p>(_ Nếu trong lúc trả nợ, trả quá nợ cũ, thì những chúng-sanh ấy, trở lại làm người, đòi lại chồ thừa.)</p> <p>_ Như bỉ hữu lực, kiêm hữu phước-đức, tắc ư nhân trung, bất xả nhân thân, thù hoàn bỉ lực; nhược vô phước giả, hoàn vi súc-sanh, thường bỉ dư trị.</p> <p>(_ Nếu bên kia có sức, lại có cả phúc-đức, thì ở trong loài người, không rời bỏ thân người, mà hoàn lại chồ thừa đó; còn nếu không phúc-đức, thì phải làm súc-sanh, đền lại chồ thừa.)</p>	<p>_ A-Nan! Các loài súc-sanh ấy có bốn-phận đền trả nợ cũ.</p> <p>_ Nếu số trả quá hơn số nợ, thì các loài ấy được trở lại làm người ở nhân-gian để đòi lại số thặng dư.</p> <p>_ Nếu người nào mắc số nợ ấy, có phước thì đầu-thai mang thân người có nhân-lực ở trong nhân-đạo; còn vô-phước thì mang thân súc-sanh, khổ sở hơn người, để trả nợ lanh quá số.</p>
<p>_ A-Nan! Đương tri: Nhược dụng tiền-vật, hoặc dịch kỳ-lực, thường túc tự định; như ư trung-gian, sát bỉ thân mệnh, hoặc thực kỳ nhục, như-thị nãi chí, kinh vi-trần kiếp, tương-thực tương-tru, do như chuyển luân, hổ vi cao hạ, vô hữu hữu túc.</p> <p>(_ A-Nan! Nên biết: Nếu dùng tiền của hoặc sức người ta, thì đền đủ là xong; còn như trong ấy, có giết thân mạng, hoặc ăn thịt kẻ khác, như thế, thì đi đến ăn nhau, giết nhau, trải qua nhiều kiếp, số như vi-trần, cũng như bánh xe xoay vần, thay đổi bên cao bên thấp, không có dừng nghỉ.)</p>	<p>_ A-Nan! Ông nên biết: Nếu số nợ trả dư, hoặc dùng tiền của hoặc dùng năng-lực trả đủ; nhưng trong thời kỳ trả nợ đó, có tạo ác-nghiệp giết hại, ăn thịt; thì về sau phải bị giết hại ăn thịt lại trong vi-trần kiếp, giết người thì người giết lại, ăn thịt lẫn nhau; ví như bánh xe quay, cao thấp xây vần, không dứt.</p>

<p>除奢摩他及佛出世不可停寢。 汝今應知彼梟倫者酬足復形。生人道中參合頑類。 彼咎徵者酬足復形。生人道中參合愚類。 彼狐倫者酬足復形。生人道中參於很類。 彼毒倫者酬足復形。生人道中參合庸類。 彼蛔倫者酬足復形。生人道中參合微類。 彼食倫者酬足復形。生人道中參合柔類。 彼服倫者酬足復形。生人道中參合勞類。 彼應倫者酬足復形。生人道中參於文類。 彼休徵者酬足復形。生人道中參合明類。 彼諸循倫酬足復形。生人道中參於達類。 阿難是等皆以宿債畢酬復形人道。皆無始來業計顛倒相生相殺。不遇如來不聞正法。於塵勞中法爾輪轉。此輩名為可憐愍者。</p>

<p>23. A-Nan! Trừ Sa-ma-tha, cập Phật xuất-thế, bất khả đinh tẩm.</p> <p>(_ Trừ khi được pháp Sa-ma-tha, hoặc gấp Phật ra đời, thì không thể thôi được.)</p>	<p>23. A-Nan! Ông phải hiểu: các thứ oan-gia nợ nần rất khó đoạn. Chỉ khi nào có đại-phước gặp Phật ra đời cứu-dộ, nếu không có Phật thì có được bậc Thiện-Tri-Thức Thanh-Tịnh-Tăng dạy dỗ, nghe hiểu sáng suốt Chánh-Pháp Như-Lai, tỏ ngộ chơn-lý Bồ-ĐỀ và y Phật-luật nhứt-tâm tu-hành chánh-định giải-thoát thì mới có thể giải trừ oan-gia nợ nần ấy.</p>
<p>Nhữ kim ưng tri:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Bỉ cữu luân giả, thù túc phục hình, sanh nhân-đạo trung, tham hiệp ngoan loại. _ Bỉ cữu trưng giả, thù túc phục hình, sanh nhân-đạo trung, tham hiệp dị loại. (hạng quái dị) _ Bỉ hồ luân giả, thù túc phục hình, sanh nhân-đạo trung, tham ư dung loại. (hạng ngu dại) _ Bỉ độc luân giả, thù túc phục hình, sanh nhân-đạo trung, tham hiệp ngân loại. (hạng nham-hiểm) _ Bỉ hồi luân giả, thù túc phục hình, sanh nhân-đạo trung, tham hiệp vi loại. (hạng hèn nhát) _ Bỉ thực luân giả, thù túc phục hình, sanh nhân-đạo trung, tham hiệp nhu loại. (hạng nhu-nhuợc) _ Bỉ phục luân giả, thù túc phục hình, sanh nhân-đạo trung, tham hiệp my loại. (hạng lao lụy) _ Bỉ ứng luân giả, thù túc phục hình, sanh nhân-đạo trung, tham hiệp văn loại. (hạng văn hoa) _ Bỉ hữu trưng giả, thù túc phục hình, sanh nhân-đạo trung, tham hiệp minh loại. (hạng thông-minh) _ Bỉ tuần luân giả, thù túc phục hình, sanh nhân-đạo trung, tham ư đạt loại. 	<p>A-Nan! Nay ông nên rõ:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Loài chim Kiêu, đến khi trả nợ xong, trở lại làm người ở nhân-gian, chen lấn với <i>hạng ngoan-cố</i>. 2. Loài chim báu điềm xấu như chim cú chim quạ, đến khi trả nợ xong, trở lại làm người ở nhân-gian, chen lấn với <i>hạng xấu xa</i>. 3. Loài chồn, đến khi trả nợ xong, trở lại làm người ở nhân-gian, chen lấn với <i>hạng xảo-quyết</i>. 4. Loài rắn rít độc hại, đến khi trả nợ xong, trở lại làm người ở nhân-gian, chen lấn với <i>hạng tàn-bạo</i>. 5. Loài sên lâi, đến khi trả nợ xong, trở lại làm người ở nhân-gian, chen lấn với <i>hạng đê-tiện</i>. 6. Loài thú để cho người ta ăn thịt như heo gà vịt, v.v..., đến khi trả nợ xong, trở lại làm người ở nhân-gian, chen lấn với <i>hạng hèn yếu</i>. 7. Loài thú dùng để mặc như con tằm, hoặc để cởi, kéo xe như trâu bò ngựa, đến khi trả nợ xong, trở lại làm người ở nhân-gian, chen lấn với <i>hạng xu-phụ</i>. 8. Loài thú biết thời-tiết như chim hồng chim yến, đến khi trả nợ xong, trở lại làm người ở nhân-gian, chen lấn với <i>hạng văn-học</i>. 9. Loài thú báu điềm tốt như chim phụng-hoàng, đến khi trả nợ xong, trở lại làm người ở nhân-gian, chen lấn với <i>hạng thế-gian trí-thức</i>. 10. Loài thú tùng-phục người như chó mèo, đến khi trả nợ xong, trở lại làm

(hạng thông-dẠt)	người ở nhân-gian, chen lấn với <i>hang lanh lợi</i> .
<p>_ A-Nan! Thị đẳng giai dĩ, túc-trái tất thù, phục hình nhân đạo, giai vô-thỉ lai, nghiệp kế diên-dảo tương-sanh, tương-sát. Bất ngộ Như-Lai, bất văn chánh-pháp, ư trần-lao trung, pháp nhĩ luân-chuyển, thử bối danh vi, khả liên-mẫn giả.</p> <p>(_ A-Nan! Bạn ấy trả hết nợ cũ, trở lại hình người, đều do từ vô-thỉ đến nay, diên-dảo gây nghiệp, vay trả thừa thiếu, sanh nhau, giết nhau. Nếu không gặp Như-Lai, không nghe chánh-pháp, thì ở trong trần-lao, máy móc xoay vần mãi mãi; bạn ấy gọi là thật đáng thương xót.)</p>	<p>_ A-Nan! Các loài như thế, đền trả tiền-oan túc-trái, trở lại làm người ở thế-gian, nhưng vì vọng-nghiệp phiền-não diên-dảo từ vô-thỉ, sống chung nhau, giết hại lẫn nhau; không gặp Phật, cũng không gặp bậc Thiện-Tri-Thức Thanh-tịnh-Tăng, không nghe hiểu Chánh-Pháp, nên không biết tu-hành giải-thoát, do đó mà luân-hồi sanh-tử mãi trong vòng trần-lao đau khổ, thật đáng thương xót.</p>

24.	24. THẬP CHỦNG TIÊN.
<p>阿難復有從人不依正覺修三摩地。別修妄念。存想固形遊於山林。人不及處有十仙種。阿難彼諸眾生。</p> <p>堅固服餌而不休息。食道圓成名地行仙。</p> <p>堅固草木而不休息。藥道圓成名飛行仙。</p> <p>堅固金石而不休息。化道圓成名遊行仙。</p> <p>堅固動止而不休息。氣精圓成名空行仙。</p> <p>堅固津液而不休息。潤德圓成名天行仙。</p> <p>堅固精色而不休息。吸粹圓成名通行仙。</p> <p>堅固呪禁而不休息。術法圓成名道行仙。</p> <p>堅固思念而不休息。思憶圓成名照行仙。</p> <p>堅固交遘而不休息。感應圓成名精行仙。</p> <p>堅固變化而不休息。覺悟圓成名絕行仙。</p> <p>阿難是等皆於人中鍊心不循正覺。別得生理壽千萬歲。休止深山或大海島絕於人境。斯亦輪迴妄想流轉不修三昧。報盡還來散入諸趣。</p>	

<p>_ A-Nan! Phục hữu tùng nhân, bất y chánh-giác tu Tam-ma-dèle, biệt tu vọng-niệm, tồn tưởng cố hình; du ư sơn-lâm, nhân bất cập xứ, hữu thập chủng Tiên.</p> <p>(_ A-Nan! Lại có chúng-sanh từ loài người, không nương theo chánh-giác tu pháp Tam-ma-dèle, lại riêng tu theo vọng-niệm, để tâm củng-cố hình-hài; vào</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>_ A-Nan! Có nhiều hạng chúng-sanh tu-hành, nhưng không y đạo Chánh-Giác của Phật mà tu pháp chánh-định, giải-thoát tam giới, còn niệm, giữ tư-tưởng tồn-tại, chấp sắc tướng kiên-cố; ở những chỗ núi cao, rừng thẳm, tư bề hiu quạnh, không có bóng người lai-vãng, những</p>
---	---

<p>trong rừng núi, những chỗ người ta không đến được, thành 10 thứ Tiên.)</p> <p>_ A-Nan! Bỉ chư chúng-sanh, kiên-cố phục bỉnh, nhi bất hữu túc, thực-đạo viên-thành, danh <i>Địa-Hành Tiên</i>.</p> <p>(_ A-Nan! Các chúng-sanh kia, kiên-cố dùng đồ bổ mà không dừng nghỉ, khi đạo ăn được thành-tựu, thì gọi là <i>Địa-Hành Tiên</i>.)</p>	<p>hạng tu-hành như vậy đại-lược có mười giống Tiên.</p> <p>1. Có hạng tu phép luyện bánh ăn kiên-cố, chẳng dứt, cho đến khi được kết-quả viên-thành, thân-thể trường-sanh, gọi là <i>Tiên Địa-Hành</i>.</p>
<p>_ Kiên-cố thảo-mộc, nhi bất hữu túc, được-đạo viên-thành, danh <i>Phi-Hành Tiên</i>.</p> <p>(_ Kiên-cố dùng cỏ cây mà không dừng nghỉ, khi đạo thuốc được thành-tựu, thì gọi là <i>Phi-Hành Tiên</i>.)</p>	<p>2. Có hạng tu-luyện thảo-mộc làm thuốc kiên-cố, chẳng dứt, cho đến khi được kết-quả viên-thành, thân-thể nhẹ nhàng đi mau như bay, gọi là <i>Tiên Phi-Hành</i>.</p>
<p>_ Kiên-cố kim-thạch, nhi bất hữu túc, hóa-đạo viên-thành, danh <i>Du-Hành Tiên</i>.</p> <p>(_ Kiên-cố dùng kim-thạch mà không dừng nghỉ, khi đạo hóa-chất được thành-tựu, thì gọi là <i>Du-Hành Tiên</i>.)</p>	<p>3. Có hạng tu-luyện kim-thạch kiên-cố, chẳng dứt, cho đến khi được kết-quả viên-thành, thân-thể lanh lẹ, đạo khắp nơi trong chốc lát, gọi là <i>Tiên Du-Hành</i>.</p>
<p>_ Kiên-cố động-chỉ, nhi bất hữu túc, khí tinh viên-thành, danh <i>Không-Hành Tiên</i>.</p> <p>(_ Kiên-cố làm những động-tác mà không dừng nghỉ, khi khí-tinh được thành-tựu, thì gọi là <i>Không-Hành Tiên</i>.)</p>	<p>4. Có hạng tu-luyện động-chỉ tinh khí thần kiên-cố, chẳng dứt, cho đến khi được kết-quả viên-thành, thì thân-thể tiêu-diêu, bay giữa hư-không gọi là <i>Tiên Không-Hành</i>.</p>
<p>_ Kiên-cố tân-dịch, nhi bất hữu túc, nhuận đức viên-thành, danh <i>Thiên-Hành Tiên</i>.</p> <p>(_ Kiên-cố luyện nước miếng mà không dừng nghỉ, khi nhuận đức được thành-tựu, thì gọi là <i>Thiên-Hành Tiên</i>.)</p>	<p>5. Có hạng tu-luyện nước miếng kiên-cố, chẳng dứt, cho đến khi được kết-quả viên-thành, đức nhuận tâm thanh, bay lên cõi Trời trong chớp nhoáng, gọi là <i>Tiên Thiên-Hành</i>.</p>
<p>_ Kiên-cố tinh-sắc, nhi bất hữu túc, hấp tuy viên-thành, danh <i>Thông-Hành Tiên</i>.</p> <p>(_ Kiên-cố hấp-thụ tinh-hoa mà không dừng nghỉ, khi hấp-thụ được thành-tựu, thì gọi là <i>Thông-Hành Tiên</i>.)</p>	<p>6. Có hạng tu-luyện tinh-hoa nhứt-nghuyệt kiên-cố, chẳng dứt, cho đến khi được kết-quả viên-thành, thì thân-thể đi đứng không có chi ngăn ngại, gọi là <i>Tiên Thông-Hành</i>.</p>
<p>_ Kiên-cố chú-cẩm, nhi bất hữu túc, thuật-pháp viên-thành, danh <i>Đạo-Hạnh Tiên</i>.</p> <p>(_ Kiên-cố làm thuật phù-chú mà không dừng nghỉ, khi thuật-pháp được thành-tựu, thì gọi là <i>Đạo-Hạnh Tiên</i>.)</p>	<p>7. Có hạng tu-luyện tiên-chú kiên-cố, chẳng dứt, cho đến khi kết-quả viên-thành, đạo-hạnh thuần thực, gọi là <i>Tiên Đạo-Hạnh</i>.</p>

<p>_ Kiên-cố tu-niệm, nhi bất hưu túc, tu- ức vien-thành, danh <i>Chiếu-Hạnh Tiên</i>.</p> <p>(_ Kiên-cố chuyên-chú tâm-niệm mà không dừng nghỉ, khi chuyên-niệm được thành-tựu, thì gọi là <i>Chiếu-Hạnh Tiên</i>.)</p>	<p>8. Có hạng tu-luyện tu-tưởng kiên-cố, chẳng dứt, cho đến khi kết-quả vien- thành, trí-tuệ tỏ rạng, gọi là <i>Tiên Chiếu- Hạnh</i>.</p>
<p>_ Kiên-cố giao-cấu, nhi bất hưu túc, cảm-ứng vien-thành, danh <i>Tinh-Hạnh Tiên</i>.</p> <p>(_ Kiên-cố về thủy-hỏa giao-cấu mà không dừng nghỉ, khi cảm-ứng được thành-tựu, thì gọi là <i>Tinh- Hạnh Tiên</i>.)</p>	<p>9. Có hạng tu-luyện phép giao-cấu cảm- ứng kiên-cố, chẳng dứt, cho đến khi kết- quả vien-thành, giới-hạnh thanh-tịnh, gọi là <i>Tiên Tinh-Hạnh</i>.</p>
<p>_ Kiên-cố biến-hóa, nhi bất hưu túc, giác-ngộ vien-thành, danh <i>Tuyệt-Hạnh Tiên</i>.</p> <p>(_ Kiên-cố tập luyện biến-hóa mà không dừng nghỉ, khi giác-ngộ được thành-tựu, thì gọi là <i>Tuyệt-Hạnh Tiên</i>.)</p>	<p>10. Có hạng tu-luyện phép biến-hóa kiên-cố, chẳng dứt, cho đến khi kết-quả vien-thành, thần-thông quảng-đại, gọi là <i>Tiên Tuyệt-Hạnh</i>.</p>
<p>_ A-Nan! Thị đẳng giai ư, nhân trung luyện tâm, bất tuần chánh-giác.</p> <p>(_ A-Nan! Bạn ấy đều ở trong loài người mà luyện tâm, tuy không tu chánh-giác.)</p> <p>_ Biệt đắc sanh-lý, thọ thiên vạn tuế.</p> <p>(_ Nhưng riêng được lê sống, thọ ngàn vạn tuổi.)</p> <p>_ Hữu chỉ thâm-sơn, hoặc đại hải đảo, tuyệt ư nhân cảnh, tư diệc luân-hồi, vọng-tưởng lưu-chuyển, bất tu tam- muội, báo tận hoàn lai, tản nhập chư thú.</p> <p>(_ Nghỉ ở núi sâu, hoặc trên đảo giữa biển cả, cách tuyệt chỗ người ở; nhưng nếu không tu pháp tam- muội, thì đó cũng là vọng-tưởng luân-hồi lưu-chuyển, thì khi quả-báo hết rồi, trở lại tản vào trong lục-đạo.)</p>	<p>_ A-Nan! Các hạng ấy ở thế-gian mặc- dầu có tu-luyện thân-tâm nhưng không y theo đạo Chánh-Giác của Phật.</p> <p>_ Các hạng ấy được sanh-lý riêng, có phước trường-sanh ngàn muôn tuổi, số thọ-mạng cao hơn nhân-loại, nhưng chẳng bao giờ được bất-tử.</p> <p>_ Các hạng ấy an vui ở chốn núi cao rừng thẳm hoặc hải-đảo lớn lao, có thần-thông biến-hóa; nhưng phải chịu luân-hồi sanh-tử, vì không biết tu pháp chánh-định của Phật, nên vọng-niệm vẫn lưu-chuyển; khi Tiên-phước hưởng hết dĩ-nhiên trở lại đầu-thai làm người, v.v....</p>

25.

25. LỤC DỤC-GIỚI THIỀN. (3)

阿難諸世間人不求常住。未能捨諸妻妾恩愛。於邪淫中心不
流逸澄瑩生明。命終之後隣於日月。如是一類名四天王天。
於己妻房淫愛微薄。於淨居時不得全味。命終之後超日月明
居人間頂。如是一類名忉利天。

逢欲暫交去無思憶。於人間世動少靜多。命終之後於虛空中朗然安住。日月光明上照不及。是諸人等自有光明。如是一類名須焰摩天。

一切時靜。有應觸來未能違戾。命終之後上昇精微。不接下界諸人天境。乃至劫壞三災不及。如是一類名兜率陀天。

我無欲心應汝行事。於橫陳時味如嚼蠟。命終之後生越化地。如是一類名樂變化天。

無世間心同世行事。於行事交了然超越。命終之後遍能出超化無化境。如是一類名他化自在天。

阿難如是六天。形雖出動心跡尚交。自此已還名為欲界。

	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>1. A-Nan! Những người chuyên tu thập-thiện (4) ở thế-gian, chưa cầu Diệu-quả viên-giác thường-trụ, chưa tu pháp xuất-thế, chưa dứt được ái-ân phu-thê, nhưng không tà-dâm, không mê-muội theo tài-sắc lợi-danh, không bị trói buộc bởi hoàn-cảnh vật-chất, giữ tâm trong sáng; - đến khi mạng chung được phước sanh lên một Thiên-giới gần nhựt-nguyệt, gọi là Tứ-Thiên-Vương Thiên.</p>
<p>_ A-Nan! Chư thế-gian nhân quảng tu giới thiện, bất cầu thường-trụ, vị nǎng xả chư thê-thiếp ân-ái, ư tà-dâm trung, tâm bất lưu-dật, trừng oánh sanh minh. (_ A-Nan! Các người thế-gian, không cầu đạo thường-trụ, chưa có thể rời bỏ được sự ân-ái với vợ mình, nhưng tâm không buông lung trong việc tà-dâm, do tâm đứng lặng sanh ra sáng suốt,</p> <p>_ Mệnh chung chi hậu, lân ư nhựt-nghuyệt, như-thị nhứt loại danh <i>Tứ-Thiên-Vương Thiên</i>. - sau khi mệnh chung, ở gần với mặt trời, mặt trăng, một loài như thế gọi là <i>Tứ-Thiên-Vương Thiên</i>.)</p>	<p>2. Có những người chuyên tu thập-thiện ở thế-gian, rất ít việc ân-ái phu-thê, nhưng trong lúc tịnh-cư vẫn chưa được hoàn-toàn vắng lặng; - đến khi mạng chung được phước sanh lên một Thiên-giới siêu hơn nhựt-nguyệt minh, ở trên đảnh nhân-gian, gọi là <i>Đao-Lợi Thiên</i>.</p>
<p>_ Quảng tu giới thiện, ư kỷ thê phòng, dâm-ái vi bạc, ư tịnh cư thời, bất đắc toàn vị. (_ Đối với vợ mình, dâm-ái ít ỏi, trong lúc tịnh-cư, không được toàn vị,</p> <p>_ Mệnh chung chi hậu, siêu nhựt-nghuyệt minh, cư nhân gian đảnh, như-thị nhứt loại, danh <i>Đao-Lợi Thiên</i>. - thì sau khi mệnh chung, vượt ánh sáng mặt trời, mặt trăng, ở trên chóp nhân-gian, một loài như thế gọi là <i>Đao-Lợi Thiên</i>.)</p>	<p>3. Có những người chuyên tu thập-thiện ở thế-gian, gấp dục-cảnh thì tạm kết, nhưng qua rồi thành dĩ-vãng, dứt sạch không tưởng nhớ nữa, ở thế-gian động thì ít, tĩnh thì nhiều;</p>
<p>_ Quảng tu giới thiện, phùng dục tạm giao, khứ vô tư ức, ư nhân gian thế, động thiểu tịnh đa. (_ Gặp cảnh dục tạm theo, bỏ đi không nhớ nghĩ, ở</p>	

<p>thế-gian động thì ít, tĩnh thì nhiều,</p> <p>_ Mệnh chung chi hậu, ư hư-không trung, lāng-nhiên an-trụ, nhứt-nguyệt quang-minh, thượng chiếu bất cập, thị chư nhân đẳng, tự hữu quang-minh, như-thị nhứt loại, danh <i>Tu-Diệm-Ma Thiên</i>.</p> <p>- thì sau khi mệnh chung, sáng rõ ở yên trong cõi hư-không, ánh sáng mặt trời mặt trăng không soi tới được. Những người ấy tự mình có ánh sáng, gọi là...)</p>	<p>- nên khi mạng chung được phước an-trụ hư-không, ánh sáng nhứt-nguyệt không chiếu tới, nhưng tự thân có ánh sáng rực rỡ, gọi là <i>Tu-Diệm-Ma Thiên</i>.</p>
<p>_ Quảng tu giới thiênen, nhứt-thiết thời tịnh, hữu ứng xúcx lai, vị năng vi lê.</p> <p>(_ Lúc nào cũng tĩnh, nhưng khi có cảm-xúc đến bên mình, chưa chống đối được.)</p> <p>_ Mệnh chung chi hậu, thượng thăng tinh vi, bất tiếp hạ giới, chư Nhân-Thiên cảnh, nāi chí kiếp hoại, tam tai bất cập, như-thị nhứt loại, danh <i>Đâu-Suất-Đà Thiên</i>.</p> <p>(..., không tiếp với những cảnh nhân thiên cõi dưới, cho đến gặp hoại kiếp, tam tai cũng không đến nơi, gọi là...)</p>	<p>4. Có những người chuyên tu thập-thiện ở thế-gian, tâm thường thanh-tịnh, nhưng khi gặp cảnh cảm-xúc thì thuận theo, không đối-phó;</p> <p>- đến khi mạng chung, được phước sanh lên một Thiên-giới tinh-vi, bất tiếp hạ-giới, đến kiếp hoại cả tam tai thủy hỏa phong đều chẳng tới được, gọi là <i>Đâu-Suất-Đà Thiên</i>.</p>
<p>_ Quảng tu giới thiênen, ngã vô dục tâm, ứng nhữ hành sự, ư hoành trán thời, vị như tước lạp.</p> <p>(_ Chính mình không có tâm dâm-dục, chỉ đáp ứng với người khác mà làm, trong lúc phô bày, vô vị như ăn sáp,</p> <p>_ Mệnh chung chi hậu, sanh-diệt hóa địa, như-thị nhứt loại, danh <i>Lạc-Biển-Hóa Thiên</i>.</p>	<p>5. Có những người chuyên tu thập-thiện ở thế-gian tự mình dứt sạch dâm-dục, dầu gặp dâm-cảnh loạn trước mắt cũng như nhai sáp, không có vị gì cả;</p> <p>- đến khi mạng chung được phước sanh lên một Thiên-giới siêu-việt biến-hóa, gọi là <i>Lạc-Biển-Hóa Thiên</i>.</p>
<p>_ Quảng tu giới thiênen, vô thế-gian tâm, đồng thế hành sự, ư hành sự giao, liễu nhiên siêu-việt.</p> <p>(_ Không có tâm thế-gian, chỉ đồng với thế-gian mà làm việc ngũ-duc, trong lúc làm việc ấy, rõ ràng là siêu-thoát.)</p> <p>_ Mệnh chung chi hậu, biến năng siêu xuất, hóa vô hóa cảnh, như-thị nhứt loại, danh <i>Tha-Hóa Tự-Tại Thiên</i>.</p>	<p>6. Có những người chuyên tu thập-thiện ở thế-gian, tuy thân cư trần-tục, nhưng tâm không vướng trần-tục, dầu làm việc như thế-gian nhưng trong khi giao-thiệp, tâm luôn luôn thoát-ly ái-dục;</p> <p>- đến khi mạng chung siêu-xuất các cảnh biến-hóa và không biến-hóa, sanh lên một Thiên-giới tự-tại, gọi là <i>Tha-Hóa Tự-Tại Thiên</i>.</p>

<p>_ A-Nan! Như-thị lục thiêん, hình tuy xuất động, tâm tích thương giao. Tự thủ dĩ hoàn, danh vi <i>Dục-giới</i>.</p> <p>(_ A-Nan! Sáu cõi trời như thế, hình-thức tuy khởi động, nhưng tâm-tánh còn dính dấp. Từ các cõi ấy trở xuống, gọi là Dục-giới.) (Tích: dấu/ vết chân)</p>	<p>_ A-Nan! Ở sáu Thiên-giới ấy, sắc-thân của chư Thiên tuy siêu-xuất động cảnh, nhưng tâm-tích còn giao-hiệp. Vì thế, sáu Thiên-giới ấy gọi là sáu tầng <i>Trời Dục-giới</i>.</p>
<p>DỊCH ÂM ĐỆ BÁT QUYẾN CHUNG</p>	<p>DIỄN NGHĨA HẾT QUYẾN TÁM</p>

CHÚ-THÍCH (2018)

DOẠN 5

_ **Tâm Can-Tuệ:** *Can* (乾): khô khan.

Trí-tuệ còn khô khan, chưa vào dòng pháp của Như-Lai, tức lòng tham dục và luyến-ái đã khô khan, cắn trong cảnh ngoài chẳng còn phối-hợp nhau nữa, nghĩa là cửa đã đóng chặt rồi. Dầu chất tàn tạ thì còn, nhưng nó chẳng sanh ra nữa. Gọi là trí-tuệ còn khô khan, chớ chưa trơn nhuận, cùng một loại với Như-Lai.

DOẠN 14 (Trích của GS. Huỳnh Minh-Đức)

_ **Súc-sanh** (畜生): tam sanh gồm: trâu hay bò, dê và heo.

Trong văn-minh Nho-giáo, con vật có bốn chân sống trong rừng được gọi là *Thú* (獸), cũng vật đó nếu đem về nhà nuôi thì được gọi là *Súc* (畜). Nhưng trong chế-dộ phong-kiến nhà Châu thì ba con vật kể trên nếu được đem về triều-dinh nuôi để tế lễ thì được gọi là *Sanh* (生). Đặc-tánh tiêu-chuẩn được chọn để tế lễ, được gọi là *Hy* (犧). Đó là ba con “Hy-sanh”. Ngày xưa, người ta cũng dùng bạch-mã (con ngựa trắng) như con hy-sanh trong việc tế lễ hay thề nguyền.

**YẾU-GIẢI
KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM
QUYỀN TÁM**

(1) **Lục thông:** Lục thông là sáu phép thần-thông:

1. Thiên-nhĩn thông : mắt thấy rõ thập phương pháp-giới.
2. Thiên-nhĩ thông : tai nghe rõ tất cả tiếng nói ở khắp nơi.
3. Thần-túc thông : đi đâu cũng được, không có chi ngăn ngại.
4. Túc-mạng thông : thông suốt nhân-quả quá-khứ hiện-tại vị-lai.
5. Tha-tâm thông : thấu-triệt tâm-niệm căn-cơ của nhứt-thiết chúng-sanh.
6. Lập-tận thông : hoàn-toàn dứt tuyệt vô-minh phiền-não.

(2) **Thập-thân:** Thập thân là mười thân:

- | | |
|-----------------|-----------------------|
| 1. Phật-thân. | 6. Trí-thân. |
| 2. Pháp-thân. | 7. Bồ-Đề thân. |
| 3. Báo-thân. | 8. Trang-Nghiêm thân. |
| 4. Hóa-thân. | 9. Oai-thế thân. |
| 5. Nguyện-thân. | 10. Ý-sanh thân. |

(3) **Lục Dục-giới Thiên:** Sáu bậc Thiên ở sáu tầng Trời Dục-giới:

1. Tứ-Thiên-Vương Thiên.
2. Đao-Lợi Thiên.
3. Tu-Diệm-Ma Thiên.
4. Đầu-Suất-Đà Thiên.
5. Lạc-Biến-Hóa Thiên.
6. Tha-Hoa Tự-Tại Thiên.

(4) **Thập-thiện:** Luận thập-thiện tất phải luận thập-ác, vì thập-thiện và thập-ác ở thế-gian tương-đối nhau nhưng quan-hệ nhau.

Thập-ác là mười điều dữ ở thế-gian như sau:

- | | |
|------------------|------------------|
| 1. Sát-sanh. | 6. Nói độc ác. |
| 2. Trộm cắp. | 7. Nói đâm thọc. |
| 3. Tà-dâm. | 8. Tham-lam. |
| 4. Nói giả dối. | 9. Sân-hận. |
| 5. Nói thêu dệt. | 10. Si mê. |

Thập-thiện là mười điều lành ở thế-gian như sau:

- | | |
|--------------------|---------------------------|
| 1. Phóng-sanh. | 6. Nói hòa-nhã lẽ-độ. |
| 2. Bố-thí. | 7. Nói khuyên giải an ủi. |
| 3. Tiết-dục. | 8. Quảng-đại. |
| 4. Nói chơn-thật. | 9. Nhẫn-nhục. |
| 5. Nói ngay thẳng. | 10. Minh xét. |

**YẾU-GIẢI
HẾT QUYỀN TÁM**

CHÚ-THÍCH (2018)

CHIẾT TỰ chữ NGÔ (悟)

Chữ ‘Ngô’ (悟) được cấu-thành bởi hai phần là bộ ‘Tâm’ (心) và chữ ‘Ngô’ (吾). Bộ ‘Tâm’ (心) biểu-thị cho trái tim và chữ ‘Ngô’ (吾) là bản-ngã. Do đó ‘Ngô’ (悟) có nghĩa là tận trong tim của một người hiểu được bản-ngã chân-chánh và bản-chất của sự vật trong cái nhìn bao-quát. (Kiến Tánh)

(Trích “Vô Môn Quan”, trang 14, của Vũ Thế Ngọc dịch và luận chú, nxb Tổng Hợp, 2006)

Trên bình-diện ngôn-từ *ngô* (悟) hay *giác-ngo* (覺悟) thật sự không có gì khác biệt. Tuy-nhiên, trên bình-diện thực-hành, các kinh sách thiền-tông vẫn phân-biệt một cách rõ ràng *ngô*, *liễu-ngo*, *dại-ngo* của các thiền-sư với *giác-ngo* của Đức Phật.

Giác-ngo của Phật là *sự toàn giác*, là *chánh-dắng chánh-giác* (samyak sambodhi). “*Ngô*” là chữ trong thiền-học chỉ về kinh-nghiệm trực-tiếp về nội-tại. Thuật-ngữ chuyên-môn gọi là thấu-triết được “*lý Bát-Nhã*”. Trong khi *giác-ngo* là “*lý sự viên-thông*”.

Xin quý độc-giả vui lòng nghiên-cứu châu-dáø, tinh-tường kinh *Diệu-Pháp Liên-Hoa* để hiểu tường-tận, rốt ráo chữ “*Ngô*” trong “*KHAI THỊ NGÔ NHẬP PHẬT-TRI-KIẾN*”, đã được Đức Phật dạy rõ ràng trong kinh. “*Ngô*” Phật-Tri-Kiến (= Chơn-Tâm / Phật-Tánh) gồm hai phần:

1. Năm phẩm: 12, 13, 14, 15, 16 là *mối ngo* Phật-Tri-Kiến,
2. Sáu phẩm : 17, 18, 19, 20, 21, 22 là *diệu-ngo* cùng-cực Phật-Tri-Kiến.

CHIẾT TỰ chữ TÂM (心)

Về chữ ‘Tâm’ (心), các nhà Nho xưa có giảng: “Một vầng trăng khuyết ba sao bên mình”, ý nói chữ ‘Tâm’ như một vầng trăng khuyết, ba chấm như ba vì sao ở bên, vừa miêu-tả đúng hình-thái chữ, lại đúng ý-nghĩa. Cái tâm như trăng sao soi sáng đường dẫn dắt con người đi trong đêm đen.

Phật-gia giảng, con người rớt xuống cõi trần-thế này là rơi vào biển khổ, là rơi vào cõi mê, muốn thoát khỏi biển khổ, ra khỏi cõi mê thì chỉ có tu luyện, phản bổn quy chơn, quay trở về. Mà tu luyện thì phải dựa vào Ngộ. Chữ ‘Ngô’ (悟) gồm bộ ‘Tâm’ (心) và chữ ‘Ngô’ (吾) là nhìn vào tâm mình tức là ngô. Như vậy ‘Tâm’ chẳng phải giống như trăng sao soi đường trong đêm tối, để mà ngô, để tìm đường quay trở về Thiên-quốc, Phật-thổ đó sao?

Nhưng Tâm là “một vầng trăng khuyết ba sao bên mình” chứ không phải vầng trăng tròn vành vạnh và một bầu trời rực rỡ đầy sao. Điều đó có nghĩa là, chúng ta dựa vào ngô mà tu, dựa vào ánh sáng lờ mờ mà tìm đường đi, càng đi đường càng rộng, trăng càng tròn, sao càng nhiều, càng sáng tỏ. Đến khi trăng tròn vành vạnh sáng rõ đường đi tức là cái tâm chúng ta đã tròn đầy, đã đạt đến viên-mãn.

Phật-gia giảng con người có Phật-tánh và cũng tồn-tại ma-tánh, thế nên cần bồi-bổ Phật-tánh và tiêu-trừ ma-tánh, cũng giống như “một vầng trăng khuyết” kia, cần tu-duong bồi-bổ cho nó tròn đầy.

Nho-gia cũng cho rằng, con người bản-tánh thiện, nhưng cũng có tồn-tại tánh ác. Thế nên cần tu thiện và trừ bỏ dần các tánh ác xấu đi mới thành người hoàn-thiện, mới đạt được tiêu-chuẩn của người quân-tử, rồi đạt đến tiêu-chuẩn của bậc Thánh-nhân.

Xin quý độc-giả lưu ý: Đây chỉ là cách chiết tự chữ ‘Tâm’ cho dễ hiểu, chứ hoàn-toàn không phải ý-nghĩa rốt ráo của chữ ‘Tâm’ (Chơn-Tâm) trong Phật-giao nói chung, hay trong kinh Thủ-Lăng-Nghiêm nói riêng. Để liễu-ngo chữ ‘Tâm’ trong kinh Thủ-Lăng-Nghiêm, chúng ta có ba bước:

1. Trước tiên, phải nghiên cứu châu-dáø, tinh-tường và rốt ráo kinh Thủ-Lăng-Nghiêm để hiểu rõ Chơn-Tâm (Phật-Tánh) là gì? Thể, Tánh và Dụng của Chơn-Tâm (Phật-Tánh) ra sao?

2. Sau đó, luôn luôn sống theo Thể, Tánh và Dụng của Chơn-Tâm (Phật-Tánh) trong suốt cuộc đời mình một cách miên-mặc, không gián-đoạn dù chỉ trong một sát-na.

3. Cuối cùng, chắc chắn sẽ đạt được, sẽ hòa nhập với Chơn-Tâm (Phật-Tánh) của mình.

Nói tóm lại: Lấy Chơn-Tâm, tu Chơn-Tâm, thì đạt Chơn-Tâm. (Gieo giống nào, gặt giống nấy.)

473 – Thủ Lăng Nghiêm Kinh

HÒA-THƯỢNG THIỀN-SƯ
THÍCH TÙ-QUANG

**THỦ LĂNG NGHIÊM
KINH
DỊCH ÂM, DIỄN NGHĨA, YẾU GIẢI
QUYỀN CHÍN**

**CHƠN-ĐỨC THIỀN-VIỆN
1948**

Dịch Âm THỦ-LĂNG-NGHIÊM KINH Đệ Cửu Quyển	Diễn Nghĩa KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM Quyển Chín
1.	1. THẬP BÁT SẮC-GIỚI THIÊN. (1)
<p>阿難世間一切所修心人。不假禪那無有智慧。但能執身不行姪慾。若行若坐想念俱無。愛染不生無留欲界是人應念身為梵侶。如是一類名梵眾天。</p> <p>欲習既除離欲心現。於諸律儀愛樂隨順。是人應時能行梵德。如是一類名梵輔天。</p> <p>身心妙圓威儀不缺。清淨禁戒加以明悟。是人應時能統梵眾為大梵王。如是一類名大梵天。</p> <p>阿難此三勝流。一切苦惱所不能逼。雖非正修真三摩地。清淨心中諸漏不動名為初禪。</p>	<p>Đức Phật dạy ngài A-Nan:</p> <p>1.</p> <p>_ A-Nan! Những người ở thế-gian hăng tu tâm, nhưng chưa nương phép thiền định, chưa có trí-tuệ,</p> <p>- chỉ giữ thân được bất-dâm, khi đi, khi ngồi, đều không tưởng nhớ, ái-nhiễm không sanh, không còn muốn ở dục-giới nhân-gian; thì những người ấy ứng sanh làm bạn với Phạm-Thiên, gọi là <i>Phạm-Chung Thiên</i>.</p>
<p>_ Dục tập ký trừ, ly dục tâm hiên, ư chư luật-nghi, ái-lạc tùy thuận, thị nhân ứng thời, năng hành Phạm-đức, như-thị nhứt loại, danh <i>Phạm-Phụ-Thiên</i>.</p>	<p>2.</p> <p>_ Vị nào đoạn-trừ tập-khí tham-vong, tâm ly-dục thật-hiện, tùy-thuận theo luật-nghi mà an vui, năng thật-hành Phạm-đức thì vị ấy ứng sanh lên cõi Trời Phạm, gọi là <i>Phạm-Phụ Thiên</i>.</p>
<p>_ Thân-tâm diệu-viên, oai-nghi bất-khuyết, thanh-tịnh cấm-giới, gia dĩ minh ngộ; thị nhân ứng thời, năng thống Phạm-chúng, vi Đại-Phạm-vương, như-thị nhứt loại, danh <i>Đại-Phạm-Thiên</i>.</p>	<p>3.</p> <p>_ Vị nào được thân-tâm huyền-diệu châu-viên, nghiêm-chỉnh oai-nghi, thanh-tịnh giới-luật, lại sáng suốt tinh-ngộ; thì vị ấy ứng sanh lên cõi Trời Phạm, thống-nhiếp Phạm-chúng, làm vua Đại-Phạm, gọi là <i>Đại-Phạm Thiên</i>.</p>
<p>_ A-Nan! Thủ tam thắng lưu, nhứt-thiết khổ-não, sở bất năng bức; tuy phi chánh</p>	<p>_ A-Nan! Ba bậc thắng-lưu ấy, không còn bị các sự khổ-não gia hại được; tuy</p>

tu, chơn Tam-ma-địa, thanh-tịnh tâm trung, chư lậu bất động, danh vi <i>Sơ-Thiên</i> .	chưa phải tu pháp chơn-thiệt chánh-định, nhưng tâm thanh-tịnh, các dục-lậu không lay chuyển được, ba bậc ấy gọi chung là <i>Sơ-Thiên Thiên</i> .
--	--

阿難其次梵天。統攝梵人圓滿梵行。澄心不動寂湛生光。如是一類名少光天。

光光相然照耀無盡。映十方界遍成瑠璃。如是一類名無量光天。

吸持圓光成就教體。發化清淨應用無盡。如是一類名光音天。

阿難此三勝流。一切憂愁所不能逼。雖非正修真三摩地。清淨心中龐漏已伏名為二禪。

2.

_ A-Nan! Kỳ thứ Phạm-Thiên, thống-nhiếp Phạm-nhân, viên-mãn Phạm-hạnh, trừng tâm bất động, tịch trạm sanh quang, như-thì nhứt loại, danh *Thiểu-Quang-Thiên*.

2.

4.

_ A-Nan! Trên bậc Sơ-Thiên Thiên, có vị thống-nhiếp Phạm-chúng, viên-mãn Phạm-hạnh, giữ tâm không vọng-động, được vắng lặng trong sạch, phát-sanh ánh sáng, vì ấy thành bậc *Thiểu-Quang Thiên*.

_ Quang quang tương-nhiên, chiếu-diệu vô-tận, ánh thập phương giới, biến thành Lưu-Ly, như-thì nhứt loại, danh *Vô-Lượng-Quang Thiên*.

5.

_ Có vị được ánh sáng chen lấn nhau chiếu-diệu rực rỡ, làm tỏ rạng thập phương pháp-giới như sắc Lưu-Ly, vị ấy thành bậc *Vô-Lượng-Quang Thiên*.

_ Hấp trì viên quang, thành-tựu giáo-thể, phát hóa thanh-tịnh, ứng-dụng vô-tận, như-thì nhứt loại, danh *Quang-Âm Thiên*.

6.

_ Có vị lãnh-hội và gìn giữ Chơn-Tâm viên-quang, thành-tựu giáo-thể, phát-huy ánh sáng hóa-đạo trong sạch, ứng-dụng rộng lớn vô-biên, vị ấy thành bậc *Quang-Âm Thiên*.

_ A-Nan! Thủ tam thăng-lưu, nhứt-thiết ưu huyền, sở bất nǎng bức; tuy phi chánh-tu, chơn Tam-ma-đề, thanh-tịnh tâm trung, thô-lậu dĩ phục, danh vi *Nhị-Thiên*.

_ A-Nan! Ba bậc thăng-lưu ấy, không còn bị các sự lo rầu bức bách; tuy chưa phải tu pháp chơn-thiệt chánh-định, nhưng tâm thanh-tịnh, các thô-lậu đều tiêu tan, ba bậc ấy gọi chung là *Nhị-Thiên Thiên*.

阿難如是天人。圓光成音披音露妙。發成精行通寂滅樂。如是一類名少淨天。

淨空現前引發無際。身心輕安成寂滅樂。如是一類名無量淨天。

世界身心一切圓淨。淨德成就勝託現前歸寂滅樂。如是一類名遍淨天。

阿難此三勝流具大隨順。身心安隱得無量樂。雖非正得真三摩地。安隱心中歡喜畢具名為三禪。

<p>3.</p> <p>_ A-Nan! Như-thị Thiên nhân, viễn-quang thành âm, phi âm lô diệu, phát thành tinh-hạnh, thông-tịch-diệt lạc, như-thị nhứt-loại, danh <i>Thiểu-Tịnh Thiên</i>.</p> <p>(..., phát ra hạnh tinh-tấn, thông với cái vui yên lặng, đó là bậc...)</p>	<p>3.</p> <p>7.</p> <p>_ A-Nan! Chơn-Tâm viễn-quang phát âm mầu-nhiệm, thành-tựu tịnh-hạnh, thông-đạt tịch-diệt lạc, đó là bậc <i>Thiểu-Tịnh Thiên</i>.</p>
<p>_ Tịnh không hiện-tiền, dãn phát vô-tế, thân-tâm khinh-an, thành-tịch-diệt lạc, như-thị nhứt-loại, danh <i>Vô-Lượng-Tịnh Thiên</i>.</p> <p>(_ Cảnh thanh-tịnh hiện-tiền, dãn-phát không có bờ-bến, thân-tâm nhẹ nhàng...)</p>	<p>8.</p> <p>_ Được tịnh-không rõ ràng, thân-tâm nhẹ nhàng, thành-tựu tịch-diệt lạc, đó là bậc <i>Vô-Lượng-Tịnh Thiên</i>.</p>
<p>_ Thế-giới thân-tâm, nhứt-thiết viễn-tịnh, tịnh-đức thành-tựu, thắng-thác hiện-tiền, quy-tịch-diệt lạc, như-thị nhứt-loại, danh <i>Biển-Tịnh Thiên</i>.</p>	<p>9.</p> <p>_ Thân-tâm cho tới pháp-giới đều viễn-tịnh, thành-tựu đức-độ trong sạch, thắng-cảnh hiện-tiền, trở về nguồn gốc tịch-diệt lạc, đó là bậc <i>Biển-Tịnh Thiên</i>.</p>
<p>_ A-Nan! Thủ tam thăng-lưu, cụ đai tùy thuận, thân-tâm an- ổn, đắc vô-lượng lạc; tuy phi chánh đắc, chơn Tam-ma-đề, an ổn tâm trung, hoan-hỷ tất-cụ, danh vi <i>Tam-Thiên</i>.</p>	<p>_ A-Nan! Ba bậc thăng-lưu ấy đầy đủ sự tùy thuận rộng lớn, thân-tâm an- ổn, được vui vô-lượng; tuy chẳng phải đắc pháp chơn-thiệt chánh-định, nhưng tâm hằng vắng lặng và hoan-hỉ, ba bậc ấy gọi chung là <i>Tam-Thiên</i>.</p>

阿難次復天人。不逼身心苦因已盡。樂非常住久必壞生。苦樂二心俱時頓捨。龜重相滅淨福性生。如是一類名福生天。

捨心圓融勝解清淨。福無遮中得妙隨順窮未來際。如是一類名福愛天。

<p>阿難從是天中有二岐路。</p> <p>若於先心無量淨光。福德圓明修證而住。如是一類名廣果天。</p> <p>若於先心雙厭苦樂。精研捨心相續不斷。圓窮捨道身心俱滅。心慮灰凝經五百劫。是人既以生滅為因。不能發明不生滅性。初半劫滅後半劫生。如是一類名無想天。</p> <p>阿難此四勝流一切世間。諸苦樂境所不能動。雖非無為真不動地。有所得心功用純熟名為四禪。</p>	
4.	4. 10. <p>_ A-Nan! Phục thứ Thiên nhân, bất bức thân-tâm, khổ nhân dĩ tận, nhạo phi thường-trụ, cửu tất hoại sanh, khổ lạc nhị tâm, cu thời đốn xả, thô-trọng tướng diệt, tịnh-phước tánh sanh, như-thì nhứt loại, danh <i>Phước-Sanh Thiên</i>.</p>
	11. <p>_ Xả tâm viên-dung, thắng giải thanh-tịnh, phước vô-giá trung, đắc diệu tùy-thuận, cùng vi-lai tế, như-thì nhứt loại, danh <i>Phước-Ái Thiên</i>.</p>
	<p>_ A-Nan! Tùng thị Thiên trung, hữu nhị kỳ lộ.</p> <p>_ Nhược ư tiên tâm, vô-lượng tịnh-quang, phước-đức viên-minh, tu chứng nhi-trụ, như-thì nhứt loại, danh <i>Quảng-Quả Thiên</i>.</p> <p>(_ Nếu dùng cái tâm sáng suốt thanh-tịnh vô-lượng trước kia, mà tu-chứng an-trụ nơi phước-đức viên-mãm sáng suốt, đó là bậc <i>Quảng-Quả Thiên</i>.)</p>
	12. <p>_ Trong Thiên-giới ấy còn có hai bậc:</p> <p>1/ Tâm thành-tựu tịnh-quang vô-lượng, phước-đức viên-minh, tu-chứng nhị-trụ, đó là bậc <i>Quảng-Quả Thiên</i>.</p>
	13. <p>2/ Tâm nhàn chán khổ vui, quán-sát liên-tục xả-tâm, không bao giờ gián-đoạn, giữ trọn xả-đạo, thân-tâm đều diệt, ý-nghĩ cũng diệt, sống lâu 500 kiếp;</p> <p>- vốn lấy sanh-diệt làm nhân, không phát-minh tánh bất sanh-diệt, do đó ý-nghĩ diệt trong phân nửa đời sống trước, rồi sanh trở lại trong phân nửa đời sống sau, đó là bậc <i>Vô-Tưởng Thiên</i>.</p>

<p>_ A-Nan! Thủ tú thắng-lưu, nhứt-thiết thế-gian, chư khổ-lạc cảnh, sở bất năng động; tuy phi vô-vi, chơn bất-động địa, hữu sở-đắc tâm, công-dụng thuần-thục, danh vi <i>Tứ-Thiên</i>.</p>	<p>_ A-Nan! Bốn bậc thắng-lưu ấy, không còn bị các cảnh thế-gian khổ vui lay chuyển được; tuy chẳng phải tu pháp vô-vi chơn-thiệt chánh-định, nhưng thuần thực công-dụng tâm sở-đắc, bốn bậc ấy gọi chung là <i>Tứ-Thiên Thiên</i>.</p>
---	---

阿難此中復有五不還天。於下界中九品習氣俱時滅盡。苦樂雙亡下無卜居。故於捨心眾同分中安立居處。阿難苦樂兩滅鬪心不交。如是一類名無煩天。

機括獨行研交無地。如是一類名無熱天。

十方世界妙見圓澄。更無塵象一切沈垢。如是一類名善見天。
精見現前陶鑄無礙。如是一類名善現天。

究竟群幾窮色性性入無邊際。如是一類名色究竟天。

阿難此不還天。彼諸四禪四位天王。獨有欽聞不能知見。如今世間曠野深山聖道場地。皆阿羅漢所住持故。世間龐人所不能見。

阿難是十八天獨行無交未盡形累。自此已還名為色界。

5. A-Nan! Thủ trung phục hữu, ngũ Bất-Hoàn-Thiên, ư hạ-giới trung, cửu phẩm tập-khí, cu thời diệt tận, khổ-lạc song vong, hạ vô bối cư, cố ư xả-tâm, chúng đồng-phận trung, an-lập cư xứ.

_ A-Nan! Khổ-lạc lưỡng diệt, đấu tâm bất giao, như-thì nhứt loại, danh *Vô-Phiền Thiên*.

_ Cơ quát độc hành, nghiên giao vô địa, như-thì nhứt loại, danh *Vô-Nhiệt Thiên*.

_ Thập phương thế-giới, diệu kiến viễn trùng, cánh vô trần tượng, nhứt-thiết trầm cấu, như-thì nhứt loại, danh *Thiện-Kiến Thiên*.

_ Tinh kiến hiện-tiền, đào chú vô-ngại, như-thì nhứt loại, danh *Thiện-Hiện Thiên*.

5. A-Nan! Có năm tầng Trời Bất-Hoàn dứt sạch chín thứ tập-khí và hai sự khổ vui hạ-giới, nên không phải là ngôi vị hạ-giới, lấy chỗ xả-tâm là xứ-sở của chư Thiên đồng-phận an lập.

14.

_ A-Nan! Hai sự khổ vui hạ-giới tiêu-diệt, tâm tranh-chấp cũng không còn, đó là bậc *Vô-Phiền Thiên*.

15.

_ Phóng thâu độc-hành, không còn chỗ dụng tâm suy xét giao-hiệp, đó là bậc *Vô-Nhiệt Thiên*.

16.

_ Thấy biết nhiệm-mầu, quang-minh chau-vien, dứt sạch các trần-tưởng hồn-trầm ô-trược, thông-đạt thập phương thế-giới, đó là bậc *Thiện-Kiến Thiên*.

17.

_ Thấy biết trong sáng rõ ràng, đào-luyện nung đúc thân-tâm, không có chi ngăn ngại, đó là bậc *Thiện-Hiện Thiên*.

<p>_ Cứu-cánh quần-cơ, cùng sắc-tánh tánh, nhập vô-biên tế, như-thị nhứt loại, danh <i>Sắc-Cứu-Cánh Thiên</i>.</p> <p>_ A-Nan! Thủ Bất-Hoàn-Thiên, bỉ chư Tứ-Thiền, tú vị Thiên-vương, độc hữu khâm văn, bất nǎng tri-kiến; như kim thế-gian, khoáng-dā thâm-sơn, Thánh đạo-tràng địa, giai A-La-Hán sở trụ-trì cố.</p> <p>_ Thế-gian thô-nhân, sở bất nǎng kiến. (_ Nhưng những người thô-thiển thế-gian không thể thấy được.)</p> <p>_ A-Nan! Thị thập bát thiên, độc hành vô giao, vị tận hình lụy, tự thủ dĩ hoàn, danh vi <i>Sắc-Giới</i>.</p>	<p>18.</p> <p>_ Rốt ráo các tâm-niệm, cùng tột các tánh sắc, vào chỗ quảng-đại vô-biên, đó là bậc <i>Sắc-Cứu-Cánh Thiên</i>.</p> <p>_ A-Nan! Các vị Tứ-Thiên-Vương Thiên cho tới các vị Tứ-Thiền Thiên đều nghe danh tiếng năm tầng Trời Bất-Hoàn, chờ không thấy biết; cũng như người đời không thể thấy biết Thánh đạo-tràng của bậc A-La-Hán trụ-trì ở núi cao đồng trống vắng vẻ trong thế-gian.</p>
---	--

6.

6. TÚ VÔ-SẮC-GIỚI THIỀN. (2)

復次阿難從是有頂色邊際中。其間復有二種岐路。
若於捨心發明智慧。慧光圓通便出塵界。成阿羅漢入菩薩乘。
如是一類名為迴心大阿羅漢。

若在捨心捨厭成就。覺身為礙銷礙入空。如是一類名為空處。
諸礙既銷無礙無滅。其中唯留阿賴耶識。全於末那半分微細。
如是一類名為識處。

空色既亡識心都滅。十方寂然迥無攸往。如是一類名無所有處。

識性不動以滅窮研。於無盡中發宣盡性。如存不存若盡非盡。
如是一類名為非想非非想處。

此等窮空不盡空理。從不還天聖道窮者。如是一類名不迴心鈍阿羅漢。

若從無想諸外道天窮空不歸。迷漏無聞。便入輪轉。
阿難是諸天上各各天人。則是凡夫業果酬答答盡入輪。彼之天王即是菩薩。遊三摩提漸次增進。迴向聖倫所修行路。

阿難。是四空天身心滅盡。定性現前無業果色。從此逮終名無色界。此皆不了妙覺明心。積妄發生妄有三界。中間妄隨七趣沈溺。補特伽羅各從其類。

<p>_ Phục thứ A-Nan! Tùng thị hữu đảnh, sắc biên tế trung, kỳ gian phục hữu, nhị chủng kỳ lộ:</p> <p>_ Nhược ư xả tâm, phát-minh trí-tuệ, tuệ-quang viễn-thông, tiễn xuất trần-giới, thành A-La-Hán, nhập Bồ-Tát thừa, như-thị nhứt loại, danh vi <i>Hồi-Tâm Đại A-La-Hán</i>.</p> <p>_ Nhược tại xả tâm xả yểm thành-tựu, giác thân vi ngại, tiêu ngại nhập không, như-thị nhứt loại, danh vi <i>Không-Xứ</i>.</p> <p>_ Chư ngại ký tiêu, vô-nghai vô-diệt, kỳ trung duy lưu A-lại-da-thức, toàn ư mạt-na, bán phần vi-tế, như-thị nhứt loại, danh vi <i>Thức-Xứ</i>.</p> <p>_ Không-sắc ký vong, thức-tâm đô-diệt, thập phương tịch-nhiên, huýnh vô du-vãng, như thị nhứt loại, danh <i>Vô-Sở Hữu-Xứ</i>.</p> <p>_ Thức-tánh bất-động, dĩ diệt cùng nghiên, ư vô-tận trung, phát tuyên tận tánh, như tồn bất tồn, nhược tận phi tận, như-thị nhứt loại, danh vi <i>Phi-Tưởng Phi-Phi-Tưởng-Xứ</i>.</p> <p>_ Thủ đẳng cùng không, bất-tận không lý, tùng Bất-Hoàn-Thiên, Thánh-Đạo cùng giả, như-thị nhứt loại, danh <i>Bất-Hồi-Tâm-Độn-A-La-Hán</i>.</p> <p>_ Nhược tùng vô-tưởng, chư ngoại-đạo Thiên, cùng không bất quy, mê lậu vô văn, tiễn nhập luân-chuyển.</p> <p>_ A-Nan! Thị chư Thiên Thượng, các thiền nhân; tắc thị phàm-phu, nghiệp quả thù đáp, đáp tận nhập luân.</p> <p>_ Bỉ chi Thiên-vương, tức thị Bồ-Tát, du Tam-ma-đề, tiệm thứ tăng-tiến, hồi-</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>_ A-Nan! Có một cảnh-giới ở trên các tầng Trời Sắc-giới, giáp ranh với tầng Trời Sắc-Cứu-Cánh, trong cảnh-giới ấy có hai bậc tu-hành:</p> <p>a) Bậc tu-hành nhờ tâm xả, phát-minh trí-tuệ sáng suốt viễn-thông, siêu-thoát trần-giới, đắc quả A-La-Hán, vào Đại-thừa Bồ-Tát, đó là bậc <i>Hồi-Tâm Đại A-La-Hán</i>.</p> <p>b) Bậc Trời có tâm xả, rồi dùng yểm-xả thành-tựu công-dụng và biết rõ sắc-thân ngăn ngại mà đoạn trừ để nhập Không-tánh, đó là bậc <i>Không-Xứ Thiên</i>.</p> <p>_ Cao hơn Không-Xứ Thiên, có bậc Trời hết các sự ngăn trở, vô-nghai vô-diệt, nhưng còn A-lại-da thức và phân nửa vi-tế Mạt-na thức, đó là bậc <i>Thức-Xứ Thiên</i>.</p> <p>_ Cao hơn Thức-Xứ Thiên có bậc Trời diệt không-sắc, cũng diệt cả thức-tâm, thấy thập phương vắng lặng không có qua lại, đó là bậc <i>Vô-Sở Hữu-Xứ Thiên</i>.</p> <p>_ Thức-tánh không-động, suy xét cùng tột, phát-minh tánh tận trong vô-tận, còn hay không còn, hết hay không hết, đó là bậc <i>Phi-Tưởng Phi-Phi-Tưởng-Xứ Thiên</i>.</p> <p>_ Đạt tới tánh Không, nhưng chưa hết lý Không, từ bậc Bất-Hoàn Thiên thăng lên bậc tu trì Thánh-đạo, như vậy gọi là <i>Bất-Hồi-Tâm-Độn A-La-Hán</i>.</p> <p>_ Nếu vị nào nương theo vô-tưởng vô-căn của ngoại-đạo, đạt tới Không-tánh mà chẳng xoay trở lại, mê-chấp thô-lậu hôn-trầm thì phải bị luân-chuyển.</p> <p>_ A-Nan! Chư Thiên ở các cõi ấy, tuy phước-đức và thọ-mạng rất nhiều hơn nhân-loại; nhưng vẫn ở trong vòng lục-phàm, nếu chỉ hướng Thiên-phước sẵn có thì khi phước-quả hết phải bị luân-hồi.</p> <p>_ Nếu chư Thiên là Bồ-Tát hồi-hướng Tối-Thượng Thánh-quả, dũng-mãnh tu-</p>
--	---

<p>hướng Thánh-luân, sở tu-hành lộ.</p> <p>_ A-Nan! Thị tứ không Thiên, thân-tâm diệt-tận, định-tánh hiện-tiền, vô nghiệp-p-quả sắc, tùng thủ đãi chung, danh Vô-Sắc-Giới.</p> <p>_ Thủ giai bất liễu, diệu-giác minh-tâm, tích vọng phát-sanh, vọng hữu tam giới, trung-gian vọng tùy, lục phàm trầm-nich, bổ đặc ca la, các tùng kỳ loại.</p>	<p>hành chánh-định thì chọn công-đức tăng-trưởng vô-lượng và tùy định-lực tiến-hóa vào Tối-Thượng Thánh-cảnh viên-giác thường-trụ.</p> <p>_ A-Nan! Bốn cảnh của các bậc Trời dứt tuyệt thân-tâm, rõ ràng định-tánh, không có tướng nghiệp-p-quả, gọi là bốn tầng Vô-Sắc-giới Thiên.</p> <p>_ Như vậy chưa tỏ ngộ Tâm Chơn-Như Diệu-Giác-Minh, còn chưa vọng nêu vọng-phát tam giới, rồi tùy vọng, sanh-tử trong các cõi phàm-phu đau khổ và tùy thân trung-Ấm, luân-hồi theo các chủng-loại.</p>
---	--

7.	7. TỨ CHỦNG A-TU-LA.
<p>復次阿難是三界中復有四種阿修羅類。 若於鬼道以護法力成通入空。此阿修羅從卵而生。鬼趣所攝。 若於天中降德貶墜。其所卜居隣於日月。此阿修羅從胎而出。 人趣所攝。 有修羅王執持世界力洞無畏。能與梵王及天帝釋四天爭權。 此阿修羅因變化有天趣所攝。 阿難別有一分下劣修羅。生大海心沈水穴口。旦遊虛空暮歸水宿。此阿修羅因濕氣有畜生趣攝。</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>_ A-Nan! Trong tam giới có bốn hạng A-tu-ta:</p> <ol style="list-style-type: none"> Hạng A-tu-la ở trong Quỷ-dạo, có tinh-thần hộ-pháp và chút ít thần-thông đi giữa hư-không, do trứng sanh ra thuộc về Quỷ-thú. Hạng A-tu-la ở Thiên-giới, vì thiếu đức nên sống trong một báo-độ gần nhựt-nguyệt, do thai sanh ra, thuộc về Nhân-thú. Hạng A-tu-la Vương có sức mạnh không sợ hãi, gìn giữ thế-giới, thường tranh quyền với các vị Trời Phạm-vương, Đế-Thích và Tứ-Thiên-Vương, hạng ấy do biến-hóa sanh ra, thuộc về Thiên-thú.

<p>_ A-Nan! Biệt hữu nhứt phần, hạ liệt Tu-la, sanh đại hải tâm, trầm thủy huyệt khẩu, đán du hư-không, mộ quy thủy túc, thủ A-tu-la, nhân thấp khí hữu, Súc-sanh thú nghiệp.</p>	<p>4. Hạng A-tu-la hạ cấp, sống trầm trong hang ở đáy biển, sáng dạo hư-không, tối trú dưới nước, do thấp-khí sanh ra, thuộc về <i>Súc-sanh thú</i>.</p>
---	--

<p>8.</p>	<p>8. PHẬT HIỂN-MINH LÝ “TƯ VỌNG SANH NGHIỆP”.</p> <p>阿難如是地獄餓鬼畜生人及神仙。天洎修羅精研七趣。皆是昏沈諸有為想。妄想受生妄想隨業。於妙圓明無作本心。皆如空花元無所有。但一虛妄更無根緒。</p> <p>阿難此等眾生。不識本心受此輪迴。經無量劫不得真淨。皆由隨順殺盜婬故。反此三種又則出生無殺盜婬。有名鬼倫無名天趣。有無相傾起輪迴性。若得妙發三摩提者則妙常寂。有無二無無二亦滅。尚無不殺不偷不婬。云何更隨殺盜婬事。</p> <p>阿難不斷三業各各有私。因各各私眾私同分。非無定處自妄發生。生妄無因無可尋究。汝勗修行欲得菩提要除三惑。不盡三惑縱得神通。皆是世間有為功用。習氣不滅落於魔道。雖欲除妄倍加虛偽。如來說為可哀憐者。汝妄自造非菩提咎。作是說者名為正說。若他說者即魔王說。</p>
------------------	--

<p>_ A-Nan! Như-thị Địa-ngục Nga-quỷ Súc-sanh, Nhân-cập Thiên-tiên, Thiên-ky Tu-la, tinh-nghiên thất-thú, giai-thị hôn-trầm, chư-hữu-vi-tưởng.</p> <p>_ Vọng-tưởng thọ-sanh, vọng-tưởng-tùy-nghiệp, ư-diệu-viên-minh vô-tác bốn-tâm, giai-như-không-hoa, nguyên-vô-sở-trước, đán-nhứt-hư-vọng, cánh-vô-căn-tự.</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>_ A-Nan! Như vậy nghiêm xét từ Địa-ngục Nga-quỷ Súc-sanh nhân lên A-tu-la, Người, Tiên, Thiên đều do sự hôn-trầm mà vào các tướng hữu-vi.</p> <p>_ Vì vọng-tưởng-nên theo nghiệp, vì vọng-tưởng-nên thọ-sanh, đó là vì hư-vọng-như-hoa-dốm giữa hư-không, chẳng có tự-thể tự-tánh. Thật ra Bổn-Tâm Chơn-Như, viên-giác mâu-nhiệm, sáng suốt vô-tác, không chấp-trước, không dính mắc vào đâu cả mới là nguồn gốc giải-thoát.</p>
<p>_ A-Nan! Thủ đắng chúng-sanh, bất-thức bốn-tâm thọ thủ luân-hồi, kinh-vô-lượng kiếp, bất đắc chơn-tịnh, giai-do-tùy-thuận, sát-đạo-dâm-cố.</p> <p>_ Phản-thủ tam-chứng, hựu-tắc-xuất</p>	<p>_ A-Nan! Chúng-sanh quên-mất Bổn-Tâm Chơn-Như nên phải bị luân-hồi sanh-tử đau-khổ, trải qua vô-lượng kiếp không được chơn-thiệt trong sạch, vì tùy-thuận ba ác-nghiệp sát-sanh thâu-đạo-dâm-dục tức là có tạo ác-nghiệp.</p> <p>_ Nếu trái nghịch với ba ác-nghiệp sát-</p>

<p>sanh, vô sát đao dâm.</p> <p>(_ Hoặc ngược lại ba cái đó, thì lại sanh ra không sát, không đao, không dâm.)</p> <p>_ “Hữu” danh Quỷ-luân, “Vô” danh Thiên-thú, hữu vô tương-khuynh, khởi luân-hồi tánh.</p> <p>(_ Có, thì gọi là loài quỷ, không, thì gọi là loài trời, có và không thay nhau, phát khởi ra tánh luân-hồi.)</p> <p>_ Nhược đắc diệu-phát, Tam-ma-đề giả, tắc diệu thường tịch. Hữu, vô, nhị vô, vô nhị diệc diệt. Thượng vô bất sát, bất thâu, bất dâm. Vân hà cánh tùy sát, đao, dâm sự.</p> <p>(_ Nếu khéo tu-tập phát-huy phép Tam-ma-đề, thì trong bản-tánh thường-diệu thường-tịch; cả hai cái có, cái không đều không, và cái không có, không không cũng diệt; có gì là bất-sát, bất-đao, bất-dâm; làm sao lại còn thuận theo được những việc sát, đao, dâm.)</p>	<p>sanh thâu-đao dâm-dục tức là không tạo ác-nghiệp thì sanh ra không có chi-phối bởi ba ác-nghiệp ấy, dầu còn luân-hồi trong phàm-giới cũng được tiến-hóa hơn.</p> <p>_ Thuận nghịch bất-đồng, có không sai biệt, có thì vào đường Quỷ-luân, không thì vào đường Thiên-luân.</p> <p>_ Nếu hiểu biết Bổn-Tâm Chơn-Như, viên-giác mầu-nhiệm, phát ngộ pháp chánh-định mà tu-hành vắng lặng huyền-diệu thì hai sự có với không tiêu tan, cho tới phi-hữu phi-không cũng đoạn trừ, chẳng còn chi đâu mà bất-sát bất-đao bất-dâm, huống chi là có sát đao dâm, tất cả đều dứt tuyệt.</p>
<p>_ A-Nan! Bất đoạn tam nghiệp, các hữu tư, nhân các tư, chúng tư đồng phận, phi vô định xứ, tự vọng phát-sanh, sanh vọng vô nhân, vô khả tám cứu.</p> <p>_ Nhữ húc tu-hành, dục đắc Bồ-Đề, yếu trừ tam hoặc.</p> <p>_ Bất tận tam hoặc, túng đắc thần-thông, giai thị thế-gian, hữu-vi công-dụng.</p> <p>_ Tập-kí bất diệt, lạc ư ma-đạo, tuy dục trừ vọng, bội gia hư ngụy, Như-Lai thuyết vi khả ai lân giả.</p> <p>(..., tuy muốn trừ cái vọng, nhưng lại càng thêm giả dối, do đó Như-Lai bảo là rất đáng thương xót.)</p> <p>_ Nhữ vọng tự tạo, phi Bồ-Đề cữu.</p> <p>(_ Như thế, đều do vọng-kiến tự mình tạo ra, không phải là lỗi của tánh Bồ-Đề.)</p>	<p>_ A-Nan! Nếu không diệt tận ba ác-nghiệp sát đao dâm thì mỗi thứ mỗi riêng, các biệt-nghiệp của chúng đồng-fận không có chỗ nhứt-định, chỉ tại tánh vọng sanh ra; tánh vọng này không có căn-bổn, khởi phải luống công sưu-tầm.</p> <p>_ A-Nan! Như ông tu-hành, muốn thành Đạo Vô-Thượng Bồ-Đề, thì bổn-fận trọng-yếu của ông phải dứt tuyệt ba ác-nghiệp sát đao dâm.</p> <p>_ Nếu không được như vậy thì dầu có thần-thông biến-hóa cũng chỉ là công-dụng hữu-vi của thế-gian.</p> <p>_ Vả lại tu-hành mà không đoạn trừ tập-kí mê-muội thì bị lạc vào ma-giáo, nếu muốn dứt vọng lại càng bối rối, vì thế, Ta thường cho ông là người đáng thương xót.</p> <p>_ A-Nan! Do vọng mà ông tạo nghiệp, gọi là “Tự vọng sanh nghiệp”, chớ không phải tại đao Bồ-Đề.</p>

<p>_ Tác thị thuyết giả, danh vi chánh-thuyết, nhược tha thuyết giả, tức Ma-vương thuyết.</p>	<p>_ Nay Ta thuyết pháp như vậy là chánh-thuyết của Như-Lai, trái lại, thuyết bằng cách trái nghịch nào khác là tà-thuyết của Ma-vương.</p>
---	---

<p>9.</p>	<p>9. PHẬT HIỀN-MINH CÁC CHƯƠNG-MA.</p>
------------------	--

即時如來將罷法座。於師子床攬七寶机。迴紫金山再來凭倚。普告大眾及阿難言。

汝等有學緣覺聲聞。今日迴心趣大菩提無上妙覺。吾今已說真修行法。汝猶未識修奢摩他毘婆舍那微細魔事。魔境現前汝不能識。洗心非正落於邪見。或汝陰魔或復天魔。或著鬼神或遭魑魅。心中不明認賊為子。

又復於中得少為足。如第四禪無聞比丘妄言證聖。天報已畢衰相現前。謗阿羅漢身遭後有。墮阿鼻獄。

汝應諦聽吾今為汝仔細分別。

阿難起立并其會中同有學者。歡喜頂禮伏聽慈誨。

佛告阿難及諸大眾。汝等當知有漏世界十二類生。本覺妙明覺圓心體。與十方佛無二無別。由汝妄想迷理為咎癡愛發生。生發遍迷故有空性。化迷不息有世界生。則此十方微塵國土非無漏者。皆是迷頑妄想安立。當知虛空生汝心內。猶如片雲點太清裏。況諸世界在虛空耶。汝等一人發真歸元。此十方空皆悉銷殞。云何空中所有國土而不振裂。

汝輩修禪飾三摩地。十方菩薩及諸無漏大阿羅漢。心精通[惓心+目]當處湛然。一切魔王及與鬼神諸凡夫天。見其宮殿無故崩裂。大地振坼水陸飛騰。無不驚憚。凡夫昏暗不覺遷訛。彼等咸得五種神通唯除漏盡。戀此塵勞。如何令汝摧裂其處。是故神鬼及諸天魔魍魎妖精。於三昧時僉來惱汝。

然彼諸魔雖有大怒。彼塵勞內汝妙覺中。如風吹光如刀斷水。了不相觸。汝如沸浪彼如堅冰。煖氣漸隣不日銷殞。徒恃神力但為其客。成就破亂。由汝心中五陰主人。主人若迷客得其便。當處禪那覺悟無惑。則彼魔事無奈汝何。陰銷入明則彼群邪咸受幽氣。明能破暗近自銷殞。如何敢留擾亂禪定。

若不明悟被陰所迷。則汝阿難必為魔子成就魔人。如摩登伽殊為眇劣。彼雖呪汝破佛律儀。八萬行中祇毀一戒。心清淨故尚未淪溺。此乃隳汝寶覺全身。如宰臣家忽逢籍沒。宛轉零落無可哀救。

<p>_ Tức thời Như-Lai, tương bãi pháp-tọa, ư sư-tử sàng, lâm thất bảo kỷ, hồi Tử-Kim-Sơn, tái lai bằng ý, phổ-cáo đại-chúng, cập A-Nan ngôn:</p>	<p>_ Khi ấy, sắp tới giờ bế-mạc, Đức Phật từ tòa sư-tử trên ghế thất-bảo, bước xuống để đi về núi Tử-Kim, Đức Phật đứng dựa Bồ-đoàn, dạy ngài A-Nan và Đại-chúng:</p>
<p>_ Nhữ đẳng Hữu-học, Duyên-giác Thinh-văn, kim nhụt hồi tâm, xu đại Bồ-Đề, vô-thượng diệu-minh, ngã kim dĩ thuyết chơn tu-hành pháp.</p> <p>_ Nhữ do vị thức tu Sa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, vi-tế ma-sự, ma-cảnh hiện-tiền.</p> <p>_ Nhữ bất năng thức, tẩy tâm phi chánh, lạc ư tà-kiến, hoặc nhữ ấm-ma, hoặc phục Thiên-ma, hoặc trú Quỷ-Thần, hoặc tao ly-my, tâm trung bất minh nhận tặc vi tử.</p>	<p>_ Quý vị là bậc Duyên-giác, Thinh-văn Hữu-học, nay hồi-tâm hướng về Đạo Bồ-Đề Vô-Thượng mâu-nhiệm, sáng suốt rộng lớn, Ta đã vì quý vị mà thuyết pháp chơn-thiệt tu-hành giải-thoát.</p> <p>_ Quý vị chưa tỏ ngộ pháp chỉ-quán, bị ám-muội bởi vi-tế chướng-ma và cảnh ma hiện-tiền.</p> <p>_ Quý vị không biết rửa sạch lòng bất-chánh, phải lạc vào tà-kiến, bị ấm-ma của mình, hoặc bị Thiên-ma, hoặc mắc Quỷ-Thần, hoặc gặp tinh-quái ly-my, nên trong tâm không được sáng suốt, nhận giặc làm con.</p>
<p>_ Hựu phục ư trung đắc thiểu vi túc, như đệ-tứ thiền, vô-văn Tỳ-khưu, vọng-ngôn chứng Thánh, thiên báo dĩ tất, suy tướng hiện-tiền, báng A-La-Hán, thân tao hậu hỮU, đọa A-Tỳ ngục.</p>	<p>_ Có những người tu-hành vừa được chút ít đã vội cho là đủ rồi, như một số Tỳ-khưu vô-văn ở tầng Trời Tứ-Thiền, nói dối là chứng Thánh-quả, đến khi Thiên-phước hết thì tướng suy hiện ra, hủy-báng bậc A-La-Hán, nên bị chuyển kiếp sa-đọa vào A-Tỳ địa-ngục.</p>
<p>_ Nhữ ứng đế thính, ngộ kim vị nhữ, tử tế phân-biệt.</p>	<p>_ Quý vị hãy tịnh tâm chăm chỉ nghe, nay Ta vì quý vị mà giảng dạy phân-biệt kỹ càng.</p>
<p>_ A-Nan khởi lập, tinh kỳ hội trung đồng hữu-học giả, hoan-hỷ đánh lễ, phục thính từ hối.</p>	<p>_ Ngài A-Nan và những người Hữu-học trong Giáo-Hội đều vui mừng, đứng dậy cung-kính đánh-lễ Phật và lặng thinh chăm chỉ nghe các lời từ-bi giáo-hóa.</p>
<p>Phật cáo A-Nan, cập chư đại-chúng.</p> <p>_ Nhữ đẳng đương tri, hữu-lậu thế-giới, thập nhị loại sanh, bốn-giác diệu-minh, giác-viên tâm-thể, dữ thập phương Phật, vô nhị, vô biệt.</p> <p>_ Do nhữ vọng-tưởng, mê lý vi cữu, si ái</p>	<p>Đức Phật dạy ngài A-Nan và Đại-chúng:</p> <p>_ Quý vị phải biết: Bốn-Thể viễn-giác của Tự-Tâm Chơn-Như, mâu-nhiệm sáng suốt ở thập nhị chủng-loại chúng-sanh trong thế-giới hữu-lậu, cũng như ở thập phương chư Phật, không có sai biệt nhau.</p> <p>_ Chúng-sanh vọng-tưởng diên-dảo,</p>

<p>phát-sanh, sanh phát biến mê, cố-hữu không-tánh, hóa mê bất tức, hữu thế-giới sanh, tắc thủ thập phuơng, vi-trần quốc-độ, phi vô-lậu giả, giai thị mê ngoan, vọng-tưởng an lập.</p> <p>_ Dương tri hư-không sanh nhữ tâm nội, du như phiến vân, điểm thái thanh lý, huống chư thế-giới, tại hư-không da?</p> <p>_ Nhữ đẳng nhứt nhân phát chơn quy nguyên, thử thập phuơng không, giai tất tiêu vân, vân hà không-trung, sở-hữu quốc-độ, nhi bất chấn liệt?</p>	<p>muội lý tạo tội, si-ái phát-khởi, khiến quên mất Bổn-Thể viên-giác, nên vọng-sanh ngoan-không, biến-hóa liên-tục mê vọng, do đó có thế-giới, quốc-độ nhiều như vi-trần ở khắp mười phuơng, không phải vô-lậu (trừ cõi vô-lậu), mà nguồn gốc là vọng-tưởng mê-vọng an lập.</p> <p>_ Hư-không sanh ở nội-tâm, cũng như vầng mây ở giữa bầu trời mênh mông, huống chi là thế-giới trong hư-không, chắc quí vị thừa hiểu như thế nào rồi.</p> <p>_ Nếu có một người trong Đại-chúng phát chơn về nguồn, thì hư-không tiêu vong, hà huống gì thập phuơng thế-giới há tồn-tại được hay sao?</p>
<p>_ Nhữ bối tu thiền, sức Tam-ma-đề, thập phuơng Bồ-Tát, cập chư vô-lậu, Đại A-La-Hán, tâm tinh thông dẫn, đương xứ trạm nhiên, nhứt-thiết Ma-vương, cập chư Quỷ-Thần, kiến kỳ cung-diện, vô cố băng liệt, đại-địa chấn-tích, thủy lục phi đẳng, vô bất kinh tập.</p> <p>(..., đều thấy cung-diện của mình không cớ gì đổ vỡ, đất liền rung động, nên ở trên bờ thì...)</p> <p>_ Phàm-phu hôn-ám, bất giác thiên ngoa, bỉ đẳng hàm đắc ngũ chủng thần-thông, duy trừ lậu-tận, luyến thử trần-lao, như hà linh nhữ, tồi liệt kỳ xứ.</p> <p>_ Thị cố Quỷ-Thần, cập chư Ma-vương, vọng-lượng yêu-tinh, ư Tam-ma thời, thiêm lai não nhữ.</p>	<p>_ Quí vị ngồi thiền, trang-nghiêm pháp chơn-thiệt chánh-định, khế-hiệp với mười phuơng chư Bồ-Tát và vô-lậu Đại A-La-Hán, đắc tâm tinh-thông, thấu-triệt chỗ vắng lặng an-nhiên, thì các Ma-vương Ba-tuần, Quỷ-Thần ở Dục-giới, thấy đất đai cung-diện của mình bị chuyển-động, nên ở trên bờ thì bay lên, ở dưới nước thì nhẩy vọt, lấy làm sợ hãi.</p> <p>_ Phàm-phu hôn-ám theo sự lầm lẩn, không hiểu các bậc tu chơn-thiệt chánh-định, đắc năm phép thần-thông, trừ ra phép lậu-tận chưa đắc vì còn luyến trần, nên các Ma-vương Ba-tuần, Quỷ-Thần ấy không thể nào để cho quí vị tu chánh-định làm chuyển-động xứ-sở của họ.</p> <p>_ Vì cớ ấy thừa lúc quí vị ngồi thiền, các Ma-vương Ba-tuần, Quỷ-Thần và loài Vọng-lượng yêu-tinh ưa xúm lại phá rối quí vị.</p>
<p>_ Nhiên bỉ chư ma, tuy hữu đại-nộ, bỉ trần-lao nội; nhữ diệu-giác trung, như phong xuy quang, như đao đoạn thủy, liễu bất tương-xúc.</p>	<p>_ Tuy-nhiên, các Ma-vương Ba-tuần, Quỷ-Thần và loài Vọng-lượng yêu-tinh ấy dầu có giận dữ cũng vốn ở trong trần-lao; còn quí vị tu thiền vốn ở trong Bổn-Giác diệu-minh, chẳng xúc-động nhau được; ví như gió thoổi ánh sáng, gió</p>

	<p>không làm sao phá-hoại ánh sáng, hoặc gươm chém nước, gươm không thế nào gia-hại nước.</p> <p>_ Quý vị thiền-định chẳng khác chi nước sôi, các chướng-ma ví như giá lạnh.</p>
<p>_ Nhữ như phí-thang, bỉ như kiên-băng.</p> <p>_ Noān khí tiệm lân, bất nhụt tiêu vân. (_ Tạm gần hơi ấm, thì không bao lâu sẽ tiêu tan.)</p>	
<p>_ Đồ thị thần-lực, đán vi kỵ khách. (_ Chúng nó luống ý thần-lực, nhưng chỉ là người khách.)</p> <p>_ Thành-tựu phá loạn, do nhữ tâm trung, ngũ-ấm chủ-nhân. (_ Nếu chúng có thể phá rối được, là do người chủ ngũ-ấm trong tâm ông.)</p> <p>_ Chủ-nhân nhược mê, khách đắc kỵ tiện.</p> <p>_ Dương xử thiền-na, giác-ngộ vô-hoặc, tắc bỉ ma-sự, vô ngại nhữ hà. (_ Dương lúc tu thiền, giác-ngộ không lầm, thì các ma-sự kia không làm gì ông được.)</p> <p>_ Ấm tiêu nhập minh, tắc bỉ quần tà, hàm thọ u khí, minh năng phá ám, cận tự tiêu-vân. (_ Khi ngũ-ấm đã tiêu trừ, vào tánh sáng suốt, thì bọn tà-ma kia là kẻ tối tăm, sáng phá được tối, đến gần tự phải tiêu mất.)</p> <p>_ Như hà cảm lưu, nhiễu loạn thiền-định. (_ Làm sao còn dám ở lại khuấy phá thiền-định.)</p>	<p>_ Các chướng-ma dùng hết thần-lực phá rối, nhưng họ chỉ là khách mà thôi, còn quý vị thiền-định mới là chủ-nhân của ngũ-ấm.</p> <p>_ Các chướng-ma có phá rối được chỉ khi nào nội-tâm của quý vị mê-loạn.</p> <p>_ Ví như chủ-nhân khờ dại thì khách mới có thể đắc-chí khinh rẻ và đắc-thế khuấy-nhiều.</p> <p>_ Như chỗ thiền-định chơn-thiệt giác-ngộ, vắng lặng thông suốt, dứt sạch mê-hoặc, thì các chướng-ma không làm chi được quý vị.</p> <p>_ Khi thành-tựu pháp thiền-định thì ngũ-ấm lần lượt dứt sạch. Ngũ-ấm dứt sạch thì đức-độ quang-minh vô-lượng. Các chướng-ma vốn thọ khí u-ám thì đức-độ quang-minh vô-lượng đầy đủ năng-lực diệt-tận khí u-ám, hễ tới gần tất phải tiêu tan.</p> <p>_ Đó là chứng tỏ các chướng-ma không thể lay chuyển được tâm chơn-thiệt thiền-định.</p>
<p>_ Nhược bất minh ngộ, bị ấm sở mê, tắc nhữ A-Nan, tất vi ma tử.</p> <p>_ Thành-tựu ma-nhân, như Ma-Đăng-Già, thù vi diễu (/miễn) liệt, bỉ duy chū nhữ, phá Phật luật-nghi.</p> <p>_ Bát vạn hạnh trung, chỉ hủy nhứt giới,</p>	<p>_ Nếu không tỏ ngộ sáng suốt, bị ám-ảnh của chướng-ma mê-hoặc, ví như ông A-Nan phải nhứt-thời làm con của ma.</p> <p>_ Và nàng Ma-Đăng-Già làm ma-nhân hèn hạ, dùng ma-thuật hại ông phá-hoại luật-nghi của Phật.</p> <p>_ Ông phải biết: Trong tám muôn tế-</p>

<p>tâm thanh-tịnh cố, thượng vị luân-nịch, thủ nãi hủy nhữ, bảo-giác toàn thân; như Tể-th神 gia, hốt phùng tịch một, uyển chuyển linh lạc, vô khả cứu-hộ.</p>	<p>hạnh, chỉ phá một giới cũng đủ nguy khốn; may nhờ tâm-địa của ông thanh-tịnh chưa đến nỗi sa ngã, tuy vậy cũng có thể làm hư hỏng toàn thân bảo-giác của ông; chẳng khác nào gia-thế của một vị đại-thần tể-tương bị tịch-biên, chịu suy-vi tan vỡ, không làm sao cứu giúp được.</p>
--	---

10.	10. SẮC-ẤM MA.
<p>阿難當知汝坐道場。銷落諸念其念若盡。則諸離念一切精明。動靜不移憶忘如一。當住此處入三摩提。如明目人處大幽暗。精性妙淨心未發光。此則名為色陰區宇。若目明朗十方洞開。無復幽黯名色陰盡。是人則能超越劫濁。觀其所由堅固妄想以為其本。</p> <ul style="list-style-type: none"> _ A-Nan! Đương tri, nhữ tọa đạo-tràng, tiêu lạc chư niệm. _ Kỳ niệm nhược tận, tắc chư ly niệm nhứt-thiết tinh-minh, động tịnh bất di, ức vọng như nhứt, đương trụ thử xứ, nhập Tam-ma-đề, như minh mục nhân, xứ đại u ám. _ Tinh-tánh diệu-tịnh, tâm vi phát quang, thử tắc danh vi Sắc-Ấm khu vũ. _ Nhược mục minh lâng, thập phương đỗng khai, vô phục u ám, danh Sắc-Ấm tận, thị nhân tắc năng, siêu-việt kiếp trước, quan kỳ sở do, kiên-cố vọng tưởng, dĩ vi kỳ bốn. 	<p>A. Đức Phật dạy: <ul style="list-style-type: none"> _ A-Nan! Ông phải biết: Ông ngồi đạo-tràng thì phải dứt sạch các niệm. _ Các niệm dứt sạch thì tánh ly niệm sáng tỏ, động tịnh không đổi, quên nhớ không khác, do trụ-xứ đó mà nhập chánh-định, ví như người có mắt tỏ ở chỗ tối. _ Nếu tánh tinh-thông diệu-tịnh mà tâm chưa khai-minh thì vẫn còn làm xứ-sở cho Ấm Sắc. _ Nếu mắt tỏ, thấy biết thập phương không còn u-ám, đó là dứt sạch Ấm Sắc, thì thoát-ly kiếp-trước, quán-sát hiểu rõ vọng-tưởng kiên-cố là cội gốc sanh-tử. </p>

<p>阿難當在此中精研妙明四大不織。少選之間身能出碍。此名精明流溢前境。斯但功用暫得如是。非為聖證不作聖心名善境界。若作聖解即受群邪。</p> <p>11. / 1</p> <p>_ A-Nan! Đương tại thử trung, tinh-nghiên diệu-minh, tứ-đại bất chức, thiểu tuyển chi gian, thân năng xuất ngại.</p>	<p>B.</p> <p>11. / 1 (SẮC-ẤM MA 1)</p> <p>_ A-Nan! Tâm thiền-định cứu xét thuần một điểm trong sạch mầu-nhiệm sáng suốt, tứ-đại không ràng buộc, thân-thể không bị ngăn ngại.</p>
---	---

<ul style="list-style-type: none"> _ Thủ danh tinh minh, lưu-dật tiền cảnh, tư đán công-dụng, tạm đắc như-thị. _ Phi vi Thánh-chứng, bất tác Thánh-Tâm, danh thiện cảnh-giới, nhược tác Thánh-giải, tức thọ quần tà. 	<ul style="list-style-type: none"> _ Đó là điểm tinh-minh lan rộng khắp cảnh, nhờ công-dụng mới tạm được như vậy; - chớ chưa chứng Thánh-quả, chưa đắc Thánh-Tâm là cảnh trí an lành, nếu tưởng là Thánh-giải thì bị đám chướng-ma dẫn dụ.
--	--

阿難復以此心精研妙明其身內徹。是人忽然於其身內捨出蟻
蛔。身相宛然亦無傷毀。此名精明流溢形體。斯但精行暫得如是。
非為聖證不作聖心名善境界。若作聖解即受群邪。

11. / 2

- _ A-Nan! Phục dĩ thử tâm, tinh-nghiên diệu-minh, kỳ thân nội triệt, thị nhân hốt-nhiên, ư kỳ thân nội, thập xuất nhiêu hồi, thân-tương uyển-nhiên, diệc vô thương hủy.
- _ Thủ danh tinh minh, lưu-dật hình thể, tư đán tinh hạnh, tạm đắc như-thị.

- _ Phi vi Thánh-chứng, bất tác Thánh-Tâm, danh thiện cảnh-giới, nhược tác Thánh-giải, tức thọ quần tà.

11. / 2 (SẮC-ẤM MA 2)

- _ A-Nan! Lại dùng tâm cứu xét thuần một điểm trong sạch mầu-nhiệm sáng suốt, hiểu thấu thân-thể, từ trong thân-thể đem ra những con ký-sanh trùng mà thân-thể vẫn bình-an.
- _ Đó là điểm tinh-minh lan-rộng khắp thân-thể, nhờ công-hạnh mới tạm được như vậy;
- chớ chưa chứng Thánh-quả, chưa đắc Thánh-Tâm là cảnh trí an lành, nếu tưởng là Thánh-giải thì bị đám chướng-ma dẫn dụ.

又以此心內外精研。其時魂魄意志精神。除執受身餘皆涉入。
。若為賓主。忽於空中聞說法聲。或聞十方同敷密義。此名精魂遞
相離合。成就善種暫得如是。非為聖證不作聖心名善境界。若作聖
解即受群邪。

11. / 3

- _ Hựu dĩ thử tâm, nội ngoại tinh nghiên, kỳ thời hồn-phách, ý-chí tinh-thần, trừ chấp thọ thân, dư giao thiện nhập, bổ vi tân chủ; hốt ư không trung, văn thuyết pháp-âm, hoặc văn thập phương, đồng phu mật-nghĩa.

- _ Thủ danh tinh phách, đệ tương ly hiệp, thành-tựu thiện-chứng, tạm đắc như-thị.

- _ Phi vi Thánh-chứng, bất tác Thánh-

11. / 3 (SẮC-ẤM MA 3)

- _ Lại dùng tâm cứu xét điểm tinh-minh lan rộng cả trong lân ngoài, chỉ trừ thân-thể, còn các hồn-phách, ý-chí và tinh-thần đều giao-tiếp nhau làm tân-chủ; thoát nhiên nghe tiếng pháp thuyết ra giữa hư-không, hoặc ở mười phương quốc-degree đồng khai-thi nghĩa-lý vi-mật.
- _ Đó là nhờ hồn-phách, ý-chí và tinh-thần thay nhau hiệp ly, thành-tựu giống lành mới tạm được như vậy;
- chớ chưa chứng Thánh-quả, chưa đắc

Tâm, danh thiện cảnh-giới, nhược tác Thánh-giải, tức thọ quần tà.	Thánh-Tâm là cảnh trí an lành, nếu tưởng là Thánh-giải thì bị đám chướng- ma dẫn dụ.
--	--

又以此心澄露皎徹內光發明。十方遍作閻浮檀色。一切種類化為如來。于時忽然見毘盧遮那踞天光臺。千佛圍繞百億國土。及與蓮華俱時出現。此名心魂靈悟所染。心光研明照諸世界。暫得如是非為聖證。不作聖心名善境界。若作聖解即受群邪。

11. / 4

- _ Hựu dĩ thử tâm, trừng lộ hiệu triệt, nội quang phát minh, thập phương biến-tác, Diêm-phù-đàn sắc, nhứt-thiết chủng loại, hóa vi Như-Lai.
- _ Vu thời hốt-nhiên kiến Tỳ-Lư-Giá-Na, cứ thiền quang dài, thiền Phật vi nhiễu, bá ức quốc-độ, cập dữ liên-hoa, cu thời xuất-hiện.
- _ Thủ danh tâm-hồn, linh ngộ sở nhiễm, tâm quang nghiêm minh, chiếu chư thế-giới, tạm đắc như-thị.
- _ Phi vi Thánh-chứng, bất tác Thánh-Tâm, danh thiện cảnh-giới, nhược tác Thánh-giải, tức thọ quần tà.

11. / 4 (SẮC-ẤM MA 4)

- _ Lại dùng tâm ấy lóng sạch, thấu-triệt bên trong, phát-hiện sáng tỏ mười phương thành sắc Diêm-phù-đàn, nhứt-thiết chủng-loại hóa làm Như-Lai;
- thoạt nhiên thấy Đức Phật Tỳ-Lư-Giá-Na tọa thiền quang dài, có 1.000 vị Phật vi-nhiễu trăm ức quốc-độ và vô-số hoa sen đồng xuất-hiện.
- _ Đó là tâm-hồn linh-thông, tỏ ngộ sở nhiễm, tâm quang nghiêm xét sáng suốt, chiếu diệu khắp thế-giới mới tạm được như vậy;
- chớ chưa chứng Thánh-quả, chưa đắc Thánh-Tâm là cảnh trí an lành, nếu tưởng là Thánh-giải thì bị đám chướng-ma dẫn dụ.

又以此心精研妙明觀察不停。抑按降伏制止超越。於時忽然十方虛空。成七寶色或百寶色。同時遍滿不相留礙。青黃赤白各各純現。此名抑按功力踰分。暫得如是非為聖證。不作聖心名善境界。若作聖解即受群邪。

11. / 5

- _ Hựu dĩ thử tâm, tinh nghiêm diệu-minh, quán-sát bất định, ức án hàng phục, chế chỉ siêu-việt.
- _ Ư thời hốt-nhiên thập phương hư-không, thành thất bảo sắc, hoặc bá bảo sắc, đồng-thời biến mān, bất tương lưu ngại, thanh huỳnh, xích bạch, các các thuần-hiện.
- _ Thủ danh ức án, công lực du phận, tạm đắc như-thị,

11. / 5 (SẮC-ẤM MA 5)

- _ Lại dùng tâm ấy cứu xét trong sạch nhiệm-mẫu sáng suốt, quán-sát liên-tục, chế-ngự, hàng-phục, đoạn-tuyệt thô-lẬU;
- thoạt nhiên thấy mười phương hư-không thành sắc thất-bảo hoặc bá-bảo, đồng-thời phổ-biến các màu xanh vàng đỏ trắng tươi sáng, không có chi ngăn ngại.
- _ Đó là nhờ công-dụng chế-ngự mới tạm được như vậy,

<p>_ Phi vi Thánh-chứng, bất tác Thánh-Tâm, danh thiện cảnh-giới, nhược tác Thánh-giải, tức thọ quần tà.</p>	<p>- chớ chưa chứng Thánh-quả, chưa đắc Thánh-Tâm là cảnh trí an lành, nếu tưởng là Thánh-giải thì bị đám chướng-ma dẫn dụ.</p>
--	---

又以此心研究澄徹精光不亂。忽於夜合在暗室內。見種種物不殊白晝。而暗室物亦不除滅。此名心細密澄其見所視洞幽。暫得如是非為聖證。不作聖心名善境界。若作聖解即受群邪。

11. / 6

_ Hựu dĩ thử tâm, nghiên-cứu trừng triệt, tinh quang bất loạn, hốt ư dạ bán, tại ám thất nội, kiến chủng chủng vật, bất thù bạch trú. Nhi ám thất vật, diệc bất trừ diệt.

(_ ... Mà những vật trong nhà tối đó cũng không diệt mất.)

_ Thủ danh tâm tế, mật trừng kỳ kiến, sở thị đồng u, tạm đắc như-thị.

_ Phi vi Thánh-chứng, bất tác Thánh-Tâm, danh thiện cảnh-giới, nhược tác Thánh-giải, tức thọ quần tà.

11. / 6 (SẮC-ẤM MA 6)

_ Lại dùng tâm cứu xét trong sạch sáng suốt, không loạn động, thoát nhiên giữa đêm ở trong tinh-thất tối cũng thấy rõ các vật y nguyên như ban ngày.

_ Đó là tâm mật-nhiệm trang-nghiêm soi thấy sáng suốt các nơi u-ám mới tạm được như vậy,

- chớ chưa chứng Thánh-quả, chưa đắc Thánh-Tâm là cảnh trí an lành, nếu tưởng là Thánh-giải thì bị đám chướng-ma dẫn dụ.

又以此心圓入虛融。四肢忽然同於草木。火燒刀斫曾無所覺。又則火光不能燒爇。縱割其肉猶如削木。此名塵併排四大性一向入純。暫得如是非為聖證。不作聖心名善境界。若作聖解即受群邪。

11. / 7

_ Hựu dĩ thử tâm, viên nhập hư dung, tứ thể hốt-nhiên, đồng ư thảo mộc, hỏa thiêu đao chước, tầng vô sở giác, hựu tắc hỏa quang, bất năng thiêu nhiệt, túng cát kỳ nhục, do như tước mộc.

_ Thủ danh trần tịnh, bài tứ-đại tánh, nhứt hướng nhập thuần, tạm đắc như-thị.

_ Phi vi Thánh-chứng, bất tác Thánh-Tâm, danh thiện cảnh-giới, nhược tác Thánh-giải, tức thọ quần tà.

11. / 7 (SẮC-ẤM MA 7)

_ Lại dùng tâm ấy thấu-triệt viên-thông, bốn vóc như cây cỏ, dầu lửa thiêu dao cắt cũng không biết, lửa đốt xương vẫn không nóng, dao cắt thịt vẫn không đau, ví như đốn cây nhổ cỏ.

_ Đó là thân tứ-đại và cảnh trần-lao đều sạch, chỉ nương theo chí-hướng thuần-chơn mới tạm được như vậy;

- chớ chưa chứng Thánh-quả, chưa đắc Thánh-Tâm là cảnh trí an lành, nếu tưởng là Thánh-giải thì bị đám chướng-ma dẫn dụ.

又以此心成就清淨。淨心功極忽見大地。十方山河皆成佛國。具足七寶光明遍滿。又見恒沙諸佛如來。遍滿空界樓殿華麗。下見地獄上觀天宮得無障礙。此名欣厭凝想日深想久化成。非為聖證不作聖心名善境界。若作聖解即受群邪。

11. / 8

- _ Hựu dĩ thử tâm, thành-tựu thanh-tịnh, tịnh tâm công-cực, hốt kiến đại-địa, thập phương sơn-hà, giai thành Phật-quốc, cù-túc thất bảo, quang-minh biến mãn.
- _ Hựu kiến Hằng-sa, chư Phật Như-Lai, biến mãn không giới, lâu điện hoa-lê.
- _ Hạ kiến địa-ngục, thượng quan Thiên-cung, đắc vô chướng-ngoại.
- _ Thủ danh hân yểm, ngưng tưởng nhụt thâm, tưởng cửu hóa thành.
- _ Phi vi Thánh-chứng, bất tác Thánh-Tâm, danh thiện cảnh-giới, nhược tác Thánh-giải, tức thọ quần tà.

11. / 8 (SẮC-ẤM MA 8)

- _ Lại dùng tâm ấy thành-tựu trong sạch, dày công-phu tịnh-tu, thoát nhiên thấy mười phương núi sông đất bồng thành xứ Phật, đầy đủ thất-bảo tỏ rạng châubien;
- Hằng-sa Như-Lai ở khắp hư-không pháp-giới, lâu-các khang trang tráng-lê;
- ngó lên ngó xuống thấy cả thiên-dàng, địa-ngục, không có chi ngăn ngại.
- _ Đó là tư-tưởng chuộng Thánh chán phàm, lâu ngày thành-tựu được như vậy,
- chớ chưa chứng Thánh-quả, chưa đắc Thánh-Tâm là cảnh trí an lành, nếu tưởng là Thánh-giải thì bị đám chướng-ma dẫn dụ.

又以此心研究深遠。忽於中夜遙見遠方。市井街巷親族眷屬或聞其語。此名迫心逼極飛出故多隔見。非為聖證不作聖心名善境界。若作聖解即受群邪。

11. / 9

- _ Hựu dĩ thử tâm, nghiên-cứu thâm-viễn, hốt ư trung dạ, diêu kiến viễn phương, thị tinh nhai hạng, thân-tộc quyến-thuộc, hoặc văn kỳ ngữ.
- _ Thủ danh bách tâm, bức cực phi xuất, cố đa cách kiến.
- _ Phi vi Thánh-chứng, bất tác Thánh-Tâm, danh thiện cảnh-giới, nhược tác Thánh-giải, tức thọ quần tà.

11. / 9 (SẮC-ẤM MA 9)

- _ Lại dùng tâm ấy cứu xét sâu xa, thoát nhiên giữa đêm thấy tinh thành, chợ búa, phố phường, đường sá, cho tới thân-tộc quyến-thuộc ở phương xa, hoặc nghe lời nói của người ấy.
- _ Đó là nhờ tâm chế-nghị mà xuất-hiện sự thấy nghe như vậy,
- chớ chưa chứng Thánh-quả, chưa đắc Thánh-Tâm là cảnh trí an lành, nếu tưởng là Thánh-giải thì bị đám chướng-ma dẫn dụ.

又以此心研究精極。見善知識形體變移。少選無端種種遷改。此名邪心含受魑魅。或遭天魔入其心腹。無端說法通達妙義。非為聖證不作聖心魔事銷歇。若作聖解即受群邪。

<p>11. / 10</p> <p>_ Hựu dĩ thử tâm, nghiên-cứu tinh cực, kiến thiện-tri-thức, hình thể biến di, thiểu tuyển vô đoan, chủng chủng thiên cải.</p> <p>_ Thủ danh tà tâm, hàm thọ ly my, hoặc tao Thiên ma nhập kỳ tâm phúc, vô đoan thuyết pháp, thông-đạt diệu-nghĩa.</p> <p>_ Phi vi Thánh-chứng, bất tác Thánh-Tâm, danh thiện cảnh-giới, nhược tác Thánh-giải, tức thọ quần tà.</p>	<p>11. / 10 (SẮC-ẤM MA 10)</p> <p>_ Lại dùng tâm ấy cứu xét tinh-tưởng, thoát nhiên thấy vị Thiện-Tri-Thức biến đổi hình-thể, trong giây phút tự-nhiên cải-thiện.</p> <p>_ Đó là tâm-phúc bị các quỉ vọng-lượng ly-my hoặc Ma-vương nhập, không có sở-nhân (duyên cơ) chi mà thuyết pháp, thông-đạt diệu-nghĩa;</p> <p>- chớ chẳng phải chứng Thánh-quả hoặc đắc Thánh-Tâm là cảnh trí an lành, nếu tưởng là Thánh-giải thì bị đám chướng-ma dẫn dụ.</p>
--	---

阿難如是十種禪那現境。皆是色陰用心交互故現斯事。眾生
頑迷不自忖量。逢此因緣迷不自識謂言登聖。大妄語成墮無間獄。
汝等當依如來滅後。於末法中宣示斯義。無令天魔得其方便。保持
覆護成無上道。

<p>12. A-Nan! Như-thị thập chủng, thiền-na hiện cảnh, giải thị Sắc-Ấm, dụng tâm giao-hỗ, cố hiện tư sự.</p> <p>_ Chúng-sanh ngoan-mê, bất tự thõn lượng, phùng thử nhân-duyên, mê bất tự thức, vì ngôn chứng Thánh, đại-vọng-ngữ thành, đọa Vô-gián ngục.</p> <p>_ Nhữ đẳng đương y, Như-Lai diệt hậu, ư mạt-pháp trung, tuyêt thị tư nghĩa, vô linh Thiên-ma, đắc kỳ phuong-tiện, bảo-trì phú-hộ, thành Vô-Thượng-Đạo.</p>	<p>C.</p> <p>12. A-Nan! Ông phải biết: Mười thứ thiền-định biến hiện cảnh-vật như vậy đều do công-dụng của Sắc-Ấm ma chuyển-động phát-sanh.</p> <p>_ Vì hành-giả ngoan-cố tối tăm, vọng-tưởng điên-dảo, không suy xét sáng suốt, nên gặp tà-duyên, mê-muội mà chẳng tự biết, đám giả xưng là chứng Thánh, thành-thử phạm tội đại-vọng-ngữ, ứng-đọa Vô-gián địa-ngục.</p> <p>_ Thế nên ông và tất cả Đại-chúng phải nhứt-tâm y-giáo phụng-hành như vầy:</p> <p>_ Sau khi Như-Lai nhập-diệt, ở trong đời mạt-pháp, dĩ tận-lực truyền-bá nghĩa-lý nhiệm-mầu giải-thoát, không nên sơ-suất, để cho những chướng-ma có đủ phuong-tiện phá-hoại, đồng-thời hoàn-toàn hy-sinh, bảo-hộ các vị thanh-tịnh thuần-túy chơn-tu thành Đạo Bồ-Đề Vô-Thượng.</p>
--	---

13.	13. THỌ-ẤM MA.
	<p>阿難彼善男子。修三摩提奢摩他中。色陰盡者見諸佛心。如明鏡中顯現其像。若有所得而未能用。猶如魘人手足宛然見聞不惑。心觸客邪而不能動。此則。名為受陰區宇。若魘咎歇其心離身。返觀其面去住自由。無復留礙名受陰盡。是人則能超越見濁。觀其所由虛明妄想以為其本。</p>
<p>_ A-Nan! Chư Thiện-nam-tử, tu Tam-ma-dề, Sa-ma-tha trung, Sắc-ấm tận giả, kiến chư Phật tâm, như minh kính trung, hiển hiện kỳ tượng.</p> <p>_ Nhược hữu sở đắc, nhi vị năng dụng, do như yểm nhân, thủ túc uyển nhiên, kiến văn bất hoặc, tâm xúc khách tà, nhi bất năng động, thử tặc danh vi, Thọ-ấm khu vũ.</p> <p>_ Nhược yểm cữu hiết, kỳ tâm ly thân, phản quan kỳ diện, khứ trụ tự-do, vô phục lưu ngại, danh Thọ-ấm tận; thì nhân tặc năng, siêu-việt kiến trước, quán kỳ sở do, kiên cố vọng-tưởng dĩ vi kỳ bốn.</p>	<p>A.</p> <p>Đức Phật dạy:</p> <p>_ A-Nan! Chư Thiện-nam-tử tu pháp chánh-định, ấm Sắc đã dứt sạch, thấy Phật-Tâm như bóng sáng hiển hiện trong gương.</p> <p>_ Có sở-dắc mà chưa sử-dụng, ví như người bị chướng-ma bức bách, tay chân uyển-nhiên, mắt thấy tai nghe không lầm, nhưng tâm bị cảm-xúc bởi khách ma, nên thân bị tê liệt, đó là xứ-sở của ấm Thọ.</p> <p>_ Nếu tiêu hết sự bức bách của ấm Thọ, tâm lìa thân, trở lại thấy mặt, đi đứng tự-do, không có chi ngăn ngại, đó là ấm Thọ dứt sạch; thì thoát-ly kiến-trước, quán-sát hiểu rõ vọng-tưởng kiên-cố là cội gốc sanh-tử.</p>

阿難彼善男子。當在此中得大光耀。其心發明內抑過分。忽於其處發無窮悲。如是乃至觀見蚊虻猶如赤子。心生憐愍不覺流淚。此名功用抑摧過越。悟則無咎非為聖證。覺了不迷久自銷歇。若作聖解則有悲魔入其心府。見人則悲啼泣無限。失於正受當從淪墜。

14. / 1	B.
<p>_ A-Nan! Chư Thiện-nam-tử, đương tại thủ trung, đắc đại quang diệu, kỳ tâm phát-minh, nội ức quá phận, hốt ư kỳ xứ, phát vô-cùng bi, như-thị nai chí, quan kiến văn trùng, do như xích-tử, tâm sanh lân mãn, bất giác lưu lệ.</p> <p>_ Thủ danh công-dụng, ức tồi quá việt, ngộ tặc vô cữu, phi vi Thánh-chứng,</p>	<p>14. / 1 (THỌ-ẤM MA 1)</p> <p>_ A-Nan! Chư Thiện-nam-tử ở trong vị-trí ấy được sáng suốt mâu-nhiệm vô-cùng, thoát nhiên tâm phát-minh sự chế-ngự quá-phận, sanh tâm đại-bi vô-tận, đến nỗi trông thấy loài vật trùng đẽ cũng xúc-động, tâm đại-bi thương xót như con đẻ và có khi thương xót đến rơi lụy đối trước cảnh khổ của chúng-sanh.</p> <p>_ Đó là chế-ngự quá-phận, nhưng tỏ ngộ được mới khỏi tội lỗi và hiểu biết không</p>

<p>giác liễu bất mê, cửu tự tiêu hiết.</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Nhược tác Thánh-giải, tắc hữu bi ma, nhập kỳ tâm phủ, kiến nhân tắc bi, đê khấp vô hạn. _ Thất ư chánh thọ, đương tùng luân truy. 	<p>si mê thì lâu ngày tội lỗi tiêu-diệt, hạng người ấy không phải chứng Thánh.</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Nếu tưởng là Thánh-giải tất bị ma nhập tâm-phủ, hễ thấy người thì thương khóc vô-hạn. _ Như vậy làm mất chánh-thọ, nên kể từ khi ấy phải sa-đọa.
---	--

阿難又彼定中諸善男子。見色陰銷受陰明白。勝相現前感激過分。忽於其中生無限勇。其心猛利志齊諸佛。謂三僧祇一念能越。此名功用凌率過越。悟則無咎非為聖證。覺了不迷久自銷歇。若作聖解則有狂魔入其心腑。見人則誇我慢無比。其心乃至上不見佛。下不見人。失於正受當從淪墜。

14. / 2

- _ A-Nan! Hựu bỉ định trung, chư Thiện-nam-tử, kiến Sắc-Ấm tiêu, Thọ-Ấm minh-bạch, thắng-tướng hiện-tiền, cảm-kích quá-phận.
- _ Hốt ư kỳ trung, sanh vô hạn dũng, kỳ tâm mãnh lợi, chí tề chư Phật, vị tam tảng-kỳ, nhứt niệm nǎng việt.
- _ Thủ danh công-dụng, lăng xuất quá việt, ngộ tắc vô cữu, phi vi Thánh-chứng, giác liễu bất mê, cửu tự tiêu hiết.
- _ Nhược tác Thánh-giải, tắc hữu cuồng ma, nhập kỳ tâm phủ, kiến nhân tắc khoa, ngã mạn vô tỷ; kỳ tâm nãi chí, thương bất kiến Phật, hạ bất kiến nhân.
- _ Thất ư chánh-thọ, đương tùng luân-truy.

14. / 2 (THO-ẤM MA 2)

- _ A-Nan! Lại trong định-tâm ấy, chư Thiện-nam-tử thấy ấm Sắc đã diệt, ấm Thọ rõ ràng, thắng-tướng hiện-tiền, cảm-kích quá-phận;
- thoát nhiên phát khởi sức mạnh vô-hạn, tâm dũng-mãnh như Phật, một niệm siêu-thoát vượt khỏi ba A-Tăng-Kỳ kiếp.
- _ Đó là công-dụng lừng lẫy quá-phận, như tỏ ngộ được mới khỏi tội lỗi, hiểu biết không si mê thì lâu ngày tội lỗi tiêu-diệt, hạng người ấy không phải chứng Thánh.
- _ Nếu tưởng là Thánh-giải tất bị cuồng-ma nhập tâm-phủ, hễ thấy người thì háo-thắng, khoe khoang, cống cao ngã-mạn không ai sánh bằng; cho tới tâm địa tự-đắc trên chẳng thấy Phật, dưới chẳng thấy người.
- _ Như vậy làm mất chánh-thọ, nên kể từ khi ấy phải sa-đọa.

又彼定中諸善男子。見色陰銷受陰明白。前無新證歸失故居。智力衰微入中墮地迥無所見。心中忽然生大枯渴。於一切時沈憶不散。將此以為勤精進相。此名修心無慧自失。悟則無咎非為聖證。若作聖解則有憶魔入其心腑。旦夕撮心懸在一處。失於正受當從淪墜。

14. / 3

- _ Hữu bỉ định trung, chư Thiện-nam-tử, kiến Sắc-ấm tiêu, Thọ-ấm minh-bạch, tiền vô tân chứng, quy thất cố cư, trí lực suy vi, nhập trung huy địa, huýnh vô sở kiến.
- _ Tâm trung hốt nhiên, sanh đại khô-khát, ư nhứt-thiết thời, trầm ức bất tán, tương thử dĩ vi, cần tinh-tấn-tưởng.
- _ Thủ danh tu tâm, vô tuệ tự thất, ngộ-tắc vô cữu.
- _ Phi vi Thánh-chứng, nhược tác Thánh-giải, tắc hữu ức ma, nhập kỳ tâm phủ, đán tịch toát tâm, huyền tại nhứt xứ.
- _ Thất ư chánh-thọ, đương tùng luân-trụy.

14. / 3 (THỌ-ẤM MA 3)

- _ A-Nan! Lại trong định-tâm ấy, chư Thiện-nam-tử thấy ấm Sắc đã diệt, ấm Thọ rõ ràng, trước không có chi gọi được là chứng mà lui lại thì mất địa-vị, sức trí suy kém, vào chỗ hư-hoại, không có sở-kiến;
- thoạt nhiên tâm sanh ra thất-vọng, gom góp tất cả trầm-tư mặc-tưởng sâu xa sẵn có lập hạnh tinh-tấn.
- _ Đó là tu tâm chớ không phải tu tuệ, dĩ-nhiên phải có tội lỗi, như tỏ ngộ được mới khỏi tội lỗi.
- _ Hạng người ấy không phải chứng Thánh, nếu tưởng là Thánh-giải, tất bị ức-ma nhập tâm-phủ, sớm tối giữ lấy tâm trụ một chỗ.
- _ Như vậy làm mất chánh-thọ, nên kể từ khi ấy phải sa-đọa.

又彼定中諸善男子。見色陰銷受陰明白。慧力過定失於猛利

。以諸勝性懷於心中。自心已疑是盧舍那。得少為足。此名用心亡失恒審溺於知見。悟則無咎非為聖證。若作聖解則有下劣。易知足魔入其心腑。見人自言我得無上第一義諦。失於正受當從淪墜。

14. / 4

- _ Hữu bỉ định trung, chư Thiện-nam-tử, kiến Sắc-ấm tiêu, Thọ-ấm minh-bạch, tuệ-lực quá định, thất ư mãnh lợi, dĩ chư thắng-tánh, hoài ư tâm trung, tự tâm dĩ nghi, thị Lư-Xá-Na, đắc thiểu vi túc.
- _ Thủ danh dụng tâm vong thất hẳng thẳm, nịch ư tri-kiến, ngộ-tắc vô cữu.
- _ Phi vi Thánh-chứng, nhược tác Thánh-giải, tắc hữu hạ-liệt, dị tri túc ma, nhập kỳ tâm-phủ, kiến nhân tự ngôn: “Ngã đắc vô-thượng, đệ-nhứt nghĩa-đế”.
- _ Thất ư chánh-thọ, đương tùng luân-trụy.

14. / 4 (THỌ-ẤM MA 4)

- _ A-Nan! Lại trong định-tâm ấy, chư Thiện-nam-tử thấy ấm Sắc đã diệt, ấm Thọ rõ ràng, sức Tuệ hơn Định, mất sự dũng-mãnh, dùng thắng-tánh âm thầm ở tâm, nghi mình là Phật Lư-Xá-Na, vừa được chút công-hạnh đã cho là đủ.
- _ Đó là dụng tâm thiểu sự suy xét và theo tri-kiến của mình, như tỏ ngộ được mới khỏi tội lỗi.
- _ Hạng người ấy không phải chứng Thánh, nếu tưởng là Thánh-giải tất bị hạ-liệt dị-tri-túc ma nhập tâm-phủ, gấp ai cũng tuyên-bố: “Ta là người đắc pháp Đệ-Nhứt Nghĩa-Đế Vô-Thượng”.
- _ Như vậy làm mất chánh-thọ, nên kể từ khi ấy phải sa-đọa.

又彼定中諸善男子。見色陰銷受陰明白。新證未獲故心已亡。歷覽二際自生艱險。於心忽然生無盡憂。如坐鐵床如飲毒藥。心不欲活常求於人。令害其命早取解脫。此名修行失於方便。悟則無咎非為聖證。若作聖解則有一分常憂愁魔入其心腑。手執刀劍自割其肉。欣其捨壽或常憂愁。走入山林不耐見人。失於正受當從淪墜。

14. / 5

_ Hựu bỉ định trung, chư Thiện-nam-tử, kiến Sắc-Ấm tiêu, Thọ-Ấm minh-bạch, tân chứng vị hoạch, cố tâm dĩ vong, lịch lâm nhị tế, tự sanh gian-hiểm, ư tâm hốt-nhiên, sanh vô tận ưu, như tọa thiết-sàng, như ấm độc-dược, tâm bất dục hoạt, thường cầu ư nhân, linh hại kỳ mệnh, tảo thủ giải-thoát.

_ Thủ danh tu-hành, thất ư phuong-tiên, ngộ tắc vô cữu.

_ Phi vi Thánh-chứng, nhược tác Thánh-giải, tắc hữu nhứt phần, thường ưu sầu ma, nhập kỵ tâm phủ, thủ chấp dao kiếm, tự cát kỵ nhục, hân kỵ xá thọ; hoặc thường ưu-sầu, tẩu nhập sơn-lâm, bất nại kiến nhân.

_ Thất ư chánh-thọ, đương tùng luân-trụy.

14. / 5 (THQ-ẤM MA 5)

_ Lại trong định-tâm ấy chư Thiện-nam-tử thấy ấm Sắc đã diệt, ấm Thọ rõ ràng, chưa có gì là mới chứng mà tâm cũ tiêu-vong, thấy cả hai ấm Sắc và Thọ, thoát nhiên sanh ra tánh nham-hiểm và các sự ưu-phiền vô-tận, như ngồi giường sắt, như uống thuốc độc, lòng không muốn sống, bảo người sát giúp thân mạng mình cho sớm giải-thoát.

_ Đó là tu-hành mà thiếu hǎn phuong-tiên, như tỏ ngộ được mới khỏi tội lỗi.

_ Hạng người ấy không phải chứng Thánh, nếu tưởng là Thánh-giải tất bị ưu-sầu ma nhập tâm-phủ, khiến tự dùng dao cắt thịt, muốn hủy thân mạng; hoặc buồn rầu chạy vào rừng thẳm non cao, không chịu thấy mặt người đời.

_ Như vậy làm mất chánh-thọ, nên kể từ khi ấy phải sa-đọa.

又彼定中諸善男子。見色陰銷受陰明白。處清淨中心安隱後。忽然自有無限喜生。心中歡悅不能自止。此名輕安無慧自禁。悟則無咎非為聖證。若作聖解則有一分好喜樂魔入其心腑。見人則笑於衢路傍自歌自舞。自謂已得無礙解脫。失於正受當從淪墜。

14. / 6

_ Hựu bỉ định trung, chư Thiện-nam-tử, kiến Sắc-Ấm tiêu, Thọ-Ấm minh-bạch, xứ thanh-tịnh trung, tâm an- ổn hậu; hốt-nhiên tự hữu, vô hạn hỷ sanh, tâm trung hoan duyệt, bất năng tự chỉ.

_ Thủ danh khinh-an, vô tuệ tự cấm, ngộ tắc vô cữu.

_ Phi vi Thánh-chứng, nhược tác Thánh-giải, tắc hữu nhứt phần, hiếu hỷ lạc ma,

14. / 6 (THQ-ẤM MA 6)

_ Lại trong định-tâm ấy, chư Thiện-nam-tử thấy ấm Sắc đã diệt, ấm Thọ rõ ràng, ở chỗ thanh-tịnh, tâm-địa an- ổn; thoát nhiên sáng tỏ, tánh vui mừng vô-tận, không thể kiềm chế.

_ Thị thân được nhẹ nhàng nhưng không có trí-tuệ hướng-dẫn, như tỏ ngộ được mới khỏi tội lỗi.

_ Hạng người ấy không phải chứng Thánh, nếu tưởng là Thánh-giải tất bị

<p>nhập kỳ tâm phủ; kiến nhân tặc tiếu, ư cù lộ bàng, tự ca tự vũ, tự vị dĩ đắc, vô ngại giải-thoát.</p> <p>_ Thất ư chánh-thọ, đương tùng luân-trụy.</p>	<p>hỷ-lạc ma nhập tâm-phủ; hễ thấy người bất cứ ở đâu cũng cười nói sô sàng, múa hát om sòm, còn tự xưng đã đắc pháp giải-thoát vô-ngại.</p> <p>_ Như vậy làm mất chánh-thọ, nên kể từ khi ấy phải sa-đọa.</p>
---	--

又彼定中諸善男子。見色陰銷受陰明白。自謂已足。忽有無端大我慢起。如是乃至慢與過慢。及慢過慢或增上慢。或卑劣慢一時俱發。心中尚輕十方如來。何況下位聲聞緣覺。此名見勝無慧自救。悟則無咎非為聖證。若作聖解則有一分大我慢魔入其心腑。不禮塔廟摧毀經像。謂檀越言。此是金銅或是土木。經是樹葉或是疊花。肉身真常不自恭敬。却崇土木實為顛倒。其深信者從其毀碎埋棄地中。疑誤眾生入無間獄。失於正受當從淪墜。

14. / 7

_ Hữu bỉ định trung, chư Thiện-nam-tử, kiến Sắc-Ấm tiêu, Thọ-Ấm minh-bạch, tự vi dĩ túc.

_ Hốt hữu vô đoan, đại ngã-mạn khởi, như-thị nãi chí, mạn dữ ngã-mạn, tà-mạn, quá-mạn, cập mạn-quá-mạn, hoặc tăng-thượng-mạn, hoặc ty-liệt-mạn, nhứt thời cu phát.

_ Tâm trung thường khinh, thập phương Như-Lai, hà huống hạ vị, Thinh-văn Duyên-giác.

_ Thủ danh kiến thắng, vô tuệ tự cứu, ngộ tặc vô cữu.

_ Phi vi Thánh-chứng, nhược tác Thánh-giải, tặc hữu nhứt phần, đại ngã mạn ma, nhập kỳ tâm phủ; bất lẽ tháp miếu, tội hủy kinh tượng.

_ Vị đà-n-việt ngôn, thủ thị kim đồng, hoặc thị thổ mộc, kinh thị thọ diệp, hoặc thị diệp hoa, nhục-thân chơn-thường, bất tự cung-kính, khước sùng thổ mộc, thiêt vi đà-n-dảo.

14. / 7 (THQ-ẤM MA 7)

_ Lại trong định-tâm ấy, chư Thiện-nam-tử thấy ấm Sắc đã diệt, ấm Thọ rõ ràng, tự cho là đủ;

- thoạt nhiên phát-sanh tánh mạn vĩ-đại và ngã-mạn, tà-mạn, quá-mạn cho tới mạn-quá-mạn, tăng-thượng-mạn, ty-liệt-mạn (3);

- tâm còn dám khinh bỉ mười phương chư Phật, huống chi là Duyên-Giác Thinh-Văn.

_ Đó là tánh thấy biết vô-cùng đen tối, không có trí-tuệ kiềm chế tự cứu, như tỏ ngộ được mới khỏi tội lỗi.

_ Hạng người ấy không phải chứng Thánh, nếu tưởng là Thánh-giải thì bị đại-ngã-mạn ma nhập tâm-phủ; không còn biết lẽ Tam-Bảo, lẽ chùa lẽ tháp, hủy-hoại cốt tượng, khinh-thường kinh sách;

- lại còn điên-dảo, ưa nói dối gạt đà-n-việt, xúi giục thiện-nam tín-nữ sùng-bái thổ-mộc hoặc nhục-thân là thiêt-thể thường-trụ, chớ không cần cần cung-kính các thứ cốt bằng đồng vàng đất cây, hoặc tượng, hoặc kinh bằng giấy lụa, lá cây.

<ul style="list-style-type: none"> _ Kỳ thâm thính giả, tùng kỳ hủy toái, mai khí địa trung, nghi ngộ chúng-sanh, nhập Vô-gián ngục. _ Thất ư chánh-thọ, đương tùng luân-trụy. 	<ul style="list-style-type: none"> _ Lời nói độc-ác ấy khiến cho những người nhẹ tánh lầm lạc, tin nhảm nghe càn, phá-hoại cốt tượng hoặc kinh sách bằng cách đem chôn vùi dưới đất mà bị trôi xuống Vô-gián địa-ngục. _ Như vậy làm mất chánh-thọ, nên kể từ khi ấy phải sa-đọa.
--	---

又彼定中諸善男子。見色陰銷受陰明白。於精明中圓悟精理得大隨順。其心忽生無量輕安。已言成聖得自在。此名因慧獲諸輕清。悟則無咎非為聖證。若作聖解則有一分好清輕魔入其心腑。自謂滿足更不求進。此等多作無聞比丘。疑謗後生墮阿鼻獄。失於正受當從淪墜。

14. / 8

_ Hựu bỉ định trung, chư Thiện-nam-tử, kiến Sắc-Ấm tiêu, Thọ-Ấm minh-bạch, ư tinh-minh trung, viên ngộ tinh lý đắc đại tùy thuận; kỳ tâm hốt sanh, vô-lượng khinh an, dĩ ngôn thành Thánh đắc đại-tự-tại.

_ Thủ danh nhân tuệ, hoạch chư khinh-thanh, ngộ tắc vô cữu.

_ Phi vi Thánh-chứng, như ước tác Thánh-giải, tắc hữu nhứt phần, háo khinh thanh ma, nhập kỳ tâm phủ, tự vị mãn túc, cánh bất cầu tiến; thủ đẳng đa tác, vô văn Tỳ-khưu, nghi ngộ chúng-sanh đọa A-Tỳ ngục.

_ Thất ư chánh-thọ, đương tùng luân-trụy.

14. / 8 (THQ-ẤM MA 8)

_ Lại trong định-tâm ấy, chư Thiện-nam-tử thấy ấm Sắc đã diệt, ấm Thọ rõ ràng, bên trong sáng tỏ hiểu thấu tinh-lý, tùy thuận rộng lớn; thoát nhiên tâm nhẹ nhàng vô-cùng, tự xưng chứng Thánh, đắc đại-tự-tại.

_ Đó là nhân tuệ mà khinh-an thanh-tịnh, như tỏ ngộ được mới khỏi tội lỗi.

_ Hạng người ấy không phải chứng Thánh, nếu tưởng là Thánh-giải tất bị háo-khinh-thanh ma nhập tâm-phủ, tưởng lầm là đủ, không cần cứu xét tinh-tấn; hạng này đa-số là Tỳ-khưu vô-văn hướng-dẫn chúng-sanh lầm lạc đèn tối mà bị trôi xuống A-Tỳ địa-ngục.

_ Như vậy làm mất chánh-thọ, nên kể từ khi ấy phải sa-đọa.

又彼定中諸善男子。見色陰銷受陰明白。於明悟中得虛明性。其中忽然歸向永滅。撥無因果一向入空。空心現前。乃至心生長斷滅解。悟則無咎非為聖證。若作聖解則有空魔入其心腑。乃謗持戒名為小乘。菩薩悟空有何持犯。其人常於信心檀越。飲酒噉肉廣行婬穢。因魔力故攝其前人不生疑謗。鬼心久入或食屎尿。與酒肉等一種俱空。破佛律儀誤入人罪。失於正受當從淪墜。

14. / 9

_ Hựu bỉ định trung, chư Thiện-nam-tử, kiến Sắc-Ấm tiêu, Thọ-Ấm minh-bạch, ư

14. / 9 (THQ-ẤM MA 9)

_ Lại trong định-tâm ấy, chư Thiện-nam-tử thấy ấm Sắc đã diệt, ấm Thọ rõ

<p>minh ngộ trung, đắc minh không-tánh.</p> <p>_ Kỳ trung hốt-nhiên quy hướng vĩnh diệt, bất vô nhân-quả, nhứt hướng nhập không, Không-Tâm hiện tiền, nãi chí tâm sanh, trường đoạn diệt giải, ngộ tặc vô cữu.</p> <p>_ Phi vi Thánh-chứng, nhược tác Thánh-giải, tặc hữu không-ma, nhập kỳ tâm phủ.</p> <p>_ Nãi báng trì giới, danh vi tiểu thừa, Bồ-Tát ngộ không, hữu hà trì phạm.</p> <p>(_ Chê bai người giữ giới là tiểu-thừa, chớ Bồ-Tát đã ngộ được tánh Không, thì có gì là trì với phạm.)</p> <p>_ Kỳ nhân thường ư, tín-tâm đàn-việt, ẩm tửu hám phục, quảng hành dâm uế, nhân ma lực cố, nghiệp kỳ tiền nhân, bất sanh nghi báng.</p> <p>_ Quỷ tâm cửu nhập hoặc thực thi niệu, dữ tửu nhục đêng, nhứt chủng cu không, phá Phật luật-nghi, ngộ nhập nhân tội.</p> <p>(_ Tâm ma thâm-nhập lâu ngày, hoặc ăn đại-tiện tiểu-tiện, cũng như ăn thịt uống rượu, vì tất cả đều không, phá-hoại luật-nghi...)</p> <p>_ Thất ư chánh-thọ, đương tùng luân-trụy.</p>	<p>ràng, bên trong tò ngộ, được Không-tánh quang-minh;</p> <p>- thoát nhiên sanh lòng đoạn diệt, bác bỏ thuyết nhân-quả, theo một chí-hướng nhập “Không”, Không-Tâm hiện-tiền, bác bỏ lý vĩnh-viễn đoạn diệt, như tò ngộ được mới khỏi tội lỗi.</p> <p>_ Hạng người ấy không phải chứng Thánh, nếu tưởng là Thánh-giải tất bị không-ma nhập tâm-phủ,</p> <p>- chê bai công-đức giữ giới, cho là Tiểu-thừa, ưa nói đối gạt rằng: “Bậc Bồ-Tát ngộ lý chớ không cần giữ giới”.</p> <p>_ Hạng người ấy đối trước thiện-tín đàn-việt, tự ý ăn thịt uống rượu, tham-dục ô-nhiễm, vì có sức ma che chở nên thiện-tín đàn-việt không hiểu biết nghi ngờ hoặc bị ám-ảnh nghe theo.</p> <p>_ Hạng người ấy bị ma nhập tâm lâu đời nên không còn biết phân-biệt sạch dơ, mê-chấp ngoan-không, phá-hoại luật-nghi của Phật, hướng-dẫn những kẻ nhẹ tánh vào đường tội lỗi.</p> <p>_ Như vậy làm mất chánh-thọ, nên kể từ khi ấy phải sa-đọa.</p>
--	--

又彼定中諸善男子。見色陰銷受陰明白。味其虛明深入人心骨。其心忽有無限愛生。愛極發狂便為貪欲。此名定境安順入心。無慧自持誤入諸欲。悟則無咎非為聖證。若作聖解則有欲魔入其心腑。一向說欲為菩提道。化諸白衣平等行欲。其行姪者名持法子。神鬼力故於末世中。攝其凡愚其數至百。如是乃至一百二百。或五六百多滿千萬。魔心生厭離其身體。威德既無陷於王難。疑誤眾生入無間獄。失於正受當從淪墜。

14. / 10

_ Hữu bỉ định trung, chư Thiện-nam-tử, kiến Sắc-Ấm tiêu, Thọ-Ấm minh bạch, vị kỳ hư-minh, thâm nhập tâm cốt; kỳ tâm hốt hữu, vô hạn ái sanh, ái cực phát

14. / 10 (THO-ẤM MA 10)

_ Lại trong định-tâm ấy, chư Thiện-nam-tử thấy ấm Sắc đã diệt, ấm Thọ rõ ràng, cố-chấp hư-minh, thâm-nhập tâm-cốt; thoát-nhiên sanh lòng yêu mến vô-

<p>cuồng, tiễn vi tham-dục.</p> <p>_ Thủ danh định cảnh, an thuận nhập tâm, vô tuệ tự trì, ngộ nhập chư dục, ngộ tặc vô cữu. (_ Áy gọi là cảnh định an thuận vào tâm, không có trí-tuệ hướng-dẫn...)</p> <p>_ Phi vi Thánh-chứng, nhược tác Thánh-giải, tặc hữu dục ma, nhập kỳ tâm phủ.</p> <p>_ Nhứt hướng thuyết dục vi Bồ-ĐỀ đạo, hóa chư bạch-y, bình đẳng hành dục, kỳ hành dâm giả, danh trì-pháp-tử. (_ Một mặt bảo sự dâm-dục là đạo Bồ-ĐỀ, dạy các bạch-y bình-dẳng làm việc dâm-dục, những người hành dâm gọi là trì-pháp-tử.)</p> <p>_ Thiên-quỷ lực cố, ư mạt-thế trung, nghiệp kỳ phàm-ngu, kỳ số chí bá; như-thị nai chí, nhứt bá nhị bá, hoặc ngũ lục bá, đa mãn thiên vạn.</p> <p>_ Dục ma sanh yếm, ly kỳ thân thể, uy đức tức vô, hãm ư vương-nạn, nghi-ngộ chúng-sanh, nhập Vô-gián ngục. (_ Khi ma sanh chán, rời bỏ thân-thể, đã không còn uy-đức, thì sa vào lưới pháp-luật; do gây nghi ngờ lầm lạc cho chúng-sanh, phải đọa vào ngục Vô-gián.)</p> <p>_ Thất ư chánh-thọ, đương tùng luân-trụy.</p>	<p>tận, yêu mến quá phát điên, khởi tâm tham-dục.</p> <p>_ Khiến định-cảnh an-thuận, không có trí-tuệ hướng-dẫn, dĩ-nhiên phải tiêu mất theo các thứ dục-lậu, như tò ngô được mới khởi tội lỗi.</p> <p>_ Hạng người áy không phải chứng Thánh, nếu tưởng là Thánh-giải tất bị dục-ma nhập tâm-phủ, - ưa nói dối: “Tham-dục là Đạo Bồ-ĐỀ”, để khuyến khích người thế-gian tự do tham-dục ô-nhiễm, lại còn gạt gẫm người hành-động uế-trược cho là giữ đạo-pháp;</p> <p>- sức mạnh của ma-quỷ hiếp-độc ở trong thời mạt-kiếp, ám-muội và làm hư-hại biết bao kẻ trần-tục si mê, từ số 100, 200, 500, 600 dĩ-chí hằng ngàn hằng vạn chúng-sanh lầm lạc; - đến khi dục-ma nhảm chán, xuất khỏi thân hoạn thì tổn đức, tổn tâm, hủy-phạm định-luật nhân-quả thiên-nhiên, bị trôi xuống Vô-gián địa-ngục.</p> <p>Thân hoạn: thân vốn là một mối hại, vì phải luôn lo lắng, bệnh tật và tai vạ. <i>Hoạn</i> (患): bệnh tật, lo lắng, tai vạ, mối hại.</p> <p>_ Như vậy làm mất chánh-thọ, nên kể từ khi ấy phải sa-đọa.</p>
--	--

阿難如是十種禪那現境。皆是受陰用心交互故現斯事。眾生頑迷不自忖量。逢此因緣迷不自識。謂言登聖。大妄語成墮無間獄。汝等亦當將如來語。於我滅後傳示末法。遍令眾生開悟斯義。無令天魔得其方便。保持覆護成無上道。

<p>15. A-Nan! Như-thị thập chủng, thiền-na hiện cảnh, giai thị Thọ-Ấm, dụng tâm giao-hỗ, cố hiện tư sự.</p>	<p>C.</p> <p>15. A-Nan! Ông phải biết: Mười thứ thiền-định biến hiện cảnh-vật như thế đều do công-dụng của Thọ-Ấm mà chuyển-động phát-sanh.</p>
--	---

<p>_ Chúng-sanh ngoan mê, bất tự thõn lượng, phùng thử nhân duyên, mê bất tự thức, vị ngôn đăng thánh, đại vọng-ngữ thành, đọa Vô-gián ngục.</p>	<p>_ Vì hành-giả ngoan-cố tối tăm, không suy xét sáng suốt, nên gắp tà-duyên mê-muội mà chẳng tự biết, dám giả xưng là chứng Thánh, thành-thử phạm tội đại-vọng-ngữ, ưng đọa Vô-gián địa-ngục.</p>
<p>_ Nhữ đăng diệc đương, tương Như-Lai ngữ, ư ngã diệt hậu, truyền thị mạt-pháp, biến linh chúng-sanh, khai ngộ tư nghĩa, vô linh Thiên-ma, đắc kỳ phuong tiện, bảo-trì phú-hộ, thành Vô-Thượng-Đạo.</p>	<p>_ Thế nêng ông và tất cả Đại-chúng phải nhứt-tâm y-giáo phụng-hành như vầy:</p> <p>_ Sau khi Như-Lai nhập-diệt, ở trong đời mạt-pháp, dĩ tận-lực truyền-bá nghĩa-lý nhiệm-mầu giải-thoát, không nên sơ-suất, để cho những chướng-ma có đủ phuong-tien phá-hoại, đồng-thời hoàn-toàn hy-sinh, bảo-hộ các vị thanh-tịnh thuần-túy chơn-tu hành Đạo Bồ-Đề Vô-Thượng.</p>

16.	16. TƯỞNG-ẤM MA.
<p>阿難彼善男子。修三摩提受陰盡者。雖未漏盡心離其形。如鳥出籠已能成就。從是凡身上歷菩薩六十聖位。得意生身隨往無礙。譬如有人熟寐寢言。是人雖則無別所知。其言已成音韻倫次。令不寐者咸悟其語。此則名為想陰區宇。若動念盡浮想銷除。於覺明心如去塵垢。一倫死生首尾圓照名想陰盡。是人則能超煩惱濁。觀其所由融通妄想以為其本。</p>	<p>A. Đức Phật dạy: <p>_ A-Nan! Bỉ Thiện-nam-tử, tu Tam-ma-đề, Thọ-ấm tận giả, tuy vị lậu-tận, tâm ly kỳ hình, như điểu xuất lung, dĩ năng thành-tựu, tùng thị phàm thân, thương lịch Bồ-Tát, lục thập thánh vị, đắc ý sanh thân, tùy vãng vô-ngại.</p> <p>_ Thí như hữu nhân, thực my nghệ ngôn, thị nhân tuy tắc, vô biệt sở tri, kỳ ngôn dĩ thành, âm vận luân thứ, linh bất my giả, hàm ngộ kỳ ngữ, thử tắc danh vi, Tưởng-ấm khu-vũ.</p> <p>_ Nhược động niêm tận, phù tưởng tiêu trừ, ư giác minh tâm, như khứ trần-cấu, nhứt luân sanh-tử, thử vĩ viên chiếu,</p> <p>_ A-Nan! Thiện-nam-tử tu pháp chánh-định đã diệt ấm Thọ, tuy chưa đắc pháp lậu-tận, nhưng tâm thoát-ly hình sắc, như chim sổ lồng, thành-tựu từ địa-vị phàm-phu lên bậc Bồ-Tát, trải qua 60 Thánh vị, được thân ý-sanh, vãng-lai vô-ngại.</p> <p>_ Ví như người ngủ mê, mơ nói ra lời, tuy người ấy không biết, nhưng lời nói đã thành, tiếng vang có thứ lớp rõ ràng, khiến những người thức nghe rõ, đó là cảnh-giới của ấm Tưởng.</p> <p>_ Như động niêm dứt, tư-tưởng thô-phù tiêu tan, Tâm Bổn-Giác diệu-minh trừ sạch bụi dơ, soi thấu đường luân-hồi</p> </p>

<p>danh Tưởng-Ấm tận; thị nhân tặc nǎng, siêu phiền-nǎo trược, quan kỳ sở do, dung thông vọng-tưởng, dĩ vi kỳ bốn.</p>	<p>sanh-tử, đó là diệt ấm Tưởng; thì thoát-ly phiền-nǎo trược, quán-sát thấy biết vọng-tưởng dung thông là cội gốc sanh-tử.</p>
--	---

阿難彼善男子。受陰虛妙不遭邪慮。圓定發明三摩地中。心愛圓明銳其精思貪求善巧。爾時天魔候得其便。飛精附人口說經法。其人不覺是其魔著。自言謂得無上涅槃。來彼求巧善男子處敷座說法。其形斯須或作比丘。令彼人見或為帝釋。或為婦女或比丘尼。或寢暗室身有光明。是人愚迷惑為菩薩。信其教化搖蕩其心。破佛律儀潛行貪欲。口中好言災祥變異。或言如來某處出世。或言劫火或說刀兵。恐怖於人令其家資無故耗散。此名怪鬼年老成魔惱亂是人。厭足心生去彼人體。弟子與師俱陷王難。汝當先覺不入輪迴。迷惑不知墮無間獄。

17. / 1

_ A-Nan! Bỉ Thiện-nam-tử, Thọ-Ấm hưng-diệu, bất tao tà lự, viên-định phát-minh, Tam-ma-đê trung, tâm ái viên-minh, nhuệ kỳ tinh tư, tham cầu thiện-xảo.

_ Nhĩ thời Thiên-ma, hâu đắc kỳ tiệm, phi tinh phụ nhân, khẩu thuyết kinh-pháp, kỳ nhân bất giác, thị kỳ ma trước.

_ Tự ngôn vị đắc, Vô-Thượng Niết-Bàn, lai bỉ cầu xảo, Thiện-nam-tử xứ, phu tọa thuyết pháp.

_ Kỳ hình tu tu hoặc tác Tỳ-khưu, linh bỉ nhân kiến, hoặc vi Đế-thích, hoặc vi phụ-nữ, hoặc Tỳ-khưu-ni, hoặc tẩm ám thất, thân hữu quang minh.

_ Thị nhân ngu mê, hoặc vi Bồ-Tát, tín kỳ giáo-hóa, diêu đăng kỳ tâm, phá Phật luật-nghi, tiêm-hành tham-dục.

_ Khẩu trung hảo ngôn, tai tường biến dị; hoặc ngôn Như-Lai, mõ xứ xuất-thế; hoặc ngôn kiếp hỏa, hoặc thuyết đao binh, khủng bố ư nhān, lệnh kỳ gia tư, vô cõi hao tán.

B.

17. / 1 (TUỞNG-ẤM MA 1)

_ A-Nan! Thiện-nam-tử, vì ấm Thọ không gặp tà-niệm, nên phát-minh được viên-định trong pháp Tam-ma-đê, khởi tâm ưa muôn tròn sáng, phấn-khởi tinh-thần cứu xét tham cầu thiện-xảo.

_ Lúc bấy giờ Ma-vương biết rõ, nhân dịp tiệm-lợi, nhập xác người, miệng nói kinh pháp, mà người ấy không tự biết là bị ma nhập.

_ Người ấy nói đã chứng Niết-Bàn Vô-Thượng, đến chô tu của Thiện-nam-tử, ngồi trên tọa-cụ giảng nói.

_ Thoạt nhiên hiện hình Tỳ-khưu, khiến các thính-giả thấy để để bèle cám dỗ, hay là hiện hình Trời Đế-Thích, phụ-nữ, Tỳ-khưu-ni, hoặc ở nhà mờ tối, hiện thân có ánh sáng chiếu ra.

_ Khiến các thính-giả tưởng lầm là Bồ-Tát, tin chắc và ghi nhận lời nói vào lòng, phá-hoại luật-nghi của Phật, tùy thuận hành-motion tham-dục ô-nhiễm.

_ Người bị Ma-vương nhập nói toàn những lời đe dọa mặt cám dỗ, nói đủ thứ giả dối, nào đoán quá-khứ, tiên-tri vị-lai, nào vạch rõ các điềm tai-họa kỳ-dị, lửa kiếp đao binh sát hại, khiến cho các

<p>(_ Miệng ma ưa nói những sự may rủi biến đổi, hoặc nói Như-Lai ra đời ở chỗ Mồ, hoặc nói có kiếp-hỎA, hoặc nói có đao binh, khủng-bỐ người ta, khiến cho gia-tử không cờ gì phải hao mất.)</p> <p>_ Thủ danh quái-quỷ, niên lão thành ma, náo-loạn thị nhân.</p> <p>_ Yếm túc tâm sanh, khứ bỉ nhân thể, đệ-tử dữ sư, cu hâm vương-nạn.</p> <p>(_ Khi ma khuấy chán rồi, bỏ thân người, không gá nữa, thì đệ-tử cùng thầy đều sa vào lưới pháp-luật.)</p>	<p>thính-giả kinh sơ, lại nói dối có Phật giáng thế để dỗ quyến rū. Ma-vương ấy vô-cùng tinh-quái hiểm-độc thường làm tan nát gia-thế của thiên-hạ.</p> <p>_ Nên biết: Có hạng Quái-quỷ, tuổi già không tu hóa ma, gia-nhập chủng-tộc Ma-vương.</p> <p>_ Ma-vương phá hư người trong một thời-gian, đến khi nhàn chán bỏ xác thì cả nhóm ma-giáo, thầy ma và trò ma không tránh được định-luật nhân-quả chí-công.</p>
<p>_ Nhữ đương tiên giác, bất nhập luân-hồi.</p> <p>(_ Ông nêu giác-ngộ trước, thì không vào luân-hồi.)</p> <p>_ Mê hoặc bất tri, đọa Vô-gián ngục.</p> <p>(_ Nếu mê lầm không biết, thì đọa vào ngục Vô-gián.)</p>	<p>_ A-Nan! Ông tu-hành, phải hiểu thấu sáng suốt và thận-trọng ngăn ngừa trước tất cả ma-giáo mới giải-thoát luân-hồi sanh-tử.</p> <p>_ Nếu mê-muội vướng vào cạm bẫy của ma-giáo thì ưng đọa Vô-gián địa-ngục.</p>

阿難又善男子。受陰虛妙不遭邪慮。圓定發明三摩地中。心愛遊蕩飛其精思貪求經歷。爾時天魔候得其便。飛精附人口說經法。其人亦不覺知魔著。亦言自得無上涅槃。來彼求遊善男子處。數座說法自形無變。其聽法者忽自見身坐寶蓮華。全體化成紫金光聚。一眾聽人各各如是得未曾有。是人愚迷惑為菩薩。姪逸其心破佛律儀潛行貪欲。口中好言諸佛應世。某處某人當是某佛化身來此。某人即是某菩薩等來化人間。其人見故心生傾渴。邪見密興種智銷滅。此名[魅未+夭]鬼年老成魔惱亂是人。厭足心生去彼人體。弟子與師俱陷王難。汝當先覺不入輪迴。迷惑不知墮無間獄。

<p>17. / 2</p> <p>_ A-Nan! Hựu Thiện-nam-tử, Thọ-Ấm hư diệu, bất tao tà lỵ, viên-định phát-minh, Tam-ma-đề trung, tâm ái du-đẳng, phi kỳ tinh tư, tham cầu kinh-lịch.</p> <p>_ Nhĩ thời Thiên-ma, hầu đắc kỳ tiệm, phi tinh phụ nhân, khẩu thuyết kinh pháp, kỳ nhân diệc bất giác tri ma trước.</p> <p>_ Diệc ngôn tự đắc, Vô-Thượng Niết-</p>	<p>17. / 2 (TUỔNG-ẤM MA 2)</p> <p>_ A-Nan! Thiện-nam-tử, vì ấm Thọ không gặp tà-niệm, nên phát-minh được viên-định trong pháp Tam-ma-đề, tâm thích du-ngoạn, phán-khởi tinh-thần cứu xét tham cầu sự kinh-nghiêm.</p> <p>_ Lúc bấy giờ Ma-vương nhân dịp tiện-lợi, nhập xác người, miệng nói kinh pháp, mà người ấy không tự biết là bị ma nhập.</p> <p>_ Người ấy nói đã chứng Niết-Bàn Vô-</p>
--	---

<p>Bàn, lai bỉ cầu du, Thiện-nam-tử xứ, phu tọa thuyết-pháp.</p> <p>_ Tự hình vô biến, kỳ thính pháp giả, hốt tự kiến thân, tọa bửu liên hoa, toàn thể hóa thành tử kim quang tụ, nhứt chúng thính nhân, các các như-thị, đắc vị-tăng-hữu.</p> <p>(_ Hình người đó không thay đổi, song những người nghe pháp, bỗng tự thấy mình ngồi trên hoa sen báu, thân-thể hóa thành thân vàng chói sáng; cả một thính chúng, mỗi người đều như thế, được cái chưa từng có.)</p> <p>_ Thị nhân ngu mê, hoặc vi Bồ-Tát, dâm-dật kỳ tâm, phá Phật luật-nghi, tiềm-hành tham-dục.</p> <p>_ Khẩu trung hảo ngôn, chư Phật ứng thế; mõ xứ mõ nhân, đương thị mõ Phật, hóa thân lai thử; mõ nhân tức thị mõ Bồ-Tát đẳng, lai hóa nhân gian. Kỳ nhân kiên cố, tâm sanh khuynh khát, tà-kiến mật hưng, chủng-trí tiêu-diệt.</p> <p>(_ Miêng ma ưa nói các Đức Phật ứng-hóa ra đời, người Mõ chõ Mõ, tức là hóa-thân của Đức Phật Mõ; người Mõ sê đến, tức là vị Bồ-Tát Mõ, đến giáo-hóa thế-gian. Người tu-hành thấy thế, tâm sanh hâm-mộ, tà-trí thầm thầm nổi lên, chủng-trí tiêu-diệt.)</p>	<p>Thượng, đến chõ tu của Thiện-nam-tử, ngồi trên tọa-cụ giảng nói.</p> <p>_ Các thính-giả thoát nhiên thấy thân hình biến thành sắc vàng rực rỡ, ngồi trên sen báu, tưởng như được pháp chưa từng có.</p> <p>_ Thật là si mê nguại, lầm tưởng là Bồ-Tát hóa-thân dạy dỗ, tin lời Ma-vương, sanh tâm tham-dục, phá-hoại luật-nghi của Phật.</p> <p>_ Kẻ bị Ma-vương nhập, lại nói toàn những lời ngon ngọt cám dỗ, nói đủ thứ giả dối, nói có Phật giáng thế để dễ bê quyến rũ thiên-hạ bằng cách chỉ những kẻ ma-tử trong nhóm ma-giáo, nói người này là Phật hóa-thân, người kia là Bồ-Tát hóa-thân, kẻ nọ từ Thiên-giới hiện xuống hoặc đã có ngôi vị ở cõi Trời, hiệp lại để cứu-độ chúng-sanh, toàn là lời nói vu vơ hoang-đường, cám dỗ số người ngu-xuẩn nhẹ tánh háo-thắng tham-vọng, tâm-hồn bị tà-kiến dấy lên làm tiêu-diệt hột giống trí-tuệ.</p>
<p>_ Thủ danh Bạt-quỷ, niên lão thành ma, não-loạn thị nhân.</p> <p>_ Yếm túc tâm sanh, khứ bỉ nhân thế, đệ-tử dữ sư, cu hâm vương-nạn.</p>	<p>_ Nên biết: Có hạng Bạt-quỷ, tuổi già không tu hóa ma, gia-nhập chủng-tộc Ma-vương.</p> <p>_ Ma-vương phá hư người trong một thời-gian, đến khi nhảm chán bỏ xác thì cả nhóm ma-giáo, thầy ma và trò ma đều không trốn tránh được định-luat nhân-quả chí-công.</p>
<p>_ Nhữ đương tiên giác, bất nhập luân-hồi.</p> <p>_ Mê-hoặc bất tri, đọa Vô-gián ngục.</p>	<p>_ A-Nan! Ông tu-hành, phải hiểu thấu sáng suốt và thận-trọng ngăn ngừa trước tất cả ma-giáo để giải-thoát luân-hồi sanh-tử.</p> <p>_ Nếu mê-muội vướng vào cạm bẫy ma-giáo thì ưng đọa Vô-gián địa-ngục.</p>

又善男子。受陰虛妙不遭邪慮。圓定發明三摩地中。心愛綿[惪心+目]澄其精思貪求契合。爾時天魔候得其便。飛精附人口說經法。其人實不覺知魔著。亦言自得無上涅槃。來彼求合善男子處敷座說法。其形及彼聽法之人。外無遷變。令其聽者未聞法前心自開悟。念念移易或得宿命。或有他心。或見地獄。或知人間好惡諸事。或口說偈或自誦經。各各歡喜得未曾有。是人愚迷惑為菩薩。綿愛其心。破佛律儀潛行貪欲。口中好言佛有大小。某佛先佛某佛後佛。其中亦有真佛假佛。男佛女佛。菩薩亦然。其人見故洗滌本心易入邪悟。此名魅鬼年老成魔惱亂是人。厭足心生去彼人體。弟子與師俱陷王難。汝當先覺不入輪迴。迷惑不知墮無間獄。

17. / 3

_ Hữu Thiện-nam-tử, Thọ-Ấm hư diệu, bất tao tà lự, viên-định phát-minh, Tam-ma-đề trung, tâm ái miên vân, trừng kỳ tinh tư, tham cầu khế-hiệp.

_ Nhĩ thời Thiên-ma, hầu dắc kỳ tiễn, phi tinh phụ nhân, khẩu thuyết kinh pháp, kỳ nhân thực bất giác tri ma trược.

_ Diệc ngôn tự đắc, Vô-Thượng Niết-Bàn, lai bỉ cầu hiệp, Thiện-nam-tử xứ, phu tọa thuyết-pháp.

_ Kỳ hình cập bỉ, thính pháp chi nhân, ngoại vô thiên biến.

_ Linh kỳ thính giả, vị văn pháp tiền, tâm tự khai ngộ, niệm niệm di dịch, hoặc đắc túc-mệnh, hoặc hữu tha tâm, hoặc kiến địa-ngục, hoặc tri nhân-gian hảo ác chư sự, hoặc khẩu thuyết kệ, hoặc tự tụng kinh, các các hoan-hỷ, đắc vị-tăng-hữu.

_ Thị nhân ngu-mê, hoặc vi Bồ-Tát, miên ái kỳ tâm, phá Phật luật-nghi, tiềm-hành tham-dục.

_ Khẩu trung hiểu ngôn: Phật hữu đại tiểu, mõ Phật tiên Phật, mõ Phật hậu Phật, kỳ trung diệc hữu, chơn Phật, giả Phật, nam Phật, nữ Phật, Bồ-Tát diệc

17. / 3 (TUỔNG-ẤM MA 3)

_ A-Nan! Thiện-nam-tử, vì ấm Thọ không gặp tà-niệm, nên phát-minh viên-định trong pháp Tam-ma-đề, tâm thích kín nhiệm, phán-khởi tinh-thần cứu xét tham cầu sự khế-hiệp.

_ Lúc bấy giờ Ma-vương nhân dịp tiện-lợi, nhập xác người, miệng nói kinh pháp, mà người ấy không tự biết là bị ma nhập.

_ Người ấy nói đã chứng Niết-Bàn Vô-Thượng, đến chỗ tu của Thiện-nam-tử, ngồi trên tọa-cụ giảng nói.

_ Thân-hình của người ấy và các thính-giả không biến đổi.

_ Các thính-giả trước khi nghe pháp, tâm-địa khai-thông, hiểu một phần quá-khổ vị-lai, rõ chút ít tâm-niệm của chúng-sanh, hoặc thấy địa-ngục, hoặc biết các sự phước-họa kiết-hung ở nhân-gian, hoặc thuyết kệ tụng kinh, vui mừng tưởng như được pháp chưa từng có.

_ Không ngờ họ ngu-xuẩn mê-muội, tin lầm là Bồ-Tát, xu-phụ theo để phá-hoại luật-nghi của Phật và hành-động tham-dục.

_ Người ma ấy lại nói: Phật có lớn có nhỏ, Phật trước Phật sau, Phật thiêt Phật giả, Phật nam Phật nữ, Bồ-Tát cũng vậy.

<p>nhiên.</p> <p>_ Kỳ nhân kiến cố, tẩy địch bốn-tâm, dì nhập tà ngô.</p> <p>(_ Người tu-hành thấy như vậy, bỏ sạch bốn-tâm, dě vào các tà-ngô.)</p>	<p>_ Lời nói đối trá ấy khiến người quên Bốn-Tâm, mất chánh-tín, vào ma-giáo, làm việc hiểm-độc.</p>
<p>_ Thủ danh my quý, niên lão thành ma, não-loạn thị nhân.</p> <p>_ Yếm túc tâm sanh, khứ bỉ nhân-thể, đệ-tử dữ sư, cu hâm vương-nạn.</p>	<p>_ Nên biết: Có hạng My-quí, tuổi già không tu hóa ma, gia-nhập chủng-tộc Ma-vương.</p> <p>_ Ma-vương phá hư người trong một thời-gian, đến khi nhảm chán bỏ xác thì cả bọn ma-giáo, thầy ma và trò ma đều không tránh được định-luật nhân-quả chí-công.</p>
<p>_ Nhữ đương tiên giác, bất nhập luân-hồi.</p> <p>_ Mê-hoặc bất tri, đọa Vô-gián ngục.</p>	<p>_ A-Nan! Ông tu-hành, phải hiểu thấu sáng suốt và thận-trọng ngăn ngừa trước tất cả ma-giáo để giải-thoát luân-hồi sanh-tử.</p> <p>_ Nếu còn mê-muội vướng vào cạm bẫy của ma-giáo thì ưng đọa Vô-gián địa-ngục.</p>

又善男子。受陰虛妙不遭邪慮。圓定發明三摩地中。心愛根本窮覽物化性之終始。精爽其心貪求辯析。爾時天魔候得其便。飛精附人口說經法。其人先不覺知魔著。亦言自得無上涅槃。來彼求元善男子處敷座說法。身有威神摧伏求者。令其座下雖未聞法自然心伏。是諸人等將佛涅槃菩提法身。即是現前我肉身上。父父子子遞代相生。即是法身常住不絕。都指現在即為佛國。無別淨居及金色相。其人信受忘失先心。身命歸依得未曾有。是等愚迷惑為菩薩。推究其心破佛律儀潛行貪欲。口中好言眼耳鼻舌皆為淨土。男女二根即是菩提涅槃真處。彼無知者信是穢言。此名蠱毒魘勝惡鬼年老成魔惱亂是人。厭足心生去彼人體。弟子與師俱陷王難。汝當先覺不入輪迴。迷惑不知墮無間獄。

17. / 4

_ Hữu Thiện-nam-tử, Thọ-Ấm hư diệu, bất tao tà lỵ, viên-định phát-minh, Tam-ma-đề trung, tâm ái căn-bổn, cùng lâm vật hóa, tánh chi thi chung, tinh sáng kỳ tâm, tham cầu biện-tích.

_ Nhĩ thời Thiên-ma, hâu đắc kỳ tiên,

17. / 4 (TUỔNG-ẤM MA 4)

_ A-Nan! Thiên-nam-tử, vì ấm Thọ không gặp tà-niệm, nên phát-minh viên-định trong pháp Tam-ma-đề, tâm ưa cứu xét cùng tột căn-bổn sanh-hóa thủy-chung của vạn-vật, phán-khởi tinh-thần tham cầu sự phân-biệt.

_ Lúc bấy giờ Ma-vương nhân dịp tiễn-

<p>phi tinh phụ nhân, khẩu thuyết kinh pháp, kỳ nhân tiên bất giác tri ma trước.</p> <p>_ Diệc ngôn tự đắc, Vô-Thượng Niết-Bàn, lai bỉ cầu nguyên, Thiện-nam-tử xứ, phu tọa thuyết-pháp.</p> <p>_ Thân hữu uy thần, tồi phục cầu giả, lệnh kỳ tọa hạ, tuy vị văn pháp, tự-nhiên tâm phục.</p> <p>(_ Người đó có uy-thần, làm cho những người cầu pháp đều kính phục, khiến cho thính-chứng dưới pháp-tọa, tuy chưa nghe pháp, tự-nhiên tâm đã phục rồi.)</p> <p>_ Thị chư nhân đẳng, tương Phật Niết-Bàn, Bồ-Đ Đề Pháp-thân, tức thị hiện-tiền, ngã nhục thân thượng.</p> <p>_ Phụ phụ tử tử, đệ đại tương-sanh, tức thị Pháp-thân, thường-trụ bất tuyệt, độ chỉ hiện-tại, tức vi Phật-quốc, vô biệt tịnh-cư, cập kim sắc-tướng.</p> <p>(_ Cha con sanh nhau, đời này đến đời khác, tức là pháp-thân thường-trụ không mất; đều chỉ hiện-tại, tức là cõi Phật, không có cõi tịnh-cư và thân kim sắc nào khác.)</p> <p>_ Kỳ nhân tín thọ, vong thất tiên tâm, thân-mệnh quy-y, đắc vị-tăng-hữu.</p> <p>_ Thị đẳng ngu mê, hoặc vi Bồ-Tát, suy cứu kỳ tâm, phá Phật luật-nghi, tiêm-hành tham-dục.</p> <p>_ Khẩu trung hiếu ngôn: “Nhãnh nhĩ ty thiêt giai vi tịnh-độ; nam nữ nhị căn tức thị Bồ-Đ Đề, Niết-Bàn chơn-xứ”.</p> <p>_ Bỉ vô tri giả, tín thị uế ngôn.</p> <p>(_ Họ không biết kia, đều tin lời nhơ nhớp đó.)</p> <p>_ Thủ danh Cổ-độc, yểm-thắng ác-quỷ, niên lão thành ma, não-loạn thị nhân.</p> <p>_ Yểm túc tâm sanh, khứ bỉ nhân thể, đệ-tử dữ sư, cu hâm vương nạn.</p>	<p>lợi, nhập xác người, miệng nói kinh pháp, mà người ấy không tự biết là bị ma nhập.</p> <p>_ Người ấy nói đã chứng Niết-bàn Vô-Thượng, đến chô tu của Thiện-nam-tử, ngồi trên tọa-cụ giảng nói.</p> <p>_ Lại hiện thần-thông biến-hóa thị-oai với các thính-giả, khiến các thính-giả chưa nghe pháp đã sanh lòng kinh sợ.</p> <p>_ Các thính-giả lầm tưởng theo lời Ma-vương nói: Phật, Bồ-Tát cho tới Bồ-Đ Đề Pháp-thân đều thật-hiện trong nhục-thân;</p> <ul style="list-style-type: none"> - phụ-tử truyền-kế nhau sanh ra, Pháp-thân thường-trụ bất-diệt hiện-tại là xứ Phật, không có cảnh tịnh nào khác, cũng không có tướng kim-sắc nào khác. <p>_ Các thính-giả tin chịu, làm mất tâm cũ, đem thân mạng qui-y Ma-vương, tưởng như được pháp chưa từng có.</p> <p>_ Các thính-giả ngu-xuẩn làm việc tham-dục, tin lầm Bồ-Tát, hành-động tham-dục, phá-hoại luật-nghi của Phật, lần lượt hành-động tham-dục uế-trược.</p> <p>_ Người ma ấy miệng ưa nói dối trả: “Mắt tai mũi lưỡi thân ý là cõi tịnh, hai căn nam nữ là chơn-xứ Niết-Bàn”.</p> <p>_ Các thính-giả mê-muội tin lầm theo những lời mơ hồ huyền-hoặc.</p> <p>_ Nên biết: Có những hạng ác-quỷ Cổ-độc yểm-thắng, tuổi già không tu hóa ma, gia-nhập chủng-tộc Ma-vương.</p> <p>_ Ma-vương phá hư người trong một thời-gian, đến khi nhảm chán bỏ xác thì</p>
---	---

	cả bọn ma-giáo, thầy ma và trò ma đều không trốn tránh được định-luật nhân-quả chí-công.
<ul style="list-style-type: none"> _ A-Nan! Nhữ đương tiên giác, bất nhập luân-hồi. _ Mê-hoặc bất tri, đọa Vô-gián ngục. 	<ul style="list-style-type: none"> _ A-Nan! Ông tu-hành, phải hiểu thấu sáng suốt và thận-trọng ngăn ngừa trước tất cả ma-giáo để giải-thoát luân-hồi sanh-tử. _ Nếu mê-muội vướng vào cạm bẫy của ma-giáo thì ưng đọa Vô-gián địa-ngục.

又善男子。受陰虛妙不遭邪慮。圓定發明三摩地中。心愛懸應周流精研貪求冥感。爾時天魔候得其便。飛精附人口說經法。其人元不覺知魔著。亦言自得無上涅槃。來彼求應善男子處敷座說法。能令聽眾暫見其身如百千歲。心生愛染不能捨離。身為奴僕四事供養不覺疲勞。各各令其座下人心。知是先師本善知識別生法愛。粘如膠漆得未曾有。是人愚迷惑為菩薩。親近其心破佛律儀潛行貪欲。口中好言我於前世。於某生中先度某人。當時是我妻妾兄弟。今來相度與汝相隨。歸某世界供養某佛。或言別有大光明天佛於中住。一切如來所休居地。彼無知者信是虛誑遺失本心。此名屬鬼年老成魔惱亂是人。厭足心生去彼人體。弟子與師俱陷王難。汝當先覺不入輪迴。迷惑不知墮無間獄。

17. / 5

_ Hữu Thiện-nam-tử, Thọ-Ấm hư diệu, bất tao tà lự, viễn-định phát-minh, Tam-ma-đề trung, tâm ái huyền-ứng, châu lưu tinh-nghiên, tham cầu minh-cảm.

(... tâm ưa biết các việc trước sau, cứu xét cùng khấp, tham cầu được thầm cảm.)

_ Nhĩ thời Thiên-ma, hầu đắc kỳ tiên, phi tinh phụ nhân, khẩu thuyết kinh pháp, kỳ nhân nguyên bất giác tri ma trước.

_ Diệc ngôn tự đắc, Vô-Thượng Niết-Bàn, lai bỉ cầu ứng, Thiện-nam-tử xứ, phu tọa thuyết-pháp.

_ Năng linh thính-chứng, tạm kiến kỳ thân như bá thiên tuế, tâm sanh ái-nhiễm, bất năng xả-ly, thân vi nô-bộc, tứ sự cung-dưỡng, bất giác bì lao.

17. / 5 (TUỐNG-ẤM MA 5)

_ A-Nan! Thiện-nam-tử, vì ấm Thọ không gặp tà-niệm, nên phát-minh viễn-định trong pháp Tam-ma-đề, tâm thích huyền-ứng, cứu xét tinh-vi, tham cầu sự linh-cảm.

_ Lúc bấy giờ, Ma-vương nhân dịp tiện-lợi, nhập xác người, miệng nói kinh pháp, mà người ấy không tự biết là bị ma nhập.

_ Người ấy nói đã chứng Niết-Bàn Vô-Thượng, đến chô tu của Thiện-nam-tử, ngồi trên tọa-cụ giảng nói.

_ Khiến các thính-giả thấy thân mẠng như được 100 tuổi, tâm sanh ái-nhiễm, không chịu rời bỏ, thân làm tôi tớ dâng cúng ẩm-thực, y-phục, ngọa-cụ, y-dược, chẳng nệ khó nhọc;

--	--

<p>_ Các các linh kỳ, tọa hạ nhân tâm, tri thị Tiên sư, bốn Thiện-tri-thức, biệt sanh pháp ái, niêm như giao tất, đắc vị-tăng-hữu.</p> <p>_ Thị nhân ngu mê, hoặc vi Bồ-Tát, thân-cận kỳ tâm, phá Phật luật-nghi, tiềm-hành tham-dục.</p>	<p>- tin lầm vị ấy là bậc Tiên-Sư, Thiên-Tri-Thức, sanh lòng luyến-ái như keo sơn, vọng-tưởng như được pháp chưa từng có.</p> <p>_ Các thính-giả ngu-xuẩn mê-muội ấy lầm tưởng là Bồ-Tát giáng thế, thân-cận và hết lòng nghe theo ma-giáo, phá hoại luật-nghi của Phật, lần lượt hành động tham-dục ô-nhiễm.</p>
<p>_ Khẩu trung hiếu ngôn: “Ngã ư tiên thế, ư mõ sanh trung, tiên độ mõ nhân, đương thời thị ngã, thê-thiếp huynh đệ, kim lai tương-độ, dữ nhữ tương-tùy, quy mõ thế-giới, cung-dưỡng mõ Phật”.</p> <p>(_ Miệng ma ưa nói: “Ta ở kiếp trước, trong đời Mõ, trước độ người Mõ, lúc đó là thê-thiếp anh em của ta, nên nay lại đến độ cho nhau; ta sẽ cùng các người theo nhau về cảnh-giới Mõ, cung-dưỡng Đức Phật Mõ”.)</p>	<p>_ Người ma ấy ưa nói: “Do tham-dục sanh ra ở tiền-kiếp, đến hiện-tại là chồng vợ anh em, trước độ người thân sau độ kẻ sơ, kết cuộc độ tất cả để dắt nhau về thế-giới riêng biệt”.</p>
<p>_ Hoặc ngôn biệt hữu, đại quang minh thiên, Phật ư trung trụ, nhứt-thiết Như-Lai, sở hữu cư địa.</p> <p>(_ Hoặc nói có cõi trời đại quang-minh riêng biệt, Phật ở trong ấy, và là chỗ nghỉ ngơi của tất cả các Đức như-Lai.)</p> <p>_ Bỉ vô tri giả, tín thị hư cuồng, di thất bốn-tâm.</p> <p>(_ Bạn không biết kia, đều tin những lời phỉnh gạt đó, bỏ mất bốn-tâm.)</p>	<p>_ Ma-vương ưa nói có một thế-giới riêng biệt của chủng-tộc họ, cũng là thế-giới an nghỉ của chư Phật, luôn luôn có chư Phật trụ, dễ bê lě bái cung-dưỡng, hoặc Ma-vương nói chủng-tộc họ ở một tầng Trời riêng biệt có hào-quang rực rỡ để dối gạt người.</p> <p>_ Vì thế các thính-giả mê-muội tin lầm lời dối gạt của Ma-vương, quên mất Bổn-Tâm Chơn-Như Viên-Giác.</p>
<p>_ Thủ danh Lệ quý, niên lão thành ma, não-loạn thị nhân.</p> <p>_ Yêm túc tâm sanh, khứ bỉ nhân thể, đệ-tử dữ sư, cu hâm vương nạn.</p>	<p>_ Nên biết: Có hạng Lệ-quí, tuổi già không tu hóa ma, gia-nhập chủng-tộc Ma-vương.</p> <p>_ Ma-vương phá hư người trong một thời-gian, đến khi nhảm chán bỏ xác thì cả nhóm ma-giáo, thầy ma và trò ma đều không trốn tránh được định-luật nhân-quả chí-công.</p>
<p>_ A-Nan! Nhữ đương tiên giác, bất nhập luân-hồi.</p> <p>_ Mê-hoặc bất tri, đọa Vô-gián ngục.</p>	<p>_ A-Nan! Ông tu-hành, phải hiểu thấu sáng suốt và thận-trọng ngăn ngừa trước tất cả ma-giáo để giải-thoát luân-hồi sanh-tử.</p> <p>_ Nếu mê-muội vướng vào cạm bẫy của</p>

	ma-giáo thì ưng đọa Vô-gián địa-ngục.
--	---------------------------------------

又善男子。受陰虛妙不遭邪慮。圓定發明三摩地中。心愛深入克己辛勤。樂處陰寂貪求靜謐。爾時天魔候得其便。飛精附人口說經法。其人本不覺知魔著。亦言自得無上涅槃。來彼求陰善男子處敷座說法。令其聽人各知本業。或於其處語一人言。汝今未死已作畜生。勅使一人於後踏尾。頓令其人起不能得。於是一眾傾心欽伏。有人起心已知其肇。佛律儀外重加精苦。誹謗比丘罵詈徒眾。訐露人事不避譏嫌。口中好言未然禍福。及至其時毫髮無失。此大力鬼年老成魔惱亂是人。厭足心生去彼人體。弟子與師多陷王難。汝當先覺不入輪迴。迷惑不知墮無間獄。

17. / 6

_ Hữu Thiện-nam-tử, Thọ-Ấm hư diệu, bất tao tà lự, viên-dịnh phát-minh, Tam-ma-đề trung, tâm ái thâm-nhập, khắc-kỷ tân-cần, nhạo xứ âm tịch, tham cầu tịnh-mật.

(... thích ở chỗ thầm vắng, tham cầu sự yên lặng.)

_ Nhĩ thời Thiên-ma, hầu đắc kỳ tiệm, phi tinh phụ nhân, khẩu thuyết kinh pháp, kỳ nhân bốn bất giác tri ma trước.

_ Diệc ngôn tự đắc, Vô-Thượng Niết-Bàn, lai bỉ cầu âm, Thiên-nam-tử xứ, phu tọa thuyết pháp.

_ Linh kỳ thính nhân, các tri bốn-nghịệp.

_ Hoặc ư kỳ xứ, ngữ nhứt nhân ngôn:

_ “Nhữ kim vị tử, dĩ tản súc-sanh”, sắc xứ nhứt nhân, ư hậu tháp vĩ, đốn lệnh kỳ nhân, khởi bất năng đắc.

_ Ư thị nhứt chúng, khuynh tâm khâm phục.

(_ Cả trong một chúng đều hết lòng kính phục.)

_ Hữu nhân khởi tâm, dĩ tri kỳ triệu.

(_ Có người móng tâm lên, thì nó đã biết ý.)

17. / 6 (TUỔNG-ẤM MA 6)

_ A-Nan! Thiên-nam-tử, vì ấm Thọ không gặp tà-niệm, nên phát-minh viên-dịnh trong pháp Tam-ma-đề, tâm thích thâm-nhập, chuyên-cần khổ-hạnh, vào chốn vắng vẻ tịch-mịch, tham cầu sự tịnh-mật.

_ Lúc bấy giờ Ma-vương nhân dịp tiện-lợi, nhập xác người, miệng nói kinh pháp, mà người ấy không tự biết là bị ma nhập.

_ Người ấy nói đã chứng Niết-Bàn Vô-Thượng, đến chỗ tu của Thiên-nam-tử, ngồi trên tọa-cụ giảng nói.

_ Khiến các thính-giả biết căn-nghịệp.

_ Lại có khi bày trò tà-thuật gọi một người ở nơi nào đó, bảo rằng:

_ “Nhà ngươi chưa chết nhưng đã làm súc-sanh, có đuôi ở phía sau trôn”, để rồi bảo một kẻ khác đến đập đuôi thì người kia không đứng dậy được.

_ Ma-vương làm như thế cốt-yếu khiến cho các thính-giả thấy việc lừa lùng, sanh ra khiếp sợ, bái-phục để dễ bê thao-túng.

_ Ma-vương biết được tư-tưởng dương-thời của mỗi người, ai có tâm-niệm gì, Ma-vương đều biết.

<p>_ Phật luật-nghi ngoại, trùng gia tinh khố, phi-báng Tỳ-khưu, mạ-ly đồ-chúng, yết lộ nhân-sự, bất ty cơ hiềm.</p> <p>_ Khẩu trung hiếu ngôn: Vị nhiên họa phước, cập chí ký thời, hào phát vô thất. (_ Miệng ma ưa nói: Những họa phúc chưa đến và khi đã đến rồi, thì mảy may không sai.)</p>	<p>_ Ma-vương hành-động ngoài phạm-vi khố-hạnh chuyên-trì Phật-luat, thường chê bai các vị Tỳ-khưu, nhục-mạ đồ-chúng, ưa vạch lá tìm sâu, tiết-lộ xuyên-tac việc cá-nhân của người, không sợ người oán-hận.</p> <p>_ Miệng ưa nói họa phước gấp thời-tiết thì đền trả, không có sai chạy, đừng lo chi hết.</p>
<p>_ Thủ Đại-lực quỷ, niên lão thành ma, não-loạn thị nhân.</p> <p>_ Yếm túc tâm sanh, khứ bỉ nhân thể, đệ-tử dữ sư, cu hâm vương nạn.</p>	<p>_ Nên biết: Có hạng Đại-lực quỷ, tuổi già không tu hóa ma, gia-nhập chủng-tộc Ma-vương.</p> <p>_ Ma-vương phá hư người trong một thời-gian, đến khi nhảm chán bỏ xác thì cả nhóm ma-giáo, thầy ma và trò ma đều không trốn tránh được định-luat nhân-quả chí-công.</p>
<p>_ Nhữ đương tiên giác, bất nhập luân-hồi.</p> <p>_ Mê-hoặc bất tri, đọa Vô-gián ngục.</p>	<p>_ A-Nan! Ông tu-hành, phải hiểu thấu sáng suốt và thận-trọng ngăn ngừa trước tất cả ma-giáo để giải-thoát luân-hồi sanh-tử.</p> <p>_ Nếu mê-muội vướng vào cạm bẫy của ma-giáo thì ưng đọa Vô-gián địa-ngục.</p>

又善男子。受陰虛妙不遭邪慮。圓定發明三摩地中。心愛知見勤苦研尋貪求宿命。爾時天魔候得其便。飛精附人口說經法。其人殊不覺知魔著。亦言自得無上涅槃。來彼求知善男子處敷座說法。是人無端於說法處得大寶珠。其魔或時化為畜生。口銜其珠及雜珍寶。簡策符牘諸奇異物。先授彼人後著其體。或誘聽人藏於地下。有明月珠照耀其處。是諸聽者得未曾有。多食藥草不食嘉膳。或時日食一麻一麥。其形肥充魔力持故。誹謗比丘罵詈徒眾不避譏嫌。口中好言他方寶藏。十方聖賢潛匿之處。隨其後者往往見有奇異之人。此名山林土地城隍川嶽鬼神年老成魔。或有宣姪破佛戒律。與承事者潛行五欲。或有精進純食草木。無定行事惱亂彼人。厭足心生去彼人體。弟子與師多陷王難。汝當先覺不入輪迴。迷惑不知墮無間獄。

17. / 7

_ Hữu Thiện-nam-tử, Thọ-Ấm hư diệu, bất tao tà lự, viên-định phát-minh, Tam-

17. / 7 (TUỔNG-ẤM MA 7)

_ A-Nan! Thiện-nam-tử, vì ấm Thọ không gấp tà-niệm, nên phát-minh viên-

<p>ma-đề trung, tâm ái tri-kiến, cần-khổ-nghiên-tầm, tham cầu túc-mệnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Nhĩ thời Thiên-ma, hầu đắc kỳ tiệm, phi tinh phụ nhân, khẩu thuyết kinh pháp, kỳ nhân thù bất giác tri ma trước. _ Diệc ngôn tự đắc, Vô-Thượng Niết-Bàn, lai bỉ cầu tri, Thiện-nam-tử xứ, phu tọa thuyết-pháp. _ Thị nhân vô đoan, ư thuyết pháp xứ, đắc đại bửu-châu. _ Kỳ ma hoặc thời, hóa vi súc-sanh, khẩu hàm kỳ châu, cập tạp trân-bửu. _ Giản-sách phù-độc, chư kỳ dị vật, tiên thọ bỉ nhân, hậu trước kỳ thể. _ Hoặc dụ thính nhân, tàng ư địa hạ, hữu minh-nguyệt-châu, chiếu diệu kỳ xứ, thị chư thính giả, đắc vị-tầng-hữu. _ Đa thực dược-thảo, bất xan gia soạn, hoặc thời nhứt xan, nhứt ma nhứt mạch, kỳ hình phì sung, ma lực trì cố. (_ Ma thường ăn cây thuốc, chớ không ăn cơm, hoặc mỗi ngày chỉ ăn một bữa hạt vừng hoặc hạt mạch, nhưng thân-thể...) _ Phỉ báng Tỳ khưu, mạ ly đồ chúng, bất ty cơ hiềm. _ Khẩu trung hiếu ngôn: Tha phuơng bảo-tạng, thập phuơng Thánh-Hiền, tiêm nặc chi xứ, tùy kỳ hậu giả, vãng vãng kiến hữu, kỳ dị chi nhân. (_ Miệng ma ưa nói: Kho báu phuơng khác và chở ẩn-cứ của các bậc thánh-hiền thập phuơng; những người đi theo sau thường thấy có người kỳ lạ.) 	<p>định trong pháp Tam-ma-đề, tâm thích tri-kiến, chuyên-cần khổ-hạnh, cứu xét tham cầu Túc-mạng thông.</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Lúc bấy giờ Ma-vương nhân dịp tiễn-lợi, nhập xác người, miệng nói kinh pháp, mà người ấy không tự biết là bị ma nhập. _ Người ấy nói đã chứng Niết-bàn Vô-Thượng, đến chỗ tu của Thiện-nam-tử, ngồi trên tọa-cụ giảng nói. _ Thoạt nhiên chở thuyết pháp hiện ra hột bửu-châu. _ Ma-vương lại bày trò tà-thuật hóa làm một con thú ngậm hột bửu-châu, hoặc hóa thêm nhiều trân-bửu khác, - hoặc hóa ra sách vở thư phù, các vật-dụng kỳ-dị, trao cho các thính-giả cầm xem rồi cho nhập vào hình-thể, - hoặc bão một người chôn kín dưới đất hột bửu-châu, nhưng hột bửu-châu vẫn chiếu sáng lên trên, khiến các thính-giả tưởng lầm được pháp chưa từng có. _ Ma-vương bắt người đồng cốt và nhóm ma-giáo của họ chỉ ăn rau hoặc bánh, hoặc mỗi ngày ăn mè hay bắp, nhưng thân-thể vẫn mập vì nhờ sức ma ứng-hộ. _ Ma-vương phỉ-báng các vị Tỳ-khưu, miệt-thị đồ-chúng, không sợ hờn giận. _ Miệng ưa nói mơ hồ: “Ở xứ kia có kho chứa các trân-bửu, đó là chở kín nhiệm của nhứt-thiết Thánh-Hiền”, để mê hoặc nhân-tâm.
<ul style="list-style-type: none"> _ Thủ danh Sơn-lâm, Thổ-địa, Thành-hoàng, Xuyên-nhạc, Quỷ-thần, niên lão thành ma. _ Hoặc hữu tuyêt dâm, phá Phật giới-luật, dữ thừa sự giả, tiêm-hành ngũ-dục. 	<p>Nên biết: Có những hạng Sơn-lâm, Thổ-địa, Thành-hoàng, Xuyên-nhạc, Quỷ-Thần, tuổi già không tu hóa ra ma, gia-nhập chủng-tộc Ma-vương.</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Ma-vương và ma-chúng ưa bày trò uế-trước, phá-hại luật-nghi của Phật, ám-

<p>Hoặc hữu tinh-tấn, thuần thực thǎo-mộc, vô định hành sự, nǎo-loạn thị nhân.</p> <p>(_ Hoặc khi kêu gọi làm điều dâm-dục, phá giới-luật Phật, cùng với những kẻ thừa-sự, lén làm việc ngũ-dục. Hoặc khi lại tinh-tấn, ăn toàn cỏ cây, việc làm không nhứt-định, cốt khuấy rối người tu-hành.)</p> <p>_ Yếm túc tâm sanh, khứ bỉ nhân thể, đệ-tử dũ sư, cu hǎm vương nạn.</p> <p>_ A-Nan! Nhữ đương tiên giác, bất nhập luân-hồi.</p> <p>_ Mê-hoặc bất tri, đọa Vô-gián ngục.</p>	<p>muội những kẻ theo họ sa mê ngũ-dục; tánh-tình thích thay đổi, không nhứt định việc làm nào cả.</p> <p>_ Ma-vương phá hư người trong một thời-gian, đến khi nhảm chán bỏ xác thì cả nhóm ma-giáo, thầy ma và trò ma đều không trốn tránh được định-luật nhân-quả chí-công.</p> <p>_ A-Nan! Ông tu-hành, phải hiểu thấu sáng suốt và thận-trọng ngăn ngừa trước tất cả ma-giáo để giải-thoát luân-hồi sanh-tử.</p> <p>_ Nếu mê-muội vướng vào cạm bẫy của ma-giáo thì ưng đọa Vô-gián địa-ngục.</p>
--	---

又善男子。受陰虛妙不遭邪慮。圓定發明三摩地中。心愛神通種種變化。研究化元貪取神力。爾時天魔候得其便。飛精附人口說經法。其人誠不覺知魔著。亦言自得無上涅槃。來彼求通善男子處敷座說法。是人或復手執火光手撮其光。分於所聽四眾頭上。是諸聽人頂上火光皆長數尺。亦無熱性曾不焚燒。或上水行如履平地。或於空中安坐不動。或入瓶內或處囊中。越牖透垣曾無障礙。唯於刀兵不得自在。自言是佛身著白衣。受比丘禮誹謗禪律。罵詈徒眾許露人事不避譏嫌。口中常說神通自在。或復令人傍見佛土。鬼力惑人非有真實。讚歎行姪不毀龕行。將諸猥蝶以為傳法。此名天地大力山精。海精風精河精土精。一切草樹積劫精魅。或復龍魅或壽終仙再活為魅。或仙期終計年應死。其形不化他怪所附。年老成魔惱亂是人。厭足心生去彼人體。弟子與師多陷王難。汝當先覺不入輪迴。迷惑不知墮無間獄。

<p>17. / 8</p> <p>_ Hữu Thiện-nam-tử, Thọ-Ấm hư diệu, bất tao tà lỵ, vien-định phát-minh, Tam-ma-đề trung, tâm ái thần-thông, chủng chủng biến-hóa, nghiên-cứu hóa-nghuyên, tham thủ thần-lực.</p> <p>(..., nghiên cứu nguồn gốc biến-hóa, tham cầu có thần-lực.)</p>	<p>17. / 8 (TUỔNG-ẤM MA 8)</p> <p>_ A-Nan! Thiện-nam-tử, vì ấm Thọ không gặp tà-niệm, nên phát-minh vien-định trong pháp Tam-ma-đề, tâm thích thần-thông biến-hóa, cứu xét hóa-nghuyên, tham cầu thần-lực.</p>
--	---

<p>_ Nhĩ thời Thiên-ma, hầu đắc kỳ tiệm, phi tinh phụ nhân, khẩu thuyết kinh pháp, kỳ nhân thành bất giác tri ma trước.</p> <p>_ Diệc ngôn tự đắc, Vô-Thượng Niết-Bàn, lai bỉ cầu thông, Thiện-nam-tử xứ, phu tọa thuyết-pháp.</p> <p>_ Thị nhân hoặc phục, thủ chấp hỏa quang, thủ toát kỳ quang, phân ư sở thính, từ chúng đầu thượng, thị chư thính nhân, đảnh thượng hỏa quang, giai trưỡng số xích, diệc vô nhiệt tánh, tầng bất phần thiêu.</p> <p>_ Hoặc thủy thượng hành, như lý bình địa, hoặc ư không trung, an tọa bất động, hoặc nhập bình nội, hoặc xử nang trung, việt dụ thấu viên tầng vô chướng ngại; duy ư đao-binh, bất đắc tự-tại.</p> <p>_ Tự ngôn thị Phật thân trước bạch-y, thọ Tỳ-khưu lẽ.</p> <p>_ Phỉ-báng Thiền-luật, mạ-ly đồ-chúng, cật lộ nhân-sự, bất ty cơ hiềm.</p> <p>_ Khẩu trung thường thuyết, thần-thông tự-tại, hoặc phục linh nhân, bàng kiến Phật-độ, quý lực hoặc nhân, phi hữu chơn-thật.</p> <p>_ Tán-thán hành dâm, bất hủy thô hạnh, tương chư ổi điệp, dĩ vi truyền pháp. (_ Người đó khen ngợi việc hành dâm, không từ bỏ những việc làm thô-tục, bảo những sự ôm ấp lấn nhau là truyền pháp.)</p> <p>_ Thủ danh thiên địa đại-lực Sơn-tinh, Hải-tinh, Phong-tinh, Hà-tinh, Thổ-tinh, nhứt-thiết thảo mộc, tích kiếp tinh my, hoặc tiên kỳ chung, kế niên ứng tử, hoặc phục long my, hoặc thọ chung tiên, tái hoạt vi my, kỳ hình bất hóa, tha quái</p>	<p>_ Lúc bấy giờ Ma-vương nhân dịp tiễn-lợi, nhập xác người, miệng nói kinh pháp, mà người ấy không tự biết là bị ma nhập.</p> <p>_ Người ấy nói đã chứng Niết-bàn Vô-Thượng, đến chô tu của Thiện-nam-tử, ngồi trên tọa-cụ giảng nói.</p> <p>_ Người ấy lại bày trò tà-thuật biến-hóa, khi thì cầm đèn sáng ở tay, khi thì giả bộ nắm tia sáng rồi phóng tia sáng lên đảnh của thính-giả, khiến thính-giả có tia sáng như lửa ở trên đầu cao độ 2 thước, nhưng tia sáng không nóng, không cháy.</p> <p>_ Khi thì rời tọa-cụ đi trên mặt nước dễ dàng như đi trên mặt đất, khi thì ngồi im lặng giữa hư-không, khi thì chun vào bình hoặc đĩa, đi xuyên qua cây hoặc vách, không có ngăn ngại; chỉ đối với đao binh thì không được tự-tại.</p> <p>_ Ma-vương giả xưng là Phật, thân mặc bạch-y, không sợ tội lỗi, dám thọ sự lê bái của các vị Tỳ-khưu, chớ không biết làm như vậy tổn đức vô-biên.</p> <p>_ Ma-vương chê bai Thiền-luật, xuyên-tạc những người trì-giới thanh-tịnh, khinh-bỉ đồ-chúng, tiết-lộ việc cá-nhân của người mà không sợ oán-hận.</p> <p>_ Ma-vương lại ưa nói đắc thần-thông tự-tại, độ người thấy được cảnh Phật, phô-bày phép-tắc biến-hóa, nhưng đó là ma-lực giả dối chớ không có chi chơn-thật.</p> <p>_ Ma-vương ưa khen ngợi kẻ báng-pháp phá-giới, ca-tụng những việc tham-dục ô-nhiễm, ngoan-cố không chịu bỏ tật xấu, lại dùng rún cợ xát để truyền đạo, thật là hiểm-độc.</p> <p>_ Nên biết: Các hạng Sơn-tinh, Hải-tinh, Phong-tinh, Hà-tinh, Thổ-tinh có sức mạnh ở thế-gian, các cây cổ-thụ đã sống qua nhiều kiếp đều có thể thành Tinh-my, Long-my, cho tới một số Tiên hưởng hết phước-quả, chuyển kiếp làm</p>
--	---

<p>sở phụ, niên lão thành ma, nǎo-loạn thị nhân.</p> <p>(_ Và những loài tinh my của tất cả cỏ cây đã sống nhiều kiếp, có sức lớn trong trời đất, hoặc là long my, hoặc là tiên chết rồi, sống lại làm my, hoặc quả-báo đạo tiên đã hết, nǎm kế thì phải chết, nhưng hình hài không hư nát, nên loài quái khác gá vào, bọn ấy tuổi già thành ma, khuấy rối người tu-hành.)</p> <p>_ Yếm túc tâm sanh, khứ bỉ nhân thể, đệ-tử dữ sư, đa hâm vương nạn.</p>	<p>ly-my hoặc yêu-quái, tuổi già không tu hóa ma, gia-nhập chủng-tộc Ma-vương.</p> <p>_ Ma-vương phá hư người trong một thời-gian, đến khi nhảm chán bỏ xác thì cả nhóm ma-giáo, thầy ma và trò ma đều không trốn tránh được định-luật nhân-quả chí-công.</p>
<p>_ Nhữ đương tiên giác, bất nhập luân-hồi.</p> <p>_ Mê hoặc bất tri, đọa Vô-gián ngục.</p>	<p>_ A-Nan! Ông tu-hành, phải hiểu thấu sáng suốt và thận-trọng ngăn ngừa trước tất cả ma-giáo để giải-thoát luân-hồi sanh-tử.</p> <p>_ Nếu mê-muội vướng vào cạm bẫy của ma-giáo thì ưng đọa Vô-gián địa-ngục.</p>

又善男子。受陰虛妙不遭邪慮。圓定發明三摩地中。心愛入滅研究化性貪求深空。爾時天魔候得其便。飛精附人口說經法。其人終不覺知魔著。亦言自得無上涅槃。來彼求空善男子處敷座說法。於大眾內其形忽空。眾無所見還從虛空。突然而出存沒自在。或現其身洞如瑠璃。或垂手足作旃檀氣。或大小便如厚石蜜。誹毀戒律輕賤出家。口中常說無因無果。一死永滅無復後身。及諸凡聖雖得空寂。潛行貪欲受其欲者。亦得空心撥無因果。此名日月薄蝕精氣。金玉芝草麟鳳龜鶴。經千萬年不死為靈出生國土。年老成魔惱亂是人。厭足心生去彼人體。弟子與師多陷王難。汝當先覺不入輪迴。迷惑不知墮無間獄。

<p>17. / 9</p> <p>_ Hữu Thiện-nam-tử, Thọ-Ấm hư diệu, bất tao tà lự, viễn-định phát-minh, Tam-ma-đề trung, tâm ái nhập-diệt, nghiên-cứu hóa-tánh, tham cầu thâm-không.</p> <p>(..., tâm ưa vào chỗ diệt hết, nghiên-cứu tánh biến-hóa, tham cầu cái rỗng không sâu nhiệm.)</p> <p>_ Nhĩ thời Thiên-ma, h้า đắc kỳ tiễn, phi tinh phụ nhân, khẩu thuyết kinh pháp, kỳ nhân chung bất giác tri ma</p>	<p>17. / 9 (TUỐNG-ẤM MA 9)</p> <p>_ A-Nan! Thiện-nam-tử, vì ấm Thọ không gặp tà-niệm, nên phát-minh viễn-định trong pháp Tam-ma-đề, tâm thích nhập-diệt, cứu xét hóa-tánh, tham cầu thâm-không.</p> <p>_ Lúc bấy giờ Ma-vương nhân dịp tiện-lợi, nhập xác người, miệng nói kinh pháp, mà người ấy không tự biết là bị</p>
--	--

<p>trước.</p> <p>_ Diệc ngôn tự đắc, Vô-Thượng Niết-Bàn, lai bỉ cầu không, Thiện-nam-tử xứ, phu tọa thuyết-pháp.</p> <p>_ Ư đại chúng nội, kỳ hình hốt không, chúng vô sở kiến, hoàn tùng hư-không, đột-nhiên nhi xuất, tồn một tự tại.</p> <p>(_ Ở trong đại-chúng, hình của người đó bỗng hóa thành không, cả chúng không thấy gì, rồi lại từ hư-không bỗng chốc hiện ra, khi còn khi mất, được tự-tại.)</p> <p>_ Hoặc hiện kỳ thân, đỗng như Lưu-Ly, hoặc thùy thủ túc, tác chiên đàm khí, hoặc đại tiểu tiễn, như hậu thạch mật.</p> <p>(_ Hoặc hiện cái thân rỗng suốt như ngọc Lưu-Ly, hoặc duỗi tay chân xuống, phát ra mùi thơm chiên-dàn, hoặc đại tiểu tiễn như đường phèn cứng chắc.)</p> <p>_ Phỉ-báng giới-luật, khinh tiện xuất-gia.</p> <p>_ Khẩu trung thường thuyết: “Vô nhân vô quả, nhứt tử vĩnh diệt, vô phục hậu thân”.</p> <p>(_ Miệng ma thường nói: “Không nhân quả, chết rồi là diệt hẳn, không có thân sau”.)</p> <p>_ Cập chư phàm Thánh, tuy đắc không-tịch, tiêm-hành tham-dục, thọ kỵ dục giả, diệc đắc không-tâm, bát vô nhân-quả.</p> <p>(_ Lại các phàm, Thánh, tuy được phép không-tịch, vẫn lén làm việc tham-dục, và người thọ lãnh cái dâm-dục đó, cũng được tâm rỗng không, bác không có nhân-quả.)</p>	<p>ma nhập.</p> <p>_ Người ấy nói đã chứng Niết-bàn Vô-Thượng, đến chỗ tu của Thiện-nam-tử, ngồi trên tọa-cụ giảng nói.</p> <p>_ Ma-vương phô-diễn phép-tắc biến-hóa như: Các thính-giả bỗng nhiên tan mất, rồi từ hư-không hiện trở lại, khi còn khi mất tùy ý của Ma-vương.</p> <p>_ Khi thì Ma-vương hiện thân trong sáng như ngọc Lưu-Ly, khi thì thả xuôi tay chân và cho bốc lên hơi thơm ngào ngạt như hương chiên-dàn; Ma-vương cố ý bày nhiều thứ tà-thuật lừa thường để cho các thính-giả trông thấy mà khiếp sợ bái-phục.</p> <p>_ Ma-vương chê bai luật-nghi của Phật, ganh ghét các vị xuất-gia tu-hành giải-thoát, vì Ma-vương không quyến rũ được.</p> <p>_ Ma-vương xúi giục người phản Phật phản sư, phá-hoại giới-thể, ưa buông lời kích-bác đạo-lý nhân-quả luân-hồi, như nói chẳng có nghiệp-báo vay trả chi cả, chết là hết, chẳng có thân sau;</p> <p>- Thánh với phàm như nhau, dẫu tham-dục ô-nhiễm cũng đắc không-tịch, dẫu thọ dục uế-trược cũng đắc không-tâm, đó là lời xảo-quyết thất-đức vô-cùng.</p>
<p>_ Thủ danh nhựt nguyệt, bạc thực tinh khí, kim ngọc chi thảo, Lân, Phụng, Quy, Hạc, kinh thiên vạn niên, bất tử vi linh, xuất sanh quốc-độ, niên lão thành ma, nǎo-loạn thị nhân.</p> <p>_ Yếm túc tâm sanh, khứ bỉ nhân thể, đệ-tử dữ sự, đa hãm vương nạn.</p>	<p>_ Nên biết: Các thứ Nhựt-thực, Nguyệt-thực, kim ngọc chi thảo, cho tới Lân, Phụng, Quy, Hạc, đã sống qua ngàn muôn kiếp, có thể thành Tinh-Linh, tuổi già không tu hóa ma, gia-nhập chủng-tộc Ma-vương.</p> <p>_ Ma-vương phá hư người trong một thời-gian, đến khi nhảm chán bỏ xác thì</p>

	cả nhóm ma-giáo, thây ma và trò ma đều không trốn tránh được định-luật nhân-quả chí-công.
_ A-Nan! Nhữ đương tiên giác, bất nhập luân-hồi.	_ A-Nan! Ông tu-hành, phải hiểu biết sáng suốt và thận-trọng ngăn ngừa trước tất cả ma-giáo để giải-thoát luân-hồi sanh-tử.
_ Mê hoặc bất tri, đọa Vô-gián ngục.	_ Nếu mê-muội vướng vào cạm bẫy của ma-giáo thì ưng đọa Vô-gián địa-ngục.

又善男子。受陰虛妙不遭邪慮。圓定發明三摩地中。心愛長壽辛苦研幾。貪求永歲棄分段生。頓希變易細相當住。爾時天魔候得其便。飛精附人口說經法。其人竟不覺知魔著。亦言自得無上涅槃。來彼求生善男子處敷座說法。好言他方往還無滯。或經萬里瞬息再來。皆於彼方取得其物。或於一處在一宅中。數步之間令其從東詣至西壁。是人急行累年不到。因此心信疑佛現前。口中常說十方眾生皆是吾子。我生諸佛。我出世界我是元佛。出生自然不因修得。此名住世自在天魔使其眷屬。如遮文茶及四天王毘舍童子。未發心者利其虛明。食彼精氣或不因師。其修行人親自觀見。稱執金剛與汝長命。現美女身盛行貪欲。未逾年歲肝腦枯竭。口兼獨言聽若[魅未+天]魅。前人未詳多陷王難。未及遇刑先已乾死。惱亂彼人以至殂殞。汝當先覺不入輪迴。迷惑不知墮無間獄。

17. / 10

_ Hữu Thiện-nam-tử, Thọ-Ấm hư diệu, bất tao tà lỵ, viên-dịnh phát-minh, Tam-ma-dề trung, tâm ái trưỡng-thọ, tân-khổ nghiên cơ, tham cầu vĩnh-tuế, khí phân đoạn sanh, đốn hy biến-dịch, tế tương thường-trụ.

(..., tâm ưa sống lâu, gian-khổ quan-sát tinh-vi, tham cầu được nhiều tuổi; bỏ cái sống phân đoạn, lại trông mong cái tương vi-tế của biến-dịch sinh tử được thường-trụ.)

_ Nhĩ thời Thiên-ma, hâu đắc kỳ tiễn, phi tinh phụ nhân, khẩu thuyết kinh pháp, kỳ nhân cánh bất giác tri ma trược.

_ Diệc ngôn tự đắc, Vô-Thượng Niết-Bàn, lai bỉ cầu sanh, Thiên-nam-tử xứ, phu tọa thuyết pháp.

17. / 10 (TUỔNG-ẤM MA 10)

_ A-Nan! Thiên-nam-tử, vì ấm Thọ không gặp tà-niệm, nên phát-minh viên-dịnh trong pháp Tam-ma-dề, tâm thích trưỡng-thọ, cứu xét tân-khổ, tham cầu sống lâu, dứt phân đoạn sanh-tử, ước mong sớm thay đổi tương vi-tế cho được vĩnh-cửu.

_ Lúc bấy giờ Ma-vương nhân dịp tiện-lợi, nhập xác người, miệng nói kinh pháp, mà người ấy không tự biết là bị ma nhập.

_ Người ấy nói đã chứng Niết-Bàn Vô-Thượng, đến chỗ tu của Thiên-nam-tử, ngồi trên tọa-cụ giảng nói.

<p>_ Hiếu ngôn tha phương vãng hoàn vô trệ.</p> <p>_ Hoặc kinh vạn lý, thuần túc tái lai, giai ư bỉ phƯong, thủ đắc kỳ vật.</p> <p> </p> <p>_ Hoặc ư nhứt xứ, tại nhứt trạch trung, sổ bộ chi gian, linh kỳ tùng đồng, nghệ chí tây bích, thị nhân cấp hành, lũy niêm bất đáo.</p> <p>(_ Hoặc ở một chỗ, hay trong một nhà, chỉ trong vài bước, bảo người ta đi từ vách Đông qua tới vách Tây, nhưng người ta đi mau cả năm không đến.)</p> <p> </p> <p>_ Nhân thử tâm tín, nghi Phật hiện-tiền.</p> <p>(_ Nhân đó người tu-hành tin tưởng, nghi là Phật hiện-tiền.)</p> <p> </p> <p>_ Khẩu trung thường thuyết: “Thập phương chúng-sanh, giai thị ngô tử, ngã sanh chư Phật, ngã xuất thế-giới, ngã thị nguyên Phật, xuất-thế tự-nhiên, bất nhân tu đắc”.</p> <p>(..., Ta sanh ra chư Phật, ta sanh ra thế-giới, Ta là Phật đầu tiên, tự-nhiên ra đời, không nhân tu-hành mà đắc đạo.)</p>	<p>_ Người ấy tuyên-bố rằng: Du-hành khắp thế-giới không có chi ngăn ngại.</p> <p>_ Hoặc đi đến một phương xa nào, trải qua muôn dặm cũng trong nháy mắt trở về chỗ cũ, lại còn lấy được đồ vật ở phương xa đó làm tin.</p> <p>_ Hoặc ở một nơi trong căn nhà, đi độ hai bước, khiến các chỗ khác đồng qui-tựu cận vách, trái lại thế-nhân dầu có đi mau cách nào và đi trong bao nhiêu năm cũng không được như vậy.</p> <p> </p> <p>_ Ma-vương ưa nói giả dối huyễn-hoặc để cho các thính-giả tưởng lầm là Phật tại thế.</p> <p> </p> <p>_ Ma-vương lại dám nói: “Chúng-sanh ở khắp mười phương đều là con của Ta, Ta sanh ra chư Phật, ứng-hiện trong các thế-giới, Ta là vị Phật căn-bổn xuất-thế tự-nhiên, không cần nhân tu-hành mà chứng Thánh-quả”. Thật là lời nói xảo-quyết độc-ác vô-biên.</p>
<p>_ Thủ danh trụ thế, Tự-tại Thiên-ma, sử kỳ quyến thuộc, như Giá-Văn-Trà cùp Tứ-Thiên-Vương, Tỳ-Xá đồng-tử, vị phát tâm giả, lợi kỳ hư-minh, thực bỉ tinh-khí.</p> <p> </p> <p>(_ Ấy gọi là ma Trụ-thế-tự-tại-thiên, nó khiến bạn quyến-thuộc chưa phát tâm như bạn Giá-Văn-Trà hay là Tỳ-Xá đồng-tử cõi Tứ-Thiên-Vương, thích cái hư-minh, đến ăn tinh-khí người tu-hành.)</p> <p> </p> <p>_ Hoặc bất nhân sư, kỳ tu-hành nhân, thân tự quan kiến.</p> <p> </p> <p>(_ Hoặc không nhân ông thầy, chính người tu-hành tự mình xem thầy.)</p> <p> </p> <p>_ Xưng Chấp-Kim-Cang, dữ nhữ trường-mệnh.</p> <p> </p> <p>(_ Bạn đó tự xưng là thần Chấp-Kim-Cang đến cho trường-thọ.)</p>	<p>_ Nên biết: Ma-vương trụ-thế như vậy, khiến quyến-thuộc Giá-Văn-Trà và Tỳ-Xá đồng-tử của Tứ-Thiên-Vương, người phát tâm, kẻ có sức mạnh hư-minh;</p> <p> </p> <p>- hoặc hiện hình quỉ-quái kỳ-dị làm cho người tu-hành thấy sợ;</p> <p> </p> <p>- hoặc giả xưng là Chấp-Kim-Cang-Thần ban phép cho người sống lâu;</p>

<p>_ Hiện mĩ-nữ thân, thạnh-hành tham-dục, vị du niênn tuế can nǎo khô kiệt, khẩu kiêm độc ngôn, thính nhược yêu my.</p> <p>(_ Bọn đó hiện thân gái đẹp, thịnh-hành việc dâm-dục, làm cho chưa đầy một năm, gan nǎo người tu-hành đã khô kiệt, miệng nói lảm bẩm một mình, nghe như yêu-my.)</p> <p>_ Tiên nhân vị tướng, đa hãm vương nạn, vị cập ngộ hình, tiên dĩ can tử. Nǎo-loạn bỉ nhân, dĩ chí tồ vân.</p> <p>(_ Người ngoài chưa rõ nguyên do, nên phần nhiều người bị như thế, phải sa vào lưới pháp-luật và chưa kịp hành hình đã chết khô trước. Thế là bọn khuấy phá người tu-hành kia, đến phải ốm chết.)</p>	<p>- hoặc hiện thân mĩ-nữ sa mê tham-dục, trong vòng một năm trí nǎo khô kiệt, ngồi nói lảm nhảm một mình như điên;</p> <p>- vì yêu-my hôn-ám phá rối tới mức cuối cùng, dầu có kẻ bị pháp-luật truy-tố, nhưng chưa xử đã chết khô.</p>
<p>_ A-Nan! Nhữ đương tiên giác, bất nhập luân-hồi.</p> <p>_ Mê-hoặc bất tri, đọa Vô-gián ngục.</p>	<p>_ A-Nan! Ông tu-hành, phải hiểu biết sáng suốt và thận-trọng ngăn ngừa trước tất cả ma-giáo để giải-thoát luân-hồi sanh-tử.</p> <p>_ Nếu mê-muội vướng vào cạm bẫy của ma-giáo thì ưng đọa Vô-gián địa-ngục.</p>
<p>阿難當知是十種魔於末世時。在我法中出家修道。或附人體或自現形。皆言已成正遍知覺。讚歎姪欲破佛律儀。 先惡魔師與魔弟子姪姪相傳。如是邪精魅其心腑。近則九生多踰百世。令真修行總為魔眷。 命終之後畢為魔民。失正遍知墮無間獄。 汝今未須先取寂滅。縱得無學留願入彼末法之中起大慈悲。 救度正心深信眾生。令不著魔得正知見。我今度汝已出生死。汝遵佛語名報佛恩。</p>	
<p>C.</p> <p>_ A-Nan! Đương tri: Thị thập chủng ma ư mạt-thế thời, tại ngã pháp trung, xuất-gia tu đạo, hoặc phụ nhân thể, hoặc tự hiện hình, giai ngôn dĩ thành, Chánh-Biến Tri-Giác, tán-thán dâm-dục, phá Phật luật-nghi.</p> <p>_ Tiên ác ma sư, dũ ma đệ-tử, dâm-dâm tương-truyền; như-thị tà-tinh, my kỳ</p>	<p>C.</p> <p>_ A-Nan! Ông phải biết: Mười loại ma kể trên, đến thời-kỳ mạt-pháp, ẩn vào Chánh-pháp của Phật, hoặc giả làm Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, hoặc giả làm Thiện-nam Tín-nữ, hoặc nhập xác người, hoặc tự hiện hình, nói dối trá là đã chứng quả-vị Chánh-Biến Tri-Giác, lại khen ngợi sự tham-dục ô-nhiễm, phá-hoại giới-luật của Phật.</p> <p>_ Thầy ma và trò ma, sa vào cảnh tham-dục ô-nhiễm truyền-kế nhau; đó là tà-</p>

<p>tâm-phủ, cận tắc cửu sanh, đa du bá thế, linh chơn tu-hành, tổng vi ma quyến.</p> <p>_ Mệnh chung chi hậu, tất vi ma dân, thất Chánh-Biến-Tri, đọa Vô-gián ngục.</p>	<p>tinh yêu-my vô-cùng hiểm-độc thâm-nhập tâm-phủ, ít thì chín đời, nhiều thì trăm đời, chủ-trương phá-hoại những người chơn-thiệt tu-hành bị thối chuyển, sa ngã, phản-nghịch Chánh-Pháp, để làm quyến-thuộc của Ma-vương, chờ không để làm thừa-kế cho Phật.</p> <p>_ Người nào bái-phục và sống theo mạng lịnh của Ma-vương hành-động độc-ác thì khi lâm-chung, chắc làm dân ma, tiêu mất Chánh-Biến Tri-Giác, sa-đọa vào Vô-gián địa-ngục.</p>
<p>_ Nhữ kim vị tu, tiên thủ tịch-diệt, túng đắc vô-học, lưu nguyện nhập bỉ, mạt-pháp chi trung, khởi đại từ-bi, cứu-độ chánh-tâm, thâm-tín chúng-sanh.</p> <p>(..., cứu-độ cho chúng-sanh có lòng thâm-tín chơn-chánh.)</p> <p>_ Linh bất trước ma, đắc chánh-tri-kiến.</p> <p>(_ Khiến cho khỏi mắc tà-ma, được chánh-tri-kiến.)</p> <p>_ Ngã kim độ nhữ, dĩ xuất sanh-tử, nhữ tuân Phật-ngữ, danh báo Phật-ân.</p> <p>(_ Nay Ta đã độ ông ra khỏi sống chết, ông vâng lời Phật dạy, thì gọi là báo ơn Phật.)</p>	<p>_ Vậy ai đã phát-nguyên thuần-túy tu-hành giải-thoát, thủy-chung như nhứt, tất-nhiên phải hết sức cẩn-thận, xa lánh các loại chướng-ma.</p> <p>_ A-Nan! Ông và Đại-chúng, dẫu có đắc quả Vô-học cũng không nên vội nhập Niết-Bàn, quý vị phải nguyện ở đời mạt-pháp, phát tâm đại-tử đại-bi, bảo-hộ những người có đức tín thắm sâu, quyết-chí theo Tam-Bảo, cầu đạo giải-thoát, chơn-thiệt tu-hành có thủy có chung.</p> <p>_ Quý vị luôn luôn tận-tâm cứu-độ các chơn Phật-tử ấy tránh khỏi ma-giáo, đắc Chánh-tri-kiến, viên-chứng Phật-quả.</p> <p>_ Nay Ta cứu-độ quý vị, giải-thoát sanh-tử khổ-hải tất-nhiên quý vị có bốn-phận soi gương mẫu của Ta, hoàn-toàn y giáo phụng-hành gọi là báo Phật-ân.</p>

阿難如是十種禪那現境。皆是想陰用心交互故現斯事。眾生
頑迷不自忖量。逢此因緣迷不自識謂言登聖。大妄語成墮無間獄。
汝等必須將如來語。於我滅後傳示末法。遍令眾生開悟斯義。
無令天魔得其方便。保持覆護成無上道。

18. A-Nan! Như-thị thập chủng, Thiền-na hiện cảnh, giai thị Tưởng-Ấm, dụng tâm giao-hỗ, cố hiện tư sự.

D.

18. Ông phải biết: Mười thứ thiền-định biến-hiện cảnh-vật như thế đều do công-dụng của Tưởng-Ấm ma chuyển-động phát-sanh.

<p>_ Chúng-sanh ngoan mê, bất tự thõn lượng, phùng thử nhân-đuyên, mê bất tự thức, vị ngôん đăng Thánh, đại vọng-ngữ thành, đọa Vô-gián ngục.</p>	<p>_ Vì hành-giả ngoan-cố tối tăm, vọng-tưởng điên-đảo, không suy xét sáng suốt; nên gặp tà-đuyên, mê-muội mà chẳng tự biết, dám giả xưng là chứng Thánh; thành-thử phạm tội đại-vọng-ngữ, ưng đọa Vô-gián địa-ngục.</p>
<p>_ Nhữ đăng tất tu, tương Như-Lai ngữ, ư ngã diệt hậu, truyền thị mạt-pháp, biến linh chúng-sanh, khai ngộ tư nghĩa; vô linh Thiên-ma, đắc kỳ phuong-tiện, bảo trì phú-hộ, thành Vô-Thượng-Đạo. (_ Các ông cần phải, sau khi Ta diệt-dộ rồi, đem những lời dạy này của Như-Lai truyền bày cho đời mạt-pháp, khiến cho khắp các chúng-sanh tỏ ngộ nghĩa đó; không để Thiên-ma được dịp khuấy rối, giữ gìn che chở cho chúng-sanh thành đạo Vô-thượng.)</p>	<p>_ Thế nên ông và tất cả Đại-chúng phải nhứt-tâm y giáo phụng-hành như vầy: _ Sau khi Như-Lai nhập-diệt, ở trong đời mạt-pháp, dĩ tận-lực truyền-bá nghĩa-lý nhiệm-mầu giải-thoát; không nên sơ-suất, để cho những chướng-ma có đủ phuong-tiện phá-hại, đồng-thời hoàn-toàn hy-sinh, bảo-hộ các vị thanh-tịnh thuần-túy chơn-tu thành Đạo Bồ-Đề Vô-Thượng.</p>
<p>DỊCH ÂM ĐỆ CỦU QUYỂN CHUNG</p>	<p>DIỄN NGHĨA HẾT QUYỂN CHÍN</p>

_ **Phương-đức vô-lượng:** đạo cao đức trọng, phẩm-hạnh chính-trực, tiếng thơm vô-lượng.

CHÚ-THÍCH (2018)

CHIẾT TỰ chữ ĐỨC (德)

Chữ ‘Đức’ (德) trong tiếng Hán bao gồm năm bộ-phận cấu-thành, đó là: bộ ‘Sách’ (彳), bộ ‘Thập’ (十), bộ ‘Mục’ (mắt 目 nằm ngang 四), bộ ‘Nhứt’ (一) và bộ ‘Tâm’ (心). Trong đó:

‘Sách’ (彳) chỉ bước đi chậm rãi, lâu dài, trưởng kỳ. Có thể hiểu rằng, ‘Đức’ là phải từng chút từng chút tích-lũy mà thành, không phải là việc nhứt-thời mà là việc của cả một đời.

‘Thập’ (十) ngũ ý là nhiều, là đầy đủ, là thập-toàn thập-mỹ, mười phân vẹn mười, cũng có ngũ ý là bốn phương tám hướng. Điều đó có nghĩa rằng, con người dù ở đâu, lúc nào cũng phải dùng đức-hạnh để đối-dãi với người khác.

‘Mục’ (mắt 目 nằm ngang 四), nhấn mạnh rằng, người có đức thì có thể biết rõ thị-phi, thật giả, có thể phân-biệt được tốt-xấu, đúng sai.

‘Nhứt’ (一) mang ý-nghĩa là chỉnh-thể, tổng-thể, là toàn-bộ, ý nói người có đức lấy đại-cục làm trọng, không tư-lợi cho bản-thân, vạn pháp quy nhứt, một lòng một dạ, tâm không tạp-niệm, không vướng bận.

‘Tâm’ (心) là chỉ nội-tâm, muốn tu-duoing được đức thì cần phải dựa vào tu-duoing nội-tâm. Tâm là bên trong, là thật lòng, chân-tình, trung-thành. Tâm (心) là bộ-phận dưới cùng của chữ Đức (德), ý nói Đức là trong đáy lòng không có vụ-lợi, tư-lợi.

Trong *Thuyết Văn Giải Tự* giải nghĩa: “Đức, thăng dã”, nghĩa là “Đức có nghĩa là lên cao”. Có hàm-ý là chỉ đạo-đức, tâm-tính của con người cần thăng-hoa lên cao.

Bởi ‘Đức’ có nghĩa lên tầng thứ cao, nên cũng có nghĩa chỉ người tu-hành hàng ngày tu-hành tinh-tấn, do đó chữ Đức có bộ Sách (彳) = bước đi nhỏ.

Sự thăng-hoa đạo-đức, tâm-tính của con người, hay sự tinh-tấn của người tu-hành, là những bước đi nhỏ chớ không phải chạy, không phải nhảy, cũng không phải tản bộ trên mặt đất, hay rảo bước, mà là mỗi bước một dấu chân đi lên, leo lên cao.

Bên phải chữ Đức là “Thập Mục Nhứt Tâm” (十 目 一 心) = Mười mắt một lòng.

Trước tiên nói về chữ Nhứt, chúng ta đều biết Nhứt là số 1, là đơn-giản nhất. Thực-tế chữ số này phức-tạp nhứt. Trong *Thuyết Văn Giải Tự*, chữ Nhứt được giải nghĩa nhiều nhứt, trong đó có nói rằng: “Ban đầu Thái-cực, Đạo hình-thành từ Nhứt, tạo thành phân chia Trời Đất, hóa thành vạn vật”. Do đó chữ Nhứt là thủy-tổ của vạn vật, là cội nguồn của tất cả mọi vật. Từ Nhứt phái-sinh ra Âm Dương, phái-sinh ra Trời Đất.

Cho nên chữ Nhứt một nét ngang này thực-tế là phân chia Trời Đất, trên là Trời, dưới là Đất. Còn chữ Thập là “Thập phương thế-giới, tứ diện bát phương”, nghĩa là “Thế-giới mười phương, bốn mặt tám phương”.

Như vậy chữ Đức này có ý-nghĩa rất thâm-thúy. Trên chữ Nhứt là Thập Mục, nghĩa là khắp trên Trời đều có mắt. Còn ở dưới chữ Nhứt là chữ Tâm, nghĩa là ở dưới Đất là nhân-tâm, tâm con người. Như vậy có nghĩa là mắt Trời đang nhìn lòng người.

Chúng ta có thể hiểu: Người có đức lớn (đại-đức 大德 hồng-đức 洪德) là người làm cho tất cả mọi người dù ở “bốn phương tám hướng” cũng đều ‘cùng một lòng’ (Nhứt-Tâm), ‘đồng một mắt’ (cùng chung cái nhìn/ suy nghĩ/ quan-điểm/ lý-tưởng...). (mười mắt một lòng)

Trong Phật-giáo, ‘cùng một lòng’ nghĩa là Nhứt-Tâm, là ngộ-nhập được Chơn-Tâm/ Phật-Tánh; ‘đồng một mắt’ nghĩa là đồng thấy nhứt-thiết sự vật đều là tánh không.

Lời Tứ kinh Thủ-Lăng-Nghiêm này có nói:

“*Đức Phật* từ-bi vô-lượng, không phân-biệt thân-sơ, giai-cấp, chủng-tộc, suốt đời truyền-bá một giáo-lý đại-dồng và lúc nào cũng muốn giáo-lý đó được hiến-minh phổ-biến khắp vô-trụ sơn-hà, từ thàn-thị chí thôn quê, bất-luận xuất-gia hay tại-gia, quan hay dân, giàu hay nghèo, ai ai cũng hấp-thọ được, chỉ có mỗi người tùy căn-cơ riêng mà lanh-hội”.

Đó là lý do vì sao chúng ta tôn xưng Phật là *Đức Phật*. Vì Phật là bậc Viên-Giác có đầy đủ phuơng-đức (方德) vô-lượng.

**YẾU-GIẢI
KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM
QUYỂN CHÍN**

(1) **Thập bát Sắc-giới Thiên:** mười tám bậc Thiên ở 18 tầng Trời Sắc-giới:

1. Phạm-Chúng Thiên.
2. Phạm-Phụ Thiên.
3. Đại-Phạm Thiên. (ba bậc Thiên kể trên gọi chung là *Sơ-Thiên Thiên*).
4. Thiếu-Quang Thiên.
5. Vô-Lượng-Quang Thiên.
6. Quang-Âm Thiên. (ba bậc Thiên kể trên gọi chung là *Nhị-Thiên Thiên*).
7. Thiếu-Tịnh Thiên.
8. Vô-Lượng-Tịnh Thiên.
9. Biển-Tịnh Thiên. (ba bậc Thiên kể trên gọi chung là *Tam-Thiên Thiên*).
10. Phước-Sanh Thiên.
11. Phước-Ái Thiên.
12. Quảng-Quả Thiên.
13. Vô-Tưởng Thiên. (bốn bậc Thiên kể trên gọi chung là *Tứ-Thiên Thiên*).
14. Vô-Phiền Thiên.
15. Vô-Nhiệt Thiên.
16. Thiện-Kiến Thiên.
17. Thiện-Hiện Thiên.
18. Sắc-Cứu-Cánh Thiên.

(2) **Tứ Vô-Sắc-giới Thiên:** bốn bậc Thiên ở bốn tầng Trời Vô-Sắc-giới:

1. Không-Xứ Thiên hoặc Không Vô-Biên-Xứ Thiên.
2. Thức-Xứ Thiên hoặc Thức Vô-Biên-Xứ Thiên.
3. Vô-Sở-Hữu-Xứ Thiên.
4. Phi-Tưởng Phi-Phi-Tưởng Xứ Thiên.

(3) **Mạn, ngã-mạn, tà-mạn, quá-mạn, mạn-quá-mạn, tăng-thượng-mạn, ty-liệt-mạn.**

Có bảy thứ mạn:

1. Mạn : đức-tài hơn người ít mà tưởng hơn nhiều.
2. Ngã-mạn : tự-phụ tưởng mình có đức cao tài giỏi, hiếp đáp, chê bai, phỉ-báng người.
3. Tà-mạn : tu theo tà-giáo được chút ít thằn-thông biến-hóa hoặc hiểu biết một phần nào về quá-khứ vị-lai rồi khinh rẻ mạt sát người.
4. Quá-mạn : đức-tài bằng người mà cho là hơn, hoặc thua người mà cho là bằng.
5. Mạn-quá-mạn : đức-tài thua người nhiều mà kiêu-căng cho là hơn.
6. Tăng-thượng-mạn : tự-tôn tự-đại chưa chứng Thánh mà cho là chứng Thánh.
7. Ty-liệt-mạn : đức-tài thua người nhiều mà cho là không thua hoặc thua ít.
– Mạn là một trong mươi món phiền-não cản-bổn danh gọi Thập kiết-sử.

Thập kiết-sử tức là mươi món trói buộc (kiết) người trong tam giới đau khổ và sai khiến (sử) người luân-hồi sanh-tử.

Thập kiết-sử:

- | | |
|----------|-------------------|
| 1. Tham. | 6. Thân-kiến. |
| 2. Sân. | 7. Biên-kiến. |
| 3. Si. | 8. Kiến-thủ. |
| 4. Mạn. | 9. Tà-kiến. |
| 5. Nghi. | 10. Giới-cấm thủ. |

YẾU-GIẢI HẾT QUYẾN CHÍN

CHÚ-THÍCH: (2018)

DOẠN 2

_ **Phạm-hạnh** (梵行) = **Tịnh-hạnh** (淨行): là phép tu-hành thanh-tịnh của hàng xuất-gia, đoạn-tuyệt sự đâm-dục.

DOẠN 17. / 7

_ **Thành-hoàng** (城隍): Vị thần được dân cư trong vùng thờ phượng. Vị thần của một làng.

(Trích của GS. Huỳnh Minh-Đức)

Thành hay Hoàng đều có nghĩa chung là loại thành-trì. Thành có nước chung quanh gọi là Trì (池). Thành không có nước gọi là Hoàng (隍). Quả Thái, *Kinh Dịch* có câu: Thành phục vu hoàng (城復于隍).

Ngoài ra Thành-hoàng còn là tên của vị thần.

Thiên “Giao Đặc Tánh”, *Kinh Lễ-Ký* có nhắc đến tám loại tế lễ của vua, mà lễ Thủy Dung (水庸) đứng thứ bảy. Thủy (水) là Hoàng (隍). Dung (庸) là Thành (城). Đây là bắt đầu tế thần Thành-hoàng.

Sách *Bắc Tề Thư*, Mô-Dung Nghiêm truyện có ghi: “Trong thành trước hết có xây một ngôi đền thờ thần, tục gọi là thần Thành-hoàng, lễ tế-tự thường kỳ”.

Lễ tế-tự Thành-hoàng chính-thức từ đây. Thời Nam Bắc triều tiếp-tục tế thần Thành-hoàng. Lễ này thịnh vào đời Đường. Các nhà thơ lớn đời Đường đều có làm “Tế Thành-hoàng thần văn” như Trương Cửu-Linh, Hàn Dũ, Đỗ Mục, Lý Thương-Ẩn Đại-khai thờ thần Thành-hoàng là cầu cho mưa thuận gió hòa, tránh được tai-ương. Dời Tống thì tế Thành-hoàng thần được phổ-biến khắp nơi, trong đó có Việt-Nam.

527 – Thủ Lăng Nghiêm Kinh

HÒA-THƯỢNG THIỀN-SƯ
THÍCH TÙ-QUANG

THỦ LĂNG NGHIÊM
KINH
DỊCH ÂM, DIỄN NGHĨA, YẾU GIẢI
QUYỂN MƯỜI

CHƠN-ĐỨC THIỀN-VIỆN
1948

Dịch Âm THỦ-LĂNG-NGHIÊM KINH Đệ Thập Quyển	Diễn Nghĩa KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM Quyển Mười
1.	1. HÀNH-ẤM MA.
	<p>阿難彼善男子。修三摩提想陰盡者。是人平常夢想銷滅寤寐恒一。覺明虛靜猶如晴空。無復龜重前塵影事。觀諸世間大地河山如鏡鑑明。來無所粘過無蹤跡。虛受照應了罔陳習唯一精真。生滅根元從此披露。見諸十方十二眾生。畢殫其類。雖未通其各命由緒。見同生基猶如野馬熠熠清擾。為浮根塵究竟樞穴。此則名為行陰區宇。若此清擾熠熠元性。性入元澄一澄元習。如波瀾滅化為澄水名行陰盡。是人則能超眾生濁。觀其所由幽隱妄想以為其本。</p>
<p>_ A-Nan! Bỉ Thiện-nam-tử, tu Tam-ma-đê, Tưởng-ấm tận giả, thị nhân bình-thường, mộng-tưởng tiêu-diệt, ngộ my hăng nhứt, giác-minh hư tịnh, do như tinh không, vô phục thô-trọng, tiền-trần ảnh sự.</p> <p>(_ A-Nan! Thiện-nam-tử tu pháp chánh-dịnh, Tưởng-ấm tiêu tan, thì những mộng-tưởng bình-thường của người đó đã tiêu-diệt, khi thức khi ngủ luôn luôn một thể, tánh giác-minh rỗng lặng như hư-không trong sạch, không còn những sự tưởng tiền-trần thô-trọng.)</p> <p>_ Quan chư thế-gian, đại-địa sơn-hà, như kính giám minh, lai vô sở niệm, quá vô túng tích, hư thọ chiếu ứng, liễu võng trần tập, duy-nhứt tinh-chơn.</p> <p>(_ Xem những núi sông đất liền thế-gian, như gương soi sáng, khi đến, không dính vào đâu, khi qua, không có dấu vết, rỗng chịu chiếu ứng, rõ ràng không còn tập-quán cũ, chỉ một tánh tinh-chơn.)</p> <p>_ Sanh diệt căn-nguyên, tùng thủ phi lộ, kiến chư thập phuơng, thập nhị chúng-sanh, tất đơn kỳ loại, tuy vị thông kỳ các mệnh do tự, kiến đồng sanh cơ, do như dã-mã, tập tập thanh nhiễu, vi phù căn trần, cứu-cánh khu huyệt, thủ tắc danh vi Hành-ấm khu vũ.</p> <p>(_ Căn-nguyên của sanh diệt từ đó phơi lộ ra, thấy được 12 loài chúng-sanh thập phuơng, rõ hết các loài; tuy chưa thông suốt mạnh mẽ của mỗi chúng-sanh,</p>	<p>A.</p> <p>Đức Phật dạy:</p> <p>_ A-Nan! Thiện-nam-tử tu pháp chánh-dịnh, Tưởng-ấm tiêu tan, vọng-niệm đoạn trừ, thức ngủ như một giấc minh-tịnh, cũng như hư-không, chẳng có tướng thô-phù và bóng tiền-trần.</p> <p>_ Quán-sát núi sông đất bằng ở thế-gian như tấm gương trong suốt, không còn dính mắc chi cả, Thọ-ấm soi tỏ, dấu vết dĩ-vãng diệt tận, các tập-kí trần-cấu cũ đều dứt tuyệt, chỉ còn một điểm tinh-chơn.</p> <p>_ Về căn-nguyên sanh diệt khiến 12 chủng-loại chúng-sanh, từ chủng-loại thông-mạng cho tới chủng-loại chưa thông-mạng đều do một căn-nguyên, ví như con nai thấy biết chất trong trẻo, tưởng là chỗ căn-trần cứu-cánh nhưng đó chỉ là cảnh-giới của ấm Hành.</p>

<p>nhưng đã thấy cơ-sở sanh diệt chung, giống như bóng dã-mã, lớp lốp chớp nhoáng hiện ra, làm cái then chốt phát-sinh các phù-căn-trần; ấy thì gọi là phạm-vi Hành-Ấm.)</p> <p>_ Nhược nhữ thanh nhiễu, tập tập nguyên tánh, tánh nhập nguyên trừng, nhứt trừng nguyên tập, như ba lan diệt, hóa vi trừng thủy, danh Hành-Ấm tận; thị nhân tắc năng, siêu chúng-sanh trước, quán kỳ sở do, u-ẩn vọng-tưởng, dĩ vi kỳ bốn.</p> <p>(_ Nếu cái cội gốc của những lăng xăng chớp nhoáng u ẩn đó, vào được tánh đứng lặng bản-lai, những tập-kí sanh diệt bản-lai dừng lại, như sóng mòi diệt hết, hóa thành nước đứng, thì gọi là hết Hành-Ấm; người đó vượt khỏi chúng-sanh trước, xét lại nguyên do, cội gốc là u-ẩn vọng-tưởng.)</p>	<p>_ Nguyên-tánh rõ thấu chất trong treo, ví như các làn sóng biến mất, nước trở nên yên lặng tinh-khiết, đó là dứt sạch ấm Hành; thì dĩ-nhiên thoát-ly chúng-sanh trước, xem xét thấy rõ vọng-tưởng diên-dảo là cội gốc sanh-tử.</p>
--	---

阿難當知是得正知奢摩他中諸善男子凝明正心。十類天魔不得其便。方得精研窮生類本。於本類中生元露者。觀彼幽清圓擾動元。於圓元中起計度者。是人墮入二無因論。

一者是人見本無因。何以故。是人既得生機全破。乘于眼根八百功德。見八萬劫所有眾生。業流灣環死此生彼。祇見眾生輪迴其處。八萬劫外冥無所觀。便作是解。此等世間十方眾生。八萬劫來無因自有。由此計度亡正遍知。墮落外道惑菩提性。

二者是人見末無因。何以故。是人於生既見其根。知人生人悟鳥生鳥。鳥從來黑鵠從來白。人天本豎畜生本橫。白非洗成黑非染造。從八萬劫無復改移。今盡此形亦復如是。而我本來不見菩提。云何更有成菩提事。當知今日一切物象皆本無因。由此計度亡正遍知。墮落外道惑菩提性。是則名為第一外道立無因論。

2.

A-Nan! Dương tri.

_ Thị đắc chánh tri, Sa-ma-tha trung, bỉ Thiện-nam-tử, ngưng minh chánh tâm, thập loại Thiên-ma, bất đắc kỳ tiệm.

_ Phương đắc tinh nghiên, cùng sanh loại bốn, ư bốn loại trung sanh nguyên lộ giả, quán bỉ u thanh, viên nhiều động nguyên, ư viên nguyên trung.

B.

2. (HÀNH-ẤM MA 1)

A-Nan! Ông phải biết:

_ Như vậy đắc Chánh-Biến-Tri trong pháp Tam-ma-dê, vững chắc chánh-tâm thì mười chướng ma không có phương tiện phá rối.

_ Lúc bấy giờ Thiện-nam-tử cùu xét rốt ráo căn-bốn viên-minh của chúng-sanh, nhờ căn-bốn ấy mà được tỏ rạng phong-quang, đến khi hôn-muội trầm-nịch là tại vọng-tưởng nhiều-động, cũng ở trong căn-bốn ấy.

<p>_ Khởi kế đạc giả, thị nhân truy nhập, nhị vô nhân luận.</p>	<p>_ Do chỗ cứu xét đó Thiện-nam-tử lạc vào hai thứ luận chấp vô-nhân như sau:</p>
<p>_ Nhứt giả thị nhân kiến bốn vô nhân. Hà dĩ cố?</p> <p>_ Thị nhân ký đắc, sanh cơ toàn phá, thừa vu nhãncǎn, bát bá công đức, kiến bát vạn kiếp, sở-hữu chúng-sanh, nghiệp lưu loan hoàn, tử thủ sanh bỉ, chỉ kiến chúng-sanh, luân-hồi kỳ xứ, bát vạn kiếp ngoại, minh vô sở quán.</p> <p>_ Tiện tác thị giải, thử dǎng thế-gian, thập phương chúng-sanh, bát vạn kiếp lai, vô nhân tự hữu.</p> <p>_ Do thủ kế đạc, vong Chánh-Biến-Tri, đọa-lạc ngoại-đạo, hoặc Bồ-Đề tánh.</p>	<p>a) Vì sao Thiện-nam-tử thấy căn-bốn vô-nhân?</p> <p>_ Vì Thiện-nam-tử nương theo nhãncǎn, 800 công-đức, trong 8 vạn kiếp, thấy biết có chúng-sanh trôi lăn ở biển nghiệp, sanh rồi tử, tử rồi sanh, luân-hồi suốt 8 vạn kiếp mịt mù.</p> <p>_ Thiện-nam-tử chỉ thấy biết thập phương chúng-sanh ở thế-gian luân-hồi từ 8 vạn kiếp trở lại, vô-nhân mà có.</p> <p>_ Do chỗ luận mê-chấp đó Thiện-nam-tử mất Chánh-Biến-Tri, lạc vào ngoại-đạo, lầm tánh Bồ-Đề.</p>
<p>_ Nhị giả thị nhân, kiến mạt vô nhân. Hà dĩ cố?</p> <p>_ Thị nhân ư sanh, ký kiến kỳ cẩn, tri nhân sanh nhân, ngộ điểu sanh điểu, ô tùng lai hắc, cốc tùng lai bạch.</p> <p>_ Nhân-thiên bốn thụ, súc-sanh bốn hoành.</p> <p>(_ Loài người, loài trời thân vẫn đứng thẳng, các loài súc-sanh thân vẫn nằm ngang.)</p> <p>_ Bạch phi tẩy thành, hắc phi nhiễm tạo.</p> <p>(_ Sắc trắng không phải do tẩy mà thành, sắc đen không phải do nhuộm tạo ra.)</p> <p>_ Tùng bát vạn kiếp, vô phục cải di, kim tận thử hình, diệc phục như-thị.</p>	<p>b) Vì sao Thiện-nam-tử thấy cuối căn-bốn vô-nhân?</p> <p>_ Vì Thiện-nam-tử thấy biết căn-bốn, người sanh người, chim sanh chim, quạ thì đen, cò thì trắng,</p> <p>- Thiên-Nhân vốn thụ, thú-vật vốn ngang,</p> <p>- quạ đen không nhuộm mà đen, cò trắng không phải rửa mà trắng,</p> <p>- từ 8 vạn kiếp đến nay không có thay đổi, và từ đây về sau chắc cũng tự-nhiên như vậy.</p>
<p>_ Nhi ngã bốn lai, bất kiến Bồ-Đề, vân hà cánh hữu, thành Bồ-Đề sự.</p> <p>_ Dương tri kim nhụt, nhứt-thiết vật tượng, giai bốn vô nhân.</p> <p>_ Do thủ kế đạc, vong Chánh-Biến-Tri, đọa-lạc ngoại-đạo, hoặc Bồ-Đ Đề tánh.</p> <p>_ Thị tắc danh vi đệ-nhứt ngoại-đạo, lập vô-nhân luận.</p>	<p>_ Căn-bốn không có nhân thấy Bồ-Đề thì làm sao thành-tựu quả Bồ-Đ Đề?</p> <p>_ Như vậy căn-bốn của các vật-tượng ở thế-gian hiện nay đều vô-nhân.</p> <p>_ Do chỗ luận mê-chấp đó Thiện-nam-tử mất Chánh-Biến-Tri, lạc vào ngoại-đạo, lầm tánh Bồ-Đ Đề.</p> <p>_ Hai thứ luận chấp vô-nhân như vậy gọi là Đệ-nhứt ngoại-đạo, lập vô-nhân luận.</p>

阿難是三摩中諸善男子。凝明正心魔不得便。窮生類本觀彼幽清常擾動元。於圓常中起計度者。是人墮入四遍常論。

一者是人窮心境性二處無因。修習能知二萬劫中。十方眾生所有生滅。咸皆循環不曾散失。計以為常。

二者是人窮四大元四性常住。修習能知四萬劫中。十方眾生所有生滅。咸皆體恒不曾散失。計以為常。

三者是人窮盡六根。末那執受心意識中。本元由處性常恒故。修習能知八萬劫中。一切眾生循環不失。本來常住窮不失性。計以為常。

四者是人既盡想元。生理更無流止運轉。生滅想心今已永滅。理中自然成不生滅。因心所度計以為常。由此計常亡正遍知。墮落外道惑菩提性。是則名為第二外道立圓常論。

<p>3.</p> <ul style="list-style-type: none"> _ A-Nan! Thị Tam-ma trung, bỉ Thiện-nam-tử, ngưng minh chánh-tâm, ma bất đắc tiễn. _ Cùng sanh loại bốn, quán bỉ u thanh, thường nhiễu động nguyên, ư vien thường trung. _ Khởi kế đặc giả, thị nhân truy nhập, từ biến thường luận. 	<p>3. (HÀNH-ÁM MA 2)</p> <ul style="list-style-type: none"> _ A-Nan! Thiện-nam-tử tu pháp chánh-định, giữ vững chánh-tâm thì các chướng-ma không có phương-tiện phá rối. _ Lúc bấy giờ Thiện-nam-tử cứu xét rốt ráo cǎn-bốn của chúng-sanh, thấy biết thường có sự nhiễu-động ở trong cǎn-bốn vien-minh ấy. _ Do chỗ cứu xét đó mà Thiện-nam-tử lạc vào bốn thứ luận chấp thường như sau:
<p>_ Nhứt giả thị nhân, cùng tâm cảnh tánh, nhị xứ vô nhân, tu tập năng tri, nhị vạn kiếp trung, thập phương chúng-sanh, sở-hữu sanh diệt, hàm gai tuần-hoàn, bất tặc tán thất, kế dĩ vi thường.</p>	<p>a) Cứu xét rốt ráo tâm và cảnh, hai thứ đều vô-nhân, do sức tu tập thấy biết trong vòng 2 vạn kiếp, thập phương chúng-sanh sống chết tuần-hoàn không mất, nên chấp là thường.</p>
<p>_ Nhị giả thị nhân, cùng tử-đại nguyên, tử tánh thường-trụ, tu-tập năng tri, tử vạn kiếp trung, thập phương chúng-sanh, sở-hữu sanh-diệt, hàm gai thể hằng, bất tặc tán thất, kế dĩ vi thường.</p>	<p>b) Cứu xét rốt ráo tử-đại (địa thủy hỏa phong), bốn-tánh thường-trụ, do sức tu-tập thấy biết trong vòng 4 vạn kiếp, thập phương chúng-sanh sống chết tuần-hoàn không mất, nên chấp là thường.</p>
<p>_ Tam giả thị nhân, cùng-tận lục-căn, Mật-na chấp thọ, tâm ý thức trung, bốn nguyên do xứ, tánh thường hằng cố, tu-tập năng tri, bát vạn kiếp trung, nhứt-thiết chúng-sanh, tuần-hoàn bất thất,</p>	<p>c) Cứu xét rốt ráo lục-căn cho tới lục-thức, ý-thức lanh-hội và Mật-na thức truyền-tống, bốn-tánh thường-trụ, do sức tu-tập thấy biết trong vòng 8 vạn kiếp, thập phương chúng-sanh sống chết tuần-</p>

<p>bổn-lai thường-trụ, cùng bất thắt tánh, kế dĩ vi thường.</p> <p>(...tuần-hoàn không mất, bổn-lai là thường-trụ, rồi xét tột tánh không mất đó, nên chấp là thường.)</p>	<p>hoàn không mất, nên chấp là thường.</p>
<p>_ Tứ giả thị nhân, ký tận tưởng nguyên, sanh lý cánh vô, lưu chỉ vận chuyển, sanh diệt tưởng tâm, kim dĩ vĩnh diệt, lý trung tự-nhiên, thành bất sanh diệt, nhân tâm sở đặc (/độ), kế dĩ vi thường.</p> <p>(_ Bốn, là người đó nghĩ rằng đã hết Tưởng-Ấm, lẽ ra không còn lưu-chuyển, đứng lặng xoayวน; tư-tưởng sanh diệt đã diệt hết rồi, thì trong lý tự-nhiên thành không sanh diệt; người đó, nhân tâm-niệm so do như thế, mà chấp là thường.)</p>	<p>d) Cứu xét rốt ráo tưởng-Ấm sanh-diệt, vốn không có lưu-chuyển, đã dứt sạch thì tự-nhiên thành bất-sanh bất-diệt, nên chấp là thường.</p>
<p>_ Do thủ kế thường, vong Chánh-Biến-Tri, đọa-lạc ngoại-đạo, hoặc Bồ-Đề tánh.</p> <p>_ Thị tắc danh vi đệ-nhi ngoại-đạo, lập viên-thường luận.</p>	<p>_ Vì bốn thứ luận chấp thường đó, nên Thiện-nam-tử mất Chánh-Biến-Tri, lạc vào ngoại-đạo, lầm tánh Bồ-Đề.</p> <p>_ Bốn thứ luận chấp thường như vậy gọi là Đệ-nhi ngoại-đạo, lập viên-thường luận.</p>

又三摩中諸善男子。堅凝正心魔不得便窮生類本。觀彼幽清常擾動元。於自他中起計度者。是人墜入四顛倒見。一分無常一分常論。

一者是人觀妙明心遍十方界。湛然以為究竟神我。從是則計我遍十方凝明不動。一切眾生於我心中自生自死。則我心性名之為常。彼生滅者真無常性。

二者是人不觀其心。遍觀十方恒沙國土。見劫壞處名為究竟無常種性。劫不壞處名究竟常。

三者是人別觀我心。精細微密猶如微塵。流轉十方性無移改。能令此身即生即滅。其不壞性名我性常。一切死生從我流出名無常性。

四者是人知想陰盡見行陰流。行陰常流計為常性。色受想等今已滅盡名為無常。由此計度一分無常一分常故。墮落外道惑菩提性。是則名為第三外道一分常論。

<p>4.</p> <p>_ Hữu Tam-ma trung, bỉ Thiện-nam-tử, kiên ngưng chánh-tâm, ma bất đắc tiên.</p> <p>_ Cùng sanh loại bổn, quán bỉ u thanh,</p>	<p>4. (HÀNH-ẤM MA 3)</p> <p>_ A-Nan! Thiện-nam-tử tu pháp chánh-định, giữ vững chánh-tâm thì các chướng ma không có phương-tiện phá rối.</p> <p>_ Lúc bấy giờ Thiện-nam-tử cứu xét rốt</p>
--	--

<p>thường nhiều động nguyên, ư tự tha trung.</p> <p>_ Khởi kế đặc giả, thị nhân trụy nhập, tứ diên-dảo kiến, nhứt phần vô-thường, nhứt phần thường luận.</p>	<p>ráo căn-bổn của chúng-sanh, thấy biết thường có sự nhiều-động ở tự-tha.</p> <p>_ Do chỗ cứu xét đó mà Thiện-nam-tử lạc vào bốn thứ luận diên-dảo, chấp một phần thường, một phần vô-thường như sau:</p>
<p>_ Nhứt giả thị nhân, quán diệu minh tâm, biến thập phương giới, trạm-nhiên dĩ vi cứu-cánh thần-ngã, tùng thị tắc kẽ, ngã biến thập phương, ngưng minh bất động.</p> <p>(_ Một, là người đó quán cái tâm diệu-minh lặng vậy cùng khấp thập phương thế-giới, cho là cái thần-ngã rốt ráo; do đó, chấp có cái ta cùng khấp thập phương đứng lặng sáng suốt không lay động.)</p> <p>_ Nhứt-thiết chúng-sanh, ư ngã tâm trung, tự sanh tự tử, tắc ngã tâm-tánh, danh chi vi thường, bỉ sanh diệt giả, chơn vô-thường tánh.</p>	<p>a) Quán Tâm Chơn-Nhu diệu-minh bao trùm thập phương thế-giới, rộng lớn bao la, yên lặng cứu-cánh;</p> <p>- tất cả chúng-sanh đều duy tâm mà có sanh có tử, nên thể-tánh của Tâm Chơn-Nhu diệu-minh là thường, còn thể-tánh của vạn-vật sanh-tử là vô-thường.</p>
<p>_ Nhị giả thị nhân, bất quán kỳ tâm, biến quán thập phương, Hằng-sa quốc-độ.</p> <p>_ Kiến kiếp hoại xứ, danh vi cứu-cánh, vô-thường chủng tánh.</p> <p>_ Kiếp bất-hoại xứ, danh cứu-cánh thường.</p>	<p>b) Không quán Tâm Chơn-Nhu mà quán Hằng-sa quốc-độ ở khấp mười phương,</p> <p>- chỗ kiếp hoại, chấp là vô-thường.</p> <p>- còn chỗ kiếp bất-hoại, chấp là thường,</p>
<p>_ Tam giả thị nhân, biệt quán ngã tâm, tinh-tế vi-mật, du như vi-trần, lưu-chuyển thập phương, tánh vô vi cải, năng linh thử thân, tức sanh tức diệt.</p> <p>_ Kỳ bất-hoại tánh, danh ngã tánh thường.</p> <p>_ Nhứt-thiết tử sanh, tùng ngã lưu xuất, danh vô-thường tánh.</p>	<p>c) Quán tâm tinh-tế mật-nhiệm, ví như vi-trần, lưu-chuyển ở khấp mười phương, thể-tánh không biến đổi, khiến thân hoạn có sanh có diệt,</p> <p>- thể-tánh không biến đổi, chấp là thường,</p> <p>- còn vạn-vật duy tâm mà có sanh-tử, chấp là vô-thường.</p>
<p>_ Tứ giả thị nhân, tri Tuởng-Ấm tận, kiến Hành-Ấm lưu, Hành-Ấm thường lưu, kế vi thường tánh; sắc Thọ Tuởng đắng, kim dĩ diệt tận, danh vô vi thường.</p> <p>(_ Bốn, là người đó biết Tuởng-Ấm hết rồi, thấy được dòng Hành-Ấm, chấp cái lưu-chuyển thường xuyên của Hành-Ấm là tánh thường; còn Sắc-Ấm, Thọ-Ấm, Tuởng-Ấm hiện đã diệt hết, thì gọi là vô-thường.)</p>	<p>d) Thấy biết Hành-Ấm vẫn lưu-chuyển thì chấp là thường, còn Sắc-Ấm, Thọ-Ấm và Tuởng-Ấm dứt sạch thì chấp là vô-thường.</p>

<p>_ Do thủ kế đặc, nhứt phần vô-thường, nhứt phần thường cố, đọa-lạc ngoại-đạo, hoặc Bồ-Đ Đề tánh.</p> <p>_ Thị tắc danh vi đệ-tam ngoại-đạo, lập nhứt phần thường, nhứt phần vô-thường luận.</p>	<p>_ Vì bốn thứ luận-chấp đó, nên Thiện-nam-tử mất Chánh-Biến-Tri, lạc vào ngoại-đạo, lầm tánh Bồ-Đ Đề.</p> <p>_ Bốn thứ luận chấp như vậy gọi là Đệ-tam ngoại-đạo, lập nhứt phần thường, nhứt phần vô-thường luận.</p>
--	---

又三摩中諸善男子。堅凝正心魔不得便竊生類本。觀彼幽清常擾動元。於分位中生計度者。是人墜入四有邊論。

一者是人心計生元流用不息。計過未者名為有邊。計相續心名為無邊。

二者是人觀八萬劫。則見眾生八萬劫前寂無聞見。無聞見處名為無邊。有眾生處名為有邊。

三者是人計我遍知得無邊性。彼一切人現我知中。我曾不知彼之知性。名彼不得無邊之心但有邊性。

四者是人窮行陰空。以其所見心路籌度。一切眾生一身之中。計其咸皆半生半滅。明其世界一切所有。一半有邊一半無邊。由此計度有邊無邊。墮落外道惑菩提性。是則名為第四外道立有邊論。

5.

_ Hựu Tam-ma trung, bỉ Thiện-nam-tử, kiên ngưng chánh-tâm, ma bất đắc tiễn.

_ Cùng sanh loại bốn, quán bỉ u thanh, thường nhiễu động nguyên, ư phần vị trung.

_ Sanh kế đặc giả, thị nhân trụy nhập, từ hữu-biên cập vô-biên luận.

_ Nhứt giả thị nhân, tâm kế sanh nguyên, lưu dụng bất tức.

_ Kế quá vị giả, danh vi hữu biên.

(_ Rồi chấp quá-khứ, vị-lai, là hữu-biên.)

_ Kế tương-tục tâm, danh vi vô-biên.

_ Nhị giả thị nhân, quán bát vạn kiếp, tắc kiến chúng-sanh, bát vạn kiếp tiền, tịch vô văn kiến; vô văn kiến xứ, danh

5. (HÀNH-ẤM MA 4)

_ A-Nan! Thiện-nam-tử tu pháp chánh-định, giữ vững chánh-tâm thì các chướng ma không có phương-tiện phá rối.

_ Lúc bấy giờ Thiện-nam-tử cứu xét rốt ráo căn-bốn của chúng-sanh, thấy biết thường có sự nhiễu-động ở trong phận-vị.

_ Do chỗ cứu xét đó mà Thiện-nam-tử lạc vào bốn thứ luận chấp hữu-biên và vô-biên như sau:

a) Cứu xét tâm vốn sanh, lưu-dụng không dứt,
- về quá-khứ gọi là hữu-biên,

- còn tâm ở hiện-tại tiếp nối nhau gọi là vô-biên.

b) Cứu xét trong vòng 8 vạn kiếp, thấy biết chúng-sanh gọi là hữu-biên, còn ngoài 8 vạn kiếp mịt mù, không thấy

vi vô-biên; hữu văn kiến xứ, danh vi hữu-biên.	biết được gọi là vô-biên.
<p>_ Tam giả thị nhân, kế ngã biến tri, đắc vô-biên tánh, bỉ nhứt-thiết nhân, hiện ngã tri trung, ngã tầng bất tri, bỉ chi tri tánh, danh bỉ bất đắc, vô-biên chi tâm, đãn hữu-biên tánh.</p> <p>(_ Ba, là người đó chấp rằng mình biết cùng khắp, là được tánh vô-biên, còn tất cả các người kia, hiện ra trong cái biết của mình, mà mình không hề biết họ nhận được tánh biết, thì những người kia không được cái tâm vô-biên và chỉ có tánh hữu-biên.)</p>	c) Cứu xét thế-giới vạn-vật đều do tâm tạo, gọi là hữu-biên, còn thể-tánh của tâm biến-tri bao trùm khắp pháp-giới, gọi là vô-biên.
<p>_ Tứ giả thị nhân, cùng Hành-Ấm không, dĩ kỳ sở kiến, tâm lộ trù đặc, nhứt-thiết chúng-sanh, nhứt thân chi trung, kế kỳ hàm giai, bán sanh bán diệt, minh kỳ thế-giới, nhứt-thiết sở-hữu, nhứt bán hữu-biên, nhứt bán vô-biên.</p> <p>(_ Bốn, là người đó khi xét cùng diệt trừ Hành-Ấm, dùng tri-khiến của mình, mà so do chấp tất cả chúng-sanh trong mỗi cái thân, đều là phân nửa sanh, phân nửa diệt, và chấp tất cả sự vật có trong thế-giới, đều một nửa là hữu-biên, một nửa là vô-biên.)</p>	d) Quan-sát rốt ráo Ấm Hành, chủ-tâm suy xét, thấy biết thế-giới vạn-vật đều có phân nửa sanh gọi là hữu-biên, phân nửa diệt gọi là vô-biên.
<p>_ Do thử kế đặc, hữu-biên vô-biên, đọa-lạc ngoại-đạo, hoặc Bồ-Đề tánh.</p> <p>_ Thị tắc danh vi đệ tứ ngoại-đạo, lập hữu-biên cập vô-biên luận.</p>	<p>_ Do bốn thử luận chấp đó, nên Thiên-nam-tử lạc vào ngoại-đạo, lầm tánh Bồ-Đề.</p> <p>_ Bốn thử luận chấp như vậy gọi là Đệ-tứ ngoại-đạo, lập hữu-biên cập vô-biên luận.</p>

又三摩中諸善男子。堅凝正心魔不得便竊生類本。觀彼幽清常擾動元。於知見中生計度者。是人墜入四種顛倒。不死矯亂遍計虛論。

一者是人觀變化元。見遷流處名之為變。見相續處名之為恒。見所見處名之為生。不見見處名之為滅。相續之因性不斷處名之為增。正相續中中所離處名之為減。各各生處名之為有。互互亡處名之為無。以理都觀用心別見。有求法人來問其義。答言我今亦生亦滅。亦有亦無亦增亦減。於一切時皆亂其語。令彼前人遺失章句。

二者是人諦觀其心。互互無處因無得證。有人來問唯答一字但言其無。除無之餘無所言說。

三者是人諦觀其心。各各有處因有得證。有人來問唯答一字

但言其是。除是之餘無所言說。

四者是人有無俱見。其境枝故其心亦亂。有人來問答言亦有即是亦無。亦無之中不是亦有。一切矯亂無容窮詰。由此計度矯亂虛無。墮落外道惑菩提性。是則名為第五外道四顛倒性。不死矯亂遍計虛論。

6.

- _ Hữu Tam-ma trung, bỉ Thiện-nam-tử, kiên ngưng chánh-tâm, ma bất đắc tiễn.
- _ Cùng sanh loại bốn, quán bỉ u thanh, thường nhiễu động nguyên, ư tri-kiến trung.
- _ Sanh kế đặc giả, thị nhân trụy nhập, từ chủng điên-dảo, bất tử kiểu loạn, biến-kế hư-luận.

- _ Nhứt giả thị nhân, quán biến-hóa nguyên.
- _ Kiến thiên lưu xứ, danh chi vi biến.
- _ Kiến tương-tục xứ, danh chi vi hằng.
- _ Kiến sở kiến xứ, danh chi vi sanh.
- _ Bất kiến kiến xứ, danh chi vi diệt.
- _ Tương-tục chi nhân, tánh bất đoạn xứ, danh chi vi tăng.
- _ Chánh tương-tục trung, trung sở ly xứ, danh chi vi giảm.
- _ Các các sanh xứ, danh chi vi hữu.
- _ Hỗn hỗn vong xứ, danh chi vi vô.
- _ Dĩ lý đô quán, dụng tâm biệt kiến.

- _ Hữu cầu pháp nhân, lai vấn kỳ nghĩa, đáp ngôn: “Ngã kim, diệc sanh, diệc diệt, diệc hữu, diệc vô, diệc tăng, diệc giảm”.
- _ Ư nhứt-thiết thời, gai loạn kỳ ngũ, linh bỉ tiền nhân, di thất chương-cú.

- _ Nhị giả thị nhân, đế quán kỳ tâm, hỗn vô xứ, nhân vô đắc chứng.
- _ Hữu nhân lai vấn, duy đáp nhứt tự, đắn ngôn kỳ vô, trừ vô chi dư, vô sở ngôn thuyết.

6. (HÀNH-ẤM MA 5)

- _ A-Nan! Thiện-nam-tử tu pháp chánh-định, giữ vững chánh-tâm thì các chướng ma không có phuơng-tiện phá rối.
- _ Lúc bấy giờ Thiện-nam-tử cứu xét rốt ráo cǎn-bổn của chúng-sanh, thấy biết thường có sự nhiễu-động ở tri-kiến.
- _ Do chõ cứu xét đó mà Thiện-nam-tử lạc vào bốn thứ luận điên-dảo, chấp bất-tử rối loạn luống dối như sau:

- a) Quán nguồn gốc biến-hóa của các pháp,
 - thấy biết có lưu-chuyển, gọi là vô-thường,
 - có tương-tục, gọi là thường-trụ,
 - có thấy kiến-xứ, gọi là sanh,
 - không thấy kiến-xứ, gọi là diệt,
 - tương-tục không dứt, gọi là tăng,
 - tương-tục bị gián-đoạn gọi là giảm,
 - chõ sanh-hóa gọi là có,
 - chõ diệt-vong gọi là không,
 - cứu xét dụng tâm thấy biết riêng biệt.

- _ Như thế có người cầu đạo, xin học yếu-nghĩa, thì hành-giả đáp: “Tôi cũng sanh cũng diệt, cũng có cũng không, cũng tăng cũng giảm”;
- lời nói mơ hồ rối loạn luống dối, chẳng có một mảy quyết-định chắc chắn, làm cho người cầu đạo không hiểu rõ và quên mất cả chương-cú.

- b) Quán tâm không và chấp cái không của tâm vốn chẳng có chõ chứng.
 - _ Có người hỏi thì hành-giả chỉ đáp bằng chữ “Không”, đó là lời nói mơ hồ.

<p>_ Tam giả thị nhân, đế quán kỳ tâm, các các hữu xứ, nhân hữu đắc chứng.</p> <p>_ Hữu nhân lai vấn, duy đáp nhứt tự, đắn ngôn kỳ thị, trừ thị chi dư, vô sở ngôn thuyết.</p> <p>_ Tứ giả thị nhân, hữu vô cu kiến, kỳ cảnh chi cố, kỳ tâm diệc loạn, hữu nhân lai vấn, đáp ngôn:</p> <p>_ “Diệc hữu, tức thị diệc vô, diệc vô chi trung, bất thị diệc hữu”. Nhứt-thiết kiểu loạn, vô dung cùng cật.</p> <p>(_ “Cũng có, tức là cũng không, trong cái cũng không, không phải là cũng có”. Tất cả đều càn loạn, không thể nói hết được.)</p>	<p>c) Quán tâm châu-biến, chỗ nào cũng có, và chấp cái có của tâm vốn có chỗ chứng.</p> <p>_ Có người hỏi thì hành-giả chỉ đáp bằng chữ “Có”, đó là lời nói mơ hồ.</p> <p>d) Thấy cũng có cũng không, cảnh-vật phân-ly, tâm thì rối loạn, có người hỏi thì hành-giả đáp:</p> <p>_ “Có tức không, không tức có”, đó là lời nói mơ hồ.</p>
<p>_ Do thử kế đặc, kiểu loạn hư vô, đọa-lạc ngoại-đạo, hoặc Bồ-Đề tánh.</p> <p>_ Thị tặc danh vi đệ-nghū ngoại-đạo, tứ-diên-đảo tánh, bất tử kiểu loạn, biến-kế hư-luận.</p>	<p>_ Do bốn thứ luận chấp đó, nên Thiện-nam-tử lạc vào ngoại-đạo, lầm tánh Bồ-Đề.</p> <p>_ Bốn thứ luận chấp như vậy gọi là Đệ-nghū ngoại-đạo, lập tứ chủng diên-đảo, bất-tử kiểu-loạn, biến-kế hư-luận.</p>

又三摩中諸善男子。堅凝正心魔不得便窮生類本。觀彼幽清常擾動元。於無盡流生計度者。是人墮入死後有相發心顛倒。或自固身云色是我。或見我圓含遍國土。云我有色。或彼前緣隨我迴復云色屬我。或復我依行中相續云我在色。皆計度言死後有相。如是循環有十六相。從此惑計畢竟煩惱畢竟菩提。兩性並驅各不相觸。由此計度死後有故。墮落外道惑菩提性。是則名為第六外道。立五陰中死後有相心顛倒論。

<p>7.</p> <p>_ Hữu Tam-ma trung, bỉ Thiện-nam-tử, kiên ngưng chánh tâm, ma bất đắc tiên.</p> <p>_ Cùng sanh loại bồn, quán bỉ u thanh, thường nhiều động nguyên, ư vô tận lưu.</p> <p>_ Sanh kế đặc giả, thị nhân trụy nhập, tử hậu hữu tướng, phát tâm diên-đảo.</p>	<p>7. (HÀNH-ẤM MA 6)</p> <p>_ A-Nan! Thiện-nam-tử tu pháp chánh định, giữ vững chánh-tâm thì các chướng ma không có phương-tiện phá rối.</p> <p>_ Lúc bấy giờ Thiện-nam-tử cứu xét rốt ráo căn-bồn của chúng-sanh, thấy biết thường có sự nhiễu-động ở trong cảnh lưu-chuyển vô-tận.</p> <p>_ Do chỗ cứu xét đó mà Thiện-nam-tử lạc vào chỗ chết có hình tướng, sanh tâm diên-đảo.</p>
---	--

<ul style="list-style-type: none"> _ Hoặc tự cố thân, vân sắc thị ngã. _ Hoặc kiến ngã viễn, hàm biến quốc-độ, vân ngã hữu sắc. _ Hoặc bỉ tiền duyên, tùy ngã hồi phục, vân sắc thuộc ngã. _ Hoặc phục ngã y, hành trung tương-tục, vân ngã tại sắc. _ Giai kế đặc ngôn, tử hậu hữu tướng. _ Như-thị tuần-hoàn, hữu thập lục tướng. <p>(_ Xoay vẫn như thế có đến 16 tướng.)</p>	<ul style="list-style-type: none"> _ Tự giữ thân cũ, nói Sắc vốn là Ta, - hoặc thấy cái Ta bao trùm quốc-độ, nói cái Ta có Sắc, - hoặc tiền-duyên theo trở lại, nói Sắc thuộc về Ta, - hoặc cái Ta nương theo ấm Hành tiếp nối nhau, nói cái Ta tại Sắc, - cứu xét như thế mà cho rằng chết rồi có hình tướng, - tuần-hoàn 16 hình tướng.
<ul style="list-style-type: none"> _ Tùng thủ hoặc kế, tất kiến phiền-não, tất kiến Bồ-Đề, lưỡng tánh tịnh khu, các bất tương-xúc. <p>(_ Từ đó, hoặc còn chấp rằng rốt ráo phiền-não và rốt ráo Bồ-Đề, hai tánh ấy đi song song với nhau, không đụng chạm gì nhau.)</p>	<ul style="list-style-type: none"> _ Chấp tánh phiền-não, chấp tánh Bồ-Đề, hai tánh đều dứt, không có cảm-xúc lẫn nhau.
<ul style="list-style-type: none"> _ Do thử kế đặc, tử hậu hữu cố, đọa-lạc ngoại-đạo, hoặc Bồ-Đề tánh. <p>(_ Do những so đo, chấp sau khi chết có tướng, nên...)</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Thị tắc danh vi đệ-lục ngoại-đạo, lập ngũ-ấm trung, tử hậu hữu tướng, tâm diên-đảo luận. 	<ul style="list-style-type: none"> _ Do luận chấp đó, nên Thiện-nam-tử lạc vào ngoại-đạo, lầm tánh Bồ-Đề. <ul style="list-style-type: none"> _ Luận chấp như vậy gọi là Đệ-lục ngoại-đạo, lập ngũ-ấm trung, tử hậu hữu tướng, tâm diên-đảo luận.

又三摩中諸善男子。堅凝正心魔不得便窮生類本。觀彼幽清常擾動元。於先除滅色受想中生計度者。是人墮入死後無相發心顛倒。見其色滅形無所因。觀其想滅心無所繫。知其受滅無後連綴。陰性銷散。縱有生理而無受想與草木同。此質現前猶不可得。死後云何更有諸相。因之勘校死後相無。如是循環有八無相。從此或許涅槃因果一切皆空。徒有名字究竟斷滅。由此計度死後無故。墮落外道惑菩提性。是則名為第七外道。立五陰中死後無相心顛倒論。

<p>8.</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Hữu Tam-ma trung, bỉ Thiện-nam-tử, kiên ngưng chánh-tâm, ma bất đắc tiên. _ Cùng sanh loại bồn, quán bỉ u thanh, thường nhiều động nguyên, ư tiên trừ diệt, Sắc, Thọ, Tưởng trung. _ Sanh kế đặc giả, thị nhân trụy nhập, tử 	<p>8. (HÀNH-ẤM MA 7)</p> <ul style="list-style-type: none"> _ A-Nan! Thiện-nam-tử tu pháp chánh-định, giữ vững chánh-tâm thì các chướng ma không có phuơng-tiện phá rối. _ Lúc bấy giờ Thiện-nam-tử cứu xét rốt ráo căn-bồn của chúng-sanh, thấy biết thường có sự nhiều-động đoạn trừ trước Sắc-ấm, Thọ-ấm và Tưởng-ấm. _ Do chỗ cứu xét đó mà Thiện-nam-tử
--	---

hậu vô tướng, phát tâm diên-dảo.	lạc vào chỗ chết rồi không có hình tướng, sanh tâm diên-dảo.
<p>_ Kiến kỳ sắc diệt, hình vô sở nhân, quán kỳ Tưởng diệt, tâm vô sở hệ.</p> <p>_ Tri kỳ Thọ diệt, vô phục liên xuyết, ấm tánh tiêu-tán.</p> <p>_ Túng hữu sanh-lý, nhi vô Thọ Tưởng. (_ Dầu có sinh-lý mà không Thọ, không Tưởng.)</p> <p>_ Dữ thảo mộc đồng, thử chất hiện-tiền, do bất khả đắc, tử hậu vân hà cánh hữu chư tướng?</p>	<p>_ Thấy biết Sắc-ấm dứt sạch thì thân không có ràng buộc, như Tưởng đã mất, tâm không dính mắc.</p> <p>_ Thấy biết Thọ-ấm dứt sạch thì không có chi tiếp nối, thể-tánh của ấm cũng tiêu tan.</p> <p>_ Không có Thọ-ấm thì không có Tưởng-ấm.</p> <p>_ Ví dụ như loài thảo-mộc, thể-tánh hiện-tiền không có hình tướng, thì làm thế nào chết rồi có được hình tướng?</p>
<p>_ Nhân chi khám hiệu, tử hậu tướng vô, như-thị tuần-hoàn, hữu bát vô-tướng. (..., xoay vẫn như thế có đến 8 cái luận vô-tướng.)</p> <p>_ Tùng thử hoặc kế: Niết-Bàn nhân-quả, nhứt-thiết giai không, đồ hữu danh tự, cứu-cánh đoạn diệt.</p>	<p>_ Nhân chỗ thấy biết đó mà cứu xét, sau khi chết không có hình tướng, không có 8 sắc thái tuần-hoàn.</p> <p>_ Sanh tâm vọng chấp: Niết-Bàn và nhân-quả đều không, chỉ có danh-tử, (nhưng) cứu-cánh đoạn diệt.</p>
<p>_ Do thử kế đặc, tử hậu vô cố, đọa-lạc ngoại-đạo, hoặc Bồ-Đề tánh. (_ Do những so đo, chấp sau khi chết không có tướng.)</p> <p>_ Thị tắc danh vi đệ-thất ngoại-đạo, lập ngũ-ấm trung, tử hậu vô tướng, tâm diên-dảo luận.</p>	<p>_ Do luận chấp đó, nên Thiện-nam-tử lạc vào ngoại-đạo, lầm tánh Bồ-Đề.</p> <p>_ Luận chấp như vậy gọi là Đệ-thất ngoại-đạo, lập ngũ-ấm trung, tử hậu vô-tướng, tâm diên-dảo luận.</p>

又三摩中諸善男子。堅凝正心魔不得便窮生類本。觀彼幽清常擾動元。於行存中兼受想滅。雙計有無自體相破。是人墜入死後俱非起顛倒論。色受想中見有非有。行遷流內觀無不無。如是循環窮盡陰界。八俱非相隨得一緣。皆言死後有相無相。又計諸行性遷訛故。心發通悟有無俱非虛實失措。由此計度死後俱非。後際昏瞢無可道故。墮落外道惑菩提性。是則名為第八外道。立五陰中死後俱非心顛倒論。

9.

_ Hữu Tam-ma trung, bỉ Thiện-nam-tử, kiên ngưng chánh-tâm, ma bất đắc tiễn.

9. (HÀNH-ẤM MA 8)

_ A-Nan! Thiện-nam-tử tu pháp chánh-định, giữ vững chánh-tâm thì các chướng ma không có phương-tiện phá rối.

<p>_ Cùng sanh loại bốn, quán bỉ u thanh, thường nhiễu động nguyên, ư Hành-tồn-trung, kiêm Thọ-Tưởng diệt, song kế hữu-vô, tự-thể tương-phá, thị nhân-trụy-nhập, tử-hậu-cu-phi, khởi-diên-dǎo-luận.</p>	<p>_ Lúc bấy giờ Thiện-nam-tử cứu-xét rốt ráo căn-bốn của chúng-sanh thấy biết thường có sự-nhiều-động ở Hành-Ấm, hai-thứ Thọ-Ấm và Tưởng-Ấm đã-dứt, hai-tự-thể “có-không” tương-khắc, hành-giả-lạc vào vị-trí “chết-rồi-mất-hết”, sanh-tâm-luận-diên-dǎo.</p>
<p>_ Sắc-Thọ-Tưởng-trung, kiến-hữu-phi-hữu. _ Hành-thiên-lưu-nội, quán-vô-bất-vô. (_ Xét Hành-Ấm chuyển-biến, không-mà-không-phải-không.) _ Như-thị tuân-hoàn, cùng-tận-Ấm-giới. _ Nhập(/bát) cu-phi-tưởng, tùy-đắc-nhứt-đuyên, giai-ngôn-tử-hậu, hưu-tưởng-vô-tưởng. (_ Thành-8 cái-tưởng “không-phải-có, không-phải-không”, tùy-gặp-đuyên-gì, đều-nói-sau-khi-chết-có-tưởng, không-tưởng.)</p>	<p>_ Các-thứ Sắc-Ấm, Thọ-Ấm và Tưởng-Ấm-thấy-có, chẳng-phải-có, - thay-đổi-trôi-lăn, thấy-không, chẳng-phải-không, - như-vậy tuân-hoàn-rốt-ráo-giới-Ấm, - vào-chỗ-không-tưởng, tùy-đắc-nhứt-đuyên-vọng-chấp, hiện-nay-có-tưởng, về-sau-thì-không.</p>
<p>_ Hưu-kế-chư-Hành, tánh-thiên-ngoai-cố, tâm-phát-thông-ngộ, hưu-vô-cu-phi, hư-thiệt-thất-thổ. (_ Lại-xét-tánh Hành-Ấm sanh-diệt-thay-đổi-liên-tục, phát-tâm-thông-suốt, chấp-tất-cả, đều-không-phải-có, không-phải-không, lộn-lạo-hư-thiệt.) _ Do-thử-kế-đắc, tử-hậu-cu-phi, hậu-tế-hôn-mông, vô-khả-đạo-cố. (_ Do-những-so-do, chấp-sau-khi-chết “không-phải-có, không-phải-không” như-thế, mà-đuờng-sau-mở-mít, không-còn-lối-di.)</p>	<p>_ Thể-tánh-của Hành-Ấm biến-chuyển, Tâm-Phật thông-ngộ, “có-không”-đều-dứt, hư-thiệt-lầm-lỗi. _ Do đó-cứu-xét-thấy-biết-chết-rồi-mất-hết, hậu-lai-mít-mù-không-thể-nói-được.</p>
<p>_ Đọa-lạc-ngoại-đạo, hoặc-Bồ-Đề-tánh. _ Thị-tắc-danh-vi-đệ-bát-ngoại-đạo, lập-ngũ-Ấm-trung, tử-hậu-cu-phi, tâm-diên-dǎo-luận.</p>	<p>_ Do-luận-chấp-đó-nên Thiện-nam-tử-lạc-vào-ngoại-đạo, lầm-tánh-Bồ-Đề. _ Luận-chấp-như-vậy-gọi-là-Đệ-bát-ngoại-đạo, lập-ngũ-Ấm-trung, tử-hậu-cu-phi, tâm-diên-dǎo-luận.</p>

又三摩中諸善男子。堅凝正心魔不得便窮生類本。觀彼幽清常擾動元。於後後無生計度者。是人墜入七斷滅論。或計身滅。或欲盡滅或苦盡滅。或極樂滅或極捨滅。如是循環窮盡七際。現前銷滅滅已無復。由此計度死後斷滅。墮落外道惑菩提性。是則名為第

九外道。立五陰中死後斷滅心顛倒論。

10.

_ Hựu Tam-ma trung, bỉ Thiện-nam-tử, kiên ngưng chánh-tâm, ma bất đắc tiễn.
 _ Cùng sanh loại bốn, quán bỉ u thanh, thường nhiễu động nguyên, ư hậu hậu vô.
 (... , chấp sau này là không.)

10. (HÀNH-ẤM MA 9)

_ A-Nan! Thiện-nam-tử tu pháp chánh-định, giữ vững chánh-tâm thì các chướng ma không có phương-tiện phá rối.
 _ Lúc bấy giờ Thiện-nam-tử cứu xét rốt ráo căn-bốn của chúng-sanh, thấy biết thường có sự nhiễu-động, mê-chấp sau khi chết không sanh tánh suy nghĩ.

_ Sanh kế đạc giả, thị nhân truy nhập, thất đoạn diệt luận.
 _ Hoặc kế thân diệt.
 _ Hoặc dục, xúc diệt, hoặc ấm, khổ diệt.
 _ Hoặc cực lạc diệt, hoặc cực xả diệt.
 _ Như-thị tuần-hoàn, cùng-tận thất tế.
 _ Hiện-tiền tiêu-diệt, diệt dĩ vô phục.

(_ Xoay vần như thế cùng tột đến 7 cách chấp hiện-tiền là tiêu-diệt, diệt rồi không trở lại nữa.)

_ Hành-giả lạc vào 7 thứ luận đoạn diệt:

- thân-diệt,
- dục-diệt, xúc-diệt, ấm-diệt, khổ-diệt,
- lạc-diệt, xả các diệt,
- tuần-hoàn rốt ráo ở 7 cảnh-giới như Tứ-châu, Lục-dục, Sơ-thiền, Nhị-thiền, Tam-thiền, Tứ-thiền, Tứ-không,
- hiện-tiền tiêu-diệt, diệt rồi không còn hồi-phục,
- vì thế sanh tâm luận chấp chết rồi đoạn diệt.

_ Do thử kế đạc, tử hậu đoạn diệt, đọa-lạc ngoại-đạo, hoặc Bồ-Đề tánh.
 _ Thị tặc danh vi đệ-cửu ngoại-đạo, lập ngũ-ấm trung, tử hậu đoạn diệt, tâm diên-đảo luận.

_ Do luận chấp đó (sau khi chết là đoạn diệt), nên Thiện-nam-tử lạc vào ngoại-đạo, lầm tánh Bồ-Đề.

_ Luận chấp như vậy gọi là Đệ-cửu ngoại-đạo, lập ngũ-ấm trung, tử hậu đoạn diệt, tâm diên-đảo luận.

又三摩中諸善男子。堅凝正心魔不得便窮生類本。觀彼幽清常擾動元。於後後有生計度者。是人墮入五涅槃論。或以欲界為正轉依。觀見圓明生愛慕故。或以初禪性無憂故。或以二禪心無苦故。或以三禪極悅隨故。或以四禪苦樂二亡。不受輪迴生滅性故。迷有漏天作無為解。五處安隱為勝淨依。如是循環五處究竟。由此計度五現涅槃。墮落外道惑菩提性。是則名為第十外道。立五陰中五現涅槃心顛倒論。

11.

_ Hựu Tam-ma trung, bỉ Thiện-nam-tử, kiên ngưng chánh-tâm, ma bất đắc tiễn.
 _ Cùng sanh loại bốn, quán bỉ u thanh,

11. (HÀNH-ẤM MA 10)

_ A-Nan! Thiện-nam-tử tu pháp chánh-định, giữ vững chánh-tâm thì các chướng ma không có phương-tiện phá rối.
 _ Lúc bấy giờ Thiện-nam-tử cứu xét rốt

<p>thường nhiều động nguyên, ư hậu hậu hữu. (..., chấp sau này là có.)</p>	<p>ráo căn-bổn của chúng-sanh, thấy biết thường có sự nhiều-động, mê-chấp sau khi chết phải có sanh tánh suy nghĩ.</p>
<ul style="list-style-type: none"> _ Sanh kế đặc giả, thị nhân truy nhập, ngũ Niết-Bàn luận. _ Hoặc dĩ dục-giới, vi chánh chuyển-y, quán kiến viên-minh, sanh ái-mộ cố. _ Hoặc dĩ sơ-thiền, tánh vô ưu cố. _ Hoặc dĩ nhị-thiền, tâm vô khổ cố. _ Hoặc dĩ tam-thiền, cực duyệt tùy cố. _ Hoặc dĩ tứ-thiền, khổ lạc nhị vong, bất thọ luân-hồi, sanh-diệt tánh cố. _ Mê hữu-lại Thiên, tác vô-vi giải, ngũ xứ an- ổn, vi thăng tịnh y, như-thị tuần-hoàn, ngũ xứ cứu-cánh. <p>(_ Người đó, lầm những cõi trời hữu-lại là quả vô-vi, lầm sự an- ổn 5 chỗ ấy là quả báo thù-thăng thanh-tịnh của các bậc Thánh-hiền; xoay vẫn như thế rót ráo có 5 chỗ.)</p>	<ul style="list-style-type: none"> _ Hành-giả lạc vào 5 thứ luận mê-chấp 5 cảnh Niết-Bàn ở 5 chỗ như: _ Chấp dục-giới-thiên làm chánh-nhân chuyển-y Niết-Bàn, thấy biết tinh-minh sanh ra ái-mộ. _ Chấp Sơ-thiền-thiên sanh tánh vô-ưu. _ Chấp Nhị-thiền-thiên được tâm-địa vô-khổ. _ Chấp Tam-thiền-thiên an vui tốt đẹp. _ Chấp Tứ-thiền-thiên trừ tuyệt hai thứ thế-gian vui khổ, không thọ luân-hồi sanh-tử. _ Đó là mê-chấp ở 5 cảnh Trời hữu-lại phát ra kiến-giải vô-vi, tức là 5 chỗ nương dựa an ổn thăng-tịnh, tuần-hoàn cứu-cánh.
<ul style="list-style-type: none"> _ Do thử kế đặc, ngũ hiện Niết-Bàn, đọa-lạc ngoại-đạo, hoặc Bồ-Đề tánh. _ Thị tắc danh vi đệ-thập ngoại-đạo, lập ngũ-Ấm trung, ngũ hiện Niết-Bàn, tâm diên-dảo luận. 	<ul style="list-style-type: none"> _ Do luận mê-chấp đó (chấp 5 thứ Niết-Bàn hiện có như thế), nên Thiện-nam-tử lạc vào ngoại-đạo, lầm tánh Bồ-Đề. _ Luận chấp như vậy gọi là Đệ-thập ngoại-đạo, lập ngũ-Ấm trung, ngũ hiện Niết-Bàn, tâm diên-dảo luận.

阿難如是十種禪那狂解。皆是行陰用心交互故現斯悟。眾生
頑迷不自忖量。逢此現前以迷為解自言登聖。大妄語成墮無間獄。
汝等必須將如來心。於我滅後傳示末法。遍令眾生覺了斯義。無令
心魔自起深孽。保持覆護消息邪見。教其身心開覺真義。於無上道
不遭枝岐。勿令心祈得少為足。作大覺王清淨標指。

<p>12. A-Nan! Như-thị thập chủng, thiền-na cuồng giải, giai thị Hành-Ấm, dụng tâm giao-hỗ, cố hiện tư ngộ.</p> <p>_ Chúng-sanh ngoan-mê, bất tự thõn lượng, phùng thử hiện-tiền, dĩ mê vị giải, tự ngôn đăng Thánh, đại-vọng-ngữ</p>	<p>C.</p> <p>12. A-Nan! Mười thứ Thiền-định cuồng giải như vậy, đều do công-dụng của Hành-Ấm mà chuyển-động phát-hiện.</p> <p>_ Vì hành-giả ngoan-cố mê-muội, không biết suy xét sáng suốt, gặp cảnh hiện-tiền, lấy mê làm ngộ, tự giả xưng</p>
---	---

thành, đọa Vô-gián ngục.	là chứng Thánh, thành-thủ phạm tội đại-vọng-ngữ, ưng đọa Vô-gián địa-ngục.
	<p>_ Thế nên ông và Đại-chúng phải nhứt-tâm y-giáo phụng-hành như vầy:</p>
<p>_ Nhữ đẳng tất tu, tương Như-Lai ngữ, ư ngã diệt-hậu, truyền thị mạt-pháp, biến linh chúng-sanh, giác liễu tư nghĩa, vô linh tâm ma, tự khởi thâm nghiệt.</p> <p>_ Bảo-trì phú-hộ, tiêu tức tà-kiến, giáo kỳ thân-tâm, khai giác chơn-nghĩa, ư Vô-Thượng-Đạo, bất tao chi kỳ, vật lịnh tâm kỳ, dắc thiểu vi túc, tác Đại-Giác-Vương, thanh-tịnh tiêu-chỉ.</p> <p>(_ Giữ gìn che chở cho chúng-sanh tiêu-diệt các tà-kiến, dạy cho giác-ngộ đạo-nghĩa chơn-thật, không mắc vào các đường rẽ nơi đạo Vô-Thượng, chở để chúng-sanh được một ít đã cho là đủ, và nêu ra lời chỉ dạy thanh-tịnh của bậc Đại-Giác.)</p>	<p>_ Sau khi Như-Lai nhập-diệt, ở trong đời mạt-pháp, dĩ tận-lực truyền-bá cho chúng-sanh nghĩa-lý nhiệm-mầu giải-thoát, không nên sơ-suất, để các chướng ma, từ nội-ma tới ngoại-ma, có thủ-đoạn ác-nghiệt sâu xa phá rối.</p> <p>_ Quý vị phải cứu giúp nhau tiêu trừ tà-kiến ma-giáo, dạy dỗ nhau cho thân-tâm sáng suốt chơn-lý của Đạo Bồ-Đề Vô-Thượng, tránh khỏi các nạn mê lầm-nghi-hoặc, không nên vì được công-quả chút ít đã cho là đủ. Tóm tắt lại, quý vị có bổn-phận phải làm tiêu-chuẩn thanh-tịnh cho Đại-Giác-Vương.</p>

13.	13. THỨC-ẤM MA.
	<p>阿難彼善男子。修三摩提行陰盡者。諸世間性幽清擾動。同分生機倏然墮裂。沈細綱紐補特伽羅。酬業深脈感應懸絕。於涅槃天將大明悟。如鷄後鳴瞻顧東方已有精色。六根虛靜無復馳逸。內外湛明入無所入。深達十方十二種類受命元由。觀由執元諸類不召。於十方界已獲其同。精色不沈發現幽祕。此則名為識陰區宇。若於群召已獲同中。銷磨六門合開成就。見聞通隣互用清淨。十方世界及與身心。如吠瑠璃內外明徹名識陰盡。是人則能超越命濁。觀其所由罔象虛無。顛倒妄想以為其本。</p> <p>_ A-Nan! Bỉ Thiện-nam-tử, tu Tam-ma-đề, Hành-ấm tận giả, chư thế-gian tánh, u thanh nhiểu động, đồng-phận sanh cơ, thúc-nhiên huy (/đọa) liệt.</p> <p>_ Trầm tể cương nữu, Bồ-đắc-ca-la, thù nghiệp thâm mạch, cảm ứng huyền tuyệt.</p> <p>(_ Gièng mỗi vi-tế, quan-hệ sâu xa gây nghiệp chịu báo của ngã-thể chúng-sanh, cảm-ứng đều bắt dứt.)</p> <p>A. Đức Phật dạy:</p> <p>_ A-Nan! Thiện-nam-tử tu pháp chánh-định, Hành-ấm đoạn trừ, thế-gian-tánh nhiểu-động, đồng-phận sanh ra rồi thoát nhiên tiêu mất, - căn-duyên trầm xuống, buộc Trung-ấm thân (1) đền trả nghiệp-báo, nhân cảm quả ứng đều hết.</p>

<p>_ Ư Niết-Bàn thiêng, tương đại minh ngộ, như kê hậu minh, chiêm cố đồng-phương, dĩ hữu tinh-sắc.</p> <p>(_ Người đó, hầu được đại-giác-ngộ nơi bǎn-tánh Niết-Bàn, như khi gà gáy tan, xem phương Đông, đã có ánh sáng.)</p> <p>_ Lục-căn hư-tịnh, vô phục trì dật, nội ngoại trạm minh, nhập vô sở nhập, thâm đạt thập phương, thập nhị chủng loại, thọ mệnh nguyên do.</p> <p>(_ Sáu căn rỗng lặng, không còn rong ruổi nữa, nội...)</p> <p>_ Quán do chấp nguyên, chư loại bất triệu, ư thập phương giới, dĩ hoạch kỳ đồng, tinh-sắc bất trầm, phát-hiện u bí, thủ tắc danh vi, Thức-Ấm khu-vũ.</p> <p>(_ Xét rõ nguyên-nhân do chấp-trước gây nên, các loài không thể hấp-dẫn được; nơi thập phương thế-giới, đã nhận được tánh đồng; tánh tinh-vi ấy còn tồn-tại, phát-hiện ra một cách bí-ẩn, ấy gọi là phạm-vi của Thức-Ấm.)</p> <p>_ Nhược ư quần triệu, dĩ hoạch đồng trung, tiêu ma lục môn, hiệp khai thành-tựu, kiến văn thông lân, hổ-dụng thanh-tịnh, thập phương thế-giới, cập dữ thân-tâm, như phệ Lưu-Ly, nội ngoại minh triệt, danh Thức-Ấm tận.</p> <p>_ Thị nhân tắc năng, siêu việt mện-trược; quán kỳ sở do, vōng-tuợng hư-vô, diên-đảo vọng-tuởng, dĩ vi kỳ bốn.</p>	<p>_ Ở Niết-Bàn sáng tỏ như lúc rạng đông gà gáy, xem qua đồng-phương đã có tinh-sắc.</p> <p>_ Sáu căn thường thanh-tịnh, không còn theo trần-tưởng, nội-tâm và ngoại-cảnh quang-minh, vào vô sở nhập, hiểu rõ căn-do thọ-mạng của 12 loại chúng-sanh ở mười phương;</p> <p>- chấp cội gốc của vạn-vật bất cảm-triệu ở khắp thế-gian đã được đồng cảnh, tinh-sắc không trầm, đó là xứ-sở của ấm Thức.</p> <p>_ Như vạn-vật đã được đồng cảnh, tiêu hết sáu căn, khai hiệp thành-tựu, thấy nghe thông-cảm, hằng thanh-tịnh, thập phương thế-giới và thân-tâm như ngọc Lưu-Ly trong ngoài đều sáng tỏ, đó là ấm Thức dứt sạch.</p> <p>_ Thị dĩ-nhiên (người đó) thoát-ly mặng-trược, hình không luống không; quan-sát thấy rõ vọng-tuởng diên-đảo là cội gốc sanh-tử.</p>
---	---

阿難當知是善男子窮諸行空。於識還元已滅生滅。而於寂滅精妙未圓。能令己身根隔合開。亦與十方諸類通覺。覺知通惻能入圓元。若於所歸立真常因生勝解者。是人則墮因所因執。娑毘迦羅所歸冥諦成其伴侶。迷佛菩提亡失知見。是名第一立所得心。成所歸果違遠圓通。背涅槃城生外道種。

14.

_ A-Nan! Đương tri, thị Thiện-nam-tử,

B.

14. (THỨC-ẤM MA 1)

_ A-Nan! Thiện-nam-tử cứu xét rất ráo,

<p>cùng chư hành không, ư thức hoàn nguyên, dĩ diệt sanh-diệt, nhi ư tịch-diệt, tinh diệu vị viễn.</p> <p>(_ A-Nan nên biết! Thiện-nam-tử đó đã xét cùng tánh Không của các hành, trở về bản-tánh của thức, đã diệt được sanh diệt, nhưng chưa viên-mãn chỗ tinh-diệu của tịch-diệt.)</p> <p>_ Năng linh kỷ thân, căn cách hiệp khai, diệc dữ thập phương, chư loại thông giác, giác tri thông dẫn, năng nhập viên nguyên.</p> <p>(_ Người đó, có thể khiến nơi thân mình, các căn khác nhau khi hợp khi chia, và thông suốt với sự hay biết các loài thập phương; cái hay biết đó thông suốt vắng lặng, có thể vào tánh bản-nhiên.)</p> <p>_ Nhược ư sở quy, lập chơn thường nhân, sanh thắng giải dã; thị nhân tắc đọa, “nhân sở nhân” chấp, Ta-Tỳ-Ca-La, sở quy Minh-Đế, thành kỳ bạn-lữ, mê Phật Bồ-Đ Đề, vong thất tri-kiến.</p> <p>(_ Nếu nơi chỗ quay về, lại lập ra cái nhân chơn-thường, và quyết định như thế là đúng; thì người đó, sa vào cái chấp “nhân sở nhân”, trở thành bạn bè với bọn Ta-Tỳ-Ca-La chấp có Minh-Đế, mê-muội Bồ-Đ Đề của Phật, bỏ mất Chánh-tri-kiến;)</p> <p>_ Thị danh đệ-nhứt, lập sở đắc tâm, thành sở quy quả, vi viễn viên thông, bội Niết-Bàn thành, sanh ngoại-đạo chủng.</p>	<p>Hành-ấm dứt sạch, Thức-ấm trở về cội gốc, đã hết sanh-diệt, ở chỗ tịch-diệt mầu-nhiệm trong sáng chưa tròn.</p> <p>_ Năng-khiếu tự-thân khai mở, sáu căn ly hiệp, cùng các loài ở khắp mười phương thông-cảm, hiểu biết thông-dồng, vào căn-bổn châu-viên.</p> <p>_ Như (/nếu) nương về chỗ Chơn-Thường, phát-sanh thắng-giải. Như vậy hành-giả lạc vào vị-trí chấp “nhân sở-nhân”, kết bạn với ngoại-đạo Ta-Tỳ-Ca-La chủ-trương Minh-Đế, muội tánh Bồ-Đ Đề của Phật, quên mất tri-kiến.</p> <p>_ Gọi là phép-tắc thứ nhứt, lập tâm sở đắc, quả thành sở-quả, xa lánh Viên-Thông, cách-biệt Niết-Bàn, sanh làm chủng-tộc ngoại-đạo.</p>
---	--

阿難又善男子。窮諸行空已滅生滅。而於寂滅精妙未圓。若於所歸覽為自體。盡虛空界十二類內所有眾生。皆我身中一類流出生勝解者。是人則墮能非能執。摩醯首羅現無邊身。成其伴侶。迷佛菩提失知見。是名第二立能為心。成能事果違遠圓通。背涅槃城生大慢天我遍圓種。

15.

_ A-Nan! Hựu Thiện-nam-tử, cùng chư hành không, dĩ diệt sanh-diệt, nhi ư tịch-diệt, tinh diệu vị viễn.

15. (THỨC-ẤM MA 2)

_ A-Nan! Thiện-nam-tử cứu xét rốt ráo, Hành-ấm dứt sạch, đã hết sanh diệt, ở chỗ tịch-diệt mầu-nhiệm trong sáng chưa tròn.

<p>_ Nhược ư sở quy, lâm vi tự thể, tận hư-không giới, thập nhị loại nội, sở-hữu chúng-sanh, giai ngã thân trung, nhứt loại lưu xuất, sanh thắng giải giả.</p> <p>_ Thị nhân tắc đọa, “năng phi năng” chấp, Ma-Hê-Thủ-La, hiện vô biên thân, thành kỳ bạn-lữ, mê Phật Bồ-ĐỀ, vong thất tri-kiến.</p> <p>_ Thị danh đệ-nhị, lập năng-vi tâm, thành năng-sự quả, vi viễn viên thông, bội Niết-Bàn thành, sanh Đại-Mạn-Thiên, ngã biến viên chủng.</p> <p>(_ Ấy là bọn thứ hai, lập cái tâm năng-vi, thành cái quả năng-sự, trái xa tánh viên-thông, cách-biệt...)</p>	<p>_ Lấy tự-thể làm nơi nương về, 12 loại chúng-sanh khắp hư-không thế-giới, đều ở tự-thân hằng lưu-xuất, phát-sanh thắng-giải.</p> <p>_ Như vậy hành-giả lạc vào vị-trí chấp “năng phi-năng”, kết bạn với Ma-vương Ma-Hê-Thủ-La biến hiện vô-số thân, muội tánh Bồ-ĐỀ của Phật, quên mất tri-kiến.</p> <p>_ Gọi là phép-tắc thứ hai, lập tâm làm thành quả năng-sự, xa lánh Viên-Thông, cách-biệt Niết-Bàn, sanh làm chúng-tộc Đại-Mạn-Thiên chấp ngã biến-mã.</p>
---	---

又善男子。窮諸行空已滅生滅。而於寂滅精妙未圓。若於所歸有所歸依。自疑身心從彼流出。十方虛空咸其生起。即於都起所宣流地。作真常身無生滅解。在生滅中早計常住。既惑不生亦迷生滅。安住沈迷生勝解者。是人則墮常非常執。計自在天成其伴侶。迷佛菩提亡失知見。是名第三立因依心。成妄計果違遠圓通。背涅槃城生倒圓種。

16.

_ Hựu Thiện-nam-tử, cùng chư hành không, dĩ diệt sanh-diệt, nhi ư tịch-diệt, tinh diệu vị viễn.

_ Nhược ư sở quy, hữu sở quy y, tự nghi thân-tâm, tùng bỉ lưu xuất, thập phương hư-không, hàm kỳ sanh khởi, tức ư đô khởi, sở tuyên lưu địa, tác chơn-thường thân, vô sanh-diệt giải.

(_ Nếu trong lúc quay về, thấy có chỗ sở-quy, lại tự nghĩ thân-tâm mình từ chỗ kia sanh ra, và cả thập phương hư-không cũng đều do chỗ kia sanh ra, rồi tức nơi cái chỗ sanh ra tất cả đó, nhận là cái thể chơn-thường không sanh-diệt.)

_ Tại sanh diệt trung, tảo kế thường-trụ, ký hoặc bất sanh, diệc mê sanh-diệt, an trụ trầm mê, sanh thắng giải giả.

(_ Như thế, là ở trong sanh diệt, sớm chấp là thường-trụ, chẳng những lầm tánh bất sanh, mà cũng mê tánh

16. (THỨC-ẤM MA 3)

_ A-Nan! Thiện-nam-tử cứu xét rốt ráo, Hành-Ấm dứt sạch, đã hết sanh-diệt, ở chỗ tịch-diệt mầu-nhiệm trong sáng chưa tròn.

_ Như có sở-qui, Thức-Ấm hiện ra, sanh lòng nghi thân-tâm cho tới thập phương hư-không cũng do Thức-Ấm mà có, chấp Thức-Ấm lưu-chuyển làm thân Chơn-Thường.

_ Không còn hữu-không trong cảnh sanh-diệt, vội tưởng là thường-trụ, mê lý bất-sanh, lầm lý sanh-diệt, trụ cảnh mê-trầm, khởi hiện thắng-giải.

<p>sanh-diệt; an-trụ trong mê lầm trầm-trọng, mà quyết định là đúng.)</p> <p>_ Thị nhân tặc đọa, “thường phi thường” chấp, kế Tự-Tại-Thiên, thành kỳ bạn-lữ, mê Phật Bồ-ĐỀ, vong thất tri-kiến.</p> <p>_ Thị danh đệ-tam, lập nhân y tâm, thành vọng kế quả, vi viễn viên thông, bội Niết-Bàn thành, sanh đảo điên chủng.</p>	<p>_ Như vậy hành-giả lạc vào vị-trí chấp “thường phi-thường”, kết bạn với Tự-Tại-Thiên, muội tánh Bồ-ĐỀ của Phật, quên mất tri-kiến.</p> <p>_ Gọi là phép-tắc thứ ba, lập nhân theo tâm, thành quả vọng-xét, xa lánh Viên-Thông, cách-biệt Niết-Bàn, sanh làm chủng-tộc toàn điên đảo.</p>
---	---

又善男子窮諸行空已滅生滅。而於寂滅精妙未圓。若於所知知遍圓故。因知立解十方草木。皆稱有情與人無異。草木為人人死還成十方草樹。無擇遍知生勝解者。是人則墮知無知執。婆吒覩尼執一切覺成其伴侶。迷佛菩提亡失知見。是名第四計圓知心。成虛謬果違遠圓通。背涅槃城生倒知種。

17.

_ Hữu Thiện-nam-tử, cùng chư hành không, dĩ diệt sanh-diệt, nhi ư tịch-diệt, tinh diệu vị viễn.

_ Nhược ư sở tri, tri biến viễn cố, nhân tri lập giải, thập phương thảo-mộc, giai xưng hữu-tình, dữ nhân vô dị, thảo-mộc vi nhân, nhân tử hoàn thành, thập phương thảo thụ, vô trạch biến tri, sanh thắng giải dã.

(_ Nếu nơi chỗ hay biết, nhân sự hay biết cùng khắp, mà lập ra cái nhận-thức rằng cỏ cây thập phương, đều gọi là hữu-tình, cùng người không khác; rằng cỏ cây làm người, người chết rồi trở lại thành cỏ cây thập phương; nơi cái hay biết cùng khắp, không có lựa chọn và quyết-định như thế là đúng.)

_ Thị nhân tặc đọa, “tri vô tri” chấp, Bà-Tra Tản-Ni, chấp nhứt-thiết giác, thành kỳ bạn-lữ, mê Phật Bồ-ĐỀ, vong thất tri-kiến.

_ Thị danh đệ-tứ, kế viễn tri tâm, thành hư mậu quả, vi viễn viên thông, bội Niết-Bàn thành, sanh đảo điên chủng.

Hư mậu: sai lầm, lầm lẩn.

17. (THỨC-ẤM MA 4)

_ A-Nan! Thiện-nam-tử cứu xét rốt ráo, Hành-ấm dứt sạch, đã hết sanh-diệt, ở chỗ tịch-diệt mầu-nhiệm trong sáng chưa tròn.

_ Tự hiểu thấu viễn-mẫn, ý-thức thảo-mộc ở mười phương như nhân-loại, thảo-mộc làm người, người làm thảo-mộc, thập phương đồng-tình đồng-tánh, hiểu biết giống nhau, phát-sanh thắng giải.

_ Như vậy hành-giả lạc vào vị-trí chấp “tri vô-tri”, kết bạn với ngoại-đạo Bà-Tra Tản-Ni chấp biết tất cả, muội tánh Bồ-ĐỀ của Phật, quên mất tri-kiến.

_ Gọi là phép-tắc thứ tư, lập tâm hiểu biết, thành quả mê trầm, xa lánh Viên-Thông, cách-biệt Niết-Bàn, sanh làm chủng-tộc hiểu biết điên đảo.

又善男子窮諸行空已滅生滅。而於寂滅精妙未圓。若於圓融。
根互用中已得隨順。便於圓化一切發生。求火光明樂水清淨。愛
風周流觀塵成就。各各崇事以此群塵。發作本因立常住解。是人則
墮生無生執。諸迦葉波并婆羅門。勤心役身事火崇水。求出生死成
其伴侶。迷佛菩提亡失知見。是名第五計著崇事。迷心從物立妄求
因。求妄冀果違遠圓通。背涅槃城生顛化種。

18.

_ Hữu Thiện-nam-tử, cùng chư hành khôn, dĩ diệt sanh-diệt, nhi ư tịch-diệt, tinh-diệu vị viễn.

_ Như ư viễn-dung, căn hô dụng trung, dĩ đắc tùy thuận, tiện ư viễn hóa nhứt-thiết phát-sanh, cầu hỏa quang-minh, lạc thủy thanh-tịnh, ái phong châu-lưu, quan trần thành-tựu, các sùng sự, dĩ thử quần Trần, phát tặc bốn-nhân, lập thường-trụ giải.

(_ Nếu trong lúc, đã được tùy thuận tánh viễn-dung của các căn dùng thay lẫn nhau, lại nơi tánh viễn-dung biến-hóa phát-sinh, cầu cái ánh sáng của Hỏa-dại, ưa cái thanh-tịnh của Thủy-dại, yêu cái chu-lưu của Phong-dại, xét cái thành-tựu của Địa-dại, rồi sùng phụng mỗi cái, nhận những tứ-dại kia là bốn-nhân và lập nó làm tánh thường-trụ.)

_ Thị nhân tặc đọa, “sanh vô sanh” chấp, chư Ca-Diếp-Ba ngoại-đạo chủng-tộc, cần tâm dịch thân, sự hỏa sùng thủy, cầu xuất sanh-tử, thành kỳ bạn-lữ, mê Phật Bồ-Đề, vong thất tri-kiến.

_ Thị danh đệ-ngũ, kế trú sùng sự, mê tâm tùng vật, lập vọng cầu nhân, cầu vọng ký quả, vi viễn viễn-thông, bội Niết-Bàn thành, sanh diên hóa chủng.

18. (THỨC-ẤM MA 5)

_ A-Nan! Thiện-nam-tử cứu xét rốt ráo, Hành-ấm dứt sạch, đã hết sanh-diệt, ở chỗ tịch-diệt mầu-nhiệm trong sáng chưa tròn.

_ Tánh viễn-dung của sáu căn sử-dụng tùy thuận biến-hóa, tất cả đều cầu quang-minh thanh-tịnh, lại muốn ái-kiến phổ-biến, nên xem xét sáu trần thành-tựu, và dùng sáu trần lập bốn-nhân, cho là thường-trụ.

_ Như vậy hành-giả lạc vào vị-trí chấp “sanh vô-sanh”, kết bạn với dòng dõi Ca-Diếp-Ba chuyên-tâm thờ phụng lửa, nước, cầu siêu-thoát sanh-tử, muội tánh Bồ-Đề của Phật, quên mất tri-kiến.

_ Gọi là phép-tắc thứ năm, chấp-trước thờ phụng, bỏ tâm theo tướng, lập vọng làm nhân, nương vọng thành quả, xa lánh Viễn-Thông, cách-biệt Niết-Bàn, sanh làm chủng-tộc diên-đảo.

又善男子窮諸行空已滅生滅。而於寂滅精妙未圓。若於圓明
計明中虛。非滅群化以永滅依。為所歸依生勝解者。是人則墮歸無
歸執。無相天中諸舜若多成其伴侶。迷佛菩提亡失知見。是名第六
圓虛無心。成空亡果違遠圓通。背涅槃城生斷滅種。

19.

_ Hựu Thiện-nam-tử, cùng chư Hành không, dĩ diệt sanh-diệt, nhi ư tịch-diệt, tinh-diệu vị viễn.

_ Nhược ư viễn minh, kế minh trung hư, phi diệt quần hóa, dĩ vĩnh diệt y, vi sở quy-y, sanh thắng giải giả.

(_ Nếu nơi cảnh viễn-minh, chấp cái rỗng trống trong viễn-minh, bác bỏ tiêu-diệt các sự vật biến-hóa, lấy cái tánh diệt hẳn, làm chỗ quy-y của mình và quyết định như thế là đúng.)

_ Thị nhân tắc đọa, “quy vô quy” chấp, Vô-tưởng-thiên trung, chư Thuần-Nhã-Đà, thành kỳ bạn-lữ, mê Phật Bồ-Đề, vong thất tri-kiến.

_ Thị danh đệ-lục, viễn hư vô tâm, thành không vong quả, vi viễn viễn thông, bội Niết-Bàn thành, sanh đoạn diệt chủng.

19. (THỨC-ẤM MA 6)

_ A-Nan! Thiện-nam-tử cứu xét rốt ráo, Hành-Ấm dứt sạch, đã hết sanh-diệt, ở chỗ tịch-diệt mâu-nhiệm trong sáng chưa tròn.

_ Thấy biết thức-Ấm viễn-minh, chấp Thức-Ấm như hư-không, vạn-vật đều lấy hư-không vĩnh-diệt làm chỗ nương về, phát-sanh thắng-giải.

_ Như vậy hành-giả lạc vào vị-trí chấp “qui vô-qui”, kết bạn với Thuần-Nhã-Đà ở Thiên-giới vô-tưởng, muội tánh Bồ-Đề của Phật, quên mất tri-kiến.

_ Gọi là phép-tắc thứ sáu, toàn tâm hư-vô, thành quả không vong, xa lánh Viễn-Thông, cách-biệt Niết-Bàn, sanh làm chủng-tộc đoạn diệt.

又善男子窮諸行空已滅生滅。而於寂滅精妙未圓。若於圓常固身常住。同于精圓長不傾逝生勝解者。是人則墮貪非貪執。諸阿斯陀求長命者成其伴侶。迷佛菩提亡失知見。是名第七執著命元立固妄因。趣長勞果違遠圓通。背涅槃城生妄延種。

20.

_ Hựu Thiện-nam-tử, cùng chư hành không, dĩ diệt sanh-diệt, nhi ư tịch-diệt, tinh diệu vị viễn.

_ Nhược ư viễn thường, cố thân thường-trụ, đồng ư tinh viễn, thường bất khuynh thệ, sanh thắng giải giả.

(_ Nếu nơi tánh viễn-thường, cùng cố cái thân cho thường-trụ như tánh ấy, mãi không suy mất và quyết định như thế là đúng.)

_ Thị nhân tắc đọa, “tham phi tham” chấp, chư A-Tư-Đà, cầu trường mệnh giả, thành kỳ bạn-lữ, mê Phật Bồ-Đề, vong thất tri-kiến.

20. (THỨC-ẤM MA 7)

_ A-Nan! Thiện-nam-tử cứu xét rốt ráo, Hành-Ấm dứt sạch, đã hết sanh-diệt, ở chỗ tịch-diệt mâu-nhiệm trong sáng chưa tròn.

_ Tham cầu thân tứ-dai thường-trụ đồng với Tâm Chơn-Như viễn-mãm, cố làm cho thân tứ-dai trường-sanh bất-tử, phát ra thắng-giải.

_ Như vậy hành-giả lạc vào vị-trí chấp “tham phi-tham”, kết bạn với A-Tư-Đà, cầu cản-mạng sống lâu vĩnh-viễn, muội tánh Bồ-Đề của Phật, quên mất tri-kiến.

<p>_ Thị danh đệ-thất, chấp trứ mệnh nguyên, lập cố vọng nhân, thú trưỡng lao quả, vi viễn viên-thông, bội Niết- Bàn thành, sanh vọng diên chủng.</p>	<p>_ Gọi là phép-tắc thứ bảy, chấp-trước căn-mạng, lập nhân cố vọng, trả quả lâu dài, xa lánh Viên-Thông, cách-biệt Niết-Bàn, sanh làm chủng-tộc mê-vọng.</p>
---	---

又善男子窮諸行空已滅生滅。而於寂滅精妙未圓。觀命互通
却留塵勞恐其銷盡。便於此際坐蓮華宮。廣化七珍多增寶媛。縱恣
其心生勝解者。是人則墮真無真執。吒枳迦羅成其伴侶。迷佛菩提
亡失知見。是名第八發邪思因。立熾塵果違遠圓通。背涅槃城生天
魔種。

21.

_ Hựu Thiện-nam-tử, cùng chư hành
không, dĩ diệt sanh-diệt, nhi ư tịch-diệt,
tinh diệu vị viễn.

_ Quán mệnh hổ thông, khước lưu trần
lao, khủng kỳ tiêu tận, tiện ư thử tế, tọa
liên hoa cung, quảng hóa thất trân, đà
tăng bửu viễn, thử túng kỳ tâm, sanh
thắng giải giả.

(_ Xét chỗ các mạng thông lẫn với nhau, lại muốn giữ
lại trần-lao, sợ nó tiêu hết; khi ấy bèn ngồi cung hoa
sen, hóa ra rất nhiều bảy thứ trân-bảo và những gái
đẹp, buông lung tâm mình và quyết-dịnh như thế là
đúng.) **Viễn:** con gái đẹp.

_ Thị nhân tặc đọa, “chơn vô chơn”
chấp, Tra-Chỉ Ca-La, thành kỳ bạn-lữ,
mê Phật Bồ-Đề, vong thất tri-kiến.

_ Thị danh đệ-bát, phát tà tư nhân, lập
xí trần quả, vi viễn viên-thông, bội Niết-
Bàn thành, sanh Thiên-ma chủng.

21. (THỨC-ẤM MA 8)

_ A-Nan! Thiện-nam-tử cứu xét rốt ráo,
Hành-Ấm dứt sạch, đã hết sanh-diệt, ở
chỗ tịch-diệt mâu-nhiệm trong sáng
chưa tròn.

_ Cứu-xét căn-mạng và trần-cảnh dung-
thông, lo sợ căn-trần tiêu mất, nên tham
cầu căn-trần bền chắc, ngồi tòa sen
biến-hóa thất-trân bảo-vật, để buông
thả tâm-thần vui thích, sanh ra thắng-
giải.

_ Như vậy hành-giả lạc vào vị-trí chấp
“chơn vô-chơn”, kết bạn với dòng dõi
Tra-Chỉ Ca-La, muội tánh Bồ-Đề của
Phật, quên mất tri-kiến.

_ Gọi là phép-tắc thứ tám, phát nhân tà-
tưởng, lập trần-quả thuận, xa lánh Viên-
Thông, cách-biệt Niết-Bàn, sanh làm
chủng-tộc Thiên-ma Ba-Tuần.

又善男子窮諸行空已滅生滅。而於寂滅精妙未圓。於命明中
分別精麗。疏決真偽因果相酬。唯求感應背清淨道。所謂見苦斷集
證滅修道居滅已休。更不前進生勝解者。是人則墮定性聲聞。諸無
聞僧增上慢者成其伴侶。迷佛菩提亡失知見。是名第九圓精應心成
趣寂果違遠圓通。背涅槃城生纏空種。

22.

_ Hựu Thiện-nam-tử, cùng chư hành không, dĩ diệt sanh-diệt, nhi ư tịch-diệt, tinh-diệu vị viễn.

_ Ư mệnh minh trung, phân-biệt tinh thô, sơ quyết chơn ngụy, nhân-quả tương-thù, duy cầu cảm-ứng, bội thanh-tịnh đạo.

(_ Nơi thức-thể viên-minh, cội gốc của sinh mệnh, phân-biệt chỗ tinh, chỗ thô; quyết-doán chỗ chơn, chỗ ngụy; nơi nhân quả đèn đáp, chỉ cầu cảm-ứng, trái với đạo thanh-tịnh.)

_ Sở vị kiến khổ, đoạn tập chứng diệt, tu đạo cư diệt dĩ hữu, cảnh bất tiền tấn, sanh thăng giải giả.

(_ Nghĩa là, chỉ thấy Khổ-dế, đoạn Tập-dế, tu Đạo-dế; ở nơi Diệt-dế đã yên rồi, lại không cầu tiến thêm nữa và quyết-định như thế là đúng.)

_ Thị nhân tắc đọa, định tánh Thinh-văn, chư vô-văn Tăng, tăng-thượng-mạn giả, thành kỳ bạn-lữ, mê Phật Bồ-Đề, vong thất tri-kiến.

_ Thị danh đệ-cửu, viên tinh ứng tâm, thành thú tịch quả, vi viễn viên-thông, bội Niết-Bàn thành, sanh triền không chủng.

22. (THỨC-ẤM MA 9)

_ A-Nan! Thiện-nam-tử cứu xét rốt ráo, Hành-Ấm dứt sạch, đã hết sanh-diệt, ở chỗ tịch-diệt mầu-nhiệm trong sáng chưa tròn.

_ Căn mang tỏ rạng, phân-biệt khéo vụng, so sánh chơn-giả, nhân-quả vay trả do sự cảm-ứng, sanh lòng phản đạo thanh-tịnh.

_ Chỉ thấy cảnh khổ, đoạn trừ tập-nghiệp, hành đạo ở cảnh diệt, mà không chịu cầu tiến, phát-hiện thăng-giải.

_ Như vậy hành-giả lạc vào vị-trí định-tánh Thinh-Văn, kết bạn với chư Tỳ-khưu vô-văn, tăng-thượng-mạn, muội tánh Bồ-Đề của Phật, quên mất tri-kiến.

_ Gọi là phép-tắc thứ chín, toàn tâm tinh-chuyên cảm-ứng, lập thú tịch quả, xa lánh Viên-Thông, cách-biệt Niết-Bàn, sanh làm chủng-tộc nghi-chấp ràng buộc.

又善男子窮諸行空已滅生滅。而於寂滅精妙未圓。若於圓融清淨覺明。發研深妙即立涅槃。而不前進生勝解者。是人則墮定性辟支。諸緣獨倫不迴心者。成其伴侶。迷佛菩提失知見。是名第十圓覺[忽心+目]心。成湛明果違遠圓通。背涅槃城生覺圓明不化圓種。

23.

_ Hựu Thiện-nam-tử, cùng chư Hành không, dĩ diệt sanh-diệt, nhi ư tịch-diệt, tinh-diệu vị viễn.

_ Nhược ư viên-dung, thanh-tịnh giác-minh, phát nghiên thâm diệu, tức lập

23. (THỨC-ẤM MA 10)

_ A-Nan! Thiện-nam-tử cứu xét rốt ráo, Hành-Ấm dứt sạch, đã hết sanh-diệt, ở chỗ tịch-diệt mầu-nhiệm trong sáng chưa tròn.

_ Tánh viên-dung thanh-tịnh, hiểu biết khôn khéo, cứu xét sâu xa, biến tạo

<p>Niết-Bàn, nhi bất tiền tấn, sanh thăng giải giả.</p> <p>(_ Nếu ở nơi tánh giác-minh thanh-tịnh viên-dung, phát-minh tánh thâm-diệu, liền nhận là Niết-Bàn, mà không tiến lên, và quyết-dịnh như thế là đúng.)</p> <p>_ Thị nhân tắc đọa, định tánh Bích-Chi, chư duyên Độc-luân, bất-hồi-tâm giả, thành kỳ bạn-lữ, mê Phật Bồ-Đ Đề, vong thất tri-kiến.</p> <p>_ Thị danh đệ-thập, viên giác dẫn tâm, thành trạm minh quả, vi viên vien thông, bội Niết-Bàn thành, sanh giác viên-minh, bất hóa viên chủng.</p> <p>(... xa lánh Viên-Thông, đi ngược đạo Niết-Bàn, sanh ra giống giác-ngộ viên-minh, nhưng không hóa được tánh vien.)</p>	<p>cảnh viên-tịch, mà không chịu cầu tiến, phát-sanh thăng-giải.</p> <p>_ Như vậy hành-giả lạc vào vị-trí định-tánh Bích-Chi, chỉ nương theo các duyên bất-hồi-tâm riêng biệt của mình, kết bạn với Độc-Giác, muội tánh Bồ-Đ Đề của Phật, quên mất tri-kiến.</p> <p>_ Gọi là phép-tắc thứ mươi, thông hiểu tâm hiệp, thành quả sáng tỏ, xa lánh Viên-Thông, cách-biệt Niết-Bàn, sanh làm chủng-tộc viên-minh giác-tánh nhưng không có biến-hóa.</p>
--	---

阿難如是十種禪那中途成狂因依。或未足中生滿足證。皆是識陰用心交互故生斯位。眾生頑迷不自忖量。逢此現前各以所愛。先習迷心而自休息。將為畢竟所歸寧地。自言滿足無上菩提。大妄語成外道邪魔。所感業終墮無間獄。聲聞緣覺不成增進。汝等存心秉如來道。將此法門於我滅後傳示末世。普令眾生覺了斯義。無令見魔自作沈[什/(阿可+辛)/女]。保綏哀救消息邪緣。令其身心入佛知見。從始成就不遭歧路。

24. A-Nan! Như-thị thập chủng, Thiền-na trung đồ thành cuồng, nhân y mê hoặc, ư vị túc trung, sanh mãn túc chứng, giai thị Thức-Ấm, dụng tâm giao-hỗ, cố sanh tư vị.

(_ A-Nan! Mười thứ Thiền-na như thế, giữa đường hóa diên, nhân nương theo sự mê lầm, trong chỗ chưa đủ, lại nhận là đã chứng đầy đủ; đều do Thức-Ấm và tâm công-dụng giao-xen, nên sanh những vị như thế.)

_ Chúng-sanh ngoan mê, bất tự thốn lượng, phùng thử hiện-tiền, các dĩ sở ái.

C.

24. A-Nan! Mười thứ thiền-định như vậy, thật-hành nửa đường hay bị điên-cuồng, nhân làm theo sự mê-hoặc biến hiện ở bên trong, vị-trí chưa đủ mà cho là đủ, tâm-tuệ chưa tròn mà cho là tròn; đó là tại công-dụng của Thức-Ấm mà chuyển-động phát-sanh.

_ Vì hành-giả ngoan-cố mê-muội, không biết suy xét sáng suốt, nên gấp cảnh hiện-tiền, mỗi thứ mỗi cố-chấp, mỗi thứ mỗi tham cầu, trú mến, quyết-luyến.

<p>_ Tiên tập mê-tâm, nhì tự-hữu-tức, tương vi-tất-cánh, sở quy-ninh-địa.</p> <p>(... tự-thôi-dứt, cho đó là chỗ quay-về rốt-ráo.)</p> <p>_ Tự-ngôn-mãnh-túc, Vô-Thượng Bồ-ĐỀ, đại-vọng-ngữ-thành, ngoại-đạo-tà-ma, sở-cảm-nghiệp-chung, đọa Vô-gián-ngục.</p> <p>_ Thinh-văn, Duyên-giác, bất-thành-tăng-tiến.</p>	<p>_ Cho-tới-có-khi-trước-luyện-mê-tâm, sau-tự-thôi-dứt, hẫu-lập-vị-trí-cứu-cánh-nương-về-chỗ-an- ổn.</p> <p>_ Như-thế-lại-tự-xưng-dã-viên-mãnh-Diệu-quả-Bồ-ĐỀ-Vô-Thượng, thành-thử-phạm-tội-đại-vọng-ngữ-của-hạng-ngoại-đạo-ma-giáo, chiêu-cảm-tử-nghiệp-ưng-đạo-Vô-gián-địa-ngục.</p> <p>_ Hành-đạo-như-vậy, dẫu-có-ở-vị-trí-Thinh-Văn-hoặc-Duyên-Giác-cũng-khó-tinh-tấn.</p>
	<p>_ Thế-nên-ông và-tất-cả-Đại-chúng-phải-nhứt-tâm-y-giáo-phụng-hành-như-vầy:</p>
<p>_ Nhữ-đảng-tồn-tâm, bỉnh-Như-Lai-đạo, tương-thủ-pháp-môn, ư-ngã-diệt-hậu, truyền-thị-mật-thế, phổ-lịnh-chúng-sanh, giác-liễu-tư-nghĩa, vô-linh-kiến-ma, tự-tác-trầm-nghiệt.</p> <p>(_ Các-ông-để-tâm-giữ-đạo-Như-Lai, sau-khi-Ta-diệt-dộ-rồi, đem-pháp-môn-này-truyền-bá-trong-dời-mật-pháp, khiến-cho-tất-cả-chúng-sanh-đều-rõ-biết-nghĩa-này, không-để-cho-những-ma-tà-kiến-tự-gây-ra-nạn-lớn-cho-mình.)</p> <p>_ Bảo-tuy-ai-cứu, tiêu-tức-tà-duyên, linh-kỳ-thân-tâm, nhập-Phật-tri-kiến, tùng-thi-thành-tựu, bất-tao-kỳ-lộ.</p> <p>(_ Giữ-gìn-thương-cứu, tiêu-dứt-các-tà-duyên, khiến-cho-thân-tâm-vào-được-tri-kiến-của-Phật, từ-lúc-ban-dầu-đến-khi-thành-tựu, không-mắc-các-đường-rẽ.)</p>	<p>_ Sau-khi-Như-Lai-nhập-diệt, ở-trong-dời-mật-pháp, dĩ-tận-lực-truyền-bá-cho-chúng-sanh-nghĩa-lý-nhiệm-mầu-giải-thoát; không-nên-sơ-suất, để-cho-những-chuồng-ma-nổi-dậy-dùng-thủ-đoạn-ác-nghiệt-sâu-xa-nhiều-hại.</p> <p>_ Quý-vị-phải-cứu-giúp-nhau-dứt-tuyệt-tà-kiến-ác-duyên, hộ-trì-nhau-cho-thân-tâm-tránh-khỏi-đường-mê-vọng, thành-tựu-phu-đắc-nhập-Phật-tri-kiến(2).</p> <p>Phật-tri-kiến: đồng-nghĩa: Chơn-Tâm, Chơn-Như, Chơn-Tánh, Phật-Tánh, Bổn-Tánh, Tự-Tánh, Pháp-Tánh, Thật-Tánh, Thật-Tuồng, Pháp-Giới v.v...</p>

25.

25. PHẬT HIỂN-MINH PHÁP-MÔN BỒ-ĐỀ VÔ-THƯỢNG.

如是法門先過去世。恒沙劫中微塵如來。乘此心開得無上道。
。識陰若盡則汝現前諸根互用。從互用中能入菩薩金剛乾慧。圓明
精心於中發化。如淨瑠璃內含寶月。如是乃超十信十住十行十迴向
四加行心。菩薩所行金剛十地等覺圓明。入於如來妙莊嚴海。圓滿
菩提歸無所得。此是過去先佛世尊。奢摩他中毘婆舍那。覺明分析
微細魔事。魔境現前。

<p>_ Như-thị pháp-môn, tiên quá-khứ thế, Hằng-sa kiếp trung, vi-trần Như-Lai, thừa thủ tâm khai, đắc Vô-Thượng-Đạo.</p> <p>_ Thức-Ấm nhược tận, tắc nhữ hiện-tiền, chư căn hổ dụng. Tùng hổ-dụng trung, nǎng nhập Bồ-Tát Kim-Cang can-tuệ.</p> <p>(_ Khi Thức-Ấm hết rồi, thì hiện-tiền các căn của ông đều được dùng thay lẫn nhau. Từ chỗ các căn dùng thay lẫn nhau, ông sẽ lên bậc Kim-Cang can-tuệ Bồ-Tát.)</p> <p>_ Viên-minh tinh-tâm, ư trung phát hóa, như tịnh Lưu-Ly, nội hàm bảo-nghuyệt.</p> <p>(_ Cái tâm tinh-diệu viên-minh phát hóa trong ấy, như mặt trăng báu ở trong ngọc Lưu-Ly trong sạch.)</p> <p>_ Như-thị nãi siêu, Thập-Tín, Thập-Trụ, Thập-Hạnh, Thập Hồi-Hướng, Tứ Gia-Hạnh Tâm, Bồ-Tát sở-hành, Kim-Cang Thập-Địa.</p> <p>_ Đẳng giác viên-minh, nhập ư Như-Lai, Diệu-Trang-Nghiêm hải, viên-mẫn Bồ-Đ Đề, quy vô-sở-đắc.</p> <p>(_ Tánh Đẳng-giác được viên-minh, vào bể Diệu-Trang-Nghiêm của Như-Lai, viên-mẫn đạo Bồ-Đ Đề, về chỗ vô sở-đắc.)</p> <p>_ Thủ thị quá-khứ, tiên Phật Thế-Tôn, Sa-ma-tha trung, Tỳ-bà-xá-na, giác-minh phân-tích, vi-tế ma-sự, ma-cảnh hiện-tiền.</p> <p>(_ Đó là những ma-sự vi-tế, mà các Đức Phật Thế-Tôn, đời quá-khứ trước, đã giác-ngộ, nghiệm xét và phân-tích trong lúc tu Chỉ và tu Quán.)</p>	<p>Đức Phật dạy: A-Nan và Đại-chúng!</p> <p>_ Pháp-môn thâm-diệu vi-mật như vậy, ở các đời quá-khứ, trong Hằng-sa kiếp, có vô-lượng chư Phật, nương theo pháp-môn thâm-diệu vi-mật đó mà tâm-địa khai-ngộ, viên-chứng Đạo-quả Bồ-Đ Đề Vô-Thượng.</p> <p>_ Khi Thức-Ấm dứt sạch, khéo sử-dụng lục-căn ngay ở bên trong để vào địa-vị Bồ-Tát, đắc Kim-Cang can-tuệ.</p> <p>_ Tâm tinh-tấn viên-minh, mặc-nhiên nội-tâm trở nên trong sạch sáng tỏ như ngọc Lưu-Ly, trùm chứa Bảo-nghuyệt.</p> <p>_ Tu-hành được như vậy mới vượt qua các địa-vị Bồ-Tát Thập-Tín, Thập-Trụ, Thập-Hạnh, Thập Hồi-Hướng, Tứ Gia-Hạnh, tiến lên Kim-Cang Thập-Địa, - cho tới Đẳng-giác viên-minh, về cảnh-trí vô-sở-đắc, vào Tánh-hải Như-Lai Diệu-Trang-Nghiêm, viên-mẫn Bồ-Đ Đề.</p> <p>_ Đó là vô-lượng chư Phật ở các đời quá-khứ trước Ta, sáng suốt tu pháp thiền-định chánh-giác, khéo sử-dụng tâm viên-minh, biết phân-tách tỉ mỉ tất cả vi-tế ma-sự ma-cảnh.</p>
---	--

汝能諳識。心垢洗除不落邪見。陰魔銷滅天魔摧碎。大力鬼神
褫魄逃逝。魑魅魍魎無復出生。直至菩提無諸少乏下劣增進。於大
涅槃心不迷悶。若諸末世愚鈍眾生。未識禪那不知說法。樂修三昧
汝恐同邪。一心勸令持我佛頂陀羅尼呪。若未能誦寫於禪堂或帶身
上。一切諸魔所不能動。汝當恭欽十方如來。究竟修進最後垂範。

26. Nhữ năng ấm-thức, tâm cấu tẩy trừ, bất lạc tà-kiến, ấm-ma tiêu-diệt, Thiên-ma tồi-toái, đại-lực Quý-Thần, sỉ phách đào-thê, ly-my vọng-lượng, vô-phục xuất-sanh, trực chí Bồ-Đề, vô-chư thiếu-phap. Hạ liệt tăng-tiến, ư Đại-Niết-Bàn, tâm bất mê-muội.

(_ Nếu khi ma-cảnh hiện-tiền, ông nhận biết được, thì rửa trù được cất-nhiễm, không mắc các tà-kiến, ấm-ma đều tiêu-diệt, Thiên-ma bị đánh tan, đại-lực quý-thần hoảng-hốt chạy trốn, ly-my vọng-lượng không sanh ra được, thì đi thẳng đến Bồ-Đề, không có các điều thiếu sót. Những căn hạ-liệt cũng được tăng tiến, đổi với Đại-Niết-Bàn, tâm không mê-lâm.)

_ Nhược chư mạt-thế, ngu độn chúng-sanh, vị-thức Thiền-na, bất-tri thuyết-pháp, lạc-tu Tam-muội, nhữ-khung đồng-tà, nhứt-tâm khuyên-linh, trì ngã Phật-danh, đà-ra-ni chú.

_ Nhược vi năng-tụng, tả ư Thiền-đường, hoặc ái-thân-thượng, nhứt-thiết chư-ma, sở-bất-năng động.

_ Nhữ đương-cung khâm, thập-phương Như-Lai, cứu-cánh tu-tiến, tối-hậu thùy-phạm.

(_ Ông-nên kính-vâng lời-dạy bảo-cuối-cùng về đường-tu-tiến rốt-ráo của thập-phương Như-Lai.)

26. A-Nan và Đại-chúng! Khi ma-sự ma-cảnh phát hiện, quí-vị phải nghiên-cứu kỹ-càng, hiểu-thấu-tưởng-tận để lọc sạch tất cả cặn-bả ô-trước ra khỏi-tâm, mặc-nhiên các thứ tà-kiến trừ-tuyệt, các loại ấm-ma tiêu-vong, cho tới Ma-vương Ba-Tuân cũng biến-mất, đại-lực Quý-Thần kinh sợ-tránh xa, vọng-lượng ly-my đều-không-dám-lại-gần, như-thế tâm vượt qua tất cả hôn-trầm ám-muội, không-còn-chương ngại-hoặc sơ-suất trên đường-chánh-tu Bồ-Đề Vô-Thượng, tiến-vào cảnh-trí Đại-Niết-Bàn.

_ A-Nan! Như-ở trong thời-kỳ mạt-pháp có-những-hạng người thiếu-túc-duyên, không-thiền-định được, không-giảng-kinh-thuyết-pháp được, mà-muốn-tu-pháp Tam-muội, lại-sợ-bị đồng-hoa với-ngoại-đạo ma-giáo, thì-những-hạng người-ấy phải-học-hiểu-tinh-vi, cần-nhứt-tâm chí-thành thọ-trì Phật-danh-quang-tụ đà-ra-ni: “MA-HA TÁT-ĐÁT-DA BÁT-ĐÁT-RA”.

_ Nếu-hằng/ngày-chưa-tụng-niệm được Tâm-chú đó, thì-biên-chép-treo ở thiền-đường và-deo-theo-trong-thân, làm-như-vậy để-tất-cả-chương-ma-không-dám-hành-động-nhiều-hại.

_ A-Nan và Đại-chúng! Quí-vị có-bổn-phận chí-tâm-tôn-trọng-thập-phương-chư-Pật đã-tiến-tu-cứu-cánh và-truyền-dạy-pháp-môn-thâm-diệu-vi-mật cho-hậu-thế.

阿難即從坐起聞佛示誨。頂禮欽奉憶持無失。於大眾中重復白佛。如佛所言五陰相中。五種虛妄為本想心。我等平常未蒙如來微細開示。又此五陰為併銷除為次第盡。如是五重詣何為界。惟願如來發宣大慈。為此大眾清明心目。以為末世一切眾生作將來眼。

27. A-Nan tức-tùng-tòa khởi, văn-Phật thị-hối, đánh-lẽ-khâm-phụng, ức-tri-vô-thất (ghi-nhớ-không-sót), ư-dai-chúng-trung, trùng-phục-bạch-Phật:

27. Khi-Ấy-ngài-A-Nan đứng-dậy, vâng-lời-Đức-Phật dạy-bảo, giữ-đúng-lẽ-nghi, cung-kính-đánh-lẽ và-bạch-Phật:

<p>_ Như Phật sở ngôn: Ngũ-Ấm tưởng trung, ngũ chủng hư-vọng, vi bốn tưởng tâm.</p> <p>(_ Như lời Phật dạy: Trong tưởng ngũ-Ấm, có năm thứ hư-vọng làm cái tưởng cội gốc.)</p> <p>_ Ngã đǎng bình-thường, vị mōng Như-Lai, vi-tế khai-thị.</p> <p>(_ Chúng tôi bình-thường chưa được nhờ Đức Như-Lai khai-thị tí mỉ như thế.)</p> <p>_ Hựu thử ngũ-Ấm, vi tính tiêu-trừ, vi thử đệ tận?</p> <p>(_ Lại năm Ấm ấy, là tiêu-trừ một lần hay theo thứ lớp mà hết?)</p> <p>_ Như-thị ngũ trùng, nghê hà vi giới?</p> <p>(_ Năm lớp như thế, đến đâu làm giới-hạn?)</p> <p>_ Duy nguyễn Như-Lai, phát tuyên đại-tử, vi thử đại-chúng, thanh-tịnh tâm-mục, dĩ vi mạt-thế, nhứt-thiết chúng-sanh, tác tương-lai nhän.</p> <p>Tâm-mục: 1/ tâm và con mắt. Ý nói: đạo-nhän. 2/ tinh-thần. 3/ ý-khiến, quan-diểm.</p>	<p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Như Đức Thế-Tôn vừa dạy, năm Ấm: Sắc-Ấm, Thọ-Ấm, Tưởng-Ấm, Hành-Ấm và Thức-Ấm đều hư-vọng, gốc ở tâm vọng-tưởng mà có.</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Trong lúc bình-thường, chúng tôi chưa được Đức Thế-Tôn chỉ bảo tinh-tưởng.</p> <p>_ Xin hỏi: Năm Ấm đó tiêu-trừ một lượt hay là tiêu-trừ tuần-tự theo thứ lớp?</p> <p>_ Ngũ-Ấm có chõ nào làm giới-hạn chăng?</p> <p>_ Ngưỡng nhờ Đức Thế-Tôn dū lòng đại-tử đại-bi dạy dỗ cho tất cả Đại-chúng được tâm-mục hiểu biết sáng suốt và nhứt-thiết chúng-sanh ở các đời mạt-pháp về sau cũng được như vậy.</p>
---	---

佛告阿難精真妙明本覺圓淨。非留死生及諸塵垢乃至虛空。皆因妄想之所生起。斯元本覺妙明真精。妄以發生諸器世間。如演若多迷頭認影。妄元無因。於妄想中立因緣性。迷因緣者稱為自然。彼虛空性猶實幻生。因緣自然。皆是眾生妄心計度。阿難知妄所起說妄因緣。若妄元無。說妄因緣元無所有。何況不知推自然者。是故如來與汝發明五陰本因同是妄想。

28. Phật cáo A-Nan:

_ Tinh-chơn diệu-minh, bốn-giác vien-tịnh, phi lưu tử sanh, cập chư trần-cấu, nāi chí hư-không, giai nhân vọng-tưởng, chi sở sanh khởi.

(_ Tánh tinh-chơn là diệu-minh, tánh bốn-giác là vien-tịnh, không còn để lại những sự sống chết và các trần-cấu; cho đến cả cái hư-không, cũng đều nhân vọng-tưởng mà sanh khởi ra.)

_ Tư nguyễn bốn-giác, diệu-minh tinh-

28. Đức Phật dạy:

_ A-Nan! Tâm Bốn-Giác Chơn-Như hoàn-toàn thanh-tịnh, sáng suốt nhiệm-mầu, không có trôi lăn ở biển khổ sanh-tử. Tất cả pháp-trần ô-trược cho tới hư-không đều do vọng-tưởng phát-sanh;

- ví như ông Diẽn-Nhã-Đa rối loạn đến

<p>chơn, vọng dĩ phát-sanh, chư khí thế-gian, như Diễn-Nhã-Đa, mê đầu nhận ảnh.</p> <p>(_ Tất cả cái ấy, gốc nơi bồn-giác diệu-minh chơn-tánh, vọng phát-sanh ra các khí-thế-gian, như anh Diễn-Nhã-Đa mê cái đầu, mà nhận cái bóng.)</p> <p>_ Vọng nguyên vô nhân.</p> <p>(_ Vọng vốn không có nhân.)</p> <p>_ Ư vọng-tưởng trung, lập nhân-đuyên-tánh, mê nhân-đuyên giả, xứng vi tự-nhiên.</p> <p>(_ Ở trong vọng-tưởng lập ra tánh nhân-đuyên, khi mê tánh nhân-đuyên, thì gọi là tự-nhiên.)</p> <p>_ Bỉ hư-không tánh, do thiệt huyễn sanh.</p> <p>(_ Cả tánh hư-không kia, còn thật là huyễn-hóa sanh ra.)</p> <p>_ Nhân-đuyên tự-nhiên, giai thị chúng-sanh, vọng-tâm kế đặc.</p> <p>(_ Nhân-đuyên và tự-nhiên đều là những sự so đố của vọng-tâm chúng-sanh.)</p>	<p>nỗi nhận bóng trong gương làm cái đầu của mình, đó là tại vọng-tưởng.</p> <p>_ Đã gọi là vọng thì dĩ-nhiên không có cội gốc.</p> <p>_ Trong vọng lập ra nhân-đuyên, lại không biết nhân-đuyên mà gọi là tự-nhiên.</p> <p>_ Cho tới hư-không tánh cũng là huyễn-hóa.</p> <p>_ Thế nên nhân-đuyên và tự-nhiên đều do vọng-tưởng của chúng-sanh, chờ không thiệt-thế.</p>
<p>_ A-Nan! Tri vọng sở khởi, thuyết vọng nhân-đuyên, nhược vọng nguyên vô, thuyết vọng nhân-đuyên, nguyên vô sở hữu, hà huống bất tri, suy tự-nhiên giả.</p> <p>(_ A-Nan! Biết do vọng sanh khởi ra, mà nói nhân-đuyên vọng, nếu cái vọng vốn không, thì nhân-đuyên vọng đó, vốn không có gì, huống nữa, không biết mà cho là tự-nhiên.)</p> <p>_ Thị cố Như-Lai, dữ nhữ phát-minh, ngũ-Ấm bốn-nhân, đồng thị vọng-tưởng.</p>	<p>_ A-Nan! Biết cứu xét chỗ vọng-tưởng thế-gian, cho là vọng nhân-đuyên, còn vọng không có cội gốc mà cũng cho là vọng nhân-đuyên, thành-thử phi-lý; suy theo nghĩa trên, thì tự-nhiên không khó cứu xét.</p> <p>_ Nay Ta cùng quý vị phát-minh chỗ bốn-nhân của năm Ấm là vọng-tưởng.</p>

(Sắc) 汝體先因父母想生汝心非想。則不能來想中傳命。如我先言心想醋味口中诞生。心想登高足心酸起。懸崖不有醋物未來。汝體必非虛妄通倫。口水如何因談醋出。是故當知汝現色身。名為堅固第一妄想。

(Thợ) 即此所說臨高想心。能令汝形真受酸澁。由因受生能動色體。汝今現前順益違損二現驅馳。名為虛明第二妄想。

(Tưởng) 由汝念慮使汝色身。身非念倫汝身何因。隨念所使種種取像。心生形取與念相應。寤即想心寐為諸夢。則汝想念搖動妄情。名為融通第三妄想。

(Hành) 化理不住運運密移。甲長髮生氣銷容皺。日夜相代曾無覺悟。阿難此若非汝云何體遷。如必是真汝何無覺。則汝諸行念念不停。名為幽隱第四妄想。

(Thức) 又汝精明湛不搖處名恒常者。於身不出見聞覺知。若實精真不容習妄。何因汝等曾於昔年覩一奇物。經歷年歲憶忘俱無。於後忽然覆覩前異。記憶宛然曾不遺失。則此精了湛不搖中。念念受熏有何籌算。

阿難當知此湛非真。如急流水望如恬靜。流急不見非是無流。若非想元寧受想習。非汝六根。互用合開此之妄想無時得滅。故汝現在見聞覺知中串習幾。則湛了內罔象虛無。第五顛倒細微精想。

阿難是五受陰五妄想成。汝今欲知因界淺深。唯色與空是色邊際。唯觸及離是受邊際。唯記與忘是想邊際。唯滅與生是行邊際。湛入合湛歸識邊際。

此五陰元重疊生起。生因識有滅從色除。理則頓悟乘悟併銷。事非頓除因次第盡。我已示汝劫波巾結。何所不明再此詢問。

汝應將此妄想根元心得開通。傳示將來末法之中諸修行者。令識虛妄深厭自生。知有涅槃不戀三界。

29. Như thể tiên-nhân phụ-mẫu tưởng sanh.

_ Nhữ tâm phi tưởng, tắc bất năng lai, tưởng trung truyền mệnh.

_ Như ngã tuyên ngôn: Tâm tưởng thố vị, khẩu trung duyên sanh; tâm tưởng đăng cao, túc tâm toan khởi.

_ Huyền nhai bất hữu, thố vật vị lai, nhữ thể tất phi, hư-vọng thông luân.

_ Khẩu thủy như hà, nhân đàm tò xuất?

_ Thị cố đương tri, nhữ hiện sắc thân, danh vi kiên-cố, đệ-nhứt vọng-tưởng.

Sắc-ấm vọng-tưởng

29. A-Nan! Như thân ông do tưởng của cha mẹ sanh ra.

_ Nếu tâm ông không tưởng, không có nhân-duyên vọng, thì không thể đi đến chỗ tưởng của cha mẹ truyền cẩn-mạng cho ông được.

_ Như Ta đã dạy: Tâm tưởng vật chua thì miệng sanh nước miếng, tâm tưởng leo núi cao thì chân sanh mỏi mè.

_ Vật chua chưa thấy, núi cao chưa gặp thì thân ông chưa phải đồng loại với hư-vọng.

_ Tại sao nước miếng do chỗ tưởng vật chua mà có? Tại sao sự mỏi mè ở chân do chỗ tưởng leo núi cao mà sanh?

_ Nguyên-nhân chỉ là vọng-tưởng. Vậy phải biết thân tử-đại giả-hiệp là vọng-tưởng kiên-cố thứ nhứt.

<p>_ Tức thử sở thuyết, lâm cao tưởng tâm, nǎng linh nhữ hình, chơn thọ toan sáp, do nhân thọ sanh, nǎng động sắc-thể.</p> <p>_ Nhữ kim hiện-tiền, thuận ích vi tổn, nhị hiện khu-trì, danh vi hư-minh, đệ-nhị vọng-tưởng.</p>	<p><i>Tho-ámm vọng-tưởng</i></p> <p>_ A-Nan! Tâm tưởng vật chua thì miệng chảy nước miếng, tâm tưởng leo núi cao thì chân sanh mồi mê, đó là do nhân thọ sanh, xúc-động đến thân tứ-dại.</p> <p>_ Khi thuận thì thọ lợi-ích, khi nghịch thì thọ tổn-hại, hai thứ thọ ấy rõ ràng như vậy là vọng-tưởng hư-minh thứ hai.</p>
<p>_ Do nhữ niệm lự, sử nhữ sắc thân, thân phi niệm luân, nhữ thân hà nhân, tùy niệm sở sử.</p> <p>(_ Do những ý nghĩ sai khiến sắc thân của ông, nếu sắc thân không phải cùng loài, thì làm sao thân ông lại theo ý nghĩ sai khiến?)</p> <p>_ Chủng chủng thủ tưởng, tâm sanh hình thủ, dữ niệm tương-ứng, ngụ tức tưởng tâm, my vi chư mộng.</p> <p>(_ Nhận các thứ hình-tương, sanh tâm chấp nhận các hình, phù-hợp với ý nghĩ, lúc thức là tưởng-tâm, lúc ngủ là chiêm bao.)</p> <p>_ Tắc nhữ tưởng niệm, giao động vọng tình, danh vi dung thông, đệ-tam vọng-tưởng.</p> <p>(_ Vậy những vọng-tình lay động tưởng nghĩ của ông, gọi là vọng-tưởng dung-thông thứ ba.)</p>	<p><i>Tưởng-ámm vọng-tưởng</i></p> <p>_ A-Nan! Do tâm tưởng sai khiến thân, thân không phải đồng loại với tưởng, lẽ nào lại bị tưởng sai khiến?</p> <p>_ Chỉ vì bị các thứ tưởng nǎng khởi sắc-tưởng, tâm sanh ra thì thân phải dùng lấy, tâm và thân cảm-ứng nhau, khi thức có tâm tưởng, khi ngủ có chiêm bao.</p> <p>_ Tâm tưởng hay giao-động vọng-tình, gọi là vọng-tưởng dung-thông thứ ba.</p>
<p>_ Hóa lý bất tru, vận vận mật di, giáp trường, phát sanh, khí tiêu, dung trúu, nhứt dạ tương đại, tầng vô giác ngộ.</p> <p>(_ Sự chuyển-hóa không dừng, xoay vần thầm thầm dời đổi, như móng tay ra dài, tóc mọc, hơi thở tiêu-hao, hình-dung tiêu tụy, ngày đêm thay đổi, mà không hề hay biết.)</p> <p>_ A-Nan! Thủ nhược phi nhữ, vân hà thể nhiên?</p> <p>_ Như tất thị chơn, nhữ hà vô giác?</p> <p>_ Tắc nhữ chư hạnh, niệm niệm bất định, danh vi u-ẩn, đệ-tứ vọng-tưởng.</p>	<p><i>Hành-ámm vọng-tưởng</i></p> <p>_ A-Nan! Sắc-thân biến-hóa không ngừng, như móng tay ra dài, tóc mọc, hơi thở tiêu-hao, hình-dung tiêu tụy, ngày đêm ngấm ngầm thay đổi, khó hiểu biết được.</p> <p>_ Nếu không phải là ông thì tại sao sắc thân thay đổi?</p> <p>_ Nếu quyết-định là ông thì tại sao ông không hiểu biết?</p> <p>_ Suy theo lý ấy thì ông rõ: Các tư-tưởng của ông đều không ngừng, gọi là vọng-tưởng u-ẩn thứ tư.</p>

<p>_ Hựu nhữ tinh minh, trạm bất giao xứ, danh hằng thường giả, ư thân bất xuất, kiến văn giác tri.</p> <p>(_ Lại chõ tinh-minh đứng lặng, không lay động của ông, gọi là thường còn, thì nơi thân ông, không ra ngoài những sự thấy, nghe, hay, biết.)</p> <p>_ Nhược thật tinh chơn, bất dung tập vọng.</p> <p>(_ Nếu nó thật là tánh tinh-chơn, thì không thể huân-tập được điều vọng.)</p> <p>_ Hà nhân nhữ đǎng, tầng ư tích niên, đổ nhứt kỳ vật, kinh-lịch niên-tuế, ức vong cu vô, ư hậu hốt-nhiên, phụ đổ tiền dị, ký-ức uyển-nhiên, tăng bất di thất.</p> <p>(_ Ví như cách mấy năm về trước, ông có thấy biết một hình vật, trải qua nhiều năm không hề nghĩ đến, về sau bỗng nhiên thấy vật lạ đó, thì nhớ lại rõ ràng, không có thiếu sót.)</p> <p>_ Tắc thử tinh liễu, trạm bất giao trung, niệm niệm thọ huân, hữu hà trù toán.</p> <p>(_ Vậy trong tánh tinh-minh đứng lặng, không lay động ấy, từng niệm từng niệm chịu huân-tập, không thể tính toán hết được.)</p>	<p><i>Thúc-Ấm vọng-tưởng</i></p> <p>_ A-Nan! Chõ chơn-thiệt tinh-minh rộng lớn, bất-động thường-trụ của ông bị ràng buộc bởi sự thấy nghe hiểu biết.</p> <p>_ Nếu sử-dụng chõ chơn-thiệt ấy thì không có dung-nạp vọng-tập.</p> <p>_ Ví như cách mấy năm về trước, ông có thấy biết một hình vật, đã qua thời-gian lâu, ông không còn một mảy gì chú-ý tới sự quên nhớ hình vật ấy, nay bỗng nhiên ông lại gặp hình vật ấy trước mắt, ông vẫn thấy biết rõ ràng y nguyên như cũ. Tại sao?</p> <p>_ Vì chõ chơn-thiệt tinh-minh rộng lớn bất-động thường-trụ. Thân ông khởi vọng chỉ tại các niệm của ông huân-tập tiếp nối nhau luôn, vô phuơng trù-tính.</p>
<p>_ A-Nan! Đương tri, thử trạm phi chơn, như cấp lưu thủy, vọng như điềm tĩnh, lưu cấp bất kiến, phi thị vô lưu.</p> <p>(_ A-Nan ! Nên biết cái đứng lặng đó không phải thật, như nước chảy gấp, trông như đứng lặng, vì chảy gấp mà không thấy, chớ không phải không chảy.)</p> <p>_ Nhược phi tưởng nguyên, ninh thọ vọng-tập.</p> <p>(_ Nếu cội gốc cái đó, không phải vọng-tưởng, thì đâu lại chịu để hư-vọng huân-tập.)</p> <p>_ Phi nhữ lục-căn, hõ-dụng hiệp khai, thử chi vọng-tưởng, vô thời đắc diệt.</p> <p>(_ Nếu sáu căn của ông chưa được tự-tại chia hợp, dùng thay lẩn nhau, thì cái vọng-tưởng đó không lúc nào diệt được.)</p> <p>Lục-căn hõ-dụng: lục-căn có thể dùng thay thế cho nhau.</p>	<p>_ Chõ chơn-thiệt nếu phi chơn-thiệt, thì cũng như nước chảy mau, vọng-tưởng là nước đứng, nhưng thật sự nước chảy mau không thấy rõ, chớ chẳng phải nước đứng.</p> <p>_ Nếu không có gốc tưởng thì làm sao có vọng-tập?</p> <p>_ Như không có sáu căn hiệp khai phát-sanh thì vọng-tưởng không khi nào tiêu-diệt được.</p>

<p>_ Cố nhữ hiện-tại, kiến văn giác tri, trung quán tập cơ, tắc trạm liễu nội vōng-tưởng hư-vô, đệ-ngũ diên-dǎo tết vi tinh tưởng.</p> <p>(_ Vậy nên hiện nay, cái tập-kí quán-xuyên tập-trung những điều thấy, nghe, hay, biết của ông, là cái vọng-tưởng diên-dǎo vi-tết, huyễn-hóa, rỗng trống thứ năm, trong tánh trạng m-liễu của ông.)</p>	<p>_ Hiện-tại sáu căn của ông thấy nghe hiểu biết đã có vọng-tập ở bên trong thì rõ ràng là vọng-tưởng hư-vô, danh gọi vọng-tưởng thứ năm thuần-tinh vi-tết diên-dǎo.</p>
<p>_ A-Nan! Thị ngũ thọ ấm, ngũ vọng-tưởng thành.</p> <p>(_ A-Nan ! Năm cái ấm đó, do năm vọng-tưởng tạo thành.)</p> <p>_ Nhữ kim dục tri, nhân giới thiển thâm.</p> <p>(_ Nay ông muốn biết giới-hạn sâu cạn.)</p> <p>_ Duy sắc dữ không, thị Sắc biên-tết.</p> <p>_ Duy xúc cập ly, thị Thọ biên-tết.</p> <p>_ Duy ký dữ vong, thị Tưởng biên-tết.</p> <p>_ Duy diệt dữ sanh, thị Hành biên-tết.</p> <p>_ Trạm nhập hiệp trạm, quy Thức biên-tết.</p> <p>(_ Đứng lặng vào hợp với đứng lặng là biên-giới của Thức-ấm.)</p>	<p>_ Hiển-nhiên năm ấm thọ-lãnh của chúng-sanh chuyển ra năm thứ vọng-tưởng diên-dǎo.</p> <p><i>Giới-hạn của năm ấm</i></p> <p>_ A-Nan! Nay ông muốn biết giới-hạn của năm ấm chăng?</p> <p>_ Giới-hạn của Sắc là tướng với không, - giới-hạn của Thọ là xúc với ly, - giới-hạn của Tưởng là nhớ với quên, - giới-hạn của Hành là sanh với diệt, - giới-hạn của Thức là trạm với hiệp-trạm.</p>
<p>_ Thủ ngũ-ấm nguyên, trùng điệp sanh khởi, sanh nhân Thức hữu, diệt tùng Sắc trù.</p> <p>(_ Năm ấm ấy vốn trùng-điệp sanh khởi, sanh, nhân Thức-ấm mà có; diệt, từ Sắc-ấm mà trù.)</p> <p>_ Lý tắc đốn ngộ, thừa ngộ tính tiêu. Sự phi đốn trù, nhân thứ đệ tận.</p> <p>(_ Lý, thì ngộ liền, nhân cái ngộ mà tất cả vọng-tưởng đều tiêu. Sự không phải trừ liền, theo thứ lớp mà diệt hết.)</p> <p>_ Ngã dĩ thị nhữ, kiếp ba cân kết, hà sở bất minh, tái thử tuân vấn?</p> <p>(... Kiếp-Ba-La, có chỗ nào không rõ mà ông phải hỏi lại?)</p> <p>_ Nhữ ứng tương thử, vọng-tưởng căn-nguyên, tâm đắc khai thông, truyền thị tương-lai, mặt-pháp chi trung, chư tu-</p>	<p>_ Gốc của năm ấm phát-hiện trùng-trùng điệp-điệp, sanh thì do Thức-ấm, diệt thì do Sắc-ấm.</p> <p>_ Lý ưng phải tò ngộ, để nương chỗ tò ngộ mà dứt sạch. Nếu không dứt sạch được một lượt thì tuân-tự theo thứ lớp mà tiêu-trù.</p> <p>_ Như Ta đã dạy mở các gút trong cái khăn của Trời Kiếp-Ba-La, chắc ông còn nhớ và hiểu rõ, hà tất hỏi lại làm chi nữa?</p> <p>_ A-Nan! Ông phải thấu-triệt căn-nguyên của vọng-tưởng để tâm được khai-thông sáng suốt; dạy dỗ những</p>

<p>hành giả, linh thức hư-vọng, thâm yểm tự sanh, tri hữu Niết-Bàn, bất luyến tam giới.</p> <p>(_ Tâm ông cần phải thông suốt về cội gốc vọng-tưởng đó, rồi đem truyền bày cho những người tu-hành trong đời mạt-pháp sau này, khiến cho họ biết hư-vọng, tự sanh nhảm chán, và biết có Niết-Bàn, không luyến tiếc ba cõi.)</p>	<p>người chơn-thiệt thuần-túy tu-hành trong thời-kỳ mạt-pháp, khiến cho được hiểu biết các tướng ngũ-ấm hư-vọng mà nhảm chán dứt sạch, không còn quyến-luyến tam giới phàm-phu, tôn-trọng Đại-Niết-Bàn của Phật làm chỗ sở-y cứu-cánh cho công-đức.</p>
---	---

30.	30. TỤNG NIỆM KINH-CHÚ THỦ-LĂNG-NGHIÊM ĐƯỢC PHƯỚC-ĐỨC VÔ-LƯỢNG. (3)
	<p>阿難若復有人遍滿十方。所有虛空盈滿七寶。持以奉上微塵諸佛。承事供養心無虛度。於意云何是人以此施佛因緣得福多不。</p> <p>阿難答言虛空無盡珍寶無邊。昔有眾生施佛七錢。捨身猶獲轉輪王位。況復現前虛空既窮。佛土充遍皆施珍寶。窮劫思議尚不能及。是福云何更有邊際。</p> <p>佛告阿難諸佛如來語無虛妄。若復有人身具四重十波羅夷。瞬息即經此方他方。阿鼻地獄乃至窮盡。十方無間靡不經歷。能以一念將此法門。於末劫中開示未學。是人罪障應念銷滅。變其所受地獄苦因成安樂國。得福超越前之施人。百倍千倍千萬億倍。如是乃至算數譬喻所不能及。</p> <p>阿難若有眾生。能誦此經能持此咒。如我廣說窮劫不盡。依我教言如教行道。直成菩提無復魔業。</p>

<p>_ A-Nan! Nhược phục hữu nhân, biến mān thập phuong, sở-hữu hư-không, dinh mān thất bảo, trì dī phung thượng, vi-trần chư Phật, thừa sự cung-dưỡng, tâm vô hư độ.</p> <p>(_ A-Nan! Ví như có người đem các thứ thất bảo đầy đầy hư-không cùng khấp mươi phuong, dâng lên chư Phật như số vi-trần, vâng thờ cung-dưỡng, tâm không lúc nào xao lâng.)</p> <p>_ U ý vân-hà? Thị nhân dī thử, thí Phật nhân-duyên, đắc phuước đa phủ.</p> <p>(_ Ý ông nghĩ thế nào? Người đó, do nhân-duyên cung-dưỡng Phật như thế, được phúc có nhiều chăng?)</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>_ A-Nan! Nếu có người dâng các vật thất-bảo biến-mān thập phuong hư-không, cung-dưỡng vô-lượng chư Phật để nương nhờ sự cung-dưỡng, tâm đắc khai-ngộ.</p> <p>_ Ý ông hiểu thế nào? Người dùng nhân-duyên cung-dưỡng chư Phật như vậy có được phuước-đức nhiều chăng?</p>
<p>A-Nan đáp ngôn:</p> <p>_ Hư-không vô-tận, trân bảo vô-biên;</p>	<p>Ngài A-Nan bạch Phật:</p> <p>_ Bạch Đức Thế-Tôn! Hư-không vô-tận,</p>

<p>tích hữu chúng-sanh, thí Phật thất tiền, xả thân do hoạch, Chuyển-Luân-Vương vị.</p> <p>(..., ngày xưa có chúng-sanh cúng Phật bảy đồng tiền, đến khi xả thân, còn được vị Chuyển-Luân-Vương.)</p> <p>_ Huống phục hiện-tiền, hư-không ký cùng, Phật-độ sung biến, giai thí trân bảo, cùng kiếp tư-nghị, thượng bất năng cập, thị phước vân hà, cánh hữu biên-tế.</p> <p>(_ Huống nữa, hiện-tiền hư-không đã cùng hết, cõi Phật đã đầy khắp và đều cúng đồ trân-bảo, thì dầu suy nghĩ cùng-tột các kiếp, cũng không thể thấu được; phúc ấy, làm sao có bờ bến.)</p>	<p>các vật trân-châu quý báu vô-biên; xưa có một nhà bần-hàn chỉ dùng bảy đồng tiền, thành-tâm cung-dưỡng chư Phật, còn được phước-đức làm Chuyển-Luân-Vương;</p> <p>- huống chi nếu có người cung-dưỡng chư Phật bằng các vật thất-bảo đầy khắp thập phương hư-không, thì dĩ-nhiên phước-đức đó rộng lớn mênh mông không có giới-hạn được.</p>
<p>Phật cáo A-Nan:</p> <p>_ Chư Phật Như-Lai, ngữ vô hư-vọng.</p> <p>(_ Chư Phật Như-Lai, lời nói không hư-vọng.)</p> <p>_ Nhược phục hữu nhân, thân cụ tú trọng, thập ba-la-di, thuấn túc túc kinh, thử phương tha phương, A-Tỳ địa-ngục, nã chí cùng-tận, thập phương Vô-gián, mỹ bất kinh-lịch.</p> <p>(_ Ví như có người gây đủ các tội tú trọng, thập ba-la-di, giây lát phải trải qua địa-ngục A-Tỳ phương này phương khác, cho đến cùng-tột các địa-ngục Vô-gián thập phương, không nơi nào, không phải trải qua.)</p> <p>_ Năng dĩ nhứt niệm, tương thử pháp-môn, ư mạt-kiếp trung, khai-thị vị học.</p> <p>(_ Nếu người đó, dùng một niệm đem pháp-môn này, khai-thị cho người chưa học trong đời mạt-pháp,</p> <p>_ Thị nhân tội chướng, ứng niệm tiêu-diệt, biến kỳ sở thọ, địa-ngục khổ nhân, thành An-Lạc quốc.</p> <p>- thì tội-chướng người đó liền được tiêu-diệt, biến cái nhân phải chịu khổ địa-ngục, thành cái nhân sanh về An-Lạc quốc,</p> <p>_ Đắc phước siêu-việt, tiền chi thí-nhân, bá bội, thiên bội, thiên vạn ức bội, như-thị nã chí, toán số thí-dụ, sở bất năng cập.</p>	<p>Đức Phật dạy:</p> <p>_ A-Nan! Các bậc Như-Lai thuyết toàn chơn-thiệt-ngữ.</p> <p>_ Nếu có người nào phạm tú trọng-tội và thập-ác, bị đọa vào A-Tỳ địa-ngục ở một phương, cho tới bị đọa vào Vô-gián địa-ngục ở khắp mười phương, thọ hình qua các địa-ngục;</p> <p>- thoạt nhiên người ấy sanh ra một lý-tưởng sám-hối tu-trì và khai-thị pháp-môn Bồ-Đề Vô-Thượng này cho chúng-sanh chưa hiểu biết trong thời-kỳ mạt-pháp ở vị-lai;</p> <p>- thì các tội chướng của người ấy ứng theo lý-tưởng mà tiêu tan, tâm của người ấy trở nên sáng suốt, biến chuyển cảnh ngục-hình ra cảnh An-Lạc;</p> <p>- ngộ pháp siêu-việt, phước-đức nhiều hơn người dùng thất-bảo cung-dưỡng chư Phật, gấp trăm ngàn phần, nhiều đến nỗi không thể lấy số lượng kể được.</p>

<p>- được phúc vượt hơn người cúng thí trước kia, trăm lần, ngàn lần, ngàn vạn ức lần, như thế, cho đến toán số thí-dụ không thể nói hết được.)</p> <p>_ A-Nan! Nhược hưu chúng-sanh, nǎng tụng thử kinh, nǎng trì thử chú, phuớc-dec vô-lượng, như ngā quāng-thuyết, cùng kiếp bất-tận;</p> <p>- y ngā giáo-ngôn, như giáo nhứt tâm hành đạo hoằng pháp; trực thành Bồ-Đ Đề, vô phục ma nghiệp.</p> <p>Nguyên-bản: (bản gốc/ bản chánh)</p> <p>_ A-Nan! Nhược hưu chúng-sanh, nǎng tụng thử kinh, nǎng trì thử chú, như ngā quāng-thuyết, cùng kiếp bất-tận; y ngā giáo-ngôn, như giáo hành đạo, trực thành Bồ-Đ Đề, vô phục ma nghiệp.</p> <p>(_ A-Nan! Nếu có chúng-sanh, biết tụng kinh này, biết trì chú này, như tôi nói rộng ra, thì cùng tột các kiếp cũngh không hết; nếu nương theo lời dạy của tôi, y như lời dạy mà tu-hành, thì thẳng đến đạo Bồ-Đ Đề, không còn có các ma-sư.)</p>	<p>_ A-Nan! Nếu người nào nhứt-tâm chí-thành, hằng ngày nǎng tụng kinh Thủ-Lăng-Nghiêm, nǎng niêm chú Thủ-Lăng-Nghiêm, thọ trì liên-tục, không sờ-suất, không gián-đoạn, tất-nhiên phuớc-dec tăng-trưởng vô-lượng; như Như-Lai quāng-thuyết, cho tới cùng tột kiếp số cũngh vô-tận;</p> <p>- lại hoàn-toàn vâng lời Ta dạy mà nhứt-tâm chí-thành hành đạo, đồng-thời tuyên-duong Diệu-Pháp này cho chúng-sanh tu-hành chơn-chánh; thì thành-tựu công-dec vô-lậu, giải-trừ hết các vọng-nghiệp phiền-não chướng ma, tiến lên cảnh-trí Bồ-Đ Đề Vô-Thượng.</p>
---	---

LUU-THÔNG PHẦN	PHẦN LUU-THÔNG
<p>佛說此經已。比丘比丘尼優婆塞優婆夷。一切世間天人阿修羅。及諸他方菩薩二乘聖仙童子。并初發心大力鬼神。皆大歡喜作禮而去。</p>	
<p>_ Phật thuyết thử kinh dī, Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, nhứt-thiết thế-gian, Thiên, Nhân, A-tu-la, cập chư tha-phương Bồ-Tát, nhị-thừa, Thánh, Tiên, Đồng-Tử, tinh sơ phát tâm, đại-lực Quỷ-Thần, giai đại hoan-hỷ, tác lễ nhi khứ.</p> <p>(_ Phật nói kinh này rồi, các vị Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di; tất cả thế-gian trời, người, A-tu-la; các vị Bồ-Tát, nhị-thừa, Thánh, Tiên, Đồng-Tử cõi khác; và các đại-lực Quỷ-Thần mới phát tâm, đều rất vui mừng, làm lễ mà lui.)</p>	<p>_ Đức Phật nói kinh Thủ-Lăng-Nghiêm xong, chư Bồ-Tát ở các quốc-độ khác trong mười phương, các bậc Nhị-thừa Vô-học Hữu-học, chư Thánh, chư Thiên, chư Tiên, các vị Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, cho tới Thế-Nhân, A-tu-la, đại-lực Thần-Quỉ và các vị sơ-phát-tâm tu-hành, tất cả đã hội-hiệp nghe giảng kinh Thủ-Lăng-Nghiêm, đều hết lòng vui mừng đảnh lễ Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni rồi xin phép đi ra.</p>
DỊCH ÂM ĐỆ THẬP QUYỂN CHUNG	DIỄN NGHĨA HẾT QUYỂN MUỜI

CHÚ-THÍCH (2018)

DOẠN 22

- _ **Triền** (纏): ràng buộc, bó buộc, quấn xung quanh, vây bọc.
- _ **Triền không** (纏空): bị cái Không ràng buộc mà không chứng được bản-lai Tự-Tánh, không nhập một được với then chốt của nhân-quả, mà chỉ tu-tập diệt được nguyên-nhân của luân-hồi và chứng được cái quả ra khỏi luân-hồi mà thôi.

DOẠN 30

- _ **An-Lạc-Quốc** (安樂國): **Cực-Lạc** (極樂), dịch từ Phạn-ngữ là Sukhāvatī. Trong nhiều kinh-diển khác, cõi thế-giới này cũng được nhắc đến với các tên gọi như: *An-Lạc-Sát*, *An-Lạc-Quốc*, *An-Dương-Quốc*, *Vô-Lượng-Thanh-Tịnh-Độ*, *Vô-Lượng-Quang-Minh-Độ* ... Nhưng thường được biết đến nhất là tên gọi *Tây-Phương Cực-Lạc Thế-Giới*. Riêng đối với những người tu-tập theo pháp-môn Tịnh-Độ thì khái-niệm “vãng-sanh Tịnh-Độ” chính là chỉ việc được vãng-sanh về cõi thế-giới này.

CHIẾT TỰ chữ ĐỘ (渡)

Từ ‘Độ’ (度) được cấu-thành từ bộ Thủy (氵) nghĩa là nước và từ Đạc/ Độ (度) nghĩa là qua, trải qua, từ bờ này sang bờ kia. Vậy nên ‘Độ’ có nghĩa gốc được giải-thích trong *Hán Văn Giải Tự* là vượt qua sông, xuyên qua, băng qua. Mở rộng ra, ‘Độ’ còn được dùng là dấn dắt, ví như ‘độ dấn’ là dấn dắt người rời thế-tục xuất-gia; ‘độ ngu mông’ là làm cho người thoát khỏi ngu-muội.

Phật-gia bảo người ta ở cõi đời này là cõi khổ, phải tu theo chánh-pháp vượt qua bể khổ, vì thế xuất-gia tu-hành gọi là ‘Thế-Độ’ (剃度) (chữ Độ 度 này là một bộ-phận cấu-thành của 渡).

‘Lục Độ’ (六度): cũng dịch là “Lục đáo bỉ ngạn” (六到彼岸); ‘Độ’ 度 là dịch ý của Phạm-văn “pāramitā” = ba-la-mật-đa = 波羅蜜多. Chỉ sáu loại pháp-môn đưa đến bờ bên kia (tức ‘Niết-Bàn’ 涅槃): Bố-Thí 布施, Trì-Giới 持戒, Nhẫn-Nhục 忍辱, Tinh-Tiến 精進, Tịnh-Lự (Thiên-Dịnh) 靜慮(禪定), Trí-Tuệ (Bát-Nhã) 智慧(般若). Dùng sáu pháp ấy mới khiến người trong bể khổ sang tới cõi giác vậy. (Chú ý: Trong lục độ, Bát-Nhã độ là quan-trọng nhất.)

‘Tế-Độ’ (濟渡), ‘Phổ-Độ’ (普度): chữ nhà Phật, ý nói: Phật cứu vớt tất cả chúng-sanh ở mọi nơi khỏi bể khổ, như người vớt kẻ chết đuối chở sang bên kia sông vậy.

Tâm Kinh: 觀自在菩薩，行深般若波羅蜜多時，照見五蘊皆空，度一切苦厄。

= “Quán-Tự-Tại Bồ-Tát, hành thâm Bát-Nhã ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giao không, độ nhứt-thiết khổ ách”.

= Bồ-Tát Quán-Tự-Tại trong khi thực-hành sâu xa pháp Bát-Nhã ba-la-mật-đa, soi thấy năm uẩn đều không, vượt qua tất cả mọi khổ ách.

Pháp Biểu Đàm Kinh: 惠能云：迷時師度，悟了自度，度名雖一，用處不同。

= Huệ-Năng văn: “Mê thời sư độ, ngộ liễu tự độ, độ danh tuy nhứt, dụng xứ bất đồng”.

= Huệ-Năng bạch: “Khi mê thì thầy độ, ngộ rồi thì tự độ lấy mình, tiếng ‘độ’ tuy có một, nhưng chỗ sử-dụng thì khác nhau”.

_ **Bát-Nhã ba-la-mật-đa:**

- _ Bát-Nhã: tiếng Phạm là Prajñā (Sanskrit) hay Paññā (Pāli), dịch là Trí-Tuệ (智慧).
- _ Ba-la-mật-đa: tiếng Phạm là Pāramitā (sa.), Pāramī (pi.), viết tắt là: Ba-la-mật, dịch là ‘Độ’ (度) hoặc ‘Đáo bỉ ngạn’ (到彼岸) = sang tới bờ bên kia. Lấy trí-tuệ soi tỏ thực-tưởng, làm con thuyền, cái bè đưa chúng-sanh từ bờ sanh tử, sang tới bờ bên kia là Niết-Bàn, do vậy gọi là Ba-la-mật.

Tâm Kinh: Tam thế chư Phật y Bát-Nhã ba-la-mật-đa cố, đắc A-nâu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.

= Chư Phật trong ba đời cũng y vào Bát-Nhã ba-la-mật-đa mà chứng được đạo Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác.

YẾU-GIẢI KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM QUYẾN MƯỜI

(1) **Trung-Ấm thân:** Tiếng Phạm gọi là Bổ-đặc ca-la. Hán-tự dịch là Nghiệp-thức, Sắc-thủ thú, Trung-hữu thân, Trung-uẩn thân, Trung-Ấm thân.

- _ *Nghiệp-thức* : là đệ-bát thức chất chứa các nghiệp thiện ác.
- _ *Sắc-thủ thú* : có nghĩa là lựa chõ thích-hợp để đầu-thai.
- _ *Trung-hữu thân* : là thân có hột giống sanh-tử quả-báo để luân-hồi.
- _ *Trung-uẩn thân* : là thân chất chứa các chủng-tử trân-lao phiền-não để chuyển kiếp.
- _ *Trung-Ấm thân* : là thân bị vọng-nghiệp ám che Tâm Chơn-Như, nên hôn-trầm luân-hồi trong sáu cõi phàm-phu: Thiên, Nhân, A-tu-la, súc-sanh, ngạ-quỉ, địa-ngục.

Trung-Ấm thân này, thế-thường gọi là Linh-hồn, có thể-tánh buông thân này bắt thân khác, buông Tiên-Ấm thân, thành Trung-Ấm thân, rồi bắt qua Hậu-Ấm thân.

Ví dụ như người đori có thân tử-đại đang sống gọi là Tiên-Ấm thân. Đến khi mạng chung, người đori bỏ Tiên-Ấm thân, liền có Trung-Ấm thân.

Trung-Ấm thân có năng-lực tự di-chuyển được khắp thế-giới để tìm chõ đầu-thai, vì định-nghiệp sở-hữu. Trung-Ấm thân thấy khắp nơi đều tối mịt, chỉ còn chõ cha mẹ nào có nhân-duyên hiện ra ánh sáng, thì Trung-Ấm thân đến đó thọ-sanh, tự-nhiên Trung-Ấm thân không còn nữa, vì chuyển qua làm Hậu-Ấm thân để đầu-thai ở đori sau.

Thọ-mạng của Trung-Ấm thân chỉ có 49 ngày mà thôi.

Nếu trong 7 ngày đầu, cha mẹ nào có nhân-duyên giao-hiệp được thì Trung-Ấm thân đến đó thọ-sanh, chuyển làm Hậu-Ấm thân, khỏi chờ đợi.

Nếu trong 7 ngày đầu, cha mẹ nào có nhân-duyên không giao-hiệp được thì Trung-Ấm thân phải chờ đợi.

Đến 7 ngày kế, nếu gặp trường-hợp như trên thì Trung-Ấm thân cũng phải chờ đợi. Nếu liên-tiếp trong 7 tuần đều gặp trường-hợp ấy thì đến giờ cuối cùng, Trung-Ấm thân phải dựa vào chõ khác mà tạm đầu-thai, vì số mạng bị hạn-định trong vòng 49 ngày.

Ngoại-trừ hai hạng chúng-sanh khỏi bị định-luật thành Trung-Ấm thân sống trong 49 ngày ấy như sau:

a) Hạng trưởng-trai tuyệt-dục, chơn-thiệt sáng suốt tu-hành giải-thoát, đức-độ siêu-nhiên, phước-tuệ viên-mãn, thì khi lâm-chung phút chốc như khảy móng tay, tùy đức-độ và tâm-nguyện, về cõi Trời Vô-sắc hoặc vãng-sanh Phật-quốc.

b) Hạng hung tàn hiểm-độc, phạm tội ngũ-nghịch thập-ác, tạo-tác nghiệp dữ nặng nề, phải bị sa-đọa, thì khi lâm-chung, trong sát-na, trầm xuống A-Tỳ hoặc Vô-gián địa-ngục.

Nguyên Trung-Ấm thân chỉ sống tối-đa là 49 ngày, nên nhà Phật có phong-tục cúng cầu-siêu cho vong-giả, từ 1 thất đến 7 thất. Lễ cúng 7 thất ấy nhằm mục-đích cầu Tam-Bảo lực giải-trừ các vọng-nghiệp, đồng-thời thức tỉnh Linh-hồn nghe kinh tỏ tâm, chuyển-mê khai-ngộ, sáng suốt tu-hành, hầu được tiến-hóa chơn-thiện-mỹ trong việc chuyển kiếp, thoát khỏi ba đường dữ: súc-sanh, ngạ-quỉ, địa-ngục, tùy đức-độ hoặc ở nhân-gian, hoặc về Thiên-giới, hoặc siêu-thăng Phật-quốc.

Thế nén, kể từ ngày tử đến ngày thứ 49, những người quyến-thuộc của vong-giả, vì hiếu-nghĩa, không nên phô-trương sắc-tướng hoặc bày vẽ mê-tín dị-đoan, nên giữ TRAI-TÂM, lánh dữ làm lành, hằng ngày thanh-tịnh tụng-niệm, cung-dưỡng Tam-Bảo, ấn-tống kinh sách, bố-thí phóng-sanh, đem các công-đức thật-hiện được, hồi-hướng cho Linh-hồn sớm giải-trừ vọng-nghiệp, tiêu-diêu an-lạc.

(2) **Phật-tri-kiến:** Phật-tri-kiến tức là Bổn-Giác Chơn-Như viên-minh diệu-tịnh, tự-tại vô-ngoại, thường-trụ thông suốt tất cả pháp-giới.

Nhập Phật-tri-kiến tức là viên-chứng quả-vị Vô-Thượng Chánh-đẳng Chánh-giác.

Đức Thích-Ca có nói: “Chư Phật Thế-Tôn duy dĩ nhứt đại-sự nhân-đuyên cố, xuất-hiện ư thế”. (Chư Phật Thế-Tôn chỉ vì một đại-sự nhân-đuyên mà ứng-hiện ra đời.)

Đại-sự nhân-đuyên đó là chi?

Đại-sự nhân-đuyên đó là KHAI THỊ NGỘ NHẬP PHẬT-TRI-KIẾN.

Chư Phật Thế-Tôn khai-bày, chỉ-thị cho chúng-sanh tỏ ngộ và chứng-nhập Phật-tri-kiến. Chúng-sanh được KHAI THỊ NGỘ NHẬP PHẬT-TRI-KIẾN thì bỗn-nghuyện của chư Phật Thế-Tôn mới viên-mãn.

Điều ấy chứng-tỏ tâm từ-bi của chư Phật Thế-Tôn rộng lớn bao-la vô-cùng vô-tận.

(3) **Tụng-niệm kinh chú Thủ-Lăng-Nghiêm được phước-đức vô-lượng.**

Đức Phật đã dạy: Người có lý-tưởng sám-hối tu-trì và khai-hiển kinh chú Thủ-Lăng-Nghiêm, chỉ có lý-tưởng mà còn được phước-đức vĩ-đại, huống chi là người tụng-niệm há không tăng-trưởng phước-đức hơn hay sao?

Vả chăng Đức Thích-Ca tuyên-thuyết kinh chú Thủ-Lăng-Nghiêm nhằm mục-đích khai-thị Tâm Chơn-Như viên-giác viên-minh, thường-trụ châu-biến pháp-giới để cho chúng-sanh tỏ ngộ, trong nhứt kiếp dứt sạch mê-vọng, trở về cội gốc thanh-tịnh trang-nghiêm, thành-tựu Phật-quả thì dĩ-nhiên phước-đức tụng-niệm kinh chú Thủ-Lăng-Nghiêm vô-lượng vô-biên, không thể nghĩ bàn được.



_ Để kết-luận PHẦN DIỄN-GIẢI KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM, dịch-giả xin
đề một bài thi thất-ngôn bát-cú như sau:

NHƯ-LAI TỪ-MÃN ĐÃ KHAI-MINH,
THƯỜNG-TRỤ CHƠN-NHƯ ĐỘ CHÚNG-SINH,
ỨNG-DỤNG TRẦN-GIAN TAN ÁI-DỤC,
VIÊN-DUNG SỰ-LÝ DỨT MÊ-TÌNH.
HIỂN-CHƯƠNG THÔNG-ĐẠT BỒ-ĐỀ LẠC,
MẬT-GIÁO HUYỀN-VI OAI-ĐỨC LINH,
MUỐN PHẬT HIỆP TÂM, QUI BỒN-GIÁC,
CHÍ-THÀNH TRÌ THỦ-LĂNG-NGHIÊM KINH.

**YẾU-GIẢI
HẾT QUYỂN MUỜI**

TỈNH TÂM TU PHẬT

1. Thế-sự vô-thường, nêн sớm tinh!
2. Danh chẳng màng, lợi cũng chẳng ham,
3. Vinh-hoa như bọt nước bồng trầm,
4. Phú-quí ví vâng mây tan hiệp.
5. Sang cho mấy vẫn trong một kiếp,
6. Giàu đến đâu cũng chỉ nhứt thời,
7. Nghịệp phàm-phu sanh-tử luân-hồi,
8. Thân tứ-đại chứa đầy uế-trược.
9. Phần bệnh-hoạn, già nua thúc-phược,
10. Nào ăn, ở, mặc, lại xã-giao.
11. Nào ác-duyên, nghịch-cảnh lao đao,
12. Ái ly, oán hôi, cầu bất-đắc.
13. Đa mang năm uẩn hằng sâu sắc,
14. Các oan-gia, trái-chủ triền-miên,
15. Còn thiên-tai, ách-nạn vô-biên,
16. Tam giới bất an như nhà hỏa.
17. Nước mắt chúng-sanh tràn biển cả,
18. Thọ trần-duyên tất phải trần-ai,
19. Sống ngày nay chưa biết ngày mai,
20. Đành luống những ưu-tư phiền-não.
21. Đã tạo nghiệp đương-nhiên thọ báo,
22. Kiếp ta-bà khó được bền lâu,
23. Mới mà xanh, kế chịu bạc đầu,
24. Rồi gặp phải nấm mồ ác-nghiệt.
25. Cuộc đời có sanh thì có diệt,
26. Há dễ cầu trường-cửu vinh-quang,
27. Như phù-dung sớm nở chiêu tàn,
28. Sự còn mất, vô phuơng ức-đạc.
29. Dầu có tài uyên-thâm hoạt-bát,
30. Dầu có chiếm địa-vị đế-vương,
31. Tất cả sĩ nông với công thương,
32. Gặp tử-thần, thấy đều thúc-thủ.
33. Mùi tục-lụy, thế-nhân nếm đủ,
34. Miếng đỉnh-chung hàm-súc chua cay,
35. Thấm thoát ba vạn sáu ngàn ngày,
36. Trải qua in như tuồng ảo-mộng.
37. Vật-chất xa-hoa là hư-vọng,

38. Pháp hữu-vi thành trụ hoại không,
39. Muôn việc đời nương ít tắc hơi,
40. Hơi vừa dứt việc đời cưng dứt.
41. Nào sự-nghiệp, oai-quyền, thế-lực,
42. Nào gia-cư, tài-sản, ruộng vuờn,
43. Nhấm mắt rồi, nắm lấy tay không,
44. Thế mới rõ: Đời là biển khổ!
45. Nguyên-nhân vì vô-minh cám dỗ,
46. Sai khiến người tham-dục tối tăm,
47. Tạo hành-vi mê-muội sai lầm,
48. Khởi “huân”, rồi “tập”, lần tới “nhiễm”.
49. Tứ-Đế huyền-vi cần thật-nghiệm,
50. Nhân tập trừ, quả khổ tiêu tan,
51. Khổ tiêu tan, thể-hiện Niết-Bàn,
52. Thường, Lạc, Ngã, Tịnh an-nhiên hưởng.
53. Trước khi vào Niết-Bàn vô-thượng,
54. Có đạo Bát-Chánh giúp tư-lương,
55. Như: Thấy biết, suy nghĩ, nói năng,
56. Nghiệp, sanh-hoạt, chuyên-cần, tưởng-niệm.
- 57.Thêm thiền-định: tám môn mầu-nhiệm,
58. Trừ vọng-tà, mê-tín, dị-doan,
59. Hướng-dẫn người chơn-chánh hoàn-toàn,
60. Diệt tham sân si, nghi mạn chấp.
61. Ở đời có trí ngu, cao thấp,
62. Cơ tuần-hoàn cảm-ứng phân-minh,
63. Lành hoặc dữ thọ báo công-bình,
64. Phước hay tội do Tâm tạo-tác.
65. Làm người biết đề-cao cảnh-giác,
66. Tuân-hành luật nhân-quả thiên-nhiên,
67. Bảo-toàn nền đạo-đức chơn-truyền,
68. Chỉ sợ nhân, chớ không sợ quả.
69. Trường đời vốn là nơi vay trả,
70. Vay rồi trả, trả đủ lại vay,
71. Mảng tranh đua danh-lợi sắc-tài,
72. Lẩn quẩn ở trong vòng tội lỗi.
73. Nên tu tỉnh, hồi-quang sám-hối,
74. Dùng Bát-Nhã quán-sát bên trong,
75. Dem ánh sáng soi xét cõi lòng,
76. Tùng giác-đạo toàn chơn-thiện-mỹ.
77. Giác-đạo gốc ngũ nơi Chơn-Lý,

78. Chơn-Lý phát-huy ở Tự-Tâm,
79. Tỏ Tâm thì ngộ Lý thâm-trầm,
80. Đạt Diệu-Pháp, thành-công đắc-quả.
81. Ai có sẵn căn-duyên cao cả,
82. Đại-hùng, đại-lực, đại-tử-bi,
83. Phát thiêng-nghệng thọ phép quy-y,
84. Lòng kính-cẩn hướng về Tam-Bửu.
85. Cầu Bồ-Đề an vui vĩnh-cửu,
86. Ngưỡng nhờ Phật, Pháp, Thanh-Tịnh Tăng,
87. Đủ vô-lượng phuơng-tiện khả-năng,
88. Khai Thị Ngộ Nhập Tri-Kiến Phật.
89. Tu thuần-túy Đan-Tâm chơn-thật,
90. Tu dỗng-mãnh cải-tiến hành-vi,
91. Tu giới-luật thanh-tịnh nghiêm-trì,
92. Tu hiếu-thảo, khiêm-cung, trung-trực.
93. Tu hết lòng thủy-chung như nhứt,
94. Tu oai-nghi tế-hạnh đoan-trang,
95. Tu công-phu nhứt-tụng vẹn toàn,
96. Tu chuyển Bát-Thức ra Tứ-Trí.
97. Tu đại-đồng vị-tha bố-thí,
98. Tu liêm-khiết giúp ích nhân-sanh,
99. Tu chí-thành y giáo phụng-hành,
100. Tu Đức-Độ quang-minh chánh-đại.
101. Tu Giải-Thoát siêu-nhiên tự-tại,
102. Tu cả Phước lẫm Tuệ cao xa,
103. Tu Tự-Giác kiêm-nhiệm Giác-Tha,
104. Nguồn Chơn-Như vuông tròn Giác-Hạnh.
105. Nhứt-nghệng tu Minh-Tâm Kiến-Tánh,
106. Tọa kim-liên thường-trụ Trọn-Lành,
107. Phổ-nghệng pháp-giới chúng-sanh,
108. Tỉnh-tâm tu Phật, viên-thành Như-Lai.



Thảo: Xuân Kỷ-Tỵ (1929)
Xong: Hạ Nhâm-Ngọ (1942)

CHƠN-ĐỨC THIỀN-VIỆN
Tổ đời thứ 40, Thiền-Tông Lâm-Tế
Đại-Lão Hòa-Thượng Thiền-Sư THÍCH TÙ-QUANG
Húy HỒNG-LIỄU, hiệu HUỆ-ĐỨC
(1888 Mậu-Tý – 1991 Tân-Mùi)

TÂM-HỒN GIẢI-THOÁT

NAM-MÔ BỐN-SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT.

Đức Từ-Bi cứu con ra khỏi biền khổ,
Thuyền Bát-Nhã độ con ra khỏi sông mê,
Thiền-môn trang-nghiêm thanh-tịnh đợi con về,
Phật-cánh an-lạc quang-minh chờ con đến.

Con sẵn có biết bao tăng ni quý mến,
Con sẵn có biết bao pháp-hữu thân yêu.

Con không ham vật-chất ảo-ảnh diễm-kiều,
Con không sa vực thẳm lợi-danh tài-sắc,
Con không vương vấn các tục-duyên khe khắt,
Con không hệ-lụy nợ ngang trái phủ phàng,
Con không luyến tiếc nợ ân-nghĩa buộc ràng.

Con nương theo Tam-Bảo thủy-chung như nhứt,
Con muốn đắc Định-Tuệ, con giữ Giới-Đức,
Con chuyển Bát-Thức thành Tứ-Trí siêu-nhiên,
Con dũng-mạnh tinh-tấn công-phu thiêng liêng,
Con xây dựng nền tảng âm-chất vững chắc,
Con nguyện vẹn toàn một tâm-hồn giải-thoát,
Con kiên-nhẫn trồng-trai tuyệt-đục chuyen-tu.

Để con nhẹ nhàng như gió thoảng mùa thu,
Để con vào Niết-Bàn thường-trụ tự-tại,
Để con chứng Lục-thông sự-lý vô-ngại,
Để con đắc pháp Đà-ra-ni chơn-truyền,
Để con tiếp-dẫn những phần-tử hữu-đuyên,
Để con thỏa-mãn Bồ-Đề nguyện cao cả.

THÍCH TÙ-QUANG

CHÚ-THÍCH: (2018)

_ Âm-chất (陰 驚), Âm-đức (陰 德), Âm-công (陰 功):

Việc làm tốt đẹp, âm thầm, kín đáo, không cầu ai biết, chỉ có thần thánh biết. Người xưa dạy kẻ học thuốc phải lấy âm-chất làm đầu. Âm-chất là tên một thiên trong sách *Y-học nhập-môn*.

Việc làm tốt đẹp: là làm việc hết khả-năng của mình, một cách tận-tâm tận-lực vô-tư và bất vụ-lợi. Làm việc với tinh-thần như thế thì mới có âm-chất/ âm-đức/ âm-công.

佛 法 增 輝 信 受 堅 心 學 道
光 明 照 耀 奉 行 靜 智 修 身

PHẬT-PHÁP TĂNG-HUY TÍN-THỌ KIÊN-TÂM HỌC ĐẠO.
QUANG-MINH CHIẾU-DIỆU PHUNG-HÀNH TỊNH-TRÍ TU THÂN.

HÓA KÝ

Ba vạn sáu ngàn ngày tựa huyền.
Sống nhân-luân xung thấy những buồn lòng.
Sanh lão bệnh tử nhược long đong.
Mãn suy tín “có không” mà nghiệp tạo.
“Dục đắc an thân tâm chánh-đạo.
Vô như hướng Phật ngộ Chơn-Tâm”.
Thuyền từ-bi đưa khỏi biển mê lầm.
Gương phước-tuệ lưu soi nghìn mộng túy.
Nơi tịnh-thất bền lòng học Chơn-Lý.
Nguyễn tu-hành cho thoát kiếp phù-trầm.

Thành-công căn-bổn là Tâm.



Năm Canh-Thân (1920)
CHƠN-ĐỨC THIỀN-VIỆN
Tổ đời thứ 40, Thiền-Tông Lâm-Tế
Đại-Lão Hòa-Thượng Thiền-Sư THÍCH TỬ-QUANG
Húy HỒNG-LIỄU, hiệu HUỆ-ĐỨC
(1888 Mậu-Tý – 1991 Tân-Mùi)

TÙ GIÁC BỐN TÂM TRỰC NGỘ THIỀN,
QUANG MINH TỰ TÁNH HUỆ HOÀN NGUYÊN,
HỒNG CƠ CHUYỂN PHÁP TÙY DUYÊN HÓA,
LIỄU ĐẠT CHƠN NHƯ ĐỨC VĨNH TRUYỀN.



CHÚ-THÍCH (2018)
(HÓA KÝ)

_ **Tăng** (增): tăng thêm lên (tăng-trưởng, tăng-gia, tăng-ích), nhiều hơn lên.

_ **Huy** (輝): ánh sáng, sáng, sáng rực, rực rỡ, soi, chiếu.

_ **Phật-pháp tăng-huy**: ánh sáng rực rỡ chiếu soi của Phật-pháp tăng thêm lên.

_ **Quang-minh chiếu-u-diệu**: sáng sủa như mặt trời mặt trăng (quang-minh) chiếu rọi.

_ **Hóa ký** (化己): tự giáo-hóa dạy dỗ thay đổi mình.

(Năm 1920, lúc 32 tuổi, Hòa-Thượng Thích Từ-Quang làm bài thơ này.)

_ **Huyễn** (幻): giả mà y như thật. (Thấy như thật mà không có thật)

_ **Nhân-luân**: cách đối xử giữa con người với nhau.

_ **Xung thấy** (冲覓): thấy mà lo lắng.

_ **Nhược** (若): thuận theo, nếu như, hoặc là, như thế, ấy, đó. Dường như, giống như.

_ **Mãn** (滿): đầy, đầy đủ, tràn đầy.

_ **Suy** (推): suy tính kỹ, nghiên cứu, tìm tòi, lựa chọn, chọn lọc.

_ **Tín** (信): tin tưởng, tin theo, tin là đúng, tin thật. Lòng tin, đức tin.

_ **Dục đặc**: muốn được.

_ **An thân**: yên thân mình. Chỉ cuộc sống ẩn-dật.

_ **Tầm** (尋): tìm.

_ **Vô như**: không như, chẳng bằng.

_ **Mộng túy**: - *Mộng* (夢): mơ, mộng, chiêm bao, mơ tưởng, ao ước.

 - *Túy* (醉): say rượu, say mê, say đắm.

(Cuộc đời như giấc mộng mà không biết, lại cứ say mê hoài.)

_ **Tịnh-thất**: - *Tịnh* (淨): rất yên lặng, rất trong sạch/ sạch sẽ, thuần-khiết, thanh-tịnh.

 - *Tinh* (精): tinh-túy, tinh-tấn, tinh-chuyên.

 - *Thất* (室): cái nhà, nhà ở.

 - *Xá* (舍): quán trọ, nhà ở. (cư-xá)

 - *Tịnh-thất* (淨室): chỗ sạch sẽ, thanh-tịnh để tu-hành.

 - *Tinh-thất* (精室): cái nhà ở để tinh-tấn tu-hành giải-thoát.

_ **Tinh-xá** (精舍): người tu-hành giải-thoát xem thế-gian như quán trọ, chỉ là chỗ để tinh-chuyên tu-hành giải-thoát khỏi biển khổ sông mê.

(Xá = quán trọ: nơi tạm ở một thời-gian rồi ra đi, như chữ “ký-túc-xá”.)

Có du-khách nào lại bỏ công sức tiền của đi xây dựng, sửa chữa, tô điểm, trang hoàng “quán trọ” cho thật đẹp không?

Ta thường đọc trại thành **Tịnh-xá** là hoàn-toàn sai ý-nghĩa.

Vì Tịnh là “rất yên lặng/ rất sạch sẽ”. Một đứa bé ngồi “rất yên lặng” trong góc nhà, không có nghĩa là nó đang tinh-tấn tu-hành! Một ngôi nhà “rất sạch sẽ” (tịnh-xá) không hẳn có nghĩa nơi đó là một chỗ tu-hành.

Muốn tinh-tấn (tu-hành) thì điều-kiện đầu tiên phải có là “tịnh”. Phải “tịnh” cả thân và tâm (thân-tâm rất yên lặng, rất trong sạch) thì mới bắt đầu tinh-tấn được. “Tịnh” không thì chưa đủ!

_ **Phù-trầm**: chỉ sự thay đổi luôn của cuộc đời. *Phù* (浮): nổi. *Trầm* (沉): chìm.



佛 性 能 仁 慈 濟 有 情 登 彼 岸
禪 光 寂 默 圓 通 妙 用 照 心 源

PHẬT-TÁNH NĂNG-NHƠN TỪ-TẾ HỮU-TÌNH ĐĂNG BỈ-NGẠN
THIỀN-QUANG TỊCH-MẶC VIÊN-THÔNG DIỆU-DUNG CHIẾU TÂM-NGUYÊN

AN PHẬN LẠC ĐẠO

安分樂道

Vấn tâm hà sự xuất ta bà
Giới Định Tuệ thiền đức dụng đa
Bất hà đơn cung tài quế nguyệt
Khứ lai tịnh giảm chủng liên hoa
Sắc không vô trụ đăng phương diễm
Thức trí chuyển đồng ấn dị ma
Cực Lạc giác viên thường tự tại
Tín Hạnh Nguyên lực kiến Di Đà.

問心何事出娑婆
戒定慧禪德用多
不何單宮裁桂月
去來淨減種蓮花
色空無住登芳艷
識智轉同印異魔
極樂覺圓常自在
信行愿力見彌陀

釋慈光
THÍCH TỪ-QUANG
1920

CHÚ-THÍCH: (2018)

_ **Phật Thích-Ca Mâu-Ni** (Cakya Muni Buddha 釋迦牟尼佛):

(Trích “Phật Di Giáo Kinh”, phần Chú-Thích, của Hòa-Thượng Thiền-Sư Thích Từ-Quang.)

_ **Phật:** Giác, tức là đức-hiệu của bậc giải-thoát, trọn lành, chứng biết toàn-thể toàn-dụng Tự-Tâm, đầy đủ phước-tuệ, độ minh độ người, công-hạnh viên-mãn.

_ **Thích-Ca (ho)** : *Năng-Nhân*, tức là năng-lực từ-bi, chỉ về đức-dụng hay thương xót và cứu-độ chúng-sanh.

_ **Mâu-Ni** (tên) : *Tịch-Mặc*, tức là vắng lặng. Không vì sự vui mà chuyển tâm, cũng không vì sự khổ mà động tánh, chỉ về giác-thể rỗng không, trong sạch, tiêu-diệt vô-minh, trừ-tuyệt phiền-nâo, hoàn-toàn sáng suốt, tự-tại vô-ngại.

_ Tổng-luận: Phật Thích-Ca Mâu-Ni, Giáo-chủ Đạo Phật, là một đấng trọn lành, hoàn-toàn trong sạch, trải qua vô-lượng kiếp tu-hành, đã chứng đủ tam thân, tứ trí, ngũ nhã, lục thông, từng dụng đức Đại-Tử năng làm cho chúng-sanh được vui, từng dụng đức Đại-Bi năng làm cho chúng-sanh khỏi khổ, tự-giác giác-tha, giác-hạnh viên-mãn, thật là bậc Đạo-Sư trong tam giới, Từ-Phụ của tứ sanh.

(Trích “Sự tích Đức Phật Thích-Ca”, trang 25, của soạn-giả Trần Hữu Danh, nxb Tông Hợp, 2011)

_ Phật hiệu Sakyamuni (Thích-Ca Mâu-Ni) có nghĩa là “Năng-Nhơn Tịch-Mặc”. Sakya là “Năng-Nhơn”, là bậc anh-hùng có khả-năng hơn người. Muni là “Tịch-Mặc”, tịch-tĩnh, vắng lặng, cũng có nghĩa là nhơn-từ. Sakyamuni cũng có nghĩa là “bậc anh-hùng hoàn-toàn”.

CHÁNH PHÁP NHÃN TẶNG

Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni (năm -623 đến -544) (80 tuổi) đã trao truyền các Tổ như:

_ Tổ thứ 1	Ma-Ha Ca-Diếp	Tôn-giả	(năm -623 đến -520)
_ Tổ thứ 2	A-Nan-Đà	Tôn-giả	(năm -604 đến -485)
_ Tổ thứ 3	Thương-Na-Hòa-Tu	Tôn-giả	(năm -550 đến -470)
_ Tổ thứ 4	U-Ba-Cúc-Đa	Tôn-giả	(năm -500 đến -430)
_ Tổ thứ 5	Đề-Đà-Ca	Tôn-giả	(năm -460 đến -380)
_ Tổ thứ 6	Di-Già-Ca	Tôn-giả	(năm -440 đến -360)
_ Tổ thứ 7	Bà-Tu-Mật-Đa	Tôn-giả	(năm -420 đến -330)
_ Tổ thứ 8	Phật-Đà-Nan-Đề	Tôn-giả	(năm -370 đến -300)
_ Tổ thứ 9	Phật-Đà-Mật-Đa	Tôn-giả	(năm -360 đến -290)
_ Tổ thứ 10	Hiếp-Đa-Ra	Tôn-giả	(năm -360 đến -270)
_ Tổ thứ 11	Phú-Na-Dạ-Sa	Tôn-giả	(năm -300 đến -230)
_ Tổ thứ 12	Mã-Minh	Tôn-giả	(năm -270 đến -190)
_ Tổ thứ 13	Ca-Tỳ-Ma-La	Tôn-giả	(năm -250 đến -180)
_ Tổ thứ 14	Long-Thọ	Tôn-giả	(năm -240 đến -130)
_ Tổ thứ 15	Ca-Na-Đề-Bà	Tôn-giả	(năm -170 đến -90)
_ Tổ thứ 16	La-Hầu-La-Đa	Tôn-giả	(năm -150 đến -60)
_ Tổ thứ 17	Tăng-Già-Nan-Đề	Tôn-giả	(năm -100 đến -20)
_ Tổ thứ 18	Tăng-Già-Da-Xá	Tôn-giả	(năm -50 đến +20)
_ Tổ thứ 19	Cưu-Ma-La-Đa	Tôn-giả	(năm -15 đến +60)
_ Tổ thứ 20	Xà-Dạ-Đa	Tôn-giả	(+30 – 100)
_ Tổ thứ 21	Bà-Tu-Bàn-Đầu	Tôn-giả	(70 – 160)
_ Tổ thứ 22	Ma-Na-La	Tôn-giả	(120 – 190)
_ Tổ thứ 23	Hạc-Lặc-Na	Tôn-giả	(150 – 230)
_ Tổ thứ 24	Siêu-Tử	Tôn-giả	(200 – 280)
_ Tổ thứ 25	Bà-Xá-Tư-Đa	Tôn-giả	(240 – 325)
_ Tổ thứ 26	Bất-Như-Mật-Đa	Tôn-giả	(300 – 388)
_ Tổ thứ 27	Bát-Nhã-Đa-La	Tôn-giả	(360 – 460)
_ Tổ thứ 28	Bồ-Đề-Đạt-Ma	Tôn-giả	(440 – 529)

Bồ-Đề-Đạt-Ma Tôn-giả người ở Tây-Thiên làm Tổ thứ 28, vì cơ-duyên sang Đông-Độ, làm Sơ-Tổ, truyền y pháp cho năm vị Tổ như:

_ Tổ thứ 29	Huệ-Khả (Thần-Quang)	Đại-sư	(Nhị-Tổ)	(487 – 593)
_ Tổ thứ 30	Tăng-Xán	Đại-sư	(Tam-Tổ)	(517 – 606)
_ Tổ thứ 31	Đạo-Tín	Đại-sư	(Tứ-Tổ)	(580 – 651)
_ Tổ thứ 32	Hoằng-Nhã	Đại-sư	(Ngũ-Tổ)	(602 – 675)
_ Tổ thứ 33	Huệ-Năng	Đại-sư	(Lục-Tổ)	(638 – 713)

Trong 43 vị nối pháp của Lục-Tổ, các vị nổi danh nhất là: *Thần-Hội* ở Hà-Trạch, *Huệ-Trung* ở Nam-Dương, *Huyền-Giác* ở Vĩnh-Gia, *Hành-Tư* ở Thanh-Nguyên, *Hoài-Nhượng* ở Nam-Nhạc, v.v...

TỔ HUỆ-NĂNG (Tổ thứ 33) (638 – 713)

DÒNG NAM-NHẠC

Nhứt đại	(Tổ thứ 34)	:	Nam-Nhạc Hoài-Nhượng	Đại-Sư.	(677 – 744)
Nhị đại	(Tổ thứ 35)	:	Mã-Tổ Đạo-Nhứt	Đại-Sư.	(709 – 788)
Tam đại	(Tổ thứ 36)	:	Bá-Trưởng Hoài-Hải	Đại-Sư.	(720 – 814)
Tứ đại	(Tổ thứ 37)	:	Hoàng-Bá Đoạn-Tế	Đại-Sư.	(? – 850)

PHÁI LÂM-TẾ

Nhứt thế	(Tổ thứ 38)	:	Lâm-Tế Nghĩa-Huyền		(787 – 867)
(Tổ đời thứ nhứt)			Hòa-Thượng Thiền-Sư.		
Nhị thế	(Tổ thứ 39)	:	Hưng-Hóa Tôn-Tưởng		(840 – 925)
			Hòa-Thượng Thiền-Sư.		
Tam thế	(Tổ thứ 40)	:	Nam-Viện Tuệ-Ngẫu		(860 – 950)
			Hòa-Thượng Thiền-Sư.		
Tứ thế	(Tổ thứ 41)	:	Phong-Huyệt Diên-Chiểu		(896 – 973)
			Hòa-Thượng Thiền-Sư.		
Ngũ thế	(Tổ thứ 42)	:	Thủ-Sơn Tỉnh-Niệm		(926 – 993)
			Hòa-Thượng Thiền-Sư.		
Lục thế	(Tổ thứ 43)	:	Phần-Dương Thiện-Chiêu		(947 – 1024)
			Hòa-Thượng Thiền-Sư.		
Thất thế	(Tổ thứ 44)	:	Tử-Minh Sở-Viên		(988 – 1041)
			Hòa-Thượng Thiền-Sư.		
Bát thế	(Tổ thứ 45)	:	Dương-Kỳ Phương-Hội		(992 – 1049)
			Hòa-Thượng Thiền-Sư.		
Cửu thế	(Tổ thứ 46)	:	Bạch-Vân Thủ-Đoan		(1025 – 1072)
			Hòa-Thượng Thiền-Sư.		
Thập thế	(Tổ thứ 47)	:	Ngũ-Tổ Pháp-Diễn		(1024 – 1104)
			Hòa-Thượng Thiền-Sư.		
Thập nhứt thế	(Tổ thứ 48)	:	Viên-Ngộ Khắc-Cần		(1063 – 1135)
			Hòa-Thượng Thiền-Sư.		
Thập nhị thế	(Tổ thứ 49)	:	Hổ-Khưu Thiệu-Long		(1077 – 1136)
			Hòa-Thượng Thiền-Sư.		
Thập tam thế	(Tổ thứ 50)	:	Ứng-Am Đàm-Hoa		(1103 – 1163)
			Hòa-Thượng Thiền-Sư.		
Thập tứ thế	(Tổ thứ 51)	:	Mật-Am Hàm-Kiệt		(1110 – 1186)
			Hòa-Thượng Thiền-Sư.		
Thập ngũ thế	(Tổ thứ 52)	:	Phá-Am Tổ-Tiên		(1136 – 1211)
			Hòa-Thượng Thiền-Sư.		
Thập lục thế	(Tổ thứ 53)	:	Vô-Chuẩn Sư-Phạm		(1175 – 1249)
			Hòa-Thượng Thiền-Sư.		
Thập thất thế	(Tổ thứ 54)	:	Tuyết-Nham Tổ-Khâm		(1204 – 1287)
			Hòa-Thượng Thiền-Sư.		
Thập bát thế	(Tổ thứ 55)	:	Cao-Phong Nguyên-Diệu		(1238 – 1295)

		Hòa-Thượng Thiền-Sư.
Thập cửu thế	(Tổ thứ 56)	: Trung-Phong Minh-Bổn (1263 – 1323) Hòa-Thượng Thiền-Sư.
Nhi thập thế	(Tổ thứ 57)	: Thiên-Phong Nguyên-Trường (1284 – 1357) Hòa-Thượng Thiền-Sư.
Nhi thập nhứt thế	(Tổ thứ 58)	: Vạn-Phong Thời-Úy (1303 – 1381) Hòa-Thượng Thiền-Sư.
Nhi thập nhị thế	(Tổ thứ 59)	: Bửu-Tạng Phổ-Trì (1310 – 1387) Hòa-Thượng Thiền-Sư.
Nhi thập tam thế	(Tổ thứ 60)	: Đông-Minh Huệ-Nhạc (? – 1441) Hòa-Thượng Thiền-Sư.
Nhi thập tứ thế	(Tổ thứ 61)	: Hải-Châu Vĩnh-Từ (1394 – 1461) Hòa-Thượng Thiền-Sư.
Nhi thập ngũ thế	(Tổ thứ 62)	: Bửu-Phong Minh-Tiên (? – 1472) Hòa-Thượng Thiền-Sư.
Nhi thập lục thế	(Tổ thứ 63)	: Thiên-Kỳ Bổn-Thoại (1433 – 1513) Hòa-Thượng Thiền-Sư.
Nhi thập thất thế	(Tổ thứ 64)	: Vô-Văn Minh-Huệ (1480 – 1543) Hòa-Thượng Thiền-Sư.
Nhi thập bát thế	(Tổ thứ 65)	: Tiếu-Nham Đức-Bửu (1510 – 1581) Hòa-Thượng Thiền-Sư.
Nhi thập cửu thế	(Tổ thứ 66)	: Huyền-Hữu Chánh-Truyền (1549 – 1614) Hòa-Thượng Thiền-Sư.
Tam thập thế	(Tổ thứ 67)	: Mật-Vân Viên-Ngộ (1566 – 1642) Hòa-Thượng Thiền-Sư.
Tam thập nhứt thế	(Tổ thứ 68)	: Mộc-Trần Đạo-Mân (1596 – 1674) Hòa-Thượng Thiền-Sư.
Tam thập nhị thế	(Tổ thứ 69)	: Khoáng-Viên Bổn-Kiểu (? – ?) Hòa-Thượng Thiền-Sư.
Tam thập tam thế	(Tổ thứ 70)	: Thọ-Tông Nguyên-Thieu (1648 – 1728) Hòa-Thượng Thiền-Sư.
Tam thập tứ thế	(Tổ thứ 71)	: Minh-Lượng Thành-Đẳng (1626 – 1709) Hòa-Thượng Thiền-Sư.
Tam thập ngũ thế	(Tổ thứ 72)	: Linh-Nhạc Phật-Ý (1725 – 1821) Hòa-Thượng Thiền-Sư.
Tam thập lục thế	(Tổ thứ 73)	: Viên-Quang Tổ-Tông (1758 – 1827) Hòa-Thượng Thiền-Sư.
Tam thập thất thế	(Tổ thứ 74)	: Hải-Tịnh Tiên-Giác (1788 – 1875) Hòa-Thượng Thiền-Sư.
Tam thập bát thế	(Tổ thứ 75)	: Hoằng-Ân Minh-Khiêm (1850 – 1914) Hòa-Thượng Thiền-Sư.
Tam thập cửu thế	(Tổ thứ 76)	: Hoằng-Nghĩa Như-Phòng (1867 – 1929) Hòa-Thượng Thiền-Sư.
Tứ thập thế	(Tổ thứ 77)	: Từ-Quang Hồng-Liễu (1888 – 1991) Hòa-Thượng Thiền-Sư.
(Tổ đời thứ 40)		

PHÁP KÊ TRUYỀN THÙA DÒNG LÂM-TẾ

道 本 原 成 佛 祖 先
明 如 紅 日 麗 中 天
靈 源 廣 潤 慈 風 普
照 世 真 燈 萬 古 懸

ĐẠO BỐN NGUYÊN THÀNH PHẬT TỔ TIÊN
MINH NHƯ HỒNG NHỰT LỆ TRUNG THIÊN
LINH NGUYÊN QUẢNG NHUẬN TỪ PHONG PHỐ
CHIẾU THẾ CHƠN ĐĂNG VẠN CỔ HUYỀN.

Gốc đạo vốn thành Phật, Tổ Tiên,
Sáng như mặt trời đỏ rực rỡ giữa không-trung,
Nguồn linh thấm rộng, từ phong lan tỏa,
Ngọn đèn chơn-thật chiếu sáng thế-gian vẫn treo cao muôn đời.



Tam thập nhứt thế	(Tổ thứ 68)	:	Mộc-Trần Đạo-Mân	(1596 – 1674)
			Hòa-Thượng Thiền-Sư.	
Tam thập nhị thế	(Tổ thứ 69)	:	Khoáng-Viên Bồn-Kiểu	(? – ?)
			Hòa-Thượng Thiền-Sư.	
Tam thập tam thế	(Tổ thứ 70)	:	Thọ-Tông Nguyên-Thieu	(1648 – 1728)
			Hòa-Thượng Thiền-Sư.	
Tam thập tứ thế	(Tổ thứ 71)	:	Minh-Lượng Thành-Đảng	(1626 – 1709)
			Hòa-Thượng Thiền-Sư.	
Tam thập ngũ thế	(Tổ thứ 72)	:	Linh-Nhạc Phật-Ý	(1725 – 1821)
			Hòa-Thượng Thiền-Sư.	
Tam thập lục thế	(Tổ thứ 73)	:	Viên-Quang Tổ-Tông	(1758 – 1827)
			Hòa-Thượng Thiền-Sư.	
Tam thập thất thế	(Tổ thứ 74)	:	Hải-Tịnh Tiên-Giác	(1788 – 1875)
			Hòa-Thượng Thiền-Sư.	
Tam thập bát thế	(Tổ thứ 75)	:	Hoằng-Ân Minh-Khiêm	(1850 – 1914)
			Hòa-Thượng Thiền-Sư.	
Tam thập cửu thế	(Tổ thứ 76)	:	Hoằng-Nghĩa Nhu-Phòng	(1867 – 1929)
			Hòa-Thượng Thiền-Sư.	
Tứ thập thế	(Tổ thứ 77)	:	Tử-Quang Hồng-Liễu	(1888 – 1991)
(Tổ đời thứ 40)			Hòa-Thượng Thiền-Sư.	





P.L. 2.476
10-6-1932
7-5 NHÂM-THÂN



BẢN ĐỒ VIÊN-MINH



CHƠN-ĐỨC THIỀN-VIỆN
Hòa-Thượng Thiền-Sư THÍCH TÙ-QUANG
Ngày 10-6-1932 (7-5 Nhâm-Thân)

A circular emblem containing the Khanda symbol, which is a stylized 'K' shape with a dot above it.

Án

A circular emblem containing the Khanda symbol.

Ma

A circular emblem containing the Khanda symbol.

Ha

A circular emblem containing the Khanda symbol.

Tát

A circular emblem containing the Khanda symbol.

Đát

A circular emblem containing the Khanda symbol.

Đa

A circular emblem containing the Khanda symbol.

Bát

A circular emblem containing the Khanda symbol.

Đát

A circular emblem containing the Khanda symbol.

Ra

PHỤ-LỤC
(2018)

**PHẬT-ĐÁNH TÂM-CHÚ THỦ-LĂNG-NGHIÊM
BÀI SỐ 1 (439 câu)**

大佛頂如來放光悉怛多鉢怛囉菩薩萬行品灌頂部錄出一名中印度那蘭陀曼茶羅灌頂金剛大道場神呪

DẠI PHẬT-ĐÁNH NHƯ-LAI PHÓNG QUANG TẤT-ĐÁT-ĐA BÁT-ĐÁT-LA BỒ-TÁT VẠN-HẠNH PHẨM QUÁN-ĐÁNH BỘ LỤC XUẤT NHỨT DANH TRUNG ĂN-ĐỘ NA-LAN-ĐÀ MẶN-TRÀ-LA QUÁN-ĐÁNH KIM-CANG ĐẠI ĐẠO-TRÀNG THẦN-CHÚ.

◎[1] 南牟薩怛他蘇伽哆耶(歸命一切諸佛)(一)阿囉訶帝三藐三菩陀耶(歸命一切如來應正等覺)(二)娜牟薩婆勃陀(敬禮一切諸佛)(三)勃地薩哆吠弊(歸命菩薩)(毘[口*耶]反)(四)娜牟颯哆喃三藐三菩陀俱胝喃(敬禮正遍知)(五)薩失囉(引)皤(去)迦僧伽喃(敬禮辟支佛及四果人)(六)娜牟嚧雞阿囉喝哆喃(歸命羅漢等眾)(七)娜牟蘇嚕哆半那喃(八)娜牟塞羯唎(二合)陀(引)伽(輕去)彌喃(敬禮斯陀含阿陀含眾)(九)娜牟盧鷄三藐伽哆喃(敬禮過去未來)(十)娜牟三藐鉢囉(二合)底半那(去)喃(十一)娜牟提婆唎史喃(敬禮三十三天及一切諸仙天等)(十二)娜牟微悉陀耶微(入聲呼)地也(二合)陀囉喃(敬禮呪仙)(十三)娜牟悉陀微地也(二合)陀囉[口*栗]史喃(敬禮持呪成就仙人)(十四)舍波(去)擎揭囉訶娑訶摩囉陀(二合)喃(攝惡作善)(十五)娜牟皤囉(二合)訶摩(二合)涅(歸命梵天)(十六)娜牟因(去)陀囉(二合)耶(歸命帝釋)(十七)娜牟婆伽嚩帝(歸命世尊)(十八)嚩陀囉(二合)(引)耶(自在天)(十九)烏摩鉢底(天后)娑醯夜耶(及眷屬等)(二十)娜牟婆伽筏(蒱末反)帝(世尊)(二十一)那囉延擎耶(地祇眾)(二十二)半遮摩訶沒陀囉(大印)(二十三)娜牟塞訖哩(二合)多耶(頂禮世尊)(二十四)娜牟婆伽(上呼)筏帝摩訶迦囉耶(大黑天神)(二十五)底哩(二合)補囉那伽(上)囉(城)(二十六)毘陀囉皤擎迦囉耶(破壞)(二十七)阿底目多迦尸摩舍那縛悉涅(尸陀林中)(二十八)摩怛唎(二合)伽擎(鬼神眾)(二十九)娜牟塞訖哩多耶(三十)娜牟婆伽筏帝(舊)怛他揭多俱囉耶(如來族)(三十一)娜牟鉢頭摩(二合)俱囉耶(歸命蓮華族菩薩等)(三十二)娜牟筏折囉俱囉(半音用同下)耶(歸命金剛族)(三十三)娜牟摩尼俱囉耶(歸命寶族)(三十四)娜牟伽(上)闍俱囉耶(歸命眾族)(三十五)娜牟婆伽筏帝(三十六)地唎(二合)茶輸囉哂那(三十七)鉢囉(二合)訶囉擎囉(引)闍耶(大猛將各持器仗入)(三十八)怛他揭多耶(如來)(三十九)娜牟婆伽筏帝(四十)阿彌陀(引)婆(引)耶(無量壽佛)(四十一)怛他揭多耶(四十二)阿囉訶帝三藐三菩陀耶(應等正覺)(四十三)娜牟婆伽筏帝(四十四)阿芻鞞也(阿闍如來)(四十五)怛他揭多耶(四十六)阿羅訶帝三藐三菩陀耶(四十七)娜牟婆伽筏帝(四十八)毘沙闍俱嚩(二合)吠疏璃唎耶(藥師如來)(四十九)鉢囉(二合)婆囉(引)闍耶(光王)(五十)怛他揭多耶(五十一)阿囉訶帝三藐三菩陀耶(五十二)娜牟婆伽筏帝(五十三)三布瑟畢多娑囉囉(引)闍夜(娑羅花王)(五十四)怛他揭多耶(五十五)阿囉訶帝三藐

三菩陀(引)耶(五十六)娜牟婆伽筏帝(五十七)舍枳也(二合)母娜曳(釋迦牟尼佛)(五十八)怛他揭多耶(五十九)阿囉訶帝三藐三菩陀(引)耶(六十)娜牟婆伽筏帝(六十一)囉怛那俱蘇摩(寶花)(六十二)鷄都囉(引)闍耶(寶幢王如來)(六十三)怛他揭多耶(六十四)阿羅訶帝三藐三菩陀(引)耶帝瓢(六十五)娜牟塞訖哩(二合)多皤翳摩舍婆伽筏多(六十六)薩怛他揭都烏瑟尼衫(如來佛頂)(六十七)悉怛多(引)鉢怛噦(二合)(華蓋)(六十八)娜牟阿波(引)囉支單(半音)(敬禮是辰勝)(六十九)鉢羅登(登飄反)擬(擬異反)囉(七十)薩嚩部多揭囉(二合)訶迦囉尼(一切神眾作罰)(七十一)波囉微(入)地也(二合)掣(車曳反)陀(輕呼)爾(能斷他呪)(七十二)阿哥(引)囉(輕呼)微哩(入)(二合)駐(橫死)(七十三)波剎怛囉耶(引)那揭剎(救取)(七十四)薩嚩畔陀那[悍干+月]乞叉那迦剎(一切縛禁解脫)(七十五)薩嚩突瑟吒(二合)(除一切惡)(七十六)(上)突莎般那爾縛囉尼(惡夢)(七十七)者都囉(引)室底喃(八萬四千眾神)(七十八)揭囉訶娑訶娑囉(引)喃(七十九)微陀防娑(引)那羯哩(打破)(八十)阿瑟吒冰設底喃(去聲呼)(八十一)(呼皆同)諾剎怛囉喃(八十二)鉢囉(二合)娑(引)陀那羯哩(正行)阿瑟吒(二合)喃(八十三)摩訶揭囉訶喃(辰)(八十四)微陀防(二合)薩那羯哩(打破)(八十五)薩嚩舍都嚕(二合)爾嚩囉尼(除一切惡)(八十六)巨(去)囉喃(八十七)突室乏(二合)鉢那難遮那舍尼(除却嚴惡)(八十八)毘沙設薩怛囉(器仗)(八十九)阿祁尼(火)(九十)烏陀迦囉尼(水)(九十一)阿波(引)囉視多具囉(苻能勝嚴)(九十二)摩訶跋囉戰擎(大力嗔怒)(九十三)摩訶提哆(火天)(九十四)摩訶帝闍(大滅)(九十五)摩訶稅尾(二合)多(太白)(九十六)什伐(二合)囉(光焰)(九十七)摩訶跋囉(大力)(九十八)半茶囉嚩(引)悉爾(白拂)(九十九)阿剎耶多囉(聖者)(一百)毘哩(二合)俱知制縛毘闍耶(最勝菩薩)(百一)筏折囉(二合)摩禮底毘輸嚕多(摧碎金剛)(百二)鉢踏罔迦(降伏)(百三)跋折囉兒(熾曳反)訶縛者(金剛力士)(百四)摩囉制縛(隨一逐)(百五)般囉室多(金剛神杵)(百六)跋折(時熱反)(上)囉(二合)檀持(金剛神杵)(百七)毘舍羅摩遮(天神力士)(百八)扇多舍毘提嚩布室哆蘇摩嚕波(參辰日月天子及二十八宿)(百九)摩訶(引)稅尾(二合)多(引)(太白星)(百十)阿哩耶多羅(百十一)摩訶(引)跋囉阿波囉(百十二)跋折囉(二合)商羯囉制婆(金剛連鎖)(百十三)怛他(天可反)跋折囉俱摩剎迦(金剛童女)(百十四)俱噦(盧紺反)吧剎(金剛童子)(百十五)跋折囉訶薩哆者(二合)(金剛手)(百十六)微地也(大明呪藏)(百十七)乾遮那摩(引)剎迦(四天王太子)(百十八)俱蘇婆喝囉怛囉怛那(百十九)毘嚕遮耶那俱剎耶(百二十)韜淡(吐炎)夜囉烏瑟尼(二合)沙(佛頂)(百二十一)毘折藍婆摩邏遮(羅刹神女)(百二十二)跋折囉(二合)迦那迦(金剛使者)(百二十三)鉢囉(二合)婆咤(去)遮那(蓬華神眾)(百二十四)跋折囉(二合)敦尼遮(金剛擎山)(百二十五)稅尾多遮迦摩(引)囉(引)乞叉(二合)(百二十六)舍施鉢囉(二合)婆翳帝夷帝(如是等)(百二十七)母(引)陀囉(二合)尼揭擎(眾印可)(百二十八)娑吠囉乞懶(二合)(一切護我)(百二十九)俱囉飯(二合)都印[少/免]那麼麼(某乙稱名)那寫(誦呪者但至此語皆自稱名)(百三十)嗚吽(二合)牟哩(二合)瑟揭(二合)(渠羯反)(皆同)擎(仙眾)(百三十一)鉢囉(二合)舍(引)薩多(善相)(百三十二)薩怛他揭都(一切如來)(百三十三)烏瑟尼沙(百三十四)呼吽(二合)咄嚕吽(三合)(警誤)(百三十五)瞻婆那(押領)(百三十六)呼吽(二合)咄嚕吽(三合)(百三十七)薩耽婆那(鎮守)(百三十八)呼吽(二合)咄嚕吽(三合)(百三十九)婆囉微地也三婆乞叉那囉(百四十)呼吽(二合)咄嚕吽(三合)(百四十一)薩婆部瑟吒喃(百四十二)塞曇婆那羯囉(喫却他呪)(百四十三)呼吽(二合)咄嚕吽(三合)(百四十四)薩嚩藥叉(勇猛)(百四十五)喝囉(引)剎娑揭囉訶喃(百四十六)毘陀防娑那羯囉(打破)(百四十七)呼吽(二合)咄嚕吽(三合)(百四十八)者都羅尸底喃(

百四十九)揭囉訶娑囉喃(八萬四千神王眾)(百五十)毘陀防娑那羯囉(百五十一)呼吽(二合)咄嚕吽(三合)(百五十二)阿瑟吒微(二合)摩舍帝喃(上)(百五十三)那佢(上)沙怛囉喃(上)(百五十四)婆囉摩馱那伽囉(百五十五)呼吽(二合)咄嚕吽(三合)(百五十六)囉剎囉剎(護一切諸佛菩薩金剛天仙皆護)(百五十七)薄伽梵(佛)(百五十八)薩怛他揭都烏瑟尼沙(佛頂)(百五十九)鉢囉登擬哩(百六十)摩訶薩訶薩囉部兒(千臂大神)(百六十一)娑訶薩囉室曬(千頭神)(百六十二)俱胝舍多娑訶薩囉寧怛[口*(隸木+士)](百千眼神)(百六十三)阿弊地也什囉哩多那吒迦(百六十四)摩訶跋折嚕陀(引)囉(大輪金剛)(百六十五)帝哩菩囉那(三世)(百六十六)曼茶囉(檀場)(百六十七)鳴吽莎悉底(百六十八)薄婆都(與我平等)(百六十九)印[少/免]麼麼(某乙)(百七十)囉闍婆夜(王難)(百七十一)主囉婆夜(賊難)(百七十二)阿祇尼婆夜(火難)(百七十三)烏陀迦婆夜(水難)(百七十四)吠沙婆夜(毒難)(百七十五)舍薩多囉婆夜(刀仗難)(百七十六)波囉斫羯囉婆夜(兵難)(百七十七)突[口*栗]叉婆夜(穀貴飢饉難)(百七十八)阿舍爾婆夜(電難)(百七十九)阿迦囉沒[口*栗](利吉反)駐婆夜(掩死難)(百八十)阿陀囉尼部彌劍波(總持地動)(百八十一)伽波哆婆夜(險難)(百八十二)烏囉囉迦波多婆夜(道路難)(百八十三)囉闍彈茶婆夜(王刑罰難)(百八十四)那(上)伽婆夜(龍怖難)(百八十五)微地揄婆夜(閃電難)(百八十六)蘇跋[口*栗]尼婆夜(金腋烏難)(百八十七)藥叉揭囉訶(百八十八)羅剎娑揭囉訶(百八十九)畢唎哆揭囉(二合)訶(餓鬼難)(百九十)毘舍(上)遮揭囉訶(廁神)(百九十一)部多揭囉(二合)訶(神鬼眾)(百九十二)鳩槃茶揭囉訶(守宮婦女鬼)(一百九十三)布單那揭囉(二合)訶(魄鬼)(百九十四)羯吒布單那揭囉(二合)訶(奇魄鬼)(一百九十五)塞捷陀揭囉訶(鳩摩羅童天子)(百九十六)阿婆娑摩囉揭囉(二合)訶(羊頭鬼)(百九十七)烏檀摩陀揭囉(二合)訶(熱鬼)(百九十八)車耶揭囉(二合)訶(影鬼)(百九十九)梨婆底揭囉訶(陰謀鬼)(二百)闍底訶哩泥(食初產鬼)(二百一)羯囉婆訶哩涅(食懷孕鬼)(二百二)噦地囉訶哩泥(食血鬼)(二百三)芒娑訶哩泥(食肉鬼)(二百四)計陀訶哩泥(食脂鬼)(二百五)摩闍訶哩(輕呼)(去聲)泥(食髓鬼)(二百六)闍多訶哩泥(食氣鬼)(二百七)視吠哆訶哩泥(食壽命鬼)(二百八)婆多訶哩泥(食風鬼)(二百九)皤多訶哩喃阿輸遮訶哩泥(食不淨鬼)(二百一十)質多訶哩泥(食心鬼)(二百十一)帝衫薩毘衫(如是等眾)(二百十二)薩囉揭囉訶喃(一切執祖鬼)(二百十三)毘地也(明呪藏)(二百十四)嗔陀夜彌(斬伐罪者)(二百十五)枳囉夜彌(二百十六)波哩跋囉斫迦羅(外道)(二百十七)訖哩(離枳反)(上)擔微地也(明呪藏)(二百十八)嗔陀夜彌(二百十九)枳囉夜彌(捕罰)(二百二十)茶枳尼(狐魅鬼)(二百二十一)訖哩擔微地也(明呪)(二百二十二)嗔陀夜彌枳囉夜彌(二百二十三)摩訶鉢輸鉢底夜(二百二十四)嚕陀囉(自在天)(二百二十五)訖哩耽微地也(明呪)(二百二十六)嗔陀夜彌枳羅夜彌(二百二十七)那囉耶擎耶(天神)(二百二十八)訖哩耽微地也(明呪)(二百二十九)嗔陀夜彌枳囉夜彌(二百三十)怛怛囉伽(上)嚕茶(金翅鳥王)(二百三十一)訖哩耽微地也(二百三十二)嗔陀夜彌枳羅夜彌(二百三十三)摩訶迦羅(大黑天神)(二百三十四)摩怛囉伽擎訖哩(離枳反)(上)耽微地也(二百三十五)嗔陀夜彌枳羅夜彌(二百三十六)迦波哩迦(觸體外道)(二百三十七)訖哩耽微地也(二百三十八)嗔陀夜彌枳囉夜彌(二百三十九)闍夜羯囉(二百四十)曼度羯囉(二百四十一)薩婆囉他娑達爾(持一切物)(二百四十二)訖哩耽微地也(二百四十三)嗔陀夜彌枳囉夜彌(二百四十四)者都[口*栗](利吉反)薄祁爾(姊妹神女)(二百四十五)訖哩耽微地也(二百四十六)嗔陀夜彌(二百四十七)枳囉夜彌(二百四十八)憑(去)儀哩知(鬪戰勝神并器仗)(二百四十九)難泥(外道)雞首婆囉(孔雀王器仗)(二百五十)伽那鉢底(毘那夜迦王)(二百五十一)娑醯夜(野叉王兄弟三

人各領二十八萬眾)(二百五十二)訖哩耽微地也(二百五十三)嗔陀夜彌(二百五十四)枳囉夜彌(二百五十五)那延那室囉(引)婆擎(裸形外道)(二百五十六)訖哩(離吉反)(皆同)耽微地也(二百五十七)嗔陀夜彌(二百五十八)枳囉夜彌(二百五十九)阿囉訶多(羅漢)(二百六十)訖哩耽微地也(二百六十一)嗔陀夜彌(二百六十二)枳囉夜彌(二百六十三)微怛(多音)囉(引)迦(起尸鬼)(二百六十四)訖哩耽微地也(二百六十五)嗔陀夜彌(二百六十六)枳囉夜彌(二百六十七)跋折(時熱反)囉波爾(執金剛神)(二百六十八)跋折囉婆(重呼)尼(二百六十九)具醯夜迦(密跡力士)(二百七十)地鉢底(總管)(二百七十一)訖哩耽微地也(二百七十二)嗔陀夜彌枳羅夜彌(二百七十三)囉叉囉叉罔(一切諸佛菩薩天仙龍神方護)(二百七十四)薄伽梵(佛)(二百七十五)印[少/免]那麼麼那寫(某乙寫)(二百七十六)婆伽梵薩怛他揭都烏瑟尼沙(二百七十七)悉怛多鉢怛囉(華蓋)(二百七十八)南無嚟(上)都(上)祇(頂禮)(二百七十九)阿悉多那(引)囉(引)迦(白光分明)(二百八十)鉢囉婆毘薩普吒(二百八十一)毘迦悉怛多(二百八十二)鉢底哩(二百八十三)什囉囉什囉囉(光焰)(二百八十四)陀囉陀囉(二百八十五)頻陀囉頻陀囉(二百八十六)嗔陀嗔陀(二百八十七)含吽含吽(二百八十八)泮泮泮(二百八十九)泮吒泮吒(二百九十)莎皤訶(二百九十一)醯醯泮(二百九十二)阿牟伽耶泮(不空大使)(二百九十三)阿鉢囉底訶多泮(無障礙)(二百九十四)皤囉鉢囉(二合)陀泮(與願)(二百九十五)阿素囉毘陀囉皤迦泮(修羅破壞)(二百九十六)薩皤提吠弊泮(一切天神)(二百九十七)薩皤那那伽弊泮(一切龍眾)(二百九十八)薩皤藥叉弊泮(一切勇鬼神)(二百九十九)薩皤乾闥婆弊泮(一切音樂神)(三百)薩皤阿素囉弊泮(三百一)薩皤揭嚕茶弊泮(三百二)薩皤緊那羅弊泮(三百三)薩皤摩護囉伽弊泮(三百四)薩皤囉剎莎弊泮(三百五)薩皤摩努曬弊泮(三百六)薩皤阿摩努曬弊泮(三百七)薩皤布單那弊泮(三百八)薩皤迦吒布丹那弊泮(三百九)薩皤突蘭枳帝弊泮(一切難過)(三百十)薩皤突瑟吒畢哩乞史帝弊泮(一切難)(三百十一)薩皤什皤梨弊泮(一切瘡壯熱)(三百十二)薩皤阿波薩麼嚟弊泮(一切外道出)(三百十三)薩婆奢羅皤擎弊泮(三百十四)薩囉底[口*栗]耻雞弊泮(三百十五)薩菩怛波提弊泮(一切鬼惡)(三百十六)薩皤微地也囉誓遮黎弊泮(一切持呪博士等)(三百十七)闍耶羯囉摩度羯囉(三百十八)薩婆囉他娑陀雞弊泮(一切物呪博士)(三百十九)微地也遮唎曳弊泮(三百二十)者咄囉南薄祁爾弊泮(四姊妹神女)(三百二十一)跋折囉俱摩唎迦弊泮(金剛童子)(三百二十二)跋折囉俱藍陀利弊泮(三百二十三)微地也囉(引)闍弊泮(呪王等)(三百二十四)摩訶鉢囉登耆嚦弊泮(三百二十五)跋折囉商羯囉(引)夜泮(金剛連鎖)(三百二十六)鉢囉登祁囉(引)闍(引)耶泮(三百二十七)摩訶揭囉耶泮(大黑天神)(三百二十八)摩訶摩怛哩(二合)伽擎耶泮(鬼眾)(三百二十九)娜牟塞揭哩(二合)多耶泮(三百三十)毘瑟擎尾曳泮(毘紐天子)(三百三十一)皤囉[合*牛]摩尼曳泮(梵王)(三百三十二)阿祁尼曳泮(火天)(三百三十三)摩訶迦哩曳泮(大黑天女)(三百三十四)迦囉檀特曳泮(大鬼帥黑奧神)(三百三十五)醫泥哩曳泮(帝釋)(三百三十六)遮文遲曳泮(怒神)(三百三十七)勞怛哩曳泮(瞋怒神)(三百三十八)迦囉(引)怛哩曳泮(三百三十九)迦波嚟曳泮(三百四十)阿地目枳多迦尸麼舍那皤悉爾曳泮(三百四十一)曳髻者那薩怛薩怛皤(若有眾生)(三百四十二)突瑟吒質多(惡心鬼)(三百四十三)滂持囉質多(三百四十四)烏闍訶囉(食精氣鬼)(三百四十五)揭婆訶囉(食胎藏鬼)(三百四十六)嘵地囉訶囉(食血鬼)(三百四十七)芒姿訶囉(食肉鬼)(三百四十八)摩社訶囉(食產鬼)(三百四十九)社多訶囉(三百五十)視微多訶囉(食壽命鬼)(三百五十一)皤略耶訶囉(食祭鬼)(三百五十二)健陀訶囉(食香鬼)(三百五十三)布瑟波訶囉(食花鬼)(三百五十四)破囉訶囉(食五果子鬼)(三百五

十五)薩寫訶囉(食五穀種子鬼)(三百五十六)波波質多突瑟吒(知諫反)質多(惡心鬼)(三百五十七)嘵陀羅質多(嗔心鬼)(三百五十八)陀囉質多藥叉揭囉訶(三百五十九)囉剎娑揭囉訶(三百六十)閉囉多揭囉訶毘舍遮揭囉訶(三百六十一)部多揭囉訶(神眾)(三百六十二)鳩槃茶揭囉訶(三百六十三)塞健陀揭囉訶(三百六十四)烏怛摩陀揭囉訶(三百六十五)車夜揭囉訶(影鬼)(三百六十六)阿波娑摩囉揭囉訶(羊嗔鬼鬼如野狐)(三百六十七)咤(坼阿反)(上)(長平呼)迦茶祁尼揭囉訶(魅鬼魅女鬼)(三百六十八)[口*梨]婆底揭囉訶(如狗惱小鬼)(三百六十九)闍弭迦揭囉訶(如烏鬼)(三百七十)舍俱尼揭囉訶(如馬)(三百七十一)漫怛囉難提迦揭囉訶(如貓兒)(三百七十二)阿藍皤揭囉訶(如蛇)(三百七十三)訶奴建度波尼揭囉訶(如雞)(三百七十四)什(入音)皤囉(壯熱瘧鬼)翳迦醯迦(一日一發)德吠底迦(二日一發)(三百七十五)帝哩帝藥迦(三日一發)折咄[口*栗]他迦(四日一發)(三百七十六)昵底夜什皤囉(常壯熱鬼)(三百七十七)毘沙摩什皤囉(壯熱)(三百七十八)皤底迦(風病鬼)背底迦(黃病鬼)(三百七十九)室禮瑟彌迦(痰飲)(三百八十)娑爾波底迦(癆病)(三百八十一)薩皤什皤囉(一切壯熱)(三百八十二)室嚕喝囉底(頭痛)(三百八十三)阿羅陀皤帝(半頭痛)(三百八十四)阿乞史噦劍(飢不食鬼)(三百八十五)目佉噦鉗(口痛)(三百八十六)羯剎突噦鉗(愁鬼)(三百八十七)羯囉訶輸藍(咽喉痛)(三百八十八)羯擎輸藍(耳痛)(三百八十九)檀多輸藍(齒痛)(三百九十)頡哩駄耶輸藍(心痛)(三百九十一)末摩輸藍(盧鉗反)(三百九十二)跋囉[口*室]婆輸藍(肋痛)(三百九十三)背哩瑟吒輸藍(背痛)(三百九十四)烏馱囉輸藍(盧鉗反)(腹痛)(三百九十五)羶知輸藍(腰痛)(三百九十六)跋悉帝輸藍(裸骨痛)(三百九十七)烏(上)噦輸藍(腿髀痛)(三百九十八)常伽輸藍(腕痛)(三百九十九)喝薩多輸藍(手痛)(四百)波陀輸藍(腳痛)(四百一)頸伽鉢囉登輸藍(四支節痛)(四百二)部多吠怛茶(起尸鬼)(四百三)茶枳(呼哽反)(上)尼(魅鬼)(四百四)什皤陀突盧建紐(四百五)吉知(蜘蛛)婆路多(丁瘡)(四百六)吠薩囉波嚕訶(侵淫瘡)凌(里孕反)伽(赤瘡)(四百七)輸沙多(引)囉娑那迦囉毘沙喻迦(上坎)(四百八)阿祁尼(火)烏陀迦(水)摩囉吠囉建多囉(四百九)阿迦囉蜜[口*栗](二合)駐(橫死)(四百十)怛囉部迦地哩囉吒毘失脂迦(蝎)(四百十一)薩囉波(蛇)(四百十二)那俱囉(虎狼)(四百十三)僧(思孕反)伽(師子)(四百十四)吠也揭囉(大虫)(四百十五)怛乞叉(猪熊)(四百十六)怛囉乞叉末囉(馬熊)視皤帝衫(此等)(四百十七)薩毘衫薩毘衫(一切此說者)(四百十八)悉怛多鉢怛囉(花蓋)(四百十九)摩訶跋折嚕(大金剛藏)(四百二十)瑟尼衫摩訶鉢囉登祁藍(四百二十一)夜婆埵陀舍喻社那(乃至十二由旬成界地)(四百二十二)便怛囉擎毘(入聲)地夜畔馱迦噦彌(云我大明呪十二由旬結界禁縛莫入)(四百二十三)帝殊畔陀迦(居那反)噦彌(佛頂光聚縛結不得入界)(四百二十四)波囉微地也(途迦反)畔陀迦噦彌(能縛一切惡神鬼)(四百二十五)怛地他(即說呪曰)(四百二十六)唵(四百二十七)阿那[口*(隸木+士)]毘舍提(四百二十八)鞞囉(四百二十九)跋折囉(四百三十)阿唎畔陀(四百三十一)毘陀爾(四百三十二)跋折囉波尼泮(四百三十三)呼吽(四百三十四)咄嚕吽(三合)(四百三十五)莎皤訶(四百三十六)唵吽(四百三十七)毘嚕提(四百三十八)莎皤訶(四百三十九)

右此呪句總有四百三十九句。

**PHẬT-ĐÁNH TÂM-CHÚ THỦ-LĂNG-NGHIÊM
BÀI SỐ 2 (427 câu)**

大佛頂萬行首楞嚴經卷第七

ĐẠI PHẬT-ĐÁNH VẠN-HẠNH THỦ-LĂNG-NGHIÊM KINH QUYẾN ĐỆ THẤT

ĐỆ NHỨT

[2] 南無薩怛他蘇伽多耶阿羅訶帝三藐三菩陀寫(一)
薩怛他佛陀俱胝瑟尼釤(二) 南無薩婆訥陀訥地薩跢鞞弊(三毘迦切)
南無薩多南三藐三菩陀俱知南(四) 婆舍囉婆迦僧伽喃(五)
南無盧雞阿羅漢跢喃(六) 南無蘇盧多波那喃(七)
南無娑羯唎陀伽彌喃(八) 南無盧雞三藐伽跢喃(九)
三藐伽波囉底波多那喃(十) 南無提婆離瑟報(十一)
南無悉陀耶毘地耶陀囉離瑟報(十二)
舍波奴揭囉訶婆訥摩他喃(十三) 南無跋囉訶摩泥(十四)
南無因陀囉耶(十五) 南無婆伽婆帝(十六) 嘘陀囉耶(十七)
烏摩般帝(十八) 婆醯夜耶(十九) 南無婆伽婆帝(二十)
那囉野擎耶(二十一) 槩遮摩訶三慕陀囉(二十二) 南無悉羯唎多耶(二十三)
南無婆伽婆帝(二十四) 摩訶迦羅耶(二十五) 地唎般刺那伽囉(二十六)
毘陀囉波擎迦囉耶(二十七) 阿地目帝(二十八) 尸摩舍那泥婆悉泥(二十九)
摩怛唎伽擎(三十) 南無悉羯唎多耶(三十一) 南無婆伽婆帝(三十二)
多他伽跢俱囉耶(三十三) 南無般頭摩俱囉耶(三十四)
南無跋闍羅俱囉耶(三十五) 南無摩尼俱囉耶(三十六)
南無伽闍俱囉耶(三十七) 南無婆伽婆帝(三十八) 帝唎茶輸囉西那(三十九)
波囉訶囉擎囉闍耶(四十) 跢他伽多耶(四十一) 南無婆伽婆帝(四十二)
南無阿彌多婆耶(四十三) 跢他伽多耶(四十四) 阿囉訶帝(四十五)
三藐三菩陀耶(四十六) 南無婆伽婆帝(三十七) 阿芻鞞耶(四十八)
跢他伽多耶(四十九) 阿囉訶帝(五十) 三藐三菩陀耶(五十一)
南無婆伽婆帝(五十二) 鞍沙闍耶俱盧吠柱唎耶(五十三)
般囉婆囉闍耶(五十四) 跢他伽多耶(五十五) 南無婆伽婆帝(五十六)
三補師憊多(五十七) 薩憐捺囉刺闍耶(五十八) 跢他伽多耶(五十九)
阿囉訶帝(六十) 三藐三菩陀耶(六十一) 南無婆伽婆帝(六十二)
舍雞野母那曳(六十三) 跢他伽多耶(六十四) 阿囉訶帝(六十五)
三藐三菩陀耶(六十六) 南無婆伽婆帝(六十七) 刺怛那雞都囉闍耶(六十八)
跢他伽多耶(六十九) 阿囉訶帝(七十) 三藐三菩陀耶(七十一)
帝瓢南無薩羯唎多(七十二) 翳曇婆伽婆多(七十三)
薩怛他伽都瑟尼釤(七十四) 薩怛多般怛嚙(七十五)

南無阿婆囉視耽(七十六) 般囉帝揚岐囉(七十七)
 薩囉婆部多揭囉訶(七十八) 尼羯囉訶揭迦囉訶尼(七十九)
 跋囉毖地耶叱陀爾(八十) 阿迦囉蜜喇柱(八十一)
 般喇怛囉耶儕揭喇(八十二) 薩囉婆槃陀那目叉尼(八十三)
 薩囉婆突瑟吒(八十四) 突悉乏般那爾伐囉尼(八十五)
 訂都囉失帝南(八十六) 獻囉訶娑訶薩囉若闍(八十七)
 毘多崩娑那羯喇(八十八) 阿瑟吒冰舍帝南(八十九) 那又剎怛囉若闍(九十)
 波囉薩陀那羯喇(九十一) 阿瑟吒南(九十二) 摩訶揭囉訶若闍(九十三)
 毘多崩薩那羯喇(九十四) 薩婆舍都盧爾婆囉若闍(九十五)
 呼藍突悉乏難遮那舍尼(九十六) 毘沙舍悉怛囉(九十七)
 阿吉尼烏陀迦囉若闍(九十八) 阿般囉視多具囉(九十九)
 摩訶般囉戰持(一百) 摩訶疊多(一百一) 摩訶帝闍(二)
 摩訶稅多闍婆囉(三) 摩訶跋囉槃陀囉婆悉爾(四) 阿喇耶多囉(五)
 毘喇俱知(六) 誓婆毘闍耶(七) 跋闍囉摩禮底(八) 毘舍盧多(九)
 勃騰罔迦(+ 跋闍囉制喝那阿遮(一百十一) 摩囉制婆般囉質多(十二)
 跋闍囉檀持(十三) 毘舍囉遮(十四) 扇多舍鞞提婆補視多(十五)
 蘇摩盧波(十六) 摩訶稅多(十七) 阿喇耶多囉(十八)
 摩訶婆囉阿般囉(十九) 跋闍囉商羯囉制婆(二十)
 跋闍囉俱摩喇(一百二十一) 俱藍陀喇(二十二) 跋闍囉喝薩多遮(二十三)
 毘地耶乾遮那摩喇迦(二十四) 喧蘇母婆羯囉路那(二十五)
 鞍盧遮那俱喇耶(二十六) 夜囉菟瑟尼釤(二十七) 毘折藍婆摩尼遮(二十八)
 跋闍囉迦那迦波囉婆(二十九) 嘘闍那跋闍囉頓稚遮(三十)
 稅多遮迦摩囉(一百三十一) 刹奢尸波囉婆(三十二) 翳帝夷帝(三十三)
 母陀囉羯擎(三十四) 娑鞞囉懾(三十五) 掘梵都(三十六)
 印兔那麼麼寫(三十七)

ĐỀ NHỊ

(誦呪者至此句稱弟子某甲受持)烏[合*牛](三十八) 哩瑟揭擎(三十九)
 般刺舍悉多(四十) 薩怛他伽都瑟尼釤(一百四十一) 虎[合*牛](四十二)
 都盧雍(四十三) 瞳婆那(四十四) 虎[合*牛](四十五) 都盧雍(四十六)
 悉耽婆那(四十七) 虎[合*牛](四十八) 都盧雍(四十九)
 波羅瑟地耶三般叉擎羯囉(五十) 虎[合*牛](一百五十一) 都盧雍(五十二)
 薩婆藥叉喝囉刹娑(五十三) 揭囉訶若闍(五十四) 毘騰崩薩那羯囉(五十五)
 虎[合*牛](五十六) 都盧雍(五十七) 者都囉尸底南(五十八)
 揭囉訶娑訶薩囉南(五十九) 毘騰崩薩那囉(六十) 虎[合*牛](一百六十一)
 都盧雍(六十二) 囉叉(六十三) 婆伽梵(六十四) 薩怛他伽都瑟尼釤(六十五)
 波囉點闍吉喇(六十六) 摩訶娑訶薩囉(六十七)

勃樹婆訶薩囉室唎沙(六十八) 俱知婆訶薩泥帝[口*(隸-木+士)](六十九)
 阿弊提視婆唎多(七十) 吒吒覩迦(一百七十一) 摩訶跋闍嚧陀囉(七十二)
 帝唎菩婆那(七十三) 曼茶囉(七十四) 烏[合*牛](七十五)
 莎悉帝薄婆都(七十六) 麽麼(七十七) 印兔那麼麼寫(七十八)

ĐỆ TAM

(至此句準前稱名若俗人稱弟子某甲)囉闍婆夜(七十九) 主囉跋夜(八十)
 阿祇尼婆夜(一百八十一) 烏陀迦婆夜(八十二) 毘沙婆夜(八十三)
 舍薩多囉婆夜(八十四) 婆囉斫羯囉婆夜(八十五) 突瑟叉婆夜(八十六)
 阿舍爾婆夜(八十七) 阿迦囉蜜唎柱婆夜(八十八)
 陀囉尼部彌劍波伽波陀婆夜(八十九) 烏囉迦婆多婆夜(九十)
 刺闍壇茶婆夜(一百九十一) 那伽婆夜(九十二) 毘條怛婆夜(九十三)
 蘇波囉擎婆夜(九十四) 藥叉揭囉訶(九十五) 囉叉私揭囉訶(九十六)
 畢唎多揭囉訶(九十七) 毘舍遮揭囉訶(九十八) 部多揭囉訶(九十九)
 鳩槃茶揭囉訶(二百) 補丹那揭囉訶(二百一) 迦吒補丹那揭囉訶(二)
 悉乾度揭囉訶(三) 阿播悉摩囉揭囉訶(四) 烏檀摩陀揭囉訶(五)
 車夜揭囉訶(六) 鹽唎婆帝揭囉訶(七) 社多訶唎南(八) 揭婆訶唎南(九)
 嘘地囉訶唎南(十) 忙婆訶唎南(二百十一) 謎陀訶唎南(十二)
 摩闍訶唎南(十三) 闍多訶唎女(十四) 視比多訶唎南(十五)
 毘多訶唎南(十六) 婆多訶唎南(十七) 阿輸遮訶唎女(十八)
 質多訶唎女(十九) 帝釤薩鞞釤(二十) 薩婆揭囉訶唎南(二百二十一)
 毘陀耶闍瞋陀夜彌(二十二) 雞囉夜彌(二十三)
 波唎跋囉者迦訖唎擔(二十四) 毘陀夜闍瞋陀夜彌(二十五)
 雞囉夜彌(二十六) 茶演尼訖唎擔(二十七) 毘陀夜闍瞋陀夜彌(二十八)
 雞囉夜彌(二十九) 摩訶般輸般怛夜(三十) 嘘陀囉訖唎擔(二百三十一)
 毘陀夜闍瞋陀夜彌(三十二) 雞囉夜彌(三十三) 那囉夜擎訖唎擔(三十四)
 毘陀夜闍瞋陀夜彌(三十五) 雞囉夜彌(三十六)
 恒埵伽噓茶西訖唎擔(三十七) 毘陀夜闍瞋陀夜彌(三十八)
 雞囉夜彌(三十九) 摩訶迦囉摩怛唎伽擎訖唎擔(四十)
 毘陀夜闍瞋陀夜彌(二百四十一) 雞囉夜彌(四十二)
 迦波唎迦訖唎擔(四十三) 毘陀夜闍瞋陀夜彌(四十四) 雞囉夜彌(四十五)
 闍耶羯囉摩度羯囉(四十六) 薩婆囉他婆達那訖唎擔(四十七)
 毘陀夜闍瞋陀夜彌(四十八) 雞囉夜彌(四十九) 耗咄囉婆耆爾訖唎擔(五十)
 毘陀夜闍瞋陀夜彌(二百五十一) 雞囉夜彌(五十二) 毘唎羊訖唎知(五十三)
 難陀雞沙囉伽擎般帝(五十四) 索醯夜訖唎擔(五十五)
 毘陀夜闍瞋陀夜彌(五十六) 雞囉夜彌(五十七)
 那揭那舍囉婆擎訖唎擔(五十八) 毘陀夜闍瞋陀夜彌(五十九)

雞囉夜彌(六十) 阿羅漢訖唎擔毘陀夜闍瞋陀夜彌(二百六十一)
雞囉夜彌(六十二) 毘多囉伽訖唎擔(六十三) 毘陀夜闍瞋陀夜彌(六十四)
雞囉夜彌跋闍囉波爾(六十五) 具醯夜具醯夜(六十六)
迦地般帝訖唎擔(六十七) 毘陀夜闍瞋陀夜彌(六十八) 雞囉夜彌(六十九)
囉叉罔(七十) 婆伽梵(二百七十一) 印兔那麼麼寫(七十二)

ĐỆ TÚ

(至此依前稱弟子名)婆伽梵(七十三) 薩怛多般怛囉(七十四)
南無粹都帝(七十五) 阿悉多那囉刺迦(七十六) 波囉婆悉普吒(七十七)
毘迦薩怛多鉢帝喇(七十八) 什佛囉什佛囉(七十九) 陀囉陀囉(八十)
頻陀囉頻陀囉瞋陀瞋陀(二百八十一) 虎[合*牛](八十二) 虎[合*牛](八十三)
泮吒(八十四) 泮吒泮吒泮吒泮吒(八十五) 娑訶(八十六) 酈醯泮(八十七)
阿牟迦耶泮(八十八) 阿波囉提訶多泮(八十九) 婆囉波囉陀泮(九十)
阿素囉毘陀囉波迦泮(二百九十一) 薩婆提鞞弊泮(九十二)
薩婆那伽弊泮(九十三) 薩婆藥叉弊泮(九十四) 薩婆乾闥婆弊泮(九十五)
薩婆補丹那弊泮(九十六) 迦吒補丹那弊泮(九十七)
薩婆突狼枳帝弊泮(九十八) 薩婆突澁比[口*犁]訖瑟帝弊泮(九十九)
薩婆什婆唎弊泮(三百) 薩婆阿播悉摩[口*犁]弊泮(三百一)
薩婆舍囉婆擎弊泮(二) 薩婆地帝雞弊泮(三) 薩婆怛摩陀繼弊泮(四)
薩婆毘陀耶囉誓遮[口*犁]弊泮(五) 闍夜羯囉摩度羯囉(六)
薩婆羅他娑陀雞弊泮(七) 毘地夜遮唎弊泮(八) 者都囉縛者爾弊泮(九)
跋闍囉俱摩唎(十) 毘陀夜囉誓弊泮(三百十一)
摩訶波囉丁羊叉耆唎弊泮(十二) 跋闍囉商羯囉夜(十三)
波囉丈耆囉闍耶泮(十四) 摩訶迦囉夜(十五) 摩訶末怛唎迦擎(十六)
南無娑羯唎多夜泮(十七) 懿瑟擎婢曳泮(十八) 勃囉訶牟尼曳泮(十九)
阿耆尼曳泮(二十) 摩訶羯唎曳泮(三百二十一) 獬囉檀遲曳泮(二十二)
蔑怛唎曳泮(二十三) 嘻怛唎曳泮(二十四) 遮文茶曳泮(二十五)
羯邏囉怛唎曳泮(二十六) 迦般唎曳泮(二十七)
阿地目質多迦尸摩舍那(二十八) 婆私爾曳泮(二十九) 演吉質(三十)
薩埵婆寫(三百三十一) 麼麼印兔那麼麼寫(三十二)

ĐỆ NGŨ

(至此句依前稱弟子某人)突瑟吒質多(三十三) 阿末怛唎質多(三十四)
烏闍訶囉(三十五) 伽婆訶囉(三十六) 嘘地囉訶囉(三十七)
婆娑訶囉(三十八) 摩闍訶囉(三十九) 闍多訶囉(四十)
視惻多訶囉(三百四十一) 跋略夜訶囉(四十二) 乾陀訶囉(四十三)
布史波訶囉(四十四) 頗囉訶囉(四十五) 婆寫訶囉(四十六)

般波質多(四十七) 突瑟吒質多(四十八) 嘻陀囉質多(四十九)
 藥叉揭囉訶(五十) 囉刹婆揭囉訶(三百五十一)
 閉[口*(隸木+士)]多揭囉訶(五十二) 晦舍遮揭囉訶(五十三)
 部多揭囉訶(五十四) 峩槃茶揭囉訶(五十五) 悉乾陀揭囉訶(五十六)
 烏怛摩陀揭囉訶(五十七) 車夜揭囉訶(五十八) 阿播薩摩囉揭囉訶(五十九)
 宅祛革茶耆尼揭囉訶(六十) 咤佛帝揭囉訶(三百六十一)
 闍彌迦揭囉訶(六十二) 舍俱尼揭囉訶(六十三)
 姥陀囉難地迦揭囉訶(六十四) 阿藍婆揭囉訶(六十五)
 乾度波尼揭囉訶(六十六) 什伐囉堙迦醯迦(六十七) 墜帝藥迦(六十八)
 恒隸帝藥迦(六十九) 者突託迦(七十)
 昵提什伐囉毖釤摩什伐囉(三百七十一) 薄底迦(七十二) 鼻底迦(七十三)
 室隸瑟蜜迦(七十四) 娑爾般帝迦(七十五) 薩婆什伐囉(七十六)
 室噓吉帝(七十七) 末陀鞞達噓制劍(七十八) 阿綺噓鉗(七十九)
 目佢噓鉗(八十) 羯唎突噓鉗(三百八十一) 揭囉訶揭藍(八十二)
 羯擎輸藍(八十三) 懚多輸藍(八十四) 迹唎夜輸藍(八十五)
 末麼輸藍(八十六) 跋唎室婆輸藍(八十七) 憊栗瑟吒輸藍(八十八)
 烏陀囉輸藍(八十九) 羯知輸藍(九十) 跋悉帝輸藍(三百九十一)
 鄰噓輸藍(九十二) 常伽輸藍(九十三) 喝悉多輸藍(九十四)
 跋陀輸藍(九十五) 娑房盍伽般囉丈伽輸藍(九十六) 部多毖路茶(九十七)
 茶耆尼什婆囉(九十八) 陀突噓迦建咄噓吉知婆路多晦(九十九)
 薩般噓訶凌伽(四百) 輸沙怛囉娑那羯囉(四百一) 晦沙喻迦(二)
 阿耆尼烏陀迦(三) 末囉鞞囉建路囉(四) 阿迦囉蜜唎咄怛斂部迦(五)
 地栗刺吒(六) 憆唎瑟質迦(七) 薩婆那俱囉(八)
 肆引伽弊揭囉唎藥叉怛囉芻(九) 末囉視吠帝釤娑鞞釤(十)
 悉怛多鉢怛囉(四百十一) 摩訶跋闍噓瑟尼釤(十二) 摩訶般賴丈耆藍(十三)
 夜波突陀舍喻闍那(十四) 辨怛隸擎(十五) 晦陀耶槃曇迦噓彌(十六)
 帝殊槃曇迦噓彌(十七) 般囉晦陀槃曇迦噓彌(十八) 跋姪他(十九)
 唵(二十) 阿那隸(四百二十一) 晦舍提(二十二) 鞞囉跋闍囉陀唎(二十三)
 檢陀槃陀爾(二十四) 跋闍囉謗尼泮(二十五) 虎[合*牛]都噓甕泮(二十六)
 莎婆訶(二十七)

MỤC-LỤC

KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM

<ul style="list-style-type: none"> – TUẤ. – YẾU-GIẢI ĐỀ-MỤC. 	11 19
QUYỂN NHỨT	
<ul style="list-style-type: none"> – PHẦN THÔNG-TỰ. – PHẦN BIỆT-TỰ. – PHẦN CHÁNH-TÔNG. 	23 25 27
A. KIẾN ĐẠO.	
<ul style="list-style-type: none"> – NGÀI A-NAN THỈNH-GIÁO. – PHẬT HỎI NGUYÊN-NHÂN TU-HÀNH CỦA NGÀI A-NAN. – NGÀI A-NAN TỰ-TRẦN TRI-KIẾN CỦA CHÚNG-SANH. – PHẬT HIỂN-MINH TRI-KIẾN CỦA CHÚNG-SANH. – Bảy Lần Mê-Chấp Tâm của Ngài A-Nan đều được Phật Tứ-Chính. 1. Mê-chấp Tâm ở trong thân. 2. Mê-chấp Tâm ở ngoài thân. 3. Mê-chấp Tâm ẩn tại mắt. 4. Mê-chấp Tâm ở trong lỗ ngoài. 5. Mê-chấp Tâm ở chỗ tùy-hiệp. 6. Mê-chấp Tâm ở khoảng giữa. 7. Mê-chấp Tâm vô-trước. – Ngài A-Nan cầu Phật khai-thị diệu-pháp. – Phật hiển-minh hai căn-bổn: vô-thỉ sanh-tử và vô-thỉ Bồ-Đề Niết-Bàn. – Ngài A-Nan tự chánh-kỷ và cần-cầu tri-kiến Như-Lai. – Phật khai-thị tri-kiến Như-Lai. – Phật hiển-minh tánh thấy là Tâm. – Phật hiển-minh tánh thấy không động. – YẾU-GIẢI 	27 27 28 28 77 30 33 35 37 39 42 45 46 48 54 55 56 59 65
QUYỂN NHÌ	
<ul style="list-style-type: none"> – Phật hiển-minh tánh thấy không dứt. – Phật hiển-minh tánh thấy không mất. – Phật hiển-minh tánh thấy không hoàn. – Phật hiển-minh tánh thấy không tạp. – Phật hiển-minh tánh thấy không ngại. – Phật hiển-minh tánh thấy không phân. – Phật hiển-minh tánh thấy không chấp. – Phật hiển-minh chơn-kiến ly vọng-kiến. – PHẬT HIỂN-MINH BỐN THỨ: ẤM NHẬP XỨ GIỚI. – PHẬT HIỂN-MINH NGŨ-ẤM. – Hiển-minh Sắc-Ấm. – Hiển-minh Thọ-Ấm. – Hiển-minh Tưởng-Ấm. 	73 78 82 88 92 95 103 108 123 124 124 126 127

_ Hiển-minh Hành-ấm.	129
_ Hiển-minh Thức-ấm.	130
_ YẾU-GIẢI	133
QUYỀN BA	137
_ PHẬT HIỂN-MINH LỤC NHẬP.	139
_ Hiển-minh Nhã-nhập.	139
_ Hiển-minh Nhĩ-nhập.	140
_ Hiển-minh Ty-nhập.	141
_ Hiển-minh Thiệt-nhập.	143
_ Hiển-minh Thân-nhập.	144
_ Hiển-minh Ý-nhập.	146
_ PHẬT HIỂN-MINH THẬP NHỊ XỨ.	148
_ Hiển-minh Nhãn với Sắc.	149
_ Hiển-minh Nhĩ với Thính.	150
_ Hiển-minh Ty với Hương.	152
_ Hiển-minh Thiệt với Vị.	153
_ Hiển-minh Thân với Xúc.	155
_ Hiển-minh Ý với Pháp.	156
_ PHẬT HIỂN-MINH THẬP BÁT GIỚI.	158
_ Hiển-minh Nhãn-giới, Sắc-giới, Nhãn-Thức giới.	158
_ Hiển-minh Nhĩ-giới, Thính-giới, Nhĩ-Thức giới.	160
_ Hiển-minh Ty-giới, Hương-giới, Ty-Thức giới.	162
_ Hiển-minh Thiệt-giới, Vị-giới, Thiệt-Thức giới.	165
_ Hiển-minh Thân-giới, Xúc-giới, Thân-Thức giới.	167
_ Hiển-minh Ý-giới, Pháp-giới, Ý-Thức giới.	169
_ NGÀI A-NAN BÀY TỎ SỰ NGHI-CHẤP.	171
_ PHẬT GIẢI NGHI-CHẤP CỦA NGÀI A-NAN.	172
_ PHẬT HIỂN-MINH TƯ-ĐẠI: ĐỊA HỎA THỦY PHONG.	173
_ Hiển-minh Địa-đại.	174
_ Hiển-minh Hỏa-đại.	176
_ Hiển-minh Thủy-đại.	178
_ Hiển-minh Phong-đại.	180
_ PHẬT HIỂN-MINH TAM ĐẠI: KHÔNG KIẾN THÚC.	182
_ Hiển-minh Không-đại.	182
_ Hiển-minh Kiến-đại.	185
_ Hiển-minh Thức-đại.	189
_ NGÀI A-NAN VÀ ĐẠI-CHÚNG KIẾN ĐẠO.	193
_ YẾU-GIẢI	195
QUYỀN TƯ	201
_ NGÀI PHÚ-LÂU-NA HỎI NGHĨA VỌNG-SANH TƯƠNG-TỤC	203
_ PHẬT HIỂN-MINH NGHĨA VỌNG-SANH TƯƠNG-TỤC.	205
_ Thế-giới tương-tục.	206
_ Chúng-sanh tương-tục.	209
_ Nghiệp-quả tương-tục.	211
_ NGÀI PHÚ-LÂU-NA HỎI LÝ GIÁC MÊ.	213
_ PHẬT HIỂN-MINH LÝ GIÁC MÊ.	214

_ Hiển-minh Tạng Không và Bất-Không. _ Hiển-minh vọng vốn vô-nhân. _ Hiển-minh công-đức vô-lậu.	221 225 231
PHẦN CHÁNH-TÔNG (Tiếp theo)	233
B. HÀNH ĐẠO.	C. CHỨNG ĐẠO.
_ NHỨT-THIẾT ĐẠI-CHÚNG CẦU TU-CHỨNG ĐẠI-THỪA PHÁP. _ PHẬT KHAI-THI ĐẠI-THỪA PHÁP. _ NGHĨA QUYẾT-ĐỊNH THỨ NHỨT. _ Ngũ-trược khổ-lụy của chúng-sanh: _ Kiếp-trược khổ-lụy. _ Kiến-trược khổ-lụy. _ Phiền-não trược khổ-lụy. _ Chúng-sanh trược khổ-lụy. _ Mạng-trược khổ-lụy. _ Hiển-minh giác-tánh. _ NGHĨA QUYẾT-ĐỊNH THỨ HAI. _ Số-lượng của thế-giới và lục-căn. _ Một căn viễn-thông, thoát luân-hồi khổ. _ Nhân-dịa bất-sanh bất-diệt, Quả-vị viễn-tịch viễn-thường. _ YẾU-GIẢI	233 234 235 236 237 237 238 238 238 238 239 241 242 246 255 263
QUYỂN NĂM	267
_ NGÀI A-NAN XIN BIẾT CHỖ BUỘC GÚT VÀ PHÁP MỞ GÚT Ở THÂN-TÂM. _ CHƯ PHẬT ĐỒNG CHỨNG-MINH LỤC-CĂN VỐN LÀ CHỖ BUỘC VÀ MỞ GÚT. _ Khai-thị nghĩa buộc và mở gút. _ Thuyết kệ trùng-tuyên nghĩa buộc và mở gút. _ Phương-pháp mở gút. _ NGÀI A-NAN VÀ ĐẠI-CHÚNG CẦU HIỂU BỐN-CĂN VIỄN-THÔNG. _ PHẬT BẢO 25 VỊ THÁNH THUYẾT-TRÌNH BỐN-CĂN VIỄN-THÔNG. _ Ngài Kiều-Trần-Như giác-ngộ do thính-trần. _ Ngài Uú-Bà-Ni-Sa-Đà giác-ngộ do sắc-trần. _ Ngài Hương-Nghiêm giác-ngộ do hương-trần. _ Hai ngài Dược-Vương và Dược-Thượng giác-ngộ do vị-trần. _ Ngài Bạt-Đà Bà-La giác-ngộ do xúc-trần. _ Ngài Ma-Ha Ca-Diếp giác-ngộ do pháp-trần. _ Ngài A-Na-Luật-Đà giác-ngộ do nhã-n-căn. _ Ngài Châu-Ly Bàn-Đặc-Ca giác-ngộ do ty-căn. _ Ngài Kiều-Phạm-Ba-Đề giác-ngộ do thiệt-căn. _ Ngài Tất-Lăng-Già-Bà-Ta giác-ngộ do thân-căn. _ Ngài Tu-Bồ-Đề giác-ngộ do ý-căn. _ Ngài Xá-Lợi-Phật giác-ngộ do nhã-n-thức. _ Ngài Phổ-Hiền giác-ngộ do nhĩ-thức. _ Ngài Tôn-Đà-La Nan-Đà giác-ngộ do ty-thức. _ Ngài Phú-Lâu-Na giác-ngộ do thiệt-thức. _ Ngài Uú-Bà-Ly giác-ngộ do thân-thức.	269 271 271 273 278 281 282 282 283 284 285 286 287 288 289 290 291 292 293 294 295 296 297

_ Ngài Đại Mục-Kiền-Liên	giác-ngộ do ý-thức.	298
_ Ngài Ô-Sô-Sắt-Ma	giác-ngộ do hỏa-đại.	299
_ Ngài Trì-Địa	giác-ngộ do địa-đại.	300
_ Ngài Nguyệt-Quang	giác-ngộ do thủy-đại.	302
_ Ngài Lưu-Ly-Quang Pháp-Vương Tử	giác-ngộ do phong-đại.	305
_ Ngài Hư-Không Tạng	giác-ngộ do không-đại.	306
_ Ngài Di-Lặc	giác-ngộ do thức-đại.	308
_ Ngài Đại-Thế-Chí	giác-ngộ do kiến-đại.	309
_ YẾU-GIẢI		313
QUYỂN SÁU		317
_ Ngài Quán-Thế-Âm	giác-ngộ do nhĩ-căn.	319
_ Ba mươi hai Úng-thân độ-sanh	của Bồ-Tát Quán-Thế-Âm.	320
_ Mười bốn pháp Vô-Úy Thí	của Bồ-Tát Quán-Thế-Âm.	327
_ Tứ Diệu-đức	của Bồ-Tát Quán-Thế-Âm.	331
_ PHẬT THẾ-HIÊN OAI-ĐỨC KIẾT-TƯỜNG ĐÔ-SANH.		334
_ PHẬT BẢO BỒ-TÁT VĂN-THÙ TUYỂN CHỖ VIÊN-THÔNG CHO HẠNG HỮU-HỌC.		335
_ Bồ-Tát Văn-Thù thuyết: Chơn-Như duy-nhứt, phuơng-tiện đa môn.		336
_ Bồ-Tát Văn-Thù không tuyển lục-trần làm chỗ viên-thông cho hạng Hữu-học.		336
_ Bồ-Tát Văn-Thù không tuyển ngũ-căn (nhãnh ty thiêt thân ý) làm chỗ viên-thông cho hạng Hữu-học.		337
_ Bồ-Tát Văn-Thù không tuyển lục-thức làm chỗ viên-thông cho hạng Hữu-học.		338
_ Bồ-Tát Văn-Thù không tuyển thất-đại làm chỗ viên-thông cho hạng Hữu-học.		339
_ Bồ-Tát Văn-Thù tuyển nhĩ-căn viên-thông.		340
_ Bồ-Tát Văn-Thù phổ-khuyến tu-chứng nhĩ-căn viên-thông.		344
_ TẤT CẢ ĐẠI-CHÚNG VUI THỢ PHÁP-KÊ.		345
_ NGÀI A-NAN HỎI PHÁP AN-LẬP ĐẠO-TRÀNG ĐÔ-SANH.		346
_ PHẬT DẠY TU GIỚI ĐỊNH TUỆ ĐỂ GIẢI-THOÁT.		347
_ PHẬT DẠY ĐOẠN TÂM DÂM-DỤC	ĐỂ GIẢI-THOÁT.	348
_ PHẬT DẠY ĐOẠN TÂM SÁT-SANH	ĐỂ GIẢI-THOÁT.	350
_ PHẬT DẠY ĐOẠN TÂM THÂU-ĐẠO	ĐỂ GIẢI-THOÁT.	354
_ PHẬT DẠY ĐOẠN TÂM ĐẠI-VỌNG-NGŨ	ĐỂ GIẢI-THOÁT.	358
_ YẾU-GIẢI		363
QUYỂN BẨY		367
_ PHẬT KHAI-THI DIỆU-PHÁP TU-CHỨNG CHÁNH-ĐỊNH.		369
_ Trợ-lực thiêng liêng của Phật-đản mật-chú.		370
_ Thân-tâm trong sạch kiết-giới.		370
_ Phước-đức tịnh-tu ở đạo-tràng.		371
_ Qui-tắc an-lập đạo-tràng.		372
_ Nghi-lễ cung-dưỡng ở đạo-tràng.		374
_ Thể-thức thiết-tượng ở đạo-tràng.		374
_ Chơn công-đức nhập đạo-tràng trong tam thất.		375
_ NHỨT-THIẾT ĐẠI-CHÚNG CẦU PHẬT THUYẾT MẬT-CHÚ THỦ-LĂNG-NGHIÊM.		377
_ PHẬT THUYẾT MẬT-CHÚ THỦ-LĂNG-NGHIÊM.		378
_ Tâm-chú Thủ-Lăng-Nghiêm.		379

_ Chư Phật mật-trì Tâm-chú Thủ-Lăng-Nghiêm.	393
_ Diệu-dụng linh-cảm của Phật-đánh Tâm-chú.	395
_ Oai-đức vô-lượng của Phật-đánh Tâm-chú.	397
_ Vô-lượng Thánh-Hiền đồng bảo-hộ chơn-nhân tu-trì Tâm-chú.	404
_ NGÀI A-NAN CẦU NHƯ-LAI CHƠN-THIỆT CHÁNH-ĐỊNH.	407
_ PHẬT HIỂN-MINH HAI NHÂN ĐIỀN-ĐẢO: CHÚNG-SANH VÀ THẾ-GIỚI.	408
_ YẾU-GIẢI	415
QUYỂN TÁM	419
_ TAM TIỆM-THỨ TU-HÀNH.	421
_ 55 TÂM BỒ-TÁT:	
_ Can-Tuệ-Địa Bồ-Tát.	426
_ Thập-Tín Bồ-Tát.	426
_ Thập-Trụ Bồ-Tát.	428
_ Thập-Hạnh Bồ-Tát.	430
_ Thập Hồi-Hướng Bồ-Tát.	431
_ Tứ Gia-Hạnh Bồ-Tát.	433
_ Thập-Địa Bồ-Tát.	434
_ NĂM ĐỨC-HIỆU CỦA KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM.	436
_ NHÂN-QUẢ CẨM-ÚNG.	437
_ Mười Tập-nhân tạo khổ.	444
_ Sáu khổ-báo.	451
_ Tam-đồ khổ: dia-ngục, ngạ-quỷ, súc-sanh.	457
_ Thập chủng Tiên.	465
_ Lục Dục-giới Thiên.	467
_ YẾU-GIẢI	471
QUYỂN CHÍN	473
_ THẬP BÁT SẮC-GIỚI THIÊN.	475
_ TỨ VÔ-SẮC-GIỚI THIÊN.	480
_ TỨ CHỨNG A-TU-LA.	482
_ PHẬT HIỂN-MINH LÝ “TỰ VỌNG SANH NGHIỆP”.	483
_ PHẬT HIỂN-MINH CÁC CHƯƠNG-MA.	485
_ Sắc-Ấm ma.	489
_ Thọ-Ấm ma.	495
_ Tuởng-Ấm ma.	503
_ YẾU-GIẢI	525
QUYỂN MƯỜI	527
_ Hành-Ấm ma.	529
_ Thức-Ấm ma.	544
_ PHẬT HIỂN-MINH PHÁP-MÔN BỒ-ĐỀ VÔ-THƯỢNG.	554
_ PHƯỚC-ĐỨC TUNG-NIỆM KINH-CHÚ THỦ-LĂNG-NGHIÊM.	563
_ PHẦN LUU-THÔNG.	565
_ YẾU-GIẢI	567
_ TỈNH TÂM TU PHẬT	570
_ TÂM-HỒN GIẢI-THOÁT	573
_ HÓA KỶ	574
_ AN PHẬN LẠC ĐẠO	576



NAM-MÔ TAM-CHÂU CẢM-ỨNG HỘ-PHÁP VI-ĐÀ TÔN-THIỀN BỒ-TÁT
THỦ-HỘ PHÁP-BẢO THỦ-LĂNG-NGHIÊM NÀY ĐƯỢC LUU-HÀNH
KHẮP MƯỜI PHƯƠNG THẾ-GIỚI TRƯỜNG-TÔN VĨNH-VIỄN.

KINH ẤN TỐNG

**NHỨT-TÂM TRI-ÂN CÔNG-LAO GIÁO-HÓA
CỦA ĐỨC PHẬT THÍCH-CA VÀ 77 ĐỜI CHU TỔ.**

NHỨT-TÂM SÁM-HỐI TỘI LỖI TỪ VÔ-LƯỢNG TIỀN-KIẾP NHÃN NAY.

CHÚNG-SANH	VÔ-BIÊN	THỆ-NGUYỆN	ĐỘ.
PHIỀN-NÃO	VÔ-TẬN	THỆ-NGUYỆN	ĐOẠN.
PHÁP-MÔN	VÔ-LƯỢNG	THỆ-NGUYỆN	HỌC.
PHẬT-ĐẠO	VÔ-THƯỢNG	THỆ-NGUYỆN	THÀNH.

KINH ẤN TỐNG

**KÍNH DÂNG CỬU-HUYỀN THẤT-TỔ, THẤT-THẾ PHỤ-MÃU.
NHỨT-TÂM TRI-ÂN**

慈 覺 本 心 直 悟 禪
光 明 自 性 慧 還 源
紅 機 轉 法 隨 緣 化
了 達 真 如 德 永 傳

TÙ GIÁC BỐN TÂM TRỰC NGỘ THIỀN,
QUANG MINH TỰ TÁNH HUỆ HOÀN NGUYÊN,
HỒNG CƠ CHUYỂN PHÁP TÙY DUYÊN HÓA,
LIỄU ĐẠT CHƠN NHƯ ĐỨC VĨNH TRUYỀN.

CHƠN-ĐỨC THIỀN-VIỆN
Tổ đời thứ 40, Thiền-Tông Lâm-Tế
Đại-Lão Hòa-Thượng Thiền-Sư THÍCH TÙ-QUANG
Húy HỒNG-LIỄU, hiệu HUỆ-ĐỨC
(1888 Mậu-Tý – 1991 Tân-Mùi)